LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 155

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

SỐ 1829
(QUYỂN 1 →16)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1829

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

Soạn giả: Sa-môn Khuy Cơ

QUYỂN 1
(Bản Luận 1 và 2)

BẢN LUẬN 1

Kính lễ Đại Giác thầy trời người
Phước đức trí tuệ đều viên mãn
Văn nghĩa Vô thượng Chân diệu pháp
Chánh trí thọ học Hiền thánh tăng.
Cúi lạy Vô Thắng Đại Từ Thị
Rộng vì lợi ích chư hữu tình
Rộng trích yếu nghĩa của nhiều kinh
Lược thuyết năm phần Du-già đó.
Quy mạng dòng pháp sức Diệu định
Phát khởi tên Công đức vô trước
Trong biển Vô thắng của bậc Thánh
Dẫn xuất pháp Cam-lồ cùng cực.
Đảnh lễ trí Đăng diệt năng kiến
Thắp lại đuốc pháp chiếu quần manh
Bình đẳng mưa hoa chữ vô cùng
Thấm nhuần cây Như ý Mâu-ni.
Quy y tán thán giáo Tôn ta,
Không tiếc thân mạng mà cầu pháp
Thọ thực đầy đủ lên Tri túc

Lợi ích cho con và các loài.
Luận này thù thắng như hoa sen
Cũng như kho báu, như biển lớn
Hiển nghĩa quảng đại của các Thừa
Khéo giải thích văn không bỏ sót.
Ở trong đại nghĩa Du-già này
Con nay tùy sức hiểu ít phần
Vì khiến chánh pháp thường vô tận
Lợi ích an lạc chư hàm thức.

Luận này, văn nghĩa nhiều và rộng, không thể giải thích hết nguồn lý của nó. Trong đó phần vấn nạn, văn nghĩa trái với đầu mối của tông, phân đoạn đều có giải thích đầy đủ, ngoài ra thì chỉ nói sơ lược. Phần mười bảy Địa, trước đã tự có Thích luận quyển 1, cho nên chỉ nói sơ lược mà không nói rộng. Những đoạn vấn nạn và lý không rốt ráo nay trình bày rõ ràng.

Trước khi giải thích văn luận, lấy sáu môn làm liệu giản:

I. Trình bày Sở vi
II. Hiển rõ Sở nhân
III. Thuyết minh đầu mối của tông
IV. Nêu bày tạng nhiếp
V. Giải thích đề mục
VI. Giải thích bản văn

1. Sở vi: Có mười hai giải thích. Tóm lược các phần như: Thí ngôn, pháp tình, khai, không hữu, tính thông, bất tín mê, lược, hiển đẳng, ba bốn, hai bốn quả cảnh hạnh. Ngoài ra trong Thành Duy Thức luận Chưởng Trung Xu Yếu đã ghi rõ, cho nên lược bớt không kể ra.

2. Sở nhân: Thích luận giải thích: "Sau khi Phật nhập Niết-bàn, các ma sự dấy khởi". Tức là sau khi Phật diệt độ, trăm năm năm thứ nhất, Đại Thiên tranh cãi về năm việc. Đại Thiên là người danh cao đức lớn, quả chứng, trẻ tuổi, nhà vua quý phục phong cách, Tăng đồ ngưỡng mộ đạo hạnh, đã vậy lại vững chí không giao du với ai nên trở thành chỗ tật đố của thế tục thời đó. Họ hủy báng ngài tạo ba tội Nghịch, tăng thêm năm sự. Bài tụng của Đại Thiên nói:

Không màng lời dẫn dụ
Do dự để người vào
Đạo nhân tiếng mà khởi
Là lời thật Phật dạy.

Đại Thiên giải thích rằng: "Hai sự phiền não lậu và tội lỗi của các

A-la-hán đều không có, bị ma dẫn dụ là do hoặc dùng vật bất tịnh thoa lên y áo, liền giống như Hữu lậu và tội lỗi”.

Chư sư nhạo báng rằng:
Đại Thiên kia ngu muội
Cảnh mê hoặc sinh nhiễm
Đêm đêm khởi tư tưởng
Bất tịnh nhiễm dính y
Tìm đạo thì ma nhiễu
Mà trở thành trái nghịch.
Đại Thiên giải thích rằng:
Với các bậc Kiến đế
Lý phiền não và Nghi
Tuy đã đều đoạn tận
Nghi cây trụi là người
Nên sự Nghi vẫn còn.
Chư sư nhạo báng rằng:
Đại Thiên kia ngu muội
Không hiểu được Chân giáo
Cho rằng các bậc Thánh
Cũng còn có Nghi hoặc
Mà trở thành trái nghịch.
Đại Thiên giải thích rằng:
Vô tri lại có hai
Là Nhiễm và Bất nhiễm
Các vị A-la-hán
Các Nhiễm đều đã tận
Nhưng Bất nhiễm vẫn còn.
Chư sư nhạo báng rằng:
Đại Thiên kia ngu muội
Không hiểu được Chân giáo
Nói chư A-la-hán
Có Bất nhiễm, Vô tri
Mà trở thành trái nghịch.
Đại Thiên giải thích rằng:
Cũng như Xá-lợi-tử...
Các bậc có lợi căn
Còn nương vào bạn tốt
Khiến cho họ nhập đạo

Ngoài ra còn khiến cho
Nhập đạo không mê hoặc.
Chư sư nhạo báng rằng:
Đại Thiên kia ngu muội
Không hiểu được kinh giáo
Nói rằng Xá-lợi tử
Và các bậc lợi căn
Khiến cho họ nhập đạo
Họ còn chưa tự biết
Chứng quả A-la-hán
Huống chi là các ông
Mà trở thành trái nghịch!
Đại Thiên giải thích rằng:
Chư vị đã tu tập
Tu tập đã nhiều đời
Khi bắt đầu chứng quả
Nương vào lời Phật dạy
Thuyết các pháp Khổ không
Người nghe liền nhập đạo
Mà chứng đắc Thánh quả.
Nên Phật nói sau này
Có nhiều người chứng quả
Cũng nhiều người chán Khổ
Tự nói chán thanh âm
Thánh đạo liền phát khởi.
Chư sư nhạo báng rằng:
Đại Thiên tạo tội nghịch
Không đoạn các căn lành
E rằng sẽ đoạ lạc
Đêm đêm niệm xưng Khổ.
Đệ tử nghe như vậy
Cho là thầy nhiễm bệnh
Sáng dậy sớm hỏi thăm
Bệnh an nguy thế nào?
Thầy đáp không có bệnh
Đệ tử lại hỏi rằng
Tại sao thầy xưng Khổ?
Thầy bèn trả lời rằng

Khi xưa tuổi còn nhỏ
Nhập đạo đều tùy tâm
Ngày nay tuổi đã già
Đạo sinh khó tùy thuận.
Nếu không xưng nói Khổ
Thâm sâu chán thanh âm
Thì đạo do đâu khởi!
Đã sinh hủy báng này,
Thì trái nghịch ngổn ngang
Cho nên Đức Phật nói
Sau khi Ngài diệt độ
Ma sự khởi rất nhiều.
Cạnh tranh danh và lợi
Xưa và nay vẫn thế
Dựng lập trong hư không
Phàm phu đều làm vậy.
Nói sự có quan hệ
Với dấu tích nghi ngờ
Như thế thì làm sao
Không có ngổn ngang này!
Cho nên chư Tiểu thừa
Nhân đó phân các Bộ
Vàng ròng đoạn thành khúc
Lụa trắng phân từng mảng
Phật ghi nhận cho đó
Sự bắt đầu từ đây.

Luận tuy có Bản nhân, nhưng không có Mạt nhân. Từ khi chánh pháp truyền dần đến phương Đông, năm tháng cách rất xa, tuy nghe đến tên của luận mười bảy Địa, nhưng không biết mười bảy là gì. Địa trì chỉ là một Địa của Bồ-tát, Quyết Định Tạng luận là phần đầu của Quyết Trạch phần, ngoài đất Hán ra chưa nơi nào có. Vào năm Trinh Quán thứ 22, ở tại phía Bắc của viện Hoằng pháp, Đại sư bắt đầu phiên dịch, văn giải thích linh tinh một quyển, đầu năm Vĩnh Huy mới dịch ra tại chùa Từ ân.

3. Đầu mối của tông: Thích luận quyển hạ ghi: "Lại nữa, mười bảy Địa, nhiếp đầy đủ hết tất cả văn nghĩa, bốn phần sau đó đều làm giải thích các văn nghĩa trọng yếu trong mười bảy Địa, cho nên cũng không lìa Du-già Sư Địa, do đó luận này dùng mười bảy Địa để làm tông yếu.

Tông có nghĩa là chỗ làm chủ, chỗ tôn, chỗ sùng, chỗ trọng.

4. Tạng nhiếp: Thích luận quyển hạ ghi: "Tuy cũng thông với thuyết minh Cảnh của các Thừa, nhưng người thuyết luận, hỏi đáp và quyết trạch tánh tướng của các pháp, có ý vì Bồ-tát khiến cho tất cả đều được thiện xảo, tu thành Phật quả, lợi ích vô tận". Do đó luận này, thuộc Bồ-tát tạng A-tỳ-đạt-ma, muốn khiến cho Bồ-tát chứng đắc Thắng trí. Do đó luận này tuy thuyết minh hai tạng Bồ-tát và Thanh văn, nhưng chỉ có Bồ-tát tạng nhiếp. Tuy cũng có đủ ý nghĩa giới định tuệ, nhưng đối với ba Tạng nhưng chỉ có tạng A-tỳ-đạt-ma nhiếp. Cứ theo sáu Tạng thì biết rõ.

5. Giải thích đề mục có hai: là giải thích tên gọi và giải thích hỏi đáp.

a) Giải thích tên gọi: Thích luận tổng nêu Thể nói: "Là Cảnh hạnh quả của tất cả Thừa, tất cả các pháp đều gọi là Du-già, vì tất cả đều có nghĩa Phương tiện thiện xảo tương ưng". Trong đây có ý nói, tất cả pháp Cảnh hạnh quả của ba Thừa đều gọi là Du-già. Cảnh của nó và Hạnh quả, Hạnh của nó và Quả pháp đều có nghĩa Phương tiện thiện xảo tương ưng. Thể của Phương tiện thiện xảo hoặc là nương vào mười Độ, lấy Hậu đắc trí làm tự thể. Hiển hai Thiện xảo bên trong và bên ngoài, chỉ lấy Biệt cảnh tuệ làm Thể của nó. Hiện tại Thiện xảo này nương vào văn giải thích dưới đây, lấy hai pháp Tác ý và Tuệ làm tánh, hoặc đối với Tác ý này, lại đối với sự chứng đạt này, cho nên Cảnh hạnh quả đều không trái nhau, chú tâm thông suốt đều không trái nghịch. Nhưng trong Thích luận, ba thứ Cảnh hạnh quả mỗi mỗi đều giải thích riêng. Trong Cảnh thì có tổng và có biệt. Trong tổng thì gọi là tất cả Cảnh, không có tánh điên đảo, không có tánh tương vi, tánh có thể tùy thuận, tánh thú hướng cứu cánh, tương ưng với Lý, Giáo, Hạnh, Quả, cho nên gọi là Du-già. Như bốn Cảnh kế tiếp, phối hợp nhau không trái nghịch với Lý, Giáo, Hạnh, Quả. Các Sở duyên của tâm, gọi đó là Cảnh; Sở chứng của trí, gọi đó là Lý. Lý thì sâu, Cảnh thì cạn. Tâm sở nắm lấy Cảnh, không có tánh điên đảo, tức là Sở chấp không có, chỉ có Hữu vi và Vô vi, không trái nghịch với lý Sở chứng của trí. Ngã pháp của nó đều có, Hữu vi và Vô vi, tánh của Cảnh thì điên đảo, Tình và Giải cũng như vậy. Không phải thật như vậy, vì không thuận chánh lý, Cảnh không có tánh điên đảo, tương ưng với lý, Cảnh không trái với Giáo vì có thể tùy thuận, Hạnh có thể thú hướng quả Cứu cánh, cứ theo đó cũng có thể biết. Hoặc bốn tức là bốn lớp Nhị đế, bốn lớp Nhị đế này, là bốn Cảnh và Giáo lý hạnh quả, vì cùng chung tương ưng. Trong giải thích về

Cảnh là sáu đoạn văn của năm Giáo. Tổng nói bài tụng rằng:

Quyết trạch phân hai thứ Phạm vương hỏi Lăng-già

Đại nghĩa và Quảng nghĩa Năm giáo thành sáu Cảnh.

Trong đây ba tánh đầu là Y tha, Sở chấp và Viên thành thật, phối hợp như thứ tự. Sau Cảnh này đều có đủ bốn tánh không điên đảo, thuận với bốn pháp. Trong hạnh Du-già cũng có tổng và biệt. Trong tổng cũng có bốn thứ, như văn có thể hiểu. Biệt thì có mười bảy thứ, mười ba thứ đầu là Hạnh chung của ba Thừa, bốn thứ sau thì chỉ có đại Du-già. Tổng nói bài tụng rằng:

Phân rõ Đại hải tuệ Hiển hai xứ Văn, Tu

Đại nghĩa đức hạnh giới Hai tuệ hai xứ khác.

Trong quả Du-già cũng có tổng và biệt, văn của tổng thì có thể biết, biệt thì có sáu thứ. Tổng nói bài tụng rằng:

Phân biệt Thắng đại nghĩaPhân rõ hiểu ba Thừa

Tán Phật và tập nghĩaBảy giáo gọi là Quả.

Đây nói Cảnh hạnh quả gọi là Du-già, như chữ "đẳng" được ghi trong đoạn trước. Thích luận lại nói:

Như vậy thì Thánh giáo, Cũng gọi là Du-già.

Văn này có thể hiểu, Lý nhập trong Cảnh cho nên không nói nữa, nghĩa là nắm lấy quán hạnh của ba Thừa gọi là Du-già, như văn tự hiểu. Nhưng quán cõi trên và cõi dưới, chỗ giải thích xưa nay, hợp chung làm bốn loại:

1. Chỉ có thủ Hạnh.
2. Thủ Cảnh hạnh quả.
3. Cả ba đều thủ Giáo.
4. Cả ba thứ này.

Nghĩa lý như Thích luận giải thích. Từ trước đến đây là truyền giải: một là Cảnh, hai là Lý, ba là Hạnh và bốn là Quả. Đắc quả đã tròn, lợi sinh cứu vật, thuốc và bệnh tương ưng, trước và sau hợp chung có bốn thứ. Sư có hai nghĩa, Địa có bốn nghĩa, là Cảnh giới, Sở y, Sở hành và Sở nhiếp. Cảnh và Hạnh đó, mỗi mỗi đều chỉ có một giải thích. Hai thứ Y và Nhiếp, mỗi mỗi đều có hai giải thích. Chữ Luận thì có một nghĩa, chữ Duy là pháp trụ, Câu-xá nghĩa là có răn dạy học trò, đều có thể dễ hiểu. Sư có Du-già, là giải thích theo Hữu tài. Sư của Du-già, là giải thích theo Y chủ. Địa của Du-già Sư cũng là giải thích theo Y chủ. Du-già Sư Địa, hai thể không khác nhau. Địa là Sở thuyên, Năng thuyên tức là Luận, là luận của Du-già Sư Địa cũng giải thích theo là Y chủ. Hợp chung lại thành Du-già Sư Địa luận có ba giải thích.

b) Trong phần hỏi đáp có ba giải thích. Giải thích thứ nhất, trước hết là phân tên gọi Địa, bốn loại sau không phải tên gọi Địa. Hai giải thích sau, có năm thứ đều là tên gọi Địa, vì luận còn sơ lược, chỉ nói tên của mười bảy Địa, đây là giải thích thứ hai. Giải thích thứ ba như văn có thể hiểu. Hoặc chỉ nói Du-già địa, không biết là Địa của ai, cho nên nêu chữ Sư ra. Chỉ nói Sư địa không nói Du-già, lại không biết là Địa của Sư nào, do đây mà tổng nói là Du-già Sư Địa. Chỉ nói Du-già Sư mà không nói Địa, là không muốn chỉ thuyết minh Du-già, giả mượn chữ Sư để nói Địa pháp Sở y của sư kia khiến cho người thuận tu học để thành Sư đó và chứng Địa đó.

6. Giải thích bản văn: a) Giải thích tên gọi riêng. b) Giải thích văn luận.

a) Giải thích tên gọi riêng: Trong luận này tổng có năm phần:

1. Năm mươi quyển đầu gọi là Bản địa phần, lược rộng phân biệt nghĩa ba Thừa căn bản của mười bảy Địa.

2. Ba mươi quyển kế gọi là Nhiếp quyết trạch phần, lược nhiếp yếu nghĩa thâm ẩn trong mười bảy Địa để quyết trạch nó.

3. Hai quyển kế tiếp gọi là Nhiếp thích phần, lược nhiếp giải thích nghi tắc của các kinh trong mười bảy Địa.

4. Hai quyển kế tiếp gọi là Nhiếp dị môn phần, lược nhiếp mười bảy Địa trong kinh, Danh và Nghĩa của các pháp, lược nhiếp và giải thích nó.

5. Mười sáu quyển sau cùng gọi là Nhiếp sự phần, là lược nhiếp mười bảy Địa trong ba Tạng, có nhiều Sự và Nghĩa trọng yếu, lược nhiếp và giải thích nó. Năm phần này như tự giải thích, trước hết thuyết minh mười bảy nghĩa loại Bản cảnh hạnh quả của ba Thừa, gọi là Bản địa phần, trong phần này có mười bảy Địa. Thân tướng của năm Thức đáng lẽ ở đầu, cho nên gọi là thứ nhất, giải thích tên gọi riêng này đến sau sẽ biết.

b) Giải thích văn luận. Luận này chỉ có Chánh tông, không có phần đầu và phần sau. Đoạn văn lớn trong Bản địa phần phân làm hai đoạn:

1. Vấn đáp nêu bày tên của mười bảy Địa.

2. Tùy riêng biệt mà giải thích nghĩa của mười bảy Địa.

Nhưng để nêu bày văn ít, gởi năm Thức và Địa thuyết minh nó trước, không nêu tại Địa này, nên nó thuộc về năm Thân thức. Đoạn văn đầu có năm phần:

1. Hỏi.

2. Đáp.

3. Trình bày.

4. Nêu.

5. Tổng kết.

Trong Hiển có hai phần, là bài tụng Trường hàng, hoặc nương vào Thích luận mà phân là bốn đoạn văn:

1. Tổng vấn đáp.

2. Nêu ra để trình bày lại.

3. Bày ra tên.

4. Tổng kết.

Hỏi để khởi ba Nhân, chỉ đáp có mười bảy tên. Giải thích phần trình bày thứ ba, những gì là mười bảy tên, và giải thích văn tụng, giải thích tên gọi riêng của mười bảy Địa, đều như luận giải thích.

Ốt-tha-nam, Hán dịch là Tập thí, Tha-nam là Thí, Ốt nghĩa là Tập. Dùng ít pháp nói tóm lược để tập hợp nhiều pháp, bố thí cho học giả dễ thọ trì, cho nên gọi là Tập thí, chứ định nghĩa Tam-ma-địa câu phi là giải thích nhưng chưa hết lý, Thể của Ý hiển và Đẳng dẫn địa thông với năm Uẩn. Nói riêng Tam-ma-địa mà không nói Câu (đồng thời), là chỉ có một Định tâm sở, không thể hiển chứng đắc Thể thông với năm Uẩn, cho nên nói Câu. Hiển cùng với Đẳng dẫn Địa rộng hẹp đồng nhau, cho nên chỉ lấy Hoành thông với Thể của năm Uẩn đồng nhau. Nghĩa của Sở kiến lập tức là Sở lập thành. Như vậy có đủ, giải thích có hai nghĩa:

1. Chỉ Hạnh gần ở trước, là do nghe các Địa hạnh như vậy, chứng đắc đủ ba Thừa và hai Diệt quả.

2. Tổng chỉ ở xa, là do chỗ nói Cảnh hạnh và các Địa từ trên đến đây, mà chứng đắc ba Thừa và hai Diệt quả, cho nên hai chữ "như vậy" là nói chung cho Hữu dư và Vô dư. Nhưng đây là tổng lấy bốn môn phân biệt:

1. Danh.

2. Thể.

3. Cảnh hạnh quả, Du-già phối hợp mười bảy Địa.

4. Giải thích vấn nạn.

Liệt bày Danh như luận giải thích Danh nêu ra Thể, đều như văn giải thích.

Giải thích năm Thức, từ căn mà lập Danh, có ba nghĩa là: Bất cộng, Thân cận và Đồng thời. Đối Pháp, Duy Thức ghi: "Tuỳ căn mà lập Danh, có đủ năm nghĩa, cho nên thân có ba nghĩa, hình ngại nương vào thân". Theo Thể tụ nghĩa, Quyết Trạch phần nói: "Sở y của Thức

có hình ngại, do đây gọi là Thân. Nếu như thế thì tại sao Nhãn... không gọi là Thân? Riêng một mình thân thì gọi là Thân. Tứ y thân trước, thì Thân làm Sở y, cho nên riêng gọi là Thân. Nếu như thế thì tâm cũng y theo thân mà chuyển, tại sao không gọi là Thân? Tâm trong cõi Hữu sắc thì y theo thân mà chuyển, cõi Vô sắc thì không như thế. Nhãn thì y theo Thân căn mới có, cho nên có thể gọi là Thân. Lại nữa, y theo Thể tụ nghĩa cho nên đều gọi là Thân, như Lục tư thân, Lục thức thân. Hai thân trước là Bất cộng, đây là tên chung.

- Tương ưng có ba nghĩa:

1. Nghĩa y.
2. Thời đẳng, Y đẳng, Xứ đẳng và Sự đẳng.
3. Nghĩa nhiếp thuộc.

- Ý địa có ba nghĩa:

1. Ý trong sáu Căn.
2. Ý trong sáu Thức.
3. Ý thứ bảy Nhiếp.

Phối hợp như thứ tự. Nhưng sáu Thức cũng được gọi là Thân, đây là giải thích thứ hai, cũng như Tâm thọ chỉ gọi là Ý, không cùng với Thân và Danh. Tự thể y tụ Thức có thể gọi là Thân, Sở y không phải Sắc cho nên gọi là Tâm thọ. Giải thích thứ nhất và giải thích sau lược bỏ cho nên không nói. Nói Thân tương ưng, do đây mà không nói hai Địa của tâm thức.

Địa của Hữu tầm có ba nghĩa, có nhà bình luận, Sư thứ hai nói: "Khoảng giữa Tĩnh lự và Tầm đã lìa Dục, như cõi Dục nhập Bất tịnh quán, thì tạm thời chế phục Tham, không phải lìa sáu Hạnh". Thích luận có chút ít khó hiểu, đến quyển 4, trong giải thích Địa và Danh sẽ hiển bày rộng. Sư thứ ba giải thích: "Trong chỗ dẫn văn của Sư thứ nhất chỉ nói ba Vô tâm của cõi trên, không nói Vô tâm ngủ say của Địa dưới. Lược giải thô tướng, nghĩa rõ ràng có thể biết, quyển kia chưa tự giải thích, phần Ngũ trùng trong Vô tâm sẽ hiển đầy đủ.

Đẳng dẫn có ba nghĩa:

1. Đẳng năng dẫn.
2. Dẫn đối với Đẳng.
3. Đẳng sở dẫn.

Nếu y theo chánh nghĩa thì hai nghĩa trước chỉ có Hữu tâm, một nghĩa sau thì thông với Vô tâm. Đẳng dẫn và Phi đẳng dẫn, tổng nhiếp tất cả công đức Định vị của Hữu tâm và Vô tâm, cho nên tụng nói Câu (đồng thời), chữ Câu tức là hiển nghĩa tương ưng, ba nghĩa tương ưng

như trước đã nói.

Thể của Địa cũng có ba nghĩa. Có nhà bình luận, Địa của Hữu tâm và Vô tâm có năm nghĩa, có giải thích thật nghĩa gọi là Như thích, như vậy tức là hiển Thân và Địa của năm Thức, tùy chỗ thích ứng của nó mà có thông với Hữu lậu vị và Vô lậu vị, lấy năm Uẩn của Hữu lậu và Vô lậu làm tánh, vì Câu hữu y thông với Thức thứ tám và Thức thứ bảy. Văn của luận này lược bỏ không lấy Vô vi, mong năm Thức của nó, vì không nhiếp thuộc, vì thế lực thưa xa. Ý địa thì lấy chung tất cả các pháp Hữu vi và Vô vi làm Thể, vì Thức thứ sáu có thể duyên khắp. Có ba Địa của Tầm, đều chỉ lấy Hữu vi thông với Hữu lậu và Vô lậu, tùy theo chỗ có các pháp của ba Địa trên dưới đó mà làm Thể. Luận thì y theo Địa trên và dưới mà nêu ra Thể của ba Địa, không nói Vô vi là ba Địa. Hoặc tùy chỗ thích ứng mà chỗ chứng của Địa kia cũng thông với ba Vô vi. Tam-ma-tứ-đa địa lấy chung Hữu tâm và Vô tâm của hai Địa cõi trên, công đức năm Uẩn của Hữu lậu và Vô lậu thì lấy làm Thể tánh. Luận ghi: “Tam-ma-địa câu”, Câu tức là nghĩa tương ưng nhiếp thuộc. Thích luận lại ghi: “Như vậy hai Địa tổng nhiếp tất cả chỗ có công đức của Hữu tâm và Vô tâm định vị, không phải Tam-ma-tứ-đa địa, không phải chỉ tại cõi Dục mà cũng thông với hai cõi trên, chỉ có năm Uẩn hữu lậu hữu vi làm tánh. Thích luận tuy nói ngược với trước nhưng dễ hiểu, xem xét văn luận gốc của Địa kia thì bảy Tác ý của Hữu lậu đều là Địa này. Luận nói: “Hoặc Bất thanh tịnh cho nên gọi là Bất định địa”. Chỉ chứng đắc Định của thế gian, chưa vĩnh viễn hại các Tâm và Tâm sở của Tùy miên. Vì cõi trên và cõi Dục đều lấy tất cả pháp Hữu lậu làm tánh. Hai Địa của Hữu tâm và Vô tâm, luận có năm giải thích trái ngược, ngay trong thật nghĩa, Vô tâm địa chỉ có Vô vi vô dư Niết-bàn làm Thể; Hữu tâm Địa thì lấy chung các pháp của Hữu vi và Vô vi làm Thể, không nói Hữu dư Niết-bàn làm Thể của Vô tâm địa. Đây là y theo Nhị thừa, hoặc tại Phật vị, thì Vô tâm địa đó cũng thông với hai Diệt, cũng thông với Hữu vi, Bồ-đề cũng còn tại đó, không có Hữu lậu tâm gọi là Vô tâm. Ngoài ra bốn môn thì căn cứ theo văn mà giải thích nghĩa.

Hai Địa của Văn tư. Hoặc nói Nhị thừa tùy chỗ thích ứng mà lấy năm Uẩn của Hữu lậu và Vô lậu làm Thể. Thích luận giải thích rằng: “Như vậy ba Địa dùng Tâm và Tâm sở của ba Tuệ phẩm và quả Sở đắc làm tự tánh. Vô vi không phải là quả Sở đắc thân cận của hai tuệ Nhị thừa, cho nên không phải Thể của Địa, Vô lậu do hai Tuệ kia huân tập Chủng tử, cho nên làm tánh của Địa. Hoặc y theo Bồ-tát thì hai Sở

thành địa cũng thông với Vô vi, kinh Thập Địa ghi: "Từ Địa thứ tám trở lên, các pháp mà tất cả Bồ-tát nghe có thể kham nhận, có thể tư duy, có thể thọ trì". Thiên Thân giải thích rằng: "Đây là ba Tuệ như thứ tự phối hợp. Đã đối với Vô lậu tương tục tu Tuệ, tức là thành Văn tư, trong niệm này của Văn tư thành Vô vi, cho nên làm Thể của Địa. Lý của Tu tuệ thì thông, cho nên không chờ nói lấy quả Sở thành làm Thể của Địa". Sư Thái nói: "Địa thứ tám trở đi, Thể chỉ có lấy Tu tuệ, nghĩa thì nói Văn tư, Văn tư chỉ có Hữu lậu". Lại nữa, ngoài Tu tuệ mà nghe gọi là Văn, bên trong tư duy gọi là Tư, tu chứng gọi là Tu, cùng với Văn tư tương tợ như mượn tên của Tu kia, cho nên nói là Văn tư, Văn tư chỉ có Hữu lậu. Sư Cảnh nói: "Từ Địa thứ tám trở lên có tâm Hữu lậu, cho nên thành Văn tư. Nếu không như thế thì tại sao Tịnh độ nghe pháp không khởi hai tâm Vô ký và Bất thiện? Đối với pháp đã từng chứng đắc không khởi Gia hạnh, đối với chưa từng chứng đắc thì Văn tư trước hết cũng có Gia hạnh. Nếu không có Gia hạnh tức là chỗ đã từng chứng đắc". Linh Tuyển Sư Truyện Tây Phương ghi: "Hợp lại có hai giải thích: một là đồng với nghĩa trước, hai là đồng với nghĩa sau". Đây là lấy từ Địa thứ tám trở đi, Vô lậu tương tục, Bồ-tát lợi căn. Một là trong Tu tuệ có thể khởi hai Dụng, thì gọi là hai Tuệ, lý cũng không có lỗi. Như hai thọ Hỷ và Lạc trong Địa cõi dưới, tuy mỗi mỗi đều khác Thể, nhưng trong Sơ thiền và Nhị thiền thì đồng Thể. Địa thứ tư trở về trước, Thể của hai trí Chân và Tục tuy mỗi mỗi đều khác, nhưng Địa thứ năm trở về sau thì thừa nhận đồng Thể, cho nên hai Tuệ của Nhị thừa thì khác Thể, Thể của Địa thứ tám trở lên thì đồng. Ngoài ra nói Văn tư chỉ có Hữu lậu, là căn cứ theo Nhị thừa mà nói. Ba Địa của Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát tùy chỗ thích ứng mà mỗi mỗi đều lấy Chủng tử hiện hành của tự thân. Hữu lậu và Vô lậu, Hữu vi và Vô vi tùy thuận với thiện pháp của Tự thừa mà làm Thể, chủng tánh Bất định, pháp Sở tu làm nhân của Thừa sau cũng không có lỗi. Trong giải thích tên Thanh văn, chỉ có Tự thừa, không có tên Ba-la-mật Thanh văn. Trong kinh Pháp Hoa, lấy tiếng nói của Phật, khiến cho tất cả đều nghe, tức là hai.

Địa của Hữu dư y, thuộc về Nhị thừa vô học, các pháp Hữu lậu và Vô lậu làm tánh. Vô dư y địa, Nhị thừa chỉ lấy Chân như làm tánh, ngoài ra là y nơi Vô. Thân Hữu dư của Phật, trước và sau có hai giải thích, Thân Vô dư có ba giải thích. Hiện tại lấy chánh nghĩa thì công đức Hữu vi của thân Phật do Hữu dư y nhiếp, công đức Vô vi thì Vô dư y nhiếp, như luận có trình bày đầy đủ. Ở đây luận về mười bảy Địa, văn của Luận và Thích có, y theo Luận Thích để giải thích, văn hoặc

là không hợp, y theo lý và các văn của Duy Thức lấy làm chuẩn, cũng không có lỗi.

Thứ ba Cảnh hạnh quả, Du-già phối hợp mười bảy Địa, chín Địa trước là Cảnh của ba Thừa, sáu Địa kế tiếp là Hạnh của ba Thừa, hai Địa sau là Quả của ba Thừa, vì quán Cảnh khởi Hạnh mới chứng Quả.

Cảnh trong chín Địa phân làm bốn loại:

1. Hai Địa đầu là Thể của Cảnh, tất cả đều lấy Thức làm Thể, vì không lìa Thức mà khởi, Thức là tối thắng.

2. Ba Địa kế tiếp là Cảnh tướng, là cảnh tướng thô tế trên dưới khác nhau.

3. Hai Địa kế tiếp là Dụng, vì hai thời Định và Loạn tác dụng riêng khác.

4. Hai Địa sau cùng là Vị, là Hữu tâm và Vô tâm hai vị khác nhau.

Hoặc Cảnh trong chín Địa phân làm ba loại, tức là năm Cảnh trước cũng như trên, còn bốn Cảnh sau hợp chung gọi là Dụng, vị thứ của tác dụng từng cặp hai thứ riêng khác, Thể trước nương vào Tướng mới được khởi, vì vị thứ khác nhau. Lại nữa, Loại và Biệt của Thể làm hai, thì Dị tri và Nan tri làm trước và sau; thô và tế làm thành hai, thì Phẩm làm trước và sau; Định và Loạn làm hai, thì Thắng và Liệt làm trước và sau; Hữu tâm và Vô tâm làm hai, thì Hiển và Ẩn làm trước và sau, cho nên tổng làm thành Cảnh thứ tự như vậy.

Hạnh trong sáu Địa, ba Địa đầu thông hạnh của ba Thừa, đều là tu ba Tuệ hạnh. Tuệ hạnh trước giữa và sau khởi thì lấy làm trước và sau. Ba Biệt hạnh sau thì căn cơ tùy theo pháp tu mà thành Tự thừa, phương tiện căn bản kém và hơn, nhỏ và lớn làm trước và sau.

Quả trong hai Địa, hoặc nương vào Nhị thừa, nhân vong thì quả mất. Quả lập ra hai môn lấy làm trước và sau. Hoặc đến thân Phật thì Bồ-đề và Niết-bàn phân thành hai thứ khác nhau, lấy làm trước và sau.

Thứ tư giải thích vấn nạn. Năm Thức gọi là Thân tương ưng, Ý thức không gọi là Thân tương ưng, đều không nói Tâm địa và Thức địa, như Thích luận nêu ra giải thích trong Thể.

Câu hỏi thứ nhất: Tại sao năm Thức hợp chung lại để lập Địa?

Đáp: Cùng với Ý không lập chung như phần Thích giải đã nói, nhưng Thích luận ghi: “Năm Thức đồng với Vô phân biệt, Ý địa thì trái lại, lẽ nào Thức thứ tám cũng là Thể của phân biệt”. Do đây càng trái với giải thích bên dưới.

Câu hỏi thứ hai: Tại sao chỉ nói Địa của Hữu tầm và Vô tầm, không nói Địa của Hữu định và Vô định, mà nói Tam-ma-tứ-đa và phi Tam-ma-tứ-đa?

Đáp: Tam-ma-tứ-đa, Hán dịch là Đẳng dẫn, Thể thông với Hữu tâm và Vô tâm, không cần nói Hữu, Thể của nó chỉ là một Tâm sở bất định, không thông với Vô tâm. Tầm đó lấy chữ "hữu" để biểu thị thông với năm Uẩn.

Trong Thích luận, Đẳng trì đối với Đẳng dẫn mà làm bốn câu, là Đệ tam Câu (đồng thời), nói hoặc là Đẳng trì câu, cũng là Đẳng dẫn địa, là các Tĩnh lự và các Tâm, Tâm sở của vị Vô sắc hữu tâm định, trừ Tam-ma-địa ra, vì Thể của Tam-ma-địa chỉ có một Biệt cảnh định tâm sở. Chỉ lấy Tầm tứ suy lường, không suy lường riêng vị thô tế, Thể không phải Tam học, không có lợi ích thù thắng, cho nên lấy chữ "hữu" để hiển phần vị của nó. Thể của Định là Học, có lợi ích thù thắng, chỉ nói Định mà không phải Địa, tức là hiển sai biệt. Không cần nói Hữu để đồng với tâm Từ, vì Thể của tâm cũng không có lợi ích thù thắng, không phải pháp để học, cũng lấy chữ "hữu" để phân rõ sai biệt của nó, nói là Địa của Hữu tâm và Vô tâm.

Câu hỏi thứ ba: Tại sao trong bài tụng không nói Tam-ma-tứ-đa phi, mà nói Tam-ma-địa Câu phi, là có ý gì?

Đáp: Có ý nói Đẳng trì và Đẳng dẫn khác nhau, chỉ là Đẳng dẫn đều thông với công đức của năm Uẩn, sợ người học cho rằng Đẳng trì cũng thông với năm Uẩn cho nên nói Tam-ma-địa câu, để thấy rõ có chữ "câu" mới thông với năm Uẩn. Đẳng trì chỉ là một Định tâm sở, cho nên không đồng với Đẳng dẫn, do đó tên của nó là Tụng, khác với Trường hàng. Lý đó tuy như thế, nhưng nếu nói Đẳng trì câu, thì dài ngắn không đồng với Đẳng dẫn. Đẳng dẫn mới là năm Uẩn của hai cõi trên. Nói Đẳng trì câu, Thể thông các năm Uẩn trong ba cõi, do đây chỉ thích ứng với nghĩa giải thích như trước.

Câu hỏi thứ tư: Tại sao Tâm sở có nhiều mà chỉ lấy Tầm, Tứ, Hữu định và Vô định để thuyết minh phần vị tác dụng khác nhau mà không lấy Tuệ, Phi tuệ, Si, Vô si... để làm tác dụng của phần vị?

Đáp: Theo lý thì như thế, nhưng để lược nêu phần vị sai biệt tăng thắng cho nên không nói các Tâm sở còn lại. Nói Hữu tầm và Địa vị thô tế trên dưới khác nhau, Đẳng dẫn Phi đẳng dẫn và Định loạn trên dưới khác nhau, vì hai thứ này mạnh thêm cho nên thiên về nó mà lập. Do đây Thích luận ghi: "Trong đây còn lược nói mười bảy Địa, không phải nương vào các pháp khác mà không được lập Địa, vì Du-già Sư dùng tất

cả pháp làm duyên y.

Câu hỏi thứ năm: Tại sao không nói Địa của tâm Thiện và tâm Bất thiện, chỉ nói Hữu tâm và Vô tâm thôi sao?

Đáp: Vì tổng thì thù thắng, biệt thì yếu kém.

Câu hỏi thứ sáu: Sở hành của ba Thừa, có cái cũng là phước hạnh, tại sao chỉ nói ba Tuệ làm Địa?

Đáp: Vì Tuệ đứng đầu nhiếp tất cả, do đây luận gọi là Địa sở thành của Hạnh.

Câu hỏi thứ bảy: Tại sao năm Thừa không nói trời người, mà chỉ nói ba Thừa?

Đáp: Nói những Thừa thù thắng cùng cực, không nói Thừa yếu kém, nói Thừa có tánh, không phải Thừa không có tánh.

Câu hỏi thứ tám: Tại sao có bốn Niết-bàn và Bồ-đề mà chỉ nói có hai Y?

Đáp: Vì thông với ba Thừa cho nên chỉ nói hai Diệt, vì Vô trụ là quả của Đại thừa, tánh nó vốn thành tựu, lại cũng nhiếp hết tất cả, chỉ nói hai Y mà không nói hai Niết-bàn, tức là nhiếp Bồ-đề tổng nói hai Y. Không nói hai Diệt tức là nhiếp hết bốn Niết-bàn. Tự tánh thanh tịnh Niết-bàn của nó vốn đã tự có từ xưa, không phải hôm nay mới chứng đắc, cho nên không nói là quả. Giải thích văn thứ nhất đã xong.

Năm mươi quyển đầu của Du-già, trong mười Địa phần, nửa quyển thứ nhất là năm Thức tâm tương ưng địa. Từ nửa quyển 1, quyển 2 và quyển ba hợp chung làm hai quyển rưỡi là Ý địa, bảy quyển kế đó là ba Địa của Hữu tầm tứ, hai quyển rưỡi kế tiếp là Tam-ma-tứ-đa địa, trang còn lại trong quyển 13 kế đó là phi Tam-ma-tứ-đa địa. Trong quyển 13, một trang kế là hai Địa của Hữu tâm và Vô tâm. Trong quyển 13 tiếp theo và quyển 14, 15 hợp chung thành hai quyển rưỡi là Văn sở thành địa, bốn quyển kế tiếp là Tư sở thành địa, một quyển kế tiếp là Tu sở thành địa. Từ quyển 21 đến nửa 34, hợp chung thành mười ba quyển rưỡi là Thanh văn địa, nửa quyển sau trong quyển 34 là Độc giác địa. Từ quyển 35 đến nửa quyển 50, hợp chung làm mười lăm quyển rưỡi là Bồ-tát địa, hai trang còn lại trong nửa quyển 50 là Vô dư y địa. Mười bảy Địa kia phân làm mười bốn đoạn, hợp chung ba Địa của Hữu tầm làm một Địa, hợp chung hai Địa của Hữu tâm và Vô tâm làm một Địa. Trong Quyết Trạch phần, bảy quyển đầu hợp chung để quyết trạch Thân địa và Ý địa của năm Thức, bốn quyển kế đó hợp chung để quyết trạch ba Địa của Hữu tầm, một quyển rưỡi kế đó quyết trạch Tam-ma-tứ-đa địa. Trong một trang kế của quyển 63 là quyết trạch Tam-ma-tứ-đa địa, hai

trang kế tiếp quyết trạch Hữu tâm địa, hai trang rưỡi kế đó quyết trạch Vô tâm địa. Quyển 64 tiếp theo quyết trạch Văn tuệ địa, hai quyển sau đó quyết trạch Tư tuệ địa. Trong quyển 67, ba trang quyết trạch Tu tuệ địa, từ quyển 67 trở xuống bốn quyển rưỡi hợp chung quyết trạch Thanh văn địa, và trong tên của Độc giác địa thì chỉ quyết trạch Thanh văn địa không quyết trạch Độc giác địa. Từ quyển 72 xuống đến nửa quyển 80, hợp chung tám quyển rưỡi quyết trạch Bồ-tát địa, nửa quyển 80 kế đó hợp chung quyết trạch Vô dư y địa, cho nên mười bảy Địa này phân làm mười hai đoạn, hợp chung Thân địa và Ý địa của năm Thức là một, ba Địa của Hữu tâm làm một, Thanh văn và Độc giác địa làm một, hợp chung Hữu dư y và Vô dư y làm một. Do đây Bản Địa phần và Quyết Trạch phần đối chiếu làm bốn câu:

1. Phần đầu hợp, phần sau ly, là Hữu tâm và Vô tâm địa.

2. Phần đầu ly, phần sau hợp là Thân, Ý địa của năm Thức, gồm có Thanh văn địa, Độc giác địa, Hữu dư y địa và Vô dư y địa.

3. Phần đầu và phần sau đều hợp, là ba Địa của Hữu tầm.

4. Phần đầu và phần sau đều ly, là sáu Địa còn lại, tức là Tam-ma-tứ-đa địa, phi Tam-ma-tứ-đa địa, Sở thành địa của Văn tư tu và Bồ-tát địa.

Người đọc nên biết các luận. Các Địa về quyển số thì tương đối, nằm rải rác khắp trước sau nên ở đây tóm lược. Hoặc trước không có sau thì có, vì giải thích hết cho nên không có. Hoặc trước nêu Danh, sau giải thích Thể. Hoặc trước giải thích tản mác, sau nêu ra sơ lược, không tiện cho nên nêu ra. Hoặc trước ẩn lược, sau hiển rộng, hoặc trước hiển rộng sau ẩn lược, vì thô giải thích đầy đủ, dựa trên ba nguyên tắc này để tìm văn luận. Lại nữa, y theo năm phần, tùy chỗ thích ứng mà giải thích, Danh để quán nghĩa của nó mà giải thích tất cả kinh, các kinh chưa quyết định thì đọc các luận để giải thích thì không có gì mà không thông. Luận này giải thích tất cả nghĩa ba Tạng của năm Thừa. Chính văn của luận này, hoặc nêu tên trống rỗng, không biết thể tánh là gì, hoặc tuy như tên mà giải thích, nhưng không hiểu ngộ tướng trạng của nó, hoặc tuy ngộ tướng trạng của nó, nhưng trên dưới trái nhau, hoặc tuy không trái nhau nhưng nghĩa ý thì khó đạt, như thứ tự của nó, có thể biết bốn lý, nhưng đọc văn đó thì không có gì mà không suốt. Lời tụng ghi:

Như danh khởi hiểu nghĩa, Vì pháp thuộc danh đồng,
Chia phân nhiều câu dài, Tuỳ thích ứng hợp ly.

Trong Địa của năm Thức, đoạn văn lớn phân làm hai. Phần đầu nêu riêng Thể của Địa, phần sau tổng giải thích nghĩa của pháp. Văn

phần đầu có hai đoạn:

1. Tổng hỏi đáp về Địa.

2. Hiển riêng.

- Trong hiển riêng có hai phần:

1. Tổng hiển năm tên gọi.

2. Hiển năm Thức.

Ngoài ra nghĩa năm môn thì y theo Thành Duy Thức mà lấy chín môn chia ra. Trong văn tụng của Năng biến thứ ba, không có ba thứ Sở y, Sở duyên và Tác nghiệp của Bất cộng này. Hiện tại hiển riêng nghĩa năm môn của Nhãn thức tức là năm. Tự tánh tức là Thể, y theo Nhãn mà phân rõ Sắc. Thành Duy Thức ghi: “Trong đây lại còn nói Bất cộng sở y, khi ở vị chưa Chuyển y thì là chỗ hiểu rõ của Kiến phần”, cũng chưa hết lý. Ở đây muốn nói, tướng của Thức khó hiểu, nêu ra nhân Sở y và quả Sở liễu để hiển bày tự tánh bởi tự tánh cũng được nhân quả này, hoặc y theo Xứ môn thì Thức là quả, y theo quả môn thì tức là nhân, song song đối với Căn và Cảnh thông với nhân và quả.

- Trong giải thích Sở y có ba phần:

1. Lược hiển ba Sở y.

2. Nhiếp ba Sở y làm hai.

3. Nêu lại ba Thể.

Duy Thức nói: “Y của Tăng thượng duyên, Y của Đẳng vô gián duyên và Y của Nhân duyên”, luận đó lấy bốn Duyên gọi là Hiển. Lại nói: “Câu hữu y, Khai đạo y và Chủng tử y”, văn thế phần lớn đều đồng với luận này. Trong Thành Duy Thức quyển 4 lấy gần và xa làm thứ tự, trong luận này thì lấy hiển và ẩn làm thứ tự, trước và sau không đồng. Câu hữu y của luận kia hợp chung có bốn giải thích, thuyết minh Y của năm Thức thì chỉ có ba giải thích. Sư thứ ba trong luận đó đồng với Sư thứ hai.

1. Năm Thức không có Nhãn y, chỉ lấy Ý thức làm Y, Nhãn làm Chủng tử.

2. Năm Thức có hai Y, tức là năm Căn trong Sắc uẩn đồng thời với Ý thức.

3. Năm Thức có bốn Y, lấy đây làm chánh, là năm Căn trong Sắc uẩn cùng với Thức thứ sáu, Thức thứ bảy và Thức thứ tám đồng Cảnh phân biệt nhiễm tịnh, Sở y căn bản thì riêng khác.

Đây là chỉ có đồng Cảnh, lược bỏ Vô dư y. Thức thứ sáu, Thức thứ bảy và Thức thứ tám hơi xa cho nên lược bỏ không nói. Vô gián y của các luận kia hợp chung có ba giải thích:

1. Năm Thức chỉ lấy Thức thứ sáu làm Y.

2. Dụng của năm Thức trong sáu Thức trước, tùy theo Dụng của Thức nào mà lấy nó làm Y.

3. Năm Thức mỗi mỗi đều chỉ lấy Thức tự loại làm Y, dựa vào Thức đó là chính.

Chủng tử y của luận kia tuy có hai thuyết, giải thích về năm Thức trước đều không khác nhau. Trong quyển 7, phần giải thích Thức y chỉ căn bản nói: "Y chỉ, là sáu Thức trước chuyển lấy Thức căn bản làm Cộng thân y. Cộng là Y hiện hành, Thân tức là Y chủng tử. Hiện tại luận này chỉ nói Y chủng tử của Thức thứ tám, hoặc luận này chỉ nói Y hiện hành của Thức thứ tám, hoặc thông lấy Chấp, Thọ. Có ba đoạn văn, như Duy Thức sớ, văn này có ba giải thích:

1. Chủng tử là Sở chấp, Sở chấp tức là Sở y, vì cùng với Hiện hành làm Y, không lìa Thức thứ tám, cho nên gọi là Dị thục. Lại nữa, Biến dị nhi thục cũng gọi là Dị thục, do A-lại-da thức nhiếp.

2. Do Thức thứ tám mà được tên của hai Chủng tử. Một là Thân nhân duyên, tức là Chủng tử trong Thức. Hai là Tăng thượng duyên, tức là Thức trì chủng, y theo Căn bản năng sinh trên thì cũng gọi là Chủng tử, luận kia thì cho rằng hai duyên khác nhau, nói Hiện hành nhập trong Câu hữu y, vì luận này thì lấy nghĩa của Năng sinh, nói Thức thứ tám hiện hành cũng gọi là Chủng tử, Chủng tử là Sở chấp, Năng y hiện hành là Năng chấp sở y, cũng không trái nghịch nhau.

3. A-lại-da thức cùng với pháp Tạp nhiễm làm hai Duyên. Một là làm Chủng tử. Hai là làm Sở y. Cho nên hiện tại hai pháp Hiện hành và Chủng tử đều làm Câu hữu y của A-lại-da thức kia. Giải thích thứ hai chỉ trong ba Y giải thích lại.

- Nhãn có năm nghĩa:

1. Sở tạo.

2. Sở y.

3. Tịnh sắc.

4. Vô kiến.

5. Hữu đối.

Mỗi mỗi đều có biệt nghĩa và có chỗ lựa riêng. Có ý nói rằng Nhãn thức vô gián. Thức quá khứ có ba giải thích, nghĩa như Duy Thức dẫn ở trước.

Trong Chủng tử thức thì Lạc, Nhiễm và Hý luận... có ba giải thích:

1. Ngôn thuyết và phân biệt đều gọi là Hý luận, lấy Hiện hành

làm nhân của Dị thục thức sinh Chủng tử, tức là Danh ngôn huân tập Chủng tử.

2. Dị thục thức sinh Hiện hành gọi là Chủng tử, vì là Chủng tử nương vào nhân huân tập.

3. Lấy chung Hiện hành và Chủng tử.

Trong giải thích Sở duyên phân làm sáu:

1. Nêu Thể sở duyên của Nhãn.

2. Tướng sai biệt.

3. Giải thích Hình hiển và Biểu sắc.

4. Giải thích trừ xanh vàng cũng là trắng, ngoài ra Hình hiển và Biểu sắc đều sai biệt của bốn sắc Căn bản, nương vào bốn sắc Căn bản này mà lập các sai biệt khác, cho nên đều là giả lập.

5. Tổng kết ba loại tuy khác nhau, nhưng đều là cảnh giới của Nhãn...

6. Giải thích tốt xấu hiển riêng trong Thể. Sắc và Danh tuy gọi chung là các Sắc, nhưng là tên gọi khác của Tự xứ.

Hữu đối có ba thứ, đây là Chướng ngại hữu đối. Trong giải thích Biệt tướng thì không đồng nghĩa với các luận khác. Như sớ của Đối Pháp luận quyển 1, gồm cả Câu-xá sao.

Trong giải thích nghĩa của Biểu sắc, thì sinh diệt tương tục, không đồng với Chánh lượng bộ. Động và Nhật xuất luận là nghiệp, vì do biến dị, tức là tâm phát nghiệp diệt từng sát-na. Quả tùy nhân mà biến, không đồng với Chánh lượng bộ, vì trước diệt sau sinh, cho nên nơi trước khi sinh thì không sinh.

Vô gián nghĩa là tương tục, Hữu gián nghĩa là gián đoạn, gần xa có thể hiểu. Hoặc tức là Xứ này biến dị mà sinh, như lễ Phật, vì không lìa xứ.

Trong giải thích Biểu nghiệp, Nghiệp dụng là thứ nương vào sự chuyển động sai biệt. Nghiệp dụng là Tư nghiệp, lấy đây làm y, nghĩa là có hình sắc động chuyển sai biệt, thì gọi là Biểu sắc.

Trong giải thích ba Sắc, Sở hành của Nhãn... nghĩa là chỗ đi dạo qua. Cảnh giới, nghĩa là chỗ ngắm nhìn chấp thủ. Sở duyên là nghĩa chỗ duyên lự liên đới với hành tướng.

Trong giải thích hiển biệt tốt xấu, chỉ nói Hiển là nêu thật sắc, còn giả sắc thì có thể hiểu. Tợ sắc hiển hiện, là Sắc của ba thứ Y tha này tương tợ chỗ chấp thật sắc mà hiển hiện. Đối Pháp luận nói: Tợ sắc liễu biệt hoặc là chỗ nắm lấy của Nhãn và Ý, vì tương tợ chỗ biến sắc của Bản thức, cho nên nói là Tợ sắc.

Trợ bạn có ba đoạn:

1. Nêu Thể.

2. Thuyết minh điểm dị đồng của Hành tướng sở duyên.

3. Chủng tử sai biệt.

Năm Thức tương ưng với vài Tâm sở, văn dưới đây của luận này, nói có năm mươi ba Tâm sở, căn cứ theo Thành Duy Thức luận, lược có hai thuyết: một thuyết nói rằng có ba mươi Tâm sở, trừ ra hai mươi ba Tâm sở, là năm Biệt cảnh, Khinh an trong mười một Thiện, ba pháp trong Phiền não, mười hai Tùy phiền não (mười Tiểu tùy cùng với Tà dục và Thắng giải), hai Bất định. Thuyết thứ hai nói có ba mươi sáu Tâm sở, trừ ra mười bảy Tâm sở là ba Phiền não, mười Tùy hoặc và bốn Bất định, cho nên Nhân vị của thuyết này là Vô lậu vị cùng với hai mươi mốt Tâm sở đồng thời là Biến hành, Biệt cảnh và mười một Thiện. Đồng một Sở duyên không đồng một hành tướng. Duy Thức lại nói: "Hành tướng tuy khác nhau, nhưng lúc đó Sở y đồng với sự Sở duyên, cho nên gọi là Tương ưng. Hai đoạn văn không đồng nhau. Như Duy Thức sớ quyển 3 giải thích có đủ bốn nghĩa gọi là Tương ưng. Như Quyết Trạch phần quyển 55 giải thích.

Mỗi pháp đều từ Chủng tử của mình sinh ra, đây là căn cứ theo Tâm sở thật, không phải Tâm sở giả kia, cũng là Biệt chủng sinh.

Tác nghiệp có sáu thứ, chia làm hai loại, loại thứ nhất có bốn thứ, loại thứ hai có hai thứ. Trong bốn loại thứ nhất:

1. Vị của Cảnh, nhân và quả của tự và tha khác nhau.

2. Tự tướng và Cộng tướng, vì ở ngay trong tự tướng cho nên không phải hai tướng khác.

3. Quá khứ, vị lai và hiện tại, chỉ có nhân không phải quả, vì là hiện tại.

4. Gián đoạn và tương tục. Ở đây có hai thuyết, một là tất cả Vị quyết định như thế, hai là không căn cứ theo tâm Đẳng lưu.

Loại thứ hai có hai:

1. Tùy theo tha mà khởi, vì tự lực yếu.

2. Đắc Dị thục, vì sức mạnh dẫn quả thù thắng.

Tuỳ tha khởi có ba thứ:

1. Tự không thể khởi mà tùy ý chuyển. Quyết Trạch phần có giải thích đủ.

2. Tự không thể là thiện hay ác mà do ý dẫn.

3. Tự không thể chuyển, chỉ có thể làm tùy chuyển phát các nghiệp, có thể chứng đắc quả Thọ và Phi thọ. Không đồng với Đại chúng

bộ, vì năm Thức chỉ có Vô ký.

Thanh có bốn đoạn văn, Sở duyên thứ ba có sáu phần:

1. Nêu Thể.
2. Sai biệt.
3. Thuyết minh đồng và dị.
4. Tốt xấu khác nhau.
5. Danh khác nhau.
6. Hiển cảnh của Nhĩ thức.

Tiếng hát chèo, tiếng nô đùa, tiếng kêu la là tiếng gào thét trong hạnh vui tán loạn. Nhân đồng thời với Thanh, vì cả hai đủ bốn Đại sinh một âm thanh, y theo chỗ có đó mà gọi là Tạo. Phần đoạn của Hương, Vị và Xúc cũng như Thanh, nên biết. Đến Biệt khoa có thể hiểu.

Trong tên gọi khác của Xúc, như kiên, nhuyễn, động và noãn (cứng mềm động nóng) là địa thuỷ hoả phong, như thứ tự phối hợp. Ngoài ra phần "tất cả nghĩa tổng biệt" như sớ của Đối Pháp luận quyển 1. Hương, Vị và Xúc đã nêu ra sai biệt của nó đã xong.

Nói Sở khứu, là phải tiếp xúc trực tiếp, không đồng với Sắc và Thanh, Sắc thanh không có tiếp xúc trực tiếp. Năm tâm của nó như phần thứ ba dưới đây và Duy Thức quyển 4 giải thích. Chương luận về năm tâm, phần đầu nói về ba tâm, là khi các tâm sinh, phần nhiều là khởi lên ba tâm, còn hai tâm sau thì bất định, sau tâm thứ ba mới có nhiễm và tịnh, sau nhiễm và tịnh thì có năm Thức đẳng lưu. Năm Thức đẳng lưu do tự lực sinh và do ý dẫn cho nên sinh, do đó trải qua thời gian như thế, Nhãn thức và Ý thức hằng tương tục chuyển. Ý địa thứ hai, Thức thứ sáu, Thức thứ bảy và Thức thứ tám đồng y nơi Ý căn. Lược bỏ ba câu Thức và Thân tương ưng cho nên chỉ nói Ý. Lại nữa, phần Thật nghĩa tuy có tám Thức, nhưng phần Tùy cơ thì chỉ có sáu Thức. Thức thứ sáu, thứ bảy và thứ tám, đồng chung Thức thứ sáu nhiếp, ngay trên Sở y mà gọi cho nên chỉ gọi là Ý. Sở y không phải Sắc, hoặc lìa Thân, cũng như Tâm thọ, không nói Thân tương ưng, vì căn cứ như trước cho nên lược bỏ không nói. Lại nữa, Thức thứ sáu, thứ bảy và thứ tám, tuy đều có nghĩa là tâm ý thức. Tâm thì pháp nhiếp, Ý thì xứ nhiếp, Thức thì Uẩn nhiếp, nhưng đồng nghĩa của Ý cho nên chỉ nói là Ý, đều thuộc Tư lương ý căn. Nghĩa của tám tâm thì gượng ép, nghĩa của sáu Thức cũng gượng ép, cho nên không nói Tâm địa và Thức địa. Thân tương ưng đều lược bỏ không nói.

Nghĩa của Địa như trước. Văn nói về Địa phân làm hai đoạn:

1. Tổng kết văn trước để phát sinh văn sau.

2. Nương vào hỏi để giải thích.

- Trong giải thích lại có hai phần:

1. Lấy năm môn để phân biệt Thể của Địa.

2. Trong quyển 3 lại lấy mười môn để giải thích nghĩa của Địa.

Trong quyển 3, Ốt-tha-nam nói: “Tự tánh và Sở y, Sở duyên, Trợ bạn, nghiệp, do năm thứ này, các tâm chuyển khác nhau”. Sau đó Ốt-tha-nam nói: “Sắc tụ Tương ưng phẩm, thế gian tướng và duyên, các Thiện sai biệt môn, Xảo tiện sự làm sau”. Sai biệt môn có ba, một là Ba tánh biệt, hai là Tăng xứ biệt, ba là Thích xứ biệt, do đó có mười môn”. Đoạn văn đầu lại có hai phần: một là nêu bày, hai là giải thích riêng.

Tánh sở tùy y chỉ, là chỗ tùy thuận và chỗ y chỉ. Tánh y chỉ, câu thứ nhất trong đây muốn nói Thức thứ tám hiện hành cùng với Hữu lậu chủng làm chỗ y chỉ, cho nên gọi là Sở tuỳ, vì tùy theo thành Hữu lậu. Câu sau muốn nói nó cùng với Chủng tử vô lậu làm chỗ y dựa. Tánh Sở tùy y chỉ tuy đồng nghĩa y chỉ, nhưng không đồng nghĩa Vô lậu, cho nên gọi là y dựa. Lại nữa, câu đầu nói đến Chủng tử hữu lậu tùy theo bản Thức mà thành Hữu lậu vô lậu, Dụng nương vào nghĩa của Thể. Câu sau nói Chủng tử này tuy nương vào bản Thức để sinh công năng thiện và nhiễm nhưng vẫn khác, không phải hoàn toàn là một, cho nên gọi là nương dựa, Dụng mỗi mỗi đều riêng nghĩa. Lại nữa, câu đầu nói Chủng tử nương vào Hiện hành gọi là tánh Sở tùy y chỉ, tánh của Chủng tử làm Năng tuỳ, vì nương vào Hiện thức. Câu sau nói Thức sở tùy y chỉ của Hiện hành này, dựa vào tánh Chủng tử năng y chỉ trước nương dựa lẫn nhau, cả hai đều gọi là tâm, do Chủng tử có đủ nghĩa tích tập cho nên gọi là tâm. Hiện hành là Sở tập khởi của Chủng tử cho nên gọi là tâm.

Ý là Hằng hành ý cùng với thân của Thức thứ sáu là Sở y của Vô gián diệt, trong đây thuyết minh thông với Thức thứ sáu quá khứ gọi là Ý, không phải chỉ có Thức thứ bảy, vì tất cả đều có nghĩa Y chỉ, theo thật tế thì Ý này chỉ nắm lấy Thức thứ bảy, như Thành Duy Thức luận, Nhiếp Đại Thừa luận giải thích ba thứ biệt nghĩa của tâm ý thức. Nhưng Tát-bà-đa lấy danh nghĩa nghiệp của thế gian thi thiết để giải thích ba thứ biệt nghĩa này, không đồng với luận đây. Hai Thức thứ tám và thứ bảy đều lấy mười môn, Thức thứ sáu thì lấy chín môn để giải thích. Như Duy Thức nói rộng.

Sở y kia là Câu hữu y và Đẳng vô gián y, nói Ý là Câu hữu y của nó. Duy Thức quyển 4 sơ lược có bốn thuyết:

1. Thức thứ bảy và thứ tám không có Câu hữu y, Thức thứ sáu thì có Câu y này, tức là Mạt-na.

2. Thức thứ sáu lấy Thức thứ bảy và năm Thức làm Câu hữu y. Thức thứ bảy thì lấy Thức thứ tám làm Y, Thức thứ tám thì không có Y này.

3. Thức thứ sáu và Thức thứ bảy như trước. Thức thứ tám thì lấy Thức thứ bảy và năm Căn làm Y. Chủng tử Thức lấy Thức thứ tám và Năng huân làm Câu hữu y.

4. Thức thứ sáu lấy Thức thứ bảy và Thức thứ tám làm Y. Thức thứ bảy và Thức thứ tám làm y lẫn nhau. Nói rộng như Duy Thức.

Trong đây nói Câu hữu y là Ý, Sư thứ nhất giải thích rằng: "Văn này chỉ nói Thức thứ sáu câu y, Thứ thứ bảy và thứ tám không có". Sư thứ hai giải thích rằng: "Sở y của Thức thứ sáu là Thức thứ bảy và năm Thức, nội trong Ý xứ và đồng thời Ý xứ. Thức thứ bảy y Thức thứ tám, Thức thứ tám cũng là Ý thức nhiếp cho nên gọi là Ý. Thức thứ tám không có y này". Sư thứ ba giải thích rằng: "Thức thứ sáu và thứ bảy đồng như trước. Thức thứ tám cũng lấy Thức thứ bảy làm chỗ y. Chủng tử cũng lấy Năng huân và Thức thứ tám làm y, vì đồng thời với Ý xứ cho nên gọi là Y ý". Đây là nói ba cõi đều là quyết định Y, năm Căn đều là bất định cho nên lược bỏ không nói. Sư thứ tư giải thích rằng: "Sở y của Thức thứ sáu là Thức thứ bảy và thứ tám. Thức thứ bảy và thứ tám lại lẫn nhau làm y, vì đều là Ý xứ, đều gọi là Ý". Do đây luận nói Câu hữu y là Ý, nếu không như thế thì tại sao lựa riêng ba thứ tâm ý thức? Hữu y và Vô y, mà hiện tại nói chung Câu hữu y là Ý, cho nên Sư thứ tư nói rất đúng lý.

Đẳng vô gián y. Duy Thức có ba thuyết:

1. Thức thứ sáu lấy sáu Thức trước làm Y.

2. Thức thứ bảy và thứ tám lấy Tự loại làm Y.

Thức thứ sáu dùng Tự loại ở trước, hoặc Thức thứ bảy và Thức thứ tám làm Khai đạo y. Thức thứ bảy lấy Tự loại cùng với Thức thứ sáu làm Y. Thức thứ tám lấy Tự loại cùng với Thức thứ sáu và Thức thứ bảy làm Khai đạo y. Sư thứ ba nói: "Thức thứ sáu, thứ bảy và Thức thứ tám mỗi mỗi đều lấy Tự loại làm Khai đạo y" là rất đúng lý, ba thuyết giải thích tuy khác nhau, nhưng đều không trái với văn này.

Chủng tử y đã nói như trước. Duy Thức quyển 7 ghi: "Y chỉ, là sáu Thức trước lấy Căn bản thức làm Cộng thân y, cho nên Thức thứ sáu y Thức thứ tám". Duy Thức quyển 4 giải thích Thức thứ bảy y Thức thứ tám có hai thuyết: một là chỉ y Chủng tử, hai là cũng y Hiện hành. Tâm thứ tám này đã thông với Chủng tử và Hiện hành, Chủng tử và Hiện hành y lẫn nhau, lại lẫn nhau không có lỗi.

Sở duyên kia là tất cả pháp như Sở ứng. Duy Thức quyển 2 ghi: "Thức thứ tám duyên chấp thọ xứ, tức là các Chủng tử, thân Hữu căn và Khí thế gian. Đối Pháp luận nói: "Duyên năm Căn trong Sắc uẩn, bốn Trần trừ Thanh trần". Quyết Trạch quyển 55 ghi: "Duyên năm Căn trong Sắc uẩn, một phần trong năm ngoại giới". Kinh Giải Thâm Mật đồng với Duy Thức. Duy Thức giải thích duyên xứ có ba thuyết:

1. Chín Địa của phàm Thánh duyên chung với tất cả năm Trần.
2. Hiện cư và Đương sinh biến thành cõi này.
3. Hoặc đối với tự thân có thể có trì dụng thì liền biến thành kia, tức là biến thành tự giới, tự tha và tự loại.

Đây là nói tất cả Cộng thọ dụng hoặc Biệt thọ dụng, căn cứ theo đây nên biết. Chỗ thấy của người, quỷ và chư Thiên khác nhau. Đối với Tha thân xứ, cũng biến tương tợ Trần, vì thọ dụng Tha, chỉ duyên với Hữu lậu chủng, không phải Vô lậu chủng. Duyên thân Hữu căn, Duy Thức luận có hai thuyết: một là cũng biến tha căn, hai là chỉ có biến tự căn. Từ trước đến đây lại nói Sở biến của nghiệp lực, khí vật bên ngoài, nội vật trong thân và các giới Địa sai biệt. Hoặc thần thông, hoặc định, hoặc uy lực của pháp. Giới địa và tự tha thì không quyết định, không duyên tâm, đều như văn của luận kia. Thức thứ bảy duyên Cảnh, Duy Thức quyển 4 có bốn thuyết:

1. Duyên với Thể của Thức thứ tám, cùng với pháp tương ưng.
2. Chỉ duyên Kiến phần và Tướng phần của Thức thứ tám.
3. Chỉ duyện Thức và Chủng tử của Thức thứ tám.
4. Chỉ duyên Kiến phần của Thức thứ tám, như sớ của luận kia giải thích nghĩa của Duyên kiến.

Thức thứ sáu duyên tất cả, nghĩa đó có thể hiểu. Trong đây nói chung duyên với Cộng cảnh, là tất cả pháp, như trước đã nói khác nhau. Lại nói nếu như thích ứng với Bất cộng cảnh, vì không chung cùng với năm Thức.

Trợ bạn, là Tác ý, cho đến Tầm tứ, văn phân làm sáu đoạn:

1. Nêu tâm sở.
2. Thuyết minh đồng dị của Cảnh và Hạnh.
3. Thuyết minh Thời đồng mà Thể thì khác.
4. Mỗi mỗi đều là Biệt chủng sinh.
5. Tương ưng.
6. Hữu hành tướng.

Đây là nói năm mươi ba pháp Tâm sở, Đối Pháp luận thì nói năm mươi lăm Tâm sở, Bách pháp luận và Hiển Dương luận nói năm mươi

mốt trước. Như Đối Pháp luận quyển 1 sớ hội, gồm giải thích nghĩa các môn, nói Biến hành có năm, như Duy Thức quyển 3 và quyển 5; Biệt cảnh có năm, như Duy Thức quyển 5; Thiện, Phiền não và Tùy phiền não, như Duy Thức quyển 6; Bất định có bốn, như Duy Thức quyển 7, rộng dẫn nghĩa môn giải thích các Tâm sở trên. Hiện tại Thức thứ tám của luận này chỉ có Biến hành năm Câu, Thức thứ bảy thì Duy Thức quyển 4 có năm giải thích:

1. Chỉ có chín Câu (đồng thời), là năm Biến hành và bốn Phiền não.

2. Mười lăm Câu, là chín Câu trên, cùng với năm Tùy phiền não và Biệt cảnh tuệ.

3. Mười chín Câu, là chín Câu trên cùng với sáu Tùy phiền não gồm Niệm, Định, Tuệ và thêm Hôn trầm.

4. Có hai mươi bốn Câu, là chín Câu trên cùng với mười Tùy phiền não và thêm năm Biệt cảnh.

5. Có mười tám Câu, là chín Câu trên, cùng với tám Tùy phiền não và Biệt cảnh tuệ.

Đây là nói về Nhân vị, cả ba thuyết đều được cùng với hai mươi mốt Câu, như nói về năm Thức, đều như luận kia giải thích, còn Ý thức thì đều là tất cả, như lý dễ hiểu. Các nhóm như vậy đều có tương ưng, như Thành Duy Thức quyển 6 ghi: “Mạn, Kiến, Nghi, Phẫn... chín pháp, trừ Hại ra, chỗ trái nghịch Thiện là các pháp như vậy”. Trong Quyết Trạch, dẫn Tạp sự ghi: “Nghiên cứu tìm cầu các Tùy phiền não của đại Dục đều là Trợ bạn, cho nên tương ưng với nhau, không phải tương ưng nhưng nó lại tương ưng tự nhiên như thế. Như Đối Pháp sớ quyển 2 giải thích”. Bài tụng năm mươi mốt Tâm sở ghi: “Năm pháp năm Câu khởi, chín pháp ắt sáu Câu, chín pháp mười bốn Định, hai mươi mốt mười lăm, ba pháp khởi mười sáu, tám pháp mười bảy Câu, là Tâm sở câu sinh, bậc Trí cần phải học”. Nói rộng như Đối Pháp luận sớ quyển 2. Hoặc năm mươi ba Tâm sở, số đó bất định, suy nghĩ có thể hiểu.

Hữu hành tướng, là Hành giải và Tướng trạng, chỉ có làm duyên, không phải không làm duyên. Vô Phân biệt trí thì không có tướng trạng. Như tự bóng ảnh của Thức có hai hành tướng: một là Ảnh tượng tướng phần, nắm lấy cảnh bản chất, vì là tướng của Hạnh giải. Hai là Kiến phần, nắm lấy Thân tướng phần và Hành giải tướng phần. Hoặc nắm lấy nghĩa chung thể tướng của Hạnh và Cảnh gọi là Hành tướng, thông với Vô vi duyên, lý không có lỗi hại.

Trong Hữu vi duyên, căn cứ theo trước có hai thứ, gồm có Tự

chứng phần, mỗi mỗi đều mong Sở duyên. Tư cũng cứ theo đó nên hiểu. Hoặc Ảnh tượng gọi là Hành tướng, tức là bản chất làm Sở duyên, Thể thì một, tên thì đồng. Thể của Hành tướng thì khác cho nên tên không đồng. Hoặc Kiến phần gọi là Hành tướng, tức là Thân kiến phần, Thể tuy mỗi mỗi đều khác, nhưng tên thì tương tợ đồng nhất. Giải thích Thể của Kiến phần mỗi mỗi đều khác, tên thì không đồng. Như Sớ giải của Duy Thức quyển 2, quyển 3.

Trong Tác nghiệp, văn có hai đoạn:

1. Thuyết minh đối với nghiệp của năm Thức.

2. Thuyết minh Bất cộng nghiệp.

Phần thứ nhất có bảy đoạn:

1. Cảnh phân biệt.

2. Tự cộng tướng, Cộng tướng không có Thể, chỉ có giả kiến lập, như sớ của Duy Thức quyển 2 giải thích.

3. Thế.

4. Gián đoạn và Tương tục.

5. Tác chuyển và Tùy chuyển, phát nghiệp làm nhân khởi gọi là Chuyển, làm Sát-na khởi gọi là Tùy chuyển.

6. Chiêu cảm Dị thục.

7. Dẫn tự thức của Tha; hoặc có thể là khinh suất, dẫn tầm cầu của Tha; hoặc làm nhiễm tịnh, dẫn Đẳng lưu của Tha.

Thức thứ sáu có chung bảy nghĩa này, Thức thứ bảy và Thức thứ tám thì chỉ có năm môn, trừ phát nghiệp và chiêu cảm Dị thục ra, có năm phần khác.

Trong Bất cộng nghiệp, phần đầu nêu mười năm môn, phần sau giải thích riêng mười bốn đoạn. Tạp tâm có sáu Sự bất cộng, là Ly dục, Thoái, Đoạn thiện căn, Tương tục, Thọ sinh, Mạng căn. Đại thừa không phải chỉ có mười năm, lại có Hối và Ưu, cho nên luận nói chữ “đẳng”. Tụng ghi:

Phân biệt xét Sở duyên, Say cuồng mộng và tỉnh,
Tỉnh phát nghiệp lìa Dục, Thoái, Đoạn, Tục, Tử sinh.

Do hợp chung với tử sinh, một đoạn để thuyết minh nó, cho nên thành mười bốn đoạn. Bảy nghĩa Phân biệt, như dưới đây quyển 5, Duy Thức quyển 7, Đối Pháp luận sớ quyển 2 giải thích Hữu tướng phân biệt, hoặc nương vào Đối Pháp luận nhiếp trong ba Phân biệt, tự tánh Tùy niệm có hai thứ, vì năm Thức không có tự tánh, vì Thể của tự tánh là Tầm.

Trong bảy Phân biệt, Nhậm vận phân biệt tức là năm Thức. Hiện

tại luận này, tự tánh Phân biệt tức là Nhậm vận, cho nên nói Hữu tướng, là đối với nghĩa Sở thọ ở trước chỉ nhiếp Tùy niệm, cho nên rộng hẹp không đồng với luận kia. Hoặc luận này cùng với hai môn của Đối Pháp luận đều đồng. Nghĩa Sở thọ ở trước thì nhiếp tự tánh. Tùy niệm phân biệt, Đẳng lưu tâm vị, Hữu tướng phân biệt, duyên với Cảnh sở thọ của Tâm khinh suất vị ở trước, không giải thích như trước. Hoặc nhiếp tự tánh cùng với Nhậm vận trước có khác gì? Vô Tướng phân biệt do Cảnh của quá khứ và hiện tại, chỗ dẫn Dục của vị lai mà được tên Phân biệt. Tùy theo trước dẫn hai Phân biệt của cõi trên. Đối Pháp luận thì chỉ có nương vào pháp. Trong đó nói chung với cõi người. Tên gọi Thiện tức là giải thích ngữ ngôn, tên gọi Bất thiện thì giải thích ngược lại.

Uy nghi, Công xảo xứ, có ba giải thích:

1. Uy nghi là Biểu sắc, đường lối của Thể là bốn Trần, bốn Trần là Sở y của Uy nghi, cho nên nói đường Uy nghi, nhưng chỉ nói Uy nghi mà không nói đường, vì không phải bốn Trần.

2. Uy nghi bốn Trần làm tánh, đường tức là phát tâm uy nghi đó, cùng với uy nghi đó làm Y cho nên nói tâm là đường. Chốn công xảo cũng như thế, chỉ là năm Trần hoặc bốn Trần khác nhau.

3. Uy Nghi phần nhiều đối với đường xá mà thi thiết, Công xảo thì phần nhiều đối với nơi chốn mà thi thiết, cho nên mỗi mỗi đều khác tên, thật ra là tương tợ.

Bảy Phân biệt lấy Tầm tứ, hoặc năm Thức, Thức thứ bảy và Thức thứ tám làm Thể. Phân biệt Nhậm vận là năm Thức, Thức thứ bảy và Thức thứ tám. Thức thứ bảy chỉ có Hữu lậu, Hữu lậu thông với Vô lậu. Như Duy Thức quyển 7 giải thích.

Như lý dẫn nghĩa là không Tăng ích, không phải chân thật có, như bốn điên đảo. Bốn Đảo là Tăng ích, Thể không phải thật có. Như lý trái ngược với đây, cho nên nói không giống như bốn Đảo là tăng. Như phần thứ tám dưới đây.

Pháp trụ trí, là Tát-bà-đa duyên ba cõi, Thể hữu lậu đạt trí nhân quả, hiện tại luận này là Hậu đắc trí vô lậu nhiếp. Đạt trong nhân kia có công Năng trụ của quả pháp, hoặc do nhân kia mà quả pháp được trụ thì gọi là Pháp trụ trí, đây là Như lượng trí. Trí xuất thế gian dưới đây là Như lý trí.

Sở duyên của Thẩm lự, thông với Hữu lậu và Vô lậu, Thắng tuệ làm tánh, hoặc thông với bốn Đảo và Tà kiến làm tánh. Tuý có bốn duyên, tánh thì yếu, Thể thì hư. Không quen nghĩa là tánh không uống rượu. Còn lại hai duyên có thể hiểu, phần nhiều lấy Hôn trầm, Trạo cử,

Phóng dật, Vọng niệm, Tán loạn, Tham sân... làm Thể, hoặc Tâm, Tâm sở đồng thời làm tánh, có nghĩa thông với năm Thức, vì Ý tăng cho nên nói thiên về Ý.

Cuồng có năm duyên. Câu-xá quyển 15 ghi: "Cuồng lấy Vọng niệm làm Thể". Luận đó nói: "Dựa vào đại chủng không bình đẳng thì tâm liền thất niệm, cho nên lấy vọng niệm làm Thể, Tâm tâm sở đồng thời làm tánh. Lấy Cuồng đối với Loạn làm bốn câu:

1. Cuồng không phải Loạn, thì Cuồng là tâm bất nhiễm.
2. Loạn không phải Cuồng thì bất cuồng là tâm nhiễm.
3. Là Cuồng là Loạn thì cuồng là tam nhiễm.
4. Không phải Cuồng không phải Loạn thì bất cuồng là tâm bất nhiễm.

Đây là chỉ có trong cõi Dục, trừ Bắc Câu-lô châu, trong năm nẻo đều có. Người xứ Bắc Câu-lô châu không có bức não, chư Thiên thì có bức não, Tiểu thừa Phật giáo thì có, Đại thừa thì không như thế, mười Địa cũng không có.

Mạt-na, Hán dịch là Tử huyệt, cũng gọi là Tử tiết, hoặc cho rằng có sáu mươi bốn Xứ, hoặc một trăm hai mươi Xứ, hoặc duyên bức bách đến chết. Phát cuồng cũng là có việc tang khó sầu ưu mà phát cuồng, không lìa sự kinh hãi thác loạn. Lược bỏ không nói.

Mộng có mười duyên. Như do phẩy quạt, như vui chơi của thế gian, dùng quạt mà quạt nó thì liền ngủ mộng. Duy Thức quyển 7 có bốn thuyết:

1. Si làm Thể.
2. Si và Vô si làm Thể.
3. Tư và Tưởng làm Thể.
4. Riêng có Thể.

Hoặc làm bảy duyên, trong Duyên của quyển 7 có bốn thuyết, như văn có thể hiểu.

Thức dậy có ba duyên. Không thắng nổi mỏi mệt là khi ngủ trải qua nhiều thời gian, thì liền đoạ vào khốn đốn, khi tự nhiên thức giấc thì gọi là Không thắng nổi mỏi mệt. Nói có việc làm thì phải kỳ hẹn sự việc, đem việc làm phát nguyện kỳ hẹn cầu tỉnh giấc sau, đều lấy Tâm và Tâm sở làm tánh.

Buồn bực có bốn duyên, thông với Hữu tâm và Vô tâm. Hữu tâm vị cũng lấy Tâm, Tâm sở làm tánh. Do buồn bực kia xúc chạm mà dẫn sinh tâm buồn bực. Thể của thức tỉnh cũng như thế.

Phát nghiệp có bốn duyên, ba duyên đầu là ba thứ Tư, là Thẩm lự

tư, gọi là Tiền hành của Phát nghiệp trí; Quyết định tư gọi là Thứ dục sinh; Động phát thắng tư gọi là Xảo dụng khởi. Hoặc y theo Tiểu thừa thì hai duyên trước thông với hai thứ đoạn phiền não là Kiến đoạn và Tu đoạn. Duyên thứ ba thì chỉ có Tu đoạn. Hiện tại luận này nương vào Phát tổng báo nghiệp của Đại thừa, thì hai duyên trước thông với Kiến và Tu, duyên thứ ba thì chỉ là phiền não của Kiến đạo. Hoặc Phát thiện tổng báo thì ba thứ Tư đều là Thiện, thân cận dẫn phiền não cũng là Bất cộng vô minh, chỗ đoạn của Kiến đạo, do đây kinh ghi: "Chư Thánh hữu học, Bất cộng vô minh đã vĩnh viễn đoạn cho nên không tạo nghiệp mới". Đối Pháp luận cũng nói: "Thắng nghĩa tư, Phát phước nghiệp và Bất động nghiệp. Thế tục ngu thì phát Phi phước nghiệp". Đều là chỗ đoạn của Kiến đạo. Hoặc phát Biệt báo nghiệp thì Tư thứ ba cũng thông với Phiền não của Tu đạo, như Duy Thức quyển 8 ghi: "Nhân thứ tư này đều thuận với công dụng, khởi từng sát-na, phát gió nghiệp". Gió này tùy thuận công dụng thứ ba mà khởi Tư đối với nghiệp, đồng thời dẫn phát thân và ngữ nghiệp, cho nên nói rộng Bách luận để phá Thắng luận rằng: "Ngã của ông là một, là Bất động, thì làm sao có thể Phát nghiệp"? Người kia hỏi vặn lại rằng: "Tâm, Tâm sở của ông cũng là một, không phải Động pháp, thì làm sao có thể Phát nghiệp? Thánh Thiên phá rằng: "Dù tâm không động nhưng do Tầm tứ dẫn khởi đối với gió, gió cũng khởi nghiệp", chính là cùng với đây đồng.

Ly dục có bốn duyên:

1. Căn của Phàm và Thánh đã thuần thục.
2. Nghe tùy chỗ thích ứng với pháp.
3. Lìa chỗ thích ứng với Chướng.
4. Khởi Chánh tư duy mới có thể lìa Dục, Thể chỉ là Tuệ, thông với Hữu lậu và Vô lậu.

Ly dục Thoái có năm duyên:

1. Độn căn.
2. Tân học, là Cảnh của Tư và Dục, tức là Nhân lực và Cảnh lực.
3. Thọ thuận với pháp Thoái đoạ, tức là gặp đủ duyên của năm Thoái.
4. Phiền não nặng.
5. Quen với bạn ác.

Đoạn thiện căn, văn có hai đoạn:

1. Nói về duyên nhiều hay ít.
2. Nương theo đoạn sai biệt của Chủng tử và Hiện hành.

Hoặc năm duyên, hoặc sáu duyên:

1. Lợi căn.
2. Ý ưa ác.
3. Gặp bạn ác.
4. Tà kiến nặng.
5. Làm ác không kiêng sợ.
6. Đối với chúng sinh hành từ bi.

Người lợi căn, là tự Tư cấu bên trong, Tà kiến mạnh mẽ, không sợ những điều ác, không sinh từ mẫn liền đoạn thiện căn. Đây gọi là do lực mà thiện căn đoạn, là năm Duyên đoạn. Hoặc gặp bạn ác, thuận với Ác ý lạc mà đoạn thiện căn, đây gọi là do lực mà thiện căn đoạn, là sáu Duyên đoạn, nhưng phải là lợi căn mới đoạn, độn căn thì không được, rộng thì Ác ý lạc đoạn, hẹp thì Ý không đoạn, phải là cõi Dục, không phải hai cõi kia, ba cõi Thiên của cõi dưới, không phải Bắc châu, Nhân không phải Thiên. Đối Pháp luận quyển 1 ghi: "Chỉ có thượng thượng phẩm Tà kiến của cõi Dục có thể đoạn thiện căn, không phải pháp nào khác". Chỉ có Tà kiến trong Khổ tập của cõi dưới, không phải tại Diệt đạo. Hoặc thông với Tà kiến trong bốn Đế của cõi dưới, thông với Hành tướng, không phải thông với pháp nào khác. Phải không có Tàm quý, đều không có sợ ác, không phải hai tánh còn lại. Phải không từ bi đối với chúng sinh, ưa tổn hại, không phải tế độ, vì nương vào sức nhân này mới đoạn thiện căn. Duyên vào lực thì chắc chắn do gần bạn ác, là người A-điên-để-ca tất cánh và Nhất-xiển-để-ca có chủng tánh. Đối Pháp luận ghi: "Cả hai đều đoạn thiện căn". Căn có hai thứ là Chủng tử và Hiện hành. Chỉ đoạn Hiện hành, không phải đoạn Chủng tử. Chiết phục thế lực khiến cho không khởi Hiện hành gọi đó là Đoạn, không phải đoạn Chủng tử, chỉ đoạn Sinh đắc, không phải Gia hạnh thiện. Gia hạnh thiện thù thắng, khi phương tiện trước đã không khởi thì chỉ đoạn cõi Dục, mà cũng gồm luôn ba cõi. Đã đoạn căn rễ của cây, thì thân và cành cây phải chết, khiến cho thế lực cách xa, là chín phẩm Đoạn không phải một sát-na, ấy là không có gián đoạn, không giống như Đạo hại.

Nối tiếp thiện căn có bốn duyên:

1. Tánh lợi căn tư duy có thể nối.
2. Thấy bằng hữu tu thiện.
3. Nghe chánh pháp. Hai duyên này là do thấy duyên bên ngoài mới có thể nối thiện căn, hoặc tự tư duy, hoặc gặp duyên lành, thì tâm sắp đoạ kia gọi là tâm chợt hiện.
4. Do sinh tâm tìm cầu, do dự chỉ có cấu kết, ấn khả đối với tìm

cầu thì tâm Quyết định sinh.

Từ trên đến đây ba tâm đều là Vô ký, dẫn sinh tâm thứ tư là tâm Nhiễm tịnh, gọi là nối tiếp Thiện. Hoặc Tự lợi căn thì tư duy chết nhân đó sinh do dự và chứng quyết định. Nối tiếp thiện căn gọi là sức nhân nối tiếp. Hoặc tuy lợi căn, lại gặp bạn tốt, tu các phước nghiệp, nghe chánh pháp, nhân đó sinh do dự, chứng quyết định mà nối tục thiện căn, gọi là sức duyên nối tiếp. Sư của Tát-bà-đa hoặc là nghi tâm, hoặc là chánh kiến, nối tục thiện căn, luận này không đồng với luận kia. Nghi tức là tâm Vô ký tìm cầu. Hoặc đồng với luận kia do dự tức là Nghi. Tâm chứng quyết định tức là thiện căn tương tục, tức là Chánh kiến. Câu-xá quyển 17 ghi: "Trong nhân quả có khi sinh Nghi, điều này hoặc đáng lẽ có, hoặc sinh Chánh kiến, Định có chẳng phải không, nối tục thiện Hiện hành, không phải Chủng tử, vì có từ xưa". Thiện Hiện hành sinh, ban đầu thì gọi là Tục, thông với Tục của Sinh đắc và Phương tiện thiện. Hoặc tự tư duy, thấy người khác tu phước, phần nhiều là Tục sinh đắc, dẫn sinh Phương tiện thiện. Hoặc nghe chánh pháp, trước hết là nối tục sinh Phương tiện thù thắng dẫn khởi Sinh đắc. Khi không phải nghe chánh pháp thì không có Phương tiện thiện. Hoặc Sinh đắc thiện khởi thì khiến cho Chủng tử của Gia hạnh thiện cũng có thể sinh Hiện hành, gọi đó là nối tiếp, vì Phi thời cũng khởi cho nên khi đoạn nó thì Thắng pháp diệt trước hết, cho nên khi chánh đoạn sinh ra Sinh đắc, do duyên trong và duyên ngoài, do hai duyên này mà Thiện bất định. Do nghe chánh pháp là duyên bên ngoài thù thắng dẫn sinh thiện căn, vì thông với Phương tiện. Hoặc ban đầu nối tục Thiện chỉ khởi Sinh đắc, sau đó khởi Phương tiện, vì khó sinh. Thắng pháp đã đoạn trước, cho nên sau đó mới nối tiếp. Nối tiếp Thiện của cõi Dục không phải hai cõi kia. Nói nhanh chóng không phải nối dần dần, các Phẩm khác đoạn khó hết sạch, chín lần nối nhanh chóng sinh, một chỗ đứt đoạn có thể nối được thì chỗ nối chưa hẳn đứt đoạn. Câu-xá quyển 17 ghi: "Trong thân hiện tại có thể nối tiếp thiện, nếu không thì cũng có thể tương tục, trừ hạng người tạo Ngũ nghịch, vì người đó quyết định sắp sửa chìm xuống Địa ngục". Sắp sửa chìm, tức là nói người kia sắp chết, hoặc người kia sắp sửa thọ sinh. Khi sắp sửa thọ sinh gọi là Trung hữu vị, thấy tướng quả sau, liền nối tiếp thiện căn, vì Sở y của Địa ngục cùng với thiện căn trái nhau, cho nên tại Trung hữu vị. Kiến có thể tương tục, vì Trung hữu không trái với thiện căn, đã thọ quả báo thì cần phải chờ báo hết mới có thể tương tục thiện. Tương tục thiện căn rồi tức là mạng chung. Luận này thì không phải như vậy. Tại thân Trung hữu đã được nối tiếp

thiện thì Chuyển và Bất chuyển của nó đều không ngăn ngại. Giả sử thọ quả kia mà nối tiếp thiện căn thì cũng trái với lý gì, lẽ nào quả Vô ký trái với thiện căn hay sao? Giả sử thiện căn nếu sinh thì cũng là bất định, không từ quả kia mà chìm mất. Luận kia lại nói, do sức đoạn thiện căn, khi Địa ngục sinh thì thế lực của tục và đoạn yếu đi. Do sức đoạn thiện căn, khi Địa ngục chết thì sức tương tục mạnh. Lại nữa, Ý lạc hoại, không phải Gia hạnh hoại mà đoạn thiện căn, là người trong đời hiện tại có thể nối tiếp thiện căn. Nếu Ý lạc không hoại Gia hạnh cũng hoại mà đoạn thiện căn, thì phải sau khi thân hoại mới nối tiếp thiện căn. Kiến hoại hoặc không hoại, nghĩa của nó cũng như thế. Tuy không có văn nói về sáu cõi trời của Bắc Câu-lô châu, nhưng Súc sinh và Ngạ quỷ tương tục thiện căn không sinh, do đó đã là bất định, cho nên không nói, càng nên suy xét.

Thuyết minh trong Tử sinh, đoạn văn phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh phần tử sinh bên trong.
2. Thuyết minh khí thành hoại bên ngoài.

- Trong phần đầu có hai đoạn:

1. Phân rõ.
2. Tổng kết.

- Trong phân rõ lại có hai phần:

1. Phân rõ tử sinh.
2. Trong quyển sau nói: “Lại nữa, các hữu tình tùy theo như vậy trong loài hữu tình, khi tự thể sinh... trở xuống, nói quán sinh tử, dần dần Lậu sẽ hết”, câu nghĩa khó hiểu.

- Đoạn văn đầu lại có hai phần:

1. Thuyết minh tử.
2. Thuyết minh sinh.

Trong văn Tử lại có hai đoạn:

1. Nêu ra sáu trường hợp chết.
2. Tùy theo sáu trường hợp mà giải thích riêng.

Trong sáu trường hợp thì ba trường hợp đầu là không biết rõ Thức lìa thân chính là chết, ba trường hợp sau là biết rõ tâm thức, sắp sửa chết mà chưa lìa thân, lúc đó giải thích là chết Phi thời. Ba nghĩa đầu lại không khác nhau. Khi chết có nghĩa là đạo lý, hoặc có nghĩa là đúng thời nghiệp và mạng đều hết, hợp với đạo lý mà chết, chính là đúng thời, tức là thọ hết mà chết. Chết Phi thời thì ngược lại với chết thọ tận, tức là phước hết, và không kiêng tránh những trường hợp không bình đẳng, vì chết đột ngột.

Trong giải thích riêng sáu trường hợp chết phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh ba trường hợp thời và Phi thời.

2. Thuyết minh sự chết của ba tâm tánh.

Chết khi thọ mạng hết là nghiệp và mạng hết. Chết do phước hết là ăn mặc thiếu. Không kiêng tránh những trường hợp không bình đẳng là chết đột ngột của các duyên khác. Những trường hợp không bình đẳng nghĩa là không điều thuận. Chín Nhân thì có chín Duyên, gọi riêng là mười tám:

1. Ăn không có độ lượng, là sình bụng mà chết.

2. Ăn những thứ không nên, là ngộ độc mà chết.

3. Không tiêu hóa thức ăn lại ăn tiếp nên trúng thực mà chết.

4. Ăn tươi sống không ói mửa, thức ăn không tiêu nên chết.

5. Ăn chín mà trì giữ lại, tiêu hóa không thông nên chết.

6. Không gần thầy thuốc, bệnh chết đột ngột.

7. Không biết đối với tự mình là tổn hại hay là tăng ích, vào nước vào lửa, bị người hại rơi xuống hầm sâu, là ngu si cho nên chết.

8. Phi thời làm hạnh bất tịnh, hoặc đói hoặc no đi xa, hoặc khi bệnh mà làm việc ấy cho nên chết.

9. Làm hạnh bất tịnh quá lượng, vì nhiễm ái quá độ cho nên chết.

Đối Pháp luận nói về ba trường hợp chết: "Một là tuổi thọ hết cho nên chết, như người sinh tại cõi này thọ đầy đủ một trăm năm, nghiệp tuy chưa hết nhưng mạng hết cho nên chết. Hai là phước hết cho nên chết, đam mê Định mà thiếu ăn mặc, do duyên đột ngột mà. Ba là nghiệp hết cho nên chết, vì nghiệp trong ba thời đã hết". Trong luận này, ba trường hợp đầu không có chết do nghiệp hết, chỉ nương vào duyên hiện tại mà phân rõ, không nương vào duyên quá khứ, không có chết do nghiệp hết. Trong các duyên bên ngoài của nó, lìa chính mình thì gọi là phước hết, hợp với chính mình thì gọi là không bình đẳng. Trong Đối Pháp luận thì nói chung duyên của quá khứ và hiện tại cho nên có nghiệp hết. Lìa chính mình hoặc hợp với chính mình, hai duyên tuy khác nhau, nhưng duyên bên ngoài thì đồng, hợp chung gọi là phước hết. Luận kia giải thích y theo Tăng thượng, chỉ đam mê hương vị của Định, cũng không trái nhau. Câu-xá luận lấy phước và thọ đắp đổi làm thành bốn câu. Căn cứ theo Đối Pháp luận thì lấy ba tương đối làm bốn câu. Trong đây ba pháp tương đối làm bốn trường hợp chết, đều như lý suy nghĩ.

Trong phần luận về sự chết của ba tâm tánh, toàn văn chia làm

hai phần: Phần đầu luận về sự chết trong ba tâm tánh, phần sau đoạn từ "làm lành hay không" trở xuống là tổng giải thích về sự chết. Văn phần đầu chia làm hai đoạn: Đoạn trước luận về chết do thiện tâm hay không thiện tâm, đoạn sau luận về trường hợp chết trong tâm Vô ký. Đoạn đầu phân làm hai phần: phần một bàn riêng trường hợp chết trong hai tâm tánh; phần hai tổng luận tướng sai biệt của trường hợp chết trong hai tâm tánh. Chết có ba tâm vị:

1. Ngay khi chết, tức là sát-na cuối cùng. Duy Thức luận nói đó là Thức thứ tám. Đối Pháp luận nói chết thì có tâm cuối cùng, sinh thì có sát-na ban đầu. Sát-na ban đầu của thân Trung hữu chỉ có tánh Vô ký.

2. Kế đó là tâm Nhuận sinh. Chỉ có Thức thứ sáu có Ngã ái tương ưng. Đối Pháp luận nói làm chín thứ tâm mạng chung, chỉ có Hữu phú vô ký.

3. Kế đó là thuyết minh Lợi tâm, tức là ba tánh này là thô tưởng hiện hành và tế tưởng hiện hành. Tâm Vô ký tức là tâm Ngã ái, đây là nói Thức thứ sáu, hoặc gồm luôn Thức thứ tám, tức là tâm cuối cùng, cho nên nói không thể nhớ pháp thiện ác.

- Trong phần tổng Liệu giản, văn phân làm tám đoạn:

a. Trong ba tánh, tánh nào khởi trước.

b. Nhân của sự chết.

c. Tướng của thiện ác.

d. Tướng của Nhuận sinh.

e. Cắt xẻo thân thể.

f. Căn không có đốn hay tiệm.

g. Cách gọi khác nhau của sự chết.

h. Tướng Xả của cõi trên cõi dưới.

1. Ba tánh có ba duyên khởi trước:

a. Nghiệp đã tạo trước đây mạnh hơn thì khởi trước.

b. Nghiệp nếu bình đẳng thì tùy lúc ban đầu tự nhớ lại, là nghiệp tạo tác đầu tiên.

c. Hoặc cường hoặc bình đẳng thì gặp thời người khác dạy cho nhớ lại.

Tuỳ theo nghiệp nào mà khởi hay không khởi các tâm khác. Ba nghiệp trên, tùy chỗ thích ứng, chỗ nhuần của Ngã ái mà thọ quả tương lai. Lìa ba duyên trên mà khởi tâm Vô ký, hoặc lại là Vô tâm vì trước kia là tác nghiệp đầu tiên, thọ quả tương lai. Luận thuyết minh trường hợp chết do tâm tánh thiện hay ác, không nói tánh thứ ba, thọ quả tương lai tức là có Duyên.

2. Nhân của sự chết có hai sức nhân:

a. Chủng tử danh ngôn, chỉ có Vô ký, là nhân duyên của Thức thứ tám.

b. Chủng tử Hữu chi, thông với thiện và bất thiện, là Tăng thượng duyên của Thức thứ tám.

Nói do hai sức nhân của tương lai mà mạng hiện tại hết, hoặc do thế lực của Chủng tử danh ngôn hết, hiện tại không kiêng tránh không bình đẳng cho nên chết, hoặc tuổi thọ hất mà chết. Do thế lực của Chủng tử hữu chi hết, thì nghiệp hiện tại hết cho nên chết, do hai sức nhân và phước hết cho nên chết.

3. Tướng của thiện ác có hai phần:

a. Thuyết minh tướng trước của thiện ác.

b. Thuyết minh sai biệt.

Thọ hết nghĩa là quả Sở dẫn của nghiệp trước, tức là nghiệp hết. Khi chết, không phải không kiêng tránh trường hợp không bình đẳng, Định cũng là tướng Hữu trong Hữu, như phần sau của mặt trời, như khi mặt trời sắp lặn và như bóng của những đỉnh núi. Tướng của hạ phẩm ác nghiệp, như bóng của đỉnh núi treo che, trung phẩm như núi che khắp hết, thượng phẩm như chỉ che khuất phần sau mặt trời. Hoặc hạ phẩm như che khuất phần sau mặt trời, trung phẩm như núi che khắp hết, thượng phẩm như bóng của đỉnh núi. Đây là tướng khi mạng sắp hết, do ác nghiệp trước kia mà thấy quả tướng trong tương lai. Trong thuyết minh sai biệt có hai phần: phần một phân rõ thiện, phần hai phân rõ ác. Hai phẩm thượng trung trong ác, như văn tự giải thích. Tạo nghiệp bất thiện hạ phẩm thì phần nhiều không có ác tướng cho nên luận không nói.

4. Tướng Nhuận sinh: Trước thuyết minh Nhuận sinh của phàm, sau thuyết minh Nhuận sinh của Thánh. Quyết Trạch phần nói có bảy thứ Thọ sinh. Phàm phu lấy Hiện hành chủng tử nhuận sinh, do đây Ngã ái tức là Thủ chi, nhuần với chi Năng dẫn và Sở dẫn trước, chuyển gọi là Hữu chi, liền có thể kiến lập quả sau thân Trung hữu và báo của Sinh chi. Luận nói quả thứ nhất và thứ hai là Ngã ái nhuận sinh, Bất hoàn không có. Đối Pháp luận nói bậc Thánh đã lìa Dục, lực đối trị còn mạnh, do sức Tùy miên kia khiến cho sinh tương tục, chỉ có quả thứ nhất và thứ hai, Tu đạo và Trị đạo của cõi dưới chưa đầy đủ, tuy có thể chiết phục, nhưng không tương tục, không bền vững, vẫn lấy Hiện hành nhuận sinh. Quyết Trạch phần tổng nói, bậc Kiến thánh đế là lấy Tùy miên nhuận sinh, thù thắng hơn Dị sinh, tương đối phân rõ thì thật ra

thông với Hiện hành, chính là thân của Vô Tưởng hữu tình Dị sinh và Bất hoàn là sinh Tự địa, gồm phàm Thánh tương đối, nhuận sinh hơn kém, chỗ có vấn nạn, đều như Xu Yếu và Quyết Trạch phần. Nói tất cả phiền não đều là Nhuận sinh, gọi là Thủ chi, nghĩa là ban đầu khởi Thủ chi, đây là Thủ chi sau, cũng không trái nhau. Lại nữa, luận kia nói tất cả vị phiền não ngoài thời khác, đây là nói khi mạng sắp hết, cũng không trái nhau.

5. Cắt xẻo đứt: Trừ cõi Thiên Na-lạc-ca ra, vì cõi này hóa sinh và chết nhanh. Lại nữa, cõi Thiên thì chỉ có quả thiện nghiệp, Địa ngục thì hằng cắt đứt thân thể, không cần phải nói.

6. Căn không có đốn hay tiệm, nhưng vì đủ căn và thiếu căn riêng khác.

7. Cách gọi khác nhau: Chứng Thánh thì gọi là Thanh tịnh giải thoát, vì chứng đắc Vô lậu và lìa chướng ngại. Hoặc chỉ có A-la-hán chứng Tịch viên, Bồ-tát cũng vậy. Ngoài ra thì ngược lại đây nên biết.

8. Tướng Xả của cõi trên và dưới, nên biết sau đó Thức chỉ có tâm Xứ xả. Trong bụng mới sinh, bất tịnh mà trở thành tâm, cho nên sau cùng là Xả, phần này đề cập trong quyển đầu.

Trong giải thích văn của Sinh, phần lớn phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh Sinh nhân và Sinh tướng.

2. Trong quyển 2, giải thích lại.

- Đoạn văn đầu có hai phần:

a. Thuyết minh Sinh nhân.

b. Tử sinh đồng thời.

Thuyết minh Sinh tướng, Sinh tướng tức là Sinh chi, cho nên Duy Thức nói: “Bắt đầu từ thân Trung hữu, đến khi trong Bản hữu chưa bị suy biến, đều thuộc về Sinh chi”. Sinh nhân tức là Hữu chi, Hữu chi có hai thứ:

1. Thức v.v... nhân Hý luận là có thể làm nhân duyên, cận sinh Sinh chi.

2. Nghiệp chi chủng tử, tức là Tịnh nhân và Bất tịnh nhân là Tăng thượng duyên chiêu cảm cho Sinh chi dấy khởi.

Nhuận sinh Ái diệt, khởi tâm ngay khi chết, lược bỏ không nói. Hai nhân này chín muồi thì quả thân Trung hữu khởi. Văn của Sinh tướng có hai đoạn: một là thuyết minh thân Trung hữu sinh phương tiện, hai là “người lại tạo ác nghiệp nữa gọi là đồ tể hạ tiện” trở xuống là luận về Đương hữu sinh và Căn bản sinh. Phần đầu là thú hướng phương tiện, phần sau là thú hướng Thể.

- Trong phân rõ thân Trung hữu, có mười bốn môn:

1. Thời tiết của Sinh: a) Thú hướng Diệt vị. b) Thú hướng Tức sinh. Như tướng sinh diệt gọi là hai đầu.

2. Cụ căn, vì hóa sinh. Quyển hai sau trong bốn Sinh, giải thích Hóa sinh.

Hỏi: Đầy đủ sáu Xứ, hoặc không đủ, thân Trung hữu cần gì đủ năm căn?

Đáp: Luận kia giải thích Vô tưởng thiên và mới sinh mạng hết thì gọi là Bất cụ. Tùy thuận với Tiểu thừa, nói thân của sáu Thức, vì không có Ý căn, không phải ngoài Hóa sinh có Bất cụ căn.

Hỏi: Lại nữa, Quỷ và Súc của Kiếp sơ đã cũng là Hóa sinh, cần gì phải có đủ căn?

Đáp: Nhân và Súc trong Kiếp sơ, tất cả đều có đủ căn để hóa sinh, hoặc nói căn của nam nữ, như trong thân Trung hữu, dung chứa được vô hình.

Hỏi: Đã cùng với quả đương lai tương tợ chỗ chiêu cảm của một nghiệp, tại sao cần phải đủ căn?

Đáp: Vì Hóa sinh cùng với Đương sinh không đồng.

3. Tướng trạng, chỗ dẫn thiện ác của nghiệp thức khác nhau.

4. Cực tịnh thiên nhãn môn, tức là đại Bồ-tát và hàng Thanh văn đọc rộng nghe nhiềểuộng tu, là vì Kiến rất vi tế.

5. Không đồng với giai đoạn sắp chết ở trước, khởi Ngã ái bên trong, chỉ khởi cảnh giới Ái duyên cảnh Đương sinh.

6. Đồng với hình Đương sinh, vì một nghiệp chiêu cảm, như thân Trung hữu của chó, tuy chờ thời gian, nhưng chuyển thọ thân chồn, vốn hướng tới sinh chó, hình vẫn tương tợ chó.

7. Như Thiên nhãn thấy sắc bên ngoài chướng ngại, nhưng để thấy được vô biên thì tùy loại nghiệp.

8. Thân vô ngại, qua chỗ sinh kia, tùy theo thân của núi sông đều qua được, một là không có chướng ngại cũng như sức thần thông, chỗ sinh thì có chướng ngại.

9. Không thấy nẻo khác, thấy đồng loại và xứ Đương sinh của Thân, vì thế lực của nghiệp khác nhau, không đồng với các tông khác.

10. Hình nghi của vãng sinh, ác nhãn nhìn thấy Tịnh của cõi dưới, sinh vào ba nẻo ác, tuy thấy chỗ sinh, thấy thanh tịnh thù thắng đó, cho nên ưa mừng muốn sinh. Hoặc thấy tướng dơ uế thì không ưa muốn sinh. Câu-xá luận ghi: "Trên đầu của cõi Thiên có ba Địa ngục nằm ngang, quay đầu trở xuống". Thuyết đó không đồng với luận này. Hoặc luận

này nói Địa ngục mặt nhìn xuống, không phải đầu không đồng quay xuống. Nhưng cùng với hai nẻo khác nhìn xuống tương tợ, cho nên đồng với thuyết đó.

11. Phần hạn khi sinh. Bảy ngày một lần chết thì thọ mạng suy đồi, trải qua cùng cực bảy lần chết thì chắc chắn chứng đắc Sinh xứ, nghiệp thì đã chín, như trụ tuổi thọ cùng cực tám vạn bốn ngàn, ở đây cũng như vậy. Không thể đặt vấn nạn, giả sử khi kiếp diệt, Luân vương nghiệp chín muồi, cũng quyết định bảy ngày chuyển sinh về phương khác. Hoặc nghiệp có thể chuyển nhưng chưa thọ quả, giả sử thân Trung hữu của cõi Sắc cũng chỉ có bảy ngày, cõi Sắc thì bất định, nghĩa này không như vậy. Vì không có văn nói.

12. Có thể chuyển Sinh xứ và Sinh thời. Hai duyên chưa hợp, là cha mẹ chưa hoà hợp. Phi thời của cầm thú, như chó sinh chồn, vì thời và xứ chưa hoà hợp. Như hủy báng giải thoát mà sinh Địa ngục đều có thể chuyển.

13. Giải thích Dị danh, tổng có bốn Hữu, là Sinh hữu, Tử hữu, Bổn hữu và Trung hữu. Sát-na ban đầu gọi là Sinh hữu, sát-na chết cuối cùng gọi là Tử hữu, sau khi sinh và trước khi chết gọi là Bổn hữu, sau khi chết và trước khi sinh gọi là Trung hữu. Một gọi là Trung hữu là ở giữa hai Hữu trước và sau. Trung hữu không phải nẻo. Bổn hữu tuy cũng ở giữa nhưng không gọi là Trung hữu. Hai gọi là Kiện-đạt-phược, Hán dịch là Tầm hương hành, tìm mùi hương ngay chỗ sinh mà đi đến đó. Hoặc chỉ ngửi hương, nhờ hương nuôi sống, như khởi ưa thích thì gọi là Tầm hương, đây là chỉ có tên trong cõi Dục, không phải cõi Sắc. Cõi Sắc kia tuy không tìm hương, nhưng giống với tìm hương, cũng gọi là Tầm hương. Thấy chỗ sinh thì khởi Ái, không nghe chỗ sinh hương thì tự không có Tỷ thức. Ba gọi là Ý hành, thân theo tâm mà đến, nhanh chóng tự tại, hoặc gọi là thú hướng sinh, vì hướng đến Sinh hữu.

14. Hữu hình và vô hình của ba cõi, trừ ra cõi Vô sắc, vì không có hình, trong hai cõi Dục và Sắc, cũng không chắc chắn phải có, người biến thành cọp, chim sẻ hóa thành bồ câu đều không có thân Trung hữu. Kinh Niết-bàn ghi: "Hoặc nói cõi Dục và cõi Sắc có thân Trung hữu, hoặc nói cõi Dục và cõi Sắc không có thân Trung hữu, đều là không hiểu ý của Ta". Nếu tất cả đều là Hữu thì tại sao trong kinh nói Hữu là không hiểu ý Ta? Cho nên thừa nhận thông với vô. Do dự là Hữu, nhanh chóng là Vô, hãm thân vào Địa ngục. Cõi Sắc sinh khởi nhanh chóng, cho nên thân hình Trung hữu to lớn như Bổn hữu. Thân Trung hữu của cõi Dục thì bằng một nửa của Sinh hữu, vì hình thành dần dần. Đây là

cứ theo Tiểu thừa, phần lớn không có văn, ở cõi Vô sắc chết, khi sinh xuống cõi dưới, tùy trong xứ chết trước mà Trung hữu có ngay đó. Có một câu hỏi rằng: Nếu tại cõi Dục đắc Định của cõi Sắc, nghiệp lực cũng còn nhẹ, trở thành nghiệp Hậu báo, tiếp theo chứng đắc Vô sắc định, nghiệp thù thắng làm Sinh báo, sinh vào cõi Vô sắc. Đã thọ Sinh báo rồi, sinh trong cõi Sắc mới thọ Hậu báo, lúc đó hai mươi kiếp của cõi Dục trống rỗng, là đối với Tử xứ của thân trước trong cõi Dục, thân Trung hữu hiện tiền, sinh hướng về cõi Sắc. Điều này cũng khó hiểu? Đáng lẽ nói là đối với chỗ đang sinh hiện ra thì có lỗi gì? Tuy có giải thích này, nhưng lý thật ra không phải vậy. Tử xứ trước hiện ra, lý đó là đúng. Không có Sắc thì không có Xứ, tức là tại nơi nhập định Tử xứ thọ quả, từ Tử xứ mà thân Trung hữu hiện tiền, hoặc là Sinh xứ hiện ra, thì phần lớn xa xôi, Sinh xứ càng xa hơn, thì ai truyền Thức? Do đó mà trước đã nói. Trong Quyết Trạch phần quyển 54 ghi: “Làm sao biết được có thân Trung hữu? Từ khi thân này chưa có hoặc không có Sở y, các Tâm và Tâm sở không có lý nào chuyển đến phương khác”.

Giả sử hỏi rằng: Như âm thanh phát ra tiếng vang, thì chỗ này diệt chỗ kia sinh, đâu cần có thân Trung hữu?

Họ tự giải thích rằng: Không nên như tiếng vang, vì chỉ có hoặc loạn, tiếng vang không phải thật có, Ý biến tương tợ tiếng vang, tiếng vang sinh ngoài âm thanh, vì tâm loạn đảo.

Lại hỏi rằng: Nên như đối với Ảnh chất, đối với Ảnh sinh, đâu cần gì Trung hữu?

Họ tự giải thích rằng: Không nên như Ảnh, vì ảnh kia không diệt, Chất tại ảnh sinh khởi, không giống như sau khi chết rồi nẻo mới sinh, cho nên có thân Trung hữu.

Lại hỏi rằng: Như tâm duyên Cảnh, tâm suy nghĩ thì Cảnh sinh, cần gì phải nhờ Trung hữu?

Họ tự giải thích rằng: Cũng không nên nói như nắm lấy Sở duyên, vì không phải đi đến, tâm không đến Cảnh, suy nghĩ khởi thì Cảnh sinh, sinh và chết thì không phải như vậy. Cần có Xứ sinh đến, tức là giả truyền Thức, cho nên cần có Trung hữu.

“Lại nữa, người tạo ác nghiệp là giết dê...” trở xuống. Trong Sinh tướng, thứ nhất là thuyết minh Đương hữu sinh, vì chính là hướng đến Thể. Văn lại có hai phần:

1. Thuyết minh Sinh tướng của thân Trung hữu hướng năm nẻo.

2. “Lại nữa, từ ba Xứ hiện tiền...” trở xuống, thuyết minh Sinh tướng của Thai sinh.

- Lại phân làm hai phần:

a) Thuyết minh Sinh tướng hướng Địa ngục.

b) Hiển Sinh tướng của bốn thú hướng còn lại.

- Phần đầu lại phân làm bốn phần:

a) Thuyết minh tướng của thú hướng.

b) Thuyết minh Hóa sinh cụ căn, khắp thọ khổ.

c) Thuyết minh thú hướng về tâm của nó.

d) Kết thành đạo lý.

- Đoạn văn đầu có hai phần:

a) Thuyết minh thấy tướng Địa ngục, là đồng loại đã xưa cũ, mừng vui rong duỗi, chỗ sinh cảnh chướng ngại, thì liền tiếp tục sinh.

b) Thuyết minh mạt tâm Trung hữu thấy quả Địa ngục hiện tại.

Tướng các Sắc tán loạn, như Hữu tướng đã nói ở trước trong chỗ thấy sắp chết, trước diệt sau sinh, như quỷ bướu, có loài quỷ phần lớn là có bướu, không thể tự trì giữ, thọ nhiều khổ cùng cực thì đồng tại Địa ngục, cho nên Quyết Trạch phần chỉ nói sinh trong quỷ súc hằng thọ nhiều khổ, đồng ở tại Địa ngục. Tại sao trong đây chỉ nói cõi quỷ? Vì cõi này nghiệp nặng, lại nêu ra sơ lược.

- Trong Sinh tướng của Thai sinh, văn phân làm ba phần:

1. Thuyết minh ba Xứ hiện tiền.

2. Thuyết minh ba thứ chướng ngại.

3. "Hoặc không có ba thứ lỗi lo như vậy" trở xuống kết thành tướng Nhập thai.

Điều hoà thích hợp với thời, không có bệnh được an vui. Nói có hạt mè hạt lúa, thì hạt mè hạt lúa bế tất đường sinh sản. Nói sản môn có hình xoắn ốc, có cửa rộng lớn, hoặc có hình cong, có uế có trược, hang lổ không thuận thẳng, khó đặt yên đứa con. Chỗ đó dơ uế, tinh huyết hỗn trược, không thể kham chịu làm thành chỗ nương. Không tạo tác thì không tăng trưởng chiêu cảm nghiệp của đứa con, tạo tác là một đứa con tăng trưởng, là nghiệp của nhiều đứa con. Hoặc cảm dòng họ tôn quý, tự mình có cảm dòng họ tôn quý, cha mẹ thì không có, hoặc tự mình thì không có, cha mẹ thì có, kết thành có chín giai đoạn trong tướng Nhập thai:

1. Kết thành nhập thai.

2. Đối với cha mẹ khởi điên đảo.

3. Tướng chỗ thấy phước mỏng phước nhiều.

4. Nương gá thác sinh của Bản thức.

5. Tướng trạng nương gá thác sinh.

6. Các căn nương đây lần lượt sẽ sinh.

7. Nơi các căn nương gá cũng sẽ lần lượt sinh, được gọi là viên mãn.

8. Thức thác sinh, nương chấp tăng giảm như nhau.

9. Nhục tâm (tim) là nơi Thức nương gá vào đây trước nhất nên xả bỏ chỗ này sau cùng.

Trong đoạn "đối với cha mẹ khởi điên đảo" có sáu phần:

1. Khởi thú hướng.

2. Khởi điên đảo.

3. Với cha mẹ sinh tưởng khác.

4. Ưa thích xa gần không đồng.

5. Tùy ý thấy một.

6. Liền thọ sinh, nương dựa trong tướng trạng, đó là chỗ chảy ra tinh huyết tanh hôi hợp thành một đoạn, là tinh huyết của cha mẹ hợp thành một đoạn.

Mạt tâm của Trung hữu khởi ái phiền não, gọi là điên đảo Trung hữu mạt thân, gọi là điên đảo Duyên, tức một đoạn kia là Phi tình tinh huyết cùng với Trung hữu đồng thời diệt, tức là sự đồng thời này do lực của Chủng tử, có căn vi tế và các đại chủng tạo căn đều cùng với căn đồng là hữu tình phận, khi tinh huyết bất tịnh hoà hợp nắm lấy sinh sát-na trước, tức là tinh huyết này còn là Phi tình, hiện tại sát-na này, Thức đã nương gá vào, gọi là Kết sinh mà có Hữu tình tâm sở. Sư của Tát-bà-đa lấy tinh huyết của cha mẹ là duyên, có riêng đại chủng tạo sắc của Dị thục, tử sinh trong đó. Hiện tại luận này có hai thuyết:

1. Tạo căn vi tế, đại chủng mới sinh, loại đó rất khéo diệu, ngoài ra trợ giúp đại chủng của Căn trần và Tạo sắc, dùng tinh huyết của Phi tình trước làm Thể này, không đồng với Tát-bà-đa kia.

2. Đồng với luận kia.

Phi tình đều diệt, nương vào đây mà làm duyên, thì tinh huyết mới khác lại sinh, là nghĩa Yết-la-lam, như quyển sau sẽ giải thích. Các căn nương vào đây mà lần lượt sinh trong đó. Trong Yết-la-lam này có đại chủng của các căn, nghĩa là lúc ban đầu bốn căn như Nhãn v.v... lúc đó cũng chưa có, đã có tạo ra bốn Đại năng tạo. Căn cứ theo xứ sở đó, trong luận này có nói, ngoài đại chủng tạo thân căn, riêng có bốn Đại tạo căn khác. Tuy không có Sắc sở tạo, nhưng đại chủng đã có, do đây mà thân căn đồng thời sinh với sức của đại chủng, sau đó các căn khác sinh. Quyết Trạch phần nói: "Năng tạo và Sở tạo, quyết định không lìa nhau, gọi là đồng Xứ không lìa nhau, nói lấy Hậu vị, không phải Sơ vị,

vì riêng có đại chủng”. Căn cứ theo xứ sở đó thì sau đó căn mới sinh. Chính sự trợ giúp bốn Trần của các căn khác lúc đó cũng chưa có, cũng chỉ có đại chủng, trước hết căn cứ theo xứ sở, sau khi căn khởi thì Tạo sắc mới sinh, căn nương vào đó mà đồng thời sinh, gọi là chứng đắc viên mãn, hoặc ý của luận này nói là bốn Đại tạo thân căn, cũng có thể tạo bốn Căn còn lại, trợ giúp bốn Trần của thân căn, là Năng tạo bốn Đại, cũng là Năng tạo trợ giúp cho Trần của bốn căn còn lại. Hiện tại luận này nói ban đầu có đại chủng của các căn, gồm có các căn trợ giúp đại chủng của căn, tức là nói đại chủng tạo thân, và tạo đại chủng phù trợ thân căn và bốn Trần, là tạo đại chủng của bốn căn còn lại. Không phải lại riêng có, nương nhau mà có, là nghĩa của Tạo. Nếu không như thế thì lẽ nào lại chỉ có đại chủng mà không có Sở tạo? Tất cả bốn đại chủng trong cõi Dục đều không lìa Sắc và Xúc, cho nên nghĩa này khó hiểu.

BẢN LUẬN 2

Từ đây trở xuống là thuyết minh trong Sinh tướng. Đoạn thứ hai lập lại Liệu giản, văn phân làm hai phần: phần đầu nói rộng năm nẻo sinh, phần sau nói rộng Thai sinh.

Văn phần đầu lại có mười đoạn:

1. Chủng tử nhiều hay ít.
2. Tướng của Danh và Sắc dần dần tăng trưởng.
3. Sai biệt của ba huân tập sinh quả.
4. Dị thục thọ đồng thời.
5. Có tướng tận của Thọ.
6. Sai biệt của Chủng tử trong ba thời báo.
7. Có cộng đồng pháp giới Nhiễm và Ly nhiễm.
8. Chủng tử của ba tánh được tên có khác nhau.
9. Chủng tử nhiều tên.
10. Tướng sai biệt của Chuyển xả.

Phần Sinh trong đoạn trước nói: "Ngã ái vô gián đã sinh, Hý luận nhân theo đó huân tập, Tịnh nghiệp và Bất tịnh nghiệp đã thành thục quả mới sinh". Hiện tại luận này nói rộng Chủng tử, Danh, Sắc tăng trưởng, tức là Thể của Chánh sinh ở trước.

Trong đây nói rộng lại Chủng tử nhiều hay ít. Tất cả Chủng tử đều đầy đủ, như Thành Duy Thức luận quyển 2 nói. Văn giải thích luận này, cứ y theo ba nghĩa kia, là pháp Niết-bàn. Pháp là đạo lý, tức là có đạo lý để nhập Niết-bàn.

Trong một cõi mà thành Chủng tử của ba cõi, nhiếp tại Bản thức, tánh đồng Vô ký, vì Dụng quy về Thể, thấy giống nhau nhưng khác loại, phạm vi trói buộc hoàn toàn khác nhau. Nghiệp quả không đồng, Báo và Phi báo sai biệt, cũng như luận sớ của Duy Thức quyển 2. Trong ba huân tập Chủng tử sinh quả sai biệt, tự thể của Chủng tử thức, ưa thích Hý luận để làm Thắng nhân, là Danh ngôn chủng tử. Đối với sinh Tịnh nghiệp và Bất tịnh nghiệp của tộc họ làm Thắng nhân, là Hữu chi chủng tử. Tự thể chấp Ngã, Mạn... là Chủng tử Ngã chấp, tức là nói rộng ba nhân trước ở trong Thai phần. Có tự tánh Thọ không khổ không vui, là A-lại-da thức tương ưng với Xả thọ, Dị thục chủ gánh vác các Thọ khác, gọi là tự tánh Thọ. Dị thục Sinh, là từ Chân dị thục sinh ra, Thể không phải Dị thục. Nghĩa của Dị thục như Duy Thức sớ quyển 2 nói.

Lại nữa, Thể của Chủng tử từ vô thỉ đến nay, Hộ Pháp và Tịnh Nguyệt nói: "Chủng tử vốn có sẵn, do Chủng tử mới huân tập phát khởi mới sinh, cho nên gọi là mới". Văn này là chánh văn. Nan-đà nói: "Đây

là nói Danh ngôn, Bản thức gần Chủng tử, vô thỉ mới huân tập, không thể tự chứng đắc quả Dị thục, phải do Chủng tử mới huân của Tịnh nghiệp và Bất tịnh nghiệp chiêu cảm tập hợp thì mới có thể sinh được, cho nên gọi là mới". Hộ Pháp giải thích: "Danh ngôn chủng tử, pháp vốn như vậy, đã thành tựu từ xưa, không có Hữu chi huân tập, không thể chứng đắc quả, mới và cũ hợp chung sử dụng thì quả đó mới có thể sinh. Mong nghiệp chiêu cảm tập hợp cùng với Danh mới của nó không phải Danh ngôn chủng tử, từ vô thỉ thì không có, phải huân tập mới sinh, cho nên gọi là Danh ngôn chủng tử". Không có tướng Thọ tận, lại là Tâm sở gặp duyên, vì Tâm sở sinh quả. Chủng tử của Hữu chi, gọi là tướng Hữu chi Thọ tận, vì có tướng suy đồi. Nếu quả chưa sinh, thì gọi là quả chưa thọ, nếu quả đã sinh thì gọi là quả đã thọ.

Lại nữa, các Chủng tử chưa cùng với quả hoặc thuận Sinh thọ hoặc thuận Hậu thọ, thì đây là nói Chủng tử chưa sinh quả. Hoặc thuận Sinh thọ, hoặc thuận Hậu thọ. Tuy trải qua nhiều kiếp, nhưng chưa chứng đắc quả. Chủng tử chưa diệt mất, sau đó có thể sinh lại, tùy rong đuổi theo tự thể, tuy các quả khác sinh, phải do tự Chủng tử, như Thể của Dị thục, tuy chờ các nghiệp khác và hiện hành các duyên khác, thì quả đó mới sinh, phải do Danh ngôn chủng tử của tự nó để khởi Cận nhân duyên. Lại nữa, các Chủng tử riêng đối với Thân này thì đáng lẽ thọ Dị thục, duyên so le thì không thọ, đây là nói hiện tại thuận trong Hiện thọ nghiệp, Bất định chủng tử của Báo định thời, duyên so le thì hiện tại chưa được thọ quả, tuy đối với các Sinh khác mới bắt đầu thọ quả, cũng chỉ trụ tại Thuận hiện thọ vị, không gọi là thuận với các Thọ chủng khác, tức là thuận với Hiện báo định thời Bất định nghiệp, hoặc các Chủng tử nghiệp ba thời, thân hiện tại đáng lẽ thuần thục, duyên so le thì không thọ, thuận với Bất định Thọ, cho nên vẫn nương vào vị xưa cũ mà trụ, gọi là ba thời Bất định nghiệp. Do đó mỗi mỗi thân có nghiệp chủng ba thời. Hiển Dương luận ghi: "Nghiệp có ba thứ, là thuận với Hiện thọ, Sinh thọ và Hậu thọ". Hoặc phân làm bốn thứ, là thêm Bất định thọ. Hoặc khai làm năm thứ, là Ly thời và Báo định trong Bất định thọ cùng với Bất định làm hai nghiệp. Văn này không nói thuận với Hiện thọ, có ý nói nhiều thời không thọ Chủng tử và quả, tuy trải qua nhiều kiếp nhưng Chủng tử không hủ bại, cho nên không nói. Lại nữa, từ Sơ vị mà đặt tên, cũng có nhiều thời thuận với hiện tại Thọ chủng, tuy không chứng đắc quả, cũng không hủ bại, vì chỉ có Biệt báo, ba thời đều thông với Tổng báo, cho nên không nói hiện tại. Thuận với Chủng tử của Sinh thọ, đáng lẽ tiếp theo là Thân thọ, nhưng nói trải qua nhiều

kiếp mà chưa thọ quả. Không hủ bại, là như thuận với Sinh thọ nghiệp, đáng lẽ nhiều đời thọ trong cõi người, mới thọ một đời thì liền tạo ác nghiệp, sinh vào nẻo ác. Quả nhân loại chưa thọ, quả nẻo ác hết thì trở lại thọ quả của cõi người, tức là Thuận sinh nghiệp tuy trải qua nhiều kiếp nhưng không hủ bại. Ngoài ra cứ theo đó có thể hiểu.

Sư của Thí Dụ bộ lập ra có tám Nghiệp, ba Thời và Bất định đều có Định và Bất định, là thuận với Hiện thọ thời quyết định và Báo bất định. Báo quyết định và Thời bất định là hai, ngoài ra cứ theo đây có thể biết. Nghiệp thứ tư của nó không nương riêng vào ba Thời, chỉ có tổng phân biệt, luận kia phá Tát-bà-đa rằng: "Hoặc là nghiệp Vô gián quyết định thuận với Sinh thọ không thể chuyển, thì Thiện nghiệp của ba cõi và Phi tưởng tối thắng cũng đáng lẽ không siêu vượt chứng đắc Thánh đạo". Kia bất khả chuyển thì đây cũng đáng lẽ như thế. Hiện tại trong Đại thừa, nghiệp đồng với nghiệp ngũ Nghịch của vua A-xà-thế kia, đã sám hối rồi thì tuyệt không thọ quả, tức là nghĩa Sinh báo có thể chuyển diệt, lúc đó Báo đều là bất định. Ương-quật-ma-la chuyển nghiệp Địa ngục, thọ trong cõi người. Báo quyết định, Thời bất định, nghĩa cũng đồng như vậy. Cho nên Quyết Trạch phần nói: "Dựa vào người chưa giải thoát mà kiến lập Định nghiệp và không phải đã giải thoát. Các nghiệp trong thân giải thoát đều gọi là Bất định nghiệp", do đây thuận với Hiện nghiệp, đều là hai nghiệp làm thành, tuy không có chánh văn, nhưng lý chắc chắn cũng như thế.

Một Xứ có nhiễm tức là tất cả Xứ có nhiễm. Trong một cõi có các loại cõi, thì ba cõi nhiễm ô và trói buộc đồng nhau. Lìa nhiễm thì ngược lại điều này.

Hoặc Chủng tử do Phiền não phẩm nhiếp thì gọi là thô trọng, cũng gọi là Tùy miên. Thô trọng có ba nghĩa:

1. Não hại, chỉ có pháp nhiễm ô.
2. Vô kham nhẫn, thông với pháp Vô ký.
3. Tánh Hữu lậu, thông với Hữu lậu thiện.

Hiện tại nói Phiền não gọi là thô trọng có đủ ba nghĩa, gọi là Tùy miên thì Câu-xá luận giải thích: "Nghĩa là Tùy mà tăng thêm Miên, là nghĩa Tùy miên", là Tham hiện tại. Thành Duy Thức luận ghi: "Tuỳ là rong đuổi theo hữu tình, Miên là ẩn nấp trong Tạng thức, hoặc Tùy là tăng thêm lỗi, cho nên gọi là Tùy miên". Hoặc mong Bồ-tát chỉ có Chủng tử của hai chướng, cho nên Vô ký không được tên này, các Vô ký phẩm có đủ hai thứ thô trọng, Thể không có kham nhận, vì là Hữu lậu, đây gọi là nhân thô trọng. Không có não hại ban đầu, cho nên các kinh

luận khác chỉ nói Chủng tử nhiễm gọi là thô trọng, không phải pháp Vô ký, chỉ có một Thiện pháp. Nói tánh của Hữu lậu, Quyết Trạch phần ghi: “Có tự tánh nghiệp thô trọng”. Đối Pháp luận cũng gọi là Hữu lậu thô trọng, do không có nghĩa thứ nhất và thứ hai. Hiện tại luận này nói pháp chủng của Tín... không gọi là thô trọng, cũng không phải Tùy miên, do đó tự thể của tất cả Sở y tức là thân năm Uẩn của Dị thục. Phiền não bức não, Phiền não chiêu cảm, Phiền não nương dựa, gọi là Sở tùy thô trọng. Khi Chủng tử vô ký khởi thi gọi là Sở sinh thô trọng. Thể là Dị thục, Vô Phú vô ký gọi là tự tánh thô trọng.

Nhiều tên có mười một tên. Giới nghĩa là nhân, nghĩa là trì giữ tự thể. Chủng tánh nghĩa là Loại và Biệt. Tự tánh nghĩa là Thể. Nhân là nghĩa quả kiến lập. Tát-ca-da nghĩa là hư nguỵ có thể phá được. Hý luận nghĩa là bị phân trong nghĩa Phân biệt. A-lại-da nghĩa là Sở ái nhiễm. Thủ nghĩa là Sở thủ. Khổ nghĩa là bức bách. Tát-ca-da kiến và Sở y xứ của Ngã, Mạn nghĩa là Ngã kiến và Ngã mạn nương vào Sinh xứ. Lại nữa, khi Bát Niết-bàn thì đã chứng đắc Chuyển y, đây là nói nhập quả vị Vô dư. Sở y của Chủng tử nhiễm trước đã chuyển xả, gọi là Vô gián đạo. Chủng tử của Thiện vô ký chuyển khiến cho duyên thiếu khuyết, rốt ráo không sinh. Thể của quả đã không có, tùy ý nhập diệt, gọi là chuyển được nội duyên tự tại. Lại nữa, Chủng tử của Thiện vô ký, do duyên của Chủng tử phiền não trở thành Phược, khi chứng đắc Hữu dư Niết-bàn thì chuyển xả tất cả Sở y của Chủng tử nhiễm, Chủng tử của Thiện vô ký đã lìa duyên Phược, được sinh quả Tự tại, càng không có chướng ngại, mỗi mỗi đều khiến cho duyên thiếu khuyết.

Phần thứ ba, phần nói rộng về tướng Thai sinh, phân là tám đoạn:

1. Thời tiết.
2. Tư chất.
3. Phần vị.
4. Biến dị.
5. Tướng nam nữ.
6. Sự bức khổ của mẹ.
7. Xuất thai.
8. Tướng tăng trưởng.

Trong tám vị đó, Ngũ Vương kinh nói: “Bảy ngày lần đầu như màng sữa mỏng, bảy ngày lần thứ hai như màng sữa dầy, bảy ngày lần thứ ba như sữa đặc, bảy ngày lần thứ tư như hòn thịt tròn, cho đến bảy ngày lần thứ bảy là Viên mãn vị”. Luận này thì nói tám vị. Đúng lý ra là tám lần bảy ngày mới hết ba tháng, nhiều tướng đã hiển hiện rõ ràng,

theo thứ tự như vậy, hoặc đã kết ngưng như màng mỏng bên trong, gọi là Yết-la-lam. Yết-la-lam, Hán dịch là Tạp uế. Bất tịnh của cha mẹ hoà hợp gọi là Tạp, dính nhiễm có thể chê dơ thì gọi là Uế, hai thứ bất tịnh hoà hợp thì gọi là đã kết ngưng, bên trong mỏng bên ngoài dầy, đây là tối sơ có nhiều nhân khổ dấy khởi, sự tổn não đã rộng, cho nên đặt tên là Mũi tên. Át-bộ-đàm, Hán dịch là Bào (da bỏng), cũng như mụt bỏng nổi trên da, trong ngoài như bơ sữa, chưa trở thành thịt, giống như mụt nhọt, cho nên gọi là Bào. Bế-thi, Hán dịch là Ngưng kết, tuy đã thành thịt nhưng vẫn còn mềm, xứ Tây Vực gọi là cục máu chín, cũng gọi là Bế-thi, tướng đó cũng giống nhau. Kiện-nam, Hán dịch là Kiên hậu (dầy cứng), có thể sờ chạm, đã thành cục thịt, nhưng chưa có tướng chi, đến năm lần bảy ngày sau, tướng chi mới hiện, cho nên gọi là Bát-la-xa-khư. Bát-la-xa-khư nghĩa là Chi phần, chỗ thổi của gió nghiệp từ trong thổi đánh ra ngoài, trên có một Chi lấy làm tướng đầu, kế đó thổi hai Chi lấy làm tướng đùi, bên dưới thổi hai Chi lấy làm tướng ống quyển, đây là tướng khí ban đầu từ trong ra, sau khi chết thì khí không trở vào, các vị còn lại có thể biết. Đến tám lần bảy ngày sau, chỉ tăng trưởng dần dần, không có vị nào khác, đến ba mươi tám lần bảy ngày mới đầy đủ, tổng cộng là hai trăm sáu mươi sáu ngày ngày, các chi phần đều đủ. Lại trải qua bốn ngày nữa mới sinh ra, chuyển hướng xuống phía dưới, tổng cộng trải qua hai trăm bảy mươi ngày ngày, là trải qua chín tháng, gọi là Cực viên mãn, bao gồm tháng đầu và tháng cuối thì thành mười tháng, thật ra chỉ đầy chín tháng.

Trong Biến dị có hai phần là nêu bốn loại Dị và tùy giải thích riêng. Một là tóc, hai là sắc, ba là da, bốn là tứ chi. Một là do nghiệp lực, hai là do mẹ không kiêng tránh những trường hợp không bình đẳng, do đó hai lực sinh, tùy thuận theo gió làm duyên, khiến cho tóc... bị tổn giảm, sau khi sinh dần dần xúc sinh các Xúc phần. Dưới đây thuyết minh tăng trưởng, xem ý của đoạn văn này, từ căn và vị trở về sau, chưa nêu ra trước khi Sinh gọi là sáu Xứ chi. Sau khi sinh ra, trước khi học nói năng gọi là Xúc chi, đam mê tạo lập gia thất mới gọi là Thọ chi.

"Lại nữa, chư hữu tình tùy các thứ như vậy..." trở xuống, trong phần phân rõ sinh và chết toàn văn thứ hai nói quán thứ tự sinh tử, câu nghĩa của Lậu tận khó hiểu. Trong đó có ba phần:

1. Quán sinh tử, triển chuyển thứ tự.
2. Thuyết minh quán sinh tử mới chứng đắc Lậu tận.
3. Giáo lý này chính là khó hiểu ngộ.

Trong đoạn thứ nhất có hai phần: một là nêu bày, hai là giải thích.

"Đây lại đối với chỗ khác", đây lại đối với chỗ khác là đối với ông cha con cháu, lần lượt cho nhau, vì làm bốn duyên. Do thân nuôi lớn, sinh tử tương tục, chưa chứng Bồ-đề, chưa đến Phật vị, triển chuyển vô tận. Hoặc nghe chánh pháp, trong tự tư duy, tu chứng Thánh đế, mới chứng đắc Lậu tận. Sinh tử như vậy, mới đoạn luân hồi.

Nói rằng "Ta không có hoặc phần, hoặc ai hoặc sự vật", phần là loại; ai là thể; sự là vật. Phần đầu thuyết minh Ngã sở không có ba thứ này. Phần sau thuyết minh Ngã thể không có ba thứ này. Cho nên Ngã và Ngã sở cả hai đều không có. Hoặc Phần là Thời phần (thời gian). Trong thời gian ba đời cũng không có Ngã hay sao? Ai là Ngã thể, Sự là Ngã sở. Nói rằng quán trong thân, trong thời gian ba đời, Ngã không có tự thể, cũng không có Ngã sở, cho nên nói Ngã không có hoặc là Phần, Thuỳ và Sự. Quán thời phần của Ngã thân người khác, cũng không có Ngã thể, Ngã sở cũng đều không có, cho nên nói Ngã cũng không phải hoặc phần, hoặc sự việc, hoặc ai, hoặc ta không có. Thuyết minh không có Ngã sở, Ngã không có Anh lạc phần, không có Đồng bộc thuỳ, Quật trạch sự, đây là nói không có Ngã sở. Dưới đây là phá không có Ngã thể. Ngã là tự ngã, đều không phải Tha ngã, hoặc Phân anh lạc, hoặc Thuỳ đồng bộc, hoặc Sự quật trạch, cho nên Ngã thể không có, là nói thân trong sinh và chết tương tục. Như vậy chỗ nói, không có Ngã ngã sở, và chỗ có ngôn giáo, đều là khó gặp được, giả sử tuy gặp được, nhưng hiểu ngộ cũng khó, không nghe được lời dạy này, hằng trầm luân sống chết, nghe rồi chánh tư duy, thì mới chứng đắc Lậu tận, khuyên các bậc trí phải nên thuận tu học.

Trên đã thuyết minh Nội phần sinh tử. Từ đây xuống thuyết minh Ngoại khí thành hoại. Văn phân làm hai đoạn:

1. Lược hỏi đáp.

2. "Hoặc có thể cảm hoại nghiệp hiện tiền..." trở xuống, riêng thuyết minh thành và hoại.

Trong riêng thuyết minh thành hoại, thì phần đầu là Hoại, phần sau là thành. Trong hoại có hai phần:

1. Tổng thuyết minh ba tai hoạ.

2. "Thế nào là ba tai hoạ..." trở xuống, là riêng thuyết minh Tam tai.

- Văn phần đầu có năm đoạn:

1. Do nghiệp có thể hoại.

2. Phân biệt Tai và Hoại.

3. Đỉnh của Tam tai.

4. Thời tiết của kiếp.

5. Thọ lượng của Sơ thiền.

Do nghiệp hoại, nghiệp tức là Tầm và Tứ; Siểm và Cuống là nghiệp của Hỏa tai. Thông với chỗ chiêu cảm Hỷ của hai nghiệp thiện và bất thiện là nghiệp của Thủy tai. Lạc và hai loại hơi thở ra vào làm nghiệp của Phong tai. Cõi Dục thông làm chỗ chiêu cảm của thiện và bất thiện. Thượng giới chỉ có thiện, chỉ có Duyên xứ, đã có ba giải thích. Giải thích cũng có ba, có đặt vấn nạn này, Khí giới bên ngoài hoại, đã do nghiệp chiêu cảm. Bên trong thân tử diệt, cũng đáng lẽ nghiệp chiêu, để giải thích câu hỏi, sự sai biệt trong ngoài, cho nên luận ghi: "Do phần bên ngoài kia, đều sẽ bị tan hoại". E rằng nghĩa khó hiểu, lại giải thích trình bày thêm, giải thích có hai nghĩa:

1. Sắc bên ngoài tương tục rất khó diệt nhanh chóng, cho nên hoại do nghiệp. Thức nương gá trong thân, thọ mạng còn Thức còn, nghiệp hết thọ mạng vong, mặc tình dễ chối từ. Cho nên bên ngoài do nghiệp hoại, trong thân thì mặc tình tự ý diệt.

2. Nghiệp chiêu cảm Ngoại khí, phần nhiều là quyết định, trụ thời gian một kiếp, cho nên hoại do nghiệp. Tất cả chúng sinh vì cộng nghiệp chiêu cảm, Thời phân đều tương đồng, nội thân không như vậy. Do các thứ nghiệp chủng, thọ mạng không nhất định, mỗi nghiệp cảm đều khác, nghiệp hết thì mạng vong, thì mặc tình mà chết, cho nên không chờ nghiệp. Do bên trong thân này, sát-na diệt dễ dàng, mặc tình tùy ý diệt, tương tục diệt thì khó, chắc chắn do nghiệp hết, Ngoại khí cũng như vậy. Sát-na diệt dễ dàng, không chờ nghiệp chiêu cảm, nhanh chóng diệt thành khó, cho nên do nghiệp cảm, các Đạo lý như vậy, xưa nay đã rõ ràng, bậc Trí không cần nghĩ, trong đây khởi nghi ngờ, hiện tại đã thông rồi, bậc Trí hiểu rõ hơn.

Trong Phân biệt Tai. Sơ thiền của cõi Dục, đồng có Tầm tứ, quân thần Siểm cuống. Bên trong là chỗ bức bách của hỏa, đồng với Hỏa tai. Nhị thiền trở xuống, Hỷ thuỷ (nước mừng) động vọt lên, cho nên đồng Thủy tai. Tam thiền trở xuống, bên trong có Lạc thọ, gió hơi thở ra vào, vì là chỗ dao động, là đồng có Phong tai. Trong Đệ tứ thiền, không có riêng chỗ tổn não của Nội tai, cho nên không có Ngoại tai, điện đường tùy thân, nghĩa Hữu và Vô hiển hiện, không mượn duyên hoại.

Trong "đỉnh của Tai", lượng bề ngang của Sơ thiền lớn nhỏ cũng như cõi Dục, đã đồng một hỏa tai. Một ngàn Sơ thiền mới bằng lượng của một Nhị thiền, Hỏa tai của Nhị thiền thì không bằng, cho nên nói Nhị thiền làm đỉnh của Hỏa tai. Một ngàn Nhị thiền mới bằng lượng của

một Tam thiền. Nhị thiền trở xuống đã đồng Thủy tai, Thủy tai không thể hoại Đệ tam thiền, cho nên nói Tam thiền làm đỉnh của Thủy tai. Một ngàn Tam thiền mới bằng lượng của một Tứ thiền, Tam thiền trở xuống đồng một Phong tai, Phong đã không hoại được Tứ thiền, cho nên nói Tứ thiền làm đỉnh của Phong tai.

Trong "kiếp, thời tiết", chỉ nói hai mươi Trụ kiếp, có tăng có giảm, có thể nói là hai mươi. Ba kiếp Thành, Hoại và Không, đã không có tăng và giảm, làm chuẩn cho lượng của Trụ kiếp. Trong thọ lượng của Sơ thiền. Phạm Tiền Ích thiên, tức là Đệ nhị Phạm Phụ thiên, ở trước Đại phạm Vương mà khởi làm nhiêu ích.

Kiếp có chín thứ:

1. Số năm, tháng, ngày.

2. A-tăng-kỳ, hai kiếp tăng giảm, tức là Tiểu tam tai kiếp đói khát, bệnh tật, đao binh, gọi là Trung kiếp.

3. Hai mươi kiếp làm một kiếp, tức là kiếp của Phạm chúng thiên.

4. Bốn mươi kiếp làm một kiếp, tức là kiếp của Phạm tiền ích thiên.

5. Sáu mươi kiếp làm một kiếp, tức là kiếp của Đại phạm thiên. Câu-xá không có văn này, chỉ nói Đại phạm thiên thọ một kiếp rưỡi, vì lấy bốn mươi kiếp làm một kiếp.

6. Tám mươi kiếp làm một kiếp, tức là kiếp của Hỏa tai.

7. Bảy Hỏa kiếp làm một kiếp, tức là kiếp của Thủy tai.

8. Bảy Thủy kiếp làm một kiếp, tức là kiếp của Phong tai.

9. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

Y theo kinh Hoa Nghiêm quyển 24 phẩm A-tăng-kỳ, có một trăm hai mươi số, số thứ một trăm hai mươi gọi là A-tăng-kỳ, số Thủy Hỏa Phong cho đến bất khả số thì gọi là vô số. Theo Cựu Nhiếp luận nói thì có ba mươi ba a-tăng-kỳ kiếp. Kiếp thứ hai làm một Tiểu kiếp, là hai mươi mốt Tiểu kiếp. Kiếp thứ ba làm một Trung kiếp, làm chín kiếp Trung kiếp. Sơ kiếp làm một Đại kiếp, là ba Đại kiếp. Tuy có văn này, nhưng không thể làm bằng cứ, không biết tích chứa cái gì để làm thành vô số? Kinh Anh Lạc ghi: "Thành dài bốn mươi dặm đổ đầy hạt cải, một trăm năm bỏ đi một hạt, bỏ hết hạt cải đó thì gọi là một kiếp". Có nói thành dài tám mươi dặm, hoặc một trăm dặm, hoặc tám trăm dặm. Hoặc nói bốn mươi dặm, tám mươi dặm, một trăm dặm hoặc tám trăm dặm đá, trời Tịnh cư dùng diệu y nặng ba thù , ba năm phất một cái, hạt cải hết, đá hết thì gọi là một kiếp, căn cơ không đồng, chưa có thể lấy

chính xác. Câu-xá quyển 12 dẫn kinh Giải Thoát nói có sáu mươi số, nhưng chỉ có năm mươi hai, còn thừa tám số thì quên mất, lấy số thứ năm mươi hai gọi là a-tăng-kỳ, vẫn lấy tích số mười, không đồng với Hoa Nghiêm, từ số vạn lấy lên, đều là tích gấp bội, như vạn vạn gọi là ức, đến a-tăng-kỳ thì số đó rất nhiều. Đây là nghĩa của Đại thừa, cho nên không thể lấy Câu-xá mà làm chứng, rộng như Biệt chương nói.

Đại phạm thiên của nó, khi Khí thế gian bắt đầu thành tựu thì Đại phạm thiên liền sinh, cho đến cuối cùng khi hoại thì mới tử, cho nên thọ mạng là sáu mươi kiếp, không đồng với các tông khác. Hiện tại giả sử thời lượng của hai kiếp Thủy và Phong là rất ngắn, thì khi thọ lượng một kiếp của Đại phạm quyết định ba phẩm Tu sinh của ba cõi trời bất đồng, kiếp số do đó mà khác nhau.

"Tại sao Hỏa tai có thể hoại thế gian..." trở xuống. Đoạn thứ hai trong Hoại, riêng thuyết minh về Tam tai: một là Hỏa, hai là Thủy, ba là Phong. Trong Hỏa phân làm hai đoạn: một là hỏi, hai là đáp. Trong đáp có ba đoạn:

1. Thuyết minh hai mươi Trụ kiếp, là dần dần hoại.

2. Luận nói: "Cuối cùng thì tăng lên, lúc đó Na-lạc-ca..." trở xuống, thuyết minh hai mươi Tiểu kiếp.

3. "Như vậy thế giới đều bị thiêu cháy..." trở xuống, thuyết minh Không kiếp.

Đoạn văn đầu lại có ba đoạn:

1. Tổng thuyết minh trong Trụ kiếp một tăng một giảm.

2. Lại cũng trong đây, "kiếp lại có ba thứ Tiểu tai xuất hiện..." trở xuống, thuyết minh thời lượng của kiếp giảm, Tiểu tai suy tổn rồi lại dần dần tăng.

3. Như vậy hai mươi kiếp giảm và hai mươi kiếp tăng, kết thành Trụ kiếp.

Trong đoạn thứ hai có hai phần:

1. Thuyết minh Tam tai suy tổn.

2. "Lại cũng có thể xả bỏ thọ lượng..." trở xuống, thuyết minh sau đó dần dần tăng.

Văn phần đầu lại có hai đoạn:

1. Thuyết minh Tiểu tam tai.

2. Thuyết minh ba thứ suy tổn.

Câu-xá nói Tiểu tam tai, đều khởi khi mười tuổi, vẫn sinh riêng kiếp. Hiện tại là Đại thừa đồng với một kiếp. Khi tuổi mười, hai mươi, ba mươi dấy khởi đói khát, bệnh tật, đao binh, kế tiếp thì không đồng,

như Câu-xá luận ghi: "Kiệm có ba sự là Bạch cốt, Vận trù và Tụ tập". Rộng như luận đó nói. Kiệm tai trải qua bảy năm bảy tháng bảy ngày và bảy đêm, bệnh tật trải qua bảy tháng bảy ngày và bảy đêm, đao binh thì trải qua bảy ngày. Do xan tham của nghiệp Bất thiện hạ phẩm, chiêu cảm thiếu đói mất mùa thời gian dài bảy năm bảy tháng bảy ngày bảy đêm, lương thực vừa hết, vừa khốn khổ mà chết. Do tổn hại của nghiệp Bất thiện trung phẩm, chiêu cảm bệnh tai bảy tháng bảy ngày bảy đêm, bức não thân tâm cho đến chết. Do sát hại của nghiệp Bất thiện thượng phẩm, chiêu cảm đao binh chỉ trải qua bảy ngày, độc tâm đã mãnh liệt, dù cầm cây cỏ cũng trở thành dụng cụ sát hại, mạng dễ dàng chết hết, không cần mượn nhiều. Ban ngày thấy nhau, sự giết hại dễ thành, trong ban đêm tối tăm, sự giết hại ít hơn, lược bỏ không nói ban đêm. Những kinh khác ghi nói: "Do thí cho chúng Tăng một nắm cơm, không sinh trong kiếp đói kém mất mùa. Do thí cho chúng Tăng một viên thuốc ha-lê, không đoạ trong kiếp tật bệnh. Do một ngày đêm giữ giới không, không đoạ trong kiếp đao binh". Cho nên hiện tại dần dần diệt và khởi ba ác nghiệp. Cây mía biến vị, là nấu nước mía biến thành đường cát, vị của mía biến chất. Lại nữa, có thể xả bỏ ác pháp bất thiện tổn giảm thọ lượng, đây là thuyết minh giảm kiếp tăng dần, vì xả bỏ đao tai các nghiệp sát sinh mà thọ lượng tăng dần, cha thọ mười tuổi, sinh con thọ mười lăm tuổi, như vậy triển chuyển cho đến tám vạn tuổi, không nói bốn ngàn, chỉ nêu ra số lớn.

Như vậy hai mươi giảm hai mươi tăng hợp lại thành bốn mươi tăng giảm thì liền ra khỏi Trụ kiếp, hoặc kết thành Trụ kiếp. Đối Pháp luận ghi: "Một trung kiếp đầu chỉ có giảm, một trung kiếp sau chỉ có tăng". Ban đầu của Trụ kiếp là bắt đầu từ tám vạn tuổi, giảm dần đến còn mười tuổi, rồi lại tăng dần đến tám vạn, gọi là một Trụ kiếp, như vậy hai mươi kiếp mới là Trụ kiếp mãn. Trụ kiếp thứ hai mươi tăng đến tám vạn, mới lập được tên Mãn kiếp. Từ đây về sau, mạng dần dần tổn thì gọi là Hoại kiếp. Trong Trụ kiếp của nó, nửa kiếp thứ nhất của Sơ kiếp chỉ có giảm, nửa kiếp thứ hai của kiếp sau chỉ có tăng, cho nên nói một trung kiếp thứ nhất chỉ có giảm, một trung kiếp sau chỉ có tăng, tức là hai mươi kiếp đều có tăng và giảm, không đồng với tiểu thừa, kiếp sau chỉ có tăng không có giảm, kiếp thứ nhất chỉ có giảm không có tăng. "Khi tăng đến tối hậu thì lúc đó Na-lạc-ca hữu tình..." trở xuống, là thuyết minh hai mươi Hoại kiếp, trong đó phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh Hữu tình thế gian hoại, chỉ nói đã không có sinh Cực quang tịnh thiên, lại căn cứ theo Cực xứ, không chướng ngại sinh

xuống các cõi Thiên dưới khác.

2. "Đang trong lúc này, chỗ cư trú của năm nẻo thế gian..." trở xuống là Khí thế gian hoại.

- Trong Khí thế gian hoại phân ba phần:

1. Thuyết minh chỗ hoại của mặt trời gốc.
2. Thuyết minh chỗ hoại của mặt trời mới.
3. Tổng kết thành.

Kinh Khởi Thế ghi: "Không có trời mưa nhuần, tất cả chỗ có thảo mộc đều khô khan, tức là có gió Ca-lê-ca, thổi tám vạn bốn ngàn sông biển, đều khiến cho tan rải bốn phương, bên dưới khởi Nhật cung thứ hai, đặt lên nửa bụng của Tu-di". Tiểu thừa nhân đây nói có sáu mặt trời, đầu tiên ở dưới biển, khi hoại mới xuất hiện. Hiện tại là Đại thừa không có thuyết này. Lý nào cần như thế? Hoại nghiệp khi chín muồi, thế giới bắt đầu hoại, do đó mặt trời hoại đầy đủ, cũng được nghiệp chiêu cảm. Hoại nghiệp chưa thành, cần gì mặt trời kia? Do đây Hoại kiếp của mặt trời kia mới sinh, nghĩa này có vài điểm tương đồng với Sự sở thiêu thứ năm trong sáu Sự sở thiêu.

Sự thứ năm tức là Diệu cao, sự thứ sáu là Đại địa, hợp chung một chỗ để thuyết minh sơ lược. Không có nêu tên của sự thứ năm, Thể của nó đã bày, triển chuyển mạnh mẽ cùng cực đến Phạm thế. Cõi Dục cõi Sắc, thô và tế, loại và biệt, không thể Hỏa cõi dưới thiêu đốt khí vật của cõi trên. Lửa nóng tiếp nhau, dần dần hoại thế gian, cho nên nói Triển chuyển. Thật ra Biệt hoả hoại trong Tổng kết thành, lược làm ba sự:

1. Mặt trời thiêu cháy cỏ cây.
2. Mặt trời làm khô cạn nước.
3. Mặt trời làm tan chảy vật thể cứng chắc.

Hai mặt trời hợp thành tám mặt trời gọi nghĩa là mặt trời thứ sáu của nó có thể làm hai tổn, một phần tổn biển cả, một phần tổn núi non, một nửa thành nước một nửa thành vật thể cứng chắc, cho nên số thì thành tám mặt trời, nhưng hợp lại chỉ có bảy mặt trời. Trong Không kiếp của nó, cho đến các bóng ảnh khác cũng bất khả đắc. Điều này tuy không có văn, nhưng cũng đồng với Tiểu thừa. Có câu nói "Sắc của Không giới, không có ảnh bóng", là vì vô chất, không phải vô huýnh sắc .

Hỏi: Sắc này nghiệp nào chiêu cảm?

Đáp: Cũng là nghiệp cảm của chúng sinh cõi này và cõi kia, không phải thành, không phải hoại, vì là chỗ chiêu cảm của nghiệp. Chúng sinh cõi này chứng đắc Thiên nhãn, có ứng dụng thấy được, hoặc nói Vô

ảnh, ảnh tức là Huýnh sắc, Huýnh sắc cũng không có, không đồng với tông kia, không có nghiệp chiêu cảm, vì chiêu cảm vô dụng.

Trong Thủy tai, đối với Tịnh lự thứ hai có Câu sinh thuỷ dấy khởi, không phải khởi riêng mây, nhưng mưa đối với Thủy, thì thời gian trước kia cùng với thân đều có Thủy giới, bên dưới tăng lên, sau đó đều chìm hết, hoặc do nghiệp lực mặc tình mà khởi, gọi là Câu sinh, Phong cũng như vậy. Hỏa thì rừng rực, tư thế bốc lên, cho nên tai nạn khởi lên từ bên dưới. Thủy và Phong dựa vào hư không mà mưa và gió, do đó tai nạn sinh từ trên xuống.

Hỏi: Do đâu bảy Hỏa tai làm một Thủy tai?

Đáp: Thiểu quang thiên trong Đệ nhị thiền tuổi thọ hai kiếp, Vô lượng hoả thiên thọ bốn kiếp, Cực quang tịnh thiên thọ tám kiếp. Nếu sau một Hỏa kiếp liền khởi Thủy tai, thì chư Thiên kia chừng nào mới thọ tám kiếp! Cho nên ở đây hiển sau bảy Thủy tai, lại khởi bảy Hỏa tai mới là một Phong tai. Tổng hiển tám lần bảy Hỏa tai, một lần bảy Thủy tai, mới thành Phong tai. Thiểu tịnh thiên của Đệ tam thiền thọ mười sáu kiếp, Vô lượng tịnh thiên thọ ba mươi hai kiếp, Biến tịnh thiên thọ sáu mươi bốn kiếp. Tám lần bảy Hỏa tai, một lần bảy Thủy tai mới thành một Phong tai. Thủy và Hỏa có chín lần bảy tai thì thành sáu mươi ba tai, sau đó là một Phong tai thì thành sáu mươi bốn tai, cho nên Tam tai, Hoại kiếp mỗi mỗi đều khác nhau. Kinh Bồ-tát Kiến Thật Tam-muội ghi: "Khi Phong tai khởi, chúng sinh đều sinh lên Đệ tứ thiền. Trong Đệ tam thiền khởi Hỏa tai và Phong tai, gọi là Tăng-già-đa, trước hết là thổi cung điện của Biến tịnh thiên, mưa tuôn vỗ vào nhau đều tan hoại tất cả. Kế đó thổi các cung điện từ Quang âm thiên trở xuống, khiến cho va chạm lẫn nhau đều không còn hình tướng. Tiếp theo là thổi các châu lớn nhỏ của núi Tu-di, ba ngàn cõi trên dưới đều tiêu tan diệt mất.

Trong thế gian thành, có hai đoạn:

1. Tổng thuyết minh do nghiệp lực mà thành.

2. Thuyết minh riêng thế gian thành.

- Trong thuyết minh riêng thế gian thành, có hai đoạn:

1. Thuyết minh Thế giới thành.

2. "An lập thế giới thành như vậy rồi, năm nẻo mới có thể chứng đắc..." trở xuống, thuyết minh trong đó có thể chứng đắc các pháp.

- Đoạn văn đầu lại có ba phần:

1. Cõi Sắc thành.

2. Cõi Dục thành.

3. "Như vậy một trăm câu-chi bốn đại châu..." trở xuống, kết thành

ba ngàn đại thiên một cảnh hóa độ của Phật.

Trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Khí giới thành.

2. Hữu tình giới thành.

Hỏi: Khí giới ban đầu thành ngoài cõi Sắc là hóa sinh không do vật chất tạo, thì do đâu khi nó hoại lại mượn ngoại duyên?

Đáp: Hóa sinh từ không mà chợt có, thành không mượn duyên. Cung điện đã không tùy thân, khi hoại thì chắc chắn là do vật khác. Lại nữa do nghiệp tăng giảm mà hóa thành, hoại sự khó làm, chắc chắn là do vật bên cạnh. Lại nữa, khí vật và nghiệp, phần nhiều khiến cho trải qua kiếp, thân diệt nhưng khí vật của nó vẫn tồn tại, nếu không mượn lấy duyên bên cạnh thì không do đâu mà hoại được. Thọ tận, là chư Thiên kia phân ra thời hạn mạng chung. Nghiệp tận, là không đủ tuổi thọ của chư Thiên, vì nghiệp lực hết. Phước tận, là đam mê chất vị của Định, khiến cho xả bỏ mạng. Tứ thiền, Tam thiền, Nhị thiền thứ tự như vậy, đều nói là dần dần sinh ra, vì là đỉnh của Tam tai. Nhị thiền và Tam thiền tuy có mới sinh, nhưng không có Tầm tứ, lại không có hy vọng, không có Siểm cuống, không có quân thần, các Sơ định đều có, cho nên có Đại phạm, khởi niệm mong cầu, chư Thiên cõi trên nghiệp tận thì khởi niệm sinh cõi dưới, Đại phạm không biết, cho rằng do đại nguyện của chính mình, liền chấp làm con, con cũng cho là cha, cho nên gọi là thân khác nhau mà tưởng thì chỉ là một.

Trong cõi Dục thành: 1. Trước hết là Tứ không thiên thành. 2. “Từ đây về sau có Đại phong luân...” trở xuống, tạo Thiên khác và Xứ khác.

Trong Xứ khác có hai đoạn:

1. Tổng thuyết minh sơn địa thành.

2. “Bốn đại châu...” trở xuống, biệt thuyết minh sơn địa thành.

- Văn đoạn đầu phân làm mười phần:

1. Tạo Phong luân.

2. Tạo Kim luân.

3. Tạo Thủy luân.

4. Tạo núi Tu-di.

5. Tạo Thất kim sơn.

6. Tạo bốn đại châu.

7. Tạo cung điện của Phi thiên.

8. Tạo ao Vô nhiệt của Tuyết sơn.

9. Tạo Na-lạc-ca.

10. Tạo quỷ bàng sinh.

Phong luân trải ngửa lên, bên dưới bày rộng ra, vách lớn như bồ vựa thóc, lượng rộng bằng ba ngàn thế giới. Tiểu thừa thì vô biên thế giới, dầy mười sáu ức du-thiện-na, Phong luân này cứng chắc, giả sử dùng chày Đại nhạ kim cương mà đánh thì chỉ có nát chày. Kim luân không có tổn hại. Thủy luân của Câu-xá thì sâu mười một ức hai vạn du-thiện-na, sau đó Phong luân khởi, đánh Thủy luân biến thành Kim luân. Kim luân dầy ba ức hai vạn du-thiện-na, còn lại tám ức thì thành Thủy luân. Thủy và Kim đều rộng mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi du-thiện-na. Bài tụng trong Câu-xá ghi:

An lập Khí thế gian,
Phong luân đặt thấp nhất,
Lượng nó rộng vô số,
Dầy mười sáu lạc-xoa,
Lớp trên Thủy luân sâu
Mười một ức hai vạn

Tám lạc-xoa Thủy dưới Ngưng kết thành Kim luân

Lớp Thủy kim luân này rộng mười hai lạc-xoa ba ngàn bốn trăm rưỡi, chu vi gấp ba lần số này.

Hiện tại Đại thừa thì Kim luân ở bên dưới, Thủy luân bên trên, không giống với Câu-xá, lại độ sâu cũng khác. Đến quyển 4 sẽ nói rộng hiển bày. Lạc-xoa là ức.

Thất Kim sơn gồm:

1. Du-kiện-đà-la, Hán dịch là Trì song. Đỉnh núi có hai góc.

2. Tỳ-na-thác-ca, Hán dịch là Chướng ngại, vì có Thần trụ ở giữa chướng ngại thiện pháp. Tương đương Câu-xá quyển 6 nói Tỳ-na-đát-ca, “đát” và “thác” cũng tương tợ, phát âm thì khác nhau.

3. Át-thấp-phược-yết-noa, Hán dịch là Mã nhĩ, vì tương tợ như tai ngựa, tương đương Câu-xá nói núi thứ năm.

4. Tô-đạt-lê-xá-na. Tô nghĩa là Thiện, Đạt-lê-xá-na nghĩa là Kiến, tức là Thiện Kiến sơn, vì thấy hình dáng của núi đó thì nhiều thiện sinh khởi. Câu-xá kia đồng thứ tự này.

5. Yết-đạt-lạc-ca, Hán dịch là Đảm mộc, vì chư A-tu-la lấy gỗ núi này vác về núi Tu-di, trên núi có vác gỗ, cho nên lấy đó đặt tên, tương đương với tên thứ ba của Câu-xá.

6. Y-sa-đà-la, Hán dịch là Trì Trục, tương đương với tên thứ hai của Câu-xá.

7. Ni-dân-đạt-la, là tên của một loài cá trong biển, ở đây không

dịch, đỉnh núi này tương tợ hình con cá đó, cho nên lấy đó đặt tên.

Luận này cùng với Câu-xá thứ tự không đồng, nhưng tông thì khác mà danh thì đồng, cũng dễ hiểu. Luận nói mỗi mỗi núi đều do hình trạng sai biệt mà đặt tên, căn cứ theo phần nhiều thì núi thứ hai từ thần mà lập tên.

Trong tám châu, phía Đông có hai châu là Đề-hà và Tỳ-đề-hà. Phía Nam có hai châu là Giá-mạt-la và Phiệt-la-giá-mạt-la. Phía Tây có hai châu là Xá-đệ và Ốt-đát-la-mạn-đát-lý-noa. Phía Bắc có hai châu là Cự-lạp-bà và Kiều-lạp-bà. Cung điện của Phi thiên, có kinh nói: "Dưới Bắc hải của núi Tu-di, có bốn tầng cung điện lớn của Phi thiên, nhỏ thì tùy chỗ mà trụ". Như Pháp Hoa sớ.

Tám đại Na-lạc-ca xứ. Các đại Na-lạc-ca, tức là Bát nhiệt. Độc nhất, tức là Cô độc địa ngục. Hàn, là Bát hàn, gần Biên địa. Ngoài cửa của Bát nhiệt có bốn lớp lan can. Trong quyển 4 có giải thích tương đương. Bà-sa quyển 172 giải thích: "Na-lạc nghĩa là Tạo, Ca nghĩa là Ác, người tạo ác thì sinh về xứ đó. Lại nữa, Lạc-ca gọi là Khả lạc, Nại nghĩa là Bất, tức là Bất khả lạc xứ. Lại nữa, Lạc-ca gọi là Hỷ lạc, Nại nghĩa là Hoại, tức là Hoại hỷ lạc. Hoặc Lạc-ca gọi là Quy thú, Nại nghĩa là Vô, tức là Vô quy thú. Hoặc Lạc-ca gọi là Cứu tế, Nại nghĩa là Vô, tức là Vô cứu tế. Hoặc Lạc-ca gọi là Khổ khí, Na-lạc-ca là Kẻ ác, kẻ ác thì sinh về Khổ khí xứ kia.

Quỷ giới, dưới mặt đất năm trăm du-thiện-na, ngang rộng cũng như thế. Chi phái của quỷ khác, tùy theo chỗ ở của nó. Bà-sa luận ghi: "Phía Tây nam của châu này, có năm trăm thành của quỷ, một nửa có phước đức hưởng thọ quả báo như chư Thiên, đoan nghiêm thù thắng. Một nửa còn lại thì hình dung xấu xa, đói khát, hôi hám. Sứ giả của Chuyển luân vương chỉ đến bốn châu, không đến được quỷ giới này, vì không cùng giao thông nhau. Quỷ có phước đức thì có thể được chỗ ở của bàng sinh, vốn ở nơi biển lớn, còn lại thì tùy chỗ mà ở.

"Bốn đại châu là..." trở xuống, thuyết minh riêng thành sơn địa, phân làm ba đoạn:

1. Tạp thành các thú xứ.

2. "Như vậy Khí thế gian đã thành rồi, có chư hữu tình..." trở xuống, thuyết minh thiện pháp dần mất, ác pháp dần sinh.

3. "Lại nữa, đối với bốn tánh của thế gian..." trở xuống, thuyết minh Địa ngục sinh.

Hiện tại thuyết minh Thành thế gian, nhưng thuyết minh hữu tình là tổng thuyết minh Thành mãn, không thuyết minh riêng tự thể dấy

khởi, cho nên trước hết thuyết minh Sinh, riêng hiển tự thể dấy khởi. Hiện tại trong thuyết minh Thành, là tổng thuyết minh Thành mãn thì cũng không trái nhau. Đoạn văn đầu có tám phần:

1. Thuyết minh bốn châu.
2. Thuyết minh Chúng thuỷ.
3. Thuyết minh Thần trụ.
4. Thuyết minh Thiên cư.
5. Thuyết minh Tuyết sơn.
6. Thuyết minh Tô-mê-lô.
7. Thuyết minh lại Thiệm-bộ châu.
8. Hiển lại chín Trung châu.

Thiệm-bộ, là từ loài cây đặt tên.

Tỳ-đề-ha, Hán dịch là Thắng thân, vì thân tướng thù thắng.

Cù-đà-ni, Hán dịch là Ngưu hoá, vì dùng trâu bò để trao đổi.

Bắc Câu-lô, có hình dáng vuông vắn như chiếc xe, như xe của xứ Tây vức, trên rộng dưới hẹp, giống như hình của châu này, phía Nam hẹp phía Bắc rộng.

Du-thiện-na, Câu-xá tụng ghi:

Cực vi như nước vàng
Thỏ, dê, trâu, khe hở
Chấy, rận, lúa, lóng tay
Về sau tăng bảy lần
Hai mươi bốn khuỷu tay
Bốn khuỷu là một cung
Năm trăm câu-lô-xá
Tám du-thiện-na này
Tính bằng mười sáu dặm.

Câu "châu này sáu ngàn năm trăm" nghĩa là Câu-xá luận ghi: "Ba bên mỗi mỗi đều có hai ngàn, phía Nam có ba rưỡi". Có chỗ giải thích rằng: "Đây là căn cứ theo chu vi, phía Nam có năm trăm, phía Đông của châu này lượng rộng bảy ngàn". Luận kia lại nói: "Ba phía như Thiệm-bộ, phái Đông ba trăm rưỡi". Có chỗ giải thích rằng: "Chu vi của xứ này, phía Đông có một ngàn, phía Tây có sáu ngàn rưỡi". Luận kia lại nói: "Đường kính là hai ngàn rưỡi, chu vi ở đây gấp ba lần". Luận kia bảy ngàn rưỡi, nhiều hơn luận này năm trăm. Phía Bắc có tám ngàn, luận kia nói: "Mỗi phía có hai ngàn". Luận kia và luận này đều đồng, cho nên biết luận này căn cứ theo lượng của chu vi. Cũng có chỗ giải thích rằng: "Luận này căn cứ theo lượng đường kính, lớn hơn luận

kia nói, vì do tông khác nhau”.

Nước tám công đức gồm: Ngọt, lạnh, mềm, nhẹ, thanh tịnh, không hôi dơ, khi uống không tổn yết hầu, uống xong không đau ruột.

“Thần trụ ở giữa”, đây là nêu riêng bốn Thần, mỗi vị trụ ở một cấp. Tứ Đại Vương thiên, ở núi Trì song. Câu-xá tụng ghi: “Kiên Thủ và Trì Man, Hằng Kiêu Đại vương chúng, thứ tự ở bốn cấp, cũng ở bảy núi kia”. Câu-xá không có Huyết Thủ thần, tên Tuý Kiêu cũng khác nhau. Tông trái nhau, Kiêu là Túy. Tên gọi thì trái Thể thì không trái, thứ tự cũng không đồng, không phải dễ hiểu.

“Hông của Phi thiên” chính là vực thẳm đá đỏ, tương tợ hông của A-tu-la, cho nên lấy đó đặt tên. Như thành Vương xá rộng lớn lấn hiếp núi, tương tợ như đây.

“Thiện Trụ Long vương” là con vật cưỡi của Đế Thích. Các sự biến hiện, rộng nói như trong kinh.

“Bốn núi Tuyết không có ao Vô nhiệt”, kinh Niết-bàn ghi: “Đỉnh của Hương sơn” Hán dịch là Cận tuyết sơn. Kinh Lâu Thán Khởi Thế ghi: “Đều nói tuyết Bắc hương Nam”. Văn này mới chính xác. Du-già và Niết-bàn mỗi mỗi đều căn cứ theo một cận xứ, cũng không trái nhau. Nêu ra bốn sông lớn, xét trong Tây vức ký, cung Đế Thích ngang rộng mười ngàn. Câu-xá nói: “Chu vi một vạn”. Đây là hoàn toàn lớn, luận kia hoặc là hợp chung với lượng bề ngang, cũng đồng.

Trong “bốn vách núi báu”, Câu-xá luận ghi: “Phía Tây là Phả-chi-ca, phía Bắc là vàng”, không đồng với luận này, vì tông khác nhau. “Đường đi của Luân vương”, đều nói là xung quanh châu này. Tướng của Tứ vương thiên, các xứ khác cũng có. Hoặc đi đến các xứ khác, bay trên không mà đi. Chỉ có châu này có đường bằng vàng ròng. Đây chỉ nói Kim luân vương, tại sao bỏ các vương khác? Có thiết-lạp-mạt-lê, tương tợ như loại cây bãi sậy, phương này không có.

Noãn sinh như chim ở phía Đông, dùng cánh kích quạt nước cao hai trăm do-tuần, ấp trứng sinh rồng. Thai sinh ở phía Nam, kích phát bốn trăm do-tuần, lấy Thai và Noãn sinh rồng. Thấp sinh ở phía Tây, kích phát tám trăm do-tuần, lấy cả ba thứ sinh, trừ Hóa sinh. Hóa sinh ở phía Bắc, kích phát một ngàn sáu trăm do-tuần, lấy cả bốn thứ sinh rồng. Tùy thích ứng mà ăn, rộng như trong kinh nói.

Thiện pháp dần mất, ác pháp dần sinh. Trong đó có bốn đoạn:

1. Tổng thuyết minh hữu tình hóa sinh.
2. Thuyết minh ẩm thực dần sinh.
3. Thuyết minh ác sinh bên trong pháp.

4. Thuyết minh ác sinh đủ bên ngoài.

Cảm khí vật và nghiệp thù thắng, chỉ có sinh lúc ban đầu, những lúc khác thì khí vật không thuần thục, thì nghiệp này cũng không thuần thục. Người của Kiếp sơ thì từ ý hóa sinh, các căn không thiếu, quang minh đoan chánh, bay trên không mà đi, hằng thọ hỷ lạc, mùi vị của đất đã xuất hiện, ngon ngọt lạ thường, lúc đó có người ăn, người khác xem và học theo, mùi vị của đất là vị diệu Tô-đà. Bánh đất là trong đất mọc lên bánh. Chồi non là tướng của bánh đất từng thỏi từng que xuất hiện nhiều, lạ thường và dòn ngọt, không có đường không có mạch nha, không gieo trồng mà tự sinh, thơm mà lại ngon. Sau đó do xan tham dấy khởi, bao che tự thân, bánh đất không hiện nữa. Lúa gạo phải thêm vỏ trấu mới hiện, gom góp tích trữ tại nhà, ăn gạo này thì ánh sáng trong thân diệt mất, thân lại bị nặng nề, không thể bay đi trên không.

"Lập ty khế", Ty là nha môn, Khế là giới hạn chủ yếu, tức là quan trưởng. Ma-ha-tam-mạt-đa, đây gọi là Đại đẳng ý, đại chúng bằng nhau, ý lạc cùng chung, lập làm địa vị cao quý, bẩm chất thành Ty khế, cũng gọi là Sai-ma-tắc-phược-di, Hán dịch là Điền chủ. Các Sát-đế-lợi, sau khi xưng tộc này, tức là cao tổ của Thích-ca, cho nên Sát-đế-lợi gọi là Vương tộc chủng, Bà-la-môn là Tịnh hạnh chủng. Sau khi xưng Phạm vương, thì Phệ-xá là Toạ thu chủng, tức là ngồi mà thu lợi. Nhung-đạt-la là Canh điền chủng.

Ác bên ngoài sinh đủ. Trong đó có hai đoạn là tổng và biệt. Văn biệt có chín đoạn, tinh tú cũng đồng, lấy Phả-chi-ca làm thành, cho nên lược bỏ không nói. Mặt trăng đi xa, là đường Nam bắc, nhưng nhanh chóng hơn mặt trời. Không nhất định, là đi xung quanh núi chậm hơn ngày, cao thấp cùng với núi Trì song, xung quanh núi mà đi, đây là căn cứ theo thông với Thiên, các tinh tú của cõi dưới không phải tinh tú riêng của châu này, như ngày giờ của Bắc đẩu. Một châu chuyển, cũng có khi biểu hiện thiện ác chỗ cùng thấy của một phương, một nước, không phải đối với các xứ khác. Kinh Khởi Thế ghi: "Nhật cung có bảy lớp tường vách, cho đến phương hướng chánh như nhà ở, nhìn từ xa thấy tương tợ tròn, có năm Phong trì hành, thứ nhất gọi là Trì, cho đến thứ năm gọi là Hành, cho đến cao mười sáu do-tuần". Không đồng với luận này nói. Xem văn của luận kia.

Lại nữa, mặt trời này gần núi thì làm nóng, xa thì làm mát. Chiếu bảy Kim Tu-di, vì gần cho nên nóng, xa thì mát. Lại nữa, mặt trăng này ở trên hơi cao thêm thì thấy mặt trăng bị khuyết. Câu-xá nói: "Gần mặt trời thì tự bóng của nó che, cho nên thấy mặt trăng bị khuyết". Luận này

thì không như vậy, mặt trăng tự nghiêng và phía khác tự phản chiếu cho nên thấy bị khuyết, không phải bị mặt trời chiếu. Nếu mặt trời chiếu thì trong hư không đáng lẽ sáng, nếu tự nó không che chướng thì dần dần thấy ánh sáng, cũng có Thiên thần Bồ-tát, nhưng không phải tay của chư Thiên che chướng mà cho là nhật thực. Cũng có một phương, một xứ nào đó biến hiện quái tướng, nhưng bóng của cá và ba ba hiển hiện mặt trưng. Các kinh khác ghi: "Có bóng của cây Thiệm-bộ, một câu-lô-xá". Tức là năm trăm cung, một cung có sáu thước, tức là ba ngàn thước, thành ra năm trăm bộ, khoảng cách có thể nghe tiếng trâu kêu.

Tạo nghiệp Địa ngục, ở cuối của Thành kiếp cũng sinh Địa ngục, tức là nhập vào Trụ kiếp, Địa ngục sinh Tĩnh Tức vương, tức là Diêm Ma vương, ở đây có hai loại:

1. Đại Bồ-tát hóa thành.
2. Thật là chỗ nhiếp hữu tình và quỷ thú.

Do trị phạt quỷ và gồm Địa ngục sinh, cho nên sinh Địa ngục, không phải nẻo Địa ngục, cũng như loài người trị phạt súc sinh. Có chỗ nói tức là nẻo kia, ngoài ra tông khác nói trong nước quỷ ngay bên dưới năm trăm do-tuần. Hiện tại luận này nói sinh vào Địa ngục, cho nên biết nẻo Địa ngục lấy pháp trị phạt, gọi là pháp vương. Quan sát ý của văn này, trước sinh Địa ngục rồi sau mới sinh quỷ súc, lý có gì không đúng. Dưới đây sẽ tự giải thích.

Kết thành thế giới ba ngàn đại thiên trong một hóa cảnh của Phật. Câu-chi, là một trong năm mươi hai số của Câu-xá luận. Quyển 12 ghi: "Câu-chi lấy thừa số mười, lạc-xoa tương đương một ức, độ-lạc-xoa tương đương mười ức, câu-chi tương đương một trăm ức, nhưng Ấn Độ có bốn loại ức:

1. Mười vạn làm một ức.
2. Một trăm vạn làm một ức.
3. Một ngàn vạn làm một ức.
4. Vạn vạn làm một ức.

Hiện tại Du-già và Hiển Dương luận lấy số một trăm vạn làm một ức, mười ức là một câu-chi, cho nên nói một trăm câu-chi làm một Phật độ. Kinh Hoa Nghiêm thì lấy một ngàn vạn làm một ức và gọi là trăm vạn ức. Trí Độ luận lấy mười vạn làm một ức thì gọi là trăm ức. Phẩm Thắng Vương Bồ-tát trong kinh Hoa Nghiêm quyển 25 ghi: "Như vậy an lập thế giới đã thành rồi, trong đó năm nẻo bắt đầu có".

Trong thuyết minh riêng thế gian thành. Đoạn thứ hai thuyết minh thành rồi có thể được pháp. Văn phân làm hai phần: phần đầu nêu ra

hai mươi bốn môn, phần sau tùy mỗi môn giải thích riêng, chỉ giải thích mười chín môn, không giải thích năm môn:

a. Không giải thích môn thứ nhất gồm mười loại thời gian:

1. Thời.
2. Năm.
3. Tháng.
4. Nửa tháng.
5. Ngày.
6. Đêm.
7. Sát-na.
8. Đát-sát-na.
9. Lạp-phược.
10. Mục-hô-thích-đa.

Câu-xá luận ghi: "Một trăm hai mươi sát-na làm một đát-sát-na, sáu mươi đát-sát-na làm một lạp-phược, ba mươi lạp-phược làm một mục-hô-thích-đa, ba mươi mục-hô-thích-đa làm một ngày đêm, ba mươi ba ngày đêm làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, một năm chia làm ba thời". Ba thời là lạnh nóng và mưa, mỗi thời đều có bốn tháng, chỉ có tám vị, hợp chung ngày đêm này làm một, lại không có nửa tháng. Luận này cùng với luận kia khác nhau, thời là Kiếp ngoài năm, như trước đã nói. Nửa tháng tức là mười lăm ngày, mười lăm mục-hô-thích-đa làm một đêm, mười lăm mục-hô-thích-đa làm một ngày. Thời hoặc là thời của luận kia.

b. Không giải thích môn thứ hai là mười Thọ dục. Vì như kinh nói.

c. Không giải thích môn thứ ba là tám pháp thế gian có được. Được là được lợi, không được là không được lợi, không khen trước mặt gọi là dự, không chửi mắng trước mặt gọi là huỷ. Khen trước mặt gọi là xưng, chửi trước mặt gọi là cơ. Bức não gọi là khổ, thích khoái gọi là lạc.

d. Không giải thích môn thứ tư là ba Phẩm.

e. Không giải thích môn thứ năm là Uy nghi, vì dễ hiểu.

Năm Thú và bốn Sinh. Thành Duy Thức luận ghi: "Đều lấy Dị thục làm Thể, hoặc gồm năm Uẩn. Chỉ có câu "tánh thú vô ký dị thục" gieo quả, gọi là quả Dị thục. Chủng tử danh ngôn gồm các nghiệp kia thuận các nẻo, cho nên Thể không phải nẻo, nếu không phải như vậy thì tạp khởi lẫn nhau. Rộng như luận kia nói.

Trong Hóa sinh hoặc đủ sáu Xứ, hoặc không đủ sáu Xứ. Không đủ là Vô tưởng thiên, vì không có Thức thứ sáu và tất cả Sinh hữu Tử

hữu. Hoặc nói: “Quỷ súc của Kiếp sơ chưa hẳn đã đủ các căn mà hóa sinh”. Phần kiến lập, nương giữ, không nói Kim cương luân mà lược bỏ. Hoặc tức là Địa.

Nhà cửa ấy hoặc là do tạo tác, hoặc không do tạo tác, là tường thành của Đế Thích. Nhà cửa của Bắc Câu-lô châu, chuồng trại của heo chó, đều không do tạo ra, vì tùy theo nghiệp mà khởi. Nghĩa của bốn loại thức ăn, như Biệt chương dẫn.

Trong bảy Nhiếp sự, phướcnghiệp và phương tiện tạo tác nghiệp thứ sáu, nghĩa là khi tu phước nghiệp, tức là phương tiện nghiệp ở trước.

Trong mười vật dụng dưỡng thân, thứ bảy là nước hoa son phấn. Đồ là thoa ướp lên thân, hương mạt là phấn thơm dung để thoa rải lên thân. Thứ tám là vật thường dùng. Trừ ra chín thứ, ngoài ra là giường ghế, vật dụng dưỡng thân.

Trong tám việc luôn tùy hành, thì việc thứ bảy và thứ tám do việc thứ sáu khởi cho nên nói là thuộc thứ sáu.

Hai mươi hai loại phát giận, phát giận là do duyên. Phương tiện của tà nghiệp, là phương tiện của tà thân nghiệp, tà ngữ nghiệp.

Đệ tử ở chung và đệ tử ở gần nghĩa là họ ở gần, nương tựa.

Trong bốn thứ Nhập thai, hiểu biết chân chánh khi nhập thai là của Luân vương, tâm sau của thân Trung hữu không khởi tham ái, vì biết sẽ sinh, không biết trụ và xuất vì tâm mê điên đảo. Không biết Trụ thai và Xuất thai, đây là nói Kim luân, không phải ba luân kia, hoặc cả bốn đều như thế, văn không trái nghĩa. Độc giác biết Nhập và Trụ, không khởi tham ái, biết trong Trụ thai, tâm mê Xuất thai. Đây là nói sẽ được sinh Độc giác, không phải đối với vị trước.

Ba thời của Bồ-tát, đều hiểu biết chân chánh, mười Địa đều như thế. Ba vị của Dị sinh đều không thể biết.

Bảy loại khổ mà không nói khổ thứ tám vì Thành kiếp đã có, không phải Trụ kiếp mới có.

Bảy loại Mạn, là y theo năm pháp mà khởi, là Ngã thượng trung hạ và Đức sinh. Như Ngũ Uẩn luận và Quyết Trạch phần đều thông với Kiến đoạn và Tu đoạn.

Thể của Kiêu tức là tham, say sưa phóng dật làm nghĩa. Tâm nhiều phóng túng thấp hèn. Mạn là đề cao, hoặc lăng nhục người khác. Là hai thứ sai biệt, như Duy Thức quyển 6 nói.

Kiến văn giác tri, như Đối Pháp luận quyển 1 sớ và quyển 93 ghi: “Kiến và Tri là Hiện lượng, Văn chỉ là Thánh ngôn lượng, Giác là Tỷ

lượng. Sở thọ, Sở chứng, Sở xúc và Sở đắc, hoặc lấy ba thứ Tỷ thiệt thân và năm Thức đồng thời Ý, gồm Định tâm ý, như thứ tự phối hợp. Đây là giải thích Văn thuộc Nhĩ và Ý, Giáo thì chỉ có Ý duyên, cho nên quyển 93 ghi: "Văn là Thánh ngôn lượng", cũng không trái nhau. Hoặc Nhĩ, Tỷ, Thân và Thiệt, như phối hợp theo thứ tự bốn thứ Sở thọ, Sở chứng, Sở xúc và Sở đắc. Năm Câu ý thức của nó đều là Tri, đều thông với bốn thứ này. Văn là Thánh ngôn lượng, cho nên Nhĩ ở trong Tri.

Trong môn thứ mười là "có nhiều cách nói", gồm hai phần là tổng và biệt. Câu-xá luận lại nói: "Thế nào là biệt? Giải thích câu chữ như giải thích tên luận, câu Hý luận như lời phúng tụng, như môn đầu tiên Ốt-tha-nam, gọi là giải thích nghĩa cú. Hoặc Hý luận là Hữu vi pháp cú, Vô vi không có tên gọi. Hoặc Y-ốt, cũng là câu Hý luận, lấy văn nhiếp nghĩa, tên gọi nhiếp nghĩa và câu".

Chữ Cái là ba mươi ba chữ và mười bốn âm. Mười bốn âm là Á, A, Ý, Y, Ổ, Ô, Ngật Lữ, Ngật Lô, Lữ, Lô, Ê, Ái, U, Áo, Ám, Ác, không lấy hai âm sau cho nên thành mười bốn. Ca-khư có năm, Giá-xa có năm, Tra-đệ có năm, Đa-tha có năm, Bỉ-pha có năm, Dạ, Ra, La, Phược, Xa, Sa, Bà, Ha, Xoa, không lấy Xoa cho nên có ba mươi ba chữ. Lấy mười bốn âm trước, phỏng theo ba mươi ba chữ sau mà sinh ra tất cả, những âm chữ này có thể sinh ra tất cả chữ, tất cả các nghĩa đều nhiếp trong đó, cho nên gọi là chữ Cái, vì đây là nền tảng sinh ra chữ và hàm chứa các nghĩa.

- Trong biệt giải có mười môn:

1. Pháp sở y.
2. Được mất tùy sinh.
3. Bảy âm thanh khởi khác nhau.
4. Kiến lập Tam học.
5. Thế sự sai biệt.
6. Ẩm thực phóng túng.
7. Thuần tạp sáng tối.
8. Chúng sự bất đồng.
9. Yếu kém suy mất.
10. Đấu tranh đoạn diệt.

Trong môn đầu có mười tám phần. Địa là phần tổng của Sở thuyên, pháp là phàn biệt của Năng thuyên. Tự (chữ) lấy nghĩa làm giáo y, hoặc phỏng theo phần thứ nhất nêu tên chung, cùng với chỗ giải thích của phần thứ hai làm Sở y, cho nên gọi là Địa.

Trong môn thứ hai có mười chín phần. Thính chế, Thính là nghe

thuyết giới. Diệu trí kiên cố Thoái chuyển nghĩa là nếu chuyên cần tinh tấn thì diệu trí bền vững. Phóng dật giải đãi thì diệu trí mới Thoái chuyển. Trầm lượng Trợ bạn, Trầm là Hôn trầm, Lượng là Độ lượng, tức là Trạo cử. Trợ bạn là Tâm sở đồng thời. Bốn câu Thị hiện, Giáo đạo, Tán lệ, Khánh uỷ tức xưa gọi là Thị, Giáo, Lợi và Hỷ. Sau sẽ tự giải thích.

Trong môn thứ ba có bảy câu thí dụ, tức là tám Chuyển thanh trừ Hô thanh. Phiếm thanh có ba thứ:

1. Nam.
2. Nữ.
3. Phi nam nữ.

- Mỗi mỗi đều có tám loại:

1. Thể.
2. Nghiệp.
3. Cụ.
4. Vi.
5. Tùng.
6. Thuộc.
7. Y.
8. Hô.

Luận này tức là một thanh trong nam thanh. Bảy Chuyển thanh của Thuyên, Mục, Trượng phu, như thứ tự phối hợp với Thể, Nghiệp và Cụ, như Xu Yếu nói. Thứ tám Phiếm thanh Uẩn-bổ-lô-sa lại không có biệt nghĩa. Luận này chỉ nói có bảy.

Môn thứ tư y theo cách thọ giới mà nói. Thi thiết là phô bày chỗ ngồi. Giáo sắc là ngữ ngôn huấn thị. Tiêu tướng là kiết giới. Tĩnh tức là im lặng vô ngôn. Biểu liễu là cùng với Tăng hỏi sự. Quỹ tắc là đáp chỗ biểu sự. An lập là đặt người thọ giới ở chỗ mắt thấy nhưng tai không nghe. Tích tập là đại chúng tụ tập. Quyết định, là hỏi để ngăn trách các việc khó. Phối thuộc là biểu bạch hỏi để ngăn trách, luận những việc được thực thi của Yết-ma. Kinh hãi, là hỏi để ngăn trách và khuyến phát tâm thượng phẩm. Câu ‘’đầu, giữa, cuối” là nói ba Yết-ma. Ý tưởng dòng họ là người thọ giới này họ Bà-la-môn. Lập tông là cầu xin làm chỗ tôn kính. Ngôn thuyết, là giáo hóa người khác. Thành biện, là kiên trì giới luật, cho đến sắp chứng đắc quả A-la-hán. Thọ dụng, là thọ giới xong rồi y theo Tăng thọ dụng hai thứ lợi là tài và pháp. Chưa chứng đắc pháp thì nên tầm cầu, đã chứng đắc pháp thì nên thủ hộ, tự có lỗi thì nên hổ thẹn trở về thanh tịnh. Người khác có lỗi thì nên thương

xót khuyên ngăn học hỏi. Đối với các sự cần khổ, đều có thể chịu đựng nhẫn nại. Đối với pháp sinh lỗi, hằng khởi kinh sợ, bỏ ác dẫn thiện, đó gọi là câu giản trạch.

Trong môn thứ bảy tạp và lẫn lộn, tạp vốn để giải thích các kinh luận, ngoài ra đều như tên, khởi lên nghĩa của nó để giải thích, làm thành nghĩa có thể hiểu.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 2
(Bản Luận 3, 4, 5)

BẢN LUẬN 3

Trong Ý địa, toàn văn phân làm hai đoạn, đoạn trên lấy năm môn phân tích Thể của Ý địa, đoạn dưới lấy mười môn giải thích nghĩa của Ý địa. Văn phân làm ba đoạn:

1. Đoạn văn trước năm môn là chỗ nhiếp của ba xứ, nêu khởi đầu mối của luận.

2. Hiện tại tương đương chỗ nói trước “các pháp của Sắc tụ” trở xuống, riêng giải thích mười môn.

3. Lấy tụng tổng kết.

“Trừ giả pháp”, là không có Chủng tử riêng sinh. Lại nữa, không có Thể riêng, cho nên trừ nó, không phải dưới Ý địa, mà trong Địa này phân rõ bốn tướng.

- Nói về mười môn, có bài tụng:

Sắc tụ, Tương ưng phẩm,
Thế gian, Tướng và Duyên,
Sai biệt môn của Thiện,
Xảo tiện sự làm sau.

- Trong Thiện đó có ba môn:

1. Ba tánh.

2. Tăng số của mười hai Xứ.

3. Giải thích danh nghĩa của mười hai Xứ. Trong Sắc có hai phần là nêu và giải thích.

- Trong giải thích phân làm bảy phần:

1. Thuyết minh năm nhân Tạo sắc của đại chủng.

2. Thuyết minh Cực vi có sai biệt và không có sai biệt.

3. Thuyết minh Hỏa và Tạo hai thứ không lìa nhau.

4. Thuyết minh các sự nhiều ít của Sắc tụ.

5. Thuyết minh tương tục và gián đoạn của các Sắc.
6. Thuyết minh ba loại Sắc tụ sai biệt.
7. Thuyết minh Sắc tụ nương vào sáu Xứ mà chuyển.
- Đại chủng Tạo sắc có thể làm năm nhân:
1. Sinh nhân.
2. Y nhân.
3. Lập nhân.
4. Trì nhân.
5. Dưỡng nhân.
Như văn phối hợp thứ tự.

Trong Y nhân do Tạo sắc sinh đã không lìa Xứ của đại chủng mà chuyển, thuyết này tức là nói Chất tạo đồng với Tụ tạo, là thật tạo không phải giả tạo. Do ánh sáng của các mặt trời, mùi hương độc hành lìa đại chủng, sinh vào Sắc định cộng giới và Đạo cộng giới của cõi Vô sắc, vì không có bốn Đại. Thế lực thì nương vào đó mà có, đều có Y nhân.

Trong Trì nhân, do tùy theo lượng bất hoại của đại chủng, cũng nương vào nghĩa bốn Sở tạo của Đồng tụ, kích chất phát thành tiếng là Chất của đại chủng, hoặc Phụ chất của năm Cảnh đều đồng với lượng của Chất, từ thưa xa trở đi thì mới lớn hơn Chất.

Trong Dưỡng nhân, Đối Pháp luận quyển 1 ghi: "Do đại chủng dưỡng Tạo sắc kia khiến cho tăng trưởng". Luận đó nói tất cả đại chủng đều là nghĩa nuôi dưỡng Tạo sắc, trong luận này thì chỉ nói trưởng dưỡng, bốn Đại giúp cho bốn duyên sinh khởi, có thể dưỡng Tạo sắc. Nhưng Sắc sở tạo thì đại chủng thân cận bồi dưỡng, đại chủng phải dựa vào bốn duyên nuôi lớn mới dưỡng Tạo sắc. Hiện tại nói ngoài duyên, là đại chủng mới có thể dưỡng, không phải ngoài bốn duyên là Dưỡng nhân này nương nhau mà có, là nghĩa của Tạo. Năm nhân của Sinh, đều thuộc về Tăng thượng duyên, hoặc có năm nghĩa, hoặc không đủ năm nghĩa, không phải quyết định có đủ, như trên có thể biết. Hoặc nương vào thật nghĩa, gần với nghĩa Sở tạo, chắc chắn là Đồng tánh tạo mà không phải Dị tánh tạo, phải Đồng loại tạo mà không phải Dị loại tạo. Hữu lậu và Vô lậu chắc chắn là Đồng loại, chắc chắn Đồng giới tạo, không phải Dị giới. Định và Loạn chắc chắn là Đồng pháp, không phải Dị pháp tạo. Hoặc giả nói là tạo, xa thì nương nhau mà tạo, tùy chỗ thích ứng, không ngăn ngại Dị thục trưởng dưỡng ba loại Đẳng lưu, hoặc mỗi mỗi đều thân cận tạo, hoặc ỷ dựa lẫn nhau tạo, lý cũng không trái. Những nghĩa môn khác có nói trong Biệt chương.

Trong Sắc tụ đã từng không có Cực vi sinh khởi, đây là hiển sự biến hiện nhanh chóng, không phải nghĩa dần dần tích tập, không đồng trong Tụ có Cực vi của Tát-bà-đa.

Lại nữa, không phải Cực vi tích tập thành Sắc tụ, Cực vi không có Thể, không đồng với nghĩa Chủng tử thành bốn Đại của kinh Bộ, hợp với một chủng ở trước, không đồng với thô tế đều là thật của Thắng luận. Như sở giải của Duy Thức quyển 1.

Cực vi cũng có Phương phân. Phương là các phương hướng, Phân là các phần nhỏ. Tuy có các phương, nhưng không có Tế phần Cực vi, mà chỗ có của Thô sắc, là có tự mà không có tha. Duy Thức quyển 1 ghi: "Cực vi không có phương hướng phần vị, Phương tức là Phân, không phải là nghĩa của các phương". Hai văn tuy khác nhau, nhưng cũng không trái nhau.

Trong hai loại không lìa nhau, văn phân hai đoạn:

1. Lược giải hai loại.

2. "Lại cũng từ biến mãn..." trở xuống giải thích lại hai loại.

Đồng xứ không lìa nhau, là tùy Vô căn xứ, các Vô căn sắc, tùy Hữu căn xứ, các Hữu căn sắc, Tự loại do đại chủng tạo, đều là nghĩa đồng một xứ giao thiệp với nhau mà nhập. Không phải Cực vi nghĩa là mỗi mỗi đều trụ riêng. Hoà lẫn không lìa nhau, là đại chủng của Tự loại, cùng với đại chủng của loại khác giao thiệp lẫn nhau mà nhập lẫn nhau, đều là nghĩa một xứ. Cho nên luận dưới đây ghi: "Trước là cùng đại chủng tích tụ, sau là không cùng đại chủng tích tụ". Giải thích này trong Hoà tạp cũng ghi: "Tức là đại chủng Cực vi này cùng với các tụ tập khác, xứ của Sắc năng tạo và sở tạo đồng thời". Cho nên không đồng với Tát-bà-đa Cực vi mỗi mỗi đều khác, Tụ thì đồng, Thể thì khác. Câu-xá tụng ghi:

Dục nhẹ tụ vô thanh,
Vô căn có tám sự,
Hữu thân căn chín sự,
Hữu dư căn mười sự.

Hiện tại Đại thừa, Đồng loại và Dị loại, tất cả đều đại chủng tạo, không có riêng Cực vi, tùy chỗ có Tụ đều giao thiệp lẫn nhau mà nhập lẫn nhau, gọi là không lìa nhau. Lại nữa, Đồng xứ không lìa nhau là tùy theo Hữu căn và Vô căn, trong tất cả đại chủng Cực vi tức là Hữu căn. tùy chỗ thích ứng với tất cả Cực vi của Sắc sở tạo, lại giao thiệp lẫn nhau mà nhập lẫn nhau, hợp thành một vật, không có riêng Cực vi trụ ở hai xứ, tức là một đại chủng Cực vi này cùng với tất cả Cực vi do đại

chủng tạo. Tuy đồng một xứ, nhưng không phải thành một Thể, vì tánh mỗi mỗi đều riêng, Dụng của mỗi mỗi đều khác. Tri không phải một tánh, các căn ở trong thọ dụng khắp, nhưng không chướng ngại nhau. Tri đồng một xứ, gọi là Đồng xứ không lìa nhau, vì tánh mỗi mỗi đều riêng, Dụng mỗi mỗi đều khác, cho nên gọi là Tạp, vì đồng một xứ cho nên gọi là Hoà. Xứ sở không có hai, đều nương vào một chỗ, Thể vẫn khác nhau, cho nên gọi là Xứ đồng thời. Nghĩa ý không tạp lẫn nhau có thể biết. Lại nữa, từ "Sắc tụ biến mãn này" trở xuống, là theo văn mà trước hết giải thích Hoà tạp không lìa nhau. Lại nữa, từ "Tất cả Sắc sở tạo" trở xuống, giải thích phương đồng với xứ, không lìa nhau. Tụ của các dầu mè, Thể và Loại ở riêng, đại chủng tạo Cực vi, không đồng với điều đó. Chỉ như các vật đá mài thành bột, lấy nước hoà chung thì xứ sở khó phân, tánh của nó mỗi mỗi đều khác, là nghĩa Hoà lẫn không lìa nhau. Lại nữa, từ "tất cả Sắc sở tạo" trở xuống, cho đến xứ sở mà đại chủng y cứ, đó chính là Chất tạo, các Sắc sở tạo trở lại y cứ vào đây. Đại chủng Tạo sắc, đồng nương vào một xứ, không đồng với các tông khác. Loại mỗi mỗi đều trụ riêng, là nghĩa không lìa nhau. Từ trên đến đây, chỗ giải thích hai đoạn văn sau, thuận với nghĩa "lại nữa" sau trong giải thích hai xứ trước. Hoặc y theo nghĩa của "lại nữa" thứ nhất thì đại chủng tạo của Đồng loại và Dị loại mong nhau. Nghĩa căn cứ theo đây mà hiểu. Nghĩa này như Quyết Trạch phần quyển 54, 65 và sớ giải Đối Pháp luận quyển 5.

- Trong các sự nhiều ít của Sắc tụ phân làm hai phần:

1. Tổng thuyết minh Sự nhiều ít.

2. Lại từ "phỏng theo tương nhiếp" trở xuống, riêng hiển nghĩa của chữ Nhiếp.

Sự là Thể, là Vật, nói chung các Sắc tụ. Có mười bốn vật, trừ quả của Thắng định, không phải do Định mà có. Đây là nói thật thể, trừ ra tất cả giả.

Tất cả Hữu sắc của Sắc tụ là chỗ nhiếp của các căn. Quyển 54 ghi: "Như Nhãn, nếu căn cứ theo tướng nhiếp thì chỉ có một. Là sắc thanh tịnh của Nhãn, hoặc Tương ly và Tương nhiếp có bảy pháp. Là Sắc, Hương, Vị, Xúc, Thân địa của Nhãn, hoặc là giới nhiếp có mười pháp, thêm Thủy, Hỏa, Phong. Nhĩ, Tỷ và Thiệt cũng như thế. Hoặc Thân căn, trừ bốn căn như Nhãn v.v..., thì cũng có thể chứng đắc riêng, chỉ có thể có chín pháp. Giới nghĩa là nhân, thuận với tông của kinh Bộ, vì Sắc có thể trì Chủng mà nói là Hữu, trong giới của nó, hoặc trong Tụ của nó, có thể có tác dụng năng sinh của Sắc kia. Trong Tăng thượng

duyên, lập làm giới để gọi, hoặc giới nghĩa là tánh, tức là sự thể của nó, như cõi Dục có bốn căn như Nhãn v.v... thì quyết định có Thân căn. Có sư đối với điều này khởi vọng kế chấp rằng: “Nếu chứng đắc Thiên nhãn thì cũng chứng đắc Địa và thân căn đó, vì không lìa nhau”. Nghĩa đó không đúng. Tạp Tâm ghi: “Cực vi tại bốn căn, mười chủng phải nên biết, Thân căn chín còn tám, là tại Hữu hương địa”. Hoặc vì bốn căn này có mười chủng cho nên quyết định có thân. Thần thông của Hữu hương địa như thế nào? Câu-xá luận cũng ghi: “Dục nhỏ nhẹ tụ tập”. Ca-diên cũng nói: “Có chút ít thành tựu Địa và Nhãn của nó, mà không thành tựu Địa và thân căn hay sao? Đáp rằng: Có. Là thân tại cõi Dục, khởi Thiên nhãn thông”. Cho nên biết chỗ chấp của sư kia là phi lý. Tướng nhiếp, là phỏng theo Thể mà nhiếp, vì mỗi mỗi đều tự lấy Thể và tự nhiếp, như Hữu sắc, vì tự có. Giới nhiếp, là lấy Thể đối với Dụng. Bất tương ly nhiếp, là Thể và Dụng không lìa nhau.

- Trong Tương tục và Gián đoạn của các Sắc có sáu phần:

1. Thanh.
2. Phong.
3. Thuyết minh Sắc sáng tối.
4. Lớn nhỏ vô gián sinh.
5. Giải thích kinh.
6. Hiển âm thanh của pháp giới Hữu.

Giới là bốn Đại làm nhân tạo âm thanh. Hằng hành phong, là Phong trì giữ thế giới và mặt trời, hằng làm các sắc tối tương tục, nghĩa là sắc tối trong thế giới, không nói Không kiếp, cho nên biết luận kia không có, hoặc nghĩa không đúng, vì nói Huýnh (rất xa) không đồng với sắc tối. Kiên tức là Địa giới của giới kia. Kiên nhiếp, là các tướng khác nhiếp. Phi chấp thọ Chủng tử, là Vô lậu chủng tử, tuy nương vào Thức, nhưng vì Thức không duyên cho nên gọi là Phi chấp thọ.

Sắc tụ có ba thứ lưu chuyển, là nghiệp quả gọi là Dị thục, chỗ nuôi dưỡng của bốn duyên hiện tại gọi là trưởng dưỡng, không phải hai loại trước, chỉ có Tự loại tương sinh gọi là Đẳng lưu, không đồng với Tiểu thừa lập riêng sát-na, Đại thừa thì quyết định Trưởng dưỡng nhiếp, hoặc là Đẳng lưu nhiếp, vì Hữu lậu được dẫn Vô lậu pháp. Hiện hành từ Chủng tử của nó sinh, so sánh Sắc thể thứ nhất là Giả và Tà.

Xứ rộng khắp là Thể rộng đầy khắp xứ sở. Tướng tăng thịnh là xứ sở vẫn tướng trạng như xưa mà chuyển biến tăng thêm. Biến dị đẳng lưu là biến đổi tướng xưa cũ, như xanh biến vàng, thanh biến trược. Tự tánh Đẳng lưu là trụ ở địa vị cũ, sinh diệt tương tục. Sơ Dị thục sinh gọi là

Dẫn nghiệp quả, Dị thục sau sinh gọi là quả Mãn nghiệp. Các pháp có hai loại là Hữu vi và Vô vi. Vô vi không có ba thứ này (xứ, tướng, biến dị), vì không có sai biệt, Hữu vi thì có. Hữu vi phân làm hai là Hữu lậu và Vô lậu. Hữu lậu có đủ ba thứ, Vô lậu thì chỉ có hai thứ, vì không có nghiệp quả. Vả lại trong Vô lậu, các căn chỉ có một, không có Đẳng lưu. Các Sắc khác bên trong có hai loại, hoặc là Chấp thọ thì chỉ có Trưởng dưỡng, Phi chấp thọ thì thông với Đẳng lưu. Sắc năm Trần bên ngoài cũng thông với hai loại. Trên nói có Trưởng dưỡng và Đẳng lưu là mỗi thứ đều có đủ hai chủng, là Thắng định quả sắc của Trưởng dưỡng và Đẳng lưu. Các Tâm và Tâm sở có hai thứ, Đẳng lưu thì chỉ có một thứ, Trưởng dưỡng thì trừ ra Xứ rộng khắp, đây là nói các pháp giả sắc và Định quả thật sắc của pháp Xứ, hoặc thông với Xứ rộng khắp. Trên nói về Vô lậu đã xong.

Trong Uẩn hữu lậu, bên trong năm căn chỉ có Trưởng dưỡng và Dị thục sinh, không có Đẳng lưu, có đủ hai Trưởng dưỡng, không có Sơ dị thục, trong các Sắc khác có đủ ba loại, hoặc ngoài các Sắc chỉ trừ ra Dị thục và pháp xứ nhiếp Sắc. Giả chỉ có một Trưởng dưỡng, trừ ra Xứ rộng khắp. Thông với hai Đẳng lưu, thì các Tâm và Tâm sở tất cả đều có đủ, chỉ không có một loại Trưởng dưỡng của Xứ rộng khắp. Hoặc đối với tám Thức, năm Sắc của pháp xứ, sau đó đáng lẽ phân biệt, nhưng sợ dài dòng nên không nói. Trong quyển 54, văn của Tổng tụ ghi: "Hoặc Sắc năm căn có Trưởng dưỡng và Dị thục, không có Đẳng lưu. Các Sắc của Phi căn có đủ ba thứ Đẳng lưu. Các Tâm, Tâm sở có Đẳng lưu và Dị thục. Chỗ trưởng dưỡng Đẳng lưu pháp Xứ nhiếp Sắc của Trưởng dưỡng thứ hai, không có Dị thục sinh, ngoài ra như Tâm và Tâm sở. Tuy nói như vậy nhưng cũng không trái nhau. Lại có ba cõi sai biệt thì trưởng dưỡng có khác nhau. Vấn đáp về Phân biệt, đều như quyển 54. Hoặc nói Dị thục, ban đầu sinh sát-na, sau đó thì tương tục, phân làm hai. Nói cùng với lý trước khác nhau, lý sau nên cứ theo đó mà tư duy.

Trong sáu Y xứ, Kiến lập là Phong luân và Kim luân, cùng nhau nương trì pháp, che giấu nghĩa là nhà cửa v.v...

Trong đoạn thứ hai thuyết minh Uẩn tương ưng, văn phân làm năm phần:

1. Nêu ra tâm và năm mươi ba pháp Tâm sở.

2. Bốn loại hết thảy, phân rõ năm vị sai biệt của Tâm sở, hợp chung Phiền não và Tùy phiền não làm một.

3. Phân rõ các Thức sinh do căn và cảnh.

4. Lại nữa, từ "Thức có thể phân biệt Tổng tướng của Sự..." trở

xuống, thuyết minh Tâm và Tâm sở tương ưng hành.

5. Từ “Tác ý...” trở xuống, thuyết minh Biến hành và Biệt cảnh. Hai vị Tâm sở, Thể và nghiệp sai biệt.

a) Hết thảy Xứ, Duy Thức quyển 5 giải thích là ba Tánh xứ.

b) Hết thảy Địa, có hai nghĩa: một là ba Địa của Hữu tầm, hai là bốn Sắc và bốn Vô sắc gồm có một cõi Dục, hợp lại làm chín Địa.

c) Hết thảy Thời, là tâm sinh thì chắc có.

d) Hết thảy, là tùy theo địa vị của tự nó mà khởi một thì chắc hẳn là đồng thời. Biến hành thì có đủ bốn thứ, Biệt cảnh thì không có hai thứ sau. Trong mười một Thiện, thông với hết thảy Địa, không phải hết thảy Xứ, vì chỉ có tánh thiện. Không phải hết thảy Thời, vì không phải tâm sinh Thời mà là đều cùng khởi. Không phải hết thảy, vì các thiện tâm khinh an bất biến. Hết thảy Địa, có nghĩa là thông với chín Địa, vì Định gia hạnh cũng gọi là Định địa, vì nó cũng có những từ nghĩa vi tế thông nhau, do đây cõi Dục cũng có Khinh an. Gọi là Bất định địa thông với tất cả Địa, là ba Địa của Hữu tầm tứ đều có. Như Duy Thức quyển 6 nói, Phiền não và Tùy phiền não hợp chung lại làm Nhiễm vị, bốn loại đều không có, Bất định thì chỉ có hết thảy Tánh xứ. Duy Thức quyển 5 ghi: “Trong năm Biến hành có đủ bốn hết thảy, Biệt cảnh thì chỉ có hai hết thảy trước. Mười một Thiện tâm sở chỉ có một, Nhiễm tâm sở thì cả bốn đều không. Bất định thì chỉ có một là hết thảy tánh”. Như quyển 8 dưới đây và quyển 55, 58, 59, Duy Thức quyển 5, quyển 6, Đối Pháp luận quyển 1 giải thích.

Trong phần nói về do Căn và Cảnh mà các Thức sinh, đoạn từ “lại nữa không phải thân của năm Thức có hai sát-na...” trở xuống, giải thích Thức là được sinh.

Hai nhân Bất hoại của căn:

1. Bất diệt hoại, không phải hoàn toàn không có.

2. Không thừa không thiếu, không phải yếu kém.

Trong quyển 54 giải thích diệt và hoại, thừa và thiếu, và do bốn duyên mà các căn biến dị, ngược lại đó tức là hai nghĩa bất hoại này. Đây là nói Sắc căn, Ý căn của nó không hoại, luận kia nói do bốn duyên mà Ý căn hoại, ngược lại đây tức là Ý căn thứ sáu kia không đồng với năm Căn. Không nói nghĩa của Căn thứ bảy và thứ tám không hoại. Cứ theo đây suy ra có thể biết.

Trong cảnh giới hiện tiền có sáu thứ, là Sở y xứ cho nên bằng nhau. Quyển 54 ghi: “Hỏi: Như Bản Địa phần nói, tánh sở hành của bốn loại có sai biệt gì”? Tức là tùy theo thứ tự mà giải thích sáu loại trong

đây, nên tìm văn của nó mà đọc. Sở y xứ, là Sở y của nội thân, là Khí thế gian vì đó là xứ Sở y của hữu tình. Nói hiển bày rõ ràng và không rõ ràng, như luận kia ghi: "Đó là sự khác nhau giữa chấp thật và không thật", nghĩa là mỗi loại đều ở trong Tự cảnh. Chấp thật có Thể thì hiển bày rõ ràng dễ biết, chấp không thật thì gọi là không rõ ràng. Toàn phần và một phần, luận kia nói là nhận lấy sự của một phần và sự đầy đủ là tổng biến duyên trong một Tụ cảnh, gọi là toàn phần, duyên một phần sự gọi là một phần.

Trong bốn loại Chướng, chướng là nhà cửa, chướng ẩn mất là thần thông và thảo dược, vì ẩn khiến cho không thấy. Chướng đoạt mất ánh sáng là lực thù thắng ánh chiếu đoạt mất, cũng như ánh mặt trời chiếu mất các đóm sao. hướng huyễn hoặc là do quỷ mị và chú thuật làm các điều huyễn hoặc chướng ngại.

Xứ sở quá xa là trụ xứ của các phương mỗi mỗi đều xa. Tổn giảm quá xa là trước khi thành thô sắc, tuy gần với hiện tiền, nhưng tổn giảm thì rất tế, gọi là tổn giảm quá xa, tức là nghiền lúa thành bột. Quyển 54 ghi: "Không phải Cực tế viễn gọi là hiện tiền". Riêng nói nghĩa của các Căn và Cảnh hiện tiền, đều như chỗ nói trên.

Bốn lực của Tác ý, ba lực đầu như thứ tự của nó, duyên cảnh giới vị lai, quá khứ và hiện tại. Một lực thứ tư thì duyên thông ba đời. Hoặc khác với thuyết này, đáng lẽ một Cảnh sở duyên chỉ có một Tác ý và tất cả thời sinh. Hoặc khác với thuyết trước, bốn lực sinh Tác ý đáng lẽ đối với một Cảnh, một Tác ý hằng sinh, cho nên biết chắc chắn do bốn lực.

Lại nữa, từ "không phải năm Thức có hai sát-na..." trở xuống, thuyết minh Thức là được sinh, văn phân làm bốn đoạn:

1. Thuyết minh năm Thức và sát-na.
2. Thuyết minh năm tâm sai biệt.
3. Giải thích chữ "nhất tâm" của kinh.
4. Thuyết minh ba đời của cảnh duyên năm tâm. Trong năm Thức và sát-na, Duy Thức quyển 4 có hai thuyết:

1. Năm Thức chỉ có một sát-na. Tự loại trước và sau quyết định không có hai sát-na, tùy lẫn nhau mà sinh, cũng không phải năm Thức triển chuyển không gián đoạn, lại lẫn nhau mà sinh, lấy văn này làm chứng. Quyết Trạch phần ghi: "Hoặc là sáu Thức này làm Vô gián duyên của sáu Thức kia, thì đều nói là sáu, có ý nói năm Thức trước sau quyết định chỉ có Ý thức, Ý thức thì thông với Sinh.

2. Đây là y theo Vị chưa tự tại, phần nhiều là tâm khinh suất chỉ có

một sát-na, không phải là tâm Đẳng lưu và vị Tự tại, rộng dẫn lý giáo đều như luận kia nói. Nương tựa của luận kia là chánh nghĩa thứ ba, tuy mỗi mỗi đều là Tự loại, nhưng không nói sát-na của năm Thức tương tục, đồng với trước và đồng với sau, đều không nghịch lý. Nhưng lấy nghĩa sau, vì phần nhiều là thuận với các văn.

Lại nữa, năm Thức của một sát-na đã sinh, thì từ Vô gián này chắc chắn Ý thức sinh, đây là nói sau tâm khinh suất quyết định có tìm cầu. Sau tìm cầu, hoặc lúc đó là tán loạn thì sinh tức là bất định, hoặc khi không tán loạn thì tâm quyết định sinh, tâm Nhiễm và tâm Tịnh sinh, do phân biệt và chỗ dẫn hai nhân ở trước. Khởi phân biệt là chưa từng chứng đắc Cảnh, vì hiện tại phân biệt. Chỗ dẫn ở trước, là Cảnh đã chứng đắc cho nên sinh, Ý thức thì do hai nhân. Năm Thức thì chỉ do một nhân, đây là nói Đẳng lưu của năm Thức, Đẳng lưu của Ý thức cũng như thế. Trong đây chỉ nói sau tìm cầu là bất định mà không nói sau quyết định và sau nhiễm tịnh là bất định, lý đều thông. Nhưng luận này không nói sau tâm khinh suất, nhưng sinh tìm cầu và bất định cho nên biết sau tâm khinh suất nhất định khởi tìm cầu. Quyết Trạch phần cũng ghi: "Trong Định thì Nhĩ thức nghe âm thanh khinh suất, nếu có hy vọng thì sau đó mới xuất hiện là hy vọng như vậy, vì tâm tìm cầu. Ngoài các nghĩa khác có nói trong phần năm tâm.

Sát-na của một tâm. Đây có ý muốn nói, chuyên một tánh tâm trong một Cảnh, tuy nhiều niệm nhưng vẫn gọi là một tâm. Lại nữa, vì tánh loại trước và sau tương tợ cho nên gọi là một tâm.

Lại nữa, từ "Ý thức mặc tình tán loạn duyên chưa quen cảnh..." trở xuống, thuyết minh ba đời của cảnh duyên năm tâm. Ở đây có hai thuyết:

1. Ý thức không phải gắng gượng phân biệt, mà mặc tình sinh, không phải ở trong định, mà tán loạn sinh, hoặc duyên cảnh chưa quen, thì không cùng với cảnh khác đồng thời sinh, lúc đó Ý thức mới bắt đầu duyên Cảnh, gọi là tâm khinh suất đoạ, vì không có hy vọng, không gọi là duyên vị lai. Tuy duyên hiện tại, nhưng đã từng chứng đắc chủng loại của Cảnh, chỉ gọi là duyên Cảnh quá khứ, đây là nói một mình Ý thức sinh. Chỗ khởi hành tướng của tâm khinh suất ban đầu thì duyên với chủng loại của Cảnh quá khứ, gọi là duyên quá khứ. Hoặc gắng gượng phân biệt và tâm tại Định, duyên với cảnh đã quen, cùng với Dục đồng thời. Đây là tâm khinh suất của Ý thức. Duyên ba đời bất định, chính tâm khinh suất đoạ không gián đoạn của năm Thức. Chỗ sinh của Ý thức, là tìm cầu và quyết định. Chỉ nên nói duyên với Cảnh hiện tại,

theo sát-na mà luận thì thật ra là duyên quá khứ. Y theo phần vị ba đời và y theo tướng của sở duyên gần, thì chỉ nên nói là duyên hiện tại. Nếu có vấn nạn rằng: tìm cầu và quyết định đều do duyên niệm trước của năm Thức mà sinh duyên đời quá khứ, tại sao ở đây nói duyên hiện tại? Cho nên luận nói chung, hoặc tìm cầu và quyết định này duyên Cảnh kia mà sinh. Là nếu hai tâm này duyên với cảnh sở duyên của năm thức trong nghiệp trước, đáng lẽ gọi là duyên quá khứ, nhưng chỉ giống như tương tục trong đời hiện tại, là Sở duyên của hai tâm tìm cầu và quyết định này, thì Thủ đáng lẽ gọi là duyên hiện tại, không phải đối với bản chất mà không phải gọi là duyên quá khứ. Đây là ý ảnh hiện khinh suất của năm Thức, chỉ có duyên hiện tại. Tìm cầu và quyết định của Ý thức khinh suất cũng duyên quá khứ.

2. Giải thích tên gọi tâm khinh suất đoạ, đoạn trước giải thích tâm khinh suất đoạ của ý thức, từ trước đến đây chưa giải thích Ý thức khinh suất. Nếu là gắng gượng phân biệt và Định tâm gồm Cảnh đã tập quen, Hữu dục sinh thì Ý thức lúc đó không gọi là tâm khinh suất đoạ. Hoặc Nhậm vận cho đến Vô dục sinh mới gọi là khinh suất. Từ trước đến đây chưa nói về tâm khinh suất đoạ của Ý thức, cho nên bây giờ nói.

Từ "chỉ có duyên năm Thức không gián đoạn của Cảnh quá khứ..." trở xuống, đây là giải thích năm thức tìm cầu và quyết định. Ý thức nắm lấy Cảnh bản chất của năm thức trong niệm trước, chỉ duyên Cảnh quá khứ, do Ảnh tượng của cảnh khinh suất trước này mà ý thức duyên theo tương tợ và tương tục hiện trên hai tâm tìm cầu và quyết định, chỉ nên nói duyên Cảnh hiện tại, tức là từ bản chất chỉ duyên quá khứ. Hoặc từ Ảnh tượng chỉ duyên hiện tại thì tâm khinh suất của Ý thức duyên Cảnh hiện tại, lý đó đâu có nghi ngờ gì! Tổng nói duyên quá khứ thì liền mắc kẹt, cho nên đáng lẽ đọc dài ra, chỉ có duyên quá khứ ở văn dưới nhiếp thuộc hai tâm tìm cầu và quyết định. Duyên hiện tại của nó cũng thuộc hai tâm thì nghĩa đạo liền xa, cũng không có phương hại. Hoặc Cảnh và Tâm của Duyên hiện tại này, tức là Duyên của Cảnh quá khứ kia sinh, cho nên thông với hai đời. Ảnh tượng của bản chất có sai biệt, Đẳng lưu của Nhiễm tịnh chắc chắn tùy theo trước mà chuyển, cho nên biết hai tâm cũng duyên hiện tại. Năm tâm của các đời khác cũng bất định.

Lại nữa, tổng tướng của Thức năng liễu biệt sự, Thành Duy Thức luận ghi: "Đối với sở duyên chỉ nắm lấy tổng tướng. Tâm sở đối với duyên đó cũng nắm lấy biệt tướng trợ thành sự của tâm, mà được tên Tâm sở, như thợ vẽ tô màu, Tâm vương thì không thể nắm lấy Biệt tướng của Cảnh, chỉ nắm lấy tổng cảnh. Tâm sở không phải chỉ nắm lấy

tổng tướng của Cảnh, mà còn nắm lấy biệt tướng tùy ứng trên Cảnh, cho nên thuyết này nói tức là chỗ chưa Liễu biệt. Duy Thức giải thích: "Đây là nói Tâm sở, cũng lấy tổng tướng của Cảnh, trên Tổng cảnh này, chỗ chưa Liễu biệt là biệt tướng của Cảnh".

Cảnh tướng sở liễu khéo liễu biệt, gọi là Tác ý. Đây tức là hiển Tác ý nắm lấy Biệt tướng sở thủ của các Tâm sở, đều như luận kia nói, trong đây chỉ nói tâm khởi thì đồng thời, chỉ nói hành tướng của Biến hành tâm sở, do đây gồm hiển Biến hành và Biệt cảnh, thông với ba tâm của ba tánh, hành tướng tăng mạnh thêm cho nên nói thiên về Thể và nghiệp, còn lại thì lược bỏ không luận, đều như Duy Thức nói. Phân biệt của Cảnh, là nói Nhân, Tưởng khéo chấp lấy. Tướng trên Cảnh thuận lý hay trái lý, đều là Hành nhân của ba nghiệp. Do Tư có thể Thủ. Tuy các Tâm sở đều có thể thông với Thủ, nhưng thiên về sự tăng thêm mà nói, cũng không trái nhau.

Tác ý gọi là tâm hồi chuyển. Xúc là ba Hoà hợp, như Duy Thức quyển 3 nói. Hồi chuyển, nghĩa là khởi động, luận đó nói đáng lẽ không phải Biến hành, không phải là lý thiết thật.

Định khiến cho tâm chuyên một cảnh, gọi là tánh một cảnh của tâm.

Xúc nghiệp chỉ có Thọ, Tưởng, Tư làm Sở y. Duy Thức giải thích: "Tư đối với Hành uẩn là chủ yếu thù thắng". Thật ra là thông làm Sở y.

- Trong Thế có ba thứ:

1. Đạo lý tam thế.

2. Duy thức tam thế.

3. Thần thông tam thế.

Như Duy Thức quyển 3 sớ.

Nói rằng các Chủng tử không lìa pháp, cho nên như pháp mà kiến lập. Tùy thuận với Tát-bà-đa nói, Chủng tử không lìa tâm pháp, như tâm pháp mà kiến lập ba đời. Tát-bà-đa nói Thể của Chủng tử tức là Tâm. Tùy thuận với kinh Bộ nói, Chủng tử không lìa các pháp sắc tâm, như pháp sắc tâm mà kiến lập ba đời, luận đó nói vì Sắc tâm có thể trì Chủng tử. hiện tại là Đại thừa giải thích, Chủng tử không lìa pháp của thức thứ tám, như pháp của thức thứ tám mà kiến lập ba đời. Lại nữa, Chủng tử không lìa ngoài Hiện hành, có Thể rõ ràng mạch lạc như Hiện hành pháp, y trên Chủng tử mà kiến lập ba đời. Tại sao kiến lập trên Chủng tử? Có thể sinh quả gọi là vị lai, có thể sinh nhân của Chủng tử gọi là quá khứ, Tự thể của Chủng tử gọi là hiện tại. Lại nữa, các pháp

Hiện hành phần nhiều là gián đoạn, Chủng tử thì hằng tương tục, Chủng tử đã lìa các pháp Hiện hành, có Thể rõ ràng mạch lạc. Pháp đã có ba đời, cho nên Chủng tử này như pháp mà kiến lập nghĩa của ba đời. Đây là tổng nêu Kiến lập ba đời, Thể của Sở y dựa trên Chủng tử mà lập. Dưới đây là giải thích riêng nghĩa của chữ Thế. Sợ rằng có người ngoài vấn nạn. Chủng tử đã là hằng hữu thì đáng lẽ không phải Thế nhiếp, cho nên Như đối với Pháp cũng là chỗ nhiếp của Thế.

Lại nữa, do cùng với Quả hoặc chưa cùng với Quả. Đây là giải thích hai đời quá khứ và vị lai, y trên Chủng tử hiện tại mà lập nghĩa. Trên Chủng tử hiện tại đã cùng với nghĩa của Quả gọi là quá khứ, chưa cùng với nghĩa của Quả gọi là vị lai, Thể Sở y của hai quả này gọi là hiện tại. Bây giờ chỉ nương vào đạo lý để phân rõ ba đời. Hiện tại trong Đại thừa, có thể nghĩa của Nhân, gọi tên là Thủ quả, chỉ có đời hiện tại, cho nên Duy Thức ghi: "Tuy nhân cùng với quả, có Câu và Bất câu, mà trong thời hiện tại, mới có Dụng của Nhân. Hoặc là khi quả khởi, Nhân giao phó cho quả, gọi là cùng với Quả, hiện tại trên Chủng tử. Có nghĩa là đã từng ba đời giao phó cho quả, gọi là quá khứ. Hiện tại và vị lai cùng với quả, tương lai mới giáo phó, gọi là vị lai. Hiện tại chính là Thủ, gọi là hiện tại.

"Hoặc các quả pháp, hoặc đã diệt tướng..." trở xuống, giải thích y theo Hiện hành mà kiến lập nghĩa của Thế.

- Trong bốn Tướng phân làm ba đoạn:

1. Phân rõ Sở y.

2. Phân rõ tướng trạng.

3. Phân rõ phần vị giả lập.

Sinh diệt của Đại thừa, đã tức là pháp phân rõ, lại càng không có Thể riêng, Tiểu thừa thì nói có, Bách luận thì vấn nạn. Hữu diệt, là diệt pháp khiến cho không có nhập quá khứ, diệt pháp trong hiện tại gọi là Hữu. Hữu sinh, là Sinh pháp khiến cho Hữu nhập hiện tại, thì Sinh pháp ở vị lai đáng lẽ nói là không có. Đây là vấn nạn Thể của bốn tướng đồng thời thành Hữu.

Luận ghi: "Nói rằng tất cả Chủng tử tương tục trong hết thảy Xứ thức tương tục do Câu hành kiến lập". Đây là tổng nêu bốn tướng y theo Chủng tử mà lập hết thảy Xứ, ba cõi và Cửu địa. Thức tương tục, là Thức thứ tám. Tất cả Chủng tử tương tục là sát-na của Chủng tử diệt, không có gián đoạn, gọi là tương tục. Câu hành là Chủng tử cùng với Bản thức hằng đồng thời hiện hành. Kiến lập là y theo chín Địa và Thức thứ tám này tương tục câu hành. Tất cả Chủng tử kiến lập bốn Tướng

không y theo Hiện hành, do ba nghĩa:

1. Chủng tử tương tục.

2. Nhân của các pháp.

3. Không lìa Thức. Hoặc nói Chủng tử tức là nói các Thức.

Lại nữa, giải thích rằng: “Trong Bản thức, hết thảy Chủng tử tương tục câu hành trên pháp mà kiến lập bốn tướng, tức là nương trên tất cả pháp hữu vi pháp mà kiến lập bốn tướng. Tất cả pháp hữu vi hữu lậu và vô lậu nếu khởi thì chắc chắn cùng với Chủng tử câu hành, tức là thông với thuyết y trên hiện tại và Chủng tử. Nói nghĩa của bốn tướng, ở sau Sinh tức là nói khác mà có. Điều này có hai nghĩa:

1. Khiến cho sinh chán. Là muốn hiển Thể tự tánh của Sinh biến dị không thể ưa thích, hoặc tức là nói Trụ, thì phần nhiều sinh ra ưa thích, sinh ra Trụ.

2. Muốn hiển Tướng khi không co Dụng riêng, tức là Sinh tướng này, cùng với Biệt danh trước và sau khác nhau, đã như thế thì tùy theo chuyển gọi là Trụ, sau đó không Trụ thì gọi là Diệt, không đồng với tông khác.

Trong hai Dị tánh, tánh thứ nhất là pháp Đồng loại trước sau khác nhau, tánh thứ hai là pháp Dị loại trước sau khác nhau. Đây là chỉ nói Sinh, do có Duyên và Lực cho nên khởi, ngoài ra y theo đây mà lập, không chờ nhân mà thành, cho nên nói phỏng theo Phần vị của pháp mà lập riêng. Bài tụng Hiển Dương Tụng ghi:

Sinh và Nhân trái nhau, Không hai nhân Trụ diệt,
Tự nhiên trụ thường hết, Nên biết mặc tình diệt.

Đây là như quyển 52 và Duy Thức quyển 2 nói.

Bốn Duyên, văn phân làm ba đoạn:

1. Nêu tên.

2. Tổng nêu Thể của bốn Duyên.

3. “Lại nữa, do Chủng tử cho nên...” trở xuống, riêng chỉ về tâm để hiển bốn Duyên, như Duy Thức quyển 7 giải thích rộng.

Thể của Nhân duyên, Duy Thức ghi: “Là pháp Hữu vi thân cận phân rõ Tự quả, một là Hiện hành, hai là Chủng tử”. Hiện tại luận này chỉ nói Chủng tử. Duy Thức luận kia tổng hợp các văn ghi: “Chỉ có nói Chủng tử là Nhân duyên”. Luận đó nương vào chỗ hiển thù thắng, không phải tận lý. Thánh giáo nói chuyển thức cùng với A-lại-da triển chuyển mong nhau làm Nhân duyên. Đẳng vô gián duyên là tám thức hiện và các Tâm sở của nó, Tụ trước đối với Tụ sau bằng nhau mà khai đạo khiến cho Định của nó sinh khởi. Luận đó quyển 4 hội các văn này

nói: "Nếu Thức này không gián đoạn thì Thức kia quyết định sinh". Nói thì tổng nhưng ý thì biệt, nghĩa không trái nhau. Sở duyên duyên, luận đó ghi: "Hoặc Hữu pháp là liên đới với tướng của nó, thì tâm hoặc là tương ưng với chỗ tư lự và chỗ nương dựa, Thể này có phần, một là cận và một là viễn. Hiện tại tổng thuyết của luận này cũng trái nhau. Tăng thượng duyên, luận kia ghi: "Hoặc Hữu pháp có Dụng thù thắng, có thể đối với các pháp khác hoặc thuận hoặc nghịch". Luận đó tự hội các văn ghi: "Tuy ba Duyên trước cũng là Tăng thượng duyên", nhưng luận này quyển 4, trừ Thủ dư thừa của nó ra, là hiển nghĩa các duyên sai biệt, cho nên luận này ghi: "Trừ Sở y khác và Trợ bạn của Chủng tử". Trừ Sở y khác là trừ Đẳng vô gián y, không nói Cảnh giới hiển hiện rõ ràng, cũng biết là trừ Sở duyên, cho nên chỉ nương vào tâm để hiển bốn Duyên, không nói Tâm sở là Đẳng vô gián duyên. Trong tăng số của Thiện thứ sáu chỉ lập ba thiện không có Thắng nghĩa, vì nói Hữu vi. Phước phần thiện là thuận với Sinh tử thiện. Giải thoát quyết trạch phần thiện, như Đối Pháp luận quyển 13 và Quyết Trạch phần giải thích. Chánh thắng thiện tức là bốn Chánh cần, cũng gọi là Chánh đoạn, vì thắng các ác; vì Thể thù thắng của Cần, không phải là Tà cần, gọi là Chánh thắng. Vô lượng thiện là bốn Vô lượng. Hữu Y Thiện là có chỗ y cầu, cầu ba Hữu thiện. Vô y thiện là không có chỗ y cầu, mong Niết-bàn thiện. Lại nữa, Hữu vật thí gọi là Hữu y thiện. Vô vật tùy hỷ gọi là Vô y thiện, hoặc Hữu tướng thiện gọi là Hữu y thiện, các Vô tướng thiện gọi là Vô y thiện. Thể của Tu tuệ gọi là Căn bản thiện. Tương ưng năm Uẩn gọi là Quyến thuộc thiện, là Tu tuệ phẩm. Hoặc hai nghiệp đạo của Căn bản và Phương tiện, hợp hai làm một nghiệp đạo phẩm. Chỉ nói Văn tư không phải Tu tuệ, là tùy chố thích ứng của nó, còn lại là Thiện căn.

Tám Phước sinh là Túc Tán vương của cõi Dục là một, Thần (bầy tôi) là hai, thêm Lục dục thiên nữa thành tám, không đồng với chỗ giải thích của cổ nhân. Cõi Dục trừ Thần (bầy tôi) ra mà lấy Luân vương, thì Luân vương là chín, Bất động thiện là mười, là Sắc thiện, Vô sắc thiện và Vô lậu thiện.

Thiện liễu tri (khéo hiểu rõ) là trí biết nhân.

Trong Công xảo chỉ làm Hý lạc, các chỗ khác nói điều này thật ra thông với ba tánh, hiện tại chỉ lựa riêng với nhiễm, vì tướng khó biết. Nói rằng làm chỗ sinh khởi của Hý lạc, Tham và Trạo cử, không làm Hoạt mệnh, Tập nghiệp và Giản trạch. Thể của Hý lạc, Công xảo, Nhiễm ô, Hoạt mệnh và Tập nghiệp thật ra là Vô ký. Giản trạch là thiện, thiện tâm tuệ đồng do Giản trạch sinh.

Nói Tuệ nhãn, thật ra không phải Sắc và Nhãn đồng loại. Trong đây nói không phải là một trong năm Nhãn, Tuệ nhãn là tổng hợp ba thứ Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn trong năm Nhãn mà làm Tuệ nhãn này, vì Tuệ là Thể, nhân tiện cho nên nói thêm, mắt có nháy tức là có động mắt, như mắt người nháy mắt; mắt không nháy là không có nháy động mắt, như mắt con tò vò. Mắt làm chỗ nương tức là Nhục nhãn, do đây làm chỗ y mà khởi mắt biến hoá, cho nên gọi là mắt làm chỗ nương. Hoặc là chỗ y của phù căn trần nhãn, thế tục gọi đó là Nhãn, luận này cũng mượn đó đặt tên. Tai nghe rõ, cũng không phải là Sắc, Thể tức là Văn tuệ, nhân đó mà nói là tai, vì văn thuận tiện cho nên nói thêm, là muốn hiển thị mắt tai đều có công dụng vượt trội. Tai nghe giọng cao, vì nghe Thiện pháp, Thắng pháp thì có nghĩa là Pháp nhĩ. Tai không nghe giọng cao, là nghe Ác pháp, Liệt pháp, không có nghĩa là Pháp nhĩ. Trong Thân giải thích có khắp hết thảy là chỗ các căn đeo đuổi, thuyết minh nghĩa Thân căn khắp trong bốn căn.

Ý rơi vào thi thiết, Thi thiết là Danh ngôn, duyên tại Danh ngôn gọi là rơi vào thi thiết.

Nội ngoại trong mười một loại là Tự thân và Tha thân khác nhau.

Bảy thức trụ, Câu-xá quyển 8 ghi: "Thân dị và Tưởng dị. Thân dị thì đồng một tưởng, ngược lại thì Thân và Tưởng là một, gồm luôn mười ba Vô sắc, cho nên Thức trụ có bảy, còn lại thì không phải có tổn hoại:

1. Hữu sắc hữu tình, Thân dị tưởng dị, như người ở cõi cõi Dục và Sơ tĩnh lự, trừ khi Kiếp sơ.

2. Thân dị tưởng nhất, như Phạm chúng thiên khi Kiếp sơ.

3. Thân nhất tưởng dị, như cõi Nhị thiền, chán Căn bản hỷ mà nhập Cận phần xả, chán Cận phần xả mà nhập Căn bản hỷ.

4. Thân nhất tưởng nhất, như cõi tam thiền. Sơ định do nhiễm tưởng gọi là Tưởng nhất, Nhị định do Nhị thiện tưởng gọi là Tưởng dị, Tam định do Dị thục tưởng gọi là một, vì Thiện hỷ dấy động. Còn lại ba thứ tức là ba Vô sắc dưới đây. Ngoài ra Xứ hoại thức, không nói Thức trụ.

Tăng ngữ xúc, Thức thứ sáu đồng thời với Xúc, có thể khởi ngữ, có thể duyên ngữ, đối với thanh xứ và pháp xứ đều tăng trưởng, do Xúc tăng trưởng gọi là Tăng ngữ xúc. Hữu đối xúc, là năm Thức tương ưng với Xúc, vì căn có cặp đôi. Nương ham thích, là cõi Dục. Xuất ly là cõi Sắc, cõi Vô sắc và Vô lậu. Có ái vị là Hữu lậu. Không có ái vị là Vô

lậu. Thế gian là Phân biệt. Xuất thế gian là Vô phân biệt.

Nương chín loại hữu tình mà ở, Câu-xá tụng ghi:

Nên biết gồm Hữu đảnh,
Và hữu tình vô tưởng,
Là chín hữu tình cư,
Ngoài ra có Lạc trụ.

Bảy Thức trụ ở trước và thứ nhất Hữu sắc Hữu tình đều là Vô Tưởng thiên, gọi là chín hữu tình cư, còn lại các các nẻo ác khác thì không phải Hữu tình cư, vì không có Lạc trụ. Rộng như luận kia nói.

Trong Tăng sắc, Sắc có nương tựa ánh sáng là chất ánh sáng, sắc không nương tựa ánh sáng là lìa chất ánh sáng, hoặc ánh sáng phụ chất cũng gọi là nương tựa, ánh sáng xa chất thì không nương tựa. Sắc ánh sáng chân chánh và không chân chánh là do ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đầy hay vơi. Sắc tích tập là các hình sắc. Trong chín loại không nói nội và ngoại, nếu Tự thân và Tha thân là Ngoại xứ. Định và căn nói riêng, thật ra tương tợ âm thanh chỉ có hai tánh. Bất thiện Hữu phú là do Tư của nó phát cho nên được tên đó. Hiển Dương luận ghi: "Giả pháp bên ngoài thông với thiện và ác, thật Thể thì không phải". Cõi Sắc trước cũng như vậy.

Trong Thanh, hoặc phạm hoặc xuất, nghĩa là nếu phạm thì tự mình trở lại thanh tịnh. Thánh ngôn là xứng với Thật mà gọi là Thánh. Thánh là Chánh.

Suất-đồ-lỗ-ca hương trong Hương, tức là Cựu luận nói Đẩu-lâu-bà hương, kinh Địa Trì nói Cầu-cầu-la hương. Tố-khấp-kế-la là thứ lớn hớn hạt mè, sắc đỏ có thể nhuộm lụa được, ở xứ này không có, là Cực đại hương. Tam tân hương, xứ Tây vức phần nhiều lấy ba sự là dầu mè, Tất-bát và gừng hoà lại làm thuốc viên rồi ăn. Nhất chỉ hương có hình tướng như ngón tay.

Hưu dũ vị là thứ để trị bệnh.

Trong năm Trược, muỗi mòng là hai, là thứ tư trong sáu thứ Câu sinh. Trong nội thân cùng với thân đồng thời. Sở trị tức là cấu nhiễm. Năng trị tức là nước.

Nghĩa pháp của Pháp giới, như Duy Thức nói.

Tam chủng trong giải thích Pháp giới. Hữu sắc Vô sắc và Hữu vi Vô vi. Hữu vi có hai là Hữu sắc và Vô sắc, gồm Vô vi là ba. Hoặc một Hữu sắc, hai Vô sắc, ba là Hữu sắc Vô sắc, tức là Hữu vi và Vô vi.

Trong bốn loại tăng, chỉ nói Giả sắc, không nói Thật sắc. Luật nghi và Bất luật nghi, các tông thông với Sắc, luận này nói Giả sắc, lược

bỏ không nói Thật sắc.

Pháp do Vô sắc, Vô vi, Giả, Phi giả nhiếp nghĩa là y theo tướng mà nói Chân như là thật, ngoài ra đều là giả.

Thiện, Vô ký, Vô vi đều là nương vào tướng mà nói. Chân như v.v...là thiện, không v.v... là Vô ký.

- Trong mười loại tăng:

1. Tác ý.
2. Thọ.
3. Tưởng.
4. Tư.
5. Xúc.
6. Hư không.
7. Trạch diệt.
8. Phi trạch diệt.
9. Chân như.
10. Ba câu của thân Trung hữu.

Câu thứ nhất là Bất động vô vi, hai câu sau là Tưởng thọ diệt vô vi. Phi thọ là Tưởng, đây là tùy theo thù thắng mà nói, cho nên không có chỗ nào hơn. Hoặc điều Tác ý thứ nhất tức là trừ Thọ, Tưởng, Tư ra, các pháp Tâm sở khác, đuổi theo tâm mà sinh. Điều thứ năm Xúc tức là tương ưng. Lược bỏ không nói Sắc. Hoặc thứ nhất tức là Xúc, tuy theo tâm mới sinh, đây là tùy theo tăng thắng mà nói.

Tổng kết rằng sáu Xứ trong ngoài, các pháp sai biệt có sáu trăm sáu mươi pháp. Đây là căn cứ theo mười hai Xứ, mỗi mỗi đều tăng đến mười, mỗi mỗi đều có năm mươi lăm loại, đây là thành sáu trăm sáu mươi loại, pháp có thể nên có tăng số, đúng lý ra không phải như vậy. Trong năm căn tăng, đều không có tăng mười, nhưng mà có mười một, đã nhân lên cho năm. Ý xứ đến mười hai, nhưng không có tăng mười, sau đó nhân lên cho mười ba, đối với tăng số này hợp chung nhân cho mười tám. Huống chi không tính chỗ nhiếp tám mươi bảy pháp của pháp giới, do đây nên biết chỉ căn cứ theo mười hai Xứ thì mỗi mỗi tổng đại số đều tăng đến mười.

Trong giải thích tên gọi, Nhãn tiếng Phạm là Chước-sô, Chước là Hạnh, Sô là Tận, là có thể đối với Cảnh và Hạnh mà thấy tận. Hạnh thấy tận các Sắc cho nên gọi là Hành tận. Hiện tại nói Nhãn, là tương đương với nghĩa Thể. Nhĩ, tiếng Phạm là Thú-lâu-đa, Hán dịch là Năng văn, chữ Văn trong câu “Như thị ngã văn”. Hiện tại nói Nhĩ là tương đương với nghĩa Thể. Trong Thiệt, có thể trừ đói khát, chính là Thiệt

căn, phát ra ngôn luận là nơi gương ná của Thiệt. Thế tục gọi là Thiệt, cho nên lấy đó làm tên.

Kế chấp làm Ngã ngã và Ngã sở. Ngã sở là những sở hữu ngoài Ngã. Ngã ngã cũng là Ngã sở, là tính cho niệm Ngã trước, là Ngã của niệm Ngã sau, tức là niệm Ngã trước là Ngã của niệm Ngã sau.

Nghĩa của hữu tình, như Nhiếp dị môn có phân giải thích đủ. Trùng Ốt-tha-nam là thuyết minh nhiều nghĩa trên, đều sai biệt nghĩa của Ý địa, cho nên trùng tụng, nêu ra Thể để hiển nghĩa, là Địa và Thể của nghĩa đó.

Chỉ nói sáu Thiện xảo. Biện Trung Biên nói thông mười Thiện xảo, Quyết Trạch phần quyển hạ nói sáu, bảy Thiện xảo, phẩm Thành Thiện Xảo trong Hiển Dương luận nói các Thiện xảo, đều vì phá chấp, cho nên số không đồng. Rộng như trong các luận đó giải thích.

Việc sinh khởi là Duyên khởi duyên sinh, Đối Pháp luận ghi: "Nhân gọi là Duyên khởi, quả gọi là Duyên sinh".

Sự sai biệt là Vô lượng giới, tức là năm vô lượng, là giới bị điều phục của pháp giới và thế giới hữu tình. Điều phục phương tiện giới, sau đây sẽ giải thích.

Sau đó Ốt-tha-nam có mười môn:

1. Sắc tụ.
2. Tương ưng phẩm.
3. Thế.
4. Tướng.
5. Duyên.
6. Ba tánh.
7. Tăng số của mười hai Xứ.
8. Giải thích tên của mười hai Xứ.
9. Thiện xảo.
10. Việc của tám chúng.

Đều tùy theo chỗ tăng thắng mà nói.

BẢN LUẬN 4

1. Trong Cảnh của chín Địa, phân ra làm bốn phần: Hai Địa trên thuyết minh Thể của Cảnh, đây là ba Địa của Hữu tầm và Hữu tứ, là Cảnh tướng, cõi trên cõi dưới thô tế khác nhau, đó là nói về Ý. Tầm là tìm cầu; Tứ là dò xét; là Tư và Tuệ suy tìm thô gọi là Tầm, quán sát tế gọi là Tứ, một niệm không đồng thời, thô tế khác nhau. Hiện tại nương vào pháp Hữu và Vô của nó, hai pháp này kiến lập ba Địa, đó là giải thích tên gọi. Nêu ra Thể của Địa, có ba sư giải thích. Sư thứ nhất nói: "Ba Địa này, ngay tương ưng trước sau mà kiến lập Vô tâm địa. Nói hai Địa trước là Tâm địa, cho nên biết pháp các Sắc của Địa sau đều gọi là Vô tầm vô tứ địa". Sư thứ hai nói: "Ba Địa này, ngay nơi hai pháp Ly dục mà kiến lập. Trong quyển này, đã lấy Ly tầm tứ gọi là Vô tầm vô tứ địa, cho nên biết tùy chỗ thích ứng mà có nhiễm ô đó, gọi là Sơ địa và Nhị địa". Sư thứ ba nói: "Ba Địa này đều ngay nơi Giới địa mà kiến lập. Trong quyển này nói cõi Dục và Sơ tĩnh lự hoặc Định hoặc Sinh, gọi là Hữu tầm hữu tứ địa, cho nên biết chỉ nương vào Giới địa mà kiến lập". Trình bày phá sư trước đều là không đúng. Hiện tại luận này giải thích đều như văn của luận kia.

- Ngay trong Địa này, toàn văn phân làm ba phần:

a. Hỏi.

b. Lược đáp.

c. "Tại sao Giới thi thiết kiến lập..." trở xuống, giải thích chỗ nêu ở trước, trong đó tức là năm phần.

Trong Giới thi thiết phân làm ba đoạn gồm: hỏi, đáp tám môn và tùy giải thích riêng.

- Trong kiến lập của số thứ nhất phân làm hai:

a. Nêu Đoạ giới và Phi đoạ giới.

b. Trong đây, "cõi Dục..." trở xuống, riêng giải thích ba Địa.

Đoạ là ở tại, là rơi xuống, là rơi xuống trong Giới nhiếp. Phi đoạ giới nhiếp là Phương tiện gồm cả Tát-ca-da diệt và Vô hý luận vô lậu giới, là giải thích chung của ba Thừa. Phương tiện là Đạo đế, vì là diệt nhân của Thú. Tát-ca-da diệt, là Thân hư nguỵ diệt, tức là Trạch diệt. Vô hý luận vô lậu giới là Chân như, tánh lìa phân biệt, Thể vô lậu, chỉ có giải thích của Đại thừa. Hoặc Phương tiện là tất cả Hóa thân, vì vận dụng tam luân Phương tiện lợi ích chúng sinh. Tát-ca-da diệt là Pháp thân, vì thân hư ngụy diệt mất mà hiển ra Pháp thân. Vô hý luận vô lậu giới là Báo thân, vì năm Uẩn vô lậu lìa Phân biệt. Hoặc là Định, là ở tại

Địa cõi trên cõi dưới mà chứng đắc Định đó. Hoặc là Sinh, là sinh lên Địa đó, chỉ có Tứ không có Tầm. Tùy một hữu tình do tu pháp này cho nên được làm Đại phạm. Tuy chung với Sơ thiền, đồng một Địa, không có riêng phẩm số. Phải lìa Tầm nhiễm, chế phục Tầm tham mới chứng đắc Định đó. Như tại cõi Dục tu Bất tịnh quán, tuy chưa có phẩm số, chế phục nhiễm cõi dưới, phải tạm thời chế phục Tham, mới có thể nhập Quán. Định này cũng vậy cho nên gọi là riêng được làm Đại phạm. Khi Kiếp sơ, Cực quang tịnh thiên đầu tiên phải đến chỗ này, vì Định nghiệp cho nên được sinh xuống, ban đầu làm Đại phạm, không phải ở tại Sinh báo của Nhị định mà sinh xuống, trong đây là do đạo lý lìa Dục của Tầm và Tứ, cho nên gọi là Vô tầm vô tứ địa. Sư thứ hai của Thích luận dẫn điều này để làm chứng, chưa lìa Nhiễm của Tầm và Tứ. Các pháp giả của Sơ định cõi Dục, gọi là Hữu tầm hữu tứ địa. Các pháp giả của Tĩnh lự trung gian, đã lìa Nhiễm của Tầm, chưa lìa Nhiễm của Tứ, gọi là Vô tầm hữu tứ địa. Các pháp giả của Nhị định trở lên đều đã lìa Nhiễm, cho nên đều gọi là Vô tầm vô tứ địa, tức là hiển giáo đạo sai biệt của cõi Dục. Hoặc đã lìa Dục, cũng gọi là Vô tầm vô tứ địa. Nếu không như thế thì tại sao trong ba Địa chỉ lìa hai Nhiễm gọi là Địa thứ ba, không nói có hai Địa nhiễm của cõi dưới, gọi là Sơ địa và Nhị địa? Thật nghĩa thì không phải như vậy. Ba Địa này chỉ nương vào Giới và Địa mà kiến lập, là Sơ định hữu lậu vô lậu trong các pháp tụ của cõi Dục. Tầm đồng thời có thể chứng đắc, đã lìa Dục và chưa lìa Dục đều gọi là Đẳng dẫn của Địa kia. Kế đó là văn trên làm chứng, không do có nhiễm gọi là Địa kia. Hoặc đã lìa Nhiễm thì gọi là không phải Địa kia. Nếu giải thích như vậy thì liền đại tạp loạn, cho nên luận này ghi: "Hoặc Vô lậu giới, chỗ nhiếp của Hữu vi định, Sơ tĩnh lự cũng gọi là Hữu tầm tứ địa. Hoặc ngay Tương ưng và ba Ly dục, lập ba Địa riêng khác". Những câu văn này đều có lỗi, rộng như Thích luận nói. Đây là nói Tầm tứ do lìa Dục, gọi là Vô tầm vô tứ địa. Nhưng chỉ có Dục, Nhị định kia trở lên không có Tầm và Tứ. Một Địa Hữu lậu hay Vô lậu đều quyết định lìa nhiễm của Tầm và Tứ. Địa cõi dưới thì không phải như vậy, không nên lấy Hữu nhiễm làm Địa kia, Vô nhiễm thì liền không phải, cho nên chỉ nói Nhị định trở lên, do đây mà không nói hai Địa của cõi dưới. Tùy lìa Nhiễm của Tầm tứ kia, tức là không phải Địa của nó. Giáo đạo và Tác ý là tại cõi Dục. Trụ tâm vô tướng, không có Tầm tứ. Xuất định kia, thì thân tại cõi Dục, đã lìa Dục của Sơ định, nhập Vô tầm tứ định, sau khi xuất Định thì lại khởi Tầm tứ, hoặc sinh Nhị định thì cũng khởi Tầm tứ cõi dưới, cho nên luận ghi: "Nếu như xuất Định

kia và sinh Định kia, hoặc chỗ nhiếp Hữu vi định của Vô lậu giới, tức là Căn bản trí của Sơ tĩnh lự”. Ở đây có hai nghĩa, trong Duy Thức quyển bảy ghi: “Một là nói Hậu đắc trí tại Nhân vị cũng đồng thời với Tầm tứ, hoặc nương vào nghĩa này mà Căn bản trí kia nương vào Tầm tứ này, Xứ pháp của Hậu đắc trí duyên cảnh Chân như mà khởi, gọi là Hữu tầm hữu tứ địa, không phải Căn bản trí cùng với Phân biệt hiện hành đồng thời với Tầm tứ mà gọi là Hữu tầm hữu tứ địa. Hai là Hậu đắc trí cũng không phải Tầm tứ đồng thời, đây là Vô lậu hữu vi định, tức là hai Trí. Nương vào Xứ pháp Tầm tứ của Sơ định, duyên Chân như giác, gọi là Hữu tầm hữu tứ địa chứ không phải hai trí này câu sinh với phân biệt Tầm tứ hiện hành mà có tên là Địa đó.

2. Trong Xứ sở: Có ba cõi riêng biệt, tức là ba thứ. Cõi Dục có ba mươi sáu Xứ, là Bát nhiệt Na-lạc-ca, Bát hàn Na-lạc-ca, quỷ xứ, Phi thiên xứ, bốn Đại châu, tám Trung châu, sáu Dục thiên, Ma cung của cõi Dục tức là Tha hóa thiên. Cận biên có hai Na-lạc-ca, tức là Bát nhiệt và Bát hàn, chỗ nhiếp tùy thích ứng. Một phần trong loài người cũng như thế, cho nên không lập riêng chỗ, do đây văn nói về cõi Dục phân làm hai đoạn:

a. Thuyết minh ba mươi sáu Xứ.

b. Giải thích từ “Ma cung...” trở xuống, tức là luận kia giải thích.

Từ đây xuống ba vạn hai ngàn du-thiện-na đến Đẳng Hoạt. Đoạn văn này có ý nói, dưới mặt đất bằng ba vạn hai ngàn du-thiện-na mới đến Đẳng hoạt. Đẳng hoạt rộng mười ngàn du-thiện-na, dưới kế đó hơn bốn ngàn du-thiện-na mới đến Hắc thằng, dưới Hắc thằng hai ngàn du-thiện-na mới đến Chúng hợp, như vậy tám Na-lạc-ca đều rộng mười ngàn du-thiện-na. Dưới sáu Địa ngục cách nhau đều là hai ngàn du-thiện-na. Đáy của Vô gián địa ngục, cách mặt đất khoảng mười hai vạn tám ngàn du-thiện-na; núi Tô-mê-lô ngập trong nước tám vạn du-thiện-na. Độ sâu của Địa ngục hơn Tô-mê-lô bốn vạn tám ngàn, lấy chuẩn này mà biết. Bát nhiệt địa ngục sâu hơn câu-xá. Luận kia nói Vô gián địa ngục sâu cách mặt đất là bốn vạn du-thiện-na, luận kia tụng rằng:

Từ đây sâu hai vạn,
Vô gián sâu rộng bằng.

Câu-xá ghi: Thủy luân tuy sâu tám ức nhưng nương trên Phong luân. Kim luân lại dày ba ức hai vạn, ở trên Thủy luân, cho nên núi Diệu cao dựa vào Kim luân này.

Luận này thì nói lớn hơn, Kim luân ở dưới Thủy luân, kế đó căn cứ theo Kim luân thì Thủy luân ở trên Kim luân, tuy không nói số lượng

độ sâu, nhưng đáy của Vô gián đã tính là mười hai vạn tám ngàn. Diệu cao thì ngập trong nước, chỉ nói là tám vạn, biết rõ là Diệu cao không căn cứ theo Kim luân. Phân nửa trên và phân nửa dưới trong nước trụ bềnh bồng. Địa của Thiệm-bộ châu ở trong Thủy luân. Nghĩa sâu của núi Diệu cao rất khó hiểu. Thất Kim triển chuyển gấp bội tiểu Tu-di, tại sao châu này chỉ một mình nó là sâu hơn các loại? Do có Địa ngục an lập rải rác không đồng, ác nghiệp thì nhiều, xứ sở cần phải rộng. Đặc biệt sâu hơn các loại, Địa ngục này lại rộng như thế nào? Câu-xá tuy không trình bày riêng, nhưng Tỳ-bà-sa quyển 172 có ba thuyết:

1. Đáy của Vô gián cách đây bốn vạn, dưới hai vạn là Vô gián, trên kế đó một vạn chín ngàn, thứ tự có bảy Địa ngục khác, bảy Địa ngục này mỗi mỗi ngang rộng một vạn du-thiện-na, e rằng có xem sai bản thảo. Kế trên đó năm trăm du-thiện-na đất sét trắng, và năm trăm du-thiện-na là đất bùn.

2. Vô gián đồng như chỗ nói ở trước. Kế trên đó ba vạn năm ngàn, an lập bảy Địa ngục khác, bảy Địa ngục này mỗi mỗi ngang rộng năm ngàn. Kế đó một ngàn du-thiện-na đất xanh, kế đó một ngàn đất vàng, kế đó một ngàn đất đỏ, kế đó một ngàn đất trắng, kế đó năm trăm đất sét trắng, kế đó năm trăm đất bùn.

3. Trong Vô gián địa ngục, có bảy lớp Địa ngục khác vây quanh, Thiệm-bộ châu này cũng như một đống lúa, bên trên thì nhọn, bên dưới thì rộng cho nên được dung chứa. Do đây kinh ghi: "Nước của bốn biển lớn, dần dần ngập dần dần sâu". Tuy không có nhà bình luận, nhưng không biết chỗ lấy của Câu-xá là thế nào? Vả lại xem thế văn thì thuyết thứ ba là chánh, vì không trái nhau, các nghĩa khác thì đều có lỗi tự tông trái nhau. Hiện tại Đại thừa khéo ứng hợp lý, Bát hàn địa ngục với Bát nhiệt tương đương, Đại thừa với Tiểu thừa thì lượng đồng, cho nên không nói riêng. Quỷ và Phi thiên như trước đã nói. Không thấy văn nói Cận biên cũng thuộc Bát hàn, có thể như vậy là Độc nhất.

Thủ-duyên-đậu-tử tức là Ma-ha-một-trì-ca-la, Tông Luân luận gọi là: "Thái thúc thị". Cựu luận nói là: "Đại Mục-kiền-liên", rộng như Thủ Duyên này nói. Như Di-lặc sớ. Thiêu đốt có ba phần, phần ít, phần nhiều và toàn phần khác nhau. Nhất tụ là không thấy hình dung, chỉ thấy một tụ Hỏa tướng.

Mười tám Xứ của cõi Sắc. Ba Định dưới đây mỗi mỗi đều có ba Xứ, Định thứ tư thì có tám Xứ, Vô tưởng thiên thì Quảng quả nhiếp, cho nên không nói riêng, gồm cả Đại tự tại thiên cho nên thành mười tám Xứ. Tứ thiền mỗi mỗi đều có ba cõi Thiên, chỉ nói huân tập và tu hành,

cho nên chỉ có huân tập Hữu lậu. Năm trời Tịnh cư, đã nói là do năm phẩm Tạp tu mà sinh, để thuyết minh thông với pháp Tạp tu của Hữu lậu vô lậu, không khác với Cựu luận nói tuy tạo ở phàm phu, do Vô lậu này trợ dưỡng Hữu lậu định, càng trợ nghiệp cũ khiến cho thù thắng, sinh lên Đại tự tại thiên xứ.

Do huân tu cùng cực, thì chỉ có Vô lậu tu. Các Hữu lậu Thức thứ sáu đã không hiện hành, tức là chỗ tạo của phàm phu. Nghiệp của Quảng quả thiên xứ, khi sắp nhập vào Địa thứ tám thì sinh lên Quảng quả thiên. Vô lậu huân tập cùng cực, thì trợ dưỡng cõi Thiên đó trước khi nghiệp hậu báo, đến mười Địa mãn tâm mới sinh về Hậu báo đó. Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Lợi ích của Hiện báo là thọ Phật vị, lợi ích của Hậu báo là sinh Ma-hê-thủ-la trí xứ”. Rộng nói như Duy Thức quyển 7 sớ và Thập Địa luận quyển 12 nói.

Tu Thiền có ba thứ:

a. Chỉ có Hữu lậu huân tập dưới Tứ định.

b. Chỉ có Vô lậu, là từ Biến dịch sinh tử của Địa thứ tám trở lên.

c. Hữu lậu và Vô lậu như chỗ nói trước.

Nghiệp của năm Tịnh cư là Biến dịch sinh tử. Địa thứ bảy trở về trước và Nhị thừa đều thông với Hữu lậu và Vô lậu. Vì Vô minh làm duyên cho nên chỗ khởi Định chỉ có Hữu lậu, Địa thứ tám trở lên chỉ có Vô lậu, vì không khởi Vô minh.

Hữu xứ sở của cõi Vô sắc, là nghiệp quả khác nhau, tức là khi nhập Định tử xứ mà thi thiết. Vô xứ sở, là không có Sắc thân, hoặc hiện Sắc định cho nên gọi là Hữu xứ sở, không có thân Dị thục cho nên gọi là Vô xứ sở.

3. Trong Hữu tình lượng: Văn phân làm năm đoạn:

a. Cõi người.

b. Cõi trời.

c. Địa ngục.

d. Phi thiên.

e. Cõi Vô sắc.

Thân lượng của châu này, tuổi thọ lâu thì thân lớn, tuổi thọ ngắn thì thân nhỏ, lớn nhỏ tuy khác nhau, nhưng tùy theo tự thân của mỗi người là lượng ba khuỷu tay rưỡi, cho nên lượng không đồng. Đông châu thì quyết định tự thân là ba khuỷu tay rưỡi. Hai châu Tây và Bắc cũng tùy theo tự thân lượng là ba khuỷu tay rưỡi, nhưng dần dần lớn lên. Câu-xá quyển 11 không đồng với luận này. Câu-xá ghi: “Lượng của người Nam Thiệm-bộ châu là ba khuỷu tay rưỡi đến bốn khuỷu

tay. Người của Đông, Tây, Bắc châu thì tăng thêm gấp bội như thứ tự". Luận đó nói châu này hoặc ba khuỷu tay rưỡi đến bốn khuỷu tay, Đông châu thì tám khuỷu tay, Tây châu thì mười sáu khuỷu tay và Bắc châu thì ba mươi khuỷu tay. Luận này thì nói dần dần lớn thêm, không nói tăng gấp bội, vì không nhất định.

Cõi trời thứ ba mươi ba tăng một Túc. Túc là phần, phân một Câu-lô-xá làm bốn phần, một trong bốn phần lại phân làm bốn phần nữa, tăng thêm phần này một phần cho nên gọi là một Túc. Dưới đây nói một Túc, nghĩa của nó cũng vậy, là hiển Tri túc thiên bằng một phần nửa câu-lô-xá, Lạc hóa thiên là hai phần, thân của Tha hóa thiên là ba phần. Hoặc có chỗ giải thích một Túc, là một câu-lô-xá phân làm bốn phần, một trong bốn phần đó lại phân làm hai phần, đủ một trong hai phần này thì gọi là một Túc, tức là hiển thị thân Trí túc thiên bằng một phần tư câu-lô-xá, thân Lạc hóa thiên bằng ba phần tư câu-lô-xá, thân Tha hóa thiên bằng một phần ba câu-lô-xá. Câu-xá luận thì không đồng, nói: "Dục thiên thì bốn phần của câu-lô-xá mỗi mỗi tăng, cho đến Tha hóa thiên bằng một nửa câu-lô-xá", ngoài ra đều đồng với luận này.

Hỏi: Nếu y theo Câu-xá luận thì Phạm vương sống lâu một nửa trong tất cả, thân lượng bằng một nửa du-thiện-na, Đại thừa đã lấy sáu mươi kiếp làm một kiếp, tại sao không nói Phạm vương lấy một du-thiện-na rưỡi làm một kiếp?

Đáp: Kiếp là tên chỉ thời gian, tùy theo pháp mà thi thiết, du-thiện-na là phần lượng, không thể nhiếp chung mà nói.

Vô vân giảm ba du-thiện-na. Vô lượng quang thiên bằng bốn du-thiện-na, Cực quang thiên bằng tám, Thiểu tịnh bằng mười sáu, Vô lượng tịnh bằng ba mươi hai, Biến tịnh bằng sáu mươi bốn, Vô vân bằng một trăm hai lăm, vì giảm ba du-thiện-na. Như vậy bội bội tăng cho đến Sắc cứu cánh thiên, thân cao một vạn sáu ngàn du-thiện-na, vì nghiệp không đồng, cho nên thân lượng khác nhau, không thể trưng bày cật vấn. Không nói thân lượng của cõi Vô gián, vì khắp chỗ cho nên biết là nhỏ, Phi thiên cũng vậy. Không đồng các tông khác là Đại địa ngục chỉ ở tại chỗ dưới này, ngoài ba cõi ra, Độc nhất và Cận biên là nghiệp thù thắng, nói tạo ác nghiệp để vào Địa ngục này.

4. Trong kiến lập Thọ, phân làm ba đoạn:

a. Thuyết minh riêng tuổi thọ của ba cõi.

b. Thuyết minh yểu mệnh của Trung hữu.

c. Thuyết minh thân ô trược.

Cõi Dục phân làm bảy cõi:

a. Nhân.

b. Thiên.

c. Đại Na-lạc-ca.

d. Phi thiên.

e. Bàng sinh và Quỷ.

f. Hàn Na-lạc-ca.

g. Cận biên và Độc nhất.

Do phẩm loại thiện và ác nghiệp không đồng, cho nên thọ lượng cũng khác, nên tư duy. Số lượng này dễ cho nên không nói.

5. Trong kiến lập Thọ dụng, phân làm hai đoạn là nêu ba môn và tùy theo đó giải thích riêng. Trong giải thích riêng lại phân làm bốn phần:

a. Thuyết minh Thọ khổ.

b. "Lại nữa, trong bốn thứ Na-lạc-ca không có Lạc thọ..." trở xuống, thuyết minh Thọ lạc.

c. Tổng thuyết minh hơn kém sai biệt của Khổ và Lạc.

d. "Lại nữa, thân Sở y của hữu tình trong ba cõi..." trở xuống, khuyên chán ba cõi, ưa cầu Vô lậu.

Trong thuyết minh Thọ khổ. Lại phân làm hai phần: một là thuyết minh khổ của ba cõi, hai là thuyết minh Phi khổ của Vô lậu. Trong phần đầu lại có hai đoạn: một là thuyết minh khổ của cõi Dục, hai là thuyết minh khổ của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Trong cõi Dục phân làm hai đoạn: một là thuyết minh sơ lược Khổ của năm nẻo, hai là thuyết minh rộng khổ của năm nẻo. Thuyết minh rộng tức là phân ra năm khổ. Trong khổ của Địa ngục lại phân làm bốn loại:

a. Giải thích đại Na-lạc-ca.

b. Cận biên.

c. Hàn.

d. Cô độc.

- Hợp chúng có ba loại:

a. Cổ hai đầu.

b. Máng sắt đè.

c. Lên xuống núi.

Địa ngục Hào khiếu có ba loại, nói Thiêu nhiệt, Cực thiêu nhiệt... có phần ít, phần nhiều và toàn phần khác nhau. Sau đây đều căn cứ theo đó mà biết.

- Thiêu nhiệt có ba loại:

a. Rang trên vỉ sắt
b. Chỉa sắt xiên người
c. Đánh bằng gậy sắt.
- Cực thiêu nhiệt có ba:
a. Chỉa sắt xiên hai bắp tay và đỉnh đầu
b. Khoá bằng khoá sắt
c. Nước sôi tưới lên người.
- Vô gián có sáu:
a. Bốn phía lửa thiêu
b. Đổ than sắt nóng lên người
c. Trèo lên trèo xuống núi sắt cháy đỏ
d. Đinh sắt đóng vào lưỡi
e. Viên sắt nóng đốt miệng
f. Nước đồng sôi tưới lên người.
- Bốn phía của cận biên nghĩa là vườn tro nóng, thây chết phân dơ, mũi nhọn và sông nước nóng. Mũi nhọn có ba:
a. Đường dao nhọn
b. Rừng lá nhọn
c. Rừng sắt nhọn.

Lại có ngục tốt như chó, quạ, trùng nương-cự-tra. Nhị Thập Duy Thức trình bày các tông không đồng. Sư Tát-bà-đa, kinh Bộ và Đại thừa nói là Phi tình, nhưng có chút ít sai biệt, sư Thượng toạ bộ nói là hữu tình. Rộng như luận kia phá.

Trùng nương-cự-tra thân dài một thước, mình trắng đầu đen. Ví như bạt-mạt-lê, hình trạng như cây bãi sậy có nhiều gai nhọn.

Trong Địa ngục Hàn có ba thứ Sắc riêng biệt. Khổ cụ nặng nhẹ như thứ tự không đồng, phát ra tiếng có khác nhau.

Địa ngục chỉ ở ngay bên dưới châu này mà có, các xứ khác đều không có. Ác cực nặng sinh cũng chỉ châu này. Hai châu kia thì đoạn thiện, khởi nghiệp Vô gián, đến đây thọ khổ. Bà-sa nói ba châu đều có Địa ngục Biên địa và Độc nhất. Cũng có nói hai châu có hai thứ Địa ngục này không phải là Bắc châu, vì không phải xứ Tịnh lạc.

Miệng trong loài quỷ, hoặc như sắt, hoặc như đuốc chưa tàn. Như sắt thì miệng nhỏ không ăn được. Miệng phun lửa cũng như đuốc, tự thiêu đốt, cổ của nó có nhiều bướu không thể tự giữ, thường bị lấp nghẹt, bụng thì rộng lớn không thể tự no, suốt ngày đói rỗng, giả sử được ăn cũng không thể no cho nên nhiều khổ.

Nhân khổ có tám thứ, Nhân khổ thứ tư là bức thiết truy cầu nhiếp

thọ. Khổ là bị đánh chửi, bức bách, tìm cầu không được. Truy cầu được rồi thì đến khổ thủ hộ và nhiếp thọ.

Do có phước tụ quảng đại thành thục và năm dục quảng đại, khi Thiên tử sinh nghĩa là khi một Thiên tử có đức lớn Phạm hạnh thì gọi là Đại phước tụ thiên sinh. Phi phạm hạnh nghĩa là đều đối với năm dục quảng đại thọ dụng, gọi là Quảng đại thiên.

Đốn chặt phá hoại là chỉ có ở tại Địa kia, hoặc chư Thiên khác đều có chung.

Bốn vị tô-đà là bốn màu diệu vị xanh vàng đỏ trắng. Văn luận kia tự giải thích.

Lại nữa, chư Phi thiên thuộc cõi trời nhiếp. Các giáo môn giải thích bất đồng, như Pháp Hoa quyển 1 sớ hội giải thích. Luận này thì y theo Đại thừa, văn của luận này thì cho Phi thiên thuộc cõi trời, Phật Địa luận cùng với văn này đồng.

Cõi Sắc và cõi Vô sắc có Phiền não chướng cho nên bằng nhau. Do có phiền não cho nên đối với cái chết không được tự tại. Vả lại, có chết là do có chướng, tức là nạn của Trường thọ thiên, đối với trụ chánh pháp thì không tự tại.

"Lại nữa, trong bốn loại Na-lạc-ca..." trở xuống, thuyết minh Thọ lạc phân làm hai đoạn, vì ba cõi riêng khác: một là tại quyển này, hai là tại quyển 5.

- Cõi Dục phân làm ba đoạn:

1. Địa ngục.
2. Quỷ, súc, người.
3. Cõi trời.

- Bốn loại Địa ngục:

1. Bát hàn.
2. Bát nhiệt
3. Cận biên.
4. Độc nhất.

Ba loại Ngạ quỷ, tức là chỗ nói ba thứ Ngạ quỷ ở trước. Không có Lạc thọ, cho đến Đẳng lưu lạc cũng đều không có. Nhiếp luận của Thế Thân nói có Đẳng lưu lạc. Duy Thức quyển 5 hội ghi: "Nên biết luận kia y theo lý tùy chuyển mà nói". Tùy theo Tát-bà-đa, hoặc kia nói chung các thọ xứ tạp khác. Không có Dị thục lạc thì gọi là thuần khổ, đây là nói trừ ra Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sinh, cũng có Đẳng lưu lạc. Không có Dị thục lạc thì gọi là thuần khổ, cho nên văn này ghi: "Đại lực quỷ, Bàng sinh và người, có dụng cụ để vui". Trong luận này nói

không có Lạc, chỉ nói ba thứ quỷ. Quyết Trạch phần thì nói một phần Bàng sinh cũng gọi là thuần khổ. Bàng sinh tuy thật ra là như thế, nhưng không có biệt tướng có thể nêu ra được, lược bỏ mà không nói.

Năm Tình và hai Phi tình trong bảy thứ báu là bánh xe báu và châu báu, đây là chỗ có của hai Thiên đế. Dưới đây là ứng với Luân vương: Voi báu tức là trong Phi thiên hiếp ở trước, một con trong năm trăm con của Thiện trụ long vương. Ngựa báu, cũng là Long mã của Thiên đế. Nữ báu, bề tôi báu, binh báu cũng đều là thần thiếp của Thiên đế. Năm thứ báu sau thì sinh xuống Diêm-phù, vì ứng với Luân đế, Luân đế biến hóa hơi thở thì trở lại chết và về cõi Thiên. Ngoài ra cả hai Luân vương và Luân đế đều từ trong cõi Thiên ứng xuống. Bánh xe báu tức là xe bay trên không để tồi phục kẻ địch, do một ngàn nan hoa vàng làm thành, có nhiều vật báu trang sức. Voi báu bảy ngà cắm đất, Luân vương cỡi nó, bay lên không tự tại. Ngựa báu lông bờm và đuôi màu đỏ, cũng có thể bay lên không, Luân vương cỡi đi xa rất nhanh. Châu báu, có thể phóng ra ánh sáng, chỗ cầu đều đổ xuống như mưa. Nữ báu nhu nhuyễn không có xương, đoan nghiêm mỹ lệ, không sinh con cháu, sinh ra biết hậu cung, chủ yếu cất chứa làm bề tôi, dốc một niềm tin không hai lòng. Có thể biết ẩn nấp, bề tôi báu nắm binh, tài ba cái thế, ứng dụng ngưng dứt can qua, động thân thì phấn phát, bốn binh vân tập, luôn tiến không ngừng, nắm quyền cai quản đứng đầu Cảnh vệ. Như kinh Hoa Nghiêm có trình bày đủ các sự đó. Còn lại ba Luân vương, tuy đều là Luân ứng với ngân, đồng, thiết khác nhau, cũng không có các vật báu khác.

- Trong cõi trời phân làm bốn đoạn:

1. Tổng thuyết minh Lạc của chư Thiên.
2. Thuyết minh Lạc của Phi thiên.
3. Thuyết minh Lạc của Bắc châu.
4. Thuyết minh tướng riêng thọ lạc của Đế Thích.

- Trong đoạn văn thứ nhất lại có bốn đoạn:

1. Bên ngoài trong sạch không hôi.
2. Bên trong không có phủ tạng.
3. Chỉ có một là quán trang nghiêm.
4. Có mười thứ tùy theo chỗ muốn.

Trong Bắc châu không có hệ thuộc quyết định thắng tiến. Do tập Vô ngã cho nên không có hệ thuộc, đối với ăn mặc không khởi Ngã sở, do đây tương lai quyết định thắng tiến, châu kia quyết định có nghiệp Hậu báo sinh Thiên. Trước quán Vô ngã tu mười thiện nghiệp, cho nên ở đây nói là tương lai quyết định được thắng tiến. Có chỗ nói châu kia

có nghiệp Hậu báo thì quyết định đoạ trong loài quỷ, chưa thẩm xét nói đúng hay không.

Trong đoạn văn thứ tư có mười phần, Thiên có bốn khu vườn:

1. Hội xa, là thêu vẽ trang sức cho xe.

2. Thô nhám, là chiến khí và chiến trường.

3. Hoà tạp, là chỗ thọ dục lạc.

4. Hỷ lâm, là chỗ đi dạo chơi, có bốn cảnh đẹp xung quanh bốn phía, đất mỗi phía có một màu hoặc bốn màu. Thiện pháp đường ở đó cây xây tròn làm thành Hỷ lâm viên. Nguyên nhân nào có như trong Tông Luân sớ trình bày nhân khởi của Đế Thích. Đá Như ý, có thể xứng với tâm của chư Thiên.

BẢN LUẬN 5

Trên đã phân rõ cõi Dục lạc, dưới đây phân rõ cõi Sắc.

1. Sơ tĩnh lự thọ Ly sinh hỷ lạc. Hiển Dương luận quyển 2 ghi: "Ly là do tu tập đối trị trừ đoạn Sở tri chướng. Sở đắc chuyển y tức là tùy theo tu mà có Vô lậu định. Vô lậu định kia đối với Dục, Khuể, Tầm của cõi Dục, chỗ chứng đắc Chuyển y vô vi gọi là Ly sinh, là từ Sở sinh này, từ Chuyển y của Sở sinh này. Hỷ là đã Chuyển y, y theo Chuyển thức, tâm khoái, tâm dũng, tâm thích, tâm điều an ổn thích với Thọ, là Sở nhiếp của Thọ, đã chứng đắc Chuyển y rồi, y theo các Thức mà Chuyển sở đắc, chỗ sinh Hỷ thọ của Khinh an gọi là Hỷ. Tuy vui năm căn cũng gọi là Hỷ lạc, vì đã Chuyển y. Y A-lại-da thức có thể nhiếp Sở y, khiến cho vui vẻ an ổn thích với Thọ, là Sở nhiếp của Thọ, tức là Khinh an và Hỷ thọ kia. Tuy không cùng với Thức thứ tám đồng thời, nhưng y theo thọ năng nhiếp của Thức thứ tám. Nương vào thân thích khoái của Sở y gọi là Lạc, tức là Hỷ lạc này, do lìa Sở sinh gọi là Ly sinh hỷ lạc.

2. Đệ nhị tĩnh lự thọ Định sinh hỷ lạc. Định là đã Chuyển y rồi, tâm trụ một cảnh, tức là chỗ chứng đắc Định ở trước. Sinh, là chỗ sinh từ Định. Hỷ lạc thì cũng như trước, không phải như Sơ định mới lần đầu được lìa, cho nên nói là Định sinh. Trước Sơ định thì chưa có Định, chỉ nói Ly sinh mà không nói Định sinh.

3. Đệ tam tĩnh lự thọ Ly hỷ diệu lạc. Hoặc là duyên giáo pháp tăng thượng mà lìa Dục trong Định thứ hai, hoặc do duyên giáo pháp kia truyền dạy làm cảnh giới, đã thấy lỗi lầm trong Hỷ tướng của Đệ nhị tĩnh lự mà chán muốn lìa nó. Diệu lạc, là đã Chuyển y rồi, lìa Hỷ lìa Dũng thích với Thọ, là Sở nhiếp của Thọ. Trong đây không nói Định sinh diệu lạc, vì mới lìa Hỷ cho nên gọi là Ly hỷ, Lạc thù thắng cho nên gọi là Diệu lạc, vì không phải mới nương nơi Định mà sinh Lạc. Tuy Thọ của Đệ nhị định lìa Hỷ lạc của Tầm tứ, vì hai thứ Hỷ lạc mới nương nơi Định mà sinh. Từ thù thắng đặt tên cũng không có lỗi.

4. Đệ tứ tĩnh lự thọ Xả niệm thanh tịnh, không có Lạc của Vô động. Lìa ba thứ Định thô nhiễm dưới, vì pháp bất động.

Nói Sơ định lìa Ưu, Nhị định lìa khổ của Tầm tứ. Tam định lìa Hỷ. Tứ định lìa Lạc và hơi thở ra vào gọi là Tịch tịnh bất động. Xả thanh tịnh, là siêu vượt qua Hỷ lạc của Tầm tứ. Trong ba Định dưới, tất cả đều động. Tâm bình đẳng tánh, Tâm chánh trực tánh, Tâm vô động chuyển mà an trụ nơi tánh. Niệm thanh tịnh là siêu qua tất cả Động của ba Định kia, tâm không quên mất mà thấy rõ tánh. Đây là hai tối thắng, cho nên

nói thiên về nó. Không xứ trong cõi Vô sắc lìa sắc tướng, diệt tướng Hữu đối, dứt hết Chủng chủng tướng, Thức xứ lìa Không tướng, duyên Thức không vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, lìa Thức vô biên tướng. Suy cầu cảnh giới trên Thức xứ, không có ít sở đắc. Trừ Vô sở hữu ra, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, siêu qua Vô sở hữu tưởng. Duyên cảnh giới trên Vô sở hữu xứ thì chỉ chứng đắc Tâm tâm sở Vô sở hữu cực tế, vì do tưởng này mà gọi là Cực tịch tịnh. Tùy lìa các chướng của cõi dưới mà gọi là Giải thoát lạc. Đối Pháp luận cũng ghi: “Tịch tịnh và Dị thục, do trong cõi kia có Diệt định, tâm hạnh vi tế, không có nghiệp sắc, Quả hưởng thời gian dài, gọi là Lạc của Tịch tịnh giải thoát. Giải thoát này và Thọ của bốn Định, thân tâm kia an thích thì gọi là Lạc. Thể không phải Lạc thọ. Rộng như luận kia giải thích.

Tổng thuyết minh hơn kém sai biệt của Khổ và Lạc. Trong đó phân làm ba phần:

1. Thuyết minh sáu Xứ thù thắng.
2. Thuyết minh Thánh tài và Phi thánh tài.
3. Thuyết minh Khổ khác của thọ Dục trần.

a) Trong sáu Xứ thù thắng, có ý hiển Địa ngục từ trên đến dưới thân lượng dần dần lớn, dần dần nhu nhuyễn, dụng cụ thọ khổ dần dần nhiều, thời gian dần dần lâu hơn, chuyển không có Giản trạch, không biết nghiệp của chính mình, ngược lại sân, ngục tốt dần dần si cho nên gọi là Vô giản trạch. Khổ khí dần dần tăng, Khổ chuyển thù thắng. Khổ khí, là do trước kia đã tạo ác nghiệp quá nhiều, thọ khổ rộng đầy, tức là lấy ác nghiệp gọi là Sở y khí, tức là Sở y thân. Do nói trên khổ thân tăng, Khổ dần dần nhiều, trong Lạc ngược lại Khổ có Giản trạch, có thể biết các nghiệp trước kia được quả thiện hiện tại, mà càng tu thiện thêm, thì Lạc quả mới tăng. Nếu nói do Ngã tự nhiên được Lạc, không do nghiệp đời trước, thì Thiện đã dần dần nhỏ, Lạc liền mau chóng diệt mất, cho nên không phải thù thắng.

b) Trong Thánh tài và Phi thánh tài, phân làm hai đoạn gồm thuyết minh hai Thể của thô và thuyết minh hai sai biệt của tế.

Không có Tầm tứ trong tư cụ nuôi lớn thêm, là Thọ tâm sở không có Tầm tứ, không có chỗ học tập, mặc tình mà chứng đắc, chỉ muốn khiến cho thân trưởng dưỡng điều thích nhiếp thọ, gọi là Thọ.

Bánh xe đá trong không Tầm tứ, đều là dụng cụ đè ép để điều thích. Hoặc dùng đá, từ đầu đến chân lần lượt lăn xuống, khiến cho thân điều thích. Hoặc lại lấy bánh xe, quay vòng trên thân, lấy đá ném... đánh cây vào thân, mà lấy điều thích. Thể của những thứ này đều không phải

là Tầm tứ, gọi là Vô tầm tứ.

Trong tư cụ Thanh tịnh, cỏ kiết tường là pháp của Bà-la-môn, khi muốn hành trì, thì hoặc là mắt thấy người cầm, hoặc có người đem cho. Cỏ kiết tường, Định là tướng của kiết tường. Trái tần-loa là trái tần-bà, đây là quả kiết tường. Vỏ sò là kiết tường bối, hoặc Bối (sò) tức là Loa (ốc), hoặc Loa và Bối riêng. Đầy chậu, là chậu chứa đầy vật, là tướng kiết tường. Ấn Độ thấy như vậy, hoặc có người cùng với cái bè làm kiết tường, mà sinh hỷ lạc gọi là tư cụ Thanh tịnh.

Thể của bảy Thánh tài, tùy chỗ thích ứng mà thông với Hữu lậu và Vô lậu, hoặc Đa văn hữu lậu. Xả tức là tuệ thí, hoặc thông với Xả tâm sở, vì bảy pháp thù thắng này riêng lập cho Thánh tài, không phải Thánh khởi nhiều, vì trái với bảy. Dưới đây trong sai biệt, lấy ba cõi Lạc và Bất hệ lạc làm Thánh tài, cứ theo đây mà biết. Các Thiện và Sở thiện, tất cả ba cõi và pháp không trói buộc đều gọi là Thánh tài.

- Thánh tài và Phi thánh tài, văn phân làm ba đoạn:

A. Nêu câu hỏi.

B. Mười một chữ “lại nữa” phân rõ mười lăm tướng sai biệt.

Mười chữ “lại nữa” trước mỗi chữ có một tướng sai biệt, một chữ “lại nữa” sau có năm tướng sai biệt. Mười tướng sai biệt trước là:

1. Khởi thiện hạnh và ác hạnh.

2. Sinh tội và không tội, tội là tương đương quả ác.

3. Khắp thân và không khắp thân.

4. Thời tiết dài ngắn, ngoại duyên là dụng cụ nuôi dưỡng, nội duyên là chánh pháp của thánh đạo.

5. Địa rộng và hẹp.

6. Dẫn dài và ngắn.

7. Hữu tận và vô tận.

8. Đoạt và Bất đoạt. Đoạt tức là năm nhà xâm phạm tổn hại.

9. Trì và bất trì.

10. Túc và Bất túc. Túc là ba Thừa đã mãn Vô học đạo.

- Chữ “lại nữa” thứ mười một có năm tướng sai biệt:

1. Có Bố thí.

2. Có Oan đối.

3. Có Tai hoạnh.

4. Có Thiêu não.

5. Không thể đoạn khổ lớn của đời sau.

Trong Có thiêu não, như bệnh ghẻ phong hủi, khi gãi ngứa sinh Lạc, tợ như Lạc mà thật ra là Khổ, vọng sinh tưởng là Lạc. Thế lạc cũng

vậy. Phong hủi là bị trùng đục khoét, vọng sinh cảm giác Lạc. Phú quý cũng như thế.

C. Thuyết minh khổ khác của thọ Dục trần. Lại nữa, bên ngoài có Dục là thọ dụng Dục trần...” trở xuống, thuyết minh thọ Dục trần sai biệt. Lại có mười thứ:

1. Một chữ “lại nữa” có năm thứ sai biệt.

2. Năm chữ “lại nữa” mỗi chữ là một thứ sai biệt.

- Năm chữ “lại nữa” trước:

1. Nhiễm và Bất nhiễm.

2. Tất cánh và Bất tất cánh.

3. Định và Bất định. Định là Thường thọ.

4. Cộng và Bất cộng.

5. Thật và Bất thật.

Quyển 4 ghi: “Ngoài tuệ mạng ra, còn có tà tuệ mạng của ngoại đạo”. Trong đây các Thọ dục, là thuyết minh Thọ thuận với ba độc. Giải thích sai biệt trước không phải là Biệt môn. Không có Giản trạch và Xả là Si.

- Năm chữ “lại nữa” sau lại có năm thứ sai biệt:

1. Đắc và Xả sai biệt.

2. Hỷ và Ưu sai biệt.

3. Tấn và Thoái sai biệt.

4. Chân và Vọng sai biệt.

5. Chế phục và Sinh khởi sai biệt.

Hai sai biệt bốn và năm sau, tương tợ hợp ngược nhau. Chánh pháp và ma quân là các phiền não. Ma quân là Thiện nghiệp và Bất thiện nghiệp. Lại nữa, trong giải thích Thọ dụng dục sai biệt, năm thứ đầu thuyết minh Thánh tuệ mạng thanh tịnh tự nuôi sống. Kinh Di Giáo ghi: “Tiết thân thời thực, thanh tịnh tự hoạt”.

“Trong đây các Thọ dục...” trở xuống, như thứ tự của nó. Các Xứ dục, ngược lại sự sai biệt của năm thọ dục thanh tịnh. Hai chữ “Lại nữa” sau hợp làm một để thuyết minh Sở thọ dục đều là không chân thật, không thể chế phục ma và các ma sự, do đó tổng gom thành một. Xét ra văn đó cũng xứng đáng. Lại nữa, giải thích mười thứ sau Tịnh uế nuôi mạng, giải thích lại mười lăm thứ Thánh tài và Phi thánh tài. Nghĩa sai biệt của hai thứ Lạc cảnh, càng không phải là Biệt môn. “Lại nữa, Thân sở y của hữu tình ba cõi làm sao quán...” trở xuống... là pháp quán thứ tư để nhàm chán ba cõi.

- Vui cầu vô lậu, văn phân làm ba đoạn:

1. Quán ba khổ.

2. "Lại nữa, nói Hỷ có ái vị", là giải thích hai Thọ sai biệt của chỗ ưa và chán.

3. "Lại nữa, Bạc-già-phạm..." trở xuống, thuyết minh chỗ ưa Lạc, Lạc thọ hoại thì khổ cho nên là khổ, vì khi hoại thì sinh khổ.

Khổ thọ thì Khổ khổ, cho nên là Khổ. Bản tánh đã khổ, lại gặp duyên Khổ trong Khổ khổ cho nên gọi là Khổ khổ, hoặc khổ bức bách khổ cho nên gọi là Khổ khổ. Không khổ không Lạc mà thọ Hành khổ cho nên Khổ. Hữu lậu thiên lưu gọi là Hành, tánh tự bất an gọi là Khổ. Quảng Bách luận trình bày tự tông ghi: "Khi phước diệt thì sinh khổ". Phước báo tức là lạc thọ hết.

Ngoại đạo hỏi: Tội phước đã trái nhau, đáng lẽ khi tội sinh thì là Lạc?

Đáp: Khi phước diệt thì sinh Lạc, vì tội phước trái nhau, tức là khiến cho khi tội sinh thì là Lạc, cũng đáng lẽ khi phước diệt thì sinh Khổ, vì phước tội trái nhau. Khi tội diệt thì sinh Lạc, khi phước sinh tức là Lạc, khi tội khởi thì tức là khổ. Lấy khổ đặt vấn nạn có thể bằng như Lạc để trình bày chỗ sai biệt của nó. Khổ khổ chỉ có ở cõi Dục, Hoại khổ thông Dục và Sắc, Hành khổ thông cả ba cõi.

Hỷ có ái vị, Hỷ lìa ái vị, Hỷ ái vị thù thắng, rơi vào sự hiếp của hai cõi, ở đây có năm giải thích:

1. Có ái vị, là Hỷ của cõi Dục nhiễm. Lìa ái vị là Hỷ của cõi Dục phi nhiễm. Thù thắng lìa ái vị là cõi Sắc hỷ. Hai Hỷ trước là cõi Dục, một Hỷ sau là cõi Sắc, cho nên gọi là rơi vào sự nhiếp của hai cõi.

2. Trong nhiều giới mà nói ba cõi, là Đoạn giới của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Hai giới của cõi Dục đều gọi là cõi Sắc, có ái vị trong đây là cõi Dục hỷ, lìa ái vị là cõi Sắc hỷ, hai giới này hợp chung gọi là cõi Sắc trong ba cõi. Thù thắng lìa ái vị là Vô lậu đoạn giới nhiếp, gọi là rơi vào hai cõi.

3. Hữu ái vị là Hỷ cõi Dục, Ly và Thắng ly là Hỷ cõi Sắc. Hữu lậu định có hai thứ: một là Vị định, hai là Tịnh định. Tịnh định có bốn thứ: một là Thoái phần, hai là Trụ phần, ba là Thắng tấn phần, bốn là Quyết trạch phần. Ly ái vị là Vị định cùng với Thoái phần, Trụ phần, lìa Dục nhiễm và tâm nhiễm ô, cùng nhau nhập xuất. Thắng ly ái vị là Thắng tấn và Quyết trạch phần hợp chung, là chỗ nhiếp của cõi Dục và cõi Sắc. Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, như thứ tự phối hợp ba cõi, hai cõi đầu là Hỷ ái, một cõi sau là Thích khoái, nhưng chung với tên Hỷ. Như nghĩa của Lạc ở trước, ở đây là nhiều cõi trong ba cõi, chỗ nhiếp của

hai cõi trừ Đoạn giới ra. Năm thứ đầu là Hỷ của cõi Dục tại gia, kế đó là cõi Sắc hỷ, sau cùng là Hỷ của cõi Dục xuất gia, cho nên ba thứ Hỷ đều là hai cõi sau nhiếp.

Lạc tưởng thọ diệt, đây là nương Trụ lạc không phải Thọ lạc, là nhập Diệt định. Sáu Thức tuy diệt, nhưng có Diệt định trụ trong thân gọi là Trụ lạc. Lại nữa, do Diệt định trụ trong thân, thì ngừng dứt các Định chướng lao lự thô trọng cho nên gọi là Trụ lạc. Lại nữa, trong năm Lạc, thì Đoạn thọ lạc này tịch tịnh mà trụ cho nên gọi là Trụ lạc, không phải Lạc của Thọ tâm sở.

Lại nữa, lìa tham sân si gọi là Thường lạc, đây đều là Đoạn giới, lìa ba Sở đắc vô vi làm tánh, không phải đoạn ba Vô lậu thọ lạc. Thể thông với Phục và Đoạn, Sở đắc vô vi.

- Thọ dụng có ba thứ:

1. Thọ dụng thọ lạc.
2. Thọ dụng ăn uống.
3. Thọ dụng dâm dục.

Thọ dụng thứ nhất là tổng, thứ hai là biệt. Hữu tình sắp sinh, là thân Trung hữu. Hữu tình đã sinh, là năm Thú hữu. Nêu ra ba cõi không mượn bốn cách ăn. Trong biệt có hai phần, là giới và thú, thô và tế. Cõi Dục có ngủ nghỉ cho nên mượn Đoạn thực, hai cõi trên thì không có.

Lại nữa, đối với hữu tình thọ sinh ở Na-lạc-ca, có Đoạn thực vi tế là trong phủ tạng có gió động nhẹ. Các đại Địa ngục đều có cách ăn này này. Quyển 66 nói không có Thô thực. Luận này nói tế, là các vật thô của nó mà tiểu Địa ngục cũng có. Do các Đoạn thực trong khi biến hoại mới có thể khởi dụng, nuôi dưỡng các căn, do nhân duyên này mà thân kia được trụ lâu, không phải như Tiểu thừa khi nuốt hòn sắt, tạm trừ đói khát mà nói đó là ăn, vì không có sự trưởng dưỡng, chỉ có sự tổn hoại. Nghĩa của bốn cách rộng như Quyết trạch và Biệt chương nói. Kinh A-hàm nói tám cách ăn như Pháp Hoa sớ.

Thứ ba là thọ dụng dâm dục, trong đó có ba sự là Hành sự, Nhiếp sự và Sinh tướng. Trong bốn thứ Địa ngục đều không có các sự đó, hoặc có nói Bát hàn và Bát nhiệt không có, Độc nhất địa ngục thì có. Hiện tại luận này giải thích đồng Đại thừa, cũng không trái nhau.

Bốn Đại thiên vương mỗi vị đều lấy một chủ để đặt tên, cõi trời thứ Ba mươi ba thì lấy gì để đặt tên? Bốn phía của núi Diệu cao, mỗi phía đều có tám cõi trời, Đế Thích ở trong đó, cho nên cõi trời ba mươi ba vua và bề tôi đều thấy nhau. Dạ-ma thiên gọi là Thời phân, vì thọ lạc có giới hạn, Đô-sử-đa thiên gọi là Tri túc, vì thọ lạc biết đủ. Ngoài

ra hai Thiên dưới tự giải thích.

Đại lực quỷ nhiếp thọ thê thiếp, là Hữu lực quỷ thì nhiếp thọ, Vô lực quỷ thì không thể.

Bốn cõi trời dưới nhiếp thọ, hai cõi trời trên thì không có, là do đạt được Thắng quả, không sinh thủ hộ chấp làm vật của chính mình. Lại nữa, hai cõi trời kia có thể hóa thành nam nữ, cho nên sự hành Dục không có nhiếp thọ riêng, như Câu-xá ghi: “Bắc Câu-lô châu đã không có nhiếp thọ, tại sao biết có cha mẹ? Do cõi đó cây cối khi sắp hành sự, thì cành nhánh phủ che xuống mà hành sự, cành nhánh không phủ xuống thì biết cha mẹ đều hổ thẹn mà trở về”.

Cũng có vấn nạn rằng: Hai cõi trời trên đã không có nhiếp thọ, tại sao cõi đó không cùng lấy dục tà hạnh làm nghiệp đạo?

Đáp: Đối với biến hóa không có nhiếp thọ, nhưng nghiệp đạo thì có. Có hai nghiệp đạo. Hoặc cõi trời kia không có nghiệp đạo này, cũng đâu có gì sai? Ba thứ thọ dụng trên, môn thứ năm trong cõi đã nói xong.

- Kiến lập Sinh, là trong môn thứ sáu phân làm ba đoạn:

1. Thuyết minh ba loại Dục sinh.
2. Thuyết minh ba loại Lạc sinh.
3. Thuyết minh hai nguyên nhân kiến lập.

Ba loại Dục sinh: Hiện thọ dục trần sinh; Tự biến dục trần sinh; Địa hóa dục trần sinh. Dục là tham dục, nương theo diệu cảnh mà khởi tham. Đây là lấy Sở tham cho nên gọi là Dục trần. Sinh là chúng sinh, là chúng sinh ưa Dục trần, còn lại đều căn cứ theo đây mà biết. Cảnh nẻo ác thì ngược lại cho nên không kiến lập ba thứ Lạc sinh. Như văn tự rõ.

Ba mong cầu, là mong cầu đối với Dục sinh, mong cầu đối với có quả. Phạm hạnh cầu Phạm gọi là ba mong cầu. Phạm là Niết-bàn.

Cầu cảnh giới Vô lậu, là cầu phạm hạnh chân chánh, Đệ tứ thiền bất động và bốn cõi Sắc là cầu tà hạnh. Cầu sinh Đệ tứ định trở lên, không chấp làm Niết-bàn, là Thiểu dục cho nên không nói ba mong cầu. Lược lấy năm môn để phân biệt, như Biệt chương nói. Đối Pháp luận quyển 6 cùng với luận này không đồng, như Biệt chương nói.

Trong môn thứ bảy, du hý quên niệm, ý tương tác sinh giận, đây là Tứ không cư thiên của cõi Dục. Hai cõi trời dưới thuộc về câu có chữ “đều”, bị Phi thiên sát hại. Hai thuyết của Tát-bà-đa tông thì hoặc là Tứ thiên vương thiên nhiếp, hoặc là ba mươi ba cõi trời nhiếp. Luận này thì không phải như vậy.

Câu thứ ba của nó, tức là chúng sinh ấy ở trong giai vị đã sinh, nếu không phải ở Yết-la-lam vị, khi đến giai vị đã sinh thì Thấp sinh và Hóa sinh đều là câu này, văn này thuận với văn trước. Lại nói "chúng sinh đã sinh và giai vị đã sinh", văn này thì hẹp, vì không phải chỉ có giai vị kia mà thôi.

Sứ giả Như Lai. Như có người nữ trước đã mang thai, Phật thọ ký là thai nam, sau đó vào giai vị chưa sinh thì người nữ mạng chung, ngoại đạo hủy báng Phật nói không linh nghiệm. Đến ngày hoả thiêu người nữ, Phật sai sứ giả vào lửa bồng con, mẹ tuy chết nhưng đứa con không chết, sứ giả vào lửa bế đứa con ra, do Phật lực gia trì, lửa không thiêu cháy sứ giả. Phật đã thọ ký đứa con, không thọ ký người mẹ.

Trụ thân sau cùng là thân Phật và các A-la-hán trụ thân sau cùng, có Hóa thân hóa thiêu, mặc tình tự diệt, không phải là hai thứ hại. Ca-lưu-đà-di bị người khác sát hại, để nơi đống phân ngựa, sau đó khởi thần thông mới nhập tịch diệt, cho đến rộng nói, thân Trung hữu cũng vậy. Sự như vậy trong các loài trùng và tiên nhân có rất nhiều.

- Phần thứ tám luận về quả, nhân, duyên có hai phần:

1. Nêu bốn môn.
2. Tùy giải thích riêng.

- Đây là phân rõ ba pháp:

1. Mười nhân.
2. Bốn duyên.
3. Năm quả.

Trước hết là nhân gần, kế đó là lập thù thắng. Lực ở xa gọi là hoà hợp. Lực bên trong có bảy đức.

Không có chướng ngại sự nghiệp nghĩa là biết nhiều sự nghiệp gọi là chướng ngại sự nghiệp. Do nhiều tư giác, phát các ngữ nghiệp, nhiễu nhương trong tâm, si tu Thiện phẩm, gọi là chướng ngại sự nghiệp, không có sự chướng này thì gọi là không có chướng ngại sự nghiệp. Lực bên ngoài có năm đức, có thí chủ trợ cấp mới được tu tập, cho nên nói thí chủ là lực bên ngoài. Trụ chánh pháp là tùy thuận làm bạn tốt, không làm bạn tốt thì không làm chướng nạn.

Trong phần pháp gì thành tựu? Là thắng giải ái lạc sở tri làm thành trước hết, tức là Nhân Minh ghi: "Tuỳ tự lạc làm thành". Đây là lấy Tự tánh sai biệt mà làm Sở lập, Tông thì làm Kiến lập.

Trong phần Thành biện cũng ái làm thành trước hết, do thực mà trụ. Đây là có ý nói, do Ái của quá khứ làm thành trước hết, thân hiện tại làm thành kiến lập, giả mượn hữu tình an trụ.

Trong phần tác dụng thì Chủng tử của tự thân làm thành trước hết, như Sinh này làm thành kiến lập. Hiển Dương luận quyển 18 ghi: "Tức là Tiền sinh của nó làm kiến lập, duyên của Tiền sinh hoà hợp". Có ý hiển tánh của Sinh cùng với Duyên của Sinh đều là nghiệp đời trước cho nên gọi đó là làm thành trước hết. Cùng với luận này không trái nhau.

Nghĩa của mười Nhân, bốn Duyên và năm Quả, đều như quyển 38 sau đây. Hiển Dương luận quyển 18, Đối Pháp luận quyển 4, Duy Thức quyển 7, 8 luận và sớ giải thích.

Dưới đây đã thuyết minh y xứ của nhân đắc quả của duyên, tức là tự giải thích Y xứ của nhân duyên. Thể năm quả của nó tôi nay đang nói.

Quả Dị thục, lấy tất cả chỗ chiêu cảm năm Uẩn Vô ký của nghiệp làm Thể. Biệt báo từ nơi tổng báo, tổng báo gọi là Dị thục.

Quả Đẳng lưu, lấy ba tánh Tự loại Đồng phẩm của tất cả Hữu vi, Hữu lậu và Vô lậu, nhóm trước của Liệt pháp, sinh Quả sau của Đồng phẩm Thắng pháp sau làm tánh. Du-già, Duy Thức đều cũng nói, hoặc tương tợ nghiệp đời trước mà quả sau tùy theo chuyển, như do sát sinh thì bị đoản mạng. Đây thật ra là Tăng thượng, mượn gọi là Đẳng lưu. Đoản mạng cũng đồng như vậy.

Quả Ly hệ, lấy quả sở đắc, sở chứng Trạch diệt chân như của đoạn Phiền não chướng làm tánh. Sở đắc Trạch diệt của đoạn Sở tri chướng chỉ là Tăng thượng quả, Thể sở đoạn của chướng không phải là pháp trói buộc. Chỗ đắc sáu hạnh cũng do Tăng thượng nhiếp, vì không đoạn Chủng tử.

Quả Sĩ dụng, có hai nghĩa:

1. Năm uẩn giả, là bốn trần do tác dụng sở đắc làm tánh. Quyển 38 ghi: "Chiêm bốc việc đồng áng làm Thể tánh".

2. Lấy chung tất cả Hữu vi và Vô vi làm thể tánh, riêng riêng từng pháp gọi là Sĩ phu, điều này có thể chiêu cảm được Câu sinh vô gián, không sinh bốn thứ quả.

Quả Tăng thượng, lấy tánh của tất cả Hữu vi và Vô vi làm tánh, thông rộng. Lược nêu Thể đã xong, ngoài ra như Biệt chương nói.

- Trong Kiến lập có ba thứ:

1. Lập Y xứ của nhân, duyên, quả.

2. Giải thích nghĩa của nhân, duyên, quả.

3. Có ba chữ "lại nữa", hiển lại kiến lập Nhân, trong phần đầu tức là phần thứ ba. Y xứ danh, là Nhân của ngữ tức là Y xứ cho đến Vô

chướng ngại là Y xứ, đều là giải thích theo Trì nghiệp. Đã nương vào Y xứ tức là tùy theo thuyết Kiến lập nhân, tức là Nhân cho đến không trái với Tức nhân, cũng đều là giải thích theo Trì nghiệp, hoặc có cái không như vậy. Như Biệt chương giải thích.

Thể là Y xứ, nghĩa gọi là Nhân, nghĩa nương Thể mà lập, cho nên nói mười Nhân nương mười lăm Xứ. Nêu Thể tánh, đầu tiên là Y xứ ngữ nhân, Thể chỉ là Ngữ. Thành Duy Thức ghi: "Nói pháp gọi là chỗ khởi Ngữ tánh của Tưởng. Do tùy theo Kiến, có thể nói nhiều nghĩa, thì Ngữ này gọi là Nhân, vì hiển Quả của nghĩa". Trên thể của Ngữ có dụng Năng thuyên, Thể làm y xứ, Dụng thì gọi là nhân, cho nên nói tùy theo Thuyết nhân nương Ngữ nương Xứ mà lập. Quan sát ý của đoạn văn này, chợt giống như Ngữ của Y tha, tự ngôn thuyết chuyển, lý thật ra không phải như vậy. Ngữ trước là Y, Ngữ sau là Nhân, lấy Ngữ để nói đối với chỗ thấy nghe, gọi là Nhân. Nương theo Tưởng mà khởi Ngữ, gọi là Y xứ, muốn hiển Y nhân, chỗ mong vọng của mỗi mỗi đều riêng khác.

Y xứ của Thọ, đây là Sở quán chờ Năng thọ và Sở thọ làm tánh. Năng thọ là Thọ tâm sở, Sở thọ là hết thảy pháp. Thọ là Biến hành, có thể lãnh nạp phần vị sai biệt của Cảnh, vì thù thắng hơn pháp, cho nên đối với Sở thọ thì riêng lập làm tánh. Hữu đắc năng thọ mà có Sở thọ, lấy Năng thọ làm Y xứ. Hữu đãi sở thọ mà có Năng thọ, lấy Năng thọ làm Y xứ. Hữu đãi năng thọ mà có Năng thọ, lấy Sở đắc làm Y xứ. Hữu đãi sở thọ mà có Sở thọ, cũng lấy Sở đãi làm tánh của Y xứ, tổng lấy Năng đãi là Quả của Nhân, tức là lấy nghĩa này giải thích văn của luận này, vì lấy Đãi sở quán mà làm Nhân, cho nên Duy Thức ghi: "Đãi sở quán làm tánh của Năng thọ và Sở thọ". Trong đây luận rằng: "Đối với Sinh duyên kia, đối với Đoạn duyên kia, hoặc là xa lìa, hoặc là cầu được. Đẳng là xa lìa với Sinh duyên kia và cầu được với Đoạn duyên kia". Văn của luận chỉ có hai nhân Nhiễm và Tịnh, lược bỏ không có Vô ký.

Y xứ của Tập khí, lấy chỗ Thật chủng và Giả chủng trong ngoài ở vị chưa thành thục của Hữu lậu và Vô lậu mà làm tự tánh, vì quả của quá khứ thì xa. Văn này chỉ nương vào Chủng tử tạp nhiễm mà nói. Tịnh nghiệp và Bất tịnh nghiệp dẫn quả trong ngoài, không nương vào nhân thanh tịnh Vô ký mà nói, Duy Thức thì thông rộng. Y xứ hữu nhuận, Thể đồng với Tập khí, chỉ có Thành thục vị, cùng với chỗ nói trước không đồng. Ở đây cũng chỉ nói nhiễm, trong nhiễm chỉ nói nghiệp, không nói Chủng tử của Danh ngôn, vì nương theo trước để nói, nên cũng giống

như phần Nhiếp thọ nhân trong Duy Thức.

Y xứ của cảnh giới Vô gián diệt, tức là hai Duyên. Căn là sáu căn, Y là Dụng y, là Tác cụ Tác nghiệp, tức là trừ Nhân duyên ra, ngoài ra thì trợ giúp xa. Tác cụ tác dụng là Sĩ dụng y, vì trừ Nhân duyên ra, thì thân cận làm Hiện duyên. Tác là tác dụng, năm thứ này đều thông với Hữu lậu và Vô lậu, cho nên Duy Thức ghi: "Nhiếp thọ đủ sáu thứ để phân rõ pháp Vô lậu". Ở đây chỉ nói Hữu lậu, vì phân rõ pháp Hữu lậu.

Y xứ của Chân kiến, lấy Vô lậu kiến làm tánh, trừ Dẫn tự chủng ra, đối với pháp tương ưng thì Năng trợ, đối với Hậu vô lậu thì Năng dẫn, đối với Vô vi thì Năng chứng, cho nên duyên xa nhiếp thọ, đều là trừ Chủng tử ra.

Y xứ của Tùy thuận, lấy ba tánh Hữu vi, Hữu lậu và Vô lậu, hoặc Hiện hành hoặc Chủng tử, hoặc Tự giới hoặc Tha giới, hoặc Đồng phẩm Thắng phẩm, hoặc Hữu vi Vô vi, hoặc tự tánh Sinh, hoặc tự thừa tương dẫn và Năng dẫn làm tánh. Trong đây luận ghi: "Dục trói buộc thiện pháp, có thể dẫn cõi Vô sắc trói buộc pháp và không trói buộc pháp, đây là y theo Ba-la-mật-đa của Thanh văn Độc giác, các đại Bồ-tát và các vị siêu Thiền chứng đắc Tương dẫn sinh. Đối Pháp luận quyển 5, Hiển Dương luận quyển 18 thừa nhận Tương sinh, dưới đây quyển 12 chỉ nói Bồ-tát ở kiếp thứ ba và Như Lai có thể siêu tất cả Địa, cứ theo thù thắng mà nói, thì cũng không trái nghịch. Lại nữa, nói pháp Vô ký có thể dẫn ba tánh, gọi là Tùy thuận. Y xứ là các Chủng tử, sơ lược có hai tánh, nhiếp Dụng quy về tánh, có thể nói Vô ký sẽ là Nhân thuộc Quả, thì tánh mới thông cả ba. Duy Thức y theo nghĩa sau nói tánh của Y xứ này, chắc chắn là đồng. Hiện tại y theo nghĩa trước, Vô ký sinh ba tánh, ngoài ra đây, Chủng tử của các pháp Hiện hành mong Chủng tử thì càng không có tánh riêng, vì trở thành Tùy thuận nhân. Văn của luận kia và luận này không trái nghịch nhau. Y công năng sai biệt lấy tất cả Hữu vi đều đối với tự quả, Hữu vi có thể khởi, Vô vi có thể chứng mà làm Tự tánh. Đây là những thứ Đồng tánh và chứng đắc Dị tánh, vì quả Dị thục Vô ký. Hiện tại tổng thuyết của luận này không trái với các văn khác. Tùy thuận y ở trước, luận về tánh thì hẹp, vì mỗi mỗi đều là tự tánh, bàn về cõi thì rộng, vì dẫn ba cõi. Y sai biệt này luận về tánh thì rộng, vì chiêu Dị thục, bàn về cõi thì hẹp, vì chỉ có mỗi mỗi đều là Tự giới, mỗi mỗi đều nhất định khác nhau. Y tùy thuận ở trước, thì mong yếu không phải Y, Y sai biệt này thì tất cả đều chứng đắc.

Y hoà hợp, lấy Lãnh thọ y cho đến công đức sai biệt của Y xứ làm

Thể, đây là nói quả rộng thông sinh Hoà hợp, cho nên Duy Thức nói nhân quả đều rộng, luận đó nói Sinh trụ và Thành chứng đắc bốn Quả. Thành có hai thứ gồm lập và phân tích. Nhiếp thành biện này không có tác nhân. Trụ là Kim luân nương Phong luân, chỗ không có của luận này, nghĩa mỗi mỗi đều khác, chỗ mong đều khác, luân này nương vào tác dụng, lìa thể vì không có, cho nên không luận. Vô trụ này thì xa, cho nên không luận cũng không trái nhau. Hai quả Chướng ngại và Vô chướng ngại đều thông cả hai. Nhân rộng khắp có thuận nghịch khác nhau, pháp thể đều đồng. Nhân nương vào Xứ, như luận tự trình bày. Thể của Xứ đã như thế, thì Nhân có thể hiểu rõ. Nương vào Duyên của Chủng tử và nương vào Xứ mà thi thiết Nhân duyên, theo Duy Thức có hai thuyết:

1. Trong mười năm Y xứ, thứ ba là Tập khí, thứ tư là Hữu nhuận, mười một là Tùy thuận, mười hai là Sai biệt, mười ba là Hoà hợp và mười lăm là Bất chướng ngại. Trong sáu Y xứ này, các Chủng tử của nhân duyên đều gọi là Chủng tử duyên y xứ. Y theo đó lập nhân duyên, trừ thứ ba và bốn ra, còn lại bốn Y xứ, chỗ có Hiện hành phần nhiều là Đoạn cho nên không nói. Hoặc cũng là Chủng tử, có thể phân rõ quả. Vô gián diệt, là trong các Y xứ, thứ năm là Vô gián diệt, thứ mười là Chân kiến, mười ba là Hoà hợp, mười lăm là Bất chướng ngại. Trong bốn Y xứ này, nghĩa của Vô gián duyên đều gọi là Y xứ vô gián diệt, nương vào đó mà lập Đẳng vô gián duyên. Cảnh giới y xứ, là trong Y xứ này, thứ sáu là Cảnh giới y xứ, thứ mười là Chân kiến, mười ba là Hoà hợp, mười lăm là Bất chướng ngại. Trong bốn Y xứ này, Cảnh giới duyên nghĩa, đều gọi là Cảnh giới y xứ, nương vào đó mà lập Sở duyên duyên. Hai Duyên này không phải chỉ có năm hoặc sáu Y xứ. Ngoài ra trong Y xứ có hai Duyên, trừ hai Duyên này ra thì các Xứ khác đều là Tăng thượng duyên.

2. Chủng tử chỉ thuộc Hữu nhuận chủng tử y thứ tư, y theo đó mà lập Nhân duyên, Cận năng sinh quả hiển thị cho nên thiên nói về nó, các Danh khác thì xa và ẩn, lược bỏ không luận. Vô gián chỉ có cảnh giới thứ năm, chỉ có Thức thứ sáu, như Danh tự hiển bày. Ngoài ra trong Y xứ, tuy có hai Danh này, nhưng ẩn cho nên không nói. Ba Danh này đã hiển ba duyên đầu, ngoài ra mười hai Xứ đều là Tăng thượng duyên nhiếp, không phải chỉ có Tăng thượng y.

Tập khí tùy thuận Y xứ của Nhân duyên mà thi thiết quả Dị thục và Đẳng lưu. Duy Thức phối hợp riêng, trong đây luận rằng: “Y xứ của Tập khí chứng đắc quả Dị thục, Y xứ của Tùy thuận chứng đắc quả Đẳng

lưu, mỗi mỗi đều riêng đắc quả, có công năng thù thắng cho nên lìa Biệt thuyết, không phải Y xứ của Tập khí không chứng đắc quả Đẳng lưu, Duy Thức giải thích điều này trong Đắc năm quả có hai thuyết:

1. Tập khí xứ, tức là hiển thứ ba, thứ tư, mười hai, mười ba, mười lăm. Năm Y xứ này chứng đắc quả Dị thục. Tùy thuận xứ, tức là hiển thứ ba, thứ tư, thứ chín, mười, mười một, mười ba, mười lăm, hoặc gồm thứ chín là Tác dụng. Như vậy hoặc thứ tám thứ chín, các Y xứ này chứng đắc quả Đẳng lưu. Chân kiến xứ, tức là hiển thứ mười, mười một, mười hai, mười ba, mười lăm, hoặc thứ tám thứ chín. Như vậy hoặc thứ năm, thứ bảy, các Y xứ này chứng đắc quả Ly hệ. Sĩ dụng y xứ lại có hai nghĩa là năm Uẩn giả và Biệt biệt pháp. Như trước đã nói trong quả. Hoặc y theo nghĩa thứ nhất năm Uẩn giả, tức là hiển thứ hai, thứ chín, mười ba, mười lăm. Tứ Y xứ này chứng đắc quả Sĩ dụng. Hoặc y theo nghĩa thứ hai Biệt biệt pháp, tức là hiển thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ tám, thứ chín, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười lăm. Mười Y xứ này chứng đắc quả Sĩ dụng. Các Y xứ còn lại thì hiển thứ nhất, thứ năm, thứ sáu, mười bốn, bốn Y xứ này toàn đủ, còn lại trong mười một Y xứ kia thì tùy theo chỗ thích ứng mà là phần ít chứng đắc quả Tăng thượng, chứng đắc chỗ ngoài các quả trước. Nếu không như thế thì liền ứng với quả rộng và quả hẹp.

2. Tập khí chỉ có Y xứ thứ ba chứng đắc quả Dị thục. Tùy thuận chỉ có Y xứ thứ mười một chứng đắc quả Đẳng lưu. Chân kiến chỉ có Y xứ thứ mười chứng đắc quả Ly hệ. Sĩ dụng chỉ có Y xứ thứ chín chứng đắc quả Sĩ dụng. Chỗ còn lại mười một Y xứ chứng đắc quả Tăng thượng. Hoặc tùy theo nghĩa tăng thêm mà Danh của nó sau đó hiển bày. Riêng nói các Y xứ chứng đắc quả, không phải các Y xứ còn lại không chứng đắc. Nguyên nhân chứng đắc quả và các Nghĩa môn, luận này và Biệt chương đều như luận kia nói.

Trong giải thích Danh, Thể và Dụng không trái nhau, mà có thể trưởng dưỡng cho Danh kia. Thuận ích là Nhân, do hưng tế và kiến lập là Duyên. Giả nhân dựa vào Sở thành và Sở biện của Duyên, là làm nghĩa của quả.

Có ba chữ "lại nữa" trong giải thích kiến lập Nhân:

1. "Lại nữa" thứ nhất, nương vào nhân đối với quả mà có nghĩa gần và xa.

2. "Lại nữa" thứ hai, nương vào nhân đối với quả mà có nghĩa nhiễm và tịnh.

3. "Lại nữa" thứ ba, nương vào nhân đối với quả mà có nghĩa của

bảy tướng.

Trong “Lại nữa” thứ nhất, Năng sinh nhân và Phương tiện nhân nhiếp hết mười nhân. Duy Thức có hai thuyết:

1. Khiên dẫn, Sinh khởi, Dẫn phát, Định dị, Đồng sự và Bất tương vi. Trong sáu nhân này, hoặc Hiện hành hoặc Chủng tử đều gọi là Năng sinh Cận biện quả. Chỗ ngoài bốn nhân và sáu duyên, thì có ít phần đều là Phương tiện nhân ở xa mà trợ khởi.

2. Chỉ có Sinh khởi nhân gọi là Năng sinh nhân, còn lại chín nhân gọi là Phương tiện nhân, vì thân cận sinh khởi quả quá khứ mà nói thiên về nó, không phải chỉ có nhân duyên, còn lại phần nhiều là ở xa mà trợ giúp, cho nên nói thiên về nó. Nhưng Bồ-tát địa ghi: “Khiên dẫn và Sinh khởi, hai Chủng tử này gọi là Năng sinh nhân, còn lại là Phương tiện nhiếp”. Luận kia cũng có hai thuyết, sợ phiền mà không nói, cho nên hai nhân này nhiếp hết các pháp. Ba nhân sau là hiển lại hai nhân này đều có một Chủng tử. Hiển Phương tiện nhân ở trước, tuy nhiếp ba duyên, nhưng Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên, cả hai đều là Câu hữu. Luận căn cứ theo Tăng thượng duyên, mà nói như Nhãn thức... lược bỏ không luận. Nghĩa hiển Phương tiện nhiếp hết ba duyên, Năng sinh nhân của nó tuy là tánh của nhân duyên, nhưng ẩn khó thấy. Bị nhuận khắp trở đi Chủng tử chứng đắc quả gọi là Vô gián nhân, đồng thời Vô gián, không phải trước sau Vô gián. Hoặc bị nhuận đã chuyển thành Hữu chi mong Sinh chi sau, cũng thành Vô gián diệt. Chưa nhuận trở về trước gọi là lâu xa, do cách Nhuận vị, quả của nó mới sinh. Năng dẫn và Sở dẫn, mong quả ở xa gọi là Cửu viễn nhân duyên.

Trong “Lại nữa” thứ hai, lưu chuyển tức là Sinh tử nhân, đây là có Khả ái, Bất khả ái và Tăng trưởng. Hoàn diệt gọi là xuất thế, cũng có Khả ái và Tăng trưởng. Khả ái và Bất khả ái là Hữu chi nhân. Tăng trưởng là Danh ngôn nhân, vì do Hữu chi tăng trưởng, hoặc trước chưa có mà nay có, gọi là Khả ái và Bất khả ái. Trước có mà nay gặp Nhuận, gọi là Tăng trưởng nhân.

Trong bảy Tướng, tức là sáu nghĩa của Chủng tử:

1. Vô thường là nhân, tức là sát-na diệt, vì có lấy và cho. Đây là phân rõ nhân duyên, cho nên trừ Vô vi.

2. Tha tánh làm nhân, tức là quả Câu hữu, đồng niệm mà sinh, cùng với tự tánh của niệm sau làm nhân, tức là hằng tùy chuyển, không phải sát-na này sinh, đây là nhân thứ hai nhiếp nghĩa thứ hai thứ ba trong sáu nghĩa.

3. Đã sinh mà chưa diệt mới có thể làm nhân, là hiển cùng với

quả Câu và Hằng tùy chuyển, cả hai làm cùng đời, không đồng với tông của Tiểu thừa hai nhân đối với chánh khi diệt và ba nhân đối với chánh khi sinh. Quả Thủ và quả Dữ của Đại thừa thì chắc chắn là cùng đời, vì không phải hiện tại.

4. Nhưng chờ các duyên khác, tức là nghĩa thứ năm trong sáu nghĩa chờ nhiều duyên.

5. Nhưng Biến dị là hiển chờ duyên ở trước, mà bản tánh Dị mới có thể sinh quả, lại càng không có nghĩa riêng.

6. Công năng tương ưng, tức là nghĩa thứ tư tánh Quyết định trong sáu nghĩa.

7. Tương xứng và Tương thuận, tức là nghĩa thứ sáu dẫn tự quả trong sáu nghĩa.

Như vậy tổng nêu, trong đây tướng thứ ba và tướng thứ năm không có trong sáu nghĩa, còn lại năm tướng tức là sáu nghĩa kia. Như Duy Thức quyển 2, nhiếp luận quyển 2 sớ, Xu Yếu hội thích.

Từ trên đến đây, giải thích trong Địa này, Sơ giới môn đã nói xong. Môn thứ hai trong giải thích tướng, duyên Danh thân làm Cảnh, là Duy Thức có hai thuyết:

1. Năm Hữu, hiện tại luận này nói là Ý đồng thời với Cảnh, vì thù thắng cho nên không phải năm Thức không có.

2. Chỉ có Ý thức đồng thời. Văn này làm chứng, chỉ nói các nghĩa duyên Danh, không nói duyên Sắc.

Tầm tứ dấy khởi gọi là phát ngữ ngôn, là chỉ hiển Tầm tứ có thể phát ngữ ngôn, không phải nói ngữ ngôn chắc chắn là Tầm tứ dấy khởi. Nói rằng thân nghiệp và ngữ nghiệp trong Thân Phật, không do Tầm tứ, mà chỉ do Tuệ khởi. Như nói Tầm tứ có thể khởi năm Thức, không phải năm Thức khởi chắc chắn là do Tầm tứ, cho nên Duy Thức ghi: "Hiển phần nhiều là do Tầm tứ khởi, không phải nói Tầm tứ tương ưng".

Hỏi: Tầm tứ dẫn Dục, có hai thứ Dẫn là năm Hữu và năm Phi, Tầm tứ dẫn Dục của thân nghiệp và ngữ nghiệp cũng là Dục của Hữu và Phi hay không?

Đáp: Câu vấn nạn này không đồng. Dục của thân nghiệp và ngữ nghiệp thì thô, khởi thì do hai thứ Dẫn. Dục của năm Thức thì thông với tế, Hữu khởi không do Sinh, hoặc đều không có lỗi. Dục của năm Thức do hai thứ Sinh, Hữu sinh không do Dẫn, Dục của nghiệp do hai Dẫn, Hữu khởi không do Sinh.

Tầm tứ trong Sai biệt, Duy Thức quyển 7, có nghĩa của hai Sư, một là y theo Đối Pháp luận, một là y theo văn này. Rộng như luận kia

nói.

Tầm tứ trong Quyết trạch, thì các Tầm tứ chắc chắn là Phân biệt. Duy Thức quyển 7 cũng có hai Sư:

1. Phân biệt chỉ có Phân biệt của Hữu lậu trong năm pháp, cho nên Thể của Tầm tứ không thông với Vô lậu.

2. Phân biệt thông với Vô lậu Hậu đắc trí, vì Câu hữu Phân biệt, tức là Thể của Tầm tứ, cũng thông với Vô lậu. Hai chữ Phân biệt này không phải là Phân biệt trong năm pháp. Lấy hẹp để hỏi rộng, thuận theo câu trước để đáp, cũng rộng như luận kia nói.

Tầm tứ trong Lưu chuyển, Tầm tứ của Na-lạc-ca dẫn phát đối với Khổ, cùng với Ưu tương ưng. Duy Thức có hai thuyết:

1. Năm Thức có Tầm tứ, Ý cảm thọ gọi là Ưu, đây là nói dẫn phát Khổ, là Ý đồng thời với Tầm tứ có thể dẫn phát Khổ, không nói năm Thức không có Tầm tứ câu, chỉ nói Ý thức của Tầm tứ, thù thắng phần nhiều là tương tục, không ngăn trách Khổ câu, cũng không có lỗi.

2. Năm Thức không có Tầm tứ, văn này làm chứng, như văn có thể hiểu. Không nói Xả, là tất cả Tâm sở quyết định cho đồng thời. Ý bức bách thọ, thật ra là Khổ căn, tương tợ Ưu gọi là Ưu. Hoặc tùy theo ý của tông khác thì Thích thọ gọi là Ưu, không trái nhau.

Hỏi: Hỷ, Lạc, Tịch và Động cùng với Sơ định chứng đắc Câu sinh, Tịch và Động của Ưu và Khổ khác nhau, Địa ngục chứng đắc Câu khởi hay không?

Đáp: Trợ cho Sắc và trợ tâm thích khoái riêng, không trái với chứng đắc Câu khởi. Bức bách nặng bức bách nhẹ khác với bức bách lo lắng trái nhau, mỗi mỗi đều chuyển riêng.

Hỏi: Hai nghĩa Thường thì đồng nhau, nghĩa Câu sinh thì không đồng, cho nên đối với nghĩa này đáng lẽ là bày thêm mệt nhọc?

Đáp: Địa của Sơ tĩnh lự là Hỷ tương ưng. Tuy cũng là Lạc câu nhưng không lìa Khổ, cho nên tổng nói Hỷ gọi là Địa.

Đoạn văn lớn thứ ba, trong Như lý tác ý, văn phân làm hai phần: 1. Khai mở tám Tướng. 2. Giải thích nghĩa khó trong các sự trước.

Sáu Y xứ của nó, quyển 55 ghi: “Khi quyết định có Tín, khi ngưng dứt nhiễm thì có Tàm quý dấy khởi, khi tạo thiện nghiệp thì có Tinh tấn ba căn, khi tại thế gian đạo thì có Khinh an, khi tại xuất thế gian đạo thì có Bất phóng dật và Xả, khi nhiếp chúng sinh thì có Bất hại”. Duy Thức quyển 6 có hai thuyết:

1. Khi các thiện không đồng thời, lấy đây làm chứng.

2. Khi các thiện đồng thời thì Tán vị trừ Khinh an. Quyết Trạch

phần ghi: "Tâm sở của mười Thiện, Định địa và Bất định địa, đều thông với thiện tâm, vì trong tâm Định địa tăng thêm Khinh an. Hiện tại luận này nói sáu Vị khởi mười một Thiện, là nương vào các thiện kia tăng mà tạo các thuyết này. Tu thứ ba trong tám Chủng là bốn Vô lượng. Tu thứ sáu trừ Vô lượng ngoài tất cả Tu khác. Ba sự đầu trong tám Sự này, ba sự phước nghiệp Thí, Giới và Tu, ngoài thế tục tu, ba sự kế đó là Thắng nghĩa tu trong ba Tuệ. Thức thứ bảy và Thức thứ tám, Trí đức và Ân đức, hai Lợi viên mãn, cho nên chỉ có tám Sự.

Trong Thọ dụng của Tầm tứ, không nhiễm là không sinh phiền não, không trụ là không trụ lấy cho, không đam chấp là phân Ái và Lạc, không rộng khắp là không bị hệ phược, xả các thiện nghiệp. Không buồn bực là không sinh Ưu khổ, không chấp trước là không sinh tham ái, cũng không cố chấp, là các Thắng diệu có giải thích bảy loại này chỉ có Ý thức có đủ, nghĩa nói riêng bảy thứ, đối với Tài thì không như thế, hai loại sau thì Ý thức tương ưng.

Trong phần thứ hai là giải thích nghĩa khó, phân làm ba đoạn:

1. Giải thích chỗ học của thế tục, ba thứ Thí, Giới và Tu, dạy thế tục tu tập.

2. "Lại nữa, Thọ thí..." trở xuống, giải thích Nội thắng nghĩa. Học ba Tuệ là xứng với thọ Thí của người kia, giáo đáng nên thọ.

3. "Lại có sáu thứ Nhiếp ích..." trở xuống, giải thích Thức thứ bảy và Thức thứ tám, Trí đức và Ân đức ở trên.

Trừ thiếu thốn, là Thí để vì trừ sự thiếu thốn vật dụng nuôi dưỡng của người khác, không phải thí cho sự giàu có của người kia. Bắc cầu là nhân ra khỏi sông sinh tử. Không hiện hạnh là ẩn nấp hành trì giới luật không hiện ra tướng. Dục giải tịnh là Ý ưa tịnh. Dẫn nhiếp tịnh là khởi thần thông. Thắng giải định tịnh là tu bốn Vô lượng tịnh. Trí tịnh là sinh Tịnh trí.

- Thọ thí trong sáu thứ Thọ thí:

1. Thọ học, là khi học Tam học, phải nên thọ Thí.

2. Hoạt mạng, là lúc mau mau tế độ mạng.

3. Khí xả, là muốn thọ thí phân rõ xả bỏ Lạc.

4. Tự mình đã không có vật thì nên thọ người khác bố thí, nếu không như thế thì không có chứng đắc.

5. Hạn chế vui chơi, nếu không có chỗ cư trú thì nên thọ giúp đỡ chỗ cần thiết.

6. Đam trước, là xan tham tích trữ, luyến ái mà thọ thí. Năm loại trước là nên thọ, một loại sau thì không nên.

Tám Tổn não, do Tổn não này khó lấy đươc an ổn, nên thọ thí của người khác. Hữu phú chướng là tuy có nhà cửa, nhưng có nhiều sự thiếu thốn, cho nên sinh ra tổn não.

Trong sáu Tổn não. Câu sinh là có thân thì nhiễm bệnh. Bức thiết là Khổ sau trói buộc thân. Thời biến dị là thời tiết nóng lạnh thay đổi. Lưu lậu là nhà cửa hư hoại. Sự hưu phế là không có lối tắt của nghiệp để cầu. Như những tổn não này thì nên thọ thí của người khác.

Trong giải thích Thức thứ bảy và Thức thứ tám, Trí đức và Ân đức trên phân làm năm đoạn:

1. Nhậm trì là cho làm y chỉ. Dũng kiện vô tổn là uy thế dẫn tiếp. Phú hộ là che giấu lầm lỗi.

2. Trong Chi và Tướng của thiện và ác dẫn Phi ái kia là yêu ái oan gia kia. Ngăn trách Sở ái kia là ganh tị trí hữu kia. Dẫn chỗ không nên là dùng phi pháp để hiếp người.

3. Trong Dẫn tiếp, dẫn nhiếp Ly hỷ lạc là chứng đắc Định thứ tư và chứng Vô vi.

4. Tùy chuyển cúng sự, là cúng sự đối với người kia mà tùy người kia chuyển. Phi tri cựu là không phải cùng biết nhau, cũng không phải quen biết xưa. Chính tùy chuyển là không phải người kia lúc trước nhiếp thuộc cúng sự tùy chuyển.

5. Do cúng sự này nương vào bốn Xứ mà chứng đắc năm quả. Không có nhiếp thọ xứ, tức là Phi tri cựu, vì trước không phải nhiếp thọ. Không có xâm não xứ, tức là các bạn thân. Bỏ xứ cúng dường xứ tức là chỗ tôn trọng. Đồng phận tùy chuyển xứ, tức là bậc phước tuệ. Do có đủ phước tuệ, là chỗ cúng dường quy thú của nhiều người. Đã quy thú rồi thì hy vọng học tu phước tuệ và cùng với kia phân Đồng danh đồng phận tùy chuyển. Đắc năm quả là đối với bốn Xứ cúng sự tùy chuyển mà hành bố thí.

Tổng đạt năm quả, không phải mỗi mỗi quả đều chiêu cảm riêng. Hoặc quả thứ ba, thứ tư do cúng sự, quả thứ tư có đủ phước tuệ, là chỗ đạt được của Đồng phận tùy chuyển. Ngoài ra như thứ tự mà phối hợp, nghĩa của nó cũng có thể biết. Đối với thiện quyết định, tin mà không nghi ngờ; đối với thiện kiên cố, dũng mà không Thoái chuyển. Giới thì lấy tất cả giới, Định thì lấy tất cả Định, Tuệ thì lấy tất cả Tuệ làm Thể của Tam học, mỗi mỗi đều tùy theo tự thừa, nhưng không có tạp loạn, y theo cương vị thứ tự của nó, lần lượt mà tu, cũng không phải thác loạn. Hoặc nương vào loạn vượt qua, thì chỗ nói tu Tam học liền bất định.

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 3
(Bản luận 6, 7, 8)

BẢN LUẬN 6

Trong phần Địa, đoạn thứ tư, Tác ý bất như lý có mười sáu Dị luận, văn phân làm ba phần:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Từ câu "như vậy mười sáu Dị luận do hai loại môn..." trở xuống, kết thành chỗ phá ở trước.

Trong phần đáp có hai phần:

1. Trình bày Tiểu thừa và ngoại đạo gượng thắng thượng thủ mười sáu Dị luận.
2. Thứ tự phá riêng.

Trong nhân có quả, văn phân làm bốn đoạn:

1. Tổng nêu.
2. Trình bày Khởi.
3. Trình bày Chấp.
4. Từ câu "nên thẩm vấn..." trở xuống là rộng phá.

"Vũ chúng ngoại đạo" là đại đệ tử của Số luận sư, chủ của mười tám Bộ. Sinh ra khi mưa cho nên gọi là Vũ, đồ đảng của Vũ gọi là chúng. Vũ cho rằng các pháp sơ lược làm ba Đế, trung bình làm bốn Đế, rộng thì làm hai mươi lăm Đế. Trừ Thần ngã đế ra, hai mươi ba Đế khoảng giữa gọi là quả, Tự tánh gọi là nhân, quả trụ trong nhân, vẫn không có Thể riêng, như vàng làm trâm xuyến. Nhân quả khác nhau, lại càng không có Thể riêng, gọi là nhân có quả, như Duy Thức sớ và Kim Thất Thập luận nói.

Trình bày chấp có hai phần:

1. Tổng.
2. Biệt.

Trong Biệt lý, phân làm ba phần:

1. Trình bày nguyên nhân chấp.

2. Từ câu "Tác ý và Tư của nó..." trở xuống là trình bày chấp.

3. Từ câu "như vậy do thi thiết..." trở xuống, kết thành tánh quả Thường trong nhân.

Trong chấp nguyên nhân, làm tánh Tầm tư, là tánh nhiều tư lự; làm tánh Quán sát, là tánh nhiều là suy tìm; thể trước là Tư, thể sau là Tuệ.

"Trụ Tầm tư địa và trụ Tự biện địa", Địa là Sở y, nương vào Tầm tứ bên trong mà khởi ngôn thuyết biện luận bên ngoài, vì tại giai vị Dị sinh, tại giai vị Tư độ, cho nên khởi chấp như vậy. Bốn loại trên do pháp, hai loại sau do Vị, vì đủ các pháp đó ở tại Vị đó.

Trình bày chấp có hai phần:

1. Trình bày bốn đạo lý.

2. Từ câu "nếu không như thế thì..." trở xuống, mở ngược bốn vấn nạn thành bốn lý trước:

1. Lý cộng thành của thế tục, là nếu từ tánh kia hoặc tánh này được sinh, là từ hạt thóc kia mà cây lúa này được sinh, thế giới cùng chung biết hạt thóc là nhân của cây lúa, không phải do đậu mè... làm nhân.

2. Chỉ đối với nhân này mà mong cầu lý, là nếu mong cầu quả, thì chỉ nắm lấy nhân này, không phải nhân nào khác, là quả lúa của thế gian chỉ lấy nhân thóc, vì mong cầu cây lúa sinh, là gieo giống thóc, không phải đậu mè... nào khác.

3. Tìm tòi các Phi lý khác, là nếu ngay nơi thóc kia mà gia công tìm tòi các sự mong cầu, thì không ngoài sự nào khác, nghĩa là ngay nơi thóc kia, dùng sức cày cấy, để mong cầu cây lúa đơm bông kết quả, không phải đối với đậu mè... nào khác.

4. Lý quả từ nhân kia sinh, lại nếu quả kia ngay từ nhân kia sinh, không từ nhân khác sinh, lúa kia kết quả thì từ thóc kia sinh, không từ đậu mè sinh, cho nên biết trong nhân thóc, trước đã có quả lúa.

Trên đã trình bày bốn lý, dưới đây mở ngược lại bốn vấn nạn, đối với bốn lý trên mỗi mỗi đều phối hợp riêng.

– Vấn nạn thứ nhất: Nếu không từ thóc kia mà cây lúa này được sinh, như thế thì đáng lẽ trong thế tục cùng lập chung tất cả là tất cả nhân, vì quả không nhất định, cho nên nhân quả sinh chung, thì cũng đáng lẽ đậu mè... là nhân của thóc...?

– Vấn nạn thứ hai: Nếu mong cầu quả lúa, thì không những chỉ

mong cầu lấy thóc làm nhân, nếu như thế mà mong cầu một quả lúa, thì đáng lẽ phải lấy tất cả đậu mè... làm nhân?

- Vấn nạn thứ ba: Nếu không đối với thóc dùng sức cày cấy, vì mong cầu quả lúa, như thế là mong cầu quả lúa, thì đáng lẽ phải gia công tìm cầu trong tất cả đậu mè...?

- Vấn nạn thứ tư: Nếu lúa kia kết quả không chỉ từ thóc sinh, như thế đáng lẽ từ trong tất cả đậu mè... là chỗ sinh của tất cả lúa đậu mè khác?

Trong tổng kết thành, chữ "Như vậy" là đạo lý của đoạn văn trước, vì thi thiết để kết thúc nhân thứ nhất ở trước. Chỗ thi thiết của thế tục thì thóc là nhân của lúa. Từ câu "Như vậy..." trở xuống, ba chữ "cho nên" riêng phối hợp với ba lý sau, tùy theo nghĩa cần phải biết.

- Trong Biệt phá phân làm ba phần:

1. Trình bày chung.
2. Vấn nạn riêng.
3. Kết thành.

- Trong phần vấn nạn riêng phân làm hai phần:

1. Riêng mở bốn đạo lý.
2. Hiển năm tướng để biểu thị chánh tông.

1. "Đạo lý không khác", tướng là Thể, nhân quả không khác, đáng lẽ không có hai thứ quyết định sai biệt, phải lập lượng rằng: "Quả thể của ông, đáng lẽ không phải quyết định, vì quả tướng tức là nhân tướng, cũng như nhân tướng". Nhân tướng cũng như thế, vì người kia chấp một tướng của Thể có khác nhau. Luận có Tông và Nhân cho nên ở đây thêm Dụ. Từ câu "Nếu có Dị tướng..." trở xuống, là thi thiết để ngăn chặn. Từ câu "Nếu tướng chưa sinh thì quả trong nhân cũng chưa sinh, mà nói có là không đúng lý" trở xuống, là quả trong nhân, Thể cũng chưa sinh thì tại sao nói có! Lập lượng rằng: "Quả ở trong nhân của ông không nên nói có, vì chưa sinh tướng, cũng như sừng thỏ...". Từ câu "Nếu tướng đã sinh tức là thể của quả đã sinh, thì lại từ nhân nào mà sinh? Không đúng lý, là Lượng rằng: "Trong nhân đã có quả sinh trước, thì pháp đáng lẽ lại không từ nhân nào mà sinh, vì Thể đã sinh rồi, như đã sinh quả". Hoặc nói sinh, nghĩa là có Thể, chính là tông này.

2. Trong hiển thị Chánh tông, từ câu "Lại nữa, pháp có tướng trong pháp có tướng pháp..." trở xuống, có tướng tức là có Thể tướng, có thể nương vào quả pháp. Trong "pháp có tướng tức là có Thể tướng", là nhân pháp Sở y.

3. "Tức là do Tự tướng khả đắc cũng như tự thể nhân, không do so

sánh đo lường", là như tự tướng của nhân có thể sinh công năng có thể chứng đắc quả, không phải có quả thể, tự thể của nhân này hiện là chỗ có thể thấy, không do so sánh đo lường.

4. "Do tự tác nghiệp khả đắc", là như hiểu rõ Sắc nghiệp để hiển Nhãn thức...

5. "Do nhân đồi khác cho nên quả thành cũng đổi khác...", nhân gần đã đổi khác thì quả cũng đổi theo. Duyên cũng như vậy, như hạt thóc và cây lúa không phải không biến nhân mà chỉ riêng biến quả. Tại sao Tự tánh của ông không biến? Vì các Đế khác biến thành. Lượng rằng: "Tự tánh của ông đáng lẽ cũng đổi khác, vì quả đổi khác, như thóc mè... Bốn nhân tổng kết ở trên, văn dễ hiểu.

Trong "từ Duyên hiển rõ luận", văn cũng có bốn phần, tức là Kim Thất Thập luận của Số luận sư, hai mươi ba Đế trụ trong nhân, từ nhiều duyên khác hiển hiện, biến thành các Đế khác, dụng dứt trở về gốc, vì tất cả thế gian vốn không có sinh diệt, từ duyên mà hiển, như thường phân biệt.

Trong đây có chỗ nói, trước Vũ chúng ngoại đạo có kế chấp pháp từ Duyên sinh, cho nên trước vấn nạn rằng: "Quả trước là có, lại từ duyên sinh, là không đúng chánh lý". Hiện tại từ Duyên hiển cho nên Vũ chúng khác nhau, nghĩa này không đúng. Luận ghi: "Ngay trong nhân có quả, là kế chấp". Cho nên không phải các Vũ chúng sư. Nhân Minh cũng ghi: "Như đệ tử Phật, đối với Số luận sư, lập ra âm thanh diệt hoại, là Năng biệt không thành". "Nếu Số luận sư kế chấp có sinh", vì sinh thì phải diệt, làm sao nói Năng biệt không thành? Cho nên biết trước sau đồng là kế chấp của một sư. Trước nói "sinh", biểu thị nghĩa là Hữu, hoặc đặt ra để ngăn ngừa.

"Luận về tướng âm thanh", tức là từ thanh mà hiển Sư, không phải Thanh sinh kế chấp, Thể của thanh là Hữu, từ duyên mà hiển nó.

"Quả trong Lý, trước hết là có lại từ nhân sinh...", là lập câu vấn nạn thứ nhất. "Tất cả không phải hiển", là kế chấp quả pháp kia xưa nay Thể là có, lại từ nhân sinh, là không đúng đạo lý và thành quả pháp chỉ từ nhân mà hiển. "Các kế chấp Sinh", là không có chấp quả pháp trụ trong nhân, luận kia thuận theo quả của tự tông trước là có, lại trình bày kế chấp của người khác là từ nhân mà sinh. "Nhưng không phải không dụng công để làm thành quả...", là thế tục lập hiển đạo lý, cho rằng mong cầu quả pháp của thế tục, không phải không dụng công đối với nhân. "Nếu không vì hiển quả thì duyên gì mới tạo ra công dụng, cho nên khởi công dụng để làm thành quả", lẽ nào không chỉ vì hiển rõ

quả hay sao! Đã là quả không sinh, cho nên biết từ đâu mà hiển!

- Trong Phá, phân làm ba đoạn:

1. Phá chấp của Số luận.
2. Mở chánh nghĩa.
3. Nêu phá Thanh luận.

Trong đoạn thứ nhất phá chấp phân làm hai phần là vấn nạn riêng và kết thành. Trong vấn nạn riêng phân làm ba phần là có chướng và không có chướng, hữu tánh và quả tánh, khác và không khác.

"Có chướng và không có chướng", nghĩa là khi quả không hiển thì là có chướng, vì Thể sinh cho nên bị chướng, nhưng quả không hiển thì làm không chướng Thể? Nhưng vì chướng Thể kia cho nên quả không hiển. Vấn nạn không có chướng Thể, Lượng rằng: "Không có Thể thì đáng lẽ không bị chướng, vì không có Thể, như con của gái đá; hoặc quả pháp của ông đáng lẽ gần sắp hiển, vì không có chướng duyên, cũng như nhân pháp của ông". "Nếu có chướng duyên thuộc nhân của quả, tại sao không chướng cũng đồng là có"? Là quả Thể có Hữu chướng, khéo chướng Thể của nhân, không phải không có chướng, thì đáng lẽ chướng cũng đều là có. Lượng rằng: "Nhân hữu thể chướng của ông, đáng lẽ cũng phải chướng kế chấp Thể là Hữu, như chỗ chướng quả, nếu như nước làm quả thì bóng tối có thể chướng nó, bồn chậu là nhân của nước, bóng tối cũng có thể chướng, nước và chậu đều có bóng tối che chướng không khác nhau. Nhân quả chẳng phải không có, thì chướng đáng lẽ là đồng, che lấp nghĩa của Tỷ lượng cứ theo đây có thể biết. Nếu bổ cứu cho rằng "chướng duyên cũng có thể chướng nhân", thì cũng phải hiển nhân, nhưng tại sao chỉ nói từ nhân hiển quả? Lượng rằng: "Nhân trong tông của ông đáng lẽ phải từ duyên hiển, vì chướng Sở chướng, cũng như quả pháp; hoặc quả pháp của ông không từ duyên hiển, vì thừa nhận có chướng, cũng như nhân pháp".

"Có tánh là chướng duyên", có tánh là có Thể tánh. Quả tánh là Sở hữu của nhân, ngay nơi Thể gọi là nghĩa, gọi là quả tánh. Trong đây hỏi rằng: Hữu thể làm chướng duyên hay là quả nghĩa làm chướng duyên? Nếu Hữu thể là chướng duyên thì thể tánh thường có, đó là tánh vĩnh viễn không được hiển, vì hiển mà như chưa hiển, vì thường có Thể. Nhân cũng thường có, tại sao không bị chướng, mà chỉ riêng quả mới có thể bị chướng? Lượng rằng: "Quả trong tông của ông đáng lẽ vĩnh viễn không hiển, vì thường có tánh, cũng như chưa hiển. Thể trong tông và Nhân của ông cũng đáng lẽ bị chướng, vì Thể thường có, cũng như đối với quả".

"Nếu nói quả tánh là chương duyên" nghĩa là như mầm. Một pháp cũng là nhân cũng là quả, mong Chủng tử là quả, mong nhánh thân cây là nhân, mong nhánh thân cây không chướng, mong nhân có thể chướng, nghĩa của chướng nhiếp hiển và không hiển, cho nên thành một pháp vừa hiển vừa không hiển. Phải lập lượng rằng: "Quả thể trong Tông của ông, từ trước đến nay là hiển", cho nên đặt thành vấn nạn này. Hoặc tự tánh Thể của ông cũng đáng lẽ là quả, vì hiển nhân của nó, như nhân của quả sau, cũng như người kia chấp mầm là nhân thì phải hiển, cho nên thành vấn nạn này. Hoặc đáng lẽ quả tánh không phải chương, vì Thể tức là nhân, như nhân, nhân cũng đáng lẽ là chương, vì tức là quả thể, như quả. Cho nên nói một pháp cũng là nhân cũng là quả.

Khác và không khác: "Pháp này cùng với hiển làm khác và không khác", là pháp này tức là quả, vì từ trước đến nay đã có. Hiển là hiển rõ, vì gặp duyên thì hiển. Nếu là không khác thì pháp đáng lẽ thường hiển, vì xưa nay quả pháp trước đã thường có, trước hiển mà nay cũng hiển, là không đúng đạo lý. Lượng rằng: "Quả pháp trong tông của ông, từ trước đến nay đáng lẽ là hiển, vì tức là pháp này, cũng như pháp này. Quả pháp trong tông của ông, đáng lẽ bây giờ mới có, vì tức là hiển, thì như bây giờ mới hiển. Tỷ lượng của pháp này thì ngược lại đây có thể biết.

"Nếu nói Khác thì quả kia hiển là không có nhân hay sao", đây là hỏi khi quả hiển thì có nhân hay không có nhân. Không có nhân, Lượng rằng: "Quả pháp từ trước đến nay đáng lẽ là hiển, vì hiển không có nhân, như sau khi hiển; hoặc hiện tại đáng lẽ không hiển, vì hiển không có nhân, như khi chưa hiển".

"Nếu có Hiển nhân, thì quả tánh có thể hiển Phi nhân tánh", là một Chủng tử có nhân, thì quả tánh có thể hiển, không thể hiển nhân tánh là không đúng đạo lý. Lượng rằng: "Nhân của ông đáng lẽ hiển, vì hiển có nhân, cũng như quả pháp; hoặc quả đáng lẽ không hiển, vì hiển có nhân, cũng như đối với nhân". Hoặc luận kia bổ cứu rằng: "Quả pháp chưa hiển, thì hiển nhân cần phải hiển, nhân pháp không ẩn thì cần gì nhân hiển! Hữu thể là đồng, thì hiển nhân xứng với hữu, có hiển và không có hiển, thì lý trái nhau". Lượng rằng: "Nhân hiển của hữu thể, cũng đáng lẽ hiển nhân, vì nhân hiển có, cũng như hiển quả".

Tổng kết đoạn văn kia, nói: "Tánh nếu là chết thì không thể hiển rõ", là trong pháp có tướng, nếu không có tánh kia thì không thể hiển rõ, như sữa trong sừng, váng sữa trong nước; nếu có tánh kia mới có thể hiển rõ, như lạc trong sữa, như kim loại trong khoáng, không ngại có tánh và không có tánh, chỉ ngăn quả trụ nhân.

- Hiển thị chánh nghĩa có sáu phần:

1. Xứ xa khó lấy.

2. Bốn chướng khó lấy. Quyển thứ 3 trước ghi: “Che lấp, ẩn mất, đoạt mất ánh sáng, huyễn hoặc”.

3. Vi tế khó lấy, như Cực vi.

4. Tâm loạn khó lấy, như cảnh của thần thông.

5. Căn hoại khó lấy, như già, mê muội, bệnh...

6. Vô trí khó lấy, như không có Chân trí, Tha tâm trí... không phải trong nhân kia trước có quả tánh mà không thể lấy, vì sáu thứ không nhiếp.

Kế chấp của phần luận về Thanh, hoặc nội hoặc ngoại, hoặc toàn phần hoặc một phần, đều như bài Sớ thứ nhất của Duy Thức nói. Từ trên đến đây hai kế chấp đều là chỗ tóm nhiếp của Tăng ích tà kiến.

- Trong phần luận về ba đời, văn cũng có bốn đoạn:

1. Trình bày tông.

2. Trình bày vấn nạn.

3. Trình bày chấp.

4. Phá.

- Trong trình bày chấp có hai phần:

1. Trình bày ngoại đạo.

2. Trình bày Tiểu thừa.

Lượng của tông ngoại đạo nói: “Quá khứ và vị lai là thật có, vì chỗ nhiếp của đời, cũng như hiện tại. Nhất thiết hữu trong giáo pháp nội đạo tức là mười hai Xứ”, ý của tông kia nói, Thật tướng của mười hai Xứ này là có, Ý duyên mười hai pháp Xứ của ba đời cho nên quá khứ và vị lai là có. Rộng như Câu-xá quyển 20 và quyển 52, giải thích nghĩa của kinh này.

Trong lý, “Nếu là Tự tướng của pháp an trụ pháp chân thật này là có”, là tổng kết các pháp an trụ Tự tướng, pháp thật có này không an trụ Tự tướng, pháp này trở thành không, như lông rùa, vì đời quá khứ và đời vị lai trụ Tự tướng, pháp Thể thành có thì không đồng với lông rùa. “Nếu vị lai không có”, thì đáng lẽ chưa thọ Tự thể, đáng lẽ không phải tức là vị lai. Lượng rằng: “Vị lai của Đại thừa đáng lẽ không phải vị lai, vì chưa thọ tướng tự thể, như lông rùa”. “Nếu quá khứ không có”, thì đáng lẽ mất tướng tự thể của quá khứ, đáng lẽ không gọi là quá khứ. Lượng rằng: “Quá khứ của Đại thừa đáng lẽ không gọi là quá khứ, vì mất tướng Tự thể, như lông rùa”. Nếu như vậy thì Tự tướng các pháp trong ba đời không thành, vì Tự tướng không thành cho nên cũng không

phải chân thật. Lượng rằng: "Hiện tại Tự tướng của Đại thừa không thành, hoặc cũng không phải chân thật vì chỗ nhiếp của đời, cũng như quá khứ và vị lai. Hiện tại đã không như vậy, thì quá khứ và vị lai tại sao nhiếp đời? Hoặc là Tự tướng của Hữu vi thật ra không thành, vì không có ba đời, như sừng thỏ...

- Phá tông có năm đoạn:

1. Mở ra ba vấn nạn.
2. Người ngoài hỏi vặn.
3. Trình bày thêm Phá.
4. Giải thích kinh kia.
5. Nói ba đời mỗi mỗi đều là mười hai tướng, để hiển chỗ sai của luận kia.

- Trong phần thứ nhất có hai đoạn:

1. Mở ba vấn nạn.
2. Tự tướng như vậy, cho nên tổng kết văn trước.

Ba vấn nạn là:

1. Vấn nạn Tự tướng một và khác.
2. Vấn nạn Cộng tướng của Thường...
3. Vấn nạn bảy nghĩa của vị lai.

Hoặc nói tướng là một, lập tướng ba đời là không xứng đạo lý. Tướng là Thể. Lượng rằng: "Thế đáng lẽ không có ba, vì tức là một Thể, cũng như một Thể. Hoặc Đời đáng lẽ không có ba tướng, vì là một, cũng như hiện tại". Đây là thiết lập để ngăn, không phải nghĩa của tông này.

Hoặc tướng khác thì tánh tướng thật có là không xứng đạo lý. Ý này nói: "Tướng ba đời, tướng là khác vì lìa hiện tại. Ngoại là tánh tướng thật có của quá khứ và vị lai, vì khác với hiện tại, cũng như sừng thỏ". Chân như của Đại thừa không phải quyết định khác với hiện tại, không có lỗi Bất định. Hoặc nhân nói: "Hiện tại là chỗ không nhiếp của Vô vi", Tông và Dụ đồng như trước.

"Là tướng Thường và tướng Vô thường", vì ba đời cùng có cho nên gọi là Cộng tướng. "Nếu là tướng Thường", là giả thuyết trình bày để chất vấn, không phải chính là Tông kia. Lượng rằng: "Năm uẩn trong tông của ông đáng lẽ không rơi trong ba đời, vì thừa nhận tướng Thường, như Vô vi". Hoặc tướng Vô thường trong ba đời hằng có, cũng không xứng lý. Lượng rằng: "Năm uẩn trong tông của ông không thường hằng thật có đối với ba đời, vì tướng Vô thường, như sừng thỏ". "Nếu nói Biểu thuyên vô thường không phải ngăn Thuyên", Lượng rằng: Các

pháp của năm Uẩn không phải ba đời hằng hữu, vì chỗ nhiếp của đời, cũng như bảy huyễn sư.

- Trong vấn nạn nghĩa:

1. Trình bày bảy vấn nạn.

2. Đoạn văn phá riêng.

- Hợp lại có bốn phần. Tát-bà-đa Câu-xá tụng thứ 20 ghi:

Trong đây có bốn thứ,
Loại tướng vị đãi dị,
Vị thứ ba tác dụng,
Lập đời rất là thiện.

Pháp Cú ghi:

Thế do loại bất đồng,
Khi pháp hành trong đời,
Loại biệt không phải Thể,
Như vàng làm đồ vật,
Hình khác mà loại đồng,
Như sữa thành tô lạc,
Vị mất sắc thì còn.

Pháp từ vị lai lưu chuyển đến đời hiện tại, hiện tại nhập quá khứ, chỉ xả được loại, không xả được Thể.

Diệu Âm nói: "Thế do tướng bất đồng, khi pháp hành nơi thế gian, là chính quá khứ cùng với quá khứ hợp nhau, nhưng không gọi là lìa tướng hiện tại và vị lai. Chính vị lai cùng với vị lai hợp nhau, nhưng không gọi là lìa tướng quá khứ và hiện tại. Chính hiện tại cùng với hiện tại hợp nhau, nhưng không gọi là lìa tướng quá khứ, như nhiễm một vợ cả, thì đối với các vợ lẽ khác không gọi là lìa nhiễm".

Thế Hữu nói:

Thế do vị bất đồng,
Khi pháp hành nơi thế,
Thể đồng, vị thì khác,
Như dời một thẻ tre,
Đặt một gọi là một,
Đặt trăm gọi là trăm,
Đặt ngàn gọi là ngàn.

Giác Thiên nói về Thế:

Do chờ nhau bất đồng,
Khi pháp hành nơi thế,
Trước sau cùng chờ nhau,

Đặt tên thì có khác,
Cũng như một người nữ,
Gọi mẹ, gọi con gái.

Thế Thân nói: “Trong bốn thuyết này, thuyết thứ nhất là chấp, đồng với Số luận ngoại đạo. Thuyết thứ hai là chấp tướng, vì lìa đều có ba tướng, như khi nhiễm thê (vợ), là hiện có tham khởi, ngoài ra chỉ thành tựu, đâu có nghĩa gì là đồng! Thuyết thứ tư chấp là một, đời đáng lẽ có ba đời, như sát-na trước sau của quá khứ, đời đáng lẽ gọi là quá khứ, vị lai và hiện tại. Vị lai cũng như thế, vì đồng chờ nhau. Do đây, thuyết thứ ba rất khéo nói, y theo tác dụng của pháp lúc chưa có, đang có và đã có khác nhau”.

“Hiện tại bảy nghĩa này, từ trình bày nghĩa thứ nhất đến đây”, là vấn nạn nghĩa loại và dị của Pháp Cú; vấn nạn thứ tư là có nghiệp, để phá nghĩa vị khác với tác dụng của sư Thế Hữu; vấn nạn thứ sáu là Dị tướng, để phá nghĩa Tương đãi (chờ nhau) của các sư Giác Thiên; vấn nạn thứ bảy là có hiện tại phần, để phá nghĩa Tương dị (khác nhau) của sư Diệu Âm, còn lại ba vấn nạn thứ hai, ba và năm là đặt ra để ngăn ngừa, không phải là gốc kế chấp của các Bộ. Phá bốn sư này như Câu-xá nói. Quyết Trạch phần quyển 51 trình bày thành sáu kế chấp. Nội dung giống nhau.

“Chưa đến hiện tại”, là pháp thể không dời chuyển. “Hướng đến hiện tại đối với sinh này”, là vị lai chết mất thì hiện tại mới sinh. “Làm duyên sinh hiện tại”, là pháp trụ ở vị lai làm nhân duyên sinh pháp riêng của hiện tại. “Hiện tại có nghiệp”, nghĩa là vị lai không có dụng mà do hiện tại sinh dụng. “Tướng hiện tại đã viên mãn”, là tướng gốc chưa tròn, đến hiện tại mới viên mãn. “Hiện tại Dị tướng”, là bản thể tuy đồng, nhưng tương đãi và tương biệt. “Có hiện tại phần”, là pháp vị lai có vị lai phần và hiện tại quá khứ phần, có nghĩa là thuyết minh hiện tại cũng có hiện tại phần và vị lai quá khứ phần. Quá khứ cũng như vậy, luận này chỉ nêu ra phần của hai đời, các loại còn lại có thể biết. Quyển 51 có sáu nghĩa, nhưng không có nghĩa thứ sáu này, nghĩa thứ sáu của quyển 51 kia tức là nghĩa thứ bảy của luận này. Hoặc giải thích rằng: “Nghĩa thứ sáu và thứ bảy hợp lại làm nghĩa thứ sáu của luận kia. “Hiện tại Dị tướng”, tức là hiện tại kia, có hiện tại phần và vị lai phần. Luận này thì tách rời, luận kia thì hợp chung, cũng không trái nhau. Nếu tạo giải thích này, thì không có nghĩa tương đãi của sư Giác Thiên, cho nên phải biết chỗ nói trước là hay khéo.

Biệt phá phân làm hai phần:

1. Năm đoạn phá.

2. Ví dụ đến quá khứ.

Sau đây ba vấn nạn hợp lại làm ví dụ phá nghiệp dụng. Vấn nạn thứ nhất có ba đoạn:

1. Có phương sở.

2. Cùng với hiện tại không khác.

3. Đáng lẽ là Thường.

Vấn nạn thứ nhất, Lượng rằng: “Vị lai đáng lẽ có phương sở, vì có đi đến, cũng như hiện tại. Lại nữa, vị lai đáng lẽ cùng với hiện tại không khác, vì có đi đến, vì có phương sở, cũng như hiện tại. Lại nữa, pháp thể của vị lai đáng lẽ là Thường, vì xưa nay có, như hư không”. Quyển 51 ghi: “Các pháp của vị lai, không có đi đến hiện tại, không có phương xứ, cũng như thiện Vô vi.

Vấn nạn thứ hai có hai đoạn:

1. Vị lai không sinh ở hiện tại, hiện tại thì trước không mà nay sinh. Lượng rằng: “Pháp của vị lai, Thể đáng lẽ không phải Hữu vi, vì vốn không sinh, như hư không. Cũng không phải thật có, không phải là Vô vi, vì vốn không sinh, giống như sừng thỏ.

2. Vị lai chưa sinh mà nói chết mất. Lượng rằng: “Các pháp của vị lai đáng lẽ không có chết mất, vì vốn chưa sinh, như hư không”. Lại nữa, pháp vị lai đáng lẽ có sinh, vì thừa nhận có chết, cũng như hiện tại.

Vấn nạn thứ ba có hai đoạn:

1. Phá đáng lẽ là Thường. Lượng rằng: “Những pháp trụ ở vị lai làm duyên, đáng lẽ là thường trụ, vì không có biến đổi giống như Vô vi.

2. Đáng lẽ trước không có mà nay sinh, không phải pháp vị lai sinh, đây là trái với tông. Vấn nạn kia rằng: Pháp vị lai lưu nhập hiện tại, hiện tại pháp này là duyên sinh của vị lai, vị lai thì trước kia không có, bây giờ mới sinh, không phải pháp của vị lai sinh, lẽ nào không trái với tông?

Vấn nạn thứ tư: Phá nghiệp dụng có ba đoạn:

1. Trước không có nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng. Vấn nạn rằng: Tức là trước có Thể, nay mới có Dụng, là có cùng lỗi thứ hai trong phần duyên sinh của đoạn trước. Nghiệp hiện tại sinh, vì không phải từ vị lai sinh. Dụng không lìa Thể, đáng lẽ không phải mới có. Thể không lìa Dụng, đáng lẽ không phải thành từ xưa, lập Lượng đồng như trước.

2. Dị tướng của nghiệp dụng và pháp tướng. Vấn nạn rằng: Tướng

của nghiệp dụng này, cùng với pháp vốn có của nó, cả hai đều là có Thể, nghiệp vị lai thì không có, cho nên không xứng lý. Lượng rằng: "nghiệp vị lai đáng lẽ có, vì thừa nhận tất cả đều có, như Thể. Thể của vị lai đáng lẽ không có, vì thừa nhận tất cả đều có, như nghiệp dụng. Hoặc lấy Dị tướng làm nhân, Thể và nghiệp dụng sai biệt lẫn nhau". Tông và Dụ đồng như trước.

3. Nghiệp và pháp vốn có không có Dị tướng. Vấn nạn rằng: nghiệp dụng là pháp, pháp Thể sẵn có, trước không có nghiệp dụng mà nay mới có", là không xứng với chánh lý. Lượng rằng: "nghiệp đáng lẽ vốn sẵn có, vì tức là Thể, như Thể. Thể đáng lẽ vốn đã không có, vì tức là nghiệp, như nghiệp. Tông đó kế chấp nghiệp và Thể không khác nhau. Bây giờ vấn nạn Dị mới là thiết lập ngăn trách. Quyển 51 ghi: "Phật nói các hành phi thường và phi hằng. Nghiệp của ông thì vô thường, hành đáng lẽ là thường, là trái với lời Phật dạy".

Trong ba ví dụ Phá còn lại, "lại có lỗi Tự tánh tạp loạn", nghĩa là hiển Thức thứ bảy có lỗi hiện tại phần tạp loạn. Vị lai đã có phần của hiện tại đáng lẽ tức là hiện tại, vì có hiện tại phần, cũng như hiện tại. vấn nạn hiện tại cũng vậy, cho nên thành tạp loạn, tướng đó viên mãn, đáng lẽ lập Lượng rằng: "Tướng của vị lai đáng lẽ là mãn, vì có dư một phần tướng, như hiện tại. Hoặc tướng của hiện tại đáng lẽ không viên mãn, vì có dư một phần tướng, cũng như vị lai. Lập lượng vấn nạn Dị tướng cũng đồng như vậy.

Trong phần kết thứ hai ở trước, có chín chữ "cho nên". "Tự tướng", là tổng kết Tự tướng một và khác của ba đời ở trước. "Cộng tướng", là tổng kết Thường và Vô thường của ba đời ở trước, vì ba đời cùng có. Còn lại bảy nghĩa tức là bảy nghĩa trước. Vấn nạn ba đời và hỏi vặn lại.

"Đã ghi nhận như vậy rồi", là ghi nhận riêng phân biệt giải thích nghĩa sâu kín. "Nếu nói tất cả có là mười hai Xứ", câu nói này có ý hiển mười hai Xứ thông với ba đời. Cảnh pháp sở duyên của Ý thức đều là ba đời, nếu quá khứ hoặc vị lai không có thì liền trái với giáo này.

Trong ba lớp trình bày Phá, duyên của tông kia không có gì mà không sinh tâm, khi duyên sừng thỏ, thì đã từng phân biệt thấy con thỏ đó, đã từng phân biệt thấy cái sừng đó, hợp chung lại một chỗ, không phải duyên hiện tại không có. Từ câu "Nếu như thế thì lời Phật dạy trái nhau, nói không có vì biết nó không có. "Nếu không như thế thì chỉ nên nói có biết đối với có" trở xuống, là vấn nạn. "Duyên vô tâm", là thiết lập để ngăn kế chấp.

Thứ tư giải thích chỗ dẫn kinh của luận kia, có ba phần:

1. Giải thích mười hai Xứ.

2. Giải thích nghiệp quá khứ.

3. Giải thích có Sắc của ba đời.

"Đối với Vô pháp thì mật ý nói tướng có và tướng không", là muốn nói pháp không thì có thể giữ tướng không, bởi có pháp giữ tướng không này mà trở thành mật ý nói đó là Hữu, nói đó là pháp, không phải hiển Vô pháp như là có Hữu thể. "Trong pháp có cũng mật ý là Hữu", là có mà không phải thật có, mượn nói là Hữu trì, cho nên gọi là mật ý.

"Do nhân duyên này mà hành kia đổi khác một cách thù thắng, tương tục chuyển gọi là tập khí", tức là hành đổi khác thù thắng của tập khí này, tương tục, gián đoạn, ẩn hiển, tế thô, duyên, bất duyên, ngại và bất ngại đều có sai biệt.

Thứ năm là ba giải thích, là mười hai Tướng, vì trong vị lai có thể sinh pháp tướng, nghĩa là không chứng chứng đắc pháp Phi trạch diệt thì không thể sinh pháp Tướng, chứng đắc Phi trạch diệt pháp thì sinh pháp nên có thể cầu, không sinh pháp thì không nên cầu tướng.

- Thứ phá Ngã có năm đoạn:

1. Trình bày tông.

2. Hỏi ý.

3. Trình bày chấp.

4. Trình bày phá.

5. Hiển chánh nghĩa.

"Có Ngã, Tát-đỏa...", câu này chỉ có sáu nghĩa, trong quyển 83 có tám nghĩa, Bát-nhã có bốn nghĩa, đều như Xu Yếu nói.

- Trong trình bày chấp có hai phần:

1. Tổng nêu hai nhân.

2. Hiển riêng hai nhân.

Nhân theo Tu mà không Tư, cũng biết có Giác; Tác ý tư lương cũng biết có Ngã, cho nên gọi là hai nhân.

Trong trình bày Phá có hai phần, phần thứ nhất mở riêng mười vấn nạn, phần thứ hai là tổng kết, sau đây là mười vấn nạn:

1. Bất Giác là vấn nạn trước, vấn nạn "tuỳ ý trước tiên biết có Ngã".

2. Từ câu "sở tác của thế gian cho Giác làm nhân..." trở xuống, Tư giác đặt làm vấn nạn, là vấn nạn từ câu "Tác ý Tư lương trước cũng biết có Ngã" trở xuống, hợp chung làm câu vấn nạn thứ hai.

3. Từ câu "vì đối với Uẩn mà thi thiết có Ngã..." trở xuống, là đối với Uẩn mà thiết lập vấn nạn.

4. Từ câu “chỗ kế chấp hành vi của Ngã tức là các tướng của người thấy...” trở xuống, là đối với người thấy mà lập vấn nạn.

5. Từ câu “vì cùng với nhiễm và tịnh tương ưng...” trở xuống, là kiến lập vấn nạn Nhiễm và Tịnh.

6. Từ câu “vì cùng với tướng lưu chuyển tương ưng...” trở xuống, là vấn nạn sinh tử và Niết-bàn.

7. Từ câu “vì do chỗ sinh của cảnh giới hoặc Khổ hoặc Lạc...” trở xuống, là vấn nạn kẻ làm, người nhận và người giải thoát.

8. Từ câu “lại nữa, ông nay nên nói ý muốn của tự mình là chỉ đối với Ngã mà nói hay là đối với Tác giả...” trở xuống, là vấn nạn thi thiết hữu tác.

9. Từ câu “lại nữa, ông nên nói ý muốn của mình chỉ đối với Ngã kiến lập đối với Ngã...” trở xuống, là thiết lập vấn nạn ngôn thuyết.

10. Từ câu “Kiến kế chấp Ngã làm thiện và bất thiện...” trở xuống, là thiết lập vấn nạn chúng kiến.

Trong phần tổng kết sau đây có mười chữ “cho nên”, phải phối hợp với văn này. Vấn nạn thứ nhất có bốn chữ “cho nên”. Chữ “lại nữa” phân làm bốn đoạn.

Vấn nạn thứ nhất: “Vì đối với việc được thấy mà khởi Tát-đoả giác”, là gốc kế chấp của sư này lìa Uẩn mà có Ngã, kế chấp Sắc sở kiến làm Ngã, là điên đảo giác, ngăn trách ngay kế chấp Uẩn, đây là lỗi trái với giáo. Không khác với Tỷ lượng, hoặc ngay kế chấp Uẩn, sư nói: “Chấp có Ngã kiến thì trầm luân sinh tử, nói không có Ngã kiến thì có thể chứng đắc Niết-bàn, cho nên đối với Sắc, thì đây là có Ngã”, gọi là điên đảo. “Nếu Dị uẩn kia kế chấp có Ngã”, thì Ngã có hình lượng là không đúng đạo lý. Hình lượng kia lìa Uẩn Ngã, hoặc như thân lượng, hoặc như hạt cải, cho nên có hình lượng, đây là vấn nạn Ngã có Sắc không thành. “Có hơn và kém”, là thọ dụng tưởng dụng của Sát-đế-lợi, hoặc hạnh dụng của ngu và trí, hoặc thức dụng của những người khéo nhiếp thủ cảnh giới, cho nên lìa ngoài Uẩn thì không riêng có các khả năng này. Tổng lập Lượng rằng: “Ngã lìa Uẩn, đáng lẽ không có hình lượng, vì lẫn nhau thừa nhận lìa Uẩn, như sừng thỏ”.

Vấn nạn thứ hai: “Vì chỉ do pháp tự thể này khởi các Giác...”, là ý hỏi rằng: “Đối với tự thể của cảnh sở giác mà khởi Ngã giác hay là đối với các chỗ khác”? “Nếu đối với pháp sở giác mà tự thể khởi Ngã giác”, có ý hỏi “tại sao ông nói tức là Uẩn kế chấp Ngã gọi là điên đảo”? Vì đối với sắc sở kiến, có hình lượng... mà khởi Ngã giác. Sắc tức là Ngã, cho nên không phải lìa Sắc mà riêng có Ngã, vì chấp Sắc làm

Ngã cho nên không phải điên đảo. Lượng rằng: "Ông chấp sắc ngã và tâm đáng lẽ không phải điên đảo, vì thừa nhận thuận với Sở duyên, như Tha tâm trí". "Nếu do các thể khác khởi các Giác này...", là cũng do tâm... khởi Hình lượng ngã giác, tức là đối với tất cả pháp cảnh giới mà khởi Hình lượng giác, không phải chỉ có duyên Sắc, cũng đáng lẽ duyên Sắc mà được Giác hơn kém của Ngã, không phải chỉ có duyên Thọ mà khởi Giác kia, thì cảnh và tâm hai thứ liền thành tạp loạn. Cảnh của một Sắc cũng là Giác nhân của Thọ, Tưởng, Hành. Lượng rằng: "Các Sắc trong tông của ông đáng lẽ là Thọ, vì khởi Giác hơn kém, như Thọ". Ngoài tất cả lượng đều cứ theo đây nên biết.

Vấn nạn thứ ba: "Nếu không duyên khởi tức là không bác bỏ Hiện lượng", là Hiện lượng hiện thấy cây trụi ở xa mà cho là người, đó là đối với vô tình mà khởi Hữu tình giác, không khởi thì gọi là Phi hiện lượng, trong đó cũng có chỗ trái với thế gian, lược bỏ cho nên không nói. Ý này vấn nạn rằng: Ông kế chấp duyên Sắc thì được khởi Giác của Thọ, đều là giác chân thật, không phải giác điên đảo, cho nên đối với cây trụi ở xa chấp làm người cũng đáng lẽ không phải điên đảo. Đây đã là điên đảo mà ngược lại làm thành đối với Vô ngã. Vọng khởi Tát-đoả Giác, kế chấp Hữu đối với Phi tình, vì khởi Tát-đoả Giác.

Vấn nạn thứ tư: "Nếu lấy nghĩa Hiện lượng chỉ có nghĩa Sắc uẩn... là nghĩa Hiện lượng, thì Ngã không phải nghĩa Hiện lượng là không đúng lý", vì Nghĩa tức là Cảnh. Tông kia kế chấp Ngã không phải Cảnh hiện lượng, nay nói Hiện cảnh là lập ra để ngăn phá. Chỉ có năm Uẩn là Hiện lượng nghĩa, kia đây cộng thành, Ngã không phải nghĩa là Hiện. Tông của ông tự thuật, nay nói Hiện cảnh mới là trái với tông. "Giác này nếu lấy Cảnh tỷ lượng", là Giác của Ngã này, nếu khởi trên trẻ con, thì Giác kia chưa có thể tư duy, không thể suy tỷ độ lượng, không nên xem thường Ngã giác được sinh. Lượng rằng: "Ngã giác của trẻ con đáng lẽ không được sinh, vì không có tư duy độ lượng, như con của gái đá". Tổng lập Lượng rằng: "Ngã của ông đều không phải cảnh của Hiện lượng và Tỷ lượng, vì không có cùng Dụ, như sừng thỏ".

Từ trên đến đây, bốn đoạn văn Bất giác đặt vấn nạn trước đã xong, từ đây trở xuống, Tư giác thứ hai.

Đặt vấn nạn thứ nhất, có năm chữ "lại nữa", tức là có năm đoạn. Số luận chấp Ngã thể chỉ có Thọ; Thắng luận chấp Ngã thông với Tác thọ. Dưới đây là phá tác dụng, tùy nghĩa nên hiểu.

Vấn nạn thứ hai: "Nếu Vô thường thì Thể của nhân Sở tác này là biến dị chấp có Ngã...", Sở tác có nghĩa là sinh; Thể của nhân Sở tác

là Biến dị. Pháp của Vô thường, Ngã là Tác giả, vẫn nói Hữu thường nhưng mà có Sở tác, không xứng đạo lý. Hiển Dương luận ghi: "chấp Ngã có Sở tác, không xứng đạo lý, không nói Hữu thường". Hiện tại chỉ nói chấp Ngã là Hữu. Hữu thông với hai nghĩa:

1. Hữu thường.
2. Hữu sở tác.

Thường thì Lượng rằng: "Ngã đáng lẽ không phải thường có, vì có Sở tác, như đất thô. Nếu là Thường, thì Ngã đáng lẽ không có Sở tác, vì là Thường, như hư không". Thường là chánh vấn nạn, Vô thường là thiết lập ngăn phá.

Vấn nạn thứ ba: "Ngã có động tác...", là của Số luận và Thắng luận. Ngã không có động tác, vì khắp hư không, ra khỏi mọi sự trói buộc. chấp Ngã có động tác, vì không khắp hư không. Nghĩa của Tác tuy đồng, nhưng nghĩa của Động thì khác. "Ngã có động tác là có Sở tác...", là Thường tác, không phải tạo tác lại, vì Ngã thường có. Hằng động thường tác không phải hiện nay mới tạo tác, không phải tạo tác lại. Lượng rằng: "Ngã động của ông chưa tạo tác thì nên trước hết tạo tác, vì hằng động tác, như Sở tác hiện tại. Ngã không có động tác thì đáng lẽ không có Sở tác, vì không có động tác, như hư không".

Vấn nạn thứ tư: Hoặc có Nhân tác mà nói Ngã tác, thì liền trái với tự tông. Hoặc không có Nhân tác thì Ngã đáng lẽ là Hằng tác, vì Ngã luôn hằng hữu, khỏi phải chờ nhân. Lượng rằng: "Ngoài tất cả sự khác, khi chưa tạo tác sự này, cũng hằng nên tạo tác, vì chấp Ngã hằng hữu không chờ nhân, như khi hiện tại tạo tác".

- Trong "Uẩn giả thiết vấn nạn", phân làm hai đoạn:

1. Trình bày bốn kế chấp.
2. Trình bày riêng quở trách.

Bốn kế chấp: Thứ nhất là kế chấp Uẩn, ba kế chấp sau là Dị uẩn. Trong ba Dị uẩn: Ngã thứ nhất, Dị uẩn trụ trong Uẩn; Ngã thứ hai, Dị uẩn trụ ngoài Uẩn, Ngã vẫn thuộc Uẩn, đây là Ngã của Sắc cho đến Ngã của Thức; Ngã thứ ba, trụ ngoài Uẩn nhưng không thuộc Uẩn.

Phá kế chấp thứ hai: Vấn nạn trong Thường, có bốn Phá. Phá thứ ba: "Nếu là pháp không sinh khởi và Phi pháp, thì đáng lẽ các Uẩn thân rốt ráo không khởi", nếu Ngã là pháp chẳng tạo và Phi pháp, thì Uẩn đáng lẽ không có, vì không có nhân. Lượng rằng: "Đáng lẽ Uẩn sau rốt ráo không sinh, vì chấp Ngã không khởi pháp và Phi pháp, cũng như sừng thỏ". Lại nữa, đáng lẽ không do công dụng Ngã thường giải thoát, vì là pháp không sinh khởi và Phi pháp. Lượng rằng: "Ngã của ông tại

sinh tử không do công dụng thì đáng lẽ thành giải thoát, vì không tạo pháp và Phi pháp, như Niết-bàn vị". Lại nói Ngã khi chứng đắc Niết-bàn, vì lìa nhiều trói buộc gọi là giải thoát, trong sinh tử liền có trói buộc. "Lại nữa, Ngã này sau khi diệt hoại, đối với các chỗ khác không tạo tác mà bị lỗi lớn...", là Ngã vô thường diệt, nghiệp cũng tùy theo không có, các quả sau sinh Vô Nhân mà có, đó là không tạo tác mà bị lỗi. Hiện tại Phật pháp của tôi từng sát-na diệt, tùy trong Bản thức mà sát-na trước diệt, sát-na sau sinh, quả do Nhân mà khởi, Ngã của ông không có huân tập, khi Ngã diệt thì nghiệp mất, quả sau không có Nhân cho nên thành lỗi lớn. Lượng rằng: "Ngã của ông đã diệt, sau đó có quả đáng lẽ không sinh, vì không có Nhân, như sừng thỏ".

Phá kế chấp thứ ba, "nếu ngoài Uẩn, thì kế chấp Ngã của các chỗ khác và chỗ của ông đáng lẽ là Vô vi", vấn nạn này giống như lỗi chợt giúp nhau thành tựu, vì người kia cho là Thường, hiện tại luận này không có lỗi. Quyển 65 ghi: "Không có Biến dị, thì đó là tướng Thường của nó, Ngã đã không có Biến dị, thì tương lai và hiện tại có hai nhân duyên, đều không xứng lý". Nếu tương lai không có Biến dị, thì không có sinh già bệnh chết tổn hại..., làm trời người... lưu chuyển trong năm đường; nếu hiện tại Thế không có Biến dị, thì trong các cảnh giới Ái và Phi ái, đáng lẽ không có chỗ Biến dị của Khổ, Lạc, Ái, Khuể, Si, cho đến không đáng do những thứ này mà tu hành pháp và Phi pháp. Ngã đã có hiện tại và tương lai Biến dị, thì tức là Vô thường, Thể tức là Uẩn, cho nên thật Uẩn có thì không có tướng này, vì tướng này không có thì đáng lẽ là Vô vi; nếu là Vô vi thì không có tướng Biến dị này. Lượng rằng: "Ngã thọ uẩn của ông đáng lẽ không có các tướng Biến dị này, vì thừa nhận Vô vi, cũng như hư không". Đây là nói "đáng lẽ là Vô vi", là để hiển Ngã đáng lẽ không có nghĩa của tướng Biến dị. Hoặc trong đây có ý vấn nạn thành hư không: "Ngã của ông đáng lẽ là hư không Vô vi, vì thừa nhận Dị uẩn, như Hư không Vô vi, Chân như của nó, không phải quyết định là Dị uẩn", không có lỗi Bất định.

Phá kế chấp thứ tư: "đáng lẽ không có nhiễm ô", quyển 65 ghi: "Nếu không có Uẩn thì liền không có Sắc cùng với Thân tương ưng, cho đến cũng không phải thọ dụng, cảnh giới, phân biệt ý tương ưng, đã không có năm thứ này thì không do công dụng mà Ngã đáng lẽ được giải thoát, vì không có nhiễm ô". Lại nữa, Ngã và thân không nên tương thuộc lẫn nhau. Lượng rằng: "Ngã đáng lẽ không có nhiễm ô thì mặc tình tùy ý giải thoát. Lại nữa, đáng lẽ không nói Ngã có Sắc... vì kế chấp Dị uẩn, không phải Uẩn, như hư không". Người kia kế chấp thật

Ngã tuy không thuộc Uẩn, nhưng vẫn nói Ngã có Sắc... cho nên thành lập vấn nạn này, nếu không như thế thì lại có lỗi giúp nhau mà thành. "Không nên tương thuộc", là nghĩa Ngã có Sắc... không phải nghĩa nhiếp thuộc.

- Vấn nạn thứ tư trong lập Hữu có hai đoạn:

1. Nêu hai trình bày.
2. Tùy trình bày giải thích riêng.

- Trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Nêu hai môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Đây là trong vấn nạn Tư giác có Ngã, đã thật biết có Ngã.

- Trong giải thích môn thứ hai, lại phân làm hai đoạn:

1. Nêu hai môn.
2. Tùy giải thích riêng.

- Hai môn:

1. Nghiệp sở thành.
2. Tư cụ bị Ngã chấp.

- Trong nghiệp có năm phần:

1. Vấn nạn như Chủng tử, vì cận Sở tác cho nên đáng lẽ Vô thường.
2. Vấn nạn như thợ gốm, vì khác Thể mà thành cho nên đáng lẽ Phi thường.
3. Vấn nạn như thần thông, vì có tự tại, đáng lẽ không có sinh khởi Địa ngục, tham, sân.
4. Vấn nạn như Địa, vì Vô tác và Sở y hiển rõ nghiệp.
5. Vấn nạn như hư không, vì Sắc không có giả lập, không có nghiệp dụng.

"Nếu là tư cụ bị Ngã sở chấp, hoặc nói như lưỡi liềm...", câu này có ý nói, lưỡi liềm không phải chỉ có thể cắt đứt các vật khác, ngoài liềm ra cũng còn có dao cũng có thể cắt đứt như lưỡi liềm. Lìa ngoài Kiến ra, trên các vật khác riêng có Năng kiến, dụng của Năng kiến, nhất định không nắm bắt được, cho nên lìa ngoài Kiến ra không có riêng Ngã mà chấp Kiến. Lại nữa, giải thích không phải chỉ lưỡi liềm có thể cắt đứt vật, lại có các vật khác có thể đoạn đứt vật, lìa nghiệp Biệt kiến ngoài Kiến ra cho nên không có Ngã. Giải thích này có hơi xa, Dụ không tương tợ, cho nên khó thấy tư cụ của Ngã sở chấp.

"Như lửa của thế gian tuy có thể thiêu đốt, nhưng cũng được làm Năng thiêu", nghĩa là người làm Năng thiêu, lửa làm Sở thiêu, Thể của

Năng thiêu, lửa lìa người, vì tự có thể thiêu cháy vật. Sự thấy vật của Kiến... lìa Năng kiến của tự nó, thì đâu cần nhờ đến Ngã? Hai lối so sánh này cứ theo đó mà tư duy thì có thể hiểu.

Từ trên đến đây hợp chung vấn nạn ngay các tướng bị người thấy triển chuyển tương sinh. Từ đây xuống mới là vấn nạn tướng lìa Kiến. Trong vấn nạn thứ sáu sinh tử và Niết-bàn, "Tướng lưu chuyển này trong các Hành có thể đắc, như đối với thân, ngà, sông, đèn, xe...", câu này có ý nói, như sự lưu chuyển trong hành vi của thân có thể đắc, pháp bên ngoài thân như ngà, sông, đèn, xe... tuy không có Ngã nhưng cũng được lưu chuyển, cho nên thân lưu chuyển thì đâu cần gì có Ngã. Lượng rằng: "Nội thân lưu chuyển quyết định không có Ngã, như răng, sông, đèn, xe...".

Trong vấn nạn bảy Tác thọ giải thoát, "nếu là Ngã thì Ngã đáng lẽ Vô thường", các Thọ giả, Tác giả kia không phải là các Hành, tức là Ngã, thì Ngã đáng lẽ Vô thường, vì có Tác dụng, như tay chân. Hoặc không có Biến dị thì không phải Thọ giả, vì không có Biến dị, như hư không.

- Trong vấn nạn mười Thi thiết của Chúng kiến có ba đoạn:

1. Vấn nạn thiện và bất thiện của Ngã kiến.

2. Vấn nạn thiện và bất thiện của Vô ngã kiến.

3. Vấn nạn Ngã và Ngã kiến cho là Ngã tà.

- Ngã kiến có hai thứ:

1. chấp Ngã kiến, kia nói là Điên đảo.

2. Duyên Ngã tuệ, kia nói là Phi đảo.

Hiện tại hỏi cả hai rằng, thứ nhất vấn nạn thiện hay là hỏi duyên Ngã tuệ? Lượng rằng: "Tuệ của Duyên ngã cũng đáng lẽ là điên đảo, vì duyên Ngã tuệ, như chấp Ngã kiến". Hoặc vấn nạn chấp Ngã kiến. "Nếu là thiện", như văn có thể biết. "Nếu là bất thiện, thì không nên nói chánh và Phi điên đảo", Kiến đã bất thiện thì đáng lẽ không phải thuận Cảnh. Thế nào gọi là chánh? Ngã có xứng tâm duyên khởi Ngã giác, Ngã của Sở chấp nói là Phi điên đảo. Duy Thức trình bày điều đó rằng: "Nếu như thế thì tại sao chấp Hữu ngã, là chỗ tin chí giáo, đều là hủy báng Ngã kiến, khen ngợi Vô ngã..." cho đến rộng nói. Cho nên hiện tại hỏi Kiến của Vô ngã kia, "nếu nói là thiện", ngoại đạo cũng khen Vô ngã kiến, "nếu nói bất thiện mà Nhất thiết trí", đây là từ các sư kia gọi là Nhất thiết trí, tán thán Vô ngã kiến tốc chứng Niết-bàn, hiện tại nói bất thiện là không đúng đạo lý. "Nếu nói Phật là Nhất thiết trí", là tán thán Vô ngã kiến mà người khác không tin.

Trong "Thường luận thứ năm", văn cũng có năm đoạn, Ngã và thế gian đều là Thường trụ...", thế gian có hai thứ:

1. Năm Uẩn thế gian.
2. Quốc độ thế gian.

Số luận sư cho rằng cả hai đều là Thường trụ, hoặc tùy chỗ thích ứng. Kế chấp của các sư khác, Ngã là Tự ngã; thế gian là Tha ngã. Dưới đây, pháp của các Thường luận đều dựa vào kế chấp này. Tác giả có hai thứ:

1. Tự tác, là Túc tác nhân.
2. Tha tác, là Không tác, Thời tác, Phương tác, Ngã tác và Bản tế tác.

Đây không phải là hai Tác giả tác, gọi là Phi tác giả tác. Cũng không phải Tự tại thiên và Phạm vương, Sở biến hóa của bậc Biến Hóa gọi là Hóa của bậc Phi hoá. Đây là y theo quyển 87 giải thích. Do Tánh thường cho nên không thể tổn hại, như núi đất tích tụ mà trụ.

"Y-sư-ca", Ấn Độ có hai giải thích:

1. Gần thành Vương xá, có hòn núi cao lớn, cứng chắc thường trụ, Ngã cũng như thế.
2. Hoặc lại có loài cỏ, gọi là Y-sư-ca, thể tánh cứng chắc, cho nên thí dụ cho Ngã.

Trong sáu mươi hai Kiến, có bốn mươi Kiến là Thường kiến, là bốn Nhất thiết thường, bốn Nhất phần thường, tám Hữu tưởng, tám Vô tưởng, mười sáu Phi tưởng Phi phi tưởng, đều được kể là Thể tánh Cực vi Thường trụ. Thắng luận và Thuận Thế đều có kế chấp này. Trình bày chấp có hai đoạn: 1. Trình bày Sở nhân của bốn mươi Thường kiến. 2. Trình bày nguyên nhân Cực vi Chấp thường. Sáu mươi hai Kiến như quyển này, quyển 58, 87 phần sau, Hiển Dương luận quyển 9, 10, Đối Pháp luận quyển 1, Duy Thức quyển 6 và Biệt chương giải thích. Kinh Phạm Võng, kinh Lục Thập Nhị Kiến và Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm là nghĩa của Chánh lượng bộ. Phẩm Phạm Động trong kinh Trường A-hàm, là nghĩa của Đại chúng bộ. Đại Tỳ-bà-sa quyển 199, 200, là nghĩa của Nhất thiết hữu bộ, không phải là chỗ tông của luận này. Kinh Đại Phẩm quyển 15, Đại Trí Độ luận, nói Thân kiến và Biên kiến cho là Căn bản, năm Uẩn mỗi mỗi đều có bốn Ngã sở Kiến, ba đời mỗi mỗi đều thành hai mươi câu, gồm chung lại có sáu mươi hai Kiến. Tùy cơ mà nói riêng, ở đây không nói rõ, sợ dài dòng nên không thuật.

"Y theo Tĩnh lự ba bậc hạ trung thượng", đây luận về bốn Nhất thiết thường. Quyển 87 ghi: "Nói rằng trong kế chấp Tam Thường luận

của tiền tế, do thanh tịnh sai biệt của thượng trung hạ, mỗi mỗi đều Túc trụ tùy niệm Câu hành”. Có ý hiển:

1. Y theo Định hạ phẩm mà khởi Túc trụ niệm, biết quá khứ hai mươi Thành kiếp.

2. Y theo Định trung phẩm nhớ bốn mươi Thành kiếp.

3. Y theo Định thượng phẩm nhớ tám mươi Thành kiếp, đều biết là Thường. Do chấp thế gian Không kiếp là ẩn, Hữu kiếp là hiển, không phải diệt hoại.

4. Y theo Thiên nhãn mà thấy đời hiện tại, không biết sinh diệt, hoặc thấy các Thức, đây diệt kia sinh không đoạn dứt. Thấy thô không phải tế mà chấp làm Thường. Thiên nhãn thì làm trước hết, mới thấy sinh tử hiện tại, là Tiền tế của vị lai. Trong đây ba chỗ y trước đều là nhớ quá khứ. Một chỗ y sau là trước hiện tại và vị lai, hợp lại gọi là Tiền tế. Trong các Kiến này, quá khứ gọi là Tiền tế, vị lai gọi là Hậu tế, hiện tại thì thông cả hai, vì mong chờ sai biệt.

“Hoặc thấy Phạm vương tùy ý thành lập”, là một phần Thường kiến. Phạm vương lập lời rằng: “Ngã (ta) là Thường, tử (con) là Vô thường”. Có người thờ phụng Phạm vương, tùy theo ý của Phạm vương mà lập đây là Vô thường, kia là Thường. Đó là một phần Thường kiến thứ nhất.

“Hoặc thấy bốn đại chủng biến dị”, là nghe Phạm vương lập đại chủng là Thường, tâm Vô thường, hoặc tâm Thường, đại chủng Vô thường, cùng với Nhẫn kia có thể gọi là một phần Thường kiến thứ hai. Một phần Thường kiến thứ ba là vui quên chết ở cõi trời sinh lại cõi này. Một phần Thường kiến thứ tư, là ý giận chết ở cõi trời sinh đến cõi này, chứng đắc Túc trụ thông, cả hai đều nhớ câu nói “ở cõi trời kia không có hai sự này”, cho nên là Thường trụ, ta có đến đây cho nên là Vô thường, gọi đó là một phần Thường kiến thứ ba và thứ tư. Trong đây nói nương vào Định mà chứng đắc Túc trụ niệm, vì nhớ pháp của cõi Sắc thù thắng mà kế chấp gọi là Kiến. Lược nói hai Kiến đầu, không nói hai Kiến sau.

Trong Kiến hậu tế, “đối với Tưởng và Thọ, tuy thấy sai biệt...”, là tuy thấy hai Thể của Thọ và Tưởng, nhưng Ngã sở sai biệt, thì không thấy Tự tướng sai biệt của hai Thể này, mà chấp làm Ngã sở. Ngã có Tưởng... ba mươi hai Kiến. “Nếu thấy chấp Ngã sở của tự tướng, hoặc không thấy tự tướng”, Hiển Dương luận quyển 9 ghi: “Không thấy tự tướng sai biệt của Ngã, là không thấy Ngã, đều không có tự tánh”. Chấp Tưởng và Thọ là Ngã có, thì Tưởng liền phát khởi ba mươi hai Kiến.

Ngã và các Thường kiến của thế gian sinh ra tám Hữu tưởng kiến và tám Vô tưởng kiến. “Trong Câu phi”, Hữu sắc... có bốn thứ, Hữu biên... có bốn thứ, Tiểu tưởng... có bốn thứ, hợp chung gọi là Tưởng. Hữu lạc... có bốn thứ hợp chung gọi là Thọ, phần sau sẽ hiểu.

Hữu tưởng, là trừ Vô tưởng thiên và Phi tưởng Phi phi tưởng thiên ra, còn lại tất cả Địa. Vô tưởng, là Vô tưởng thiên. Câu phi, là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

“Kế chấp Hữu vi do Hữu quả trước tập khởi và ly tán mà thành Hữu quả trước hoại diệt”, là người kia kế chấp thật có thể tánh, Không kiếp làm đầu tiên, đến khi Thành kiếp thì Hữu quả tập khởi, cho nên ly tán và Thường cực vi tập hợp thành thô. Đến khi Hoại kiếp, thì thô tụ tập nhiều sắc ly tán làm đầu, có bốn Đại hoại diệt, trở lại chỉ có Cực vi. Khi trụ tại Không kiếp, thì Không kiếp kia do Túc trụ tùy niệm, thấy cuối cùng Hoại kiếp thì thô sắc thành vi trần tan ra, bắt đầu làm Thành kiếp thì vi trần tan ra trở thành Tụ sắc; hoặc thấy các Cực vi Huýnh sắc của Không kiếp mà chấp làm Thường. Đây là Thắng luận sư chấp tế là Thường, thô là Vô thường.

- Phá chấp có hai phần:

1. Phá.

2. Tổng kết.

Trong Phá, thì trước hết phá ba mươi hai Kiến, sau đó phá Cực vi. Trong phần đầu lại có bốn phần. Trong Phá thứ hai, “nếu lấy Ngã là ức niệm quá khứ có các Danh như vậy, các loại hữu tình như vậy...”, là hữu tình chứng đắc Túc trụ tùy niệm, nhớ lại “Ta xưa kia tên họ như vậy, tên họ đã không phải Thể của ta, vậy tại sao nói niệm nắm lấy Ngã mà sinh?”

Vấn nạn thứ ba: “Duyên kia hiện tiền khi ba hoà hợp Sắc, Cảnh, Nhãn thức khởi”, trong đây có ý hỏi rằng: khi Nhãn thức hiện đang duyên Sắc, thì Trụ từ trước đến nay đã từng khởi các Nhĩ thức... thì pháp là diệt hay là chuyển? Nếu nói chuyển, thì đối với trăm ngàn Cảnh và Thức đã từng khởi, chỉ do một cảnh giới Sắc trong hiện tại này nương vào tất cả Thời mà lập, các Thức kia cùng khởi thì liền trái chánh lý!

Phá thứ tư nói: “Ngã của chỗ bị chấp, do Sở tác của Tưởng và Sở tác của Thọ...”, trong đây có ý muốn hiển hai pháp Tưởng và Thọ đều làm Ngã sở, do hai thứ này kích tác đối với Ngã, có khi Ngã chỉ có một nhóm Tưởng, cho nên hai thứ Tưởng và Thọ gọi là Năng tác, Ngã làm Sở tác, như tài vật thế gian kích động hữu tình, hữu tình có khi duyên ít tài vật mà sinh tham sân si... Tưởng và Thọ kích tác đối với Ngã cũng như vậy,

không phải Ngã không bị Tưởng và Thọ kích tác trước mới có nghĩa.

"Nếu nói không có", là đã có một Tưởng rồi. "Các thứ Tưởng sau...", từ đây trở xuống hợp chung vấn nạn Tưởng và Thọ kích tác Ngã không có nghĩa Biến dị. Lấy mười sáu Kiến của Hữu tưởng đặt làm vấn nạn, mười hai Kiến tưởng làm bốn Kiến. Thọ làm một Tưởng, như quyển 87 ghi: "Chủng chủng Tưởng tại Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, là các Tưởng nhỏ hẹp tại các Địa dưới, tức là Chủng chủng tưởng; Vô lượng Tưởng tức là một Tưởng". Vô sở hữu xứ cũng là một Tưởng, chư không phải vô Tưởng, vì lược bớt cho nên không nói.

Lại chấp ít Sắc làm Ngã, Tưởng làm Ngã sở, Tưởng cùng với các Tưởng sau hợp chung làm Thiểu tưởng, Địa hẹp thì Tưởng nhỏ ít, gọi là Chủng chủng Tưởng; Vô lượng Tưởng tức là một Tưởng; Vô sở hữu xứ cũng là một Tưởng, vì lược bớt cho nên không nói.

Lại nữa, chấp ít Sắc làm Ngã, Tưởng làm Ngã sở, Tưởng cùng với các Tưởng sau hợp chung làm Thiểu tưởng, là chỗ Du-già nói "Tại Chủng chủng tưởng địa". Chấp vô lượng Sắc làm Ngã, Tưởng làm Ngã sở, gọi là Vô lượng Tưởng, là Du-già nói "tại nơi một Tưởng". Nhưng quyển 87 ghi: "Như thứ tự đó thì hai Tưởng trước có hai Tưởng sau, nhưng nghịch thứ tự không phải thuận thứ tự, nên suy tìm nghĩa lý". Đây là vấn nạn Sở tác của Tưởng trước không có Biến dị, Ngã thuần có Lạc... Quyển 87 ghi: "Có Lạc thì trong ba Tĩnh lự dưới; có Khổ thì tại Nại-lạc-ca; có Khổ có Lạc thì tại Quỷ, Bàng sinh, Nhân, chư thiên cõi Dục; Không khổ không lạc thì tại Đệ tứ tĩnh lự trở lên các Địa". Đây là vấn nạn Sở tác của Thọ trước không có biến dị, cũng là tám câu trong phần luận về Tưởng.

"Lại nữa, nếu chấp mạng tức là thân" trở xuống, là nương theo vấn nạn Tưởng và Tác, liền thuyết minh Ngã, Hữu sắc... trong Hữu tưởng luận, sau khi chết thì có Tưởng..., còn tám câu khác nữa, lấy chỗ trình bày chấp ở trước, vì đối với Tưởng và Thọ đều khởi chấp. Mạng là Ngã. Chấp Ngã có Sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tưởng địa; chấp Ngã không phải Sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tưởng địa; hoặc chấp Ngã đều là Sắc, Phi sắc, không hai, không thiếu. Do đó là chấp Ngã cũng Sắc cũng Phi sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tưởng địa. Để làm chuẩn cho câu thứ ba này, nói câu thứ tư là Ngã phi sắc Phi phi sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tưởng địa. Lại nữa, hoặc thấy chút ít Sắc, chút ít Phi sắc, đó là chấp Ngã có biên giới, chấp Sắc và Phi sắc cả hai đều là Ngã, vì chỉ thấy chút ít, cho nên gọi là Hữu biên kiến, hai thứ Vô lượng kia liền khởi chấp Ngã là Vô biên kiến thứ hai. Ngã sắc thì ít nhỏ, Ngã phi

sắc thì vô lượng, hoặc thấy ngược lại Ngã sắc thì vô lượng, Ngã phi sắc thì vô lượng, liền chấp Ngã thứ ba cũng Hữu biên cũng Vô biên. Nên biết câu thứ tư thì ngược lại điều này, văn khác mà nghĩa đồng, lại càng không có lý riêng. Hoặc ngược lại câu thứ ba riêng có tự thể, là chứng đắc Ngã Niết-bàn giải thoát, xa lìa hai thứ gọi là không phải Hữu biên và không phải Vô biên, sau khi chết thì bốn thứ này trước hết đều sinh Hữu tưởng địa, cho nên mười sáu bài luận hợp chung vấn nạn nghĩa Ngã thể Sở tác không biến dị của Tưởng và Thọ. Nếu không có biến dị thì tại sao có biến dị bất đồng? Chỉ vấn nạn hai chỗ biến dị Tưởng và Thọ, Vô tưởng đều không phải cho nên lược bớt không nói.

Câu thứ hai và câu thứ tư sau, cùng với câu thứ tám của Vô tưởng và câu thứ tám của Câu phi, có hai đoạn: Đoạn thứ nhất, chỗ chấp Ngã thì đồng, chỉ là sau khi chết, như chỗ nói trước, Sinh địa có khác, nhưng không khác nhiều lắm cho nên lược bỏ không nói. Đoạn thứ hai, trong phá Cực vi có năm thứ: 1. Nếu đã quán sát trái nghịch các Lượng, thì Hiện lượng và Tỷ lượng là chỗ không thể được, cho nên cũng như sừng thỏ, quyết định không phải thật có. Tông kia tuy chấp chỗ chứng đắc của Hiện lượng, nhưng tông này thì nói không phải huýnh sắc của Không kiếp, chỉ có A-noa (cực vi) trở lên thô sắc, thì Hiện lượng có thể đắc, vì không phải Cực vi. Tiểu thừa tuy nói hai Hiện lượng của Luân vương và Thiên nhãn, nhưng không phải tôi thừa nhận, vì hư cấu mà thành.

Vấn nạn thứ hai nói: "Chuyển lại yếu kém mà nói là Thường thì không đúng lý". Lượng rằng: "Cực vi chuyển nhỏ, đáng lẽ không phải là Thường, vì tổn giảm suy yếu, như sắc A-noa họ chấp sắc thô tổn giảm vô thường". Nếu do dị tướng thì đó là Cực vi vượt qua tướng của đất nước, tức là vật thô đáng lẽ phải là Cực vi của đất nước, nhưng mà không phải thừa nhận là dị tướng. Lượng rằng: "Cực vi đáng lẽ không phải tướng đất nước... vì thừa nhận tướng khác với Cực vi. Đất nước... như Tâm, Tâm sở, lại cũng không thể sinh quả của đất, nước... vì không phải chủng loại như Tâm, Tâm sở. Lại nữa, Cực vi kia lìa ngoài Địa, Thủy... thì càng không có tướng nào khác có thể quyết định được không phải là đất, nước... vì không phải các loại đó, như hư không... Hai vấn nạn trong đây đều là tông này, trong vấn nạn thứ ba nếu không khác tướng, là vì cùng với nhân kia không có sai biệt cho nên đáng lẽ phải là Thường. Người kia chấp rằng: "Chỗ sinh thô sắc không vượt qua Nhân lượng". Vấn nạn hai tướng nhân quả đã không có sai biệt thì nhân đáng lẽ cũng phải là quả, vì không có khác tướng, như quả; quả cũng phải là nhân, vì không khác tướng, như nhân, cho nên không có quyết định.

Nếu từ ly tán thì đáng lẽ tất cả thời tất cả quả đều sinh, lúc Thành kiếp, nếu Tụ sắc từ ly tán riêng khác Cực vi mà sinh, tức là chỗ có Cực vi lúc Không kiếp đều có thể sinh quả, vì nhân hằng Hữu. Như khi Kiếp thành, không phải chỉ khi thành là nhân có quả, cho nên thành nhân quả bốn nghĩa quyết định. Lại nữa, tánh của Sắc thô tụ là Vô thường, có thể sinh, Thể của Tán cực vi là Thường trụ, Thường trụ của thô và tế cả hai trái nghịch nhau mà sinh, đáng lẽ tất cả thời, nhân trái nhau mà sinh tất cả quả, cho nên nói là phải không có nhân quả quyết định. Kế chấp pháp Dị loại được tương sinh cho nên từ đây trở lên là thiết lập để ngăn, từ đây trở xuống là phá kế chấp này. Nếu nói không vượt quá hình chất lượng kia, thì hai lượng lớn nhỏ của nhân quả đã đồng, thì làm sao có tên Cực vi gọi là phần Chất, có phần của hình thô? Thành Duy Thức cho rằng: “Chỗ sinh quả của Sắc không vượt qua Nhân lượng, đáng lẽ giống như Cực vi mà không gọi là thô sắc”. Lập Lượng cũng như luận kia, Hiển Dương luận quyển 14 ghi: “Nếu không vượt qua, thì thô chất chướng ngại vật đáng lẽ như Cực vi thì không thể nắm lấy, không thấy chất ngại, là vật không minh tịnh đồng tại một nơi cho nên không đúng đạo lý”. Luận kia nói, Lượng và Đức hợp chung cho nên không phải thô mà tợ thô, cho nên đều như luận kia phá. Nếu nói vượt quá, thì các Thể của các Cực vi không có phần tế, cho nên không thể phân tích nắm lấy sinh. Vật thô cũng đáng lẽ là Thường, vì Cực vi không thể phân tích, Hữu thể đã xứng với Thường, vật thô tuy vượt hơn Thể vốn có, thì cũng đáng lẽ là Thường. Hiển Dương luận quyển 14 ghi: “Nếu vượt quá lượng kia, thì chỗ quá lượng đó vật thô chất ngại không phải Cực vi làm thành, đáng lẽ là Thường trụ”. Ý này vấn nạn rằng: “Cực vi không có tế phần, không thể phân tích xứng với Thường, chỗ sinh vật thô quá lượng, thì các tế phần khác không thể phân tích, cũng đáng lẽ là Thường”. Lại còn vấn nạn thứ nhất và thứ hai là hợp chung chỗ sinh thô gọi là Cực vi, không phải vấn nạn các Hữu phần khác. Nếu chuyển cho rằng chỗ quá lượng một phần Cực vi của các tế phần khác, vốn không có hiện tại khởi, tức là chỗ chấp Cực vi làm Thường của ông là không đúng đạo lý, vì thừa nhận mới sinh. Hiển Dương ghi: “Nếu ông cho có các Cực vi khác sinh, thì Cực vi đó đáng lẽ không phải Thường trụ, hoặc vật thô là Tánh của Tế cực vi mà được mới sinh. Vốn không có hiện tại khởi thì đáng lẽ tất cả Thể của Cực vi đều không phải Thường. Đây là vấn nạn lại nghĩa không quá lượng ở trước. Nghĩa quá lượng là chuyển chấp, không quá lượng là tông này. Từ trên đến đây hợp lại là đoạn Phá thứ ba, có chuyển ngăn trách, tìm văn có thể hiểu.

- Vấn nạn thứ tư, Hiển Dương luận có ba vấn nạn:

1. Như Chủng tử phân rõ Thể sinh, đáng lẽ là Vô thường.

2. Nếu như sữa tức là Thể sinh Cực vi, đáng lẽ là Biến dị.

3. Nếu như thợ gốm, khác Thể sinh Cực vi, mệt nhọc ngay với tư lự này.

- Thành Duy Thức có hai vấn nạn:

1. Vấn nạn Cực vi.

2. Vấn nạn thô sắc.

- Cực vi có ba vấn nạn:

1. Thật.

2. Thường.

3. Có thể sinh thô sắc.

- Có thể sinh thô sắc có hai vấn nạn:

1. Không vượt quá lượng của nhân.

2. Thật có.

Đều rộng nói như trong các luận đó.

Vấn nạn thứ năm, người nào lại đối với công năng đó trong lúc nhàn rỗi, người nào đối với Cực vi kia, công lực của hữu tình trong lúc nhàn rỗi không khiến cho sinh? So sánh thì có thể biết, nếu nói không nhờ hữu tình thì tức là vô dụng, ngoài vật mà sinh. Dụng là nguyên do, là chỗ ứng dụng. Đối với hữu tình không có dụng, là không do hữu tình mà ngoài vật sinh ra là không đúng lý. Lượng rằng: “Ngoại vật của các ông đáng lẽ không được sinh, vì không do hữu tình, cho nên tổn đối với Hữu nhân và Vô nhân, như lông rùa”.

Trong phần tổng kết thứ hai, có tám chữ “cho nên”, ba chữ đầu là kết phá bốn mươi Thường kiến, năm chữ sau kết phá Cực vi là Thường. Đoạn văn đầu có bốn chữ, không kết với chữ thứ nhất, vì làm ví dụ để phá dễ dàng, còn lại ba chữ lần lượt mỗi mỗi phối hợp với một chữ “lại nữa”. Kết Cực vi sau cùng, năm chữ “lại nữa” cũng vậy. “Bởi vì Cộng tướng” là kết nghĩa Thường ở trước, vì Thường và Vô thường là Cộng tướng. “Bởi vì tự tướng” là tổng kết tướng dị và bất dị. Tự thể Cực vi, tướng và quả, Dị và Bất dị, cho nên gọi là Tự tướng.

Trong phần “mở chánh nghĩa thứ năm”, tất cả thời, là đối với Thời của ba đời. Tất cả Chủng tử, là trong tất cả Hữu vi chủng loại sai biệt. “Tự nhiên” là bản tánh. “Do tha” là vì người khác. “Vật hoại không sinh” là không có khởi tạo tác. Trong năm thứ này không có biến, không có động, mới gọi là Thường. Chỗ kế chấp ở trước của người kia đã trái với năm thứ này, biết rõ Vô thường, không nên vọng chấp.

BẢN LUẬN 7

Trong "Túc tác nhân", văn có năm đoạn, rộng nói như trong kinh, là như nói: "Phàm tất cả Sĩ phu Bổ-đặc-già-la của các thế gian, chỗ thọ đều do Túc Tác làm nhân, do siêng năng và tinh tấn mà tiêu trừ nghiệp cũ, hiện tại nghiệp mới do không bị hại của Tác nhân, như vậy về sau không bị Hữu lậu trở lại, do Vô lậu cho nên nghiệp hết, do nghiệp hết cho nên Khổ tận, do Khổ tận cho nên được chứng Khổ biên. Những câu này đều là văn gốc trong kinh Phật. Đoạn văn trình bày tông kia, hiện tại trong luận này hợp chung làm tám câu, nhưng tản mác các đoạn văn giải thích, phải tìm văn này để biết ý luận. Hiện tại nghiệp mới do chỗ hại của Bất tác nhân, là Khổ hạnh của ác nghiệp đời trước, liền trừ ác nghiệp mới hiện tại, do không tạo tác, cái hại đó không khởi, hai nghiệp đã tận thì về sau không có Hữu lậu, vì thuần là thiện cho nên nói về sau Vô lậu. Do nghiệp tận cho nên Khổ tận, là chỗ làm của Tác nhân đời trước và phương tiện của Hiện pháp. Chỗ chiêu cảm khổ não, là khổ não hiện tại đều do Tác nhân đời trước, hiện tại làm ác không chiêu cảm khổ hiện đời, là do sức phương tiện làm ác hiện tại mà nghiệp liền thành thục, cho nên luận nói đến Hiện pháp phương tiện không phải là ác hiện tại riêng chiêu cảm khổ hiện tại. Vô tàm ngoại đạo, tức là Ni-kiền-đà-phất-đát-la. Thành Duy Thức ghi: "Vô tàm ngoại đạo là Ly hệ tử, loã thể khổ hạnh, lìa các trói buộc, ngoại hình đã như vậy, thì bên trong cũng vậy. Nếu dùng Túc tác làm nhân, thì chỗ nói đầu tiên của ông là do siêng năng tinh tấn mà trừ nghiệp cũ. Chữ "đẳng" trong đây có ý nói tất cả ác nhân đều là Túc tác". Tại sao nói hiện tại nghiệp mới do chỗ hại... của Bất tác nhân? Vì nghiệp mới cũng làm ác không phải là Túc tác. Lượng rằng: "Hiện tại ác nhân đối với thân này có thể chiêu khổ, vì ác nhân nhiếp, như ác nhân đời trước". Hoặc lại có chỗ sinh... của Khổ tạp nhân, là nhờ thiện nghiệp trước kia mà được hầu cận quân vương, tà sự làm nhân thì chiêu khổ ngược lại, quả của hai nghiệp đã chín cho nên gọi là Tạp nhân, không phải hai nghiệp cùng chiêu một quả; hoặc là nghiệp cũ phải chiêu khổ não, vì tà niệm hầu cận quân vương, nghiệp cũ liền thành thục, gọi là Tạp nghiệp. Như phụng sự đối với vua như vậy, do các nghiệp ngôn thuyết, thương mại... nếu trước kia tạo thiện nghiệp thì phải được giàu có tài sản, nói dối mà được châu báu, hai nghiệp đồng thời thành thục, gọi đó là Tạp nhân. Như vậy do trước kia đạt được tài sản thiện nghiệp, thì hôm nay lẻ ra thành thục giả hiện làm nông nghiệp, hoặc giả làm cướp trộm, hoặc giả làm đồ tể

mà liền được giàu vui cũng gọi là Tạp nghiệp. Có người tuy có nghiệp thương mại... cho đến đồ tể, mà không được giàu có, là vì trước kia không tạo được quả phước thiện, như chỗ tạo các nghiệp mới, dẫn vào Hữu nghiệp khác, tức là thuận theo hiện tại mà thọ nghiệp. Nuôi dưỡng cha mẹ... cho đến công xảo nghiệp mà hiện tại đạt được châu báu đều toàn là nghiệp hiện tại.

Trong "Tự tại đẳng tác", văn có bốn đoạn, trình bày Sĩ phu trong tông, tức là Bổ-đặc-già-la trượng phu, tức là Thần ngã, vì có thể tạo tác. Tự tại đẳng, Tự tại tức là Đại tự tại thiên... là chỗ nói trong Tụng của Duy Thức: "Thời, Phương, Bản tế, hư không, Ngã... của Đại phạm". Công năng không có Thể tánh, là vấn nạn lý của công năng kia không thành thục, gọi là không có Thể tánh. Hiển Dương luận quyển 14 lại có Chuyển kế, văn dài nên không thuật ra. Nếu hữu dụng thì dụng đó không tự tại, nhưng đối với thế gian thì có tự tại. Dụng là tự tại, là chỗ tác dụng cần thiết. Lại như trời người có Diệu dục, có thể nói là hữu dụng, đối với ba đường ác... các dụng cụ vô dụng, những thứ này hiện tiền. Như thế nào là tự tại? Vì đối với Địa ngục... không cần tự tại hiện tiền. Nếu vô dụng, thì đối với Tự tại thiên đều không có chỗ cần thiết, sinh thế gian thì đó là Tự tại, nhưng có lỗi si cuồng, ngu xuẩn, cho nên không phải đạo lý. Nếu người chỉ dùng Đại tự tại làm nhân, thì Đại tự tại thiên đã có từ vô thỉ, tuy ra khỏi Sở sinh nhưng pháp cũng không phải mới thành, không phải Tự tại thiên có thể sinh các pháp, như hai sừng của con trâu đồng thời sinh ra, một quả một nhân thì liền trái chánh lý, cho nên Hiển Dương quyển 14 ghi: "Như Thể của Tự tại xưa nay thường có, thế gian cũng vậy, không nên sinh trở lại vì đồng thời có cho nên vô dụng mới sinh". Nếu nói cũng lấy các Thiên khác làm nhân, thì nhân này bất khả đắc, Hiện lượng và Tỷ lượng cùng với nhân này không có, như sừng thỏ, cho nên không có riêng. Có khi khởi thiện hoặc bất thiện, có khi có Lạc dục, hoặc có khi không có Lạc dục, cho nên không phải Tự tại. "Giả sử có nhân" trong Hiển Dương luận quyển 14 ghi: "Nếu cũng nói ít chờ các nhân khác, là chỗ chờ nhân này, nếu không có nhân thì tất cả thế gian cũng phải như vậy, nếu có nhân khác thì thế gian cũng vậy, từ nhân khác mà sinh, đâu cần tự tại". Luận đó lại có trình bày, sợ dài dòng cho nên không nói.

Trong "Hại làm chánh pháp", văn có năm đoạn, đoạn thứ năm là mở Chánh nghĩa, còn lại bốn đoạn cũng như trước.

Năng tự, là người hay sát sinh cúng tế; chỗ hại, là chỗ dùng để tế tự; chỗ hại sinh mạng, là các Trợ bạn, những người trợ cúng tế. Nếu là

pháp Tự thể, là lìa sát sinh kia thì không thể chiêu cảm được quả Sở ái của tự mình. Chú thuật sát sinh, nếu là chánh pháp thì phải lìa sát sinh, chú thuật này phải riêng nó có thể chiêu cảm quả Khả ái. Tự nó đã có thể chiêu cảm, thì đâu cần mượn sát sinh? Nếu lìa sát sinh là tự nó không thể chiêu cảm, thì làm sao chuyển sát sinh phi pháp kia để thành chánh pháp, tương lai cảm được sinh quả Khả ái. Nếu có thể dứt, là không có Xứ, không có Thời, không có một người nào... Nếu chú thuật sát sinh có thể dứt tham sân... là không thấy tất cả Xứ của mười phương, cũng không thấy tất cả Thời của ba đời. Có một người nọ dứt tham sân... thì lý và lượng đã không thấy, tại sao nói người đó có thể dứt trừ? Nội chú của Phật pháp, theo lý có thể dứt độc tham sân si. Nếu người hành khắp thì tự chỗ thân ái không dùng cúng tế trước, Chú này nếu giết khắp tất cả chỗ sinh. Hành pháp làm chánh pháp, là chỗ thân ái của ông, chỗ nào không trước hết sát sinh để cúng tế chư Thiên! Nếu không khắp, thì Chú có thể bất định vì trái với Tỷ lượng, hoặc có bất biến. Nếu chuyển nhân đối với quả không có công năng, là do Chú hành sát sinh, thì chỉ chiêu cảm nhân tội của chỗ sát sinh... không chiêu cảm quả tội. Lại nữa, Tỷ lượng chuyển và không chuyển trái nhau, nếu cũng chuyển quả thì đáng lẽ cũng như chuyển biến, do hành Chú sát sinh, trong tương lai có thể biến ác sắc của dê... khiến cho thành Diệu sắc, thì cũng đáng lẽ hiện tại do lực của Chú Thuật không giết hại mạng dê, tức là khiến cho chuyển đắc thân khả ái của chư Thiên, đâu cần mượn nhờ giết hại nó, sau đó khiến cho xả thân dê rồi mới lấy được thân chư Thiên? Điều này so sánh có thể biết.

Trong phần tổng kết có năm chữ “cố”: Nhân cố, là kết sự cố của pháp và phi pháp trước với nhân quả sau. Thí dụ cố, là kết thí dụ sự cố hàng phục Độc chú. Bất quyết định cố, là kết sự cố Biến và Bất biến. Hai chữ “cố” còn lại có thể hiểu. Hoặc tự chỗ không Dục của nghiệp, là tự không Dục lạc, chỉ vì người khác mà làm, gọi là phi pháp, Bồ-tát nếu xả bỏ thê tử, trước hiểu rõ sau mới chuyển xả thì không được bất thiện. Vua xả bỏ chú thuật, vì làm mà không thật, làm tổn người khác là Bất thiện. Nếu tự tánh của thân ngữ nghiệp Vô ký, thì Bất thiện tư duy phát sinh gọi là phi pháp; hoặc nói bàn nghiệp của tất cả tự tánh Vô ký không thuận đạo lý, gọi là phi pháp. Đoạn luận về Biên, Vô biên, văn cũng có bốn đoạn, đều dựa vào Tĩnh lự túc trụ thông, sau đó mới khởi Biên, Vô biên kiến này. Nếu dựa vào Biên tế đoạn mà mong cầu Biên tế thời gian của thế giới, thì đây là quán Hoại kiếp khi gián đoạn, không thấy Thành kiếp sau đó, thì liền khởi Biên tưởng, không phải

Ngã sinh sau, cho nên không phải Biên kiến. Nếu khi thấy Thành kiếp mà không thấy Hoại kiếp thì khởi Vô biên tưởng. Nếu dựa vào mười phương chu biến mà rộng cầu thời gian, thì đối với các chỗ trên dưới mà thấy Cực biên tế, khởi cũng là Hữu biên tưởng, bên cạnh vận thần thông đến một hai ngàn cõi, không quá ba ngàn cõi nghĩa là đến vô biên khởi cũng không có biên tưởng, bởi thần cảnh trí thông của dị sinh không vượt quá ba ngàn cõi. Nay nói vô biên là chỉ vọng đến một, hai ngàn cõi, không vượt quá ba ngàn, cũng không được Biên tế. Quyển 87 nói cùng với đây không đồng, quyển đó ghi: "Nếu có khi ức niệm phần vị của Thành kiếp thì lúc đó liền sinh ba thứ vọng tưởng: Hoặc một mực nhớ nghĩ Biên tế trên dưới, trụ trong Hữu biên tưởng; hoặc một mực nhớ nghĩ bên cạnh Vô biên tế, trụ ở Vô biên tưởng; hoặc trên dưới bên cạnh cả hai đều song song khởi niệm cũng là Hữu biên tưởng cũng là Vô biên tưởng; hoặc có khi ức niệm phần vị của Hoại kiếp, mà khởi Phi hữu biên tưởng và Phi vô biên tưởng, vì các Khí thế gian là vô sở đắc, mỗi mỗi đều khởi lên một chấp, cũng không có trái nhau, đều là Biên và Vô biên này nhiếp.

Trong Phá, không phải thế gian trụ niệm biên của thế gian không đúng lý, là từ trước đã hoại, không có thế gian, liền nói là Biên, thì ngoại đạo của ông không trụ thế gian, vì không biết hiện tại có thế gian, vì trụ thế gian, trụ niệm thế gian cho nên không đúng đạo lý.

- Trong "không chết mà trị loạn" có ba đoạn:

1. Trình bày chấp.
2. Chỉ điểm kinh.
3. Tổng kết lỗi.

- Trong trình bày chấp có ba đoạn:

1. Nêu.
2. Giải thích nghĩa không chết mà trị loạn.
3. Trình bày bốn kế chấp.

Quyển 87 ghi: "Có hai Tịnh thiên: một là Bất thiện thanh tịnh, chỉ được Tịnh định; hai là Thiện thanh tịnh, là chứng đắc Thánh tịnh định.

Vô loạn cũng có hai thứ:

1. Vô tướng vô phân biệt, tức là Thiện thanh tịnh thiên.
2. Hữu tướng hữu phân biệt, tức là Bất thiện thanh tịnh thiên.

Thiện thanh tịnh thiên trong bất tử của tự nó, không có loạn mà chuyển, cho nên nói là Bất tử vô loạn. Thức đạt sự nghĩa không xứng với bất tử, vì cũng thật là Bất tử. Bất thiện tịnh thiên có nương vào Bất tử vô loạn ở trước, bị chất vấn liền nương vào sự khác, mà tránh chữ

Kiểu loạn (trị loạn), tự mình cũng xưng là bất tử, vì Thiên không có loạn. Hiện tại trước chữ Kiểu thêm chữ bất tức là Bất tử bất kiểu loạn, bây giờ lại lược nói, chỉ gọi là Bất tử kiểu loạn, đều rộng như chữ Bất tử bất kiểu loạn kia, không phải chỉ tự xưng "chỗ phụng thờ chư Thiên của ta gọi là Bất tử". Thuận thiên đáp vấn của Thiên gọi là câu đáp Vô loạn. Trong Phật pháp "thấy Thánh đế", là Bất tử bất kiểu loạn môn, cho nên cũng gọi là Bất tử bất kiểu loạn. "Tăng thượng sinh đạo", là Thắng nhân của trời người quyết định là Thắng đạo; Thắng nhân của Niết-bàn, thì bốn Đế là Cảnh của Thắng nhân này, nếu có ai nương vào đây mà hỏi, thì liền tự xưng rằng: "Bất tử loạn là chỗ phụng thờ Bất tử tịnh thiên của ta, ban lệnh cho ta, nếu có người đến hỏi thì không nên chánh đáp, nếu đáp thì lỗi sinh, chỉ nên tùy theo câu hỏi mà sinh ra câu đáp khác".

- Trong trình bày kế chấp có hai đoạn:

1. Lược nêu.

2. Giải thích lại.

Y theo kinh A-hàm thì bốn câu hỏi đáp đều khác, ở đây thì đều đồng, nhưng Tình thì có khác:

1. Chưa khai ngộ thì không thể chánh đáp.

2. Cao mạn đối với sở chứng, là cho rằng Thắng đạo cho nên khinh miệt người khác mà không đáp.

3. Tuy ít hiểu do chưa quyết định biết.

4. Tánh chậm lụt yếu kém mà không thể chánh đáp.

Lại nữa, "kinh sợ vọng ngữ" trở xuống, giải thích lại câu hỏi trước, cùng với quyển 87 đồng. "Kinh sợ vọng ngữ", là tự mình chưa khai ngộ, mà đáp cho người khác xứng chỗ hiểu của mình, cho nên thành vọng ngữ, nếu không xứng chỗ hiểu thì người khác biết ta là không hiểu biết.

Thứ hai, "đối với chỗ chứng của tự mình chưa chứng đắc mà không kinh sợ..", là người đó khởi tư duy như vầy: "Ta đối với chỗ chứng chưa chứng đắc mà không kinh sợ, nếu người khác chất vấn, hoặc nói có, hoặc ghi chép sai khác, thì liền thành vọng ngữ. Nếu cho là thật có, hoặc thừa nhận không phải có, thì liền thành Tà kiến, không phải Tịnh thiên của ta, tất cả sự ẩn mật đều không thể ghi chép riêng, cho nên không thể phân minh mà nói có chỗ chứng".

"Thứ ba, tuy ngộ mà chưa quyết định, sợ Tà kiến vọng ngữ, căn cứ theo đây mà biết. Ba loại trên đây là mượn Sự để giải thích Kiểu loạn".

Thứ tư, là không biết thuận theo câu nói mà đáp nghịch lại câu hỏi, như hỏi rằng: “ông muốn gì?”, nếu thuận theo câu nói Kiểu loạn, thì câu đáp này đều là Tán vị, không phải nương vào Định tâm.

Phần tổng kết thì lấy Siểm khúc, (lời nói quanh co) thì thuận với Thiên kia, siểm nịnh tùy nhau mà đáp.

Trong “Vô nhân kiến”, văn cũng phân làm bốn đoạn, Kiến này thì có hai thứ:

1. Nương Tĩnh lự.
2. Nương Tầm tứ.

“Nương Tĩnh lự”, một là từ Vô tưởng thiên chết rồi sinh lại cõi này, chứng đắc Túc trụ thông, chỉ nhớ lại sự xuất tâm đó, không nhớ lại địa vị trước, vì không biết Vô tưởng thiên kia, liền chấp là không có nhân. “Nương Tầm tứ”, nghĩa là trong văn đã tự nói. “Hoặc nhớ nghĩ tự ngã, chấp Ngã trước kia không có, sau đó bất chợt mà sinh. Không đúng lý nghĩa là họ chấp Ngã là Thường, cho rằng không do nhân mà khởi, là trái với Thế pháp, vì tánh không có nhân của Thế pháp là chẳng phải Thường.

Trong phần “đoạn Kiến”, văn cũng có bốn đoạn, tức là luận về bảy Đoạn diệt: “Ngã có thô sắc, là thân Sở tạo của bốn Đại...”, đây là Đoạn sau khi chết thứ nhất, sáu Đoạn còn lại như trong văn. “Nếu Ngã sau khi chết rồi thì có thân trở lại, đáng lẽ không tạo nghiệp mà chứng đắc quả”, đó là chấp khi thân hiện tại khi chết rồi thì nghiệp tùy theo thân mà diệt, sau đó nếu có thân thì đáng lẽ là Bất tác nhân mà được quả khởi, nếu quả khởi, thì liền có Bất tác mà bị mất quả. “Nếu Thể tánh của Ngã tất cả vĩnh viễn không có, thì đáng lẽ không có người thọ nghiệp quả”, là không thể nói rằng vị lai không có, vì hiện tại cũng không có, nhưng hiện tại đã có, do đó không thể Ngã tất cả đều vĩnh viễn không có, cho nên Thể tánh của Ngã hiện tại vẫn đang có; trong đời vị lai tất cả vĩnh viễn không có, thì đáng lẽ không có thọ nghiệp Dị thục, do đó thành Đoạn diệt. “Nếu nói Uẩn đoạn diệt”, là người kia thừa nhận Uẩn vô thường, đã thừa nhận Vô thường thì hiểu rõ không phải Đoạn diệt. Lượng rằng: “Chưa chứng đắc A-la-hán thì các Uẩn sau khi chết đều không đoạn diệt, vì thừa nhận Vô thường, như địa vị của đời trước. “Nếu nói Ngã đoạn, thì chỗ nói trước hết của ông là thô sắc bốn Đại”, đã là Ngã đoạn thì trước hết nói thân thô sắc bốn Đại tạo, có bệnh ung thư... sau khi chết thì đoạn diệt, mà trở thành trái nhau, vì chỗ nói Sắc... các Uẩn không phải Ngã. Thân tứ đại... tức là Uẩn, bốn xứ Vô sắc riêng cho là Niết-bàn thì cõi Sắc càng đồng tổng hợp làm một, trời

người cõi Dục riêng mở làm hai, cho nên thành bảy Đoạn diệt. Hai Vô nhân kiến và bảy Đoạn này càng phải có nhiều thô loại mà luận, chỉ phân hai, bảy, không phải đối với các luận khác. Vô đoạn, Vô nhân, bảy Đoạn trong đây và bốn mươi Thường đều là Biên kiến.

- Trong phần luận về Không kiến, văn phân làm sáu đoạn:

1. Nêu ngoại đạo Chấp.
2. Vi.
3. Trình bày.
4. Chất vấn nội đạo chấp.
5. Trình bày chấp.
6. Phá.

- Trong "Nêu ngoại đạo chấp" thứ nhất có sáu đoạn:

1. Không có bố thí và ái dưỡng mà cúng tế.
2. Không có diệu hạnh, ác hạnh và quả Dị thục.
3. Không có thế gian này, không có thế gian kia.
4. Không có mẹ, không có cha.
5. Không có hữu tình hóa sinh.
6. Không có chân A-la-hán của thế gian.

"Bố thí, ái dưỡng và cúng tế", như thứ tự ba loại phước điền sai biệt là Bi điền, Ân điền và Kính điền, hoặc loại thứ nhất là thực hành tuệ rộng khắp, loại thứ hai là hiện tiền Kính ân điền, loại thứ ba là không hiện tiền Kính ân điền sai biệt. Nếu có nhân của nó thì có thể có quả của nó, nhân đã không có thì quả cũng quyết định không có. "Chúng sinh lìa Dục sinh các Địa dưới", là nếu đã lìa Dục thì khỏi phải sinh xuống, nhưng hiện tại đã sinh xuống Địa dưới thì biết rõ không từ đời kia sinh lại đời này.

Trong "không có hữu tình Hóa sinh", hoặc sinh Vô tưởng, hoặc sinh Vô sắc..., đây là thiểu phần Tà kiến, không thấy tương lai, ba chỗ sinh này bày bác Hóa sinh không có, nhưng không bài bác tất cả, vì thấy Địa cõi dưới. Nếu như không thấy có thế gian, cũng không có thiểu phần nào mà không bác tất cả. Quan sát ý văn này, là một thời kỳ Vô tâm của Vô tưởng thắng sinh, thì thô tâm kia không thấy, liền cho là không có. Tám quyển sau nói Trung hữu làm hữu tình Hóa sinh, Định tâm và Tán tâm quan sát nó có khác nhau, Định tâm này quán thì không bác Trung hữu, Tán tâm kia quán thì bác Trung hữu. Quyển 58 ghi: "Không có ba thứ Thí, Giới, Nhẫn thì gọi là phỉ báng nhân, không có diệu ác hạnh thì gọi là phỉ báng nhân; không có hai thứ nghiệp quả và Dị thục quả thì gọi là phỉ báng quả; không cha không mẹ, không

có hữu tình Hóa sinh, không có chân A-la-hán thì gọi là hoại sự thật". Quyển 55 ghi: "Không có Thí... cho đến không có ác hạnh thì gọi là phỉ báng nhân, không có nghiệp quả Dị thục của diệu hạnh ác hạnh thì gọi là phỉ báng quả, không có thế gian này cho đến không có hữu tình Hóa sinh thì gọi là phỉ báng Tác dụng, không có chân A-la-hán thì gọi là phỉ báng sự thật". Trong các quyển đó đều tự giải thích nguyên nhân, cùng với Đối Pháp luận quyển 1 gọi là phỉ báng nhân thì đồng. Trong luận này thì không câu thúc nhân quả, chỉ riêng phân tán trình bày, cùng với các luận kia không trái nhau, nhưng hai luận kia thì trái nhau, như Đối Pháp giải thích.

Trong phần thứ tư "chất vấn nội đạo chấp", không có Thể tánh của tất cả các pháp, là Tà kiến của ngoại đạo ở trước là chỗ không có của cái không riêng biệt, hiện tại Không kiến của nội đạo là tổng bác tất cả, cho nên bây giờ là tổng chất vấn.

Trong "trình bày chấp" thứ năm có hai phần:

1. Nắm lấy pháp tương tợ sâu xa lìa ngôn thuyết, tức là mật thuyết Không giáo của Bát-nhã... vì không thể giải thích, mà đem ra để hiển rõ, bác tất cả đều là Không.

2. Dựa vào pháp tướng mà không như lý tư duy, vì không thẩm sát tư duy, cho nên liền bác bỏ các pháp.

Trong "Phá" có hai đoạn là biệt phá và tổng kết. Trong Biệt phá có hai thứ:

1. Bốn lớp phá Không kiến của ngoại đạo.

2. Phá Không kiến của nội đạo.

"Bốn lớp phá Không kiến của ngoại đạo", là trước đã nêu ngoại đạo chấp có sáu thứ, ba chấp đầu hợp chung làm một môn để phá, ba chấp sau mỗi mỗi phân riêng từng một môn để phá. "Nếu đồng thời có thì chỗ nói trước của ông không có bố thí, không có bình đẳng", là các sư kia vốn kế chấp, không bác bỏ hoàn toàn là không có, vì nhân đó cùng với quả nương vào Tĩnh lự, thấy thế gian hành bố thí mà sinh vào nhà bần tiện, cho rằng bố thí không có khả năng, liền thiểu phần hủy báng, cho nên hiện tại chất vấn người kia sinh hai nghiệp sau là Câu (đồng thời) hay Bất câu. "Nếu ngoại đạo kia hoàn toàn bác không có tất cả", thì vấn nạn này không thành. "Lìa tưởng dục", là lìa các Dục của Hữu tưởng, tức là Vô tưởng thiên, còn lại hai cõi thì lần lượt lìa Dục của cõi Sắc và nhập Niết-bàn. Sư kia kế chấp có lìa Dục của cõi Dục, không thừa nhận đã có lìa Dục của các Địa trên; từ Tam định trở xuống, các sư kia nói chẳng phải không có, chỉ riêng bác các chỗ không có khác, thì

liền trái nghịch với Tỷ lượng.

"Vì có tánh A-la-hán mà đối với tánh đó khởi Tăng thượng mạn", ý này hỏi rằng: "Vì thế gian có chân A-la-hán, mà khởi Tăng thượng mạn, tự cho mình là A-la-hán". Có tánh này hay là không có? Nếu có, thì không có chân A-la-hán, không thành A-la-hán; nếu không có chân A-la-hán, là khởi điên đảo chấp, tự cho mình là A-la-hán, xứng đáng là A-la-hán! Bất đảo đã không phải là người điên đảo, thì xứng đáng là Chân.

Trong "phá nội Không kiến", đáng lẽ không có chỗ chấp điên đảo, chỗ nhiễm Y tha, và chỗ Tịnh viên thành. Lại nữa, trong điên đảo loạn tâm, thì Nhiễm là ba thứ tạp nhiễm, Tịnh là hai thứ tịnh. "Đã ở trong Thắng nghĩa thì đều không có điều này", là không có sinh tử, cũng không có Niết-bàn, mừng cái gì, chán cái gì, chứng đắc cái gì, xả cái gì, như Duy Thức... và luận này trình bày, đều như lý mà hiểu.

Trong phần tổng kết có năm chữ "cho nên", bốn chữ trước là kết phá ngoại đạo, một chữ sau là kết phá nội đạo.

Trong "vọng chấp tối thắng", văn cũng có bốn đoạn. "Bà-la-môn là người Bạch tịnh chủng", là không phải Bạch sắc. "Có thể chứng đắc thanh tịnh", là tu hành khiết giới có thể được Tịnh. "Sinh từ miệng bụng của Phạm vương", là vâng theo giáo mà sinh, vì gần gũi chỗ sinh; Sát-đế-lợi được sinh ra từ đầu gối của Phạm vương; Phệ-xá... là sinh từ bàn chân. "Vì thấy chân Bà-la-môn tánh của thế gian đầy đủ giới luật", thấy nội đạo xuất gia chân tịnh tu hành, nêu ra luật, trì giữ giới, tịnh tu Phạm hạnh, các Luật sư... là chân Bà-la-môn. Phệ-xá kia tham danh lợi và phương tiện cung kính mà khởi kế chấp như vậy.

Trong Biệt phá có mười, vì căn cứ theo trong kết sau có mười đoạn.

1. Sản sinh đồng, đâu phải chỉ riêng Bà-la-môn kia là thù thắng!

2. Tác nghiệp đồng với tất cả chỗ còn lại. Nếu chỉ riêng Bà-la-môn kia thù thắng thì rất trái với chánh lý.

3. Trong Thọ sinh, "nếu ba Xứ hiện tiền là bỉ hay là thử...", là trong quyển 1 trước ghi: "Một là Câu khởi ái nhiễm, hai là điều hoà thích hợp thời, ba là Trung hữu hiện tiền. Hiện tại là bỉ là thử, tức là cha mẹ trước đồng thời có Nhiễm tâm. "Do bỉ", tức là mẹ điều hoà thích hợp đúng thời. "Do thử", tức là Kiện-đạt-phược đang hiện tiền. Các Bà-la-môn và các luận khác đều đồng điểm này, lẽ nào Bà-la-môn lại thù thắng hơn chỗ khác nữa!

4. "Nếu Công xảo nghiệp xứ, hoặc Tác nghiệp xứ, hoặc thiện

hoặc bất thiện”, là khởi Sinh nghiệp của thế gian, hoặc thiện bất thiện tất cả đều đồng, lẽ nào thù thắng hơn loại khác.

5. Tăng thượng, “hoặc vua, hoặc tôi, hoặc cơ biến, hoặc thành công tăng tiến mãn túc”, là hoặc làm vua, hoặc làm tôi, hoặc cơ biện phân rõ thành công nhanh chóng, hoặc đạo vị tăng tiến, vì cùng với các loại khác đều đồng.

6. Hoặc làm Vua thì lãnh trông coi tất cả.

7. Hoặc đã tu Phạm trụ rồi. Phạm trụ là bốn Vô lượng.

8. Hoặc tu Bồ-đề phần.

9. Hoặc ngộ Bồ-đề của Thanh văn.

10. “Lại nữa, điều ông muốn là gì?” trở xuống, là giới và văn thù thắng. “Nếu người nào từ chủng loại thù thắng mà sinh, thì trong luận của ông nói hoặc giới, hoặc văn... thù thắng trong sự cúng tế, lấy đó làm Lượng...” là trong luận đó ghi: “Khi cúng tế, đọc tế văn, hoặc trì giới, hoặc đa văn, lấy đó làm Lượng, khiến cho sự đọc tế văn không nắm giữ quy tắc, nếu lấy chủng loại thù thắng thì liền trái với lời nói này, không giả mượn có giới mà đọc tế văn.

Trong “vọng chấp thanh tịnh”, văn cũng có bốn đoạn. Trong đoạn trình bày thứ nhất có ba phần:

1. Năm Hiện pháp Niết-bàn.

2. Riêng trình bày Thủy... thanh tịnh.

3. Trì các giới khác... thanh tịnh.

Trong năm Hiện pháp, thứ nhất là Thọ thiên dục trần, bốn pháp sau là Hiện pháp lạc trụ, gọi là năm Niết-bàn, dẫn Định tại thân, lìa Dục ác pháp, chứng đắc Định hỷ lạc cho nên gọi là Hiện pháp Niết-bàn. Dục của người... yếu kém cho nên không kiến lập. Từ trên đến đây, chỗ nói bốn Hữu biên, bốn Bất tử kiểu loạn, hai Vô nhân và năm Hiện pháp Niết-bàn này, như vậy mười lăm luận này đều thuộc về Tà kiến, trước nói Biên kiến, gồm chung bốn mươi bảy loại, cộng chung thành sáu mươi hai Kiến, thuộc Tà kiến và Biên kiến, Ngã kiến làm gốc, Kiến thủ và Giới cấm thủ làm Trợ bạn phát sinh, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Sáu mươi hai Kiến trong năm Kiến, hoặc hai hoặc tất cả trì. Giới “dầu mực” nghĩa là dầu hoà với mực của nó thoa lên thân làm giới. Giới “giữ tro” là lấy tro thoa lên thân, người kia cho rằng sẽ chứng đắc các tự tại tùy ý. Đây là tổng kết. Những gì là tự tại? Một là Dục tự tại, tức là tâm trước tự tại, là diệu dục của chư Thiên, cảnh tùy ý sử dụng. Quán hạnh tự tại, tức là Quán tự tại, là bốn Tĩnh lự tự tại. Hợp chung gọi là năm Hiện pháp Niết-bàn. “Lại nữa, ví như có một người tự làm khổ thân cho

nên tự làm ác để giải thoát", tức là trong quyển 2 ở trước nói, vào trong các sông, tắm gội cho thanh tịnh. "Hoặc tạo tội lỗi ác, làm ác để giải thoát", tức là trong quyển 3 trước nói trì Cẩu giới, ăn phẩn, uống nước tiểu, hành các ác sự, tội ác tiêu diệt, tùy theo chỗ làm các sự của loài chó trâu... mà đều học theo, gọi là trì các giới kia.

Trong Phá có bốn chữ "lại nữa", phân làm ba đoạn:

1. Đoạn thứ nhất là một chữ "lại nữa", phá năm Niết-bàn.

2. Đoạn thứ hai là một chữ "lại nữa", phá kế chấp Thủy tịnh.

3. Đoạn thứ ba là hai chữ "lại nữa", phá Cẩu giới...

Đoạn văn thứ nhất có hai phần, là thọ Diệu cảnh của chư Thiên và bốn Định hiện tiền, phân làm hai phần. Chấp thọ, là thân tâm chấp thọ nhưng mà tu hành theo nghĩa.

Trong phần luận về kiết tường cũng có bốn đoạn. Khi nhật thực, nguyệt thực, như vậy sự không kiết tường, làm việc không thành, nếu tùy thuận theo đó mà tinh khiết ân cần cúng dường thì nhiều sự đều thành. Hướng-khư, là "vỏ trái bầu" đã nói trong đoạn trước. "Chỉ thấy mặt trời, mặt trăng cho đến chúng sinh quả báo Tịnh nghiệp và Bất tịnh nghiệp thành thục", là khi gặp nhật thực nguyệt thực, thì nghiệp thiện nghiệp ác của chúng sinh thành thục, tùy chỗ thích đáng mà được quả. "Thấy ác quả", là do không tùy thuận mặt trời mặt trăng mà chiêu cảm bất kiết tường. "Thấy thiện quả", là do tùy thuận mặt trời mặt trăng mà đạt được Thiện quả này, tự mình đã tin rồi, thì cũng vì người khác mà nói. "Nếu mặt trời mặt trăng... chỗ người tạo tác hiện thấy hết tuổi thọ mà tạo tác phước nghiệp, phi phước nghiệp...", là hiện thấy thế gian có tạo thiện nghiệp, thì hiện đạt được thiện quả, có tạo ác nghiệp, thì hiện đạt được ác quả. Nếu do mặt trời mặt trăng... tạo tác thì sự này không thành, vì trái với sự hiện tại. Từ trên đến đây phá kế chấp, đều có Tỷ lượng, sợ văn dài nên không thuật, các bậc Hữu học, mỗi mỗi nên tự xét.

BẢN LUẬN 8

Môn thứ năm trong “tạp nhiễm đẳng khởi” phân làm hai phần:

1. Thuyết minh ba thứ tạp nhiễm.
2. Thuyết minh đoạn ba thứ tạp nhiễm, tu sáu Hiện quán.

- Trong thuyết minh ba thứ tạp nhiễm lại có hai phần:

1. Hỏi đáp sơ lược.
2. Hỏi đáp lại.

- Trong đáp lại có hai phần:

a. Trình bày ba thứ tạp nhiễm.

b. Tùy giải thích riêng.

- Phiền não tạp nhiễm có ba thứ:

1. Hỏi.
2. Đáp sơ lược chín môn.
3. Giải thích riêng.

“Tạp nhiễm”, là cùng với Nhiễm xen tạp nhau, Nhiễm là phiền não, hoặc tương ưng, hoặc Duyên trói buộc, hoặc đồng thời khởi, hoặc gián đoạn sinh, hoặc cùng khởi, đều gọi là Tạp nhiễm. Phiền não thì có đủ năm loại; thiện nghiệp thì có đủ bốn loại, trừ Tương ưng; Sinh thì có đủ ba loại sau. tùy chỗ thích đáng mà có, cho nên gọi là Tạp nhiễm.

“Tự tánh”, là Thể của phiền não, Đối Pháp luận quyển 6 ghi: “Thuyết không thanh tịnh là Cộng tướng của phiền não. Hiện tại nói Tự tánh, là chỉ khắp phiền não cho nên gọi là Cộng tướng. Thể của mỗi mỗi pháp thì gọi là Tự tánh, hoặc đối với Phi phiền não thì gọi là Tự tướng, mỗi mỗi Phiền não tự mong nhau thì gọi là Cộng tướng, nghĩa của chỗ mong nhau riêng biệt cũng không trái nhau. “Hành tướng không tịch tĩnh tương tục chuyển”, là đời trước Hiện hành thì đời này là Chủng tử, luận kia giải thích rằng: “Do đời này thân tâm tương tục không tịch tĩnh mà chuyển, đó là tướng phiền não. Tướng này lại có sáu thứ đó là tán loạn, điên đảo, trạo cử, hôn trầm, phóng dật, vô sỉ bất tịch tĩnh tánh.

Trong bảy Tùy miên, Dục ái tùy miên là thô trọng của tham dục. Sân khuể là thô trọng của sân. Hữu ái là thô trọng của tham thục Sắc và Vô sắc. Những thứ còn lại đều như tên gọi của nó, mỗi thứ đều có thô trọng của tự nó. Tham khai mở hai môn, ngoài ra mỗi mỗi đều có một loại, hợp thành bảy loại, Đối Pháp luận ghi: “Người chưa lìa Dục cầu... là do Dục ái sân khuể. Sở tùy tăng trưởng là do nương hai thứ tăng trưởng Dục cầu. Người chưa lìa Hữu cầu, thì có ái tùy theo tăng trưởng. Người chưa lìa Tà phạm hạnh cầu, là do Mạn, Vô minh, Kiến, Nghi,

tùy theo tăng trưởng, người đó được diệt trừ chút ít thì liền sinh Kiêu mạn, ngu si đối với Thánh đế, chấp Tà giải thoát, phương tiện giải thoát trong Phật pháp thì do dự nghi ngờ, tùy theo thứ tự của nó mà bốn chỗ tùy tăng trưởng, mà kế chấp Kiến thủ của Tà Giải thoát". Giải thoát Phương Tiện trong Phật pháp là do dự nghi ngờ, tùy thứ tự của nó mà có bốn chỗ tùy theo tăng trưởng mà kế chấp Tà giải thoát và Kiến thủ; Giải thoát phương tiện là bốn Kiến còn lại, các tự môn khác cũng đều do nghĩa này. Bảy loại Tùy miên này chỉ có ba loại Cầu đó, dựa vào mỗi mỗi tăng trưởng mà nói riêng từng loại, cho nên cùng với các kinh luận đều không trái nhau. Trong phần Sai biệt sau sẽ dẫn quyển 89 để giải thích.

Trong tám loại Tùy miên, "ngoài Kiến lìa Nhị thủ", vì Thủ và Kiến riêng khác. "Lìa Nhị thủ", là Kiến và Giới riêng biệt.

"Chín Kết", quyển 89 ghi: "Nương vào chín Sự mà sinh", rộng nói như trong luận đó, ba thứ Khuể Tật Xan, chỉ có cõi Dục trói buộc, thông với Kiến đoạn và Tu đoạn, còn lại sáu Kết thì thông với ba cõi, cho nên Đối Pháp luận ghi: "Ái kết, là Tham... của ba cõi, hai môn Thủ và Kiến coi trọng riêng biệt, vì chỗ chấp riêng biệt cho nên nói riêng biệt. Ganh tị với vinh quang của người khác mà không trọng chánh pháp, bỏn xẻn với tài sản không tuân lời lìa xa, do chín thứ này mà rộng hành bất thiện, không hành các thiện, là ác ngày càng nhiều, có thể hoà chung với khổ, khó có thể tháo mở, cho nên đặt tên là Kết.

Trong mười hai Đế, "Khổ và Tập, Diệt và Đạo, từng loại mà nói", là có Vô lậu, Hữu lậu, quả, nhân riêng biệt. Cõi Dục tăng thượng là chỗ hiển của Biến trí và quả Biến trí. "Diệt đế Đạo đế", Biến trí là Đạo đế, quả là quả của Diệt đế và Đạo đế, chỗ hiển của Biến trí tức là Thể của Đạo đế, vì do tự Biến trí hiển thị Đạo đó. "Cõi Dục tăng thượng", đã có nghĩa của nhân thì gọi là Tăng thượng, tức là do khởi chỗ chứng đắc của tu nhân, cho nên gọi là Tăng thượng, Thể tức là Diệt đế; hoặc đã có nghĩa của quả gọi là Tăng thượng, là ngay trong Đạo đế có Diệt quả. Một chữ Tăng thượng này thông suốt với quả kia và chỗ hiển của quả kia. Biến trí tức là quả kia, hoặc quả kia tức là Tăng thượng, gọi quả kia là Biến trí, ngoài ra cứ theo đây mà có thể hiểu. Lại nữa, có người giải thích rằng: "Biến trí tức là quả Đạo đế, là chỗ hiển Diệt đế của Biến trí", nghĩa này không đúng, vì không phải thứ tự. "Bốn Đế của cõi Dục mỗi loại có mười Phiền não", Đối Pháp luận, Duy Thức luận tất cả đều đồng, trong quyển 58, Khổ đế có đủ mười phiền não, ba Đế còn lại thì mỗi loại chỉ có tám Phiền não. Thành Duy Thức luận ghi: "Khổ đế là Y

xứ của nhân kia, Diệt và Đạo thì nương vào Bố uý xứ kia, cho nên bốn Đế mỗi loại đều có mười hành tướng; Biệt không và Phi ngã thuộc Khổ đế, ba Đế còn lại mỗi loại có tám hành tướng, Khổ đế thì đủ mười hành tướng”. Hoặc có giải thích khác: “Bốn Đế mỗi loại có mười Phiền não, không phải mỗi một hành tướng đều có mê riêng chướng Đế, nhưng khi Phiền não sinh, thì có lý Năng mê đế và Năng chướng đế, cho nên phỏng theo tổng hạnh nói mỗi loại đều mê bốn Đế, không phải Thân kiến, Biên kiến riêng mê ba Đế còn lại, vì Hạnh khó biết; hoặc Thân kiến Biên kiến nghe nói Diệt, Đạo mà sinh bố uý, vì sợ Ngã bị đoạn, gọi là mê Diệt và Đạo”. Thật ra chỉ duyên Khổ đế và Tập đế mà khởi, chữ “tổng” là kể ra bốn Đế, thật ra không phải ba Đế mỗi loại đều có đủ mười hành tướng, như Duy Thức sớ nói.

Tát-ca-da kiến, theo giải thích của Thuyết nhất thiết hữu Bộ, kinh Bộ và Đại thừa, cả ba giải thích đều khác nhau, như Duy Thức sớ. Đẳng tùy quán chấp là thuyết minh hành tướng của Kiến, trong năm Uẩn, hoặc Tự tướng hoặc Cộng tướng, bình đẳng quán sát, tùy theo chỗ quán kia liền chấp làm Ngã.

Trong Biên kiến, “hoặc Phân biệt hoặc Bất phân biệt”, Duy Thức quyển 6 có hai thuyết, một là chỉ có Đoạn kiến, thông với hai môn này; một là cũng Thường kiến, dẫn Giáo và Lý rộng như luận đó nói.

Trong Kiến thủ, “vì Tát-ca-da kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến...”, đây là thuyết minh Cảnh của Kiến thủ. Sở y là Căn, Sở duyên là Cảnh, Sở nhân là Chủng tử, tổng chấp làm Thù thắng và Năng tịnh, hai nghĩa đầy đủ mới gọi là hành tướng của Kiến thủ. Giới thủ cũng vậy, vì chỗ chấp Kiến và Giới có sai biệt cho nên phân thành hai Thủ. Kiến thủ trong đây chỉ nói là Thù thắng, không nói là Năng tịnh; Giới thủ thì chỉ nói là Năng tịnh giải thoát, không nói là Thù thắng. Duy Thức hội ghi: Vì Ảnh tượng cho nên nói sơ lược. “Hoặc Tùy chuyển môn, nếu không như thế thì tại sao không phải Diệt mà chấp Diệt, không phải Đạo mà chấp Đạo, gọi đó là Tà kiến, không phải hai Thủ nhiếp. “Là Tối, là Thượng thắng diệu đệ nhất”, là chấp pháp của ba cõi, vì như thứ tự sai biệt. “Tức là đối với Kiến kia, Kiến kia tùy hành tướng”, là do các Giới thủ nương vào Kiến thủ ở trước mà vọng chấp Giới cấm làm Năng tịnh thù thắng. Nói rằng đối với Kiến kia, đối với Ngôn đó mà nương vào nghĩa, không phải chấp Kiến kia làm Giới thủ, chấp tùy thuận chỗ thọ Giới cấm của Kiến kia tương ưng với Uẩn... làm Năng tịnh thù thắng, cho nên nói Kiến kia tùy hạnh, hoặc đối với Kiến kia tức là Thể của Kiến trước, Kiến kia tùy hạnh tức là Kiến tương ưng, y theo nghĩa, y theo Kiến và

tùy thực hành chỗ thọ Giới cấm, chấp đó làm Năng tịnh thù thắng, gọi là Giới cấm thủ. “Là giải thoát hay là xuất ly”, là chấp pháp của ba cõi như thứ tự mà làm Giới thủ, như thứ tự mà làm nhân xuất ly ba cõi.

Trong Mạn, “đối với ngoại đạo và nội đạo cao mạn không hơn kém”, là đối với ngoại đạo thì cao thấp, đối với nội đạo thì hơn kém. “Đối với ngoại đạo thấp hơn”, là Ty mạn. “Đối với ngoại đạo cao hơn”, là ba Mạn còn lại, Tăng thượng mạn, Tà mạn và Ngã mạn. “Vì không duyên ngoại đạo, đối với nội thù thắng”, đó là sáu Mạn, chấp Ngã đề cao, không có đức, là có chút ít đức mà cho là nhiều, đều là Nội thắng, Ty mạn là Nội liệt, vì không bằng người ta.

Trong Nghi, “chỉ dùng lấy phân biệt khác với Giác làm Thể”, Duy Thức có hai thuyết:

1. Thể của Nghi tức là tuệ. Tỳ-trợ-mạt-để là nghĩa của Nghi. Mạt-để-bát-nha nghĩa vốn không khác. Do dự lựa chọn là nghĩa của Nghi, đây gọi là phân biệt. Lấy Giác khác làm thể cho nên Nghi tức là tuệ, là văn làm chứng của Duy Thức kia.

2. Không phải như vậy riêng có Tự tánh, vì thế tục không nói năm Kiến là Nghi, Tỳ-trợ-nhã-nam là trí xứng với Thức. Do tuệ không quyết định gọi là phân biệt, lấy Giác khác làm Thể, tánh không phải tức là tuệ.

“Một là do Chủng tử đeo theo, hai là do Tăng thượng sự kia”, đoạn này giải thích nghĩa của Tùy miên, do Tùy miên kia hiện hành trong thế sự, khiến cho pháp Hữu lậu đều có thô trọng, không có tánh đảm đương, chướng người tu hành và pháp của các bậc Thánh, cho nên nói do Tăng thượng sự kia, hoặc do Hoặc chủng phát nghiệp nhuận sinh, chiêu cảm quả của nhiều đời, cho nên nói là do Chủng tử tăng thượng sự kia.

“Do nhiếp thọ Hiện pháp thấp hèn”, là do phiền não cho nên nhiếp thọ pháp của các sắc thấp hèn hiện tại mà trở thành pháp xấu ác hạ tiện.

“Lại nữa, do bảy môn mà tất cả phiền não đối với Kiến đạo và Tu đạo có thể làm chướng ngại”, là sáu Kiến đạo chướng trước và một Tu đạo chướng sau. Quyển 59 ghi: “Tát-ca-da kiến, Biên kiến, Tà kiến, gọi là Tà giải liễu, vì mê bốn Đế. Vô minh gọi là Bất giải liễu; Nghi là Giải liễu và Bất giải liễu. Kiến thủ, Giới thủ, Tham, Sân và Mạn, duyên Kiến làm Cảnh. “Chỗ đoạn của Kiến”, tất cả đều là Tà giải liễu và mê chấp. Từ trên đến đây có bốn môn, tổng nhiếp hết tất cả Kiến đoạn hoặc. “Những người mê Khổ đế và Tập đế này”, là mê Y xứ hành của nhân kia. “Mê Diệt và Đạo”, là mê bố uý kia mà sinh Hành. Nếu

tu đoạn phiền não thì gọi là tùy ý hiện hành.

Trong Phiền não thượng phẩm, “là tướng mạnh nhanh và tướng càng nặng”, tức Cựu dịch là vì lợi ích mà siêng cần. Chấp chặt không xả gọi là càng nặng, chỉ riêng mạnh nhanh hoặc riêng càng nặng, hoặc đồng thời, đều là thượng phẩm, hoặc những thứ này chỉ có Thủ đồng thời. “Không phải riêng khởi do tương tục, là Tham hạnh... các Căn thành thục, thiếu niên cường tráng không có pháp Niết-bàn”, là Tham hạnh, Sân hạnh, Si hạnh... phân ra hiện hành, những thứ này các Căn thành thục, gọi là Phiền não tương tục. Thân nào khởi? Là thiếu niên cường tráng. Người không có pháp Niết-bàn, là sở khởi của thân. Do sự nghĩa là nương chỗ khởi Phiền não trong ba Sự gọi là tướng thượng phẩm. “Cứu cánh”, là chỗ hại Cứu cánh của tối sơ Thánh đạo.

Trong bảy Điên đảo, Tưởng đảo là đối với chỗ khởi vọng tưởng của bốn Cảnh, tưởng số làm Thể. Quyển 53 ghi: “Các ngu phu không có chỗ hiểu biết, tùy theo Vô minh mà khởi Tác ý phi lý, đối với Cảnh sở duyên Vô thường... khởi chấp là Thường... nắm lấy tướng mà chuyển, gọi đó là Tưởng điên đảo, cho nên lấy Tưởng làm Thể.

Kiến đảo, là lấy vọng tưởng trong Cảnh, nhẫn những thứ có thể dục lạc, kiến lập chấp trước, một phần ít của ba Kiến làm Tánh, là Thân kiến, Thường kiến, Kiến giới thủ, như văn tự nói.

Tâm đảo, tức là để trừ các Kiến trước, Phiền não tham... chỗ khác làm Tánh, có thể nhiễm não tâm cho nên gọi là Tâm đảo. Tâm điên đảo này tức là những phiền não như Tham... trong sở chấp trước kia. Có thuyết cho rằng Thể của Tâm đảo chỉ là Tham, bởi vì Tâm nhiễm thù thắng. Nói “Tham v.v...”, nghĩa là đồng lấy tất cả Tham, không phải lìa ngoài Tham và Sân... khác. Quyển 53 ghi: “Tưởng này điên đảo, các hàng tại gia có thể phát một phần Tâm đảo, các hàng xuất gia có thể phát Kiến đảo”. Thể của Tưởng không phải Đảo, do vọng chấp Tướng lấy làm tổng môn, tại gia và xuất gia nương vào đó mới khởi Tâm đảo và Kiến đảo, cho nên cùng với tên Đảo mà luận giải Căn bản, Tự thể và Đẳng lưu hợp chung để giải thích Thể của Kiến đảo và Tâm đảo. Thể của Tưởng không phải Đảo cho nên không giải thích lại. Câu-xá luận ghi: “Tự thể của bốn Điên đảo là từ nơi ba Kiến, vì chỉ có Đảo tăng thêm, Tưởng và Tâm tùy theo lực của Kiến”. Luận kia nói Thường kiến làm Thường đảo, chấp tịnh chấp lạc, đều là Kiến thủ. Có Thân kiến làm Ngã đảo, phải đủ ba nhân thù thắng mới thành:

1. Thuần là Đảo, lựa riêng với Giới cấm thủ, duyên với chút ít tịnh.

2. Tánh suy lường, lựa riêng với Phi kiến giới.

3. Vọng tăng ích, lựa riêng với Đoạn kiến.

Tà kiến không phải Vọng tăng ích, vì Vô môn chuyển. Các Thọ... còn lại, không phải là Cực thành của thế gian, thế gian chỉ nói Tưởng đảo, Tâm đảo và Kiến đảo, không nói Tham... cho nên những thứ còn lại không phải Đảo. Hiện tại luận này không phải như vậy, một là Đảo y, hai là Đảo thể. Tưởng của Sở y thù thắng, Thọ... không phải Đảo, vì hiển Kiến tăng ích của hàng xuất gia gọi là Đảo, đoạn tà không phải Đảo. Các hàng tại gia phiền não loạn tâm, hoặc phần nhiều do Tham, khó có thể giải thoát. Nói tất cả Hoặc bởi vì Tham là Đảo. Trong Thể của Đảo chỉ chia ra Tâm và Kiến. Hiển Dương luận ghi: "Do bốn nhân duyên khởi đối với bốn Điên đảo, cho nên các Phi đảo khác trong đây Tâm đảo duyên chung với bốn Tham. "Văn sau chỉ nói Tham thông với hai thứ, không nói Thường ngã cũng khởi Tham", là từ thù thắng mà nói, Ngã đồng thời với Thường kiến cũng có Tham, các văn đều nói đối với bốn cảnh Tham gọi là Tâm đảo, thế gian phần nhiều khởi thiên lệch đối với lạc tịnh, không phải thật chỉ có hai thứ, nếu không như thế thì tại sao nói ngay nơi bốn Đảo trước? "Trong chỗ chấp của Kiến thì Tham... làm tánh. Kiến thủ là đối với Bất tịnh và Tịnh mà Đảo, Giới thủ thì đối với Khổ lạc mà Đảo", tùy chỗ thích đáng của nó mà duyên Kiến duyên Giới và pháp tương ưng làm Thù thắng và Năng tịnh, cho nên đó là hai Thủ. Nếu không như thế thì liền thành chỗ nhiếp của Tà kiến. Ba thứ Tưởng, Tâm, Kiến đều thông với bốn thứ, bốn thứ không có Thể riêng. Vả lại trong bốn Kiến đảo, Thường ngã thông với Kiến đạo và Tu đạo, giữa hai thứ Kiến và Tu chỉ có Kiến đoạn. Hai thứ Tưởng đảo và Tâm đảo, tùy chỗ thích ứng mà thông cả hai, như chỗ thích ứng của nó mà quán tự tướng dẫn thành gốc Đẳng lưu. Rộng như Đối Pháp luận quyển 2 và quyển 10 sớ thích.

- Phiền não sai biệt có hai phần:

1. Giải thích tên gọi.

2. Nêu Thể.

- Trong phần thứ nhất có ba phần:

1. Nêu.

2. Giải thích riêng hai mươi sáu môn.

3. Tổng kết.

"Chỗ tùy đeo đuổi của Tăng thượng Chủng tử gọi là Tùy miên", chẳng những vốn sẵn có, hoặc vi tế tùy theo tăng trưởng, cũng là chỗ tùy đeo đuổi của Chủng tử thù thắng, cũng tức là bảy loại Tùy miên cùng

với các Chủng tử khác làm nhân, cho nên gọi là Chủng tử. “Thường đuổi theo hành giả có bảy Chủng tử, gọi là Tùy miên; Tà hạnh phương tiện gọi là Ách”, như cái ách trên chiếc xe của thế gian, làm phương tiện của xe để kéo xe đi. Tà hạnh phương tiện này cũng vậy, ba nghiệp Tà hạnh như Thể của chiếc xe, lấy bốn Ách có thể kéo xe làm phương tiện, ách xe tạo ác thì không vượt qua đường tà, có thể dẫn cho ác sinh, cho nên gọi là Tà hạnh phương tiện. “Che lấp nghĩa chân thật gọi là Cái”, nếu y theo trật tự giải thích của Đối Pháp luận quyển 2 là che lấp tâm, thì đây là nói do năm Cái này mà không chứng thật nghĩa, cũng không có trái nghịch. “Vì tướng không định tĩnh cho nên xa chỗ tùy thuận, do đó gọi là Tiễn (mũi tên)”, hằng dao động không yên gọi là tướng không định tĩnh; tùy ở nơi xa mà làm hành giả tổn thương, gọi là Viễn sở tuỳ, mượn thí dụ gọi là Tiễn. “Vì có thể nhiếp y theo sự cho nên gọi là Sở hữu”, như Đối Pháp luận ghi: “Do tích tập nhiều chỗ có tài sản vật dụng, hằng cùng chung tương ưng với kinh sợ và oán ghét”. Luận đó nói có ngoại sự, luận này thì nói nương vào Sự năng nhiếp, có thân Sở y bên trong và ngoại sự tài sản vật dụng, nghĩa rộng sai biệt cũng không trái nhau. Những điều này là giải thích tên, như Đối Pháp luận quyển 7 và quyển 98, hoặc có chỗ bất đồng, sợ văn dài cho nên không nói, người đọc phải biết.

“Chỉ có bảy loại gọi là Tùy miên”, Căn bản nói có bảy loại, tùy theo tăng trưởng mà nghĩa thù thắng, quyển 89 nói Chủng tử của Phiền não đều gọi là Tùy miên, do ba phẩm khác nhau, cho nên chỉ lập có bảy thứ, do chưa lìa Dục mà lập Dục tham, do đồng phẩm mà lập năm phẩm khác, lấy đây tổng nhiếp tất cả phiền não. “Chỉ có ba loại”, là căn cứ theo thuyết thù thắng, Đối Pháp luận ghi: “Tất cả phiền não đều gọi là Tùy phiền não, có Tùy phiền não mà không phải Phiền não, vì Tùy phiền não sinh thì nghĩa đó thông”.

“Triền có tám loại”, quyển 89 ghi: “Tất cả phiền não do Hiện hành, đều gọi là Triền, chỉ có tám loại, trong bốn thời niệm niệm hiện hành, cho nên kiến lập riêng”. Đối Pháp luận ghi: “Chướng của Hôn trầm và Thuỳ miên dừng vì dẫn đến sự lắng chìm. Chướng của Trạo cử và Hối nổi lên vì bên ngoài dẫn sinh tán loạn; chướng của Tật và Xan xả, vì tự lợi và tha lợi trong Xan đố môn, niệm niệm động tâm. Vô tàm và Vô quý chướng tịnh Thi-la, vì phạm các Học xứ không sinh hổ thẹn”, lại càng không lập các pháp Phẫn, Phú... khác. Quyển 89 ghi: “Chướng giới định tuệ mà sinh Xan tham và Tật đố”.

- Trong Bộc lưu có bốn thứ:

1. Dục bộc lưu, là lấy cõi Dục trừ chỗ khởi Kiến và Câu vô minh của ngoại đạo, tất cả phiền não khác làm tánh.

2. Hữu bộc lưu, là lấy cõi Sắc và cõi Vô sắc trừ chỗ khởi Kiến và Câu vô minh của ngoại đạo, chỗ tất cả phiền não khác làm Tánh.

3. Kiến Bộc lưu, là lấy ba cõi chỗ khởi Kiến của ngoại đạo làm tánh.

4. Vô minh bộc lưu, là lấy vô minh tương ưng trong kiến sở khởi của ngoại đạo thuộc ba cõi làm tánh.

Đối Pháp luận ghi: "Một là Tập dục cầu, hai là Tập hữu cầu, hai loại sau là Tà phạm hạnh cầu", vì Năng y và Sở y tương ưng với đạo lý. Quyển 89 ghi: "Đồng với bốn Ách cũng vậy, thể tánh không khác". Cũng quyển 89 ghi: "Thượng phẩm phiền não gọi là Bộc lưu... Phân hành phiền não gọi là Ách, đó là hai sai biệt.

"Bốn Thủ", cuối quyển 10, lấy Tham Năng thủ của bốn Thủ mà làm tự tánh. Đối Pháp luận ghi: "Thủ thứ nhất tức là Tham, ba Thủ sau cũng như tên của nó", là lấy hai Thủ và Ngã kiến mà làm tự tánh, hoặc Thể của bốn Thủ kia cũng chỉ có Tham. Đối Pháp kia ghi: "Do Tham trước Kiến, trói buộc đam nhiễm làm nhân". "Các hàng xuất gia", đây là điều tranh cãi nhau, quyển 89 ghi: "Y theo hai phẩm mà lập hai Thủ: 1. Tại gia lập Dục thủ. 2. Xuất gia ngoại đạo... lập ba Thủ khác, hoặc Sở thủ, hoặc Năng thủ, hoặc Sở làm Thủ, như vậy tất cả tổng nói là Thủ". Bốn Thủ làm Sở thủ, Thủ lấy bốn Tham này gọi là Năng thủ, để chứng đắc các Dục và thọ dụng mà khởi Thủ thứ nhất; vì tham lợi dưỡng cung kính để chất vấn người khác, khỏi bị người khác vấn nạn cho nên khởi Thủ thứ hai; thủ lấy các thiền định làm chỗ y chỉ mà khởi Thủ thứ ba; vì muốn phân biệt người tạo quả, thọ quả và để tùy nói tướng sĩ phu hoàn diệt lưu chuyển, cho nên khởi Ngã ngữ thủ. Như vậy hợp chung gọi là Sở làm Thủ; Thân phòng hộ, Ngữ phòng hộ gọi là Giới; hình mạo, ẩm thực, uy nghi, hành tướng, gọi là Cấm để cho nên Trụ, do đó luận nói có Ngã gọi là Ngã ngữ, rộng như luận kia giải thích. Thủ thứ nhất chỉ trói buộc trong cõi Dục, ba Thủ sau thì thông với hai cõi còn lại.

"Bốn Hệ", quyển 89 ghi: "Chỉ dựa vào sai biệt của ngoại đạo mà kiến lập". Đối Pháp luận ghi: "Có thể làm bốn thứ nhân của tâm loạn, có thể chướng định thân cho nên không lập các Thủ khác, do Tham cho nên Ái tài làm nhân; do Sân cho nên đối với sự đấu tranh không chánh hạnh làm nhân; do Giới cấm thủ cho nên đối với giới cấm khổ não khó hành làm nhân; do Kiến thủ cho nên không như chánh lý suy lường cảnh giới làm nhân. Đây là do Kiến thủ, nương vào mỗi biệt Kiến đối với

Cảnh sở tri mà khởi tà cấu tư duy, vọng sinh chấp trước, cho rằng chỉ có đây là thật, ngoài ra đều là hư vọng, cho nên gọi thật này là trói buộc thân". Do bốn nhân này khiến cho tâm tán loạn, có thể chướng bản thân của định tâm tự tánh, cho nên gọi là Thân hệ, không phải chướng sắc thân, hai loại đầu chỉ có cõi Dục, hai loại sau thì thông hoặc đồng thời với cõi Dục, vì bất thiện tăng trưởng.

"Năm Cái", quyển 89 ghi: "Trái nghịch với năm Xứ mà lập năm Cái này:

1. Cương vị tại gia, Dục cảnh phiêu trầm trái với Thánh giáo, cho nên lập Tham dục cái.

2. Vì không kham nghe pháp dạy răn, cho nên trái nghịch với Thắng pháp, cho nên lập Sân khuể cái.

3. Trái với Xa-ma-tha, cho nên lập Hôn miên cái.

4. Trái với Tỳ-bát-xá-na, cho nên lập Trạo hối cái.

5. Trái nghịch với Tuệ thắng giải thánh giáo luận nghị quyết trạch, cho nên lập Nghi cái.

Đối Pháp luận cũng ghi: "Chướng có năm vị, là Nhạo xuất gia vị, Giác tà hạnh vị, Chỉ cử xả vị... rộng như luận đó nói.

Ba Bất thiện căn, Duy Thức ghi: "Đủ hai nghĩa: một là tánh Căn bản phiền não, hai là có khắp trong sáu thức". Các pháp còn lại không phải bất thiện căn, vì sinh ác là thù thắng, cho nên chỉ ở tại ba bất thiện căn này.

Ba Lậu, Đối Pháp luận ghi: "Nương vào ngoại môn mà rỉ chảy, cho nên lập Dục lậu; nương vào nội môn mà rỉ chảy, cho nên lập Hữu lậu; nương vào hai Sở y môn mà rỉ chảy, cho nên lập Vô minh lậu". Ý của luận đó là hiển tất cả Phiền não của cõi Dục, trừ Vô minh gọi là Dục lậu, tất cả phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ Vô minh gọi là Hữu lậu; Vô minh của ba cõi gọi là Vô minh lậu. Nhưng bốn Đế của cõi Dục mỗi mỗi đều có mười phiền não, Tu đoạn có sáu phiền não; năm môn của cõi Sắc và cõi Vô sắc đều trừ Sân, tùy chỗ thích ứng của nó, gồm các Tùy hoặc làm Thể của Lậu kia. Số chủng loại của năm môn không đồng với Tiểu thừa. Quyển 64 ghi: "Tất cả phiền não của cõi Dục, trừ vọng kiến của các ngoại đạo để nương chỗ sinh Vô minh, còn lại gọi là Dục lậu; tất cả phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ vọng kiến của các ngoại đạo để nương chỗ sinh Vô minh, còn lại gọi là Hữu lậu; vọng kiến của ngoại đạo trong ba cõi để nương chỗ sinh Vô minh, gọi là Tà giải thoát dục Vô minh lậu". Quyển 89 nói, văn tuy khác chút ít, nhưng cùng với Đối Pháp thì đồng, ý của Đối Pháp luận nói, tất cả

Vô minh gọi là Vô minh lậu, vì chỉ riêng một mình nó khởi tương ưng thù thắng nhiều hơn, ngoài ra có thể nương vào Hoặc mà lập hai Lậu khác, vì trên dưới khác nhau. Quyển 64 ghi: "Phân biệt chỗ khởi Vọng kiến để nương chỗ sinh Vô minh, gọi là Tà giải thoát dục Vô minh lậu, còn lại thì lập hai Lậu khác, không nói tất cả Si làm Vô minh lậu, căn cứ theo nghĩa mỗi mỗi riêng khác, nhưng cũng không trái nhau.

"Câu ngại" cũng có ba, là tham sân si. Do ba thứ này mà khởi lên năm Câu ngại, cùng với Đối Pháp đồng, nương vào năm Cảnh này mà sinh ba thứ tham sân si, câu ngại nơi tâm, cho nên Đối Pháp luận gọi là Tâm câu ngại. Chỗ nói phiền não môn từ trên đến đây, Đối Pháp, Hiển Dương và văn sau của Du-già đều có giải thích rộng đầy đủ, sợ dài dòng nên nêu sơ lược, y theo chỗ dẫn ở trước nên xét tìm.

Trong nghiệp tạp nhiễm, trước hết là hỏi, kế đó là đáp. Trong đáp có hai phần:

1. Trình bày chín môn.

2. Tùy giải thích riêng.

Trong Tự tánh, "nếu khi pháp sinh thì tướng tạo tác khởi...", điều này có ba giải thích:

1. Tướng tạo tác, là chỉ cho nghiệp Gia hạnh. "Thân hạnh và Ngữ hạnh đối với nghiệp kia sau khi tạo tác mới chuyển", tức là nghiệp đạo Căn bản. Nghiệp thứ nhất thông với ba nghiệp, hoặc chỉ có Ý nghiệp, nghiệp thứ hai lại căn cứ theo nghiệp thô trọng, cho nên chỉ có thân và ngữ.

2. Tướng tạo tác là Biểu nghiệp. Do Biểu nghiệp kia sinh, cho đến tạo tác mà chuyển, là Vô biểu nghiệp. Nghiệp thứ nhất thông với ba nghiệp, quyển 53 ghi: "Ba nghiệp thân ngữ ý, đều có Biểu". Nghiệp thứ hai là Vô biểu nghiệp, trong đây có nói: "Chỉ có thân nghiệp và ngữ nghiệp có Vô biểu nghiệp", cho nên luận này ghi: "Chỉ do Biểu nghiệp kia sinh". Thân hạnh và Ngữ hạnh đối với Biểu nghiệp kia sau khi tạo tác mà chuyển, thì Ý nghiệp nhỏ nhẹ, cũng không phải Sắc pháp, không phát Vô biểu nghiệp. Có người nói ba nghiệp đều có Vô biểu nghiệp. Quyển 53 ghi: "Mười thiện nghiệp đạo là chỗ nhiếp của trăm hạnh, đều gọi là luật nghi, cho nên trong ba Phạt nghiệp thì Ý Phạt là nặng. Ý có ba nghiệp đạo, nặng hơn bảy nghiệp trước, cũng có Vô biểu, đối với lý nào có trái nghịch gì! Ý nghiệp không có biểu lộ, vì tùy theo nghiệp đạo cho nên chỉ có ba chi, đây là dựa vào ba nghiệp thông với Hữu biểu và Vô biểu, mà chỉ nói thân và ngữ, không phải ngăn trách Ý vô biểu.

3. Tướng tạo tác khởi, là phát thân, ngữ và tư. "Do Biểu nghiệp

sinh cho nên bình đẳng", tức là thân nghiệp và ngữ nghiệp, phát khởi chỗ sinh của thân ngữ tư, thẩm sát quyết định Tư và Ý tương ưng, tác động Ý, cho nên gọi là Ý nghiệp; phát động Tư thù thắng, phát thân ngữ, cho nên gọi là thân nghiệp và ngữ nghiệp. Hoặc chỉ riêng hiện hành Tư, cũng gọi là Ý nghiệp, hợp chung mười thứ gọi là nghiệp đạo. Trong năm Cảnh, "Sắc và Thanh xứng với nghiệp, cả ba là Phi nghiệp", là vì không có biểu thị. "Năm căn như Nhãn... không lập làm nghiệp". Thành Nghiệp luận ghi: "Vì có tác dụng nghiệp, không có Gia hạnh nghiệp". Thành Duy Thức và Thành Nghiệp luận đều ghi: "Có ba thứ Tư, mười thứ nghiệp đạo, đều lấy Tư làm tánh". Giải thích Thân nghiệp, Ngữ nghiệp, Ý nghiệp, Biểu và Vô biểu, gọi là Tư nghiệp. Tư đã là nghiệp, thì nghiệp định và tán không có biểu lộ đại chủng tạo tác... khi đến thời tiết phát nghiệp thì lớn nhỏ không đồng, đều như Sớ kia và Biệt chương giải thích, cuối quyển 59 và quyển 60, sẽ rộng phân biệt. Biểu nghiệp của Thân và Ngữ lấy tướng biểu lộ để thấy. Biểu nghiệp của Ý, là Tự chứng phần và Chứng tự chứng phần của Kiến, mỗi mỗi lẫn nhau tự biểu hiện. Như lý nên tư duy.

Trong nghiệp Phân biệt có ba đoạn:

1. Nêu hai Nhị chủng.

2. Hiển riêng sai biệt của hai Nhị chủng.

3. Kết thành ba nghiệp.

Trong đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai, Bổ-đặc-già-la tức là Cụ nghiệp. Lại nữa, pháp Sai Biệt tức là nghiệp tướng kia rộng giải thích trong đoạn thứ hai: 1. Bổ-đặc-già-la. 2. Pháp. Trong phần thứ nhất lại có hai thứ: a. Bất thiện nghiệp đạo có mười Bổ-đặc-già-la. b. Thiện nghiệp đạo.

Sát sinh có ba đoạn:

1. Tổng chỉ các kinh.

2. Phân riêng đoạn văn giải thích.

3. Kết lược nghĩa.

Giải thích riêng đoạn văn kinh có chín câu, trừ câu tổng ra:

1. Sát sinh thành nghiệp đạo cứu cánh, chỗ sát là mạng đoạn rồi mới thành sát.

2. Không phải ngay lúc chết có đồng thời chết, chết trước và tự sát, vì không phải nghiệp đạo. Nếu không như thế thì đáng lẽ đều thành nghiệp đạo.

3. Hại, Cực hại và Chấp, tiếp theo có ba câu riêng giải thích ba câu này. Vì đoạn mạng kia cho nên gọi là Hại.

4. Cắt đứt tay chân cho nên gọi là Cực hại.

5. Mưu kế nuôi mạng cho nên gọi là Chấp.

6. Mưu chấp sát sinh mà nuôi mạng cho nên có xuất gia ngoại đạo, gọi là người không hổ thẹn, tức là Ni-kiền-tử kế chấp, tùy chỗ trụ xứ chỗ có chúng sinh nội trong một trăm do-tuần, đối với chúng sinh kia tạo tác bất sát thì thành luật nghi, tạo tác sát thì thành bất luật nghi, ngoài một trăm do-tuần thì các luật nghi kia không thành. Trong kinh để đối trị thuyết này mà nói như vầy: "Tất cả chỗ của hữu tình không phải chỉ có một trăm do-tuần, mà ngoại đạo kia lại nói như vậy". Ngoại đạo kia cho rằng cỏ cây đều có mạng, nếu sát thì thành nghiệp đạo, Phật vì đối trị thuyết này, cho nên nói như vầy: "Chỗ chân thật của chúng sinh, sát cây cối không phải nghiệp đạo". Đây là hiển thị chân thật phước đức xa lìa đối trị đạo, câu này có ý hiển thị do sát hữu tình là tánh tội, cũng lấy tánh giới chân thật phước đức để xa lìa đối trị, cho nên Đối Pháp luận ghi: "Sự sát sinh, là niệm của hữu tình", đây là câu nói trước "Chỗ của tất cả hữu tình, sát cây cỏ...", là giá tội, cũng để giá giới, phước đức không thật, vì xa lìa đối trị, đây là câu nói sau "chỗ chân thật của chúng sinh".

7. Lại nữa, giải thích không cần nương vào tánh mà giải thích giá giới, đây là hiển thị chỗ nói trên "hai thứ đối trị của ngoại đạo không có trói buộc".

8. Nếu không sát tất cả hữu tình, thì làm sao chỉ có nội trong một trăm do-tuần là chân thật đối trị!

9. Hoặc không sát cây cỏ, vì là Phi tình cho nên không chân thật đối trị. Hiển hai thứ để đối trị hai kế chấp của ngoại đạo, văn của hai câu này cùng với trước không đồng, là nguyên nhân hiển thị từng đoạn, chỗ nói các câu như vậy là để hiển thị Gia hạnh.

"Sát hại, là rất hung ác" trở xuống bảy câu, do khởi tâm hung ác mà tăng thêm sức khuyến khích dũng mãnh làm việc sát sinh, cho nên gọi như vậy là Gia hạnh sát hại, không phải là Gia hạnh nghiệp đạo. "Cho đến cực thấp lượm lặt nhiều con kiến", câu này có hai nghĩa: một là trứng kiến, hai là bẻ gãy chân kiến, cho nên còn mang âm tiếng Phạm.

Trong giải thích riêng chín câu, bảy câu đầu gọi là Gia hạnh sát hại, vì cố sức sát hại. Một câu tiếp theo gọi là Vô trạch sát hại, vì phùng sinh tức là sát, không giải thích riêng. Một câu sau cùng gọi là Sát sinh thời, là từ khi mới đoạn mệnh, chưa gặp duyên lành để thọ trì giới... thường làm thành tội sát sinh nghiệp đạo.

Trong Kết lược nghĩa có ba loại, thứ nhất là nhiếp chín làm bốn, thứ hai là nhiếp làm ba, thứ ba là nhiếp làm một.

- Thứ nhất, trong nhiếp chín làm bốn là:

1. Tướng mạo sát sinh, là câu thứ hai trước, máu nhuộm đầy tay.
2. Tác dụng, tức là ba câu Hại, Cực hại, Chấp.
3. Nhân duyên, tức là câu thứ nhất.
4. Tâm cực bạo ác sát hại đang hiện tiền.

- Sự dụng sai biệt là sáu câu sau:

1. Không hổ thẹn.
2. Không thương xót.
3. Chỗ của tất cả hữu tình.
4. Chỗ của chân thật chúng sinh.
5. Cho đến cực thấp lượm lặt nhiều kiến... chỗ của chư chúng sinh.
6. Đối với chỗ sát sinh hoặc chưa xa lìa.

Lại nữa, tướng mạo trong nhiếp chín làm bốn tức là câu thứ nhất; tác dụng tức là câu thứ hai, thứ ba; nhân duyên tức là câu thứ tư, thứ năm; sự dụng sai biệt tức là bốn câu còn lại.

- Thứ hai, trong nhiếp chín làm ba là:

1. Sát sinh như thật, tức là câu thứ nhất.
2. Sát sinh sai biệt, tức là bảy câu kế tiếp.
3. Sát chỗ sát sinh gọi là sát sinh, tức là câu thứ chín.

"Người chưa thọ giới... đã khởi thiện đến nay lại hành sát sinh, thường gọi là người sát sinh", nghĩa là sau khi thọ giới thì không được tên sát sinh kia.

- Thứ ba, trong nhiếp chín làm một, là hợp chung lại gọi là sát sinh Bổ-đặc-già-la.

Trong "không cho mà lấy" cũng có ba đoạn:

1. Nêu câu tổng.
2. Giải thích riêng mười bốn câu.
3. Lược nghĩa kết thành.

- Giải thích riêng mười bốn câu gồm:

1. Hoặc tích tập hoặc di chuyển, là như lúa mè... các vật gọi là tích tập, hữu tình gọi là di chuyển.
2. Hoặc không lìa xứ gọi là tích tập.
3. Cử động lìa bản xứ gọi là di chuyển.
4. Đối với xứ nhàn tĩnh nếu sinh, thì lúa mè... không lìa bản xứ, che đậy khiến cho sinh.

5. Tập chuyển như trước.

6. Nếu vật chủ kia không phải là chỗ ban cho trước như người trả nợ pháp.

7. Như trả nợ pháp gọi là không cho.

8. Không phải chỗ ban cho ở trước.

9. Tương tợ như trả nợ gọi là không cho.

10. Nếu tùy chỗ muốn thọ dụng của người trộm cắp mà vứt bỏ, gọi là vứt bỏ vật dụng thì có thể vô tội.

11. Không tùy chỗ muốn thọ dụng của người trộm cắp mà vứt bỏ, gọi là không bỏ mà lấy.

12. Văn thế đọc dài nghĩa đạo liền xa.

13. Thao thiết, người tham tài là Thao, tham ăn là Thiết, là tuy hơn người khác nhưng hay gây tội lỗi.

14. Cấu sở nhiễm, là tuy cạnh tranh mà được tài sản, tài sản đó đã không phải vật của mình, mà do giành lấy thì gọi là lấy một cách bất tịnh.

- Trong Lược nghĩa kết mười bốn câu có ba đoạn:

1. Trộm cắp, đây là thành không cho mà lấy, tức là câu thứ nhất, đối với vật sở hữu của người khác.

2. “Nếu tại xứ đó, như sự sai biệt đó mà như thật trộm cướp”, là mười một câu kế.

3. “Do cướp trộm mà bị lỗi này”, tức là hai câu mười ba và mười bốn.

Lại nữa, giải thích làm năm kết:

1. Trộm cắp, đây là kết câu thứ năm câu thứ sáu.

2. Nếu tại xứ đó, là kết bốn câu đầu.

3. Như sự sai biệt đó, là kết câu thứ tám trở xuống cho đến câu thứ mười ba.

4. Như thật trộm cướp, là kết câu thứ bảy.

5. Trộm cướp cho nên bị lỗi này, là kết câu thứ mười bốn. Tuy có giải thích chợt khó hiểu, nhưng nghiên cứu nghĩa, suy văn thì cũng có thể hiểu rõ.

“Thành nghiệp đạo cứu cánh không cho mà lấy”, là phải đối với bản xứ, hoặc sinh, hoặc tập, hoặc di chuyển, nếu không như thế thì liền thành không cho mà lấy Gia hạnh, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Cứu cánh là lấy làm tự mình có”.

Trong Dục tà hạnh, văn cũng có ba đoạn:

1. Nêu câu tổng.

2. Giải thích riêng mười một câu.

3. Lược kết.

- Mười một câu gồm:

1. Chỗ thủ hộ đối với cha mẹ...

2. Tự thủ hộ.

3. Có trị phạt.

4. Danh chướng ngại. Bốn loại này đều chưa thích hợp với người khác, luận tóm lược lại làm ba loại thủ hộ.

5. Thê thiếp của người khác.

6. Chỗ nhiếp của người khác.

7. Hoặc do hung hăng dối trá.

8. Hoặc do sức cưỡng ép.

9. Hoặc do ẩn nấp.

10. Hành Dục hạnh.

11. Đối với sự này là Dục tâm phi lý mà hành Tà hạnh.

"Thành tà dục nghiệp đạo cứu cánh", là thành sự giao hội. Đây là không phải thê thiếp của mình mà trở thành nghiệp đạo. "Phi đạo", câu này có ba nghĩa:

1. Không phải đường để đi, là chi phần... không phải cửa sinh sản (sản môn)

2. Không phải đạo số, vượt quá năm Lượng.

3. Phi đạo lý, là thêm Thường pháp, tất cả người nam và bất nam, cho nên quyển 59 ghi: "Phi giao, Phi lượng, Phi lý, Nam và Bất nam không xứng lý".

Phi xứ, là đặt xứ của Phật pháp Tăng, giường nằm của cha mẹ trải trên đất, chỗ không bằng phẳng, trong Tăng-già-lam. Phi thời nghĩa là có bệnh, mang thai, cho con bú. Ba sáng sáu tối, rộng như quyển 59 kia tự giải thích. Chỗ nói của những câu này, chỗ thê thiếp của tự mình cũng thành nghiệp đạo, là coi trọng về Ý lạc.

Trong lược nghĩa có ba đoạn:

1. Hoặc Sở hành của người kia, là nhiếp sáu câu trước, vì tuy chỗ làm cũng thành tội.

2. Hoặc Hành sai biệt, là nhiếp ba câu kế tiếp, vì phi lý mà hành.

3. Hoặc Dục tà hạnh, là nhiếp hai câu cuối, vì thành nghiệp đạo.

Hoặc trong câu riêng biệt hợp thành mười câu, bốn câu đầu hợp thành ba câu Thủ hộ, bảy câu sau thì như trước. Vọng ngữ cũng có ba đoạn, phải biết cũng như trước. Câu riêng biệt có mười câu. Hoặc Sứ

kia, là người chạy việc, vì để vua sai khiến; hoặc là quan thuộc chấp hành trông coi lý pháp, hoặc biết bình quân nghị sự trái lý mà lập làm người giải quyết mọi việc, gọi là người chạy việc. "Nếu đã biết, là tùy theo ba câu trước, chỗ ngữ ngôn trải qua", là tùy theo ba thứ Văn giác tri, chỗ ngữ ngôn trải qua mà hành vọng ngữ. Kiến trở xuống tự nói riêng, cho nên cả ba thứ (Văn giác tri) cũng vậy, hợp chung những thứ này gọi là Tri, không phải là Tri trong bốn thứ (Kiến văn giác tri), vì Tri kia thì bị câu thúc, Tri này thì rộng. Vọng ngữ nghiệp đạo cứu cánh, như Đối Pháp luận ghi: "Đại chúng thời đó và người đối nhau nói chuyện hiểu rõ".

- Trong lược nghĩa có bốn đoạn:

1. Y xứ, là kết năm câu đầu.
2. Dị thuyết, là kết hai câu kế.
3. Nhân duyên, là kết hai câu kế nữa, nhờ vào tự, nhờ vào tha.
4. Hoại tưởng, là kết một câu cuối.

Trong Ly gián ngữ cũng có ba đoạn, câu riêng biệt có bảy câu, câu thứ ba là Hỷ biệt ly. Câu thứ tư là Vọng biệt ly, hai câu này tuy Hỷ sinh, chưa sinh phiền não. Câu thứ năm đối với câu thứ ba. Câu thứ sáu đối với câu thứ tư, hai câu này mới là phiền não sinh. Câu thứ bảy nói "Năng ly gián ngữ", hoặc là không nghe; hoặc "Tha phương tiện", là khi nói năng, người khác khiến cho không nghe; hoặc người khác tuy nghe, nhưng vì phương tiện mà không thọ lãnh lời nói ly gián đó. Đây là giải thích trong kinh nói Ly gián ngữ, không phải chánh giải thích nghiệp đạo. Đối Pháp luận ghi: "Cứu cánh này là chỗ phá sự lãnh hội". Phương tiện trong đây là người khác lãnh hội, có thể là nghiệp đạo. "Người khác không nghe", chỉ là nghiệp đạo Gia hạnh, đây là nhân theo giải thích chung với kinh cũng không có lỗi. "Hoặc tha phương tiện", là khiến cho người khác nói Ly gián phương tiện ngữ, họ chưa hiểu rõ và họ không nghe. Hai câu này đều là nghiệp đạo Gia hạnh, nhân theo giải thích văn kinh, cũng không phải chánh giải thích nghiệp đạo, hoặc có nghĩa ngôn, chỉ nói Ly gián ngôn. Hoặc người không nghe và người đã nghe rồi mà phương tiện không lãnh thọ, đều là nghiệp đạo. Điều này trái với Quyết Trạch. Quyển 60 ghi: "Cứu cánh này là chỗ phá lãnh hội", cho nên trước nói là "Thiện".

- Trong phần kết có năm câu:

1. Ly gián ý lạc kết câu thứ nhất.
2. Phương tiện chưa hoại kết câu thứ hai.
3. Phương tiện đã hoại kết câu thứ ba, thứ tư.

4. Tâm ô nhiễm kết câu thứ năm, thứ sáu.

5. Tha phương tiện kết câu thứ bảy.

Trong đây có nói “tâm chợt hiện”... là Tâm thứ nhất trong năm tâm, thì liền thành nghiệp đạo, vì người khác lãnh hội. Nếu y theo nghĩa này thì nghiệp đạo có chung tánh của Vô ký, nói sự chưa chu toàn thì người không lãnh hội, cho nên biết là tâm sau nhiễm ô.

Trong Thô ác ngữ, “đầu tiên”, là chỗ thuyết pháp, nói tiến đến Niết-bàn là thứ nhất, do lời nói này lấy làm trước tiên, sẽ tiến đến Niết-bàn, vì tương tục cho nên gọi là Vô tận, vì rộng lớn cho nên gọi là Vô biên, tức Niết-bàn này là sau cùng. “Lại nữa, có ba loại...”, là trong ba loại trước. Trong tối hậu thuyết pháp ngữ, trong mười hai câu trước, nhiếp đầu tiên, hay đẹp... tám câu, tức là trong các kinh, nói Phật thuyết pháp có tám Ngữ cụ. Do Trì giới ngữ, khiến cho người khác hoan hỷ có đủ tám Ngữ cụ. Trong tám Ngữ này lại phân ra làm ba, đây là các câu riêng hợp chung lại mười chín câu, mười hai câu đầu hợp thành ba loại, bốn câu kế đó nói Hữu vi hạnh ba đời, ba câu cuối nhiếp lại các Ngữ trước. Do phân rõ các câu đều có kết thiên một bên, cho nên không có lược nghĩa.

Trong Ỷ ngữ có mười hai câu, năm câu đầu gọi là Tà cử tội ngữ, tức là người cử tội trong luật, chỗ có đầy đủ năm Đức, sáu câu kế đó gọi là Tà thuyết pháp ngữ, một câu cuối cùng gọi là Phóng dật ngữ, cho nên lược kết nói là ba thời Ỷ ngữ. “Thô ác ngữ trước và Ỷ ngữ cứu cánh sau”, là phát các Ngữ kia.

Hoặc có vấn nạn rằng: “Vọng ngữ là dối láo với người khác, người khác hiểu thì thành nghiệp đạo; Ly gián ngữ là phá hoại người khác, người khác hoại thì liền thành nghiệp đạo”?

Đáp: Vọng ngữ vốn là dối láo với người khác, tin và không tin, hễ hiểu thì đều là nghiệp đạo. Ly gián ngữ vốn là ngăn cách người khác, hễ hiểu đều là nghiệp đạo.

Trong Tham dục, “ngay hai thứ này tổng gọi là Vật”, là tài vật và dụng cụ. “Cứu cánh (rốt ráo) này”, là vật sở hữu của người khác, tất cả vật sở hữu nhất định sẽ thuộc về ta, mà sinh tham ái nặng, không phải quyết định thuộc về tâm, nhẹ không phải là nghiệp đạo.

Trong phần lược nghĩa, tự tánh là câu đầu, sở duyên là câu thứ hai, hành tướng là câu cuối cùng.

Trong Sân khuể có năm câu, câu thứ nhất là Tự tánh sân, bốn câu còn lại là Sở duyên sân.

Lược Vô hành tướng, không khởi thì liền dứt, khởi thì nhiều liền

thành nghiệp đạo, cho nên không nói. Phải đối với hữu tình mới thành nghiệp đạo, Phi tình thì nhẹ. "Cứu cánh", là quyết định sẽ bị hại. Hiện tại lược nghĩa này, căn cứ theo Tham ở trước, Tham trần cứu cánh, trong đây không nói, căn cứ theo trước, phần nhiều thì đồng, dễ hiểu được, giải thích như trước.

Tà kiến có ba đoạn:

1. Câu tổng nêu.

2. Hiển mười bảy câu riêng.

3. Lược kết.

"Là do ba loại Ý lạc, không phải bài bác bố thí", Ý lạc thì không lấy tài mà hành thí, Ý lạc thì không có các phước điền thanh tịnh ái dưỡng cha mẹ..., Ý lạc thì không có tế Thiên cúng tế, lược nêu ra hai Thiên của loại Hỏa thiên, không có diệu hạnh. "Năng trị trong ác hanh", là phước nghiệp sự, là ba thứ Xan tham, Phạm giới và Tán loạn; gọi là Sở đối trừ, vì đã vượt qua các Phiền não riêng. "Tịch tĩnh gọi là Chánh chí", là Niết-bàn. "Chánh hạnh", là Đạo đế. Trong nhân Hữu học là chỉ thế gian này; đang khi Vô học quả là chỉ thế gian kia. Sở tác của sức sĩ phu nên gọi là Tự nhiên", chỉ cho A-la-hán, do sức công đức của sĩ phu mà được quả Vô học quả này, cho nên gọi là Tự nhiên. "Thông tuệ", là Lậu tận thông thứ sáu. Trên đây là chỗ bác không có pháp của chân A-la-hán, dưới đây là chỗ bác không có Vô học đạo của Kiến đạo và Tu đạo.

Lược nghĩa có hai đoạn, không kết hai câu đầu. "Thứ nhất phỉ báng nhân", là không có bố thí... và không có diệu hạnh ác hạnh. Phỉ báng quả có thể biết. Trong phỉ báng công dụng có bốn đoạn:

1. Nhiếp thực, là không có cha.

2. Nhậm trì, là không có mẹ.

3. Vãng lai, là không có đời này, đời khác.

4. Cảm sinh nghiệp, là không có hữu tình hóa sinh, tức là thân Trung hữu.

Quyển thứ 7 trước không có hữu tình hóa sinh, chỉ không thể thấy tướng sinh tử, hoặc sinh Vô sắc, hoặc nhập Niết-bàn, thì liền bác không có, gọi là không có Hóa sinh. Luận kia căn cứ theo Sinh hữu, luận này căn cứ theo thân Trung hữu, vì chỗ mong khác nhau cho nên cũng không trái nhau. Nghiệp là có Thức năng chuyển. Pháp trong công dụng, đang sinh Hữu cho nên gọi là Cảm sinh nghiệp, sau A-la-hán đều là thật sự.

Trong Lược nghĩa thứ hai, "lưu chuyển duyên", là không có đời này đời kia, không có mẹ, không có cha. "Lưu chuyển sĩ phu", là không

có hữu tình Hóa sinh. Trung hữu sinh, là hợp chung gọi Sĩ phu. Không có A-la-hán... là gọi Đối trị hoàn diệt. Lại nữa, phỉ báng lưu chuyển nên biết, "phỉ báng nhân không báng tự tướng", là giải thích chữ "lưu chuyển" trong phần kết thứ hai. Không phỉ báng Vô thế gian, cha mẹ, tự thể, chỉ phỉ báng không có nghĩa của Nhân từ đây đến kia. Cha mẹ... có thể nhậm trì nghĩa của Nhân. "Cứu cánh này", là quyết định phỉ báng.

- Trong mười Thiện nghiệp đạo, Bạch phẩm có hai đoạn:

1. Tổng nêu phần đang thuyết.

2. Hiển riêng hai nghiệp đạo lìa tà dục, lìa vọng ngữ.

Vì đem hết mạng mà hành cho nên đã hành lâu xa Thanh văn giới và Bồ-tát giới. Phải biết lược nghĩa ngay trong đây, là trong ba thứ Thanh tịnh.

Trong vọng ngữ, "xứng đáng kiến lập là trong các sự tranh cãi trái nghịch kia, xứng đáng kiến lập làm chánh chứng", là không có thiên lệch sâu xa đáng tin, xứng đáng kiến lập làm người chứng lý.

Trong ba Nhiếp thọ:

1. Dục giải, tức là đáng tin, đáng uỷ thác ở trước, vì Ý lạc quyết định.

2. Bảo nhậm, tức là xứng đáng kiến lập, đáng uỷ thác tin tưởng.

3. Tác dụng, tức là không có hư dối, tức là tác dụng khởi thật ngữ.

Pháp tướng sai biệt, toàn văn lớn phân hai đoạn là nêu và giải thích. Trong giải thích lại phân hai phần là Bất thiện và Thiện. Quyển 59 ghi: "Mười ác nghiệp đạo có năm tướng sai biệt:

1. Sự.

2. Tưởng, Đối Pháp thì gọi là Gia hạnh.

3. Dục lạc.

4. Phiền não.

5. Cứu cánh.

Như vậy trong sát sinh, đối với chúng sinh thì gọi là Sự, vì tự sát và Phi tình không phải nghiệp đạo. Khởi ham muốn sát hại gọi là Tưởng, vì khởi tưởng hại chúng sinh, có thể sinh Dục lạc, Tưởng từ tên của quả, khởi tâm nhiễm ô gọi là Dục lạc, nương vào tưởng này mà khởi tâm như vầy: "Ta sẽ hại để sinh khởi Dục lạc". Khởi phương tiện sát, gọi là Phiền não, tướng phương tiện của tham sân si.

Trong Sát cứu cánh, chỗ có thân nghiệp gọi là Cứu cánh, hoặc Vô gián, hoặc sau khi chết, hoặc là bốn thứ này:

1. Sự.

2. Dục lạc.

3. Phiền não.

4. Phương tiện, tức là Tưởng, Đối Pháp luận gọi là Gia hạnh.

"Năm Cứu cánh hoặc phương tiện", là Gia hạnh đạo, lược bỏ không có nói Tưởng của nó, nhân đó nói phương tiện, phương tiện không phải nghiệp đạo, chín nghiệp đạo còn lại căn cứ theo đây có thể hiểu. Luận này nói Dục lạc làm nhiễm tâm, là lựa riêng với từ bi thực hành sát sinh của Đại thừa Bồ-tát, trong Hậu đắc trí thì không phải nhiễm ô. Trong năm nghĩa nếu thiếu một thì không thành nghiệp đạo, phải đủ năm chi mới thành nghiệp đạo. Lại như sát sinh, đối với sát sinh kia mà không phải Tưởng sát sinh kia, không phải đối với các Tưởng sát sinh kia; Phi nghiệp đạo, đối với các Tưởng kia, không phải đối với sát sinh kia mà không phải Tưởng sát sinh kia, đều không thành nghiệp đạo. Các nghiệp đạo còn lại đều căn cứ theo đây mà biết.

Trong Dục tà hạnh, "chỗ không nên làm", là ba nhiếp của người khác, tất cả nam và bất nam. "Nếu Phi đạo...", nếu là vợ con của mình cũng thành nghiệp đạo, vì người khác nhiếp lấy.

Trong vọng ngữ, "giả dối chứng", là trong Kiến văn giác tri giả dối chứng là không thấy nghe hay biết.

Trong thô ác ngữ nghiệp đạo, "là hữu tình khác", đây là căn cứ theo Tăng thượng thù thắng ngữ, Đối Pháp luận ghi: "Chỉ phát lời ác thì liền thành nghiệp đạo". Hoặc đối với hữu tình mới thành nghiệp đạo, Phi tình không đối thì đều không phải là nghiệp đạo. Quyển 60 ghi: "Thô ngữ nghiệp đạo thuộc chỗ hữu tình khởi". Văn này cũng nói đối với hữu tình. Nhưng trong quyển 59 và Đối Pháp nói thô ác ngữ nhiễm mới hủy báng, nói phát ngôn gọi là Cứu cánh, không phải đều là nghiệp đạo.

Trong ỷ ngữ, "không nói Cảnh", là Độc đầu ỷ ngữ, chỉ phát ngôn thì liền thành nghiệp đạo. "Chỗ nhiếp cùng với chỗ khác hợp chung", là cũng có Cảnh, quyển 60 ghi: "Ba thứ sát sinh, thô ngữ và sân khuể, tham sân si làm Gia hạnh, Sân làm Cứu cánh. Ba thứ không cho mà lấy, Dục tà hạnh và Tham dục, cả ba làm Gia hạnh, Tham làm Cứu cánh. Ba thứ Vọng ngữ, Ly gián ngữ và Ỷ ngữ, cả ba làm Gia hạnh, cả ba làm Cứu cánh. Một thứ Tà kiến là Gia hạnh, Si làm Cứu cánh. Tụng rằng:

Sát, thô, sân do Khuể, Trộm, tà, tham do Tham,
Ba ba Tà kiến Nghi,Ác nghiệp đạo Cứu cánh.

Trong mười nghiệp đạo, thì Sát sinh, Tà hạnh, Vọng ngữ, Ly gián, Thô ngữ, Sân khuể, sáu nghiệp đạo này thuộc chỗ hữu tình khởi; hai

nghiệp đạo không cho mà lấy và tham dục, thuộc chỗ tài sản khởi, vì hữu tình và vật đều là tài sản. Ỷ ngữ nghiệp đạo thuộc chỗ thân khởi, Tà kiến nghiệp đạo thuộc chỗ của các hạnh khởi, nếu hủy báng Vô vi, vì không thân cận, phải nói tụng rằng:

Hữu tình và tài sảnLà Hành xứ của thân
Sáu, hai, một và mộtNhư vậy nghiệp đạo khởi.

Trong mười Thiện nghiệp đạo, mỗi một nghiệp đạo đều có năm, đó là: Sự, Tưởng, Nghiệp, Phiền não và Cứu cánh.

Đoạn lớn thứ ba, nghiệp nhân theo mười hai chủng tướng, ba chủng tướng đầu là Bất thiện căn; thứ tư là do Tự lực; thứ năm là do Tha lực; thứ sáu là do chỗ đuổi bức của vua; thứ bảy là đã được vật của tự mình mà sinh tham dục, trước là tham vật của người khác, đây là tham ái tài sản của tự mình, cho nên thành sai biệt; thứ tám là có chỗ kinh sợ mà hành các nghiệp sát, đạo... như sợ người khác giết mình mà mình hành sát...; thứ chín vì có chỗ tổn hại, như chuột làm tổn hại vật, hoặc sợ rắn tổn thương mà hành sát...; thứ mười là một pháp Tưởng đem làm đạo lý, như chấp rằng hại sinh vật cho là chánh pháp.

Trong nghiệp vị, do "Nhuyễn phẩm bất thiện nghiệp sinh vào Bàng sinh...", kinh Thập Địa ghi: "Trung phẩm thì sinh Súc sinh, Nhuyễn phẩm thì sinh Ngạ quỷ", cùng với luận này không đồng. Quỷ có hai thứ:

1. Phước đức.
2. Bạc phước.

Luận này căn cứ theo trung phẩm bạc phước, luận kia căn cứ theo phước đức phẩm hạ, cũng không trái nhau.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 4
(Bản Luận 9, 10)

BẢN LUẬN 9

Trong chín môn của nghiệp, "nghiệp môn thứ năm không nói quả Sĩ dụng", là lìa ba quả thì không có riêng tăng thêm tướng, cùng với trong quả Dị thục chỉ nói đối với Na-lạc-ca thọ quả Dị thục, Đối Pháp luận quyển 7 và kinh Nhân Quả ghi: "Đối với Bàng sinh, Ngạ quỷ và Na-lạc-ca thọ Dị thục", là kinh luận kia căn cứ theo chỗ thọ nghiệp sát Dị thục của ba phẩm hạ trung thượng, luận này chỉ căn cứ theo thượng phẩm, chỉ nói Địa ngục. Lại nữa, luận này thì nêu ra một phẩm, luận kia thì nói đủ, cũng không tương ưng.

Trong quả Đẳng lưu, từ "thọ lượng ngắn ngủi" trở xuống có mười câu, mười đường ác nghiệp như thứ tự phối hợp theo. Quả tương tợ đối với nhân gọi là quả Đẳng lưu. Thọ lượng ngắn ngủi, thật ra là quả Tăng thượng, giả gọi là Đẳng lưu và Tà kiến Đẳng lưu. "Si tăng ích", Đối Pháp luận ghi: "Các Tà kiến là Si tăng thượng". Thành nghiệp đạo chỉ có Tăng thượng.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao nghiệp đạo gọi là Tà kiến, chứng đắc quả thì gọi là Si tăng thượng ?

Đáp: Si tăng thượng bắt đầu Tà kiến, Tà kiến chắc là Si tăng thượng, Tà kiến chắc chắn là có Si, có Si thì chưa hẳn có Tà kiến, nghiệp đạo khởi thì Năng y nói là Tà mà không nói là Si, chứng đắc quả thì nói Sở y là Si, không nói đối với Tà kiến, cả hai môn đều lược nói khiến cho biết nghiệp đạo chỉ là Tà kiến, vì Si thông với độn hạnh, không xứng trong quả Tăng thượng của nghiệp đạo, đây là nương vào một vật để phân rõ mười quả, Đối Pháp luận thì nương vào nhiều Sự để phân rõ mười quả, cho nên cả hai đều bất đồng, nghĩa mỗi mỗi đều khác. Luận này có mười câu, cũng nương vào nghiệp đạo theo thứ tự mà phối hợp riêng.

"Bất tiện nghi", là không thuận với nhân tâm.

Trong tám Dục giải phân làm bốn loại:

1. Đối với duyên Thân tài.
2. Đối với duyên Bi điền.
3. Đối với duyên Kính điền.
4. Đối với duyên Ân điền.

Trong năm nghiệp Vô gián, quyển 60 ghi: "Một thuộc Hư cuống ngữ, là phá Tăng, bốn thuộc thân nghiệp, trong đó có ba nghiệp thuộc Sát sinh, và một thuộc Sát sinh Gia hạnh, là làm thân Phật ra máu, tùy chỗ thích ứng thì lấy thân nghiệp và ngữ nghiệp làm Tự tánh".

1. Phá Tăng, tức là lấy chỗ phá thân của Tăng, Bất hoà hợp trong Bất tương ưng làm Tánh. Vô phú Vô ký nương vào Dị thục Thức, vì đối với pháp luân... không hoà hợp. "Thể năng phá", là Hư cuống ngữ, từ quả đặt tên gọi là Phá tăng.

2. Tỳ-kheo, là không phải trong thế tục.

3. Kiến hạnh, là Phi ái hạnh.

4. Tịnh hạnh, là Phi phạm giới, lời nói không uy kính.

5. Phá Dị xứ, là không phải trước Phật, vì chư Như Lai khó coi nhẹ và bức bách.

6. Phá ngu phu, vì không phải bậc Thánh.

7. Khi nhẫn chịu Thánh đạo của sư khác, cho rằng năm pháp là Đạo, tám Chánh là Phi đạo.

8. Chắc hẳn không trải qua nghiệp đời trước mà phá pháp luân Tăng, có thể chướng Thánh đạo luân, vì phá sự hoà hợp của Tăng.

9. Phá pháp luân, chỉ có châu này có Phật; phá Yết-ma, thông với ba châu, vì có giáo pháp.

10. Phá pháp luân, ít nhất là chín người, Sở phá phân hai Bộ, Năng phá làm một Bộ. Phá Yết-ma ít nhất là tám người, vì phân hai Đế, cho nên nhiều cũng không ngăn ngại.

11. Có sáu vị:

   1. Mới thành đạo.
   2. Sắp nhập Niết-bàn.
   3. Thấy lỗi của giới khi chưa khởi.
   4. Khi chưa lập một đôi Chỉ quán thứ nhất.
   5. Sau khi Phật diệt độ.
   6. Khi chưa kiết giới.

Trong sáu vị này không có phá pháp luân, trừ các vị này ra, những thời khác mới có thể phá Tăng. Bài tụng của Câu-xá luận ghi:

Tất cả bốn vị trước,
Phật diệt và chưa kiết,
Trong sáu vị như vậy,
Không phá pháp luân Tăng.

Đây là Hóa độ có sự này, Báo độ hoặc có Phật Di-đà, Điều Đạt gọi là Tịch, hoặc báo Phật không có hóa A-di-đà, có sư Tát-bà-đa, cho Phật có túc nghiệp oán đối cho nên nói có, Đại thừa chỉ có thị hiện. Trong ngũ nghịch, hại cha, hại mẹ, hại ân điền, còn lại ba thứ đều là hoại phước điền, do đây mà thành tội nghịch, vì thông với ba Thừa. Ngũ nghịch mà trong kinh Tát-giá-ni-kiền-tử nói không đồng với luận này, chỉ có Đại thừa mới có đối với căn cơ riêng biệt, cũng không trái nhau. Trong ngũ nghịch này, phá Tăng là rất nặng, vì hoại công đức Pháp thân, chướng đạo giải thoát của trời, người. Nhập Thánh, chứng đắc quả, lìa nhiễm, dứt lậu đều sẽ bị ngăn cản, cho đến không chuyển Đại thiên pháp luân, thân tâm của trời, người, rồng... bị loạn, quyết định chiêu cảm tất cả tội lớn Vô gián; kế đó là làm thân Phật ra máu; kế đó là sát hại A-la-hán; kế đó là mẹ; kế đó là cha, những tội nghịch sau nhe dần, các nghĩa môn khác đều như Câu-xá luận quyển 18 nói.

"Nghiệp Vô gián đồng phận", là tội đồng loại trong nghiệp Vô gián, là làm ô uế A-la-hán Ni và mẹ, đó là loại hại mẹ. Đánh thân sau cùng của Bồ-tát là loại giết cha. Hoặc đối với miếu thờ chư Thiên... mà hành sát hại, hoặc đối với giao phó việc nặng bị tổn hại, hoặc đối với sự gánh vác khốn khổ, hoặc đã bố thí Vô uý rồi mà trở lại hại bức não, đó là loại sát hại A-la-hán. Cướp đoạt Tăng môn, đó là loại phá Tăng. Phá hoại linh miếu... đó là loại làm thân Phật ra máu. Hoặc tổng loại nhiếp, không cần phối hợp riêng. Câu-xá luận cùng với luận này không đồng. Câu-xá ghi: "Nhiễm mẹ Ni Vô học, giết Bồ-tát Trụ định, và bậc Thánh hữu học, đoạt duyên hoà hợp Tăng, phá hoại Tốt-đổ-ba, là đồng loại Vô gián". Từ tu tướng diệu nghiệp gọi là Trụ định Bồ-tát, Bồ-tát kia có thể bị sát hại, luận này không có sự đó, vì thân tối hậu của Bồ-tát quyết định không bị người sát hại, cho nên luận này nói là đánh. Sát hại Thánh hữu học tuy là Nghịch lưu, kể không hết, nhưng trong đây loại giết A-la-hán, thuộc nghĩa thứ hai trong ba nghĩa nhiếp, vì thuộc về loại Kỳ cựu.

"Tăng môn" là nhân theo các chỗ hữu sự của Tăng, như biết vật của người khác và Tăng vật, tự lấy về làm của mình.

"Linh miếu" là điện, đền. "Tốt-đổ-ba", Hán dịch là Cao hiển, Phù-đồ... mỗi mỗi nêu ra một tên, đều là Phật sự. Đối Pháp luận ghi:

"Năm nghiệp Vô gián... là Thuận sinh thọ nghiệp".

Hỏi: Tại sao trong đây gọi là quả Hiện pháp?

Đáp: Vì trong đây căn cứ theo hành tội nghịch, hiện bị sát hại... cho nên gọi là thọ Hiện pháp. Tội nghịch kia y theo thứ tự mà sinh đoạ Vô gián... gọi là thọ Thuận sinh, cũng không trái nhau.

Hỏi: Thuận hiện thọ nghiệp không chiêu cảm Tổng quả, lẽ nào năm nghiệp Vô gián lại thọ Biệt quả hay sao ?

Đáp: Do nghiệp gia hạnh mà thọ Biệt quả hiện tại, do nghiệp Căn bản mà thọ Tổng quả tương lai, không phải do một nghiệp hiện tại rồi sau đó cùng thọ. Từ quả thứ nhất mà đặt tên gọi là Thọ hiện pháp, thì Ngũ Vô gián không chiêu cảm Tổng quả, tức là do nghĩa này. Đối Pháp luận ghi: "Người tạo nhiều nghiệp Vô gián, thì chỗ chiêu cảm dụng cụ hành khổ có nhiều bén nhọn, nhanh chóng thọ nhiều khổ". Ha Oán Tâm kinh ghi: "Do nghiệp Vô gián trong Na-lạc-ca, niệm niệm sinh tử thọ đại khổ Dị thục". Các kinh Bát-nhã, Pháp Hoa... cũng ghi: "Do hủy báng kinh, từ một Địa ngục sinh một Địa ngục, từ quả thứ nhất đặt tên, đều là Thọ thuận sinh". Luận này cũng vậy.

Hỏi: Sát hại Độc giác, tại sao không phải là tội Nghịch ?

Đáp: Vì ít cho nên không nói, tức là thuộc loại A-la-hán.

"Người do cúng dường, Từ định... mà chứng đắc Hiện quả", là nương vào Sơ xuất vị (địa vị mới ra khỏi) Các vị như Sơ xuất từ định, Vô tránh, Diệt định, Dự lưu A-la-hán quả cũng vậy, không phải sau khi đã ra khỏi lâu. Không nói Độc giác, vì ít cho nên lược bỏ, thật ra cũng chứng đắc quả Nhất lai và quả Bất hoàn, không phải mới chứng đắc Thánh cho nên không nói.

Hỏi: Tại sao chỉ nói Từ định, mà không nói Bi định, Hỷ định, Xả định... ?

Đáp: Vì Hỷ và Xả thì yếu kém, Bi thì thông với tán loạn, đối với Thế gian lạc và Xuất thế gian lạc, thì Từ... là thù thắng. Vô tránh... cũng vậy, bên trong chứng Chân vô tránh, bên ngoài chắc chắn dứt các phiền não, Thắng nguyện trí... cho nên ngoài Từ định ra, không nói các Định khác.

"Đối với nơi chỗ của Tăng hữu học và Vô học", Đối Pháp luận ghi: "Phật làm Thượng thủ tăng, là tất cả Tăng đối trước Phật, hoặc đệ tử Phàm tăng, Thánh tăng, Học tăng, Vô học tăng mà gọi Phật là Thượng thủ tăng, cho nên trong luận này nói Tăng, không phải người nào khác.

"Đối với nơi chỗ của Học tăng và Vô học tăng", Đối Pháp luận

ghi: "Phật làm Thượng thủ tăng, là các chỗ có Tăng đối trước Phật, hoặc đệ tử Phàm tăng, Thánh tăng, Học tăng, Vô học tăng mà gọi là Phật là Thượng thủ tăng, cho nên trong luận này nói Tăng, không phải người nào khác.

Trong "cùng với quả Tăng thượng... của người khác, là cũng do thọ Hiện pháp quả nghiệp", là không chỉ do nghiệp của người khác, mà cũng do Hiện nghiệp của tự mình, là nói trụ xứ của Phật khiến cho sinh an lạc, chúng sinh thấy Phật phát tâm cúng dường làm nghiệp, Phật khiến cho không Khổ mà được trụ an lạc, vì là lực ở đời, nhiếp các chúng sinh khác đều được an lạc. Luân vương khuyến hóa hành mười Thiện nghiệp, chúng sinh tùy theo hành mà đắc an lạc cũng vậy. Bồ-tát Từ Định vận tâm ban cho ưa thích cúng dường được an cũng lại như vậy, do nghiệp của người khác tăng thượng, mà Hiện nghiệp của tự mình thành thục liền chứng đắc Hiện quả.

"nghiệp chư Thiên", tức là phần nhiều người đời cho rằng thiện ác do Thiên, vì ban đầu là do chư Thiên khởi bi, sau đó khởi từ tâm mà ban cho an lạc, cho nên chỉ nói Từ định.

"môn tổn ích có tám thứ", bảy môn đầu tức là thân có ba, ngữ có bốn, như thứ tự mà phối hợp. "môn thứ tám là hợp chung là ba nghiệp đạo của Ý.

"Trợ bạn", là bạn bè thân cận.

Nghiệp thứ sáu, Tăng thượng có hai loại: 1. Lợi tướng. 2. Cần tướng.

- Thứ ba trong Tự tánh:

1. Ngữ có bốn giảo lượng.

2. Thân có ba nghiệp đạo.

3. Ý có ba nghiệp đạo, từ nhẹ đến nặng.

Tổng là xem xét ba nghiệp, biệt là suy lường mười nghiệp, trong nghiệp đạo thì trước là Sắc sau là Tâm, trong Sắc thì trước là nặng sau là nhẹ, các Sắc nghiệp đạo đều trước nặng sau nhẹ. Trong Ý nghiệp đạo, trước nhẹ sau nặng, tạo tác các pháp không đồng, cũng không có lỗi. Nhưng ba Phạt nghiệp thì Ý nghiệp là rất nặng.

Trong Thiên kiến thứ năm , thì Tà kiến là nặng, năm Vô gián thì phá Tăng là nặng, vì chỗ mong khác nhau. Luận này thuyết minh nghiệp không mong Vô gián, cho nên Ngữ nghiệp là nhẹ, lý cũng không có lỗi.

Trong nghiệp Điên đảo thứ bảy, "sát sinh tội tương tợ đồng phận", là Gia hạnh đạo nghiệp tợ Căn bản. Điều này có hai ví dụ:

1. Sát hữu tình.

2. Sát Phi tình.

“Đều là đối với Phi tình mà khởi làm khởi tưởng, cho nên không có tội Căn bản chấp thọ điên đảo, chỉ nói cho đến Ý ngữ, không nói ba nghiệp đạo của Ý”, là Thân và Ngữ có bảy chi thông với giới tánh, vì chung Sở tri, Sắc thì dễ chấp. Trên thuyết minh không có tội, cũng không có thí cho, thọ trai, tu phước trở xuống, vì không có phước điền, khởi Tà kiến, cho nên lấy làm chấp này.

- Trong nghiệp Sai biệt thứ tám có hai thứ:

1. Nêu ra tên nghiệp của bốn vị trước.

2. tùy chỗ nêu mà giải thích.

- Nêu vị có bốn thứ:

1. Có năm loại làm hai môn.

2. Có mười loại làm ba môn.

3. Có một loại làm bốn môn.

4. Có một loại làm năm môn.

“Tác nghiệp”, nghĩa là Thân nghiệp và Ngữ nghiệp do Tư hoặc Tư dĩ khởi. “Không tác nghiệp”, là cho đến Thân nghiệp, Ngữ nghiệp thẩm sát quyết định hai Tư gọi là Ý nghiệp, động phát khởi Thắng tư gọi là chỗ đã khởi Thân nghiệp Ngữ nghiệp của Tư. Hoặc động phát Thắng tư gọi là Tư nghiệp, chỗ khởi Thân nghiệp Ngữ nghiệp của Tư này, gọi là Tư dĩ khởi Thân Ngữ nghiệp. Giải thích này đồng với Đối Pháp luận. Luận kia ghi: “Tư nghiệp, là phước, Phi phước và Bất động nghiệp. Tư dĩ nghiệp là Thân, Ngữ và Ý nghiệp”. Tác nghiệp này thông với nghiệp đạo Gia hạnh, Căn bản, Biểu nghiệp và Vô biểu nghiệp chưa diệt chưa xả gọi là Tác nghiệp, tức là Chủng tử của hai nghiệp. Gia hạnh, Căn bản, Biểu, Vô biểu nghiệp chưa diệt chưa xả gọi là Bất tác nghiệp, vì không thành tựu, không có tác dụng thù thắng. Luận này có đủ các Pháp sư giải thích. Sư Cảnh nói: “Chỗ tùy ý sinh, không phải thuộc nghiệp đạo. Các nghiệp thiện nghiệp ác và Vô ký, gọi là Bất tác nghiệp. Nếu nghiệp đạo Căn bản Gia hạnh là chỗ sinh các nghiệp thiện nghiệp ác, thì gọi là Tác nghiệp”. Luận này giải thích: “Gia hạnh Căn bản và các Biểu nghiệp, gọi là Tác nghiệp, vì có khởi tạo tác, các Vô biểu nghiệp gọi là Bất tác nghiệp, vì không có dấy khởi tạo tác”. Luận này thông với Biểu nghiệp và Vô biểu nghiệp của ba Thừa cho nên không nói Ý nghiệp.

Trong nghiệp Tăng trưởng và Bất tăng trưởng, “tám Tự tánh Vô ký nghiệp”, là thiện và bất thiện, thuộc Phi nghiệp đạo. Tánh của Trung

phẩm và Hạ phẩm không phải tánh Vô ký trong ba tánh. Tự thể bất tăng gọi là Vô ký, hoặc là nghiệp Vô ký trong ba tánh.

"Nghiệp sở tổn của chín Hối", quyển 89 ghi: "Đối với nghiệp tạo tác không tăng trưởng, nếu không có Hối thì không có tu đối trị có thể phải thọ quả, gọi là nghiệp Tăng trưởng, nếu hối hận ăn năn thì gọi là không Tăng trưởng. Hoặc nghiệp Tăng trưởng trước kia do hối hận ăn năn, nếu như khi chưa sinh oán thì gọi là không Tăng trưởng, không hối hận ăn năn thì gọi là nghiệp Tăng trưởng". Quyển 60 ghi: "Y theo người chưa giải thoát mà kiến lập Định thọ nghiệp, cho nên người giải thoát là khởi Đạo, Phục và Đoạn". Đối Pháp luận ghi: "Có năm thứ do đó mà Tư tạo nghiệp:

1. Chỗ dạy bảo của người khác.
2. Chỗ khuyến thỉnh của người.
3. Không có Sở liễu tri.
4. Căn bản chấp trước, là ba độc che tâm, mạnh nhanh chấp trước, là chỗ khởi các nghiệp.
5. Điên đảo phân biệt, là chỗ hành ác nghiệp không có tội thù thắng.

Trong năm thứ này, Căn bản chấp trước và Điên đảo phân biệt, hoặc Tác hoặc Tăng trưởng, không phải không thọ Dị thục, vì nghiệp nặng, còn lại ba nghiệp kia tuy tạo tác mà không tăng trưởng thì không phải thọ Dị thục, vì nghiệp nhẹ". Luận đó giải thích: "Tác, là khởi tạo các nghiệp khiến cho nó hiện hành. Tăng trưởng, là khiến cho Tập khí tăng thêm". Luận đó nói Cố tư nghiệp (nghiệp tư duy cũ) chỉ có năm loại, trong luận này nói chung Cố tư và Bất tư, cho nên luận này có mười loại. Loại thứ hai trong luận này tức là thứ ba của luận kia, loại thứ bảy của luận này tức là thứ hai của luận kia, cũng không trái nhau. Hai loại sau của luận kia thuộc nghiệp Tăng trưởng, cho nên không thuộc mười loại.

"Tư nghiệp cũ", là Tư đã xưa cũ rồi. "Hoặc Tác nghiệp, hoặc Tăng trưởng...", trong đây tạo tác xưa cũ hoặc Tăng trưởng gọi là Tư nghiệp xưa không phải tạo tác xưa cũ. Hoặc Tăng trưởng thì gọi là Tư nghiệp không xưa cũ. Đối Pháp luận thuyết minh Tư nghiệp và Tư dĩ nghiệp, loại Tư nghiệp là phước, Phi phước và Bất động nghiệp; loại Tư dĩ nghiệp là thân ngữ ý nghiệp, đồng với luận này. Lại nữa, luận kia nói Tư nghiệp có năm loại, như thứ tự nói ở trước, cùng với luận này trái nhau, vì thông với Tăng trưởng và Bất tăng trưởng cho nên luận này dựa vào Tư mạnh thù thắng sẽ quyết định chiêu cảm Dị thục, cho nên gọi

là Tư nghiệp. Luận kia dựa vào chỉ là Sở tác của Tư xưa cũ, không phải là nghiệp tùy ý, thông với quả đang chứng đắc và quả không đang đắc, đều gọi là Tư nghiệp xưa cũ, vì chỗ mong cầu khác nhau, cũng không trái nhau.

"Thuận định thọ nghiệp và Bất định thọ nghiệp", tức là Tư nghiệp xưa cũ ở trước, sẽ quyết định chiêu cảm Dị thục. Tư nghiệp không xưa cũ ở trước, sẽ không quyết định chiêu cảm Dị thục. Đối Pháp luận ghi: "Quyết định thọ nghiệp", là quyết định có ba loại:

1. Tác nghiệp định, do sức túc nghiệp chiêu cảm thân quyết định, trong đời này thì phải tạo nghiệp này, thời hạn quyết định không xa lắm, thần lực của Phật cũng không thể ngăn được.

2. Thọ Dị thục định, tức là Thọ thuận định của luận này, nghiệp quả quyết định sẽ thọ, vì ngay lúc đó chưa định.

3. Phần vị định, là Thuận hiện thọ, Sinh thọ, Hậu thọ và Phần vị định nghiệp.

Trong đây muốn nói, nếu nghiệp đạo nhiếp nghiệp thì gọi là Thuận định thọ, sau Gia hạnh mà khởi, thông với Định và Bất định, nếu chưa Hối chưa giải thoát thì gọi là Định nghiệp, đã Hối đã giải thoát thì gọi là Bất định nghiệp.

"Nghiệp Dị thục và nghiệp Vị thục", là quá khứ và hiện tại đang sinh quả nghiệp, gọi là nghiệp Dị thục; vị lai và hiện tại đang sinh quả nghiệp gọi là nghiệp Vị thục. Trên nói về năm loại có hai môn đã xong.

Trong nghiệp của ba tánh, nghiệp Hữu phú vô ký cũng gọi là Vô ký nghiệp, vì không phải ba thiện căn và bất thiện căn làm nhân duyên.

"Nghiệp do luật nghi nhiếp", là Biệt giải thoát luật nghi. Đối Pháp luận nói, tức là chỗ thọ luật nghi của bảy chúng, năm chúng xuất gia, Cận sự và Cận trụ. "Do xuất gia", là thọ mạng hết mà xa lìa ác hạnh và dục hạnh. "Do cận sự", là thọ mạng hết mà lìa ác hạnh, không lìa dục hạn. "Do cận trụ" là không thể hết thọ mạng mà lìa ác hạnh dục hạnh, cho nên Biệt giải thoát kiến lập ba loại.

"Nghiệp sở nhiếp của Tĩnh lự, Đẳng chí, Quả, Đoạn, Luật nghi" nghĩa là, Tĩnh lự là bốn Tĩnh lự của cõi Sắc. Đẳng chí, là bốn cõi Vô sắc. Quả là nương vào chỗ tu sinh công đức của Tĩnh lự Vô sắc. Đoạn là Tĩnh lự Vô sắc tương ưng với Tư hiện tại, đề phòng xa các Đoạn giới của phạm, phi phạm giới trong cõi Dục. Quả tức là Đoạn giới, là Đoạn của quả. Thể tức là Định sinh luật nghi, ba Thừa thì thông với thân ngữ,

Đại thừa gồm luôn ý nghiệp. Có thuyết giải thích Đoạn tức là tánh giới Vô vi, Quả là Định sinh luật nghi. Luận này giải thích nghiệp, đã nói là Quả đoạn, không nói là Đoạn quả, thì Đoạn không phải Vô vi, như trước đã nói nghiệp hoặc quả cùng với Đoạn, cả hai đồng thời với giới thể. Cho nên nắm lấy song song, chỉ có Sơ vị chí có Đoạn đối trị, trong các Địa trên thành những phần đoạn xa, đây là dựa vào nghĩa Hữu lậu định sinh giới. Quyết Trạch phần nói cõi Sắc có, đây là thông với Vô sắc cũng có. Đối Pháp thì chỉ dựa vào cõi Sắc mà kiến lập. Luận kia phải tự hiểu rằng do cõi Vô sắc không có thô sắc cho nên không kiến lập.

"Nghiệp do Vô lậu luật nghi nhiếp", là bậc Kiến đế, tánh viễn ly do sức Vô lậu chứng đắc, tức là Đạo cộng giới, như trong phần Biểu và Vô biểu nói rộng.

Trong Bất luật nghi, "gièm pha châm chích", là chỉ có hạnh sàm nịnh, châm chích người khác, để cầu nuôi mạng, là loại bất lương, là bọn doạ nạt. "Đoán ngục", là ở Tây vức lập riêng hạng người Đoán ngục, để cầu tài nuôi mạng. Luận này có mười hai loại, Đối Pháp luận có mười bốn loại, ba loại luận này không có là:

1. Săn nai.
2. Bắt cá.
3. Giết trâu.

Luận này không có một loại Đoán ngục. Trong kinh Niết-bàn nói có mười sáu loại. Trâu, dê, heo, gà, vì lợi mà nuôi cho mập rồi bán, vì lợi cho nên mua, mua rồi giết mổ, tức là tám thứ:

1. Bắt cá.
2. Bắt chim.
3. Thợ săn.
4. Trộm cướp.
5. Làm đầu đảng.
6. Lưỡng thiệt.
7. Lính ngục.
8. Chú thuật bắt rồng.

Lại là tám thứ cho nên không có đoán ngục và bắt voi. Trong Tạp Tâm nói có mười hai thứ:

1. Mổ dê.
2. Nuôi heo.
3. Nuôi gà.
4. Bắt cá.
5. Bắt chim.

6. Thợ săn.
7. Làm giặc.
8. Làm đầu đảng.
9. Giữ ngục.
10. Chú thuật bắt rồng.
11. Rình bẫy.
12. Giết chó.

Các văn không đồng, chỉ nói rộng ý nghiệp tổn hại, vì tự nuôi mạng mà làm nghiệp này, đều là Bất luật nghi. Lược nêu đầu mối như thế, không phải chỉ có như vậy. Nếu không như thế thì chuyên giết ngựa, lừa... lẽ nào không phải Bất luật nghi kia. Kể đủ, kể nhiều hay ít, do nhân duyên bỏ bớt, cũng như Biệt chương nói.

Trong Xứ, nghiệp có Biểu và Vô biểu, Phật thành và không thành, đều như Biệt chương nói.

"Tự tánh của thí " là chỗ khởi của Tư, có thể xả vật bố thí. "Thân nghiệp và ngữ nghiệp", Đối Pháp luận và Duy Thức đều lấy ba nghiệp, cùng với Tư và Vô tham làm tánh. Luận này thì lấy Vô tham làm nhân duyên, vì Tư thì nói trong môn Đẳng Khởi, cho nên trong tự tánh lấy thân nghiệp và ngữ nghiệp. Căn cứ theo Biểu Ngoại Chương và Tam Thừa Thông luận, cho nên chỉ có thân ngữ nghiệp mà không nói ý nghiệp.

Trong "tự tánh của giới" , lấy ba nghiệp làm tánh, cho nên nói thân ngữ nghiệp... Như Duy Thức ghi: "Thọ Bồ-tát giới cho nên thông với ba nghiệp".

"Y xứ thông với Tình và Phi tình", là Tánh giới và Giá giới, tùy chỗ thích ứng của nó, nương thông cả hai.

"Tự tánh của tu tánh là Tam-ma-địa", nghĩa là bốn Vô lượng tâm của nó, Thể của Từ không có sân, Thể của Bi không có hại, Thể của Hỷ không có tật đố, Xả tức là ba thiện căn, khéo xả niệm. Hiện tại là từ Sở y cho nên lấy Định làm Thể, như Vô Cấu sớ quyển 2 giải thích.

"Y xứ", tức là ba cõi mà hữu tình sở duyên, tổng phân làm ba loại:

1. Không có Khổ, không có Lạc, mà ban cho Lạc gọi là Từ.
2. Có Khổ mà cứu tế gọi là Bi.
3. Có Lạc mà trợ Hỷ, gọi là Hỷ.

Đối với loại thứ nhất khởi lìa Si tưởng, đối với thứ hai khởi lìa Sân tưởng, đối với loại thứ ba khởi lìa Tham tưởng, bình đẳng khiến cho lìa á gọi là Xả. Đây là nêu ra Cảnh... của Từ để lấy ba cảnh còn lại, mỗi

Cảnh này có ba thứ, như các văn khác nói.

"Phước nghiệp thì chiêu cảm Dị thục cói thiện...", nghĩa là phước nghiệp đối với trời người thọ cùng Dị thục. "Và Thuận ngũ thú thọ" là Tứ thú thọ riêng Dị thục, riêng trong Địa ngục thọ Đẳng lưu quả tương tợ quả báo riêng, nhưng gọi chung là "thuận ngũ" thì có nghĩa không đúng. Thành Duy Thức ghi: "Chỗ khác nói ở đó có Đẳng lưu Lạc", phải biết là luận kia nương vào lý tùy chuyển mà nói, cho nên trong Đại thừa thì ở đó không có thiện quả. Do thiện quả mà thọ Khổ nhẹ, gọi là chứng đắc quả, lại không có quả báo riêng, không đồng với Địa ngục và bốn Trần của Tiểu thừa thừa nhận là thiện nghiệp chiêu cảm. Lại giải thích, luận này theo số mà nói chung thì có năm, nói riêng thì chỉ có bốn thú. Lại giải thích lìa Phi thiên là một, hợp lại thành sáu nẻo, cho nên nói thiện nghiệp thuận với năm nẻo thì có, Địa ngục thì thật sự là không có.

Trong đoạn "thuận bất khổ bất lạc thọ nghiệp", nghiệp của Biệt báo chỉ có Tĩnh lự thứ tư trở lên, ở đây có hai nghĩa:

1. Từ ba Định trở xuống có Biệt báo thọ quả. Luận này và Đối Pháp luận không nói có nghiệp. Căn cứ theo đa phần thiện nghiệp chiêu cảm Lạc thọ quả, thiểu phần thiện nghiệp thì chiêu cảm Xả thọ quả, cho nên lược bỏ không luận. Nếu không như thế thì tại sao thiện nghiệp của Địa cõi dưới không chứng đắc quả kia?

2. Tam định trở xuống không có riêng Thiện xả nghiệp. Xả quả Tĩnh lự trong Thức thứ sáu, vì nghiệp của các Địa cõi dưới thô, thiện chỉ chiêu cảm Lạc, cho nên không có Xả quả.

Hỏi: Thiện nghiệp của các Địa cõi dưới thô, không chiêu cảm Xả quả, thì nghiệp các Địa cõi dưới của Xả quả thứ tám chiêu cảm hay không?

Đáp: Vì tổng và biệt khác nhau cho nên không nên làm thí dụ.

Trong "Thuận hiện pháp thọ nghiệp", luận này và Đối Pháp luận đều nói có ba thứ, từ nghiệp thứ nhất đặt tên, Hiện nghiệp chỉ có Biệt báo, các nghiệp khác đều thông với tổng và biệt. Đoạn trước đã nói có hai nghiệp là Định và Bất định, quyển 60 nói có bốn nghiệp:

1. Dị thục định.
2. Thời phân định.
3. Nhị câu định.
4. Nhị câu bất định.

- Hiển Dương luận quyển 19 ghi: có năm nghiệp:

1. Hiện pháp thọ quyết định.

2. Sinh thọ quyết định.
3. Hậu thọ quyết định.
4. Thọ báo quyết định.
5. Tác nghiệp quyết định.

Không dựa vào Thời, mà chỉ luận về Báo, cho nên chỉ có hai nghiệp là Hữu định và Bất định. Nếu luận về Thời và Báo hợp chung lại nói, thì nghiệp chỉ có ba thứ, không ngoài các nghiệp này. Thời và Báo tương đối hợp lìa cho nên có bốn thứ, không nói Biệt thời, vì nói Tổng thời. Chỉ nương vào Thời, Quả và Tác nghiệp định nói có năm thứ, vì trừ Bất định ra, văn tuy có khác nhau, nhưng nghĩa lý thì không trái nhau, vì chỗ mong cầu sai biệt.

"Học nghiệp hoặc là Dị sinh...", là các Dị sinh phát tâm Tam thừa giải thoát phần thiện về sau đều gọi là Học. Học nghiệp thông với Hữu lậu và Vô lậu. Vô học cũng vậy. "Phi học, Phi bất học", là tất cả các nghiệp của các Dị sinh vị trước khi chưa phát tâm. Trong quyển 66 chỉ ghi: "Chỉ có bậc Thánh lấy làm Hữu học, vì đã chứng Thắng đắc. Đây là căn cứ theo Sở y hợp chung lại mà luận. "Học", là Sinh đắc thiện... cũng gọi là Học, nếu không như thế thì không phải, vì không thuận với luận kia.

Trong "Nghiệp của Kiến sở đoạn" chỉ nói bất thiện nghiệp nẻo ác là Kiến sở đoạn, đây là căn cứ theo Dẫn nghiệp, nếu gồm Mãn nghiệp thì thông với năm nẻo, cho nên luận nói "vân vân". Quyển 53 ghi: "Đến hạnh nẻo ác, chỉ có Phân biệt khởi thì Phiền não mới có thể khởi". "Dẫn nghiệp và Mãn nghiệp trong ba nẻo ác", là Phân biệt khởi cho nên luận này nói thiên về nó.

Trong Phi nhân, chiêu cảm ác nghiệp riêng, không phải Kiến đạo đoạn, cũng không phải Câu sinh không chiêu cảm nẻo ác. Vô tưởng định... tuy cũng là Kiến đoạn, nhưng không phải lìa Phược đoạn, cho nên trong luận này không nói, hoặc Đẳng cso nghĩa là gồm chung, như Duy Thức luận sớ quyển 8, Đối Pháp luận quyển 4... giải thích. Trên thuyết minh mười loại ba môn của nghiệp đã xong.

Trong bốn nghiệp Hắc hắc, thì Phi phước nghiệp gọi là Hắc hắc, là tổng nghiệp của ba đường ác và Biệt ác nghiệp; Bất động nghiệp của nó gọi là Bạch bạch, là Tổng biệt thiện nghiệp của cõi Sắc và cõi Vô sắc; các phước nghiệp của nó gọi là Hắc bạch. Hắc bạch nghiệp, là Tổng nghiệp của trời người cõi Dục, và Biệt thiện nghiệp của Thuận ngũ thú. Thiện bị bất thiện oán ghét, cho nên gọi là Hắc bạch hắc bạch nghiệp, vì chưa đoạn Hắc nghiệp, do phước nghiệp của nó được tên này.

Nếu Hắc nghiệp đã đoạn rồi, thì đó là chủng loại đầu tiên, cũng gọi là Hắc bạch hắc bạch nghiệp. Ba loại của những nghiệp này, Đối Pháp luận ghi: "Hoặc nhân, hoặc quả, đều được tên này".

Nhân của Hắc hắc vì là nhiễm ô, cho nên quả không thể ưa thích. Nhân Bạch bạch vì không nhiễm ô, cho nên quả có thể ưa thích. Nhân của Hắc bạch hắc bạch là tạp thiện của ác, chỗ tạp quả của quả ác, phước nghiệp quả của cõi Dục quyết định làm Phi phước tạp, cho nên gọi là Hắc bạch hắc bạch, vì tự có Phi phước quả cho nên không làm Phước tạp, cho nên không gọi là Bạch hắc bạch hắc nghiệp. Đối Pháp luận quyển 8 và quyển 66 nói Hắc hắc nghiệp đồng với luận này.

"Bạch bạch nghiệp của các luận kia", là thiện nghiệp của ba cõi; Hắc bạch hắc bạch nghiệp là tạp nghiệp của ba cõi, không phải một sát-na nghiệp mà thông thiện ác, nhưng dựa vào Ý lạc và do phương tiện, hợp chung nói một nghiệp gọi là Tạp nghiệp, là có nghiệp Ý lạc mà gọi là Hắc, vì có phương tiện mà gọi là Bạch, tức là uốn nắn giả dối các tâm tướng mà tu các thiện. Hoặc có nghiệp Ý lạc gọi là Bạch, phương tiện gọi là Hắc, tức là giáo huấn đệ tử phát khởi ác thân ngữ. Hắc bạch nghiệp này thông với thiện tánh và ác tánh. Luận này dựa vào ba thứ phước nghiệp, phi phước nghiệp và Bất động nghiệp để thuyết minh các nghiệp Hắc hắc... Các luận kia thì dựa vào thiện ác thuần và tạp để thuyết minh các nghiệp Hắc hắc, cho nên không trái nhau. Lại nữa, quyển 66 và Đối Pháp dựa vào Chân thật lý môn, trong luận này thì căn cứ theo Tùy chuyển lý môn. Câu-xá quyển 16 ghi: "Thiện của cõi Sắc và cõi Dục có thể trừ tận ác kia, Vô lậu nên biết như thứ tự gọi là Hắc bạch câu phi". Nếu nói luận này tùy thuận với tông kia, thì Bạch bạch nghiệp của nó đáng lẽ chỉ có thiện của cõi Sắc, nhưng lý đã không như thế, cho nên cũng như trước đã nói.

"Phi hắc, Phi bạch, Vô dị thục nghiệp khéo đoạn tận các nghiệp", vì không nhiễm ô cho nên gọi là Phi hắc; vì không phải thiện Hữu lậu cho nên gọi là Phi bạch; vì không chiêu cảm quả Vô phú Vô ký cho nên gọi là Vô dị thục nghiệp; vì có thể đoạn trừ ba nghiệp trước cho nên gọi là khéo đoạn tận các nghiệp. Đối Pháp thì gọi là "Phi hắc bạch Vô Dị thục nghiệp khéo đoạn tận các nghiệp. Luận đó nói "Phi hắc", là vì lìa phiền não; "Bạch", là xưa nay thanh tịnh. Để lựa riêng với Bạch thiện nghiệp Hữu lậu trái với sinh tử, cho nên gọi là Vô dị thục, không phải cho tất cả Vô lậu đều là nghiệp này, nói có thể dứt hết các nghiệp, là lấy Đoạn đối trị của ba nghiệp trước, trong Câu-xá luận nói về Thể này rằng:

Tứ pháp Nhẫn Ly dục,
Tám pháp Vô gián câu,
Mười hai Vô lậu Tư,
Chỉ tận thuần Hắc nghiệp.
Lìa Dục, bốn Tĩnh lự,
Vô gián tư thứ chín
Một dứt Hắc tạp thuần,
Bốn khiến tận thuần Bạch.

Nếu y theo Du-già thì phải nói:

Thứ tự cõi Dục mười,
Trước chín thuần Hắc bạch,
Sau một thuần Hắc nghiệp,
Trên tám thuần Bạch đoạn.
Chỉ lìa Dục cõi Dục,
Nương Sơ vượt Đệ tam,
Một tận thuần Hắc tạp,
Lìa một trên đều đoạn.
Từ Sơ vượt Đệ tứ,
Tổng nói có mười ác,
Trước chín chỉ đoạn Hắc,
Thứ mười ba đều đoạn.
Bồ-tát thấy có Tư,
Ba Kim Cương đều trừ,
Là nói vô gián đạo,
Du-già hay đoạn nghiệp,
Nếu Gia hạnh Phục Diệt,
Đều trừ thêm Kiến đạo.

Nếu y theo văn của quyển này, thì trong Kiến đạo của Nhị thừa, một Vô gián đạo và tám Vô gián tư dần dần lìa Dục ở trước, chỉ dứt tận Hắc hắc nghiệp; Vô gián đạo thứ chín song song diệt tận thuần hắc và tạp nghiệp. Lìa bốn Tĩnh lự và bốn Vô sắc, Vô gián đạo thứ chín chỉ diệt tận Bạch bạch nghiệp, đây là nương vào người dần dần chứng đắc quả mà nói.

Nếu nương vào Sơ vị chí định và Sơ định, siêu nhập Kiến đạo mà chứng đắc Quả thứ ba thì một Vô gián đạo lìa thuần hắc và tạp, nếu trước đã lìa các Địa nhiễm cõi trên, nương vào bốn Tĩnh lự mà chứng đắc Quả thứ ba thì một Vô gián tư lìa thuần hắc và tạp, tùy chỗ thích ứng của nó mà gồm chung Bạch bạch nghiệp. Nếu từ Sơ quả mà lấy

quả thứ tư thì tám Vô gián tư ở trước chỉ lìa Hắc hắc nghiệp, Vô gián tư thứ chín đều lìa ba nghiệp. Nếu một Vô gián tư trong Kiến đạo của các Bồ-tát chỉ lìa Tư hắc nghiệp, thì một Vô gián tư của Kim cương dụ định song đoạn ba nghiệp, tất cả ác nghiệp đạo sinh thì liền đoạn, vì tất cả thiện nghiệp lìa duyên trói buộc, cho nên chủ yếu lìa nhiễm của Tự địa, khi tận thì tận, cho nên Vô gián tư thứ chín mới nói hết Bạch nghiệp. Từ trên đến đây, chỗ nói đoạn Chủng tử Tư nghiệp hữu lậu, nếu chế phục Hiện hành thì chỉ trừ Kiến đạo, không có Vô lậu gia hạnh, chỗ Tu đạo khác đều là thêm Gia hạnh đạo có thể chế phục Hiện hành. Trong đây chỉ nói các Vô lậu nghiệp, vì là đoạn Đối trị của ba nghiệp trước. Giải thoát đạo của Nhị thừa tùy cũng có Đoạn, và Sở tri chướng của Thập địa Bồ-tát, các chỗ đoạn của Đối trị đều là phi nghiệp, đó là lý do không nói, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Không phải nghiệp Hắc bạch...”, là các Vô lậu nghiệp trong Gia hạnh và Vô gián đạo, là Đoạn đối trị của các nghiệp kia, luận kia nương vào thù thắng mà kiến lập, không lấy các Thắng tấn đạo khác, đều là nương vào Hạnh riêng, cũng không phải hoàn toàn chế phục các nghiệp phẩm, đó là lý do không nói. Từ trên đến đây, bốn nghiệp tùy chỗ thích ứng của nó, nhiễm tịnh tuy khác, nhưng đều lấy Tư làm Thể. Nếu y theo Đối Pháp luận thì phải nói bài tụng rằng:

Thứ đệ Dục mười Tư,
Chín đoạn thuần hắc tạp,
Một ba sau đều lìa,
Trên tám chỉ tự tận.
Nếu siêu chứng thứ ba,
Chỉ một ba đều đoạn,
Từ Sơ lấy Vô học,
Tám trước Bồ-tát kiến.
Chỉ tận thuần hắc tạp,
Kim Cương đều đoạn ba,
Là nói Vô gián đạo,
Đối trị năng đoạn nghiệp.
Nếu Gia hạnh phục diệt,
Trừ Kiến ra, đều có,
Chỉ Gia hạnh vô gián,
Chế phục hết Năng đoạn.
Thắng tấn giải thoát trước,
Không thắng dụng nên trừ,

Là nói lìa Phược đoạn,
Không phải nghĩa Bất sinh.

Nếu y theo Đối Pháp luận nói, thì ba nghiệp trước Nhị thừa lần lượt chứng đắc quả, một Vô gián tư của Kiến đạo, và tám Vô gián tư dần dần lìa Dục trước lìa thuần hắc tạp, vì tạp thông với hai tánh. Vô gián tư thứ chín lìa thuần hắc và tạp, tất cả đều là Bạch bạch nghiệp, lìa Bốn Tĩnh lự của Sắc và Vô sắc. Vô gián tư thứ chín chỉ lìa Bạch bạch nghiệp, đây là y theo dần dần chứng đắc quả mà nói. Nếu y theo bốn Tĩnh lự siêu nhập Kiến đạo chứng đắc quả thứ ba, thì một Vô gián tư cũng lìa ba thứ, nếu từ Sơ quả siêu lấy quả thứ tư thì tám Vô gián tư trước, đều là Kiến đạo của Bồ-tát, chỉ lìa thuần hắc và tạp nghiệp. Vô gián tư thứ chín đều là Bồ-tát Kim cương dụ định, ba nghiệp đều lìa, đây là nói đoạn Chủng tử. Nếu chế phục Hiện hành, thì chỉ trừ Kiến đạo, còn lại tất cả Vị đều là thêm Gia hạnh đạo, các nghĩa khác đều đồng như trước. Nếu nói các Đoạn lìa Phược... thì nghĩa cũng không nhất định, phải như lý mà suy nghĩ.

Trong năm nghiệp, có hai chữ “lại nữa”, hợp chung có ba nghĩa giải thích:

1. Thiện nghiệp và bất thiện nghiệp của ngoại đạo gọi là quanh co, vì chướng đạo ngay thẳng của Phật pháp.

2. Ngay tại quanh co này gọi là uế, vì làm ô uế chánh pháp, ô uế thân tâm; ngay tại quanh co và uế này gọi là trược, vì hoen ố các pháp, dơ bẩn thân tâm, đều thông với tất cả nghiệp thiện và bất thiện, cho nên luận này ghi: “Ngay nơi nghiệp quanh co, cũng gọi là uế nghiệp, ngay nghiệp quanh co uế cũng gọi là trược nghiệp,

Nghiệp quanh co thì nói như trên. Uế nghiệp là Dị sinh của các pháp bên trong. Trong Phật giáo, Vô minh, Tham, Sân, Mạn, Thân kiến, Biên kiến, hợp chung gọi là người Điên đảo kiến; Kiến thủ, Giới thủ gọi là người trụ Tự kiến thủ; Tà kiến gọi là người tà quyết định; Nghi gọi là người do dự giác, tùy chỗ thích ứng của nó, hoặc là làm tương ưng, hoặc làm nhân gần, hoặc làm nhân xa; chỗ khởi hai nghiệp thiện bất thiện gọi là uế nghiệp, vì làm ô uế chánh pháp, dơ uế sâu xa, tức là Dị sinh bên trong, đối với tà môn và chánh môn đều không quyết định. “Lấy Nghi làm đầu gọi là do dự giác”, là chỗ nghiệp thiện bất thiện gọi là Trược nghiệp, vì nhân theo chỗ khởi cực dơ uế của Nghi, tàn ác nghiệp. Trong uế ở trước, Nghi nương theo tà định mà khởi, trong uế này thì Nghi nương theo Bất định mà khởi cho nên thành sai biệt, không phải là khiến cho chương Phật pháp thì chánh đạo cũng được nhập, cho nên

không nói Dị sinh bên trong cũng có nghiệp quanh co.

3. Ba nghiệp này đều từ ngoại đạo dấy khởi, tà giải hạnh phát sinh gọi là quanh co, ngay nghiệp quanh co này chướng công đức Hữu vi mà khởi gọi là uế, chướng chứng công đức Vô vi gọi là trược, đều thông với ba nghiệp thiện bất thiện.

Đối Pháp quyển 8 có hai chữ "lại nữa" để giải thích ba nghiệp trước.

"Lại nữa" thứ nhất: Ba nghiệp chướng nhập đạo gọi là quanh co; có thể ô uế tương tục phát sinh chướng nghiệp gọi là uế; nếu y theo điên đảo kiến của ngoại đạo mà sinh thì gọi là trược. Chỉ có trược nghiệp này xứng với ngoại đạo mà khởi, không nói chỗ khởi của hai nghiệp trước là người nào, cho nên biết lý thông với chỗ khởi của nội đạo và ngoại đạo. Đã không riêng nói tánh, thì biết rõ là thông với thiện ác. Nhưng đồng với "lại nữa" này là không có lỗi. Luận kia lại giải thích rằng: "Biên kiến, Tà kiến, Tát-ca-da kiến, như thứ tự của nó, chỗ phát các nghiệp gọi là quanh co uế trược". Căn cứ theo luận này thì cũng chỉ có chỗ khởi của ngoại đạo, như vậy ba nghiệp tùy theo phiền não kia mà riêng nói nội đạo và ngoại đạo dấy khởi, không phải mỗi mỗi đều là Thể của Định, nghĩa tuy có khác nhau nhưng không trái nhau, không đồng với nghiệp quanh co uế trược của Tiểu thừa. Y theo Siểm, Sân, Tham sinh khởi trong nghĩa này, tóm lược làm ba loại. Chỗ khởi ba nghiệp của ngoại đạo gọi là quanh co. Dị sinh của các pháp bên trong lại có ba: một là Tà định khởi uế nghiệp, hai là Bất định khởi trược nghiệp, ba là Chánh định khởi tịnh nghiệp.

Tất cả Hữu lậu vô lậu Thắng nghiệp của bậc Thánh, gọi là Mâu-ni nghiệp. "Mâu-ni", nghĩa là Tịch mặc, luận này gọi là Tịch tĩnh, vì chứng lý tịch tĩnh. Nếu y theo Văn tuệ trong Địa của cõi dưới, thì tất cả thân ngữ nghiệp và tâm trong thân của tất cả bậc Thánh làm Thể của ba Tịnh nghiệp. Tâm là ý nghiệp, không đồng với luận này. Luận kia ghi: "Thân của bậc Thánh là Mâu-ni nghiệp, chỉ lấy Vô lậu, Hữu lậu nghiệp gọi là ba Tịnh nghiệp", không đối với Dị sinh để phân rõ sự sai biệt. Hiện tại luận này đối với nội đạo và ngoại đạo của phàm Thánh, thì Thanh tịnh nghiệp chỉ tại Dị sinh, tất cả ba nghiệp trong thân của bậc Thánh đều gọi là Mâu-ni nghiệp, quán tương đối khác nhau cho nên cũng không trái nhau. Câu-xá luận ghi: "Thân ngữ nghiệp của Vô học tức là ý, ba Mâu-ni, ba Thanh Tịnh phải biết tức là ba Diệu hạnh.

Trong "tội lỗi của nghiệp thứ chín", sinh hiện pháp tội là như người có thể tự làm hại, là khởi sát Gia hạnh, sát nghiệp chưa thành,

hiện bị người khác hại, thì tương lai chưa bị thọ, vì chưa thành nghiệp nặng. Lại nữa, như tại Dị sinh, trước hết hành sát... nhưng hiện bị người khác hại, sau đó được nhập vào bậc Thánh thì không thọ tội về sau, hoặc chuyển quả sau đối với thân hiện thọ thì sau đó lại càng không thọ, như Ương-quật-ma-la... cũng gọi là hiện pháp tội, chỉ đồng như trước, có thể tự làm hại, cho nên nói “cũng như”.

Trong “thọ Ưu khổ do thân tâm sinh”, sáu thứ tội lỗi là sáu loại tội trước trong bảy tội lỗi của nghiệp. Đã không thể thành thì không tích chưa ưu khổ, Không gia tăng phương tiện, vì không thành sự. Không thể phân rõ, là không có gì mà không xứng tâm.

“Lại nữa, có mười thứ tội lỗi”, là phạm mười giới của Sa-di, chỗ sinh ưu khổ của giới, là từ chỗ mới bắt đầu phạm, cho nên chỉ nói mười giới, vì không được thọ đầy đủ.

“Có bốn loại bất thiện nghiệp đạo”, tức là bốn chi giới trước trong năm Cận sự giới, là Tánh giới của thân có ba giới, ngữ có một nghiệp đạo. Uống rượu là Giá giới, cho nên luận này nói riêng.

“Xiển-địa-ca” là tên của Cận sự, chữ này không có chỗ dịch, cho nên giữ nguyên âm tiếng Phạm.

Trong “Sinh tạp nhiễm thứ ba” có hai loại: 1. Nêu bốn loại. 2. Tùy giải thích riêng.

“Cõi Dục có ba mươi sáu Xứ”, là Bát hàn, Bát nhiệt... như quyển 4 trước.

Luận nói mười tám Xứ của cõi Sắc cũng vậy, quyển 58 ghi: “Sinh, là cõi Dục có ba mươi sáu Xứ, cõi Sắc có mười tám Xứ và cõi Vô sắc có bốn Xứ”.

“Hắc thắng sinh”, chủng tánh nghiệp ác cho nên gọi là Hắc, có uy thế mạnh cho nên gọi là Thắng, hoặc cùng cực trong Hắc, cho nên gọi là Hắc thắng. “Chiên-trà-la” là giết con. “Bốc-yết-bà”, cũng gọi là Bổ-yết-bà là người dọn phẩn uế. “Hoặc các nhà trưởng giả và các nhà đại phú quí”, là những người không phải chủng tộc Sát-đế-lợi, người có các kỹ năng thù thắng, nếu đôn hậu chất trực đáng kính trọng, thì gọi là nhà Trưởng giả. “Phi hắc phi bạch thắng sinh” là Phệ-xá...

Trong “Sinh bất định” có năm thứ:

1. Tự tha lẫn nhau bất định
2. Khổ lạc bất định
3. Xứ xứ bất định
4. Tha thân bất định
5. Dụ thành bất định

Lại nữa, nói: “Ta xem đại địa, không có một chỗ nhỏ nào là khả đắc...”, ý này nói, “Trong đại địa không có một xứ sở nhỏ nào, nhưng mà các ông từ vô thỉ đến nay, trong đại địa, mỗi mỗi xứ sở chưa từng thọ vô lượng sinh tử”, ý muốn nói từ vô thỉ đến nay trong đại địa đều thọ nhận nghĩa vô lượng sinh tử, thế văn đọc dài thì nghĩa đạo cũng xa.

Lại nữa, nói: “Ta xem thế gian hữu tình không dễ chứng đắc, đêm dài lưu chuyển, không làm cha mẹ của các ông...”, không dễ nghĩa là khó, là khó có thể được các hữu tình. “Không làm cha mẹ của các ông”, có nghĩa là tất cả đều đã từng làm cha mẹ, trước nói làm cha mẹ, có nghĩa hỗ tương nhau làm, nghĩa này thì đều là làm cha mẹ, cho nên hai nghĩa khác nhau.

“Quỹ phạm sư”, là A-giá-lợi-da. “Thân giáo sư”, là Ổ-bà-đà-da, tức là Hoà thượng A-xà-lê. “Quảng bác hiếp sơn”, xưa gọi là Tỳ-phú-la sơn, hình trạng của nó giống như cạnh sườn của Phi thiên.

Trong “Sinh lưu chuyển thứ tư” có bốn loại:

1. Hỏi
2. Lược đáp
3. Trình bày lại
4. Giải thích rộng

- Bài tụng thứ nhất nêu mười môn, sau đó tùy giải thích:

1. Thể
2. Môn
3. Nghĩa
4. Sai biệt
5. Thứ lớp
6. Vấn nạn
7. Giải thích từ ngữ
8. Duyên tánh
9. Phân biệt duyên
10. Nhiếp các kinh

Thể là tổng thuyết minh Thể của Duyên khởi, Phần vị, Sinh dẫn, Nhân quả, Lưu chuyển, Hoàn diệt trong ba đời, không phải hiển riêng mười hai Duyên sinh mỗi mỗi có riêng Thể. Sau mỗi mỗi riêng Thể, đến Sai biệt môn sẽ rộng giải thích, trong văn đó hiển đầy đủ Biệt thể.

Văn phân làm ba đoạn: một là nêu ba tướng, hai là tùy giải thích riêng, ba là tổng kết.

- Ba tướng:

1. Từ tiền tế và trung tế mà sinh.

2. Từ trung tế và hậu tế mà sinh.

3. Từ trung tế hoặc tiến đến lưu chuyển, hoặc tiến đến Thanh tịnh cứu cánh.

Hai loại trước gọi là Lưu chuyển, một loại sau là Hoàn diệt. "Lưu chuyển", là thuận với sinh; "Hoàn diệt", là thuận với diệt. Quá khứ gọi là Tiền tế, hiện tại gọi là Trung tế, vị lai gọi là Hậu tế. Trong hiện tại, nếu không có chán nghịch thì liền tiến đến Lưu chuyển, nếu chán nghịch thì liền tiến vào Thanh tịnh. Thành Duy Thức luận ghi: "Mười nhân hai quả quyết định đồng đời". Hiện tại luận này nương vào đây mà đối với hai đời mà phân rõ Duyên sinh, tức là luận kia cũng nói bảy loại trước trong Nhân, cùng với Ái, Thủ, Hữu, hoặc khác hoặc đồng. Hoặc hai đời, ba đời, bảy nghiệp, mỗi mỗi đều quyết định là đồng đời, như vậy tức là hiển Duyên sinh của Tam tế, hiện tại luận này chỉ ngăn Duyên khởi định của Tiểu thừa mà lập ba đời, nương vào hai đời mà hiển Phi định chỉ có như thế, quá khứ có bảy, hiện tại có ba, vị lai có hai, làm nghiệp Hậu báo chiêu cảm Dị thục.

- Trong giải thích riêng phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh tướng thứ nhất.

2. Thuyết minh hai tướng sau.

Trong đoạn thứ nhất có ba phần:

1. Thuyết minh Thai sinh.

2. Thuyết minh ba Sinh còn lại.

3. Giải thích sinh xứ của ba nghiệp.

Trong phần một lại có ba đoạn: một là hỏi, hai là đáp, ba là tổng kết. Không hiểu rõ Tiền tế vô minh, là không hiểu rõ Tiền tế thắng nghĩa nên sinh hai thứ Khổ của thế tục, khởi hai thứ ngu. Khổ thế tục là chỉ cho ba đường ác bởi tất cả thế tục đều biết là khổ. Thắng nghĩa khổ, là các hàng trời người. Bậc thù thắng trí thì biết là khổ. Đối Pháp luận quyển 7 ghi: "Mê Thế tục khổ gọi là Dị thục ngu, khởi Phi phước hạnh; mê Thắng nghĩa khổ gọi là Chân thật nghĩa ngu, không phải Bất động hạnh, phần nhiều mê Tiền tế hai Dị thục hiện tại, cho nên nói ngu này không hiểu rõ Tiền tế, đúng lý ra thì ngu này cũng mê Hậu tế, phần nhiều mê nhân hiện tiền cho nên lược bỏ không nói. "Do tùy nghiệp thức này cho đến mạng chung lưu chuyển không dứt", là năm loại như Thức... làm Tối thắng, Thức làm Báo chủ đều không lìa Thức, tổng gọi tên là Thức, hoặc nêu ra Thức mới sinh cho nên chỉ nói là Thức. Các chủng loại Danh ngôn và Tập khí của các loại Thức này, trước tuy đã huân tập nhưng chưa biết chỗ sinh, do nghiệp chiêu cảm tập hợp,

phải đối với quả thiện ác của hai nẻo mà sinh. Thức tùy theo nhân mà chuyển gọi là Tùy nghiệp thức, đã bị huân tập, cho đến thân mạng trước kia khi chết mà không dứt tuyệt, có thể làm nhân tương tục hiện tại của Thức, khi đời hiện tại sắp sinh quả thì không thể tự khởi ác, mà nhờ vào nội ngoại tham ái của quá khứ hiện tiền thấm nhuần làm Trợ bạn mới sinh trong Tiền thân.

"Thọ chi" có hai đoạn:

1. Thọ dị thục thọ, duyên nội thân mà sinh.

2. Thọ cảnh giới thọ, là duyên cảnh giới bên ngoài mà khởi.

Nhân theo hai Thọ này mà sinh Nội ái và Ngoại ái, lấy làm thấm nhuần tùy nghiệp thức nói trên. Nhiếp thức... năm loại, luận này nêu ra Nội ngoại ái cũng nhiếp luôn Thủ chi, hoặc Nội ái gọi là Ái, Ngoại ái gọi là Thủ, có nghĩa là hiển chỗ thấm nhuần Hành... sáu chi. Chuyển biến gọi là Tiền tế hữu, đối với quả hiện thế mà Thức tùy chuyển theo, ngoài ra các Danh sắc... thứ tự được sinh quả tương tục. "Thức cùng với Danh sắc đồng thời, cho đến suy lão...", là nếu y theo phần vị, thì trước bảy ngày đầu gọi là Thức, trước bốn mươi chín ngày thì gọi là Danh sắc. Luận này nói gốc ngọn các vị rộng hẹp, vì nói tướng y theo nhiếp sáu Xứ, chỉ nói hai vị này cho đến suy lão, không phải không có vị khác.

Lại nữa, trong Sinh chi và Lão chi hiện tại, nhân theo Thức gọi là Thức sắc, sinh và quả hiển lẫn nhau cho nên nói danh của nó, không phải các chi sắc... ở tại đời hiện tại. Trong quyển 93, Thức làm Sở y, là nói Thức, nghiệp cùng với quả Dị thục. Luận này nói Năng y, là nói Danh sắc, nghiệp cùng với quả Dị thục, là Tổng dị thục và Biệt dị thục, vì Năng y và Sở y khác nhau. "Vì phải nương vào lục y mà chuyển", tức là chỗ nhiếp sáu căn trong Danh sắc. "Do đó kinh nói Danh sắc duyên Thức", đây là nương vào Bồ-tát nghịch quán Khổ và Tập, đến Thức và Danh sắc thì liền hỗ tương nhau làm duyên, quán Đế đã chu toàn, thì Kiến làm duyên lẫn nhau đã xong, cho nên quán Khổ và Tập cho đến Thức mới thôi, như quyển 93 rộng giải thích. "Tuỳ chỗ thích ứng của nó mà làm Sở y của sáu Thức", đây không phải chỉ nói chỗ sinh Hiện thức của Thức chủng trong năm chủng. Luận kia chỉ có Thức thứ tám, cho nên quyển 93 và cuối luận này sẽ nói. Tổng nương vào tất cả tương tục làm Danh, là nói thân của sáu Thức, vì có nghĩa hiển tổng quát nói Thân thức trong một thời kỳ, là Danh sắc duyên Thức, do Thức chấp trì, Thức làm Sở y, Thức duyên Danh sắc, dựa vào Danh sắc kia làm chỗ y, hoặc Quán làm Cảnh.

"Hoặc trong Hữu sắc hữu tình tụ là cõi Dục và cõi Sắc lãnh thọ

Hóa sinh, thì các căn quyết định viên mãn mà sinh", Thành Duy Thức luận ghi: "Hữu sắc hóa sinh khi mới thọ sinh vị, tuy đủ năm căn nhưng chưa có tác dụng, lúc đó chưa gọi là sáu Xứ chi. "Sơ sinh vô sắc", là tuy có Ý căn, nhưng chưa hiển rõ, chưa gọi là Ý xứ. Trong đây có ý muốn hiển các Hóa sinh kia:

1. Mới sinh sát-na gọi là Thức chi, sau đây tùy chỗ thích ứng mà nói, Ý xứ của năm căn chưa được rõ ràng để gọi là Danh sắc.

2. Sáu căn được rõ ràng cho nên gọi là sáu Xứ.

3. Xúc chi và Thọ chi dần dần sinh trưởng, tuy các căn quyết định viên mãn nhưng sai biệt với các căn trước. Năm chi như Thức... cũng có trước và sau.

Hỏi: Cõi dưới có Hiện sắc, có thể làm Sở y của Thức, không có Sắc thì không có Hiện sắc, thì Thức nương vào Chủng tử Phi sắc phải không?

Đáp: Thức của cõi dưới nương vào Hiện sắc, gọi là Thức duyên sắc mà nương, Thức cõi trên duyên sắc chủng, gọi là Thức nương sắc chủng.

"Lại nữa, do phước nghiệp sinh trời người cõi Dục...", ba thứ này đều căn cứ theo Dẫn nghiệp mà chứng đắc quả, tức là Thuận sinh thọ nghiệp, chỉ chiêu cảm Dẫn nghiệp thông với Dẫn mãn nghiệp mới gọi là Hành chi. Phát khởi Vô minh này gọi là Vô minh chi. Thấm nhuần Ái thủ này gọi là Ái thủ chi. Chỗ huân tập của nghiệp này gọi là Thức... năm loại, sáu chỗ chuyển này mới gọi là Hữu chi. Hữu này sinh chiêu cảm gọi là sinh Lão chi, tức là hiển tất cả thọ nghiệp thiện tại, riêng trợ cho nghiệp vị lai đều không phải Hành chi, nếu không như thế thì phước nghiệp đáng lẽ sinh năm nẻo, quyển này trước đã có nói. "Phước nghiệp", là chiêu cảm Dị thục của nẻo thiện trong cõi Dục, và Dị thục thuận năm nẻo, nghĩa này rộng như Thành Duy Thức nói. Do nghiệp này nghiệp kia, Năng phát và Sở phát, Năng tập Sở tập, Năng nhuận và Sở nhuận, Năng sinh và Sở sinh, đều không phải mười hai Duyên khởi chi nhiếp.

- Giải thích hai môn sau lại phân làm hai đoạn:

1. Đặt hai câu hỏi.

2. Tùy theo giải thích.

- Trong giải thích "từ trung tế và hậu tế sinh", phân làm hai đoạn:

1. Giải thích.

2. Kết.

"Thọ hai thứ nghiệp quả trước", là Dị thục quả bên trong và Tăng

thượng quả bên ngoài. “Hoặc nghe Phi chánh pháp”, là đời hiện tại. “Hoặc trước kia lo luyện tập”, là đời quá khứ. Hai đời này đều là phân biệt khởi ngu, do mê Nội tự thể hiện tại và Hậu hữu ngu cho nên phát nghiệp; do mê ngoại ngu mà thấm nhuận sinh, đã mê Nội quả hiện tại, cho nên đối với chỗ nghe nói khổ không hiểu biết như thật, vì đây là chỗ tác nghiệp mới. “Nói Thức này tên là Tùy nghiệp thức”, là Chủng tử của Thức đuổi theo nghiệp, là do Hành mà Thức sinh, chiêu cảm huân tập mà sinh, không phải phân rõ thể sinh, vì Tăng thượng duyên. Nếu ban đầu Thức chi chỉ có Thức thứ tám, thì tất cả Thức nương chung một thời kỳ gọi là thông với thân của sáu Thức, liền tụ hội tiền tế Danh sắc, có thể làm Sở y của sáu Thức cũng lại như vậy. Bản thức là dẫn quả, Chủng tử của Danh sắc thì tùy theo, Danh sắc là tổng, Chủng tử của sáu Xứ tùy theo, sáu Xứ làm y, Chủng tử của Xúc tùy theo, Xúc làm Năng sinh, Chủng tử của Thọ tùy theo. Duy Thức và Đối Pháp ghi: “Thức... năm loại này gọi là Sở dẫn, Vô minh và Hành là Năng dẫn. Ngay Năng dẫn và Sở dẫn này đều làm Dẫn nhân, mà dẫn Sinh lão tử, vì thế lực xa thưa, cho nên tuy đều gọi là Dẫn nhân, nhưng Thức... năm loại, cùng với Sinh và Lão tử làm nhân duyên mà sinh. Quyển 93 và trong luận này nói chỉ gọi là Dẫn nhân. Luận nói, do Thức năng dẫn này, cho đến thọ thân một thời kỳ, không phải Vô minh và Hành thì không phải Dẫn nhân nhiếp. Năng dẫn và Sở dẫn, các giáo không đồng nhau. Thành Duy Thức luận ghi: “Du-già nói Thức chỉ là Năng dẫn, nghiệp chủng trong Thức gọi là Thức chi. Tập luận ghi: “Thức chỉ là Năng dẫn, nghiệp chủng trong Thức gọi là Thức chi, Chủng tử của Dị thục thức thuộc Danh sắc”. Kinh Duyên Khởi ghi: “Thức chi thông với Năng dẫn Sở dẫn, Chủng tử của nghiệp chủng thức đều gọi là Thức. Thức là Sở y của Danh sắc, không phải thuộc Danh sắc”, nghĩa là muốn nói Ái, Thủ, Hữu gọi là Năng sinh, Sinh chi và Lão tử chi gọi là Sở sinh. Thành Duy Thức luận ghi: “Thức... năm loại, do nghiệp huân tập và phát khởi, tuy là đồng thời mà nương vào Nhân quả, Chủ bạn, Tổng biệt, Thắng liệt khác nhau. Các Thánh giáo giả mượn mà nói trước hay sau, hoặc nương vào tương lai mà hiện khởi phần vị, vì có thứ tự cho nên nói có trước sau”. Nhân theo đây cũng có trước và sau, các văn nói: “Do Thức này cũng gọi là Hiện hành, khi làm nhân thì quyết định không có nghĩa Hiện hành”. “Do Ái này mà hoặc là phát Dục cầu”, là cầu sinh cõi Dục. “Hoặc phát Hữu cầu”, là cầu sinh cõi Sắc và cõi Vô sắc. Hai thứ mong cầu này là tổng thể, tức là Ái và bốn Thủ làm sau, vì trước hết là phát khởi hai thứ cầu, sau đó là riêng sinh hai Thủ, tức là sau đó mới có.

“Chỗ nhiếp của Sinh nhân”, tức là quả Dị thục sau, đều là phân rõ Thể, Nhân duyên, Nghiệp và Tăng thượng duyên. Hữu chi được riêng gọi là Sinh, không phải Ái chi, Thủ chi, không phải Sinh nhân nhiếp. Đối Pháp và Duy Thức ghi: “Ái, Thủ và Hữu là Cận sinh quả, hợp chung lại gọi là Năng sinh”, cũng không trái nhau. Nhưng Đối Pháp ghi: “Khi làm nhân thì có Năng dẫn Sở dẫn, khi làm quả thì có Năng sinh Sở sinh”, là khi chưa thành thục thì gọi là nhân, không phải không có quả của nhân, đã thành thục thì gọi là quả, không phải không có nhân của quả. Căn cứ theo nghĩa mỗi mỗi đều khác, nhưng cũng không trái nhau.

Hỏi: Năng dẫn và Sở dẫn, cả hai đều là Dẫn nhân, thì Năng sinh Sở sinh đều là Sinh nhân nhiếp phải không?

Đáp: Dẫn mà đồng Thế thì đều là Dẫn nhân, Sinh mà cùng đời khác đời thì là quả không phải nhân.

Hỏi: Sinh khác đời thì quả chẳng phải nhân, khác đời sinh thì nhân không phải quả, có đúng không?

Đáp: Đã thành thục thì gọi là quả, nhân cũng là quả, không chiêu cảm quả thì quả không phải nhân. Trong nghĩa này phải tư duy thêm.

“Các Hành này sinh, hoặc dần dần hoặc nhanh”, là ba chi Tốn-ninh, Noãn sinh và Thấp sinh đều dần dần sinh, Hóa sinh thì nhanh chóng khởi, đã nói như trước.

“Hoặc đối với Sinh xứ thì thứ tự hiện tiền, hoặc Chủng tử sau tùy theo đuổi”, là cõi Hữu sắc sinh lần lượt hiện tiền, cõi Vô sắc sinh thì Sắc chủng tùy theo đuổi.

“Trong Hoàn diệt, đối với các Hành của hai quả”, là hai quả Khổ đế của Lão và Tử. “Nhân kia”, là Tập đế. “Diệt kia”, là Diệt đế. Thú hướng diệt Hành kia là Đạo đế. Quyển 93 ghi: “Thế Tôn xưa kia khi làm Bồ-tát, bi mẫn hữu tình, quán nhiều duyên khởi, trải qua quán Đế, trước quán hiện tại, Lão tử làm đầu, lấy ba chủng tướng như lý quán sát:

1. Quán tế nhân.
2. Quán thô nhân.
3. Quán phi bất định.

Chiêu cảm sinh nhân duyên cũng gọi là Sinh, nói Ái, Thủ, Hữu tức là quán nhân duyên tế. Thể Sinh nhân của nó cũng gọi là Sinh, nói Sinh chi tức là quán nhân duyên thô. Do có tế sinh mà có Lão tử, cũng quán do thô sinh mà được có Lão tử, Lão tử tương lai do tế sinh làm nhân, vì chưa khởi quả. Hiện pháp Lão tử do thô sinh làm nhân, vì hiện khởi quả, gọi đó là quán sát hai nhân duyên ban đầu”.

Phi bất định, nghĩa là trừ hai thứ Sinh thể là chỗ nhiếp của Sinh xứ kia, ngoài ra đều quyết định không có khả năng cùng với quả Lão tử. Quán sát Tập của Khổ đế như vậy chưa cho làm mừng đủ, mà còn quán sát nhân duyên của Tập sau. Hiện tại Khổ đế, là biến nghịch quán Thọ, Xúc, Lục xứ, Danh sắc và Thức, đã biết Khổ hiện tại do Tập hiện tại làm nhân, Tập hiện tại cũng do chỗ khởi Thức của Tập trước làm biên tế mà có pháp Khổ hiện tại. Như vậy tổng quán Khổ do Tập phát khởi, Tập do Khổ sinh, không quán trở lại Khổ hiện tại do pháp gì khởi, vì không khác với trước cho nên Bồ-tát đồng Thức mà đi ngược lại, lại thuận quán sát cho đến Lão tử. Khổ Tập đế đó quán sát chu toàn rồi, vì quán Diệt đế bắt đầu từ Lão tử, nghịch thứ tự mà nhập cho đến Vô minh. Quán khổ hiện tại tại sao tất cả đều phải diệt tận, là không tạo tác, Vô minh làm duyên mà nghiệp mới hiện hành. Như vậy trải qua quán ba Thánh đế rồi, tiếp theo là tìm cầu diệt Thánh đế này, đạo nào hạnh nào mới có thể chứng đắc? Khởi Túc trụ niệm, nhớ lại khi xưa chỗ tu chánh kiến của thế gian khiến cho hiện tiền, trải qua quán các Đế, mà lấy chánh kiến trong chánh đạo được nhập hiện quán, dần dần chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, tức là quán hạnh bốn Đế trong đây. Quán lý duyên khởi được tri kiến thanh tịnh của Học và Vô học, quyển 10 sau đây cũng có hỏi đáp này, giải thích quán Hắc bạch phẩm nguyên nhân dài ngắn bất đồng. Lại có giải thích rằng: "Đối với các Hành của hai quả, là hai chi Sinh và Lão tử". Nhân quả thô của các Hành, cả hai hợp chung lại nói. Tổng quán hiện tại tất cả Khổ đế, tuy có giải thích này, nhưng đoạn Hành thì khó hiểu, nên trước có nói là "thiện".

"Đối với Sở duyên kia, không như thật biết chỗ sinh thọ của Vô minh và Xúc cũng sau đó vĩnh viễn đoạn", là chỗ sinh các Thọ của Hữu lậu xúc. Khi thọ hai quả thì đối với Cảnh sở duyên không biết như thật, do đây làm duyên phát khởi phiền não, phát nghiệp nhuận sinh. Do đoạn Thọ này, vì không có Sở y cho nên Vô minh cũng diệt, Sở duyên không tăng, chứng Vô lậu tuệ, gọi là Tuệ giải thoát. Do Thọ đoạn cho nên không sinh Tham ái, tướng này ứng hợp với tâm, lìa tương ưng phược mà chứng tâm giải thoát.

"Dần dần cho đến Dị thục sinh thì Xúc diệt, cho nên Dị thục sinh thì Thọ diệt", văn từ đây trở lên, thuyết minh do Vô minh diệt cho nên quả tương lai diệt. "Trong hiện pháp, Vô minh diệt cho nên Vô minh và Xúc diệt", sau đây là thuyết minh do Vô minh diệt cho nên hiện tại thuận Vô minh, Xúc, Thọ... diệt. Sáu Xứ... đã có, không phải do Vô minh hiện tại mà có, không nói Vô minh diệt thì hiện sáu Xứ... diệt; Xúc,

Thọ... của nó tùy Vô minh mà sinh, chỉ nói tùy Vô minh kia mà diệt, do Sở y này diệt, cho nên Thọ năng y... cũng đều diệt theo. "Thọ hàng hữu, Thọ lìa trói buộc, Thọ không phải có trói buộc", là các Thọ hữu lậu, lìa phiền não tăng trói buộc và Thọ vô lậu gọi là Thọ lìa trói buộc. "Không phải tất cả đều là vô lậu thọ, Phạm hạnh đã lập", là Diệt đế trí và Đạo đế viên mãn cứu cánh Niết-bàn. "Đối với Diệt đế mãn mà hiển người cầu Niết-bàn", là đối với chỗ chứng đắc Diệt đế mãn túc của Phật.

- Trong môn thứ hai có tám loại. Đối Pháp luận ghi:

1. Thức sinh, thì Nhãn sắc làm duyên mà Nhãn thức được sinh.

2. Lúa mạ bên ngoài thành thục, là hạt giống duyên mầm, mầm duyên thân cây.

3. Hữu tình thế gian tử sinh, là Vô minh làm duyên có thể sinh hành...

4. Khí thế gian thành hoại, là sức tăng thượng Cộng nghiệp của tất cả hữu tình làm duyên mà đại địa sinh khởi.

5. Thực (ăn) nhậm trì, là bốn cách ăn làm duyên mà hữu tình ba cõi trụ tương tục.

6. Sức tăng thượng của nghiệp sở tạo chính mình, tùy chỗ chứng đắc quả Ái, Phi ái của nghiệp, là diệu hạnh và ác hạnh làm duyên, vì tiến đến nẻo thiện và nẻo ác.

7. Uy thế, là nội chứng làm duyên, vì công đức tối thắng của thần thông.

8. Thanh tịnh, là thiện của Thuận giải thoát phần làm duyên, lần lượt cho đến chứng đắc quả A-la-hán.

Kinh Duyên Khởi quyển hạ cũng giải thích tám môn này, nhưng luận này thứ tự không đồng với Đối Pháp , cho nên quyển 10 sau thuyết minh mười hai chi này có bao nhiêu môn nhiếp. Hiện tại nhân theo duyên khởi mà giải thích khắp các duyên, cho nên hiện tại trình bày hiển thị, đến quyển Trung sau sẽ nói rộng.

Trong nghĩa của Duyên khởi thứ ba có hai đoạn:

1. Có tám nghĩa giải thích Duyên khởi.

2. Hỏi đáp phân rõ.

Đối Pháp luận và kinh Duyên Khởi mỗi mỗi đều có mười một nghĩa giải thích. Đối Pháp luận ghi:

1. Nghĩa lìa hữu tình, vì không có ngã tự nhiên, đây là phá Thắng luận của Độc Tử bộ... Ngã làm tác giả, vì lìa hữu tình kia.

2. Nghĩa Vô thường, vì không phải thường hằng, đây là phá tự tánh thường trụ làm gốc của vạn vật, làm duyên thành vật của Số luận,

cho nên hiển Vô thường, cũng phá mười hai Duyên sinh là pháp Vô vi... của Đại Chúng bộ, Hóa Tha bộ...

3. Nghĩa tạm trụ, là khi đã có thì sinh qua rồi, không có tạm trụ, Đối Pháp luận cũng làm nghĩa sát-na, đây là phá Sắc, mạng căn... các pháp duyên sinh một thời kỳ có bốn tướng của Chánh Lượng bộ, vì không phải sát-na.

4. Nghĩa Y tha khởi, là vì dựa vào nhiều duyên mà sinh, đây là phá pháp tự nhiên mà có của Tự nhiên ngoại đạo, vì không phải mượn nhân mà sinh cho nên là Y tha khởi.

5. Lìa tác dụng, là vì nhiều duyên tác dụng trống rỗng, đây là phá có thật tác dụng làm duyên sinh Thể của Tát-bà-đa, là hiển công năng không có tác dụng.

6. Nghĩa Nhân quả tương tục không gián đoạn, là nhân sát-na diệt, quả sát-na sinh, vì có thời gian phương phân... cho nên nhân quả nối nhau, đây là phá nhân quả không tương tục của Đoạn kiến nghiệp đạo, cũng ngăn các sư Kinh bộ, không có đời quá khứ và vị lai, nhân quả Dị thục vẫn không đồng thời, vì nhân của quả bị đoạn dứt.

7. Nghĩa Nhân quả tương tợ chuyển, là không theo tất cả, vì tất cả sinh cho nên nhân quả tương tợ, đây là ngăn hại làm chánh pháp, chấp giết hại trâu dê... làm nhân rồi sau đó sinh Thiên, tức là các thiện quả lấy bất thiện làm nhân, vì nhân quả không tương tợ, đây là nêu bày thiện nhân đắc thiện Dị thục. Ác nhân cũng vậy, vì nhân quả tương tợ.

8. Nghĩa Tự nghiệp sở tác, là đối với các tương tục khác không thọ quả, vì tự nghiệp tự thọ, đây là phá các Không kiến luận của vô nhân quả không phải nghiệp khởi, cũng phá nghĩa Tha tác ngã thọ quả, là kế chấp nhân không bình đẳng của các luận".

Đối Pháp luận và kinh Duyên Khởi đều tự giải thích rộng, sợ dài dòng nên không nói hết ra đây.

"Để hiển nghĩa chỗ nhiếp nhiễm ô và thanh tịnh của nhân duyên", cuối quyển 10 ghi: "Trong mười hai chi, có bốn chi chỉ có tạp nhiễm, ngoài ra đều thông với thanh tịnh, bốn chi tạp nhiễm đó phát nhuận quyến thuộc của thiện nghiệp thanh tịnh, cho nên cũng gọi là Thanh tịnh. Có ý muốn hiển Ái đạo duyên sinh phẩm gọi là Thanh tịnh, không phải Ái đạo duyên sinh phẩm gọi là Nhiễm ô. Hiển Nhiễm tịnh duyên sinh của nhân duyên này, cho nên lập Duyên khởi, đây là phân rõ ý của thuyết Duyên khởi, cho nên nhân theo giải thích nghĩa mà phá tông khác để hiển ý lý của tự mình.

Trong Sai biệt thứ tư, mười hai chi sai biệt làm mười hai nhân để

giải thích các pháp kia. Giải thích rộng khắp tất cả pháp kia một thời kỳ trong thân, không phải chỗ phân rõ tất cả thể tánh trong pháp này đều là Duyên khởi chi.

- Trong giải thích Vô minh có bốn loại:

1. Mười chín loại.
2. Bảy loại.
3. Năm loại.
4. Sáu loại.

- Trong mười chín loại có ba đoạn:

1. Chỉ kinh.
2. Biệt hiển.
3. Kết số.

- Biệt thích bảy loại:

1. Đời.
2. Sự.
3. Nghiệp báo.
4. Tam bảo.
5. Bốn Đế.
6. Nhân quả.
7. Sở chứng.

Trong nhân, "hoặc kế chấp tự tại thế tánh sĩ phu trung gian...", là Tự tại thiên, Minh tánh, Sĩ phu, Thần ngã, Phạm vương, vì ở vào trung gian Thiền cho nên gọi là Trung gian, như thứ tự mà phối hợp giải thích.

"Vô tội, Hữu tội, Ưng tu, Bất ưng tu", là giải thích tản mác đối với Thể của nhân thiện ác. "Hắc bạch tạp", là giải thích Thể của quả, vì quả có hai phần Hắc bạch cho nên gọi là Hữu phần. Trong mười chín loại này, có thông với Câu sinh, hoặc Phân biệt khởi. Thế sự nghiệp quả... thông với hai môn.

Trong bảy Vô tri nhiếp mười chín loại, "nghiệp Dị thục vô tri nhiếp Di chuyển", là nghiệp có thể chiêu cảm quả, do mê mà không biết, chấp nhân không bình đẳng, cho nên gọi là Di chuyển, hoặc tánh của nhân quả thiện ác bất định, đối với tánh này mà sinh ngu cho nên gọi là Di chuyển. "Nhiễm tịnh ngu", là chỗ nhân quả của ngu thông với thiện và ác.

Trong năm loại nhiếp mười chín loại, Kiến ngu nhiếp tám loại, là thế sự mỗi mỗi có ba loại, phân rõ nhân quả suy cầu gọi là Kiến. Thể không phải Vô minh, Nghi và Tuệ đồng thời cho nên gọi là Kiến ngu.

Phóng dật ngu nhiếp ba loại, vì không biết nghiệp quả cho nên sinh phóng dật. Chân thật nghĩa ngu nhiếp bảy loại, Tăng thượng mạn nhiếp một loại, Nghĩa ngu nhiếp mười chín loại. Mê nghĩa lý và cảnh đều gọi là nghĩa Ngu.

Trong sáu Vô tri có hai loại:

1. Hiển sáu Vô tri và bảy Vô tri nhiếp nhau.

2. Nương vào Năng trị và Tự tánh, phân rõ sáu sai biệt.

"Y theo sở trị sai biệt của Văn tư Tu mà nói ba loại trước", là do Văn mà biết pháp, Sở trị của nó gọi là Vô tri; do Tu cho nên suy tìm, Sở trị của nó gọi là Vô kiến; nương vào Tu cho nên chứng rõ, Sở trị của nó gọi là Vô hiện quán, do đó nói Sở trị sai biệt mà thuyết ba loại này.

Trong phần Nhuyễn, ba tự tánh trên sai biệt cho nên nói hắc ám, ngu si, vô minh. Hắc ám trong đây là nói chung tất cả Vô tri. Làm Thể của chi nghĩa là Thành Duy Thức luận ghi: "Chỉ lấy năng phát". Ngay khi chiêu cảm nghiệp thiện ác của đời sau, kinh Thắng Man ghi: "Có năm Trụ địa là Kiến nhất xứ trụ địa, Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa, và Vô minh trụ địa". Bốn Trụ địa trước là Phiền não chướng, một Trụ địa sau là Sở tri chướng. Sau đó kinh tự thuyết về Vô minh trụ địa, là chỗ không thể đoạn của Thanh văn và Bích-chi-phật, vì chỉ có trí Bồ-đề của Như Lai Phật mới có thể đoạn, do đó quyết định biết là Sở tri chướng. Duy Thức quyển 9 nói không đồng với kinh này.

Trong Phiền não chướng có bốn loại, loại thứ nhất là Kiến đạo đoạn, ba loại sau Tu đạo đoạn. Đối Pháp luận ghi: "Phát nghiệp vô minh có hai loại:

1. Chân thật nghĩa ngu, phát phước hạnh và bất động hạnh.

2. Dị thục ngu, phát phi phước hạnh".

Hai loại này đều chỉ là chỗ đoạn của Kiến đạo. Kinh Duyên Khởi ghi: "Các bậc Thánh hữu học đã đoạn vĩnh viễn Bất cộng vô minh, không tạo nghiệp mới". Duy Thức cũng ghi: "Chánh phát nghiệp, chỉ có Kiến sở đoạn. Trợ, là bất định cho nên chỉ lấy tất cả vô minh trong một Trụ địa của Kiến kia". Nhưng điều này lại có ba loại:

1. Chỉ phát tổng nghiệp.

2. Chỉ phát biệt nghiệp.

3. Phát chung hai nghiệp.

Luận này lấy Vô minh nghiệp thứ nhất và thứ ba, cho nên nói: "Chỉ lấy chánh phát nghiệp để chiêu cảm nghiệp thiện ác của đời sau", nhưng phát nghiệp này lại có bốn loại là Tương ưng, Bất cộng, Triền và Tùy miên, đều có thể phát nghiệp. Nội đạo, Nghiệp đạo, Dị sinh, Phóng

dật, Bất phóng dật, tùy chỗ thích ứng của nó dùng bốn Vô minh để phát nghiệp đều khác nhau, như kinh Duyên Khởi tự nói rộng.

Trong đó nói Hành thông với thân ngữ ý, chỉ có Chủng tử hiện hành của thiện bất thiện là giả sắc, và Tư lấy làm tự tánh. Điều này cũng có ba loại:

1. Hoặc thông với quả cho nên làm Hành chi, cũng chỉ chiêu cảm tổng nghiệp và câu nghiệp. Thành Duy Thức luận ghi: "Ngay chỗ phát kia mà gọi là Hành, do đây mà tất cả thuận hiện thọ nghiệp, trợ riêng cho nghiệp tương lai đều không phải Hành chi".

2. Là Hành do vô minh trước phát mới trở thành Hành, sắc của thân ngữ nghiệp gọi là Giả sắc, nương vào Chủng tử Hiện hành của Tư mà lập.

3. Ý nghiệp chỉ có Tư, thành Thể của Hành chi. Căn cứ theo tất cả thiện ác của năm Thức này, đã không phải Hành chi, thì biết rõ không thể chiêu cảm đối với Tổng báo.

Trong Thức chi, thuyết minh sáu Thức, luận trước tự hiểu, nương chung sáu Thức thân trong một thời kỳ để nói, không phải chánh là Thức chi. Thành Duy Thức luận ghi: "Trong đây Thức chủng là nhân của Bản thức, cho nên chỉ lấy chỗ huân tập Chủng tử thức thứ tám tương lai của Hành gọi là Thức chi", vì mới kết sinh tổng Dị thục, không nói thức khác làm thể của Thức chi, Thức này chỉ có Chủng tử, không lấy Hiện hành. Trong đây nói chỗ sinh quả Thức của Chủng tử làm Thể của Thức chi. Kinh Thập Địa ghi: "Nếu như Vô minh có khi làm Chủng tử, có khi làm quả, thì Thức... cũng đều như vậy". Duy Thức hội ghi: "Hoặc theo tương lai mà nói thì có Hiện hành, khi làm nhân thì quyết định không có nghĩa Hiện hành, là Thức và Danh sắc ban đầu nhập thai mẹ lẫn nhau làm duyên, nhưng theo khi đang khởi thì không phải là Chánh Chủng tử.

Trong Danh sắc, một giải thích tên của bốn Uẩn, hai giải thích Sắc của Sắc uẩn.

"Cõi Dục có đủ mười giới và Giả sắc mà pháp xứ nhiếp", nghĩa là Thật sắc của pháp xứ, là thắng định quả, cõi Dục không có Định cho nên nói là không có, phần nhiều có Giả sắc cho nên để lựa riêng với các cõi trên. Giả và Thật thông với có, nhưng không phải tất cả, vì không có Bất luật nghi và Biệt giải thoát; gương và hình, nước và trăng cũng không có.

Trong Giả của cõi dưới, tuy không có Sắc của Định cộng giới và Đạo cộng giới, luật nghi bất luật nghi và các Dị loại đều có, cho nên

không lựa riêng; cõi trên chỉ có luật nghi, vì hiển không có Bất luật nghi, cho nên nói "Không phải tất cả". Trong đây nói chung Chủng tử Hiện hành, bốn chi Danh sắc... trong tương lai và hiện tại không phải Thể của Thật chi. Thành Duy Thức luận ghi: "Trừ ra ba nhân sau, còn lại các nhân khác đều là Chủng tử của Danh sắc nhiếp. Ba nhân sau, như thứ tự của tên ngay ba loại sau, đây là nói năm chi không phải Tạp thể tánh, sáu căn chủng của Dị thục gọi là sáu Xứ. Chủng tử Xúc Thọ của Dị thục, gọi là Xúc chi và Thọ chi. Trừ Chủng tử của Bản thức và ba loại sau, các Uẩn và Dị thục chủng khác đều là Danh sắc chi. Kinh ghi: "Danh là bốn Uẩn phi sắc, Sắc là Yết-la-lam". Đây là nương vào Tạp thể, không phải nói Biệt thể, nếu không như thế thì làm sao được thành năm Uẩn! Hoặc cùng nương năm Uẩn danh sắc của Phi dị thục mà nói thức mới sinh lại hỗ tương làm duyên, vì tên của Thức thứ bảy... gọi là ở trong Thức. Nếu Tạp thể như Duy Thức luận ghi: "Hoặc Danh sắc chủng tổng nhiếp năm nhân, trong đó tùy thù thắng mà lập bốn loại khác. Sáu Xứ cùng với Thức, tổng và biệt cũng vậy". Đầy đủ như trong Duy Thức sớ kia giải thích. Thức này chỉ có Chủng tử. Nói Hiện hành, là căn cứ theo Thức chi. Đối Pháp luận quyển 1 ghi: "Nhãn xứ, là nhãn đã từng hiện thấy Sắc", không nói đang thấy, hiện tại luận này căn cứ theo Thật. Xứ thông ba đời, Đối Pháp luận thì nương vào nghĩa tăng trưởng của Xứ mà chỉ nói đời quá khứ và hiện tại, vì sáu hạnh của vị lai thù thắng, cũng không trái nhau.

"Thọ chỉ có Xả thọ, kiêm gồm Khổ lạc", vì một nghiệp thông với chiêu cảm chung với quả tổng và biệt, cũng nương vào chỗ có Thọ của một thời kỳ mà nói, nếu không như thế thì chỉ nên nói Xả thọ chi, là vì tổng báo làm chủ.

BẢN LUẬN 10

Trong Sai biệt thứ tư, trên đã giải thích bảy chi Dẫn nhân, dưới đây giải thích năm chi Năng sinh và Sở sinh. Thể của Ái chi chỉ có Tham trong phiền não, Tham này tùy duyên chung hai quả bên trong bên ngoài, nhưng các luận phần nhiều đều lấy Ái duyên ngoại cảnh, do mê ngoại cảnh nên quả Tăng thượng ngu, vì duyên cảnh giới nên Thọ phát sinh.

Thủ chi, lấy chung tất cả phiền não làm tự thể. Thể của bốn Thủ như trước đã nói, chi này chỉ lấy toàn phần Năng thủ Sở thủ. Chỗ làm trong Thủ, là Thủ tùy thuận phiền não, không thủ lấy các pháp khác. Quyển 59 ghi: "Phải nói toàn cõi tất cả phiền não đều có thể kết sinh, Ái đã chỉ có Tham cho nên Thủ nhiếp chung hết với các phiền não, nhưng trong đây nói "duyên Tham của bốn Thủ làm Thủ chi", đồng với kinh Thập Địa. Kinh Thập Địa ghi: "Ái tăng thượng gọi là Thủ". Thành Duy Thức ghi: "Đối với nhuận nghiệp vị, sức Ái lực tăng trưởng thiên lệch". Nói Ái như nước có thể tưới nhuần, phải luôn luôn tưới nước mới sinh mầm. Vả lại nương vào phần thứ nhất và thứ hai của hai chi Ái thủ, tuy trong Thủ chi nhiếp các phiền não, nhưng Ái nhuận là thù thắn. Nói là Ái tăng trưởng, cho nên văn của kinh kia và luận này không trái nhau. Hai chi Ái thủ, thông với Hiện hành và Chủng tử, vì đều có thể thấm nhuần, Ái mong ở Thủ mà thành nhân duyên.

Trong Hữu chi, một là giải thích ba Hữu, hai là thuyết minh bảy Hữu. Cõi Dục có mười Hữu:

1. Tiền thời hữu, là sinh ở sát-na sau, chết ở sát-na trước, khoảng giữa của hai sát-na này gọi là Tiền thời hữu.

2. Nghiệp hữu, là Hành chi, vì Ái thủ thấm nhuần cho nên có thể có quả tương lai, gọi là Nghiệp hữu.

3. Tử hữu, là lúc một sát-na sau cùng khi chết.

4. Trung hữu, là sát-na sau khi chết sinh sát-na, khoảng giữa hai nẻo trước gọi là Trung hữu.

5. Sinh hữu, là khi thú hướng sinh sơ vị một sát-na, năm thú hướng còn lại đều có.

Còn lại năm Hữu là Thú hữu, năm Hữu này là tổng, năm Hữu trước là biệt, năm Hữu trước thông rộng, năm hữu sau Thể hẹp. Hữu trong Nghiệp hữu, không phải năm Hữu sau. "Hữu", là Sở hữu, Thể tức là Dị thục, là một thứ Năng hữu của nghiệp gọi là Hữu. Ngoài ra đều là Sở hữu. Thành Duy Thức ghi: "Bắt đầu từ Trung hữu đến Bản hữu,

cho đến lúc chưa suy biến, đều là Sinh chi nhiếp”, cho nên Trung hữu này, trong Sở hữu nhiếp lấy. Cõi Sắc có sáu Hữu, trừ ra bốn thú hướng, cho nên Vô sắc hữu có năm Hữu. Lại nữa, trừ Trung hữu ra thì hiện tại Hữu chi này chỉ là Nghiệp chi, nói là trước hết khởi hành các phiền não nhiếp thọ. Thành Duy Thức ghi: “Ái thủ hợp chung thấm nhuần, Năng dẫn nghiệp chủng và Sở dẫn nhân chuyển gọi là Hữu, vì đều có thể gần với quả Hữu hậu hữu”. Luận đó có ý nói, Hành và Thức... năm chi, là Ái thủ nhuận chuyển gọi là Hữu chi, Thể chỉ có Chủng tử, vì là sở nhuận, vì có thể sinh quả. Hiện tại luận tổng nói mười Hữu gọi là Hữu, Năng hữu Sở hữu hợp chung gọi là Hữu. Giải thích khắp các nghĩa của Hữu, không phải chỉ có giải thích nghĩa của Hữu chi. Hữu này chỉ có Nghiệp hữu đó là Hữu chi. Duy Thức hội ghi: “Có kinh luận chỉ nói Nghiệp chủng gọi là Hữu, Nghiệp chủng này có thể chánh chiêu cảm quả Dị thục”. Duy Thức hội kia lại ghi: “Lại có kinh luận chỉ nói năm chủng gọi là Hữu, là chủng thân cận sẽ sinh Thức của tương lai. Bảy Hữu của nó là Thể của năm thú hướng vì có thọ dụng quả. Hữu trong thú phương tiện, là trung gian giữa hai thú, sáu thứ này là Sở hữu, nghiệp làm Năng hữu, vì có thể dẫn các Hữu cho nên hợp chung thành bảy Hữu. Tiền thời hữu, Tử hữu, Sinh hữu, tức là Ngũ thú hữu, nhưng thi thiết riêng biệt cho nên không có kiến lập.

Trong Sinh chi, một là giải thích riêng mười câu, hai là kết lược nghĩa. Bốn câu đầu nói Thai sinh và Noãn sinh; một câu kế nói Thấp sinh và Hóa sinh. “Thân phần đốn khởi”, là các chi phần sinh nhanh chóng, chính loài Hóa sinh, các căn sinh nhanh chóng, là các chi phần tay chân.. cũng vậy. Thấp sinh thì không như thế, là căn dần dần sinh. Chi phần khởi nhanh cùng với quyển trước nói Thai sinh, Noãn sinh và Thấp sinh, các căn dần dần khởi, cũng không trái nhau. Năm câu sau thông với bốn Sinh hữu. Uẩn đắc, là Thể của Uẩn khởi giới đắc, là Chủng tử của Uẩn. Tánh nhân duyên của Uẩn, Uẩn đắc hiện hành thành tựu Giới đắc, Chủng tử thành tựu Xứ đắc, thông với hiện chủng, còn lại là ba duyên thành tựu.

Trong Lược nghĩa có sáu câu. Tự tánh nhiếp hai câu Sinh và Xuất hiện. Sinh xứ vị nhiếp ba câu Đẳng sinh, Thú và Khởi. Sở sinh nhiếp một câu Uẩn đắc. Chỗ nhiếp của nhân duyên là nhiếp hai câu Giới đắc và Xứ đắc. Nhậm trì, Sở dẫn nhiếp một câu các Uẩn sinh khởi. Câu sinh y trì thì nhiếp mạng căn. Một câu Xuất hiện, ý nghĩa có thể hiểu.

Lão Tử chi có hai đoạn, một là giải thích Lão, hai là giải thích Tử. Lão chi có hai phần:

1. Giải thích riêng mười bảy câu.

2. Kết lược nghĩa.

Kết có mười câu, sáu câu đầu mỗi mỗi đều nhiếp một câu; câu thứ bảy Uy nghi biến hoại nhiếp năm câu, là câu thứ bảy đến câu thứ mười một; câu thứ tám "Vô sắc các căn biến hoại" nhiếp hai câu thứ mười hai và mười ba; câu thứ chín "Hữu sắc các căn biến hoại" nhiếp hai câu thứ mười bốn và mười lăm; câu thứ mười "thời phân đã qua, thọ lượng sắp hết" nhiếp hai câu thứ mười sáu và mười bảy.

Trong Tử chi có hai đoạn, một là giải thích riêng mười một câu, hai là kết lược nghĩa có bốn câu. "Nếu chết", nhiếp hai câu đầu, là Thể đang khi chết. "Như phương pháp chết", nhiếp câu thứ ba và thứ tư. Giải chi và Bất giải chi, là cách thức khi chết của năm nẻo. "Nếu chết khác nhau" nhiếp câu thứ năm và câu thứ sáu. "Giai vị sau khi chết", nhiếp câu thứ mười một. "Tử ma nghiệp", là Thể đang lúc chết, tác dụng của tử ma. Tử ma nghiệp này cũng là Tử sai biệt nhiếp. Hai chi Sinh tử này tùy chỗ thích ứng của nó mà năm Uẩn làm tánh, vì hiện hành khổ, chỉ có Thủ hiện hành cùng với Hữu hợp chung lại nói, hoặc thông với Chủng tử. Thành Duy Thức luận ghi: "Từ Trung hữu đến Bản hữu, khi chưa suy biến đến nay, đều là Sinh chi nhiếp". Trung hữu mạt vị, nếu khởi ái tâm, thì duyên quả tương lai mà khởi, vẫn là Sinh chi, do trước khi sắp chết, Ái và Thủ thấm nhuần Hữu, vì có thể có Trung hữu và sẽ sinh cho nên các giai vị suy biến gọi chung là Lão, khi thân hoại mạng chung mới gọi là Tử.

Trên giải thích môn Sai biệt thứ tư đã xong, sau đây giải thích môn Duyên khởi thứ đệ thứ năm. Luận có ba giải thích:

1. Trong chữ "lại nữa" thứ nhất, do tà hạnh khiến cho điên đảo..., có nghĩa là Thức, Danh sắc... năm chi đều y theo Hậu tế ngay năm cương vị hiện khởi của Sinh, Lão tử mà nói do năm chi, không phải nương vào năm chi tại Nhân vị mà nói, cho nên Thành Duy Thức ghi: "Tướng sai biệt của Nhân vị khó biết, nương vào quả vị tương lai mà lập riêng năm chi". "Nếu y theo nghĩa này thì tâm điên đảo", là tùy theo Nghiệp thức và Hiện tư gọi là Hành, chủng nghiệp gọi là Thức, vì nói Danh sắc chi kết sinh tương tục. Đối Pháp luận cũng ghi: "Do Danh sắc đã sinh rồi, được dự vào hữu tình chúng đồng phận số". Luận kia nói vì Danh Sắc mới thọ sinh. Duy Thức hội ghi: "Nghiệp chủng trong Thức gọi là Thức chi. Các căn viên mãn, là sáu Xứ chi. Hai cảnh thọ dụng, là Xúc chi và Thọ chi, Xúc dẫn Thọ sinh đều cảnh thọ dụng, nên Câu-xá ghi: "Danh tùy theo Xúc và Thọ". Đam mê chấp trước, nghĩa là

duyên Ái hiện tại; mong cầu là duyên Ái vị lai, hợp chung gọi là Ái chi. Phiền não nuôi lớn, là Thủ chi. Trong đây chỉ nói nghiệp làm Hữu chi, như trước đã nói, các chi còn lại có thể hiểu. Nghĩa của Hữu, hợp chung nương vào ba Tế để phân rõ thứ tự. Vô minh, Hành và Thức, thì ở thời quá khứ. "Tâm điên đảo", là Thức... năm loại, đều gọi là tâm, vì không lìa Thức, vì Thức làm chủ, do tà hạnh huân và phát, vì sẽ có thú sinh, cho nên tâm gọi là Điên đảo. Lược bỏ không nói chánh hạnh huân phát, căn cứ theo Ái thủ sau thấm nhuần Hữu nghiệp sau, thì biết đối với tiền tế cũng thấm nhuần hành tâm, cho nên lược bỏ không luận tiền tế. Ái, Thủ và Hữu chính là Danh sắc của nó kết sinh, bốn chi sau là Sinh lão tử của đời quá khứ làm thành. Duy Thức ghi: "Nhưng quả Sở sinh nếu tại vị lai vì sinh chán cho nên nói sinh Lão tử. Nếu trong hiện tại, vì khiến cho biết rõ phần vị tương sinh mà nói Thức... năm loại". Luận kia nói Thức chi mới nhập thai mẹ, thì luận này nói là Danh sắc, cho nên chỉ có bốn chi. Do hiện tại thọ phát sinh tham ái, phiền não nuôi lớn, sau đó có nghiệp, cho đến tương lai có Sinh lão tử. "Chỉ nói nhuận nghiệp mà không nói phát nghiệp", vì căn cứ theo tiền tế mà biết phát nghiệp, điều này rất rõ ràng. Quá khứ thì nói là phát mà không nói nhuận nghiệp, hiện tại thì nói nhuận mà không nói phát, vị lai nói Sinh lão tử mà không nói Danh sắc, hiện tại thì nói Danh sắc mà không nói Sinh lão tử, hai cái đèn, hai cây đuốc, ảnh hiển liền biết. Muốn hiển nhân quả Tam tế không đoạn, khéo thuận Tiểu thừa, cho nên khởi nói như vậy.

2. Chữ "Lại nữa" thứ hai, chỉ y theo hai Tế mà kiến lập. "Nội thân duyên", là Phát nghiệp dẫn sinh môn. "Cảnh giới duyên", là Nhuận sinh quả khởi môn. "Khởi ngu ngã chấp", là tương ưng với Si. "Hoặc nhân theo thử mà khởi bỉ", là Bất cộng si. "Tức là tùy theo nghiệp kia mà phần nhiều khởi Tầm tư", đây là Thức hiện hành. "Do nghiệp và Thức làm Trợ bạn", là chủng thức, vì chỗ huân của nghiệp làm Trợ bạn. Chủng tử của Danh sắc... những thứ này đều gọi là Thức, cho nên có thể chiêu cảm ba Khổ trong tương lai:

a. Khổ do căn mới khởi, là hai căn thân và ý của Danh sắc mới khởi.

b. Khổ do căn viên mãn, là sáu Xứ.

c. Khổ do thọ dụng cảnh giới, là Xúc, tức là hợp chung lấy hai thứ Năng sinh Danh ngôn và Hữu phần.

Đúng lý ra phải có Thức Thọ hai quả, Thức gọi là chủng, cho nên trong quả không có, Thọ là ngoại thọ cho nên trong nội quả không có. Ái thì nhân theo Thọ mới được khởi, Thọ tiền tế thì nói không có, Thọ

hậu tế thì nói có, Xúc của tiền tế sau nói sẽ Thọ, mỗi mỗi đều mong Hữu riêng biệt. “Nương Xúc duyên Thọ phát khởi Ái”, là Ái chi, rộng khởi truy cầu các cõi dưới là Thủ chi.

“Do sự nghiệp môn”, môn là nguyên nhân, là các nghiệp như Tịnh hạnh, phụng sự vua. “Lợi dưỡng môn”, là ngồi, nằm, cày, cấy... Hai môn này là Dục cảnh bên ngoài khởi, gọi là Dục cầu. “Hoặc do giới cấm môn”, là chỗ giới cấm của tà nguyện. “Hoặc do giải thoát môn”, là Kiến thủ. Do hai môn đầu phát khởi Dục cầu bên ngoài. Do giới cấm môn phát khởi nội thân cầu bên trong, vì cầu thân được lạc quả trong tương lai. Do giải thoát môn khởi tà giải thoát cầu hữu nghĩa. sự nghiệp môn, là dục thủ. Lợi dưỡng môn, là Kiến thủ, vì lợi dưỡng, kiến chấp thù thắng. “Giới cấm môn”, là giới cấm thủ. “Giải thoát môn”, là ngã ngữ thủ, chấp đế, chấp trụ, chấp ngã tự tánh làm giải thoát. Nhân theo bốn Thủ này mà phát khởi ba cầu:

a. Dục cầu, phần nhiều là cầu Ngũ dục.

b. Nội thân cầu, tức là Hữu cầu, vì cầu tự thể.

c. Tà giải thoát cầu, tức là Tà phạm hạnh cầu, vì cầu giải thoát.

“Khi khởi các thứ cầu này, thì khiến cho chỗ khởi trước hết là bốn Thủ, Phiền não và Nghiệp”, Nghiệp là Hữu chi, Vô minh làm duyên phát nghiệp, khiến cho quả tương lai sinh, Vô minh không phải là Hữu chi.

3. Trong chữ “lại nữa” thứ ba có ba đoạn: “Hữu tình Tụ”, là hai chữ “lại nữa” ở trước, duyên khởi và nhiễm tịnh. Hiện tại luận này chỉ y theo người cầu tịnh mà nói. “Ưa thích thế gian thanh tịnh”, là không ưa thích xuất thế gian, ưa thích trời người cho nên gọi là thanh tịnh, nhưng ngu si cho nên cũng tạo Phi phước. “Hoặc khởi chỗ dẫn truy hối ăn năn”, là ưa thích thanh tịnh mà hối hận ăn năn Phi phước nghiệp, hoặc ngu si không hiểu nguyên nhân hối hận. “Ba nghiệp này là chỗ dẫn tâm tương tục trụ của Quán hỷ”, là chỗ huân thành chủng tương tục mà trụ của Quán hỷ tâm, tức là Thức chi, lấy Thức này làm nhân. Do Phi phước là nghiệp hạ; do Phước là nghiệp trung; do Bất động là nghiệp thượng. Đối với chỗ sắp sinh, cũng đều có thể chiêu cảm quả chủng của ba Khổ, gọi là Thức chi; Hiện hành gọi là Danh sắc, không nói Thọ, nghĩa căn cứ theo trước mà giải thích. “Ưa đắm cảnh giới”, là Thọ, Ái và Thủ, chính là ba nhân của Hữu, Sinh và Lão tử, dính mắc vào cảnh Hữu cũng được tên đó. Trong kinh Duyên Khởi giải thích đầy đủ thứ tự, sợ dài dòng không nêu.

Trong giải thích vấn nạn thứ sáu, có hai vấn đáp, ban đầu là trong

hỏi nghịch thứ tự. Như Thế Tôn nói: “Danh sắc mới đã diệt cùng với pháp thượng thủ”, đây là dẫn kinh làm chứng, trước hết quán Duyên khởi Sinh lão tử của hậu tế, là quả Danh sắc... của tiền tế. Từ trên đến đây tổng nói Danh sắc kết sinh, Thể của Danh sắc rộng, tổng nhiếp các chi khác, chỉ nói Danh sắc là đã nói các pháp khác xong.

Nói “danh sắc mới”, là chỗ tập hợp Chủng tử Danh sắc của tiền tế sau khi hiện hành, gọi đó là mới, nếu đã sinh khởi thì không gọi là mới. Nói “quán pháp”, là trước quả sau nhân, cho nên nói Sinh lão tử làm đầu, Danh sắc mới diệt làm thượng thủ. Kinh Duyên Khởi ghi: “Như bệnh, nhân của bệnh, bệnh diệt, lương dược”, cho nên nói là nghịch thứ tự. Sinh và Lão tử làm đầu.

Hỏi: Tại sao không nói Vô minh diệt làm thượng thủ? Đây là hỏi chỗ dẫn kinh kế trên nói Danh sắc làm thượng thủ diệt, tại sao kinh kia không nói Vô minh làm đầu tiên để diệt?

Đáp: “Nương vào người có tâm giải thoát mà thi thiết...”, câu này có ý giải thích rằng, trước khi chưa nhập Thánh, mới ở Tư lương vị thứ nhất, thì trước hết thuận thứ lớp quán, trong Gia hạnh đạo nghịch quán thứ lớp, khởi bốn mươi bốn Trí, bảy mươi bảy Trí, nhập Kiến đạo thuận thứ lớp đoạn. Vô minh diệt tức là Hành diệt, y chỉ trong thân giải thoát của Vô học, thì Danh sắc hiện tại đặt ở trước, Thọ đặt ở sau Chủng tử của bốn chi, không thể làm nhân sinh các quả của Sinh lão tử trong đời vị lai. Đây là nói khổ nhân không thể sinh, sau đây là nêu bày do Thọ diệt thì Khổ vị lai không khởi, là người giải thoát khi hiện đang thọ cảnh, thì Ái và Tùy miên tức là Ái chi và Thủ chi, do Thánh đạo lực bạt trừ vĩnh viễn không khởi, gọi là Năng nhuận phiền não Tập đế vĩnh viễn diệt, vì nhân này đã vĩnh viễn diệt. Chủng tử Danh sắc... của Sở dẫn nhân trước sẽ không sinh quả, là các chi khác diệt. Câu nói này có ý nói tất cả Chủng tử của Danh sắc hiện tại không sinh quả tương lai, vì trước quán Khổ đế, cho nên lấy Danh sắc diệt làm thượng thủ. Diệt này do đâu? Do quán Khổ đế kia có thể thấm nhuần chỗ nhiếp Ái thủ... của Tập đế diệt, cho nên Chủng tử của Danh sắc... tương lai sẽ không sinh quả. Chủng tử của Danh sắc... là nhân duyên của Sinh và Lão tử trong đời vị lai, vì là Cận nhân duyên cho nên nói Danh sắc này diệt trước. Vô minh... thì xa, sau đó mới quán sát có thể thấm nhần nhân, cho nên không nói Vô minh làm thượng thủ diệt, vì chứng đắc Vô học rồi quán rằng: Do Thức không có cho nên Lão tử cũng không có. Ngoài ra thứ tự diệt khác, phải biết căn cứ theo đây.

Giải thích Từ thứ bảy, là trong giải thích nghĩa Duyên khởi, có

năm loại:

1. Nương vào chữ giải thích danh, là do phiền não làm duyên trói buộc, các nẻo niệm niệm sinh khởi cho nên gọi là duyên khởi.

2. Nương vào chữ mà khởi chữ, là giải thích Duyên khởi chữ cho nên gọi là Nương vào chữ.

3. Nương nghĩa sát-na để giải thích, là lựa riêng Duyên khởi là Vô vi của Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ..., cũng phá nghĩa bốn tướng trong một thời kỳ nhiều duyên quá khứ mà không xả lìa của Chánh Lượng bộ.

4. Nương phần vị, là mười chi trước làm Duyên, hai chi sau làm Khởi, các chi trước có đủ bốn thứ Nhân duyên, Tăng thượng duyên...

5. Tuy sát-na diệt lại nhập vào quá khứ, Chủng tử trong thân còn mà không xả lìa, cho nên y theo hậu quả sinh khởi của tự thân, hoặc mười hai chi, mỗi mỗi trước làm duyên, mỗi mỗi sau làm khởi.

"Cái này có cho nên cái kia có", là hiển nghĩa Vô tác duyên sinh. "Cái này sinh cho nên cái kia sinh", là hiển nghĩa Vô thường duyên sinh. "Không phải các pháp khác", là chỉ do có duyên quả pháp mà có, không phải duyên có thật tác dụng có thể sinh quả pháp, cũng không phải Vô sinh pháp làm nhân. Pháp Sở sinh thiếu mà được thành lập hai thứ Vô tác và Vô thường làm duyên, không phải hai thứ tác dụng khác và Phi vô sinh làm nhân, cho nên nói không phải pháp khác. Đây là lựa riêng với Tự tại thiên... có thật tác dụng và kế chấp vô vi có thể làm duyên khởi để giải thích tên của nó.

Trong giải thích thứ tư, luôn luôn gặp duyên, luôn luôn duyên tương tục khởi, cho nên gọi là duyên khởi. "Đối với đời quá khứ, đã giác ngộ duyên tánh rồi thì bình đẳng tương tục khởi", là khi mới chứng Bồ-đề, giác ngộ duyên đã ngộ, sau đó vì hữu tình mà bình đẳng phát khởi ngữ ngôn. Nguyên nhân phát khởi ngôn thuyết đó gọi là Duyên khởi, tự lợi gọi là Duyên, lợi tha gọi là Khởi, tức là nói nghĩa triển chuyển của pháp luân.

Trong nghĩa của bốn duyên thứ tám, có hai loại là bốn duyên và hai nhân. Thành Duy Thức luận ghi: "Các chi mong nhau, tăng thượng quyết định là Hữu, còn lại ba duyên không nhất định Hữu vô". Trong kinh Duyên Khởi, y theo quyết định Hữu chỉ nói có một duyên, là Tăng thượng duyên. Ái mong Thủ, Hữu mong Sinh, là có nghĩa nhân duyên. "Nếu nói Thức chi là nghiệp chủng", thì Hành mong Thức cũng làm nhân duyên, các chi khác mong nhau không có nghĩa nhân duyên. Nhưng Tập luận ghi: "Vô minh mong Hành mà có nhân duyên", là y theo nghiệp tập khí của Vô minh gọi là Vô minh câu, cho nên mượn nói

là Vô minh, thật ra là Hành chủng.

Kết hợp các đoạn văn này nói: "Du-già luận nói các chi mong nhau không có nhân duyên", là nương vào Ái thủ hiện tại thì chỉ nói có nghiệp hữu. Biệt Liệu giản ghi: "Vô minh mong Hành, Ái mong Thủ, Sinh mong Lão tử, có Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên", đây là lấy Vô sắc mong Vô sắc chi. Hữu mong Sinh, Thọ mong Ái, không có Đẳng vô gián duyên, có Sở duyên duyên, đây là lấy Hữu sắc chi mong Vô sắc chi, còn lại các chi khác mong nhau, cả hai đều là Phi hữu. Đoạn văn này là tổng thuyết, đoạn văn kia là biệt hiển, nên như giải thích của văn kia.

"Hữu sắc mong Hữu sắc", là Sắc trong Danh sắc mong năm Xứ, Nghiệp hữu mong Sắc sinh, Sắc sinh mong Sắc lão tử.

"Vô sắc mong Hữu sắc", là Vô minh mong Sắc hành, Danh mong năm Xứ, Vô sắc sinh mong Sắc lão tử. Trong đây không nói Phi nghiệp hữu, cho nên không nói tới nó. Trong đây lại nương vào lân cận thuận thứ tự, không xen tạp nhau, thật ra thuyết duyên khởi khác với sự mong nhau này mà làm duyên bất định, các bậc thông tuệ nên như lý mà suy nghĩ.

Hỏi: Tại sao nói y theo nhân quả thể tánh mà kiến lập Duyên khởi...? Trong đây có ý hỏi nhân thông với bốn duyên, tại sao không có Nhân duyên?

Trong đây có ý đáp: Trong mười nhân, thì Dẫn phát nhân, Khiên dẫn nhân, Sinh khởi nhân, Định dị nhân và Đồng sự nhân không trái nhau, tuy có nhân duyên nhưng Định dị nhân của nó có tánh khác sinh, đồng sự không trái nhau, thể thì thông xa, ở đây lược bỏ không luận. Dẫn phát nhân, Khiên dẫn nhân và Sinh khởi nhân của nó thì tìm tên mà giải thích nghĩa, phải có nhân duyên, chỉ nương vào sự hiện hành mong nhau gọi là Dẫn phát nhân; y theo nghiệp tập khí trong Hành và Hữu của Nhuận vị và Vị nhuận vị mà nói, đó là Tăng thượng không phải Nhân duyên, không ngăn Ái chủng mong Thọ; Sinh chủng mong Lão tử làm Dẫn phát nhân, vì có nghĩa nhân duyên, cũng không ngăn Thức, Danh sắc... năm loại. Trong Vị nhuận vị mong Sinh và Lão tử, làm Khiên dẫn nhân. Thức... năm loại trong Hữu đã nhuận mong Sinh lão tử làm Sinh khởi nhân, vì có nghĩa nhân duyên và chỗ mong riêng biệt, cũng không trái nhau.

"Trong hai nhân Sinh và Dẫn, là Thức, Danh sắc... cho đến chỗ nhiếp các chi của Sinh vị và Lão tử vị làm Sinh nhân Sinh quả và Dẫn nhân Dẫn quả", đây là nói Thức chi kết sinh tương tục, Năng dẫn Sở

dẫn đồng thời mà có quả quá khứ xa nhau, đều gọi là Dẫn nhân. Năng sinh cùng với quả hai đời riêng khác. Thân cận năng sinh chỉ gọi là Sinh nhân, Thành Duy Thức ghi: "Sinh gần chánh quả gọi là Sinh nhân, Dẫn xa tà quả gọi là Dẫn nhân". Chỗ giải thích các môn đều như Duy Thức sớ kia nói. Ba tánh, mười nhân như Xu Yếu kia nói, luận này nói tạp nhiễm cho nên không trái với các luận khác.

Trong Phân biệt duyên thứ chín, lấy hai mươi bảy môn phân riêng:

1. Thứ nhất, mỗi mỗi chi nương vào hỏi mà phân biệt.

Vô minh có hai hỏi đáp: "Do có nghiệp tạp nhiễm và sức phiền não huân phát", là sinh tạp nhiễm do nghiệp tạp nhiễm dấy khởi, nghiệp tạp nhiễm dấy khởi do phiền não tạp nhiễm, cho nên nói do nghiệp tạp nhiễm và sức phiền não huân phát. Thể của nhiệp là Hành, nhân thứ nhất tức là lấy Vô minh làm Thể, tuy các phiền não đều là nhân thứ nhất của nghiệp, nhưng Vô minh riêng có mười một sự thù thắng, cho nên nói thiên về nó. Nói Sở duyên... rộng như trong kinh nói. Câu-xá ghi: "Vô minh không nói có nhân, Sinh chi phải có bắt đầu, Lão tử không nói có quả, sinh tử phải có kết thúc. Từ Hoặc sinh ra Hoặc nghiệp, từ Nghiệp sinh ra Sự, từ Sự sự hoặc sinh ra Hữu chi". Lý chỉ có luận này, cho nên mười hai chi vô thỉ luân hồi.

Hành hữu có ba hỏi đáp.

Hỏi: "Do không thông đạt nhân khổ của thế tục làm duyên phát khởi Phi phước hạnh...", nghĩa là khổ của ba đường ác tướng trạng dễ biết, gọi là Thế tục khổ. Khổ của trời người thì ẩn kín khó biết, là sở tri của Thánh trí, gọi là Thắng nghĩa khổ. Hoặc có người giải thích rằng: "Trong tám khổ, Đối Pháp luận nói bảy khổ đầu gọi là Thế tục khổ, khổ thứ tám gọi là Thắng nghĩa khổ". Nếu theo luận này giải thích thì Hành khổ thứ tám đã thông với năm nẻo, đáng lẽ chỉ mê nẻo ác thì cũng khởi Phước nghiệp và Bất động nghiệp; bảy khổ trước đã thông với trời người, đáng lẽ chỉ mê nẻo thiện thì cũng tạo Phi phước nghiệp, vì Khổ khổ, Hành khổ và Hoại khổ, thông với năm nẻo. Do đây cho nên biết giải thích trước là hay khéo. Thắng nghĩa khổ của thế tục kia nương vào thô tế dễ biết khó biết riêng biệt mà nói. Thế tục thắng nghĩa khổ này thì nương vào cảnh phàm thánh tổng tướng mà nói, cũng không trái nhau. Cận nhân của Phước nghiệp và Bất động nghiệp khởi chỉ là Thiện tư, Viễn nhân khởi thì lấy vô minh mà phát, vì mê quả tương lai, cho nên nói si làm duyên, hoặc Cận nhân của Phước nghiệp cũng lấy vô minh làm duyên, vì mê tương lai quả.

Đáp: Trong đây nói chung duyên của Phước nghiệp, Phi phước nghiệp và Bất động nghiệp, là ba thứ Bất thiện căn chỉ sinh tại Phi phước nghiệp; Si bất thiện căn thì thông với Phước nghiệp và Bất động nghiệp. Cho nên Duy Thức ghi: "Dưới hữu, vô minh có thể phát khởi Hành trên, nếu không như thế thì ban đầu chế phục nhiễm của các Địa dưới, thì chỗ khởi định của cõi trên đáng lẽ không phải Hành chi, vì Vô minh của Địa kia cũng chưa khởi, cho nên Si bất thiện căn phát chung ba nghiệp.

Hỏi: Phát nghiệp có trợ và chánh, nếu nói chánh thì không có trợ pháp, nhuận sinh thì có chánh và trợ, nếu nói chánh thì không có trợ pháp"?

Đáp: "Một nhân không mượn nhiều, nói chánh thì không có trợ phát, dựa vào duyên thì phải mượn số, cho nên chánh và trợ đều bày ra". "Nương vào phát tất cả hạnh duyên mà nói", là không chỉ nói Thân hành Ngữ hành làm duyên, không nói Tư làm duyên, và nương vào Sinh thiện nhiễm ô tư làm duyên mà nói, cho nên nói Vô minh làm duyên, không nói Vô ký hành làm duyên, vì thân hành và ngữ hành chỉ có Vô ký, chỉ nói Vô minh phát các Hành, gần thì có thể phát ba hạnh thiện nhiễm của thân ngữ ý.

"Thức có thể làm Sinh nhân mới", là do Thức nhập thai làm Sinh nhân mới. Tổng báo có thể làm duyên biệt báo, hoặc do Thức chủng làm thân cận nhân của Danh sắc, khiến cho mới sinh. Đây là nói nghĩa Danh sắc ban đầu kết sinh, căn cứ theo Thức cõi dưới nhập thai, trước đã nói là thiện. Lại nữa, nhân của ba cõi sinh thức thì phải khắp, cho nên luận này nói thiên về nó.

"Lại nữa, sáu Xứ thù thắng cho nên do sáu Xứ nhiếp hai loại", là sáu Xứ nhiếp hai hoà hợp sáu Thức và sáu Căn, hoặc sáu Căn thì nhiếp Thức và pháp khác, cho nên trước nói là Cảnh, ở đây nói là Cảnh thông.

"Xúc là cận nhân của Cảnh kia", Duy Thức ghi: "Chỗ thủ các tướng khả ý của Xúc rất gần nhau với chỗ thủ tướng nhiếp Thọ của Thọ, vì sự dẫn phát thù thắng".

"Như lực của Thọ... cho nên đối với Cảnh tương tợ", hoặc là cầu hoà hợp, hoặc là cầu biệt ly, là Thọ cảnh tương tợ với Ái cảnh, đối với cảnh Lạc thọ thì ưa cầu hoà hợp, đối với cảnh khổ thọ thì ưa cầu biệt ly, gọi là Tương tợ cảnh, cho nên nói Ái lấy Thọ chi làm Cảnh. Vô minh thì chỉ đối với tướng sinh diệt của hai Thọ trong ngoài, không biết như thật, không thể chế phục tâm mà khởi thì không rõ hành tướng, Ái thì không thân thuận, không nói là duyên. hoặc xa do mê mà khởi Ái, thì

cũng có nghĩa duyên, không như sự thân cận của Thọ, cho nên luận nói là duyên.

"Do mong Sinh cho nên khi tìm cầu thì có thể phát Tùy miên", là do Ái mong cầu thắng cảnh thì hoà hợp, ác cảnh thì biệt ly mà huân tập Chủng tử, phát thủ Tùy miên mà thuận với thủ và pháp, vì Ái và Thủ thù thắng cho nên nói Ái thủ làm duyên.

"Hỏi: Trước đã nói Vô minh làm duyên phát khởi nghiệp Hữu", thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, đã nhuận và chưa nhuận, đều gọi là Hữu, vì có thể có quả. Hiện tại nương vào đã nhuận, có thể thân cận có quả mà riêng được tên là Hữu, khi chưa nhuận trở về trước, bắt đầu tạo tác chỉ có tăng thêm, gọi đó là Hành, nương vào nghĩa thù thắng hay dị mà mỗi mỗi đều có một tên. Hiện tại nương vào nghĩa chung cho nên nói Vô minh phát khởi nghiệp Hữu tức là Hành.

2. Thứ hai, trong phân biệt, "thứ ba là phiền não đạo"... Thành Duy Thức luận ghi: "Vô minh, Ái, Thủ, đó là chỗ nhiếp của Hoặc, tức là ba chi này. Hành có một phần, đó là chỗ nhiếp của nghiệp, tức là hai chi này. Duy Thức hội kia ghi: "Có chỗ nói toàn phần nghiệp nhiếp Hữu". Phải biết luận đó nương vào nghiệp Hữu mà nói, cho nên Hội Đối Pháp ghi: "Có chỗ nói Thức là chỗ nhiếp của Nghiệp". Luận đó nói nghiệp chủng làm Thức chi, cho nên các chi khác là Khổ.

Đạo, căn cứ theo đây tức là bảy chi còn lại, lấy hợp chung với Hữu nói là Nghiệp đạo. Thành Duy Thức luận ghi: "Trong bảy chi, Hữu một phần, là chỗ nhiếp của Khổ, vì Thức... năm loại chuyển gọi là Hữu".

3. Thứ ba, trong phân biệt nhân quả có hai loại. "Thứ nhất nương vào mười hai chi thứ tự mong nhau làm nhân quả. Chỉ có ba chi làm nhân, là Vô minh, Ái, Thủ, là Căn bản phát nghiệp nhuận sinh. Chỉ có hai chi làm quả, là Sinh và Lão tử, là chỗ sinh quả của mười chi trước, đây là nương trùng lên nhân quả của ba thứ tạp nhiễm và Chủng tử hiện hành, vì là chỗ mong riêng. Tổng tóm lược duyên sinh làm nhân quả, sơ lược có năm lớp:

a) Đẳng khởi môn, là các chi trước làm nhân, các chi sau làm quả, ngay câu thứ nhất, lớp thứ nhất chỉ có nhân.

b) Bổn mạt nhân quả, lớp thứ hai này cũng vậy, vì phiền não làm Căn bản, chỉ có ba làm nhân. Dưới đây cũng nói sáu chi trước và Ái, Thủ, Hữu là nhân phần, hai chi sau làm quả phần, Thọ thì thông với hai thứ, cũng y theo gốc ngọn để phân rõ nhân quả.

c) Nhân quả của Dị thục và Phi dị thục, quyển 56 ghi: "Lại nữa, chỗ nhiếp năm chi của quả hiện tại, và chỗ nhiếp hai chi của quả vị lai,

gọi chung là chỗ nhiếp duyên khởi của quả, phải biết các chi khác là chỗ nhiếp duyên khởi của nhân". Trung Biên luận quyển thượng cũng ghi: "Nhân tạp nhiễm, là phiền não nghiệp phần; quả tạp nhiễm, là các phần khác".

d) Nhân đã thành thục và chưa thành thục, là khi làm nhân thì có Năng dẫn và Sở dẫn, tức là bảy chi trước. Khi làm quả thì có Năng sinh và Sở sinh, là năm chi sau, là do Vô minh thành thục Ái và Thủ cho nên nhân kia tăng trưởng. Hành... sáu chi thành thục gọi là Hữu, hai chi Sinh và Lão tử là Sở thành thục.

e) Phần vị nhân quả, tức là Sinh nhân và Dẫn nhân nói trên, là Năng dẫn và Năng sinh hợp chung có mười chi gọi là nhân, hai chi sau làm quả, Duy Thức ghi: "Mười nhân hai quả quyết định không cùng đời". Tuy các môn nói năm nghĩa không đồng, chỗ mong có khác, nhưng lý không trái nhau.

4. Thứ tư, "có ba chi là Độc tướng hành... là tạp tướng", Thành Duy Thức ghi: "Vô minh, Ái, Thủ gọi là Độc tướng, vì không giao tạp nhau với các chi khác".

"Các chi khác là Tạp tướng", là có thể dẫn quả Ái và Phi ái, tức là Hành chi.

"Trước vị chưa nhuận gọi là Dẫn nhân", và thú hướng Năng sinh sai biệt, tức là Hữu chi, vì do Hành bị thấm nhuần cho nên chuyển gọi là Hữu, vì có thể sinh ra chi.

"Thức cùng với Danh sắc và một phần sáu Xứ có tạp tướng", là hiển ba chi này có hai chủng xen tạp:

a. Môn thứ nhất xen tạp là khi hiện tại làm quả, thì xen tạp với quả vị lai.

b. Môn thứ hai xen tạp là khi hai chi nhân mong nhau thì tự thể cũng xen tạp.

Hỏi chính là sự này, tức là một Thức đắc Danh sắc và sáu Xứ, ba tên khác nhau, Xúc và Thọ không phải Thức cho nên không hỏi sự xen tạp.

"Nương vào tạp nhiễm", là Thức chi, văn trước đã nói, do tà hạnh cho nên khiến tâm điên đảo, Thức hiện tại điên đảo đã huân Chủng tử, tức là Danh sắc chi.

"Khi nương vào nhuận", tức là Chủng tử của Thức làm nhuận của Ái và Thủ.

"Kết sinh vị ban đầu", gọi là Danh sắc chi.

"Khi nương vào chuyển", tức là khi sáu Căn của Danh sắc này

khởi, gọi là sáu Xứ chi, không phải toàn lục xứ... chỉ là Thức, mà đều có Thức, cho nên trở thành tạp.

"Hiển riêng Khổ tướng", là Thức... năm loại sinh Hiện hành vị, hiển ba khổ tướng gọi là Sinh và Lão tử. Nhân khổ tướng hiện tại cũng chưa có thể hiển được, gọi là Thức... năm loại cho đến Hiện hành vị. Hiển chỗ dẫn sinh quả của năm loại này trước sau khác nhau gọi là Sinh và Lão tử, cho nên nói "và hiển dẫn sinh sai biệt".

Trong giải thích, "duyên khởi thì hoà hợp khởi duyên khởi và duyên sinh", là các Hành sinh khởi pháp tánh, gọi đó là duyên khởi. Có thể khiến cho các Hành sinh khởi pháp tánh thì gọi là Duyên khởi, Sở sinh gọi là Năng sinh, cho nên Đối Pháp ghi: "Nhân gọi là duyên khởi, quả gọi là duyên sinh".

5. Thứ năm, trong bốn Đế, đây là nói bảy chi đều là Khổ đế, đã nói còn lại năm chi, chỉ nói có Tập đế, vì muốn hiển thể của hai Đế sai biệt, không phải năm chi toàn là Tập đế. Thành Duy Thức ghi: "Đều là Khổ đế nhiếp, vì là thủ uẩn tánh, năm chi cũng là Tập đế nhiếp, vì là tánh của nghiệp phiền não. Bức bách nghĩa là khổ, tất cả đều là khổ, vì chiêu cảm Dị thục, là nghĩa của Tập, năm chi cũng là Tập đế.

6. Thứ sáu, trong các chi mong nhau làm duyên có bốn đoạn: một là Thứ đệ làm duyên, hai là giải thích Hữu chi, ba là hỏi nghiệp nhiều hay ít, bốn là làm duyên rộng hay hẹp. Nói rằng do "vô tri trong tùy thuận các hành pháp", thì Bất thiện ý hạnh gọi là Tùy thuận hạnh. Khi Vô minh đồng thời làm sát-na... khởi, cho nên gọi là đều có phú chướng. Do năm ác kiến buông lung, tình phóng dật, tương ưng với vô tri, đây là duyên Kiến mà khởi, không phải duyên gần với Hành, cho nên cùng với thân ác hạnh và ngữ ác hạnh làm Vô gián duyên. Hoặc do Thân kiến và Biên kiến... tương ưng Vô tri làm Vô gián duyên thân cận mà dẫn các Hành. Nếu các thiện hạnh do Vô minh dẫn làm Cửu viễn duyên, do mê quả đó mà khởi hai Tư trước tiên, sau đó mới khởi Hành, cho nên trở thành diệt duyên lâu xa mà kiến lập quả tương lai, đây là nói nghĩa hai Hành sai biệt mà phát khởi, cũng được làm Câu hữu duyên với thiện hạnh. Sát-na đồng khởi, không phải chánh phát nghiệp, cho nên ở đây không nói, những nghĩa như vậy căn cứ theo đó phải biết.

"Hành và Thức làm Câu hữu duyên", là Dị tánh chiêu cảm tập, Hành của hiện hành mong thức chủng kế sau làm Vô gián duyên, không phải Chủng tử Hiện hành hằng đồng thời với Hữu. Thức mong Danh sắc... đều nương vào quả vị Hiện hành tương lai mà nói, nếu không như thế thì chỉ nên có Câu hữu duyên.

"Thọ mong Ái làm duyên diệt lâu xa", là do sau khi thọ cảnh mà khởi Ái nhuận, quả tương lai sinh, cho nên gọi là kiến lập tương lai nan giải thoát... Ái mong thủ làm câu hữu duyên.

"Nói rằng do tham đồng thời với Hành, dục lạc kiến lập trong Tùy thuận thủ pháp", là Ái và Năng thủ thật ra không đồng thời, là chỗ làm Thủ của Sở thủ, nhân duyên của Thủ và Ái đồng thời có, cho nên Ái mong Thủ trở thành Câu hữu duyên, Thủ mong Hữu làm thành ba duyên.

"Lại nữa, có thể dẫn phát công năng của quả kia làm Cửu viễn duyên", đây là mong quả mới sinh, không phải quả tương tục sau đó, khi sắp chết thì Ngã ái mong các cõi mới khởi, có khoảng cách ngay khi chết một niệm, cho nên làm Cửu viễn duyên, Hữu mong Sinh làm thành ba duyên.

"Nói rằng huân và phát Chủng tử", là do trước kia nghiệp huân Chủng tử của Thức... hiện tại gọi là hữu mà sinh ra hiện quả cho nên thành Câu hữu.

"Tuy diệt đã lâu mà quả chuyển", là như Hữu mới nhuận mong quả mới sinh mà chuyển, thì thành Cửu viễn diệt duyên và dẫn phát duyên, là khoảng cách ngay lúc chết.

Trong Hữu chi có hai loại: một là chỉ có Nghiệp hữu, hai là sáu thứ làm Hữu. Do thủ thấm nhuần chuyển gọi là Hữu, xứng đáng làm nhiếp thọ.

"Ngay nghiệp dụng này và trong mỗi Sở hành cảnh riêng biệt, như chỗ thích ứng chỗ có nghiệp dụng..." Đối Pháp luận ghi: "là Vô minh chi có hai thứ nghiệp, một là khiến cho các hữu tình ngu si đối với Hữu, hai là cùng với Hành làm duyên cho đến Sinh". Có hai loại nghiệp: một là khiến cho Danh sắc của các hữu tình đồng khởi, hai là cùng với Lão tử làm duyên. Như vậy các chi đều có hai nghiệp, chính nghiệp thứ hai kia tức là nghiệp dụng này.

Từ trên đến đây chính là chỗ nói ba thứ duyên, và nghiệp trong mỗi mỗi duyên đều riêng sinh cảnh", tức là nghiệp thứ nhất. Luận kia nói Lão tử cũng có hai nghiệp: một là khiến cho thời phân biến dị của hữu tình hoại giảm ít. Hai là khiến cho thọ mạng biến dị của hữu tình hoại thọ mạng. Trong đây chỉ nói chi trước và chi sau làm duyên, không có Lão tử làm duyên, cũng không trái nhau.

7. Thứ bảy, giải thích kinh. Đây có cho nên kia có... bốn câu:

a. Hiển Vô tác duyên sinh, chỉ so hữu duyên mà quả pháp được có, không phải duyên thật có tác dụng có thể sinh quả pháp, cho nên nói

nghĩa do chưa đoạn duyên mà các duyên khác được sinh.

b. Hiển Vô thường duyên sinh, không phải Vô sinh pháp làm nhân, ít phần sở sinh pháp mà được thành lập. Hai loại sau hiển nghĩa của Thế dụng duyên sinh.

c. Tuy các pháp trở lại không có tác dụng.

d. Tuy các pháp trở lại vô thường, nhưng không tùy theo một pháp nào để làm duyên. Tất cả quả sinh vì công năng sai biệt của các pháp cho nên nói như vậy. Hoặc câu thứ nhất là phá Tác dụng duyên sinh, câu thứ hai phá Thường trụ duyên sinh, câu thứ ba hiển Thế dụng duyên sinh, câu thứ tư phá Duyên sinh bất bình đẳng, người làm mà ta thọ quả.

8. Thứ tám, trong bốn câu phân biệt, không phải hẳn là chi, vì nói khắp các chi kia. "Vô minh là câu thứ nhất", không nói biệt báo nghiệp quả Hữu phú vô ký, vì lược bỏ. "Câu thứ hai", không nói Thức Hữu phú vô ký cũng vậy. "Hoặc hữu là Ái và Phi ái, không phải Thọ làm duyên, là mong cầu Thắng giải thoát và nương vào Thiện ái mà xả các Ái khác", loại Thiện pháp dục gọi là cầu giải thoát ái. "Tất cả Thiện ái chán xả tham ái", không phải thuận với Ái thọ làm duyên mà sinh, vì phi ái đồng thời và trước kia không có Thọ, vì không có thuận Ái và Thọ. Nói không phải làm duyên cũng không trái nhau. Đúng ra trong đây phải thuận với câu sau, những người có Ái đó, chắc chắn duyên Thọ mà sinh. Có Thọ làm duyên mà không phải là Thọ, là các chi sau.

9. Thứ chín, "Vô minh và chỗ khởi ý hạnh kia, hoặc một phần hữu...", là mười hai chi của nó đều chướng Chánh kiến, Chánh tư duy... ở đây nói Thắng chướng, chỉ nói Vô minh và nhiễm ý hành, đều là ý hành có chướng Chánh kiến... thân hành, ngữ hành, và sắc có một phần chướng Chánh ngữ.

"Ngoài Chánh niệm Chánh định của nó ra, Hữu chi làm Thắng chướng", là trừ toàn phần Vô minh, Hành và một phần Hữu, một phần ít chín chi còn lại, thì chướng Chánh niệm và Chánh định, hiện tại nói "còn lại" là toàn nói chín chi. Ở đây có hai giải thích:

1. Do ba chi trước mà nói Chánh tuệ thân và Giới thân, còn lại tướng của chín chi, từ tổng mà gọi là chướng Chánh định, đúng ra chỉ nên nói hai chi Ái và Thọ chướng Ly dục đạo, Chánh niệm và Chánh định.

2. Định thân là tâm học. Thức chi là Tâm. Danh sắc, sáu Xứ, Sinh, Lão tử, đều có tâm thể cho nên chướng Định thân, hai chi Xúc và Thọ là Tâm sở, Hữu là gồm Sắc trong Danh và năm xứ trước (nhãn nhĩ tỷ thiệt

thân) Từ Thức mà tổng nói chương Chánh định thân, hai chi Ái và Thủ chương Ly dục đạo, chánh chương Định thân.

Luận này nói Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn làm Tuệ học; Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng làm Giới học; Chánh niệm, Chánh định làm Định học. Thành Duy Thức ghi: “Trong sáu ba-la-mật nhiếp nhau với Tam học”, hoặc nói: “Tinh tấn có ba thứ nhiếp khắp ba thứ cần sách”. Hoặc y theo mới học mà làm luận, cho nên nói: “Tinh tấn chỉ có giới”, vì thủ hộ giới. Hiện tại y theo chỗ lâu thành, lấy tinh tấn trợ giúp thành Kiến thù thắng, chỉ có Tuệ thân, vì Chánh niệm thuận sinh Chánh định chi, cho nên thuộc Định học, vì do niệm nhớ rõ mà khiến tâm chuyên chú.

10. Thứ mười, “có bốn chi chỉ có Tạp nhiễm phẩm”, là Vô minh, Ái, Thủ và Thức, vì tâm điên đảo, tức là Chủng tử của Thức do nghiệp huân tập, hoặc chi thứ tư là Lão tử chi trong Lão tử vị, không thể tu học cho nên gọi là nhiễm. Thức... năm chi, căn cứ theo Sinh chi mà nói thì những chi này là sáu chi, thật ra không phải nhiễm hay tịnh, tùy theo tổng nghiệp quả hay biệt nghiệp quả mà được tên Nhân. Thành Duy Thức luận ghi: “có ba chi chỉ là Nhiễm, vì tánh của phiền não. Có bảy chi chỉ có Bất nhiễm, vì quả của Dị thục”. Hợp văn này nói: “Trong bảy phần vị, dung chứa khởi nhiễm ô, mượn nói đạo có hai thứ, còn lại thì thông với hai chủng, cho nên các chi này chỉ có nhiễm, nói là bốn chi, hoặc Thức hoặc Lão tử, giả được tên nhiễm”. Duy thức luận căn cứ theo thật thì cũng không trái.

11. Thứ mười một, trong “những gì là Vô minh không có? Có ba chủng là phát khởi, Triền và Tùy miên vô minh”. Phát khởi, là phát nghiệp Vô minh. Nghiệp này tương ưng thông với Bất cộng triền, là Nhuận sinh vô minh, phần nhiều chỉ có tương ưng. Hai thứ này đồng thời hiện hành, chỗ huân thành chủng gọi là Tùy miên vô minh. Từ Phát hành vô minh mà lấy tất cả Vô minh làm Căn bản, trong đây nói chung Nhuận sinh vô minh. Lại nữa, Hành tương đương với Hữu chi, Vô minh tương đương với Ái thủ, cho nên ở đây nói chung. Lại nữa, ba loại này phát khởi làm tổng, trong đây có hai loại là Triền và Tùy miên, vì tổng và biệt hợp chung lại luận, cho nên nói là ba chủng. Thể của phát khởi tương ưng với Bất cộng, tức là bốn chủng làm ba chủng, vì ba chủng này diệt chung, bốn chủng kia thì Phát hành diệt riêng Vô minh, Vô minh kia diệt thì Hành diệt. Giải thích này nói chung phát tất cả Vô minh của Hành, nếu không như thế thì Nhuận sinh vô minh chưa diệt, tại sao phát hành tức là diệt? Lại có ba chủng phát khởi Tùy miên Vô minh của

Triền: một là có thể phát khởi Triền, hai là có thể phát khởi Tương ưng, ba là có thể phát khởi Bất cộng. Ba chủng này đều là Triền. Triền thứ nhất là tổng, hai Triền sau là biệt, cho nên phát khởi Tùy miên vô minh của Hiện hành này có ba thứ, do ba thứ này mà Tùy miên vô minh diệt, cho nên Vô minh hiện tại diệt, Hiện hành vô minh kia diệt, Hiện hành vô minh diệt cho nên Hành diệt. Lại nữa, có thứ, là ba cõi. Trong ba cõi, vì Tùy miên vô minh của Phát khởi triền hiện tại diệt cho nên Vô minh hiện tại diệt, Vô minh hiện tại diệt cho nên tất cả Hành diệt. Vô minh làm đầu, chỉ nói ba cõi.

Trong Hành, đã làm Hành chưa diệt trong tự tương tục, là ý hành. "Lại do ý hành mà khởi thân hành và ngữ hành", hai hành thân ngữ, do ba Hành này cho nên có Thức.

"Hành kia duyên Thức cho nên Thức cũng không có...", là Chủng tử thức lấy Hành làm duyên, vì Hành không có cho nên Chủng tử thức không có, Hành nếu toàn không thì Thức của nó cũng không, hoặc Chủng tử thức này toàn không thì thức hiện tiền cũng không.

"Những gì là Thọ không có cho nên Ái không có, cho đến đạo lý của Gia hạnh duyên Thức", đây là hỏi rằng: Thọ là quả, Ái là phiền não, Hành là nghiệp, Thức là quả, hoàn toàn không tương tợ, tại sao đồng loại? Đáp: Hành cùng với Thức vì quả nghiệp khác nhau cho nên khác tánh mà mong nhau. Hiện tại thọ cùng với Ái quả tuy khác tánh riêng biệt nhưng cũng đồng cho nên nói không có riêng khác, như từ Nghiệp sinh Dị thục, Dị thục sinh Phiền não làm đồng loại, nghĩa không trái nhau.

12. Thứ mười hai, "trong tám môn Duyên khởi nhiếp nhau, có ba môn là Sở hiển kia", là tổng.

"Trong ba môn này, có hai môn là một phần Sở hiển, là Nội thức sinh môn và Tự nghiệp sở tác môn". Nội thức sinh môn, là Thức dựa vào căn mà khởi, là các Thức đó làm thể môn. Tự nghiệp sở tác môn, là nghiệp chiêu cảm Dị thục, chỉ có biệt báo cho nên chỉ nói một phần. Duyên sinh, có ba thứ: 1. Tự tánh duyên sinh, là Dị thục thức thứ tám, vì duyên sinh tự tánh. 2. Thọ dụng duyên sinh, là thân của sáu Thức, vì thọ dụng cảnh giới. 3. Ái phi ái đạo duyên sinh, là mười hai chi. Thức sinh môn của nó nương vào căn duyên cảnh, chợt tương tợ Thọ dụng duyên sinh; Tự nghiệp sở tác môn chợt tương tợ Tự tánh duyên sinh, có một môn toàn phần là Ái phi ái đạo. Ngoài ra lúa mạ thành thục, khí thế gian, các nhậm trì khác, ba thứ đều là khí vật bên ngoài, không phải là Thể của duyên sinh, uy thế của thanh tịnh trái nhau với duyên sinh,

cho nên cũng không nhiếp. Tuy giải thoát phần thiện... gọi là Thanh tịnh môn, cùng Lưu chuyển làm nghịch hại duyên, cũng không phải thuận ích cho nên không nhiếp, vì nghịch lưu chuyển, như kinh duyên khởi nói.

13. Thứ mười ba, có năm thứ tội lỗi: một là ngã kiến làm gốc. Do đây mà khởi tam tế Đoạn thường, cùng với Tà kiến làm ba thứ tội lỗi nữa. Trong sáu mươi hai Kiến, tùy chỗ thích ứng của nó duyên tam tế mà khởi Thường kiến, Đoạn kiến và Tà kiến, cho nên lỗi thứ năm tức là sáu mươi hai Kiến này, mạnh mẽ chấp chặt nó làm thù thắng. Sợ Niết-bàn hiện tại không chứng đắc, tức là Kiến thủ, hoặc là Tà kiến. Ngũ hiện Niết-bàn luận, năm lỗi này là khởi bốn Kiến, chỉ trừ giới thủ.

14. Thứ mười bốn, có chín thật ba giả, giả là ba chi sau. Thành Duy Thức ghi: "Sáu chi đã nhuận hợp chung làm Hữu, tức là Thức... năm chi, ba tướng vị riêng biệt, gọi là Sinh... Hạ phẩm gọi là Ái, thượng phẩm gọi là Thủ, cho nên đều là thật.

15. Thứ mười lăm, có năm chi chỉ có một sự, các chi còn lại không phải một sự, luận kia nói năm chi là Vô minh, Thức, Xúc, Thọ và Ái.

16. Thứ mười sáu, "có một chi là nhân Sở tri chướng", trước có nói hoặc nghiệp khổ nhiếp mười hai chi, phân rõ mười hai chi đều là Phiền não chướng đã nói xong. Phật Địa luận ghi: "Hoặc một trăm hai mươi tám phiền não... hoặc chỗ phát nghiệp, hoặc chỗ chứng đắc quả, đều là Phiền não chướng, cho nên không hỏi điều này, chỉ hỏi Sở tri chướng, tức là Vô minh. Vô minh làm nhân của pháp chấp Vô ký tuệ, gọi là nhân Sở tri chướng, đúng ra Sở tri chướng và Phiền não chướng do Vô minh làm nhân. Duy Thức ghi: "Các chướng kia thật ra lấy Vô minh này làm Sở y". Hiện tại luận này nói là Phát nghiệp vô minh mê lý tăng thượng, vì các chướng kia là đồng thời có, là Trí nhân chướng cũng không trái nghịch. Lại nữa, do vô minh này phát nghiệp chiêu cảm sinh cho nên các Sở tri chướng sau triển chuyển sinh thêm, Vô minh là gốc, chỉ nói làm nhân.

17. Thứ mười bảy, có năm thứ hay sinh khổ, là Vô minh, Hành, Ái, Thủ và Hữu. Thai tạng khổ, là năm Chủng tử của Thức...

18. Thứ mười tám, "sáu chi trước cùng với Ái, Thủ, Hữu làm Nhân phần...", là do Thọ làm quả, phát nhuận sinh hoặc, làm địa vị của nhân. Nói từ Xúc sinh, hai tế đã khác nhau cho nên chỉ gọi là Tạp, lại làm quả trong đương sinh, làm nhân tại Chủng tử, hai tế đã có khác, thì tha sinh hay sinh tha cũng khác. Các chi còn lại thì không như vậy, đều là thuần nhân quả, y theo gốc ngọn mà phân rõ nhân quả.

19. Thứ mười chín, "nói sáu chi trước có thể sinh các quả trước...", là cảnh giới của Ái và Phi ái, duyên cảnh giới này mà thọ, gọi đó là quả. Do cảnh giới của Ái phi ái làm Sở duyên duyên mà sinh Năng duyên thọ, cho nên Thọ gọi là quả. Nói rằng sáu chi trước làm nhân có thể sinh Thọ quả này, vì Thọ cảnh kia mà khởi sáu chi trước. Nói rằng Hành và Thọ làm nhân, thì Vô minh có thể phát nhân, Thức, Danh sắc. Sáu Xứ và Thọ làm Sở y thì Xúc có thể sinh Thọ, tùy chỗ thích ứng của nó mà nói Năng sinh. Ba chi Ái, Thủ, Hữu của nó do Năng nhuận và Sở nhuận làm nhân, có thể sinh quả thể của năm nẻo, chỉ có một chi thọ có thể sinh hai quả, là Hiện thọ chủng đã bị thấm nhuần rồi, có thể sinh Hiện hành thọ, gọi là sinh tiền quả. Chỗ dẫn phát Chủng tử của Hành, sinh tự thể vị lai, gọi là sinh hậu quả, hoặc sát-na trước sau tự loại tương sinh, gọi là sinh sơ quả, tại Chủng tử chưa nhuần, làm dẫn nhân xa, sinh ra Sinh và Lão tử trong đời tương lai, gọi là sinh hậu quả.

20. Thứ hai mươi, "Lạc đồng thời với Hành trừ hai chỗ còn lại...", Duy Thức ghi: "Mười Lạc và Xả đồng thời, Thọ không tương ưng với Thọ". Trong Lão tử vị, phần nhiều không có Lạc và dung chứa Xả, cho nên mười một Khổ đồng thời, không phải Thọ đồng thời. Lão tử phần nhiều là Khổ cho nên nói mười một Khổ, thể Chủng tử của nó nương vào vị tương lai đồng thời, như Hữu chi... chủng cùng với chủng đồng thời, đều như lý mà suy nghĩ, đều là đồng thời có.

21. Thứ hai mươi mốt, "nói Lạc thọ đồng thời với Hành chi và Phi thọ đồng thời với một phần Hành chi là Hoại khổ nhiếp...", là luận kia nói: "Mười một phần ít là chỗ nhiếp của Hoại khổ, trong Lão tử vị phần nhiều không có Lạc thọ, nương vào Lạc mà lập hoại cho nên không nói nó". Đây là không phải Thọ chi đồng thời với một phần của Hành chi, là đồng thời với Lạc thọ, đây là nương vào Lạc mà lập Hoại, cho nên nói một phần. Mười hai phần ít là chỗ nhiếp của Khổ khổ, vì trong tất cả chi đều có Khổ thọ, nương vào Khổ thọ mà lập Khổ khổ, cho nên nói một phần. Mười hai toàn phần là chỗ Hành khổ nhiếp, vì các pháp Hữu lậu đều là Hành khổ. Nương vào Xả thọ mà nói mười một phần ít, trừ Lão tử chi ra thì Bất khổ bất lạc trước đồng thời với Hành chỉ có mười chi. Hiện tại thêm các chi không đồng thời với Thọ, cho nên nói mười một phần ít, như thật nghĩa nói trên. Như vậy trong nghĩa của chư Thánh tùy theo tướng kia tăng mà chỗ nói không nhất định, là hai văn của kinh Duyên Khởi và kinh Thập Địa có khác nhau, như Duy Thức sớ quyển 8 nói.

22. Thứ hai mươi hai, "Diệt tận định, Vô tưởng định và Hữu sắc

chi của Vô tưởng thiên có thể đắc...", đây là nương vào sáu Thức mà nói không có Phi sắc chi. Tùy chuyển Tát-bà-đa lý môn không phải thật lý, tông kia cũng nói Thuỳ miên không phải vô tâm. Cõi Vô sắc cũng vậy, nương vào chân thật nghĩa tại cõi Hữu sắc mà các chi đều là toàn phần. Trong cõi Vô sắc chỉ trừ hiện sắc, cho nên quyển trước nói, tại cõi Vô sắc, Thức nương vào sắc chủng.

23. Thứ hai mươi ba, nói "nương vào các chi của Địa trên mà lìa các chi của Địa dưới", đây là các chi chỉ có một phần. Luận kia ghi: "Hành chi của Địa cõi trên có thể chế phục Địa cõi dưới", tức là sáu thứ hành tướng của thô khổ... có tâm sinh lên cõi trên mà khởi thô khổ kia, chỉ có Địa cõi trên mới khởi, không có chi nào khác, cũng không phải Hành toàn phần, cho nên nói một phần.

24. Thứ hai mươi bốn, "có ba thứ nhiễm, còn lại hai chủng khác...", luận kia ghi: "Vô minh, Ái, Thủ chỉ thông với Bất thiện Hữu phú vô ký", tức là ba thứ nhiễm này. Môn thứ tư ở trước, nói bốn tạp nhiễm, ở đây nói có ba nhiễm, ở đây là thật, ở trước là giả, nghĩa khác nhau cho nên trong bất thiện của nó thông với Nhiễm và Vô phú vô ký. Luận kia ghi: "Hành chỉ có thiện và ác, Hữu thì thông với thiện, ác và Vô phú vô ký". Trong bảy phần vị cũng khởi thiện nhiễm cho nên gọi là thông với hai thiện ác, đây là thật Vô ký nương vào đương sinh cho nên không có lỗi.

25. Thứ hai mươi lăm, "cõi Dục thì có tất cả, các cõi trên thì có một phần...", luận kia ghi: "Tuy đều thông trong ba cõi, nhưng có ít phần và toàn phần. Cõi Dục có hai tánh; Vô minh, Hành, Ái, Thủ có ba tánh, một nghiệp bảy quả. Cõi trên chỉ có một tánh, Vô minh, Hành, Ái, Thủ, có hai tánh, một nghiệp bảy quả, cho nên nói một phần.

26. Thứ hai mươi sáu, "tất cả đều chỉ có Phi học Phi vô học...", đây là lấy sau khi nhập Thánh mới thành học, các Dị sinh vị đều là Phi học. Trong quyển 9 trước, học nghiệp nghĩa là hoặc Dị sinh học, hoặc Phi dị sinh học trong tương tục. Tất cả thiện nghiệp, như Đối Pháp luận quyển 4 ghi: "Người cầu giải thoát, có thiện pháp, đó là nghĩa Hữu học". Trong đây nương vào Chứng thắng học, cũng không trái nhau. Duy Thức ghi: "Bậc Thánh, là chỗ khởi Hữu lậu thiện nghiệp, Vô minh làm duyên, trái với Hữu chi, không phải Hữu chi nhiếp". Do đây nên biết bậc Thánh thì không tạo tác chiêu cảm nghiệp Hậu hữu, đối với quả khổ sau không mê cầu, tạp tu Tĩnh lự, nương nhờ nghiệp cũ cõi dưới mà sinh Tịnh cư. Đối với lý không trái nghịch, tức là muốn nói Dị sinh thuận Giải thoát phần, thuận Quyết trạch phần, có thể chiêu cảm Dẫn quả, đều thuộc về

Hữu chi. Kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: "Ngoại pháp dị sinh, có bốn thứ Vô minh làm duyên sinh Phước hạnh, Phi phước hạnh và Bất động hạnh. Nội pháp dị sinh, nếu người phóng dật thì người đó trừ đi một thứ Bất cộng vô minh, các Vô minh còn lại dẫn phát phóng dật làm duyên sinh Hành. Nội pháp dị sinh, nếu người phóng dật cần siêng tu học, và Thánh hữu học, thì ba thứ Vô minh dẫn phát vong niệm làm duyên Phi phước". Nhưng Vô minh này không thể chiêu cảm ba nẻo ác, vì đây là Phi phước, tôi không thể nói là Vô minh duyên Hành, chỉ có ý muốn nói Dị sinh bất phóng dật và Phi phước của bậc Thánh chỉ chiêu cảm quả Dị thục riêng của trời người, không chiêu cảm quả Dị thục chung của nẻo ác. Đã không phải Hành chi cho nên không nói phi phước này lấy Vô minh chi làm duyên. Kinh kia lại ghi: "Bất cộng vô minh và Nội pháp dị sinh tuy không phóng dật, nhưng người tu học cũng chưa có thể đoạn, chư Thánh hữu học phải biết là đã vĩnh viễn đoạn. Lại nữa, bất phóng dật nội pháp dị sinh, nếu tạo Phước hạnh và Bất động hạnh, thì đó là chỗ dẫn phát chánh pháp như lý tác ý tương ưng thiện tâm, giải thoát làm chỗ y, hồi hướng giải thoát mà dẫn phát. Tuy đối với nẻo thiện chiêu cảm sinh thù thắng, nhưng không phải Vô minh khởi Tăng thượng duyên, mà làm cho Vô minh kia đoạn Tăng thượng duyên". Đây là muốn nói Dị sinh kiến đạo trở về trước, tuy do ba thứ Vô minh và Bất cộng chủng phát Phước hạnh và Bất động hạnh chiêu cảm quả Dị thục chung của trời người, không cùng với Vô minh khởi Thắng duyên, vì rốt ráo diệt. Không phải do ba thứ Vô minh... thân cận với Sở dẫn phát, do Chủng tử của nó còn, hoặc vì xa Năng phát, cũng không ngăn Vô minh duyên Phước hạnh và Bất động hạnh, chỉ ngăn Phi phước hạnh kia. Vì lấy Vô minh làm duyên, cho nên kinh kia chỉ nói chư Thánh hữu học đã vĩnh viễn đoạn Bất cộng vô minh, không tạo tác nghiệp mới. Sau thiện pháp dục của nó là Dị sinh thân thiện Hữu lậu chi, vì đoạ vào lưu chuyển, đã không phải là học, cho nên có thể chiêu cảm Sinh, và Duyên khởi chi nhiếp.

27. Thứ hai mươi bảy, "quả Dự lưu đoạn một phần trong tất cả, không đoạn toàn phần...", Thành Duy Thức ghi: "Có nghĩa là Vô minh chỉ có Kiến sở đoạn, phải mê Đế lý mới có thể phát Hành, vì bậc Thánh thì không tạo nghiệp Hậu hữu, hai chi Ái và Thủ chỉ có Tu sở đoạn, vì tham cầu đang có mà nhuận sinh. Tâm của chín loại mạng chung, câu sinh Ái đồng thời, còn lại chín loại đều thông với Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn". Đây là nói tất cả người đã đoạn Dự lưu, dựa vào phần nhiều mà nói, không phải Ái chi và Thủ chi cũng là Kiến sở đoạn. Sư này nói Thủ

tức là Ái tăng thượng, vì chỉ có Tu đoạn. "Có nghĩa là tất cả đều thông với hai Đoạn", là nói rộng.

"Ba chi Vô minh, Ái, Thủ, cũng thông với Sở đoạn của Kiến và Tu, nhưng Vô minh chi là chánh phát khởi Hành", là chỉ có Kiến sở đoạn. Trợ là bất định. "Hai chi Ái Thủ chánh nhuận sinh", là chỉ có Tu sở đoạn, Trợ là bất định. Lại nữa, pháp nhiễm ô thì tự tánh phải Đoạn. Pháp Phi nhiễm ô có hai nghĩa gọi là đoạn là lìa trói buộc và không sinh. Nói "mười chi thông với hai Đoạn", phải biết đây là nói tất cả Đoạn thông với mười hai chi. Nói "một phần", hoặc nương vào tự tánh đoạn, phiền não và nghiệp của ba nẻo ác; hoặc nương vào bất sinh, gồm các quả của ba nẻo ác kia, mà nói Dự lưu đoạn, gọi là "một phần".

Hai mươi bảy môn nói trên, môn thứ chín đã phân biệt Duyên khởi, môn thứ mười nhiếp thuộc trong các kinh, có mười lăm môn:

1. Sáu loại ngôn thuyết, thứ tự thuận nghịch, là Hữu lậu và Vô lậu đều có thuận nghịch, một phần và đầy đủ phần, như kinh Niết-bàn, Hữu sinh Bà-la-môn nói mười một chi, trừ Sinh mà muốn chờ thời cơ. Tuy cũng là một phần, nhưng không phải chỗ nói này. Chỗ nói này, là quán Hắc phẩm, đồng với Thức lùi trở lại, chỉ quán mười chi; hoặc Danh sắc nhập thai, chỉ quán chín chi, gọi là một phần chi; quán Bạch phẩm, mười hai chi đều quán, diệt đủ mười hai chi, gồm Tu diệt và Đạo kia, gọi là đầy đủ phần chi. Ngay một phần này gọi là Hắc phẩm, vì quán Khổ và Tập. Ngay đầy đủ phần này gọi là Bạch phẩm, vì quán Diệt và Đạo. Tạp nhiễm và Thanh tịnh thì thuộc về Quán tâm, cho nên ở đây không nói.

2. Do mười thứ tương ưng biết duyên khởi sâu xa, là nghĩa Vô thường có sáu thứ, nghĩa Khổ là thứ bảy, nghĩa Không là thứ tám, nghĩa Vô ngã là thứ chín. Y theo Thắng nghĩa đế thì tự tánh của các pháp tuy bất khả thuyết, nhưng mà nói "tự tánh các pháp khả thuyết" là nghĩa thứ mười. Chín nghĩa trước y theo Thế tục đế mà an lập Sai biệt môn, một Thắng nghĩa đế sau là gượng thi thiết Ngôn thuyết môn. Thứ nhất tuy tự chủng lực thù thắng, nhưng cũng chờ tha duyên, vì không phải tự ngã tạo tác. Thứ hai tuy Tha duyên lực thù thắng, nhưng cũng chờ tự chủng của nhân, vì không phải Phạm vương... tạo tác.

3. Tuy Chủng tử và Duyên sinh, mà chủng và duyên đối với sự sinh này không có tác, không có dụng, cũng không có vận chuyển, không phải như Ngã năng tạo tác của Thắng luận, vì pháp và phi pháp trong câu "lấy đức", gồm cả nghĩa của Câu nghiệp. Trợ có thật dụng khiến cho quả pháp vận chuyển, cũng không phải như Tát-bà-đa có thật dụng

khiến cho quả pháp chuyển, hiện tại không có năng tác, cũng không có nghiệp dụng, quả tuy sinh sau, nhưng không thật có vận chuyển, cho nên cả hai đều sai.

4. Có công năng sinh, không phải là vô nhân.

5. Từng sát-na luôn luôn sinh khởi mới, không phải như chuyển biến có quả của Số luận.

6. Nhưng tợ đứng dừng mà tướng vận động hiển hiện, không phải như một thời kỳ sinh diệt của Chánh Lượng bộ... Y theo nghĩa Khổ, là các pháp Hữu lậu, tánh hằng hành khổ, một vị không có tướng khác. Khi tương tợ có Khổ có Lạc... thật ra không có Lạc đó. Không có Khổ gián đoạn... y theo nghĩa Không, là nhân tánh mà lìa đối với Ngã tác giả của Thắng luận, quả tánh lìa đối với Ngã thọ giả thọ các Khổ của Số luận, nhưng giống như không lìa. Nghĩa Vô ngã, là lìa thể tướng Không của Ngã, lìa dụng của Ngã, đó là hai thứ sai biệt. Kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: "Đối với Khổ đế lìa thật Ngã, tánh gọi là Không", là đối với Khổ đế không phải tướng tánh của Ngã gọi là Vô ngã. Đối Pháp luận quyển 6 nói, cũng đồng với kinh, chỗ mong thì có sai biệt nhưng không trái nhau. Lại nữa, nghĩa Không này, lìa Ngã thể tạo tác và thọ dụng thì không có nghĩa là Ngã, pháp thể không phải Ngã tướng, cũng đồng với kinh kia. Đây là nói không có Ngã tướng, chữ "không có" là "không phải". Y theo Thắng nghĩa đế, thì duyên khởi tự tánh không thể nói năng, hiện tại nói Duyên khởi mà trở thành môn thứ mười. Y theo Đối Pháp luận có năm thứ sâu xa, là nhân sâu xa... cũng với luận này không đồng. Kinh Duyên Khởi quyển hạ nói mười lăm thứ sâu xa, năm loại đầu cùng đồng với Đối Pháp, mười loại sau có khác chút ít, như kinh luận kia nói.

Có ba Pháp trụ trí là Văn tuệ, Chân thật trí là Tư và Tu. Dị sinh như học mà quán thâm nghĩa. Hoặc pháp trụ trí, Dị sinh Văn tuệ, Chân thật trí và Thánh trí, là tam tuệ, hoặc là pháp trụ trí dị tánh thân trí. Chân thật trí thánh, là thân trí, vì trụ pháp của giáo... như thật nghĩa mà biết đó là hai thứ sai biệt.

Bốn trụ, là lấy văn cú vô đảo mà nói pháp tánh này. Văn cú Năng thuyên gọi là pháp trụ, cho nên pháp trụ này lấy pháp tánh làm nhân, do đó pháp tánh này gọi là pháp giới. Giới nghĩa là nhân, hoặc văn của luận này và kinh Bát-nhã... nói Chân như kia gọi là pháp trụ. Sở thuyên từ giáo gọi là pháp trụ, vì pháp trụ thể. Phải có pháp tánh mới làm giáo y, lấy thể làm nhân, lấy nghĩa gọi là quả. "Ngũ sinh nếu không có", là Chủng tử sinh Thức... năm chi. "Vô xứ, vô trụ, sinh có thể là có",

là Hiện hành sinh. "Vì dụng trong hiện pháp của sáu Thức do Danh sắc làm duyên", là Thức đối với sinh vị mượn Danh sắc mà khởi cho nên dụng làm duyên. "Vì dụng trong pháp sau thì Thức làm duyên", là Danh sắc sắp sinh thì nương vào Thức mà khởi, đây là nói sắp sửa hiện thì lẫn nhau làm duyên, ảnh hiển hiện là do Danh sắc nương vào Thức, Thức tương lai sắp khởi thì cũng nương vào Danh sắc. Tại sao vậy? Sau sẽ tự trình bày giải thích lẫn nhau làm duyên.

7. "Quán Hắc phẩm chỉ có chí Thức chi...", Khổ đế và Tập đế gọi là Hắc phẩm, Diệt đế và Đạo đế gọi là Bạch phẩm, là Hoàn diệt phẩm. Chuyển, nghĩa là lẫn nhau làm duyên mà khởi. Hoàn, là quán Tâm đến Thức, lùi về đến Lão tử, cho nên gọi là Chuyển hoàn, làm Diệt đạo quán cho nên nói là Hoàn diệt. Quán đó như quyển 93 và quyển trước giải thích. Thức sinh tử lưu chuyển làm duyên lẫn nhau với Danh sắc. Trong Hoàn diệt phẩm, Danh sắc không phải nhân Hoàn diệt của Thức, không do Danh sắc diệt Thức chi diệt theo, mà đều do Thức diệt thì Danh sắc mới diệt. Đến Thức không hoàn chuyển thì tiến lên quán Hành, cho đến Vô minh, Vô minh diệt cho nên Hành mới diệt theo, do đó bốn mươi bốn trí và bảy mươi bảy trí, quán của nó được thành lập. Vô minh về trước không có nhân của chi, cho nên cũng không nói bốn mươi tám trí.

8. "Sinh, là phi hữu", là không phải tự tác và tha tác. Nếu có tự ngã tác thì Đại phạm... là tha tác, vì liền có sinh. "Vì duyên không có tác dụng", là không phải đồng thời tạo tác. "Chỗ sinh của duyên lực", là cũng không phải không có nhân để sinh, Đối Pháp luận ghi: "Các pháp không phải tự sinh, cũng không phải từ tha sinh, cũng không phải từ cộng sinh, cũng không phải không từ cả hai sinh ra. Tuy không có duyên tác dụng, nhưng có duyên công năng khả đắc. Phi tự sinh, là phá chấp ngã tác; phi tha sinh, là phá chấp nhân Bất bình đẳng sinh của Đại tự tại thiên... Phi cộng sinh, là phá nghĩa tác dụng của Tát-bà-đa; không phải vô nhân sinh, là phá Vô Nhân luận. Luận đó ghi: "Nếu lý của duyên khởi là không phải tự không phải tha", khiển trừ hai câu cũng là rất sâu, huống chi mất luôn cả bốn câu, cho nên duyên khởi rất là sâu xa. Trung luận ghi: "Các pháp không có tự tánh, cũng không phải từ tha sinh, không phải cộng, không phải vô nhân", luận đó giải thích rằng: "Vì tự tánh không cho nên không tự tại, vì duyên tánh không cho nên không phải tha sinh, vì tự tha không cho nên không cộng sinh. Nếu pháp có Thể thì có thể nói hữu nhân và vô nhân, pháp tánh đã không thì làm sao được nói có hữu nhân hay vô nhân? Ba câu trước phá có nhân

duyên, câu thứ tư phá không nhân duyên. Hiện tại tông của luận này không phá nhân duyên do công năng mà sinh, chỉ phá tác dụng tự tha sinh bằng nhau và vô nhân sinh, không đồng với luận kia.

9. Hữu chi là nuôi dưỡng mầm khổ, vì nghiệp có năng dưỡng.

10. Hữu chi như chất keo dính, cũng nói nghiệp hữu.

11. Tất cả Khổ chi thuần Đại khổ tụ, là quả sau, là Sinh và Lão tử gọi là Đại khổ tụ.

12. Bảy môn trước gọi là có nhân pháp, các nhân khác lẫn nhau gọi là có nhân khổ, là Năng dẫn và Sở dẫn đều là Dẫn nhân, đương sinh lão tử gọi là Hữu nhân. Bảy chi là nhân pháp kia. Sinh lão tử gọi là Khổ của hữu nhân, vì có nhân đời trước. Ái Thủ Hữu ba chi, lân cận với hai chi Sinh Lão tử này, nương theo nhau gọi là Khổ, vì có pháp của Dẫn nhân trước. Đối Pháp luận ghi: "Là khi làm nhân thì có Năng dẫn và Sở dẫn, khi làm quả thì có Năng sinh và Sở sinh. Thục biến gọi là quả, cho nên Ái thủ hữu cũng lập tên quả, quả sắp thành thục biến chuyển thì Thục biến kia mới khởi".

13. "Sở hiển của ba chi lậu tận", là Vô minh, Ái, Thủ, vì là lậu pháp, đoạn dứt tận vị này gọi là Đoạn lậu sở hiển. Nếu khi ba chi này đoạn, thì các chi còn lại duyên với tận, không sinh trở lại nữa, gọi là Đoạn tận sở hiển, chỉ còn một chi Thọ, gọi là Thọ tận sở hiển.

14. Trong bảy mươi bảy trí, phần trả lời có ba đoạn: một là tổng đáp nguyên nhân lập trí, hai là hiển riêng nguyên nhân của các trí, ba là kết thành số để nêu bày. "Để hiển trí hữu nhân tạp nhiễm", đây là tổng đáp, là quán các chi có nhân pháp của nó, là như Lão tử lấy Sinh làm nhân, cho đến Hành chi lấy Vô minh làm nhân, Vô minh thì lại không có nhân của nó, cho nên thành bảy mươi bảy. Duyên chỗ khởi trí của tạp nhiễm này gọi là trí tạp nhiễm, hoặc trí năng duyên tức là tạp nhiễm. "Lại nữa để hiển...", có bốn chữ "lại nữa":

Chữ "lại nữa" thứ nhất, hiển duyên hiện tại có hai trí, là duyên Sinh hiện tại mà có Lão tử, không phải không duyên Sinh hiện tại mà có Lão tử, hiện tại tự thân thì tự nó tạo tác.

Chữ "lại nữa" thứ hai, hiển duyên quá khứ Lão tử có hai trí, là duyên Sinh quá khứ mà có Lão tử, không phải không duyên Sinh quá khứ mà có Lão tử, quán đối với tiền tế từ vô thỉ đến nay, Lão tử đều lấy Sinh làm duyên.

Chữ "lại nữa" thứ ba, hiển duyên vị lai Lão tử có hai trí, là duyên Sinh vị lai mà có Lão tử, không phải không duyên Sinh vị lai mà có Lão tử. Vị lai tuy chưa khởi, nhưng đã mang nghĩa tạp nhiễm hoàn diệt. Hiện

tại quán tạp nhiễm mà thành hai trí. Trong tam tế này, trí thứ nhất quán quả có nhân, hiển nguyên nhân của nó. Trí thứ hai này là quán quả có nhân không phải bất quyết định, phá vọng chấp bên ngoài, không phải Bất bình đẳng Vô nhân mà sinh.

Chữ "lại nữa" thứ tư, hiển quán chỗ không nhiếp pháp của chi, vì nghĩa biến tri của các Hữu lậu tuệ, tức là Pháp trụ trí, biết khắp duyên khởi giáo pháp trong ba đời, gọi là chỗ chi không nhiếp, lấy làm trí thứ bảy. Sáu chân thật trí trước, hợp với một pháp trụ và sáu chân thật cho nên thành bảy trí. Nếu y theo nghĩa này, thì trong thân của bậc Thánh cũng có Pháp trụ trí, trong thân của Dị sinh cũng có Chân thật trí, vì đều khởi bảy trí quán, còn lại mười chi trước cũng vậy, cho nên thành bảy mươi bảy trí.

15. Bốn mươi bốn trí, văn có hai đoạn: 1. Thuyết minh trí. 2. Nhân theo đó giải thích Thức duyên Cảnh. Hiển riêng Thức thứ sáu có thể làm trí quán, tùy ở cõi nào đều có thể quán sát, vì hành tướng thông, là Lão tử khổ, Lão tử tập, Lão tử diệt, Lão tử thú hướng diệt hạnh. Mười một chi sau đều quán như vậy, cho nên thành bốn mươi bốn trí, Dị sinh thì tại ngang Thức quán lùi lại về trước.

"Nếu sinh cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ các Địa cõi dưới của nó, tất cả hiện tiền như như tại cõi Dục", đây là tùy thuận lý môn, ở tại hai cõi trên thì không khởi tất cả các Thức của Địa cõi dưới, như tại cõi Dục tương tợ khởi ý thức của cõi trên, tất cả không có ngăn ngại. Văn thế đọc dài thì nghĩa đạo cũng xa.

Chân thật lý môn, trong hai cõi trên, trừ Thức chỉ riêng có tại Địa cõi dưới ra, còn lại ý thức của ba cõi đều được hiện tiền, vì nhuận sinh mà khởi. Đã thừa nhận hai định trở lên khởi Sơ thiền, thì Thức thân cũng phải thừa nhận Bồ-tát trong cõi Sắc khởi Tỷ thức và Thiệt thức của cõi Dục.

Trong Tạp nhiễm, đoạn lớn thứ hai thuyết minh có thể đối trừ tu sáu hiện quán, như Quyết Trạch phần, Duy Thức quyển 9, Đối Pháp quyển 13, Hiển Dương quyển 16, Nhiếp luận và Duy Thức sớ, giải thích nghĩa của các môn thể tánh thêm bớt v.v...

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 5
(Bản Luận 11, 12)

BẢN LUẬN 11

A. Giải thích ý nghĩa:

Trong mười bảy Địa, chín Địa trước thuyết minh cảnh ba Thừa, phân ra làm bốn phần:

1. Hai Địa đầu là Thể của Cảnh, vì tất cả đều lấy Thức làm tánh.

2. Ba Địa kế đó là Tướng của Cảnh, thô tế khác nhau.

3. Hai Địa kế đó là Dụng của Cảnh, vì Định và Tán hai thời khởi tác dụng.

4. Hai Địa sau cùng là Vị của Cảnh, vì Hữu tâm và Vô tâm hai vị riêng khác. Do Thể nương vào tướng mà có tác dụng của nó, vì địa vị thứ tự khác nhau mà lập Cảnh của chín Địa.

Thể của Cảnh có hai Địa, là Địa dễ biết và Địa khó biết lấy làm trước sau.

Tướng của Cảnh có ba Địa, là thô phẩm và tế phẩm lấy làm trước sau.

Dụng của Cảnh có hai Địa, là thắng phẩm và liệt phẩm lấy làm trước sau.

Vị của Cảnh có hai Địa, là hiển thời và ẩn thời. Đây là hai Địa sau cùng thuyết minh Dụng của Cảnh, tức là lấy thắng liệt mà làm trước sau. Đó là ý nghĩa của các Địa này.

B. Giải thích tên gọi:

Tiếng Phạm là Tam-ma-tư-đa, Hán dịch là Đẳng dẫn, Cựu dịch Tam-ma-đề là nhầm lẫn. Địa này có bảy tên:

1. Tam-ma-tư-đa, giải thích các câu luận giải, là Thắng định địa, là Bình đẳng năng dẫn lìa Hôn trầm, Trạo cử v.v... hoặc Dẫn bình đẳng, hoặc là do Bình đẳng dẫn phát, gọi là Đẳng dẫn địa. Quyển hạ này ghi: "Không phải đối với Tâm nhất cảnh tánh của cõi Dục, do chỗ dẫn của

định Đẳng vô hối hoan hỷ an lạc này”, tức là lấy ba nghĩa để giải thích Đẳng dẫn là Đẳng năng dẫn, Dẫn bình đẳng và Phương tiện sở dẫn phát bình đẳng, cho nên Năng dẫn Sở dẫn đều bình đẳng. Tam-ma dịch là Đẳng, Tư-đa dịch là Dẫn.

2. Tam-ma-địa, Hán dịch là Đẳng trì. Tam-ma là Đẳng, Địa là Trì. Cựu dịch Tam-muội là nhầm lẫn.

3. Tam-ma-bát-để, Hán dịch là Đẳng chí. Tam-ma là Đẳng, Bát-để là Chí. Cựu dịch Tam-ma-bạt-đề là nhầm lẫn.

4. Đà-diễn-na, Hán dịch là Tĩnh lự. Cựu dịch nghĩa là Thiền cũng không chuẩn.

5. Chất-đa-ế-ca-a-yết-la-đa, Hán dịch là Tâm nhất cảnh tánh. Chất-đa là Tâm, Ế-ca là Nhất, A-yết-la là Cảnh, Đa là Tánh. Cựu dịch Nhất tâm là nhầm.

6. Xa-ma-tha, Hán dịch là Chỉ.

7. Hiện pháp lạc trụ.

Trong quyển 63 giải thích nghĩa của Đẳng trì, Tâm nhất cảnh tánh, Xa-ma-tha và Hiện pháp lạc trụ, trong các tên này, Đẳng dẫn Địa của nó có ba giải thích: Như thật nghĩa, thông với Hữu tâm và Vô tâm, chỉ có tất cả công đức tại Định vị. Ba nghĩa Đẳng dẫn, lý của nó thông nhau, tất cả Tán vị đều không phải trong Địa này. Danh mục của Tam-ma-địa là một Đẳng trì Tâm sở trong Biệt cảnh, thông nhiếp tất cả. Tâm nhất cảnh tánh trong Hữu tâm vị, thông với Định vị và Tán vị, như bốn câu phân biệt trước giải thích luận, nhưng các kinh luận, chỉ nói ngay chỗ thù thắng là Không, Vô nguyện v.v... gọi là Tam-ma-địa. Tam-ma-bát-để, là tên chung của tất cả Hữu tâm và Vô tâm, là chỗ có Định thể trong các Định vị, trong các kinh luận chỉ nói ngay chỗ thù thắng là năm Hiện kiến v.v... tương ưng các Định, gọi là Đẳng chí. Tĩnh lự thông với Hữu tâm và Vô tâm, Hữu lậu và Vô lậu, Nhiễm và Bất nhiễm, nương vào bốn Địa của cõi Sắc, không phải các Địa xứ khác, nhưng các kinh luận ngay chỗ thù thắng phần nhiều nói là Sắc địa có tâm công đức thanh tịnh, gọi là Tĩnh lự. Tâm nhất cảnh tánh, Thể tức là Đẳng trì, thông với nhiễm và tịnh, lấy Tâm nhất cảnh tánh để giải thích Đẳng trì, cho nên Xa-ma-tha chỉ có Hữu tâm vị, không phải Vô tâm, chỉ có Tịnh vị không phải Bất tịnh, chỉ có Định vị không phải Tán tâm. Hiện pháp lạc trụ, chỉ có bốn Tĩnh lự căn bản không phải Cận phần, tâm tịnh Vô lậu không phải Tán tâm và cõi Vô sắc, do Đẳng dẫn này thông nhiếp công đức Định vị của tất cả Hữu tâm và Vô tâm. Vì tổng thông rộng cho nên riêng lập tên Địa.

C. Nêu thể tánh:

Có ba sư giải thích, so sánh bốn câu đều rộng như Địa kia. Trong Địa này, trước hết kết những chỗ nói trước để phát sinh đầu mối của luận, sau y theo đó mà hỏi đáp. Trong đáp có ba đoạn: một là Tụng, hai là Giải thích, ba là Giải thích rộng nghĩa chúng tạp tối hậu, tức là nhập vào Tông yếu thứ năm của các kinh.

Trong Tông yếu đó, giải thích chỗ liệt bày dưới đây các kinh pháp tướng của tám giải thoát v.v.... Nghĩa chúng tạp của nó cũng giải thích nhiều nghĩa Tán tạp, vì đồng thời giải thích kinh, cho nên thành một môn. Trong An lập đẳng môn, chỉ giải thích Tĩnh lự, không giải thích Đẳng trì, Đẳng chí, dưới đây trong Tông yếu mới giải thích nó. Trong phần giải thích rộng có bốn đoạn: một là Tổng nêu, hai là An lập, ba là Tác ý và Sở duyên, bốn là Giải thích kinh.

Đoạn ba và bốn hợp chung thuyết minh cho nên làm thành bốn đoạn, trong tổng nêu có hai đoạn là nêu bốn môn và tùy giải thích riêng.

Tên gọi khác của bốn Tĩnh lự, quyển sao thứ 5 trong phần trước đã giải thích, Phế lập và Tăng giảm như quyển 63 nói. Trong Đẳng trì có mười một môn, không giải thích môn thứ mười một, vì dễ hiểu. Lại nữa, Thanh văn địa mới giải thích bốn Tu định:

1. Vì được Hiện pháp lạc trụ.
2. Vì được Trí kiến.
3. Vì được Tuệ phân biệt.
4. Vì được Lậu tận.

- Năm Thánh trí:

1. Tự thể trí.
2. Bổ-đặc-già-la trí.
3. Thanh tịnh trí.
4. Quả trí.
5. Nhập xuất định tướng trí.

Năm chi Thánh, là Hiện pháp lạc trụ làm bốn chi, nương vào quán sát kỹ duyên khởi pháp và vì đoạn trừ kết phược làm chi thứ năm. “Hữu nhân, Hữu cụ, Thánh chánh”, là năm thứ Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng, gọi là Hữu nhân; ba thứ Chánh kiến, Chánh tinh tấn và Chánh niệm gọi là Hữu cụ; bảy chi này cùng với Thánh chánh Tam-ma-địa làm nhân. Trong Đẳng chí có sáu môn, là tám Thắng xứ, mười Thiên xứ, Nhân, Giải, Giải thoát, đã giải thích sơ lược xong, không giải thích lại.

Trong Quyết Trạch v.v... giải thích bốn Vô sắc, vì không khác với giải thoát cho nên cũng không giải thích.

- Trong An lập môn thứ nhất, lấy năm môn phân riêng:

1. An lập Đẳng dẫn địa.
2. An lập Ly sinh hỷ lạc v.v...
3. An lập Cái chướng.
4. An lập Chi phần.
5. An lập Biệt danh.

Trong An lập Địa, "do chỗ dẫn của Định đẳng vô hối hoan hỷ an lạc này", là do tâm trì giới thì liền không có hối, vì không có hối cho nên hoan hỷ, vì hoan hỷ cho nên an lạc, vì an lạc cho nên chứng đắc Định, do đó Đẳng dẫn này không phải đối với cõi Dục, cũng không phải cõi Dục, đối với pháp hoàn toàn không có chánh quán sát kỹ.

- Trong An lập thứ hai có ba đoạn:

1. Dẫn kinh để nêu.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Từ câu "Thế Tôn đối với phương tiện Vô lậu" trở xuống, giải thích Tam-ma-địa, cùng với vấn nạn trước và sau giải thoát. Dẫn Hỷ của Dục v.v... hiển thị chỗ lìa, chỗ chứng Chuyển y vô vi gọi là lìa.

Lại nữa, đối với người tu tập viên mãn năm pháp, hiển thị pháp Sở sinh do Chuyển y. Hoan hỷ đều lấy Hỷ thọ làm tánh, chỗ dẫn của Vô hối chính là vui thích thâm sâu. Lập hai sai biệt, An lạc đồng thời với Lạc thọ làm tánh, lìa chỗ dẫn điều hoà thông suốt của các thô trọng, chỗ dẫn hai thứ Lạc quả của điều hoà thông suốt. Lập hai sai biệt, tức là quyển 5 trước ghi: "Ly sinh hỷ lạc". Nhưng hai Thọ này đều vui thích, đều do Ý sinh, gọi chung là Hỷ, cho nên luận này chỉ nói Ly sinh hỷ. Nếu không như thế thì các văn liền thành trái nhau. Trong chỗ dẫn của Dục, không nói Xả, là chỗ dẫn xả của Dục mà không phải ưa thích, chán ghét Dục mà không phải chỗ đoạn. Bất thiện dẫn xả Bất thiện tánh, chính là chỗ đoạn, cho nên nói là bất đồng. "Hoan, là từ bản lai thanh tịnh, hành giả quán chỗ tu Tịnh hạnh v.v... của Tư lương địa", trong đây có ý nói, Gia hạnh đạo vị mới tu Đẳng dẫn, do đó trụ Tư lương mới tu tịnh hạnh, trì giới thanh tịnh sinh Vô hối, hoặc khi tu Định thì các phương tiện xa trước, phải trước hết giới tịnh, gọi là Tư lương Địa, không cần nhập Vị mới tu Đẳng dẫn.

Trong giải thích vấn nạn trước và sau, có kinh nói không đồng:

1. Trước nói Tam-ma-địa, sau nói giải thoát.
2. Trước nói giải thoát, sau nói Tam-ma-địa.

3. Nói cả hai đồng thời.

Từ trên đến đây, chỗ dẫn lìa năm ác pháp, trước nói giải thoát tu tập năm pháp, sau nói Tam-ma-địa. Kinh thứ hai trái với luận này, cho nên bây giờ giải thích. Trong luận này, Căn bản định gọi là Tam-ma-địa, Đoạn phiền não và Phục phiền não gọi là Giải thoát, do trong Vô lậu phần nhiều nương vào Căn bản địa mà đoạn các phiền não. Trước nói Tam-ma-địa, sau nói giải thoát, là không phải không nương vào Cận phần để trước đoạn phiền não sau đó chứng đắc Căn bản địa. Trong Hữu lậu, phần nhiều nương vào Cận phần, lấy sáu Tác ý trước hết hàng phục phiền não, lấy quả của Gia hạnh cứu cánh tác ý thứ bảy mà nhập Căn bản địa, cũng có Tác ý thứ tám tại Cận phần địa làm giải thoát đạo, sau đó mới chứng đắc Căn bản. Trong luận này nói, do chứng quả Gia hạnh cứu cánh tác ý nên phiền não đã đoạn rồi, mới chứng đắc Căn bản Tam-ma-địa. Nếu không như thế thì liền trái với các thuyết của Đối Pháp luận. Tác ý thứ bảy tại Căn bản địa, trong câu "đồng thời", Tác ý và Định đều là Vô lậu giải thoát, đều là đoạn Phiền não chủng, là Gia hạnh cứu cánh tác ý tại Vị chí định, chỗ dẫn quả tác ý nhập Căn bản định là ở trong Tam-ma-địa. Định này đồng thời là giải thoát đạo, vì chứng Vô vi giải thoát. Nói "Tam-ma-địa cùng với Vô vi đồng thời, là không phải Định của Gia hạnh cứu cánh tác ý đồng thời, gọi là Tam-ma-địa và các Vô gián đạo khác trong Tam-ma-địa", đây là nói Tiền phương tiện tại Vị chí địa, nương vào Căn bản địa mà khởi Vô lậu Vô gián đạo, chỗ dẫn giải thoát đạo của hai Địa này đồng thời trong Tam-ma-địa, Hoặc năng đoạn này gọi là Câu giải thoát. Không phải "hai Hữu lậu Tác ý trước có thể chế phục Hoặc", tức là nói các Vô gián đạo khác, Đạo này không đồng thời với chỗ dẫn giải thoát đạo của Tam-ma-địa, cũng không nhập Căn bản địa. "Vô lậu Hữu lậu đều gọi là Phương tiện", chưa đắc quả mãn Vô học thì gọi là Phương tiện, vì nói đoạn Hoặc làm giải thoát, cho nên nói Sơ ly sinh hỷ, còn lại Định sinh hỷ v.v... có thể biết được rồi. Hoặc câu "đồng thời" này tức là Vô gián đạo của Vị chí địa, gọi là Tam-ma-địa, vì Địa này có thể giải thoát chướng, cho nên gọi là giải thoát, cũng với Thể của Tam-ma-địa và giải thoát ở trước không đồng, lấy làm câu "đồng thời", vì chỗ mong khác nhau.

Trong An lập Cái chướng thứ ba, có hai thuyết minh:

1. Thuyết minh Cái tướng.
2. Thuyết minh Cái thực.

Cái tướng có hai đoạn: một là Nêu bày, hai là Giải thích riêng.

Trong Hôn trầm và Thuỳ miên cái:

1. Giải thích riêng tướng.

2. Hợp chung lập làm lý do của Cái. Không giữ căn môn v.v... như Thanh văn địa nói; tâm rất sơ suất, như Duy Thức nói.

- Trong Phân giải và hợp chung lập Cái:

1. Có hai chữ "lại nữa" để giải thích.

2. Kết thành nghĩa thuận nhau mà sinh.

Trong Trạo cử và Ác tác cái:

1. Giải thích riêng hai tướng.

2. Phân giải và hợp chung lý do lập Cái. Trong Lý do có hai "lại nữa": a. Phân tách xứ sở của Câu duyên, Thân thuộc v.v... đồng nhau, hợp chung lập một Cái. b. Phân giải Hành tướng tương tợ mà hợp chung lập Cái.

Trong phần riêng giải thích tướng Ác tác ở trước có ba thời:

1. Thời gian tại tục, hoặc nghĩ rằng ta vốn có chút ít duyên gì với xuất gia.

2. Thời gian mới xuất gia, hoặc là người nhân đó truy nhớ khi xưa chỗ đã từng trải qua.

3. Thời gian sau xuất gia, tướng của hiểu và hành tương tợ, văn cũng có ba đoạn.

Đối với Sự nên làm cho đến không nên làm và làm ngược lại. Giải thích hai thời đầu, là hối nên làm, không nên làm, khỏi phải làm và làm ngược lại, đều thông với thời gian tại tục và thời gian mới xuất gia, cho nên kế đó là trừ chỗ sinh Ác tác của sự truy nhớ hối hận ăn năn trước kia và sinh Ác tác sai biệt. Thứ hai giải thích chỗ khởi Ác tác trước khi xuất gia và sau khi xuất gia.

"Trừ chỗ sinh Ác tác v.v... của sự truy nhớ hối hận ăn năn trước kia", là trừ chỗ khởi Ác tác trong thời gian tại tục. "Triền phược của Ác tác này cũng chưa xả được", là chỗ khởi Ác tác trong thời gian mới xuất gia cũng chưa có thể xả. Sau đó "lại sinh ưu sầu luyến tiếc", là chỗ khởi nhớ lại các sự trước kia đã từng vui đùa, đây cũng là xuất gia, lấy một loại Ác tác sai biệt sau. Trên đến đây có hai loại nhiếp Ác tác trong ba thời trước:

1. Tại tục Ác tác, là xứ của nó có thể khởi, cùng với cảnh giới của Trạo cử có thể đồng.

2. Xuất gia mới khởi Ác tác, thì hành tướng không nên khởi, cho nên gọi là Phi xứ ác tác.

Do đó luận quyển 3 tổng kết ghi: "Kế đó chỗ sinh Phi xứ ác tác trước và chỗ khởi Ác tác sau khi xuất gia, tuy cùng với xứ sở của Trạo

cử không đồng, nhưng tướng thì tương tợ, không phải chỉ có đồng cảnh, Ác tác ưu luyến cùng với Trạo cử hợp chung mà lập Cái, không phải Thể của Trạo cử không có khắp trong các tâm nhiễm, nhưng hành tướng tăng trưởng thì Thời này không phải có. Nói Xứ không đồng, cho nên cùng lý không trái với Duy Thức.

Trong phần Nghi, "đối với Sư", là đối với hai ngôi báu Phật và Tăng. "Đối với pháp", là đối với Lý. "Đối với học", là Hạnh. "Đối với hối", là Giáo. "Đối với chứng", là Quả. Tức là bốn pháp bảo Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Do đối với Tam bảo ôm lòng nghi hoặc, không thể dũng mãnh tiến nhập phương tiện Đạo đế, và chánh đoạn tịch tĩnh Diệt đế. Hoặc Phương tiện là Gia hạnh đạo, Chánh đoạn là Đạo đế, Tịch tĩnh là Diệt đế. Dưới đây thuyết minh Thực và Phi thực. Thực, nghĩa là nuôi lớn, sinh thêm duyên của Cái. Phi thực, là pháp đoạn diệt Cái. "Nếu người có thể đối với Phi thực này mà xa lìa tâm nhiễm v.v...", đây là chỉ nêu ra nguyên nhân của tướng Tịnh diệu. Chín sự phiền não, như trong quyển 58 nói. "Pháp Quang minh, là như có một pháp tùy chỗ Thọ, chỗ Tư, chỗ Xúc của nó", là Văn tư tu tuệ, như thứ tự phối hợp với nó mà quán sát các pháp, thông với ba tuệ trên. Lại nữa, "chứng Quán sát có thể trị Hôn trầm, Thuỳ miên, Hắc ám", Chứng là tu pháp tuệ, là Xúc gặp trong Định gọi là Chứng, do pháp Quang minh, các tuệ Văn tư tu trừ Si và Nghi. Tại Tu vị có thể trừ Thuỳ miên, vì có thể hiển rõ các pháp tánh, gọi là pháp Quang minh lấy làm Phi thực. Tiếu (cười), là tùy chỉ có một. "Hoặc theo khai mở mà luận, hoặc theo hợp chung luận", là hiển thị nói năng gọi là Khai luận, ẩn mật phỏng theo thí dụ mà nói năng, hợp lại khiến cho hiểu gọi là Hợp luận. Há miệng mà cười, khiến cho lộ răng, gọi là hiện xỉ, trong cổ họng phát ra tiếng gọi là Ách ách (tiếng cười).

Chín loại Trụ tâm, như quyển 30, Thanh văn địa, Đối Pháp luận quyển 10 giải thích "hữu duyên duyên khởi", hữu duyên là Quả pháp, duyên khởi là Nhân pháp.

Trong An lập chi phần thứ tư, có ba đoạn:

1. Nương vào Địa lập số.

2. Thuyết minh phế và lập.

3. Hỏi và phân rõ.

- Hợp chung lấy bảy môn phân riêng:

A. Giải thích tên gọi:

Chi là chi phần, như Giác đạo chi. Tát-bà-đa nói: "Định là Tĩnh lự, cũng là Tĩnh lự chi, ngoài ra là Tĩnh lự chi không phải Tĩnh lự". Như

thật nghĩa, là như bốn chi quân, vì mỗi mỗi đều đối trị. Xả niệm tri có ba thứ, nương vào Định vị đồng có thể trừ chướng, gọi là Nội đẳng tịnh, vì tịnh các chướng. Các tên gọi còn lại có thể hiểu.

B. Nêu thể:

Số tuy có mười tám, nhưng Thể chỉ có bảy loại: 1. Tầm. 2. Tứ. 3. Thọ. 4. Định. 5. Xả. 6. Niệm. 7. Tuệ. Định và Lạc của loại thứ nhất tức là Lạc thọ, không phải Khinh an; Biến hành có một là Thọ; Biệt cảnh có ba là Niệm, Định và Tuệ; Thiện có một là Xả; Bất định có hai là Tầm và Tứ. Do Nội đẳng tịnh, quyển 63 nói tức là Xả niệm chánh tri, cho nên số của nó chỉ có bảy số, càng không có thêm bớt. Chủng loại của ba Địa khác nhau, chỉ có tịnh Vô lậu đủ chi phần này, không phải Định nhiễm ô. Trong Định nhiễm ô, Câu-xá quyển 28 ghi: "Định nhiễm thứ nhất, không có Hỷ lạc, vì không phải lìa phiền não mà được sinh. Định nhiễm thứ hai, không có Nội đẳng tịnh, Định nhiễm kia làm chỗ nhiễu loạn của phiền não. Định nhiễm thứ ba, không có Chánh niệm tuệ, vì Định nhiễm đó làm chỗ mê loạn của nhiễm Lạc. Trong Định nhiễm thứ tư, không có Xả niệm tịnh, vì Định nhiễm đó làm chỗ nhiễm ô của phiền não". Hiện tại luận này cũng có thể như vậy, có Tứ y địa, Vị chí định và hai Tĩnh lự đầu của nó đều trừ Lạc của nó, các Tĩnh lự khác đều có đầy đủ. Hoặc chỉ nương vào Căn bản, vì Định tuệ bình đẳng. Đối Pháp luận ghi: "Trong các loài Vô sắc không lập chi phần, vì tánh Xa-ma-tha một vị, cho nên năm Đoạn chướng khác nhau, ba Tĩnh lự đầu mỗi mỗi có năm Đoạn, Trừ có hai. Chỗ Trừ của bốn Tĩnh lự mỗi mỗi đều có bốn Trừ; sáu, năm, bốn chi phần là nguyên nhân tăng giảm. Trong Tĩnh lự thứ nhất không có Niệm tri xả, trong Tĩnh lự thứ hai gọi là Nội đẳng tịnh, Tĩnh lự thứ tư nêu tên Thanh tịnh, đều như quyển 63 giải thích. "Tĩnh lự thứ tư không lập Chánh tri", là chỗ che khuất của Bất khổ lạc, tánh của minh ám và lợi độn trái nhau.

Hỏi: Định và Hỷ hai Tĩnh lự động phát khởi Hoặc có thể chướng gọi là Nội tịnh, bốn Định và Xả thọ chậm lụt, đã chướng Chánh tri, thì cũng Bất tịnh đúng không?

Đáp: Hai Định do Hỷ sinh phiền não, khiến cho chướng chung ba thứ gọi là Nội tịnh, bốn Định và Xả thọ, chỉ chướng Tuệ, không chướng Xả niệm, gọi là thanh tịnh. Hành tướng của Xả chậm lụt, chướng tuệ minh lợi, cho nên Định thứ tư không lập Chánh tri, không phải do khởi Hoặc chướng ngại Xả và Niệm, cho nên nói cả hai thanh tịnh.

Trong bảy Phế lập, quyển 63, Đối Pháp và kinh Thập Địa đều có ba Tầm tứ :

1. Làm Đối trị hỷ lạc.
2. Làm lợi ích Định.
3. Làm Sở y.

Trong luận này nói bốn Tầm tứ làm Sở duyên của Thủ, là quán tùy theo Cảnh thích ứng để có thể đối trừ, Định làm Sở y, Hỷ thì lãnh thọ Sở đắc, Lạc thì trừ thô trọng. Tâm thọ thích khoái gọi là Hỷ, vui sướng bản thân gọi là Lạc, thô trọng tại thân, cho nên Lạc sinh thì thô trọng diệt, gọi là Trừ, không phải trừ Hoặc của cõi dưới. Trừ Hoặc của cõi dưới, chỉ có Tầm tứ, tức là hiển các kinh luận gọi là Lợi ích. Chi có hai nghĩa:

1. Lãnh thọ Cảnh sở đắc.
2. Trừ Chướng thô trọng.

Định thứ ba và Định thứ tư lấy Sở đắc của lãnh thọ, tức là trừ thô trọng càng không có riêng Thể, vì có đủ hai Năng cho nên các căn thích khoái xả thô trọng. Ân là Ân đức, tức là các chi này, đối với người tu Định đều có ân. Trong quyển 63 có nhiều câu "lại nữa".

Trong giải thích tên gọi khác của An lập, có năm tên gọi:

1. Tăng thượng tâm.
2. Hiện pháp lạc trụ.
3. Bỉ phần Niết-bàn (Niết-bàn của phần kia).
4. Sai biệt Niết-bàn.
5. Nêu các Thọ sự.

Văn phân làm bốn đoạn, đoạn thứ ba và thứ tư hợp chung lại phân biệt. Tăng thượng tâm, Thể của Định gọi là tâm, vì có thể nhiếp tâm; hoặc Sở y gọi là tâm, Định có thể nhiếp tâm. Sự Tăng thượng của tâm gọi là Tăng thượng tâm.

Trong Hiện pháp lạc trụ có ba giải thích:

1. Giải thích Lạc.
2. Giải thích Hiện pháp.
3. Giải thích Vô sắc, không gọi là nguyên nhân.

Lãnh thọ hỷ lạc, là Hỷ lạc thọ. An lạc, là Khinh an. Xả lạc, là xả Thọ lạc. Thuận theo vui sướng thân tâm đều gọi là Lạc. Thân tâm Lạc, là chỗ vui thích khoái lạc. Lạc trụ, quyển 63 ghi: "Trói buộc tâm bên trong vì không chuyển lưu tán loạn". Trụ có thể dẫn Lạc gọi là Tận lạc trụ, do đây mà Bồ-tát địa nói: "Hữu lậu Lạc, là sở trói buộc của ba cõi. Vô lậu Lạc, là thuộc về không trói buộc". Luận này y theo thân tâm đều có bốn Lạc là Hỷ lạc, An lạc, Xả lạc và Thân tâm lạc. Bốn Tĩnh lự được gọi là Lạc trụ. Cõi Dục không có hai Lạc sau, cõi Vô sắc không

có hai Lạc trước, cho nên tuy Lạc hiện tiền, nhưng không gọi là Lạc trụ. Lại nữa, Hỷ lạc là lạc của Sơ và Nhị thiền, An lạc là Đệ tam thiền, Xả lạc là lạc của Đệ tứ thiền, thân tâm lạc là lựa riêng với Phi lạc trụ của cõi Vô sắc. "Bí-sô ở A-luyện-nhã liền sinh lời chê rằng: Ta nay hỏi ông, tịch tĩnh giải thoát siêu Sắc và Vô sắc mà không thể nhớ v.v..." câu này có ý nói Vô sắc định gọi là Siêu sắc, Vô lậu định gọi là Siêu vô sắc, hai Định này gọi là Hiện pháp lạc trụ tịch tĩnh giải thoát, cho nên luận này nói Định vô sắc giới không phải Lạc trụ. Bốn Tĩnh lự của cõi Sắc gọi là Tịch tĩnh giải thoát, là Hiện pháp lạc trụ, vì Hiện hành phiền não đã đoạn một phần, Chủng tử thì chưa đoạn, sau đó sinh trở lại, vì không phải Quyết định, gọi là Bỉ phần Niết-bàn. Nói Vô lậu Tĩnh lự và Vị định, từ hai Định này cũng gọi là Bỉ phần Niết-bàn, cũng là Hữu vi, không phải Vô vi cứu cánh Niết-bàn, gọi là Sai biệt Niết-bàn, cũng là một phần đoạn. Tịnh định và một phần Vô lậu, chiết phục phiền não, gọi là Bỉ phần Niết-bàn. Đoạn Hoặc vô lậu không phải Vô vi cho nên gọi là Phi quyết định, là Bỉ phần Niết-bàn. Lại nữa, tánh Phi đoạn chứng Phi trạch diệt, có thể chứng Tĩnh lự cũng gọi là Bỉ phần Niết-bàn. Chân Niết-bàn thì gọi là Thử phần Niết-bàn. Giả Niết-bàn thì gọi là Bỉ phần. Bỉ phần có nghĩa là chủng loại tương tợ, Bỉ là giả chủng loại mà Chân là tương tợ, gọi là Bỉ phần Niết-bàn, cũng là Sai biệt của Niết-bàn, nên gọi là Sai biệt Niết-bàn.

Trong phần giải thích nêu Thọ sự thứ năm, có bốn đoạn, trước hết nêu bốn đoạn: 1. Dẫn kinh chứng thành.

2. Cùng với năm Thuận xuất ly giới triển chuyển tương nhiếp.

3. Nhân theo giải thích kinh Lục Xuất Ly Giới.

4. Giải thích lìa các tội lỗi gọi là Xuất ly y.

Trong đoạn thứ nhất "dẫn kinh chứng thành" có ba phần gồm: Nêu bốn Xuất ly, giải thích kinh Xuất Ly, hỏi đáp phân rõ.

Xuất ly có ba nghĩa là Bất hành, diệt thô trọng và lìa nhiễm: 1. Định lìa ưu, có ba nghĩa này. 2. Định lìa khổ, chỉ có nghĩa diệt thô trọng, vì nhiễm thứ nhất đã xả, nhiễm sau còn hiện hành. Ba lìa sau, có đủ nghĩa diệt thô trọng và nghĩa lìa nhiễm, không có Tương ly xả, phải đến giai vị Vô học, các vị khác thì gọi là phần ly, không được gọi là Ly.

- Trong giải thích kinh Xuất Ly có hai đoạn:

1. Giải thích kinh Ly Ưu.

2. Ví dụ Ly trong các kinh khác.

Như vậy đối với các chỗ tùy khác phải nên biết văn đó, đoạn văn thứ nhất có bốn đoạn. Thế nào là Tri tự? Tự là căn do, có thể phát

Căn là Căn cảnh. Vô tri Chủng tử là vì người vô tri phần nhiều khởi ưu phiền, cho nên luận này gọi là Tự, nếu không phải nhiễm ưu thì cũng nói là do Si khởi. Lại nữa, Chủng tử phiền não đều có thể khởi ưu, vô tri làm gốc, nhưng nói Chủng tử kia do tánh của ưu căn bất thiện này, do Si mà bị tổn, lìa Dục thì liền xả, ngoài ra cũng tùy Vô (không có), vì vô tri diệt. Nếu có Phân biệt mà không phải Câu sinh, thì Ly dục cũng xả, vì ưu căn của Câu sinh làm bạn loại để xả.

- Trong vấn đáp có ba đoạn:

1. Tướng của các căn.
2. Thuyết minh Khổ căn.
3. Giải thích Vô tướng.

Khổ căn trong Sơ tĩnh lự thô trọng cũng chưa đoạn, là do các ưu căn, vô tri v.v... dẫn khởi, khi Khổ căn kia lìa nhiễm thì tất cả đều không hiện hành, thô trọng cũng xả. Nếu đối với pháp Vô thượng hâm mộ hoặc sầu lo, thì cũng là Vô tri dẫn khởi, cho nên lìa Dục thì xả. Vì các Khổ căn không do Si dẫn khởi, vì lìa Dục cũng còn hiện hành. Thô trọng kia không có tánh kham nhậm thì hai Định mới diệt.

Hỏi: Khổ căn lìa Dục khởi thô trọng, Nhị thiền diệt Hỷ lạc lìa Xả địa dưới, thì thô trọng của Địa trên trừ chăng?

Đáp: Sở y của Khổ căn và Tầm tứ đều có trong Sơ định. Nhị thiền diệt thì Hỷ lạc Sở y không có dẫn riêng. Khi lìa nhiễm thì thô trọng mất, nếu Sơ tĩnh lự đã đoạn Khổ căn, thì đó là hành giả đã nhập Sơ tĩnh lự và Tĩnh lự thứ hai, lúc đó Sở tác của Thọ trụ sai biệt đáng lẽ không có v.v... Câu này có ý nói, Sơ định diệt Ưu, Nhị định diệt Khổ, do đây tuy có Hiện pháp lạc trụ mà thành sai biệt, nếu trong Sơ định đã diệt Khổ, thì Nhị định không có riêng Hiện pháp lạc trụ, đáng lẽ không có sai biệt. Kinh nói Tĩnh lự ra khỏi Thọ sai biệt trụ trở thành Sai biệt. Lại nữa, vì đây là đoạn Thọ có sai biệt. Tầm tứ của Sơ định không phải Tĩnh lự, vì thô trọng chưa đoạn diệt. Tịch tĩnh trong Nhị định, thì thô trọng mới đoạn diệt. Nếu trong Sơ định, Khổ căn đã đoạn, đây là riêng biệt đáng lẽ không có. Lại nữa, Vô tướng là chỗ nhập của Không định của người Vô học, gọi là Vô tướng tâm định, Hữu lậu xả Chủng tử, làm Phiền não phược, mượn gọi là Tùy miên, gọi là thô trọng, nhập trong Định này thì thô trọng đó bị đoạn. Hiện hành Vô lậu xả, mượn gọi là Hiện triền, trong Định cũng còn khởi, không phải các Thọ kia bị Phiền não nhiễm ô mà được có Tùy miên, ngay Tùy miên này gọi là thô trọng, không phải Vô lậu Thọ mà không có Chủng tử. Hỷ căn, Lạc căn và Xả căn này, nhưng nói nương các Địa trên, vì Địa tăng lên mà không phải pháp

nào khác.

"Cùng với năm Thuận xuất ly giới triển chuyển tương nhiếp", văn có ba đoạn:

1. Giải thích chữ Xuất ly.
2. Giải thích vấn nạn.
3. Giải thích kinh.

Do Dục khuể hại xuất ly, tức là nói cho đến Lạc căn xuất ly. Dục khuể hại có ba thứ, Tầm là chỗ xuất ly Bất tịnh từ bi, do ba Quán này tùy chỗ thích ứng của nó mà thông với bốn Định hữu, cho nên lìa bốn Thọ tức là ba Xuất ly. "Do Sắc xuất ly, tức là nói Xả căn xuất ly Tĩnh lự thứ tư", đây là chứng đắc Không xứ định lìa Dục của cõi Sắc, tức là Xả căn xuất ly của Định thứ tư. "Do Tát-ca-da diệt", tức là Vô tướng tâm định, lìa nhiễm của ba cõi, cuối cùng khi dứt hết thì gọi là Xả căn xuất ly của cõi Vô sắc. Từ đây về sau hai thứ hợp chung gọi là Xuất ly xả căn. "Nói Thuận xuất ly có những nghĩa gì", trong đây có ý nói, Quán xuất ly của phàm phu hữu học, không phải lìa xuất ly, hiện tại ở đây nói năm Quán là người vô học, đã có thể xuất ly thì gọi là Thuận xuất ly, vì quả thuận với nhân xuất ly mà quán, không nói phàm phu hữu học. "Do khởi thử quán xuất ly đối với bỉ, là đã xuất ly dục của ba cõi, chứng đắc Vô tướng tâm định, làm cho Tát-ca-da diệt", là nói cõi này. "Các xuất ly kia tuy lại đồng thời", là ngay khi trừ Hại. "Phỏng theo đối trị có sai biệt", là y theo tướng biệt hành và tiền phương tiện vị. "Trên đây chỉ có một loại đối trị", là Định thứ tư xả, lìa sắc trừ nhiễm, chỉ quán đối với Không, một loại đối trị, cõi Vô sắc xả đối với thân tứ uẩn, riêng tu Không quán một loại đối trị, không đồng với ba Quán trước, Gia hạnh riêng tu hành tướng có khác nhau, tuy đồng thời đoạn nhưng riêng kiến lập ba loại đối trị, hai loại sau thì không như vậy, cho nên không có sai biệt. "Thế nào là mãnh lợi kiến v.v...", trong giải thích kinh có hai mươi tám câu câu, mười ba câu đầu là Ly dục phương tiện đạo, các câu sau thì cùng với luận này trái nhau. Mười lăm câu sau chính là Ly dục đạo, kinh này có ý hiển thị do Gia hạnh trước ly dục đạo mà nhiễm ái của thân A-la-hán không hiện hành, các Hoặc không khởi, như hoa sen đỏ, nước không dính, cho nên khởi năm quán gọi là Thuận xuất ly.

Trong mười ba câu đầu, tám câu trước là không dính mắc Dục quán, năm câu sau là chán Dục quán, là do quán sát tác ý, đó là câu chung. Hai Tác ý dưới đây là câu riêng, vì muốn thẩm sát kỹ phiền não đoạn và chưa đoạn, lại càng khởi Tác ý để quán sát Sinh kia tùy thuận với tướng tịnh. Trong bảy Tác ý đó, tướng của quán sát Tác ý, ở sau đối

trị tác ý quán sát, gọi là đối với Thắng sự tác ý; niệm niệm quán sát tiến tu đối trị, gọi là Tác ý công dụng nhanh mạnh, do đó luận này nói Tiền phương tiện đạo lìa nhiễm của ba cõi. Nói quán sát Tác ý, là Gia hạnh đạo của Gia hạnh cứu cánh tác ý. Do đây không nói Liễu tướng tác ý v.v... vì lìa Dục của cõi Dục. Lại nữa, Gia hạnh đạo của ba cõi là quán sát tác ý, nghĩa thì căn cứ theo riêng lìa Dục của ba cõi, vì có ba Vô gián đạo. Quán sát tác ý là lìa nhiễm của cõi Vô sắc, vì có Gia hạnh đạo trước. Luận này nói La-hán rốt ráo lìa Dục, vì khởi năm thứ Quán. Căn cứ theo văn từ đây về sau trong Chánh đoạn đạo, giải thích chính tâm đó là Thiện thệ, là khi tùy trụ Gia hạnh cứu cánh tác ý, đang đoạn các Hoặc, đang đắc Cứu cánh tâm diệu trụ đạo, tên đó là Thiện thệ. "Thế nào là Thiện tu? Là khéo tu tập các Tác ý khác, cho nên phải biết đây là nói những bậc Đoạn vị và Đoạn phương tiện đạo vị", là khéo tu tập Gia hạnh cứu cánh tác ý vô gián đạo đoạn vị này và khéo tu Đoạn phương tiện đạo vị của Quán sát tác ý trước. Giải là lìa hiện hành, Thoát là lìa tướng trói buộc. Ly hệ là lìa Tùy miên, là ba thứ sai biệt. Có ba Đoạn này cho nên thô trọng tùy diệt theo. "Từ chỗ sinh các Lậu của các Dục duyên trừ dục tham", trong Phương tiện trước đã chán khắp, là nguyên nhân để trừ nó. "Tổn hại và thiếu thốn", sinh nẻo ác gọi là Tổn, thiếu thiện quả gọi là Quỹ. "Đối với giải thoát kia, siêu xuất ly hệ như thứ tự trước", giải thoát Triền gọi là Siêu, giải thoát Sở duyên gọi là Xuất, giải thoát Tùy miên gọi là Ly hệ. "Là nương vào sẽ chứng đắc và chánh đắc Tùy niệm các Dục cảnh v.v...", tức là vị lai, hiện tại và quá khứ, như các thứ tự cảnh giới Dục của nó.

- Giải thích văn của kinh Lục Xuất Ly Giới, có bốn đoạn:

1. Dẫn chứng kinh giải thích.
2. Thuyết minh riêng trừ Hành tướng.
3. Giải thích vấn nạn.
4. Giải thích năm Giới và sáu Giới sai biệt.

"Do đó Từ... đối với Khuể hại v.v... không phải chánh đối trị", đây là hiển thị mới tu hành còn khởi Ngã mạn, nghi hoặc chưa trừ, vì khiến cho chiết phục, xả các tà chấp, cho nên kiến lập Giới này.

Trong riêng trừ Hành tướng có hai đoạn:

1. Phỏng theo ba loại mà riêng trừ.
2. Phỏng theo sáu hạnh mà riêng trừ.

"Quán sát rốt ráo chánh đạo lý cho nên kiến lập Hành thứ sáu", chỉ có chỗ chấp Ngã không của Đế thật nhân quả, gọi là Chánh đạo lý, vì quán sát Chánh đạo lý này mà Mạn nghi liền diệt. 1. Khuể; 2. Hại;

3. Tật; 4. Si tham khuể.

Bồ-tát địa ghi: “Như kế đó là từ bi hỷ xả, bốn loại Đối trị”. Luận này nói Hỷ trừ Lạc, tức là Tật; Xả trừ Tham khuể. “Không nói Si”, vì cảnh Ái tắng không phải bình đẳng, đều ở trong đó mà khởi xả Hành.

Trong “chỉ nói trừ hai loại”, Cảnh thuận xả lược bỏ không nói, thật ra cũng trừ Si. “Nếu lìa Ngã mạn đối với tự giải thoát”, không chấp Ngã mạn, lìa mạn chấp mà chuyển, gọi là giải thoát; trong chỗ chứng Đế bảo v.v... thì liền không có nghi hoặc.

Giải thích nạn hại, nói “các Xuất ly định này có thể xuất ly tất cả Khuể v.v...”, là có vấn nạn rằng, tu Từ v.v... sáu môn, thì chỗ trừ quyết định lìa Khuể v.v... sáu loại, những gì trước đã nói do đó Từ v.v... đối với Khuể hại v.v... không phải chánh đoạn trừ”, luận này giải thích rằng, các xuất ly này, đến tu tập mãn vị, thì quyết định có thể xuất ly tất cả Khuể v.v... khi làm Phương tiện trước là tu bất thiện, cho nên tội lỗi của Khuể v.v... dung chứa có thể hiện hành. Do đây mà trước nói không phải chánh đối trừ. “Bốn loại trong phần thứ nhất là chỗ nhiếp của Thiên trụ v.v...”, là hai thứ Từ Bi nương chung với Thiền tu, gọi là Thiên trụ, nương riêng với Vô lượng tu, gọi là Phạm trụ.

- Trong giải thích lìa các tội lỗi gọi là Xuất ly y, có ba đoạn:

1. Nêu Xuất ly y có bốn loại.

2. Tùy riêng giải thích lý do của Hành tướng.

3. Tổng kết được mất của bốn Chủng, bốn Thời.

- Đoạn văn thứ hai có hai phần:

a. Nhân theo bốn người mà có kiến lập riêng bốn loại.

b. Rộng giải thích Hành tướng.

“Nhân theo Siểm trá đó mà nói pháp là Y, không phải Sổ thủ thú v.v...”, là người có Siểm trá thì cho rằng sư là thù thắng, thấy tướng uy nghi mà liền y theo để học. Ở đây là khiến cho nương vào pháp, không nương theo người. Phải cùng với luận kia phân biệt quyết trạch tự mình mới chứng biết, không phải gần với người mà liền chứng biết. “Tức là trong đây lại có sai biệt”, là giải thích lại chữ Tứ y ở trước. Phật thuận theo thế tục có hai loại ngôn từ là nhân và pháp. Đây là khiến cho y theo pháp không y theo nhân, không thể nghe Phật tùy theo lời nói của người, đó cũng là Y nhân, Phật thuận theo ngôn từ của thế tục là không phải y theo chấp. Từ câu “pháp cũng có hai thứ” trở xuống, giải thích Y thứ hai. Do thuận theo thế gian mà thuyết văn tự để hiển rõ nghĩa lý, không phải chỉ nghe theo văn tự của thế gian mà liền thành rốt ráo, cho nên khiến cho y theo nghĩa. “Kinh của Phật thuyết, hoặc có liễu nghĩa

v.v...”, đây là giải thích Y thứ ba, tuy khiến cho y theo nghĩa, nhưng không nên tùy theo Kiến thủ của mình làm thù thắng, mà y theo kinh liễu nghĩa. Liễu nghĩa có bốn thứ, như trong Biệt chương giải thích. “Thế Tôn hoặc có khi tuyên thuyết y theo Thú v.v...”, đây là giải thích Y thứ tư. Trời người nhân theo nói Thức, Niết-bàn nhân theo nói Trí, trong kinh liễu nghĩa vì người mới tu mà nói Thức, vì người tu lâu mà nói Trí. Có người nghe mới tu liền chấp làm cùng cực, hiện tại thì ngăn trách người này cho nên nói Y trí, vì nắm lấy cứu cánh.

Trong phần Kết thứ ba, “sơ lược y theo bốn Thời mất và không mất”, là khi đắc pháp thì y theo pháp Trí mà sinh, không y theo nơi người, khi nhậm trì nghĩa, thì có thể là Văn trì, không phải văn nghĩa trì Đà-la-ni. Khi quán sát nghĩa thì nương vào liễu nghĩa, không phải bất liễu nghĩa, vì nghi trí sinh; khi pháp tùy pháp hạnh, thì pháp là Diệt đế, Tùy pháp là Đạo đế; khi tu Xuất ly đạo, thì y theo Trí không y Thức. Bốn Y trên đây, từ Hạnh đầu đến Hạnh cuối, từ thô tu tập đến tế tu tập, rốt ráo thành tựu tròn đầy, thứ tự như vậy.

“Lại nữa, đã nói An lập thì phải biết đối với An lập này v.v...”, là bài tụng năm môn trước nói: “Tổng nêu cùng với tướng An lập Tác ý sai biệt, nhiếp tông yếu tối hậu của các kinh nhiều tạp nghĩa, đã giải thích Tổng nêu và An lập. Đoạn thứ ba sau đây hợp chung giải thích hai môn Tác ý và Tướng. Trong đây, Sở duyên tức là Tướng, văn phân làm ba đoạn:

1. Nêu duyên khởi.
2. Giải thích riêng.
3. Phân tích chung.

- Trong giải thích riêng, có hai giải thích:

a. Giải thích Tác ý.
b. Giải thích Sở duyên.

- Trong giải thích Tác ý có ba phần:

a. Nêu riêng bảy Tác ý và bốn mươi tên Tác ý.
b. Giải thích riêng hành tướng của bốn mươi Tác ý.
c. Lấy bảy Tác ý cùng với bốn mươi Tác ý nhiếp nhau.

Tướng của bảy Tác ý như quyển 33 sau, có ba chữ “lại nữa” giải thích tướng của nó, cùng với bốn Đối trị nhiếp nhau, Đối Pháp quyển 9 cũng vậy. Quyển 28 và 29 nói, bảy Tác ý cùng với bốn Tác ý có ba loại Du-già nhiếp nhau, đều rộng như quyển đó, sợ văn nhiều không nói ra đây.

- Bốn mươi Tác ý phân làm mười hai loại:

1. Giáo và Nghĩa.
2. Bốn Niệm trụ.
3. Giả và Thật.
4. Phàm Thánh ba loại.
5. Đoạn sơ trung hậu ba loại.
6. Quán và Chỉ hai loại.
7. Hữu và Không hai loại.
8. Tu chứng Lìa nhiễm sáu loại.
9. Bốn Đạo.
10. Bốn Vị tu.
11. Bốn loại Tuệ và Định, lìa chướng mà chứng đắc tự tại.
12. Bốn loại nhân quả của ba Thừa.

Tất cả Tác ý, bốn loại đầu làm một nhân chung, tám loại sau chỉ có tại Hữu học và Vô học, làm một nhân riêng. Thể của Tác ý này tức là Biến hành tâm sở, khi tu Định tuệ thì dụng của Tác ý tăng thêm. Đối Pháp luận ghi: "Tác ý tăng trưởng lợi ích, là khéo thuận với Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na". Nhưng hiện tại trong luận này, khi tu Định thì Tác ý rất thù thắng. Đối Pháp luận cũng ghi: "Tác ý, là đối với một Cảnh trì Tâm khiến cho trụ". Đối với Đẳng dẫn địa, thuyết minh bốn mươi Tác ý, tuy Tác ý này thông với Định và Tán, nhưng phần nhiều y theo Định vị kia mà tu. "Duyên pháp, là Văn tuệ; duyên nghĩa, là Tư tu", là mỗi mỗi đều nương vào nhiều duyên, không phải Cảnh chỉ có như vậy, Văn ít duyên nghĩa, thì Tu cũng duyên theo giáo. "Thắng giải tác ý", Đối Pháp luận quyển 11 nói, là Tác ý của thế gian. "Chân thật tác ý", Đối Pháp luận nói là Tác ý xuất thế gian và từ đây về sau chỗ chứng đắc Tác ý tức là Bản trí và Hậu trí". Trong đây nói "lấy Tự tướng và Cộng tướng để tư duy các pháp", tức là Hậu đắc trí; "Duyên lý Chân như", tức là Căn bản trí. Biến tri tác ý, là viễn Gia hạnh đạo; Chánh đoạn tác ý, là cận Gia hạnh đạo và Vô gián đạo đã đoạn Tác ý, là hai đạo còn lại, Hữu phân biệt đạo và Vô phân biệt đạo. Ảnh tượng tác ý, là Cảnh của thể phân biệt, tức là Tâm và Tâm sở của ba cõi, vì phân biệt gọi là pháp nhiếp ba cõi. Trong năm pháp, thì Tướng gọi là Phân biệt của Phân biệt. Hai Tác ý này thì Cảnh và Thể là một, Quán và Chỉ riêng biệt cho nên phân làm hai loại. Đối Pháp quyển 11 ghi: "Có Sở duyên của Ảnh tượng phân biệt, là Cảnh sở duyên Thắng giải tác ý của Định, Tuệ. Không có Sở duyên của phân biệt Ảnh tượng, là Cảnh sở duyên Chân thật tác ý của Định, Tuệ". Luận đó nương vào Chỉ quán của Hữu lậu tác ý, gọi là Hữu phân biệt ảnh tượng, vì thể là hư vọng

phân biệt, không có Chỉ quán thì gọi là Vô phân biệt ảnh tượng, vì thể không phải hư vọng. Trong đây y theo Cảnh sở duyên gọi là thể phân biệt. Năng duyên Chỉ quán phân thành hai loại, cho nên không trái với biên tế của sự. "Sở tác thành biện", trong Đối Pháp luận và quyển 26 dưới đây trái nhau, sau sẽ giải thích Sở duyên tác ý của sự biên tế. "Sở duyên tác ý của Sở tác thành biện", luận này có hai giải thích, một là giải thích đồng Đối Pháp. Đồng Đối Pháp thứ nhất là Tận sở hữu tánh và Như sở hữu tánh, Tận sở hữu tánh là các pháp thể sự của Uẩn Giới Xứ, vì chỉ có như vậy. Như sở hữu tánh, là mười sáu hạnh Chân như của bốn Thánh đế, tất cả Hành vô thường, tất cả Hành là khổ, tất cả pháp Vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, Không, Vô nguyện, Vô tướng, các Hành này chỉ có Đế lý, hoặc lấy Đế môn, hoặc lấy Hạnh môn, hoặc lấy các pháp Ôn-đà-nam môn, hoặc lấy giải thoát môn, đối với Uẩn Giới Xứ trước mà lấy nghĩa sai biệt để biết rõ đạo lý, gọi là Như sở hữu tánh. Thể của Sở tác thành tựu tức là Chuyển y, tức là hiển thể thứ nhất, Tận sở hữu tánh chỉ có Hậu đắc trí, thông với Bản hậu trí. Sở tác thành tựu, tức là hai loại Chuyển y của Bồ-đề và Niết-bàn. Trong đây Sở duyên của sự biên tế là thân thọ tâm pháp, tức là Tận sở hữu và Như sở hữu. Sở tác thành biện tức là hai Chuyển y, nói "Ta tư duy như vậy như vậy", là Hậu đắc trí duyên pháp tự tánh. Hoặc "Ta tư duy như vậy như vậy", là Hậu đắc trí duyên pháp sai biệt. "Phải có như vậy như vậy", là Căn bản chứng tự tánh. "Phải phân rõ như vậy như vậy", là Vô phân biệt trí chứng sai biệt, tuy Chân như tánh không phải pháp sai biệt, do Gia hạnh làm hai hạnh riêng, chánh trí tùy theo ấn chứng nó, cũng nói là hai. Hoặc "Ta tư duy như vậy như vậy", là nhân của Bản trí. "Phải có như vậy như vậy", là quả của Hậu đắc trí. "Phải phân rõ như vậy như vậy", là quả của Bản trí. Trên đây là tổng hiển Chuyển y của Bồ-đề, Sở duyên thanh tịnh là Chuyển y của Niết-bàn. Giải thích này tuy thuận với Đối Pháp luận, nhưng không thuận với luận dưới đây cùng với bảy thứ tương nhiếp. Quyển 2 giải thích: "Luận này cùng với chỗ mong của Đối Pháp luận không đồng". Sự biên tế, là duyên hiện tại thân thọ tâm pháp sự biên tế. Sở tác thành biện, là Sở tác hiện tại phải phân rõ sự lý. Sự lý này có ba loại:

1. "Ta tư duy như vậy như vậy", là Sở duyên của tán tâm; hoặc "ta tư duy như vậy như vậy", là Sở duyên định tâm, vì tán tâm tư duy, cho nên rốt ráo phải có như vậy như vậy; quyết đoán quả thành tựu này, vì khởi định tâm tư duy, cho nên rốt ráo phải phân rõ quyết đoán quả thành tựu.

2. "Tư duy như vậy như vậy", là Tướng duyên bản chất, do tư duy này mà phải có như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu này; "Ta tư duy như vậy như vậy", là Tướng duyên Ảnh tượng, do tư duy này cho nên phải phân rõ như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu.

3. "Ta tư duy như vậy như vậy", là duyên pháp tự tánh, do tư duy này, cho nên phải có như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu này; hoặc "Ta tư duy như vậy như vậy", là duyên pháp sai biệt nghĩa, do tư duy này, cho nên phải phân rõ như vậy như vậy quyết đoán quả thành tựu.

Trên đây tổng nêu Hữu vi thành biện, tuy trái với Đối Pháp luận, nhưng cùng với quyển 7 sau nhiếp nhau, văn thuận nhau. "Và duyên sở duyên tác ý của thanh tịnh", câu này có hai giải thích:

1. Duyên Chân như tác ý.

2. Duyên Vô lậu tác ý này, vì lấy làm Sở duyên, cho nên nói rằng duyên sở duyên tác ý của thanh tịnh.

Thắng giải tư trạch tác ý, là tối sơ tư duy chọn lựa các pháp, đây là Tư tuệ. "Xa-ma-tha mới làm thượng thủ", là nương vào Thắng giải tư trạch của Đẳng dẫn vị. "Tịch tĩnh tác ý, là tối sơ an tâm bên trong", đây là Đẳng trì an tâm của Tư tuệ vị. "Tỳ-bát-xá-na mới là thượng thủ", là chỗ tu Đẳng dẫn của Tu tuệ vị. "Do Thắng giải tư trạch tác ý cho nên tịnh tu trí kiến", là Tuệ phương tiện, vì tuệ thành mãn. "Do Tịch tĩnh tác ý mà sinh trưởng khinh an", là định làm phương tiện, vì định thành mãn. "Do Nhất phần và Cụ phần tu tác ý cho nên trong các sự trói buộc mà tâm được giải thoát, do Vô gián ân cần tôn trọng tác ý mà trong các kết tâm được giải thoát", là năm Cái và chín Kết, thật ra thông với Chủng tử hiện tại, tướng hiện hành tăng trưởng. Luận này nói thiên về Cái, vì Chủng tử khó đoạn, tướng của nó chìm sâu và vi tế, luận này nói thiên về Kết, cho nên nói riêng đoạn. Đối trị tác ý nhiếp Vô gián giải thoát đạo, thuận với thanh tịnh và quán sát, hai Thắng tấn đạo gần biên tế, hoặc Thanh tịnh trí không phải bốn đạo nhiếp. Sáu Tùy niệm, là niệm Phật, pháp v.v... như kinh Bồ-Tát Địa nói. Tự nhiên vận chuyển tác ý, là trong bốn thời:

1. Thời đắc tác ý, trong tương nhiếp dưới đây, là đắc thời đắc Tác ý thứ sáu và thứ bảy, lìa phẩm nhiễm thứ chín, Vô gián giải thoát đạo.

2. Thời đang nhập và đã nhập Căn bản định, đây là hai thời trước là Kiến đạo và Tiền phương tiện.

3. Thời tu hiện quán, là do Tiền phương tiện, được nhập Kiến đạo và Tu đạo. Người tu đối với thời thứ tư của hiện quán, là A-la-hán vị,

đang đắc là Vô gián đạo, đã chứng đắc là giải thoát đạo.

Thứ ba, bảy Tác ý và bốn mươi Tác ý nhiếp nhau, trong đó hợp chung lấy năm môn phân riêng.

1. Trước hết là phân rõ tướng của bảy Tác ý. Liễu tướng tác ý, có thể hiểu rõ tướng thô của Địa cõi dưới và tướng tĩnh của Địa cõi trên. Tác ý thứ nhất này, Văn và Tư cũng còn tạp, từ đây về sau chỉ thuần tu tướng, niệm niệm tư duy tướng thô và tướng tĩnh này, gọi là Thắng giải ý, vì do huân tập Ý này, đầu tiên là Đoạn đạo sinh khởi, Đoạn đạo kia đồng thời với Tác ý, gọi là Viễn ly tác ý, cho nên các thượng phẩm Phiền não và thô trọng Phiền não đều đã đoạn. Lại nữa, công đức của huân lạc cõi trên đoạn, Kiến cõi trên đoạn, đã tiếp xúc phần ít xa lìa Hỷ lạc, để trừ Hôn trầm và Thuỳ miên. Lại luôn luôn tu tập Tĩnh diệu tác ý, vì ưa thích tâm đó, gọi là Nhạo tác ý, hành giả như vậy là chỗ trì giúp phương tiện thiện phẩm, khiến cho các phẩm trong cõi Dục trói buộc, chỗ nhiếp phiền não triền cấu không hiện hành trở lại. Do đây vì muốn thẩm sát phiền não đoạn và chưa đoạn, lại khởi ý quán sát, ý kia tùy thuận với tướng tĩnh, gọi là Quán sát tác ý, như vậy hành giả luôn luôn quán sát, tiến tu đối trị, vì khiến cho tất cả phiền não của cõi Dục tạm thời được lìa trói buộc. Đối trị đạo này tương ưng với Tác ý, đó là tối hậu Gia hạnh của Sơ tĩnh lự, gọi là Gia hạnh cứu cánh tác ý. Do đây hạ phẩm phiền não của cõi Dục, tất cả đều không hiện hành, từ Vô gián này mà chứng đắc tối sơ Tĩnh lự căn bản. Tối sơ tĩnh lự đồng hành với Tác ý, gọi là Gia hạnh cứu cánh quả tác ý. Trong đây đoạn thượng phẩm Hoặc đạo, khởi đầu có khó khăn.

2. Tác ý làm Gia hạnh. Đoạn các hạ phẩm sau, các Địa đầy đủ cũng khó, vì không phải mới tu:

a. Tác ý làm Gia hạnh, phẩm trước Vô gián, có thể có nghĩa phẩm sau là Gia hạnh. Ba phẩm trong Đoạn, không nói Gia hạnh, phẩm sau Vô gián, có thể có nghĩa phẩm trước là giải thoát đạo. Không nói đoạn sáu phẩm trước, cũng có giải thoát đạo, đoạn ba phẩm sau, vì Địa đầy đủ thì nhập Căn bản. Nói Tác ý thứ bảy làm giải thoát đạo, rộng nói như trong Đối Pháp quyển 9. Dưới đây quyển 33 ghi: "Bảy Tác ý này là một loại của Liễu tướng, thông với Văn tuệ và Tu tuệ, còn lại sáu Tác ý thì chỉ có Tu tuệ, vì Liễu tướng tác ý nhiếp Duyên pháp tác ý, vì Duyên pháp tác ý là Văn tuệ". Lại nữa, quyển 33 ghi: "Vì đều là Địa của cõi trên, cho nên không thông với Tư tuệ", có nghĩa chỉ là Tu tuệ. Nhưng ban đầu cũng làm Văn tư xen tạp, mà Thể không phải Văn tư. Quyển 33 ghi: "Vì Định của Sơ tĩnh lự, có bảy loại Tác ý, cho đến Phi

tưởng Phi phi tưởng xứ định, phải biết mỗi mỗi đều có bảy loại Tác ý, vì trong cõi Vô sắc không có Văn tuệ, cũng không phải chưa chứng đắc Căn bản địa, ban đầu liền khởi Văn tuệ.

b. Lậu và Vô lậu phân biệt. Quyển 80 ghi: "Đều thông với Hữu lậu và Vô lậu".

c. Hữu học v.v... có ba Phân biệt. Thứ nhất và thứ bảy thông ba loại, năm thứ còn lại chỉ thông hai loại đầu, có nói trong phần tương nhiếp ở sau.

d. Bốn Đạo phân biệt. Hai Tác ý đầu và Tác ý thứ năm thông với Gia hạnh thắng tấn đạo. Viễn ly tác ý chỉ có Vô gián đạo. Nhiếp lạc tác ý thông với bốn Đạo. Gia hạnh cứu cánh tác ý thông với Vô gián thắng tấn đạo. Tác ý thứ bảy thì chỉ có giải thoát đạo. Đây là y theo Nhị thừa tu tập bốn Đạo. Tất cả Gia hạnh Vô gián v.v... của các phẩm sau, đều là Thắng tấn đạo của các phẩm trước. Bồ-tát thì không như vậy, từ sát-na dung chứa đủ bốn đạo, nghĩa căn cứ theo đó mà biết. Luận này y theo Liễu tướng thắng giải của các Địa, cho nên thông với Thắng tấn đạo mà dẫn sinh Vô gián. Quán sát tác ý cũng thông với Gia hạnh, Vô gián của phẩm sau là Thắng tấn của phẩm trước. Nói Tác ý thứ sáu cũng thông với Thắng tấn đạo, nương chung chín Địa mà phân rõ thật nghĩa của bảy Tác ý là như vậy. Quyển 62 ghi: "Liễu tướng thắng giải thuộc về Gia hạnh đạo, Viễn ly tác ý và Gia hạnh cứu cánh tác ý thuộc về Vô gián đạo, Nhiếp lạc tác ý thuộc về bốn Đạo, Quán sát tác ý thuộc về Thắng tấn đạo", đây là y theo mới lìa nhiễm cõi Dục mà riêng lìa nhiễm của cõi trên. Gia hạnh đạo là nói y theo Dung dự thắng tấn, không nói Vô gián của phẩm sau là Thắng tấn đạo của phẩm trước, cho nên Gia hạnh cứu cánh Tác ý chỉ có Vô gián. Quán sát tác ý, là nương vào đoạn trung phẩm mà tấn Tu đạo. Nói chỉ có Thắng tấn đạo, không nói về sau làm Gia hạnh đạo, cũng không trái nhau. Tác ý thứ bảy làm giải thoát đạo, căn cứ theo nghĩa đó mà biết, cho nên luận không nói.

e. Tiếp theo là tương nhiếp của ba sư Du-già gồm có: mới tập Nghiệp; đã tập Hành và vượt qua Tác ý.

Mới tập nghiệp có hai loại:

1. Người mới tập nghiệp đối với Tác ý, là an trụ một duyên, siêng tu Tác ý, cho đến chưa đắc, chỗ tu Tác ý chưa có thể xúc chứng Tâm nhất cảnh tánh.

2. Người mới tập nghiệp làm tịnh phiền não, là đã chứng đắc chỗ tu Tác ý, đối với các phiền não, muốn tịnh tâm đó mà chánh siêng tu tập Liễu tướng tác ý.

"Người đã tập hành Du-già Sư", là năm Tác ý đã khéo tu tập. Du-già Sư vượt qua Tác ý , là trụ Tác ý thứ bảy vượt qua chỗ tu Trụ, tu quả của Gia hạnh phương tiện, cho nên chỉ có ba loại Du-già Sư này. Quyển 28 cũng ghi: "Thuận giải thoát phần gọi là mới tập Nghiệp, Thuận quyết trạch phần gọi là đã tập Hành, sau Đế hiện quán gọi là vượt qua Tác ý, tức là hiển Liễu tướng tại giải thoát. Kế đó là năm Tác ý tại Thuận quyết trạch phần, Tác ý thứ bảy tại sau Đế hiện quán". Nếu nói như vậy, là lấy Hữu học v.v... ba loại trong bốn mươi Tác ý văn nhiếp nhau, nhưng trái với bảy loại Tác ý đều thông với Hữu học. Tác ý thứ nhất và thứ bảy thông với Vô học, do đây cho nên biết ba loại Du-già Sư, riêng y theo Vị mà phối hợp, cùng với nghĩa sai biệt của bảy Tác ý nhiếp nhau, hai môn tự riêng biệt, không thể lấy ba loại Du-già Sư cùng với bảy Tác ý nhiếp nhau, liền hiển bảy Tác ý có ba Vị cũng không đúng, không thể đối với điều này mà sinh phân biệt lung tung. Nhưng ba loại Du-già Sư, trong quyển 28 tổng phối hợp với bảy Tác ý, không y theo ba Vị mà phối hợp với bảy Tác ý, như tại Phi học và Phi vô học có đủ bảy Tác ý, tại Hữu học vị và Tư lương đạo có đủ tu bảy Tác ý, trước hết nương vào Thế gian đạo, nhanh chóng lìa nhiễm cho nên cũng có Tư lương đạo, không tu bảy Tác ý, không tu Định, trong Gia hạnh đạo mới đủ bảy Tác ý, tiến đến lìa chín phẩm nhiễm của cõi Dục, sau khi đắc Hiện quán cũng khởi bảy Tác ý, tiến đến lìa nhiễm của các Địa trên.

Đã phân tích bảy Tác ý, sẽ phân rõ bốn mươi Tác ý nhiếp nhau. "Liễu tướng nhiếp Duyên pháp và Duyên nghĩa", câu này có hai giải thích:

1. Liễu tướng thông với Văn tư tu, cho nên có hai loại:

a. Liễu tướng chỉ có Tuệ, đây là nói mới khởi tu, cũng duyên đối với pháp, cho nên nói nhiếp hai loại.

b. Trước nói Duyên pháp, chỉ là Văn tuệ, ở đây thì nói chung với Tu tuệ, trước là hẹp, sau là rộng, không trái nhau.

2. "Liễu tướng tác ý, Thắng giải tác ý và Cứu cánh quả tác ý, ba loại này nhiếp chung với Thắng giải chân thật tác ý", là Liễu tướng thông với mới tu và tất cả sơ học của Vô học, phần nhiều chỉ có Thắng giải. Tu của Vô học v.v... phần nhiều là Chân thật, Thắng giải đã làm cận Gia hạnh đạo, lý thì thông với Giả và Thật.

Cứu cánh quả tác ý trong Căn bản địa, tất cả Thời, Vị, Giả, Thật đều là lý chung. "Quán sát tác ý chỉ nhiếp Thắng giải", là trong đó ba phẩm Thắng tấn đạo, trước hết là mượn để giải thích Tu, không nói thông với Thật, vì Gia hạnh lý sau đó cũng thông với Chân. "Còn lại ba

Tác ý chỉ nhiếp Chân thật", vì Vô gián đạo phần nhiều là quán Chân. "Đây là ngay các môn trước, các môn khác thì phải biết là tùy ứng", nghĩa là đem các môn trước ra nói tướng của bảy Tác ý cùng với hai Tác ý nhiếp nhau, ngay các biệt nghĩa khác, thì Liễu tướng phần nhiều chỉ có Thắng giải, vì mới khởi tu; Cứu cánh quả chỉ có Chân thật, vì giải thoát đạo; Quán sát tác ý, thông với Thắng giải chân thật, có thể làm Thắng tấn gia hạnh đạo. Còn lại bốn Tác ý nói như trước, cho nên ngay các môn khác phải biết tùy ứng, không nói bảy Tác ý đều cùng với trước khác nhau. "Hai loại Tác ý cũng nhiếp Vô học tác ý", đây là y theo đắc quả đã luôn luôn sinh chán lìa, cho nên có Liễu tướng, y theo đoạn Phiền não đạo, nói trong năm Tác ý, Vô học đã không có, cho nên không nói có. "Quán sát nhiếp Biến trí", là Quán sát cũng thông với Gia hạnh. "Quán sát tác ý tuy nhiếp Hữu phân biệt", là trong Thắng tấn đạo, phần nhiều khởi Tuệ, do đây cho nên nói thiên về nó, không phải không có hai Phân biệt, Sở tác thành biện và Sở duyên tác ý. "Nếu đem môn thứ nhất nhiếp tất cả", đây là y theo môn thứ nhất tư duy như vậy như vậy, cho đến phải phân rõ như vậy như vậy, y theo tu quả Hữu vi, vì Sở thành biện thông với bảy chỗ nhiếp. "Ngay tại môn thứ hai chỉ có Gia hạnh cứu cánh quả nhiếp", là duyên thứ hai trước là chỗ duyên Tác ý thanh tịnh chỉ tại Phật quả Vô vi mà chuyển, vì y theo Cứu cánh biện. "Thắng giải tư trạch tác ý ban đầu là chỗ không nhiếp", đây là đầu tiên tư duy chọn lựa các pháp, vì chỉ có tán tâm, tán tâm này chỉ có Tư tuệ, cho nên không phải bảy chỗ không nhiếp. "Nếu Tịch tĩnh tối sơ cho đến hiện đang biết cũng vậy", Tịch tĩnh tối sơ là Tư tuệ vị đẳng trì an tâm, đồng với tối sơ Thắng giải tư trạch. "Bảy chỗ không nhiếp là sáu Tác ý trước nhiếp chung Nhất phần tu và Cụ phần tu v.v...", là có Tuệ giải thoát, tu Định không phải Tuệ. Dị sinh đắc Căn bản định, chưa hẳn Tu tuệ. "Cứu cánh quả tác ý, căn cứ theo thù thắng mà nói, thì nhiếp Cụ phần tu, vì Câu giải thoát của nó là tu cụ phần. "Tuỳ thuận tác ý là chỗ nhiếp của hai môn đầu tiên v.v...", là Tùy thuận tác ý, chán chỗ duyên bị hoại, hai môn đầu nhiếp, là Đối trị tác ý làm Vô gián đạo, nhiếp Viễn ly gia hạnh cứu cánh và nhiếp một phần Lạc, vì Nhiếp lạc tác ý thông với bốn Đạo. "Thuận thanh tịnh tác ý chỉ nhiếp một phần Lạc", là Thắng tấn đạo. Quán sát tác ý tuy cũng nhiếp Thắng tấn đạo, đã hợp chung với Thắng tấn đạo đó, tướng dễ hiểu cho nên không nói. "Đây là đem Đoạn đối trị ra nói, hoặc đem chỗ tùy ứng khác nên biết", điều này có hai giải thích:

1. Chỉ giải thích Thuận quán sát đoạn, là chưa đoạn Tác ý, chỉ có

nguyên nhân của Quán sát tác ý, y theo trung phẩm Đoạn đối trị thắng tấn mà nói. Hoặc ngay những chỗ khác, Gia hạnh của Hậu vô gián đạo cũng là ba nhiếp Liễu tướng, Thắng giải và Nhiếp lạc. Nếu đem Đoạn đối trị của phân cõi dưới mà nói, thì cũng là chỗ nhiếp của Gia hạnh cứu cánh quả tác ý, cho nên nói là tùy ứng.

2. Nói chung bốn Tác ý trước, từ trước đến nay chỗ nhiếp đem nghĩa Đối trị tăng thượng riêng ba phẩm Đoạn mà nói, y theo các nghĩa đầy đủ khác thì nói là Tùy thuận tác ý. Hai Tác ý đầu cùng với Nhiếp lạc, Quán sát và Nhiếp quán sát cũng thông với Hậu gia hạnh, Thuận thanh tịnh cũng là chỗ nhiếp của Quán sát, thuận theo Quán sát đoạn và Tác ý chưa đoạn, cũng nhiếp chung Lạc gia hạnh cứu cánh quả, nghĩa Nhiếp nói như trước, cho nên nói là tùy ứng.

"Lực lệ tác ý đều không nhiếp", là Tán tư tuệ. "Hữu gián, Hữu công dụng vận chuyển tác ý cho đến chỗ nhiếp của Nhiếp lạc tác ý", Hữu gián tác ý, trong quyển 28 nói là chỗ nhiếp của Liễu tướng, vì Văn và Tư gián đoạn; Hữu công dụng tác ý, trong quyển 28 nói năm chỗ nhiếp kế đó, vì đều là khởi công dụng. Trong đây lấy Nhiếp lạc tác ý thông với Thắng tấn đạo, cho nên lược bỏ không nói, vì Quán sát và Thắng tấn đồng nhau. Gia hạnh cứu cánh tác ý có thể đắc tự nhiên vận chuyển, gọi là Tự nhiên vận chuyển, không phải ngay lúc đó có thể tự nhiên vận chuyển, quyển 28 nói chỉ có Gia hạnh quả gọi là Vô công dụng vận chuyển. Trong quyển 28 nói Hữu công dụng gọi là Vô gián, vì tương đối với Hữu gián trước. Tự nhiên chuyển gọi là Vô công dụng, vì tương đối với thế lực trước là Hữu công dụng. "Tư trạch tác ý do Liễu tướng nhiếp", là y theo Tu môn thứ nhất, phần nhiều khởi Tuệ. "Không phải chỗ khác không nhiếp, bên trong nhiếp Tác ý là chỗ nhiếp của Thắng giải", là y theo môn Vô gián nội duyên mới tạo ra. "Không phải chỗ khác không nhiếp Thanh tịnh tác ý và Quán sát tác ý", là quán sát phiền não đoạn và chưa đoạn, vì thuận với Tịnh chướng, không phải Quán sát và Thanh tịnh kia nhiếp, vì không phải chánh Vô gián đạo. "Quảng đại tác ý đều là chỗ không nhiếp", là Vô trụ Niết-bàn do Bi và Trí kiến lập, vì rộng thực hành hai lợi, không phải bảy Tác ý nhiếp, bảy Tác ý chỉ có tự lợi không phải rộng thực hành.

"Biến hành Tác ý thứ nhất do Cứu cánh lạc nhiếp", trong Biến hành ở trước có hai loại:

a. Phật Thế Tôn nhiếp.

b. Nhất thiết nhiếp, là hàng Bồ-tát nhiếp, vì tất cả Nhị thừa tu có tự lợi.

"Liễu tướng tác ý là chỗ kiến lập Tác ý của tha lợi nhiếp, cho đến Định làm duyên của nó", một là Liễu tướng thông với Văn và Tu, chỗ kiến lập của tha lợi nhiếp. Hai là chỉ có Tu tuệ làm tánh, nhưng cũng là duyên giáo bên ngoài mà sinh, cho nên là chỗ kiến lập của tha lợi nhiếp.

Trong phần thứ hai thuyết minh riêng Sở duyên sai biệt có hai phần:

1. Vì Duyên tức là tướng.

2. Riêng thuyết minh tướng, vì Sở duyên này là Cảnh của các Tác ý, cho nên tức là tướng, đồng thời Cảnh của Định.

Trong riêng thuyết minh tướng, thứ nhất là nói về bốn tướng, thứ hai là nói về ba mươi hai tướng. Tướng sở duyên là phân biệt thể và tướng của Sở tri sự, Phân biệt thể là Tâm năng duyên, Tâm sở. Phân biệt tướng là Sở duyên tướng phần, Định tâm lấy Kiến phần và Tướng phần này làm Sở duyên. Tướng của Nhân duyên là Tư lương của Định, là nhân của Vô hối hoan hỷ an lạc. Không giữ căn môn v.v... bốn thứ, như trước đã nói, bốn thứ là: Không nắm giữ căn môn; Ăn không biết lượng; Đầu hôm cuối hôm, không thường tỉnh ngộ siêng năng tu quán hạnh; Trụ tại Bất chánh tri. Đến Thanh văn địa ở sau sẽ rộng nói.

Loạn tướng của Hôn trầm và Trạo cử, cũng như tên của nó, tức là sự dính mắc tướng của Trầm trạo kia, Thể là Vô minh làm tánh, hoặc là Ái tánh, hoặc là tất cả Phiền não tánh của Kiến và Nghi.

Trong ba mươi hai tướng có hai đoạn:

1. Riêng thuyết minh ba mươi hai tướng.

2. Cùng với tướng tương tức.

"Thế nào là tướng Sở y?" Là Phân biệt thể tướng, là Kiến phần và Tướng phần như thứ tự mà phối hợp. "Thế nào là Khởi tướng?" Tướng này có hai loại:

1. Tất cả tâm khởi tướng, tức là kế trước nói Tác ý là một tướng, vì tất cả tâm sinh đều do Tác ý.

2. Tâm thứ tám khởi tướng, là Tâm trong mười hai chi, duyên nơi Hành, cũng duyên Danh sắc mà sinh.

"Thế nào là tướng của Tự tướng? Là tự tướng của tự loại", là năm Uẩn, vì loại mỗi mỗi đều riêng khác. Tự tướng, là mỗi mỗi Uẩn, Tự tướng của Nhãn v.v... riêng khác. "Trong đây người đã xuất ly đối với Đoạn, không tu phương tiện, quán Hữu tham v.v...", là những người xuất gia, gọi là người đã xuất ly. Xuất ly này có hai loại:

1. Loại người không tu Niết-bàn phương tiện, quán Hữu tham Vô

tham, Hữu sân Vô sân, Hữu si Vô si.

2. Loại tu Niết-bàn phương tiện, là quán tâm hẹp, tâm rộng, tâm thấp hèn, tâm đề cao, cho đến tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát, là tướng không nhiễm ô, ba cặp đối quán ở trước không phải thuận xuất thế, bảy cặp sau thì thuận với xuất thế, hoặc thuận với Định gọi là tu phương tiện, không thuận với Định thì gọi là không tu phương tiện, vì không phải xuất thế.

"Lại nữa, giải thích không tu phương tiện", là người Vô học đã đắc xuất ly, thì càng không tu phương tiện lại nữa, chỉ quán Hữu tham v.v... ba cặp đối tâm. "Hoặc tu phương tiện", là người Hữu học, quán Sơ suất, Thấp hèn v.v... bảy cặp đối tâm, vì thuận với xuất ly của Vô học.

"Thế nào là tướng của Quang minh? Là như có một loại đối trị trừ diệt ám tối. "Pháp Quang minh", là trong Cái và Thực ở trước, có nói ba thứ Quang minh, Quang minh này là hai loại đầu. "Trụ quán đối với Toạ (ngồi) v.v...", vị lai gọi là Toạ, hiện tại gọi là Trụ. Vì từ vị lai Toạ khởi lập Trụ, tức là hiện tại này cũng gọi là Toạ, quá khứ gọi là Ngoạ, vì Toạ rồi mới Ngoạ, nhưng quá khứ thì diệt mất cho nên lập tên là Ngoạ.

"Thế nào là tướng của nhập định? Là do nhân duyên v.v...", trong bốn tướng ở trước, trừ tướng nên viễn ly ra. Loại này có ba tướng, vì thuận nhập định. "Thế nào là tướng xuất định"? Là chỗ không nhiếp tướng Bất định địa của Phân biệt Thể. Tuy Thể của định tâm và tán tâm thông với Thể phân biệt, nhưng Thể của tán tâm này là chỗ không nhiếp của Định. Tướng của Bất định địa, gọi là tướng xuất định, hoặc Thể của Phân biệt là chỗ không nhiếp của Vô lậu Định. Tướng Bất định địa gọi là tướng xuất định, thế nào là tướng Dẫn phát? Là có thể dẫn phát tóm lược nghĩa thông của các văn nghĩa quảng bác, đây là Thánh tự tại thông, lấy trí ngôn ngữ tự tại nhiếp các văn nghĩa quảng bác để nhập một chữ, lấy một chữ này nhiếp vô lượng nghĩa của văn cú. Thông này y theo Định mà dẫn phát, gọi là tướng Dẫn phát, cho đến dẫn phát tất cả công đức.

BẢN LUẬN 12

Trong giải thích Sở duyên của Tác ý, từ đây xuống biện chung thứ ba, văn có bảy đoạn:

1. Nguyên nhân của tu Tác ý.
2. Bốn Duyên nhập Đẳng chí.
3. Bốn căn Vô ký.
4. Sai biệt của Vị tịnh định.
5. Bốn phần Định dị.
6. Thứ lớp siêu việt nhập xuất.
7. Huân tu sai biệt.

Lại nữa, ngay khi tu tập Tác ý này, chán hoại Sở duyên là Gia hạnh đạo, xả các Phiền não là Vô gián đạo, giữ gìn sự đoạn diệt là giải thoát đạo, khiến cho Phiền não nối nhau xa lìa là Thắng tấn đạo.

Trong bốn Nhân duyên nhập Đẳng chí, văn phân làm ba đoạn: 1. Nêu. 2. Giải thích. 3. Kết thành.

Ái (ưa thích) các Tĩnh lự cõi trên, là người bốn căn Vô ký được Định khởi, bốn loại căn này không phải một người có thể khởi đủ bốn căn, Ái tức là Tham tâm sở, Kiến tức là Kiến thủ, Mạn tức là Ngã mạn, Nghi tức là Si nghi. Trong đây trước hết do Văn mà khởi, đó là chưa chứng đắc Định mà khởi bốn căn, không phải chỉ là tánh Vô ký, vì cõi Dục thông với bất thiện, hoặc đã đắc Định rồi sau đó mới khởi bốn loại, đó mới là Vô ký.

"Kiến trong Tĩnh lự của cõi trên, như vậy đã nhập rồi mới có thể tự nhớ nhiều kiếp của quá khứ mà sinh các Kiến đó v.v...", là do đắc Định rồi, khởi toàn phần bốn loại Thường kiến, tổng duyên thế gian không phải chỉ phỏng theo Định, cho nên không phải Kiến là chỗ của Tĩnh lự cõi trên. Chấp Kiến này không buông xả gọi là Kiến thủ, nhưng trong văn này chỉ nói có thể được tịnh, không nói Thể thù thắng, vì chân thật thì khó hiểu, thù thắng thì dễ hiểu. Định v.v... là Thường kiến, vì Uẩn làm Sở y, cũng là Cảnh của Kiến thủ. Trong đây Ái duyên các Địa cõi trên, chỉ có Thức là giải thích đầy đủ, khi chưa đắc Định thì Ngã mạn duyên Địa này mà sinh, đồng Địa mà chấp, vì tổng duyên năm Uẩn mới có thể được. Mạn sau khi đắc Định, duyên các Địa kia mà khởi, vì cũng đồng Địa, vì không duyên riêng với Ngã mạn, duyên các Địa khác mà sinh, tổng duyên cũng có thể như vậy. Như Duy Thức ghi: "Chính là nghi một pháp". Quán sát thế văn đó thì chỉ có người tu xuất thế mới khởi, vì duyên nghi của Thánh đế. Căn cứ theo thù thắng mà nói, thì lý

thông với các Hữu khác, vì đối với các Thắng định khác cũng khởi nghi. Tánh khi chưa đắc Định thì thông với bất thiện, nếu đã đắc Định rồi, gọi là căn Vô ký, vì đó là Định phiền não làm Căn bản, khởi sinh phiền não Ái vị định có hai nghĩa:

1. Thông với Vị chí hữu, căn cứ theo Liễu tướng của cõi trên, đã thông với Văn tuệ, thì tán tâm của Vị chí địa đâu có hại gì nhiễm tâm Vị chí địa. Nếu đắc Căn bản định thì đắc Tự tại rồi mới khởi hiện tiền.

2. Vị chí địa không có nhiễm, là Liễu tướng cũng thông với Văn tuệ, như Duy Thức sớ giải thích: "Sở ái vị của nó phải nói là đã ra khỏi, Năng ái vị của nó phải nói là đang nhập vào", Sở ái vị định là Tịnh định, đã nhập vào quá khứ, xuất nơi hiện tại. Năng ái vị của nó làm nhiễm ô tâm Định, vì tại nơi hiện tại. "Phải nói đang nhập", đây là chỉ có Ái tâm sở nắm lấy sâu Sở duyên. "Thuận Thoái phần định", là có độn căn. "Thuận trụ phần định", là có trung căn. "Hoặc tánh lợi căn v.v...", trong đây chỉ y theo bốn hạng người mà thành bốn loại căn, cho nên luận này nói căn, không phải y theo một người mà thành bốn loại.

Dưới đây quyển 13 nói bốn Liễm hạnh. Kinh nói y theo một người thứ tự tu, đạo lý cũng có thượng căn mà tu Thoái hạ căn, cũng có hạ căn mà tu Bất Thoái thượng căn, chính là Thoái phần định, là Thoái lui Trụ phần định của nó mà tướng tâm nhiễm có nhập xuất, đã không phải Thắng tấn, cũng không phải Thoái lui xuống Thuận thắng phần định. Định phỏng theo người khác thì tu Định là lợi căn, không cùng với nhiễm tâm mà có xuất nhập. Quyển 4 cũng nói Thuận quyết trạch phần định có thể sinh Vô lậu, không phải Thắng phần định. Quyển 13 nói, trong kinh Tứ Liễm Hạnh, thuận thắng phần định là không phải Thoái không phải trụ, chỉ là Thắng tấn, không phải tiến đến Quyết trạch, cho nên Quyết trạch tức là phần, gọi là Quyết trạch phần. Phần có nghĩa là chi, có nghĩa là loại.

- Bốn loại Định này:

1. Biện về hành tướng, nghĩa cũng như văn.

2. Biện về tánh, chỉ có Hữu lậu thiện.

3. Y theo Địa, thông với cõi Sắc và cõi Vô sắc, vì Hữu đảnh cũng có thể sinh tâm Vô lậu, nhưng lấy nghĩa làm chuẩn thì không phải bảy cận phần nói trên, có phần thứ tư, vì không thấy tướng tâm Vô lậu nhập xuất, mới khởi thì không phải như vậy, sau khi khởi thì có thể được, cho nên đều có bốn phần, không có văn ngăn trách.

4. Phần thứ nhất có thể sinh hai phần, là Tự phần và Trụ phần. Trụ phần sinh ba, trừ phần thứ tư ra. Phần thứ ba cũng sinh ba, trừ Thoái

phần. Phần thứ tư sinh một, đó là Tự loại.

Nêu Loại và Dị, Thuận phần và Thoái phần thuận với phiền não, Trụ phần thì thuận với Địa của tự nó, Thuận thắng phần thì thuận với Địa cõi trên, Thuận quyết trạch phần thì thuận với Vô lậu.

Nương theo khởi, cõi dưới khởi bốn phần, hai cõi trên chỉ có ba phần, không có bắt đầu, vì là Bất Thoái.

Trong Vô gián, Nhập đẳng chí, Lậu, Vô lậu, thuần và tạp ba thứ và bốn loại.

Ba thứ là:

1. Thuần Hữu lậu.
2. Thuần Vô lậu.
3. Hữu lậu vô lậu tạp.

- Bốn loại là:

1. Thuận nhập.
2. Nghịch nhập.
3. Thuận nghịch nhập.
4. Nghịch thuận nhập.

Trong Nhập đẳng chí này chỉ có hai loại đầu.

Trong Siêu việt nhập đẳng chí, Hữu lậu vô lậu thuần và tạp có ba loại Siêu, mỗi loại cũng đều có bốn thứ, trong đây phân rõ chỉ có hai loại đầu, lời văn thông nhau, như vậy hợp chung có hai mươi bốn câu, trên đã phân rõ Loại và Biệt. Người nào có thể Siêu? Chữ Siêu này, chỉ có Vô học, không phải Hữu học, chỉ có lợi căn, không phải độn căn. “Y theo cõi”, thì chỉ có cõi Dục, không phải hai cõi trên, nếu khởi Tâm của cõi Sắc mà xuất Định, thì có thể có Văn tuệ, Dị thục sinh tâm và Thông quả tâm. Hiện tại lấy Tâm của Phi tưởng địa mà xuất, thì xuất định tại tâm nào? Phi tưởng địa kia không có Văn tuệ, Uy nghi, Công xảo và Thông quả tâm, không phải khác Địa mà khởi Sinh đắc thiện tâm và Dị thục sinh tâm. Nghiệp quả không phải khác Địa mà khởi Sinh đắc thiện tâm và Dị thục sinh tâm. Nghiệp quả, là không khác Địa mà khởi, căn cứ theo Diệt tận định mà xuất, duyên ba loại Cảnh, tiếp xúc với ba loại Xúc, thừa nhận duyên nội ngoại Uẩn hữu vi mà sinh, đâu có hại các Địa của cõi Dục khởi Dị thục sinh tâm của Hữu đảnh địa. Phi nghiệp quả, nhưng tướng của nó khó biết, do đó phải nói là từ Hữu lậu và Vô lậu mà xuất, tại Dị loại thì gọi là Xuất tâm, không phải chủ yếu là Tán vị. Nếu như thế Hữu lậu vô lậu gián đoạn mà nhập các Đẳng chí, thì thế nào là Trụ dị loại? Hiện tại nói Trụ dị, là Hành tướng riêng Loại, gọi đó là Xuất, hoặc được khởi vô ký Tâm, chưa trái lý, vì rất xa. “Không có khả

năng siêu vượt Đẳng chí thứ ba, chỉ trừ chư Như Lai v.v...", đây là căn cứ theo những người cực tự tại, siêu vượt tất cả Địa mà nói. Hoặc bảy Địa về trước và Ba-la-mật-đa Thanh văn cũng có thể siêu hai Địa cho đến bảy Địa. Đại Mục-kiền-liên nhập Vô sở hữu xứ định, nghe tiếng voi, liền từ đó mà xuất Định, vượt qua chỗ khởi của nhiều Địa, trong quyển 63 có thuyết minh đầy đủ việc này. Lại nữa, nương vào Tự tại mà vượt qua tất cả Địa, là chư Phật và Bất Thoái Bồ-tát, ngoài ra những người khác thì không thể vượt qua nhiều Địa. Nếu tùy ý khởi, không phải những hạng siêu thiền mà tất cả đều được, cũng như chuyển sinh trong chín Địa và Đại Mục-kiền-liên, cho nên ở đây không nói, vì ở đây chỉ thuyết minh về sự siêu vượt.

- Trong Huân tu, văn cũng có hai nghĩa:

1. Thuyết minh Tạp tu.

2. Thuyết minh Tu sinh sai biệt.

Văn thuyết minh Tạp tu có hai đoạn là Nêu và Giải thích.

- Huân có năm loại:

1. Thuần Hữu lậu định huân tu, là sinh bốn Tĩnh lự của cõi dưới, trừ năm Tịnh cư ra, như dưới đây nói Nhuyễn tu, Trung tu và Thượng tu, thọ quả của ba Địa.

2. Thuần Vô lậu định huân tu, là Biến dịch sinh tử từ Địa thứ tám trở lên, vì Hữu lậu định đã hết.

3. Hữu lậu vô lậu tạp tu, tức là chỗ nói ở đây, là đối với Đẳng chí đắc Tự tại và thọ quả Tự tại của Đẳng chí, xen tạp tu tập mà sinh ra năm Tịnh cư v.v...

4. Hữu lậu định tán tạp huân tu, là A-la-hán xả phước mạng hạnh, nuôi dưỡng quả phước mạng.

5. Vô lậu định tán tạp huân tu, là Nhị thừa và Bồ-tát Biến dịch sinh tử bảy Địa trở về trước.

Trong Tạp tu thứ ba, Hữu lậu làm Nhị biên, một sát-na của Vô lậu, trong đó làm Tu thành mãn, như nghiệp của năm Tịnh cư, Dị sinh thân tạo Chủng tử trong thân, tùy ý chỉ có thể chiêu cảm các Thiên xứ cõi dưới, do khởi mong cầu mà huân tu thành mãn, lực của Vô lậu định nuôi dưỡng Chủng tử của nghiệp trước kia, khiến cho thế lực thù thắng, vì sinh năm Tịnh cư, không phải Hữu lậu mà là Trung phẩm, vì lực của nó yếu, tức là cùng với Tiểu thừa có chút ít bất đồng. Lại nữa, niệm Hữu lậu ban đầu là Gia hạnh đạo, phục trừ Định chướng, niệm kế đó là Vô lậu làm Vô gián đạo, ngay khi trừ Định chướng, một niệm sau cùng là Hữu lậu làm giải thoát đạo, cho nên huân tu đầy đủ. Nếu lấy

Hữu lậu làm Trung phẩm, Vô lậu làm Nhuyễn và Thượng phẩm, thì lẽ nào lại lấy Vô lậu làm Gia hạnh và Hữu lậu làm Vô gián đạo hay sao? Giải thoát đạo cuối cùng có thể làm trợ giúp, cho nên chỗ trợ giúp thuận nhau. "Hoặc ngay tại Thời, Xứ và Sự có thể nhập các Định", chỗ nương trụ của thân gọi là Xứ khởi Định, sáng tối, thời tiết... gọi là Thời. Tùy duyên theo Cảnh nào gọi là Sự? Nếu có Thủ khác, Thủ đó là Thủ chi, có Tàn nghiệp nhuận sinh, Thủ sinh, thì liền sinh Tịnh cư. Quả Đẳng chí có hai loại:

1. Đắc công đức quả.
2. Sinh Tịnh cư quả.

- Trong Tu sinh sai biệt, có bốn loại:

1. Sinh nhân.
2. Nhiễm Thoái thiện tấn.
3. Tu nhân xứ.
4. Biện về sai biệt.

"Đã sinh bốn loại sai biệt kia rồi, nếu khởi Ái vị thì liền bị lui mất", không phải Định trong các Địa trên có thể bị lui mất, mà do nhiều Ái vị làm tổn giảm thọ mạng, cho nên nói là "liền bị lui mất", đây là Thoái sinh.

Trong rộng phân biệt năm môn của Địa này, từ đây trở lên là ba đoạn, giải thích bốn môn đã xong. Đoạn thứ tư sau đây giải thích nghĩa Tông yếu tối hậu chúng tạp của các kinh, văn phân làm hai đoạn:

1. Giải thích Tông yếu, tức là giải thích chỗ nói Tưởng ở trước, nêu ra bốn môn: Tĩnh lự, Giải thoát, Đẳng trì và Đẳng chí, trong bốn môn này chỉ giải thích ba môn sau, vì môn Tĩnh lự đã giải thích rồi.
2. Quyển thứ 13 mới giải thích nghĩa của Tạp.

Tuy hai đoạn này đều là giải thích kinh, nhưng Tạp nghĩa của các Môn mỗi mỗi đều có riêng biệt, phân thành hai loại, trong loại thứ nhất phân hai phần:

1. Nêu, sau sẽ nói.
2. Tùy giải thích riêng.

Trong phần giải thích riêng này lại có ba đoạn:

a. Giải thích Giải thoát.
b. Giải thích Đẳng trì, là ba loại Tam-ma-địa trở lên.
c. Giải thích Đẳng chí, là Ngũ hiện kiến và Tam-ma-bát-để trở xuống.

Môn thứ nhất có bốn loại:

1. Giải thích Giải thoát.

2. Giải thích Thắng xứ.

3. Giải thích Biến xứ.

4. Tổng liệu giản.

Tuy Thắng xứ và Biến xứ căn cứ theo chỗ nêu trước mà nói, nhưng tại Đẳng chí môn, thì ở đây y theo thứ lớp Tu sinh. Kế đó là thuyết minh giải thoát, trước vì tùy theo Tạp khởi của pháp khác mà dẫn sinh, hoặc vì tùy theo Thắng nghĩa, lìa giải thoát nhập Đẳng chí môn, giải thoát là công dụng rất thù thắng để trừ Chướng, cho nên riêng một môn nêu nó ra, đây là vì mới Tu thứ tự thì phải như vậy, cho nên luôn tiện thuyết minh về nó, không trái nhau. Tám giải thoát lấy mười môn phân riêng, trong văn có ba đoạn: Một là nêu tên gọi; hai là giải thích tổng tên gọi; ba là phân tích Hành tướng.

1. Nêu tên gọi, có tám tên gọi:

a. Hữu sắc quán các sắc giải thoát.

b. Nội Vô sắc tưởng quán ngoại các sắc giải thoát.

c. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.

d. Không Vô biên xứ giải thoát.

e. Thức Vô biên xứ giải thoát.

f. Vô sở hữu xứ giải thoát.

g. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát.

h. Diệt tận giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.

Theo Câu-xá quyển 29 ghi: Môn thứ nhất gọi là “Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát”, vì Tưởng quán tăng thêm, cho nên lập tên Tưởng quán, bên trong chưa phục trừ; Sắc tưởng của người nhìn thấy gọi là Nội hữu sắc; chỉ có Quán ngoại cảnh, gọi là Quán ngoại sắc”. Đại thừa thì không phải như vậy, chưa lìa Dục dục của cõi Sắc, hoặc tuy đã lìa Sắc tưởng của người nhìn thấy, nhưng an lập hiện tiền thì gọi là Hữu sắc, thông quán bên trong bên ngoài thì gọi là Quán các sắc. “Nội Vô sắc tưởng quán ngoại các sắc”, đó là của Tiểu thừa kia nói, vì bên trong đã phục trừ Sắc tưởng, gọi là Nội vô sắc tưởng, chỉ có quán ngoại cảnh thì gọi là Quán ngoại sắc. Hiện tại luận này nói, đã nương vào Vô sắc định lìa Nhiễm của cõi Sắc, gọi là Nội vô sắc tưởng, tức là các Sắc này vì đã ra khỏi Nhiễm cho nên gọi đó là Ngoại, quán Ngoại này làm Cảnh gọi là Quán ngoại sắc. Hai chữ Quán ở trên, là Biến hóa tự tại, ý hiểu tư duy trong các Sắc, hiển thị các Tưởng kia. Giải thoát, là có thể giải thoát chướng biến hoá. Đối Pháp luận ghi: “Nội là nội thân, đã nương vào Vô sắc định phục trừ Sắc tưởng của người nhìn thấy, gọi là Nội vô sắc”, cùng với luận này bất đồng. “Tịnh giải thoát tác chứng cụ

túc trụ”, Tịnh là trong Tĩnh lự thứ tư lìa tám thứ Chướng, Xả niệm viên mãn thanh bạch gọi là Tịnh, Quán này quán chung các cảnh Tịnh và Bất tịnh. Hiển Dương luận ghi: “Tịnh, là ý giải tư duy thuần nhất”. Tịnh diệu sắc, là theo tùy chuyển Lý môn, hoặc y theo Quán kia tương đối tương nhập, sau đó thành Nhất vị tịnh sắc mà luận. Đối Pháp luận ghi: “Đối với Nội tịnh sắc và Nội bất tịnh sắc, mà triển chuyển chờ nhau”. Giải thoát, là có thể giải thoát Tịnh và Bất tịnh biến hóa sinh khởi Phiền não chướng, đây là công dụng Gia hạnh của Thời biến hoá, gọi là Phiền não chướng ngại tâm. Hai giải thoát trước là tùy theo Chướng của một Sự biến hoá, chỗ giải thoát này là chỗ có trong Tịnh và Bất tịnh, công dụng Gia hạnh của Biến hóa rất tự tại chướng ngại. Thân, là Ý thân. Tác chứng, là do Trí đoạn mà đắc Tác chứng. Các Căn đắc cảnh, chỉ có Thân căn là gần gũi nhất, cho nên hợp chung Thân cùng với Chứng mà đặt tên. Hai giải thoát trước, Ý hiểu tư duy cũng còn cách xa, cùng với Quán của nó đặt tên. Giải thoát thứ ba này trừ Chướng là tối thắng, gọi là Thân tác chứng, cho nên Đối Pháp ghi: “Tám thứ này gọi là Thánh trụ, vì là chỗ trụ của bậc Thánh, nhưng bậc Thánh phần nhiều là trụ thứ ba và thứ tám, vì hai giải thoát này là tối thắng. Trong hai cõi, mỗi mỗi cõi đều ở tại Biên tế, trong kinh Thế Tôn nói: “Thân tác chứng, đối với Sắc và Vô sắc chướng đoạn không sót, chứng đắc Chuyển y thì thù thắng hơn sáu giải thoát còn lại”. Cụ túc trụ, là Tĩnh lự thứ tư Căn bản viên mãn. Giải thoát thứ tám cũng vậy, là Hữu đảnh viên mãn. Các tên còn lại có thể hiểu.

2. Trong giải thích Tổng danh, chỉ giải thích các tên chung. Bảy giải thoát trước là đối với người đã giải thoát và sinh thù thắng. Bảy chỗ Quán pháp, là phải lìa Phiền não chướng nhiễm của Địa kia mới có tu hành, gọi là đã giải thoát. Hiện tại Quán các Cảnh đó để trừ Định chướng, khởi công đức của thần thông mà sinh Thắng giải, cho nên gọi là giải thoát. Giải thoát thứ tám đã vứt bỏ Tưởng và Thọ, là Viễn vô gián đạo ở trước, tuy diệt Tưởng thọ chướng, mà bây giờ mới được gọi là giải thoát. Khi đang khởi giải thoát, thì chỉ tạm thời vứt bỏ Tưởng và Thọ mà đặt tên giải thoát, Phi thời mới giải thoát Định chướng, vì trước đã lìa rồi.

3. Trong phần thứ ba biện về tướng, chỉ phân tích bảy giải thoát, đến Đẳng chí môn sau đó mới giải thích giải thoát thứ tám, là những người sinh cõi Dục. Giải thích nghĩa Hữu sắc, đây là nói người mới tu chưa lìa Sắc nhiễm, nếu người đã lìa thì Sắc tưởng an lập hiện tiền, gọi là Hữu sắc. “Người đó trong chỗ giải thoát như vậy, mà sinh giải thoát”,

đây là giải thích nghĩa giải thoát, Sắc sở quán đó, trong chỗ giải thoát Dục của cõi Dục đã được giải thoát. "Ngay tại các Sắc của cõi Dục vì có Quang minh tưởng tác ý tư duy...", đây là thuyết minh nghĩa của Quán, không đồng với Tiểu thừa khởi quán Bất tịnh tưởng.

Hiện tại luận này nói quán Quang minh tưởng có hai nhân duyên gọi là Hữu sắc: một là vì sinh cõi Dục đắc định cõi Sắc, hai là vì đối với Quang minh mà sinh khởi Thắng giải.

"Các Sắc của cõi Dục đối với chỗ có ít Sắc của các Thắng xứ...", đây là đáp Sắc sở quán tức là Cảnh thắng xứ, vì bắt đầu Thắng giải tưởng mà khởi quán. "Hoặc ưa hoặc chán...", đây là đáp về Hành tướng, ba giải thoát ở trước dẫn phát thần thông của bậc Thánh trong các Thắng xứ và Biến xứ, bốn giải thoát sau tùy thích ứng mà có thể dẫn phát công đức vô tránh. Nói "Sinh cõi Dục đã lìa duyên của cõi Sắc", đây là giải thích nghĩa Nội vô sắc tưởng, trước y theo Không xứ định, đã lìa cõi Sắc nhiễm. Hiển Dương luận ghi: "Nội Vô sắc tưởng, là nương vào Vô sắc định, vì ý hiểu tư duy. "Định vô sắc giới không hiện tiền", đây là giải thích nghĩa quán các Sắc bên ngoài, vì Vô sắc không thể quán Hữu sắc, nương vào Định cõi Sắc mà hiện quán các Sắc bên ngoài, cho nên Vô sắc định không hiện tiền. Trên đã nói người chưa đắc Định vô sắc giới, chưa lìa Dục của cõi Sắc; quán các Sắc bên ngoài, gọi là Sơ giải thoát, đã đắc Định vô sắc giới rồi, lìa Dục của cõi Sắc, quán các Sắc bên ngoài, gọi là giải thoát thứ hai, đây là nương vào nghiệp ban đầu mà nói. "Do Câu giải thoát", là do Định đắc Sơ giải thoát. Nếu trước không nhập Định vô sắc giới, là chưa phục trừ Sắc tưởng của người nhìn thấy, mà khởi Quang minh tưởng để quán các Sắc, đó là Sơ giải thoát. Nếu trước nhập Vô sắc định, đã phục trừ Sắc tưởng của người nhìn thấy, không tư duy Quang minh tưởng, chỉ quán ưa chán... Sắc trong ngoài, đó là giải thoát thứ hai, cho nên trong đây nói cũng không tư duy Minh tưởng của chỗ Tưởng kia, vì Quán dần dần được thành. "Chỉ đối với Sắc không sinh Thắng giải, là do Câu giải thoát này", vì cũng thành Sơ giải thoát, cho nên Đối Pháp luận giải thích Sơ giải thoát rằng: "Bên trong chưa phục trừ Sắc tưởng của người nhìn thấy, tức là người mới Tập nghiệp, là chỗ khởi giải thoát của Câu giải thoát. Trong nội thân đó, tuy đã lìa Dục, an lập Sắc tưởng mà hiện tiền quán đối với ngoại Sắc". Luận đó giải thích giải thoát thứ hai rằng: "Là bên trong đã phục trừ Sắc tưởng của người nhìn thấy, đó là Sơ nghiệp, hoặc hiện an lập không có Sắc tưởng của người nhìn thấy, đó là Mãn nghiệp". Câu giải thoát... là nghĩa của chỗ khởi giải thoát, căn cứ theo chỗ nói trên, cũng

không cần tư duy. "Minh tưởng của Tưởng kia chỉ đối với ngoại Sắc mà khởi Thắng giải", đây là giải thích nghĩa của Quán. Nếu đối với Sắc đó đã được lìa Dục mà nói, thì Sắc đó làm Ngoại, tức là Quán này đã lìa nhiễm Sắc, vì ra khỏi Nhiễm thì gọi đó là Ngoại; quán tất cả các Sắc này làm Cảnh, gọi là Quán ngoại Sắc, không những quán ngoại Trần gọi là Quán ngoại Sắc. Nếu căn cứ theo Đối pháp thì Nội thân gọi là Nội, Ngoại trần gọi là Ngoại, quán Trần làm Cảnh gọi là Quán ngoại sắc. Luận đó nói trong ngoài chợt đồng với Tông của Tiểu thừa, nương vào Định vô sắc giới, lìa nội Sắc nhiễm... thì cùng với luận của Tiểu thừa đó khác nhau. Hai giải thoát trên, y theo Câu-xá ghi: "Hai Tĩnh lự đầu có thể phục trừ cõi Dục, vì trong Sơ tĩnh lự là hiển Sắc tham", Quán bất tịnh kia có thể nói như vậy. Để khiến cho đầu tiên khởi Minh tưởng, Hiển Dương luận quyển 20 ghi: "Hai Tĩnh lự này trừ Biến hóa chướng, để đối với Biến hóa mà chứng đắc tự tại, tu hai giải thoát, vì Biến hóa đã thông với bốn Tĩnh lự mà có". Hai giải thoát đầu thông với bốn Tĩnh lự, đồng như Thành Thật luận, nhưng vẫn ở tại Căn bản, không phải các Cận phần Địa, kia là hơn hở tiến tu, đều không có quả chung, đây là do dự tu có chung quả. "Trong Tịnh giải thoát đã đắc Xả niệm viên mãn thanh bạch", đây là giải thích nghĩa của Tịnh. Trong một sát-na lìa qua gọi là Tịnh, tương tục lìa thì gọi là Bạch, lấy đây làm chỗ y để tu tập Thánh hạnh viên mãn, gọi là bậc Tịnh giải thoát.

Sau đây lấy ba nghĩa giải thích tên Tịnh này:

1. Tịnh giải thoát này chỉ có Định thứ tư, vì trong đây nói đắc Xả niệm tịnh, lại cũng vượt qua các Khổ lạc, loạn động, tĩnh, khéo mài giũa trong sáng, các Địa khác thì không phải như vậy, cho nên chỉ có Căn bản thứ tư, không phải là Cận phần, đây cũng là nội Vô sắc mà quán ngoại Sắc, vì trước đã nói cho nên ở đây lược bỏ.

2. Bốn Vô sắc giải thoát kế đó, đều đã lìa Dục của tự Địa, nương vào Căn bản địa mà trùng quán tự Cảnh, tư duy Thắng giải khiến cho các Chướng càng xa, dẫn sinh Thắng đức, lập tên là giải thoát.

3. Nhưng văn của luận này, nói hai thứ Không giải thoát và Thức giải thoát lìa Dục của Tự địa, hai giải thoát sau thì không nói lìa Dục của Tự địa, trong Vô học Thân thì có nói sơ lược. Căn cứ theo trước thì đáng lẽ nói lìa Tự dục, nếu y theo Hữu học... thì không cần lìa Nhiễm, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, Không xứ và Thức xứ, nói Tự địa của Tư duy, là vì hai Xứ đó xứng với tên Tự địa. Vô sở hữu xứ, vì Thức không có, lấy làm tên của Tự địa, cho nên đối với Thức xứ, Tư duy là Thắng giải. Hữu đảnh giải thoát cũng vậy, dưới đó ba Địa, gọi là Tưởng sinh

xứ, khắp trong Xứ này, Tư duy là Thắng giải, chỉ tại Căn bản, không phải Cận phần địa. Trên đã y theo ba môn Phân biệt của luận này.

Nêu Thể tánh:

Quyển 73 ghi: "Trong năm pháp, Chánh trí của thế gian và xuất thế gian làm Tự tánh. Hữu lậu, là Chánh trí của thế gian trong Phân biệt nhiếp. Vô lậu, tức là Vô Phân biệt Trí và Hậu đắc trí nhiếp, chỉ có Tuệ làm Tánh, duyên Sắc Phi sắc và Chân như cảnh, lìa các Định chướng, dẫn sinh Thắng đức". Không phải ngoài Vô lậu này thì có pháp nào khác có thể được, nếu tương ưng với Thể, bảy giải thoát đầu là bốn Uẩn tánh, quyến thuộc là năm Uẩn tánh. Giải thoát thứ tám, hai mươi hai pháp, Diệt tận định, lấy Chủng tử của Tâm chán làm Tự thể.

Cảnh sở duyên :

Hai giải thoát đầu nói lấy chỗ tướng Hiển sắc và tướng Chân như làm Cảnh sở duyên. Giải thoát thứ ba thì lấy tướng Nhiếp thọ và tướng Chân như làm Cảnh sở duyên. Tướng nhiếp thọ là đối với Nội tịnh sắc và Nội bất tịnh sắc triển chuyển tương đãi, triển chuyển tương nhập, triển chuyển Nhất vị, như Đối pháp nói. Bốn giải thoát kế đó, mỗi mỗi lấy Tự tướng và Chân như làm Cảnh, ba giải thoát đầu lấy Sắc và Vô sắc làm Cảnh, bốn giải thoát kế đó chỉ có Vô sắc làm Cảnh, để đoạn hai chướng này cho nên khởi quán hạnh, giải thoát thứ tám không có Sở duyên.

Nghĩa Phàm thánh đắc Phân biệt:

Có nghĩa là bảy giải thoát đầu thông với Phàm đắc và Thánh đắc; giải thoát thứ tám thì chỉ có Thánh đắc, vì Vô lậu. Quyển 73 ghi: "Bậc Thánh dị sinh thì đồng đắc ba giải thoát đầu, nhưng có sai biệt, nội đạo và ngoại đạo đều đắc chung thông suốt, vì trừ Biến hóa chướng thì đắc Tự tại". Nhưng Du-già quyển 15 ghi: "Ba giải thoát đầu, đối với tất cả Sắc mà đắc Tự tại, liền có thể dẫn phát thần thông của bậc Thánh, không cùng với tất cả Dị sinh có chung", luận đó tự nói Sở tác của Bất hoàn A-la-hán, không nói Dị sinh không khởi ba giải thoát đầu. Kế đó bốn giải thoát, Đối pháp luận ghi: "Chỗ đắc của đệ tử bậc Thánh có thể thuận với Vô lậu, là Thanh tịnh tánh, mới gọi là giải thoát, vì giải thoát Ái vị". Ngoại đạo dựa vào Vô sắc, phần nhiều sinh Ái vị, chấp làm Niết-bàn, cho nên do biến hiển này mà không lựa riêng với ba giải thoát trước, chỉ có Thánh đệ tử mới chứng đắc, cho nên thông với ngoại đạo. Có nghĩa là chỉ có ba giải thoát trước thông với nội đạo và ngoại đạo, phàm Thánh đều chứng đắc, nhưng luận chỉ nói Dị sinh đắc, năm giải thoát sau chỉ có Thánh đắc, luận nói chỉ có đệ tử của Thánh, không

nói Dị sinh.

Lìa chướng sai biệt:

Hiển Dương quyển 20 ghi: "Đối trừ sáu Chướng":

1. Biến hóa Chướng, chỗ trừ của hai giải thoát đầu là Năng biến và Năng hoá, do quán Quang minh thù diệu vô ngại và ít nhiều gì cũng có đắc Tự tại.

2. Tối cực hiện pháp lạc trụ Chướng, là chỗ trừ giải thoát thứ ba, Đối Pháp luận ghi: "Có thể đoạn Tịnh sắc và Bất tịnh sắc Biến hóa chướng", trong đây Phiền não sinh khởi chướng, chướng này tức là đối với công dụng Gia hạnh của Tịnh sắc biến hoá, cùng với Bất tịnh sắc biến hóa trái nhau, Thể là Tánh của Vô ký thô nhám, gọi là Phiền não.

3. Vãng hoàn Chướng, là chỗ trừ của giải thoát thứ tư, do các Sắc trống rỗng, vì không có chướng ngại, làm phương tiện đã nhập Địa của bốn Định Căn bản cõi Sắc, qua lại tự tại.

4. Dẫn Vô tránh đẳng thắng công đức chướng, do chỗ trừ của Thức mà Thể của các công đức kia tức là Thức, đây là phương tiện đã khởi Tĩnh lự thứ tư, phát các công đức.

5. Các lậu và Hữu chướng. Lậu là Phiền não. Hữu là Hữu đảnh. Đây tức là hai pháp Hoặc và Khổ của cõi Vô sắc, do chỗ trừ của giải thoát thứ sáu và thứ bảy, giải thoát thứ sáu chính là Năng trừ, giải thoát thứ bảy là khi trừ xong rồi khiến cho xa.

6. Tịch tĩnh tối cực trụ chướng, là chỗ trừ của giải thoát thứ tám, vì trụ Diệt định Tịch tĩnh cực thù thắng. Quyển 15 ghi: "Năm giải thoát sau chỉ nói có thể dẫn Tưởng thọ diệt đẳng chí", là y theo Thành mãn vị cũng không trái nhau.

Y thân khởi:

Năm giải thoát sau, là Thân khởi của ba cõi, vì thừa nhận cõi Vô sắc khởi Diệt định, ba giải thoát đầu, có nghĩa chỉ có Dục khởi, do Giáo và Lực. Du-già quyển 12 ghi: "Do hai nhân duyên gọi là Hữu sắc, là sinh cõi Dục, có nghĩa không đúng, vì thông với hai cõi mà khởi, mới tu giải thoát là Biến xứ làm quả, thì phải ở tại cõi Dục, như đạo lý trước, sau khi thành mãn thì Biến xứ làm nhân, đâu có hại gì cõi Sắc mà cũng được khởi sau đó, lẽ nào sinh Sắc quả không được gọi là Hữu sắc, mà không tu thông hay sao"!

Nhị đắc:

Trong thân của Phật và thân Lân giác, vì cả tám giải thoát đều lìa Dục đắc. Trong các thân khác thì đều là Gia hạnh đắc, phải lìa các Địa

nhiễm kia, sau đó mới Tu đắc.

Hữu, Vô lậu:

Tại thân Phật thì đều là Vô lậu, trong các thân khác thì giải thoát thứ tám chỉ có Vô lậu, còn lại bảy giải thoát thì thông với Hữu lậu và Vô lậu. Thông là hai trí của thế gian và xuất thế gian làm Thể, sau đây quyển 15 sẽ phân tích rộng thêm.

- Tám Thắng xứ, lược lấy năm môn Phân biệt:

1. Nêu tên:

a. Sắc tưởng bên trong quán ngoại sắc ít, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc kém, hoặc hơn, đối với các Sắc kia có Thắng tri và Thắng kiến, đắc Như thật tướng.

b. Hữu sắc tưởng bên trong quán ngoại Sắc nhiều.

c. Vô sắc tưởng bên trong quán ngoại Sắc ít.

d. Vô sắc tưởng bên trong quán ngoại Sắc nhiều.

Ba loại sau hoặc tốt xấu... mà nói, đều như chỗ nói ban đầu. Bốn Thắng xứ sau đều là Vô sắc tưởng bên trong, nhưng quán các Sắc xanh vàng đỏ trắng bên ngoài, bốn loại khác nhau.

2. Nêu thể:

Đối Pháp luận, Hiển Dương đều nói như vầy: Hai Thắng xứ đầu: 1. Chỗ xuất của giải thoát. 2. Hai Thắng xứ, là chỗ xuất của giải thoát thứ hai. Bốn Thắng xứ sau là chỗ xuất giải thoát thứ ba. Trong Tịnh giải thoát, hai tưởng đầu tiên là Tịnh và Bất tịnh, triển chuyển tương đãi, triển chuyển tương nhập, triển chuyển như vậy, tổng tất cả Sắc hợp chung làm một vị Thanh tịnh tưởng giải gọi là triển chuyển Nhất vị, cho nên bốn Thắng xứ sau là chỗ xuất của giải thoát thứ ba, do đó tám Thể này tức là ba giải thoát trước.

3. Giải thích tên riêng:

Hữu sắc tưởng bên trong, Vô sắc tưởng bên trong... như trong Giải thoát nói. Trong giải thoát trước, Hữu sắc không nói Sắc bên trong, bây giờ thì nói bên trong là trước đã thiết lập, tuy đối với trong thân của người thấy Sắc tưởng an lập hiện tiền, người chưa lìa Sắc nhiễm, vì tất cả Sắc nhiễm đều chưa đoạn, cho nên chỉ nói Hữu sắc mà không nói bên trong, tức là lấy tất cả Sắc này mà làm cảnh giới, khởi Quang minh tưởng, vì chưa ra khỏi Sắc nhiễm. Gọi là quán các Sắc, hoặc thông quán Sắc bên trong bên ngoài thì không thể gọi là quán Nội ngoại sắc. Hiện tại Thắng xứ này chỉ quán Phi căn sắc, không quán căn Sắc, vì Hữu căn sắc bên trong gọi là nội Hữu sắc, cùng với trước khác nhau. Còn lại ít và nhiều... như văn giải thích.

4. Y cảnh Phân biệt:

Hai giải thoát sau chỉ duyên Hiển sắc của Sắc xứ, hình sắc của nó thì không có Thể, vì Hiển sắc nhiếp. Giả hiển thì không có Thể, vì chỉ có bốn Thật, cho nên quán chỉ có bốn loại, bốn Sở duyên trước là Sở y Tụ sắc của Thanh hương vị xúc, vì hai giải thoát đầu duyên tướng Quang minh và tướng hơn kém, tức là bốn Thắng xứ đầu quán Hiển giả sắc, thì Quang minh mới là Giả hiển sắc, do Thể trong sáng thuận với Biến hóa cho nên quán thiên về nó. Giải thoát thứ hai, vì duyên tất cả Sắc xứ. Thắng xứ thứ ba và thứ tư cũng quán đối với tất cả cả Sắc xứ kia. Hoặc ít nhiều v.v... nhưng lấy hình lượng lớn nhỏ trong ngoài riêng biệt của hữu tình và Phi tình, phân thành ít nhiều, cho nên y theo Hữu sắc và Vô sắc, mỗi mỗi đều duyên hai Cảnh, phân thành bốn loại, cho nên các Thắng xứ không giảm không tăng. Đối Pháp luận ghi: "Sắc ít là Sắc của các hữu tình, vì lượng của nó nhỏ. Sắc nhiều là Sắc của Phi tình, vì lượng của nó to". Hiển Dương luận chỉ y theo Tư cụ và Phi tư cụ (vật dụng nuôi sống) mà phân thành ít nhiều. Hiện tại trong luận này thì lấy hữu tình và Tư cụ nó hợp chung gọi là ít, cung điện... gọi là nhiều vì hình lượng riêng khác, mỗi mỗi căn cứ theo một nghĩa cũng không trái nhau. Tốt, xấu, hơn, kém... thì y theo sai biệt của Sắc ít nhiều, cho nên không lập riêng. Nhưng trong cõi Dục, bốn Thắng xứ đầu, quán đủ bốn Trần đồng tụ Sắc xứ; trong cõi Sắc, chỉ quán Thanh và Xúc đồng tụ Sắc xứ. Căn cứ theo hai giải thoát đầu, chỉ quán Sắc trần, cho nên trong bốn Thắng xứ đầu chỉ quán Sắc cảnh. Luận nói Sắc kém, là Thanh hương vị xúc. Bất khả ý sắc, đây là nói cõi Dục có Sở y của Thanh hương... đồng tụ Sắc xứ, gọi là Sắc kém... bốn chỗ quán đầu không phải bốn thứ Thanh hương vị xúc, vì là Cảnh của Thắng xứ. Luận này ghi: "Bốn Hiển sắc này là Tư cụ, cung điện... của hữu tình nhiếp", là bốn thứ tốt, xấu, kém, hơn gọi là Hiển sắc, tức là ít nhiều trước. Là Sắc của hữu tình cho nên không phải Thanh hương... vì đối với Sắc xứ chiết phục tự tại, đối với bốn Trần khác cũng có thể biến hoá, hoặc trong hai giải thoát đầu, giải thoát thứ nhất tuy chỉ có quán Sắc dẫn sinh bốn Thắng xứ đầu, Thắng xứ đã khởi rồi, lại quán bốn Trần, chiết phục Tự tại, dẫn sinh Giải thoát, sau đó đến thành Mãn vị, lại chỉ có quán các Cảnh của Sắc quang minh... có thể làm biến hoá, cho nên Hiển Dương ghi: "Do ba giải thoát cho nên đắc Thắng định tự tại, do đắc Định kia rồi mới nói Thắng sắc tự tại thành tựu". Đây là lấy giải thoát làm nhân, Thắng xứ làm quả. Hiển Dương lại ghi: "Tám Thắng xứ này cùng với tu ba loại Duyên sắc giải thoát làm chỗ y chỉ". Đây là lấy Thắng xứ làm nhân,

giải thoát làm quả, ban đầu là tu, sau đó là thành mãn, vì có sai biệt. Luận tuy nói rằng bốn Hiển sắc này không phải Sắc xứ, vì Hiển sắc là các Sắc hơn kém của Thanh hương vị xúc, chỗ quán minh hiển gọi là Hiển sắc, không chỉ lấy Sắc mà cũng lấy Chân như làm Sở duyên. Quyển 72 ghi: "Tư duy Sắc Chân như tướng, đắc Thắng tri kiến, Dị sinh thì không phải như vậy".

5. Hỏi đáp Phân biệt:

Đây là hỏi ba giải thoát trước, cùng với tám Thắng xứ có gì sai biệt, Câu-xá ghi: "Tu giải thoát trước chỉ có thể vứt bỏ, tu Thắng xứ sau thì có thể không bận bịu Sở duyên, tùy theo Sở lạc mà quán, hoặc cuối cùng không khởi". Đây là giải thích mới tu ba Giải thoát trước, trừ hai loại Chướng, do đây có thể sinh Thắng trí và Thắng kiến, cho nên gọi là Thắng xứ. Tu thành mãn, là do tám Thắng xứ, Thắng phục Sở duyên, có thể khiến cho ba giải thoát đầu được Thanh tịnh, đó là Giải thoát và Thắng xứ sai biệt.

Hỏi: Tại sao giải thoát Biến xứ quán chung với Sắc và Phi sắc, mà trong tám Thắng xứ chỉ có quán các Sắc?

Đáp: Lìa chướng mà quán khắp Sắc và Phi sắc... khi thắng chiết phục Cảnh thì Sắc tướng khó thắng chiết phục, tốt xấu khó thắng phục, cho nên Sắc thắng phục đã ở trong cõi Vô sắc cũng được tự tại, cho nên lấy Nan thắng chỉ lập Sắc thắng xứ, các môn khác cũng như trước. Trong ba môn giải thoát đầu, luận này có hai môn:

a. Giải thích tên chung.

b. Giải thích tướng riêng.

Còn lại Thắng kiến... các nghĩa sai biệt đều rộng như Đối Pháp luận quyển 13 và Hiển Dương quyển 4 nói, văn phân hai đoạn:

a. Giải thích tên của Thắng xứ.

b. Giải thích riêng nghĩa của ít nhiều... Xứ là Sở duyên, Thắng là Năng duyên. Đoạn văn thứ nhất có ba phần: một là nêu; hai là trình bày; ba là nêu sai biệt.

- Biến xứ thứ ba lấy sáu môn phân riêng:

a) Giải thích tên chung: Đối với Thắng giải sự, là giải thích nghĩa của Xứ, tùy chỗ thích ngay các Cảnh của các giải thoát trước. Sinh biến thắng giải, là giải thích nghĩa của biến khắp, đây là mượn Thắng giải làm Biến tưởng.

b) Trình bày: Danh là địa, thuỷ, hoả, phong, thanh, hoàng, xích, bạch, Không xứ, Thức xứ, như trong kinh nói là Địa biến xứ, một có thể giải thích rõ trên, dưới, bên cạnh, Vô nhị và Vô lượng, như vậy cho đến

Thức khắp trên, dưới, bên cạnh, Vô nhị và Vô lượng. Trong đây chỉ giải thích Vô nhị và Vô lượng, ngoài ra như Hiển Dương quyển 4 nói.

c) Phế và Lập: Luận tự nói, Du-già cũng nói, nhưng do Sở y Chân như biến mãn, thì Năng y Sắc phi sắc cũng lại biến mãn, Sở y tạo sắc trong Năng y Sắc biến mãn, thì Năng y tạo sắc cũng biến mãn, chỉ nói Thật hiển Sắc biến mãn trong Năng y, không nói Giả hiển hình cũng biến mãn, chỉ nói Sở y Thật xúc biến mãn, không nói Năng y Giả xúc cũng biến mãn, đã nói Sắc cảnh sở quán không biến mãn, cũng nói Thức cảnh năng quán biến mãn, còn lại là không biến mãn cho nên không phải Biến xứ. Nhưng trong kinh Niết-bàn, quyển 31 ghi: "Trừ Hỏa lấy Vô sở hữu xứ sở" là ngoại đạo thờ Hỏa lấy Hỏa làm Thiên, nói Thể của Hỏa đầy khắp khiến cho tăng thêm chỗ chấp đó, cho nên đối với căn cơ đó, trừ Hỏa biến xứ, Vô sở hữu xứ, khi có quán sát, thì quán sát biến khắp, không có một chút cảnh nào là Sở hữu sở vô biến khắp, cũng gọi là Biến xứ. Trong các luận này, nương vào Cực tự tại, đã mới tu Biến xứ quán, không có chút ít Cảnh sở hữu nào thì không cần quán Thức sở vô khắp tất cả, không lập Biến xứ, Phật đối với Giả danh kia, đối với Thật danh này mà nói.

d) Cảnh sở duyên: quyển 72 ghi: "Lại nữa, mười Biến xứ do Lực sở duyên của Thắng xứ, mà tướng của nó sai biệt phải biết". Đây là dùng đại chủng và tướng Chân như làm Sở duyên. Nếu không như thế thì Sở y không khắp, Năng y cũng đáng lẽ không thành biến mãn. Do cảnh Chân như cực biến mãn cho nên Năng y cũng được thành tên Biến mãn. Lại nữa, tướng của Không xứ, Thức xứ và Chân như làm Sở duyên, không những chỉ Hữu vi làm Cảnh mà hiện tại lấy Sắc xứ, Xúc xứ... bốn Uẩn và Chân như làm Sở duyên.

e) Xuất Thể tánh: Câu-xá luận ghi: "Tám Biến xứ đầu chỉ từ chỗ xuất của giải thoát thứ ba, hai Biến xứ sau tức là hai giải thoát kia". Luận này tám Biến xứ đầu thì lấy Tuệ, hai Biến xứ sau thì lấy bốn Uẩn làm Tự tánh, tám Biến xứ đầu vì khéo Thanh tịnh, có thể dẫn Giải thoát thần thông và Chuyển biến thần thông của bậc Thánh, tuy nương vào bốn Địa mà có, nhưng không thể tùy ứng từ ba giải thoát đầu, Thắng xứ và Biến mãn chỉ có giải thoát thứ ba, cho nên luận này nói: "Hữu sắc như vậy, các Biến xứ định, Hậu biên của cõi Sắc đều từ chỗ xuất của giải thoát thứ ba", lý đồng với Câu-xá, là trước chung đường.

f) Hỏi đáp Phân biệt. Hỏi: Thắng xứ dẫn sinh thì Biến xứ mới khởi, tại sao Thắng xứ không có hai Giải thoát sau và bốn Giải thoát đầu? Đáp: Thù thắng chế phục Sở duyên mới sinh Biến quả, vì quả

pháp thù thắng, lại thêm sáu thứ nhân, Thắng xứ chỉ chế phục Cảnh thù thắng, không nói các chỗ khác. Dụng của Biến xứ dụng thù thắng, đây là đoạn văn dưới nói dẫn sinh thần thông. Thắng xứ kém là chỉ có Thắng phục Sở duyên không thể dẫn sinh công đức rộng, các nghĩa của môn khác, phải biết là như Giải thoát. Quyển 62 ghi: "Tu mười Biến xứ có thể làm năm Sự", như luận đó rộng nói.

Trong Tổng liệu giản thứ tư có ba đoạn:

1. Giải thích thứ lớp của giải thoát, Thắng xứ và Biến xứ.

2. Giải thích tác dụng của Biến xứ, lấy thí dụ để hiển thứ lớp của ba pháp.

Các thứ lớp này lược có ba nghĩa:

Nghĩa thứ nhất có hai môn là: 1. Tùy Chuyển lý môn, chính là môn này. 2. Y Chân thật lý môn, quyển 63 ghi: "Thắng xứ và Biến xứ là Năng thanh tịnh đạo của chư giải thoát". Hiển Dương quyển 4 ghi: "Do các Thắng xứ mà Sở duyên thù thắng, do các Biến xứ mà Sở duyên biến mãn, phải biết có thể khiến cho giải thoát và thanh tịnh.

Nghĩa thứ hai là trong Chân thật lý môn: 1. Nhất thiết tu hành môn, chính là văn của luận này. 2. Thành mãn môn sau, chính là văn của các luận kia.

Nghĩa thứ ba là: 1. Y như Lượng trí tu môn, tức là văn của luận này. 2. Y như Lý trí tu môn, tức là văn của các luận khác. Trước hết y theo thế tục trí mà khởi Thắng tri kiến, rồi kế đó y theo Như lý trí, là nhập Biến xứ giải thoát.

Thắng xứ thần thông, là tùy chỗ ý giải đều có thể toại ý, Viễn giải là Cận, khoảng co duỗi cánh tay đến Sắc cứu cánh. Chuyển biến thần thông, là chuyển đổi hình cũ, mà làm hình tướng khác. Lại nữa, Thắng giải thông với Ý giải tư duy chuyển biến thần thông có thể thành sự thật.

Trong giải thích Tông yếu của kinh trước có ba đoạn, đến đoạn thứ hai sau giải thích Đẳng trì sẽ trình bày riêng, có mười một môn. Dưới đây giải thích mười môn, thiếu môn thứ 11, như trước đã giải thích.

Trong "ba loại Tam-ma-địa", văn phân ba đoạn:

1. Thuyết minh biệt tướng Hành cảnh của Tam-ma-địa.

2. Thuyết minh đồng tướng Biệt cảnh của Tam-ma-địa.

3. Giải thích thứ lớp vấn nạn trước sau.

Một môn thứ nhất là An lập Đế hạnh, môn thứ hai của nó là Phi an lập hạnh, là tướng hạnh riêng của môn thứ nhất, một môn kế đó thông với Tướng hạnh, đó là sai biệt.

Đoạn văn thứ nhất, từ câu "thứ nhất là nêu ra Hành tướng của không Tam-ma-địa, phải biết Không tánh lược có bốn loại" trở xuống, là tổng giải thích Không tánh sai biệt, Hiển Dương luận quyển 2 ghi: "Không, có hai giải thích là Sở tri và Trí sở tri", là chúng sinh và pháp, trong tánh Biến kế sở chấp thì đây là Nhị vô tánh, và Vô ngã hữu tánh khác. Trong các pháp, chỗ chấp tánh vô, tức là Vô ngã hữu tánh; Vô ngã hữu tánh tức là chỗ chấp tánh vô, tức là lấy tánh vô nhị của Hữu và Phi hữu trong đây gọi là Sở tri không. Không trí, là duyên cảnh kia biết rõ như thật, luận đó có ý nói, chỗ Chấp pháp, Không tánh hữu tình và Không tánh Chân như đều gọi là Sở tri không. Khi quán các pháp kia không có, thì thấy các pháp này có, khi chứng các pháp này có, thì thấy các pháp kia Không, Hữu và Không không hai, đều gọi là Cảnh không, đây là nói Sở chứng sở không của Không hạnh, nếu người nào có thể quán tâm đó thì liền gọi là Không trí. Chỗ nói trong đây là đối với Viễn ly hữu tình mạng... tức là Không cảnh của Sở không trong Sở quán. Tâm trụ một duyên, tức là Không trí kia. Đây là y theo Tam thừa thông với Sở quán không, chỉ nói xa lìa hữu tình mạng... chỉ nói nhân Không mà không nói pháp, chỉ nói Sở không mà không nói Sở chứng không. Luận kia nói Vô nhị, là song song hiển rõ Hữu và Vô, đây là nói Sở vô, không phân tích Chân hữu, cho nên không trái nhau.

- Trong tổng giải thích Không sai biệt, có hai loại giải thích:

a. Y theo bốn thứ Không tánh của Vô học.

b. Trình bày bốn thứ Không sai biệt của Hữu học.

Nhưng trong bốn Không, một Không đầu là Sở quán sát không, chính là quán Cảnh, ba Không sau là Thành mãn vị, chỗ trừ của Nhân không giả gọi là Không, do quán sát Không, cho nên "Không" không có chỗ chấp, ba loại Không sau cũng vậy, cho nên giả gọi là Không. Quả kia Không, là Không mãn vị, vì do quán Không cho nên phiền não đều diệt. Nội không, là do quán Không cho nên Nội kế chấp diệt. Ngoại không, là do quán Không cho nên Không, không có Dục và Ái.

Trong Hữu học là bốn Không sai biệt, "lại nữa, người tu hành", là chư Phàm thánh hữu học. "Do quả kia Không, hoặc có khi tác ý tư duy ngoại Không...", đây là do mong quả kia không, cho nên tư duy hai cảnh trong ngoài làm Không. "Do lực mà tâm đều chứng hiểu", là do lực mong cầu quả kia Không và do lực quán sát Không mà đối với trong ngoài Không đều có thể chứng hiểu, có thể chứng hiểu rồi, thì quả kia Không và quán sát Không cả hai đều viên mãn. Hiện tại luận này thì hiển Không vô ngã hạnh gọi là Không hạnh, vì Không không có hữu

tình và pháp Ngã. Ngã tánh, Ngã dụng, Ngã thể, Ngã ái, cả hai đều Không, tùy chỗ thích ứng của nó gọi là Không vô ngã.

Trong Vô nguyện, "là đối với năm Thủ uẩn tư duy Vô thường, hoặc tư duy Khổ", đây là nói năm Thủ uẩn pháp của ba cõi, gọi là Cảnh vô nguyện. Tâm trụ một duyên, gọi là Tam-ma-địa. Hiển Dương cũng ghi: "Vô nguyện có hai loại: một là Sở tri; hai là Trí", chính là cùng với luận này đồng, tức là Vô thường và Khổ đều tập hợp tại bốn Hạnh, gọi là Vô nguyện hạnh. Đây là lấy Vô thường hạnh và Khổ quả hạnh nhiếp Nhân hạnh.

- Trong Vô tướng Tam-ma-địa:

1. Giải thích Hành tướng.

2. Giải thích kinh kia, tức là đối với các Thủ uẩn kia diệt, Tư duy tịch tĩnh, đó là Vô tướng cảnh.

Tâm trụ một duyên, đó là Vô tướng Tam-ma-địa. Hiển Dương luận ghi: "Vô tướng có hai loại là Sở tri và Trí". Sở tri, tức là Sở tri Không cảnh, do cảnh tướng này mà tất cả các tướng không hiện hành. Trí thì nói như trước. Đây là nói trong Không cảnh ở trước, Không tướng của Chân như, các tướng không hiện hành gọi là Vô tướng cảnh, tức là các thủ Uẩn diệt trong luận này, không nói Sở chấp Không gọi là Vô tướng cảnh. Trước đã nói nhân theo chứng kia Không, mà Sở không và Sở chứng không cả hai đều gọi là Không. Luận này chỉ nói Sở chứng Không gọi là Vô tướng cảnh, cho nên cùng với ở trước khác nhau, tức là diệt bốn Hạnh gọi là Vô tướng hạnh.

Hỏi: Bốn Hạnh của Đạo đế không phải Tam đẳng trì, tại sao Vô nguyện Vô tướng nói là tâm Tam-ma-địa, còn Không thì không nói?

Đáp: Vì đây là quán Hữu, xứng làm tâm kia, vì tâm quán Không, tất cả đều khiển trừ, Không không nói là tâm, còn lại hai Hạnh thì nói là Hữu.

Trong "sau đây giải thích kinh kia", văn phân ba đoạn:

1. Giải thích không thấp và không cao.

2. Giải thích Phương tiện và Phương tiện quả.

3. Giải thích hiểu rõ và Công đức hiểu rõ "Vì hai tướng nghịch thuận không tương ưng", là duyên trái với cảnh thì tâm thấp, duyên thuận với cảnh thì tâm cao. Luận này không có hai tướng thì gọi là không thấp không cao.

Lại nữa, hoại Thế đế trái với Tục cảnh gọi là thấp, chấp tâm tồn tại mà lập thuận với Chân cảnh gọi là cao; Vô tướng hạnh lìa cả hai thứ gọi là không cao thấp, đây là chẳng hoại Thế đế, tức là không tư duy

tướng Nhất thiết; không chán, không hoại... gọi là không thấp, đây là đối với Vô tướng giới, vì Chánh tư duy; không thuận với Kiên chấp gọi là không cao.

Trong Phương tiện và Phương tiện quả:

1. Giải thích Phương tiện.

2. Giải thích từ câu "họ lại niệm niệm tự sách tấn tự cố gắng" trở xuống, giải thích Phương tiện quả.

- Tướng là Cảnh tướng. Tướng này có hai loại:

1. Hữu lậu gọi là Tướng, Vô lậu gọi là Vô tướng.

2. Hữu vi gọi là Tướng, Vô vi gọi là Vô tướng.

Nếu y theo nghĩa thứ nhất thì các Hậu đắc trí lấy nghĩa sau hoặc nghĩa thứ nhất làm Bản chất. Hạnh gọi là Vô tướng, Hạnh tức là bốn Hạnh của Diệt, hoặc là bốn Hạnh của Đạo. Nếu y theo nghĩa thứ hai, thì Vô phân biệt gọi là Vô tướng hạnh, ngược lại hai hạnh này thì gọi là Hữu tướng hạnh. "Đây là trong Phương tiện, đối với các tướng kia chưa có thể giải thoát", là tại Hữu lậu vị, chưa giải thoát Hữu lậu tướng, cho nên tùy Tướng thức trong tất cả thời nhiễu động tâm đó, Tâm sở tư trạch này mới có thể nắm lấy được Vô phân biệt trí quả, giải thoát tất cả Tùy tướng của Hữu lậu, gọi là Phương tiện quả, đối với giải thoát này, cũng khéo giải thoát mặc tình mà trụ, gọi là Cực giải thoát, tức là thông với hai vị Hiển liễu quả của Căn bản trí và Hậu đắc trí. Trong Công đức Hiểu liễu, Phiền não Đoạn và Diệt đế, gọi là Hiểu liễu quả. Hiện pháp lạc trụ và Đạo đế gọi là Hiểu liễu công đức, là Sở hiểu liễu của Vô tướng hạnh, tức là bốn Hạnh của Đạo đế cũng là Vô tướng hạnh. Văn trước sau rộng hẹp khác nhau.

Đoạn văn thứ hai, "nếu đối với xứ này không có vật kia...", Tam-ma-địa hạnh, khác Cảnh nhưng đồng Tướng, vì y theo Nhất chân quán thì có đủ ba nghĩa. "Tại sao trong đây trước nói Không tánh...", đây là đoạn thứ ba, giải thích ba chữ "thứ lớp". Có ý muốn hỏi rằng: "Trong bốn Hạnh của Khổ, trước nói Vô thường và Khổ, sau nói Không và Vô ngã, hiện tại trong luận này, trước nói Không hạnh, sau nói Vô nguyện hạnh, lẽ nào không trái nhau"? Luận này có ý đáp rằng: "Trong mười sáu Hạnh, trước nói Vô thường, từ Kiến đạo về trước, trước hết quán Vô thường cho đến Vô ngã, nhập Chân kiến đạo, nương vào Tiền quán này, cho nên trước nói Vô thường sau nói Vô ngã. Sau khi nhập Kiến đạo, ban đầu chứng Vô ngã, sau đó đối với ba cõi mới không có nguyện cầu. Vô thường quán và Khổ quán mới được thanh tịnh", cho nên Đẳng trì này trước hết nói đối với Không, kế đó thuyết minh Vô nguyện, cho

nên hai nghĩa của thứ lớp này không đồng.

Lại hỏi: Tại sao trong luận này trước trình bày Vô nguyện, kế đó nói Vô tướng, như Hiển Dương luận quyển 2 ghi: "Tại sao trước nói Vô tướng, sau trình bày Vô nguyện?"

Đáp: Đây là nói chủ yếu đối với ba cõi, trước hết không có nguyện cầu mới đối với Vô tướng chứng thanh tịnh viên mãn, cho nên trước nói Vô nguyện, sau nói Vô tướng, ban đầu chứng Nhị không vô, tức là đạt Vô ngã hữu, ở sau Không tức là nói Vô tướng, mới khiến cho Vô nguyện viên chứng thanh tịnh. Đây là y theo sau khi Vô tướng viên mãn, sau đó y theo lúc đầu Vô nguyện viên mãn, cho nên không trái nhau. "Ba loại Tam-ma-địa này là các môn phân biệt", là có tám môn phân biệt:

1. Sai biệt: Quyển 73 và Hiển Dương quyển 2 ghi: "Nếu không có sai biệt, tổng nói là Không, Vô nguyện, Vô tướng, thông với chỗ thành của Văn tư tu làm tánh. Hữu lậu vô lậu hoặc Định hoặc Tán thì chỉ có Thiện không phải pháp khác, Gia hạnh không phải Sinh đắc, hoặc nói "Không, Vô tướng, Vô nguyện, Tam-ma-địa", là nói chỉ có chỗ thành của Tu, vì Hữu lậu vô lậu chỉ có Định không phải Tán. Nếu nói "Không, giải thoát môn...", chỉ là Vô lậu chỗ thành Tuệ của Tu, vì không phải Tán văn và Tư.

2. Giải thích tên gọi: Không, là sinh pháp Vô ngã tánh không phải Hữu. Vô nguyện, là không có nguyện cầu. Vô tướng, trong Phật Địa luận quyển 1 ghi: "Lìa mười tướng Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Nam, Nữ, Sinh, Lão, Tử". Kinh Niết-bàn quyển 13 nói có mười ba tướng, là đối với tướng trên thêm ba tướng nữa là Khổ, Lạc và Xả. Nghĩa của Tam-ma-địa thì nói như trước. Giải thoát, có nghĩa là lìa trói buộc, hoặc do duyên giải thoát này mà lìa các Đế phược, hoặc do khởi giải thoát này mà chứng Vô vi giải thoát. Y theo hai nghĩa này cho nên môn của giải thoát gọi là Giải thoát môn, hoặc Thể Vô lậu thì giải thoát tức là Môn.

3. Xuất Thể tánh: Là chỉ lấy Đẳng trì làm Tánh. Tuy Văn tư vị có Đẳng trì kia đồng thời, vì Đẳng trì thù thắng. Hoặc lấy Định Tuệ mà làm Tự tánh, vì trong giải thoát, Định và Tuệ thù thắng, tương ưng với bốn Uẩn, làm quyến thuộc với năm Uẩn.

4. Ba Trí tương nhiếp: Là đồng thời thông với ba Trí, vì thông với Thế trí và Xuất thế trí của Văn tư tu, sau Gia hạnh thì đắc Lý thông của hai Trí. Trong đoạn văn kế trước nói Cảnh đồng mà Hạnh khác, cho nên Căn bản trí cũng có đủ ba hạnh, nghĩa nói riêng ba hạnh, không phải ba hạnh khác thời mà khởi.

5. Mười sáu Hạnh tương nhiếp, lược có tám môn bất đồng:

a) Y Tiểu thừa luận, là Không nhiếp hai hạnh, Vô nguyện nhiếp mười hạnh, Vô tướng nhiếp bốn hạnh. Đây là nói không đối với Hữu vi mà nguyện cầu.

b) Y theo Du-già, trong đoạn văn Hiểu liễu quả kế trước, Không cũng giống như Tiểu thừa trên, Vô nguyện nhiếp sáu, Vô tướng nhiếp tám. Lại nữa, quyển 74 trong giải thích ba tánh, do tánh Biến kế sở chấp mà lập Không giải thoát môn, do tánh Y tha khởi mà lập Vô nguyện giải thoát môn, do tánh Viên thành thật mà lập Vô tướng giải thoát môn. Duy Thức cũng nói, tùy theo tướng mà mỗi mỗi đều có một tướng, Không tướng và Vô nguyện tướng phải biết như kế đó. Lại cũng nói tâm Vô lậu... dung nhiếp hai tánh, vì nhiều duyên mà sinh; nhiếp thuộc Y tha, vì không có nguyện điên đảo, Viên thành thật nhiếp cho nên bốn Hạnh của Đạo cũng thông với Vô tướng.

c) Y theo đoạn văn đầu của luận này, bốn hạnh của Đạo không phải do ba môn nhiếp. Quyển 28 cũng ghi: "Sở tri có hai loại là Hữu và Phi hữu, y theo Phi hữu mà lập Không. Hữu có hai loại: một là Hữu vi; hai là Vô vi. Chỗ trói buộc của ba cõi gọi là Hữu vi, y theo đó lập Vô nguyện giải thoát môn, các Niết-bàn gọi là Vô vi, y theo đó mà lập Vô tướng giải thoát môn, cho nên biết bốn Hạnh của Đạo đế không phải chỗ nhiếp của ba môn. Quyển 55 cũng ghi: "Không nhiếp hai hạnh, Vô nguyện nhiếp sáu hạnh, Vô tướng nhiếp bốn hạnh. Các hạnh của Đạo đế là nhân thanh tịnh, không phải ba môn nhiếp, vì không phải Hữu lậu cho nên không phải Vô nguyện.

d) Y theo Hiển Dương quyển 4 nói, ba môn cũng như trước, quyển 55 nói. Nhưng bốn hạnh của Đạo thông với ba hạnh, luận kia nói, duyên Trí không đạo, làm Đạo như hạnh và Xuất hạnh, đây cũng là Không hạnh; duyên trí Vô tướng đạo, làm Đạo như hạnh và Xuất hạnh, đây cũng là Vô tướng hạnh; duyên trí Vô nguyện đạo, làm Đạo như hạnh và Xuất hạnh, đây cũng gọi là Vô nguyện hạnh. Điều này có ý nói, duyên Không đạo mà làm Không hạnh... tức là Không hạnh, Vô tướng hạnh và Vô nguyện hạnh, cho nên Lý bốn hạnh của Đạo thông với ba môn.

e) Y theo quyển 72, Không nhiếp mười sáu hạnh, là Khổ Tập Diệt Đạo, mỗi mỗi đều có bốn hạnh, đều là Vô ngã. Luận đó nói, tướng trong năm pháp thông với ba loại, vì Chân như chánh trí cũng là Không cảnh. Vô nguyện nhiếp tám hạnh, Khổ và Tập mỗi mỗi nhiếp bốn hạnh, tướng thì thông với ba loại, tất cả Hữu lậu đều không có nguyện. Tên gọi và Phân biệt là Không cảnh và Vô nguyện cảnh. Vô tướng nhiếp bốn hạnh, tuy đối với tướng... cũng có Vô tướng hạnh, nhưng chỉ có

quán Diệt đế, tức là quyển 69 nói, Không giải thoát môn nhiếp tám trí pháp loại, bốn Đế gồm hết Vô sinh, Vô nguyện nhiếp sáu trí pháp loại, Khổ và Tập bao gồm hết Vô sinh, Vô tướng nhiếp năm trí pháp loại, Diệt tận Vô sinh trí.

f) Y theo quyển 86 thì mười sáu hạnh đều là Không hạnh, hai hạnh của Khổ là Vô nguyện hạnh, là Vô thường và Khổ. Bốn hạnh của Diệt là Vô tướng hạnh, luận kia nói, do sức tăng thượng của ba giải thoát môn, kiến lập bốn loại pháp Ôn-đà-nam là y theo Vô nguyện; lập tất cả Hành vô thường, tất cả Hành khổ, là y theo Không; lập tất cả pháp Vô ngã, là y theo Vô tướng; lập Niết-bàn tịch tĩnh, là y theo Tứ lược tập, cho nên khởi nói như vậy, không trái với các môn khác.

g) Không, không phải mười sáu hạnh, vì duyên Nhị ngã vô, không phải duyên Đế. Vô nguyện nhiếp mười hai hạnh, Vô tướng nhiếp bốn hạnh, hoặc Vô nguyện nhiếp tám hạnh, Vô tướng cũng tám hạnh, vì Y tha và Viên thành là Thể của hai môn. Quyển 74 ghi: "Ba giải thoát môn, như kế đó quán Biến kế sở chấp...".

h) Mười sáu hạnh đều thông với ba hạnh: Trong Vô phân biệt trí, nghĩa nói mười sáu hạnh, nghĩa nói ba giải thoát môn, đều nhiếp nhau, tức là các nghĩa này trước đã nói hạnh khác mà cảnh đồng. Duy Thức cũng nói, cảnh giới sở hành của ba giải thoát môn, cùng với ba tánh nhiếp nhau, đúng lý ra thì đều thông, lược nói như vậy, tám đoạn văn không đồng, chỗ mong thì riêng khác, lý không trái nhau, các bậc hữu trí càng xem kỹ các dị văn, phải tùy nghĩa mà giải thích, khỏi nhọc chất vấn.

6. Y theo Địa phân biệt: Hữu lậu, thông với mười một Địa, là cõi Dục. Sơ cận phần và trung gian gồm tám Căn bản định cõi trên, bảy Cận phần thì không phải có quán này, vì hành giải hẹp. Vô lậu thông với mười Địa, trừ cõi Dục ra.

7. Y theo Thân phân biệt. Hữu lậu và Vô lậu có hai mươi sáu hạnh, thông với thân trong ba cõi, đều được khởi.

8. Trùng tam Đẳng trì: Tuy không có văn nói, lý cũng thông với Hữu, nhưng không phải chỉ có Vô học phi thời khởi giải thoát, vì Dị sinh hữu học cũng có thể khởi, không phải chỉ có Hữu lậu thông với Vô lậu, cho nên Hiển Dương quyển 4 ghi: "Bốn hạnh của Đạo đế thông với giải thoát môn, tức là hạnh của Tam đẳng trì trùng duyên, vì là Vô lậu, như lý nên biết". Hiện tại văn của luận này tự trình bày ba thứ Biệt tướng và giải thích nạn hại trước sau không đồng, gồm các môn trước hợp chung lấy mười môn phân riêng. Luận rằng, "chỉ trừ các Tam-ma-địa Vô lậu",

đây là nói do chiêu cảm mà sinh, Tam-ma-địa của các Địa cõi trên, Vô lậu cũng sinh cho nên trừ nó.

Đoạn văn thứ ba, giải thích Tam-ma-địa của Đại thừa và Tiểu thừa. Văn có ba đoạn, trong đoạn thứ ba giải thích Vô lượng, văn có bốn đoạn:

1. Giải thích nghĩa của Vô lượng.
2. Giải thích kinh Tu Vô Lượng Phương Tiện.
3. Giải thích Hành tướng sai biệt của bốn Vô lượng.
4. Giải thích kinh Vô Lượng Sai Biệt.

Đại tâm Tam-ma-địa trong đây, tức là đoạn thứ hai, giải thích kinh Tu Vô Lượng Phương Tiện, trong đó có bốn đoạn:

1. Tổng trình bày kinh.
2. Giải thích nghĩa Vô lượng Tam-ma-địa...
3. Giải thích nghĩa Thắng liệt chỉ có hai...
4. Giải thích Quang minh sai biệt của hai Định đầu.

Vô Lượng, tức là Đại tâm, Tiền phương tiện gọi là Đại tâm, sau khi thành mãn thì gọi là Vô lượng. “Tưởng quang minh của chư Thiên sinh thắng giải...”, đây là nói Bồ-tát v.v... trước đắc Sơ định, muốn khiến cho cực tịnh bốn Vô lượng Mãn mà càng tu nhân này. Từ câu “mới tu thì Quang minh sáng khắp được một tàng cây” trở xuống, gọi đó là Liệt, sau đó cho đến biên tế của Đại địa, Đại hải, thì gọi đó là Thắng.

Trong đoạn thứ ba giải thích nghĩa Thắng liệt chỉ có hai v.v... có bốn loại: Giải thích Tác ý được thành chỉ có hai, là tùy theo Thắng giải mà phân đồng thi thiết, thắng giải phân đồng như một tàng cây mà khởi ý thi thiết thì gọi là Liệt, cho đến biên tế của đại hải, khởi ý thi thiết thì gọi là Thắng, như vậy triển chuyển cho đến một châu thì gọi là Thắng, đều do Thắng giải thi thiết phân đồng hai phần, vì Tác ý (khởi ý) là hai phần cho nên Định thành chỉ có hai, vì Định thành chỉ có hai cho nên chỗ chiêu cảm quả pháp hạnh của đoạn thứ ba thành chỉ có hai, vì Hạnh thành chỉ có hai cho nên đoạn thứ tư đối với thi thiết hữu tình đang đắc quả, thắng liệt thành hai thứ.

Trong Vô lượng hành tướng sai biệt thứ ba, như trong kinh Bồ-tát Tạng quyển 7, kinh Niết-bàn quyển 15, kinh Thập Địa quyển 5, Du-già quyển 34, Hiển Dương quyển 4, Đối Pháp quyển 13, Phật Địa luận quyển 5 v.v... giải thích, đến Bồ-tát địa thì thuyết minh rộng nghĩa của Môn.

Trong ba loại hữu tình, Biệt khởi làm hai loại đầu, Tổng duyên làm một loại sau. Đối với không Khổ không lạc, thì ban cho Lạc tác ý,

là ba loại Từ bi và Hỷ, như thứ tự phối hợp. “Tổng đối với ba loại hữu tình này muốn ban cho Lạc để khởi Dục, khiến cho hữu tình kia không ưa thích tư duy ngưỡng mộ, không có Tác ý nhiễm ô ...”, đây là giải thích hành tướng của Xả, tức là lấy ba hữu tình trước làm cảnh.

Hữu tình không Khổ không Lạc, vì Si tăng thượng, phần nhiều ưa thích tư duy ngưỡng mộ Khổ tập của sinh tử, mê đối với cảnh giới, vì trước đã ban cho Lạc rồi, cho nên bây giờ muốn khiến cho hữu tình kia không nên ưa thích tư duy ngưỡng mộ, mê say Khổ tập của sinh tử, vì xả Si của hữu tình đó.

Hữu tình có Khổ, phần nhiều sinh Sân khuể, trước bạt trừ Khổ rồi, bây giờ muốn khiến cho hữu tình kia không sinh Sân khuể.

Hữu tình có Lạc, phần nhiều sinh Tham dục, trước kia không sinh tật đố, vui thích sự không lìa đó, vì muốn khiến cho kia không khởi Tham dục, đối với ba loại hữu tình, khuyên xả bỏ ba loại mà khởi Tác ý không nhiễm ô này, quyển 44 ghi: “Bồ-tát ngay tại ba loại hữu tình Vô khổ Vô lạc, Hữu khổ và Hữu lạc, tùy thứ tự của nó mà phát khởi xa lìa Hoặc tăng thượng Ý lạc của si sân tham, duyên rộng đến mười phương, gọi đó là Xả. Hiển Dương luận ghi: “Từ lấy Vô sân, Bi lấy Bất hại, Hỷ lấy Bất tật”. Kinh Niết-bàn cũng ghi: “Từ trừ Sân đoạt mạng, Bi trừ Sân đánh đập, Hỷ trừ Bất lạc”. Đại Trí Độ luận ghi: “Ba loại trước lấy Vô sân làm Thể”, cùng với luận này đồng, vì đều là Tánh vô sân. Kinh Niết-bàn cũng ghi: “Từ đoạn Tham dục; Xan, Lạc và không cho gọi là Tham dục, duyên với Lạc của tự mình mà sinh; đoạn mạng của chúng sinh gọi là Sân”. Luận này nói, không đoạn mạng gọi là Vô sân, Vô sân duyên với Lạc mà sinh, Vô sân duyên với hữu tình mà khởi, cho nên người tu Từ quyết định đoạn tham sân. Quyển 11 trước cùng với Hiển Dương luận và kinh Niết-bàn đều nói xả trừ Tham dục và Sân khuể, lấy Vô tham Vô sân làm tánh. Dưới đây quyển 14 nói xả trừ Tham dục, Đại Trí Độ luận nói tức là Vô tham, cho đến quyển 34 nói ba thiện căn làm tánh. Đại Trí Độ luận v.v... nói: “Y theo duyên xả Lạc của chính mình mà thí cho người khác, cho nên Thể là Vô tham”. Kinh Niết-bàn cũng ghi: “Tự xả Lạc của chính mình mà thí cho người khác, gọi đó là đại xả”. Hai pháp thuận nghịch sinh khởi, phần nhiều là khởi Tham và Khuể, cả hai bình đẳng khuyên trừ, tướng tăng trưởng thêm gọi là Xả. Knh Niết-bàn v.v... ghi: “Hai pháp làm tánh, pháp giới hữu tình tổng làm ba tụ, bình đẳng hành Xả, cho nên lấy ba thiện mà làm tự tánh, mỗi mỗi kinh luận đều căn cứ theo một nghĩa, lý không trái nhau.

Đoạn văn thứ tư, “kinh nói lấy Từ đồng thời với hành tâm...”, đây

là giải thích sai biệt của bốn Vô lượng, văn kinh có ba đoạn:

1. Giải thích thông với các kinh.

2. Vấn đáp phân rõ, nhân đó riêng giải thích kinh.

3. Kết thành Thánh hạnh.

Đoạn văn thứ nhất có mười câu Lợi ích và An lạc. "Tất cả vô lượng chỗ hiển thị", là trong bốn Vô lượng đều có hai câu, quyển 44 ghi: "Ba An lạc đầu và một Lợi ích sau", là luận đó nói ba An lạc đầu và hiện tại lợi ích của thế gian đều gọi là An lạc, một câu Lợi ích sau cùng với lợi ích sau khi xuất thế đều gọi là Lợi ích, cho nên có hai sai biệt. Luận này thì y theo bốn loại đồng thời có thể bạt khổ ban cho Lạc, đều thông với có thể ban cho đại quả và tiểu quả của phước trí, đều gọi là lợi ích, không có kẻ oán đối địch và không có não hại, ý nghiệp, ngữ nghiệp và thân nghiệp, như thứ tự mà phối hợp. Trong vấn đáp nhân theo đó giải thích kinh, luận này nói bốn Vô lượng là ba Thừa và ngoại đạo tu chung, chỉ y theo bốn Tĩnh lự của cõi Sắc, vì hành tướng rộng hơn. Từ thì nhớ nghĩ Định thứ ba, Bi thì nhớ nghĩ Không xứ... mà tu tập, không phải nhập các Định của Không xứ... mà tu bốn Vô lượng. Hoặc các Bồ-tát và Thanh văn quảng tuệ, y theo chỗ thấy sắc và tâm mà hiểu rõ tất cả pháp, thì tu bốn Vô lượng lý tuy không ngăn che, nhưng chưa thấy thuyết đúng thật. "Tâm Vô lậu địa của Vô sở hữu xứ biên tế sau cùng", đây là y theo minh lợi đoạn Hoặc vô lậu. "Không phải Du quán", vì thông với Hữu đảnh. "Như vậy tất cả đều là Thánh hạnh...", đây là y theo thù thắng hạnh, chỉ có Thánh mới có thể tu, nếu là người Vô lậu thì Giác phần đồng thời hiện hành, nếu là người Hữu lậu thì Nhị thừa đồng khởi. Giác phần trước và sau, có Dụng đồng thời hiện hành dẫn Giác phần và Giác phần dẫn, do đây cũng gọi là Thánh hạnh.

Trong Nhất phần tu và Cụ phần tu, văn có hai đoạn:

1. Giải thích riêng hai tu.

2. Giải thích Định và Nạn.

Nhất phần tu là tư duy tướng quang minh, như giải thoát thứ nhất tư duy sắc tướng, như giải thoát thứ hai thì tư duy đủ cả hai, như khi tịnh giải thoát chưa thành mãn. Văn giải thích Định và Nạn có hai đoạn:

1. Nêu.

2. Giải thích.

Văn giải thích có ba đoạn:

1. Vấn đáp Nạn.

2. Từ câu "trong đây tối sơ" trở xuống, giải thích mười một tướng Nạn.

3. Từ câu “Như vậy các nạn” trở xuống, kết thành tướng Chướng.

Nhân duyên, là nhân sở y của Định, duyên sở y của Định, tức là tu Định phương tiện...

Mười một Nạn:

1. Nghi sinh điên đảo nạn. Đối với tướng quang minh không khéo hiểu biết, chính là Giác thì liền có Nghi, vì mới thấy quang minh mà không khéo hiểu biết, đây là quang gì, sinh ra từ đâu, cho nên nghi ngờ điên đảo.

2. Từ câu “phương tiện chậm cho nên có bất tác ý” trở xuống, là Bất dục tác ý nạn, vì Bất dục tác ý quán quang minh tướng của Định cảnh trước, cũng gọi là Vô niệm định tướng nạn.

3. Từ câu “do không khéo gìn giữ căn môn...” trở xuống, là thô trọng Thuỳ miên nạn, cũng gọi là Tham v.v... phiền não nạn. Vì không gìn giữ căn môn cho nên dong ruổi tán loạn, thân khởi thô trọng, phần nhiều huân tập Thuỳ miên, hoặc do không gìn giữ căn môn, mà sinh các Hoặc của Tham...

4. Từ câu “mê hoặc nhiều giác ngộ thì liền tăng thêm Thuỳ miên...” trở xuống, là Đa sinh tư giác nạn, cũng gọi là Bất định nạn. Do nhiều tư duy giác ngộ mà tăng thêm hiện hành Hôn trầm Thuỳ miên, vì không thấy nhiều sắc quang minh của Định cảnh, niệm Thuỳ miên tăng trưởng, vì thấy nhiều sắc.

5. Từ câu “làm cực tác công dụng của hai sự này...” trở xuống, là tăng giảm Bất đẳng nạn, vì Lực tinh tấn thái quá thì liền không thông đạt, Thoái chuyển sinh mệt nhọc, chỗ muốn không thành, cũng như người bắt chặt và buông lỏng chim anh vũ, như nắm bắt nước và loài chim bay, nếu bắt chặt thì chim ngạt thở, nếu buông lỏng thì chim bay đi, tánh bồng bột trì trệ đó rất mệt nhọc, riêng lấy nó để làm thí dụ.

6. Từ câu “do tướng quang minh của Tư tâm...” trở xuống, là Thô sinh hỷ dược nạn, là quang minh của Tư tâm càng thấy sắc, quang minh và sắc đồng thời đều thấy, mong một mà được hai, cho nên sinh Thô hỷ.

7. Từ câu “các phương rực rỡ đều thấy...” trở xuống, là Biến sinh bố uý nạn, chợt thấy gió lốc quanh thân khắp sinh hoảng hốt, khắp thấy các tướng bất tường mà sinh kinh sợ.

8. Từ câu “người kia khi tu hành hoặc khi trụ lại...” trở xuống, là Dị cảnh tướng sinh nạn.

9. Từ câu “hoặc lại nhân theo chỗ tu tập Định...” trở xuống, là

Hữu mạn tưởng khởi nạn.

10. Từ câu “hoặc nhiều ngôn luận, hoặc Tầm Tư lâu” trở xuống, là Đa ngữ tầm tư nạn, vì lấy ngôn ngữ làm nhân, vì có nhiều Tầm Tư, cho nên thân mệt nhọc khởi, gọi là Đa ngôn nạn.

11. Từ câu “hoặc lấy Định mà sinh tướng của quang minh...” trở xuống, là Cánh tư dị cảnh nạn, cũng gọi là Bất thủ định tướng nạn.

Thành Thật luận quyển 22 trước, phẩm Định nạn cũng nói mười một nạn, danh tự, thứ tự, thể tánh và hành tướng cùng với luận này có chút ít khác nhau, phải biết nghĩa phối hợp.

Trong phần Kết, “tuỳ chỗ thích ứng của nó mà chướng và tướng Nhân duyên”, là chướng các cảnh của quang minh và sắc... gọi đó là chướng Sở duyên; chướng tu phương tiện, gọi đó là chướng nhân duyên, căn cứ theo Tư như trước.

Đoạn văn thứ năm, ba Thọ đồng thời với Định, tùy theo Địa kia tăng mà các Địa khác tự nó Phi hữu.

Đoạn văn thứ sáu, trong bốn tu Định, “ban đầu đắc Hiện pháp lạc trụ trong Phương tiện đạo”, bốn Căn bản tĩnh lự, gọi là Hiện pháp lạc trụ, vì đắc Trụ này cho nên tu Cận phần định. Lại nữa, Căn bản địa chưa viên mãn thanh bạch, cho nên tu các Căn bản định khiến cho được viên mãn, lấy chung thiện định của Hữu lậu và Vô lậu làm Thể.

“Vì hiển sự tu tập chưa từng đắc Định...”, đây là giải thích câu vấn nạn các bốn Cận phần định và Căn bản định đều là mới tu Định, tại sao trong kinh chỉ nói Tiền phương tiện đạo của Sơ tĩnh lự”. Hiện tại giải thích câu này, để hiển tu tập chưa nhập mà đã từng đắc Định, vì Hiện pháp lạc trụ ban đầu chưa từng đắc, hoặc tu ba Địa của cõi trên đã từng đắc chủng loại, cho nên lược bỏ không nói. Câu-xá quyển 20 ghi: “Nêu pháp trước để hiển pháp sau”, đúng lý ra là thông với các pháp khác. “Phải biết đây là tại chỗ có tu Định của Tiền phương tiện đạo có thể phát khởi Thiên nhãn”, đây là tu Định thứ hai, chỉ lấy bốn Căn bản địa tu Thiên nhãn thông, chỗ có tu Định của Gia hạnh đạo và Vô gián đạo trước, các Đạo này thông với Hữu lậu và Vô lậu phải biết. “Có thể danh tự của chư Thiên như vậy...”, y theo Thú thù thắng mà nói, thật ra là thấy chung các Thú, Hữu cho đến rộng nói. “Chỗ có tu Định trong Phương tiện đạo của Đế hiện quán Dự lưu quả hướng”, Dự lưu quả hướng là Chân kiến đạo và Tướng kiến đạo, mười lăm tâm trước đều gọi là Phân biệt tuệ, vì đắc Dự lưu quả hướng này. Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp, chỗ có tu Định trong Gia hạnh đạo là tu thể của Dự lưu hướng quả này, chỉ là Hữu lậu làm tánh. “Hoặc vì tu tập các Vô ngại

giải", chính Vô ngại giải đó gọi là Phân biệt tuệ, y theo bốn Tĩnh lự... mà tu Phương tiện định này, là thể của tu Định này. "Thông với Hữu lậu và Vô lậu, là chỗ tu Định trong Phương tiện đạo của quả A-la-hán", là quả A-la-hán, các Lậu đã tận, Kim cương dụ định và Gia hạnh đạo, làm thể của tu Định này. Trong đây tu Định thứ ba cùng với Tiểu thừa khác nhau, Tiểu thừa kia nói tu các Gia hạnh thiện của ba cõi, đắc Phân biệt tuệ, thể của Phân biệt tuệ thông với Văn tư và Tu cho nên thành sai biệt. Hiện pháp lạc trụ của quả Sơ tu định, trong tám Định rất thù thắng, cho nên riêng nói đắc Định này mà lập Sơ tu định. Năm thần thông ở trước, Phàm thánh đều đắc, Thắng tri và Thắng kiến chỉ thuộc Thiên nhãn, vì dẫn sinh thù thắng, để đắc các pháp này mà riêng lập tu Định, mới nhập Thánh vị thì chỉ có Dự lưu hướng, quả đó viên mãn thì chỉ có A-la-hán, để đắc thắng quả hai thời trước sau mà riêng lập Tu định thứ ba và thứ tư. Quả A-la-hán tức là Lậu tận thông, tuy là Hướng của một quả Nhất lai và Bất hoàn, cũng có mới đắc gọi là Siêu quả, nhưng không phải quyết định, cho nên lược bỏ không nói.

Đoạn văn thứ bảy, trong Tam-ma-địa của năm Thánh trí có ba đoạn:

1. Nêu dẫn kinh.
2. Trình bày năm trí.
3. Riêng giải thích kinh.

Tự thể trí, là thuyết minh tự thể của Vô lậu trí. Bổ-đặc-già-la, là chỗ đắc của Thánh nhân, không phải chỗ thành của Phàm phu, trí này phỏng theo nhân loại, gọi là Bổ-đặc-già-la trí. Thanh tịnh trí, là vì trừ phiền não cho nên lậu không thể làm lậu. Quả trí, là Hiện pháp đắc lạc trụ, vì tương lai sẽ đắc Niết-bàn. Nhập xuất định tướng trí, là khéo nhập Định và xuất Định, vì không có quên mất.

Trong riêng giải thích kinh, có mười bốn câu, ba câu Thánh, Vô nhiễm, Vô chấp, là Tự thể trí, không phải chỗ tiếp cận của Phàm phu, là chỗ khen ngợi của bậc thông duệ. "Các bậc thông duệ đó đồng Phạm hạnh", đây là ba câu Thường, không quở trách và hủy báng, là Bổ-đặc-già-la trí. Tịch tĩnh, Vi diệu, Đắc an ẩn đạo và chứng Nhất tâm thú, bốn câu là Thanh tịnh trí. Hiện tại an lạc và Hậu lạc dị thục hai câu là Quả trí. Chánh niệm mà nhập và Chánh niệm mà xuất hai câu, là tướng trí của nhập định và xuất định. "Chứng tâm Nhất thú, là vì đã đắc Vô tầm địa và Vô từ địa", căn cứ theo đắc Mãn trí vị, thì đây là Hậu lạc của Vô lậu định. Nói Dị thục, là gần thì trợ giúp đắc quả Dị thục, xa thì đắc Niết-bàn, mượn tên Dị thục để gọi chung cho Dị thục trí, Thể là Nhất

hạnh tướng phần có năm thứ, trước nói năm hạnh tướng trí, chỉ có Thiện vô lậu, gọi là năm Thánh trí, Thành Thật luận quyển 19 có thuyết minh rộng trí này, dẫn kinh có khác chút ít, nghĩa thì không trái nhau.

Đoạn văn thứ tám, năm chi Tam-ma-địa của Thánh, trong bốn Tĩnh lự, Định của chư Hiền thánh, mỗi một Định phân làm bốn, quán sát an lập đoạn trừ kết phược, tất cả Thánh định làm chi thứ năm. Trong Thành Thật luận, Tứ thiền hợp chung làm ba chi, Hỷ tướng của Sơ thiền và Nhị thiền đồng làm một chi, Đệ tam thiền lấy Ly hỷ lạc làm một chi, Đệ tứ thiền lấy Thanh tịnh tâm làm một chi, y theo ba chi này có thể sinh Minh tướng và Quán tướng. Minh tướng đó cùng với Quán tướng làm nhân, có thể phá hoại năm Ấm, quán năm Ấm không cho nên gọi là Quán tướng, đây là y theo bốn Định mà riêng khởi Nhân không quán và Pháp không quán phân làm hai chi. Năm Quán này có thể đến Niết-bàn gọi là Thánh, văn phân ba đoạn:

1. Nêu năm chi tổng dẫn kinh.
2. Trình bày riêng kinh giải thích năm chi.
3. Vấn đáp về Định tướng của năm chi.

Trong trình bày riêng kinh giải thích năm chi, giải thích chi thứ nhất có mười sáu câu, sáu câu đầu thuyết về Pháp, mười câu kế đó thuyết về Dụ. Trong Pháp thuyết thứ nhất, Ly sinh hỷ lạc một câu, các Tĩnh lự bất đồng, ngoài ra có thể thông với Hữu. Định sinh hỷ lạc là đã lìa Hỷ lạc thanh tịnh tĩnh lự, vì đó là tánh sai biệt của bốn Tĩnh lự, như trước đã giải thích, vì năm câu còn lại có thể có chung. Từ đây về sau trong các chi lại không có pháp thuyết, chỉ giải thích Dụ thuyết có khác nhau. "Ví như tuệ sáng suốt có thể tắm gội con người, hoặc các đệ tử kia...", là sự tắm gội của Ấn Độ, có tắm gội cho người, thầy và đệ tử, cho nên lấy làm thí dụ. "Khí vật bằng đồng, bằng sành, vỏ sò...", là thí dụ vì lìa Dục mà sinh Hỷ lạc. "Giáo thọ và giáo giới", là như khi tắm gội thì lấy vật dụng bằng đồng đựng nước tro, bột đậu, bột tắm gội, đây là lấy ngôn giáo cũng như các khí vật kia, Sở thuyên của giáo có thể thuận theo khí vật kia mà ra khỏi Tầm... Các Thiện tịnh hạnh như bột đậu, bột mộc dục kia, tức là Vô gián đạo; dùng nước tắm rửa tức là giải thoát đạo, là Tầm thanh tịnh. "Mộc dục bác", là Ấn Độ khi tắm gội xong, dùng quả cam cắt nhỏ, phơi khô làm thành bột, lấy mè tươi và dầu thơm hoà nhau, khiến cho thành sáp trơn không cứng không mềm, mới lấy thoa lên thân, để lấy sự thơm khiết trơn láng của nó, cho nên Mộc dục bác tức là bột cam khô, đây là thí dụ hành giả chưa đắc Định trở về trước, đang khô khan và thô trọng. "Liên đới với nhựa trơn", là

thí dụ Hỷ; hoà hợp dầu thơm và mè, là sau khi Định, là Hỷ tươi nhuận thân như lấy dầu hoà vào.

Thí dụ thứ hai có sáu câu. Núi có nghĩa là cao, vì xuất Sơ thiền. Đỉnh nhọn là đến Nhất vị. Thắng giải, là núi cao đỉnh nhọn chỉ có một ngọn. Trong Định thứ hai chỉ có Nhất ý môn, lìa ngoài các cảnh tán loạn của Tầm tứ. Suối là thí dụ cho các tịnh trong ngoài... lưu xuất các nước Hỷ lạc, bên triền núi lưu xuất dòng nước to như trục xe, cho nên gọi là trục nước. Trên suối nước chảy vọt lan tràn sợi nước to như sợi dây kéo múc nước cho nên gọi là dây nước, Hỷ thấm nhuần như trục nước, Lạc thấm nhuần như dây nước, thấm nhuần tương ưng Ý như "lưu xuất bên triền núi". Kế đó là năm căn, như trên nói chảy vọt lan tràn, cho nên lấy thí dụ "vọt" và thí dụ "tràn" nói trên.

Trong thí dụ thứ ba, từ câu "nước thí dụ lìa Hỷ không có Tầm tứ", cho đến "thí dụ hoa thai tạng đặt trong nước", câu này có ý hiển thị Định thứ hai như "nước", nhân theo Hỷ dao động vọt lên như hoa sen vọt lên mặt nước, hoa thí dụ cho Hỷ. Định thứ ba này lìa Hỷ, không có Tầm tứ cũng như nước, Lạc của nó cũng như nụ hoa thai tạng chưa nở, còn trong nước thì gọi là hoa thai tạng, cùng với Định thuận nhau không dao động vọt lên, cũng như hoa trong nước.

Trong thí dụ thứ tư, có năm câu, "siêu vượt tai hoạ", là tám thứ tai hoạ, là Tầm, Tứ, bốn Thọ và hai Tức (thở ra vào), trong hợp chung bốn câu, thứ tự phối hợp như trước. "Tám kinh, chín kinh lấy làm thí dụ", là Ấn Độ dệt vải chồng nhiều lớp, dùng tám sợi tơ và chín sợi tơ làm một sợi dọc khi dệt chồng nhiều lớp, nhiều lớp đó khít chặt, như vậy mới làm thành tấm vải, bốn tấm năm tấm mới có thể khít chặt. "Vì trong sạch trắng tươi", như chiếc áo dầy, có thể chịu đựng được nóng lạnh... các thứ khổ. "Vì sự khắp giáp của nó", như nơi chỗ không có sương mù, tất cả chỗ tán động không thể xâm phạm.

Trong thí dụ thứ năm, từ câu "đối với Sở quán ân cần thành khẩn... giải thích như trước", là quyển trước trong ba mươi hai tướng, quán sát tướng thứ hai mươi, câu "chư pháp thuyết", là có Bí-sô ân cần thành khẩn, khéo lấy tướng đó mà quán sát; câu "Dụ thuyết", là đứng thì quán đối với ngồi, ngồi thì quán đối với nằm, hoặc Hành sau quán sát Hành trước, cho nên thuyết này nói quán sát kỹ các Hành trong ba đời, đối với Năng quán sát cũng lại quán sát. Bốn Tĩnh lự trước, phân làm bốn chi, chi thứ năm này là đối với chi Năng quán ở trước lại càng quán sát kỹ, Sở quán sát này tức là Hành của ba đời, ngay tại tiền Hành mà quán tiền Hành, là quán lại ba vị, hoặc bốn chi trước tuy đã quán sát, nhưng

chi này lại càng quán sát kỹ hơn cảnh của ba đời kia, đối với Sở quán sát của Tiền năng quán sát, lại còn quán sát sau nữa. Thuyết dưới đây nói y theo quán sát kỹ duyên khởi, vì duyên pháp trong ba đời. Lại nữa, vì đoạn trừ cõi Vô sắc và kết phược khác mà kiến lập thí dụ thứ năm.

Đoạn văn thứ chín, trong Hữu nhân, Hữu cụ, Thánh, Chánh tam-ma-địa, văn có ba đoạn:

1. Hỏi.

2. Phân rõ tướng.

3. Từ câu "trong đây do tuệ làm dẫn đầu" trở xuống, giải thích nguyên do sinh khởi thứ tự trước sau.

- Phân rõ tướng có ba đoạn:

1. Giải thích Thánh.

2. Giải thích Hữu nhân Hữu cụ.

3. Giải thích Tam-ma-địa. Từ câu "nếu trong lúc đó xả Tà kiến..." trở xuống, là đoạn thứ hai, có ba đoạn:

a. Trình bày tên Nhân cụ.

b. Giải thích nguyên nhân của Nhân cụ.

c. Từ câu "Chánh kiến..." trở xuống, giải thích tướng của Nhân cụ.

Theo tám Đạo chi, sau Kiến đạo vị, hoặc trước Kiến đạo vị, tuy gọi là Chánh kiến... nhưng không phải là Đạo chi, tuy có Hành tướng kia, nhưng chưa được kiến lập, đến Tu đạo vị mới được tên Đạo chi. Hiện tại Sinh vị cũng gọi là Chánh kiến... các Kiến đạo vị... của nó tuy không lập Đạo chi, nhưng Thánh chánh Tam-ma-địa thì Đạo chi vị kia liền có, Chánh kiến... đối với Đạo chi kia cũng thành, nhưng do Chánh kiến dẫn Định trợ Định, hai vị Chánh kiến và Chánh định đều được tên chung là Nhân cụ, các chi còn lại thì không như vậy. "Niệm này tức là Tam-ma-địa phần...", phần có nghĩa là nhân, là chỗ sinh nhân của Tam-ma-địa. Phần có nghĩa là loại, là phần loại tương tợ của Tam-ma-địa. Niệm này đồng thời cũng có Chánh tam-ma-địa, nhưng chưa phải là Thánh chánh, sau khi có thể đoạn, có thể viên mãn thì mới gọi là Thánh chánh, vì Niệm đồng thời có Định cho nên nói kiêm luôn cũng là Kim cương dụ định. Nhị thừa y theo theo chín Địa, sáu Địa của cõi Sắc và ba Địa của cõi Vô sắc, Bồ-tát thì chỉ có Tĩnh lự thứ tư. Duy Thức có hai nghĩa:

1. Tĩnh lự này hiện tiền là đã đắc bốn trí, các Chủng tử của Hoặc thô trọng đã đồng thời xả.

2. Lúc này Dị thục thức đang ở tại Giải thoát đạo vị, bốn trí mới

khởi, rộng như Duy Thức kia nói.

Trong giải thích riêng Tông yếu của các kinh, có ba đoạn. Trên giải thích Giải thoát, Đẳng trì đã xong, từ đây trở xuống giải thích Đẳng chí. Trên trình bày có sáu đoạn, văn sau đây phân làm bốn đoạn:

1. Dẫn các kinh đã nêu.
2. Giải thích nghĩa Hiện kiến và Đẳng chí.
3. Nêu ra Thể tánh tổng và lược.
4. Giải thích riêng Hành tướng.

"Chỗ đoạn phiền não, chế phục và đối trị của Tu đạo", là Hiện kiến Đẳng chí ban đầu. "Đoạn diệt đối trị", là Đẳng chí thứ ba. "Quán sát đoạn", là ba Đẳng chí sau, cùng với tông của Tiểu thừa không đồng. Tông kia nói: "Một là quán ba mươi sáu vật của tự thân, các thứ đều là bất tịnh. Hai là trừ bỏ thịt da.. chỉ quán xương trắng. Hai quán trên đều thông với chỗ đắc của phàm và Thánh. Ba là quán bộ xương của thân, Thức hiện hành trong đó, cũng trụ đời hiện tại, cũng trụ đời vị lai, tức là hai quả đầu, vì chưa lìa Dục. Bốn là quán bộ xương của thân, Thức hiện hành trong đó, không trụ đời hiện tại, chỉ trụ đời vị lai, tức là quả Bất hoàn, vì đã lìa Dục. Năm là quán bộ xương của thân, Thức hiện hành trong đó, không trụ đời hiện tại, không trụ đời vị lai, tức là A-la-hán, vì Lậu đã tận". Hai quán đầu gọi là Hiện kiến, ba quán sau là do chỗ khởi của Hiện kiến duyên nó, cho nên cũng gọi là Hiện kiến. Luận này thì không như vậy, cả năm quán đều là Thánh đắc, vì thân cận quán sát rõ ràng cho nên gọi là Hiện kiến.

Hai quán đầu, luận có hai loại giải thích:

1. Loại thứ nhất: Quán Bất tịnh thứ nhất, chính là Niệm trụ, lấy phương tiện niệm trụ mà làm y chỉ. Quán Bất tịnh thứ hai, tức là Hậu niệm trụ, lấy Niệm trụ thứ nhất làm y chỉ. Đây là phỏng theo Sở y, Gia hạnh căn bản duyên khởi sai biệt mà hiển hai quán Bất tịnh, ban đầu duyên Bất tịnh, sau đó quán xương người. Tối cực thông đạt, là xanh, sình... quán, đây là nói quán xương trắng, là nghĩa Tối cực thông đạt trong quán Bất tịnh, là xanh, sình... sau đó tuần tự đến cuối cùng, vượt qua quán nghĩa của Tham...

2. Loại thứ hai: Một là quán Bất tịnh quán sát nội thân. Hai là quán Bất tịnh thông đạt pháp tánh. Đây là y theo sự lý của cảnh giới Sở duyên cạn sâu mà duyên khởi khác nhau, hiển hai quán Bất tịnh. Trong Căn bản quán, Bất tịnh cảnh và tánh là hai loại riêng khác, do đó trước nói đoạn diệt đối trị. "Quán thức lưu chuyển", là giải thích Quán sát đoạn ở trước, tức là ba quán sau, nói quán các Thức đoạn và chưa đoạn.

"Quán sát Thức này sinh diệt tương tục", là câu tổng quát, hoặc quán sinh thân, hoặc quán sát-na, hai loại Thức chuyển.

Từ đây trở lên là tổng giải thích nghĩa Quán sát đoạn, từ câu "quán sát Hữu học chưa lìa Dục" trở xuống, là giải thích ba Đẳng chí. Đồng thời trụ hai đời, là Thức hiện tại và Thức vị lai, vì đồng thời có trói buộc. Chỉ trụ đời khác, vì chỉ có Thức đời vị lai có trói buộc. Đồng thời Vô sở trụ, là vì hai đời không có trói buộc.

Trong Vô tưởng đẳng chí, "nói trong Sinh này cũng nhập cũng khởi", là nhập Vô tâm, khởi Hữu tâm, đây là nói đối với Định, dưới đây nói đối với quả. Nếu Sinh đối với Định kia chỉ có nhập mà không có khởi, là chỉ có Thức thứ bảy, lược có hai giải thích:

a. Khi mới sinh thì Vô tâm, vì Trung hữu chưa có tâm, cho nên nói chỉ có nhập.

b. Khi mới sinh Hữu tâm, sau đó trụ Vô tâm, cho nên gọi là nhập.

Nếu không như thế thì khi mới sinh chưa khởi tâm, tại sao gọi là nhập? Trước thì có, sau đó thì không có mới gọi là nhập. Tưởng của nó nếu sinh từ chỗ chìm mất, thì chỗ chìm mất kia có hai thuyết:

a. Mạt hậu vô tâm: Nếu từ chỗ đang chìm mất kia, thì cũng chưa có tâm, không khởi tâm nhuận sinh... cho nên Trung hữu của cõi dưới khi mới sinh gọi là Tưởng, nếu sinh thì liền từ chỗ đã chìm mất kia.

b. Mạt hậu hữu tâm: Nếu Tưởng của nó sinh, tâm nhuận sinh dấy khởi thì gọi là từ chỗ chìm mất kia. Các môn khác cũng như Duy Thức, quyển 53, Đối Pháp luận quyển 2, Hiển Dương luận quyển 1...

Trong giải thích Diệt định, "đã lìa Dục của Vô sở hữu", là đoạn và chưa đoạn, vì cần phải chế phục xong nhiễm ô của cõi dưới. "Người y theo Diệt tận tưởng mà nhập Định, cũng lại như vậy", là trước đã chán xả tâm, thì tâm liền tịch diệt. "Y theo người mới tu", là chưa chứng đắc Tự tại. Luận này thì tùy ý tác khởi hành tướng của Phi tưởng xứ, các Hữu tưởng tâm tùy ý diệt tận, cùng với trước tương tợ. Trước nói cũng vậy, là người tu lâu thì mặc tình tùy ý mà thành, hoặc mới duyên hạnh Hữu vi, chán xả tưởng tâm, sau đó duyên hạnh Vô vi, chán xả tưởng tâm, nghĩa chán xả đồng nhau, cho nên nói "cũng vậy". Luận này có hai loại, là khi hành và khi trụ phân đồng. Sơ định có bốn Thức thân, trên tâm duyên bên ngoài, như người ra ngoài, cho nên nói khi hành, lúc này ba hạnh cũng còn tồn tại. Hiện tại nói thứ tự hai Định trở lên, tâm không duyên bên ngoài, như ở trong nhà, gọi là khi tru. Diệt ba loại hạnh, thì hai Định diệt ngữ hạnh, bốn Định diệt thân hạnh, Diệt định diệt

tâm hạnh, cho nên nói thứ tự diệt ba loại hạnh. Thứ tự khởi, là y theo người chưa Tự tại mà nói như vậy. Đắc tự tại vị, như văn trước đã nói, tùy ý có thể nhập vượt qua tất cả Địa. “Tuỳ ý có thể nhập...”, là tuy có kỳ hạn mong cầu, luận này nói không có kỳ hạn mong cầu. “Xuất định duyên ba loại cảnh, tiếp xúc ba loại Xúc”, là y theo chưa tự tại, nghĩa chủ yếu là thứ tự, lấy Định tâm xuất định, tiếp xúc với Bất động xúc là Không đẳng trì, tiếp xúc với Vô sở hữu xúc là Vô nguyện đẳng trì, tiếp xúc với Vô tướng xúc là Vô tướng đẳng trì. Y theo Tự tại, là siêu vượt tất cả Địa, tùy chỗ khởi Định của nó mà hoặc định hoặc tán, duyên sự duyên lý, duyên trong duyên ngoài, xúc với ba thứ Xúc. Thể của ba Hữu bên trong gọi là Hữu cảnh, sáu Trần bên ngoài gọi là Cảnh cảnh. Do nhập Định mà chiết phục tâm rồi, thì phiền não bất động, ba Căn không nhiễu loạn, không phải chỗ loạn của tướng, chỉ lấy thiện tâm mà xuất Định. Hiện tại xem xét ý văn, phần nhiều là y theo Định tâm mà xuất, vì xúc với ba loại Xúc.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 6
(Bản Luận 13, 14, 15)

BẢN LUẬN 13

Đoạn thứ tư của Địa, giải thích nghĩa thứ năm Tông yếu của các kinh trong Chúng tạp sự, có hai đoạn:

1. Nêu Tông yếu.
2. Giải thích nghĩa chữ tạp.

Văn phân hai phần:

1. Mười một chữ "lại nữa" riêng dẫn kinh để giải thích.
2. Lấy bốn chánh pháp nhiếp trì Thánh giáo.

A. Kinh thứ nhất: Thuyết minh thân tâm Viễn ly dẫn Như thật giác.

B. Kinh thứ hai: Khéo tu Chỉ quán, Giác liễu sở tri.

C. Kinh thứ ba: Đẳng trì, Đẳng chí... trong Thiện xảo, văn phân ba đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
2. Hai chữ "lại nữa" giải thích bốn câu kinh.
3. Từ câu "làm sao để trụ" trở xuống, giải thích mười bốn câu.

"Kinh chính là Đẳng ái" trở xuống, đặt thí dụ ngược lại Bất đẳng ái, làm một câu cho nên thành mười bốn câu. Từ câu "điều phục thiện" trở xuống là Hữu hạnh câu chấp và Pháp tánh câu chấp. Trong giải thích "Điều phục thiện", hai câu văn nêu này không phải giải thích câu kinh. Trong bốn câu của nó, lấy Định tương đối làm bốn câu, Đẳng trì của nó làm danh mục cho mười một loại. Không, Vô tướng v.v... vì tối thù thắng, duyên cảnh được khắp, cho nên riêng được tên đó. Tên Đẳng chí cũng làm đề mục cho sáu loại, Thắng xứ và Biến xứ có thể thành Biến hoá. Diệt tận Đẳng chí, chỉ là chỗ thành của Thánh, cho nên riêng được tên đó. Để làm hai câu riêng đầu trong câu chung, lược nêu Biến xứ làm ví dụ cho Thắng xứ và Diệt định, nêu Vô tưởng định để hiển chỗ

thành Đẳng chí của các Dị sinh, cũng nhập vào câu này. Năm Hiện kiến Đẳng chí, đáng lẽ cũng phải nói riêng, nhưng vì nghĩa hẹp và ẩn cho nên lược bỏ không nói. Ngoài ra đều căn cứ theo đây mà biết, cho nên dưới đây kết thúc nói "như vậy". Trong chỗ nói Đẳng trì, Đẳng chí ở trước, tùy chỗ thích ứng của nó mà phải khéo kiến lập, trong đây từ chỗ thù thắng mà riêng nói về nó. Trong bốn câu thứ hai, chỉ làm hai câu đầu. "Đẳng trì thiện xảo và Phi đẳng chí thiện xảo", là đối với Danh cú văn thân của Đẳng trì khéo biết sai biệt, không phải đối với Năng nhập Đẳng chí. "Tướng trạng của các Hành sai biệt...", đây là nói Thiện xảo, ba tuệ làm tánh. Đẳng trì, trong luận này nói, lược có hai nghĩa:

1. Bình đẳng định làm Sở trì.
2. Hành giả làm Năng trì.

Ngã có thể trì bình đẳng các Định, cho nên gọi là Đẳng trì. Lại nữa, Sở thuyên định gọi đó là Đẳng, Năng thuyên định giáo gọi là Trì, giáo khéo trì định cho nên gọi là Đẳng trì. Đẳng chí, Sở nhập định gọi là Đẳng, trạng tướng các Hành của Năng nhập định gọi là Đẳng chí, vì có thể đạt đến Bình đẳng cho nên gọi là Đẳng chí. Chí, có nghĩa là đến, vì do Năng nhập mà đạt đến Bình đẳng. Lại nữa, Sở nhập định gọi là Đẳng, Chí nghĩa là Như thường, giải thích do Đẳng trì và Đẳng chí này, mỗi mỗi đều có hai nghĩa, bốn câu này tương đối bất đồng. Trong đây câu thứ nhất, là Định giáo làm Đẳng trì, trạng tướng các Hành của Năng nhập định gọi là Đẳng chí. Câu thứ hai lấy trạng tướng các Hành của Năng nhập đẳng chí và Sở nhập định đồng thời gọi là Đẳng chí. Lấy "Thuyên định giáo có thể nhập Hạnh", gọi là Năng trì. Từ câu "có chư Bồ-tát tuy có thể được nhập" trở xuống, là hiển Đẳng chí thiện xảo, không phải tướng của Đẳng trì, chỉ cho chư Bồ-tát hiểu rõ nghĩa đó. Từ câu "chưa từ nơi chư Phật nghe pháp..." trở xuống là giải thích Đẳng trì không phải Thiện xảo, có ba nghĩa:

1. Chưa từ chư Phật được nghe pháp.
2. Chưa đối với chỗ nghe của Bồ-tát thứ nhất.
3. Chưa tự chứng đắc Cứu cánh thứ nhất.

Đối với Định giáo không thể khéo hiểu biết. Một chữ "chưa" nói trên, dưới đây thông suốt luôn ba chỗ. "Đối với Bất định địa, Phân biệt là chỗ nhiếp của Thể tướng", là Tán cảnh. Đây là các Địa không đồng loại pháp, cho nên tư duy Tán cảnh gọi là xuất Định. "Sở tác của Định, là ẩm thực...", đây là Tác sự phải làm khi xuất Định, vì đến lúc này phải xuất Định. "Tướng Sở duyên, là Thể phân biệt, do duyên Thể này mà có thể nhập các Định", là các Hữu lậu đều gọi là Phân biệt, cho nên Sở

duyên của Định gọi là Phân biệt, là Thể tướng phần, lìa Kiến thì không có riêng tánh, hoặc Sở duyên này lấy Phân biệt trong năm pháp, Thể của tướng Sở hiện làm tướng Sở duyên. Tại sao sự dẫn phát cho rằng có thể lược nhiếp rộng nghĩa của các văn cú? Đây là do lực của Văn trì (nghe và thọ trì) nhiếp rộng các văn nghĩa. Tại sao Đẳng ái là Tàm quý Ái kính...? Đây là trước khi Định, khởi mười hai loại pháp là Tàm, Quý, Ái, Kính, Tín, cho đến thứ mười hai là Lạc, lấy đây làm Phương tiện thì tâm liền được định, đối với mười hai loại pháp này mà Bình đẳng ái, cho nên gọi là Đẳng ái.

D. Kinh thứ tư: Trong kinh Phân Biệt Tĩnh Lự, văn có bốn đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
2. Lược giải thích bốn Chuyển.
3. Rộng giải thích tướng.
4. Kết thành. "Trong đây phải biết bốn Chuyển có hai thời điên đảo...". Bốn Chuyển gồm:

1. Khi Hữu lậu tam-ma-địa tiến thú thì điên đảo.
2. Khi Hữu lậu định tiến thú thì điên đảo.
3. Khi Hữu lậu định đang thoái thất thì không điên đảo.
4. Khi Vô lậu định đang tiến thì không điên đảo.

Hoặc hai Chuyển trên đối với tiến mà là thoái, thì gọi là điên đảo. Hai Chuyển đầu khi Hữu lậu định tiến thì là thoái, hai Chuyển sau khi Vô lậu định tiến thì là thoái, cho nên đều gọi là điên đảo. Luận nói "Chuyển thứ hai khi Tam-ma-địa thoái thì điên đảo", là tu tiến Vô lậu, khi thoái đến Hữu lậu là điên đảo. Hai Chuyển sau khi thoái, là thoái, gọi là không điên đảo. Chuyển thứ nhất đối với Hữu lậu định, khi thật thoái thì là thoái. Chuyển sau đối với Vô lậu định, khi Hữu lậu thoái thì là thoái. Trong "khi Hữu lậu định thoái thì là thoái", văn có ba chữ "lại nữa":

1. Do Ái vị cho nên thoái.
2. Do Mạn và hủy cho nên thoái.
3. Do Tham và Cuống cho nên thoái.

"Không điên đảo thứ hai ngược lại Không điên đảo thứ nhất, phải biết tướng của nó", là đắc Vô lậu định. Khi Hữu lậu định sắp mất thì biết như thật là thoái, gọi đó là Không điên đảo, Không điên đảo thứ ba khi thoái thì biết là thoái, Không điên đảo thứ tư khi Vô lậu tiến thì biết là Hữu lậu thoái. "Thứ tư và thứ hai trong đây có sai biệt", là trước tu Phương tiện vô lậu cũng chưa chứng đắc, là thoái lui Định đã từng đắc, Chuyển thứ tư này khi đang đắc thì Vô lậu và Hữu lậu không hiện hành,

thì đó là thoái, cho nên trở thành sai biệt.

E. Kinh thứ năm: Trong kinh Phân Biệt Tứ Liễm Hạnh, văn có ba đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.

2. Lược hiển tướng của Liễm hạnh.

3. Rộng hiển thị Sở liễm hạnh, tức là bốn phần Tịnh định làm Liễm hạnh, có thể thúc liễm quán sát ngay ba Tuệ. Đây là một người tu đủ bốn loại.

F. Kinh thứ sáu: Trong kinh Sáu Cảnh Bất Thọ Tưởng Vô Tưởng, văn có hai đoạn:

1. Đoạn văn kinh.

2. Giải thích riêng. "Đối với các pháp này hoặc Thật hoặc Hữu đều không lãnh thọ", là không thọ Cảnh tự tướng. "Cũng không thọ Tưởng", là cũng không thọ Tưởng của sáu Cảnh.

"Huống chi Vô tưởng", là cũng không thọ Vô tưởng kia. Dưới đây giải thích có ba đoạn:

1. Không có Nhãn tưởng là giải thích cũng không thọ đối với Tưởng.

2. Không thọ Tự tướng là giải thích đều không lãnh thọ.

3. Không thọ Vô tưởng là giải thích câu "huống chi Vô tưởng".

"Do chán hoại cho nên uy thế choáng mất, cho đến có thể có Tưởng đó", là Vô lậu định. Niệm tư duy chán hoại mà đối với Nhãn... không có sự gì để tưởng, chỉ có các lý tướng của bốn Đế dấy khởi. Không thọ Vô tưởng, là Tưởng và Vô tưởng đều không thọ, vì không tư duy tất cả tướng. Hữu tưởng và Không tưởng đều không thọ, cho nên trong Diệt tận Chân như lý tư duy Tịch tĩnh. "Trong đây có ý nói lìa các Tướng tưởng gọi là Vô tưởng", là khi Vô phân biệt trí chứng Chân như thì các tướng Khổ lạc... cũng đều lìa, Tưởng và Vô tưởng tất cả đều thoát khỏi, cho nên lìa Tướng tưởng gọi là Vô tưởng.

G. Kinh thứ bảy: Trong giải thích kinh Bốn Thú Đạo, văn có ba đoạn:

1. Nêu.

2. Giải thích.

3. Hiển bày sai biệt.

Thứ nhất là chỉ có Hữu lậu nương vào Định mà dẫn khởi Vô lậu đạo. Thứ hai là nương vào Định mà khởi Tuệ. Thứ ba là nương vào Hữu lậu và Vô lậu mà khởi Định và Tuệ. Thứ tư là trước hết nương vào Định khởi Tuệ, sau đó nương vào Tuệ khởi Định. Thứ hai và thứ ba thông với

Hữu lậu và Vô lậu. Thứ tư cũng vậy, vì đồng thời dẫn Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo.

H. Kinh thứ tám: Trong giải thích kinh Tứ Tịnh Thắng, văn có ba đoạn:

1. Nêu kinh Tịnh Thắng.
2. Giải thích nghĩa Tịnh thắng.
3. Giải thích bốn Tịnh thắng tưởng.

"Là Sở đắc, Sở chứng, Sở dẫn giới...", Sở đắc, hoặc là pháp viên mãn. Sở chứng, hoặc là pháp nhiếp thọ. Sở dẫn giới..., là phát động tinh tấn, chưa viên mãn thì khiến cho viên mãn. Bốn Tịnh thắng gồm: Thi-la, Tam-ma-địa, Kiến và Giải thoát.

Trong đây, câu "Sở đắc, Sở chứng, Sở dẫn giới...", đều thông với bốn Tịnh thắng. Đoạn văn "viên mãn nhiếp thọ" trở xuống, là đoạn văn giải thích phát động tinh tấn, chưa đủ đầy thì khiến cho đủ đầy. Thể của Sở dẫn giới, Định, Kiến, Giải thoát, không có văn giải thích. Lại nữa, Sở đắc là Giới, Sở chứng là Định và Kiến, Sở dẫn là Giải thoát. Giới v.v... là muốn nói thêm Định, Kiến và Giải thoát, để lẫn hiển thêm Sở đắc, Sở chứng, Sở dẫn. Dưới đây có câu hỏi "tại sao". Một câu thứ nhất là Giới. Đẳng trì, Kiến và Giải thoát của nó, mỗi mỗi đều có hai câu "tại sao", tùy chỗ thích ứng mà phối hợp giải thích. "Tuy trụ Cụ giới... bốn câu và sáu chi", như trong Thanh văn địa có nói rộng. Hai loại Giới và Định, tại Dị sinh vị gọi là viên mãn, đắc Thánh vị của nó thì gọi là Nhiếp thọ. Kiến tại Dị sinh vị thì gọi là chưa viên mãn, nhập Thánh vị thì gọi là viên mãn. Vô học vị luận Nhiếp thọ, giải thoát tại Hữu học vị thì gọi là chưa viên mãn, tại Vô học vị thì gọi là viên mãn. Không có thời nào giải thoát thì gọi là Nhiếp Thọ, chỗ đắc Trạch diệt do giải thoát Định chướng và Sự chướng thì gọi là Giải thoát.

I. Kinh thứ chín: Trong giải thích kinh Tâm Thanh Tịnh Hạnh Bí-Sô Tư Duy Năm Tướng, văn có năm đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.
2. Giải thích hạnh Thanh tịnh.
3. Thuyết minh Hạnh chướng.
4. Giải thích riêng năm tướng của Tư duy.
5. Kết thành.

Chướng, tức là các thứ bất thiện Dục, Khuể, Hại, Tầm. Bất tử tầm của thân thuộc xóm làng là chỗ đã từng trải qua Lạc... bảy thứ Tầm tư, đều làm Thể của Chướng.

Trong giải thích riêng năm Tướng, văn có hai đoạn:

1. Tổng nêu ba phẩm Tầm tư sai biệt thành năm Tướng.

2. Giải thích riêng năm Tướng.

Nhuyễn phẩm Tầm tư hạnh thứ nhất, là tư duy tướng chắc thật của nhân quả, khiến cho bảy loại Tầm diệt mất. Y theo trung phẩm Tầm tư, phân thành hai loại:

a. Quá hoạn của Kiến tầm tư.

b. Không nhớ nghĩ tư duy khiến cho bảy loại Tầm diệt mất.

Y theo thượng phẩm Tầm tư, cũng phân thành hai loại:

a. Không phải ban đầu, tức là khiến cho tất cả không hiện hành, phải tạo phương tiện để chiết phục dần dần.

b. Nếu chưa chế phục được thì liền sinh chán sợ, vì phần nhiều là tư duy để khiến cho bảy Tầm diệt.

J. Kinh thứ mười: Trong kinh Đãng Trần (Rửa Bụi), văn có ba đoạn:

1. Dẫn kinh để hỏi.

2. Giải thích ba thứ đào luyện

3. Nêu pháp kết hợp.

Từ câu “như chỗ có vàng thô bên trong tánh của vàng” trở xuống, là phát tâm xuất gia, gọi là Đào luyện thứ nhất, tại Tư lương đạo vị đắc Tĩnh lự... là Đào luyện thứ hai, đã nhập Thánh vị rồi, là Đào luyện thứ ba, cho nên luận nói không bị Hữu hành câu chấp. Y theo Tuệ căn chế phục, khiến cho căn tánh hiển hiện, căn trừ phiền não mà lập tên là Đào luyện.

K. Kinh thứ mười một: Trong giải thích kinh Ba Tướng Tư Duy, văn có ba đoạn:

1. Dẫn kinh đã nêu.

2. Giải thích ba Tướng.

3. Kết thành sai biệt.

Ba tướng gồm: Chỉ, Cử (Quán) và Xả.

Xưa nay tu Chỉ cử là tại Định gia hạnh, đối với duyên khởi... mà tư duy chọn lựa không đúng đắn, vì không suy nghĩ chọn lựa cho nên tâm không chánh định, không thể Hiện quán, không diệt tận các Lậu để thành A-la-hán. Niệm tư duy buông xả, tư duy Duyên khởi cho đến Lậu tận, thì Đạo thành mãn.

Mười một đoạn trên là riêng dẫn kinh để giải thích. Dưới đây một chữ “lại nữa”, lấy bốn chánh pháp nhiếp trì Thánh giáo, có ba đoạn:

1. Nêu.

2. Trình bày.

3. Giải thích.

Viễn ly, là nhập Xứ sở của Định. Tu tập, là chỗ tu Định tuệ. Tu quả, là chỗ chứng đắc giải thoát, chỗ lìa hai quả chướng Hữu vi và Vô vi. Từ câu "đã tu tập Xa-ma-tha..." trở xuống là giải thích Tu quả thứ ba này. Không chống trái, là hành thiện, thuận theo Giáo, trợ giúp thiện, thuận với sư trưởng, cho nên khéo khế hợp với Lý, Tông và Giáo không trái nghịch nhau, gọi là không chống trái. Hoặc nói nghĩa hoặc câu hoặc văn không nói tên, là nêu ra phần đầu và phần cuối thông với phần giữa. "Câu thứ nhất, là chỗ gọi câu trước cho đến lấy ngay câu này mà hỏi câu thứ hai...", đây là lược thuyết minh đối với câu bình đẳng thấm nhuần. Câu trước, là câu thứ nhất, như "Tôn giả A-Nan, trong năm trăm Bí-sô", lấy câu thứ nhất này hỏi một Tỳ-kheo, lại lấy câu thứ nhất này hỏi Tỳ-kheo thứ hai, cho đến năm trăm Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều đáp: "Đúng vậy, đúng vậy". Như vậy mới gọi là sư đệ, nghĩa lý không trái nhau, bình đẳng thấm nhuần, lẫn nhau tùy thuận, vì câu và nghĩa đồng nhau. Sư với đệ đồng, giáo với giáo đồng, nghĩa với nghĩa đồng, hạnh với giáo đồng, đều căn cứ theo đó mà biết. Nếu đối với câu thứ nhất y theo Uẩn mà hỏi, cho đến không được gọi là lẫn nhau tùy thuận, thì đây là hiển thị ngược lại. Nếu trêm một câu khéo léo thứ nhất y theo Uẩn mà hỏi, thì e rằng có câu thứ hai. Đồng loại Hạnh, nhưng không giải thích nghĩa chỗ hỏi ở trước, cho nên lấy câu hỏi khác, y theo câu hỏi đã khác, cho nên câu và nghĩa liền sai biệt. Tại sao được gọi là bình đẳng thấm nhuần? Vì quả chứng của hành giả thứ nhất và thứ hai đã đồng, câu nghĩa có biết và không biết, hỏi sư đệ khác thì giáo nghĩa tương phản bất đồng, cho nên không phải bình đẳng thấm nhuần tùy thuận, vì sự chứng kiến của Phật và đệ tử đều đồng nhau. Giáo và nghĩa, sư và đệ không trái nghịch lẫn nhau, kiến giải của ngoại đạo thì khác nhau và lần lượt chống trái nhau, không phải trong Cảnh dụng của Tam-ma-tư-đa địa.

Trên đã giải thích Đẳng dẫn vị, dưới đây giải thích Phi đẳng dẫn vị. Giải thích luận rằng: "Ngược lại với trước thì dễ hiểu, vì Thể tức là toàn cõi Dục, tất cả Tán pháp trong hai Địa trên". Nhưng xét ý văn của luận này, trong mười hai Bất định, là ba loại Bất định thứ bảy, thứ chín và thứ mười. Địa là Tác ý thứ sáu và Tác ý thứ bảy của cõi trên, Tác ý thứ tám là Nhiễm pháp của cõi trên, Địa này không chỉ trái với Địa trước, cũng thông với tất cả pháp của hai cõi trên, văn phân hai đoạn:

1. Hỏi để phát khởi.

2. Tùy giải thích riêng.

Trong mười hai loại này, Quyết Trạch phần quyển 63 rộng nói nguyên nhân Sai biệt và Kiến lập, cho rằng y theo Bất định địa thứ nhất, đối với An trụ tâm, phải chánh nắm lấy tướng, là các tướng xanh, sình..., đây là nói tánh Bất định của năm Thức, đối với Cảnh dong đuổi mà Tham v.v... sinh khởi, vì ngăn dứt nó cho nên quán xanh, sình... mà an trụ tâm. Ngay nghĩa này Ấn Độ có hai thuyết:

1. Năm Thức chỉ là Hữu lậu, vì tánh Bất định, Tánh tán loạn, nói mười lăm cõi chỉ có Hữu lậu. Thành sở tác trí, hoặc là Thức thứ sáu, hoặc là Thức thứ bảy.

2. Y theo chư Nhị thừa Dị sinh, nói mười lăm cõi Hữu lậu, tự tánh Bất định, không phải y theo các vị khác, trong đó có nói Thành sở tác trí là Tu đạo của Bồ-tát hiện tiền, có nói Phật địa mới bắt đầu khởi. Như Duy Thức quyển 10, Phật Địa quyển 4... giải thích hoặc có thiếu Khinh an gọi là Phi định địa, là trói buộc Tâm và Tâm sở... của cõi Dục. Quyển 63 ghi: "Nương tựa vào đây vì đắc Tác ý, nên cần siêng tu tập". Câu này có ý nói, để đắc Tác ý của cõi trên thì phải nên cần siêng tu tập thiện tâm của cõi Dục, hoặc chán thiếu Khinh an và Tán địa của cõi Dục, để đắc Khinh an địa của cõi trên, Tác ý phải siêng cần tu tập. Duy Thức quyển 2 ghi: "Có nghĩa là cõi Dục không có Khinh an". Có thể lấy văn này làm chứng.

Nói rằng: "Mười một Thiện thông với tất cả Địa", là thông với Hữu tầm tứ địa... vì cả ba Địa đều có", có nghĩa là cõi Dục cũng có Khinh an, Định gia hạnh của Khinh an kia cũng đắc Định địa, vì Khinh an kia cũng có vi tế điều hoà thông suốt. Trừ Định gia hạnh ra, các tâm cõi Dục còn lại đều là thiếu Khinh an, gọi là Bất định địa, không phải tất cả đều không có. Nói mười một Thiện thông với tất cả Địa, tức là thông với chín Địa. Còn lại mười là Bất định địa, như quyển 63 giải thích.

Hữu tâm địa và Vô tâm địa là chín Địa đầu, trong ba Thừa cảnh phân làm bốn Địa, hai Địa trong đây đoạn thứ tư đã phân rõ Cảnh vị, vì hai vị Hữu tâm và Vô tâm của sáu Thức riêng khác, văn phân hai đoạn:

1. Hỏi để nêu năm môn.

2. Tùy giải thích riêng.

Trong kiến lập Địa, "chỉ nương vào năm Địa đầu mà phân rõ Địa kiến lập, không phải nương vào các Địa khác", là chỉ nương vào Thể của Địa. Hữu danh hữu tâm và Vô danh vô tâm của năm Thức Ý địa, phân rõ Hữu tâm và Vô tâm, tướng cũng chưa hiển hiện, chưa biết chín Địa do chỗ nào làm thành nghĩa? Nêu ra Thể tánh của Địa, đối với Hữu

tầm tứ Địa trong ba tướng, lấy phân rõ Hữu tâm và Vô tâm, thì liền biết hai vị của chín Địa sai biệt, cũng biết Định địa và Phi định địa những gì là Hữu tâm và những gì là Vô tâm. Do đó lại càng không cần nương vào Định địa và Phi định địa để phân rõ Hữu tâm và Vô tâm. Sáu Địa của ba Thừa và ba Tuệ, các Hành hữu tâm và Vô tâm riêng khác, không ngoài Hữu dư y và Vô dư y của môn trước.

Trong môn thứ tư và môn thứ năm này, phân rõ Hữu tâm Vô tâm không phải Hữu thân vị, vì Hữu tâm và Vô tâm riêng khác. Hữu tâm và Vô tâm chỉ nương trong năm Địa. Trong Hữu tầm hữu tứ địa không có tâm Thuỳ miên, tâm muộn tuyệt, không gọi là Vô tâm địa", vì Thuỳ miên và Muộn tuyệt là Vô tâm bất định trong Vô tầm vô tứ địa. Vô tưởng định... là Định vô tâm. Lại nữa, Thuỳ miên và Muộn tuyệt nương vào Thức chủ mà gọi là Hữu tâm địa. Vô tưởng định... nương vào Thức khách mà gọi là Vô tâm địa, vì lược lấy bóng mà nói. Lại nữa, y theo Tùy chuyển lý môn để phân rõ Vô tâm, Tát-bà-đa ghi: "Muộn tuyệt là Hữu tâm". Nhưng Quyết Trạch phần lại nương vào năm nghĩa để phân rõ Hữu tâm địa, từ bảy loại nhân để phân rõ Vô tâm địa, chỉ nương vào Thể của Địa để phân rõ Hữu tâm, nương vào Sinh thứ ba này cùng với Bất sinh kiến lập Vô tâm. Quyết Trạch phần kia nói bảy nhân, luận này nói tám nhân, luận này thì khai mở Căn và Cảnh, luận kia thì hợp chung gọi là Duyên, thiếu tám nhân duyên của nó, như quyển 63 giải thích: "Hỏi: Nếu thừa nhận Nhị thừa nhập Vô dư y, tại sao không thừa nhận chúng sinh giới giảm, mà kinh nói chúng sinh giới không tăng không giảm? Đáp: Như biển rộng vô biên, trừ bỏ một giọt nước thì không phải là tăng hay giảm". Trong biển sinh tử, thì điều này cũng vậy. Lại nữa, trong kinh Thượng Vô Y ghi: "Chúng sinh giới, là Như Lai tạng tánh, chúng sinh tuy có nhập Vô dư y, nhưng Như Lai tạng tánh kia không tăng không giảm". Do đó kinh ấy ghi: "A-Nan, Như Lai giới đó vô lượng vô biên, làm chỗ ẩn tàng của phiền não trần, theo dòng sinh tử vô thỉ luân chuyển, đối với nghĩa này Ta gọi là chúng sinh giới". Nếu y theo nghĩa này thì chân làm tánh của vọng, vọng y theo chân mà lập, vọng tuy có khởi có diệt, nhưng chân thì không có tăng hay giảm. Lại nữa, kinh Lăng-Già ghi: "Chư Thanh văn trải qua nhiều kiếp nhập Niết-bàn giới, đam mê rượu Tam-muội, thời gian dài nằm say". Sau thì từ đó mà đứng dậy. Nhiếp Đại thừa ghi: "Hóa làm Thanh văn, không phải thật như vậy, cho nên thân tâm của Vô dư y đều diệt".

VĂN SỞ THÀNH ĐỊA THỨ 10.

Chín Địa của cõi trên, phân rõ Cảnh ba Thừa. Từ đây trở xuống sáu Địa, phân rõ Hạnh của ba Thừa, ba Địa đầu là Hạnh chung, ba Thừa đều có thể tu Tam tuệ, ba Địa sau là Hạnh riêng, ứng cơ tùy pháp mà thành Tự thừa. Lại nữa, ba Địa đầu là Phương tiện hạnh, ba Địa sau là Căn bản hạnh. Lại nữa, ba Địa đầu là Sở học hạnh, ba Địa sau là Sở thành hạnh. Văn, là Văn tuệ, vì Văn duyên theo Giáo, lấy đây làm nhân để thành tựu các pháp, gọi là Văn sở thành, tức là lấy Tuệ của Văn kia và pháp tương ưng gồm chung làm Sở duyên của Văn; hoặc văn, hoặc nghĩa, gồm chung quả Sở đắc làm Thể của Địa này. Trong Tác ý ở trước, nghe chỉ duyên với pháp, là ít duyên với nghĩa. Văn của Địa này phân làm ba đoạn:

1. Kết thành câu hỏi ở trước, sau đó nêu để khởi đầu luận.
2. Hỏi để trình bày tên của năm Minh xứ.
3. Tùy giải thích riêng.

"Là nếu lược nói năm Minh xứ cho đến đọc tụng nhớ thuộc", câu này có hai giải thích, đây là hiển ra năm Minh giáo, chỗ sinh Văn tuệ:

1. Lấy Giác tuệ làm cái nghe trước, sau đó Ý địa lãnh thọ đọc tụng và nhớ... mới là Văn tuệ. Năm Thức của nó là Giác tuệ ban đầu gồm chung với nghe, và câu Ý thức nghe đọc tụng là Sinh đắc tuệ, vì chưa hiểu rõ.

2. "Giác tuệ làm cái nghe trước", là Sinh đắc tuệ.

Hoặc lắng nghe, hoặc nghe, hoặc lãnh thọ, hoặc đọc tụng, hoặc nhớ thuộc, đều là Văn tuệ. Năm Thức đồng thời tuy không phải Chánh văn tuệ, nhưng là chỗ dẫn phát từ Văn tuệ phương tiện của Ý địa. "Nhân theo Văn mà thành tâm hiểu rõ", cũng là Văn tuệ. Nếu tuy Ý địa lãnh thọ, đọc tụng... mà không hiểu rõ, đều là Sinh đắc tuệ.

Lại nữa, "Không điên đảo hiểu rõ trong y chỉ nghĩa của Danh thân, Cú thân, Văn thân", là đối với nghĩa của năm Minh xứ, Giác tuệ làm chỗ khởi Văn tuệ trước.

Trong đoạn thứ ba giải thích riêng năm Minh xứ, trước hết phân rõ nội Minh xứ, văn có hai đoạn:

1. Nêu bốn môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Bốn môn:

a. Sự thi thiết, là ba Tạng xứng với Sự thi thiết mà kiến lập. Sự, là sự nghĩa, là nghĩa sai biệt của kinh luật luận, cũng là Thể sự của nghĩa

Sở thuyên sở y, cho nên lập tên là Sự.

b. Tưởng thi thiết sai biệt, là Danh năng thuyên, vì Danh cú văn đều lấy Tưởng mà sinh cho nên Danh xứng với Tưởng. Lại nữa, Hô danh của Tây vực phần nhiều lấy Hô làm Tưởng. Lại nữa, Danh cú... không có Thể, tùy theo âm thanh mà giả lập, tùy theo Tưởng của nó mà hiểu, gọi là Năng thuyên, cho nên Danh cú... xứng với nó là Tưởng.

3. Nhiếp nghĩa tướng của Thánh giáo, là Nghĩa sở thuyên của bậc Thánh giáo, có thể nhiếp Thánh giáo.

4. Do "chỗ phải biết Xứ tướng" của Phật giáo, là từ hai số mà Sự sở thuyên của lời Phật dạy tăng thêm, cho đến mười loại Sự sở thuyên của lời Phật dạy, gọi là chỗ phải biết Xứ tướng của lời Phật dạy.

Môn thứ ba lấy Lý nhiếp Giáo, môn thứ tư lấy Giáo hiển Lý. Tố-đát-lãm là Khế kinh; Tỳ-nại-da là Điều phục; Ma-đát-lý-ca là Bổn mẫu, tập hợp nghĩa của các kinh, luận bàn thuyết minh, sinh ra Nghĩa sở thuyên riêng biệt của các kinh, gọi là Bổn mẫu, tức Cựu dịch gọi là Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đắc-cần-già.

Trong Tưởng sai biệt, có bốn Ôn-đà-nam. Ôn-đà-nam thứ nhất có mười hai môn; Ôn-đà-nam thứ hai có mười bốn môn; Ôn-đà-nam thứ ba có chín môn; Ôn-đà-nam thứ tư có mười môn.

"Cú là sáu Nội xứ...", Tự tánh của Thuyên pháp gọi là Danh, Thuyên pháp sai biệt gọi là Cú. Thuyên pháp sai biệt của luận này gọi là Cú, lấy rộng nhiếp hẹp, Danh trong đó có vô lượng cảnh giới, vì tại mười phương Xứ xở, thời gian ba đời, đều là Ngôn vô lượng.

Trong bốn Chúng, chỉ thuyết minh bốn Chúng của nam tử, không có Ổ-ba-tư-ca. Lại nữa, Ổ-ba-tư-ca là chỗ nhiếp của Tố-ca, đều từ trong giới của tại gia làm tánh, riêng tách rời ra.

Ba mươi bảy Đạo phẩm, bốn quả Sa-môn, sáu Thần thông... như trong Thanh văn địa nói. Năm Sự của Đại thừa, bốn Tầm tư, bốn Như thật trí, ba Tánh, ba Vô tánh, như Quyết Trạch phần giải thích. Bốn Chân thật, năm Chủng Đại thừa, năm Vô lượng bất tư nghì uy đức thắng giải... như Bồ-tát địa giải thích. Sáu Cảnh nội xứ giới trở xuống, có mười bốn môn pháp gọi là Thanh văn địa pháp. Năm Sự Đại thừa trở xuống có mười bốn môn công đức, gọi là Đại thừa pháp. "Bổ-đặc-già-la Không, Bổ-đặc-già-la Vô ngã, pháp Không tánh, pháp Vô ngã, có sai biệt", Không là Sở không; Tự tánh Vô ngã là không có nghĩa dụng và sai biệt. Lại nữa, Không là lý của Nhị không, Vô ngã là Sở chấp, hoặc ngược lại đây mà nói cho nên có hai loại sai biệt.

Trong năm tướng của đại Bồ-đề, Tự tánh như Hiển Dương luận

quyển 8 ghi: "Vượt hơn Thể chuyển y mà Nhị thừa chứng đắc". Công năng là mười Tự tại:

1. Thọ.
2. Tâm.
3. Chúng cụ.
4. Nghiệp.
5. Sinh.
6. Nguyện.
7. Thắng giải.
8. Thần lực.
9. Trí.
10. Pháp".

Phương tiện, là bốn loại Biến hoá:

1. Hiện biến hóa của Bồ-tát hạnh, hóa độ người căn chưa thuần thục.
2. Hiện biến hóa của Như Lai, hóa độ người căn đã thuần thục.
3. Hiện biến hóa nhiếp Thanh văn.
4. Hiện biến hóa điều phục Độc giác.

Chuyển, có hai thứ:

1. Tạm thời chuyển, là đối với chư hữu tình chưa giải thoát, thành Như Lai mà giáo hóa chuyển biến không ngơi nghỉ.
2. Cứu cánh chuyển, là công đức của Phật khó nghĩ bàn, vì chư hữu tình mà làm sự lợi ích, chuyển biến không ngơi nghỉ.

Hoàn (trở về), theo luận kia thì gọi là Diệt, là Hoàn Niết-bàn. Luận này cũng có hai loại:

1. Tạm thời hoàn, đối với chư hữu tình đã giải thoát, Phật tạm thời thị hiện nhập Bát Niết-bàn.
2. Cứu cánh hoàn, là tập khí phiền não và các khổ vĩnh viễn diệt.

Trong năm chủng Đại thừa, Hiển Dương luận quyển 8 ghi: "Chủng tử, tức là chủng tánh phẩm của Bồ-đề địa. Thú nhập, tức là phát tâm phẩm. Thứ đệ, tức là Trụ phẩm. Chánh hạnh, tức là các phẩm còn lại. Chánh hạnh quả, tức là Kiến lập phẩm của Đại Niết-bàn. Tối sơ phát tâm, là tâm Bồ-đề, vì có Chủng tử bi mẫn hữu tình, là thú nhập Bồ-đề Ba-la-mật-đa, đó là bốn thứ lớp của các Địa. Nhiếp các sự của chúng sinh, là chánh hạnh của Đại thừa. Tự tha tương tục thành thục, đó là Chánh hạnh quả. Quả Nhị lợi tự tha viên mãn, là đức của Phật. Lại nữa, tối sơ, là Chủng tử. Phát tâm, là Thú nhập. Bi mẫn hữu tình, là Thứ đệ.

Ba-la-mật-đa nhiếp các sự của chúng sinh Sự, tức là Chánh hạnh. Tự Tha tương tục thành tựu, là Chánh hạnh quả. Đây là hiển Bồ-tát địa phối hợp theo Phẩm mà giải thích.

Đoạn văn này có bảy Thức trụ, như quyển thứ nhất giải thích, quyển 14 tự có văn giải thích.

Trong Giả thi thiết:

1. Đối với pháp mà giả lập hữu tình.

2. Y theo trên Tướng năng thủ Sở thủ của Viên thành mà giả lập các pháp.

“Thế nào là tư duy chọn lựa một Hạnh”? Đối Pháp luận quyển 15 ghi: “Là lấy một pháp cùng với các pháp khác, mỗi mỗi hỏi lẫn nhau, trừ một pháp này ra, lại lấy pháp thứ hai cùng với pháp khác hỏi lẫn nhau. Như vậy mỗi mỗi tất cả phải biết đều thuận với câu trước”, là trong các pháp, tùy lấy hai pháp, đặt câu hỏi lẫn nhau, nương vào pháp trước để đáp chỗ hỏi, lấy hẹp hỏi rộng, thuận với câu trước. Thuận với câu sau, tức là ngay hai pháp đó mà lần lượt hỏi nhau, nương vào câu hỏi sau mà đáp chỗ hỏi, lấy rộng hỏi hẹp, vì thuận với câu sau thì tất cả Thể hẹp chắc chắn liền rộng, tự có Thể rộng thì không phải là hẹp. Hoặc đối với chỗ hỏi mà ứng ra hai câu đáp, ứng ra ba câu đáp, ứng ra bốn câu đáp, trong đây theo Thể rộng để thuyết minh, chỉ nói bốn câu Thể có rộng và hẹp hoặc không đồng, nghĩa rộng hẹp đồng thì gọi là xứng với câu trần thuật có thể đáp được, nếu không như Lý thì gọi là Vô sự đáp, cũng gọi là Giá chỉ đáp (câu đáp ngăn cấm), hai mươi tám đôi hai môn, năm đôi ba môn... đều như Quyết Trạch phần quyển 65, 66, 67, 68... nói.

Bốn Hạnh tích pháp, là Khổ tốc thông, hai đoạn văn không đồng, đến sau sẽ giải thích.

Bốn Pháp tích, là ba Học tích, tức là Vô tham, Chánh niệm và Chánh định. Ba loại hệ thuộc gồm:

1. Các Căn hệ thuộc lẫn nhau.

2. Thức và Căn hệ thuộc lẫn nhau.

3. Căn và Cảnh hệ thuộc lẫn nhau.

Mười sáu Chủng nhiếp, như trong Quyết Trạch phần quyển 54 và Đối Pháp quyển 5 nói.

Năm Tương ưng, cũng như Đối Pháp quyển 5, Quyết Trạch phần quyển 54 nói.

Kiến văn giác tri, như Du-già quyển 3, 93, Đối Pháp quyển 1... giải thích nghĩa Kiến văn giác tri. Hiển Dương quyển 18 ghi: “Cõi Sắc

không có Giác, sau đó khởi ngôn thuyết, cõi Vô sắc đều không có Kiến văn giác tri". Là vì sinh vào cõi đó thì không có các ngôn thuyết sau đó.

"Sáu chủng thứ đệ và Lưu chuyển thứ đệ", là trẻ con mới sinh... mười thời Lưu chuyển thứ đệ, hoặc mười hai Nhân duyên lưu chuyển thứ đệ. "Thành sở tác thứ đệ", là xuất gia thọ Cụ túc, tu bảy Phương tiện, đắc Kiến đạo... "Tuyên thuyết thứ đệ", là bốn Chánh đoạn, trong một sát-na đầy đủ bốn công dụng của nó, lấy phân rõ thứ đệ không phải bốn Hiện hành trước sau có khác nhau, hoặc tuyên thuyết các pháp, nêu giải thích thứ đệ. "Sinh khởi thứ đệ", là mười Thời phân, mầm cọng nhánh... sinh khởi thứ đệ. "Hiện quán thứ đệ", là chân tướng Kiến đạo trước và sau, quyển 63... nói Hiện quán trước sau thứ đệ. "Đẳng chí", là chín Thứ đệ định.

"Tám chủng Sở tác là y chỉ của một Diệt", là cùng với Diệt ác làm y chỉ. Chuyển, là cùng với Thiện sinh làm y chỉ. Biến tri, là biết Thiện xảo, biết khắp các pháp duyên sinh của Khổ tập mà sinh chán lìa. Hỷ lạc, là Hỷ lạc diệt đạo.

"Sở duyên có bốn...", Đối Pháp luận quyển 10 ghi:

1. Biến mãn sở duyên, có bốn là: Có phân biệt Ảnh tượng, không có phân biệt Ảnh tượng, Sự biên tế và Sở tác thành thục sở duyên.

2. Tịnh hạnh sở duyên, có năm là: Đa tham, Đa tân, Đa ti, Kiêu mạn, Tầm tư, là năm thứ quán hạnh sai biệt. Thiện xảo sở duyên, có năm là: Uẩn, Giới xứ, Duyên khởi, Xứ phi xứ, Thiện xảo sở duyên.

3. Tịnh hoặc sở duyên, có ba là: Tướng thô tĩnh..., Chân như, bốn Thánh đế.

Bốn loại và chín loại Du-già, sau đến Thanh văn địa, Đối Pháp luận quyển 9... nói Phương tiện Du-già, lấy Tác ý thắng giải tuệ làm tánh.

Ba Sự quán, nếu Hữu tướng là Sự sở duyên sự. Tầm tư là Sự năng duyên.

Bốn Hạnh quán, như Đối Pháp luận quyển 9 và Thanh văn địa nói.

Sáu Sự sai biệt sở duyên quán:

1. Nghĩa sai biệt của Khổ, Vô thường... trước Kiến đạo phương tiện.

2. Sự là tác dụng của các Sự, Hữu sinh của Tập, Hữu nhân của Khổ...

3. Tướng là Thể tướng của Diệt đế.

4. Phẩm là các phẩm thượng trung hạ của các pháp, hoặc Tam thừa Đạo đế, vì có Phẩm loại, kế đó ba loại trên tại Kiến đạo vị.

5. Thời là tại Tu đạo, và sau Kiến đạo mà khởi, hoặc quán ba đời.

6. Đạo lý là tại Vô học đạo, hoặc Sự là Uẩn giới xứ, Thời là ba đời, Đạo lý là bốn loại Đạo lý.

Năm loại Giáo thọ:

1. Giáo giáo thọ, là truyền dạy cho giáo pháp.

2. Chứng giáo thọ, là truyền dạy cho lý pháp.

3. Thứ đệ giáo thọ, là truyền dạy cho pháp môn Quán hạnh.

4. Không điên đảo giáo thọ là ba loại trên xứng với căn cơ không loạn.

5. Thần biến giáo thọ, là truyền dạy cho thần thông khiến cho hóa độ chúng sinh.

Nội minh xứ trong bốn loại Tướng, đoạn văn lớn thứ ba trong "thuyết minh tướng Nhiếp nghĩa của Thánh giáo", có mười pháp năm đôi:

1. Năng tác sở tác.

2. Câu Thiện pháp, kế đó là tội lỗi nhiễm ô pháp của Khổ đế và Tập đế.

3. Hữu chứng hữu thuận là phiền não thiện pháp.

4. Hữu chân hữu thắng, các pháp Hữu lậu của Vô vi hữu vi.

5. Hữu thuận hữu đắc, là các pháp thế gian và xuất thế gian đáng tu tập, là thiện pháp nên đoạn, là nhiễm ô pháp đã đoạn rồi hiện hành, là Vô phú vô ký pháp.

Đoạn văn lớn thứ tư, thuyết minh tướng xứ nên biết của lời Phật dạy, có hai đoạn:

1. Tăng thêm mười pháp môn.

2. Kết.

Đoạn thứ nhất tức là mười đoạn. Đoạn thứ nhất thuyết minh ba môn, môn thứ nhất là hữu tình trụ, có ba phần, phải nương vào hữu tình mới có. Nhân quả, nhiễm tịnh, sinh tử Niết-bàn, Hữu vi, Vô vi... của tình và Phi tình tăng thêm hai môn để hiển rõ các pháp. Môn thứ nhất thuyết minh ba loại, một hữu tình tăng thêm và hai pháp môn, có hai mươi bốn đôi. "Tất cả kinh điển thâm sâu mà Thế Tôn diễn nói", là giải thích ba Tánh của thâm sâu để hiển rõ giáo, như Giải Thâm Mật v.v... ba tánh hiển rõ giáo. "Kinh tương tợ thâm sâu không tương ưng", là Bát-nhã... cùng với kiáotham sâu này tương tợ. Duyên tánh là tánh

Viên thành. Duyên khởi là tánh Y tha. “Lại có hai pháp có thể khiến cho hữu tình bên trong chân chánh tác ý, bên ngoài nghe âm thanh của người khác...”, đây là bên trong khởi Tác ý, bên ngoài nghe âm khác, là hai nhân duyên, vì do hai pháp khiến cho hai nhân duyên này hiện tại nhập Hiện quán, coi như các căn đã thuần thục.

BẢN LUẬN 14

Trong Tăng thêm ba môn, có bốn mươi lăm môn. "Nói mười tướng là hoại sinh mạng...", một chữ Hoại trên thông với mười tướng sau. Lời nói tạp uế gọi là Hoại. Chỗ làm sự nghiệp, là đối với sự nghiệp chân chánh, không chân chánh mới gọi là Ỷ ngữ. "Tác nghiệp hủy hoại của bảy loại trước" là bên ngoài hiển rõ thân ngữ mà gọi là nghiệp. "Kế đó hai loại Ý lạc tăng thêm", là Vô tham và Vô sân, vì Chánh ý lạc. "Một loại phương tiện hoại cuối cùng", là Chánh kiến mới là nhân của Chánh trí. "Nói ba căn", là Tham, Sân và Tà kiến. Đây là nói về mười nghiệp, có ba nghiệp làm Gia hạnh, tùy chỗ thích ứng mà làm Cứu cánh, hoặc đây là thuyết minh riêng ba nghiệp đạo của ý.

- Môn thứ hai, văn phân hai đoạn:

1. Thuyết minh ba pháp khiến cho không thủ hộ căn.

2. Nhân chỗ trước mà phân rõ Nội pháp bốn loại Dục tham làm nhân.

- Sinh tử tăng trưởng gọi là Tà pháp. Y theo bốn chỗ là:

1. Tự thân lợi... bốn thứ Bạch pháp.

2. Oán.

3. Trung.

4. Thân gần bốn Bạch phẩm, là Lợi, khen, danh tiếng, Lạc.

Bốn Hắc phẩm, là Suy, Huỷ, Cơ, Khổ. Một là đối với Lợi... của tự mình mà sinh Dục tầm tư, mong cầu đạt được không cho mất, cho nên đối với Oán phẩm và Trung phẩm sinh Khuể tầm tư, cho đến muốn khiến cho mạng của người kia đoạn. Đối với Thân hữu phẩm, sinh Hại tầm tư, vì chỉ tổn não. Bà-tu-mật luận quyển 2 ghi: "Hai thứ Lợi và Suy, nếu y theo hữu tình lấy mười bảy Giới, mười một Xứ và năm Uẩn làm tánh, vì trừ ra âm thanh xa không thành vật chất". Nếu đối với Phi tình, lấy bốn Giới bốn Xứ và một Uẩn làm thể, cũng như trên trừ âm thanh ra. Y theo Tất-bà-sa thì mười tám Giới, mười hai Xứ, năm Uẩn làm thể; y theo Phi tình thì sáu Giới sáu Xứ làm thể, vì có năm Trần và bốn Tướng. Y theo các sư của kinh bộ, Câu-xá luận ghi: "Suy không có riêng Thể, vật bị mất gọi là Suy". Hiện tại luận này y theo người làm mất để phân rõ thể của Suy, lấy mười tám Giới làm tánh, ngược lại đây là thể của Lợi, cũng có mười tám Giới. Xưng, Dự, hủy và Cơ, theo Bà-tu-mật luận thì thể đều là âm thanh. Các sư Tát-bà-đa nói Danh cú văn làm thể, luận này hợp chung lấy Thanh danh Cú văn làm thể. Thể của hai loại Khổ lạc tức là Thọ, như Phật Địa luận nói, tuy phân rõ tướng

của nó nhưng không nêu ra thể.

- Phiền não thú là có thể tiến đến quả, tức là ba mong cầu:

1. Dục cầu.

2. Hữu cầu.

3. Tà phạm hạnh cầu, là chỗ làm nhân để khởi mong cầu.

Trong ba loại Vô minh, "đều nói Tiền tế", là Phát nghiệp vô minh đều gọi là Tiền tế, nhưng Xúc và Thọ đều có thể khởi Ái và Thủ. Nhuận sinh vô minh gọi là Hậu tế. "Lại có ba tướng có thể nhiếp tự tướng... của tất cả sắc pháp", câu này có hai giải thích:

1. Đây là ba loại Sắc, tổng nhiếp hết tất cả Sắc:

a. Hữu kiến hữu đối là hiển hình biểu bên ngoài. "Chữ Biểu trong đây gọi là tác dụng", là hành vi biểu thị tác dụng.

b. Vô kiến hữu đối là năm Căn và bốn Trần sắc còn lại. Luận nói, từ câu "đối với tự xứ sở của nó chướng ngại các Sắc khác" trở xuống, là tổng kết hai Sắc nói trên, phải biết tất cả tổng có mười Sắc.

c. Vô kiến vô đối, do đó nói "và Định địa sắc". Đây là thuyết minh ba Sắc thuộc tự thân, cho nên chỉ nói chỗ có các Sắc của người tu phương tiện kia, tức là bên trong hóa độ tâm cảnh, cũng là chưa đầy đủ hóa độ tâm quả, hoặc chỗ biến hóa Sắc của Chánh thông quả cũng thuộc người khác, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, nếu đắc Tịnh định là Thông quả sắc, thì người tu phương tiện là Nhân sắc kia, Thông quả sắc kia tức là Nội hóa tâm cảnh, phương tiện Sắc kia tức là Hóa tâm quả chưa đầy đủ, vì Cảnh là Tâm quả.

2. Ba Tướng, là chỉ có hiển hình biểu ba thứ trong Sắc xứ, vì tối thắng cho nên nói riêng. "Đối với xứ sở của tự nó chướng ngại các Sắc khác...", là nương theo Sắc trước mà thuyết minh mười một loại Sắc.

Trong ba Dục, "phần nhiều sử dụng công lực nương theo duyên các Dục, là tất cả các Dục đang trụ hiện tiền", là bốn cõi Dục thiên sau đây, Dục phần nhiều y theo hiện tiền, các Dục sinh khởi, dụng công niệm tưởng mới có thể từ Dục thiên đó mà sinh, hoặc lại do nghiệp Dị thục, phải dụng công mới sửa trị thành thục.

Ba Nhãn, Sắc là hai, Phi sắc là một, Pháp nhãn cũng nhập trong Tuệ, vì đồng với Phi sắc, đây là thuyết minh ba Thừa nhân quả đồng có, không nói Phật nhãn, kinh Trang Nghiêm nói có mười Nhãn, như phần sớ phẩm Phương tiện trong kinh Pháp Hoa.

Lại nữa, "ba loại Tâm nhất cảnh tánh có thể khiến cho chứng đắc Như thật trí kiến", như thứ tự của nó thì thứ nhất là Tập nghiệp, thứ hai là đã Tập hạnh, thứ ba là đã Siêu độ, là ba loại Tác ý tương ưng định.

Lại nữa, thứ nhất là Văn tuệ và Tư tuệ; thứ hai là Tu tuệ, là ba tuệ của thế gian tương ưng với Định; thứ ba là Siêu độ, là Vô phân biệt trí tương ưng với Định. Lại nữa, Văn tư tu tương ưng với Đẳng trì, vì có thể sinh Vô lậu chân trí kiến, Hạnh là Năng duyên, Tướng là Cảnh thể, vì Hành sở Hành tướng cho nên gọi là Hành tướng, đây là thông với nghĩa giải thích Vô lậu đẳng trì, vì Vô phân biệt trí không có Hành tướng. Hoặc tướng trạng của hành và giải, cho nên gọi là Hành tướng, đây là y theo ba Tuệ vị và Định của Hữu lậu mà giải thích.

"Sinh xứ bất tịnh, nhân Siêu việt", là ba nẻo ác và tám thời không nhàn hạ, gọi là Sinh xứ bất tịnh, ba Tịnh nghiệp thân ngữ ý gọi là nhân siêu việt Sinh xứ bất tịnh kia.

Ba Mâu-ni nghiệp, tức là ba Thiện nghiệp.

"Là do chỗ phỉ báng hủy phạm của người khác, cho đến chỗ khởi Tàm, Quý và Ái kính", là đối với chỗ phỉ báng và hủy phạm của người khác mà sinh hổ thẹn, vì đoái nhìn người khác mà sinh hổ thẹn. Đối với chỗ phỉ báng hủy phạm của tự mình mà sinh xấu hổ, vì đoái nhìn người khác mà sinh xấu hổ, đánh mất lợi ích lớn, biết rõ nhân duyên sinh Tàm và Tín tăng gấp bội, gọi là Ái kính, đối với Tam bảo không có ái kính thì gọi là đánh mất lợi ích lớn, hoặc đối với ba Xứ, mỗi mỗi đều có thể khởi ba thứ Tàm, Quý và Ái kính, không cần phối hợp riêng.

Ba thứ Tối thắng vô thượng:

1. Trí vô thượng, là trong ba Trí, Vô ngã trí làm Căn bản, hai trí đầu làm phương tiện, do ba trí này nhập Đế quán, cho nên nói riêng.

2. Hạnh vô thượng, là bốn Hạnh tích.

3. Giải thoát vô thượng, là Bất động, là Tâm giải thoát. Đối với thế gian và xuất thế gian giải thoát, Hữu học và Vô học giải thoát, Thời giải thoát, chính là Bất động, là Tâm giải thoát, vì Tối vô thượng.

Trong tăng thêm bốn môn, có bốn mươi sáu môn, cũng có trái nhau, vì làm một môn.

Niệm trụ, Thể của nó tức là Tuệ, vì do tương ưng với Niệm, cho nên Tuệ mới trụ Cảnh.

Bốn loại trói buộc, vì chướng ngại tâm cho nên gọi là trói buộc, không phải cần thiết phiền não trói buộc tánh; do tâm nương vào chấp, thân là tự thể, cho nên thân liền trói buộc tâm; do tâm đồng thời với Thọ, lãnh thọ sâu sở duyên, thì trói buộc đồng thời với tâm; do tâm phân biệt rõ Sắc... làm cảnh giới, thì cảnh bị phân biệt liền câu chấp nơi tâm; tức là do Chân như, phân biệt và thân, ba pháp tương ưng với phiền não đồng thời, vì nhiễm ô phiền não tâm cho nên gọi là trói buộc. Quán bốn

nguyên nhân trên làm Cảnh, sinh chán sợ sâu xa mà lập bốn Niệm trụ, chỗ nương nội thân, trói buộc có thể nương vào tâm, có thể duyên Thọ đồng thời, năm phần vị đồng thời, thường cùng với tâm đồng thời, cảnh giới bị liễu biệt, trói buộc tâm năng liễu, và các phiền não tạp nhiễm đồng thời với tâm cho nên lập bốn trói buộc.

"Lại nữa, có bốn loại Dục cần làm trước hết, cho đến có thể đắc Thiện pháp và có thể tăng trưởng", tức là bốn Chánh đoạn. "Hiện hành các bất thiện pháp", là Luật nghi đoạn. "Và đoạn trói buộc kia" là Đoạn đoạn, Ác pháp chưa sinh gọi là trói buộc. Có thể đắc Thiện pháp, là Tu tập đoạn. Và có thể tăng trưởng, là Phòng hộ đoạn.

"Lại nữa, có bốn thứ Tâm định và Tâm trụ", lựa riêng với Tán địa gọi là Tâm định; bên trong trụ một Cảnh, gọi là Tâm trụ.

"Bốn loại Tưởng dẫn đầu Hý luận trói buộc", là y theo bảy Hữu tưởng, trừ Xả vô lượng của Hữu đảnh .

"Chỉ nói trừ Dục tham", đồng với Đại Trí Độ luận, như quyển 12 Hội thuyết.

"Thông với Hữu lậu, Vô lậu, Tha tâm sai biệt trí", là Tha tâm trí hữu lậu không biết tâm Vô lậu, cũng không biết tâm Vô lậu kia có thể duyên Tự chứng phần... không biết Trí năng tri kia, là vì tự tâm không thể thấy. Tha tâm trí vô lậu có thể biết tâm Hữu lậu và tâm Vô lậu, cũng biết Trí năng tri, vì ba phần sau của Phật trí thông với Tự năng tri, nhưng chưa cần tác khởi bốn hạnh của Đạo, cũng chưa cần thông với người khác.

"Lại nữa, có bốn pháp có thể dứt tận Lậu... của cõi trên", câu này có ba thuyết:

1. Tức là bốn Pháp tích, trong bảy Phương tiện, Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo. Có thể dứt tận Lậu của cõi trên, là dấu vết.

2. Bốn Tích:

a. Đắc Hữu lậu tuệ, tức là bảy Phương tiện.

b. Kiến đạo vị, đã thiếu khuyết các Sự của phiền não và nghiệp quả.

c. Tu đạo vị, là vĩnh viễn đoạn không sót các Sự phiền não.

d. Vô học đạo, là vĩnh viễn đoạn không sót các Sự phiền não. Như chỗ đắc đạo, chuyển lại tu tập các Sự phiền não, thông với ba Xứ trên mà trừ Hữu lậu tuệ.

3. Thuyết thứ ba có bốn loại:

a. Hữu lậu tuệ, tức là Gia hạnh đạo.

b. Thiếu các phiền não là Vô gián đạo.

c. Thiếu các Sự là giải thoát đạo, vì trừ các thô trọng và quả pháp.

d. Vì đoạn không sót các Sự phiền não. “Như chỗ đắc trước kia chuyển lại tu tập”, là Thắng tấn đạo.

“Lại nữa, có bốn Hộ”:

1. Mạng hộ, không tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp, hoặc hộ thân mạng của người khác mà không tổn hoại, hoặc hộ chánh mạng của tự mình, không khởi ác nghiệp.

2. Lực hộ, là hộ trí tuệ, tồi phục chúng ma oán, hoặc hộ tự thân lực, vì lợi ích người khác, hoặc hộ năm Lực, là tồi oán không khuất phục.

3. Tâm phiền não hộ, là hộ các phiền não, không làm nhiễm ô tâm, vì hộ chánh pháp mà khởi các phiền não.

4. Xua đuổi người ác hoại chánh pháp, là Chánh phương tiện hộ, là phương tiện thiện xảo tập hành chánh pháp.

“Lại nữa, có bốn loại có thể đắc chánh pháp cho đến chuyên chú một duyên”:

1. Đối với Cảnh không thuận thì không Tham.

2. Đối với Cảnh không nghịch thì không Sân.

3. Biết đúng mới hành là không Si, khi duyên các Cảnh mà hành thì chánh hạnh thanh tịnh.

4. Chuyên chú một duyên, là Chánh niệm. Một loại sau, khi trụ thì thanh tịnh.

“Lại nữa, do bốn Hạnh có thể chứng rõ và giải thoát”:

1. Niệm.

2. Nhãn.

3. Tuệ.

4. Thân.

Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, hai giải thoát và Lậu tận, như thứ tự có thể chứng thân, tức là thân của năm Uẩn và bốn Uẩn.

“Bốn là tánh động của Khinh...”, là Năng tạo và Sở tạo của Phong, cùng với Khinh tương tợ cho nên gọi là Khinh... vì tánh của Phong là động cho nên gọi là tánh động của Khinh... Lại nữa, cáo các Bộ lập Tác ý tâm sở là tánh động, luận này thì nói cùng với Khinh tương tợ, vì tánh của Phong hay động, không phải Tác ý.

“Bốn pháp có thể trụ hữu tình” là bốn loại ăn.

“Bốn pháp làm dấu vết của Thức” là bốn Thức trụ, Kiến đã hướng tới, Sắc v.v... năm căn lấy làm Sở duyên, cảnh giới Sở y của sáu Cảnh

sắc đồng thời có, như vậy thứ tự phối hợp với Căn, năm Trần và pháp Xứ.

"Bốn loại đối đáp luận bàn ghi chép", là thuần ghi chép... có bốn luận. Bốn sự ghi chép của người, là đối với pháp Thật tướng, như hỏi Pháp thân của Như Lai, là tánh Chân giác... đáng lẽ chỉ thuần ghi những lời như vậy, để hiển rõ quả hơn kém của người hỏi, phải phân biệt ghi, mong cõi trời là kém, mong các quả khác là hơn, ẩn mật không hiển rõ nghĩa câu hỏi, cũng không phải chỉ thuần một môn, sự hơn kém của người hỏi, phải chất vấn rằng: "Ông từ phương sở nào"? Như vậy lần lượt quán sát ý quanh co của họ, chất vấn ngược lại thì vô cùng, chất vấn thật người tạo tác người thọ nhận của hữu tình, phải xả bỏ sự đặt để ghi chép.

Bốn cách ghi chép, là đối với pháp Thật tướng, mà chất vấn "Chân như là Thường phải không"? Đáng lẽ phải ghi chép dứt khoát; chất vấn "Nghiệp quả trong thân hữu tình, Dị thục của nó phải quyết định sinh hay không"? Nhuận hoặc tận là Dị thục không sinh, Nhuận hoặc chưa tận là Dị thục sắp sinh. Quán sát ý quanh co của họ mà thỉnh hỏi thuyết pháp, chỉ nên hỏi ngược lại, không nên khai mở giải thích, chất vấn "Thật pháp của Uẩn đang là Hữu hay Vô", phải nên xả bỏ Trí ký. Ký là Ký biệt (thọ ký), vì ghi nhận được Biệt giải thoát.

"Bốn Phương tiện nhiếp chúng ", tức là bốn Nhiếp sự:

1. Bố thí.
2. Ái ngữ.
3. Lợi hạnh.
4. Đồng sự.

Như thứ tự mà phối hợp. Bốn trường hợp chết, như quyển 5 trước giải thích.

Lại có bốn Thanh tịnh đạo, "Một là không phải căn công dụng viên mãn...", đây tức là bốn Hạnh tích:

1. Khổ thông chậm.
2. Khổ thông nhanh.
3. Lạc thông chậm.
4. Lạc thông nhanh.

Như thứ tự mà phối hợp, độn căn gọi là chậm, lợi căn gọi là nhanh. Vị chí địa và Vô sắc địa gọi là Khổ, vì Định tuệ thiên một bên. Căn bản tĩnh lự gọi là Lạc, vì Kiến đạo và Tu đạo chuyển. Vị chí địa tuy gọi là có Hỷ lạc vì chưa viên mãn, nhưng chỉ gọi là Khổ. Công dụng căn, là Luyện căn. Nhưng Bồ-tát địa y theo phàm thánh sai biệt thì cùng với

luận này bất đồng, đến Thanh văn địa sẽ phân rõ.

“Nhất lạc mà không phải lợi ích...”, Sinh tử nhiêu ích gọi là Lạc, Xuất thế nhiêu ích gọi là lợi ích..., nghĩa sai biệt căn cứ theo đây mà biết.

“Là Quốc vương, vua tế tự, giết ngựa tế tự”, là các quốc vương đó hằng ôm lo sợ, diệt trừ oán địch... vì có thể khiến cho tự mình và người mang khổ. Người chủ tế tự tuy rất tự tại, nhưng tự mình phải giết ngựa... để cúng tế, có thể khiến cho tự mình và người đều là khổ không phải phước.

Bốn lỗi của lời nói là Hư cuống, Ly gián, Thô ác, Tạp uế.

Trong Tăng thêm năm môn, có hai mươi bốn môn. “Có năm loại lỗi Lợi dưỡng nhân hạnh...”, tức là năm loại Xan trong Thành Thật luận. Nếu tại Xan đó mà thọ dụng lợi dưỡng, tức là Xứ xan. Nếu từ Xan đó mà đắc, tức là Gia xan, cũng gọi là Thí chủ xan. Nếu vật có được, tức là Thí vật xan. Nếu do làm mà được, tức là Xưng tán xan. Nếu như vậy mà được, tức là Pháp xan. Trụ xứ xan, là riêng ta trụ ở đây, không dùng người khác, nếu có người khác, thì ta hằng làm chủ. Gia xan, là riêng ta có nhà này. Không dùng người khác vào, nếu có người khác đến, thì trong đó ta là tối thắng. Thí vật xan, là ta riêng lấy vật này, không dùng để cho người khác, nếu cho người khác, thì chỉ riêng ta phần nhiều được tán thán hơn hết.

Xan, là chỉ riêng xưng tán ta, chớ xưng tán người khác, nếu xưng tán người khác thì chớ khiến cho hơn ta. Pháp xan, là chỉ riêng ta có thể biết giáo nghĩa của các kinh, chớ khiến cho người khác biết, nếu có người có thể biết thì đều cạn cợt hơn ta.

“Lại nữa, có năm pháp khiến cho người tu hành trước hết hủy phạm tịnh giới...”, tức là năm Cái. Cái thứ nhất và thứ hai hủy phạm tịnh giới, ba Cái sau thì hủy Đa văn, thiếu Chỉ quán cho nên không thể lãnh thọ, đó là Hôn miên cái, hay quên mất là Trạo hối cái, không quyết định là Nghi cái.

“Y theo Kiến đạo phần sau mà nói ba Kết”, là vì không vượt qua ác đạo cho nên Biên kiến tùy theo Thân kiến, Kiến thủ tùy theo Giới thủ, và Tà kiến tùy theo Nghi mà sinh. Nói Căn bản có ba thứ, tức là Nhiếp mạt có sáu thứ. Si tương thông với ba cõi, Sân và Tham tăng trưởng tại Dục, chỉ nói Tham khuể thì liền nhiếp Ngu si, không vượt qua cõi dưới, cho nên chỉ nói năm thứ làm phần kết sau. Lại nữa, do Thân kiến không tiến đến giải thoát, do giới Cấm thủ mê lối chánh đường tà, do Nghi nghi ngờ đối với chánh đạo, đối với giải thoát chướng, cho nên

chỉ nói ba loại đầu làm nhân của nẻo ác.

Trong năm thứ Kết phần trên, “Kết không có sai biệt”, là y theo cõi mà phân rõ Kết, không y theo người. Ngoài ra còn có ba loại: Y theo người để phân rõ Kết có sai biệt, Tĩnh lự của nó tức là cõi người. Do Ái mà Trạo cử sinh, nhân theo Ngã mà Mạn và các Mạn khác sinh, nhân theo Nghi mà Vô minh tăng trưởng, gọi là Kết không có sai biệt. “Không xả Sinh đắc tĩnh lự của phần trên”, là vì làm ba thứ Não, có sai biệt đều là Tu sở đoạn, cho nên trừ Kiến thủ, Vô nghi gọi là Si, vì A-la-hán đoạn.

Có năm thứ không tín kính:

1. Đối với Đại sư.
2. Đối với giới.
3. Đối với tâm.
4. Đối với tuệ.
5. Đối với ba loại đồng Phạm hạnh không có kính tin.

Có năm loại Tà hạnh:

1. Đối với kẻ oán mà khởi sân.
2. Đối với người thân mà phá hoại.
3. Thường muốn khiến cho sinh ưu khổ, mà làm các sự không nhiêu ích.
4. Hoại Thi-la của tự mình.
5. Hành ba ác hạnh.

Trong đây có ba loại là Đẳng lưu quá hoạn:

1. Vì sân oán, là có nhiều oán địch.
2. Vì hoại tình thân, là vì bạn bè thân thuộc chống trái xa lìa.
3. Vì làm các sự không lợi ích khiến cho sinh khổ, chủng chủng ưu khổ hằng hiện tiền. Ba loại này là quả Đẳng lưu đời sau. “Một loại quả Đẳng lưu hiện pháp”, là hành ba ác hạnh, sau đó đoạ vào nẻo ác.

Thời tiết ngu, là ngu đối với thời tiết. Sát-na sinh diệt vô thường mà kế chấp là Thường. Phần vị ngu, là ngu đối với phần vị của ba Thọ, đối với Khổ chấp là Lạc. Tự tánh ngu, là ngu đối với tánh của năm Uẩn, Vô ngã chấp là Ngã. Môn thứ tư thì quy về lợi dưỡng, môn thứ năm thì tâm mà nói là mạng, gọi là năm pháp Sở trị.

Hai Thắng hạnh:

1. Định thắng hạnh.
2. Trí thắng hạnh.

Định thắng hạnh có bốn loại:

1. Nhân theo nghe, vì nương vào ngôn luận của Thánh đế mà hiểu

đúng nghĩa pháp.

2. Nhân theo ngôn âm quảng đại mà đọc tụng kinh điển.

3. Nhân vì người khác mà khai xiển diệu nghĩa.

4. Tại Không xứ, tư duy quán sát kỹ.

Ba loại sau làm thông lệ đồng với một loại trước, cho nên nói như đối với do nghe, do âm thanh quảng đại... mà hiểu đúng đắn các nghĩa pháp, phải biết cũng vậy. Tri thắng hạnh, là tư duy để đối trừ Tham dục của thượng phẩm, đó là làm loại thứ năm.

Có năm loại tu Quán hạnh: Đồng tin Bồ-đề và Niết-bàn là hai thứ Ý lạc, là hai loại. Liên tục ân cần trân trọng tu tập chánh trí, là loại thứ ba, tức là Văn tuệ và Tư tuệ. Ân cần cần trân trọng không gián đoạn tu Xa-ma-tha, là loại thứ tư. Ân cần cần trân trọng không gián đoạn tu Tỳ-bát-xá-na, là loại thứ năm, tức là Tu tuệ. Ba loại sau gọi là Phương tiện đầy đủ.

"Có hai loại đối với Sơ tĩnh lự, Sơ thọ đã sinh rồi chứng nhập Niết-bàn", Đối Pháp luận ghi: "Đã sinh cõi Sắc rồi thì thánh đạo hiện tiền". Đây là y theo người trước khi chưa lìa cõi Dục mà nói, không phải quyết định chỉ có như vậy. Trong Thanh văn địa, thường rộng phân biệt. Vấn Đối Pháp... ghi: "Trung bát có ba loại, tùy theo người kia đắc quả rồi thì liền nhập Vô dư. Tại sao còn lại bốn loại là Bất hoàn, đã đắc Hữu dư rồi không phải liền nhập Vô dư? Trung bát có ba loại, tại sao tùy theo ba loại kia đã đắc năm Hữu dư rồi, thì liền nhập Vô dư? Đáp: Do bốn nhập, Sinh dấy khởi Kết cả hai đều chưa dứt tận, Sinh có khi tăng trưởng thì thế lực của nó rất mạnh. Khi mới đắc Hữu dư rồi thì không phải liền nhập Vô dư. Trung bát Bất hoàn thì Sinh và Kết đã tận, khởi Kết tuy còn, nhưng thế của nó nhỏ yếu, so sánh với Trung hữu sinh khởi, thì thế của nó chỉ có bảy ngày. Trung hữu đó suy kém, đã đắc Hữu dư rồi thì liền nhập Vô dư y". Kinh Niết-Bàn quyển 36 ghi: Trung bát A-na-hàm có bốn loại tâm:

1. Phi học Phi vô học.

2. Học.

3. Vô học.

4. Phi học Phi vô học nhập Niết-bàn.

Loại thứ nhất là mới thọ sinh hữu Lậu tâm. Loại thứ hai là các tâm Vô lậu trước Kim cương định. Loại thứ ba là các tâm Vô lậu sau Giải thoát đạo. Ba loại trước này nhiếp hết tất cả. Trong thân Vô học nhập Vô dư y, tùy thuận Thuyết nhất thiết hữu bộ, lấy uy nghi của Vô phúv-Vô ký dị thục mà nhập Vô dư, cho nên loại thứ tư này chỉ nói Phi học

Phi vô học nhập Niết-bàn. Lại nữa, Chân thật lý môn, một sát-na cuối cùng cũng chỉ có Thức thứ tám Vô phú vô ký nhập Vô dư y, cho nên loại thứ tư này chỉ nói nhập Niết-bàn, ba loại còn lại không nói nhập Niết-bàn. Lại nữa, kinh Niết-bàn đó lại ghi: "Trong bốn loại tâm, có hai loại là Niết-bàn, hai loại là Phi niết-bàn", là lấy tâm Vô học nhập Hữu dư y, lấy tâm thứ tư nhập Vô dư y, hai loại trước thì không phải. Lại nữa, luận này trở xuống, nói: "Muốn nhập Vô dư y thì phải trước hết nhập Vô tướng định", tức là Ý thức của tâm Vô học này, Phi học Phi vô học của nó tức là Thức thứ tám, nếu nhập Diệt định mới nhập Niết-bàn, thì chỉ có Thức thứ tám này.

"Có năm loại tu Quán hạnh" là Dục, Khuể, Hại, Nhiễm và Tịnh, làm ba loại; cõi Sắc, cõi Vô sắc và Đẳng chí, làm loại thứ tư; Niết-bàn làm loại Quán hạnh thứ năm.

Trong tăng thêm sáu môn, hợp chung có mười sáu môn là y theo sáu tướng để tuyên thuyết tám loại Sự hữu tình sai biệt, là sáu Căn, sáu Cảnh, sáu Thức, sáu Xúc, sáu Thọ, sáu Tưởng, sáu Tư, sáu Ái, gọi là tám Sự. Sự sở y sai biệt của Ngã là sáu Căn. Sự cảnh giới sai biệt là sáu Cảnh. Sự tự tánh sai biệt, là sáu Thức, vì chấp Thức làm tự tánh của Ngã. Sự thọ dụng nhân sai biệt, là sáu Xúc, vì là nhân của Thọ. Sự thọ dụng sai biệt là sáu Thọ. Sự tùy thuyết sai biệt là sáu Tưởng, vì là nhân của ngôn thuyết. Sự tác dụng sai biệt là thân của sáu Tư. Sự hy vọng sai biệt là thân của sáu Ái, cũng gọi là sáu Dục, vì lấy Dục mà làm tự tánh.

Từ câu "đối với các Sự như vậy..." trở xuống là thuyết minh nương vào sáu tướng để tuyên thuyết tám Sự. Ngã y Nhãn... là tướng thứ nhất; Ngã đối với các Cảnh của Sắc... là tướng thứ hai; kế chấp Thức làm Ngã gọi là Sự tự tánh sai biệt, thông chung trong Căn cảnh... mỗi mỗi đều phải nói do Xúc và Thọ, là tướng thứ ba; y theo Nhất tướng mà nói Xúc và Thọ sự có tên như vậy, cho đến tùy khởi ngôn thuyết là tướng thứ tư; tạo tác tất cả Pháp hạnh và Phi pháp hạnh là tướng thứ năm; đối với Sự khả ái, cho đến không trụ tổn giảm, là tướng thứ sáu. Trong Sự phi ái, chưa được thì mong không hợp, nếu hợp thì mong không trụ, nếu trụ thì mong tổn giảm.

"Lại nữa, đối với Tam bảo và Tam học có sáu thứ khinh miệt...", là trong Tam bảo, đáng tin thì không tin; trong Tam học, đáng đắc thì không đắc, vì do Ác ngữ, cho nên hoàn toàn không có chỗ đắc. "Là tăng cõi trên thoái mất tất cả chỗ có thiện pháp", tức là chỗ đáng tin thì không tin, đáng đắc thì không đắc.

"Lại nữa, có sáu thứ rất thanh tịnh...", tức là sáu thứ hằng trụ. "Là bốn đại chủng, Không giới và Thức giới", Sở y của Sắc là đại chủng, Sở y của Phi sắc là Thức giới, Sở y của hành động là Không giới, cho nên chỉ nói sáu thứ để làm thành hữu tình. Do câu thứ nhất này nói là các Sắc căn và Xứ sở y tùy chỗ thích ứng của nó mà đó là chỗ y chỉ của nó.

"Lược có sáu môn, có thể chướng Đế hiện quán pháp", là trong tăng thêm năm môn trước, Tam ngu khởi Tam đảo, tức là ba môn; quy về tâm lợi dưỡng làm môn thứ tư; hy vọng thọ mạng làm môn thứ năm. Năm môn này cùng với trước đồng.

Từ câu "trong đây sai biệt..." trở xuống là giải thích Chương thứ sáu, trong năm môn trước không có, cho nên nói như vậy. "Nói đây là trong Minh phần, không phải trong giải thoát Thành thục phần", Thành thục phần là Gia hạnh đạo. Minh phần là Tư lương đạo, mới cầu Vô lậu tuệ sáng tỏ cho nên tại Minh phần, khởi sáu thứ chướng này không phải Thành thục phần. Lại nữa, sau Kiến đạo gọi là Minh phần, Gia hạnh đạo gọi là Thành thục phần, hiện tại luận này chỉ có chướng Minh phần của Kiến... không phải chướng Thành thục phần, vì chướng Đế hiện quán. Lại nữa, từ câu "Thân của nhân thiên" trở xuống, là thuyết minh nhập Thánh vị, là Minh của cõi trên. Người từ nhân thiên được nhập Thánh vị gọi là từ minh nhập minh. Năm loại Thủ tướng, trong tăng thêm năm môn trước, là tướng Vô thường, Khổ và Vô ngã, đối với nghịch tướng trong Thực ác, yểu tướng trong mạng, đối với hạnh thú hướng Niết-bàn là giới, đối với hạnh thú hướng tư tài là thí, Thú hướng sinh Thiên là tu.

Có sáu pháp gọi là Vô thượng:

1. Thấy Đại sư.
2. Nghe chánh pháp.
3. Đắc Tịnh tín.
4. Khởi Tùy học và Học xứ.
5. Chỗ khởi niệm hạnh đối với Đại sư.
6. Chỗ thừa sự cúng dường đối với Đại sư.

Tăng bảy môn, hợp chung mười lăm môn. "Niệm thông với ba phẩm", là trong Hữu nhân hữu cụ Thánh chánh Tam-ma-địa ở trước. Niệm là Định phần, luận này thì thông với hai môn, Tu sinh đối với Định, niệm tùy Định mà tăng trưởng, nhớ rõ Chỉ quán, lý thì thông với Định tuệ.

"Định chướng giải thoát, không phải phiền não chướng giải thoát

mà kiến lập Thân chứng", Định của nó chướng Thể, có nghĩa của hai Sư, An Tuệ Bồ-tát... nói: "Trong ba tánh tâm đều có pháp chấp", trong đó có nói Duyên khởi luận của Bồ-tát Thế Thân nói Vô minh thông với ba tánh. Ba tánh tâm của Hữu lậu đồng thời với Vô minh, làm chướng thể của Vô lậu định, các tán tâm không phải thiện tâm, đồng thời với Vô minh làm chướng thể của Hữu lậu định. Bồ-tát Hộ Pháp... giải thích không phải như vậy. Du-già... nói: "Vô minh có hai loại, một là bất thiện, hai là Vô ký". Du-già luận... không nói Vô minh có thiện tánh, Định chướng Vô minh là Sở tri chướng. Tuy có hai tâm, nhưng không có Ký tánh. Trong tám tâm của cõi Dục, Dị thục sinh sở nhiếp, Đối Pháp quyển 2 ghi: "Có hai loại pháp Ưng đoạn pháp", là các phiền não và Thọ sở y này, vì phiền não đoạn cho nên kiến lập Trạch diệt, vì hai Thọ đoạn cho nên lập Bất động diệt và Tưởng thọ diệt, tức là hiển Định chướng Dị thục mà sinh thọ và Câu vô minh lấy làm tự tánh, vì lãnh thọ thấp kém không thể tiến tu, trong Thắng định, là các tánh thô cứng rít nhám, đây là nói biệt hạnh, nếu nhiễm tâm đồng thời thì tất cả đều như vậy. Trong hai mươi bảy loại Hiền thánh, thì bảy loại này là Tổng quả đầu, còn lại hai mươi loại thì y theo Biệt mà kiến lập Sở y, chỉ nói bảy loại này.

"Lại nữa, vì ba nhân duyên bảy loại hạnh...", là Thú nhập, An trụ, Nhiếp thọ, gọi là ba Nhân duyên. Chánh kiến, Chánh tư duy gọi là Thú nhập nhân duyên; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng gọi là An trụ nhân duyên; Chánh tinh tấn và Chánh niệm gọi là Nhiếp thọ nhân duyên. Do ba nhân duyên và bảy đạo chi này khiến cho định tâm trong tâm chuyên chánh một duyên.

"Lạc do bảy Thánh tài sinh", là Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Xả và Tuệ, như thứ tự mà phối hợp. Bảy sức Ma phẩm tùy thứ tự của nó ngược với bảy Thánh tài.

"Lại nữa, có bảy loại Niết-bàn là chỗ đối trừ pháp...", là đối với Suy tổn thứ nhất, có một Đối trị, Thể là Tham dục. Đối với Suy tổn thứ hai, có hai Đối trị, một là đối với Đạo, hai là đối với Đạo quả, là tâm không tin hiểu. Đối với Suy tổn thứ ba, có bốn Đối trị, là Giải đãi, Thất niệm, Tâm loạn và Ác tuệ. Bảy nhân này có hai là do bất thiện căn khởi cho nên gọi là Phẩm loại.

Trong bảy Thức trụ, "Thân dị loại" trở xuống, là Thân dị thứ nhất. "Tưởng dị phải biết cùng với Thân dị này" trở xuống, là Thân nhất tưởng nhất thứ hai. "Phạm Thế" trở xuống, là Thân dị tưởng nhất thứ ba. "Tĩnh lự thứ hai" trở xuống, là Thân nhất tưởng dị thứ tư. Văn lược

bớt không nói “Vô sắc” trở xuống ba đoạn.

Có bảy thô trọng, tức là bảy Tùy miên.

Có bảy pháp tránh sự dừng nghỉ, tức là bảy pháp Diệt tránh:

1. Hiện tiền Tỳ-ni.
2. Ức niệm Tỳ-ni.
3. Bất si Tỳ-ni.
4. Tự ngôn trì Tỳ-ni.
5. Không thấy tội tướng Tỳ-ni.
6. Phần nhiều không thấy tội tướng.
7. Như cỏ che đất.

Tức là như thứ tự phối hợp xuống bảy loại tránh sự trái phạm.

BẢN LUẬN 15

Tăng tám môn, hợp chung có mười môn. Chánh niệm là chỗ nhiếp của Chánh định. Hoà hợp như trước.

“Giải đãi thí”, là có người đến cầu bố thí nhưng không khắp, không đến bố thí mà chờ người đến cầu xin. “Không tùy theo điều mong muốn”, là sợ bố thí vật khác nữa. “Sợ tự mình bần khổ mà đoái hoài đến bố thí”, là tu tập trước hạnh nghiệp của con người, vì báo ân trước kia của người khác, nhưng không phải tự mình ưa thích. “Chưa đến bố thí”, là mong Dị thục và mong người khác đến báo đáp, vì mong hai quả cho nên là lỗi. “Khinh mạn thí”, là ỷ mình giàu có, lăng mạ người khác mà cho, hoặc vì báo ân mà khinh mạn người kia. “Mong cầu giàu vui”, là cầu trong cõi người cõi trời và năm Trần bên ngoài. “Cầu tri và Văn”, là quy về danh dự. “Không có tâm nhiễm ô để đến nẻo thiện”, là đến nẻo thiện kia để tu lợi hạnh tự tha cho nên không phải lỗi. “Có bốn nhân duyên cho nên trong cõi người kiến lập bốn chúng của Như Lai”,

1. Tối tăng thượng là Quốc vương... tức là Sát-đế-lợi.

2. Thế gian phước điền là Bà-la-môn, vì phần nhiều là Tịnh hạnh, cùng thừa nhận là phước điền.

3. Tài sản họ dùng không do người khác là Đại trưởng giả.

4. Vứt bỏ các tài vật thế gian là các Sa-môn.

Những thứ đều là Phật có, gọi là Như Lai chúng.

Có ba nhân duyên cho nên trong cõi trời kiến lập tên bốn chúng:

1. Y theo biên tế của Địa kiến lập hai chúng, là Tứ đại vương chúng thiên và Tam thập tam thiên, cư trú riêng biệt.

2. Biên tế của cõi Dục, kiến lập Ma chúng.

3. Biên tế của Ngữ hạnh, kiến lập Phạm chúng.

Trong tám Giải thoát, “Tịnh và Bất tịnh không phải hai Sắc, Xả thắng giải thứ nhất gọi đó là thứ ba”, vì Tịnh giải thoát có ba loại tưởng:

1. Triển chuyển tưởng đãi.

2. Triển chuyển tương nhập. Hai loại này quán chung với Tịnh sắc và Bất tịnh sắc, vì bình đẳng quán, gọi là Xả thắng giải.

3. Triển chuyển nhất vị tưởng, chỉ có quán Quang minh, không khởi Tịnh và Bất tịnh, gọi là không phải hai Sắc.

Xả thắng giải thứ nhất, bình đẳng quán tối thắng vị của Quang minh, gọi là Xả thứ nhất. “Ba giải thoát này đến Bất cộng cùng với tất cả Dị sinh có chung”, quyển 12 đã dẫn thành văn thừa nhận Dị sinh đắc,

luận này nói là Thắng, cho nên nói Bất cộng. "Năm Thắng giải này cho đến Thọ tưởng diệt, Đẳng chí trụ tối thắng", trước đã riêng dẫn Không, dẫn qua lại Thần thông thức, dẫn công đức của Vô tránh... đây là nói chung dẫn Cứu cánh định viên mãn, cho nên không trái nhau.

"Lại nữa, nếu quán các Sắc", cho đến "mà tu tập", là đoạn văn trong kinh Bát Thắng Xứ, ba giải thoát sau, giải thích văn của kinh đó, trước y theo giải thoát thứ nhất mà tu Thắng xứ làm quả, luận này nói tu Thắng xứ làm nhân, trong Như lý trí thì giải thoát làm quả, cho nên ba Thắng xứ làm nhân của phương tiện. "Quán các Sắc", là bốn Thắng xứ trước. "Hoặc như Sở quán", là bốn Thắng xứ sau. Như trước đã quán cảnh sai biệt, quán Sắc, tám Thắng xứ của nó sau đó mới thành mãn, vì ba giải thoát làm nhân. Nói ba Thắng xứ là Phương tiện đạo của ba giải thoát nhiếp, không phải chỉ có ba loại. "Trong đây quán các Sắc bên ngoài cho đến hoặc là Thắng", theo văn kinh là "quán không phải Sở hành của Tam-ma-địa hiện Sắc sở đắc", đây là giải thích kinh trước, quán các Sắc lớn nhỏ, nghĩa là trong hai vị Văn và Tư của Gia hạnh trước Định, khởi chủng chủng Sắc này mà quán. "Do duyên Tam-ma-địa rốt ráo, cho nên gọi là Thắng", đây là giải thích nguyên nhân trong Định được tên Thắng. Duyên một loại Sắc không đồng trước khi Định, vì tạp duyên lớn nhỏ cho nên gọi là Thắng, hoặc không phải Sắc của Tam-ma-địa có tướng lớn nhỏ, là Bản chất sắc do duyên Tam-ma-địa rốt ráo cho nên gọi là Thắng, là duyên Sắc trong Định, chỉ có một loại duyên cho nên gọi là Thắng, là Ảnh tượng của chủng chủng bản chất trước. Gia hạnh tâm trước có chủng chủng cảnh tướng, cho nên không phải Thắng cảnh, không đắc hành vi thù thắng. Cảnh trong Tam-ma-địa chỉ có một loại tâm, vì không có tướng khác cho nên gọi là Thắng. "Đã Tầm tư rồi, đã Liễu biệt rồi", là thời đầu và thời sau, vì liễu biệt khác nhau. "Như vậy chỗ tưởng bên ngoài cho đến quán các Sắc cũng vậy", đây là giải thích địa vị của Văn và Tư chỉ đồng trong Định, đối với dẫn Chỉ quán, hoặc Tri hoặc Kiến, thì đối với Sắc kia cũng trước hết là Tầm tư, sau là Liễu biệt.

Sinh xứ của chín Hữu, tức là chín Hữu tình cư, trong phần thứ nhất đã giải thích.

"Mười pháp Vô học do năm Uẩn nhiếp", là Giới uẩn nhiếp Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng; Định uẩn nhiếp Chánh niệm và Chánh định; Tuệ uẩn nhiếp Chánh kiến, Chánh tư duy và Chánh tinh tấn, thêm hai pháp nữa thì thành mười giải thoát, tức là Thắng giải tâm sở. Chánh kiến là duyên Sự tuệ, Giải thoát trí kiến là duyên Vô vi tuệ.

"Trong đoạn thứ ba phân rõ Nhân minh xứ", văn phân hai đoạn:

1. Tổng vấn đáp chỗ đã nêu.
2. Hiển riêng để giải thích.

"Các Sự sở hữu trong quán sát nghĩa", chỗ kiến lập pháp gọi là Quán sát nghĩa, hay tùy thuận với pháp gọi là các Sự sở hữu. Các Sự sở hữu tức là Nhân minh, làm nhân soi sáng để quán sát nghĩa. Các chỗ giải thích khác gọi là "như chỗ Sớ giải kia".

- Trong giải thích riêng có hai đoạn:

1. Nêu tụng để trình bày danh.
2. Tùy giải thích riêng.

Luận Thể có ba đoạn:

1. Nêu tên gọi.
2. Biệt thích.
3. Liệu giản.

Luận Thể, là nói Sinh nhân, là Thể để lập luận. Xứ sở, là xứ sở của những người chứng nghĩa luận nghị. Sở y của luận, là nghĩa của Chân năng lập và Tợ hiện tỷ làm chỗ y của lời nói, chỗ thành lập của nó cũng là Sở y. Trang nghiêm là Năng phá. Đoạ phụ, là tợ lập tợ phá. Xuất ly, là khi sắp khởi luận thì tự mình ở an trong pháp. Đa sở tác, là do có đủ sáu Năng trên, cho nên có nhiều Sở tác.

- Căn cứ theo Thể tánh của luận của ba đoạn:

1. Nêu sáu môn.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Vấn đáp phân rõ.

Ngôn luận, là Âm thanh làm tánh, Ngôn thuyết là thể, Ngôn âm là tướng, Danh từ là dụng, là ba thứ sai biệt. Lại do âm thanh khởi Cú, Danh, Văn, như thứ tự riêng khác mà lập ba thứ sai biệt. Hoặc lấy Âm thanh, nói một Nhân hai Dụ, để lập ba thứ sai biệt. Thượng luận, là lập đạo lý của thế gian, không trái với chỗ đáng ưa chuộng luận của thế gian, mà lập nghĩa xuất thế gian nêu ra các danh từ thù thắng, không trái với Thượng luận. Tranh luận và hủy báng luận, là ngôn luận phát khởi ác duyên làm nhân. Tranh luận có bốn loại:

1. Do các Dục khởi.
2. Do Dục khởi muốn chiếm đoạt chỗ chưa nhiếp thọ.
3. Do chỗ khởi của ác hạnh.
4. Nương vào các Kiến mà khởi.

Đó là chỗ sinh Nhân sự của tranh luận. hủy báng luận thì nhân theo chỗ khởi ngôn ngữ, thuận theo chánh giáo dẫn ra hai luận, là Ngôn

luận khởi thiện duyên làm nhân, thuận theo chánh luận là Giới học thiện duyên, Giáo dẫn luận là thiện duyên của Định tuệ. Hai luận tối hậu phải nên tu tập, là vì thuận chánh lý. Hai luận trung gian phải nên xa lìa, vì không đam mê ác sự và khởi ác ngôn mà phát khởi luận. Vì muốn đoạn trừ những lời tranh cãi thì có thể được khởi luận như vậy, cũng tức là tu tập kia nhiếp.

Hai loại luận đầu phải phân riêng, vì tánh thông cả thiện ác, phải tu đoạn trừ.

Xứ sở của luận có sáu chỗ. Đối với Vương gia, quốc vương có đức, nhận thức thông đạt bình đẳng, đối với người đó có thể luận, ngược lại thì không thể. Chấp lý gia, nhận thức bình đẳng thông đạt bị đoạn, chỉ khéo đoạn các chuyện nhà. Trong Đại chúng, có nhiều người có nhận bình đẳng thông đạt. Còn lại ba chỗ có thể hiểu.

- Trong luận Sở y, có ba đoạn:

1. Nêu mười loại Sở y.

2. Tùy giải thích riêng.

3. Vấn đáp phân rõ thứ tự của mười loại.

- Biệt thích có hai đoạn:

1. Sở thành.

2. Năng thành.

"Sáu nghĩa Sở thành có hai tự tánh sai biệt...", trong đây tông... gọi là Năng lập. "Tự tánh sai biệt làm Sở lập", Sở lập này có ba lớp:

1. Chỗ thành lập nghĩa trong lời nói của tông, gọi là Sở lập, do Sở lập này mới có ngôn nghĩa; ngôn năng thuyên của tông đó và ngôn nghĩa của nhân đều gọi là Năng lập, vì ngôn của tông đó do Nhân và Dụ làm thành. Tuy cũng là Sở lập, Sở lập này văn sau sẽ nói, vì hiển thị trước chỗ ưa thích tông nghĩa của tự nó, cũng là Sở lập nhưng không phải quyết định là Sở lập, vì có thể trở thành nghĩa, cũng như đối với Nhân và Dụ đều thành, cho nên chỉ gọi là Năng lập. Nghĩa sở thuyên quyết định chỉ là Sở lập, cho nên chỉ gọi là Sở thành.

2. Chư pháp Tổng tụ tự tánh sai biệt, hoặc giáo hoặc lý, đều là Sở lập, Sở lập này chỉ gọi là nghĩa, vì tùy chỗ thích ứng mà có, là một phần trong tổng, đối địch với phần khai mở, hoặc ngôn hoặc nghĩa, Tự tánh sai biệt, đều gọi là tông, tức là Năng lập. Tuy tông khác cũng là Sở lập, nhưng có thể lập chung mà được tên là Năng lập, cho nên các ngài Trần Na... gọi tông là Sở lập, cùng với lý của Du-già không trái nhau. Du-già... nói tông không phải xưa nay chỉ có Năng lập.

3. Tự tánh sai biệt, hợp chung với nghĩa sở y gọi là Sở lập, Năng

y hợp chung với tông, gọi là Năng lập, vì tổng lập biệt, không phải tổng tông chỉ có Năng lập, đối địch với phần hợp chung và khai mở, vì do Nhân và Dụ làm thành cho nên cũng gọi là Sở lập. Vì không phải quyết định Sở lập cho nên được tên Năng lập. Trần Na chỉ lấy Nhân dụ thừa nhận chung để thành chỗ chưa thừa nhận của người khác. Chỗ chưa thừa nhận của người khác chỉ là hợp với tông, vì tông làm Sở lập; Tự tánh sai biệt, chỉ là Sở y của tông. Chỗ mong nghĩa khác nhau, nhưng không trái nhau.

- Trong Năng thành lập, văn có hai đoạn:

1. Nêu trình bày tám môn.

2. Tùy giải thích riêng.

"Đoạn thứ ba dẫn Thí dụ", là tổng. "Đồng loại dị hiển", là biệt. Đối với tổng so với pháp thì dẫn riêng ra một Dụ, Đồng phẩm và Dị phẩm làm hai Dụ. Trong Đối Pháp quyển 6, lấy Nhân tổng phân tích mà không khai mở riêng, trong Dụ đó cũng chỉ có khai mở tổng, chỉ lấy Năng thành có tám loại, số thì không khác nhau. Trong Thành nghĩa, lại kết hợp thêm. Luận này thì lấy hợp kết không lìa Nhân dụ cho nên không khai mở riêng, luận kia thì lấy Thành nghĩa để thuyết minh thêm cho nên lập rời ra, cũng không trái nhau. Trần Na thì lấy kết hợp, không lìa Dụ, trừ bỏ Năng lập. Đối Pháp thì lấy hợp nghĩa tăng thêm, lìa riêng làm Năng lập, dẫn dụ tổng biệt, tăng giảm, cũng như vậy. Lại nữa, những thứ để lập luận, là Hiện lượng... có ba loại, xa thì có giác ngộ; cổ xưa gọi là Năng lập, lập luận đối địch, gần thì tự ngộ, cho nên Trần Na... không làm Năng lập, cũng không trái nhau.

Trong Lập tông, "mỗi mỗi riêng nhiếp thọ chỗ thừa nhận mỗi phẩm của tự mình", đây là tổng văn.

Nhiếp thọ, là ý thích của tự mình. Nghĩa phẩm là nghĩa của tông. Hiển Dương quyển 11 nói là chỗ thừa nhận của tự tông. Trong đây có ý nói nương vào hai Sở lập mà lập luận thì mỗi mỗi đều khác, tùy theo ý thích của tự mình, mà chỗ thừa nhận của tự tông gọi là tông, trong đây có ba giải thích:

1. Lấy ngôn đối với lý, là nắm lấy Biệt thuyên y theo nghĩa, gọi là mỗi mỗi đều riêng chỗ thừa nhận của tự tông.

2. Lấy biệt đối với tổng, là nắm lấy hai thứ Biệt ngôn và Nghĩa y theo tổng gọi là chỗ thừa nhận của tự mình.

3. Lấy hợp đối với ly, nắm lấy tánh Bất tương ly của Năng y, hợp chung làm chỗ thừa nhận của tự tông.

Lập tông y theo nghĩa Ly, lấy làm Sở lập, cho nên đây là đoạn văn

tổng. Hoặc Nhiếp thọ luận tông, là nương vào chỗ sư tông của tự mình, đối với tông đối địch của sư khác, mà lập tự tông, nếu không như thế thì liền có lỗi hỗ tương nhau cực thành. Nếu tự biện tài, thì do tự biện tài mà lập nghĩa của tông khác, tùy tự ý ưa thích mà đoái nhìn lại tông của luận, chỉ có hai loại này là chỗ lập tông đúng đắn, hoặc chỗ thừa nhận khắp hết, hoặc đồng với chỗ vâng theo của Nhân và Tông, hoặc nghĩa phụ làm chuẩn, không phải nhiếp thọ riêng, không phải tùy theo tự ý ưa thích, cho nên không phải chân tông, vì lập đã thành, không phải vốn sẵn đã thành. Thời của tông này, hoặc khinh miệt người khác, hoặc từ người khác mà nghe, hoặc tự giác ngộ chân thật mà khai mở ý thú của tông, ba loại này gọi là Nhân duyên lập tông. "Hoặc thành tự tông, hoặc phá tha tông", hai câu này nêu ra tất cả ý lập tông chẳng qua chỉ là như vậy, hoặc chiết phục người khác, trên là giải thích thành lập tự tông, hoặc tồi phục tông khác, trên là giải thích phá hoại tha tông, thành tự phá tha, đều là bi mẫn, cho nên ba câu sau giải thích hai ý trước, do đó mười câu sau đều làm ba loại:

1. Hai câu là Thể của tông.
2. Ba câu là nhân duyên lập tông.
3. Năm câu là lập ý tông.

Nhân là nguyên nhân, ba Dụ lượng có thể thành tông, chỗ có kiến lập thuận ích đạo lý, thì liền đủ ngôn nghĩa của ba tướng.

Hiện lượng, văn có ba đoạn:

1. Nêu.
2. Giải thích.
3. Vấn đáp phân rõ.

"Dĩ sinh và Dĩ đẳng sinh, hoặc sinh hoặc khởi", là đối với Dị thục tăng thượng quả của đời quá khứ, gọi là Dĩ sinh; quả Đẳng lưu gọi là Dĩ đẳng sinh, vì Đẳng có nghĩa là tương tợ. "Trụ Sinh hiện tại gọi là là Nhược", hoặc trụ Sinh vị lai gọi là Nhược khởi.

"Sở ngại của phú chướng là Hắc ám...", Hắc ám có ba loại:

1. Hắc ám, là sắc tối.
2. Vô minh ám, vì Si cho nên mê cảnh.
3. Bất trừng thanh sắc ám, bị vách chướng... Hoặc Lưu ly... gọi là Trừng thanh sắc thì không phải phú chướng.

"Tuy ngăn cách có thể thấy, hoặc Sắc tướng thù thắng", là uy thế của ánh sáng mặt trời, mắt nhìn không thấy, vì Sắc tướng thù thắng. Có ba thứ cực viễn, như trong phần thứ nhất đã giải thích. "Không phải Hiện lượng của Dĩ tư, Ưng tư", Dĩ tư và Ưng tư, phần nhiều là Tỷ lượng,

hoặc Phi lượng nhiếp. Luận này thì không phải hai loại này, cho nên gọi là Hiện lượng. “Phải biết Sắc, Hương, Vị, Xúc của thuốc này vừa mới lấy thì liền thành chỗ y chỉ của Sở thủ”, Năng y chỉ của nó là uy thế của thuốc, đây không phải là uy thế của Hiện lượng, chỗ y Sắc, Hương, Vị, Xúc mặc tình tùy ý mới lấy thì liền thành Sở thủ, là chỗ y chỉ của uy thế, đây là Hiện cảnh, Năng thủ gọi là Hiện lượng. “Chỗ có đại thế uy đức của thuốc, nếu bệnh chưa lành thì gọi là Ưng tư”, đây là công năng của thuốc, bệnh chưa bớt chút nào, thì thường nên tư duy, nếu bệnh đó lành, thì gọi đó là Dĩ tư, là đã tư duy rồi, đây là hai Cảnh tác dụng của Ưng tư và Dĩ tư, không phải Thể của Hiện cảnh có thể duyên các Tư kia, cũng không phải Hiện lượng, trái lại là hiển chỗ nói ở trước vừa mới thủ thì liền thành Cảnh sở y của Thủ, có thể duyên tâm kia thì gọi đó là Hiện lượng. “Trong đây kiến lập cảnh giới là Cảnh sở y của Thủ không phải là đã tư duy, không phải là nên tư duy...” là ngoài Không, Địa v.v... “Làm Bản chất của Định cảnh”, là kiến lập cảnh giới. “Cảnh sở y của Thủ”, là kiến lập Cảnh ảnh tượng của Định tâm. Thể của Hiện cảnh này, là Tâm năng Thủ, gọi là Hiện lượng. “Địa... các giới”, là thông suốt với Tiền phương tiện, giải thích nếu chưa thành vị lai thì gọi là Ưng tư duy.. không phải Thể của Hiện cảnh, có thể nắm lấy tâm kia, không phải quyết định định là Hiện lượng, trái lại là hiển thị kiến lập cảnh giới. Cảnh sở y của Thủ gọi là Hiện cảnh, trong hai môn này, môn thứ nhất là Sở tạo, môn thứ hai là Năng tạo. “Trong đây không phải là không hiện kiến... ba loại, gọi là Hiện lượng”, nhập chánh lý mà nói thì Hiện lượng trong đây, là Vô phân biệt. Nếu có chánh trí thì đối với nghĩa của Sắc... lìa chỗ có phân biệt của Danh chủng... vì hiển hiện chuyển riêng cho nên gọi là Hiện lượng, các Bộ bất đồng, luận này cùng với Nhân minh cũng khác, đều như các Sớ kia. Quán sát văn này mà nói, thì thế gian cũng Hiện lượng thanh tịnh, cho nên tâm Tịnh định cũng là Hiện lượng nhiếp, không cần phải đắc Thể của Cảnh. Năm Câu như Ý v.v...gọi là Thể của Hiện lượng.

Tỷ lượng, là dựa vào nhiều tướng mà quán sát đối với nghĩa trí, trong hai Lượng, ngay nơi trí gọi là quả... đều như Nhân minh nói. “Chấp trì tự tướng tỷ tri đạo tục”, là tướng chấp trì y bát... thì Tỷ tri là đạo, chấp trì mũ miện... thì tỷ tri là tục.

“Là làm Khả ký hoặc An lập ký”, thứ nhất là Ký tự thể, thứ hai là Ký sai biệt. Ký thứ nhất Tổng ký hữu (tổng ghi là có), thứ hai Khúc biệt thị. “Như chấp tất cả Lạc thọ đều là chỗ Tùy miên... của Tham”, y theo Tùy miên tăng trưởng thì tuy khác, như vậy không phải ba loại Tùy

miên lẫn nhau không tùy tăng trưởng, cho nên chấp chỉ như vậy thì gọi là trái pháp tướng. Lại nữa, lìa ba Thọ của Lậu, không phải ba chỗ tăng trưởng, nếu chấp đều là tăng trưởng thì liền trái với pháp tướng.

Từ câu "một là Bất quyết định, hai là Đồng sở thành" trở xuống, đây là chữ "lại nữa" thứ hai, giải thích nguyên nhân lập Đồng loại và Dị loại, câu này có ý hiển lỗi của Nhân đối với Tông, gọi là Bất thành, lỗi đối với Đồng dụ và Dị dụ gọi là Bất định, lỗi đối với Tông và Dụ gọi là trái nhau. "Bất quyết định", tức là sáu loại Bất định, vì Nhân đối với Đồng dụ và Dị dụ trái nhau, không thể quyết định thành tông nghĩa của nó. "Đồng sở thành", tức là bốn loại Bất thành và bốn loại Tương vi, vốn đã lập Cộng nhân, suy ra thành tông quả, Nhân đã liên đới với tương tợ thì lý cần phải thành trọn vẹn, nếu thành trọn vẹn thì cùng với tông không khác nhau, cho nên gọi là Đồng sở thành, Tợ đồng dụ và Tợ dị dụ cũng nhiếp trong đây.

"Trong Bất tương vi, vì quyết định", là Chân nhân và Chân dụ, vì quyết định thành tông.

"Dị sở thành", tức là Chân nhân và Chân dụ, không có các lỗi, vì Thể là Năng thành.

"Khác với Sở thành chính là Tương vi", tức là Tợ nhân, Tợ dụ, Tợ hiện lượng và Tợ tỷ lượng không thể làm Lượng, vì không trái nghịch tức là Chân nhân... và Chân hiện tỷ có thể làm Lượng. Thể của Chí giáo lượng, Văn tư tuệ... duyên Chí giáo trí.

Trong phần giải thích riêng thứ tư, luận Trang Nghiêm phân hai đoạn:

1. Thuyết minh năm loại Trang nghiêm. Trang Nghiêm luận, là đức viên mãn.

2. Thuyết minh hai mươi bảy loại công đức xưng tán.

Nếu người có đủ hai mươi bảy loại này, thì gọi là Xưng tán công đức. "Dĩ thiện, Dĩ thuyết, Dĩ minh", đọc tụng thọ trì gọi là Dĩ thiện; lắng nghe gọi là Dĩ thuyết, vì đã từng nghe, có thể vì người khác mà thuyết; tư duy thuần thục gọi là Dĩ minh.

"Nghĩa thiện, là có thể dẫn phát Thắng sinh và Định thắng", Thiện của thế gian thì có thể dẫn phát Tăng thượng sinh đạo, thiện của xuất thế gian thì có thể dẫn phát Quyết định thắng đạo.

Đa chúng, là Chúng đại thí hội. Tạp chúng, là tám bộ chúng. Đại chúng, là chúng Quốc vương, Vương tử. Chấp chúng, là chúng chấp lý, tức là chuyên gia đoán sự. Đế chúng, là các chúng Thật ngữ, hoặc bậc Thánh chúng. Thiện chúng, là chúng Sa-môn, không có hai chúng Lạc

pháp nghĩa và Đa tạp. Trong luận về sáu Xứ sở, hợp chung gọi là Đại chúng. Đại chúng, tức là Vương gia kia. Chấp chúng, tức là những nhà chấp lý. Đế chúng, tức là các nhà Hiền triết kia. Thiện chúng, tức là các chúng kia khéo hiểu nghĩa, và những người ưa thích pháp nghĩa. "Mà không nói sàm và vội vã", khi người khác đang nói, giữa chừng liền xen vào nói, gọi là sàm; không nói một cách từ tư đúng lý gọi là vội vã. Trong lỗi của lời nói vô nghĩa, là không có nghĩa lý. Trái nghĩa, là trái với lý chánh đạo. Tổn lý, là tổn hai Đế lý, tức là Đồng sở thành trong vấn đáp ở trước. Thành lập Năng thành, là lấy nhân làm Thành nhân, lấy Dụ làm Thành dụ.

- Đoạn thứ tư, Thanh minh xứ có hai phần:

1. Kết chỗ nêu trình bày ở trước.

2. Tùy giải thích riêng.

"Pháp thi thiết kiến lập là Danh thân, Cú thân...", đây là nêu ra Thể của Thanh minh. "Và năm đức...", là vì Thể của Thanh có năm đức mới thành luận, là Năng thuyên thanh thù thắng. Các nhà Thanh luận nói: "Thể của Danh cú Văn tức là Thanh, tánh của Thanh là Thường, âm hưởng là Vô thường". Âm hưởng Vô thường là hiển thị đối với Thanh thường, nếu biết Thanh thường thì gọi là Thanh minh. "Nghĩa thi thiết kiến lập", là Nghĩa sở thuyên của Thanh minh, vì Thanh minh kia nương vào Năng thuyên và Sở thuyên mà kiến lập.

Lại nữa, trong sáu loại nói năng, "nghĩa sai biệt tương ưng", là các pháp đồng loại lẫn nhau được tương ưng, vì Thể sai biệt. Nghĩa, là như đối với Vô lượng nghĩa môn sai biệt của một pháp mà chuyển, như một Sắc pháp hoặc khả kiến hoặc bất khả kiến... mà các nghĩa chuyển khác nhau.

"Bổ-đặc-già-la thi thiết kiến lập, là lập nam, nữ, phi nam, phi nữ...", là nương vào ba loại mà lập Thanh sai biệt, đầu tiên chỗ truyền Tô-mạn-đa thanh của thế tục có ba loại này:

1. Bát-bổ-lô-sa, nghĩa là Thể của thanh nam.

2. Tất-để-lý, nghĩa là Thể của thanh nữ.

3. Như Nạp-bồng và Tố-ca, nghĩa là Thể của thanh Phi nam và thanh Phi nữ. Lại có Tổng thanh, như Niết-lý-đề-thế. Bốn loại này mỗi mỗi đều có tám Chuyển, trong mỗi mỗi Chuyển đều có một tên, hai tên, nhiều tên, như vậy hợp chung có chín mươi sáu Thanh, như Biệt sao nói.

"Hoặc lại kiến lập Sĩ thanh tướng sai biệt sơ trung thượng", hoặc là y theo thế tục sau này. Để-ngạn-đa thanh có mười tám Chuyển, không

phải chỗ dùng của thế gian. Đây là nói ba loại thượng sĩ, trung sĩ và hạ sĩ, mỗi mỗi đều có ba thanh, như trẻ con làm hạ sĩ, vì chưa có chỗ nhận thức, không biết tự và tha, có thiện hay có ác, chỉ phát lên tiếng mà thôi. Như sĩ của danh hiệu, gọi là trung sĩ, vì chỉ thấy người khác có thiện ác. Nhưng không biết sĩ của sự thông đạt rộng gọi là thượng sĩ, vì chỉ tự tỉnh ngộ bên trong, đáng làm thì làm, không đáng làm thì không làm. Ba loại Sĩ thanh này, mỗi mỗi đều có một Thể, hai Thể và nhiều Thể, ba loại thành chín Thể, luận này thì nói sơ trung thượng sĩ, tức là trong ba loại tám Chuyển, mỗi mỗi đều có ba loại.

"Quá khứ quá khứ thù thắng...", quá khứ gần gọi là quá khứ, quá khứ xa gọi là thù thắng. vị lai cũng vậy. Hiện tại, thời gian lâu dài thì gọi là Hiện tại, Sát-na thì gọi là thù thắng.

"Xứ sở, Căn tài, thi thiết kiến lập", như chặt gốc của cây, gốc của Thanh thì gọi là Căn tài, tức là chữ này. Xứ sở xuất phát của Thanh gọi là Xuất thanh xứ, gốc Thanh minh. Nói rằng khi kiếp mới khởi, Phạm vương sáng tạo một trăm vạn bài tụng Thanh minh, sau đó mạng tuệ bị giảm, Đế Thích lược lại làm mười vạn bài tụng, kế đó có vị tiên Ca-đơn-một-la lược làm một vạn hai ngàn bài tụng, kế đó nữa có tiên Ba-nhị-ni lược làm tám ngàn bài tụng. Bốn bài luận trên đây tổng gọi là Xứ sở, hiện còn lưu hành thì chỉ có hai luận sau, hai luận trước đều đã diệt mất. Tự Thể Căn Tài Thanh Minh luận có ba trăm bài tụng, tiên Ba-nhị-ni tạo lược thành Thanh minh tụng, làm một ngàn bài tụng, gọi là Thanh minh lược bản tụng. Sau đó có Bát Giới luận, có tám trăm bài tụng gọi là Nhân duyên. Lại có Văn Thích-ca luận một ngàn năm trăm bài tụng; lại có Ôn-na Địa luận, hai ngàn năm trăm bài tụng. Năm loại Thanh minh này đều gọi là Căn tài, có thể cùng với Căn bản xứ sở Thanh minh làm gốc để sinh trí giải. Nhưng Bồ-tát Hộ Pháp tạo hai vạn năm ngàn bài tụng, gọi là Tạp Bảo Thanh luận, Ấn Độ lấy đó làm cực luận rốt ráo của Thanh minh, thịnh hành trong đời. Tương tục là trong Thanh minh hợp với Thanh và hợp với chữ với pháp làm một phẩm, là phần thứ nhất. Danh hiệu, là khi kiếp đầu tiên, Phạm vương đối với mỗi mỗi pháp đều đặt một ngàn tên, Đế Thích sau này giảm bớt làm một trăm tên, sau nữa giảm làm mười tên, sau nữa lại giảm làm ba tên, tổng làm một phẩm, là Danh hiệu phần của Danh hiệu phẩm thứ hai. Tổng lược, là Căn bản trong Thanh minh tóm lược chủ yếu. Lợi ích kia là trong kế đó mà tóm lược, khiến cho vật kia sinh kiến giải. Tuyên thuyết là rộng tuyên thuyết, tuyên thuyết rộng trong tóm lược, là ba phẩm sau, tức là ba tên gọi sau. Từ trên đến đây năm phần tức là năm phẩm, là

phần phẩm của Gốc thanh minh, hợp chung gọi là Xứ sở.

"Hoặc Giới tụng", là Thể của chữ, ba trăm bài tụng gọi là Giới, chỗ tạo một ngàn bài tụng Thanh minh của tiên Ba-nhị-ni gọi là Lược bản tụng, tức là bài tụng này. "Đẳng", là nhân duyên chữ của tám trăm bài tụng, của Bát Giới luận, gồm một ngàn năm trăm bài tụng của Văn Thích-ca luận và hai ngàn năm trăm bài tụng của Ôn-na-tha luận, cho nên nói là Đẳng.

Trong phần thứ năm Công nghiệp minh xứ, "Công nghiệp Sinh thành" là nuôi dưỡng lục súc, giúp ích đời sống, hoặc dạy sửa cho thành lễ nghi. "Công nghiệp Phòng-na" là thêu dệt v.v... Ấn Độ thì người nam làm, cho nên còn âm gốc gọi là Phòng-na, là Hô thanh của người nam. "Công nghiệp Hoà hợp", tức là những người thuận mua vừa bán, hoặc cũng có thể là những người thuyết khách như Tô Tần v.v... nhiều người hoà hợp với thợ. "Công nghiệp thành thục", là thạo nghề như nghề ẩm thực v.v...

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 7
(Bản Luận 16, 17, 18, 19, 20)

BẢN LUẬN 16

Tư, là tư lự, tức là Biến hành tư, chỉ có Ý thức đồng thời, do tư duy mà sinh Tuệ, gọi là Tư tuệ. Luận này nhân theo chỗ thành các pháp của Tư tuệ, thể thông với năm Uẩn làm Thể của Địa này, văn phân hai đoạn gồm trình bày ba môn và tùy giải thích riêng. Tự tánh thanh tịnh, là thuyết minh Thể của Tư tuệ, lựa riêng với Sinh đắc thiện cho nên gọi là thanh tịnh. "Sở tri của Tư trạch", là tư duy chọn lựa tất cả chỗ nên biết pháp Tư trạch. "Các pháp", là tư duy chọn lựa kinh Trường hàng của Phật, và tụng các nghĩa của pháp yếu. "Xa lìa tất cả Bất tư nghì xứ", là Cảnh trí ký và chứng của các Địa không phải phần của chính mình. "Có thể khéo liễu tri Hắc thuyết và Đại thuyết", tà thuyết của ngoại đạo và các ác thuyết gọi là Hắc thuyết, chánh thuyết của nội đạo và các thiện thuyết gọi là Đại thuyết. "Người đối với pháp có chút ít phần sinh tin hiểu", là không phải chỗ hiểu biết phần ít của chính mình, gọi là chút ít phần, nhưng gọi tin hiểu là vì không nên hủy báng. Nếu đối với pháp Sở tri có chút ít phần của chính mình thì phải quán sát.

Đoạn thứ hai, trong Sở tri của Tư trạch, văn phân ba đoạn:

1. Nêu tổng vấn đáp Thể.
2. Biệt lược vấn đáp Thể.
3. Tùy giải thích riêng.

Tuỳ giải thích riêng phân ba đoạn:

a. Giải thích Hữu pháp.
b. Giải thích Vô pháp.
c. Song biện cả hai.

Hữu pháp có hai phần:

1. Nêu năm môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Tự tướng Hữu pháp, văn phân ba đoạn:

1. Nêu trình bày.
2. Giải thích riêng.
3. Kết thành.

Thắng nghĩa tướng hữu, tức là Chân như, Căn bản trí đắc tướng Phi an lập. Tướng trạng tướng hữu, tức là tánh Y tha hiện tại tướng hữu, chỉ có hiện tại thế gian, không phải có trong quá khứ và vị lai. Chỉ có trong hiện tại, phải có đủ bốn nghĩa, mới là tự tướng Hữu pháp. Nói rằng các giả pháp lược có ba loại:

1. Tụ tập giả, như bình, chậu v.v...
2. Tương tục giả, là đối với ba đời mà lập một hữu tình, có nghĩa đến nay không đoạn.
3. Phần vị giả, là bất tương ưng v.v... luận này không phải nói ba loại này, cho nên là Tự tướng hữu.

"Một là tại xứ đó gọi là khả đắc", là tánh Y tha do Hậu đắc trí chứng. Tuy lìa Danh ngôn, nhưng lấy Danh để hiển bày, lập tên là tương thuận, không phải biết Chân như không thuận với Danh, cho nên gọi là khả đắc. "Lựa riêng với tánh Viên thành thật sự khả đắc", là lựa riêng với tánh Sở chấp, tuy có Danh đó nhưng không có sự thể. "Danh này đối với sự này không phải không quyết định", là lựa riêng với Phần vị giả, Danh này chỉ làm đề mục với sự này, cho nên như chỗ thấy xanh vàng v.v... thì Danh ấn định tên gọi cho chỗ thấy kia, không phải như người bệnh nóng mắt thấy xanh vàng, màu vàng lạ kia khi bệnh nóng, tên của nó bất định, vì mê loạn. Nhưng Danh không quyết định cũng như Sân v.v... Danh thường quyết định, không phải như Phẫn v.v... Sau khi chuyển biến thì liền mất Danh kia, do Danh kia vô thường, vì không quyết định. Danh bất quyết định có hai phần:

1. Bất quyết định Phần vị giả của tâm.
2. Bất quyết định Phần vị giả của cảnh.

- Lại cũng có hai Bất định:

1. Hiển ngược lại với định.
2. Không phải Phần vị giả.

"Danh này đối với sự này tùy chuyển vô ngại", là Danh của Sắc v.v... hoặc tụ hoặc tán, Danh thường tùy chuyển theo, không phải như bình chậu v.v... đối với xứ tụ tập, mà Danh của nó tùy chuyển theo, đối với xứ ly tán thì Danh liền trở lại, hiển ngược lại danh đối với vô ngại tùy chuyển. "Lựa riêng với tụ tập giả hiện tại tướng Hữu", là lựa riêng với Tương tục giả, hoặc hiện tại đã sinh làm nhân của vị lai, làm quả

của quá khứ, mới là tự tướng Hữu pháp.

Trong Cộng tướng, văn cũng có ba đoạn: 1. Nêu. 2. Giải thích. 3. Kết. Chủng loại cộng tướng, là chủng loại của năm Uẩn, tuy Thể mỗi mỗi đều riêng, nhưng nghĩa tích tụ thì đồng, tổng gọi là Uẩn. "Uẩn làm Cộng tướng, Thành sở tác cộng tướng", là Tư thể của ba nghiệp và sáu Thức tuy khác nhau, nhưng Thiện hữu lậu thì đồng, đều là chiêu cảm Ái quả, gọi là Thành sở tác cộng tướng. Các loại đều như vậy.

- Trong giải thích Giả tướng hữu pháp, văn phân bốn đoạn:

1. Tổng lược nêu vấn đáp.
2. Vấn đáp trình bày tên gọi.
3. Tùy giải thích riêng.
4. Tổng kết thành.

Lấy thử hiển thử, là lấy vật hoàn bị này để hiển vật này. Lấy bỉ hiển bỉ, là lấy vật khác để hiển riêng đối với vật khác. Viễn ly thử và bỉ, là không phải hai loại trên, như cái cửa của cái nhà. Trong lấy thử hiển thử, tánh cứng của Địa, cho đến tánh động của Phong, đều đối với xứ thật tướng mà chuyển. Ánh rực lửa trên ngọn lửa đều đối với xứ giả tướng mà chuyển. Ánh rực lửa, là biệt danh của Giả hoả, ngọn lửa rừng rực gọi là ánh rực lửa. Trong lấy bỉ hiển bỉ, Phật truyền dạy v.v... thì hữu tình là Giả, ẩm thực v.v... là Giả pháp. Trong viễn ly thử và bỉ, cái cửa của cái nhà v.v... nhà thì lớn, cửa thì nhỏ, không phải hoàn bị, lấy thử để hiển tự tánh của thử, cũng không phải ngoài nhà mà riêng có cửa, cũng không phải lấy bỉ để hiển trở lại bỉ, cho nên là đều không phải. Nói mười phần trăm, ba phần mười, là căn cứ theo số này thì không phải quyết định chỉ có như vậy, nói năm phầm trăm, một phần mười thì loại của nó đều như vậy. "Chúng cộng thi thiết ngôn luận có sáu loại", trong đây nêu ra Thức và năm Biến hành, mỗi mỗi đều có tướng trạng riêng, có ý hiển thị Cộng tướng giả pháp không lìa Thật pháp, các pháp này mỗi mỗi cũng đều có riêng Sở thủ tự tướng, là Thật hữu pháp, sáu loại Sở thủ cộng tướng giả pháp, Tự tướng tăng ích có thể khởi Ngôn thuyết. Tự tướng của tướng trạng gọi là Cộng, Thi thiết ngôn luận như bình chậu v.v... cho nên Duy Thức nói: "Giả là Tăng ích, không phải thật có tướng, đối với sáu Sở biến, mỗi mỗi đều nương bám vào Tự tướng Thể chân thật của chính mình mà tăng thêm". Tuy tướng trạng Sở thủ của Biệt cảnh v.v... cũng cùng chung có thể lập Giả mà nói, nhưng sáu loại này quyết định là Biến cảnh, không nói các cảnh khác, nhiều người cùng thi thiết chỗ khởi Ngôn luận, phải y theo sáu loại tướng này, không phải nói sáu tướng trạng này quyết định là Giả hữu. Nhưng Duy

Thức nói: "Tác ý có thể hiểu rõ tổng tướng của Sự, và Sở thủ biệt tướng của các Tâm sở khác". Trong đây là nói thông với hai Cảnh, hoặc đây là chỉ nêu tổng cảnh của Năng thủ, cho nên nói Sở thủ của Tác ý có thể khởi tại Thức, nếu không như thế thì càng trái với Hiển Dương luận v.v... Nói Tổng thủ cảnh gọi là Tâm, cũng là riêng gọi Tâm sở, nhưng quyển 65 nói: "Một loại giả, hoặc là Hữu pháp, chờ nương vào chỗ khác mà thi thiết tự tướng, gọi là Giả hữu. Như chờ nương vào Uẩn để thi thiết có Ngã, chờ nương vào tướng sự của Sắc v.v... mà giả lập Sắc v.v... chờ Sắc Hương v.v... mà lập nhà cửa v.v... chờ tướng sự của Uẩn mà lập Sinh lão v.v... cho đến chờ các Sắc không chuyển mà giả lập hư không". Như vậy, Đối Pháp luận nói có hai loại giả:

1. Chờ Tưởng cảnh của Danh ngôn.
2. Chờ các Tướng cảnh khác.

- Kinh Đại Phẩm nói có ba giả:

1. Danh giả.
2. Thọ giả.
3. Pháp giả.

Duy Thức cũng nói có ba giả:

1. Tụ tập giả.
2. Tương tục giả.
3. Phần vị giả.

- Thành Thật luận nói có bốn giả:

1. Nhân sinh giả.
2. Tương đãi giả.
3. Tương tục giả.
4. Duyên sinh giả.

- Luận này thì quyển 100 nói có sáu giả:

1. Tụ tập giả.
2. Nhân giả.
3. Quả giả.
4. Sở hành giả.
5. Phần vị giả.
6. Quán đãi giả.

Trong đây cùng với Hiển Dương luận quyển 18, lại nói có sáu giả, đều như Đối Pháp quyển 2 sớ giải.

Trong Lưu chuyển nhân, "do Chủng tử này", là Nghiệp chủng. "Do đây huân tập", là Danh ngôn chủng. "Do Trợ bạn này", là do Vô minh, Ái, Thủ. "Bỉ pháp Lưu chuyển", là Sinh lão tử dấy khởi.

Trong Nhân hoàn diệt, "các Hành hoàn diệt", là Hành diệt Diệt giới của ba tánh Hữu lậu. "Tạp nhiễm hoàn diệt", là Kiến đạo và Tu đạo phiền não đoạn Đoạn giới. "Chỗ có tất cả Năng tịch tĩnh đạo", là hai Hoàn diệt trước của Năng tịch tĩnh, là các Vô lậu đạo. Vô lậu đạo này có thể bát Niết-bàn, có thể tiến thú Bồ-đề và các Tư lương kia, tức là Tư lương đạo. Gồm các phương tiện của nó, tức là Gia hạnh đạo. Năng sinh, là các Đạo kia có thể sinh Chủng tử. Năng biện, là có thể phân rõ Niết-bàn hiện hành Vô lậu đạo. Cho nên Đối Pháp quyển 9 ghi: "Hoặc Tư lương đạo, hoặc Gia hạnh đạo, Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo, đều gọi là Đạo đế". Đây là nói Hoàn nhân chỉ nhiếp bốn loại trước. Lại giải thích, Tư lương Phương tiện trong đây, đều là Vô lậu đạo, là Vô gián đạo, là Viễn gia hạnh và Cận gia hạnh ở trước, không đồng với Đối Pháp luận. Năng Tịch tĩnh đạo trước, là Vô gián đạo. "Nếu rộng phân biệt như trong nhân quả của Tư thì phải biết tướng của nó", là Quyết trạch Tư tuệ địa. Nói "Nhân quả nghĩ bàn", như Hữu tầm tứ địa đã nói, đây là chỉ cho Bản Địa phần ở trước và Quyết Trạch phần. Hữu tầm tứ địa chính là thuyết minh nhân quả nhiễm tịnh.

"Trong Sở quán vô pháp, do các chỗ tướng khác hoặc là tánh Viễn ly", đây là tánh viễn. "Hoặc không phải Hữu tánh", là Tương vi. "Tánh chẳng hoà hợp", là hai thứ viễn ly Xứ và Thời. "Hoặc tánh Viễn ly", trong cõi người không có tánh này. "Hoặc không phải Hữu tánh", là trong cõi người, tánh Nhân uẩn này không có tánh Nhân uẩn kia. "Tánh chẳng hoà hợp", là trong cõi người này, ba tánh các pháp Lậu, Vô lậu không phải một sát-na hoà hợp. "Thắng nghĩa vô", là chỗ nói về tự tánh trong ngôn ngữ của thế tục, vì y theo Thắng nghĩa đế thì đều là chẳng phải Hữu.

Trong ba Hợp, giải thích năm loại tánh Hữu vô, phân hai đoạn:

1. Tổng nêu.

2. Giải thích riêng.

"Giải thích thứ tư là không có hai tướng v.v...", là các tướng Sinh lão v.v... gọi là tướng Sai biệt, cùng với pháp Sở y không riêng Thể, gọi là hai tướng. Tuy Phần vị giả, vì sáu tướng là Hữu. "Tướng sự v.v..." tức là Chúng cộng thi thiết ngôn luận trong sáu loại ngôn luận trước. "Sau khi Như Lai diệt độ, hoặc Hữu hoặc Vô v.v... không thể tuyên thuyết", là chỗ chấp của các ngoại đạo, giải thoát Thần ngã này gọi là Như Lai, có ba thân riêng biệt, hoặc có hoặc không đều là các việc không thể nói được. Lại nữa, trước y theo Thể vô, bây giờ y theo Thể diệu, cho nên gọi là sâu xa. Năm loại Vô tánh , ngược lại với năm loại Hữu tánh, như

vậy nên biết.

Đoạn lớn thứ ba, tư duy chọn lựa các pháp, văn phân hai đoạn:

1. Nêu.

2. Giải thích.

"Tư duy chọn lựa nghĩa Tố-đát-lãm", là Tố-đát-lãm tạng, y theo tạng này, các luận thuyết trong mười hai phần giáo, phần nhiều là nhiếp bảy phần, vì trừ Duyên khởi tự tánh. Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Quyến thuộc, bốn loại này là Tỳ-nại-da tạng nhiếp. Lại nữa, trừ Luận nghị ra, còn lại là A-tỳ-đạt-ma tạng nhiếp. Y theo trong bảy phần, trừ ra Đơn Dà-đà, kinh Phúng tụng, còn lại sáu phần giáo, là chỗ tư duy chọn lựa nghĩa của Tố-đát-lãm, Đơn tụng Dà-đà là chỗ tư duy chọn lựa nghĩa của Dà-đà. Nghĩa này có ba loại:

1. Thắng nghĩa Dà-đà, thuyết minh lý Vô ngã.

2. Ý thú Dà-đà, giải thích ý của Dà-đà, như bốn loại ý thú v.v...

3. Thể nghĩa Dà-đà, thuyết minh nghĩa lý Thể tánh trong Dà-đà.

Trong giải thích Thắng nghĩa Dà-đà, văn phân hai đoạn:

1. Nêu kinh tụng.

2. Tùy giải thích riêng.

Trong tụng có bốn mươi bốn bài, phân mười hai đoạn:

1. Có chín tụng, thuyết minh không có Ngã hữu tình và các pháp tác dụng Thể nghĩa.

2. Có hai tụng, thuyết minh tự tánh Vô minh Tham ái của tại gia xuất gia tạp nhiễm.

3. Có năm tụng, thuyết minh Tạp nhiễm phẩm y theo nhân và Thời phân.

4. Có bốn tụng, thuyết minh Tự tướng Cộng tướng và hai Đế quán.

5. Có hai tụng, thuyết minh ba loại ba pháp không có nghĩa hoà hợp.

6. Có một tụng, thuyết minh Đồng tánh tâm sở tương ưng với Phi dị tánh v.v...

7. Có hai tụng, y theo lý hai Đế thuyết minh Nhân pháp hữu vô.

8. Có một tụng, thuyết minh Tác giả, Thọ giả, Nhất dị, Bất khả thuyết.

9. Có năm tụng, giải thích chung các Nghi nạn.

10. Có năm tụng, thuyết minh Tập sinh Khổ đế, giải thoát v.v...

11. Có một tụng, thuyết minh A-lại-da thức, ví như các chi nhánh trong hồ nước.

12. Có bảy tụng sau cùng, hiển thị hiểu rõ giải thoát Biến tri và Phược biến tri.

Phần thứ nhất chín tụng, văn phân ba đoạn:

1. Có năm bài tụng chánh thuyết minh Vô ngã và Tác dụng.

2. Có ba bài rưỡi thuyết minh lại pháp không có Tác dụng.

3. Có nửa bài tụng hiển thị pháp từ duyên sinh, tự nhiên mà diệt.

Trong Trường hàng giải thích, văn phân làm hai đoạn:

1. Nêu giải thích ý tụng.

2. Giải thích riêng từng đoạn.

"Đối trị Biên chấp của Tăng ích", là chấp có dụng của Ngã, gọi là Tăng ích chấp. Bác bỏ cho rằng Pháp tánh không có, gọi là Tổn giảm chấp. Đây là y theo cảnh giới chung của ba Thừa mà nói, không nói pháp tăng và Chân như giảm.

Trong giải thích riêng từng đoạn, hoặc tùy theo nghĩa từng khoa mà làm thành mười hai đoạn:

Đoạn thứ nhất, "Như vậy nửa bài tụng ngăn trừ biệt nghĩa Sở phân biệt ngã", là phá Ly uẩn ngã. "Các pháp cũng không có dụng", là phá ngay Uẩn ngã, vì Ngã dụng của các Uẩn cũng đều không có. "Đây là hiển không nắm lấy vi tế nhiều Ngã thì liền có thể đối trị v.v...", là nói các Uẩn phần nhiều là pháp vi tế, liền có thể đối trị các chấp chủ tể v.v... không nương vào một thân mà chấp có nhiều thật Ngã vi tế. Thành Duy Thức ghi: "Ngã đáng lẽ như Uẩn, vì không phải Thường và Nhất".

Đoạn thứ hai, "Nếu Ngã này không có thì làm sao kiến lập trong ngoài, thành tựu v.v...", tiếp theo dưới đây có sáu câu hỏi "thế nào", là nương theo câu nói trước mà khởi câu hỏi sau. Câu thứ nhất này có ý hỏi rằng: "Ngã nếu không có, thì làm sao lập trong ngoài"? Câu hỏi thứ hai: "Nếu tất cả đều là Không thì làm sao có được Năng quán thánh giả Sở quán Không cảnh"? Câu hỏi thứ ba: "Năng quán Sở quán đều là Không, thì làm sao có được Thánh phàm sai biệt"? Câu hỏi thứ tư: "Phàm thánh nếu không có, thì làm sao có được Năng giáo, Sở hóa và Bỉ thử sai biệt"? Câu hỏi thứ năm: "Nếu không có Năng giáo và Sở hoá, thì làm sao có được nhiễm là tịnh"? Trong đây câu thứ nhất đáp là pháp giả không phải chân, câu thứ hai đáp nhân và pháp không phải thật, ba câu sau chỉ đáp là Ngã không có. Câu hỏi thứ sáu, đáp là thật dụng của pháp. "Như thứ tự của nó tể chủ tác giả đều là vô sở hữu", là không có người gánh vác, không có chủ tể. "Không có sai khiến", là không có Tác giả.

Đoạn thứ ba, "Nhân sở y sai biệt và Thời phân", theo Đối Pháp luận nói: "Đối với Nhân thời, có Năng dẫn và Sở dẫn. Đối với Quả thời, có Năng sinh và Sở sinh". Dẫn nhân vị gọi là nhân, Thục biến vị gọi là quả, hai loại này gọi là Thời phân, đây nói Hữu nhân các pháp và Hữu nhân chúng khổ, bảy loại trước đều là Hữu nhân, gọi là Hữu nhân các pháp, hai loại sau là chúng khổ, nhưng Ái, Thủ, Hữu làm Hữu nhân, cho nên gọi là Hữu nhân chúng khổ.

Trong câu tụng "chẳng phải trong chẳng phải ngoài", đến "có thể sinh tạp nhiễm", trong đây có ý muốn hiển năm bài tụng thuyết minh Tạp nhiễm phẩm nương vào Thời phân đồng thời. Hai bài tụng đầu, thuyết minh phiền não nghiệp sinh tạp nhiễm; ba bài tụng dưới, thuyết minh y theo quá khứ và hiện tại mà các Hành có thể sinh tạp nhiễm, không y theo vị lai mà sinh tạp nhiễm, ý của bảy câu đầu thuyết minh vị lai không sinh tạp nhiễm, năm câu sau thuyết minh y theo quá khứ và hiện tại mà sinh tạp nhiễm, nói rằng không y theo nội căn và ngoại trần của vị lai mà sinh tạp nhiễm, vì Hành chưa sinh, đối với đời quá khứ và đời hiện tại được sinh Hành, bởi có thời mới có thể đắc, trái lại hiển vị lai không có thời để đắc. Lại nữa, giải thích vị lai tại vị lai thì Sinh nhiễm bất khả đắc, vị lai đến hiện tại thì Sinh nhiễm có khi đắc. "Nếu Hành đã sinh thì do tướng này không có phân biệt", đây là giải thích văn tụng rằng: "Nếu các Hành đã sinh, do đây cho nên không có đắc", là nếu trong quá khứ và hiện tại đã sinh Hành, thì khởi quán trước không trụ trong ngoài, khoảng giữa. Không sinh, vì do quán này chưa có phân biệt, không được sinh đối với ba loại Tạp nhiễm. "Vị lai không có tướng cho nên không có phân biệt", đây là giải thích tụng. Vị lai không có tướng là nói tướng của vị lai đều không có, đều không có phân biệt mà sinh tạp nhiễm. "Như vậy như vậy, thì tương lai quyết định không thể biết", đây là tổng kết quyết định vị lai là khó biết, vì không sinh tạp nhiễm. "Nếu không như vậy thì phân biệt khác loại, hoặc Thời có thể đắc", là nếu không như vậy thì phân biệt vị lai khác loại với quá khứ và hiện tại, hoặc có khi có nghi ngờ vị lai có dẫn sinh các tạp nhiễm có thể được. "Nếu đối với quá khứ liền có thể phân biệt như vậy, như vậy thì đã từng có tướng mạo có thể phân biệt được", đây là giải thích trong tụng, quá khứ có thể phân biệt, có thể sinh tạp nhiễm. "Không phải chỉ đã từng thay đổi mới có thể phân biệt, cho đến sinh các tạp nhiễm", đây là giải thích trong tụng, phân biệt đã từng là chỗ thay đổi, không phải đã từng cũng là phân biệt, câu nói này có ý hiển, không phải chỉ có quá khứ đã từng là cảnh bị thay đổi mà có thể phân biệt sinh các tạp

nhiễm. "Các Cảnh hiện tại chưa từng thay đổi", là chưa từng thay đổi, tuy không rõ ràng nắm lấy tướng mạo của nó, nhưng tùy quá khứ đã từng đắc chủng loại, đây là cảnh mới của hiện tại cũng có thể phân biệt sinh các tạp nhiễm. Đây là văn kết phải biết. "Hành tuy không có khởi đầu, nhưng khởi đầu là khả đắc", từ không có khởi đầu đến thường tùy theo đuổi mà khởi, cho nên không có khởi đầu luôn luôn mới, mới sinh khởi, do đó khởi đầu không phải không có.

Đoạn thứ tư, có bốn bài tụng: Một bài rưỡi, thuyết minh quán Tự tướng. Nhật Thân là Phật. Kiều-đáp-ma, Hán dịch là Nhật Chích, cho nên gọi Phật là Nhật Thân. Nửa bài tụng kế đó thuyết minh quán Cộng tướng, hai bài tụng sau thuyết minh quán Nhị đế, ba câu đầu là Thắng Nghĩa đế Quán, năm câu sau là Thế tục Đế quán, vì pháp không có thật Dụng, không có thật Si, vì không thật có hữu tình. Không có thật Si nghĩa là ba câu trên, Si không phải Năng si si và Si giả, cũng không có Si giả có thể có cái Si đó, gọi là Thắng nghĩa đế quán. Trong Thế tục đế, ngu si không phải không có, không phải không có người ngu dấy khởi, có thể nói có Si và có Si giả.

Đoạn thứ năm, có hai bài tụng, trong giải thích, nói nghiệp làm Sở tuỳ, Thức làm Năng tuỳ, vì quả tùy theo nhân, trong Thắng nghĩa không có. Lại nữa, ba đời, ba nghiệp, nói không hoà hợp nhau, không phải đối với một đời. Lại nữa, một đời ba nghiệp không có thật tương ưng, không phải không có Giả pháp. "Nếu cái kia cùng với cái này tương ưng lẫn nhau, thì như hạnh của phước v.v... không hoà hợp", lẫn nhau tương ưng thì nói nghĩa hoà hợp, hạnh của phước v.v... ba đời ba nghiệp thì quyết định không có nghĩa tương ưng.

Đoạn thứ sáu, trong giải thích một bài tụng, tâm tương ưng cũng vậy, không có tánh thật tương ưng tùy chuyển, không phải không có Giả pháp. Lại nữa, tương ưng là Đồng tánh, Bất tương ưng là Biệt tánh. Phi đồng tánh, hoặc là Bất tương ưng, Phi dị tánh, hoặc là Phi bất tương ưng. Do đây cho nên biết không có thật tánh tùy chuyển, là giải thích hai câu trên. "Lại nữa, không phải tất cả tâm, hoặc Tương ưng hoặc Bất tương ưng" là giải thích hai câu dưới trong tương ưng. Lại nữa, không phải tất cả quyết định cùng với tất cả tương ưng, nếu lúc này không tương ưng, thì cũng không phải tất cả quyết định không tương ưng. Trong Thắng nghĩa đế không có thật nghĩa tương ưng và bất tương ưng.

Đoạn thứ bảy, có hai bài tụng, nương vào lý của hai Đế, trong thuyết minh Nhân pháp hữu vô, một bài tụng đầu nương vào Thế tục đế, thuyết minh tâm tùy chuyển theo nhân duyên, nửa bài tụng kế nương

vào Thắng nghĩa đế, thuyết minh Ngã thể không có, nửa bài tụng sau thuyết minh nương vào Thế tục đế, có Tác thọ quả. Lưu là tương tợ, vì tương tợ quả tương tục. Vô đoạn là không tương tợ, vì tương tợ quả sinh, đây là hiển Đẳng lưu quả và ba Hữu khác làm quả.

Đoạn thứ tám, có một bài tụng, thuyết minh tánh của một vật khác của người và vật bất khả đắc, chỉ có nhân quả sai biệt sinh.

Đoạn thứ chín, có năm bài tụng, trong giải thích chung Nghi nạn. “Lại nữa, do Đạo này không có đoạn dứt, bốn câu trong tụng, như thứ tự của nó mà giải thích bốn vấn nạn này”:

1. Vấn nạn rằng, nếu không có Ngã, sau đó có thì đáng lẽ phải đoạn. Câu tụng thứ nhất đáp rằng, do Đạo không đoạn.

2. Có vấn nạn rằng, quả đáng lẽ đồng thời sinh mau chóng. Đáp vấn nạn này rằng, hoà hợp với tác dụng mà chuyển, không phải mau chóng, không phải đồng thời, vì tác dụng hoà hợp.

3. Có vấn nạn rằng, nếu không có thật Ngã, thì đáng lẽ từ tất cả mà tất cả được sinh. Kế đó đáp rằng, từ tự nhân mà sinh, tự nó không có tha nhân, vì có Bất sinh.

4. Có vấn nạn rằng, đã không có Ngã, thì ai nhiếp thọ tác dụng của Sở tác sinh tử v.v... cho nên luận này đáp rằng, “và nhiếp Sở tác, do nhân không đoạn, quả sinh mà lập là Giả”, là có thể nhiếp thọ Sở tác là Thật ngã, cho nên trở thành không có, do đây mà gọi là bốn câu như thứ tự.

“Kinh nói Sắc tướng làm Tầm tư, do đó vấn nạn để hiển thị người khác, mà không thể thấy”, là chỗ chứng tự tướng của Sắc, tánh lìa ngôn thuyết, vì Cảnh của Tầm tư không xứng với tự tướng, cho nên gọi là Tầm tư nạn vì để dạy người khác.

Đoạn thứ mười, có năm bài tụng, “trong thuyết minh Tập sinh Khổ, hiển thị Ngã kiến kia do Tập thứ tự mà phát sinh Khổ”, Tham ái chính là tự thể của Tập, tức là Cảnh nội tham gọi là Tham ái duyên, vì hay sinh Khổ, đều gọi là Tập. Ngã kiến và Khổ đều gọi là nhân duyên đang Khổ, Thể của Ngã kiến cũng là Khổ.

Đoạn thứ mười một, có một bài tụng, thuyết minh A-lại-da thức cũng như hồ nước có nhiều nhánh, đây là hiển thị không phải một nghĩa. Như tụng trong kinh Lăng-già nói: “Như biển gặp duyên gió, Cảnh bị gió kích động v.v...”, đây là hiển nghĩa Bất dị, cho nên văn nghĩa kia đây đều không trái nghịch. Lại nữa, luận này căn cứ theo nghĩa Bổn và Mạt, luận kia thì căn cứ theo nghĩa Thể và Dụng, hai nghĩa đều thành nghĩa Bất nhất và Bất dị.

Đoạn thứ mười hai, có bảy bài tụng, trong hiển thị hiểu rõ giải thoát Biến tri và Phược biến tri, văn phân hai đoạn:

1. "Lại nữa, pháp hạnh", đây là tổng giải thích bảy bài tụng, "Hiểu rõ Phược biến tri".

2. Giải thích riêng bảy bài tụng.

Trong giải thích riêng có hai đoạn: Một bài tụng, thuyết minh hiểu rõ Phược biến tri, sáu bài còn lại thuyết minh câu tụng "Hiểu rõ giải thoát Biến tri, Ý nhiễm ô hằng thời", Duy Thức nói, câu thứ tư không phải đã từng có, cũng không phải đang có, luận đó y theo bài tụng của các Bộ, vì hiện tại đã đoạn, đối với vị lai cũng không phải quá khứ. Tát-bà-đa v.v... không thừa nhận Tham, Mạn và Kiến tương ưng. Luận này y theo Đại thừa chánh tụng và Đại chúng bộ v.v... mà nói, cũng không phải trước cũng không phải sau, thừa nhận các phiền não đồng thời sinh. Lại nữa, giải thích Ý nhiễm ô, các Bộ không đồng, như Duy Thức quyển 4 sớ giải, trong sáu bài tụng sau:

Bài tụng thứ nhất thuyết minh Thể của Sở giải thoát.

Hai bài tụng kế hiển thị tánh của giải thoát, nhiễm ô trước không có cho nên gọi là giải thoát, không phải Ý sau đó thanh tịnh mà được tên giải thoát. Ý của Nhị thừa thì nhiễm ô không có, vì Sở tịnh không có, Năng cũng không có, không cần Ý tịnh mới gọi là giải thoát.

Một bài tụng kế, giải thích Hữu dư Niết-bàn.

Một bài tụng kế, hiển thị Vô dư Niết-bàn.

Một bài tụng cuối, thuyết minh không thật có Sổ thủ thú, sinh tử và Niết-bàn.

Đoạn lớn thứ hai, trong giải thích Ý thú Dà-đà, văn phân ba đoạn:

1. Nêu người thỉnh hỏi.

2. Nêu Dà-đà.

3. Tùy giải thích riêng.

Trong năm mươi mốt bài tụng, văn phân làm hai đoạn:

1. Bài tụng thứ nhất, Phạm vương thỉnh hỏi.

2. Năm mươi bài tụng, Thế Tôn đáp.

Thỉnh có hai đoạn, nửa bài trên là tán thán, nửa bài dưới là thỉnh hỏi. Thỉnh hỏi có ba phần:

1. Hỏi Học thể.

2. Hỏi Học giáo.

3. Hỏi pháp.

Như thứ tự phối hợp Học và Sở học trong thỉnh tụng, gồm có văn

tu học. Ngay trong năm mươi bài tụng đáp, có hai giải thích:

1. Nếu lấy văn phân đoạn thì quyển này giải thích hai mươi hai bài tụng, tức là hai mươi hai đoạn, quyển sau có hai mươi tám bài tụng giải thích, phân làm mười chín đoạn, đến quyển sau sẽ phối hợp.

2. Năm mươi bài tụng nếu lấy nghĩa và khoa thì phân làm hai đoạn:

a. Có một bài tụng, đáp Học thể và Học số.

b. Còn lại các bài tụng kia thì đáp "phải tu học".

- Ngay trong đáp "phải tu học", phân làm mười ba đoạn:

1. Có một bài tụng, học Phương tiện.
2. Có một bài tụng, học Thứ đệ sinh khởi.
3. Có một bài tụng, học Thứ đệ thanh tịnh sai biệt.
4. Một bài tụng, học quả Sở đắc.
5. Có một bài tụng, học Thứ tự nhân duyên Biệt tổng tu tập.
6. Có ba bài tụng, bậc Thông tuệ thứ đệ làm quả nhân đời sau.
7. Có ba bài tụng, thuyết minh học thành bại Cộng và Bất cộng.
8. Có một bài tụng, thuyết minh Chánh học và Tà học.
9. Có một bài tụng, phân tích Tam học đoạn chướng thành mãn.
10. Có một bài tụng, thuyết minh Thọ sai biệt.
11. Có một bài tụng, thuyết minh học thuần và tạp khả đắc.
12. Có hai mươi mốt bài tụng, thuần thuyết minh Giới học viễn ly thanh tịnh.
13. Có mười ba bài tụng, thuần thuyết minh Định học viễn ly thanh tịnh.

"Sợ có nhiều chỗ làm mà giải đãi chúng sinh", vì ưa thích nghe sơ lược, sợ tu học nhiều. Tuy có lục độ vạn hạnh, nhưng chỉ nói Tam học, lấy tên Tam học để nhiếp tất cả hạnh, không phải hiển rõ thuyết, cho nên gọi là mật ý.

"Như vậy sáu chi hiển thị bốn loại Thi-la thanh tịnh", dưới đây có năm câu, Sơ an trụ tịnh Thi-la, một câu, là tổng, không phải nhập chung bốn loại Tịnh, dưới đây có bốn câu gọi là bốn Tịnh. Nghĩa của sáu chi này, trước tuy có thuyết minh sơ lược, Thanh văn địa có nói rộng.

"Hiển thị Giới học tăng thượng tối sơ cho đến an trụ nhân duyên", đây là giải thích hai An trụ, hai loại thứ tự làm nhân duyên, nghĩa thứ nhất là Giới biệt giải thoát tăng thượng, có thể an trụ Giới tĩnh lự và Phương tiện định tâm tăng thượng, sau Phương tiện định tâm có thể an trụ Căn bản định tâm và Tăng thượng tu tuệ, gọi đó là Sơ an trụ hai loại nhân duyên. Giới biệt giải thoát dẫn sinh Định giới và Định, Sơ phương

tiện định dẫn sinh Căn bản định và Tu tuệ, tức là Tuệ và Định trung gian này. Chỗ nhiếp đồng thời Giới học tĩnh lự có thể làm Vô lậu định tuệ hai loại An trụ nhân duyên, gọi đó là hai loại An trụ thứ hai. Nói "trung gian", là ban đầu thì Giới định, sau đó là chỗ sinh Định tuệ, tại nhân trước của Vô lậu định tuệ cho nên gọi là trung gian.

"Hiển thị Tối thượng một loại có thể làm nhân duyên an trụ Niết-bàn", đây là giải thích một năng thú Niết-bàn, thứ tự làm nghĩa của nhân duyên. Nghĩa của Nhân duyên thông với hai câu trên, cho nên Vô lậu tuệ một loại. Tối thượng trong ba loại, cũng là chỗ sinh Cực quả của hai Nhân duyên gọi là tối thượng.

"Hiển thị tu tập hoặc biệt hoặc tổng tùy chỗ thích ứng của nó", đây là giải thích nghĩa thuần và tạp mà tu tập nói trên, biệt tu Tam học gọi là thuần, tổng tu Tam học gọi là tạp.

"Sơ nhất bất cộng", là ban đầu Giới học có thể tu, chỉ có một không mượn Định tuệ cũng được thành.

"Trung bất ly sơ", là Định học thứ hai, không lìa Giới học mà tu phương tiện được thành.

"Thượng bất ly nhị", là Tuệ học thứ ba, Học phải có đủ hai loại trước, nếu A-la-hán đã thành mãn Tam học thì vượt qua tất cả loại kia.

"Từ đây về sau hiển thị Thọ trì giới tướng" trở xuống, có hai mươi mốt bài tụng, thuyết minh tướng Thanh tịnh của Giới học.

"Xướng linh gia là giết dê v.v...", là xứ Tây vực có hạng người chuyên hành nghề xướng linh, hễ có người tội, thì người đó dẫn đi khắp nơi, xướng cáo cho mọi người biết, như xướng lên giết dê v.v... phần nhiều tạo ác nghiệp. "Yết-sĩ-na", là loại lính canh ngục, là người xa lìa Liệt ác tác.

Phi thái trầm, là người lìa Phi xứ ác tác. Phi thái phù, là xa lìa bảy Niệm trụ chánh niệm. Khi Cứu cánh tức là Căn bản. Khi Phương tiện là quyến thuộc.

BẢN LUẬN 17

Nếu y theo đoạn văn đầu, thì quyển này giải thích ha mươi tám bài tụng trước, phân làm mười chín đoạn:

1.. Một bài tụng đầu làm một đoạn.

2.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.

3.. Một bài tụng tiếp theo làm một đoạn.

4.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.

5.. Mười bài tụng tiếp theo mỗi mỗi làm một đoạn (tức là mười đoạn).

6.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.

7.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.

8.. Hai bài tụng tiếp theo làm một đoạn.

9.. Hai bài rưỡi tiếp theo làm một đoạn.

10.. Ba bài rưỡi tiếp theo làm một đoạn.

Nếu y theo nghĩa sau thì phần dưới có hai mươi tám bài tụng phân làm hai đoạn:

1. Mười lăm bài tụng đầu thuyết minh Giới tăng thượng .

2. Mười ba bài tụng sau thuyết minh Định tăng thượng.

“Phải phát thường cần tinh tấn”, là mặc giáp Tinh tấn. Kiên cố, là Gia hạnh. Dũng mãnh, là không thoái chuyển. “Không nói Vô túc tinh tấn, vì luận này thuyết minh tu nhân, không nói quả kia, cho nên không nói không có các Tinh tấn sau”, là mặc giáp Gia hạnh, đối với thiện mới tu, một loại không thoái chuyển, đối với Khổ có thể nhẫn. Nhiếp thiện lìa Khổ, hai thứ này đã chu toàn. Lược bỏ không nói không có các Tinh tấn sau, cho nên chỉ nói ba loại Tinh tấn, như Du-già quyển 89 rộng nói năm tướng.

“Năm chi không Phóng dật”, là ba đời Tinh tấn làm ba chi. Khi ba đời khởi Cần sự tiền phương tiện, khởi Cực thù thắng sở tác trước kia và Gia hạnh tác ý là chi thứ tư, vì Tác ý và Tinh tấn làm đồng thời có. Chỗ hành đồng thời các Tâm, Tâm sở, thân ngữ nghiệp v.v... làm chi thứ năm.

“Công đức Đỗ-đa”, tức là Cựu dịch Đầu-đà, tức là Thiểu dục tri túc, nghĩa là lìa chấp trước. Xa lìa quyến thuộc, Tham dục tức là phát lồ chúng ác, vì nhân theo Tham dục mà sinh, cho nên gọi là quyến thuộc. Xa lìa nhân của Đa dục bất tri túc, là đã được y phục v.v... thô hay diệu đều hoan hỷ. Xa lìa nhân của Đa dục bất tri túc chướng Tịnh học, là có chút ít tùy theo thế sự, thô tệ cũng tùy theo chuyển, gọi là lìa Đa dục.

Thọ công đức Đỗ-đa làm Tịch mà lìa Phiền não, gọi là lìa nhân của Chướng tịnh học.

"Vì tu Phạm hạnh giúp trì thọ mạng có chỗ thọ", đây là giải thích nghĩa xứng với lượng mà thọ.

"Lấy chỗ đắc lợi để chuyển chiêu cảm lợi khác", đây là giải thích đã đắc không khinh miệt hủy báng, hủy bỏ Sở đắc này thì có chút ít chuyển lại chiêu cảm nhiều lợi.

"Không thọ nơi Tín thí", đây là tán không đam mê lợi dưỡng và cung kính, là tổng ý không chấp Ác kiến, là câu thứ hai. Không thọ thí hư vọng, là câu thứ nhất. Không hủy báng chánh pháp, là nửa bài tụng dưới. Văn sau đây cũng là tổng. "Sợ như người bị ghẻ bỏng", là kiên chấp Ác kiến, hư vọng thọ Tín thí, hủy báng chánh pháp, tham muốn Dục của đời sau mà sinh nhân của Ác kiến, năm loại này gọi là ung nhọt. Do thọ Tín thí mà đam mê lợi dưỡng và cung kính, là chỗ sinh của nhân.

"Chư ngoạ cụ tập cận thuận với Định", là Biên tế ngoạ cụ, trong các ngoạ cụ là loại xấu kém nhất. Cực biên tế sau, do đây về sau có thể thuận sinh Tịch định. Hai câu từ không phải Trầm, Trạo v.v..., trở xuống như thứ tự giải thích kiên tinh tấn và dũng mãnh, đoạn hai ác, thiện. "Vì đối với các Thiện phẩm sinh khởi Dục", đây là giải thích sinh khởi Dục và không tăng thêm ác trong tụng. "Trong các Dục tăng thêm chán", đây là giải thích không có Dục và tăng thêm ác. "Là tu thiện phẩm cho đến tập Thuỳ miên", đây là giải thích Thuỳ miên ở trước, vì có kham nhậm và tâm an tịch, đúng thời thì ngủ, không đúng thời thì bỏ. Tương tợ Hôn trầm cũng là Thuỳ miên này nhiếp. "Nếu tâm chìm lặng không ở trong tịnh", ban đầu giải thích lìa Thuỳ miên, vì tư duy tịnh diệu tướng của Quang minh, sau giải thích lìa Trạo cử tu, tướng tợ Trạo cử, du hành khất thực, khi hành lợi tha vì không ở trong Tịnh, hoặc không ở trong Tịnh cũng hiểu lìa Thuỳ miên, hoặc có khi ở trong Tịnh tăng thêm Thuỳ miên. "Đối với chỗ phạm trước kia liền sinh ăn năn sám hối", đây là giải thích Ác tác ở trước. "Đối với chỗ không phạm thì không có ăn năn sám hối", đây là giải thích lìa Ác tác. "Mãi về sau sinh tư lự hy vọng thù thắng", đây là giải thích sinh tư lự hy vọng thù thắng, ngược lại là hiển đối với sự yếu kém ở trước. "Không sinh tư lự hy vọng", đây là hiển thị tướng Tợ nghi trừ Chân nghi. Năm Cái ở trên, đều nói là Tợ cái, vì lìa Chân cái. "Ân cần tôn trọng vô gián chánh phương tiện", ân cần tôn trọng là tất cả loại, tức là Cụ túc tu. Vô gián là luôn luôn. Chánh phương tiện, là Chánh phương tiện tu. "Sở y địa của Nguy dật", thân của trời

người gọi là Sở y địa, do Dục mà bị mất tài sản gọi là Nguy dật.

Đoạn lớn thứ ba, trong giải thích thể nghĩa Dà-đà, văn phân ba đoạn:

1. Kết ý trước phát sinh ý sau.
2. Trước nêu chín mươi mốt bài tụng để giải thích.
3. Cuối quyển 19, tổng lấy một bài tụng để kết chỗ thuyết minh trên, thành mười bốn đoạn.

- Trong quyển này hợp chung có năm đoạn:

1. Một bài tụng thứ nhất gọi là Ác.
2. Có hai bài tụng gọi là Thuyết.
3. Có năm bài tụng gọi là Tham.
4. Có ba bài tụng gọi là Lưu.
5. Có ba bài rưỡi gọi là Bố (sợ).
6. Có ba bài tụng gọi là Loại.
7. Có hai bài tụng gọi là Cử.
8. Có ba bài tụng gọi là Trì (ao hồ).
9. Có năm bài tụng lại gọi là Lưu.
10. Có bốn bài tụng lại gọi là Tham.
11. Có năm bài tụng gọi là Tác.
12. Có năm bài tụng gọi là Cù lao (mệt nhọc).
13. Có ba bài tụng gọi là Đắc nghĩa.
14. Từ "chư hành vô thường" trở xuống, 44 bài rưỡi, gọi là Luận nghị.

Trong đây, hoặc lấy chỗ thuyết minh của bài tụng thứ nhất, hoặc lấy nghĩa của tông mà làm danh hiệu, như các bài tụng sau giải thích.

Đoạn thứ hai giải thích rộng thuyết, có bốn lớp giải thích, trong lớp giải thích thứ ba, lược bỏ không giải thích bài tụng thứ ba. "Các pháp Hữu vi đều là chỗ nhiếp của ba loại Ngôn sự", Câu-xá luận nói: "Ngôn của thế tục y theo ba loại này", tức là đường đi của ba đời. Ngôn sự, tức là Sự sở y của Ngôn, Sự vô vi thì không phải, đây là tổng nêu Hữu vi, tức là trong nghĩa này riêng nói Diệu dục lấy làm Ưng thuyết. Tưởng ưng thuyết là Danh, do nói Dục danh thì người kia mới hiểu, người không cất cao cái mũi lên, đến nhà của người khác mới cầu chỗ muốn.

Trong giải thích ngược lại thứ hai, "bài tụng thứ nhất hiển thị các Dục chờ thời", là giải thích câu thứ nhất, vì đáng phải nói nguyên nhân chờ thời. "Như lớp thứ nhất ở trước có bốn chữ lại nữa, giải thích đối với Dục tà hạnh", tức là câu thứ hai y theo chỗ đáng nói. "An trụ quả

tà hạnh”, tức là nửa bài tụng dưới. “Tập hợp chiêu cảm sinh tử”, là nửa tụng trên của bài tụng thứ hai. “Gọi là xả Dục xứng với lý”, là nửa bài tụng sau. “Tu hành Thức luận không xứng lý, và Dục chờ thời”, nửa bài tụng sau cũng hiển tâm Dục chờ thời. “Nếu Dục thọ dụng chờ thời mới đắc thì bài tụng thứ ba cũng vậy”, cũng là xả Mạn cầu Vô mạn.

“Trong lớp thứ ba giải thích bài tụng thứ hai hiển ra Năng liễu tri của các Dục”, đây là giải thích câu thứ nhất, tiếp theo là hai chữ cho nên, giải thích câu thứ ba.

Trong lớp thứ tư giải thích ba bài tụng, Phật vì chư Thiên kia mà thuyết ba bài tụng trước, lúc đó chư Thiên kia lãnh ngộ, nghe hai bài tụng trước, chán sâu các Dục, nghe ba bài tụng sau thì xả tâm lăng mạ khinh miệt, gồm đoạn Kiêu mạn.

Đoạn thứ ba có năm bài tụng. Trong giải thích Tham, một bài tụng đầu là hỏi, bốn bài tụng sau là đáp. Trong đáp có hai phần:

1. Có ba Phương tiện quán.

2. Có một Căn bản quán.

Trong Phương tiện quán, phần đầu có một là Chán cảnh quán. Phần hai có một là Bất đoạn quán. Phần ba có ba quán là Khổ, Vô ngã, Thân niệm trụ quán. Trong Trường hàng thì giải thích: “Nếu nhiếp các căn, không bị Dục tổn hoại tâm đó v.v...” trở xuống, giải thích bài tụng thứ tư Căn bản quán, đem giải thích tụng đó khen ngợi đều là Liệu giản. “Biết rõ là người học đã chưa lìa một phần Dục tham” trở xuống, đây là chánh giải thích Dục tham sinh năm nhân trong tụng này, nhân thứ hai là do mong ưa cõi Dục, nhân thứ ba là do nắm lấy hữu tình tưởng của nam nữ v.v... nhân thứ tư là do Tham mạnh mẽ bức bách.

Đoạn thứ tư có ba bài tụng, bài tụng thứ nhất là hỏi, hai bài tụng còn lại là đáp. Trong Trường hàng giải thích, chỉ giải thích hai bài tụng sau để đáp. “Vượt qua năm bộc lưu”, là đoạn năm phần Kết cõi dưới. “Đang vượt qua sáu”, là đoạn năm phần kết đoạn phương tiện cõi trên. “Làm sao có thể rộng độ Dục ái”? Đoạn năm phần kết phương tiện của cõi dưới, là rộng độ Dục ái. “Nhưng chưa được thân ghe”, là hỏi như người kia khéo đoạn chưa được thân ghe để vượt qua phần kết của cõi trên, cũng như người đời qua biển dùng cỏ lau hoặc phao nổi, hoặc cây cối giống như mang phao nổi trên lưng, cho nên gọi là thân ghe. Biển là dụ cho sinh tử, Ý thức như cái lưng, Tuệ như chiếc thuyền. Trong hai bài tụng đáp, bài tụng thứ nhất là chánh đáp, bài tụng thứ hai là kết đáp. “Mà có thể Tĩnh lự, Thẩm lự và Đế lự”, vì phần đầu, phần giữa và phần sau khác nhau. “Hoặc hoà hợp với Ái”, là chưa đắc Thắng cảnh.

“Hoặc tăng trưởng Ái hoặc không lìa Ái”, là đã đắc Thắng cảnh. “Hoặc không hợp với Ái”, là chưa đắc Ác cảnh. “Hoặc suy giảm, hoặc biệt ly Ái”, là đã đắc Ác cảnh. “Lại có sai biệt, thì làm sao tu tập đối với Vô tầm định”? Lớp trước đã giải thích tu Vô tầm định, là đoạn năm Phần kết phương tiện của cõi dưới, do Sơ tĩnh lự có ba Thức thân, đang sinh Hỷ Xả mà khởi Si ái, vì Tầm v.v... chưa hết, cho nên nương vào Vô tầm tứ định mà tu Đoạn phương tiện. Hiện tại luận này thì khác, nương vào Tĩnh lự thứ hai mà niệm niệm tu tập, gọi là như kia khéo đoạn. Lại nữa, chữ “lại nữa” trước, thuyết minh nương vào Văn, Tư, Đẳng trì v.v... của cõi Dục mà chán các Tầm, gọi là Vô tầm định, là đoạn Phần kết phương tiện của cõi dưới. Nương vào Sơ tĩnh lự mà chán Dục của cõi Dục, đoạn phần kết của cõi dưới, đây là sai biệt thứ hai, vì tu Tĩnh lự thứ hai thì không có Tầm tứ định, khiến cho Phần kết của cõi dưới xa lìa, gọi là như kia khéo đoạn. “Ngoài ra như trước đã nói”, là hiểu rõ pháp vĩnh viễn giải thoát đều đồng với chỗ giải thích trước. Như kinh nói hỗ thẹn là trục, ý là ghe thuyền nghĩa là tâm Tàm như trục xe, khéo giữ bánh xe, người trí điều khiển vượt qua nguy ách. Ghe thuyền như đoạn trên đã giải thích.

Đoạn thứ năm có ba bài rưỡi, có ba hàng và nửa bài tụng. Một bài rưỡi là thỉnh, một bài kế là đáp, một bài sau là tán thán. “Mười tư cụ trợ giúp thân”, như quyển 2 trước giải thích.

BẢN LUẬN 18

Mười bốn đoạn giải thích thể nghĩa Dà-đà, trên đã giải thích xong năm đoạn, quyển này có kế đó tám đoạn đầy đủ, gồm một phần của đoạn thứ mười bốn. Luận này ban đầu giải thích về Loại có ba bài tụng, một bài tụng là hỏi, còn lại hai bài tụng là đáp. Trong đáp có năm phần:

1. Khích lệ Thắng sinh.
2. Khai xuất đạo.
3. Đối với sư nào mà học.
4. Trụ pháp nào mà học.
5. Không sợ sau khi chết.

Một bài tụng rưỡi trong đáp, đã đáp hai câu hỏi thứ nhất, nêu ra đủ chín đức, đã là Thắng nhân, thì có thể tưởng lệ khuyến khích Thắng sinh và khai mở xuất đạo; nửa bài tụng sau thì đáp ba câu hỏi sau. Lấy pháp, là Đạo lý; lấy chánh, là Thuận ích; lấy Thứ chế là Quỹ phạm; lấy dẫn đường là tưởng lệ khuyến khích. Lại nữa, lấy pháp là Giáo; lấy chánh là Lý; lấy chế là lấy Giáo và Lý này chế ngự; lấy Đạo là huấn dạy điều quấy; "lấy uy nghiêm mà chế phạt là nhân của lực", là bố thí; Sĩ dụng lực là Đế thật; Trợ bạn là Tuệ và Xả. "Tại sao suối gọi là Lục xúc xứ"? Vì Lục xứ như con suối, phiền não như nước suối, chỗ lưu xuất của dòng suối. "Hoặc An thọ thọ sở nhiếp", An thọ là Hỷ thọ, Sở nhiếp là Lạc. Lại cũng giải thích, lấy tâm vui thích gọi là An thọ, thích với thân gọi là Sở nhiếp, Bất an thì ngược lại điều này.

Đoạn thứ chín lại giải thích trong Lưu, có năm bài tụng phân hai đoạn:

1. Hai bài tụng hiển Dị sinh, Hữu học v.v... lần lượt có thể vượt qua Bộc lưu.
2. Ba bài tụng thuyết minh đắc Cứu cánh đạo thì vĩnh viễn vượt qua Bộc lưu.

Nghĩa của bốn Lưu như quyển 8 quyển 9 trước đã giải thích. Dị sinh do chánh tín vượt qua Dục bộc lưu, ba câu dưới đều là Hữu học vượt qua ba Bộc lưu còn lại. "Và hiển Năng chứng trụ đạo thứ nhất", là có thể chứng Diệt tận định đạo. "Hai mươi hai Xứ", đến Thanh văn địa sau sẽ nói rộng.

Đoạn thứ mười, trong bốn bài tụng của Tham, bài thứ nhất là hỏi, bài thứ hai là đáp, bài thứ ba là kết, bài thứ tư là thuyết minh đối trị. Trong giải thích có bốn giải thích:

1. Giải thích bài tụng thứ nhất, từ câu "thế nào là Nhuận sinh" trở xuống.

2. Giải thích bài tụng thứ hai, từ câu "hoặc có lực của thân tay" trở xuống.

3. Giải thích bài tụng thứ ba, từ câu "lại cũng có Sa-môn" trở xuống.

4. Giải thích bài tụng thứ tư, "cây Nặc-cù-đà", là hiển Sở nhuận sinh; "Thủy", gọi là Năng nhuận; "Tự mình", tức là cho đến "Chủng tử giới tánh", là hiển Sở nhuận sinh, vì Tầm tứ hiện tại do giới tánh này mà sinh. Ý nói Nặc-cù-đà từ tự căn mà sinh, do gió thổi, chim tha hạt giống rơi vào lỗ kẽ, lại sinh ra nhiều rễ cây, nương vào lỗ kẽ mà lần lượt sinh lên sau, gốc do thuỷ thấm nhuần mà cây lần lượt sinh. Thủy gọi là Cộng duyên, pháp của Tham khuể vì thấm nhuần Ái mà làm Cộng duyên, mỗi mỗi tự Chủng tử của nó làm Biệt duyên. "Ma-lỗ-ca điều", là loại dây leo, đây là thí dụ cho các Dục, Cựu dịch là Ma-lâu-ca-tử. Có sáu loại Biệt dục, cũng như rừng cây, vì Tham có thể bao bọc cho nên thí dụ dây leo. Trong lược nghĩa, "trong các Dục có hai loại Biệt duyên", văn của luận tự giải thích, gọi là Biệt phược, mỗi mỗi đều riêng chủng loại mà sinh, gọi là nhân Bất cộng; đều do Ái thấm nhuần, thì gọi là Cộng duyên. "Đoạn phương tiện thắng lợi", nửa bài tụng trên trong bài thứ tư, là đã hiểu rõ tánh Vô thường mà không khởi tham trước, gọi là Đoạn phương tiện; nửa bài dưới tức là liền vứt bỏ, cuối cùng không có thoái chuyển, gọi là Đoạn thắng lợi. "Hoặc tham, hoặc mừng, cho đến Ái phẩm", là trong sáu Biệt dục, chỗ sinh Ái khuể phẩm, phải biết như trước. "Đắm trước", tức là Tầm tư của Ý thức ở ngoài năm Trần.

Đoạn thứ mười một, trong Tác có năm bài tụng, một bài tụng thứ nhất là hỏi, bốn bài tụng còn lại là đáp. Trong giải thích, giải thích thứ nhất là giải thích bài tụng hỏi; giải thích thứ hai từ câu "lại nữa, hiển Như Lai nương vào Đệ nhất nghĩa" trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ nhất. Từ câu "đây là hiển thị Học và Vô học" trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ hai. Nếu chưa lìa Dục, vì muốn vượt qua Dục lưu mà vận chân động tay, phát Cần tinh tấn, thì gọi là chưa thấu đáy. Nếu đã lìa Dục, thì gọi là được tận đáy nguồn, dùng đó tiến lên để đoạn các phần Kết của cõi trên, không vận tay động chân siêng năng mà gia tăng tinh tấn, thì gọi là chẳng phải thân phần, đây là hiển thị từ câu "Bà-la-môn" trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ ba. Từ câu "người đắc Tĩnh lự thì vĩnh viễn đoạn tất cả" trở xuống là giải thích bài tụng đáp thứ tư.

Đoạn thứ mười hai, bốn bài tụng rưỡi, trong Cù lao có ba vấn đáp,

thứ nhất hỏi Phật là Bí-sô, hỏi đã vượt qua Bộc lưu hay chưa. Thứ hai là hỏi Niết-bàn và Diệt định đã vượt qua Bộc lưu hay chưa. Phật nói cho biết là đúng vậy! Bài tụng thứ ba có hai câu hỏi:

1. Nương vào câu hỏi trên mà đặt câu hỏi thứ nhất, “ông đã vượt qua Bộc lưu chưa, cũng như dòng sông v.v...”.

2. Nương vào câu hỏi trên mà đặt câu hỏi thứ hai, “như thế nào là không phan duyên không dừng trụ, đã vượt qua Bộc lưu chưa”.

Còn lại hai bài rưỡi là đáp, một bài rưỡi thứ nhất đáp “có Bộc lưu nhưng cũng chưa vượt qua”. Một bài tụng sau cùng là đáp hai câu hỏi trên, nhưng hai câu cuối lấy kệ ứng tụng của kinh này, cho nên văn dễ hiểu, lược chỉ ra cho biết. “Kỳ-diễm” là ứng tụng. Trong văn Trường hàng này, có ba đoạn:

1. Chỉ ra không có phan duyên, không có trụ.

2. Từ câu “Thế Tôn nương vào chỗ thị hiện xưa kia mà tu tập” trở xuống, tổng giải thích ý của bài tụng. “Chưa đối diện mà ngồi xuống, đoạn phi phương tiện, khi tà chấp nắm lấy tinh tấn thì có cù lao kia cho đến phiêu trầm, toà bồ-đề” trở xuống, là đối với tà tinh tấn đắc đoạn Biến tri, liền xả cù lao cho đến phiêu trầm.

3. Trong đây hiển thị “khi tu khổ hạnh” trở xuống, giải thích hai câu đáp trước, có ba đoạn:

a) Đáp câu hỏi thứ nhất, “đã vượt qua Bộc lưu chưa, cũng như dòng sông v.v...”.

b) “Tại sao lại nương vào niết-bàn v.v...”.

c) “Không phan duyên không dừng trụ, đã vượt qua Bộc lưu chưa”.

Phi phương tiện, là chỗ của Nặc-kiền-đà, mỗi ngày ăn một hạt mè, tự tu tà khổ hạnh. Ốt-đạt-lạc-ca, nghĩa là dũng mãnh sung thịnh, Cựu dịch là Uất-đầu-lam tử, ở chỗ của Nặc-kiền-đà kia mà tu Phi tưởng định. A-la-trà, nghĩa là gặp lỗi, Cựu dịch là A-lam-ca-lam, ở chỗ của Nặc-kiền-đà kia mà tu Vô sở hữu xứ định, tức là hiển Khổ hạnh trước Lạc hạnh. Bốn nghĩa xả Cù lao trong đây, là từ câu “lại sau khi ngồi toà bồ-đề” trở xuống, làm câu xả Cù lao thứ nhất. “Hễ có thiện pháp liền được tăng trưởng” là câu Cù lao thứ hai; từ câu “như như thiện pháp đã tăng trưởng” trở xuống, là xả Trụ thứ ba. Từ câu “đã do bất tri túc như vậy” trở xuống là xả mục tiêu thứ ba, cho nên nói như phần kế tiếp. “Trở lại dừng trụ tại Địa của cõi dưới mà sinh”, tức là Đối Pháp ghi: “Có vài vị Thánh đệ tử đã lìa dục của cõi Sắc, đắc Tĩnh lự giải thoát định của cõi Vô sắc, sau đó sinh lại cõi Sắc hay sao”? Đáp rằng có, là đắc Diệt tận định rồi sinh lại cõi Sắc, tức là câu nói trên. Bài tụng này

có ý nói, ngoại đạo có Cù lao v.v..., Thế Tôn ta đã lìa sinh tử chứng Niết-bàn, là quyết định đã lìa Cù lao. Nếu Thánh thoái chuyển, là có Cù lao, Thánh không thoái chuyển, là quyết định đã lìa Cù lao.

Đoạn thứ mười ba, trong phần đắc nghĩa Dà-đà, một bài rưỡi là hỏi, một bài rưỡi là đáp. Thiện kiến, Thiện tri, Thiện giám, Thiện đạt, vì trí bốn Đế thứ tự như vậy nên biết.

Đoạn thứ mười bốn, từ câu "các Hành vô thường" trở xuống, có bốn mươi bốn bài tụng. Trong giải thích Luận nghị, phân làm hai mươi bảy đoạn, phân tích và xiển dương lý sâu cho nên gọi là Luận nghị. Trong giải thích bài tụng thứ nhất, văn có bốn đoạn:

1. Giải thích câu tổng thứ nhất, Hữu không phải hằng hữu, Vô không phải hằng vô, cho nên sinh và diệt đều là Vô thường. Hai chữ Vô thường, thông chung ba đời và riêng khác quá khứ.

2. Từ câu "nếu quá khứ sinh Sở đắc của quá khứ" trở xuống, như thứ tự mà giải thích Vô thường thứ nhất. Câu thứ hai là có sinh diệt, đời quá khứ đã sinh diệt thì gọi là pháp Vô thường, đời vị lai đang sinh và có thể diệt, gọi là pháp có sinh, đời hiện tại hiện đang sinh và sẽ diệt thì gọi là pháp có diệt. Các Hành của ba đời đều là pháp có diệt.

3. Từ câu "nếu các Uẩn kia ở tại vị lai" trở xuống, là giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu "nếu Chủng tử" trở xuống, là giải thích câu thứ tư, vì Khổ nhân diệt cho nên sẽ sinh giải thoát, gọi đó là Lạc, vì thô trọng dứt, hiện trụ an lạc gọi đó là Lạc.

Trong Lược nghĩa có chín đôi giải thích sáu chữ "lại nữa" đầu tiên, như thứ tự mà phối hợp các Hành và Tịch lạc kia. "Pháp Vô vi gọi là Biến tri", là Sở chứng từ Năng chứng đạo mà đặt tên, các hành quán Hữu vi khởi Vô nguyện, vì không thấy Ngã, tức là quán Không có không, cho nên Không không có Nguyện, quán các Hành khởi Thánh đế và hiện quán trái nhau. Hai pháp đoạn xứ sở y , hai pháp đó là:

1. Tùy thuận hý luận, là bốn Kiến, hoặc tất cả phiền não dưới Khổ đế.

2. Bố uý hý luận, là Ngã kiến, tức là tất cả phiền não dưới Diệt đế.

Hai pháp này cũng vậy hiện quán trái nhau. Luận này hiển hai pháp Xứ sở y, là Khổ đế và Diệt đế; tánh Sở tri không điên đảo. Sở tri là nửa bài tụng tiếp theo; Sở chứng tánh không điên đảo, tức là nửa bài tụng kế đó. Ngoại đạo chấp thế gian là thường cho nên hủy báng an lạc của Niết-bàn, gọi là Bất cộng.

Đoạn thứ hai trong phần tụng, câu thứ nhất là Đạo đế cùng với Diệt đế làm vết tích, câu thứ ba là từ Đạo đế mà chứng Diệt đế, câu thứ hai là Tập đế làm nhân vết tích của Khổ đế, câu thứ tư do có Tập đế mà thường thọ Khổ đế. “Nếu khéo tu tập thì người này không có buông lung phóng dật”, là những bậc Hữu học tu Đạo đế, vì trong thời quá khứ chưa có tu tập Đạo đế, có thể do bất điều thiện mà chết, hiện tại và vị lai do tu tập Đạo đế, không do bất điều thiện mà chết, chư A-la-hán vị lai không có chết, cũng gọi là không do điều thiện và bất điều thiện mà chết. Phóng dật thì ngược lại điều này.

Trong Lược nghĩa, tánh của Xứ và Phi xứ, nhân quả của thiện ác, thuận với tương sinh, Sở tác của tự nghiệp, không phải Tha tác và Vô nhân. “Sư đối với đệ tử làm chỗ nên làm”, pháp dạy răn, tự chỗ hiểu nghĩa của các đệ tử, nương vào sư truyền dạy mà tu đoạn pháp. “Là người có thể thuận theo ác giới đào huyệt chôn nhân duyên của giới”, là có thể phát thân ngữ ý, gọi là nhân duyên của giới, tức Cựu dịch gọi là ác Thi-la. Làm nhơ xấu thiện giới cho nên gọi là Ác giới, không phải giới thể xấu ác. Phạm căn bản của các thiện giới, gọi là đào huyệt chôn nhân duyên của giới, tức là tướng bất chánh. Tướng bất chánh, tức là tư duy bất chánh và phiền não v.v... Bốn nghĩa trong Lược nghĩa phối hợp với nửa bài tụng trên, trong giải thích tụng này chỉ giải thích nửa bài tụng trên.

Trong văn của đoạn thứ năm phân làm hai đoạn:

1. Giải thích ba câu trên.

2. Giải thích câu thứ tư.

Trong văn giải thích có hai đoạn:

1. Lấy tám loại Quán mà quán nghiệp nghiệp quả báo của chư hữu tình.

2. Giải thích câu thứ tư.

Trong đoạn thứ nhất lại có hai phần:

1. Thuyết minh riêng tám Quán.

2. Từ câu “giới như vậy thiện nam tử” trở xuống, kết làm bốn bài tụng.

Bài thứ nhất và bài thứ hai, như thứ tự mỗi bài đều nhiếp ba bài; bài thứ ba và bài thứ tư, như thứ tự mỗi bài đều nhiếp một bài.

Trong Lược nghĩa đó, “thuyết minh quả của thiện ác, bao gồm chỗ đắc quả” gọi là Như lý tư; “nghiệp nghiệp quả báo, cho đến ngăn dứt các ác nghiệp này cuối cùng không nên làm”, gọi là Như lý tư, là các pháp đầu tiên tùy theo các pháp hành.

BẢN LUẬN 19

Trong giải thích Luận nghị thứ mười bốn, có hai mươi bảy đoạn, trên đã giải thích năm đoạn, quyển này có hai mươi hai đoạn. Trong bốn Ngữ, Ngữ thứ nhất là tổng nêu, ba Ngữ sau là biệt. Giải thích Thiện thuyết, Thiện ngôn, Thiện luận, thì Thiện thuyết là tổng, hai Thiện sau là biệt, nói thể là Thiện ngôn, nói nghĩa là Thiện luận. Thiện ngôn và Thiện luận đều có ba tướng của Thiện thuyết, ba tướng của Thiện thuyết hoặc phối hợp riêng với ba câu sau, hoặc tùy theo chỗ thích ứng mà thông với ba câu sau. Nhưng luận này nêu ra Ái ngữ và Đế ngữ của thế gian, để hiển thị phản ảnh hai Ngữ của xuất thế gian, vì tụng đầu tiên là nêu Thánh ngữ, Ái ngữ của nó có bốn mươi ba câu nói. Ái ngữ có ba loại, là Uỷ dụ, Khánh duyệt và Thắng ích, rộng như luận kia nói. Trong bài tụng thứ hai, do tu hành Tín v.v... năm loại thiện sự mà đắc ba loại quả. “Đạt được chánh tín” là Tín; “hổ thẹn ở nhà” là Tàm; “thọ trì giới” là Giới; “được y phục v.v...” là Thí; “chỗ có chánh pháp v.v...” là Pháp. Đây là giải thích câu thứ nhất. Từ câu “người kia đã thành tựu” trở xuống là giải thích ba câu dưới:

1. Danh dự quả, tức là câu thứ hai của bài tụng.

2. Giải thoát quả, trong chứng giải thoát xứ thanh tịnh chúng đồng phận của chư Thiên, thì Vô lậu gọi là thanh tịnh, Thánh tự tại gọi là Thiên, đây là giải thích câu thứ ba của bài tụng.

3. Đắc sinh thiên quả, đây là giải thích câu thứ tư.

- Trong giải thích bài tụng thứ ba phân ba phần:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “các ác hành là chỗ phải mau chóng xa lìa”, đây là giải thích câu thứ hai và thứ ba. Các quả Bất thiện gọi là ác ngoại đạo, các tà khổ hạnh không lợi ích gọi là Nhân vô nghĩa, có thể xa lìa.

3. Từ câu “hoặc đối với Tăng thượng bốn Thánh đế v.v...” trở xuống, là giải thích của câu thứ tư. Lược nghĩa, trước nghe chánh pháp, như lý tư duy là câu thứ nhất; pháp tùy pháp hành, là câu thứ hai và thứ ba; đắc quả thắng lợi, là câu thứ tư.

Trong bài tụng thứ tư, có ba chữ “lại nữa”. Chữ “lại nữa” thứ hai nói: “Chỗ có ẩm thực, ngôn thuyết và du hành”, ba loại này như thứ tự là khen ngợi ba chỗ không nhiễm, nhưng xứ vô tướng trụ cũng các khổ khác đuổi theo, không gọi là cực viên mãn, hoặc vì tự lợi mà ẩm thực và du hành không nhiễm, hoặc vì lợi tha mà ngôn thuyết và du hành bất động, hai chữ du hành thông với hai lợi nói trên; xứ vô tướng trụ, cũng

như bơi trong ao trong mát; các khổ khác đuổi theo, gọi là khi chán bùn cấu trong biển sinh tử. Lại nữa, Tuệ giải thoát, Hữu học thân chứng và Câu giải thoát, như thứ tự ba chỗ đó, là do ba loại người đó Phiền não chướng và Tận định chướng chưa dứt hết, vì không phải hai chướng của phiền não đồng thời lìa, cho nên nói như thứ tự.

Trong lược nghĩa, lìa Dục của ba cõi, đối với ý chỉ của Phật thánh cũng như Hữu dư y, tức là các bậc Vô học gọi là Trí giả. Lìa tham của cõi Dục, thuộc Thắng tấn đạo, tức là câu thứ tư, gọi là Bất động vì đã lìa dục tham mà khởi thắng tấn đạo. Hoặc Hướng thứ gồm cả quả và Hướng thứ ba vì lìa dục tham mà khởi Thắng tấn đạo. Quả Bất hoàn của nó thì như bơi trong ao trong trong mát. Lại nữa, hiển ba thắng lợi là giải thoát, Đẳng trì và Trí tuệ, là các giải thích nói về quán, vì quán quang minh xa lìa định chướng, thành Vô nhiễm Đẳng trì; quán không không phải Ngã, là bất động trí tuệ chiếu soi đoạn dứt, như bơi trong ao trong trong mát. Lại nữa, hiển chỗ đắc quả của Tâm tuệ học, thì quả Tâm học gọi là Bất động, Tuệ học quả như bơi trong ao trong trong mát, hai học tâm và tuệ không nhiễm như hư không, hoặc như thứ tự tâm học quả và tuệ học quả như hư không không có nhiễm, tâm học như cờ phướn của Thiên đế, tuệ học như bơi trong ao trong trong mát.

Đoạn thứ năm, có năm bài tụng phân làm hai phần:

1. Bốn Dị sinh.

2. Một Thánh giả.

Thánh giả thì thấy đủ Pháp thân và Hóa thân của Phật, gọi là Pháp kiến; trong bốn Dị sinh đó, thứ nhất là loại người Dục tham tà phân biệt, thứ hai là loại người Thiên nhãn bất định, thứ ba là loại người Nhục nhãn bất định, thứ tư là loại người trong ngoài đều chướng, đều không thể thấy. Kim Cương Bát-nhã ghi: "Nếu lấy sắc thấy Ta, lấy âm thanh tìm Ta, họ sinh Si tà kiến, không thể gặp được Ta", tức Dị sinh này là chỗ nhiếp của bốn loại trước. Dị sinh kia là Nhị thừa sau, tuy đạt Đế lý nhưng chưa chứng Pháp thân, cũng không thể biết Sắc thân v.v... của Phật, không phải Đệ nhất nghĩa thì không gọi là có thể thấy hai thân trong ngoài.

Đoạn thứ sáu, trong một bài tụng có bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu "hoặc đã có vượt qua năm Bộc lưu" trở xuống, giải thích câu thứ hai, Định đồng thời với Ái vị gọi là Hữu nhiễm thời, nhưng Hữu trong Nhiễm ái vị này, chấp là chính mình có, "Ta có thể ưa thích Ái vị", đối với Định ái vị chấp chặt không xả, nhiễm tâm sau này nhiễm

chỗ chấp thủ của tự tâm Ái định trước, Năng ái của nhiễm tâm sau đối với Sở ái của nhiễm tâm trước gọi là Tham nhiễm, do Ái này mà Khổ tương lai sinh, cũng gọi là Nhiễm. Đây là sinh phiền não không phải quyết định phiền não, cho nên nói là chiêu cảm sinh khởi, đây tức là tướng của Bộc lưu thứ sáu.

3. Từ câu "hoặc Nhiễm tự thủ đối với tâm Sở nhiễm " trở xuống, giải thích câu thứ ba. "Hoặc Nhiễm tự thủ", là Nhiễm tâm sau, "đối với tâm Sở nhiễm", là Định tâm trước, do Nhiễm Tâm sau đối với tâm Sở nhiễm kế trước có thể không tùy thuận, mà sinh Ái nhiễm, phát khởi công dụng nhiếp thọ một chỗ, khiến cho không tan mất, vì ngăn cho dứt nhiễm, cho nên tu Đối trị tác ý của Ý Bộc lưu thứ sáu, tâm Năng nhiễm này hiện tại cũng không có, có thể nhiễm ô đối với Tâm tương ưng, tức là chỗ Tâm tương ưng với không nhiễm, vì tự tánh thanh tịnh, gọi là tâm không nhiễm ô. Trong đây có ý nói, đối với tâm Sở nhiễm tùy theo công dụng, lìa Sở duyên trói buộc thì không có nhiễm ô, vì đối với tâm Vô nhiễm, lìa trói buộc tương ưng với hai thứ Phược và Ly, đang Khổ mà không sinh cũng gọi là Vô nhiễm, vì duyên trở lại Tham có thể nhuận sinh.

4. Từ câu "hoặc Hữu đối với Nhiễm ái vị kia tùy khởi công dụng" trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Đoạn thứ bảy, "Thành trì", là bên trong để nhiếp trì, bên ngoài để chế ngự, bên trong nhiếp bốn pháp, bên ngoài chế ngự Tín giải, cho nên thí dụ Thành trì. Tương ưng với hai loại Tâm thành của Thiện pháp: một là khéo Thuyết pháp, hai là Tỳ-nại-da.

Trong giải thích bài tụng thứ tám phân thành ba đoạn:

1. Giải thích hai câu đầu.

2. Từ câu "tâm kia khi Định này chánh an trụ" trở xuống, giải thích câu thứ ba, không sinh Ái vị, không có chỗ y chỉ.

3. Từ câu "do chánh phương tiện như vậy" trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Trong lược nghĩa, có bốn loại nhiễu loạn, loại thứ nhất tức là hai câu đầu, loại thứ hai và thứ ba tức là câu thứ ba, loại thứ tư tức là câu thứ tư.

Đoạn thứ chín, trong giải thích một bài tụng có bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu "lại nữa, Phật thị hiện nội tịch tĩnh lạc" trở xuống, là giải thích câu thứ hai và thứ ba.

3. Từ câu "như nhân theo vỏ trứng của nó mà sinh gà v.v..." trở

xuống là giải thích câu thứ tư.

4. Từ câu "sự sai biệt trong đây" trở xuống, giải thích lại nghĩa xả Hữu và Hành.

Câu thứ nhất thuyết minh Đắc sai biệt, ba câu sau thuyết minh Xả sai biệt. Câu-xá, nghĩa là ẩn tàng trong vỏ trứng, sau khi đắc Bồ-đề, cùng với thân khi chưa đắc tương tợ, gọi là Đẳng sinh, vì tương tợ chút ít, bốn Uẩn còn lại gọi là Thân sinh; cùng với nhân hoàn toàn khác nhau, gọi là Bất đẳng sinh. "Nội tịch tĩnh lạc", là thị hiện riêng mình ở nơi rừng hoang; "và Sa-môn lạc", là thị hiện trì giới không có hối hận. Hỷ và Lạc do hai thứ Lạc làm nhân thì tâm liền được Định, các Định lực thù thắng có thể xả hai Hạnh. Thọ hạnh là Mạng hạnh. Hữu hạnh là các Uẩn hữu lậu khác. Hữu hạnh thì rộng, Mạng hạnh thì hẹp, từ hạnh rộng mà làm luận, khen ngợi Vô thọ hạnh, đây là chỗ xả Sắc thân mà sinh, thị hiện Hữu lậu cùng với Uẩn hữu lậu trước tương tợ, tên gọi cùng với trước đồng nhau, chính bốn Uẩn vô lậu đó gọi là Thân sinh, không phải chỗ thị hiện xả cho nên cùng với Uẩn hữu lậu trước không đồng nhau, do đó cả hai đều sai biệt, Sắc thân như còn ẩn tàng trong vỏ trứng, bốn Uẩn vô lậu như phá vỏ trứng mà ra, như gà v.v... sinh nở. Sai biệt cũng vậy, là Phật Thế Tôn nếu không vứt bỏ các Thọ hạnh v.v... điều này có hai thuyết:

1. Phật thọ một trăm tuổi, nhưng chỉ có tám mươi tuổi, đã xả phần thứ năm hai mươi tuổi làm một phần thọ lượng, cho nên trong kinh phần nhiều nói Phật Ca-diếp, vào thời kỳ loài người thọ hai vạn tuổi thì xuất hiện nơi đời, Thích-ca thì khi loài người thọ một trăm tuổi mới xuất hiện nơi đời.

2. Phật Thích-ca phần lớn là phải thọ một trăm hai mươi tuổi, bốn mươi tuổi làm một phần, nhưng chỉ có tuổi tám mươi, là đã xả phần thọ thứ ba. Các giáo phần nhiều nói, loài người của châu này phần nhiều thọ một trăm hai mươi lăm tuổi, Đông thắng thần châu thọ hai trăm năm mươi tuổi v.v... là để hiển thị cõi này được tự tại, lưu giữ thân ba tháng là để hiển thị đối với Mạng được tự tại mà xả các phần khác, nhưng lấy chỗ có phước nghiệp của các phần khác bố thì cho các đệ tử.

Trong lược nghĩa, "và hiển vứt bỏ chỗ nương vào nhân duyên", là hai Lạc làm nhân thì Định tự tại.

- Đoạn thứ mười, một bài tụng có ba phần:

1. Nương vào các giải thích.

2. Phân rõ lược nghĩa.

3. Những kẻ ác.

Lại nữa, "Nương vào tại gia và xuất gia trong ba cõi" là phân tích lược nghĩa. "Nương vào kẻ Ái tại gia trong cõi Dục", là để giải thích tụng này. "Không phải số học", nghĩa là không phải số ghi bao quát.

Đoạn thứ mười một, trong một bài tụng phân làm bốn phần:

1. Nói khắp về ba cầu.

2. Từ câu "Dục cầu trong đây có tâm nhiếp" trở xuống, là giải thích câu thứ nhất.

3. Từ câu "hoặc Lạc của Sa-môn và Bà-la-môn" trở xuống, giải thích câu thứ hai.

4. Từ câu "Lại nữa, đây là tất cả ba môn nhiếp" trở xuống, giải thích hai câu sau.

Đoạn thứ mười hai, trong giải thích một bài tụng:

1. Trụ đều là Vô ái.

2. Hý luận đều là Vô ái.

3. Vượt tường Ly ái.

4. Vượt hào Ly ái.

Cho nên nói A-la-hán vĩnh viễn lìa Tham ái, do bốn tướng đó mà dạo chơi các thế gian, nhưng trời người không biết.

Giải thích văn có hai đoạn:

1. Giải thích nửa bài tụng dưới, khen ngợi Mâu-ni dạo chơi các thế gian, trời người không biết, A-la-hán gọi là Mâu-ni, vì chứng Tịch mặc pháp.

2. Từ câu "Tại sao chư A-la-hán ly ái" trở xuống, là giải thích nửa bài tụng trên, hiển thị hình ảnh riêng của Ly ái có bốn tướng. "Chủ ma oán", là chỗ gọi Tham ái.

Trong Lược nghĩa, "hổ thẹn chỗ không đáng hổ thẹn", tâm thuộc tài sản của người khác là chỗ không đáng hổ thẹn, vì sinh khởi nhỏ nhẹ cho nên gọi là hổ thẹn chỗ không đáng hổ thẹn; mưu tính kinh doanh thuộc tài sản của mình, gọi là chỗ đáng hổ thẹn; đam mê vui chơi và trói buộc nhiếp, gọi là đáng hổ thẹn mà không hổ thẹn, hợp chung thành Xứ thứ nhất. Tâm có đoạn diệt gọi là không đáng sợ; quở trách, hủy báng và siêng cần tiến tới, gọi là sinh kiến giải sợ sệt; sinh Thiên buông lung hưởng lạc, gọi là đáng sợ; khen ngợi tâm hy vọng, gọi là không sinh kiến giải sợ sệt, là Xứ thứ hai vọng sinh chút ít khinh khi hủy báng.

Đoạn thứ mười ba, trong một bài tụng, "huân trừ", Huân là huân tập tu hành, Trừ là trừ diệt.

Đoạn thứ mười bốn, trong giải thích một bài tụng, văn phân làm bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu "hoặc có thì có thể đối với khéo thuyết pháp" trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu "như vậy khéo tu chánh phương tiện" trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu "Lại nữa, tu như chỗ đắc đạo ở trước" trở xuống, giải thích câu thứ tư. "Thọ trì bảy thứ nương vào sự phước nghiệp", câu này có hai thuyết:

1. Tức là bảy Thánh tài, bố thí rất tăng thượng, đó là lý do nói riêng về nó.

2. Trong phần tám bố thí ở trước, ngược lại bảy bố thí đầu tiên thì có lỗi bố thí, càng nên suy xét.

Đoạn thứ mười lăm, trong giải thích một bài tụng phân làm ba đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất, "Tất cả chủng", là mười Ác nghiệp đạo. "Tất cả nhân duyên", là ba loại căn bất thiện, có thể phát sinh Nghiệp đạo và Cứu cánh. "Tất cả xứ sở", là cảnh vật chất dụng cụ v.v... của Tình và Phi tình.

2. Từ câu "sau đó do ba tướng" trở xuống, giải thích câu thứ hai, nương vào Giới mà khởi Định, nương vào Định mà khởi Tuệ, nương vào Tuệ mà chứng Cảnh, gọi là ba tướng, cho nên thông với hai Xứ.

3. Từ câu "như vậy đầy đủ" trở xuống, giải thích câu thứ ba, không giải thích câu kết thứ tư.

Trong Lược nghĩa, "Tam học" là hai câu đầu. "Học quả" là câu thứ ba. "Không cùng với người khác học chung" là câu thứ tư.

Đoạn thứ mười sáu, trong giải thích một bài tụng:

1. Giải thích câu thứ nhất; từ câu "khó có thể điều phục" trở lên, giải thích khó điều phục; từ câu "tuy gượng ở yên" trở xuống, giải thích khinh tháo, là cử chỉ khinh suất hấp tấp, tánh tập quen dễ dãi.

2. Từ câu "tuy gượng ở yên tịch chỉ bên trong" trở xuống giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu "chư Thánh đệ tử đối với như vậy" trở xuống giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu "sau đó do Chánh định như vậy" trở xuống giải thích câu thứ tư.

Trong lược nghĩa, "Tả đạo", trái với Chánh đạo lý, là hai câu trên. "Không tùy theo tâm Tả đạo", là câu thứ ba. "Chỗ đắc thắng lợi", là câu thứ tư.

Đoạn thứ mười bảy, trong giải thích một bài tụng, câu thứ nhất là tổng Sở nhân, ba câu sau là công đức Sở đắc, một là có thể ăn mà xa lìa hương vị, hai là Tĩnh lự, ba là thường vứt bỏ, bốn là Niệm, là thọ Vô nhiễm hỷ lạc. Đạn, là kiêng nể khiếp sợ. Vô đạn, là không có sự khiếp sợ này. Giải thoát hỷ lạc là Vô vi, Vô nhiễm hỷ lạc là Hữu vi.

Trong Lược nghĩa, Sở tác của Tỳ-bát-xá-na là khen ngợi Tĩnh lự, do suy xét kỹ đạo lý mà đạt được Tỳ-bát-xá-na, trở thành Sở tác của nó, cho nên trước nói Tĩnh lự, sau đó nói Tuệ tác.

Đoạn thứ mười tám, trong một bài tụng, hai câu đầu là chỗ thành tựu năm chi, hai câu sau là chỗ đoạn năm chi:

1. Không có công xảo, là không có bốn sự:

a. Không kiêu căng tà nghiệp nuôi mạng.

b. Không ỷ nhà có thế.

c. Không theo quy củ các dòng họ cao quý.

d. Không trái giả trá thọ lãnh.

Thánh nói thế gian Dị sinh nương vào Công xảo làm nghiệp, đợi chờ phi pháp mà mong cầu tâm chân thật. Bí-sô thì không như vậy, không dựa vào bốn sự này mà khởi phi pháp, mong cầu tâm ăm mặc cũng như thế gian kia.

2. Không khinh khi tự mình, là nếu đối với ăn mặc phi pháp mà tham lam tụ tập, không trì y bát, thì gọi là khinh khi tự mình. Bí-sô thì không như vậy, không coi nhẹ tự mình.

3. “Lạc thù thắng hy vọng ưa thích”, là Sa-môn hy vọng ưa thích Học xứ, kiên cố cấm giới.

4. Lạc chư căn, là Lạc sinh Hỷ căn thì Tịnh mạng đầy đủ hoan hỷ; Lạc sinh Tuệ căn thì nhập Hiện quán v.v...; Lạc sinh Niệm căn thì khiển trừ các ác.

5. Tận giải thoát, Kết phược, Triền chủng đều là giải thoát, gọi là thành năm chi:

a. Không có nhà là trọn không xả Giới thoái về lưới tục.

b. Không có chỗ tích trữ là thọ tài và thọ cảnh.

c. Không có hy vọn là không mong tài và mạng, biết mà nói dối.

d. “Đoạn dục” là đều cho và nhận.

e. Độc hành là Tham dục đã tận, không có bạn, một mình dạo chơi, lìa Phi phạm hạnh, khéo đạt nhân quả, các ác đều tận, không chấp nhân ác là không có nhân chiêu cảm quả, gọi là đoạn năm chi, tùy theo nghiệp thế của nó mà phối hợp giải thích văn.

Đoạn thứ mười chín, trong giải thích một bài tụng:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, đây là hiện tại tùy theo tự thể của nó” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “nếu có thông tuệ là do bốn tướng này” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “kia có thể siêu độ” trở xuống, giải thích câu thứ tư. “Tâm” là nói chung tám Thức. “Vô lượng sai biệt tự thể triển chuyển” là tâm của ba tánh v.v... sai biệt mà chuyển. “Và nhân triển chuyển” là các tâm trước làm nhân mà sinh các tâm của tự thể sau, hoặc tâm Chủng tử và các duyên khác có thể sinh Thể của tâm, đều gọi là nhân triển chuyển. Từ câu “tiền tế không thể biết cho nên gọi là Viễn hành” trở xuống, quyển 57 giải thích Viễn hành có hai nghĩa là Vô thuỷ thời và Duyên khắp các cảnh giới. Quyển luận đó nói thiên về Ý thức tác nghiệp, luận này thì thông với tất cả, cho nên không trái nhau. “Riêng từng một Thức mà chuyển”, vì không có Nhãn thức thứ hai đồng một thời mà sinh, cũng không phải tất cả chủng. “Tâm ba tánh, vì nhanh chóng hiện tiền, cho nên gọi là Độc hành”. Quyển 57 có hai nghĩa: một là riêng từng một Thức chuyển, hai là không có chủ tể, cho nên gọi là Độc hành. Trong đây Nhân viễn hành ở trước, là nói Thức từ duyên mà khởi, vì nương vào văn dễ dàng. “Đã ngăn trách Vô tác”, là Độc hành, trong lược nghĩa cũng không trái nhau. “Nhưng tâm thể này, hiện tại khi khởi thì tâm tánh bất định, luôn luôn tăng thêm triển chuyển thì dễ gián đoạn”, gọi là không rốt ráo chuyển. Rốt ráo nghĩa là trước sau tương tợ tương tục. Năm căn như Sắc v.v... của nó, hoặc đồng với Dị thục, khác với Trưởng dưỡng, tuy ban đầu thì mờ yếu, nhưng sau đó thì sáng và thù thắng. “Trước sau tương tợ tương tục mà sinh”, gọi là rốt ráo chuyển. “Khi chủng chủng phẩm loại là Dị sinh thì sinh, Dị diệt thì diệt”. Chữ “Dị” nghĩa là riêng khác, là ba tánh phẩm loại riêng khác với Dị sinh, như thiện tâm riêng khác với hai tánh phẩm còn lại, khi Sinh thì mới sinh thì khác với hai tánh phẩm còn lại, khi Diệt thì mới diệt, là hai tánh còn lại cũng vậy. Lại nữa, như Tham câu phẩm trong Phiền não khác với các phẩm còn lại, hoặc Sinh hoặc Diệt, nhưng tâm thể kia tự tánh không phải nhiễm, Thể và tánh Nhiễm của nó trước sau tương tợ bất khả đắc, và do tâm tánh vốn thanh tịnh mà Thể nhiễm của nó bất khả đắc, cho nên không thành thật, gọi là không có thân. Trong đây có ý nói, tâm thể nhanh chóng lui mất, dị loại mà sinh diệt. “Không rốt ráo chuyển, không đồng sắc tướng, trước và sau tương tợ, rốt ráo mà chuyển, và không có Thể nhiễm cho nên gọi là không có thân”, quyển

57 ghi: “Không có Sắc thì không thấy, cũng không có đối, cho nên gọi là không có thân trong đời vị lai này”. Theo Nghĩa lý môn của sư kinh bộ mà nói, là có tâm Tùy miên, ở vào bốn Thức mà trụ, có thể đối với đời sau từ Tùy miên mà khởi, có vãng có lai, duyên trải qua cảnh nghĩa, gọi là ngủ trong hang. Thức chủng vị lai hiện ở vào Thức mà trụ, tương lai có thể sinh là nghĩa ngủ trong hang. Y theo Chân thật lý môn giải thích văn này, là nếu Thức của đời vị lai ở vào Thức mà trụ, thì Bản thức trong đời hiện tại mới có Tùy miên, có thể đối với đời sau có nghĩa vãng lai, gọi là ngủ trong hang. Quyển 57 ghi: “Nương vào Sắc, gọi là ngủ trong hang”, luận đó nói có cõi Sắc thức không phải Thức vị lai, đây là nói chung Thức của ba cõi và nói ba đời riêng Thức, để giải thích văn tụng, lý không trái nhau. Viễn hành, là nói Thức quá khứ có hai nghĩa Độc hành và Vô thân. Nói Thức hiện tại ngủ trong hang, là nói Thức vị lai, tức là bốn nghĩa Thức của ba đời gọi là bốn tướng, không phải quá đời khứ và vị lai mới không có nghĩa Độc hành và Vô thân; Dụng hiện tại có thể biết, từ tăng trưởng mà nói hiện tại.

Trong Lược nghĩa, “nhiễm ô trong thời gian dài”, tức là tiền tế không thể biết. Vô tác là tánh, là nghĩa của tâm tự thể triển chuyển và nhân triển chuyển, đây là cũng giải thích Viễn hành. Đối với tánh của đời hiện tại là sát-na, Tham, Sân v.v... chuyển dịch không rốt ráo chuyển, cho nên tự tánh thanh tịnh, Thể của Nhiễm ô không thành thật, đây là giải thích Vô thân, nhưng thiếu Độc hành đối với đời vị lai có nghĩa phóng dật, đối với đời sau có nghĩa vãng lai, tức là ngủ trong hang. “Do Bất phóng dật cho nên thanh tịnh, tức là Thông tuệ”, là biết rõ Tâm kia trụ trên đất liền, là nửa bài tụng kế dưới.

Đoạn thứ hai mươi, có mười bài tụng, có năm câu vấn đáp, hai bài tụng làm một câu, đều là hỏi trước, đáp sau. Trong giải thích có hai phần là tổng chỉ ra tụng của kinh và tùy giải thích riêng. “Ba-la-diên”, là tên kinh. “A-thị-đa”, tức là Vô Năng Thắng, là tên chữ của Di-lặc. Giải thích văn phân ra năm đoạn:

1. “Từ câu “muốn nói thế gian” trở xuống là giải thích câu đáp thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp là do Vô minh môn” trở xuống, giải thích câu đáp thứ hai.

3. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp và người tại gia” trở xuống, giải thích câu đáp thứ ba.

4. Từ câu “cho đến pháp kia chưa vĩnh viễn diệt” trở xuống, giải thích câu đáp thứ tư.

5. Từ câu "nếu chư Hữu học ở đây xứng với Loại mà hiểu rõ" trở xuống, giải thích câu đáp thứ năm.

Năm đoạn này đều là căn cứ theo giải thích câu đáp, không giải thích theo chỗ thỉnh nói tụng, gồm:

1. Thuyết minh nhiễm ô hoặc nhân hoặc quả.

2. Thuyết minh có thể đoạn các Thể của nhân nhiễm.

3. Thuyết minh Uẩn diệt vị của Tổng quả và Biệt quả.

4. Thuyết minh đối với hai Thọ không sinh mừng vui, đắc sáu thứ Hằng trụ chỉ có Vô học pháp, cuối cùng là Chung tận vị.

5. Thuyết minh chỗ làm nhiều sự của Dị loại chư Hữu học.

Trong bài tụng thứ nhất:

1. Giải thích câu thứ nhất, ba loại thế gian là chung thế gian, hai loại thế gian là biệt lập trong ba loại thế gian.

2. Từ câu "người thiện thuyết pháp là do có Minh" trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu "nếu chư tại gia khác loại với bạch y" trở xuống, giải thích ba câu sau.

Ba Hý luận gồm:

1.. Ba loại Ngôn sự.

2.. Bốn loại Ngôn thuyết.

3.. Tầm tứ ba loại Ngôn sự. Đó là pháp của ba đời.

Bốn loại ngôn thuyết là Kiến, Văn, Giác, Tri. Ngôn sự chỉ gọi là Hý luận, vì là Sở phân biệt. Nghịch thuận tư duy gọi là dính nhiễm, vì là Năng phân biệt, có thể tăng trưởng, có thể tùy tăng trưởng.

Trong đây từ câu "người ác thuyết pháp bị Vô minh che lấp" trở xuống, là giải thích câu thứ tư, ba câu đầu là Nhân, một câu này là Quả. Câu thứ nhất là Vô minh, câu thứ hai là Phóng dật, câu thứ ba là Thuận nghịch tư duy, là giải thích trong câu đáp thứ hai. Từ câu "lại nữa, người ác thuyết pháp" trở xuống, giải thích câu thứ nhất. Từ câu "như vậy Vô minh, Hý luận và Phóng dật" trở xuống, giải thích câu thứ hai. Từ câu "hoặc xuất thế gian là chỗ nhiếp của Chánh kiến" trở xuống, giải thích câu thứ tư. Từ câu "đối với Lưu lậu này hoặc ẩn nấp hoặc vĩnh viễn" trở xuống, giải thích câu thứ ba. Giải thích y theo nghĩa, thì bài tụng kế đó tùy theo văn được thuận tiện, trước và sau không đồng.

Trong giải thích câu đáp thứ ba, có hai phần:

1. Từ câu "lại nữa, người ác thuyết pháp và người tại gia" trở xuống là giải thích khắp hai phẩm nhiễm tịnh, hai loại sai biệt của Hiển liễu và Bất hiển liễu.

2. Từ câu “chư A-la-hán ở đây đã hiển liễu” trở xuống là tổng giải thích ý của tụng. Đã Hiển liễu là A-la-hán. Xứng với Hiển liễu là chư Hữu học.

Trong giải thích câu đáp thứ tư, cũng tổng giải thích ý tụng. Trong giải thích câu đáp thứ năm có bốn phần.

1. Từ câu “cho đến Sở tác của Uỷ tất” trở xuống, giải thích câu thứ nhất, một là Thường sở tác, hai là Uỷ tất sở tác. Hai loại này đáng làm thêm nữa, vì không phải sự Phóng dật, vì thông với Sở tác của tất cả Hữu học.

2. Từ câu “dị loại của Hữu học hoặc là chư Hữu học” trở xuống, giải thích câu thứ hai, có hai lần giải thích, lần thứ nhất nói phần kết trên và dưới hợp chung gọi là tâm Nhiễm ô, Vô nhiễm tức là tâm Vô trược; lần thứ hai từ câu “lại nữa, đối với các Dục không đam nhiễm” trở xuống là giải thích riêng hai câu kết, không phối hợp với nghĩa Vô nhiễm và Vô trược.

3. Từ câu “lại nữa, đối với tất cả pháp Hữu khổ” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “tu tập như trước” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Đoạn thứ hai mươi mốt, trong giải thích sáu bài tụng, phân sáu đoạn:

1. Từ câu “như vậy tổng gọi chư Dục ái vị” trở lên, giải thích bài tụng thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, tâm hy vọng kia” trở xuống, giải thích bài tụng thứ hai.

3. Từ câu “lại nữa, rắn độc” trở xuống, giải thích bài tụng thứ ba.

4. Từ câu “lại nữa, tự tánh của các Dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ tư.

5. Từ câu “lại nữa, đối với Sự dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ năm.

6. Từ câu “hoặc đối với các Dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ sáu.

“Các thứ châu báu v.v... gọi là Cộng tương ưng”, là đồng với số của bảy báu, tức là có thể trùng điệp lên, tất cả xứ đều dùng, ngược lại điều này thì gọi là Bất tương ưng. Từ đây trở xuống, trong tụng, ba bài tụng đầu thuyết minh chư Hữu học quán Nhiễm xa lìa, ba bài tụng sau thuyết minh chư Vô học quán Nhiễm vĩnh viễn dứt tuyệt.

Trong lược nghĩa, Sự dục gọi là Ái vị, Dục gọi là tội lỗi, đoạn hai thứ này gọi là Xuất ly; ba bài tụng đầu như thứ tự mà phối hợp; hai bài

tụng kế nói Ái vị có thể làm tội lỗi; một bài tụng cuối là công đức Xuất ly.

Đoạn thứ hai mươi hai, trong một bài tụng rưỡi, văn phân làm ba đoạn:

1. Tổng giải thích ý tụng.

2. Từ câu "là có thể xả ly" trở xuống, riêng hiển năm sự Tương thuộc, giải thích văn tụng.

3. Từ câu "do năm tướng này" trở xuống, kết luận tu Phạm hạnh là cực thành hiền thiện.

"Các pháp của Sắc v.v... và An lập kia", là Sở thuyên và Năng thuyên. Câu thứ nhất là pháp, câu thứ hai là Tỳ-bát-xá-na; nghĩa là câu thứ nhất là Học thành mãn, câu thứ hai là Phần vị. Quyển trước có năm đoạn, quyển này có hai mươi hai đoạn, hiện tại trong Thành luận nghị có hai mươi bảy đoạn. Trong thể nghĩa Dà-đà có ba phần, một bài tụng cuối này là đoạn thứ ba, lấy mười bốn môn kết với nghĩa của tụng trên làm Luận nghị để thuyết minh Thể nghĩa của Dà-đà, gọi là Luận nghị.

BẢN LUẬN 20
TU SỞ THÀNH ĐỊA

Đẳng dẫn gọi là Tu, tức là Biệt cảnh Định tâm sở. Nếu nghĩa của tu tập thông với Văn tư tuệ, thì Tu nghĩa là Chứng, cho nên chỉ có Đẳng dẫn nương theo Tu mà sinh Tuệ, gọi là Tu tuệ; nương vào Sở thành của Tu tuệ, tất cả công đức của Hữu vi và Vô vi, gọi là Tu sở thành, đều là Thể của Địa này, toàn văn phân làm hai đoạn là hỏi và đáp.

Trong đáp có ba phần:

1. Trình bày bốn Xứ.
2. Lấy bảy chi tương nhiếp giải thích rộng.
3. Tổng kết thành Tu sở thành địa.

Trong bảy chi tương nhiếp rộng giải thích gồm hai đoạn là tổng trình bày bảy chi tương nhiếp và riêng phân tích rộng về tướng. Đoạn văn thứ nhất có ba phần là nêu, trình bày và kết. Xứ là xứ sở, nương vào bốn nghĩa Xứ thì tu hành mới viên mãn:

1. Xứ sở, là Nội thể và Ngoại duyên cần phải đầy đủ.
2. Nhân duyên, là hành Phương tiện tu của thế gian và xuất thế gian.
3. Tu du-già chánh tu tự thể.
4. Tu quả là nhân tu chỗ đắc thế gian và xuất thế gian, thì quả là công đức Hữu vi và Vô vi.

Bảy chi nhiếp:

1. Sinh viên mãn, tức là Tu xứ sở.
2. Nghe chánh pháp.
3. Niết-bàn làm Thượng thủ.
4. Có thể thành thục thành tựu giải thoát Tuệ, đây là hợp chung làm ba loại, gọi là Tu nhân duyên.
5. Tu tập Đối trị, gọi là Tu du-già.
6. Tịnh của thế gian .
7. Tịnh của xuất thế gian gọi là Tu quả.

Trong bảy chi rộng giải thích, do bốn Xứ nhiếp, tức là phân làm bốn đoạn, trong Sinh viên mãn tu xứ sở thứ nhất, văn phân ba phần:

1. Phân tích Sinh viên mãn.
2. Có thể nhiếp bốn chi tu Du-già xứ.
3. Kết Sinh viên mãn rộng, Thánh giáo nghĩa bất tăng bất giảm.

- Văn thứ nhất lại phân ba phần:

1. Hỏi để nêu ra mười loại.

2. Mỗi mỗi hiển riêng.

3. Tổng kết thành.

Lại nữa, ở trung tâm quốc gia không sinh biên địa, là nương vào thông Tục thế gian mà giải thích, chỉ có Trung Ấn gọi là trung tâm quốc gia, người ở trung tâm quốc gia vì có đủ Chánh hạnh, ngoài ra đều là Biên địa, nếu có ít người đủ Chánh hạnh, thì phần nhiều không đủ. Theo chỗ truyền của Phật pháp, chỉ có Trung Ấn gọi là trung tâm quốc gia, vì uy nghi lễ tắc thuận với Chánh lý, Bí-sô v.v... có đủ Chánh hạnh, vì có đủ chỗ đến chân chánh, ngoài ra tuy ít người có đủ, phần nhiều trái với nghi tắc, Hạnh không thuần, đều gọi là Biên địa. Đạt-tu, là loại người vặt vảnh bỉ ổi hạ tiện. Miệt-lệ-xa, là hạng người ưa thích cấu uế.

Từ câu "nghe chánh pháp viên mãn" trở xuống, giải thích trong Tu nhân duyên thứ hai, phân ba đoạn:

1. Rộng giải thích ba chi.

2. Từ câu "lại nữa, tùy theo thứ tự, đã nói ba chi" trở xuống, kết thành rộng giáo không hơn không tăng.

3. Từ câu "lại nữa, ba chi này nên biết tức là Tu du-già nhân duyên" trở xuống, kết thành ba chi Tu nhân duyên nhiếp.

Trong Niết-bàn làm Thượng thủ có ba phần là nêu, giải thích và tổng kết. Trong nghĩa rộng, phân làm hai đoạn:

1. Giải thích Niết-bàn là tướng Thượng thủ.

2. Giải thích do tướng này mà được năm thắng lợi.

- Đoạn văn thứ nhất lại phân làm hai phần:

1. Tổng thuyết minh Niết-bàn làm đầu, chỉ nghe chánh pháp không vì các duyên khác.

2. Lấy mười Chuyển giải thích lấy làm đầu.

- Hậu hữu và Trung hữu có hai phần:

1. Nêu mười Chuyển, hai Niết-bàn làm đầu.

2. Giải thích mười Chuyển.

- Mười Chuyển gồm:

1. Văn sở thành tuệ làm Nhân.

2. Đối với Đạo và Đạo quả khởi ba loại Tín.

3. Viễn ly các Ác tầm tứ ồn náo.

4. Tiến đến Thiện quyết định Tư sở thành trí.

5. Có thể tiến vào hai Tu phương tiện.

6. Chứng Tu tuệ.

7. Đối với sinh tử và Niết-bàn phát khởi ưa chán.

8. Nhập Đế hiện quán hữu học giải thoát.

9. Luôn luôn tu đạo Vô học giải thoát.

10. Chứng Vô dư y Niết-bàn.

Năm loại đầu ở trước Niệm trụ quán bất tịnh; một loại kế ở tại Quán bất tịnh niệm trụ v.v...; một loại kế là bốn Thiện căn, đối với sinh tử Niết-bàn mà khởi ưa chán, tức là bốn Đế quán; hai loại sau tự có thể biết được. Trên đây là chín loại Hữu dư Niết-bàn làm Thượng thủ, tức là do chín loại này mà chứng Vô dư y Niết-bàn, là Chuyển thứ mười.

Năm Lợi ích thù thắng, là khi nghe pháp có hai thứ nhiêu ích, khi tu chánh hạnh cũng có hai thứ nhiêu ích, đều chứng biên tế của Khổ.

Có thể thành thục giải thoát, trong Thành thục của Tuệ có hai phần là hỏi và đáp. Trong đáp có ba đoạn:

1. Thuyết minh Chỉ quán do Tuệ thành thục.

2. Thuyết minh gần gũi Thiện hữu tu tập Tam học Tuệ thành thục.

3. Thuyết minh mười loại Năng thục, giải thoát, Tuệ thành thục.

Giải thoát là quả; Năng thục là nhân, tức là Chỉ quán v.v... Quả này và nhân này đều là Sở thục, Tuệ là Năng thục, vì hay thành thục các Sở thục kia, gọi là Thành thục của Tuệ.

"Trong Định tâm, Tuệ đối với Cảnh sở tri thanh tịnh mà chuyển", là giải thích chi Xa-ma-tha do Tuệ thành thục, Định tâm không có Tuệ thì chứng cảnh không rõ, chướng cấu không lìa, do Tuệ chứng rõ và có thể lìa chướng thì Định tâm mới viên mãn, cho nên gọi là Tuệ thành thục.

Thứ hai, "lại nữa, chi Tỳ-bát-xá-na" trở xuống, giải thích nương vào Thiện hữu mà tu Tam học Tuệ thành thục, gồm nêu và giải thích. Trong nêu, nói:

1. Ban đầu khởi Tu tuệ, phải nương vào chỗ nhiếp thọ của Thiện hữu.

2. Nương vào chỗ nhiếp thọ của Xa-ma-tha.

3. Nương vào chỗ nhiếp thọ Thi-la viên mãn.

Vì ban đầu khởi Tu tuệ cho nên không nói do chỗ nhiếp thọ của Tu tuệ. Hoặc ban đầu khởi Văn tuệ cho nên không nói do chỗ nhiếp thọ của Tu tuệ, vì chưa có hiện hành Phương tiện tuệ, nếu sau đó khởi Tuệ, thì lý cũng do chỗ nhiếp thọ của Tuệ.

Kế đó trong giải thích riêng, chỉ giải thích nương vào Thiện hữu và nương vào chỗ nhiếp thọ của Thi-la, không giải thích nương vào chỗ nhiếp thọ của Định. Chỉ Thành thục ở trước, tức là chỗ nhiếp thọ của Định này. Thiện hữu nhiếp thọ là do Thiện nhiếp thọ, vì khi thuyết

pháp, trong Cảnh sở tri của chỗ thuyết pháp, do có Tuệ có Giác liễu dục. Thi-la nhiếp thọ, là do nhiếp thọ Thi-la, người kia có ba căn, tùy theo Cử tội v.v... do có Tuệ này mà kham chịu quở trách.

Thứ ba, "lại nữa, nương vào Sở tri chân thật" trở xuống, giải thích mười loại Năng thục, Giải thoát, Tuệ thành thục. Trong đó có hai đoạn là phân tích mười loại và tổng kết mười loại dần dần có thể khiến cho giải thoát viên mãn. Mười loại gồm:

1. Đối với cảnh chân thật có Giác liễu dục.
2. Ưa thích nghe pháp.
3. Thuận tiện phát thỉnh hỏi.
4. Nghe pháp nghĩa sâu xa mà xưa kia chưa nghe.
5. Thuyết minh nghĩa Tịnh pháp trừ chỗ nghi trước.
6. Có thể thấy các tội lỗi mà chán sâu các thịnh sự.
7. Đối với các thịnh sự của thế gian không sinh chán ưa.
8. Vì trừ nẻo ác pháp mà tâm sinh chánh nguyện.
9. Vì trừ các Hoặc mà tu các thiện pháp.
10. Vì đắc quả kia và tâm thanh tịnh mà tâm sinh chánh nguyện.

Do đây dần dần giải thoát viên mãn, có thể thành ba chi.

Trong rộng nhiếp Thánh giáo lại không có lỗi tăng thêm, "như vậy ba chi mở rộng nghĩa Thánh giáo là mười Thập chủng", là ban đầu nghe chánh pháp, phàm chỗ có tu hành, đều lấy Niết-bàn mà làm Thượng thủ, chỗ tu học này có thể thành tựu, các vị giải thoát kia v.v... đều là chỗ thành thục của Tuệ, hai loại sau là do nghe chánh pháp làm đầu. Trong phần lấy Niết-bàn làm Thượng thủ, có mười pháp chuyển; trong Tuệ thành thục, có mười loại tiệm thứ, cho nên tổng kết mở rộng giáo gọi là mười Thập chủng, không phải nghe chánh pháp mới có mười loại. Cho nên trong phần nghe chánh pháp không có tổng kết mở rộng giáo, hoặc lỗi hoặc tăng thêm, hai loại sau có tổng kết.

Trong bảy chi, chi thứ năm là Tu tập đối trừ, tức là thứ ba Tu tập Du-già trong bốn Xứ, văn phân bốn đoạn:

1. Hỏi tổng nêu.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Lấy Tu để đối trừ, tức là Tu du-già.
4. Kết rộng Giáo không hơn không tăng.

Trong tùy giải thích riêng, có ba đoạn:

1. Giải thích ba Vị và mười loại tu tập.
2. Từ câu "lại nữa, Bất tịnh tưởng có hai loại" trở xuống, là vấn và giải thích trước.

3. Từ câu “lại nữa, Chánh phương tiện tu các Tưởng, có khả năng đoạn diệt chỗ trị các Dục” trở xuống, giải thích nhiều Sở tác tu tập đối trị.

Đoạn văn thứ nhất có hai phần:

1. Trình bày ba Vị.

2. Giải thích mười loại Tu.

Trong thuyết minh mười loại Tu, văn có ba đoạn:

1. Thuyết minh hai thứ Bất tịnh tưởng và Vô thường tưởng.

2. Từ câu “lại nữa, người xuất gia có bốn thứ Sở tác” trở xuống, thuyết minh Vô thường, Khổ v.v... bốn Tưởng.

3. Từ câu “lại nữa, đối với cảnh lìa nhàn cư” trở xuống, thuyết minh Quang minh v.v... bốn Tưởng.

Chỗ đối trừ mười loại của nó:

1. Tại gia có Dâm dục tham, và Thọ dụng ái.

2. Xuất gia đã bị Tâm tư nhiễu động, không sinh Hỷ lạc. Vì trừ Dâm tham mà tu Bất tịnh tưởng, vì trừ Thọ dụng ái và không sinh Hỷ lạc mà tu Vô thường tưởng, hiển Vô thường tưởng thông với hai vị tu tập của tại gia và xuất gia, lấy hai Năng trừ để trừ hai Sở trừ, cho nên nói thông tùy theo thứ tự, không phải lấy hai loại tại gia xuất gia mà gọi là tùy theo thứ tự.

Trong Vô thường, Khổ v.v... bốn Tưởng, có ba đoạn:

1. Thuyết minh bốn loại Sở tác.

2. Thuyết minh bốn loại Sở trị.

3. Thuyết minh bốn loại pháp Năng trị.

Từ đây trở xuống còn lại tám Sở trị và Năng trị pháp, tức là sau khi xuất gia nếu sinh Hỷ lạc, có nhút nhát giải đãi v.v... làm bốn loại; xa lìa nhàn cư, đối với phẩm Chỉ quán, tâm ám muội v.v... làm bốn loại, cho nên trong xuất gia đối với bốn loại Sự sở y, khởi bốn loại Chướng, vì trừ Chướng này cho nên tu Vô thường, Khổ v.v... bốn Tưởng.

Trong Quang minh v.v... bốn Tưởng, có hai đoạn:

1. Thuyết minh bốn loại Sở trị.

2. Thuyết minh bốn Tưởng.

Có ba Tưởng đối với Sinh có tâm Tùy động tưởng, để đối trị tâm này mà tu Diệt tưởng, là Hữu vi pháp sinh diệt biến động, gọi là tướng Sinh động. Hiện tại thấy tướng đó, gọi là trong Sinh mà có Tùy động tưởng, cho nên đối trị Tưởng này mà tu Diệt tưởng, vì lìa biến động; hoặc đối với thường sinh đời sau mà có, luôn luôn sinh Hỷ lạc, gọi là Tùy động tưởng, để đối trị Tưởng này cho nên tu tập Diệt tưởng, tức là

phải có Bất sinh, không có ý mừng vui. Tuy có hai giải thích, nhưng giải thích trước hay hơn.

Từ câu "lại nữa, Bất tịnh tưởng lược có hai loại" trở xuống, trong giải thích loại thứ hai theo vấn nạn trước phân làm ba đoạn:

1. Giải thích tại gia mới có Bất tịnh tưởng.
2. Giải thích xuất gia đối với chỗ tu Khổ tưởng Vô thường.
3. Trong giải thích xa lìa Nhàn cư, là tu Quang minh tưởng.

Tư trạch, là Chánh tư lương. Tu tập, là khởi hành vi tu tập. Trong Bất tịnh tưởng có ba phần:

1. Trình bày hai Lực.
2. Thuyết minh hai Chướng.
3. Thuyết minh trừ Năng trị bạch pháp này, có nhiều Sở tác.

Trong giải thích Chướng, có hai đoạn là phân tích Chướng và tổng kết. Trong năm Chướng, "thân cận với mẫu sắc", là luôn luôn gần người nữ. "Xứ hiển thất niệm", là đối trước nhiều người gặp Hiển cảnh thù thắng. "Cư ẩn phóng dật", là một mình ở nơi che khuất, phóng đãng suy nghĩ tà. "Thông xứ ẩn hiển do lực tập quen", là do tập quán trước kia, ở ẩn hoặc hiển mà sinh thất niệm phóng dật. "Cả năm loại tuy là Cần phương tiện v.v...", là khi tu Bất tịnh, trên Tà tư thù thắng, tâm tùy theo Tịnh tướng.

Bảy loại Chướng:

1. Do tánh của việc vốn làm khiến tâm tán loạn, là tùy khi làm các sự kia mà tâm sinh tán loạn.
2. Do tánh của thú hướng tác dụng việc làm, là sắp làm các sự kia mà phát khởi hứng thú phương tiện tác dụng.
3. Tánh Phương tiện tác ý bất thiện xảo, là như người Vô trí, dùng tài sản của Tam bảo, do không cung kính hầu cận sư phụ ân cần thưa hỏi mà không hiểu Phương tiện.
4. Tuy ở nơi nhàn rỗi, cho đến nhiễu loạn tâm, là chỉ do không giữ căn môn, cho nên nhiễm Tầm tư mà khởi.
5. Ăn không điều độ, là thân không điều hoà thích hợp.
6. Vì Tầm tư loạn, mà không ưa thích tịch tĩnh.
7. Vì Thân không điều hoà, cho nên không tu Tuệ phẩm quán sát các pháp.

Trong Năng chướng, phải biết tổng nói một môn mười hai và một môn mười bốn, là bàn về hai loại Biệt chướng, loại thứ nhất có năm, loại thứ hai có bảy, gọi là một môn mười hai; tổng và biệt hợp chung lại luận, lại thêm hai tổng là Tư trạch chướng và Tu tập chướng, cho nên

thành một môn mười bốn.

Trong giải thích Quang minh có ba đoạn:

1. Tổng thuyết minh duyên pháp Quang minh này.
2. Thuyết minh mười một Sở trị ám chướng.
3. Hiển tương vi Năng trị bạch pháp.

"Như vậy Nghi sẽ tùy theo", là kết đoạn Ám chướng thứ nhất. "Chướng ngại có thể khiển trừ nhân duyên của Nghi", là kết ba chướng sau. "Tinh cần ít ngủ nghỉ, chánh thực thân điều phục, tùy thuận quán Đế pháp, không muốn sống tạp nhạp, Như lý mà Tác ý", là Năng trừ khiển trừ nhân duyên của Nghi, ba chướng sau nói làm chướng ngại có thể khiển trừ Nghi.

Chỗ trừ bảy pháp Ám của Tu sở thành tuệ:

1. Hôn trầm.
2. Trạo cử.
3. Hỷ duyệt.
4. Kinh sợ và Sân, là hai thứ pháp tương ưng v.v...
5. Khởi ngôn ngữ Tầm tứ.
6. Bất Chánh tư duy và tâm tán loạn.
7. Tà tư cầu.

Như thứ tự của nó là bảy loại Sở trừ ám chướng của Tu tuệ.

Từ câu "tất cả chủng thanh tịnh của thế gian" trở xuống, giải thích Tu quả thứ tư, văn phân làm hai đoạn là giải thích hai Tịnh và kết thành Tu quả. Trong đoạn thứ nhất lại phân làm hai phần: giải thích chi Thế gian tịnh thứ sáu và giải thích chi Xuất thế gian tịnh thứ bảy. Trong phần thứ nhất lại có hai đoạn: rộng giải thích tướng và tổng kết. Thế gian Thanh tịnh chỉ có tại chánh pháp, không phải các ngoại đạo. Trong phần thứ nhất lại có ba đoạn:

1. Hỏi trình bày ba tên.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Kết rộng giáo không hơn không tăng.

Trong giải thích riêng thứ ba, mới đắc Sơ tĩnh lự và Vị chí định, gọi là đắc Tam-ma-địa, đắc Căn bản gọi là Tam-ma-địa viên mãn, lìa các chướng nhiễm dẫn sinh thần thông và trí tuệ, các Thanh tịnh tươi sạch gọi là Tam-ma-địa tự tại. Trong đắc Tam-ma-địa phân làm bốn đoạn:

1. Giải thích biệt tướng của Năng.
2. Giải thích Đắc, là đắc Cận phần.
3. Kết rộng Thánh giáo không hơn không tăng.

4. Kết thế gian tịnh trụ chánh pháp là Đắc.

Đoạn văn thứ nhất có hai phần:

1. Thuyết minh Sở trị hai mươi pháp.
2. Hiển Năng trị.

Phần thứ nhất lại có hai đoạn:

1. Thuyết minh hai mươi Chướng.
2. Thuyết minh bốn Tướng có thể chướng pháp.

Đoạn văn thứ nhất lại có ba phần là nêu, giải thích và kết. Trong Tam-ma-địa viên mãn có ba đoạn:

1. Giải thích mười Tướng.
2. Kết viên mãn nhập Căn bản địa.
3. Kết rộng giáo.

Mười Tướng gồm:

1. Nguyện thắng định mãn.
2. Kiến định thắng đức.
3. Tinh cần sách lệ.
4. Chiết phục sắc ái.
5. Thiện chưa viên tu, ác khác còn thù thắng.
6. Đối với Tịnh thiên sinh tâm không đam nhiễm.
7. Không tự ti thấp hèn mà sách lệ tấn tu.
8. Tùy thuận hai Tu.
9. Tinh cần chánh pháp.
10. Đối với Chỉ quán tùy theo sinh Ái.

Trong Tam-ma-địa tự tại có hai đoạn là giải thích tướng Tự tại và kết rộng giáo. Đoạn văn thứ nhất có ba phần:

1. Nêu, tuy đã viên mãn nhưng chưa có tướng Tự tại, vì khéo quán sát thì sẽ đắc Tự tại.
2. Giải thích bốn Xứ và hai mươi hai loại Tướng.
3. Từ câu "họ đối với bốn Xứ như vậy" trở xuống, thuyết minh tướng Tự tại.

Văn trong đoạn thứ hai có hai phần:

1. Trình bày bốn Xứ.
2. Từ câu "do cạo bỏ râu tóc" trở xuống, giải thích hai mươi hai loại Tướng.

Bốn Xứ gồm:

1. Tự thệ nguyện thọ hình tướng hạ liệt nhưng uy nghi đầy đủ nhiều.
2. Tự thệ nguyện thọ cấm chế Thi-la.

3. Tự thệ nguyện thọ Tinh cần không gián đoạn tu tập thiện pháp.

4. Vì đoạn nhiều Khổ, cho nên khi thọ ba Xứ trước thì phải chánh quán sát nhiều Khổ đeo đuổi theo. Trong bốn Xứ này, ba Xứ trước mỗi mỗi đều khởi lên năm tướng, Xứ thứ tư khởi lên bảy tướng.

Năm Tướng của Xứ thứ nhất:

1. Cạo bỏ râu tóc.

2. Bỏ hình đẹp thế tục.

3. Mặc áo hoại sắc.

Ba tướng này là chỗ khởi thệ nguyện thọ hình tướng hạ liệt. Lại nữa, uy nghi đủ nhiều, mỗi thứ có một là thành năm tướng.

Năm Tướng của Xứ thứ hai:

1. Lược xả chỗ hiển hiện của hai Sự.

2. Không khẩn trương tự trách, người khác không mắng đuổi.

3. Có phạm lỗi không coi thường cử tội, do đây nếu khuyết phạm thì liền sinh khẩn trách.

4. Người khác đuổi thì có thể hối trừ.

5. Đối với người cử tội thì không giận hờn tổn não, mà tự tu trị.

Năm Tướng của Xứ thứ ba, như văn đã tự hiển. Xứ thứ tư, là chỗ tùy của bốn Khổ, phải quán bảy tướng:

1. Tùy theo Xứ có một tướng, đối với Thánh quả chưa có thể chứng theo.

2. Tùy theo Xứ có bốn tướng, là Sinh lão bệnh tử.

3. Tùy Xứ có một tướng, là Ái biệt ly khổ pháp.

4. Tùy Xứ có một tướng, là Sở tác của tự nghiệp.

Sinh lão bệnh tử lược có hai nghĩa:

1. Tánh bức bách, chỗ nhiếp của Khổ khổ. Đối Pháp luận v.v... nói: “Trong tám Khổ, năm Khổ trước thuộc về Khổ khổ”.

2. Tánh dời đổi biến mất, là sinh biến thành tử, già biến thành trẻ, bệnh biến thành khoẻ, tử biến ra sinh, cho nên đây là nói Hoại khổ đeo đuổi theo; Ái biệt ly pháp không phải là Hoại khổ, vì nghĩa nhiếp nó. Trong Khổ thứ nhất là chỗ nhiếp của Khổ khổ; Khổ thứ hai và thứ ba là chỗ nhiếp của Hoại khổ; một loại thứ tư là chỗ nhiếp của Hành khổ.

Trong Tướng tự tại có hai phần:

1. Thuyết minh Như lý tác ý tương đương với Tự tại.

2. Từ câu “họ do Lạc và Đoạn lạc như vậy mà tu” trở xuống, kết thành tướng lìa nhiễm tiến tới Thiện tự tại.

Trong phần thứ nhất lại có ba đoạn:

1. Nêu "liền khởi Như lý tác ý".

2. Thuyết minh nương vào bốn Xứ mà khởi hai mươi hai quán, cho đến thành Xuất gia tưởng và Sa-môn tưởng.

3. Thuyết minh sáu Tu tướng và tướng Đoạn tu.

- Sáu Tướng gồm:

1. Lạc đoạn.

2. Lạc tu.

3. Không Tham trước.

4. Không Khuể hại.

5. Không tùy theo Hoặc, khéo giữ Niệm trụ.

6. Không có Tăng thượng mạn.

- Trong Tịnh của xuất thế, văn phân làm ba đoạn:

1. Nêu trình bày Ngũ Môn.

2. Tùy giải thích riêng.

3. Kết thành Tịnh và mở rộng Giáo Nghĩa.

Trước hết đã đắc bốn Thiện căn thế gian thanh tịnh, rồi liền bắt đầu nhập Đế hiện quán, Minh sinh thì Ám diệt, chướng ngại liền trừ; vì chứng thần thông và trí tuệ mà tư duy chỗ đắc các sự hoan hỷ trước kia; vì đoạn trừ chướng mà tu tập lại chỗ đắc loại Đạo trước kia, do đây mà có thể nhập Vô học vị, chứng Thanh tịnh đạo và Quả công đức. Gọi đó là Lược nghĩa thứ đệ trong đây.

- Trong nhập Đế quán, lại phân làm ba đoạn:

1. Hỏi, sinh khởi từ Thế gian tịnh, vì chứng Xuất thế mà quán cảnh xấu kém của thế gian, sinh chán ghét sâu xa.

2. Từ câu "lại nữa, đây là trụ chánh pháp" trở xuống, nói rộng về sự chán lo mà an trụ tâm tướng.

3. Kết hai tướng này, mỗi mỗi đều có hai mươi tướng, lại không có lỗi và tăng, phân tích rộng chán và lo.

- Trong An trụ tướng, văn phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh năm xứ sở, lấy hai mươi tướng mà tư duy chán lo.

2. Từ câu "lại có năm nhân và hai mươi loại Tướng" trở xuống, thuyết minh tâm an trụ.

- Trong đoạn thứ nhất lại có ba đoạn:

1. Trình bày năm Xứ.

2. Từ câu "trong đây lược có ba loại" trở xuống, phân tích hai mươi Tướng.

3. Từ câu "như vậy kia vì do Chán đồng hành với Tưởng" trở xuống, kết thành Chán tưởng.

- Năm Xứ:

1. Đối với người đã tạp nhiễm tương ưng.
2. Đối với người đã thanh tịnh không tương ưng.
3. Đối với người đã tạp nhiễm tương ưng thì tội lỗi.
4. Đối với người đã thanh tịnh thì không tương ưng tội lỗi.
5. Đối với người đã thanh tịnh, thấy vấn nạn thì thành phân tích.

Đối với năm Xứ này tâm đều là chán lo. Y theo hai mươi Tướng của năm Xứ, là ba Xứ đầu mỗi mỗi đều có ba Tướng, Xứ thứ tư có năm Tướng, Xứ thứ năm có năm Tướng, hợp chung làm mười chín Tướng. Lại nữa, từ câu "phát khởi kiên cố tinh tấn" trở xuống, kết hợp đối với năm Xứ, tổng quát làm một Tướng, gồm chung với trước là hai mươi Tướng. Tạp nhiễm tương ưng có ba loại, là Thể tạp nhiễm mà đã tương ưng rồi, gồm:

1. Chưa lìa Bất điều tử, bậc Thánh đã lìa.
2. Đang đoạ hố sâu phiền não.
3. Hiện hành ác nghiệp, đang sinh ác xứ.

Đây là tùy theo chỗ thích ứng, tức là Phiền não nghiệp sinh ba loại Tạp nhiễm. Thanh tịnh bất tương ưng, là Niết-bàn, vì Pháp thể định tuệ thắng thanh tịnh chính thân mình không có, cho nên gọi là Bất tương ưng. Tạp nhiễm tương ưng tội lỗi, là do cùng với Thể của Tạp nhiễm tương ưng thì liền sinh ba loại tội lỗi:

1. Sinh lão bệnh tử, Căn bản của Khổ.
2. Tám nơi không nhàn rỗi.
3. Đối với tất cả Xứ, sinh các tánh Vô thường chỗ bức bách của bốn Tướng.

"Thanh tịnh không tương ưng tội lỗi", là do cùng với Thể thanh tịnh không tương ưng, thì tội lỗi liền sinh. "Đối với người đã thanh tịnh thì thấy vấn nạn thành phân tích", là các pháp thanh tịnh, thấy tại thân mình thì vấn nạn trở thành phân tích:

1. Nếu xả pháp Thanh tịnh không tu, thì không thể mặc tình tùy ý tự khởi tạo tác mà có thể đắc.
2. Trừ pháp Thanh tịnh, ngoài các thế sự khác, cũng không phải thỉnh người khác mà có thể thành phân tích, huống chi sự Thanh tịnh.
3. Quyết định nên làm thành đại kiết tường, giải thoát nhiều khổ.
4. Không phải đối với hiện tại không tạo tác các ác mà liền gọi là Thanh tịnh, mà đã vĩnh viễn lìa phiền não nóng bức, vì nếu không có Thánh đạo thì ác nghiệp không hết.
5. Do chứng đắc Thanh tịnh đạo viên mãn thì Quán có thể thanh

tịnh, nếu chứng đắc Học và Vô học đạo thì Quán rốt cùng là Bất tịnh.

Trong Tướng thứ hai mươi, có bốn chữ "lại nữa". Chữ "lại nữa" thứ nhất, đối với Thể nhiễm tịnh tương ưng và bất tương ưng. Chữ "lại nữa" thứ hai, đối với Nhiễm tịnh tương ưng và bất tương ưng. Từ chữ "quá hoạn" trở xuống hai chữ "lại nữa", đối với đoạn thứ năm trên, thấy vấn nạn thì thành tướng phân tích tư duy.

Trong "thứ hai, có hai mươi tướng tâm An trụ" có ba đoạn:

1. Nêu năm Nhân là chỗ nhiếp thọ của hai mươi loại tướng, khiến cho đối với Niết-bàn tâm an trụ tướng.

2. Giải thích riêng năm Nhân.

3. Từ câu "tướng kia trong lúc đó do năm Nhân này" trở xuống, kết thành An trụ.

Trong giải thích riêng năm Nhân v.v... phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh năm Nhân.

2. Từ câu "là đối với Không, Vô nguyện v.v..." trở xuống, giải thích hai mươi Tướng.

Trong năm Nhân có ba đoạn là hỏi, giải thích và kết năm Nhân. Y theo nghịch thứ tự mà nói năm Nhân:

1. Bốn Thiện căn mới có thể thông quán bốn Đế.

2. Sở y định, tức là chỗ y chỉ Định của bốn Thiện căn.

3. Ngay trên Định này, mà bốn Niệm trụ trước, Ngũ đình tâm quán v.v... mới có thể nhập cảnh giới.

4. Trước khi quán các cảnh giới này, tu bốn Thánh chủng, sáu Tùy niệm v.v... gọi là Năng nhiếp thọ gia hạnh tư lương.

5. Ngay trước các Năng nhiếp thọ này mà thọ trì ba Tạng, thân cận Hoà thượng và A-xà-lê có thể thọ lãnh các điều dạy răn, tăng thêm hạnh tư duy, gọi là ban đầu nhiếp thọ Phương tiện. Cho nên nói năm Quán y theo nghịch thứ tự mà nói.

Nương vào năm Nhân trên mà khởi hai mươi Tướng, là y theo Nhân thứ nhất có sáu Tướng, y theo Nhân thứ hai có bốn Tướng, y theo Nhân thứ ba có hai Tướng, y theo Nhân thứ tư có năm Tướng, y theo Nhân thứ năm có ba Tướng. Nhân thứ nhất có sáu Tướng:

1. Vi tế hiện hành gián đoạn và không gián đoạn, tùy chuyển Ngã mạn đồng hành với tâm tướng, đây là đối với Tiền phương tiện của Định v.v... mà khởi Năng chướng hiện quán tác ý chánh đạt. Ngã mạn có gián đoạn là Thức thứ sáu đồng thời. Ngã mạn không gián đoạn là Thức thứ bảy đồng thời. Hai Ngã mạn này đều là Câu sinh cho nên gọi là Vi tế, phân riêng nó là Tư lương xa trước đã chiết phục.

2. Đã thông đạt rồi thì mặc tình tác ý trong tâm, tùy chỗ thích ứng của nó mà có thể khéo buông xả hai Ngã mạn trước, khiến cho vô gián diệt, đây là nghĩa khiến cho Nhiễm ý không hiện hành.

3. Nương vào Vô gián diệt, là lấy các Hành vô thường v.v... mà như thật tư duy.

4. Do Tác ý này cho đến Bình đẳng trí sinh.

5. Tác ý kia trong lúc đó Ngã mạn v.v... diệt mà chứng Tâm nhất cảnh tánh.

6. Liền tự tư duy rằng: "Ta đã chứng trí này, có thể biết như thật".

Y theo bốn Tướng của Nhân thứ hai:

1. Đầu tiên là Thế gian đạo, đắc Định viên mãn, cũng đắc Tự tại, là Nhập, Trụ và Xuất.

2. Đối với các Tướng này mà an trụ tại tâm đó mà nhập Đế hiện quán.

3. Nếu đắc Định này chưa viên mãn mà tự tại tư duy, Chỉ quán và Xả tướng.

4. An trụ tại tâm đó.

Trong Tướng thứ ba, có hai Tướng:

1. An-na-ban-na niệm.

2. Pháp niệm trụ.

Trong Nhân thứ tư có năm Tướng:

1. Xa lìa Phi sở hành xứ.

2. Đã xa lìa Tu lạc và Tu đoạn lạc.

3. Đối với ngày đêm phân quán sự suy thịnh của tự và tha, tâm sinh chán lo.

4. Tu sáu Tùy niệm.

5. Trụ bốn Thánh chủng. Trong Nhân thứ năm có ba Tướng, Gia hạnh phương tiện làm hai Tướng, Chánh gia hạnh làm một Tướng.

Trong Môn thứ hai lìa các chướng ngại, có ba đoạn:

1. Nêu trình bày hai Chướng.

2. Tùy giải thích riêng.

3. Từ câu "như vậy hai Xứ và mười loại Thiện xảo" trở xuống, kết thành lìa Chướng và mở rộng nghĩa không hơn không tăng.

Trong giải thích riêng Chướng, có hai đoạn:

1. Thuyết minh hai Xứ và mười một loại Chướng.

2. Từ câu "lại nữa, hai Chướng" trở xuống, là đối với hai Xứ này mà khởi mười Thiện xảo.

Trong Hành xứ chướng có sáu loại:

1. Buông xả Thiện phẩm, luôn luôn cùng với nhiều người hội họp.

2. Chú trọng về ẩm thực.

3. Ưa cầu y bát.

4. Thích đàm thoại.

5. Ngày đêm ham ngủ ham nói.

6. Thích cùng với người khác ở chung.

Xứ chướng có năm loại: bốn loại đầu tức là bốn loại tánh Bất thuận. Từ câu "hoặc lúc ban ngày nhiều tiếng huyên náo và phóng dật" trở xuống, hợp làm một loại, gọi là đối với hai Xứ và mười một loại chướng; hoặc Hành và Xứ hợp làm một, Phương tiện của Định gọi là Hành xứ.

Trụ Xứ chướng có mười loại: Bốn loại đầu tức là tánh Bất thuận.

5. Ban ngày nhiều huyên náo và phóng dật.

6. Ban đêm nhiều khổ.

7. Nhiều kinh sợ.

8. Nhiều tai hoạ.

9. Có nhiều vật dụng thiếu sứt không thể ưa thích.

10. Bị bạn ác nhiếp trì, không có các bạn tốt.

Nhiều Định trong Lạc có sáu Tu, là Chỉ, Cử, Xả, Nhập, Trụ và Xuất. Trong Tư trạch có bốn loại, nói các Thắng tuệ gọi là Tư trạch, đây là nêu ra Thể của Tư trạch. Dưới đây thuyết minh bốn Thiện xảo:

1. Đối với cả ngày và đêm, biết rõ thiện ác tăng trưởng hay suy thoái.

2. Đối với ngày và đêm, do quen tập y phục v.v... thiện ác suy thoái, biết rõ như thật.

3. Suy nghĩ chọn lựa làm áo, đối với bất thiện pháp xua đuổi xa lìa.

4. Đối với thiện có thể tu.

Trong "vì chứng các sự hoan hỷ của thần thông và trí tuệ" thứ ba có ba đoạn là hỏi, giải thích và kết. Trong giải thích có bốn Hỷ:

1. Đối với bốn loại chứng Tịnh sinh Hỷ.

2. Đối với tự mình tăng thượng mà sinh, và quyết định thù thắng sinh Hỷ.

3. Vì không có tật đố, đối với người khác đồng loại đắc hai sự này cũng sinh Hỷ.

4. Nhớ có ân mà phát sinh Hoan hỷ.

Trong "tu tập như chỗ đắc Đạo" thứ tư có ba đoạn là hỏi, giải thích và kết. Trong giải thích có hai đoạn:

1. Thuyết minh bốn pháp làm Sở y.

2. Thuyết minh năm pháp viên mãn.

Bốn pháp làm Sở y:

1. Tâm rất tư duy ngưỡng mộ, tâm ra khỏi Lạc dục, làm sao phải cụ túc trụ như A-la-hán.

2. Như vậy Lạc dục đã phát Cần tinh tấn mà tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần.

3. Vì Cần tinh tấn cho nên tâm Lạc xa lìa.

4. Do ba loại trên đã không sinh vui mừng đầy đủ.

Cầu trụ thắng pháp, có thể khiến cho năm pháp tu tập viên mãn:

1. Đối với Hoan hỷ tu được viên mãn, có thể lìa Dục của cõi Dục.

2. Vì tối cực tổn giảm phương tiện đạo lý Phiền não đoạn, đoạn Phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc, đạt được Thắng đạo, vui mừng viên mãn.

3. Xa lìa thô trọng.

4. Đắc khinh an.

5. Đắc Kim cương định.

Trong "chứng Thanh tịnh đạo v.v..." thứ năm, có ba đoạn là hỏi, giải thích và tổng kết. Trong giải thích có ba phần:

1. Giải thích riêng công đức của Đạo quả.

2. Kết thành mở rộng giáo.

3. Tổng kết thành Đạo viên mãn vô thượng vô thắng.

Trong giải thích riêng có hai đoạn là giải thích riêng ba phần trên và tổng kết. Tạp nhiễm phẩm của Thủ là Phiền não, Tạp nhiễm phẩm của Hành là nghiệp.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 8
(Bản Luận 21 đến 30)

BẢN LUẬN 21
THANH VĂN ĐỊA THỨ MƯỜI BA

"Chủng tánh địa thứ nhất của Du-già xứ thứ nhất", là trong mười bảy Địa, Thanh văn địa đứng thứ mười ba, đây là lựa riêng với trước để phát sinh sau. Du-già xứ thứ nhất... là lựa riêng với Nhị thừa, vì ba Thừa đều có Du-già xứ thứ nhất. Du-già có bốn loại bất đồng, Du-già xứ là loại thứ nhất cho nên nói trước hết. Du-già là Quán hạnh, Chủng tánh là Chủng tử quán hạnh, Chủng tử có thể làm Hiện hành quán hạnh, làm Sở y xứ, cho nên nói Du-già xứ Chủng tánh địa trước hết, vì trong Du-già thứ nhất này có bốn Địa. Tiếp theo văn tụng nói: "Tánh... là một, là tên Chủng tánh địa của thế gian và xuất thế gian. "Tánh đầu tiên...", trong tánh có bốn loại là Tự tánh, An lập, Chư tướng và Sổ thủ thú. Chủng tánh này có bốn loại bất đồng, cho nên nói "tánh v.v...".

Luận: "Địa này lược có ba loại, là Chủng tánh, Thú nhập và Xuất ly tưởng địa", Địa này tổng quát là ba loại. Nói "tưởng", vì tưởng có thể khởi ngôn thuyết, ngôn thuyết tức là tên, từ Nhân đặt tên cho nên nói Tưởng. Trong đây muốn nói Địa này lược có ba loại:

1. Gọi là Chủng tánh.
2. Gọi là Thú nhập.
3. Gọi là Xuất ly.

Hiện tại thuận theo phương pháp kết Tụng, chữ Tưởng bên dưới, lại cũng Tưởng tức là tên gọi. Từ trên đến đây, đã trình bày xong tên của ba Địa, phần kết dưới đây nói ba Địa của tên gọi này.

Luận: Trong giải thích Chủng tánh ghi: "Có Chủng tử pháp do hiện hữu", Chủng tử pháp tức là Chủng tử của Niết-bàn chứng được. "Do hiện hữu", là lựa riêng với nghĩa "đương hữu". "Hiện" lựa riêng với "đương", "hữu" lựa riêng với "vô", nếu như thế thì Thắng quân

đương hữu điều này làm sao thông? Giải thích: Do hiện hữu mà chướng của phiền não... có thể đoạn, cũng gọi là Hiện hữu. Đây là nghĩa của ba nhà, tùy thích ứng mà trình bày.

Luận: Tiếp theo ghi: “Liền có kham nhậm thì liền có thế lực”, có người nói, Kham nhậm là Chủng tánh của Tánh; Thế lực là Chủng tánh của Tập khí. Hiện tại nghĩ rằng điều đó không đúng, tại sao vậy? Vì Chủng tánh của Tánh vốn có thì cần gì nói gặp duyên, cho nên nói đều không đúng. Ý của luận này, Kham nhậm là có Tập chủng tánh của Chủng tánh; Thế lực, là Đạo chủng tánh. Năng đắc là đắc Hữu dư, có thể chứng Vô dư Niết-bàn, có thể sinh Hiện hành cho nên gọi là Chủng tử. Tiếng Phạm gọi là Đà-đô, Hán dịch là Giới, là nghĩa của Nhân; tiếng Phạm là Niết-phược-bà-phược, Hán dịch là Tánh, là nghĩa của Thể tánh. Căn cứ theo nghĩa thì mỗi mỗi đều khác nhau, đây là giải thích Chủng tử, thuyết minh nghĩa của ba nhà như trên đã trình bày.

Luận: Trong đáp Chủng tử ở tại Nhất tương tục, nói: “Nếu các pháp Dị tướng đồng thời có mà chuyển thấy Dị tướng kia mỗi mỗi đều riêng khác, chủng chủng tương tục, chủng chủng lưu chuyển, như vậy Chủng tử không phải đối với sáu Xứ mà có Dị tướng...”, ý trong đây nói: “Đoạn thứ nhất giải thích ngược, đoạn thứ hai chánh giải thích”. Từ câu “nếu pháp” trở xuống đến “Chủng chủng lưu chuyển”, đây là giải thích ngược, trong đây có ý nói: “Nếu Chủng tử cùng với Sở y của sáu Xứ riêng khác, thì Tướng có thể là chủng chủng tương tục và chủng chủng lưu chuyển, như mười Sắc xứ và tám Thức xứ”, như vậy Chủng tử không phải đối với Lục xứ mà có riêng Dị tướng, cho nên biết ở tại Nhất tương tục, như trong Nhiếp luận giải thích. Trong đó không giống như Bồ-tát, cho nên không nói sáu Xứ thù thắng, chỉ nói sáu Xứ mà thôi.

Luận: “Đạt-tu Miệt-lệ-xa”, Hán dịch là ưa thích cấu uế. Chánh chí tức là bốn quả, có thể gọi là Chánh hạnh chánh chí.

Luận: Trong giải thích Thắng xứ tịnh tín, nói: “Hạnh trước tăng thượng các Thanh tịnh tín”, cho rằng Tín là Hạnh trước của Kiến đạo nhập tướng.

Luận: Trong giải thích pháp giáo trụ lâu, nói: “Nên biết nói chánh nghĩa Thắng pháp kia làm lý chứng đạo...”, đây là có ý thuyết minh chánh pháp nội trong năm trăm năm, vì có chánh pháp làm chứng.

Luận: Trong giải thích Ý luật nghi, “từ phòng hộ cho đến chỗ có Tham và âu lo”. Âu lo này không phải căn khởi, vì lo đời sống khổ nhọc, cho nên ý đó nói Khổ.

Luận: Trong ăn biết lượng, nói: “Vì Đoạn cho nên Thọ, vì khiến

cho Thọ mới sẽ không sinh lại nữa”, vì Đoạn cho nên Thọ tăng lên, Thọ tăng thượng mới không sinh lại nữa. Lại nữa, vì Đoạn cho nên Khổ thọ, Khổ thọ mới không sinh lại nữa.

Luận: “Hoặc qua hoặc lại...” đến quyển sao 24... giải thích rộng.

Trong phần luận ưa thích xa lìa, “Vô đảo tu trị nghiệp ban đầu đã xong”, là tu trị nghiệp sơ phát tâm, tức là xuất gia. Biên tế ngoạ cụ, đồ nằm cực ác gọi là Biên tế ngoạ cụ.

Luận: “Như chỗ sinh các tạp uế trong nước, như trâu quậy, tiếng ốc, chó chạy...”, là nói rằng, Phật pháp như nước, Tỳ-kheo phá giới cũng như trong nước có nhiều tạp uế như trâu quậy... lại cũng như tiếng chó tru giống như thổi vỏ ốc, rõ ràng như có tiếng chó chạy. Phá giới cũng vậy, thí dụ những thứ đó.

Luận: “Nếu sống nơi không nhàn rỗi, hoặc người có phóng dật, thì sinh vào xứ có nạn”, là y theo bản tiếng Phạm nói: “Sống nơi không nhàn rỗi”, là ở nơi đó không nhàn rỗi để nhập đạo, như thế gian nói “không rảnh làm việc này”.

BẢN LUẬN 22 (Quyển sao)

Luận: Trong giải thích Xuất thế gian ly dục, nói: "Người tự có thể lìa trói buộc, tự có thể giải thoát, đắc trí Vô lậu... lìa trói buộc của Hữu lậu", tức là Vô gián đạo khi đoạn phiền não kia mà đắc Vô vi, là khởi Thắng giải tâm sở; "Tự đắc giải thoát", tức là Giải thoát đạo.

Luận: Trong giải thích Giới luật nghi, hiện tại trong nghĩa này chỉ y theo Bí-sô luật nghi mà nói, là "khéo có thể phòng hộ...". Tại sao không nói Bí-sô ni...? Vì không thể nhập Thánh đạo, người phần nhiều thành thục pháp Cụ túc giới chỉ Bí-sô mới có, ngoài ra đều không được như vậy, cho nên không nói Bí-sô ni.

Luận: "Đối với chỗ nên làm, đối với như chỗ làm", là Sự nên làm, lựa riêng với các bạn ác là sự không nên làm; "đối với như chỗ làm", tức là như chỗ làm của các thiện trượng phu khác như vậy mà làm.

Luận: "Hoặc đối với Như pháp mà tuyên bạch, thêm hạnh trụ từ bi triển chuyển Dữ dục", đây là khi làm pháp sự, đối với Như lý mà tuyên bạch với đại chúng, nên trụ Từ tâm mà thọ Dục của người kia.

BẢN LUẬN 24 (Quyển sao)

Luận: "Trong bốn phần ban đêm, qua một phần thứ nhất là phần đầu của ban đêm...", là cõi thế tục kia, ban ngày và ban đêm, mỗi mỗi đều lập bốn phần. Ngày và đêm trong Phật pháp mỗi mỗi đều lập ba thời, lấy ba thời nhiếp bốn phần, từ đầu hôm đến cuối hôm, trải qua một phần thứ nhất, gọi là Sơ thời; từ cuối hôm đến trước đầu hôm, trải qua một phần cuối, gọi là Hậu thời; khoảng giữa hai phần, gọi là Trung thời của đêm. Ngày cũng vậy, trong đây là thuận theo thế tục.

Luận: "Chỗ đi kinh hành", là đối với rộng và dài, xứng với độ lượng của nó cho đến tương ưng với Thân nghiệp. Người Ấn Độ ăn nhiều bơ sữa, thức ăn đó khó tiêu, làm một Xứ sở, lượng không lớn không nhỏ, hoặc lộ hoặc ẩn, trong đó qua lại suy nghĩ hoặc làm cho tiêu xứ sở của thức ăn, sự tới lui trong đây, là chỗ có Thân nghiệp như pháp.

Luận: "Trong giải thích tư thế ngồi yên, ngồi Kết-già-phu, thân ngay ngắn, chánh nguyện an trụ trong Bối niệm. Kết-già-phu, dung mạo đôn hậu thanh tú, lựa riêng khác với Không toạ không thể Kết-già-phu. Như dưới đây quyển 30 nói có năm "lại nữa", giải thích thân sinh khinh an... là thân ngay thẳng; giải thích thân mệt nhọc, là có ý nói chánh niệm do ngay thẳng chánh trực, vì không bị hôn trầm thuỳ miên phiền nhiễu, không bị ngoại cảnh tán động, cho nên chánh nguyện khác với tà nguyện, Tâm không có niệm ác nào khác. An trụ Bối niệm thì tâm đắc Niết-bàn; niệm cầu xuất thế thì trái nghịch sinh tử, cho nên nói Bối niệm. Chỗ tâm trái nghịch sinh tử, là niệm an trụ Vô lậu Niết-bàn, cho nên Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã nói: "Trụ vào Đối diện niệm, thì Đối diện niệm này liền trái nghịch sinh tử niệm mà ưa thích Niết-bàn, như quyển 30 tự sẽ nói rộng.

Có hai "lại nữa" giải thích: một là giải thích như trên, hai thì nói trụ Định mà trái nghịch với Bất định, cho nên tâm Niết-bàn niệm không khác với Niệm thì không khởi tội lỗi, thường lấy Chánh niệm làm Đối diện mà an trụ. Trong giải thích pháp Thuận chướng, là Tịnh diệu tưởng, là thuận Tham cái, Sân khuể này tương thuận với Sân khuể kia, Hắc ám tương thuận với Hôn trầm và Thuỳ miên cái, thân thuộc và quốc độ bất tử; Tầm tư thuận với Trạo cử cái, truy nhớ khi xưa cười vui... thuận với Ác tác, cho đến ba đời thuận với Nghi.

Luận: Đáp câu "khi kinh hành, từ vài chướng pháp mà tu trong tâm đó" nói: "vì có Minh câu tâm và có Quang câu tâm", là các loại

như: thuỷ, hoả, sao, trăng, dược thảo, châu báu là duyên của Minh, Minh tâm này gọi là Minh câu tâm. Một loại mặt trời là duyên của Quang, Quang tâm này gọi là Quang câu tâm, vì mặt trời có thể phát sáng những nơi che khuất mà khiến cho nhìn thấy, ngoài ra mặt trăng... thì không thể như vậy.

Luận: Đáp câu "trong khi ngồi yên thì tu tâm", nói: "Hoặc là quán xương, hoặc quán nó móc dính nhau, hoặc quán khoảng giữa xương và móc dính.

Luận: Lại nói: "Tướng hiền thiện của Định", là tướng Định đoạn bốn Cái này, gọi là Hiền thiện định.

Luận: "Trong giải thích Nghi", nói: "Đối với đời quá khứ là đã từng có, hay là đã từng là không". Sở vi trong đây, câu nói thứ nhất "Bất như lý tư duy, thì ba đời đều nêu"; nghi Hữu và nhân duyên Hữu của ba đời, thì ba đời đều nêu ra. Chỉ nghi trong Hữu và Vô, là chỉ đối với quá khứ mà nói hiện tại và vị lai, là có ý gì? Nói rằng: "Như luận rộng có nói sơ qua, thì trước và sau đều nêu ra ba đời". Trong đây chỉ nêu ra quá khứ, giải thích phớt qua hiện tại vị lai, luận lược bỏ cho nên không nói. Lại nữa, hiện tại thì hiện hữu, không thể nghi là Hữu hay Vô, pháp vị lai thì bất định, Hữu hay Vô thì khó suy. Lại nữa, hiện tại nói đắc Chánh kiến, thì quả vị lai sẽ đoạn, cho nên không nên nghi ngờ vị lai Hữu hay Vô, vì quá khứ không đồng với hiện tại và vị lai cho nên nói thiên về nghi Hữu vô, nhưng thật ra thông với ba đời.

Luận: "Ngã đối với quá khứ đã từng có cái gì, tại sao đã từng có? Trong đây có hai tư duy: một là Tư duy quá khứ đã từng có pháp gì, hai là Tư duy pháp của quá khứ từ đâu mà đến. Tức là câu thứ nhất hỏi Thể của pháp, câu thứ hai hỏi Dụng của pháp. Quá khứ đã như vậy, thì hai đời kia cũng căn cứ theo đây.

Luận: "Lại nữa, cũng vì hộ trì các ngoạ cụ cho nên thuận theo uy nghi của thế gian...", trong đây có ý nói, kinh hành hết phần đầu hôm, phần cuối đêm không khiến cho kinh hành, đầu hôm kinh hành không để cho đi xa, hoặc đến chỗ đi kinh hành ban ngày, sợ có đạo tặc mất ngoạ cụ cho nên dẫn dắt khiến cho kinh hành. Lại nữa, tuy trong ban đêm, nhưng uy nghi cần phải chân chánh, cho nên thuận theo uy nghi của thế tục mà đầu hôm đi kinh hành. Lại nữa, đầu hôm đi kinh hành của thế tục cũng thích hợp với Tăng đi kinh hành đầu hôm, đây là thuận với uy nghi của thế tục cho nên đồng lấy đầu hôm. Kinh hành có hai nhân duyên: một là hộ trì ngoạ cụ, cho nên không đi xa, vì thuận theo thế tục; hai là vì thuận theo thế tục cho nên kinh hành ban ngày.

Luận: Trong giải thích Tư duy khởi tưởng Xảo tiện mà nằm, nói: "Như con nai rừng", là nai rừng sợ người giết hại, ngủ không an ổn, chỉ khéo ngủ cho qua đêm, con người khi đi nằm cũng nên như vậy.

Luận: "Cuối đêm", là trong bốn phần, trải qua một phần cuối của đêm gọi là phần sau của đêm. Trong một đêm chỉ có bốn phần, nhưng qua một phần cuối thì liền đến trời sáng, tại sao gọi là đêm? Trong đây nói, qua một phần cuối, là trong bốn phần, thời gian xâm nhập vào một phần cuối gọi là "qua", không phải một phần cuối đã không có mà gọi là qua. "Qua" có hai loại:

1. Thời gian mới xâm nhập vào gọi là qua, tức là văn của luận này.

2. Sự việc đã xong gọi là "qua", như sáng qua tối.

Trong đây thì "nhập vào" gọi là "qua". Nếu có thể kham ba thời nhiếp bốn phần thì Hậu phần này tức là Hậu thời. Trong bốn phần của ban đêm, hướng về trước lấy hơn một phần gọi là qua, là một phần hướng về trước mà qua, không phải hướng về sau mà qua, cho nên câu văn "nửa đêm" nói trong ban đêm, phân đêm ra bốn phần, nửa đêm hơn một phần, đây là Trung thời, qua một phần thời gian đầu. Lại nữa, trong Trung thời, thời gian đã nhiếp phần, cũng trở thành hơn một phần, tức là nhiếp nhiều hơn phần thứ hai, phần nhiều hơn của phần thứ ba thì lấy làm thành Trung phần thời.

Luận: Trong giải thích hoặc đi qua hoặc trở lại nhưng an trụ trong chánh tri, có bốn câu nghĩa:

1. Tự đi qua hoặc trở lại nhưng an trụ trong chánh tri.

2. Chỗ phải đi qua hoặc trở lại nhưng an trụ trong chánh tri

3. Đi qua hoặc trở lại nhưng biết thời.

4. Như thế như thế mà đi qua hoặc trở lại.

Trong đây, nghĩa thứ hai, và thứ tư, có gì khác nhau? Tức là trong giải thích lại dưới đây, nói: "Như Sắc loại của nó, động hay dừng, quỹ tắc, lễ thức, uy nghi, đều phải qua lại Sắc loại này, tức là cùng với loại thứ nhất khác nhau. Loại thứ hai thì chỉ có gia thuộc kia có thể phải qua lại, có năm loại gia thuộc không thể qua lại. Loại sau cùng thứ tư, nếu phải qua lại với gia thuộc, thì tự có quỹ tắc và lễ thức thì có thể qua lại, nếu không có thì không thể qua lại, lấy chỗ này làm khác nhau với loại thứ hai.

Dưới đó là các môn xem nhìn, đều có bốn câu, căn cứ theo Tác pháp này thì câu thứ hai đều đồng, gia thuộc kia là có thể như thế hoặc không thể như thế; câu thứ tư có thể hiển trong có thể như thế mà xuất

ly của câu thứ hai.

Luận: “Tăng-khư-chi”, dịch là Thượng y, tức là y mặc bên trên, như bức tường thấp bên ngoài, thì y này cũng vậy, mặc ở bên ngoài cùng, mặc hướng lên trên cùng, gọi là Thượng y.

Luận: “Hoặc sáu mươi điều trở xuống đến chín điều”, trong đây, các Bộ đều không có Thượng y này. Luận này thì hợp chung lên cùng cực là sáu mươi điều, y chín điều thì các Bộ cùng thừa nhận, hoặc nói như vầy: “Sáu mươi điều, hoặc được tối đa là một trăm năm mươi điều”.

Luận: “Mỗi mỗi đều có Trung y, hoặc có Hạ y”.

Thuật rằng: Trung y tức là Ôn-đa-la-tăng-già, trước kia gọi là Uất-đa-la-tăng-già, cũng gọi là Thất điều, nay gọi là Trung y, mặc dưới Đại y và trên Hạ y năm điều thì gọi là Trung y, cũng gọi là Trung ủng, vì có thể ủng hộ cho thân ở bên trong đó; Hạ y tức là năm điều, mặc thấp nhất. Giải thích thêm pháp của ba Y. Lại nữa, Y có Trung và Hạ, cho nên gọi là Trung hạ y. Nếu như thế thì tại sao không có Thượng y? Biết rõ ba Y trong đây mà luận thì Thượng y tức là Tăng-già-chi.

Luận: Trong ăn và nếm, tại sao bánh... thì gọi là ăn, sữa... thì gọi là nếm”? Có thể nhấm nuốt thì gọi là nếm, không thể nhấm nuốt thì gọi là ăn, vì bánh... là thật thực phẩm, có thể nhai nuốt thì gọi là ăn, không thể nhai nuốt thì gọi là nếm; hoặc nói khắp hết ăn và nếm không khác nhau, phải nên theo tình của thế tục mà kiến lập.

Luận: Trong giải thích Thứ đệ, “không nên đến những nơi có gia đình xưa nay phỉ báng mà không thể hồi đầu”, là quyết định không có thân tình, hoặc người thiện căn chưa thuần thục.

Luận: Trong giải thích “như thế nào là chỗ nên đến”, là không bị đoạ trên đỉnh núi. Núi và đỉnh núi, như thế nào gọi là bị đoạ? Chữ “đoạ” trong đây là rơi vào một tình thế, không phải là rơi rớt xuống, không phải khiến cho rớt trên đỉnh núi xuống.

Luận: “Phải theo thí dụ mặt trăng”, là mặt trăng mát mẻ có thể lợi ích con người, vào nhà của thí chủ thì thân có mát mẻ, lợi ích cho thí chủ, cũng gọi là như mặt trăng.

Luận: Trong tự giữ tâm, nói: “Không phải không có Tuệ xả”, rộng nói cho đến “phải nên nhanh chóng mà không nên trì hoãn”, trong đây có ý nói, mỗi người đến nhà thí chủ thì không cần mong cầu bố thí, không phải không có Tuệ thí mà liền đến. Không nên không có Tuệ thí như vậy, là keo kiệt không bố thí, nếu không bố thí thì không đến, không nên làm chuyện như vậy, không phải không thí mà liền không đến, nếu khi đến thì cho đến nhanh chóng không được trì hoãn.

Luận: "Không nên mở nút", là không nên không cột nút. Sư Pháp nói: "Y Dà-đà có nút, không nên mở mà nên cột nó, cũng phải không xứng, không cao không lệch, y không hở ra.

Luận: "Không như vòi voi", là không buông rủ góc áo Ca-sa như vòi voi, phải vắt lên cánh tay như vòng hoa của cây Đa-la, cây nở ra hoa, góc y cũng vậy. "Đều không nên như đầu rồng", là tuy vắt lên cánh tay, nhưng không nên đầu góc y cao như đầu rồng, không phiền phức như tai thỏ, y Ca-sa đặt cong vào trong theo khuỷu tay, tương tợ như hạt đậu tròn.

Luận: "Không nên cắn bứt mà ăn thức ăn", là không dùng tay cầm chuyền thức ăn.

Luận: Trong giải thích "qua lại và thứ đệ", bắt đầu từ câu nói: "Nếu như có một y chỉ, thì như vậy làng ấp..." trở xuống, đến "như vậy khất thực rồi trở về bản xứ", là giải thích hai pháp đi đến và trở về, thì phải tự mình đã biết đi đến và trở về... mỗi mỗi đều có bốn Tác pháp, bây giờ lại Tác đi đến và trở về. Đi đến và trở về... là Thứ đệ pháp, xuống đến môn xem nhìn thì tức là Bất cụ tác, căn cứ theo đi đến và trở về... thì có thể biết, căn cứ theo trong môn xem nhìn thì có ít phần cũng làm, phần còn lại thì nên tìm đọc và phối hợp. "Lại nữa, đối với như vậy", trở xuống đến "không thể hồi đầu", là giải thích chỗ không nên đến, tiếp theo đó đến, "hoặc là của thương chủ", là giải thích nơi chỗ có thể đến; tiếp theo đó đến "nếu có phẫn nộ hoặc cạnh tranh, thì cũng không nên đến", là giải thích thời nên đến; tiếp theo đó cho đến "kiên chấp đồ ăn ngon ở xa mà thọ dụng", là giải thích nên như nơi chỗ mà đến.

Từ trên đến đây, giải thích "đi đến và trở về" đã xong. Tiếp theo lại lấy thời gia đã qua hoặc thời gian đang đến... cho đến có thể nhiếp Phạm hạnh, có thể khiến cho các Ác tầm tư hiện hành đến nay, thuyết minh hai pháp nhìn và xem, trong đó có hai phần: một là thuyết minh nên thấy, hai là thuyết minh không nên thấy. Thuyết minh nên thấy, là đối với "thời gian đã qua" trở xuống, đến "không nên xem coi" trở lại, là loại thuyết minh không nên nhìn xem, tiếp theo sau là loại nên nhìn xem.

Lại nữa, "không nên động thân, múa tay, lắc đầu..." trở xuống, đến "đoan nghiêm mà ngồi" trở lại, loà tổng thuyết minh hai pháp co và duỗi, trong đây chỉ phán những điều không nên, không thuyết minh các sự nên làm, căn cứ theo các sự trên mà làm.

Lại nữa, "không nên mở nút, không cao không lệch" trở xuống,

đến "hoặc nơi thung lũng, hoặc nơi vực thẳm" trở lại, là thuyết minh hai pháp trì y và trì bát, trước đó có hai phần là thuyết minh trì y và thuyết minh trì bát. "Từ câu "không nên mở nút" trở xuống, đến "mà mặc pháp phục" trở lại, là thuyết minh trì y, tiếp theo sau nữa là thuyết minh trì bát.

Lại nữa, "nên thứ tự thọ dụng ẩm thực" trở xuống, đến "không nên cắn bứt thức ăn mà ăn" trở lại, là thuyết minh bốn pháp ăn uống nhai nếm, trong đó là thuyết minh chung không phải là thuyết minh riêng, tùy theo văn mà tư duy.

Lại nữa, "từ nhà thí chủ trở về trụ xứ, đối với phần ngày và phần đêm" trở xuống, đến "luôn luôn trụ tại chỗ mà luyện tập kinh hành" trở xuống, là thuyết minh hai pháp đi và đứng.

Lại nữa, "đối với chỗ ở, trụ xứ, tự viện hoặc phòng ốc của mình" trở xuống, đến "như pháp mà thức ngủ" trở xuống, đoạn thứ nhất thuyết minh hai pháp ngồi và nằm, trong đó có hai phần:

1. Thuyết minh ngồi. Từ câu "như vậy đối với tự mình" trở xuống, đến "mà ngồi yên" trở lại, là thuyết minh ngồi.

2. Đoạn sau là thuyết minh nằm.

Lại nữa, "đối với phần ban ngày và phần đầu của ban đêm" trở xuống, đến "hoặc vì tu đoạn mà nhàn cư im lặng" trở lại, là lược thuyết minh hai pháp nói và nín, trong đó có hai phần, căn cứ theo văn có thể biết.

"Khi tư duy pháp", cho đến "tu tập không gián đoạn ân cần tôn trọng tu tập" trở lại, là rộng thuyết minh nói và nín, văn cũng có hai phần, căn cứ theo trên có thể biết.

Kế tiếp, "lại đối với khi nóng cực độ" trở xuống, đến "đều là trừ khiển trở lại", là giải thích mệt nhọc tu hành.

Luận: "Lại nữa, đối với Thiện phẩm trước khi chưa tiến nhập" trở xuống, đến "như vậy gọi là chánh tri mà trụ" trở lại, là trong đây có ý thuyết minh khi chưa thành thục thì chỉ gọi là chánh tri, khi Thành biện trở đi thì gọi là chánh tri mà trụ, căn cứ theo văn mà suy nghĩ, câu này sư chưa viết.

Lại nữa, "phải biêt trong đây hoặc đi đến..." trở xuống, là thuyết minh hai pháp đi và đứng, nhiếp các môn trước, pháp Năng nhiếp này không phải đi và đứng ở trước, là nói: "những việc đi đứng gọi là đi", không phải đứng đi gọi là đi; đứng vào nơi chỗ gọi là đứng, không phải trước đó gọi là đứng, cho nên được Nhiếp pháp, không có phương hại.

Luận: "Hoặc khi nằm, hoặc khi nín, hoặc khi đứng, là ý nghiệp",

trong đây thì nằm nên ở tại thân nghiệp, vì khi nằm thì biết rõ tướng trước hết cho nên gọi là ý nghiệp, không phải nằm là ý nghiệp.

Luận: Khi y theo đi đứng thì có bốn nghiệp, Chánh niệm là một, Bất phóng dật là một, đáng nên làm mới làm là một, đối với Hiện sinh và Hậu sinh không có tội là một, vì đắc hoặc chưa đắc Tập tư lương là một, hiện tại như văn mà phối hợp.

BẢN LUẬN 25

Hai mươi loại Tưởng này, như Tạp Tập sao và Đại Trí Độ luận nói.

Luận: “Lại nữa, có thể chứng đắc ba Quả mà không nói Quả thứ tư”, là vì Lậu tận thông tức là trong Quả thứ tư mà thành, hợp chung lại nói, ở đây không luận.

Luận: Ba Thần biến:

1. Thần lực thần biến, tức là Thân thông.

2. Ký thuyết, tức là Tha tâm thông, vì biết tâm người khác thọ ký.

3. Giáo đạo, tức là Lậu tận thông, có thể nói là ba nghiệp, như Tạp Tập sao quyển 1.

Luận: “Giải thích Giáo thọ, Giáo giới” và nhiều chỗ khác nữa, là bốn Giáo thọ nghiệp, trong đây tổng thuyết minh, còn lại là luận riêng. “Bốn Giáo thọ... không trái nhau”, như thuyết minh nghĩa của bốn Giáo thọ... nên xem xét thuyết này.

Luận: “Tuyên thuyết Tương ưng, Trợ bạn, Tùy thuận, Thanh cao...”, Tương ưng là cùng với Lý tương ưng, tức là Trí của Duyên như vậy. Trợ bạn là các pháp Tâm và Tâm sở đồng thời. Tùy thuận tức là Hữu lậu gia hạnh trí vì tùy thuận Chánh trí. Thanh cao là lựa riêng với những lời nói trược loạn. Hữu dụng là đắc Niết-bàn xứng với lời nói không trái nhau. Ưng thuận gọi là Câu... là chỗ có ngữ ngôn.

Luận: “Do kia mà thành thục tám chi như vậy”, tức là từ câu “Lại nữa, ngôn luận này xứng với thời mà phát” trở xuống, hoặc câu đầu ở trước giải thích “nếu có thể trong cử chỉ can gián có tám” là câu hỏi.

Luận: “Phải biết do nhân duyên này” tức là bốn chữ “lại nữa” kế trước.

Luận: Chánh sĩ là bốn Hướng, Chánh chí là bốn Quả. “Tại sao gọi là Văn, Tư chánh pháp”? Là Văn tuệ, kế dưới đây rộng giải thích Tư tuệ, sau đây giải thích riêng Khế kinh, đó là Trường hàng, như Đối Pháp luận sao quyển 12 rộng giải thích. “Trong đây mười hai phần giáo bao gồm tàng thu các lý do chưa liễu nghĩa”, sư Pháp nói: “Không phải kinh chưa liễu, mà người nghe chưa liễu”. Đây là chỗ chưa nghe được.

Luận: “Do ba Lượng cho nên như thật quán sát là do Chí giáo lượng”, trước kia gọi là Thánh ngôn, bây giờ gọi là Chí giáo tức là Giáo đã đến cùng cực là Lý chí cực thì không có hỏi nội hay ngoại đều gọi là Chí giáo. Nói “trước kia gọi là Thánh ngôn”, tức là không phải như

vậy, vì trong ba mươi hai loại Ngôn thì Thánh ngôn có mười sáu loại, đâu cần phải Phật ngữ gọi là Thánh ngôn. “Lấy tướng đầu tiên gọi là Thánh” tức là Phật Bồ-tát. “Bây giờ nói Chí giáo” tức là không lựa riêng Tướng.

Luận: “Do các pháp kia bản tánh xứng như thế” là vô thỉ đến nay tự tánh xứng như thế, không chờ nhiều duyên mà pháp tánh xứng như thế là đạo lý của Pháp tướng.

Luận: “Hoặc tức như vậy, hoặc khác như vậy, hoặc không phải như vậy”, câu “hoặc tức như vậy”, tức là Hỏa... lấy sự thiêu đốt làm Tướng. Tự tánh của Hỏa “hoặc khác như vậy”, tức Năng thiêu là Dụng của Hỏa. “Hoặc không phải như vậy”, là Dụng nóng rực... đó là tướng của Hỏa mà làm Hỏa. Lại nữa, “hoặc tức như vậy”, là Hỏa lấy ấm nóng làm tánh. “Hoặc khác như vậy”, đó là Dụng rất nóng rực, là tướng khác với Thể của Hỏa mà làm Hỏa. “Hoặc không phải như vậy” là không phải không lấy ấm nóng làm Hỏa.

Luận: “Luận ngõ tắt của dâm nữ”, là dâm nữ có nhiều chỗ ở trong ngõ tắt đường hẻm, là nói sự việc dâm nữ hành dâm.

Luận: Trong giải thích Bố thí, nói: “Giáo dẫn đến lợi ích an lạc, thì đâu có khác gì Bố thí”?

Thuật rằng: Nói Lạc gọi là Giáo, thân làm việc để khuyến khích gọi là Dẫn.

Luận: “Là chỗ hiện hành sự của chư Bồ-tát, không phải trong nghĩa này có ý thừa nhận Bố thí...”, Ý trong đây là thuyết minh Bồ-tát khi dùng hữu tình số và vật thí ở trước, thì phải có Tình của Sở dụng thí, sự Hoan hỷ mới là Thí của Dụng, không phải chúng sinh kia ganh ghét hận thù, Bồ-tát vì muốn được chỗ thừa nhận của tự ý mình mà liền dùng Bố thí. Văn đọc dài xuống.

Luận: Văn ghi: “Mã não và biện thạch tức là một vật”, vì đá mã não có hình tượng hoa văn của móng chim chân thú. Một đoạn văn này đồng.

Luận: “Trong thế nào là tướng Thí, là Vô tham đồng thời hành với Tư...”, đây là thuyết minh Thể của Thí, luận này lấy Vô tham đồng thời với Tư chỗ phát nghiệp thân ngữ ý, cùng với Đối Pháp trái nhau, như phần Sao hội của luận đó nói.

Luận: “Hoặc Tự tương tục, hoặc Tha tương tục”, là hoặc tự bố thí, hoặc khuyến khích người khác bố thí. Thí này rộng đồng với Tạp Tập.

Luận ghi: “vì trang nghiêm Tâm”, là đắc tâm Vô lậu. “Làm Trợ bạn Tâm”, là Từ Tác ý, Vô lậu Tác ý...

Luận: Trong giải thích thành thục Diệu tuệ, nói: “Câu sinh giác tuệ và Gia hạnh giác tuệ”, tức là Sinh đắc thiện, và Phương tiện thiện.

Luận: Trong giải thích hai Đỗ-đa, kinh tương tợ trái nhau. “Kham-đỗ-đa” trước kia gọi là Đẩu-lẩu, Đẩu-lẩu là Trần cấu. Lại cũng gọi là tẩy trừ thân tâm, cũng gọi là tu trị tâm. Ba y đã giải thích như trước. “Ba An-đát Bà-tham”, An-đát gọi là Nội, Bà-tham là Y, y này thông với hai y trước, đáng lẽ đều gọi là ba y.

Luận: “Thuý y”, các sợi lông nhỏ dòn bở gọi là Thuý, các thứ lông nhỏ của chim hay thú đều gọi là Thuý, sợ làm ba y vô giá trùng điệp, cho nên lấy lông thuý dòn bở mà làm. Mười hai Đỗ-đa, ăn có bốn loại, y có ba, ngồi có năm, hiện tại là trình bày tên, và trong phần giải thích sau, phân ra mười hai phần, vì mở riêng chỗ thường kỳ ngồi thẳng và như thường ngồi làm hai cách ngồi, đây chỉ là một thường ngồi mà không nằm, như trong kinh Thập Nhị Đỗ Đa nói. Sau đây là trong Trừ chướng và rộng giải thích, tuy khai mở riêng Trừ chướng riêng, nhưng cũng vẫn là một.

Luận: “Giải thích như vậy sáu thứ Khả lạc, Khả ái... trong Nhu hoà”, tức là sáu pháp Hoà kính, ba nghiệp trước là ba Hoà kính, hoà đồng Thọ dụng làm một, đồng với Giới và Kiến mỗi mỗi làm một, cho nên cả thảy là sáu thứ. Trong hoà đồng Thọ dụng, đầu tiên là tổng giải thích. Từ câu “phàm là chỗ muốn ăn” trở xuống, thì giải thích hoà đồng; từ câu “như pháp chỗ thu hoạch được” trở xuống, là thuyết minh Thọ dụng. Lại nữa, trong đây giải thích riêng sáu thứ Tạp trụ, bắt đầu giải thích riêng.

BẢN LUẬN 26
DU GIÀ XỨ THỨ HAI

Luận: "Người bảy lần sinh...", như Đối Pháp luận sao rộng nói.

Luận: "Nhà nhà là trên cõi trời từ nhà đến nhà...", có hai thuyết:

1. Nan-đà nói: "Là hai cõi trời người, hoặc sinh qua hoặc sinh lại".

2. Chánh pháp tạng nói: "Hai sinh nhà nhà, là chỉ ở trên cõi Thiên, hai sinh qua lại,một trong khoảng giữa chỉ có thọ Thiên hữu lậu", cùng với Đối Pháp trái nhau, như trong Hội đó nói.

Luận ghi: Thời giải thoát có năm chữ "hoặc" tức là năm người thứ tự phối hợp.

Luận: "Lại nữa, Tham triền này trụ tại trong thân", kinh văn tương tục cho đến "làm chỗ chế phục của pháp Khả ái và không thể chế phục pháp Khả ái kia", trong đây có ý thuyết minh bị Tham triền bị Cảnh trói buộc tâm, không phải tâm có thể chế phục cảnh, như Tham trong Sân mạn dưới đây, căn cứ theo văn này mà giải thích. "Trong giải thích Quảng Môn sau đây, không giải thích Đẳng phần bạc trần hạnh", trên có thuyết minh đầy đủ câu này, cho nên lại lược bỏ không nói.

Luận ghi: "Hiện tại trong nghĩa này, nên biết chỉ nói Chủng tánh Thanh văn thừa...", trong luận này thì thuyết minh Thanh văn địa, là chỉ lấy Thanh văn ngay trên chủng tánh loài người.

Luận: "Trong giải thích Hữu phân biệt và Vô phân biệt ảnh tượng ...", như Đối Pháp luận quyển 11 Sao hội, trước đó sư Pháp nói: "Hữu phân biệt và Vô phân biệt đều ở trước Kiến đạo; Sự biên tế thì ở tại Kiến đạo, Sở tác thành biện thì tại Vô học đạo". Trong luận này thì khác với giải thích trên.

Luận ghi: "Người kia trong lúc đó đối với Sự sở tri như hiện lãnh thọ thắng giải mà chuyển, tuy Sự sở tri kia không phải hiện lãnh thọ hoà hợp...", trong đây có ý, thuyết minh Đồng phận ảnh tượng, Sự sở tri trong Định đó, nếu như hiện lãnh thọ tương tợ trong Thật định, là Thật cảnh trước khi chưa hiện lãnh thọ. Lại nữa, cũng không phải cùng với vật ngoại cảnh tương tợ, tuy xuất hiện trong Định, nhưng cùng với thật cảnh bên ngoài tương tợ, vì lãnh thọ thắng giải cho nên gọi là Ảnh tượng sự sở tri đồng phận.

Luận: "Lại nữa, cũng gọi là Tam-ma-địa khẩu", là Cảnh có thể sinh tâm, cũng như miệng bình đổ vật ra.

Luận: Trong giải thích Sở tác thành biện ghi: "Chỗ có Tác ý của

các duyên Ảnh tượng đều được viên mãn, cho đến được Chuyển y, cho nên siêu vượt Ảnh tượng...”, trong đây có ý rằng, tức là có Ảnh tượng vô phân biệt đều chưa chứng Chân như, đều có Ảnh tượng nhập Kiến đạo, gọi là Sự biên tế tận như Sở hữu tánh, hiện tại thì đến Sở tác thành biện của Vô học, đắc Chuyển y, chứng Viên mãn vô lậu, siêu vượt Ảnh tượng thì tâm Vô lậu không có Ảnh tượng. Đối Pháp luận ghi: “Ảnh tượng vô phân biệt, là Nội chân chứng trí, và Hậu sở đắc”, đây là từ Nhân mà đặt tên, gọi là Ảnh tượng vô phân biệt, nhưng thật ra hai Trí vì Vô lậu cho nên đều không có Ảnh tượng, có Vô phân biệt, hoặc Định hoặc Tuệ, văn của Đối Pháp luận tuy đầy đủ nhưng văn nói về Ảnh tượng không đủ, Ấn Độ đã giải thích có ba thuyết, đây là lấy tùy theo ý, tâm Vô lậu có Ảnh tượng đó giải thích đoạn văn này: “Siêu vượt Ảnh tượng”, đây là siêu vượt Ảnh tượng pháp chấp Hữu lậu, không phải tâm Vô lậu không có Ảnh tượng. Lại nữa, nghĩa Vô ảnh tượng lấy đoạn văn này làm chứng, nói rõ văn đó như trong Đối Pháp luận kia. Đoạn văn này làm chứng Nhân là tâm Vô lậu có Ảnh tượng, Quả thì không có tâm không có Ảnh tượng là nghĩa của sư Tuyền.

Luận ghi: “Nhân quả tương thuộc Sự”, tức là các sự Hành nhân, Đắc quả và Sở tác thành biện trong đây.

Luận ghi: “Nếu ưa thích thông đạt”, là đoạn Dục của cõi Dục, cũng là nhập Kiến đạo, và “ưa thích giải thoát...” trở xuống, là Tu đạo.

Luận: “Lại nữa, Bí-sô kia đối với từng thời gian tâm tịch tĩnh hoàn toàn, đối với từng thời gian mặc áo Tăng thượng tuệ...”, trong đây trước đã giải thích Định cảnh và Ngoại cảnh tương tợ, từ đoạn văn này trở xuống, các đoạn văn sau đó thì giống như đoạn trước, là nói “đối với từng thời gian”.

Luận ghi: “Tất cả thô trọng đều diệt mất, tùy chỗ đắc Xúc mà chứng Sở y thanh tịnh...”, đây là giải thích bốn Thanh tịnh:

1. Thân thanh tịnh, trong đây gọi là Sở y.
2. Sở duyên thanh tịnh.
3. Tâm thanh tịnh.
4. Trí kiến thanh tịnh.

“Hoặc xương hoặc móc dính, hoặc tu quán kẽ hở trên xương”, lại giải thích: “Xương là xương ở khác chỗ, móc dính là xương ở chỗ liền nhau”. Hoặc nói “xương móc dính” là tổng hợp quán.

Luận ghi: “Hoặc thân hoặc tâm bất bình đẳng thọ mà thọ Sở nhiếp”, Thọ sở nhiếp là đồng thời các thân nghiệp, ngữ nghiệp...

Luận: Giải thích năm loại Tham: một là “đối với Dục của Nội

thân và Dục tham của thân", là đối với Nội thân mới khởi Dục nhẹ của cõi Dục, cho nên gọi là Dục dục; kế đó khởi Tham nặng của cõi Dục, cho nên gọi là Dục tham. Lại nữa, Nội thân là pháp Sở dục của tự mình, cho nên nói đối với Nội thân dục, trên Nội thân dục mà khởi Dục, tức là tâm Năng dục, tâm này gọi là Dục tham, chữ Dục thứ nhất thuộc Sở dục, chữ Dục thứ hai thuộc Năng duyên, chữ Dục thứ ba thuộc tổng kết tên gọi.

Luận ghi: "Hoặc đối với xanh, sình... khởi ý tư duy, đối với Hiển sắc tham khiến cho tâm thanh tịnh; hoặc đối với biến đỏ khởi ý tư duy, đối với Hình sắc tham khiến cho tâm thanh tịnh".

Thuật rằng: Tham các hiển sắc trắng hồng, để đối trị xanh, sình...; đối với hình sắc khởi Tham dài ngắn vuông tròn, để trừ khử da thịt đối trị. Hoặc Tiểu thừa nói: "Biến ra tướng đỏ", là tử thi ban đầu xanh, sau thì đỏ; biến thành thân máu đỏ, để trừ tham hình sắc. Đại thừa giải thích rằng: "Đầu tiên thì da thịt... màu đỏ, để trừ khử hình sắc của da thịt, gọi là biến ra đỏ".

Luận ghi: "Đều nương vào bốn loại Đạm phạ lộ", Đạm phạ nghĩa là Tịch tĩnh, có hai giải thích:

1. Đặt tử thi vào nơi tịch mịch không có phép tắc con người, cho nên gọi là Đạm phạ; đến nơi xứ sở kia cho nên gọi là Lộ.

2. Niết-bàn tịch tĩnh gọi là Đạm phạ, khởi quán Bất tịnh có thể đắc Niết-bàn cho nên gọi là Lộ.

BẢN LUẬN 27

Luận ghi: "Duyên gì khởi Duyên tánh...", Duyên tánh là bốn Duyên; Duyên khởi là mười hai Nhân duyên.

"Giới sai biệt không luận mười tám Giới", là sáu Giới này thông với cõi Dục và cõi Sắc, không phải mười tám Giới có Giới này.

Luận: Trong giải thích Ngoại địa giới, nói: "Không phải xa gần, không phải chấp thọ", là nếu Nội địa giới là chỗ y của xa gần, thì gần tại Bản thức có thể có chấp thọ, hiện tại Ngoại địa giới thì không phải.

Luận: Trong Nội phong, nói: "Có gió Hiếp ngoạ...", là gió này nằm nghiêng bên hông.

Luận: "Giải thích đoạn gió Đại đao", là gió như con dao nhỏ chém xuống, có thể gây thương hại cho người. "Có gió Tất-bát-la", sư Pháp nói:: "Người có gió này thì sắc diện như có chấm đen". Có người nói: "Tất-bát-la tức là người ăn Tất-bát-la, gió này chua cay đau đớn cũng như Tất-bát".

Luận: Trong Ngoại phong ghi: "Có gió Tỳ-thấp-bà, có gió Phệ-lam-bà", gió Tỳ-thấp-bà, ở đây gọi là gió Công xảo, có thể làm thành vạn vật, xưa thì gọi là gió Tỳ-thủ-yết-ma. Phệ-lam-bà, ở đây gọi là gió xoáy, xưa thì gọi là gió xoáy núi.

Luận: "Đa-la chưởng", là Ấn Độ có một loại cây, hình trạng giống như cây lau ở xứ này, người ta đem về cắt bỏ lá bốn phía, chỉ lấy chồi của nó, giống như bàn chân con ngỗng, hợp nhiều cây lại xoè to làm quạt, gọi là Đa-la chưởng.

Luận ghi: "Lìa tướng hợp một", tức là chấp làm Ngã, thật ra các cõi làm thân, chấp Ngã là hợp một,, hiện tại lìa tướng này, tức là kinh Bát-nhã nói: "Như Lai nói tướng hợp một" là thế.

Luận: "A-na-ba-na niệm", A-na gọi là giữ đến, Ba-na gọi là giữ đi. Giữ đến, là hơi thở vào, giữ đi là hơi thở ra, cũng gọi là hít vào thở ra.

Luận ghi: "Khoảng giữa hơi thở vào ra", là khoảng giữa hai hơi thở vào và ra, tuy hơi thở chưa vào và ra, nhưng trong khoảng đó cũng có hơi thở vi tế, đổi lại gọi là khoảng giữa hơi thơ.

Luận ghi: "Bắt đầu từ rún, cho đến cửa mặt, hoặc đến mũi", là hơi thở đó chỉ đến chỗ dưới rún lại không có chỗ trở ra, cho đến từ miệng mà ra và mũi mà ra.

Luận: Trong nhân duyên của hơi thở ghi: "Một là Khiên dẫn nghiệp, tức là nghiệp đời trước, hai là lỗ rún, hoặc là chỗ có các lỗ trên

thân phần”, là trong rún có lỗ nhỏ, hoặc trên thân có các lỗ như miệng, mũi...

Luận: Trong Sở y của hơi thở, hoặc y thân, hoặc y nghiệp, hoặc y vào các lỗ, cho nên nói: “Như chỗ thích ứng của nó” là chỗ thích ứng đáng nương vào thì đều nương vào.

Luận: “Nếu chỉ nương vào thân mà hơi thở chuyển...”, trong đây có ý chất vấn rằng, không phải chỉ y vào thân mà hơi thở được chuyển, như khi nhập Vô tưởng định... là thân đang ở tại cõi dưới, mà hơi thở kia không chuyển, cho nên không phải chỉ y vào thân mà hơi thở được chuyển.

Luận: “Nếu chỉ nương vào tâm mà hơi thở được chuyển”, trong đây có ý vấn nạn rằng, không phải chỉ y vào tâm mà hơi thở được chuyển, vì khi nhập Vô sắc định thì hơi thở kia đáng lẽ phải có nghĩa chuyển.

Luận: “Nếu chỉ nương vào thân tâm mà hơi thở được chuyển”, trong đây có ý vấn nạn rằng, cũng nương vào các lỗ, nghiệp... mà hơi thở được chuyển, không phải chỉ nương vào thân tâm, như ở trong bụng mẹ, khi còn ở bốn vị thì không có nghĩa chuyển. Luận nói Bế-thi vị...

Luận ghi: “Hoặc xứ đó chuyển, hoặc cho đến chuyển, hoặc như chỗ chuyển, hoặc đúng thời chuyển...”, đây là kết các nghĩa trên. “Hoặc xứ đó chuyển”, là nêu các hang lỗ nói trên, tức là lỗ nhỏ lỗ to... hơi thở tại các lỗ này mà chuyển. “Hoặc cho đến chuyển”, tức là đoạn văn nói lỗ rún, cho đến rún mà hơi thở vào thân, cho đến rún chuyển. “Hoặc như chỗ chuyển”, là đoạn văn trên nói hơi thở vào ra, lấy một làm một, ngoài ra khi thở thì giống như chỗ thuận nghịch... mà chuyển. “Hoặc đúng thời mà chuyển”, tức là đoạn văn trên nói “hoặc đúng thời mà làm”, là lấy một làm một, cho đến lấy một trăm làm một. Thời tiết dài ngắn tương tục... gọi là đúng thời mà chuyển, tức là thời gian đó đếm hơi thở mà được chuyển. Sau đó thì thành thục cho nên không có văn nói thêm.

“Mười sáu Thắng hạnh cho nên gọi là Tổng duyên, vì duyên các Đế”, trong đây thứ nhất là Tổng duyên niệm. Từ câu “hoặc dài ngắn” trở xuống, mới nêu ra mười sáu Thắng hạnh, đến môn sau mới giải thích mười sáu Thắng hạnh, nương vào bốn Niệm trụ, xưa nay lấy mỗi bốn môn mà phối hợp nó:

1. Quán hơi thở dài.
2. Quán hơi thở ngắn.
3. Quán hơi thở khắp thân.

4. Quán thở trừ thân hạnh. Đây là bốn môn Quán thân.
5. Quán Hỷ vào ra hơi thở.
6. Quán Lạc ra vào hơi thở.
7. Quán tâm hạnh ra vào hơi thở.
8. Quán thở trừ thở của tâm hạnh. Đây là bốn môn Quán thọ.
9. Quán tâm vào ra hơi thở.
10. Quán hơi thở của tâm Hỷ duyệt.
11. Quán hơi thở chế trì tâm.
12. Quán hơi thở giải thoát tâm. Đây là bốn môn Tâm hạnh.
13. Quán hơi thở vô thường.
14. Quán hơi thở đoạn.
15. Quán hơi thở lìa dục.
16. Quán hơi thở diệt ra vào. Đây là bốn môn Quán pháp hạnh.

Luận: Trong giải thích Thân có bốn môn, giải thích lại "hơi thở trừ thân hạnh", Thân hạnh là hơi thở ra vào, khiến cho thở trừ nó, gọi là hơi thở trừ thân hạnh.

Luận: "Lại nữa, ngay như vậy mà Giác liễu, là giác liễu Lạc...", trong đây là giải thích Tâm hạnh.

"Hoặc có vọng niệm khởi Ngã, Ngã sở và Mạn ngã thì phải có Vô ngã, phải có Vô sắc...", Kiến đế này gọi là Vọng niệm tạm thời sinh khởi, không phải Kiến trong sáu mươi hai Kiến. "Nếu y theo Kiến trong sáu mươi hai Kiến đó", thì Ngã phải có, là Thường kiến. Chỗ nào là người Kiến đế khởi Vọng kiến? Không có văn giải thích. Tu đạo khởi Thường kiến, là hiện tại chỗ này hiện khởi Hoặc gì? Lại nữa, đây là tại Phàm vị mà khởi, chưa có Kiến đế cho nên không có hại. "Nếu như thế thì Kiến đế trước khởi mười sáu Thắng hạnh này. "Làm thế nào được khởi Thường kiến"? Có nghĩa là mười sáu Hạnh này phàm phu cũng khởi. Trước đã nói "Kiến đế", là căn cứ theo người Kiến đế mà làm luận, không phải thông với phàm phu, nhưng thật ra là thông với phàm phu, đây là khởi Thường kiến... tức là làm Thù thắng.

Luận: "Hữu tướng tưởng...", như Đối Pháp sao giải thích.

Luận: Trong giải thích Khổ khổ, "lấy bảy Khổ làm Khổ khổ", đây là căn cứ theo thực tế mà làm luận. "Các kinh luận khác chỉ nói năm Khổ trước làm Khổ khổ", đây là lấy từ Tăng thượng khổ mà nói Khổ khổ, Khổ thứ tám thì thông với ba Khổ có thể hiểu, đây là lấy chung Khổ của ba Thọ và Thủ uẩn.

Khổ thứ hai ngược lại thì giải trừ Sinh khổ, sáu Khổ còn lại cũng là Hoại khổ, vì khi Lão thì Hoại chút ít. Sáu Khổ trước đều là Hoại khổ,

trong đây lấy Phiền não và Hoại tâm làm Hoại khổ, cho đến Phi tưởng cũng có, văn của các luận khác chỉ nói Lạc xứ, đến Định thứ ba trở xuống. Lại nữa, luận kia có văn, đến Địa trên thì ngay lúc này mới khởi tâm Phiền não làm Hoại khổ.

BẢN LUẬN 28

Luận: Trong giải thích Tăng thượng tuệ học, nói: “Đối với bốn Thánh đế như thật Tri kiến gọi là Tăng thượng tuệ học”, đây là chỉ căn cứ theo Vô lậu tuệ mà nói Tuệ học, không phải gọi là Hữu học.

Hoặc kế trước, “trong giải thích Định học”, giải thích thứ nhất một Định ngược lại, chỉ phỏng theo bốn Vô lậu tĩnh lự mà nói là Định học. Làm sao biết được? Tiếp theo đoạn văn sau nói: “Nhưng nương vào Tĩnh lự mà có thể trước hết nhập Hiện quán chánh tánh ly sinh của Thánh đế, không phải hoàn toàn xa lìa tất cả Tĩnh lự mà có thể thành các sự này...”, đây là giải thích ngược lại một giải thích ngược ở trước, chỉ nương vào Tứ thiền mà gọi là Định học. Giải thích thứ hai, lại nữa các Vô sắc và chỗ có các Đẳng trì, Đẳng chí khác cũng gọi là Định học, tức là Vô sắc định và chỗ có Đẳng trì Đẳng chí hữu lậu khác của cõi Sắc, đều gọi là Định học. Định học này thì thông với Lậu và Vô lậu, tại sao Tuệ học chỉ có Vô lậu? Định học thông với Lậu, có nghĩa là Định đó cũng chỉ có Vô lậu, trước nói: “Lại nữa, Vô sắc định”, là lấy Vô lậu định mà nói, và “các chỗ có Đẳng trì Đẳng chí khác cũng gọi là Định học”, đây là Vô lậu định của bốn Tĩnh lự phát dẫn thông, Định học hiện tại chỉ có Vô lậu, Tuệ học nghĩa đồng nhau, cũng không phương ngại. Định thông với Lậu và Vô lậu, Tuệ cũng vậy, đây là căn cứ theo lời nói của Vô lậu thắng giả, không đồng Định mà Tác pháp đầy đủ thì không ngăn ngại, căn cứ theo văn sau. Nếu có Giới định cũng chưa chắc có Tuệ, vì có Tuệ cũng chưa chắc có Giới định, giải thích trước làm thù thắng vì lấy Vô lậu tuệ làm Học. Lại nữa, Tuệ học chỉ có Vô lậu thì có hại gì? Giới định thông với Hữu lậu, rộng hẹp không đồng thì không phương ngại.

Luận: Sau đây nói “trong mười pháp trái nghịch” nói: “Hiện tại ý trong nghĩa này, lấy Năng đoạn tư duy, các pháp Du-già, Tác ý, làm chướng ngại pháp”, tức là giải thích thí dụ trong Quang minh ở trước, tuy có bốn loại, nhưng có ý lấy pháp và nghĩa, khi hai Quang minh có thể đoạn tư duy Du-già thì chướng ngại pháp.

Luận ghi: “Lui mất chỗ đắc cảnh Du-già”, tức là Hữu lậu thiền định...

Luận ghi: “Hồi chuyển đệ tử”, là tùy theo Giáo kia mà gọi là hồi chuyển.

Luận ghi: “Phương tiện có bốn loại là Thi-la, Niệm, Vô phóng dật và Định tuệ”, như văn có thể hiểu.

Luận: Trong duyên tướng, nói: "Lại cũng là Sở tác của Nhân, Sở tác của Phi nhân...", tức là loạn tướng của Học và Tri, đây là nghĩa của sư Pháp. Lại nữa, xét văn trên văn dưới đều không đúng, trong Viễn ly dưới đây đều nói do Nhân duyên, cho nên biết Nhân duyên này tức là Nhân duyên sinh Tham... do đó văn dưới đây đều nói do Nhân duyên. "Hoặc Sở tác của Công dụng", đây là do Nhân mà Gia hạnh này sinh loạn. "Hoặc Tỳ-bát-xá-na" trở xuống, đây là thuyết minh nhân duyên không loạn. "Sau khi quán cực mạnh cực thịnh là tướng Nhân duyên", tức là tu tập Tư lương, đối với nhân duyên tối hậu mà thành mãn. Trong Định dưới đây, căn cứ theo đó mà biết.

Luận: Trong giải thích Thắng giải nhỏ hẹp, nói: "Và Ý giải Thắng giải của Sở duyên nhỏ hẹp", là nương vào văn kết dưới đây mà nói Sở duyên nhỏ hẹp, đây là cõi Dục, nếu cõi Sắc thì gọi là rộng lớn, nếu Sở duyên vô lượng thì gọi là cõi Vô sắc.

Luận ghi: "Đối với Sở tác của nó khi thành biện thì chuyển", là chỗ thành biện Sở y thanh tịnh kia, vì Sở y thanh tịnh, khiến cho Ái lạc thanh tịnh biến mãn, cho nên nói khi thành biện thì chuyển.

Ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, giải thích như Đối Pháp sao.

Trong trình bày tên của bảy Giác chi... đều có chữ "Đẳng", sư Pháp nói: "Những Giác chi này tức là bảy chi của Như Lai, có thể nhân theo đó mà thành Đẳng giác, cho nên đều có chữ Đẳng". Nếu như thế thì tám chi Thánh đạo sau đó cũng vậy. Tám Chánh tại Tu đạo, Kiến đạo thì Vô tướng, Tu đạo thì Phân biệt, vì Phân biệt cho nên có tướng, không có tướng thì Bình đẳng mà tỏ biết cho nên nói Đẳng giác. Nghĩa này trên dưới đều không ngăn ngại.

Luận: Trong giải thích bốn Niệm trụ thân, nói: "Ba mươi lăm loại Thân gọi là Thân sắc", trong đây phỏng theo sắc thân mà gọi là Thân. "Nêu chung thân của Tổ phụ quốc", tức là thân Quỷ. Vì tổ phụ từ xưa đến nay đều mong chỗ cúng tế của nam nữ, đều có nguyện này, cho đến Thượng tổ, gọi là Tổ phụ quốc, giải thích rộng như Trí Độ luận.

Lại nữa, luận nói: "Trung thân và Biểu thân" xuống văn dưới nói: "Liệt thân và Trung thân", thì hai Trung thân có gì khác biệt? Nội thân gọi là Trung thân, cùng với Biểu thân tương đối, ở bên trong gọi là Trung thân, là ba Phẩm đối trị.

Luận: Giải thích hai mươi mốt Thọ, tức là như chỗ trình bày. "Hoặc chín loại Thọ", sư Pháp nói: "Ngay ba Vị đầu thì mỗi mỗi làm ba Vị, cho nên được chín loại, chín loại này nhiếp hết tất cả Thọ, lại càng không có khai riêng môn nào khác. Lại nữa, giải thích chín loại Thọ:

1. Lạc.
2. Khổ.
3. Xả.
4. Lạc thân... ba Thọ.
5. Lạc tâm... ba Thọ.
6. Hữu vị.
7. Vô vị.
8. Dựa vào thị hiếu đam mê.
9. Dựa vào Xuất ly.

Hợp chung thì thành chín loại, khai ra thì thành mười loại.

Luận ghi: "Thế nào là pháp, cho nên trước thuyết minh tâm, ở đây thì luôn luôn thuyết minh pháp, như Tham Tỳ-nại-da", Tỳ-nại-da nghĩa là Điều phục, tức là Vô tham điều phục Tham, Tham Tỳ-nại-da tức là Vô tham.

Luận ghi: "Như vậy các Thọ hoặc tùy thuận Niết-bàn...", là các Vô vi tùy thuận Quyết trạch; là các tâm Vô lậu pháp hoặc tùy nơi Giới; là ba cõi Hữu lậu gọi là Ái vị; hoặc hai tánh Hữu lậu pháp của cõi trên là Văn và Tư của cõi Dục, người xuất gia y theo đó mà xuất ly Thọ; hoặc hai tánh pháp của cõi dưới và Thể của năm thứ Tham dục gọi là đam mê.

Luận ghi: "Như vậy sáu tâm phải biết đều là chỗ khởi của Hành thời", là sáu tâm trước đều là khi hành vi tạo tác dấy khởi gọi là Hành thời, không phải Trụ thời... gọi là Hành thời. Hành thời đã như thế, Trụ thời cũng theo đó mà biết. Như trước đã nói, khi chưa trụ Định mà khởi, thì gọi là Hành thời, khi trụ Định mà khởi thì gọi là Trụ thời.

Luận ghi: "Nương vào Tịnh cái...", trong đây giải thích Trụ thời có mười bốn tâm, Vô gián đạo chưa đắc Định trụ trong Gia hạnh đạo, gọi là Tịnh cái địa, khởi tám loại tâm nương vào Định Vô gián đạo, đoạn Phiền não kết mà khởi sáu tâm đó.

Hỏi: Tại sao tám loại trước gọi là Tịnh cái?

Đáp: Là Định gia hạnh không phải Vô gián, sáu tâm sau là Tịnh, hoặc một là Tịnh, một là Vô gián đạo, có nghĩa là cũng như tham sân si, để đối trị Cái, thì Vô tham điều phục là Năng trị, tức là sáu loại tâm hợp chung lại mà lấy, ba Sở trị tức là ba Cái. Đây là Hành thời, dưới đây là Trụ thời có tám loại: Hoặc Lược hoặc Tán, Lược tức là tướng dừng trụ, Tán tức là tán loạn; hoặc Hạ hoặc Cử, Hạ tức là Hôn trầm, Cử tức là tướng cử động; hoặc Trạo hoặc Ly trạo, Trạo tức là Trạo cử; hoặc Tịch tĩnh hoặc Bất tịch tĩnh, Ác tác gọi là Bất tịch tĩnh, Thiện tác gọi là Tịch

tĩnh. Lại nữa, Nghi là Bất tịch tĩnh, thì Quyết định gọi là Tịch tĩnh. Lại nữa, hợp chung lại lấy Năng trị đạo ở trước gọi là Tịch tĩnh, hợp chung Sở trị ở trước gọi là Bất tịch tĩnh, các Bất tịch tĩnh này mỗi mỗi đều riêng có đối trị, gọi là Tịnh chư cái địa. Cái tức là năm Cái, sau đó mười tám loại, tổng tướng mà nói, không phải riêng có Sở trị, đắc sáu Thời sau thì cần phải đắc các Thời trước, các Cái đã tịnh rồi mới có thể nhập Căn bản định. Nếu như thế thì Sở trị và Năng trị cần phải đồng thời, tại sao Cái làm Gia hạnh đạo, Định thì làm Vô gián đạo? Có nghĩa là, cũng như Năng trị tịch tĩnh đạo... như trước, hoặc như Gia hạnh đạo thì các Cái chỉ nấp phục mà vĩnh viễn đoạn. Lại nữa, Năng trị ở trước khi nấp phục làm Gia hạnh đạo, thì Sở trị diệt cùng với Vô gián đạo đồng thời, làm Sở đoạn của Vô gián đạo thì cần phải Sở trị diệt mất Năng trị mới sinh.

Luận ghi: "Từ Cái được giải thoát rồi, thì chứng nhập Căn bản định", tâm Bất định trong Vô gián đạo tức là Sở trị, vì tám loại trước riêng có đối trị, cho nên Gia hạnh đạo phân riêng Quán tâm, sau đó Vô gián đạo là Tổng tướng quán, hoặc nói là Vô gián đạo. Lại nữa, chưa cần thuyết minh Phương tiện, vì tám tâm trước của Vô gián đạo, Sở trị đều là Cái, riêng có Sở trị. Sáu loại sau đó, tuy không phải trừ Cái, nhưng tổng đoạn các phiền não như sự phân biệt này, Phương tiện này vô gián và thứ tự, tám loại tâm chỉ nấp phục Hoặc, không phải là Vô gián.

Luận: Trong Kết pháp niệm trụ, nói: "Nếu có thể như vậy như thật biết khắp tự tánh, Nhân duyên và Quá hoạn, Đối trị của các Tạp nhiễm pháp là pháp Niệm trụ", đây là xét theo văn trên, không có giải thích riêng bốn loại này, chỉ là tự tánh và Quá hoạn Đối trị, không có riêng Nhân duyên. Nếu căn cứ theo trên mà nêu, thì Sở trị Cái... gọi là tự tánh. Kế trước đã nói liễu tri Nhãn xứ có kết, Quá hoạn gọi là Quá hoạn, cho nên Năng trị đạo ở trước gọi là Đối trị. Lại nữa, văn không có giải thích riêng Nhân duyên, hoặc nghĩa thành lập có phương hại, là trong sáu Hành thời và ba Bất thiện căn gọi là Nhân duyên của các Hoặc, là nhân duyên sinh các Hoặc. Lại nữa, ngay trên Chủng tử của tự tánh gọi là Nhân duyên. Lại nữa, nhân xứ nào, duyên xứ nào mà sinh tự tánh gọi là Nhân duyên? Lại nữa, nương vào Nhãn cho đến Tác ý mà sinh, hoặc Nhãn xứ... mà gọi là Nhân duyên.

Luận: Trong phần thứ nhất giải thích Thọ tâm pháp niệm trụ, trong đây có ý nói, nếu duyên Nội thân mà sinh Thọ tâm pháp niệm, thì duyên Thọ tâm pháp này thì gọi đó là Nội thọ tâm pháp quán. Ngoại...

cũng như Nội, trong đây duyên Thân, không lựa riêng tổng duyên Năng tạo và Sở tạo, hoặc giải thích thứ tư dưới chỉ có Năng tạo không phải Sở tạo, cho nên khác nhau.

Luận: Trong giải thích Tu thân quán thứ năm, nói: "Nếu duyên Vô thức thân Sắc đối với quá khứ có Thức...", trong đây có ý nói thấy tử thi đối với đời quá khứ đã từng có Thức thời, tử thi hiện tại này thì gọi là Ngoại, phải có Thức thời thì gọi là Nội, duyên với hiện tại có Thức thân, vị lai không có Thức thân. Nội ngoại cũng vậy, vì hiện tại có Thức, vị lai không có Thức, Tương tợ pháp tánh, Bình đẳng pháp tánh, một tướng không khác, cho đến quá khứ cũng vậy.

Trong giải thích thứ sáu, nói: "Hoặc duyên tự Trung thân", tức là Tự nội thân gọi là Trung thân, tức là Tự nội trung thân.

Luận: Trong đoạn bốn Đảo, giải thích Thân bất tịnh có ý nói: "Bất tịnh tương ưng với bốn Đạm phạ lộ", là luận trong giải thích Đảo thứ hai, nói là người thọ Khổ lạc. Y theo Phú dưới đây, trong giải thích ghi: "Đối với tâm Ý thức chấp Ngã, người gặp sự của ta ngu cho nên lập Tâm niệm trụ", tức là chấp Tâm làm Ngã, cùng với giải thích một trái nhau, như Đối Pháp sao quyển 1, quyển 10 giải thích.

Luận: Trong giải thích nghĩa của Niệm trụ, nói: "Hai pháp Niệm tuệ là tự tánh", cùng với Đối Pháp đồng. Tiểu thừa chỉ có Niệm làm tự tánh, hiện tại Đại thừa thì kiêm lấy hai pháp làm tự tánh của Niệm trụ, các Tâm và Tâm sở làm Thể của Trợ bạn, cho nên nói xen tạp lẫn nhau.

BẢN LUẬN 29

Luận ghi: "Tại sao gọi là tất cả Thiện pháp? Hoặc là Đối trị kia...", ở đây câu thứ nhất là Tổng, từ Năng trị trở xuống hai câu là Biệt. "Năng trị nói là Bỉ", tức là Bỉ trong Biệt, là Cái kết kia. Lại nữa, giải thích bất thiện pháp ở trước, ở đây tức là Đối trị của bất thiện ở trước kia. Hai câu dưới riêng nêu ra Năng trị, câu thứ nhất tức là Tổng.

Luận: Trong giải thích Sách lệ, nói: "Nếu duyên quá khứ không hiện thấy hiện tại, hiện thấy Sự cảnh", tại sao không nói vị lai? Lại nữa, quá khứ không phải hiện tại, đã sinh và chưa sinh đều không phải là hiện thấy, có thể nói không hiện thấy. Hiện tại có pháp chưa sinh thì không hiện thấy pháp, tại sao hiện tại gọi là hiện thấy? Có nghĩa là quá khứ và hiện tại là chỗ có chưa sinh, đều ở tại vị lai, nhưng không nói vị lai. Nêu quá khứ và hiện tại kiêm gồm nghĩa vị lai, nếu duyên hiện tại hiện thấy cảnh mà khởi pháp chưa sinh, thì nắm lấy cảnh gọi là hiện thấy, không phải pháp chưa sinh của hiện tại gọi là hiện thấy.

Luận: **"**Chỉ do sức Phân biệt sinh, không phải sức của Cảnh giới, là đối với Trụ thời tư duy quá khứ...", là không hiện hành đối với Cảnh giới, không có Cảnh giới hiện hành thì chỉ duyên quá khứ cho nên gọi là Trụ. "Cũng là sức Phân biệt và sức Cảnh giới", tức là hiện hành đối với Cảnh giới gọi là Hành. Nếu bất thiện pháp khi sức Cảnh giới sinh, thì chắc chắn có Phân biệt, không có câu giải thích riêng này. "Phân biệt tức là tâm sinh Phân biệt", là câu giải thích riêng thứ nhất, tức là phỏng theo quá khứ vị lai mà sinh. Câu giải thích riêng thứ hai là Cảnh hiện tại khởi, cùng với câu giải thích riêng thứ nhất ngược nhau, giải thích Sách lệ Tinh tấn thì đồng.

Luận ghi: "Luật nghi đoạn", Luật nghi là đề phòng tội lỗi, đề phòng ác đã sinh khiến cho không tăng trưởng, như Đối Pháp sao nói: "Biệt giải do mười nhân duyên Giới thiện thanh tịnh", là quyển 20 trước có mười pháp Thuận học:

1. Lìa Mẫu ấp.
2. Lìa Ái trước.
3. Lìa Giải đãi.
4. Lìa Ngã kiến.
5. Lìa Đoạn thực vị.
6. Lìa Ngôn luận ái.
7. Lìa mười một lỗi.
8. Lìa Định vị.

9. Lìa tán loạn.

10. Nhẫn Nhục.

Thể của bốn Thần túc là Định, từ Nhân mà đặt tên gọi là Dục... Lại nữa, Định là chân của Thần thông, cho nên gọi là Thần túc. Lại nữa, Định gọi là Thần, bốn thứ này là chân của Thần, Tâm thần túc tức là Tâm vương. Sư Pháp nói: “Lại nữa, hoặc là Định”, như Đối Pháp sao nói.

Luận ghi: “Do như vậy sức Tăng thượng của bốn Tam-ma-địa cho nên đã xa các Triền, lại làm hại vĩnh viễn tất cả tất cả Ác bất thiện pháp mới là chánh tu tập, lúc đó có tám Đoạn hạnh làm Dục vĩnh viễn hại Tùy miên, do đó làm Tam-ma-địa được viên mãn, cho nên sai biệt mà chuyển...”, đây là nêu ra Dục để thuyết minh nguyên nhân của tám Đoạn hạnh, tám Đoạn hạnh này, Cựu dịch là tám nghiệp Tư lương, nêu Dục ra để thuyết minh trong Ý khai ra hai môn là Đoạn tùy miên và Định viên mãn. Để làm chuẩn cho giải thích sau đây hai thứ Năng đoạn tùy miên, cho nên văn sau nói: “Do hai nhân sinh ra đối với Tùy miên đoạn Phân biệt liễu tri”, là do Hiện kiến Hiện tư và do Bất hiện kiến xả, do nhân duyên này có thể đoạn Tùy miên. Làm chuẩn cho quyển này trong giải thích Sách lệ thứ nhất, nói: “Nếu duyên Sự cảnh quá khứ và vị lai, thì gọi là duyên Bất hiện kiến, nếu duyên Sự cảnh hiện tại thì gọi là duyên Hiện kiến cảnh”. Nghĩa này tức là tư duy hiện tại, xả thông Sự cảnh của quá khứ và vị lai, nếu như thế thì tại sao giải thích trong Xả, nói rằng, Hành quá khứ, vị lai và hiện tại ba đời, tùy theo nguyện mà các tánh Ác tâm bình đẳng, lại còn phân Tư ra làm một đời, Xả làm hai đời, thật ra như Đối Pháp quyển 9 nói: “Đối trị là Tư và Xả, cho đến Hôn trầm và Trạo cử đã sinh có thể xa lìa, tức là đoạn chung ba đời. Tư và Trạch hai pháp đã gọi là Đoạn tùy miên, sáu pháp còn lại căn cứ theo đây mà biết Tam-ma-địa viên mãn. Lại nữa, đoạn văn sau nói: “Hiện tại chỗ nói tám loại Đoạn hạnh khi làm vĩnh viễn đoạn chỗ có Tùy miên viên mãn thành biện Tam-ma-địa thì tất cả tổng gọi là Dục Tam-ma-địa. Xét tổng văn này thì hình như tám loại đều có hai công năng. Lại nữa, Nhiếp bốn Du-già, bốn Du-già đều là Đoạn tùy miên. Lại nữa, Tư có thể phát khởi thân và khẩu, sinh Thiện thân nghiệp và Thiện ngữ nghiệp, dứt Ác thân nghiệp và Ác ngữ nghiệp. Thân và ngữ là Sắc, cho nên Tư từ Sắc mà được tên là Hiện kiến tư, Xả chỉ ở tại ý, không phải đồng với Tư, cho nên gọi là Hiện kiến xả, chưa chắc cùng với đoạn văn đầu của quyển đó đồng, tám Đoạn hạnh của nó tức là quyển 28, bốn Du-già có thể đoạn Tùy miên, tức là Dục, Tinh tấn, Tín

và Phương tiện. Đối Pháp tuy có bốn loại tướng nhiếp nhưng hoàn toàn không đồng, không thể hội chung lại. “Chính Thứ đệ trong đây cùng với bốn Du-già trong quyển 28 không đồng”, là trong đây có tám Thứ đệ, như văn trước và sau tương sinh. Trong bốn Du-già đó, chính là Tín làm đầu, Đối Pháp cũng đồng, cho nên văn của luận kia lấy Tín làm Nhân của Dục, có nghĩa là chính khi Dục và Tinh tấn không lìa Tín, thì Tín và Niệm ở tại đầu, vì có tin Phật... cho nên mới khởi Dục... hiện tại vì không lìa Tín cho nên nói Tín ở sau. Đây là văn của Đối Pháp luận tự hội chung lại, vì nói bốn Du-già sinh khởi thứ lớp cho nên Tín làm đầu.

Luận: Đắc Thần túc gọi là trong Nhân duyên, nói: “Từ Bỉ có thể đến Thử cho nên gọi là Thần túc”, tức là có thể đi qua có thể trở lại... gọi là Thần túc, là quả Định giới. Dục... làm Nhân có thể đắc Thần túc này cho nên gọi là Thần túc.

Luận: Trong giải thích năm Căn, nói: “Cho đến Tuệ của nó chỉ có thể phát khởi xuất thế gian pháp để làm Tăng thượng của nó”, trong đây giải thích nghĩa của Căn. Tăng thượng, là Căn. Tín có hai Tăng thượng:

1. Có thể sinh xuất thế gian pháp mà làm Tăng thượng.
2. Thứ đệ có thể sinh pháp sau, vì làm Tăng thượng cho nên gọi là Căn.

Bốn loại trước (Dục, Tinh tấn, Tín và Phương tiện) có đủ hai nghĩa này, cho nên trước Tinh tấn... cũng là khởi pháp. Hiện tại Tuệ này chỉ có một nghĩa, chỉ có thể khởi xuất thế gian pháp mà làm Tăng thượng, không thể triển chuyển mà sinh nghĩa sau.

Luận ghi: “Phải biết trong đây Định căn và Định lực tức là bốn Tĩnh lự, cho đến chứng quả Bất hoàn...”, trong đây hai quả đầu chỉ đắc Vị chí định, hướng tới trước mà thứ tự đến Bất hoàn, đắc bốn Tĩnh lự, phát sinh thần thông, cho nên ở đây nói thiên về nó (quả Bất hoàn), không nói Quả thứ tư, vì không phải thứ đệ, lại cũng là Ảnh hiển, cũng lược bỏ không nói. Trong bốn Tĩnh lự phát khởi thần thông, nói Như ý túc, không nói các Định khác.

Luận ghi: “Tức là do như vậy các căn, các Lực dần dần tu tập... liền có thể phát khởi Thượng trung hạ phẩm thuận Quyết Trạch phần...”, căn và Lực trong đây như Trung Biên luận, căn ở tại Noãn và Đảnh vị, Lực ở tại hai Vị sau. Luận này thì nói do căn và Lực này phát sinh Quyết Trạch phần”, căn và Lực này là biệt, Quyết Trạch phần là tổng, vì biệt phát sinh tổng cho nên gọi là phát sinh, tức là đồng thời không

phải khác thời, vì trước và sau phát sinh cho nên gọi là phát khởi. "Có người muốn đắc Kiến đạo trước Hữu lậu và Vô lậu", như luận tiếp theo sau đây. Riêng do căn Lực vô gián phát sinh Thánh pháp xuất thế vô lậu cho nên biết Hữu lậu này trở về trước không thể nói là Vô lậu.

Luận ghi: "Nếu như pháp mà cầu y phục ẩm thực..." cho đến "cung cấp vật của thân khi truy cầu", đây là khi truy cầu Sở cầu. "Hoặc đi qua hoặc trở lại" trở xuống cho đến "hoặc khi trụ", đây là Sở tác khi ở trụ xứ, cùng với quyển 22 trái nhau, có thể xem xét.

Luận ghi: "Do sức Tăng thượng của bốn Niệm trụ, cho nên đắc chín loại Hành tướng của Vô điên đảo, chỗ nhiếp Chánh niệm có thể nhiếp chín loại Hành tướng tâm trụ gọi đó là Chánh niệm và Chánh định", trong đây có ý nói, do bốn Niệm trụ làm Nhân, sinh Định tâm đồng thời với chín loại Niệm; chín loại Niệm tức là An trụ niệm... cùng với chín loại Định đồng nhau, đều lấy chín loại, đều là Định làm Trợ bạn; Định cũng có chín loại, lấy Chánh định và Chánh niệm làm Năng nhiếp, Trợ bạn làm Sở nhiếp, trong đây Niệm và Nhiếp trái nhau, như Đối Pháp sao mà hiểu.

Luận: Trong giải thích quả Bất hoàn, nói: "Chỉ đối với cõi Thiên hữu phải nên thọ sinh", chính là một cõi nhân gian ở tại cõi Thiên, trong cõi người thọ một Hữu, không sinh trở lại thì liền sinh lên cõi Thiên, cũng gọi là Bất hoàn, vì nhân theo thời thì chưa gọi là Bất hoàn.

Luận ghi: "Lại nữa, trong đây Tham sân si mạn..." cho đến "nếu do thế lực sai biệt của Sở duyên cần siêng tu tập Gia hạnh", trong đây có ý nói, người Tham sân si... những thứ này đều có đối trị, trước hết tại Ngũ đình tâm quán gọi là Định, do thế lực sai biệt của Sở duyên, tùy theo Tham hạnh khởi quán Bất tịnh, siêng cần tu tập tâm mới an trụ, người Đẳng phần hạnh thì tất cả đều có đủ, tùy chỗ khởi Hạnh mà đều được tru hành, như văn của luận dưới đây. Như người Đẳng phần hạnh, đối với Ngũ đình tâm thì tâm người đó an trụ, không phải thanh tịnh cái Hạnh của người đó, có người nói cũng đoạn Hoặc, thì không đúng. Người xưa nói Sổ tức quán thì trừ hai phẩm của Giác quán, hiện tại chỉ trừ Giác, cho nên chỉ nói Tầm tư hạnh, không phải trừ Từ (một trong bốn Bất định).

Hỏi: Tại sao không trừ Từ?

Đáp: Lấy Từ để xem xét duyên, vì Tầm thì tán loạn cho nên nói trừ Tầm.

Luận: Trong đáp Hành tướng của người Đẳng phần hạnh, nói: "Chỗ có hành tướng của người Tham hạnh thì tất cả đều có đủ, nhưng

người Đẳng phần hạnh thì không phải cõi trên thù thắng, như Tham hạnh gặp duyên thì liền khởi Tham, gọi là người Tham hạnh", người Đẳng phần này cũng vậy, tùy chỗ gặp duyên thì liền khởi Tham... gọi là người Tham hạnh, cùng với Tham... tương tợ.

Luận: Trong giải thích Dị thục chướng, nói: "Hoặc sinh xứ", là tùy theo sinh xứ. "Thánh đạo nương vào đó mà không sinh", tức là ba nẻo ác. "Đối với Sinh xứ đó mà quả Dị thục sinh", là Ác dị thục đối với Sinh xứ đó, không phải chỗ y của Thánh đạo.

Luận: Trong giải thích Tối sơ thanh tịnh, nói: "Do mười Giới thiện thanh tịnh, như trước nên biết", là như quyển 28 ghi: "Do mười pháp thuận với pháp kia, một là Lìa mẫu ấp... như đã nói ở trên", chính là Ngôn đạo Sa-môn, vì lấy Đạo để nói Mạng, gọi là Ngôn đạo.

Luận ghi: "Nếu không có chư Như Lai và chư Bồ-tát làm Bồ-đề" cho đến "chư Thanh văn vĩnh viễn trì ba Tạng thì gọi là Thuyết đạo Sa-môn", đây là phỏng theo khi không có Phật Bồ-tát mà chư Thanh văn làm luận, nếu Phật và Bồ-tát có thì chúng Thanh văn này gọi là Thắng đạo, chư Phật Bồ-tát thì gọi là Thuyết đạo Sa-môn. Hiện tại khi không có Phật Bồ-tát thì Thanh văn gọi là Thuyết đạo, khiến cho chánh pháp nhãn không bị đoạn mất giống.

Luận: Trong giải thích Hoại đạo Sa-môn, nói: "Do Sa-môn kia phá hoại chỗ có chánh đạo căn bản tối sơ...", trong đây có ý nói, là giới luật làm Chánh đạo căn bản, hiện tại phá giới cho nên gọi là Hoại đạo căn.

Luận ghi: "Thế Tôn y theo kia mà nói như vậy" cho đến "đối với ngoại Sa-môn, Bà-la-môn dạy Không vô sở hữu...", là chân giáo mà có, Thế Tôn nói như vầy: "Có các giáo của ngoại Sa-môn... là tà giáo, cho đến Hoại đạo cũng vô sở hữu, vì phải thọ chân giới mới sinh hoại, kia đã là tà giới, nếu hoại thì không phải Hoại đạo.

Luận: Trong giải thích Bà-la-môn, nói: "Danh tưởng Bà-la-môn, là các thế gian do Tưởng... tưởng giả lập ngôn thuyết gọi là Bà-la-môn", trong đây có giải thích, như Sát-đế-lợi, cha mẹ, giả lập gọi là Bà-la-môn, Thể là Sát-đế-lợi, Tưởng gọi là Bà-la-môn. "Lại nữa, do Tưởng", là Danh... "Tưởng", là các thế gian đều do Tưởng này gọi là Bà-la-môn, dưới đây là Chân thiện Bà-la-môn thứ ba. Bà-la-môn gọi là người Chân tịnh, vì tịnh ý chí của mình, như trước đã giải thích.

Luận: Trong giải thích Phạm hạnh, nói: "Đoạn Phạm hạnh là bậc Thánh đắc quả Bất hoàn...", trong đây tại sao không thuyết minh hai quả đầu? Lại nữa, Phạm hạnh thứ hai trước, tại sao không luận Ly sắc

và Vô sắc dục? Có nghĩa là không nói hai quả đầu, vì lấy toàn phần Dục lìa cõi Dục mà làm luận, đối với tạm thời đoạn Phạm hạnh, thành tạm thời Phạm hạnh, thì chỉ nói cõi Dục. "Lại nữa, tại sao trong Phạm hạnh thứ hai trước, không nói Dục của cõi Sắc"? Đây là Ảnh hiển, căn cứ theo đó mà biết như A-la-hán và quả Bất hoàn, phải biết Thế gian đạo cũng đối chiếu làm luận. "Đáng lẽ phải nói lìa Dục của Hữu sắc và Vô sắc", đây là nghĩa Ảnh hiển. "Tất cánh", vì Vô lậu đạo đoạn chủng cho nên gọi là Tất cánh, không phải quả Vô học gọi là Tất cánh.

Luận: Trong giải thích Bí-sô, nói: "Tự xưng...", ban đầu là thường khất thực... là tự xưng Bí-sô, nói người phá giới chỉ tự xưng Bí-sô, gọi là Tưởng Bí-sô, tức là người chưa thọ giới, chỉ có Danh tưởng Bí-sô mà chưa có giới.

Luận ghi: "Khéo biết Du-già thì liền khéo biết Phương tiện", vì tri và hành cùng với lý tương ưng, nhân theo Trí hạnh mà có thể cùng với quả chung tương ưng, cho nên tri gọi là Phương tiện, cũng gọi là Tương ưng.

Luận ghi: "Nếu các chỗ Bổ-đặc-già-la tướng chưa thành thục..." cho đến "căn thứ hai tuy thành thục nhưng chưa khéo biết Thiện xảo phương tiện...". Cả hai câu này có khác gì nhau? Có nghĩa là, câu thứ nhất đều chưa gieo trồng thiện căn, câu thứ hai tuy có trồng phần ít, nhưng chưa có Thiện xảo phương tiện, khác nhau chỗ đó.

Luận ghi: "Do ba nhân duyên trống rỗng không có quả", là đạo quả Vô lậu, không phải quả thế gian. Làm sao biết được? Đoạn văn dưới nói: "Tuy đắc Định mà không có truyền dạy, tức là chân giáo thọ không tùy theo cho nên không có Vô lậu sinh, do đó trống rỗng không có quả.

BẢN LUẬN 30

Trì thứ ba này, một bài tụng thứ nhất, trong đó có hai đại ý: một là trình bày chung ba môn, hai là đối với môn thứ ba mở riêng làm năm đoạn. Hiện tại bốn câu tụng này có hai mươi chữ, tám chữ trên trình bày chung ba môn, mười hai chữ dưới thì riêng khai làm năm đoạn. Đến mừng hỏi là một, Tầm cầu là hai, mới an lập là ba. Ngay trong An lập nói rằng trở lại tại năm môn:

1. Hộ dưỡng.
2. Xuất ly.
3. Cảnh tánh.
4. Chướng tịnh.
5. Tu tác ý.

Ngay trong văn Trường hàng bên dưới, thì phân làm ba đoạn:

1. Từ câu "nếu có tự ái" trở xuống cho đến "giải thích bốn Xứ đã xong" trở lại, gọi là Đến mừng hỏi.
2. Từ câu "Chánh niệm như vậy..." trở xuống, thuyết minh Tầm cầu; "khi sắp thỉnh hỏi" trở xuống, thuyết minh thỉnh hỏi pháp dụng.
3. Từ câu "như vậy đã thỉnh rồi thì khéo đạt Du-già" trở xuống, thuyết minh An lập, khi sắp thuyết minh An lập, lại còn thuyết minh sư an lập pháp dụng của đệ tử; "chư Du-già sư" trở xuống, thuyết minh An lập pháp dụng.

Luận ghi: "Như vậy đã hỏi rồi, người kia hoặc nói rằng, kế sau đó lại đối với bốn loại Xứ sở lấy bốn nhân duyên xứng với Chánh tầm cầu, một Nhân duyên thứ nhất tầm cầu bốn Xứ, là đối với người lợi căn; lại khởi ba Nhân duyên sau tầm cầu ba Xứ sở, là đối với người độn căn mà khởi trở lại, làm sao biết được?" trở xuống, phát sinh ba Nhân duyên. "Trong Tầm cầu ba Xứ sở tự sinh khởi", là nguyên nhân luận nghiệm trong Chủng tánh của ba Thừa; "không nói, nghe pháp ba Thừa mà nước mắt rơi như mưa..." trở xuống, đây là căn cứ theo người Quyết định tánh.

Luận: Trong Nghiệm hạnh, nói: "Hoặc người có Tham hạnh, người đó nghe người khác vì mình mà nói ngôn luận xảo diệu, liền phát khởi tối cực Tịnh tín và Ái nhạo...", trong đây có ý nói, do Tham hạnh tham lam giàu vui, nghe nói bảy báu của cõi Phật là chỗ kết thành ngôn luận xảo diệu, liền phát tối cực Tịnh tín... không phải Dục cảnh bên ngoài gọi là Tịnh diệu, vì không thể phát tối cực Tịnh tín, lại riêng lấy Dục hạnh... làm Tín thủ, Tình thủ và Dục thủ.

Luận: Trong giải thích Si, nói: "Như nói độn căn làm rõ Hạnh cũng vậy", tức là người độn căn, vì nói thô pháp, khuyến khích nỗ lực tầm cầu mới có thể hiểu rõ. Người Si hạnh này, nghe các ngôn thuyết về Niết-bàn... biến hoại mà kinh sợ, nói sau khi được tà truyền thọ mà không kinh sợ, cũng như người độn căn, phải cố gắng nỗ lực mới hiểu rõ.

Luận ghi: "Đối với bốn Xứ sở đã lấy bốn Nhân duyên chánh tầm cầu rồi, lại đối với năm Xứ...", từ đây trở xuống thuyết minh năm môn trong An lập. "Hộ dưỡng định..." tức là chỗ trình bày của bài tụng đầu và tụng giữa. "Thế nào là Hộ dưỡng", tức là bài tụng thứ nhất; "Thế nào là Viễn ly", tức là bài tụng thứ hai; "Thế nào là Tâm nhất cảnh tánh", tức là bài tụng thứ ba.

Luận: Trong đây giải thích Vô tội tương ưng với Thích khoái, nói: "Lại nữa, do niệm kia đối với Cảnh sở duyên không có nhiễm ô, rất an ổn trụ Thục đạo thích khoái tương ưng mà chuyển...", trong đây có ý nói, vì có thể trừ nhiễm mà đắc Đạo thành biện cực an ổn, tự thể thích khoái ban cho tương ưng, cho nên gọi là Vô tội.

Luận: Trong loại Tâm trụ thứ chín, nói: "Chưa chắc là tâm trong Định, chỉ cần trụ một duyên thì liền là Định", vì tối sơ thúc liễm tâm... chưa chắc đã đắc Định, cho nên trước đã nói phẩm loại của Xa-ma-tha đó không phải đều là Xa-ma-tha. Như Đối Pháp luận sao mà hiểu.

Luận: Trong giải thích Tịch tĩnh, nói: "Là có các loại Dục, Khuể, Hại.... các Ác tầm tư, Tham dục cái... các Tùy phiền não khiến cho tâm bị nhiễu động", đây là nêu ra có quá hoạn mới sinh chán. Nói "Tham dục cái... các Tùy phiền não", như Đối Pháp quyển 7 nói: "Có phiền não thì đều là Tùy phiền não, chính Căn bản hoặc cũng là Tùy phiền não". Có Tùy phiền não mà không phải Phiền não, là hai mươi loại Đẳng tùy hoặc, chỉ tùy theo pháp khác mà sinh, không phải là Căn bản. Các Tham dục này... có khi tùy theo pháp khác mà khởi cho nên gọi là Tùy phiền não.

Luận: Trong giải thích chín Định cùng với sáu loại Lực tương nhiếp, nói: "Thứ nhất do hai lực nghe và tư duy, niệm niệm nghe, niệm niệm tư duy...", cho đến "Đẳng biến an trụ", trong đây nếu tối sơ do hai lực của Văn và Tư, thì chỉ có Nội trụ thứ nhất, Đẳng trụ thứ hai, An trụ thứ ba và Cận trụ thứ tư. Do lực của Ức niệm, tức là hai lực đầu nhiếp hai chủng. Trong văn giải thích lại nói: "Cập tức là đối với Tương tục phương tiện và Trừng tịnh phương tiện này... bình đẳng an trụ khắp", tức là hầu như gồm lấy An trụ thứ ba. "Trước giải thích An trụ, thuyết

minh Tri cũng là hai lực đầu" trở xuống, An trụ thứ ba và Cận trụ thứ tư đồng với Ức niệm lực", làm thế nào mà thông?

Thuật rằng: Thật ra An trụ thứ ba là hai lực đầu nhiếp.

Trong Ức niệm lực ghi: "An trụ và Cận trụ", trong đây có ý nói, do Ức niệm lực mà An trụ ở trong Cận trụ, không phải ngay hai pháp An trụ và Cận trụ là Ức niệm lực, tức là chỉ có một loại Cận trụ, đó là Ức niệm lực. Lại giải thích, luận ghi: "Ban đầu do hai lực của Văn và Tư duy, tức là Nội trụ, là ban đầu chỉ có một, Nội trụ kiêm gồm Đẳng trụ, là hai Lực đầu, chính An trụ là Ức niệm lực, như dưới đây nói, điều thuận Tịch tĩnh là hai loại Định. Hiện tại nói An trụ và Cận trụ, cũng thuyết minh Tri nhiếp hai loại. Giải thích "không phải An trụ ở trong Cận trụ", nếu như vậy thì tại sao nói "Cập tức là đối với Tương tục phương tiện và Trừng tịnh phương tiện này... bình đẳng an trụ khắp"?

Thuật rằng: Chính An trụ thông với ba lực, nếu quán chưa thành thì hai lực đầu nhiếp, nếu quán hạnh đã thành thì Ức niệm lực nhiếp, vì tối sơ thúc liễm tâm khi bên trong trói buộc, tức là Tương tục phương tiện và Trừng tịnh phương tiện, lại không phải đã đắc An trụ, đây là sơ khởi An trụ quán tâm, sau đó Ức niệm lực an trụ, quán thành mới là Ức niệm lực. Lại nữa, "bình đẳng an trụ khắp", tkl chỉ có Bình đẳng trụ một loại, không phải nắm lấy An trụ, vì bình đẳng khắp đối với các pháp thô động... an mà khắp, không phải nắm lấy An trụ làm hai lực đầu.

Luận ghi: "Ba môn và sáu Sự nhiếp bốn loại Tỳ-bát-xá-na của Tuệ", Tuệ này mỗi mỗi đều thông với ba môn và sáu Sự.

Luận: Trong giải thích Tầm tư lý, giải thích Pháp nhĩ đạo lý, nói: "Thành lập pháp tánh, Nan tư pháp tánh và An trụ pháp tánh...", vì như Sở tác tánh trở lại thành lập âm thanh vô thường, đây là Thành lập pháp tánh; như nghiệp, dược thảo, chú thuật, là Nan tư pháp tánh; tánh sai biệt của Pháp nhĩ chủng tử ba Thừa gọi là An trụ pháp tánh.

Luận: Tại sao siêng tu Bất tịnh? Đây là Tịnh chương thứ tư.

Luận ghi: "Mùi hôi và mùi hen", là vì biến hoại cho nên có mùi hôi gọi là mùi hôi, như phẩn uế...; vừa mới sinh thì liền có mùi hôi gọi là mùi hen, như rau hẹ, tỏi...

Luận ghi: "Là từ cái gáo đựng máu", đây là đầu và thân làm gáo đựng máu, vì có thể thành thục máu.

Luận: Trong giải thích về Thời, nói: "Tướng của Tịnh sắc này đối với đời hiện tại tuy có Tịnh tướng, nhưng đối với đời vị lai thì không nên Bất tịnh như Bất tịnh sắc hiện tại bên ngoài, là không có chuyện đó", trong đây có ý nói, thuyết minh Tịnh sắc hiện tại đối với đời vị lai chắc

chắn sẽ Bất tịnh, đó chính là đã quán bên ngoài có Cảnh bất tịnh, quán Nội thân ghi: “Hoặc đời vị lai tức là Tịnh thì Nội thân hoặc không phải không Tịnh, như một loại Bất tịnh bên ngoài ngay bây giờ, là không có chuyện đó”. Chắc chắn sẽ Bất tịnh, nhưng không nói sẽ Bất tịnh.

Luận: Trong giải thích Tầm tư lý, nói: “Như vậy gọi là y theo Thắng nghĩa của thế tục và lấy nhân duyên quán chờ đạo lý Tầm tư y theo lý”, đây là giải thích về Nội vô ngã là Thắng nghĩa. Lại nữa, nói: “Cho đến đối với xanh, sình... cho đến xương móc dính”, đây là nghĩa thế tục, như ta nay thân này là chỗ nghiệp phiền não đời trước kéo dẫn... là Nhân, do cha mẹ bất tịnh hoà hợp mà sinh... là Duyên. Bây giờ kết luận tùy theo văn cho tiện, không phải nương vào thứ tự mà kết. Lại nữa, nương vào thứ tự mà kết thì Tư có thể căn cứ theo đó mà biết.

Luận: Trong giải thích Chứng thành đạo lý, nói: “Khởi nghĩ như vầy: Tại sao hôm nay khởi ý tư duy pháp Năng đối trị, có thể đối với Năng trị Cảnh sở duyên giới phiền não đang sinh”, trong đây có ý nói, Cảnh bất tịnh bên ngoài gọi là Năng đối trị, vì trị Dục tham, do duyên Sắc bất tịnh bên ngoài mà Năng trị Cảnh sở duyên giới phiền não đang sinh, là lập Lượng rằng: “Khi duyên Bất tịnh thì chắc chắn có thể trị Dục tham, vì duyên Năng trị, như khi duyên Vô tướng thì có thể khiển trừ Hữu tướng”.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 9
(Bản luận 33, 34)

BẢN LUẬN 33

Bài tụng thứ nhất, thuật rõ Nhất trì có bảy môn. Bài tụng thứ hai là Nhất hành, thuyết minh bảy Tác ý trong môn thứ nhất. Thứ nhất thuyết minh bảy môn gồm:

1. Tác ý
2. Ly dục
3. Biện luận rộng các Định
4. Hai Định
5. Năm Thông
6. Sinh sai biệt
7. Các tướng

Sau đây sẽ giải thích riêng. Trong phần Trì thứ tư này lấy bảy Tác ý này làm Thể.

Trong bài tụng thứ hai, nói: "Quán sát nơi các Đế", là Tác ý thứ nhất và thứ hai. "Như thật mà thông đạt", là Viễn ly tác ý, vì có thể đoạn Hoặc. "Phân biệt rộng đối với Tu", là những Tác ý còn lại. "Cứu cánh đặt sau cùng", là quả Tác ý thứ bảy. Quyển 31 trước, trong hai Đẳng, thuyết minh Chướng tịnh thứ tư, hiện tại giải thích Tu tác ý thứ năm, tức là đoạn văn lớn trong quyển 30.

Luận: Trong giải thích Ly dục thứ hai, nói: "Hỏi: Trong đây có mấy loại Bổ-đặc-già-la", tức là đối với Hiện pháp cho đến phát khởi Gia hạnh không phải Xuất thế đạo. Có bốn hạng người, hạng người thứ tư là tất cả Bồ-tát lạc trong đời tương lai chứng đại Bồ-đề, không phải đối với Hiện pháp. Đây là có ý thuyết minh Phật quả tương lai của Bồ-tát không phải là pháp hiện tại, thế gian Đạo tuy có thể Hiện pháp phát khởi Gia hạnh, nhưng ở trong sinh tử mà thành thục chúng sinh, vì đối với Gia hạnh của Thế gian đạo, người này nếu chiêu cảm thì sẽ tiến

đến Phật quả tương lai, tức là Xuất thế đạo phát Gia hạnh, đây là phỏng theo nghĩa trước.

Luận: Trong giải thích bảy Tác ý, Liễu tướng tác ý là có thể hiểu rõ tướng thô của cõi Dục và tướng tịnh của các cõi trên. Trong Tiểu thừa giải thích sáu Hạnh đều cần phải tạo tác, hiện tại Đại thừa thì chỉ có một hạnh thì liền đắc, không cần có đủ sáu Hạnh, Tu tác ý là một loại trong sáu Hạnh.

Luận: Trong giải thích Cộng tướng trong Tướng thứ ba, nói: "Tất cả Dục là Sinh khổ... cho đến cầu bất đắc khổ, không nó Hành khổ thứ tám", trong đây căn cứ theo Cộng tri của thế gian mà nói, căn cứ theo Thế tục cộng tri khổ mà nói, không phỏng theo Thắng nghĩa khổ mà nói, nếu căn cứ theo Thắng nghĩa khổ, thì tất cả Dục và chư Sự đều tuy là có nhưng khó biết cho nên không nói.

Luận: Trong giải thích Thô phẩm của Tầm tư, nói: Giống như xương móc dính với nhau, như thịt đông máu, như lửa của đuốc cỏ, như lửa một cục tro, nghĩa là trong đây nói như xương móc xích với nhau thật đáng ghét, như thịt đông máu là không thật đáng chán, như lửa đuốc cỏ là tắt trong giây lát, như một chút lửa có thể thiêu cháy cả núi sông, một chút ít dục cũng hay đốt cháy hết thiện căn. Lại nói như tro một phần có lửa, một phần không có lửa là đáng nhàm chán, nghĩa này không đúng, vì hai Tác ý trước không nói đoạn Hoặc, Tác ý viễn ly thứ ba có thể đoạn Phiền não.

Luận: Trong giải thích Viễn ly, nói: "Tối sơ đoạn đạo mà sinh".

Hỏi: Khi hai đầu cân thấp ngang thì bằng nhau, tại sao đắc Liễu tướng cõi Sắc tâm, mà còn có Hoặc của cõi Dục chưa trừ?

Thuật rằng: Từ Liễu tướng trở về trước, Văn và Tư của cõi Dục tuy khởi chán Dục, nhưng chưa có thể tùy thuận đoạn Hoặc của cõi dưới, Liễu tướng giải thoát đó có thể thuận Viễn ly đoạn Dục của cõi dưới. Liễu tướng thắng giải tuy không thể đoạn Hoặc, nhưng Hoặc không sinh, như người Sơ quả, tuy chưa lìa Dục mà tu, nhưng đã đắc Vị chí định. Ở đây, Liễu tướng cũng vậy, chưa lìa Hoặc hạ phẩm... mà đắc Liễu tướng, khi Liễu tướng khởi thì tùy hoặc không sinh, cũng như khi thiện tâm sinh thì ác tâm không khởi, không phải do đoạn mà không khởi, vì Viễn ly tác ý đoạn cho nên không khởi, vì hai Tác ý đầu cũng còn chưa đoạn, trong hai vị đầu hoặc là gián tiếp khởi Dục ác.

Luận: Trong giải thích hai Tác ý sau, Gia hạnh cứu cánh tác ý, nói: "Do nhân duyên đó từ cõi Dục trói buộc mà tất cả Phiền não tâm được lìa trói buộc, đây là do phương tiện tạm thời phục đoạn, không

phải rốt ráo vĩnh viễn hại Chủng tử...” cho đến “đó gọi là Gia hạnh cứu cánh tác ý”, trong đây giải thích sáu Hạnh chế phục Hoặc, vì không đắc Vô gián đạo cõi trên cho nên nói “tạm thời phục đoạn”. Phục đoạn này hoặc chế phục tâm trên, hoặc chế phục Chủng tử, cả hai đều cần phải chế phục, làm sao biết được? Trong giải thích hai Tác ý đầu, nói Tác ý thứ hai không bị Văn và Tư xen tạp, Hoặc tuy không sinh vì chưa chế phục tâm trên cho nên chưa gọi là Vô gián đạo, đến Tác ý thứ ba chế phục Chủng tử trên mà sinh hiện hành công năng của quả, mới gọi là Vô gián đạo, đây là Hữu lậu hạnh làm nên. Nếu Vô lậu hạnh thì phải đoạn Chủng tử mới gọi là Vô gián đạo. Tuy tâm trên không sinh nhưng vẫn làm Phương tiện đạo. Hiện tại luận này cũng vậy, chế phục tâm trên làm Phương tiện đạo, chế phục Chủng tử làm Vô gián đạo.

“Tác ý thứ bảy từ vô gián này, do nhân duyên đó mà chứng nhập Sơ tĩnh lự Định căn bản, tức là Sơ tĩnh lự Định căn bản Câu hành tác ý này gọi là Gia hạnh cứu cánh quả tác ý”, ý của luận trong đây là Giải thoát đạo thứ chín ở vào Căn bản tĩnh lự, trước chín Vô gián đạo và tám Giải thoát đạo đều ở trong Cận phần định. Trong đây có hai giải thích:

1. Giải thích ban đầu từ Sơ tĩnh lự, cho đến Đệ tam thiền, có chín Vô gián và chín Giải thoát hoặc trong Cận phần định. Giải thoát thứ chín hoặc ở trong Căn bản định. Hoặc Tứ thiền trở lên là Giải thoát đạo thứ chín, Định trong Căn bản định. Tám Giải thoát và chín Vô gián trước ở trong Cận phần, tại sao vậy? Vì Tam tĩnh lự trở xuống, Căn bản có Hỷ lạc, trong Cận phần địa có Xả. Trong Căn bản địa hoặc Du quán, hoặc đoạn Hoặc, đều không có Xả thọ, vì pháp mờ tối cho nên quyết định không có Hỷ lạc và Minh lợi. Có trong Cận phần của nó, hoặc đoạn Hoặc hoặc Du quán đều có Xả, thì thuyết minh chỉ có Du quán được làm Hỷ lạc, Hỷ lạc không phải khi đoạn Hoặc thì làm ba Tĩnh lự trở xuống. Có hai loại người lợi và độn khởi Vô gián đạo và Giải thoát đạo. Nếu người lợi căn, thì Vô gián đạo thứ chín ở trong Cận phần, tương ưng với Xả, Giải thoát đạo thứ chín ở vào Căn bản định, cùng với Hỷ lạc tương ưng. Nếu người độn căn, thì Vô gián đạo thứ chín ở vào Cận phần tương ưng với Xả, vì tâm độn cho nên không thể nhanh chóng nhập Căn bản định cùng với Hỷ lạc tương ưng. Giải thoát đạo thứ chín của người độn căn thì ở vào Cận phần định, tương ưng với Xả.

2. Hiện tại văn của luận này thì nói: “Tác ý thứ bảy nhập Căn bản định”, tức là phỏng theo người lợi căn, có thể nhanh chóng nhập Căn bản cùng với Lạc... tương ưng. Tác ý thứ bảy này lấy Tam tĩnh lự, nếu ở vào Cận phần thì làm Giải thoát đạo, tức là cùng với Xả thọ tương

ưng, nếu có Căn bản định thì làm Giải thoát đạo, cùng với Lạc... tương ưng. Tĩnh lự thứ tư trở lên, tám Giải thoát đạo và chín Vô gián đạo đều ở trong Cận phần định. Nếu trong Giải thoát đạo thứ chín thì chắc chắn ở trong Căn bản định, không phải ở vào Cận phần, đây là Thắng nghĩa. Lại nữa, giải thích nếu không phân biệt như vậy thì chín Vô gián đạo và tám Giải thoát đạo trước ở trong Cận phần, Giải thoát đạo thứ chín ở trong Căn bản định, bắt đầu từ Sơ tĩnh lự, cho đến Phi tưởng cũng vậy.

Nghĩa trước lấy gì làm chứng? Nếu tổng giải thích trở lại Bất phân biệt thì sáu Tác ý trước là Cận phần, Tác ý thứ bảy là Căn bản, chỉ nói Vô gián đạo xứ và Giải thoát đạo xứ làm chứng. Chưa thấy văn nói cho phân biệt là khéo diệu, nghĩa sau thì lấy văn này làm chứng, các nhà kết hợp văn này, như giải thích người lợi căn và độn căn ở trước, đến sau trong Không xứ sẽ giải thích rộng.

Luận: Trong phần thứ ba giải thích ngược lại Tác ý, nói: "Lại nữa, Liễu tướng tác ý đối với chỗ nên đoạn", cho đến "Thắng giải tác ý là Đoạn hay là Đắc đều là Chánh phát gia hạnh", quyển 28 nói: "Hai Tác ý trước đều là Gia hạnh đạo", luận này thì chỉ lấy giải thoát làm Chánh gia hạnh, căn cứ theo Thắng thượng xứ, Lân cận vô gián đạo xứ, và không vì Gián đoạn xứ của Văn tư mà nói, chỉ nói Thắng giải làm Chánh gia hạnh, quyển 28 trước căn cứ theo thật mà luận thì Liễu đáng lẽ cũng là Gia hạnh.

Lại nữa, giải thích Chánh phát gia hạnh này, chưa chắc lựa riêng với Liễu tướng Phi gia hạnh đạo, vì Lân cận phần của Thắng giải là thù thắng. Nói Định là Chánh phát gia hạnh, lại nói Thắng giải làm Chánh gia hạnh đạo, không ngăn trách Liễu tướng, căn cứ theo thì không trái nhau, như Đối Pháp sao mà hiểu.

Luận ghi: "Quán sát tác ý có thể đối với chỗ được lìa Tăng thượng mạn mà an trụ tại tâm đó", tại sao đoạn thượng phẩm mà nói không lìa Tăng thượng mạn? Lại nữa, không đối với phẩm Đoạn thứ ba, sau đó nói lìa Tăng thượng mà đối với trung phẩm Đoạn nói lìa Tăng thượng mạn, có nghĩa là sáu phẩm Hoặc thô ở trước dễ biết, ba phẩm Hoặc sau vi tế khó biết, đoạn thượng phẩm Hoặc và trung phẩm Hoặc ở trước xong rồi, không biết hạ phẩm Hoặc còn cho nên khởi Tăng thượng mạn, nói chín phẩm đều đã dứt tận là chứng đắc Căn bản định. Hiện tại lìa Mạn này, đối với đoạn trung phẩm Hoặc, sau đó mới nói lìa Tăng thượng mạn, không phải sau thượng phẩm mới nói lìa.

Luận ghi: "Lại nữa, Liễu tướng tác ý, hoặc Thắng giải tác ý tổng gọi là Tùy thuận tác ý chán hoại Đối trị câu hành. Hiện tại trong đây có

ý nói cùng với bốn mươi Tác ý tương nhiếp và bốn Đối trị tương nhiếp, bốn mươi Tác ý như quyển 11 trước giải thích. Tùy thuận tác ý là Tác ý thứ hai mươi lăm trong bốn mươi Tác ý, Tùy thuận tác ý chán hoại Sở duyên, thuận đoạn Phiền não, vì hai Tác ý trước là Tùy thuận. Lại nữa, nếu Viễn ly tác ý và Gia hạnh cứu cánh tác ý gọi là Đối trị tác ý đoạn Đối trị câu hành. Đối trị tác ý làm Tác ý thứ hai mươi sáu. Đối trị tác ý, là do Tác ý này chánh xả các Hoặc, làm hai Vô gián đạo này cho nên thuộc Đối trị tác ý. "Lại nữa, Nhiếp lạc tác ý gọi là Đối trị tác ý và Thuận thanh tịnh tác ý", Thuận thanh tịnh tác ý là thứ hai mươi bảy. Thuận thanh tịnh tác ý là tu sáu Tùy niệm, tức là niệm Phật... Nếu Nhiếp lạc tác ý đoạn trung phẩm Hoặc, gọi là Đối trị tác ý để thuyết minh duyên Biệt lạc của sáu Niệm tu, quán Niết-bàn thanh tịnh, Phật... cũng gọi là Biệt duyên của Thanh tịnh, những loại này không thuyết minh cùng một chỗ với Viễn ly... Lại nữa, các Viễn ly... ở trước, không nhiếp Thuận thanh tịnh tác ý, vì hai Tác ý này đồng nhiếp.

Hỏi: Tại sao trong đây không nhiếp bốn Đối trị?

Đáp: Vì có nghĩa là Ảnh hiển. Đây là nói đoạn Hoặc, căn cứ theo Viễn ly... nên biết đó là Đối trị.

Hỏi: Nếu như thế tại sao không nói là Câu hành?

Đáp: Vì có nghĩa Đối trị là Tuệ, Tác ý là Ý.

Văn trước nhiếp Đối trị, Ý và Tuệ đồng hành cho nên gọi là Câu hành. Hiện tại trong luận này chỉ thuyết minh Tác ý, không thuyết minh Đối trị, vì không có Tuệ cho nên không nói Câu hành. "Lại nữa, nếu Quán sát tác ý gọi là Thuận quán sát tác ý", là đang làm Tác ý thứ hai mươi tám. "Thuận quán sát tác ý", là quán sát các Phiền não đã đoạn và chưa đoạn, hoặc quán chỗ chứng đạo lý của các pháp trước hết, sự mong ngóng phía trước này, cũng là mong Viễn phần trì đối trị... hiện tại lược bỏ không nói. Mong Viễn ly trước là Tấn đạo kia cho nên gọi là Viễn phần đối trị. hiện tại luận này lấy sau Nhiếp lạc để thuyết minh, không nói Đối trị nhiếp nhau, vì trước đã không tương nhiếp, như Đối Pháp sao rộng giải thích.

Luận ghi: "Có thể chính là bốn loại Tác ý khác phải nên biết nhiếp nhập trong sáu Tác ý là Tùy thuận tác ý", có nghĩa là bốn Tác ý ngoài bảy Tác ý cho nên nói là "Tác ý khác", bốn Tác ý đó đều là bốn Tác ý trong bốn mươi Tác ý, bây giờ nhiếp vào sáu thứ trong sáu Tác ý, cho nên nói nhiếp vào sáu Tác ý.

Hỏi: Tại sao trong đây không thuyết minh Tác ý thứ bảy tương nhiếp...?

Đáp: Tác ý thứ bảy là quả, bốn Tác ý này và sáu Tác ý trước đều là nhân, nhân thì có thể nhiếp nhau, vì không phải quả cho nên không nhiếp Tác ý thứ bảy. Trong đây lấy bảy nhiếp bốn mươi, nhưng chỉ nhiếp có bốn Tác ý. Trong văn của cuối quyển 11 thì lấy bốn mươi nhiếp bảy, tức là trong bảy Tác ý có bốn mươi Tác ý nhiếp hết nghĩa. Hiện tại luận này lấy bảy nhiếp bốn mươi, không phải lấy bốn mươi nhiếp bảy, cho nên không hết và không nhiếp. Có sự bất đồng, hãy xem xét.

Luận: Trong giải thích Sơ tĩnh lự là Thô, nói: "Thô ý ngôn tánh, gọi đó là Tầm", có hai giải thích:

1. Danh ngôn tự nói tên của pháp, thì Thể là Thô ý; tâm có thể tư duy các pháp, tương tợ với Danh ngôn, cho nên nói là Ý ngôn tánh. Lại nữa, Ngôn thuyết danh là Ngôn danh, Tư duy danh thì Ý gọi là Tầm, đó là Tư duy danh, cho nên gọi là Ý ngôn. Tầm tứ của Tiểu thừa cùng với Căn bản tương ưng.

2. Có người cho rằng: "Hiện tại Đại thừa thì không phải vậy, Tầm tứ chỉ ở tại Phương tiện", là không đúng. Ngoài ra các kinh luận khác lại cho rằng: "Trong Định không có Tầm tứ, không có Tầm tứ phát ngữ ngôn là không phải không có Tầm tứ vi tế, lại cũng lựa riêng với Vô sắc ở trước. Năm chi là Căn bản Tĩnh lự lập chi.

Luận: Trong giải thích Xứ của Tầm tứ nhiếp, "Ngoại xứ nhiếp", là Pháp xứ.

Luận ghi: "Nếu Trụ tăng thượng", là Địa cõi dưới trụ nơi Khổ tăng thượng.

Luận: Trong kinh giải thích đắc Ly sinh hỷ lạc, "nói Ly, là đã đắc Gia hạnh cứu cánh tác ý; nói Sinh, là chỗ sinh Vô gián do Ly này làm nhân, do Ly này làm duyên; nói Hỷ lạc, là đã đắc nghĩa chỗ mong cầu", đây là căn cứ theo lợi căn, Giải thoát đạo thứ chín, là người nhập Căn bản tĩnh lự, cho nên nói là Sinh hỷ lạc. Nếu là người độn căn, thì Giải thoát đạo thứ chín đã ở vào Cận phần định rồi sau đó mới có thể nhập Căn bản địa mà sinh Hỷ lạc.

Luận ghi: "Cho đến bảy ngày bảy đêm có thể chánh an trụ", là thuyết minh nhập Định có thể đến bảy ngày bảy đêm mà an trụ. "Tại sao không nói nhiều thời, mà chỉ nói bảy ngày..."? Vì Đoạn thực trong cõi Dục kia trải qua bảy ngày, nếu hơn bảy ngày khi xuất Định rồi thì thân liền hoại, cho nên không được trải qua nhiều thời. Lại nữa, phỏng theo thời gian như thế mà bây giờ mới nhập Diệt định, thì không mất nhiều năm tháng, nếu quá bảy ngày mà xuất Định rồi thì thân đó liền hoại, nếu nội trong bảy ngày mà xuất Định, thì thân đó không hoại, hiện

tại luận này phỏng theo thời không hoại mà luận, cho nên chỉ nói bảy ngày.

Hỏi: Quá bảy ngày mà đã nhập Diệt định, nếu như thế thì khi xuất Định đáng lẽ phải chết?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì nhiều thời nhập Định thì Định lực trì giữ, cho nên không chết, bây giờ cũng xuất Định, tức là nhập Hữu tâm định, cho nên cũng không chết.

Hỏi: Cũng xuất Diệt định, thì Diệt định không trì giữ thân, như vậy hoại hay là không hoại?

Đáp: Hoại.

Luận: Trong giải thích Tĩnh lự thứ hai, nói: "Chỗ nói Định là đã đắc Gia hạnh cứu cánh tác ý", Tĩnh lự này cùng với Sơ tĩnh lự khác nhau, Tĩnh lự gọi là Ly sinh, Tĩnh lự này gọi là Định sinh; Tĩnh lự kia đắc Sơ ly cõi Dục trói buộc gọi là Ly sinh, Tĩnh lự này theo chỗ đắc Định của Tĩnh lự trước cho nên gọi là Định sinh.

Luận: Trong giải thích Tĩnh lự thứ ba, nói: "Tĩnh lự thứ ba trở xuống không có Lạc và Vô gián xả như vậy", là Tĩnh lự thứ ba trở xuống có Thể của Lạc là Hỷ, thích khoái thân tâm là Lạc. Hiện tại trong Tĩnh lự thứ ba, chỉ thích khoái tâm cũng gọi là Lạc, vì Lạc cùng cực, cho nên nói cõi dưới không có Lạc đó. Trong Nội hạnh của Địa dưới tuy có Xả, nhưng không hiển riêng tên, Lại nữa, vì Hữu gián, không phải Vô gián xả cho nên nói không có; không phải Hữu gián xả, cũng không có tên là Vô xả.

Luận: Trong giải thích Tĩnh lự thứ tư, nói: "Lại nữa, trong đây đối trị chủng loại và thế lực tương tợ cho nên lược bỏ không tuyên thuyết Lạc đoạn đối trị, chỉ nói Đối trị sở tác lạc đoạn", trong đây Xả niệm chánh tri gọi là Năng đối trị, Lạc của Đệ tam thiền gọi là Sở đối trị, trong kinh chỉ nói: "Lạc sở đoạn, không nói Năng đoạn xả niệm chánh tri", là lấy Đệ tam thiền để thuyết minh Năng đối trị pháp của Xả niệm... cùng với Đối trị pháp của Tứ thiền này tương tợ, cho nên nói Chủng loại đều là Năng đoạn Hoặc, hai Xứ tương tợ cho nên thế lực tương tợ, lược bỏ không nói. Điều này trong giải thích kinh không thuyết minh lý do Năng trị của Đệ tứ thiền.

Luận ghi: "Do ngay tại Lạc này luôn luôn tu tập cho nên liền có thể buông bỏ Tĩnh lự thứ ba, khiến cho không ra khỏi Tĩnh lự thứ ba, Thắng lạc trong Địa của Tĩnh lự thứ ba gọi là do Lạc đoạn", trong đây là Tĩnh lự thứ ba trói buộc Lạc, trói buộc hành giả, khiến cho không ra khỏi Tĩnh lự thứ ba, không thể đắc Định thứ tư kia, hiện tại luôn luôn tu

tập Xả niệm... mà có thể buông bỏ Định lạc này.

Luận ghi: “Do nhân duyên đó, hoặc Sở đoạn trước, hoặc Sở đoạn hiện tại tổng tập hợp nói Lạc đoạn, Khổ đoạn thì trước hết Ưu và Hỷ đều mất”, Lạc đoạn gọi là hiện tại Đoạn, các Thọ căn khác gọi là Sở đoạn trước kia. Cho nên trong “che lấp và đối trị trong hạ phẩm trung phẩm” ghi: “Cho đến khi nhập Sơ tĩnh lự thì Ưu thọ mới mất”. Trong đây như quyển 11 trước ghi: “Tại sao Khổ căn trong Sơ tĩnh lự nói là chưa đoạn? Vì phẩm thô trọng kia chưa đoạn”. Nếu thân tại cõi dưới thì có thể như thế, thì duyên gì sinh tại Sơ tĩnh lự? Là Khổ căn chưa đoạn mà không hiện hành, do Trợ bạn của nó tương đối với chỗ nhiếp của Ưu căn, vì các Khổ kia đã đoạn, chỉ có các Khổ kia chưa đoạn. Nếu trong Sơ thiền Khổ căn đã đoạn, đó là hành giả nhập Sơ thiền và Nhị thiền, thì Sở tác vị sai biệt của Thọ đáng lẽ không có, do Sơ và Nhị thiền cả hai đều có Hỷ và Lạc, cho nên đáng lẽ không có sai biệt, chỉ vì thô trọng mà chưa đoạn. Nói có sai biệt, nhưng trong kinh nói do xuất ly các Thọ và Định có sai biệt.

Hỏi: Chỉ vì Tầm tứ có đoạn và không đoạn, lẽ nào không được sai biệt, tại sao cần phải đoạn Khổ căn mới nói sai biệt?

Đáp: Có nghĩa là Tầm tứ mong Hỷ lạc, không phải chướng nhau, không nên vì đoạn Tầm tứ mới nói sai biệt, chính vì Hỷ của Sơ thiền có Khổ căn, chưa nói lợi thù thắng vì Hỷ của Đệ nhị thiền đã đoạn Khổ, Hỷ đó là Tịnh thắng. Nếu vì có hoặc không có Tầm tứ mà nói sai biệt, thì các pháp hữu vô có vô lượng bất đồng, thì Thiền đó có sai biệt gì! Bây giờ chất vấn ngược lại: Lạc thọ và Hỷ thọ đáng lẽ không có sai biệt, vì Khổ căn đồng với Hỷ lạc... thì Thọ đó chướng nhau; nếu không lấy đoạn Khổ căn làm sai biệt của Sơ thiền và Nhị thiền, thì Hỷ lạc thọ... của Sơ thiền và Nhị thiền đáng lẽ không có sai biệt, vì trước Sơ thiền đã đoạn Khổ. Đây là đoạn thô trọng, Chủng tử của nó không nói đoạn, La-hán do đó mà có.

Luận: Trong giải thích Không vô biên xứ, nói: “Chỗ có Sai biệt tưởng chuyển trong chủng chủng Tụ kia, là các dụng cụ ẩm, thực, bình, y, thuỳ trang nghiêm, cho đến sơn lâm... Tưởng do đó tất cả đều không có Tác ý chuyển...”, đây là căn cứ theo thân tại cõi Dục, khi nương vào Hư không xứ mà khiển trừ Sắc tưởng, thì đối với Sắc cảnh của cõi Dục cũng khiển trừ, cho nên nói vườn nhà... không phải bản thân sinh cõi Sắc. Vì muốn nhập hư không mà có tưởng này.

Luận ghi: “Phải biết trong đây là nương vào Cận phần định và Vị chí định mà nhập Căn bản định cõi trên chỉ có duyên hư không, nếu đắc

Căn bản thì duyên hư không cũng đắc chỗ có các Uẩn của Tự địa”.

Thuật rằng: Đệ tứ thiền trở lên, Giải thoát đạo thứ chín và Tác ý thứ bảy của nó chỉ ở trong Căn bản định, ban đầu đắc Giải thoát đạo, trong khoảng thời gian một sát-na này chỉ duyên với Tự địa của các Uẩn, sát-na tâm thứ hai thì được duyên với Uẩn của Địa trên và Địa dưới, đây là phỏng theo sát-na tối sơ Giải thoát đạo mà nói, thì cũng duyên với các Uẩn của Tự địa, nếu chín Vô gián đạo trước trong Cận phần định, vì chỉ duyên Địa dưới mà sinh nhàm chán, cho nên cũng duyên tất cả các Uẩn của Địa dưới. Tám Giải thoát đạo trước cũng duyên với các uẩn của địa trên đại dưới nay đứng về Vô gián đạo mà nói cũng duyên với các Uẩn của Địa dưới. Chỉ không ngăn trách Cận phần định và Căn bản định, chỉ duyên các Uẩn của Địa trên, Địa dưới và Tự địa, là đối với Cận phần định và tám Giải thoát đạo, không luận bàn chín Vô gián đạo. Nói rằng duyên các Uẩn của cõi dưới, là đối với Căn bản định nói một sát-na đầu tiên, ẩn lập sát-na thứ hai để bỏ. Nói rằng cũng duyên Uẩn của Tự địa, trong văn luận không nói “chỉ duyên Tự địa uẩn...” mà nói “cũng duyên”, đây là Vô gián đạo và Giải thoát đạo. Như trước giải thích trong Sơ thiền, nếu cùng với Hiển Dương và Đối Pháp quyển 2 trái nhau, như luận đó có sư Thái giải thích.

Luận: Trong giải thích Hữu đảnh có ba đoạn:

1. Chánh thuyết minh Dục thú và Định cõi trên, chán Vô sở hữu xứ mà bỏ Tưởng. Tức là bắt đầu từ câu “lại nữa” cho đến “liền có thể buông bỏ Vô sở hữu xứ tưởng” trở lại, là giải thích thứ hai tên của Phi tưởng Phi phi tưởng, ngay trong đó có hai phần: một là giải thích Phi hữu tưởng, hai là giải thích Phi vô tưởng. Bắt đầu từ câu “do nhân duyên đó trước khi nhập Vô sở hữu xứ định” trở xuống, đến câu “hoặc là Hữu sở hữu tưởng, hoặc là Vô sở hữu tưởng” trở lại, là thuyết minh Phi hữu tưởng; “Thức xứ” trở xuống, là Hữu sở hữu tưởng; Vô sở hữu xứ là Vô sở hữu tưởng, do đó nói Phi hữu tưởng, tức là Phi hữu sở hữu tưởng và Vô sở hữu tưởng. Hiện tại trong Hữu đảnh, không phải có hai Tưởng trên, trong Phi hữu tưởng có hai Phi hữu tưởng.

2. Trong Phi vô tưởng này cũng không phải có hai Vô tưởng, cho nên ngay trong đoạn lớn thứ hai, phần thứ hai thì thuyết minh Phi vô tưởng. Vô tưởng có hai loại: một là Vô tưởng định, hai là Diệt tận định. Hai Định tâm này đều là Diệt tận. Hữu đảnh này thì không phải như vậy, cho nên nói là Phi vô tưởng, tức là không phải hai Vô tưởng định, vì trong Hữu đảnh đó có Tưởng vi tế.

3. Thuyết minh Thời của Hữu đảnh, vượt qua Vô sở hữu xứ... của

cõi dưới và Cận phần định của Tự địa, rồi mới nhập Căn bản, tức là từ câu “đối với Xứ này khi khởi Thắng giải” trở xuống.

Luận: Trong giải thích hai Vô tâm định, nói “như vậy Hữu học đã lìa Vô sở hữu Tham...”, đây là căn cứ theo đoạn Hoặc được chứng, như Đối Pháp quyển 9 Sao hội. Tịch tĩnh trụ... như Sao hội kia giải thích. Văn của các luận khác thì nói: “Chỉ có cõi Dục mới bắt đầu khởi Diệt định”, đây là phỏng theo duyên giáo, nếu khi mới học thì chắc chắn phải nương vào cõi Dục, sau khi mới khởi cõi Sắc thì cũng đắc Định này. Như người Quả thứ ba, trước kia khi chưa đắc Định này, khi sinh cõi Sắc rồi mới đắc Định này, tức là đắc chỗ mới khởi Định, nhưng do trước kia đối với cõi Dục ban đầu đã duyên nghe giáo này, sau đó đối với cõi Sắc mới sinh.

Luận: Trong giải thích Ngũ thông, Tử sinh trí thông là Thiên nhãn tương ưng Tuệ đó, vì duyên hiện tại và các sự sau khi chết, cũng gọi là Tử sinh thông, dùng Nhãn thức mà quán.

Luận ghi: “Đố-la-miên”, là con tằm và cái kén gọi là Đố-la-miên.

Luận: Trong giải thích mười hai Tưởng, năm Tưởng trước là tu Thần cảnh thông pháp, bốn Tưởng còn lại là thứ tự tu mỗi mỗi Thông pháp. Trong năm pháp tu Thần cảnh thông pháp, pháp thứ tư là Thân tâm phủ tu, tức là thân và tâm đều có thể biến hoá, nếu Biến tức là thân nghiệp, nếu Hóa tức là tâm biến hoá.

Luận: Trong phần thứ năm giải thích Thắng giải tưởng, nói: “Viễn tác cận giải”, là thúc dài thành ngắn; “Cận tác viễn giải” là kéo ngắn khiến cho dài; “Thô tế tương giải”, là biến hóa hình chất; “Địa thuỷ tương tác”, là biến hóa bốn Đại. Trong đây chỉ nói hai thứ biến hóa Sắc thanh, không luận đến các Trần khác, như Phật Địa luận rộng giải thích.

Luận ghi: Đối với Phạm Thế và một phần Tạo sắc của bốn đại chủng tự tại hồi chuyển nghĩa là một phần Tạo sắc là hai loại Sắc thanh, cho nên gọi là một phần, vì không hồi chuyển Xúc và năm căn... chỉ có ngoại cảnh cho nên nói “một phần”. Lại nữa, tùy theo chỗ biến của Định, chỉ có hai thứ ngược nhau, một phần không thể chuyển biến tất cả Phạm Thế cho nên nói “một phần”.

Luận: Trong giải thích tu pháp Thiên nhĩ thông, nói: “Hoặc là Quảng trường xứ”, một là nơi chợ búa mua bán, một là nơi trẻ con vui đùa, gọi là Quảng trường xứ. Lại nữa, vì xứ rộng dài và lớn, cho nên chúng cũng vô lượng, có ý lấy chúng nhiều. “Sơ thiền thiên gọi là

Phạm”, Phạm nghĩa là Tịnh, vì mới lìa cõi Dục cho nên được tên Tịnh. “Đệ nhị thiền gọi là Quang”, vì mới lìa Tầm tứ cho nên được tên Quang. “Đệ tam thiền được tên Tịnh”, vì đắc Thắng lạc cho nên Thắng lạc gọi là Tịnh. “Đệ tứ thiền phàm Thánh ở chung ba cõi Trời”, thứ nhất được tên Vô vân, ngoài ra tùy theo phước tăng thêm mà được tên, có năm tên là Na-hàm thiên.

Luận: Trong giải thích cõi Vô sắc, nói: “Trong Tùy hạnh thiên chúng đồng phận”, là trong cõi Sắc không có thọ Biệt báo xứ. Tùy hạnh ba phẩm tức là thọ Báo xứ này, cho nên nói Tùy hạnh thiên.

Luận ghi: “Nhưng trụ Sở tác có sai biệt của nó”, là trụ nghiệp Sở tác của ba phẩm có sai biệt.

BẢN LUẬN 34

Luận ghi: "Giải thích Đế mỗi mỗi đã có bốn Hạnh, như vậy gọi là Liễu tướng tác ý", trong đây lấy bảy Tác ý, lập ra Hữu học Vô học đến nay. Liễu tướng thắng giải ở trước Kiến đạo, tức là Liễu tướng ở tại Ngũ đình tâm, là Niệm xứ của tổng tướng và biệt tướng, văn dưới thì Thắng giải ở tại bốn Thiện căn, từ Viễn ly trở đi thì ở tại Kiến đạo trở lên, Viễn ly thì ở tại mười sáu tâm của Kiến đạo trở lại. Quán sát thì tại Tu đạo và Kim cương trở về trước, chỗ có quán sát hoặc là đã đoạn hoặc là chưa đoạn, chỗ có tu tập là Quán sát tác ý. Từ Kim cương trở lại, cho đến đoạn các Hoặc tám phẩm của Phi tưởng, đều gọi là Nhiếp lạc, tức là những chỗ có Vô gián đạo trong Tu đạo đều như vậy. Gia hạnh cứu cánh ở tại Kim cương tâm, Quả của Cứu cánh ở tại Vô học, hiện tại vì muốn thuyết minh Kiến đạo trước cho nên nói "như vậy gọi là Liễu tướng tác ý". Điều này như trong giải thích các Vị dưới đây, thứ tự mà luận và tự mình giải thích, xem xét nó thì liền biết.

Luận ghi: "Trải qua bảy ngày rộng nói", tức là kiếp kinh, lấy đó để nói các sự trong bảy ngày, gọi là kinh Thất Nhật.

Luận: Trong giải thích Nhân duyên có tám loại Biến dị, "thứ bảy là chỗ dao động và khô ráo của Phong", là gió lớn thổi quạt làm cho áo ướt, đất ướt, cày cấy, gặt hái, lùm rừng... khô ráo. "Phơi cho cây khô", là có áo ướt, đất ướt, cày cấy gặt hái... bị gió lớn thổi quét làm cho khô cây. "Phơi", như thế gian nói: "Đây là làm cho khô ráo mà phơi nó".

Luận: Trong giải thích mười lăm loại Sở tác biến dị, thứ tám là Hàn nhiệt biến dị, nói: "khô ráo" là nóng, nhưng khi nói năng thì nói là khô, như thế gian nói: "Khô là do ướt biến hoá.

Luận ghi: "Là do Xúc đối thuận với Lạc thọ mà Xúc, khi lãnh thọ Lạc xúc duyên Lạc sở sinh, thì tự nó có thể phân biệt rõ Phần vị của Lạc thọ", hiện tại đưa ra Lạc và Xúc, chưa nêu ra Khổ... cho nên nói "là do Xúc đối thuận với Lạc thọ mà Xúc", tức là lược các thọ như Khổ... "Khi lãnh thọ Lạc xúc duyên Lạc sở sinh", Lạc xúc mà duyên tức là Cảnh, chính là Lạc thọ năng sinh, ý này muốn nói lãnh thọ thuận với Lạc mà tiếp xúc Cảnh. "Lạc sở sinh", là có thể tự nó biết rõ, tức là Phần vị của Lạc thọ.

Luận: Trong giải thích ngọn mười sáu loại Biến dị tánh, nói: "Sáu loại trước là Sở nhiếp thọ sự, mười loại sau là Thân tư cụ sự. Sáu loại là Sở nhiếp thọ sự:

1. Địa sự.

2. Viên sự.
3. Sơn sự.
4. Thủy sự.
5. Tác nghiệp sự.
6. Khố tàng sự.

- Mười loại là Thân tư cụ sự:

1. Ẩm sự.
2. Thực sự.
3. Thừa sự.
4. Y sự.
5. Nghiêm cụ sự.
6. Vũ ca nhạc sự.
7. Hương man sự.
8. Tư cụ sự.
9. Minh ám sự.
10. Nam nữ sự.

Nếu dựa vào chỗ trình bày tên ở trước, thì Ẩm thực mỗi mỗi là một sự, trong giải thích này thì Ẩm thực hợp làm một, cho nên hợp làm một loại.

Luận ghi: Từ câu "tức là do như vậy Hiện kiến tăng thượng tác ý lực, cho nên đã quán sát Biến dị vô thường tánh rồi", đoạn văn này kết các ý trước, cho đến "phải chánh suy tỷ độ lượng" trở lại, là thuyết minh các Sắc... các sự Đại diệt hoại dễ biết, sát-na sinh diệt thì khó biết, vì rất vi tế. Bây giờ đem Dục ra để phân tích, trước hết là luận mở đầu: Tại sao từ câu "suy tỷ độ lượng" trở xuống, cho đến câu "do đó các Hành nhất định phải có sát-na sinh diệt" trở lại, là thuyết minh do có Tiểu vi tế sinh diệt mà có Đại biến dị sinh diệt? Không phải thấy Tiểu sinh diệt... mà biết có nghĩa Đại sinh diệt... "Từ các chúng duyên kia hoà hợp mà có" trở xuống, đến "đã sinh rồi thì không chờ nhân duyên diệt hoại, tự nhiên diệt hoại" trở lại, là thuyết minh giải thích chế phục vấn nạn, nói: "Diệt có nhân duyên", là chế phục vấn nạn ghi: "Không biết sinh diệt đều đã có nhân duyên phải không"? Hiện tại nói chung rằng: "Pháp này do nhiều nhân duyên hoà hợp cho nên có sinh, sinh tức là có nhân duyên, không chờ nhân duyên mà tự diệt hoại, tức là Diệt pháp không có nhân duyên".

Luận: Từ câu "như vậy chỗ có nhân duyên biến dị có thể khiến cho các Hành" trở xuống, đến "không phải tất cả thứ đó hoàn toàn không sinh khởi" trở lại, là thuyết minh giải thích chế phục vấn nạn.

Chế phục vấn nạn ghi: "Như mặt trời nướng các lá xanh khiến cho vàng, các lá xanh này lẽ nào không do mặt trời làm cho màu xanh không hiện! Tức là mặt trời làm Hoại duyên của màu xanh". Luận này giải thích rằng: "Mặt trời có thể biến xanh thành vàng, như vậy tại sao ông nói mặt trời làm Nhân duyên biến dị"? Mặt trời này tức là nhân duyên sinh màu vàng sau, không phải là nhân duyên hoại màu xanh trước. Tại sao vậy? Vì người đời do thấy màu xanh diệt trước rồi, mới hiện thấy màu vàng sinh sau, màu vàng này cùng với màu xanh không giống nhau, có thể được màu vàng này sinh là có, cho nên biết mặt trời cùng với sự sinh màu vàng làm Duyên, không phải màu xanh diệt làm Duyên. Nếu mặt trời nướng lá xanh đã hoại rồi mà màu vàng sau đó không sinh, thì có thể mặt trời cùng với màu xanh diệt mất và làm Duyên diệt, có Duyên sinh thì màu vàng sau đó liền có Duyên". Thuyết minh mặt trời cùng với màu vàng sinh sau làm duyên, không phải màu xanh hoại làm duyên, không phải tất cả những duyên đó khiến cho bất khả đắc. Nếu màu xanh đã diệt rồi mà tất cả pháp sau đó hoàn toàn bất khả đắc, thì tức là mặt trời cùng với màu xanh hoại làm duyên, đều liền trái ngược lại giải thích.

Luận ghi: "Hoặc có các Hành đã diệt hoại rồi", cho đến câu "ngoài ra các Ảnh khác hoàn toàn cũng bất khả đắc" trở lại, đây là người ngoài vấn nạn, nếu diệt này đã có các pháp khác sinh, thì có thể giải thích như trước, nếu pháp này đã diệt rồi mà không có pháp khác sinh, thì sẽ như thế thế nào? Như đun nước, cuối cùng không có nước; khi hoả thiêu thế gian, cuối cùng không có lục địa bị tận; hoả đun thuỷ, thuỷ bị hoả đun, tức là hoả cùng với thuỷ bị đun tận làm duyên... cho nên biết Diệt pháp phải có nhân duyên.

Luận ghi: Từ câu "các pháp kia sau đó dần dần triển chuyển", cho đến "khởi các sự như vậy" trở lại, là luận chủ giải thích, luận này thì giải thích rằng: "Điều này đồng với hoả đun thuỷ ở trước, chỉ cùng với các sinh pháp sau làm duyên, cuối cùng khi không có thuỷ thì không do hoả mà hiện tại không có thuỷ, hiện tại không có thuỷ thì thế lực tự nó không có, khiến cho hoả đối với sinh pháp sau không có duyên, cho nên Diệt pháp này cũng không có duyên".

Bây giờ trợ vấn nạn rằng: "Mặt trời cùng với màu vàng kia sinh làm duyên, cũng cùng với màu xanh trước diệt làm duyên, lẽ nào không được?

Đáp: Không đúng, nếu một nhân duyên có thể sinh diệt, thì sinh diệt trái nhau, do đó duyên trái nhau thì làm sao là một! Lại nữa, nếu

Diệt pháp có nhân duyên, thì nhân duyên có thể có pháp, chỗ có đó tức là Diệt, Diệt là nhân duyên có nhân duyên, tức là Năng sinh, thì đó là sinh sinh của nhân duyên, đâu có quan hệ gì với sinh diệt! Cho nên biết Diệt pháp tùy ý mà diệt.

Luận: Trong vấn nạn Tự tại làm Nhân, nói: "Nếu chỉ có Dụng tự tại kia làm Duyên, thì đó là các Hành cùng với Tự tại kia đều đáng lẽ là Bản hữu, thì có chốc lát nào để sinh"? Vấn nạn này có ý nói, Tự tại kia là Bản hữu, cũng có khi tự tại, tức là có các Hành, các Hành đã cùng với Tự tại đồng thời, cho nên biết các Hành cũng là Bản hữu. Nếu là Bản hữu, tức là thường trụ, thì không nên gọi là Hành, vì Hành trong nghĩa đó không phải là Bản hữu.

Người kia đã thấy vấn nạn đó rồi liền lập luận rằng: "Tự tại tự nó là Bản hữu, các Hành ở sau mới sinh", do đó kế tiếp luận rằng: "Nếu nói trước có Tự tại...".

Luận chủ thấy sự chuyển tông này, liền đuổi theo vấn nạn rằng: "Nếu Hành tự tại sau đó mới sinh, thì đó là các Hành, không phải chỉ có Tự tại sinh", vì trở lại Dụng biệt duyên, cho nên luận tiếp: "Là riêng các Hành, không phải chỉ có Tự tại làm duyên sinh khởi...". Nếu Dụng tự tại làm duyên, thì Tự tại có khi có các Hành, tức là đều phải là Bản hữu, nếu sau đó các Hành mới sinh, thì đó là do sự cầu nguyện, sau đó các Hành mới phát; nếu các Hành dùng Dục cầu nguyện làm Nhân, thì tại sao chỉ có Tự tại làm Nhân! Cho nên tiếp theo luận rằng: "Nếu nói Tự tại tùy theo công dụng Sở dục của nó để kỳ nguyện... là đã phóng túng lấy Dục làm Nhân". Trở lại luận cần phải trình bày chỗ phá, cho nên tiếp theo luận rằng: "Nếu như thế thì Dục này là Hữu nhân hay sao..."? Giả sử Dục là Hữu nhân, tức là Dụng tự tại làm Nhân, vì Tự tại là Bản hữu, thì Dục cũng đáng lẽ là Bản hữu, khi có Tự tại thì liền có Dục, như phá các Hành ở trước, cho nên tiếp theo luận rằng: "Nếu nói có Nhân như, tức là Dụng tự tại... nếu Dụng tự tại của Dục làm Nhân, sau khi đã phá rồi trở lại có Nhân khác, không phải Dụng tự tại làm Nhân". Nếu như thế thì Dục riêng có Nhân, như các Hành ở trước dùng Dục công dụng cầu nguyện làm Nhân, hiện tại nói lại dùng Dục công dụng cầu nguyện làm Nhân, là lìa ngoài Tự tại riêng có pháp khác làm Nhân, đó là các Hành riêng có Nhân sinh ra, thì đâu cần vọng chấp không có Dụng tự tại! Cho nên tiếp theo luận rằng: "Nếu nói Dục này lại có Nhân khác...".

Luận ghi: "Như vậy tóm lược do ba loại sức Tăng thượng tác ý", cho đến "sức Tỷ độ tác ý", như quyển trước ban đầu dẫn kinh nói tánh

Vô thường khiến cho sinh Tịnh tín, tức là Tịnh tín Tác ý sức tăng thượng trong đây. Như trước nói tám loại Nhân duyên, mười lăm loại và mười sáu loại Biến dị... đều là Hiện kiến, tức là hiện Tác thứ hai ý sức tăng thượng trong đây. Như kế trước Tỷ độ diệt đều là sát-na sinh diệt trong Nhân duyên... có thể là Tỷ độ tác ý sức Tăng thượng trong đây, đều là ba loại Tác ý trong đây.

Luận ghi: "Đối với chỗ trình bày ở trước, có thể tùy thuận tu Vô thường năm hạnh rồi, phân tích Biến dị và Diệt hoại hai hạnh, tại sao lại do Biệt ly hạnh mà quán tánh Vô thường"? Quyển thứ nhất nói: "Do mười loại Hạnh mà ngộ nhập Khổ đế, dưới Khổ trong bốn Hạnh, trong năm loại Hạnh trước, ngộ nhập Vô thường". Trong năm Hạnh này, Hạnh thứ nhất là Biến dị hạnh, tức là chỗ thuyết minh tám Nhân duyên ở trước, là mười lăm loại và mười sáu loại Biến dị... Hạnh thứ hai là Diệt hoại Hạnh, tức là chỗ thuyết minh Tỷ độ ở trước, có sát-na sinh diệt... là Diệt hạnh. Đã phân tích hai Hạnh, hiện tại Hạnh thứ ba tại sao lại do Biệt ly hạnh mà quán tánh Vô thường?

Luận: Trong giải thích Nội biệt ly hạnh, nói: Từ câu "Trước kia làm chủ người khác, không phải nô lệ không phải người bị sai sử, có thể tự thọ dụng..." cho đến "các pháp kia sau khi Thoái thất Chủ tánh, không phải Nô tánh và Sứ tánh mà chuyển đắc Tha nô và Sở sứ tánh...", đây là có ý nói, như một người trước kia khi làm chủ thì không phải làm nô, không phải làm sứ, sau khi bị chuyển mất tánh chủ, không phải nô tánh sứ tánh, mà chuyển đắc Tha nô tánh và Sở sứ tánh, tự tại mà làm, như đổi lại làm quan nhân...

Luận: Trong giải thích Pháp tánh hạnh mà quán tánh Vô thường, nói: "Tức là chỗ có Biến dị và Vô thường...", trong đây có ý nói, như Lạc thọ hiện tại, đang khi thọ Lạc, chưa Biến dị vô thường, vì trước Biến dị... có ba Hạnh vô thường, cho nên quán Lạc thọ này đang hiện tại tuy chưa có Pháp tánh vô thường, nhưng đối với đời tương lai thì chắc chắn phải coi đây là ba loại Vô thường, như vậy thông đạt, như vậy Lạc thọ đối với đời đương lai nhất định là Vô thường, đời hiện tại tuy chưa có Pháp tánh Vô thường, nhưng tương lai sẽ vô thường.

Luận ghi: "Hợp hội vô thường", tức là lấy ba loại Vô thường trước mà quán pháp hiện tại, cùng với ba loại Vô thường này hoà hợp, gọi là Hợp hội vô thường, tức là Thọ lạc trước, đối với đời hiện tại lưu nhập vào ba loại Vô thường.

Luận ghi: "Như vậy gọi là chứng thành đạo lý và Tu tăng thượng, cho nên đối với Vô thường tánh đã đắc quyết định...", chứng thành đạo

lý có ba loại:

1. Thánh ngôn lượng chứng thành. Tức là quyển thứ nhất nói: "Trình bày mười Hạnh, sau đó mười y theo như vậy chứng thành đạo lý, có thể chánh quán sát". Trong đây còn y theo lý Chí giáo lượng, như Thế Tôn nói: "Cho đến đã lược giải nội ngoại hai Vô thường rồi", đến "như vậy lại còn nương vào lý Chí giáo lượng mà tu quán hạnh, là sức Tác ý tăng thượng tịnh tín ..." trở lại, là Chí giáo lượng. Trong Chí giáo lượng thuyết minh hai sự nội ngoại, có mười sáu loại, mười lăm loại và tám loại nhân duyên... là Hiện lượng thứ hai.

2. Tức là chỉ giải thích mười sáu loại mà thôi, văn dưới ghi: "Tức là do sức Tác ý tăng thượng hiện kiến mà đã quán sát tánh Biến dị vô thường, các Hạnh kia..." trở xuống, thuyết minh Tỷ lượng chứng thành.

3. "Ba loại này là Chứng thành đạo lý trong đây, và Tu tăng thượng", tức là giải thích đạo lý của Chí giáo lượng... Tiếp theo văn dưới nói: "Là sức Tác ý tăng thượng tịnh tín, hoặc do sức Tác ý tăng thượng hiện kiến, hoặc do sức Tác ý tỷ độ như vậy...", câu "và Tu tăng thượng" trong đây, là luận kia giải thích Chí giáo lượng... sau đây mỗi mỗi đều riêng quán các Lượng này, Tác ý tức là Tu tăng thượng.

Luận ghi: "Từ đây liên tục tiến vào Khổ hạnh, khởi tư duy như vầy: Các Hành đều là Vô thường...", cho đến "như vậy còn do Bất khả ái hạnh tiến nhập Khổ hạnh...", căn cứ theo văn dưới nói: "Đối với người có thể tùy thuận Khổ thọ các Hành và trong Khổ thọ do Bất khả ái hạnh mà tiến vào Khổ khổ, tức là lấy Hạnh này tiến vào Khổ khổ trong ba Khổ. Trong Bất khả ái này nhiếp bảy Khổ trước, bảy Khổ đều là Khổ khổ. Nếu căn cứ theo Đối Pháp và các văn của luận khác, thì trong bảy Khổ, năm Khổ trước là Khổ khổ, hai Khổ kế đó là Hoại khổ, cùng với văn của luận này trái nhau". Lại giải thích rằng: "Bảy Khổ trước đều là Bất khả ái hạnh, trong bảy Bất khả ái, năm Khổ trước là Khổ khổ, hiện tại lấy Bất khả ái hạnh, Kết phược hạnh và Bất an ẩn hạnh, ba hạnh này cùng với Khổ dựa theo nhau mà nhiếp. Tức là dựa theo nhau mà nhiếp, trong Bất khả ái tuy có Hoại khổ, nhưng đều là Khổ khổ môn nhiếp, vì ít từ nhiều, cho nên hai Khổ kia đều là Khổ khổ, lại cũng vì đây là thuận sinh Khổ thọ... Tuy bảy Khổ đều là Khổ khổ, tại sao vậy? Vì thuyết minh thứ hai kế tiếp là trong Kết phược hạnh, do Kết phược hạnh tiến vào Hoại khổ, tức là đối với Tham ái... làm Kết phược xứ, sinh Tham ái... chiêu cảm sinh lão bệnh tử... thuần đại Khổ uẩn, tức là bảy Khổ thuận sinh Lạc thọ là Hoại khổ, cho nên biết thuận

sinh Khổ thọ là Khổ khổ, lấy sự thuận sinh Phi khổ lạc thọ mà sinh Xả thọ là Hành khổ, kết xuống cõi dưới để tiến vào ba Khổ". Văn của luận trước sau không đồng, vì đây là lấy tánh tướng tâm tùy theo nghĩa thuận tiện mà giải thích. Lại nữa, Nhiếp nghĩa môn khác nhau, luận đó phải phỏng theo ba Khổ nhiếp tám Khổ, cho nên biết năm Khổ trước đều là Khổ khổ, luận này thì lấy ba Hạnh nhiếp tám Khổ, Bất khả ái hạnh là nhiếp bảy Khổ trước. Hiện tại lấy ba Khổ nhiếp ba Hạnh, cho nên thuộc Khổ khổ, Bất khả ái hạnh là Khổ khổ, không lấy Khổ khổ nhiếp Bất khả ái hạnh, chỗ nhiếp bảy Khổ là Khổ khổ, cho nên không trái nhau. Nhiếp Nghĩa môn khác nhau, dưới đó thuyết minh Không, Vô ngã hai hạnh thì đâu có khác gì! Không là Không đối với Thể, Vô ngã là Vô đối với Dụng, tức là chấp có Thể gọi là Hữu, lấy Không để khiển trừ nó, chấp có Dụng gọi là Ngã, lấy Vô ngã để khiển trừ nó.

Luận: Trong giải thích Tập đế, có ba câu "lại nữa":

1. Trong câu "lại nữa" thứ nhất, giải thích do tập khởi Duyên, nói: "Biết rõ Ái có thể dẫn Khổ cho nên nói tên là Nhân". Lại như hiện tại gặp một cảnh Thuận thọ lạc, trong đó khởi Ái, phải biết là do huân tập Ái... mà thành Chủng tử, sự thành chủng này lại khiến cho tương lai sinh Chủng tử trong đó tăng trưởng, Ái vọng này và sinh Chủng tử này có thể dẫn sinh cho nên gọi là Nhân, đã dẫn Khổ rồi lại có thể chiêu cảm Tập, khiến cho Khổ đó sinh cho nên gọi là Tập, tức là Ái trước có thể thấm nhuận Hành chi... mà thành Hữu. Tập có thể sinh quả tương lai, Ái này có thể tập hợp các nghĩa khác cho nên gọi là Tập, đã dẫn sinh Khổ rồi lại khiến cho Khổ kia khởi, cho nên gọi là Khởi, tức là Ái đã huân tập Khổ chủng rồi có thể khiến cho Khổ chủng sinh sinh các Khổ hiện hành, Ái có thể khiến cho các Sinh chủng khởi hiện hành, cho nên gọi là Khởi. Lại nữa, đối với tương lai các Chủng tử khổ có thể nhiếp thọ, do đó mà thứ tự chiêu cảm dẫn các Khổ và Tập, cho nên gọi là Duyên, tức là Ái đã đối với Khổ chủng tương lai có thể nhiếp thọ và huân tập tăng trưởng, có thể khiến cho vị lai sinh các Khổ, thứ tự sinh khởi, các Khổ và Tập sinh, gọi là Duyên. Đây là câu "lại nữa" thứ nhất, có chút ít đồng với Đối Pháp quyển 6, hãy xem nó. Lại nữa, phỏng theo nghĩa Nhân của nó tổng biệt bất đồng, các Ái có thể Ái vị lai gọi là dẫn Khổ, là tổng; còn lại ba loại Ái là biệt. Đã dẫn Khổ rồi, do Ái có thể khiến cho Quả năm đường ba cõi hiện tiền, quả vị lai tập hợp, gọi là Tập; đã dẫn Tập năm đường rồi, Ái có thể tùy theo khiến cho một nhân nẻo sinh hiện tiền, gọi là Sinh; đã một nhân nẻo... sinh hiện tiền rồi, Ái có thể khiến cho trong nhân thân này sinh các Vị, thứ tự sinh hiện tiền gọi là

Duyên, ba loại này thứ tự sinh riêng, xét quyển 6 thì đồng luận này.

2. Trong câu "lại nữa" thứ hai có nói, ngay nơi Ái chi mong Thủ chi làm Nhân; Ái chi mong Hữu chi làm Tập, vì hay tập hợp các nghiệp, ngay Ái chi khiến cho Sinh chi hiện tiền gọi là Khởi, ngay Ái chi có thể xa dẫn Lão tử chi hiện tiền gọi là Duyên.

3. Trong câu "lại nữa" thứ ba có ý giải thích rằng, biết rõ các Hoặc chủng phụ thuộc và Sở y bản thức, biết Ái, Tùy miên... là Hậu hữu sinh nhân của đời đương lai, gọi là Nhân, tức là biết nghĩa của Chủng tử ái có thể sinh quả đương lai gọi là Tri. Nhân theo một loại Chủng tử này, sau đó có ba loại hiện hành gọi là Ái, Ái lại chiêu cảm Hậu hữu tập cho nên gọi là Tập; Hậu hữu ái này làm Duyên lại có thể phát khởi đối với cảnh hiện tại, khởi Hỷ, Tham, Câu hành ái gọi là Khởi, tức là lấy Câu hành ái này làm Duyên, đối với Cảnh vị lai khởi các Hỷ lạc thọ kia gọi là Duyên, trong đây trong bốn loại Ái, không nói hiện tại Ái ái nhiễm tự thân. Lại nữa, bốn Ái này, Ái thứ nhất riêng gọi là Ái, Ái này là Tổng ái, tướng trạng khó biết, hiện tại lấy tên Chủng tử mà nói, thật ra thông với hiện hành, văn của luận tuy nói là Tổng phiền não, Ý nắm lấy đối với Ái, vì Ái này có thể dẫn sinh quả vị lai. Còn lại là ba Ái mà nói, đây là Hậu hữu ái, lại có thể phát khởi Ái, Hỷ, Tham và Câu hành ái. Hỷ, Tham, Câu hành ái, là duyên hiện cảnh mà khởi, đều do ba Ái này duyên tự thể Ái của vị lai, vì thân là vị lai chưa có cho nên đối với cảnh hiện tại cũng có thể sinh Ái, cho nên gọi là Câu hành ái, do Hậu hữu ái làm Nhân. Lại nữa, vì hiện tại cùng với diệu cảnh tương ưng khởi Ái, cho nên đối với diệu cảnh vị lai cũng khởi các thứ Hỷ ái kia, các thứ Hỷ ái kia cũng do Câu hành ái làm Duyên.

Luận: Trong giải thích bốn Hạnh của Diệt đế, Tập đế không còn thừa gọi là Diệt, Khổ đế không còn thừa gọi là Tịnh, ngay hai loại đầu là Tối thắng vô thượng bậc nhất gọi là Diệu, ngay hai loại trước là Thường trụ xuất ly gọi là Ly.

Luận: Trong giải thích bốn Hạnh của Đạo đế, đối với Sở tri diệt cảnh có thể khởi làm Đạo lộ thông với nghĩa tìm cầu, gọi là Đạo lộ, vì Đạo lộ có thể thông với pháp sở tìm cầu, Sở tìm cầu đã thông với hư vọng và chân thật, chỗ thông với tìm cầu này là Chân thật không phải hư vọng gọi là Như, vì lựa riêng với hư vọng, không chỉ đối với Diệt đế chân thật tìm cầu, mà cũng đối với bốn Đế môn có thể biết như thật, đều có thể tùy chuyển gọi là Hành, vì trải qua bốn Đế. Hành trải qua bốn Đế thì Dục làm sao có thể ra khỏi sinh tử? Nghĩa xưa nay có thể tiến đến Niết-bàn cho nên gọi là Xuất, vì xuất khỏi các trần lao.

Luận ghi: "Kia đã như vậy, đối tự bên trong đó đã hiện thấy các Uẩn nương vào các Đế lý vô đảo Tầm tư chánh quán sát rồi..." cho đến "đều có thể đoạn Cứu cánh xuất ly...", trong đây có ý nói, lấy bốn lý Đế quán sát cõi này, chỗ thấy các Uẩn đã có vô thường... rồi, đối với tha phương không đồng phân giới thì không hiện thấy các Uẩn, thì có thể lấy lý mà tỷ độ quán sát, là tất cả Hữu vi hữu lậu của tha phương giới, khắp các nơi trong ba cõi, đối với tất cả các Uẩn chủng, đối với tất cả thời của ba đời đều có Tập như vậy, có thể sinh quả pháp. Khổ khó biết hợp chung với pháp Khổ đế sinh lão... đều tùy lý vô thường của Khổ như vậy. Tập đế của các pháp nghiệp phiền não... đều do Tập sinh duyên tánh. Nếu những Hành này có Diệt pháp, thì Tịch diệt an lạc là Diệt đế. Tất cả Đạo kia thì có thể đoạn các Hoặc, rốt ráo xuất ly sinh tử, là Đạo đế, là ý của đoạn văn này. Người quán hạnh do đây mới hiện thấy giống tha phương giới, không hiện thấy Uẩn...

Luận ghi: "Tức là Pháp trí năng sinh là Chủng tử y xứ của Loại trí", trong đây có ý nói, do Ngũ đình tâm và tổng biệt Niệm xứ làm Hạnh của bốn Đế này, tức là Chủng tử y xứ của Hậu vô lậu Loại trí. Một là Hữu lậu làm duyên có thể dẫn Vô lậu, cho nên gọi là Chủng tử y xứ, tức là nghĩa mới huân tập. Hai là khi quán sát Ngũ đình tâm cũng có thể tăng thêm Vô thuỷ vô lậu chủng, Chủng tử này ở vào Ngũ đình vị, cũng gọi là Liễu tướng tác ý vị nhiếp, có thể phân tích Thể sinh Sơ kiến đạo Pháp loại trí, gọi là Chủng tử y xứ của Pháp loại trí chủng.

Luận: Trong giải thích Thắng tác ý, nói: "Như vậy Tác ý chỉ duyên Đế cảnh xưa nay ở tại Định", là nương vào Tác ý này mà muốn đoạn Ngã mạn xứ, văn dưới ghi: "Thô phẩm Ngã mạn chuyển gián đoạn và không gián đoạn", là Thắng giải tác ý này, do bị Ngã mạn chuyển gián đoạn và không gián đoạn, tại sao nói xưa nay ở trong Định, lẽ nào không trái nhau? Có nghĩa là, trước thuyết minh Liễu tướng tác ý, khi một thiện tâm duyên một cảnh, thì do làm Văn tư xen tạp đồng duyên, hiện tại khi Thắng giải khởi, thì xưa nay là Thiện, khi duyên một cảnh không bị Văn tư xen tạp thì xưa nay ở trước Định. Vì lựa riêng với Liễu tướng kia cho nên nói "xưa nay". Căn cứ theo câu "đa thời tại thiện tâm nhất quán, không phải không có xuất Quán khởi Ngã mạn, và Thoái sinh các Hoặc khác..." trở xuống, là muốn thuyết minh chế phục Ngã mạn, luận về thật đắc Ngã mạn, cho nên nói Hữu và Vô gián chuyển, vì hiện tại lấy Thắng giải lựa riêng với Liễu tướng. Căn cứ theo thời gian dài tại Quán, không giống như Liễu tướng bị Văn tư gián đoạn, mà không được trường thời nhập quán, cho nên nói "xưa nay", cũng không

trái nhau.

Luận: Trong giải thích không có Biên tế, nói: "Là sinh tử lưu chuyển như vậy, các pháp vô biên...", một đoạn này có ý thuyết minh bốn Đế vô biên, văn nói Tư thì căn cứ theo đó mà biết.

Luận ghi: "Kia đã biết rõ Ngã mạn như vậy là chướng ngại, liền có thể nhanh chóng dùng Tuệ thông đạt buông bỏ, mặc tình tùy chuyển Tác ý chế phục tất cả Cảnh sở tri bên ngoài, để tiến vào Tác ý...", đây là Tùy chuyển tác ý, tức là Ngã mạn ở trước, vì là Nội ngã tùy theo pháp có thể nhập, gọi là Tùy nhập tác ý, Thú nhập tác ý, tức là đối với sinh tử từng lưu chuyển đã lâu rồi, và đang lưu chuyển sau đó cho đến Vô tướng Chân như, Vô tướng đó duyên ngoại cảnh mà sinh gọi là Thú nhập tác ý. Hành giả kia tùy theo Tác ý này mà chuyên tinh vô gián mà quán sát các Đế, tâm quán sát này đã đến lúc diệt mất, thì sau đó lại sinh vô gián, Quán sát phương tiện thì còn, tâm quán sát trước thì mất, sau đó tâm quán sát sinh khởi, lấy tâm sau duyên tâm trước, tinh chuyên không thay đổi, vì nghĩa cho nên Thô phẩm ngã mạn không được sinh, là ý văn trong đây.

Luận ghi: "Như vậy siêng tu Du-già hạnh, là quán tâm tương tục triển chuyển riêng khác luôn luôn đổi mới mà sinh, hoặc tăng hoặc giảm...", nói Hạnh, là khi khởi quán hạnh, niệm niệm tăng thắng gọi là "hoặc tăng", nếu không tăng thắng thì gọi là "hoặc giảm", tạm thời có phát sinh khinh suất, trước sau đã có tăng giảm và biến dị, biết rõ Vô thường, tức là quán tâm này đã nhập Thủ uẩn, biết rõ là Khổ, không có như thật kế chấp chân thật là pháp, chỉ là Khổ pháp gọi là Không tánh. Quán tâm là Khổ, là thật có chỗ chấp pháp là Khổ, quán lìa pháp thứ hai cho nên không có thật, Vọng chấp thứ hai thật pháp đều gọi là Không, không có Tự tại dụng gọi là Vô ngã hạnh, là ý trong đây, tức là duyên Đạo đế làm Vô thường... vì phỏng theo Tợ quán tâm là Đạo đế, hoặc căn cứ theo Thật quán tâm là Khổ đế, vì Hữu lậu. Đây là phỏng theo nghĩa Thuận xuất thế. Lại nữa, trong vị này vì có nghĩa Vô lậu cho nên gọi là Đạo đế. Nếu đối với nghĩa này cũng duyên Đạo đế làm Vô thường... thì đây là đối với thật nghĩa cho nên là Khổ đế. Như Đối Pháp sao quyển 9 mà hiểu, Tân Huân Pháp Nhĩ quyển 2, có giải thích văn này.

Luận: Trong giải thích Thế đệ nhất pháp, nói: "tâm đó tợ diệt, là không phải thật diệt", là Vô phân biệt Trí tịch tĩnh vi tế, gọi đó là Diệt, đây là thử tương tợ bỉ, không phải thật Bỉ trí cho nên gọi là tợ diệt. Lại nữa, Vô phân biệt trí diệt thì quán Phân biệt tâm gọi là Diệt, đây là thử

tợ bỉ, gọi là Tợ diệt. Lại nữa, Diệt định gọi là Diệt, vì khiến cho tâm vi tế, vì tương tợ Diệt định kia cho nên gọi là tợ diệt, Tợ vô sở duyên mà không phải Vô duyên, Vô phân biệt trí không có Ảnh tượng sở duyên, Vô tướng trạng này tương tợ đối với Vô phân biệt trí kia mà có Ảnh tượng, cho nên nói Tợ vô sở duyên. Lại nữa, vì trí này có cảnh hiện tiền, cho nên không phải Vô sở duyên, vì tâm vi tế tương tợ Vô duyên, mà không phải Vô duyên. Lại nữa, Vô phân biệt trí lìa Hữu phân biệt, xa lìa các Tướng, xa lìa các Hoặc, đây là thử tợ bỉ, cho nên nói tuy tợ viễn ly nhưng không phải thật viễn ly.

Luận: Trong giải thích Kiến đạo, nói: “Từ Vô gián này đối với chỗ quán các lý Thánh đế ở trước mà khởi Tác ý bên trong, Tác ý vô gián tùy theo chỗ Thánh đế thứ tự ở trước, hoặc là Hiện kiến, hoặc không phải Hiện kiến trong các Thánh đế, như thứ tự của nó mà có Vô phân biệt Quyết định trí, Hiện kiến trí sinh khởi”, từ Thế đệ nhất pháp vô gián ở trước, từ chỗ quán các lý Thánh đế của Thế đệ nhất pháp ở trước, đây là tại Chân kiến đạo môn mà khởi Tác y bên trong, Chân kiến đạo Tác ý vô gián này, ở trước tướng Kiến đạo, thì tùy theo chỗ quán các Thánh đế của Thế đệ nhất pháp thời ở trước, hoặc hai Hiện kiến này ở chỗ tha phương thì không đồng phân giới... cho nên không hiện thấy. Trong các Thánh đế, như thứ tự của Khổ Tập... có quyết định của Vô lậu và Vô phân biệt, không do pháp khác dẫn Tự tại nghi trí hiện tiền, vì Hiện lượng chứng trí sinh không phải như trước Kiến đạo, tức là Hữu phân biệt nghi, có thể suy tỷ độ lượng mà sinh, là ý trong văn này. Lại nữa, “từ Thế đệ nhất pháp vô gián gọi là từ Vô gián này”, ý này muốn giải thích Chân kiến đạo khó biết, vượt qua nói tướng Kiến đạo, lại giải thích chỗ từ Vô gián xứ, tức là Thế đệ nhất pháp, chỗ này lại trở thành chỗ quán trước, là chỗ quán các lý Thánh đế ở khởi Tác ý bên trong, tức là Thế đệ nhất pháp thời, đây là Tác ý vô gián, tùy theo chỗ quán Thánh đế thứ tự ở trước. Trong tướng Kiến đạo, hoặc Hiện kiến hoặc không Hiện kiến, mà Quyết định trí và Hiện kiến trí sinh, cũng là ý trong đây.

Luận ghi: “Đây là vĩnh viễn đoạn, nếu trước đã lìa Tham của cõi Dục, thì người đó trong lúc này đã nhập Đại địa hiện quán, đã đắc quả Bất hoàn, người đó cùng với tướng của người Ly dục nói ở trước phải biết là không khác...”, cho đến “không sinh trở lại thế gian này”, trong đây căn cứ theo Dụng của Thế gian đạo mà chế phục lìa Dục của cõi Dục, hiện tại khi nhập Kiến đạo, trở thành quả Bất hoàn, tức là siêu vượt người Bất hoàn. Hiện tại lại căn cứ theo Bất hoàn của cõi Dục mà

không luận, cho đến người trước kia lìa Vô sở hữu xứ, điều này rộng tranh cãi với Đối Pháp sao quyển 13 mà hiểu. Quyển trước chưa nói thế gian lìa Dục là tướng, là uy nghi tịch tĩnh, ngôn thuyết đôn tú, không có thô tháo... đây là thử cùng với bỉ tương tợ, cho nên nói "phải biết là không khác...". Lại nữa, tuy tương tợ nhưng ít có sai biệt, là người Bất hoàn không sinh lại cõi Dục, tức là ở nơi đó mà nhập Niết-bàn, người thế gian Ly dục thì không như vậy, cho nên có sai biệt.

Luận ghi: "Do Trí năng tri cùng với Cảnh sở tri hoà hợp không trái nhau hiện tiền quán sát cho nên gọi là Hiện quán...", cho đến "Bà-la-môn... phải biết cũng vậy", là khi nhập Kiến đạo chứng Chân như thì Cảnh như vô tướng, Trí đó cũng vô tướng, cả hai Vô tướng hoà hợp, Năng duyên Sở duyên và Vô tướng trái nhau, hiện tiền quán sát cho nên gọi là Hiện quán, giải thích Hiện quán gọi là Nghĩa, như một Sát-đế-lợi cùng với Sát-đế-lợi hoà hợp một chỗ không có chống trái cạnh tranh, vì Chủng tánh đồng nhau mà làm một loại, cũng gọi là Hiện quán. Bà-la-môn... phải biết cũng vậy, Kiến đạo, Vô tướng, Năng duyên, Sở duyên hợp chung, vì Vô tướng không trái nhau cho nên gọi là Hiện quán.

Luận ghi: "Điều này cũng là đạt được rất nhiều tướng trạng, là chứng như vậy Đế hiện quán cho nên đạt được bốn Trí", cho đến "cõi dưới thành tựu đầy đủ rất nhiều tướng trạng" trở lại, là thuyết minh Kiến đạo, có mười hai loại tướng trạng. "Là chứng như vậy Đế hiện quán", hai câu này thông với mười hai Xứ bên dưới. "Đạt được bốn Trí", là đối với tất cả hoặc Hành hoặc Trụ trong các Tác ý... cho đến Như huyễn sự trí. Đây là thứ nhất thuyết minh khi nhập Kiến đạo thì đắc bốn Trí. Bốn Trí là:

1. Duy pháp trí, là khi tại phàm phu, vọng chấp Thật ngã, khiến cho nhập Kiến đạo khiển trừ Thật ngã, chỉ có đối với pháp cho nên gọi là Duy pháp trí.

2. Khi còn phàm phu vọng chấp Đoạn thường, bây giờ nhập Kiến đạo lìa chấp Đoạn thường, tức là đắc Phi thật Phi thường trí. Đây là căn cứ theo Phân biệt Đoạn kiến, không luận Tu đạo kiến.

3. Khi còn phàm phu vọng khởi Tà kiến, Kiến thủ, Giới thủ, bây giờ nhập Kiến đạo, vì khéo suy tâm, quán thấy các pháp.

4. Trí này do Như huyễn sự, không có như chỗ kế chấp của ba Kiến kia, tức là tướng trạng thứ nhất.

Luận ghi: "Nếu Hành cảnh giới do mất chánh niệm" trở xuống đến "nhanh chóng khiển trừ" trở lại, là thuyết minh thứ hai khi mất chánh niệm cũng nhanh chóng có thể lìa.

Luận ghi: "Lại nữa, có thể rốt ráo không đoạ nẻo ác", đây là thuyết minh thứ ba không sinh nẻo ác, nẻo ác cũng đắc Đối trị đạo...

Luận ghi: "Cuối cùng không tư duy trái vượt sở học", cho đến "Bàng sinh cũng không hại mạng", đây là thuyết minh thứ tư không phạm giới, siêu vượt tội lỗi của mười Ác.

Luận ghi: "Cuối cùng không Thoái chuyển buông bỏ sở học", đây là thuyết minh thứ năm đắc Quyết định trí, cho nên trong sở học chắc chắn không Thoái chuyển buông bỏ sở học.

Luận ghi: "Không trở lại tạo năm nghiệp Vô gián", đây là thuyết minh thứ sáu không tạo Ác nghiệp.

Luận ghi: "Định biết Khổ lạc không phải Sở tác của tự mình", cho đến "Vô nhân mà sinh, ngộ các pháp từ Duyên sinh, trong khiển trừ Nhân tự tạo tác vọng kế chấp...", đây là thuyết minh thứ bảy.

Luận ghi: "Cuối cùng không có tâm thỉnh ngoại đạo làm thầy, cũng không đối với ngoại đạo kia khởi Phước điền tưởng", đây là thuyết minh thứ tám đối với chỗ Tam bảo khởi Quyết định tín, không tin tà sư.

Luận ghi: "Đối với Sa-môn khác và Bà-la-môn...", cho đến "trong các pháp đắc Vô sở uý" trở lại, đây là thuyết minh thứ chín không đối với Sa-môn, Bà-la-môn... tin chỗ nói của những người đó, không xem nhìn cái miệng của họ. Nếu có nhan sắc, đối với họ xuất gia thọ học, điều này cũng không đúng. Chỉ lấy Pháp trí, thấy Pháp loại trí đắc pháp, đối với lời dạy của đại sư, sinh Quyết định tín, đắc Vô sở uý trong các pháp, điều này trong Nhẫn thứ chín giải thích rộng, Đối Pháp quyển 9 cũng có giải thích.

Luận ghi: "Cuối cùng không vọng chấp điềm kiết tường của thế gian cho là thanh tịnh", đây là thuyết minh thứ mười không vọng chấp, chỉ biết có Phật là Thanh tịnh. "Điềm kiết tường của thế gian", là người đời vọng chấp tướng điềm lành này, như khi muốn hành thì thấy tịnh thuỷ hương hoa, thì thời tu hành đó có tướng điềm lành! Lại nữa, vọng chấp kiết tường, là tùy theo thấy các pháp điềm lành này mà gọi là Kiết tường, ở đây thì không như vậy.

Luận ghi: "Cuối cùng không thọ Hữu sinh thứ tám", đây là thuyết minh thứ mười một chỉ có bảy đời...

Luận ghi: "Thành tựu đầy đủ bốn loại Chứng tịnh", đây là thuyết minh thứ mười hai chứng đắc bốn Bất hoại tịnh. Đây là mười hai loại đắc tướng của tướng Kiến đạo.

Trong giải thích Quả thứ hai cùng với Quả thứ nhất có chút ít sai

biệt, nói: "Hoặc Hành cảnh giới...", cho đến "nhanh chóng khiển trừ, cùng với người Sơ quả và Quả thứ hai khác nhau. Lại nữa, chỉ có một lần sinh trở lại thế gian này", đây là cùng với người Sơ quả pháp thứ mười một khác nhau. Hợp chung Sơ quả và Quả thứ hai có hai tướng sai biệt.

Luận: Trong giải thích Tu, có một loại pháp do Tu mà đắc, tức là Đắc tu; do tu mà tập, tức là Tập tu. Hai pháp này như Đối Pháp sao quyển 9 giải thích.

Luận ghi: "Nếu trước đã đắc Vị chí khiến cho hiện tiền, chỉ do tu tập chủng loại pháp kia, phải khiến cho hiện tiền, khiến cho chuyển thanh tịnh sạch mới sinh khởi, gọi là Tu mà tịnh", đây tức là Pháp trí thời. Loại trí Chủng tử của nó cũng thành tựu, gọi là "trước đã đắc". Do đắc tu tập Trí chủng tử thời của pháp kia, tức là Tư chủng loại trí chủng pháp đến Loại trí thời, Chủng tử này có thể sinh Loại trí, khiến cho chuyển thanh tịnh tươi sạch sinh khởi, gọi là Tu mà tịnh, tức là Pháp trí thời, tu Chủng tử của Loại trí khiến cho thanh tịnh, trở lại sinh Loại trí. Lại nữa, như trước Kiến đạo, huân tập tăng trưởng Vô lậu chủng, nhập Kiến đạo mà sinh Pháp trí... cũng là Chủng tử thành tựu, là do Tu, gọi là đắc Hiện hành thành thục, gọi là do Tu mà tập; Tự tại thành thục gọi là do Tu mà tịnh, là ba thứ Thành tựu. Nếu đã sinh Hoặc mà có thể đoạn, gọi là do Tu mà khiển trừ; các Hoặc chưa sinh mà có thể khiến cho không sinh, biết rõ như Bệnh... gọi là do Tu mà tri.

Luận: Trong giải thích Vô gián đạo có thể đoạn, "không nói Gia hạnh đạo", là Đối Pháp thuyết minh Kim cương dụ định. "Gồm lấy Gia hạnh đạo", là không phải chân thật nghĩa. Nếu đoạn Chủng tử thì chỉ có Vô gián đạo, nếu chế phục Chủng tử, thì Gia hạnh đạo cũng có nghĩa này. Luận kia phỏng theo nghĩa chế phục Chủng tử, Kim cương dụ định cũng lấy Gia hạnh đạo. Luận này căn cứ theo đoạn Chủng tử mà vấn nạn, chỉ có Vô gián đạo.

Luận ghi: "Thắng tấn đạo Tu là do đây, cho nên từ đó về sau..." đây là căn cứ theo "chưa khởi về sau" trở xuống, "Phiền não đối trị Gia hạnh" trở lại, các chỗ có Tiệm quán tu tập mà phát tâm... là Đối trị đạo và Thắng tấn đạo trở về trước. "Lại nữa, đắc Sơ quả" trở lại, là tiến đến cầu Sơ quả và Quả thứ hai. "Chưa tiến nhập Cứu cánh vị" trở lại, là chỗ phát tâm các Hành... là Thắng tấn đạo ở trước.

Hỏi: Khởi phẩm sau như Hạnh, tại sao không phải là Thắng tấn đạo ở trước?

Đáp: Có nghĩa là Biệt tác pháp hiện tại, Hậu Gia hạnh thù thắng

hơn Hậu phẩm cho nên tùy theo nghĩa này mà không lấy, thật ra cũng chính là nghĩa đó. "Lại nữa, đã đoạn phẩm thứ tám Hoặc của Phi tưởng" trở lại, là chưa đoạn phẩm thứ chín, thành Cứu cánh vị chỗ các Đạo, là Sơ phẩm của cõi Dục, làm Thắng tấn đạo của Đối trị đạo. Lại nữa, là đoạn cõi Dục hoặc, là Thắng tấn đạo của người ở Quả thứ ba. Nếu đến Phi tưởng vô gián đạo thứ chín thì cũng là Thắng tấn đạo. Hoặc Giải thoát đạo thứ chín lại không gọi là Thắng tấn đạo, vì đắc Quả giải thoát là Giải thoát tăng thắng gọi là Giải thoát đạo. Hiện tại trong đây đều được nghĩa không phải Cụ tác pháp, nếu là Cụ tác pháp thì như Đối Pháp luận sao quyển 9 mà hiểu.

Luận: Trong giải thích Thánh trụ, nói: "Không, Vô nguyện, Vô tướng, Diệt định", trong các luận chỉ có ba giải thoát môn là Thánh trụ, luận này thì lấy Diệt định, vì Vô tướng, tức là Đa trụ cũng ở trước Hữu trụ, các luận khác phỏng theo ba giải thoát mà tác pháp, luận này thì thông với thật mà làm luận không trái nhau. Lại nữa, tụ hội các điều Chánh mà làm Thánh, có thể chứng chánh pháp của Thánh gọi là Thánh trụ, tức là chỉ có ba giải thoát môn. Nếu trong Thánh nhân mà thành tựu gọi là Thánh trụ, thì Diệt định cũng vậy, còn lại Tứ thánh... không lìa Đạo đế. Hữu tâm hội chánh (hiểu rõ chân chánh) có nghĩa là Thánh, luận này là Diệt định vô tâm không có nghĩa Hội chánh, là chỗ các luận khác không có, luận này căn cứ theo thành thục mà có. Trong Thiên trụ, các luận chỉ có bốn Tĩnh lự, "hiện tại luận này thông với Vô sắc", là lấy nghĩa Định tuệ bình đẳng. "Riêng nêu tên của chư Thiên", là chỉ nói Tứ thiền, tức là các luận, như Đối Pháp quyển 11 nói. "Hoặc Hữu có nghĩa Vô lậu, thì trở lại Hữu cũng gọi là Thiên", Vô sắc cũng vậy, trong đây thông với Vô sắc không trái nhau. "Lại nữa, phỏng theo Hữu quang tịnh gọi là Thiên, thì Vô sắc cũng có Định quang tịnh, cho nên gọi là Thiên, tức cũng là Thiên trụ. Như văn này thật ra là tác pháp, văn kia thì phỏng theo một nghĩa.

Luận ghi: "Lại nữa, trong lúc đó là Chí cực cứu cánh...", từ đây trở xuống có ba mươi hai pháp, là Thắng đức của La-hán:

1. Chí cực cứu cánh, là Thắng đức thứ nhất.

2. Đến xứ quả Vô học gọi là Cực cứu cánh tất cánh vô cấu, là Thắng đức thứ hai.

3. Là chỗ ba cõi Hoặc tận của La-hán, rốt ráo chứng đắc biên tế của Phạm hạnh, là Thắng đức thứ ba.

4. Là siêu vượt Phạm hạnh của Hữu học hạnh, do chưa đến cùng cực, Vô học này thì đến biên tế, lìa các xiềng xích, lao ngục sinh tử trói

buộc chúng sinh, vì như lao ngục mà Vô học lìa nó, là Thắng đức thứ tư.

5. Đã ra khỏi hầm sâu, là Thắng đức thứ năm.

6. Đã lìa bốn Bộc lưu rồi vượt qua hào sâu, là Thắng đức thứ sáu.

7. Đã lìa bốn Ách rồi có thể tồi phục Y-sư-ca kia đó là Chân thánh, là Thắng đức thứ bảy.

8. Ấn Độ có núi tên là Y-sư-ca, núi này cao mà lại chót vót, ví như Hữu đảnh phiền não cũng cao mà tối cực, bậc Vô học lìa Hữu đảnh hoặc này, như tồi phá Y-sư-ca, tồi diệt ngọn cờ treo cao, là Thắng đức thứ tám.

9. Nói tồi Ngã mạn rồi đoạn năm chi, là Thắng đức thứ chín.

10. Đã đoạn năm Phần kết trên rồi, gồm năm Phần kết dưới làm thành thục sáu chi, là Thắng đức thứ mười.

11. Thành thục sáu Niệm, cũng hoặc là sáu chi chỗ hành quỹ tắc... xưa nay thủ hộ bốn chỗ Y chỉ, là Thắng đức mười một.

12. Thủ hộ tứ y, là Y pháp bất y nhân, lại cũng thường khất thực, quét nhà xí, mặc áo... bốn chỗ y chỉ, lại cũng thủ hộ bốn Niệm trụ... gọi là Tứ y chỉ tối cực viễn ly, là Thắng đức mười hai.

13. Hữu học đã lìa các nẻo ác... Vô học này thù thắng hơn Hữu học kia, cho nên gọi là Tối cực viễn ly, lại hoặc lìa Tà hạnh, hoặc lìa Sát sinh... thù thắng hơn Hữu học chỉ một Đế thật, là Thắng đức mười ba.

14. Hiểu rõ không có Hư cuống, lại lìa Vọng ngữ, gọi là Đế thật, buông bỏ tâm hy vọng, là Thắng đức mười bốn.

15. Đến Chí cực vị cho nên càng không có tâm mong cầu, không có Bất dữ thủ, cho nên gọi là Bất hy tâm, không có Tư duy ô trược, là Thắng đức mười lăm.

16. Chỉ có Thiện tư duy và Vô ký, không có Bất thiện nhiễm ô trược tư duy, cũng không có Tà hạnh hành trược tư duy, cũng không có Sát sinh trược tư duy, bốn pháp trên đây là bốn pháp đầu trong mười Ác nghiệp đạo, cũng là sự lo lắng của Thân hạnh đã dứt mất, là Thắng đức mười sáu.

17. Ở vào Hữu học vị, thân bị cứng nhám, Vô học vị này thì thân thường được khinh an, sự lo lắng của thân hạnh đã dứt, tức là lo vui, tâm khéo giải thoát và Tuệ khéo giải thoát, là Thắng đức mười bảy.

18. Đắc Câu giải thoát hoặc chỉ có Tuệ giải thoát, độc nhất không có bạn bè, nói là Tối thắng cho nên gọi là Độc nhất, không phải cùng với Hữu học... làm bạn, gọi là không có bạn bè, là Thắng đức mười tám.

19. Chánh hạnh đã lập, là Thắng đức mười chín.

20. Là nhập Niết-bàn hạnh rồi mới lập, gọi là đã thân cận Vô thượng trượng phu, là Thắng đức hai mươi.

21. Hiểu rõ cùng với Phật đồng chứng Nhân không, thân cận với Phật, Phật là Vô thượng trượng phu, thành thục đầy đủ sáu Hằng trụ pháp cho đến Ý Chánh niệm chánh tri, là Thắng đức hai mươi mốt.

22. Hiểu rõ thường trụ sáu Hằng trụ pháp, sáu Hằng trụ pháp lấy ba pháp Xả, Niệm và Chánh tri làm Thể, người kia trong lúc đó lãnh thọ Tham dục... cho đến Ngu si đoạn dứt vĩnh viễn không sót, là Thắng đức thứ hai mươi hai.

23. Lìa ba bất thiện căn, tham sân si kia vĩnh viễn dứt tận, cho nên không tạo các thói quen ác, gần với các thiện, là Thắng đức thứ hai mươi ba.

24. Hiểu rõ đoạn ác tu thiện thì tâm đó chỉ có như Hư không và Tịnh thuỷ, là Thắng đức thứ hai mươi bốn.

25. Tâm đó như hư không thì không nhiễm, như Tịnh thuỷ thì không trược. Lại nữa, như hư không thì vô ngại, như Tịnh thuỷ thì minh tịnh, như Thủy không có bụi trần, như diệu hương chiên-đàn, rộng vì tất cả các Thiên đế Thiên vương mà cung kính cúng dường, là Thắng đức thứ hai mươi lăm.

26. Hiểu rõ như trong cung của Thiên đế có cây diệu hương chiên-đàn, Thiên đế Thiên vương thường sinh cung kính. Lại nữa, thân của La-hán, hoặc như một cây Hương chiên-đàn, nói là Vô hoặc tự tại, thường vì Thiên đế mà cung kính trụ Hữu dư y Niết-bàn giới, là Thắng đức thứ hai mươi sáu.

27. Hiểu rõ đắc Hữu dư Niết-bàn thì vượt qua biển sinh tử, cho đến cũng gọi là gánh vác thân Hữu lậu tối hậu, là Thắng đức thứ hai mươi bảy.

28. Hiểu rõ thân này đắc Niết-bàn, chỉ gánh vác một thân, là chỗ dẫn các Uẩn của nghiệp phiền não đời trước, cho đến vĩnh viễn diệt Niết-bàn, là Thắng đức thứ hai mươi tám.

29. Hiểu rõ đắc Vô dư Niết-bàn, phải biết trong đó có các tướng như vậy, cho đến năm loại Dụng không thể tích trữ để thọ dụng các vật dục, là Thắng đức thứ hai mươi chín.

30. Hiểu rõ không tập quen gần năm loại Xứ sở, như vậy không thể vọng chấp Khổ lạc... cho đến Vô nhân mà sinh, là Thắng đức thứ ba mươi.

31. Hiểu rõ các pháp từ duyên mà sinh, không sinh vọng chấp. Lại

nữa, cũng không thể kinh sợ tất cả các sự không đáng ghi nhớ, là Thắng đức thứ ba mươi mốt.

32. Đã hiểu rõ Phật pháp, nếu có người khác hỏi thì không chỗ nào chẳng biết, trong mười bốn các sự không đáng ghi nhớ không sinh kinh sợ. "Lại nữa, cũng không thể đối với mây giăng sấm chớp..." trở xuống, là Thắng đức thứ ba mươi hai. Vì hiểu rõ Vô ngã cho nên không kinh sợ. Đây là ba mươi ha loại công đức của La-hán.

Luận ghi: "Cũng như tất cả Danh cú văn thân, là chỗ chế tạo Văn chương, Chú thuật, Dị luận căn bản", Văn chương Dị luận chắc chắn phải nương vào Danh cú... mới được thành, Thanh văn hạnh này phải nương vào giáo pháp tương ưng này, giáo pháp làm Căn bản cho Thanh văn kia, như Danh cú...

ĐỘC GIÁC ĐỊA THỨ MƯỜI BỐN

Độc giác địa, chủng tánh có ba loại người, hoặc một người có đủ ba chủng. Trong một người có đủ ba chủng, là tùy theo tánh tăng thêm mà nói, cho nên có ba chủng; hoặc một người phỏng theo ba nghĩa, cho nên nói có ba chủng. Trong Đạo có ba chủng:

1. Đạo thứ nhất, khi mới phát tâm, gặp Phật tu rồi một trăm kiếp, thành quả Lân giác. Luận này thì riêng nói trải qua một trăm kiếp rồi gặp Phật ra đời. Lại giải thích rằng: "Trong một trăm kiếp tuy có tu hành, nhưng chưa tu thiện xảo của Uẩn... đã trải qua một trăm kiếp rồi, gặp Phật nơi đời mới tu thiện xảo của Uẩn, tại thân sau mới thành đạo Lân giác.

2. Đạo thứ hai, trước gặp Phật thuyết pháp, tu không đầy một trăm kiếp, hoặc chín mươi kiếp, cho đến một kiếp tu tập rồi, đối với Noãn vị... tu tập thiện xảo của Uẩn... đối với thân này không thể chứng Sơ quả, hoặc từng nhà bảy lần sinh, một lần vãng lai một nhà... đối với thân sau đắc quả Độc giác...

3. Đạo thứ ba, gặp Phật tu tập rồi, đối với thân này đắc Sơ quả, hoặc bảy lần sinh từng nhà, quả của một nhà một lần vãng lai... lại tu thiện xảo của Uẩn... đối với đời đương lai, chứng quả Độc giác vô học.

Tập có ba chủng: một là Chủng thứ nhất cũng như văn. Hai là Chủng thứ hai tức là Dụng. Vì Đạo trước có hai chủng, cho nên Tập cũng có hai chủng.

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 10
(Bản Luận 35, 36)

BỒ ĐỀ ĐỊA THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI

BẢN LUẬN 35

Bồ-đề địa, là Sở y của Bồ-tát, là chỗ y chỉ của chư vạn hạnh, vì như đất cho nên lấy tên là Địa, gọi là Bồ-tát địa. Lại nữa, trong Địa này có bốn Du-già:

1. Trì Du-già.
2. Tùy pháp Du-già.
3. Cứu cánh Du-già.
4. Thứ đệ Du-già.

Bây giờ khai mở rõ tên gọi pháp của Du-già thứ nhất. Thứ nhất là Trì Du-già xứ, giải thích như Thanh văn địa. Lại nữa, trong Trì Du-già thứ nhất, riêng có ba Trì:

1. Là Chủng tánh phát tâm pháp Bồ-đề phần, tổng hợp chung luận thì Trì thứ nhất có mười tám phẩm, Chủng tánh ở trước gọi là Chủng tánh phẩm, một phẩm này chỉ có Chủng tánh trì.
2. Phát tâm phẩm, tức là Phát tâm trì thứ hai.
3. Là mười sáu phẩm pháp Bồ-đề phần trì, như sau sẽ rộng nói.

Hỏi: Ba loại Trì trước thuyết minh chư vạn hạnh, đối với ba Xứ có khác gì, mà lại làm ba vòng thuyết minh hay sao?

Đáp: Có nghĩa là, như các nhà giải thích Du-già, Tối Thắng Tử giải thích:

1. Trì, là thuyết minh mười hai Trụ, chỉ có pháp Sở hành.
2. Tùy pháp, là thuyết minh mười ba Trụ, giải thích thông với Như Lai trụ, thuyết minh pháp Năng hành.
3. Cứu cánh, hợp chung mười ba Trụ làm bảy Địa của nó.

Bảy Địa là gì? Bắt đầu từ Tăng thượng ý lạc cho đến Cứu cánh,

Trì này thuyết minh Học thành mãn, thuyết minh lại bốn Quả, tuy ba vòng thuyết minh nghĩa, nhưng ý của nó không đồng. Trì, có ba nghĩa:

1. Trước có thể trì sau, như Chủng tánh có thể trì Phát tâm, phát tâm có thể trì Hành phương tiện, cho nên gọi là Trì.

2. Kham nhậm gọi là Trì, người có Chủng tánh, vì có Kham nhậm.

3. Nhân quả gọi là Trì, tức là Chủng tánh đồng hành phát tâm, có thể thành Phật quả, Nhân quả gọi là Trì.

Luận: Trong một bài tụng tổng có mười pháp, mười pháp là gì? Như tiếp theo văn sẽ tự trình bày, ba Du-già trước nhiếp mười pháp này, Du-già thứ nhất chỉ nhiếp một pháp Trì; Du-già thứ hai thuyết minh bốn pháp kế; Du-già thứ ba thuyết minh năm pháp sau cùng, tức là mười tám phẩm; Thứ đệ Du-già thứ tư chỉ thiên lựa riêng với chỗ có Thứ đệ của ba Du-già trước, lại càng không có pháp riêng.

Hỏi: Trong bốn Trì này, tại sao pháp thứ nhất được tên Trì?

Đáp: Trong Trì này vì thuyết minh ba Trì:

1. Chủng tánh.

2. Kham nhậm.

3. Làm pháp Bồ-đề phần.

Ba nghĩa đó gọi là Trì, vì rộng giải thích nghĩa này cho nên được tên là Trì, còn lại đến văn sau sẽ giải thích.

Luận: "Tại sao gọi là Trì? Là hàng Bồ-tát tư tuệ thừa Chủng tánh, Đẳng chí, đó gọi là Trì".

Giải thích rằng: Đây là lược hỏi và đáp danh tự của chữ Trì, từ câu "tại sao" trở xuống, rộng giải thích ba Trì này, ba loại Trì này, có ghi chép rằng Ấn Độ có hai thuyết:

1. Thuyết Chủng tánh trì, như Bồ-tát Hộ Nguyệt lấy Pháp nhĩ chủng tánh vô thỉ, tức là trước Thập tín phát tâm trì; tức là từ Thập tín trở đi, chỗ có Phát tâm pháp Bồ-đề phần trì; tức là pháp Sở hành từ Thập tín trở đi, nghĩa thế của Bồ-tát Hộ Pháp thì đồng.

2. Trong nghĩa của Thắng Quân luận sư thì có khác chút ít. Khác chút ít là gì? Là Chủng tánh trì, tức là vô thỉ đến nay, có tánh Sở tri chướng, có thể đoạn Biên nghĩa, gọi là Chủng tánh, tức là nghĩa có thể đoạn xứ, vì có Vô lậu chủng. Phát tâm trì khi lấy Thập tín, pháp Bồ-đề phần của Văn tuệ Tư tuệ, Hữu lậu... nghĩa đồng với trước.

Luận: "Vì hàng Bồ-tát tự nương Chủng tánh làm y chỉ mà kiến lập cho nên có chỗ kham nhậm, có thế lực lớn..", đây là giải thích thứ nhất Chủng tánh trì, có nghĩa là hiện tại giải thích văn này lại làm hai

thuyết:

1. Y chỉ chủng tánh, có thế lực đảm đương, đắc thành Bồ-đề, tức là vì Chủng tánh có thế lực đảm đương có thể kiến lập đại Bồ-đề.

2. Vì tự nương Chủng tánh làm Y chỉ, cho nên có chỗ kham nhậm thành Chánh đẳng giác. Tự thừa chủng tánh làm Năng kiến lập, có thế lực lớn thì chứng đại Bồ-đề.

Chủng tánh làm hai giải thích này, dưới đây trong giải thích phát tâm pháp Bồ-đề phần cũng làm hai thuyết này. Lại nữa, có thuyết riêng khác về Chủng tánh trì, tức là Pháp nhĩ chủng, là hai Phát tâm trì trước Thập tín, tức là ba pháp Bồ-đề phần trì từ Thập tín trở đi, tức là Thập giải trở đi. Lại nữa, nói Chủng tánh trì, là Thập tín tâm, hai Phát tâm trì là Thập giải vị, Bồ-đề phần trì là Thập hạnh vị, tuy làm giải thích này nhưng chưa có kinh điển chỉ bảo chỗ dừng lại, không có bằng cứ thì làm sao nương vào bằng cứ? Lại nữa, Chủng tánh trì, là Pháp nhĩ chủng Phát tâm trì, trước Thập tín thì mười vạn kiếp mới phát tâm, cũng nên lấy lý Chân phát tâm ban đầu cũng được.

Luận: "Trụ Vô chủng tánh Bổ-đặc-già-la, vì Vô chủng tánh cho nên tuy có phát tâm và hành Gia hạnh làm chỗ y chỉ thì quyết định không kham nhậm Vô thượng Bồ-đề". Giải thích rằng: "Lại có ba giải thích:

1. Người Vô chủng tánh, thật ra là chưa có lúc có thể phát nghĩa Bồ-đề tâm, vì giả thiết làm luận cho nên đặt câu nói này, tuy phát tâm... là giải thích thứ nhất.

2. Quyết định Nhị thừa chủng tánh cũng gọi là không có chủng tánh Đại thừa, tuy lại gặp duyên phát tâm Bồ-đề, nhưng cũng không kham đảm đương, cho nên nói tuy phát tâm... là giải thích thứ hai.

3. Ngay tại người không có Pháp nhĩ chủng tánh, thật tuy phát tâm, nhưng cuối cùng thì Thoái chuyển, không thể đắc Vô thượng Bồ-đề kia, đây là giải thích thứ ba.

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề không phải cầu thế gian quả, Hiện hành tâm này từ Chủng tánh nào sinh?

Giải thích: Từ Phước phần thiện chủng sinh, không phải Vô lậu chủng, không có Phương tiện vô lậu tuệ, cho nên luận ghi: "Chỉ lấy thiện căn của trời người mà thành thục nó...".

Luận: Trong giải thích tên gọi khác của Trì, "cũng gọi là Trợ nhân nương vào trước giai cấp dẫn đường nhà cửa", vì trợ thành quả, vì có thể sinh quả, vì nương vào đắc quả, vì tùy theo nói vị, vì dẫn đường sinh khởi, vì hàm nhiếp tàng quả, như thứ tự của nó mà phối hợp Trợ

nhân...

Luận: "Như nói Chủng tánh tối sơ phát tâm, thì Sở hành gia hạnh phải biết cũng vậy".

Giải thích: Như Chủng tánh có nghĩa Trợ nhân... ở trước, phải biết phát tâm... cũng vậy.

Hỏi: Sở hành gia hạnh là gì?

Đáp: Trước đã thuyết minh Phát tâm trì, gọi là Hành gia hạnh, bây giờ luận này gọi là Sở hành gia hạnh.

Giải thích: Sở hành và Năng hành hai thứ gọi là Dị. Hành của Sở hành là pháp Bồ-đề phần, Hành của Năng hành là Phát tâm, cho nên trước phát tâm gọi là Hành gia hạnh. Hiện tại luận này căn cứ theo pháp Bồ-đề phần trong văn là Sở hành gia hạnh, hai thứ khác nhau.

Luận: Trong giải thích có hai loại Chủng tánh, là Bổn chủng tánh và Tập chủng tánh, như ba nghĩa của mới huân tập, tùy chỗ thích là lập nó. Có người nói: "Bồ-tát Hộ Pháp lấy Địa trên gọi là Tập", điều này không đúng, vì trước Thập tín địa không sinh Vô lậu chủng, khi sinh các chủng kia thì gọi là Tập chủng tánh, tùy theo tăng mà nói sinh, nghĩa của Hộ Nguyệt luận sư thì khác, chỉ có sư Thắng Quân. Bổn chủng tánh đối với Sở tri chướng có thể đoạn nghĩa dụng mà lập, Tập chủng tánh tức là Thập tín thời, là nắm lấy Chủng tử hữu lậu Văn tư...

Hỏi: Tăng thượng sinh Kiến đạo là thế nào?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Thế đệ nhất pháp, hoặc Khổ pháp nhẫn trí làm Tăng thượng duyên, Sinh khổ pháp nhẫn trong Hữu vi chỉ có một Vô lậu này, không từ duyên mà sinh.

2. Hoặc dùng Thế đệ nhất pháp làm Nhân duyên sinh, khi tập quen nhiều lần thì Sở tri chướng có thể đoạn Hữu lậu thiện tối thắng, vì nghĩa tối thắng cho nên được làm Nhân duyên, phát sinh Khổ pháp trí nhẫn.

Luận này ý của sư thì dùng làm Nhân duyên, tức là như giải thích ở sau. Chỗ lập nghĩa Tăng thượng duyên sinh của sư trước, chỗ truyền đã xưa, vì muốn tách riêng một nghĩa, cho nên làm chỗ lập đó, trên ý muốn đó chỉ có nghĩa của Hộ Pháp. Có người nói: "Thập tín thời của Hộ Pháp chưa có chủng riêng", điều này không đúng, rộng như chỗ phân tích khác, như trong kinh Nhân Vương nói có sai biệt: "Địa tiền có ba tâm:

1. Tín tâm.

2. Trụ tâm.

3. Kiên tâm.

Trong Tín vị gọi là Tập chủng tánh trụ”, tức là Thập giải Thập hạnh và hai mươi tâm, hợp chung làm Trụ tâm và Kiên tâm, tức là Thập hồi hướng. Ấn Độ đến tìm hỏi kinh kia, chưa nghe có bản kinh này, tuy vậy nhưng bây giờ lại gặp. Như kinh kia có ý tổng nói Tập chủng tánh làm Chúng đa tánh, tức là kinh kia ghi: “Tập chủng tánh, là tại Tín tâm, tức là Thập tín vị; Tánh chủng tánh là tại Trụ tâm”. Trụ tâm của kinh kia tức là Thập giải và Thập hạnh, Thập giải Thập hạnh gọi là Tánh chủng tánh.

Hỏi: Tại sao kinh kia trước thuyết minh Tập tánh, sau thuyết minh Bổn tánh?

Đáp: Tức là khi mới tu tập, thì gọi là Tập tánh, sau đó tu tập rồi thành Tánh, gọi là Tánh chủng tánh. Trước sau này không phải như nghĩa của luận này.

Hỏi: Tại sao kinh kia hợp hai mươi tâm làm Thập trụ, kinh Hoa Nghiêm... thì khai mở làm hai mươi tâm?

Đáp: Vì lựa riêng với trước và sau, vì trước là mới phát sinh Tăng thượng tín, cho nên lựa riêng khác với trước, đã không lân cận vì mới thấy đạo cho nên hợp làm hai mươi tâm, nhưng gọi là Nhất trụ, cho nên Thập hồi hướng trong kinh kia nói là Đạo chủng tánh, vì lân cận với Kiến đạo và Vô lậu đạo. Kiến đạo đã khử bỏ thì gọi là Hành chủng tánh, là ý của kinh kia Hiện tại ý của luận này thì lý không phải như vậy, vì tánh thì mỗi mỗi đều khác.

Luận: Trong giải thích Chủng tử thô tế, nói: “Lại nữa, Chủng tánh này chưa tập thành quả thì gọi là Tế, vì chưa có quả, đã tập thành quả thì gọi là Thô, vì cùng với quả đồng thời”.

Giải thích: Đây là lấy Thập tín mới huân tập, Vô lậu chủng tăng gấp bội, cho nên nói là Thô và Tế. Không phải là các vị khác tại sao gọi là đồng thời? Như nghĩa của Hộ Pháp lại càng riêng thành Chủng, Chủng mới sinh cùng với Chủng cũ đồng thời, có thể như giải thích này, như nghĩa của Hộ Nguyệt, chỉ khiến cho Chủng cũ tăng trưởng, tức là phải trong Niệm, Chủng mới tăng thêm, có nghĩa nói làm quả, Chủng cũ là gốc, có nghĩa nói làm nhân, cho nên nói đồng thời. Lại nữa, niệm trước mong niệm sau, tuy khác sát-na, nhưng nhân diệt thì quả sinh, vì do nhân có, có thể sinh quả của nó, cho nên nói đồng thời, như nghĩa của Thắng Quân. Vô thuỷ hữu lậu thiện pháp chủng gọi là nhân, nhân duyên khi mới bắt đầu của Thập tín, do Vô lậu giáo huân thành Chủng tử mới, Chủng tử này là quả, Chủng tử vô thỉ làm nhân, nhân quả đồng

thời cho nên nói đồng thời.

Luận ghi: "Đối với các thứ mạt-ni, chân châu, lưu ly, loa bối", cho đến "cũng không để cho người khác khi dối đối với người kia, huống chi phải tự mình làm", ý trong đây là người có các châu báu, nhưng vì tâm mê điên đảo không thể thu thập được, không thể gìn giữ được, trước hết ký gởi vào người khác, nhưng vì tâm mê đảo không thể ghi nhớ, Bồ-tát có thể chánh khai ngộ, nghĩ rằng: "Cũng không để cho người khác khi dối đối với người kia, huống chi phải tự mình làm".

Luận ghi: "Tánh đó ưa thích Tài vị rộng lớn, đối với người kia tất cả tài sản rộng lớn tâm ưa thọ dụng, thích sự nghiệp lớn, không phải cửa nhỏ hẹp", là tâm Bồ-tát rộng lớn, tâm ưa thích thọ dụng, không phải ít Tài vị, tánh đó ưa thích Tài vị rộng lớn, vì sự nghiệp rộng lớn mà không phải nhỏ hẹp. Lại nữa, trước đã thuyết minh vật bố thí tuy ít, nhưng có thể đồng đều ban bố ân huệ thí, rộng lớn không phải nhỏ hẹp, bây giờ thuyết minh tánh ưa thích bố thí đại Tài vị, là có thể ban bố sự nghiệp đồng đều, rộng lớn không phải nhỏ hẹp, tức là cùng với đoạn văn trước chỗ "ít vật nhiều vật ưa thích" làm khác nhau.

Luận ghi: "Coi trọng đối với pháp Thọ và coi trọng đời sau", một nghĩa này là Bồ-tát đối với bốn pháp Thọ coi trọng sinh tín sâu, là thâm tín. Bốn pháp Thọ như văn của bốn quyển sau tự giải thích, là hiện tại Khổ lạc, vị lai Khổ lạc... và báo đời sau, Bồ-tát thâm tín, vì thâm tín cho nên nói là "coi trọng". Lại nữa, thâm tín bốn pháp Thọ và tin có đời sau. Trong ít tội lỗi cũng thấy rất đáng sợ, huống chi nhiều tội, cho nên không tạo tội. Trong giới luật này có đủ bốn pháp Nhiếp thọ, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự, hãy tìm đọc và phối hợp. Sau đây cũng thuyết minh mười nghiệp đạo, y theo văn mà tìm đọc. Trên dưới có ba loại nghĩa của giới, là Luật nghi giới, hãy tìm đọc nó. Trong Nhẫn chỉ có Nại oán hại nhẫn.

Luận: Trong giải thích Tinh tấn, thuyết minh đủ ba loại:

1. Bắt đầu từ câu "là hàng Bồ-tát" trở xuống, đến "tư trạch phương tiện phải khiến cho rốt ráo", là thuyết minh Gia hạnh tinh tấn.

2. Tiếp theo từ câu "hễ là chỗ bố thí thì làm" trở xuống, đến "giải đãi bỏ phế Thoái khuất", là thuyết minh mặc giáp Tinh tấn.

3. Từ câu "đối với các sự quảng đại", cho đến "huống chi là tiểu sự" trở lại, thuyết minh không khiếp nhược Tinh tấn.

Trong Tĩnh lự cũng có ba loại:

1. Bắt đầu từ câu "là hàng Bồ-tát", cho đến "và viễn ly chỗ thâm sinh ái mộ" trở xuống, thuyết minh Phương tiện tĩnh lự.

2. Từ câu “tánh phiền não mỏng” trở xuống, cho đến “huống chi đối với Thân cận phẩm và Trung dung phẩm”, thuyết minh Nhiêu ích hữu tình tĩnh lự.

3. Từ câu “Hoặc thấy hoặc nghe” trở xuống, thuyết minh Dẫn phát thần thông tĩnh lự. Đây là trong giải thích thứ ba.

Luận ghi: “Đối với pháp có thể thọ, có thể trì, có thể tư duy”, như Thập Địa luận do Thế Thân giải thích, lấy ba Tuệ văn tư tu phối hợp. Văn là Thọ ký, nhớ nghĩ không quên gọi là Tư, tức là Tư này có thể sinh Tu, từ nhân đặt tên. Tu tuệ gọi là Tư, một ý riêng này càng phải xem Thập Địa luận, tự giải thích riêng. Trong Tuệ xem ý, không có thuyết minh riêng ba loại để phối hợp. Tánh không ngoan độn, Tánh không vi muội, Tánh không ngu si, ba câu này là ba Tuệ, thứ tự mà phối hợp với các câu trở lên.

Luận: “Bồ-tát, là chỉ có thể thành thục Câu sinh tuệ, tức là Sinh đắc thiện, cũng có thể nhập tất cả”, đây là thuyết minh Xứ cảnh giới, tức là Phương tiện thiện, ý của hai câu này là tổng phối hợp với ba Tuệ. Văn sau cũng tổng thuyết minh ba Tuệ lìa tội lỗi, có thể có Lực tư trạch. Lại nữa, tánh không ngoan si, coi như Gia hạnh tuệ.

Luận: “Tuệ này có thể nhập tất cả”, là thuyết minh Xứ cảnh giới, sau đó thành thục thì Sinh đắc thiện, sau đó Đắc tuệ mà khởi ngôn thuyết, khắp đối với các Cảnh xứ kia mà lìa Phóng dật xứ, có Lực tư trạch, chính là Vô phân biệt tuệ, vì khác trước và sau, trong đây không coi trọng.

Luận: Lại nữa, giải thích tổng luận này, chưa cần phải thuyết minh riêng ba Tuệ.

Luận ghi: “Phải biết gọi đó là Năng tỷ chủng tánh tướng thô của Bồ-tát...”, vì tướng tế Chủng tánh của Bồ-tát khó biết, cho nên hiện tại lấy Hạnh để so biết Chủng tánh, cho nên nói Năng tỷ chủng tánh tướng thô của Bồ-tát. Trong đoạn này câu văn thứ nhất nói: “Do tướng này mà khiến cho người khác biết rõ thật là Bồ-tát. Tướng tế của Bồ-tát thì quyết định thật nghĩa, chỉ có Phật mới có thể biết, trong đây lại còn suy ra Phật, không nói Ta cũng không biết, người xưa nói: “Di-lặc không biết”, là sai, vì kinh Thiện Giới ghi: “Tướng thô của Chủng tánh, Ta đã lược nói, các thật nghĩa khác, chỉ có Phật mới biết”, coi như Thích-ca cũng không biết, lại còn suy ra Phật, không phải Di-lặc không biết, chỉ nói Phật thì biết rốt ráo, Ta thì cũng biết nhưng không rốt ráo, lẽ nào có nghĩa này. Nếu tổng nói Di-lặc không biết là sai lầm.

Luận ghi: “Chủng tánh Bồ-tát”, cho đến “chưa làm Bạch pháp

trái nhau với bốn Tùy phiền não, chỗ nhiễm ô hoặc cụ hoặc bất cụ...", Bạch pháp trong đây là sáu Độ ở trước. Bốn Tùy phiền não thì dưới đây sẽ tự trình bày. Vô thuỷ chủng tánh Bồ-tát đó chưa đủ làm bốn chủng, hoặc không đủ bốn nhiễm ô thời, tánh cùng với sáu Độ như vậy tương ưng, hoặc là chỗ nhiễm ô của bốn Tùy phiền não kia, thì Bạch pháp không hiện.

Luận ghi: "Nếu không có Chủng tánh Bổ-đặc-già-la thì tuy có tất cả, tất cả, tất cả Chủng, nên biết rằng quyết định không chứng Bồ-đề", tương truyền rằng: "Tất cả có ba loại: tất cả thứ nhất là Phật; tất cả thứ hai là Học hạnh; tất cả thứ ba là ba đời. Nói rằng người Vô tánh tuy có Phật và Học hạnh, nhưng trong ba đời quyết định không chứng Bồ-đề. Lại giải thích:

1. Tất cả là Phật.
2. Tất cả, là đối với Sở học hạnh không có điên đảo chấp.
3. Tất cả là Phương tiện cấp tốc.

Ngược lại ba nhân duyên trước, chỉ trừ người căn chưa thuần thục và không có Chủng tánh, cũng được gặp Phật và Học hạnh, cấp tốc phát nguyện... không có căn thứ tư thuần thục, cho nên biết quyết định không chứng Bồ-đề.

PHẨM PHÁT TÂM

Tức là Phát tâm trì thứ hai, như trước đã giải thích. Nguyện này lấy gì làm Thể? Là Dục, Tín và Thắng giải làm Thể, hoặc Hậu đắc trí làm Thể, cho nên trong mười Độ, sáu Độ trước là Chánh trí, bốn Độ sau là Hậu đắc trí, Nguyện thì ở vào Độ thứ tám, lấy Hậu đắc trí làm Thể. Nếu là Khắc tánh thì Dục và Tín làm Thể, nhưng như Nhiếp luận thì hai chỗ văn tự giải thích, nếu căn cứ theo văn kế dưới, thì lấy Quyết định mong cầu làm Thể. Mong cầu tức là Dục tâm sở.

Luận ghi: "Bồ-tát tối sơ phát tâm, đối với hàng Bồ-tát chỗ có chánh nguyện là Sơ chánh nguyện, có thể rộng nhiếp thọ các Chánh nguyện khác", dưới đó trong giải thích Phát tâm, văn ghi: "Tối sơ phát tâm có thể nhiếp tất cả pháp Bồ-đề phần, vì Thiện căn thù thắng làm thượng thủ...", trong đây Tối sơ chánh nguyện phát tâm đều là dũng mãnh, có thể nhiếp các nguyện tâm khác. Lại nữa, Sơ nguyện tâm này làm thượng thủ, là trước hết khởi các nguyện tâm khác... đều là chủng loại này, là Sơ nguyện tâm nhiếp.

Luận ghi: "Như vậy phải biết tối sơ phát tâm có năm loại tướng, là tự tánh", tức là kết nghĩa của năm chữ "lại nữa" ở trước, y theo thứ tự mà phối hợp.

Luận ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát sơ phát tâm rồi thì liền gọi là Thú nhập Đại thừa", đến "cho nên phát tâm để tiến vào Sở nhiếp", trong đây có ý thuyết minh Bồ-tát sơ phát tâm gọi là Thú nhập Đại thừa Bồ-tát, đây là phỏng theo thế tục tình mà nói là Thú nhập Đại thừa, không phải chân thật thú nhập, chân thật thú nhập là từ Sơ địa Bồ-tát trở đi, hoặc Bồ-tát kia tức là thật nghĩa, không phải thế tục tình mà nói năng đạo lý.

Luận ghi: "Như vậy phải biết Tối sơ phát tâm tiến vào nhiếp Bồ-đề, Căn bản, Đại bi và Đẳng lưu, chỗ y chỉ bốn câu của Học", tức là kết nghĩa của bốn chữ "lại nữa".

Luận ghi: "Bốn Duyên, bốn Nhân và bốn Lực", là Duyên thì xa, Nhân thì gần, Lực thì làm Trợ bạn, thuyết minh chung hai loại Nhân, cho nên có ba loại riêng khác.

Luận ghi: "Mười Tùy phiền não", tức là mười loại chữ "nhiều" dưới đó. "Trong khoảng đó, Ưu khổ và Ác hạnh... là Tùy phiền não", vì tùy theo pháp khác mà phiền não sinh, gọi là Tùy phiền não, không phải Thể là phiền não. Lại nữa, lấy phần nhiều để đặt tên, gọi là Tùy phiền não, Thể không phải phiền não, ở tại Tùy phiền não môn nhiếp,

cho nên gọi là Tùy phiền não.

Luận: Trong giải thích bốn Nhân, Nhân thứ hai ghi: "Nhờ vào Phật Bồ-tát và Thiện hữu nhiếp thọ, cùng với Duyên thứ nhất trong bốn Duyên trước có khác gì"? Trong Duyên đó chỉ thấy tác khởi thần thông, chưa nhiếp thọ lời dạy răn, vì lời dạy răn này là gần, là Nhân. Thấy tác khởi thần biến, là xa vì không có sự dạy răn, là Duyên, cho nên cả hai đều có Nhân. Trong Nhân thứ ba: "Đối với chúng sinh, phần nhiều khởi Bi tâm, cùng với Duyên thứ tư trong Duyên chưa có kiếp, thời... mà cứu độ chúng sinh thì đâu có khác gì"? Trong Duyên chỉ tự sáng lập sự phát tâm, khiến cho người khác phát tâm, trong Nhân thay thế người khác mà thọ Khổ.... là gần cho nên là Nhân.

Luận ghi: "Nương vào bốn Cảnh xứ, tuy không tập quen nhưng có thể phát khởi Bi hạng hạ trung thượng không có đoạn dứt", bốn Cảnh là trước đã trình bày Tha và Tự thọ khổ... Hoặc thấy tự, hoặc thấy tha, tùy gặp một Khổ thì khởi hạ bi, nếu thấy tự và tha tùy gặp một Khổ thì khởi trung bi, nếu thấy tự tha thọ Vô gián đại khổ thì khởi thượng bi mà tế độ. Lại nữa, hoặc đối với bốn Cảnh, mỗi mỗi đều có thể khởi thượng trung hạ Bi.

Luận ghi: "Hoặc hàng Bồ-tát y chỉ tổng biệt bốn Nhân bốn Duyên, hoặc do Tự lực, hoặc do Nhân lực, hoặc tổng do hai lực mà phát tâm, nên biết tâm này không kiên không cố cũng không phải không động", trong đây có ý thuyết minh bốn Nhân và bốn Duyên trước, nếu riêng nương vào một Nhân một Duyên, hoặc tổng do bốn Nhân bốn Duyên mà phát tâm, thì trong bốn Lực lại nương vào hai Lực, là Tự lực và Nhân lực. Trong hai Lực này, hoặc riêng nương vào một Lực, hoặc tổng nương vào hai Lực này mà phát tâm, thì phát tâm này kiên cố bất động. Nếu riêng nương vào Tha lực và Gia hạnh lực, hoặc tổng nương vào hai Lực này mà phát tâm, thì phát tâm này không kiên cố, cũng không phải không động. Nếu trong bốn Duyên này, Duyên thứ nhất gần Phật Bồ-tát... theo văn của luận này, thì y vào biệt và y vào tổng, đều là kiên cố bất động, Tha lực cũng vậy, Phật Bồ-tát là Tha, tức là trong không kiên không cố cũng không phải không động nhiếp. Điều này có gì trái nhau!

Thuật rằng: Không đúng. Tha lực, là vua và người có lực, bức bách khiến cho phát tâm, không giống như Phật Bồ-tát, thấy Phật Bồ-tát thì tự phát tâm, vì trong Duyên nhiếp cho nên bất động. Bị người khác bức bách phát tâm, là Tha lực cho nên thuộc Động nhiếp. Lại nữa, Gia hạnh lực là không kiên không cố và không phải không động nhiếp

nhiếp, như Nhân thứ hai trong Nhân, là Thiện hữu nhiếp thọ thì thuộc Kiên cố và Bất động nhiếp. Điều này có ý gì?

Thuật rằng: Không phải ý gì cả. Thiện hữu nhiếp thọ là thấy Giáo hạnh của Bồ-tát mà hành... là chỗ duyên gặp gỡ. Trong Thắng nhân gia hạnh lực, tuy gặp Thiện hữu, là Thiện sĩ của thế gian, không phải như Bồ-tát, cho nên có khác nhau. Lại nữa, nghĩa lại còn phỏng theo một nghĩa, trong đây phán lập kiên cố và bất động... là Như thật; Duyên trong Nhân là có động và bất kiên cố; trong Tha gia hạnh lực là có bất động... Lại phỏng theo một nghĩa khác, đó là luận này.

Luận ghi: "Có bốn Nhân duyên có thể khiến cho Bồ-tát Thoái Bồ-đề tâm, những gì là bốn"? Như văn tự trình bày, bốn Nhân duyên này cùng với bốn Nhân trước trái nhau, tức là động ngược lại.

Luận ghi: "Nhiếp lỗi của quyến thuộc có hai loại, là đối với quyến thuộc nhiêu ích, tổn giảm, nhiễm ô, nghịch thuận, như vậy hai Sự", là đối với nghịch thì khởi tổn giảm mà nhiễm ô, đối với thuận thì khởi tăng ích mà nhiễm ô, cho nên gọi là hai Sự.

Luận ghi: "Do Bồ-tát này thành thục như vậy, không có não hại, phước đắc gấp bội Luân vương, bảo hộ chỗ thủ hộ", gấp bội phước của Luân vương... được phước là chỗ mà các ác quỷ, yêu quái không thể đến gần, ngoài ra còn có phước là thân không có bệnh, có phước dũng mãnh làm nghĩa lợi, có phước thuyết pháp không chán mệt, có phước thô trọng chuyển thành nhẹ nhàng, có phước dùng Chú thuật có nhiều ứng nghiệm. Trong đây nói, Câu chú và Câu minh, là Câu chú khắp như vậy không phải Câu, tức là Chú có Minh từ, hoặc Chú này hoặc có Minh lực. Đại uy thần, gọi là Minh cú, chúng sinh dùng đó không có ứng nghiệm, Bồ-tát dùng đó thì liền có ứng nghiệm, chỗ não hữu tình, thì có phước nhu hoà nhẫn nhục, có phước tùy hoặc mỏng nhẹ, có ở tại quốc gia không có tai nạn, có phước tốc thoát nẻo ác, có phước hay chán các khổ.

PHẨM TỰ THA LỢI

Từ đây trở xuống có mười sáu phẩm, tức là Nhất trì, là Bồ-đề phần pháp thành thục thứ ba, Nhất trì này trong mười sáu phẩm, đại khái phân làm ba phần, tức là luận ghi: “Lược nói Bồ-tát, hoặc Sở học xứ, hoặc Như thị học, hoặc Năng tu học”. Y theo Cựu viễn pháp sư nói: “Từ đây trở xuống Phát tâm trì có hai loại:

1. Năm phẩm, thuyết minh pháp sở học.

2. Mười một phẩm, thuyết minh Học hạnh.

Luận này cho rằng không đúng, y theo luận này nói: Có ba loại Sở học xứ:

1. Tức là Xứ của Ngũ phẩm sở học trước, là thứ nhất.

2. Hoặc Như Thị Học tức là một phẩm thứ 6, thuyết minh Học như vậy tổn Học pháp, là thứ hai.

3. Hoặc Năng Tu Học, tức là mười phẩm còn lại, thuyết minh người Năng Học tu hành, là thứ ba.

Sở học xứ thứ nhất có năm phẩm và bảy pháp, bảy pháp là gì? Như văn tự trình bày. Năm phẩm là gì? Là gom bảy làm năm. Tại sao gom lại làm năm? Là phẩm Tự tha lợi, phẩm Chân thật nghĩa, phẩm Uy lực, phẩm Thành thục hữu tình pháp tự phật pháp, phẩm pháp Bồ-đề phần. Pháp thứ nhất và thứ hai hợp chung làm một, gom hai pháp thứ năm thứ sáu làm một, cho nên chỉ gọi là năm phẩm. Đây là khai mở bảy pháp, phải ở chỗ khác hiển rõ. Hiện tại đối với phẩm Tự tha lợi đầu tiên khai mở, vì từ pháp Bồ-đề phần trì đầu tiên trình bày. Pháp Bồ-đề phần trì, từ phẩm Trì đắc sau cùng đặt tên.

Luận: Trong giải thích thứ nhất Thuần cộng tự tha lợi, ban đầu thuyết minh Thuần tự lợi, muốn thuyết minh Tự lợi thì trước hết thuyết minh Chướng pháp của Tự lợi, là hàng Bồ-tát đối với thuần Tự lợi lợi tha cho đến không vượt khỏi tùy thuận uy nghi của Bồ-tát. Trong đây có hai loại:

1. Thuyết minh pháp chỗ nên đoạn, tức là pháp trái nghịch.

2. Không thuận với uy nghi của Bồ-tát, nên biết là phải đoạn, là thuyết minh thứ hai.

Chỗ nên tu học không vượt Học xứ, tùy thuận uy nghi của Bồ-tát, là phải siêng cần tu học. Lại còn tổng thuyết minh đã xong hai pháp Sở đoạn và Sở học. Từ đây trở xuống riêng thuyết minh Chướng pháp của Tự lợi, phải biết có tám tùy nghĩa.

Luận: Trong lược giải thứ hai Tự lợi cộng tha, nói: “Hoặc hàng

Bồ-tát hoặc Bi làm đầu, hoặc vì hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, hoặc vì sinh Thiên mà đối với tất cả thời tu Thí, Nhẫn... cho đến Tự lợi cộng tha", trong đây có ý nói, do khởi Đại bi mà nghĩ đến Lợi tha, cho nên tâm Bồ-đề vì Lợi tha, sinh Thiên thì lợi vật, giáo hóa chúng sinh, không phải như chỗ nên đoạn ở trước. Chấp Thiên làm Thắng lạc, thì tâm sinh Thiên, hiện tại vì Tha vật mà sinh Thiên, tức là lấy Bi làm đầu, tu Thí và Nhẫn... tâm Bồ-đề ưa thích sinh Thiên đều là ưa thích lợi Tha, gọi là Tự lợi kiêm tha.

Luận ghi: "Lại nữa, trừ ra chỗ nói các tướng như trước, ngoài ra tất cả..." cho đến "Bồ-tát đối với Đại bi này siêng cần tu học" trở lại, trong đây ngược với trước là Tự lợi chướng, phải cứ gọi là Tự lợi. Luận này nói: "Ngược với trước gọi là Tự lợi cộng tha lợi, hoặc chỉ ngược với Tự lợi chướng, chỉ hành Tự lợi hạnh, thì đáng lẽ chỉ là Tự lợi, vì Tự lợi là Chướng, Bồ-tát thì không làm. Ý này muốn nói: "Hoại kiêm gồm các vật, tuy ngược với Tự lợi, nhưng cũng có nghĩa Lợi tha. Trong Chướng cũng vậy, nếu chỉ có mong Tự lợi hạnh, tức là chỉ có Tự lợi chướng, nếu nói Dục kiêm gồm các vật, thì cũng có Tha lợi chướng. Dưới đây trong giải thích Tha lợi cộng tự nói: "Lại nữa, trừ như vậy chỗ nói các tướng ở trước, ngoài ra tất cả đều cùng với tướng kia trái nhau", chỗ có Lợi tha hàng Bồ-tát hạnh, phải biết đều gọi là Lợi tha cộng tự, tức là ngược với trước lấy Tà kiến. Tu Thí lấy Vô nhân quả kiến, phạm giới lìa Chánh hạnh, vì người mà thuyết pháp, hai pháp này chỉ có Lợi tha chướng, làm Lợi tha kiêm tự. Điều này cũng đáng lẽ là ngược với thuần Lợi tha chướng, mà làm Thuần lợi tha hạnh. Luận này có ý giải thích: "Có nghĩa kiêm gồm các vật, tuy ngược với Chướng hạnh nhưng thông với Tự tha, hai đoạn văn trên và dưới tương tợ nhau. Bồ-tát lấy Lợi tha làm gốc, chỉ có Lợi tha và Cộng tự tha lợi không phải chướng. Nếu Tự lợi, là chướng thuần Lợi tha, trong đó có ba loại:

1. Vì lợi vật mà xả cõi Sắc trở lại sinh cõi Dục.
2. Vì lợi vật mà thuận với chỗ đắc Thần thông giáo hóa mười phương.
3. Vì đã viên mãn quả rồi mà tự trở lại Vô cầu.

Chỉ vì Lợi tha mà khởi những việc Thần thông đại lợi ích... giải thích ba loại này đã xong, siêng cần tu học khiến cho đoạn hai pháp trước. Hai pháp, tức là hai pháp trong phần ngược với trước.

Luận ghi: "Lợi ích chủng loại tự tha lợi", là một pháp Tự hành khiến cho Tha hành, Tự tha một loại hành một pháp, cho nên gọi là Chủng loại. Bốn pháp Thọ, là Lạc khổ của đời khác này, chung làm bốn câu,

gọi là bốn pháp Thọ, luận này thì hợp chung hai pháp thứ ba và thứ tư song song thuyết minh.

Hỏi: Trong đây thuyết minh Chủng loại của Tự tha lợi, tại sao pháp thứ nhất và thứ tư thọ đời khác này đều không phải lợi ích, mà đều là Khổ thọ, trong đây thuyết minh thế nào?

Đáp: Có nghĩa là Bồ-tát không lấy pháp thọ thứ tư làm lợi ích Tự tha, nếu Hạnh này không có lợi ích Tự tha thì Bồ-tát không làm, là có ý đó. Trong Chủng loại thứ năm, có Niết-bàn và pháp Niết-bàn... để đắc Niết-bàn, chính là Tự lợi kiêm Lợi tha của thế gian và xuất thế gian, đây là Nhân thứ năm, nêu ra các Sự của pháp thứ hai và thứ ba ở trước để thuyết minh khắp hết, pháp thứ nhất và thứ tư có ý không lấy. Lại nữa, lấy bốn pháp để thọ pháp Tự lợi, vì Tri khả hành và Bất khả hành, cũng kiêm ban cho người, cũng là Tri khả hành và Bất khả hành. "Tự tha đều là Tri khả hành", là hành Bất khả hành, vì Bất hành cho nên đều làm lợi ích.

Luận: Trong giải thích năm Chủng lạc, lược nêu ra Thể tánh, nói:

1. Nhân lạc, lấy ba pháp làm Thể, là thuận với Lạc quả nghiệp và hai pháp Căn và Trần, có thể sinh thuận với Lạc, Thọ và Xúc, ba pháp này là Thể của Nhân lạc, tức là thông với năm Uẩn tánh, vì thông với Thủ, thuận với lạc quả nghiệp, tương ưng có chung, đều là Thể của Nhân lạc, thông với năm Uẩn làm Thể.

2. Thọ lạc, tức là Hỷ thọ và Lạc thọ, thông với Lậu và Vô lậu, làm Thể của Thọ lạc.

3. Khổ đối trị Lạc, cũng như văn, là khổ của hàn nhiệt... dứt mất mà sinh khởi Lạc giác, tức là lấy Tuệ làm Khổ, Thể của Đối trị lạc. Lại nữa, Xứ của Khổ không có, nghĩa nói là Lạc này, không phải thật có Thể, trong văn dưới sẽ tự lựa riêng giải thích, tức là tùy Sở đắc hoặc thông với năm Uẩn, Thể của Thọ này là bốn Thọ đoạn lạc, tức là lấy Tưởng thọ diệt định làm Thể của Lạc, tức là trên Chủng tử của tâm chán mà lập Diệt định. Trong Diệt định vị, chỗ có Chủng tử tâm chán, đều là Thể của Lạc này.

Luận ghi: "Lấy Định làm Thể của Lạc, có năm loại Vô não hại lạc, luận có bốn loại:

1. Xuất ly lạc, tức là người xuất gia. Văn dưới kết rằng: "Có thể tùy thuận", tức là tùy thuận Bồ-đề lạc.

2. Viễn ly lạc, là chỗ đắc Ly sinh hỷ lạc địa trong Sơ thiền, tức là lấy Thọ tâm sở làm Thể.

3. Tịch tĩnh lạc, văn nói Nhị thiền trở lên, các Tầm tứ dứt mất gọi là Tịch tĩnh lạc, tức là lấy Đệ nhị thiền trở lên làm Thể của Lạc này, vì trừ Tầm tứ cho nên cũng lấy Tuệ làm Thể của Lạc.

4. Ba Bồ-đề lạc, tức là Chánh giác, là Vô phân biệt trí lạc, hoặc lấy chung Hậu đắc trí làm Thể của Lạc này, vì đoạn Hoặc mà đắc trí này, Sở đắc không làm Niết-bàn lạc, chính là Lạc này nhiếp, vì chứng Tịch tĩnh cho nên nói Tịch diệt, từ Tâm và Tâm sở nhiếp, là Thể tánh của năm Lạc. Lại nữa, năm Lạc này đều là Hữu vi, vì không thuyết minh Vô vi cho nên không nắm thủ Niết-bàn tịch diệt lạc.

Luận ghi: "Nói Nhân lạc, là các Căn và Cảnh giới của hai Lạc phẩm, hoặc đây là Nhân thuận với Lạc thọ Xúc", đây là nói Nhân lạc, tức là cùng với Lạc làm Nhân, gọi là Nhân lạc, là hai pháp Căn và Cảnh có thể sinh Lạc thọ, cho nên gọi là hai pháp, là Nhân của Lạc. Lại nữa, Căn cảnh cũng có thể sinh thuận với Khổ thọ Xúc, hiện tại lấy sinh thuận với căn cảnh của Lạc thọ Xúc. Căn cảnh trong Lạc thọ vị, do đó có nói về phẩm. Lại nữa, giải thích hai Lạc phẩm, tức là Lạc trong tự tánh, là Hữu lậu vô lậu lạc làm hai loại, lại cũng thân tâm Lạc làm hai loại. Trong văn này nói Căn cảnh làm Nhân, có thể sinh hai loại Lậu vô lậu và thân tâm, là hai loại Lạc. Không lấy Căn cảnh làm hai loại, chỉ lấy làm Nhân, có ý nêu ra quả Sở sinh là Lậu và Vô lậu lạc, lấy Năng sinh nhân và căn Cảnh làm Nhân của Lạc. Lại nữa, hai phẩm, lấy Quả của Lậu vô lậu thân tâm... như trước, cả hai kiêm lấy Nhân, hai căn Cảnh làm hai Lạc phẩm. Tuy nêu ra Quả lạc, nhưng có ý lấy Nhân lạc.

Luận: Trong giải thích Thọ lạc thứ hai, nói: "Do chỗ nói Nhân lạc ở trước là chỗ nhiếp ba Nhân duyên...", ba Nhân duyên là căn Cảnh là hai, và nghiệp thuận Lạc quả là ba Nhân duyên, trở lại Biệt giải, lấy trong Biệt nghĩa như trước.

Luận: Trong giải thích lựa riêng với các Lạc là tự tánh và Phi tự tánh, lựa riêng trong Đoạn thọ lạc thứ tư ghi: "Nhưng nương vào thắng nghĩa các chỗ thọ đều là khi Khổ trụ diệt định, thì Thắng nghĩa khổ này tạm thời vắng lặng cho nên gọi là Lạc", Diệt định trong đây là Vô lậu, Gia hạnh tâm trước cũng là Vô lậu, nhưng nói chỗ chán là Khổ, xa từ chỗ chán Hữu lậu mà nói, như Vô vi kia, thật ra Vô gián đạo đã đắc Tưởng thọ diệt vô vi, thời gian lâu sau đó mới đắc Định kia, khi đắc Định, lại từ chỗ đắc của Vô gián đạo thời ở trước gọi là Tưởng thọ diệt vô vi. Luận này cũng vậy, Định là Vô lậu gia hạnh, không phải Hữu lậu, từ chỗ chán xa mà đặt tên, gọi là chán Khổ. Tuy tâm xa nhưng cũng là Hữu lậu thiện, vì Thắng nghĩa lý cho nên cũng là Khổ. Lại nữa, cũng

đồng với Tưởng thọ diệt vô vi, đó là đại nghĩa.

Luận ghi: "Các Sở hữu khác, không có Não hại lạc...", là Xuất ly lạc, Viễn ly lạc, Tịch tĩnh lạc, đó là tùy thuận Bồ-đề lạc, vì là Bồ-đề phần, cho nên có thể dẫn Bồ-đề lạc. Như trước có thể biết.

Luận ghi: "Phải biết chỗ có Hiện pháp thì Khả ái quả nghiệp tương lai là chỗ nhiếp Nhân lạc", cho đến "chỗ thích nghi đó là đối với chúng sinh, thì liền phải truyền dạy ban cho...", trong đây giải thích năm Lạc ở trước, phải tư duy tuyển chọn nghĩa đáng ban cho hay là nghĩa không đáng ban cho mà ban cho chúng sinh. Hoặc trong Nhân lạc thứ nhất, lấy thuận Lạc quả nghiệp. Lạc thứ ba, thứ tư và thứ năm, đáng lẽ xưa nay ban cho chúng sinh không nên tư duy tuyển chọn, trong Nhân lạc đó, hai phẩm căn Cảnh và Thọ lạc thứ hai, phải quán là đáng ban cho hay không đáng ban cho mới ban cho chúng sinh. Trong đây có phương hại, như Khổ thứ ba dứt trừ Lạc, có một chúng sinh trước kia là bần khổ, không được tạo tội, Bồ-tát vì người đó mà dứt trừ Khổ, cho nên truyền ban cho tài bảo, đã được tài bảo rồi, cho đến phóng dật tạo các tội lỗi... lẽ nào không truyền ban cho! Lạc thời này có thể sinh tội lỗi, có thể sinh các nhiễm ô. Lại nữa, trong không có Não hại lạc, Xuất ly lạc và Tịch tĩnh lạc là Định cõi Sắc, cũng thông với Hữu lậu, là pháp Hữu vi, nên truyền ban cho chúng sinh, chúng sinh được nó không bỏ phế, thì tuy sinh cõi Sắc khởi Tham định vị, không học Nội pháp mà chấp làm Niết-bàn, sau đó thì sinh trở lại nẻo ác, chúng sinh đắc Định cõi Sắc đó không phải không có tội, không phải không có nhiễm. Tại sao không đồng với Thọ lạc? Quán sát chúng sinh kia là đáng cho hay không đáng cho, mà nói đối với chúng sinh xưa nay truyền dạy và ban cho! Lại nữa, trong tự tánh của Lạc thọ, thông với Lậu và Vô lậu, tại sao không nói Hữu lậu, để chọn lựa tư duy Vô lậu? Xưa nay truyền dạy ban cho chúng sinh kia Nhân lạc, thuận với nghiệp của Lạc quả, xưa nay truyền dạy và ban cho Nhân lạc của Căn trần, tức là không truyền dạy và ban cho. Nhân lạc này có hai loại, là có ban cho và không ban cho Thọ lạc, đã có hai thứ thì cũng phải ban cho và không ban cho, sư Viễn nói: "Thuận với nghiệp của Lạc, nhiếp Lạc kia quyết định phải ban cho, cho nên nói đó là quyết định nhiêu ích, tức là có chúng sinh khởi thuận với nghiệp của Khổ thì Bồ-tát không truyền dạy. Nếu khởi thuận với nghiệp của Lạc, thì quyết định phải ban cho. Trong Thọ lạc kia là Vô lậu thọ, nhiếp Quyết định kia đáng lẽ lợi ích không thể tận, không nên nói thiên lệch, vì Sở tác vô lượng, như Tứ thiền quyết định đáng ban cho thì ban cho, Vô lậu thọ thì không như vậy.

Hỏi: Nếu có người Căn thành thục, muốn nhập Kiến đế, có thể kham ban cho Vô lậu, thì cũng là quyết định, tại sao không ban cho?

Đáp: Giải thích trước không phải. Có nghĩa là nếu phỏng theo thật lý thì trong tự tánh của Thọ cũng đắc, như Nhân lạc phân riêng chỉ vì Hữu tánh và Vô tánh khác nhau, Vô lậu thọ thì không nên xưa nay ban cho. Lại nữa, có thể nhập một Địa hoặc không thể nhập Địa, vì riêng biệt cho nên không nên nói xưa nay truyền ban cho. Nếu khiến cho người nhập Địa xưa nay đáng lẽ truyền dạy ban cho, vì không khiến cho nhập tương đối, cho nên hợp chung để làm ví dụ.

Hỏi: Nếu như thế thì Đoạn thọ lạc, không có não hại Lạc, thì như thế nào mà thông được?

Đáp: Tư duy Lậu và Vô lậu, có riêng Thọ tánh.

Hỏi: Vì sao không đồng với Nhân lạc?

Đáp: Thể có ba loại được làm Phân biệt. Lại nữa, Đoạn thọ lạc thuần truyền dạy ban cho, nhưng phỏng theo người hiện tại có được thì liền biết đã hiển Vô lậu thọ, cũng khiến cho truyền dạy ban cho. Vì văn hiển rõ, không nói Thọ lạc.

BẢN LUẬN 36

Tự trong Hạ phẩm, đoạn văn lớn thứ ba, thuyết minh Nhân nhiếp Quả, nhiếp Tự lợi lợi tha, tức là trong Nhân quả đều có Tự lợi, kiêm gồm Tha hạnh.

Luận ghi:

1. Dị thục nhân Dị thục quả.
2. Phước nhân Phước quả.
3. Trí nhân Trí quả.

Căn cứ trong văn dưới thì Dị thục nhân quả... là thuyết minh riêng, Phước trí nhân quả... là thuyết minh chung và thuyết minh riêng. Trong Dị thục nhân quả có ba loại thuyết minh:

1. Chánh thuyết minh Dị thục thể. Dị thục thể này xét theo Hạ phẩm Tín mà nói thì có đầy đủ thế lực lớn, chưa hẳn đều là Quả vô ký. Nhưng khi kết quả thì có Tăng thượng quả hoặc Đẳng lưu quả gọi là Quả thục, hoặc tại Địa tiền tuy Hữu lậu thiện nghiệp Hoặc, hoặc tại Địa thượng cũng thông dụng Vô lậu làm tăng trưởng nghiệp. Lại nữa, nếu Vô ký quả của Dị thục chỉ là Hữu lậu thì tại Địa tiền nhiếp, thông với Địa thượng, nếu Tăng thượng Đẳng lưu quả thì như Tín mà nói là có thế lực lớn... tại Địa thượng, thông với Hữu lậu và Vô lậu, vì khởi ngay tại Hậu đắc trí, những loại như vậy là Dị thục thể.

2. Thuyết minh Dị thục nhân. Căn cứ theo văn dưới thì có tám loại, nếu tại Địa tiền thì chỉ có Hữu lậu thiện nghiệp, nếu tại Địa thượng thì thông với Hữu lậu, Vô lậu. Nếu người chiêu cảm Hữu lậu quả, thì Nhân này gọi là Hữu lậu. Nếu người chiêu cảm Vô lậu quả thì Nhân này gọi là Vô lậu, gọi đó là Dị thục nhân thứ hai.

3. Thuyết minh quả Dị thục. Không phải quả bị nghiệp trước chiêu cảm gọi là quả Dị thục, ngay Dị thục thể là chỗ chiêu cảm của nghiệp, gọi đó là quả Dị thục. Đắc Dị thục rồi thì y theo Dị thục thể làm Nhân, chỗ phát thân ngữ... làm Quả, Quả này tại Địa tiền và Địa thượng đều được thông với Hữu lậu và Vô lậu, căn cứ theo nghĩa thì phải biết gọi đó là quả Dị thục bên trong.

Trong phần thứ hai hợp chung thuyết minh Phước trí cũng có ba loại:

1. Thuyết minh trước Phước trí có hai loại Thể.
2. Thuyết minh Phước trí có hai loại Nhân.
3. Thuyết minh hai loại Quả của Phước trí, vì sáu Độ nhiếp Phước trí làm Thể của Phước trí.

Có một số văn trái nhau, đến văn đó sẽ tự giải thích, thông với Địa tiền Địa thượng, thông với Hữu lậu vô lậu, chính là Nhân của Phước trí đó, chính là quả của Phước trí đó, tức là nương vào chỗ khởi của Phước trí mà lợi vật lợi sinh... làm Quả của Phước trí. Đây là hoặc Nhân hoặc Quả... đều chỉ là Thiện thông với Lậu và Vô lậu, còn lại đến văn sẽ giải thích.

Trong giải thích Dị thục thứ nhất, thứ năm Tín ngôn cụ túc ghi: "Nhiều chỗ tín phụng, đoạn trừ kiện tụng, nắm lấy quy tắc thì không hiện hành Siểm, Cuống, Nguỵ, Thăng xưng ... cho đến Tín ngôn cụ túc... Thứ sáu có Đại danh xưng, lưu danh khắp thế gian, cho đến Đại thế cụ túc...", trong đây không phải lấy Vô ký pháp làm Dị thục thể, mà lấy từ Sở sinh của Nhân trước, hiện tại đắc quả Đẳng lưu lấy từ Nhân trước mà sinh, trong Dị thục thuyết minh thì lấy văn này mà biết, thông tại Vô lậu địa cõi trên thì được có, lại cũng biết trong Dị thục thông với Thiện tánh...

Luận: Trong giải thích Nhân, nói: "Tuệ thí quang minh, y vật tươi sạch, gọi là Hình sắc nhân", nói hình sắc, không phải là loại hình của hình hiển hiện, nếu là hình của hình hiển hiện tức là có Quang minh, có nghĩa là Hiển sắc nhân chiêu cảm Hình sắc quả, cho nên biết hình chỉ là hình của thân hình, vì thông với Hiển sắc làm Nhân. Lại nữa, vì đồng Tụ, tức là lấy Hiển sắc làm Nhân để chiêu cảm Hình sắc thì đâu có gì trái nhau! Cho nên hình hoặc là hình của Hình hiển.

Luận: Trong giải thích Nhân đại thế cụ túc, có ý là vì cúng dường Tam bảo, tôn trưởng... phát hoằng thệ nguyện, đời đương lai trong nguyện nhiếp trì các thứ công đức đưa đến trong tự thân, do sự cúng dường này mà phát nguyện... làm Nhân, tương lai chiêu cảm Đại thế cụ túc. Đó là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích Nhân tánh cụ túc, nói: "Do hai nhân duyên Thí tha nhân tánh", là các phụ nữ khác hay ưa thích hình dáng của tự mình, trượng phu sắp chuyển căn mất nam căn, Bồ-tát khuyến khích người kia nhiếp hộ, khiến cho không chuyển căn, lại cũng vì người kia mà thuyết pháp, khiến cho nữ nhân và trượng phu kia, noi theo Bồ-tát khuyến khích cho nên không ưa thích nữ thân, người chuyển căn noi theo Bồ-tát khuyến khích được cũng không chuyển căn, đó gọi là Thí tha nhân tánh.

Luận: Trong giải thích riêng ba nhân duyên, Điền thanh tịnh thứ ba ghi: "Phải biết lược nói có thể chánh phát khởi như vậy Gia hạnh và chánh an trụ Gia hạnh quả này gọi là Điền thanh tịnh", là Vô gián

thường uỷ thác chỗ làm, khi phát Gia hạnh này và đắc Tùy địa... mà nhiếp Quả chỗ hy vọng của Gia hạnh ở trước, cho đến lấy Phật làm Quả của chỗ hy vọng ở trước. Gia hạnh... này, hoặc Nhân quả đều có thể kham làm phước điền, gọi là Điền thanh tịnh.

Luận: Trong giải thích quả Dị thục thứ ba, nói: "Hình sắc cụ túc quả" cho đến "phàm là chỗ phát ngôn thì không có chỗ nào mà không có thính dụng", điều này cũng Tín ngôn cụ túc trong Dị thục, nào có khác gì! Nếu Quả này nương vào Dị thục kia mà sinh thì chỉ nương vào Sở sinh kia, tức là Quả đâu cần phải có Sở thuộc, vì hình sắc đoan chính, người người đều tín dụng. Lại nữa, trong Tín ngôn ở trước, đối với Thăng xưng v.v... không có sai trái, chỗ luận Thăng xưng sự, không có gì mà không tín thọ, hiện tại vì hình sắc đoan chính, pháp nói ra người người đều tin thọ, cho nên có chỗ bất đồng, không phải ngay một câu nói mà cả hai chỗ đều tin rõ.

Luận: Trong giải thích Tự tại cụ túc, nói: "Có thể lấy Bố thí nhiếp chúng sinh v.v...".

Hỏi: Tại sao Đại tài, Đại bằng hữu, Đại quyến thuộc của Dị thục đều tự tại cụ túc, hiện tại trong Quả chỉ nói Đại tài làm Quả?

Đáp: Thật tác pháp trước có Đại bằng hữu v.v... hiện tại lấy bốn Nhiếp sự phối hợp với Tín ngôn cụ túc, chỉ có bố thí mà không có Đại bằng hữu v.v... cho nên không trái nhau.

Luận: Trong Đại thế quả, cũng có Xuất ngôn, đều làm Tín dụng, chỉ vì Sở nhân riêng biệt, Ngôn đều là tin dùng, tùy theo Nhân cũng luận riêng. Nếu các Bồ-tát tự có lực thì không khéo đặt yên xứ sở mà hóa độ hữu tình, Bồ-tát kia đối với Sự của tự mình không tùy thuận, khởi như vậy đối với chỗ làm lợi ích của người khác, không gọi là Xí thịnh v.v... căn cứ theo quyển trước thì chỉ có Tự lợi, là Bồ-tát chướng Bồ-tát sự thuần Lợi tha. Luận này cũng vậy, nếu tự có thể hoặc không thể hóa độ hữu tình, thì trong Tự sự không gọi là tùy thuận đối với Tha, không gọi là Xí thịnh, nếu tự mình không thể làm Thiện, nhưng có thể đặt yên xứ sở, thì chỗ hóa độ hữu tình có thể hóa độ Tha, đó là Bồ-tát sự tùy thuận mà làm, vì tự mình Vô tri, Vô năng lực, cho nên đối với Tha không gọi là Xí thịnh v.v... vì có trí tuệ và năng lực thành thục vật kia cho nên gọi là Xí thịnh.

Luận ghi: "Phước có ba loại là Thí, Giới và Nhẫn, Trí có một loại là Độ thứ sáu, Tinh tấn và Tĩnh lự thì thông với Phước trí phần", như các văn các luận khác. Lại nữa, năm loại trước là phước, loại thứ sáu là Trí. Lại nữa, nói "Ba loại trước là phước, ba loại sau là Trí", hiện tại

đối với luận này tổng có đoạn văn trái nhau, thật ra năm loại trước là phước, loại thứ sáu là Trí, luận này phỏng theo khắp chỗ thù thắng mà làm luận, cho nên thông với hai phần. Lại nữa, ba loại trước là phước mà lý là Định, ba loại sau là Tuệ, vì Tinh tấn và Tĩnh lự thông với Sách, tùy theo Tuệ nhiếp cho nên ẩn Sách phước, không nói thông với nghĩa của phước Biến sách. Như văn có thể biết, như Đối Pháp sao quyển 2 mà hiểu.

Luận: "Giải thích nương vào Tĩnh lự thông với tu Từ là phước, không nói Thí...", vì tại Tán tâm cho nên không nói, lại cũng hiển văn chỉ có vô hại.

Luận ghi: "Do đó hai loại đối với chứng Chánh giác tuy đều là thù thắng, nhưng trong đó", hai loại là phước và Trí, lược lựa riêng với Dị thục, vì không phải chánh chứng nhân Bồ-đề.

Luận: Trong giải thích Hiện pháp tự lợi thứ tư, nói: "Lại nữa, Hiện pháp Niết-bàn của chư Như Lai, chỗ có thế gian và xuất thế gian...", trong đây có ý nói, là Như Lai chứng Niết-bàn, Thế pháp và xuất thế pháp đó Bồ-tát đều thành thục, lấy Trí làm đầu gọi là Tự lợi, nếu lấy Bi làm đầu, thì như chỗ nói trước, các Hạnh tự lợi gọi là Lợi tha.

Hỏi: Tại sao quyển trước nói Tự lợi là chướng, hiện tại gọi Tự lợi là Hiện pháp của Bồ-tát?

Đáp: Hiện tại Tự lợi này, thật ra là kiêm Lợi tha, lấy Trí làm đầu, lấy Bi làm đầu, tại nghĩa thì khác, nghĩa nói Tự lợi, không phải trong một pháp chỉ có Tự lợi. Hoặc chướng ở trước, là trong một pháp chỉ có Tự lợi, không có Lợi tha, không đồng với Chướng kia.

Luận ghi: "Nếu đối với cõi Dục có thể đạt được đời khác, tài bảo cụ túc, tự thể cụ túc..." cho đến "tu tập Hậu pháp tự lợi lợi tha", trong đây có ý nói, là cõi Dục chết rồi, sinh lại cõi Dục, hoặc sinh lên cõi Sắc; cõi Sắc chết rồi, sinh lại cõi Dục, tự thể và tài bảo có được, lại cũng hiển hiện Ưu khổ, đều tu nhân thiện thì đối với đời đương lai đạt được thiện quả, cho nên gọi là đời khác Tự lợi lợi tha.

Luận: Trong môn Tất cánh thứ năm... ghi: "Hoặc các Phiền não tất cả vĩnh viễn đoạn, hoặc tám chi Thánh đạo, hoặc tám chi này làm chỗ y đạt được thế gian thiện pháp, gọi đó là Tất cánh...", như trong Vô học thân, nhân theo sức Tăng thượng duyên của Vô lậu tám Đạo chi mà sinh Hữu lậu thiện pháp, gọi đó là Tất cánh, vì chỉ có đời này cho đến Cực quả.

PHẨM CHÂN THẬT NGHĨA

Ngay Bồ-đề phần trì, trong phẩm 16, thứ tự hai phẩm nói về Chân thật nghĩa, y theo chỗ thuyết minh của văn này, lại như ba tánh, Thể của Biến kế sở chấp Pháp nhĩ không có, Y tha và Viên thành hai Đế thì nói là có. Luận này có nói Hữu và Vô, tức là nói Vô thì xứng với chân thật, đây là thuyết minh nghĩa này, gọi là Chân thật nghĩa phẩm. Tại sao Tự tha lợi phẩm trở xuống, thuyết minh Chân thật nghĩa phẩm? Tự tha lợi phẩm ở trước lấy Hạnh để thuyết minh pháp, Hạnh thì nương vào lý, sau Tự tha lợi thì phân tích Chân thật nghĩa, các phẩm trình bày thứ tự, đại khái văn đồng với luận này. Như kinh Niết-bàn ban đầu thuyết minh các hạnh Từ bi, Bất sát... sau đó thuyết minh bốn Đế, Như Lai tánh... theo lý mà nói, các kinh như vậy để thí dụ không phải một, trước trình bày các phẩm, sau đó thuyết minh Chân thật nghĩa.

Luận ghi: "một là Y Như sở hữu tánh, hai là Y Tận sở hữu tánh", lại còn như hai Trí, Như sở hữu tánh tức là Vô phân biệt trí, trí duyên lý. Như Cảnh đạo lý xứng với Thật tánh mà quán. Tận sở hữu tánh tức là Hậu đắc trí, duyên Sự làm Cảnh, bao quát hết cảnh giới tánh mà có thể quán. Giải thích này phần lớn lấy lý sự trí phân riêng. Lại nữa, Quán trí quán bốn Đế, mười sáu Đế, ba Không môn... gọi là Như sở hữu tánh. Tám quán tâm tuy là Hậu đắc trí vẫn là xuất thế, nhưng Hậu đắc trí duyên tướng Kiến đạo hữu tánh Chân như, gọi là Như sở hữu tánh. Hoặc Hậu đắc trí duyên các sự Hữu thường Vô thường, Hữu lậu vô lậu... thì Sai biệt môn không khởi thế gian trí của tướng Kiến đạo chân như giải, gọi là Tận sở hữu tánh. Đây là phỏng theo Hậu đắc trí phân làm hai Trí, là thế gian Hậu đắc và xuất thế gian Hậu đắc mà giải thích.

Luận ghi: "Lại có bốn loại: một là Thế gian cực thành chân thật, cho đến Sở tri chướng tịnh, Sở hành chân thật thứ tư. Loại thứ nhất là thế gian thế tục cùng thừa nhận, là có nương vào lý thế tục, pháp này là Hữu trừ pháp sở chấp, gọi là Thế gian sở thành chân thật, vì cùng thừa nhận cho nên gọi là Chân thật, tức là chỉ có pháp Hữu vi Hữu lậu. Nếu pháp Vô vi Vô lậu thì đó là đạo lý Sở thành xuất thế gian. Loại thứ hai là đạo lý Sở thành chân thật, là người hữu trí cho đến người Tùy quán sát hạnh, nương vào Hiện lượng, Tỷ lượng và Chí giáo lượng... mà làm nghĩa của đạo lý Sở thành, tức là thông với pháp Hữu lậu vô lậu và pháp Hữu vi Vô vi. Loại thứ ba là Phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật, là nương vào văn của luận mà thông với các trí Gia hạnh... của Nhị thừa, tức là chỗ đắc ba Trí của ba Thừa, Cảnh của ba Trí là Niết-bàn Vô

vi, các pháp bốn Đế cũng vậy. Phiền não chướng tịnh trí thể sở hành chân thật, chỉ có Gia hạnh trí trong Hữu lậu. Hai Trí của Vô lậu và Vô vi của Niết-bàn tức là Thể chân thật. Loại thứ tư là Sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, tức là Vô phân biệt trí và Hậu đắc trí, là hai trí Sở đắc đoạn Sở tri chướng, và nhân theo đoạn Sở đắc vô vi chân như, đó là Thể chân thật này, tức là thuyết minh Vô lậu Vô vi. Lại nữa, từ hai Chân thật chỉ lấy nhân theo hai chướng đoạn Sở đắc vô vi, không lấy Trí, tức là chỉ có Vô vi không phải thông với Hữu vi.

Luận: Trong giải thích Thế gian chân thật, nói: "Thế nào là Thế gian cực thành chân thật? Là tất cả thế gian đối với các Sự kia tùy thuận giả lập theo tập quán của thế tục mà ngộ nhập Sở kiến đồng tánh của Giác tuệ", câu này có ý thuyết minh, tất cả người trong thế gian, trong nhiều sự, tùy theo nhiều sự mà khởi ngôn thuyết, có ý giải thích Sự sở chứng. "Nhiều người cùng thừa nhận", đó là Thể chân thật này, cho nên trình bày "là Địa chỉ là Địa... là Thử chỉ là Thử", cho đến "không phải không có như vậy", là Địa này chỉ là Địa, là Thủy chỉ là Thủy, không phải Hỏa, Phong... dấy khởi, quyết định giải thích thế gian cùng thừa nhận, từ vô thỉ truyền đến nay, không phải bất chợt mà suy nghĩ, những thứ này là Thể chân thật thể.

Luận: Trong giải thích đạo lý Cực thành chân thật, nói: "Người Năng tầm tư, người Năng từ sát, người trụ Tầm tứ địa" trở xuống, là như cõi Dục, có người một thời không khởi Tầm tứ, hoặc người có khởi Tầm tứ này thì gọi là Năng tầm tứ... Nếu lấy cõi Dục đối với cõi Sắc, thì gọi là Trụ tầm tứ. Lại nữa, nói Năng tầm tứ... là thuyết minh người chính khi khởi Tầm tứ, trụ Tầm tứ địa, là người thành thục Tầm tứ. Ở vào Dị sinh vị, là Thánh nhân trụ Vô lậu, không bị tán loạn nhiều và có nhiều luận nghĩa... vì Dị sinh có nhiều tán loạn, có nhiều ưa thích luận nghĩa, cho nên chỉ căn cứ theo người trụ Dị sinh. Lại nữa, Thánh nhân tuy có Kiến đế, có Tỷ lượng và Thánh ngôn lượng... nhưng có ít phần, có rồi thì chứng đắc. Phàm phu thì xưa nay chưa chứng đắc, vì phần nhiều là sinh Tỷ trí. Trong Đa lý cực thành, thuyết minh đạo lý Tỷ lượng của Phàm phu cực thành đối với pháp.

Luận: Trong giải thích Chân thật thứ ba, nói: "Nếu người Năng dẫn trí Vô lậu, không phải Hữu lậu gia hạnh trí, thì tại sao Phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật mà không duyên Vô vi Niết-bàn"? Có nghĩa là luận đó nói "không đúng". Đó là trí duyên Niết-bàn, là trí Vô lậu năng dẫn này duyên Niết-bàn, cũng nói Gia hạnh này bị nhiếp trong đó.

Luận ghi: "Vì tập quen Dị uẩn Bổ-đặc-già-la vô tánh kiến", tức là tập quen Vô ngã kiến lìa ngoài Uẩn.

Luận: Trong đoạn văn lớn giải thích Vô nhị thứ hai, nói: "Hữu trong đây là chỗ an lập giả thuyết tự tánh tức là chỗ chấp trường thời của thế gian...", cho đến "các loại như vậy là chỗ cùng hiểu rõ các pháp giả thuyết tự tánh của chư thế gian, gọi đó là Hữu...", trong đây có ý nói, là tất cả cảnh vốn tự nó không có, hiện tại người chấp này vọng an lập là phải có mà giả thuyết tự tánh là Hữu, tức là chỗ chấp của thế gian từ vô thỉ đến nay khởi Phân biệt hý luận, Căn bản là nương vào Cảnh mà khởi Danh ngôn phân biệt, cho đến kế chấp có Niết-bàn, những thứ như vậy là Biến kế, có những thứ Sở chấp hý luận như vậy gọi đó là Hữu.

Luận ghi: "Nói Phi hữu là ngay tại các Sắc mà giả thuyết tự tánh", cho đến "đều là Vô sở hữu, gọi đó là Phi hữu...", câu này có ý thuyết minh là như Biến kế, giả thuyết tự tánh của các Sắc... là Vô sự Vô tướng, tức là Sắc... vô sự vô tướng. Sở y ngôn thuyết và Ngôn thuyết giả thuyết, tất cả Danh ngôn Sở y của Vô sự Vô tướng này, đều không có Sở y, vì không có cho nên các Kế chấp hữu sắc... những thứ này đều là Vô sở hữu, bậc Thánh trừ bỏ nói thì gọi đó là Trung đạo.

Luận: Đoạn văn lớn thứ ba, thuyết minh tu Không tuệ, là phương tiện của Bồ-đề, Không tuệ này đối với Biến kế sở chấp không giống như chỗ nói Phi hữu không ở trước.

1. "Lại nữa, ngay Tuệ này là hàng Bồ-tát..." một hàng ba chữ, tổng thuyết minh tu tính Không của Tuệ, là phương tiện của Bồ-đề. Tại sao vậy? Vì từ câu "hàng Bồ-tát" trở xuống cho đến "thành thục Phật pháp và hai hạnh của các hữu tình", thuyết minh do có Không tuệ mà không nhiễm trước sinh tử.

2. "Lại nữa, có thể hiểu rõ sinh tử như thật", cho đến "thâm tâm chán lìa" một hàng bốn chữ, thuyết minh trong sinh tử phần nhiều thọ sinh tử mà giáo hóa chúng sinh, không vì Hành vô thường... mà chán nghịch sinh tử, cầu nhập Niết-bàn, tức là không nhiễm trước Niết-bàn.

3. "Hoặc hàng Bồ-tát không thể biết rõ như thật sinh tử, tức là không thể đối với..." cho đến "không thể thành thục Phật pháp và hữu tình" bốn hàng chữ trở lại, thuyết minh nếu người không có trí thì phần nhiều nhập trong sinh tử, thì không thể thành thục Phật pháp và hữu tình, nếu người có Tuệ thì không nhập sinh tử, hay khéo thành thục Phật pháp và hữu tình, tức là không nhập sinh tử, từng chi tiết khác với phàm phu, không đồng phàm phu khởi Hoặc của Tham... vì nhập sinh tử, Bồ-

tát không nhập tức là do trí, thường ở Niết-bàn.

4. "Hoặc Bồ-tát đối với sinh tử của mình, lấy các Hành vô thường... thâm tâm chán lìa", cho đến "Chánh đẳng Bồ-đề" ba hàng bốn chữ, thuyết minh Bồ-tát không giống như Nhị thừa bội nghịch sinh tử nhanh chóng nhập Niết-bàn, vì không có Bi; Bồ-tát thì có Bi, giáo hóa chúng sinh, không nhập Niết-bàn thường ở trước sinh tử, tức là lựa riêng với Nhị thừa.

Từ trên đến đây, giải thích ngược thứ nhất đã xong, từ đây trở xuống tiếp theo giải thích ngược thứ hai.

"Lại nữa, hàng Bồ-tát do tập quen Không thắng giải như vậy, tức là đối với Niết-bàn không sinh kinh sợ, đối với Niết-bàn không nhiều nguyện lạc", cho đến "hàng Bồ-tát đó đối với chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không có đại phương tiện" trở lại, thứ nhất là Chánh giải, thứ hai là che lấp nghĩa Tịnh ở trước, và trong giải thích Sơ chánh giải có bốn loại, loại thứ nhất và thứ hai hợp chung giải thích, luận ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát do tập quen Không thắng giải như vậy, cho nên đối với Niết-bàn không sinh kinh sợ, cũng đối với Niết-bàn không có nhiều nguyện lạc", từ đây cho đến loại thứ nhất do có Không tuệ, hoặc ở trước sinh tử cho nên không sợ Niết-bàn; loại thứ hai tuy biết rõ sinh tử có thể nhập Niết-bàn, cũng đối với Niết-bàn không có nhiều nguyện lạc, vì có Tuệ. Đây là thứ nhất và thứ hai hợp chung giải thích. Lấy gì để biết được? Căn cứ trong giải thích mà biết. Loại thứ ba: "Hoặc hàng Bồ-tát kinh sợ Niết-bàn", cho đến xa lìa tất cả Thắng giải thanh tịnh", vì do có phiền não, không khéo ở trong sinh tử mà kinh sợ Niết-bàn, không sinh mong cầu, cho nên không thể phát khởi Thắng giải thanh tịnh đối với cõi Niết-bàn, vì không có trí cho nên không thể đoạn sinh tử, tức là ở nhiều trong sinh tử. Loại thứ tư: "Hàng Bồ-tát đối với Niết-bàn phần nhiều là trụ nguyện lạc", cho đến "không thể thành thục Phật pháp và chư hữu tình", vì không có Bi, đối với Niết-bàn đó trong thâm tâm cầu vui, nhanh chóng mà nhập vào, cho nên không thể thành thục Phật pháp và chư hữu tình. Nếu người có Bi, thì không thích nhập Niết-bàn, trong sinh tử mà giáo hóa chúng sinh, không nhiễm trước Niết-bàn.

Từ trên đến đây, Chánh giải có Không tuệ thù thắng, hoặc hợp chung thứ nhất thứ hai giải thích thành ba đoạn văn, hoặc nghĩa thì làm bốn đoạn, trong đây trước hết tổng làm ba đoạn, hợp chung nghĩa phân làm bốn đoạn, nói: Thứ ba và thứ tư... từ "phải biết trong đây" trở xuống, là biết ngược lại nghĩa Tịnh. Dưới đây có bốn loại:

1. Do không có Không Tuệ, không biết sinh tử như thật, tức là

tâm Tạp nhiễm lưu chuyển sinh tử, đây là giải thích ngược. Trong hợp chung giải thích: a) Đối với Niết-bàn không kinh sợ. b) Nếu vì Hành vô thường mà chán sinh tử, thì nhanh chóng nhập Niết-bàn, tức là giải thích ngược lại. Phần thứ hai trong hợp chung giải thích: Cũng đối với Niết-bàn không có nhiều nguyện lạc.

2. Nếu không có trí, thì đối với Niết-bàn trong thâm tâm kinh sợ, tức là đối với chứng Tư lương của Niết-bàn không thể viên mãn, thường ở trong sinh tử, tức là giải thích ngược lại trên. Trong hợp chung giải thích.

3. Xa lìa tất cả pháp Tịnh thắng giải...

4. Nếu không có Bi thì đối với Niết-bàn phần nhiều trụ Ly lạc, tức là nhanh chóng nhập Niết-bàn lạc, tức là giải thích ngược. Trong hợp chung giải thích. Không thể thành tựu Phật pháp và hữu tình. Bây giờ kết các giải thích ngược, luận ghi: "Hàng Bồ-tát đó đối với Vô thượng Chánh Đẳng Bồ-đề không có đại Phương tiện. Thứ tự ba loại mà giải thích bốn nghĩa, lấy lý căn cứ theo văn có thể biết. Hoặc loại thứ nhất chánh thuyết minh bốn nghĩa, đây là ban đầu lập tông, phải biết trong giải thích ngược ở dưới, giải thích lại nghĩa trước, ngay trong giải thích lại, có hai đoạn: một là giải thích ngược bốn nghĩa, hai là chánh giải thích bốn nghĩa.

Luận: Đoạn văn lớn thứ tư, giải thích đắc Vô ngã trí, đạt được tất cả phẩm loại, Bình đẳng bình đẳng, chỉ lấy Sự của nó, Y tha và Viên thành thật nếu như tuy đạt trở lại thì không khởi tư duy đây là Y tha, đây là Viên thành... như vậy là Vô ngã trí, tu hành đối với cảnh nghĩa. Bồ-tát thì đắc Bình đẳng kiến, đắc Bình đẳng tâm, có thể đắc Xả tối thắng bình đẳng. Lại nữa, có người nói: "Xả này khi nhập Kiến đạo, thì tối sơ là đắc Xả", căn cứ theo ngay Xả thọ là không đúng.

Luận: Đoạn văn lớn thứ năm, lược thuyết minh thành tựu Phật pháp và chư hữu tình, lấy sáu Ba-la-mật, căn cứ theo văn nghĩa mà phối hợp, tùy theo khởi Bố thí gì cho đến Tuệ gì.

Luận ghi: "Tuy có năng lực nhưng người kia nếu có cầu thỉnh", cho đến "không phải không có Dục lạc", là có hữu tình đối với mình có ân, tùy theo năng lực của mình hiện tiền mà thù đáp. Tuy không có năng lực, nhưng nếu người khác đến thỉnh, thì tùy các sự kia thị hiện ân cần tôn trọng vì người đó mà làm, không vì không có năng lực mà không nhận sự thỉnh cầu của người khác. "Như thế nào khiến cho người khác biết ta Vô lực? Ta chỉ có không có lực không phải không có Dục lạc", vì ý biết ngơi nghỉ, muốn được báo đáp.

Luận: Đoạn văn lớn thứ bảy, có ý muốn thuyết minh chỗ chấp Phi hữu, Y tha và Viên thành là Hữu, chỗ chấp các pháp Xứng ngôn, luận này muốn phản đối điều đó. Nói "các pháp Ly ngôn", là pháp lìa lời nói, chính là Tự tông, muốn hiển Thật để phá Tha, lựa riêng với Phi thủ, là lẽ nào lấy Trực ngôn, cho đến các pháp Ly ngôn, để cần có đạo lý.

Luận: "Hỏi: Tại sao đạo lý cần phải biết các pháp Ly ngôn, tự tánh bình đẳng" trở xuống, trong phần đáp "cho rằng tất cả pháp giả lập Tự tướng", cho đến "cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu", trong đây phá chấp có hai câu:

1. "Cho đến là nói Sở hành, là nói cảnh giới", là đoạn văn có hai kế chấp của ngoại đạo.

2. "Như vậy các pháp không phải có tự tánh" trở xuống, là phá lại kế chấp của ngoại đạo để thành lập Tự Tông.

Hai kế chấp là "tất cả pháp giả lập Tự tướng", cho đến "chỉ có giả kiến lập không phải có Tự tướng", thuyết minh kế chấp của ngoại đạo rằng: "Như Danh của Năng thuyên cùng với Cảnh của Sở thuyên, đều là Giả danh, vì không xứng với Cảnh. Như chỗ kế chấp gọi là nhìn thấy thật mà đắc Cảnh sở thuyên, Cảnh này chỉ là giả kiến lập, không phải có tự tánh. Nói Thể là Vô, đã kế chấp Danh sở thuyên không xứng với Cảnh, thì Cảnh sở chấp đó là Phi hữu trở ra ngoài tám Chuyển mà kế chấp. Luận thứ hai ghi: "Cũng không phải lìa Cảnh kia mà riêng có tự tánh, là nói Sở hành, là nói cảnh giới. Nói "Danh thuyên sở thuyên đã không tương xứng", tức là trong Danh năng thuyên có Thể của Sắc kia hoà hợp, đây là câu nói tương xứng, đó là nói Sở hành và cảnh giới. Luận chủ phản đối điều đó, "cũng không phải lìa Thể của Sở thuyên, Thể kia riêng có một tự tánh hoà hợp. "Là nói Sở hành, là nói cảnh giới", là nếu giả lập Danh... tức là trên Sắc... của Sở thuyên, có nói nghĩa của Sở hành và cảnh giới, gọi là Biến kế sở chấp. Sở thuyên tương xứng câu nói, đó là nói cảnh giới. Sắc... cùng với Danh hoà hợp, tức là hoà hợp trong Danh, đó là nói Sở hành, là nói cảnh giới thì không đúng. Tuy chỗ kế chấp không phải thật, nhưng Vọng tánh không phải không có, người ngoài nếu chấp Sở thuyên đã không có, tức là chỗ nói ở trước, chỗ có tự tánh... cũng là Phi hữu, cho nên luận chủ trong luận thứ hai ghi: "Như vậy các pháp không phải có tự tánh, như Ngôn sở thuyết cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu", tức là Sở thuyên cũng như Biến kế sở chấp. Nói rằng: "Pháp sở thuyết không phải Hữu tánh", là cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu. Nói rằng: "Y tha vọng cảnh không phải không có", đây là phá thứ nhất, Danh thuyên sở thuyên gọi là Ngoại

cảnh kế chấp. "Như vậy Phi hữu cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu", là Sở chấp Ngôn bên ngoài cùng với Danh gọi là pháp được nhìn thấy, đây là Bất ly ngôn, trước đã phản đối câu nói "đây là Phi hữu". Hiện tại chỉ nói "chỗ chấp như vậy hoà hợp với Phi hữu", cũng có Y tha vọng kế tồn tại, cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu. Từ câu "Lại nữa, giải thích thứ nhất" cho đến "chỉ có giả kiến lập Phi hữu tự tánh" trở lại, là thuyết minh phá kế chấp bên ngoài. Từ câu "như Danh" trở xuống, là pháp Sở thuyên, phải biết gọi là Danh năng mục. Tất cả pháp của Sắc... chỉ giả kiến lập, không phải có tự tánh. Nói rằng: "Như chỗ kế chấp bên ngoài là Vô, thì người ngoài đã thấy Sở thuyên là Vô, vì không với lời nói, cho nên có thể tùy chuyển kế chấp, như nói: "Danh đó là pháp Sở mục, vì không xứng với Sắc danh", đáng lẽ lìa ngoài Sắc sở mục, mà riêng có tự tánh, đó là nói Sở hành, đó là nói cảnh giới. Hiện tại luận chủ phản đối điều đó, nói: "Cũng không phải lìa cảnh kia mà riêng có tự tánh, đó là nói Sở hành và cảnh giới", tuy khởi thị phi không phải chỗ chấp Hữu, nhưng đó là Thể của tánh Y tha... vì là Phi vô.

Luận ghi: "Như vậy các pháp Phi hữu tự tánh, chỗ nói y như lời cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu", như chỗ kế chấp như Ngôn sở thuyết trước, không phải là pháp có tự tánh, như Sở chấp là Phi hữu, như Vọng pháp của Y tha giả lập Danh ngôn, các pháp này cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu, không thể không có Y tha... "Phi hữu tự tánh", là Biến kế sở chấp. "Như ngôn sở thuyết cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu", là cái Hữu của Y tha, không phải chỉ có pháp Ly ngôn của Y tha là Hữu, mà chính là chỗ chấp pháp Phi hữu đó có vọng tình tồn tại, cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu, cho nên luận thứ hai ghi: "Như vậy Phi hữu cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu". Từ trên đến đây đã thuyết minh Sở chấp phi hữu, Y tha và Viên thành là Hữu.

Luận: "Hỏi: Tại sao là Hữu"? Ngay trong đáp đáng lẽ nói: "Nếu pháp xứng với trí Ly ngôn, thì đó là Y tha", nhưng hiện tại lấy Trí năng chiếu, cho đến nói: "Chỉ là cảnh giới Sở hành của Vô phân biệt trí", thì Hậu đắc trí của nó cũng được duyên dính Chân pháp không hư vọng. Hiện tại là lấy Chánh duyên, cho nên chỉ căn cứ theo Vô phân biệt trí.

Luận ghi: "Nếu đối với các pháp, các Sự, tùy khởi ngôn thuyết, thì liền đối với các pháp các sự kia", cho đến "chế lập nhiều giả thuyết để tiêu biểu ý nghĩa", đây là phá lại kế chấp của ngoại đạo, kế chấp đã nói: "Danh làm đề mục cho Sở thuyên, Sở thuyên xứng với Danh", nếu như trên một pháp có xứng với nhiều Danh, thì đáng lẽ pháp Sở mục

xứng với nhiều Danh vì có nhiều Thể, nhưng đã là Danh năng mục có nhiều pháp sở mục vì Thể là một, cho nên biết Danh trên pháp mà giả lập nhiều Thuyên biểu. Từ trên đến đây tuy thuyết minh Danh đối với pháp là giả thuyết, nhưng cũng không phải trên một pháp mà có. Tất cả Thuyên biểu quyết định khả đắc, như một màu xanh, tuy lập Giả danh nói là màu xanh, thì không thể lấy Giả danh đó mà cũng nói là màu vàng. Chỉ có thể trên một pháp mà tùy chỗ lập Giả danh, như Nhãn... gồm có nhiều sự soi chiếu dẫn đường, không thể lập giả thuyết khác tên là Nhĩ... để làm đề mục cho Nhãn.

Luận ghi: "Cũng không phải có nhiều thuyên biểu quyết định khả đắc", cho đến "không phải giả thuyết khác để nói nghĩa này...", lý này tuy là pháp Sở mục có nhiều Danh, hoặc Cụ thì gọi là Nhãn... Chiếu soi dẫn đường... hoặc Bất cụ thì nói một Nhãn, nếu đồng đề mục cho pháp sở mục thì mong pháp sở mục, đề không phải thật có.

Luận ghi: "Do đó tất cả giả thuyết hoặc Cụ hoặc Bất cụ", cho đến "Hữu thể, Hữu phần, và có tự tánh của nó", pháp kia, là Năng thuyên giáo pháp..., Sự kia là Sự thể sở thuyên..., Hữu thể là tổng chỉ cho tự thể của các pháp; Hữu phần là giải thích riêng phần sai biệt của các pháp.

Luận ghi: "Lại nữa, như trước nói Sắc... các pháp tùy giả thuyết mà có tự tánh...", cho đến "mới có tự tánh...", trong đây có ý nói phá lại chỗ kế chấp của ngoại đạo kia, nói: "Như chỗ nói Sắc... các pháp ở trước, nếu tùy theo giả thuyết mà có tự tánh", là nói tùy theo Danh liền có Sở thuyên, thì trước hết phải có Sự thể của Sở thuyên, sau đó mới tùy chỗ muốn của tình thức mà chế lập giả danh. "Ông đã nói tùy theo danh thì liền xứng với đề mục mà có Sở mục", trước chưa chế lập giả thuyết, thì Sự sở thuyên kia trước Danh đáng lẽ không có tự tánh, vì tùy Danh mới có Sự, tức là trước khi Danh chưa khởi thì Sự kia không có. Trước khi chưa khởi Danh thì Sự kia đã không có, mà Danh năng thuyên hiện ý nghĩa tiêu biểu là không đúng đạo lý. Danh giả thuyết đã là Vô sở hữu, thì Sự pháp sở thuyên tùy theo Danh năng thuyên mà có tự tánh là không đúng đạo lý, lần lượt mà phá.

Luận ghi: "Lại nữa, nếu các Sắc trở về trước khi chưa lập giả thuyết thuyên biểu, thì trước đó có Sắc tánh..." cho đến "phải biết các pháp Ly ngôn tự tánh", là ngoại đạo chấp rằng: "Khi các Sắc chưa lập về trước, thì trước đó đã có tự tánh, sau đó nương vào Sắc tánh mà giả lập Danh sắc, nhiếp thủ đối với Sắc". Hiện tại đoạn văn kế chấp ghi: "Như vậy thì đó là lìa ngoài Sắc mà giả thuyết ý nghĩa tiêu biểu, vì sau đó nương vào Sắc tánh mà chế lập giả thuyết, như trẻ con... khi mới

sinh, trước hết là thấy Sắc tánh, sau đó hoặc nương vào Sắc tánh mà chế lập giả thuyết", trẻ con này đối với pháp Sắc căn, đối với sự Sắc căn, đáng lẽ khởi Sắc giác mà làm thành Sắc giải, nhưng trẻ con này đã trước thấy Sắc nhưng sau đó không nương vào Sắc mà khởi Sắc giải, cho nên biết rằng, trước có Sắc tánh, sau đó nương vào Sắc tánh mà chế lập giả thuyết, là không đúng đạo lý. Nhưng trẻ con nào mà thật không khởi Sắc giác và Sắc giải, do nhân duyên đạo lý này, nên biết các pháp Ly ngôn tự tánh. từ trên đến đây, hợp chung lại có ba chỗ phá ngược, căn cứ theo đoạn văn trên thì biết.

Luận: Trong giải thích hai người bị mất hoại, nói: "Hai người này đối với tướng Giả thuyết xứ và tướng Giả thuyết", tánh Y tha gọi là tướng Giả thuyết, là giả thuyết có tướng của Sắc... tánh Viên thành thật gọi là Tướng xứ, tức là giả thuyết Y tha để trừ chỗ chấp Xứ có Chân như.

Luận ghi: "Đối với pháp thật có của Sắc... chỉ có Sự khởi tổn giảm chấp", đây là bác không có Y tha.

Luận ghi: "Nếu chỉ có Giả mà không có Thật sự, thì đã không có Y xứ, Giả cũng không có, đó gọi là hoại các pháp". Là nói: "Nếu chỉ nói có Giả y tha trong Giả thuyết... mà không có Viên thành thật", thì Viên thành thật là Giả thuyết, Y xứ của Y tha đã không có, thì chỗ nào được có giả thuyết Y tha! Lại nữa, Giả thuyết, là chỗ khởi chấp cho là Hữu, nhưng Sự của Y tha và Viên thành thật là Vô, khi khởi Biến kế thì Danh nương vào hai tánh, nhưng không có hai Tánh của Sở y, mà có Biến kế của Năng y, mới gọi là hoại các pháp.

Luận: Trong giải thích nẻo ác Không, "Do Bỉ cho nên Không cũng không tín thọ đối với Thử, mà Không cũng không tín thọ", là Chân thật nghĩa, do Biến kế sở chấp không có cho nên gọi là Không, trên Y tha và Viên thành thật này mà khởi Biến kế sở chấp Không, cả hai đều không tin, đây gọi là nẻo ác Không. Tại sao vậy? Là do Biến kế sở chấp, nhưng thật ra Không kia là không có, do Y tha và Viên thành thật là có, nếu khởi lý này thì ông có thể nói Không. Nếu nói tất cả Y tha Viên thành thật đều là Vô sở hữu, thì nương vào chỗ nào, làm sao có Không này, tại sao gọi là Không? Vì không có Y xứ, vì không phân biệt biết Biến kế Không thì ông cũng không nên nói do Biến kế sở chấp. Đây là đối với Y tha và Viên thành..., nhưng Y tha Viên thành này đã nói là Không vì để bác không có Y tha, cho nên không có Thể của Y xứ và Sở kế không, vì không hiểu. Nói rằng: "Gọi là Ác thủ không, vì khéo nắm lấy Không", nghĩa là đối với tánh Y tha, thì đây là do Biến

kế sở chấp Không kia, tức là do chỗ chấp kia không có, cho nên chánh quán là Không, vì khi thấy Y tha thì biết không có Sở chấp. Lại nữa, do Y tha Tướng, đây là do Viên thành thật khác là có, tức là do Viên thành thật mà như thật biết có.

Luận ghi: "Là đối với chỗ nói như trước, tất cả Sắc... và các Tưởng sự ", cho đến "đều là Vô sở hữu, sau đó mong Sở chấp ở trước không có, do đó đối với các Tưởng sự của các Sắc này...", cho đến "nói đó là Không", đây là giải thích Y tha mà nói Sở chấp không.

Luận ghi: "Đối với Tướng sự của tất cả Sắc này cái gì là Dư? Tức là Sắc... giả thuyết Sở y", đây là hỏi lại chỗ giải thích trước, trong Thật hữu mà nói nghĩa Dư, tức là Sắc... là giả thuyết của Y tha, Sở y Viên thành là Dư của Y tha.

Luận ghi: "Thật hữu trong đây là chỉ có Sự, trong Duy sự cũng có Duy giả", đây là quán Y tha, quán Duy sự của Y tha, Duy sự này chỉ là Giả hữu, không phải Chân thật hữu, vì văn của luận dưới mới thuyết minh Viên thành thật có nghĩa.

Luận: Trong Dẫn giáo, nói: "Như Phật Thế Tôn trong Chuyển Hữu kinh", Hữu là Hữu chấp, tức là kế chấp Danh làm đề mục cho Sở thuyên, Thể của nó tương xứng, trừ Chấp hữu này, gọi là Chuyển Hữu kinh.

Luận ghi: "Đối với tưởng pháp của tất cả Sắc này... thì tự tánh của Sắc... đều là Vô sở hữu, cũng không có pháp tánh của các Sắc khác", là trên Sắc pháp của Biến kế sở tưởng không có, như tự tánh của Biến kế sở chấp Sắc... không phải chỉ có Sở chấp tự tánh của Vô sắc... trên Sắc pháp cũng không có các Sắc pháp tánh của Hương Vị...

Luận ghi: "Trong phẩm Nghĩa mà nói", tức là A-tỳ-đạt-ma kinh nói Nghĩa phẩm.

Luận ghi: "Tán-tha-ca-đa-diễn-na tử", tức là tên chữ của Ca-chiên-diên, tên là Ca-đa-diên-ni, là chủng tánh Bà-la-môn, là một tánh trong mười tám tánh. Như trong bốn họ thì gọi là họ Lý. Tán-tha tức là một chủng tánh riêng trong chủng tánh, như trong một họ Lý có nhiều tánh đó, là các sai biệt của Triệu quận ở Lũng Tây.

Luận ghi: "Nhân-đà-la", ở đây gọi là Đế Thích, là Y-xá-na Đại tự tại thiên, Thế chủ nhân vương.

Luận ghi: Tại sao gọi là tám chủng Phân biệt? Đó là:

1. Tự tánh.
2. Sai biệt.
3. Tổng chấp.

4. Ngã.
5. Ngã sở.
6. Ái.
7. Phi ái.
8. Câu tương vi.

Ba loại trước là Pháp chấp phương tiện, loại thứ tư thứ năm là Nhân chấp phương tiện, ba loại sau là ba độc Phương tiện. Lại nữa, ba loại trước thông với hai Chấp phương tiện, hai loại kế chỉ có Nhân chấp phương tiện. Tám Phân biệt này đều là Bất thủ, khi Pháp chấp Nhân chấp đang khởi thì Pháp chấp không chiêu cảm quả báo, đã nói rằng có thể sinh ra ba sự, cho nên biết Thủ là Phương tiện của Pháp chấp... Nếu như thế thì Ngã kiến thông với tánh bất thiện, tại sao là Bất thủ? Nếu người không có chấp Ngã kiến là Bất thủ, ngoài ra người bất thiện là Thủ; ba loại sau Bất thủ căn bản, để lựa riêng với Phương tiện năng sinh cùng với Căn bản sở sinh khác nhau, có ý thuyết minh ba loại sau là Phương tiện, có thể sinh Căn bản ba độc, như văn mà tự suy nghĩ, vì ba loại trước có thể sinh hai pháp Căn và Trần.

Luận ghi: "Sở y và Sự sở duyên của Phân biệt hý luận", tức là Căn trần.

Luận ghi: "Là Tưởng sự của Sắc... làm Sở y sở duyên ...", cho đến "không phải một, mà nhiều phẩm loại sai biệt", là Tưởng sự của Sắc làm Sở y, làm Sở duyên, cho nên gọi là Tưởng sự, chỗ nhiếp của Ngôn thuyết gọi là Sở hiển của Tưởng ngôn thuyết. "Phân biệt hý luận không phải là chỗ nhiếp của một đời", tức là chỗ nhiếp của Hữu vi gọi là chỗ nhiếp thông với Vô lậu pháp. Hiện tại lại giải thích: "Trước nói Vô lậu", là không phải Sở sinh của ba Phân biệt. "Sở sinh, là các chỗ nhiếp khác", tức là quyến thuộc. Sở hiển, là pháp của các Căn trần, gọi đó là Sở hiển. Phân biệt thứ tư và thứ năm, có thể sinh chư Kiến và Căn bản ngã kiến, chư Mạn và Căn bản ngã mạn, vì Ngã kiến Ngã mạn làm Căn bản của các Kiến mạn khác, hoặc ba Phân biệt sau có thể sinh ba độc.

Luận: Trong giải thích Tổng chấp phân biệt, nói: "Hỏi: Ngã và Mạng của hữu tình... trong Ngã và Ngã sở phân biệt đó cũng kế chấp Ngã kiến, điều này có gì khác? Đáp: Tổng chấp ở trước là phỏng theo hai chấp Ngã và Ngã sở phân biệt, chỉ có Nhân chấp cho nên có khác nhau, Tầm tư và Như thật trí thông với hai Trí", như Đối Pháp sao nói.

Luận: Trong giải thích tự tánh giả lập là chỗ dẫn Như thật trí của Tầm tư, nói: "Như thật liễu tri, như thật thông đạt, là liễu tri tự tánh giả

lập trong Tưởng sự của Sắc... không phải các Sự tự tánh kia, nhưng lấy Sự tự tánh kia mà hiển nói", là Kiến y tha không phải thật là Biến kế sở chấp, tương tợ Sở chấp mà không phải thật có Tánh kia hiển hiện. "Trong tám thứ dụ nói lửa ngọn, nước, nghĩa là lửa ngọn giống như nước".

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 11

(Bản Luận 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44)

BẢN LUẬN 37

"Tiếp theo thuyết minh phẩm Uy lực", trước đã thuyết minh Cảnh của Chân thật trí chứng, đã có Sở chứng, thì không thể hư rỗng, mà là thành thục hữu tình, hiện đại thần biến, khiến cho sinh Tín tâm, khiến cho đắc Thánh quả. Nếu hàng Bồ-tát vì Tự lợi lợi tha mà hiện đại thần thông, tu hành Chánh hạnh, thì tâm sẽ chứng quả. Nếu chư Mâu-ni chứng tự Phật sự mà khởi tâm Đại bi, vận chuyển cứu độ hữu tình mà hiện đại Uy lực này, thì gọi là phẩm Uy lực, do đó thuyết minh sau phẩm Chân thật nghĩa. Lại nữa, sư Viễn nói: "Tại sao nói tiếp theo thuyết minh? Là do nương vào Thật nghĩa, diệu dụng tự tại, cho nên nói tiếp theo thuyết minh". Trong năm phẩm và bảy pháp, ba phẩm trước đã nói xong, tiếp theo phân tích phẩm thứ tư, cho nên gọi là phẩm Uy lực, kinh Địa Trì chỉ gọi là Lực phẩm.

Luận ghi: "Ba là Câu sinh uy lực, chư Phật chỉ có Thành thục phương tiện thiện, không thành thục Sinh đắc thiện, vì Sinh đắc thiện chỉ có Hữu lậu, Bồ-tát thì có thông cả hai loại". Luận này nói Câu sinh uy lực, tức là Phương tiện thiện, đời trước đã từng tu tập, đời này cùng với thân câu sinh, gọi là Câu sinh Uy lực, không phải gọi là Sinh đắc thiện mà gọi là Câu sinh uy lực.

Luận: Trong giải thích khai mở Uy lực pháp loại có năm thứ sai biệt, Cựu luận ghi: "Tức là ba uy lực trước có tám thứ, phân biệt có năm thứ", điều này không đúng, phẩm loại trước đó tại sao gọi là tám thứ Phân biệt? Là nghĩa Lục thông đó như thường phân biệt.

Luận ghi: "Thế nào có thể biến Thần cảnh trí thông"? Thần cảnh trí thông này là Cảnh bị biến hoá. Tại sao trong đây nói có thể biến Thần cảnh trí thông? Vì có thể biến hóa làm Cảnh này, Cảnh từ Kiến mà nói thì gọi là Năng biến. Lại nữa, tuy nêu ra Sở biến là có ý hiển

thần thông, cho nên gọi là Năng biến, Năng biến thì thuộc Trí. Nêu ra Sở biến là có ý nói Dụng của Năng biến.

Luận: Trong giải thích mười tám Biến, thứ năm là Chuyển biến, nói: "Nếu tại Địa đó mà khởi Thủy thắng giải, tức là khiến cho thành thuỷ như thật, không phải pháp nào khác...", là như chư Phật có thần thông, nhưng không thể chuyển năm Căn trần v.v... khiến cho thành Chân căn có thể thấy Sắc... vì tương tợ năm căn kia mà không phải thật năm căn. Địa, Thủy... tuy là xứ ngoài, nhưng Thể mỗi mỗi đều có khác. Như thế nào biến thuỷ thành hỏa? Chỉ có thể thuỷ chất diệt hỏa chất mà sinh riêng, trong đó có thể làm Dụng của Biến, chính vì uy lực của Phật mà khiến cho trong hỏa cũng có tánh ướt, nhưng vì tánh ướt tức là Thể của hỏa. Nếu chuyển đổi tánh thành tánh, là chuyển Vô tình thành Hữu tánh, tức là chúng sinh giới có tăng thêm và mất đi, cho nên không thể chuyển tánh. trong đây lại cũng chuyển đắc năm Trần.

Luận ghi: "Sắc hương vị xúc, phải biết là cũng như vậy", do đó mà biết Thông biến nămTrần thành thật dụng của nó. Sau đến Quyết Trạch sẽ riêng giải thích.

Luận ghi: "Phạm tiên ích thiên", là vì Đại phạm thiên trước tiên, cho nên gọi là Phạm tiên thiên. Tại sao gọi là Ích?

Luận: Trong giải thích chế thần thông của người khác, "Cứu cánh Bồ-tát một đời Sở hệ, hoặc tối hậu có tất cả thần thông", là trụ Đỗ-sử-đa thiên chỉ có đời này đời kia, hết một đời này thì gọi là Nhất sinh bổ xứ. "Hoặc tối hậu thân", là đã sinh cõi Dục, tức là thân này thành đạo, thân này làm thân có sinh tử sau cùng, gọi là Tối hậu thân. "Lại nữa, Nhân tức là giải thích Bồ-tát ngồi đạo tràng", là ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, chưa được thành đạo đến nay, gọi là ngồi đạo tràng, cho nên là ba phẩm trước.

Luận ghi: "Có thể hóa thành thân, hoặc hóa ra cảnh...", chỉ giải thích là Năng biến.

Luận ghi: "Lại nữa, chỗ hóa thân, hoặc tự hoặc tha, hoặc tương tợ hoặc không tương tợ, chỉ có thể biến hóa tạo tác cùng với căn, tợ Sở y xứ của căn mà không phải thật căn", vì dụng của căn không thể biến hóa tạo tác, vì chúng sinh giới có lỗi Tăng ích, cho nên không thể tợ Dụng, căn Sở y xứ của nó tức là bốn Trần hoặc năm Trần ở nội ngoại giới, cho nên có thể biến hóa được tương tợ.

Luận ghi: "Nếu chỗ hóa thân cùng với thân Bồ-tát rất tương tợ thì gọi là Sở hóa thân cùng với Tự căn tương tợ, nếu không như thế thì gọi là Sở hóa thân phi tương tợ", vì Bồ-tát tự khởi biến hoá, cho nên Phật

hóa làm Bồ-tát thì cũng rất giống, gọi là Tự tương tợ, không như thế thì không phải tương tợ. Hoặc có chư Phật Bồ-tát tuy sau khi diệt độ, do sức trụ trì mà tùy chuyển, như Thích-ca Phật tuy đã diệt độ nhưng do sức trụ trì khiến cho pháp đến hiện tại tùy chuyển theo. Hoặc có tạm thời làm lợi ích xong rồi thì sự hóa độ liền thôi, như Tu-phiến-đa, sau khi thành đạo bảy ngày, liền nhập Niết-bàn, pháp cũng tùy diệt, vì không có sức trụ trì, sau đó không được lưu bố, cho nên Hóa sự cũng thôi.

Luận: Trong giải thích Hóa ngữ, nói: "Như âm thanh của Tần-ca", cho đến "không có Sở y và vô tận".

Luận ghi: "Lại nữa, có thể tùy niệm Vô gián, sát-na thứ tự và Sở tác không gián đoạn", là Phật Bồ-tát có thể nhớ được sát-na trước, pháp của sát-na trước, tận vô thỉ đến nay, tất cả có thể biết rõ, trong khoảng một sát-na có thể biết như vậy. Chính Tiểu thừa cho rằng: "Phật vì Sơ trụ trí không thể biết hai sát-na trước, nếu khi duyên sát-na thì sát-na vô lượng, cho nên chưa duyên được, năm ngày, sáu ngày, mười ngày cho đến già chết, cũng không có nghĩa duyên sát-na". Hiện tại Đại thừa Phật Bồ-tát thì đều được.

Luận: Trong giải thích Thiên nhĩ thông nghe âm thanh, nói: "Có Tác ý và Bất tác ý", đây là căn cứ theo Địa thứ tám Bồ-tát trở lại, hoặc Phật và Địa thứ tám trở lên là Bất tác ý vị, duyên vô lượng sự của thế giới.

Luận ghi: "Đạt-la-nhị-trà chú", là nước Tăng-già-la, tức là nước Sư tử, có chú thuật tên là Đạt-la-nhị-trà, tức là Đại minh chú trong chú thuật, rất có thần nghiệm, ở đây chỉ nêu sơ lược. "Trong Sắc sở kiến của Thiên nhãn, lại có Tác ý và Bất tác ý", giải thích như âm thanh.

Luận: Trong giải thích Lậu tận trí thông, nói: "Liễu tri lậu tận đắc", tức là Vô lậu đắc, là đắc các Đắc của Lậu tận. "Liễu tri lậu tận phương tiện", tức là Đạo đế.

Luận: Trong giải thích bốn tướng của sáu Độ và tướng thứ tư của Nhẫn độ, nói: "Không có nhiều kẻ oán địch là Oán tắng hội, không có nhiều ly cách là Ái biệt ly, không có nhiều khổ là do chỗ sinh ưu khổ của Oán hội thân ly (người oán thì gặp, người thân thì lìa)", là Cựu luận ghi: "Đã không có Biệt ly cũng không có Ưu khổ", vì chỉ đối với Ái ly sinh mà trở thành Oán hội thân ly. Luận này thì phân làm ba loại.

Bốn tướng của Định, trong tướng thứ nhất, nói: "Có thể đoạn phiền não, ngữ ngôn, Tầm tứ, Hỷ lạc, Sắc tưởng", tức là Sơ thiền đoạn Dục phiền não, Nhị thiền lìa Tầm tứ ngữ ngôn, Tam thiền Tứ thiền và Tứ vô sắc định, thì như thứ tự của nó mà lìa Hỷ lạc...

Luận: Trong giải thích tướng của sáu Độ, thứ nhất Bố thí ghi: "Có thể lấy Bố thí nhiếp các sự, để nhiếp lợi ích hữu tình. Trong Độ thứ sáu lấy chung bốn Nhiếp để nhiếp các Sự hạnh, trong bốn Độ còn lại đều lấy Đồng sự để nhiếp", lợi ích hữu tình tức là sáu Độ nhiếp bốn Nhiếp, tại sao trong Bố thí không nói khuyến khích hữu tình tu hành? Vì bố thí cho tự mình đã đồng với hữu tình, cho nên gọi là Đồng sự, cũng gọi là Lợi hành. Hiện tại lại phỏng theo Tăng ích, cho nên chỉ nói Bố thí này, không phải phỏng theo Thật nghĩa. Thật nghĩa đó, đâu có hại gì trong mỗi mỗi Lợi hành... đã có được?

Luận: Trong giải thích Câu sinh uy lực, thuyết minh tám tướng thành Đạo, tám tướng của Cựu luận:

1. Trụ Đỗ-sử-đa thiên.
2. Nhập xuống thai mẹ.
3. Trụ trong bụng mẹ.
4. Ra khỏi thai mẹ.
5. Xuất gia.
6. Thành đạo.
7. Chuyển pháp luân.
8. Bát Niết-bàn.

Y theo Địa trì kinh của Cựu luận thì không có tướng xuất gia và nhập Niết-bàn, hiện tại luận này thì y theo Cựu luận giải thích, không có tướng xuất gia, có bảy tướng còn lại, y theo văn mà nắm lấy. Lại nữa, hoặc giải thích lấy Thần biến làm một, tức là không có xuất gia, trong đây cũng có đủ tám tướng. Hoặc riêng nói tám tướng, Trụ thiên là không đúng với kinh điển, Sinh thân xuống thì ở đây không chấp nhận.

1. Ở trong thân Trung hữu, tức là sinh xuống.
2. Nhập thai.
3. Trụ thai.
4. Xuất thai.
5. xuất gia.
6. Thành đạo,
7. Chuyển pháp luân.
8. Nhập Niết-bàn.

Hiện tại luận này không có tướng xuất gia, không lấy ở trong Dục, vì đã ở trong tám tướng.

Luận: Trong giải thích Bồ-tát trụ thiên thứ nhất, nói: Có ba loại Sự phản ánh Thiên kia:

1. Thiên thọ lượng, là thọ mạng của Thiên kia không dựa vào số

lượng, vì có bị chết yểu, đây là thuyết minh Bồ-tát đã hết thọ lượng của cõi Thiên, thọ bốn ngàn tuổi, tiếp theo luận trên nói “rồi trụ cho đến hết thọ lượng của cõi Đỗ-sử-đa”. Có người cho rằng: “Sinh lên các cõi Thiên kia đều hết thọ lượng bốn ngàn tuổi”, là không đúng vì văn năn ngại mà lý cũng ngăn ngại. Nói văn ngăn ngại, luận ghi: “Có ba sự phản ánh chư Thiên kia: Thiên thọ lượng, là Thiên kia đều tận thọ lượng thì Bồ-tát liền không đoạt mất thọ lượng của Thiên kia”, đoạn văn này có trái nhau, cho nên làm văn ngăn ngại. Nói lý ngăn ngại, trong kinh ghi: “Bồ-tát hạ sinh thì Thiên cũng theo hạ sinh Thiệm-bộ. “Có chúng sinh này mới sinh nơi kia”, là Bồ-tát khi hạ sinh chưa đầy bốn ngàn tuổi, đáng lẽ không sinh theo, nếu không sinh theo thì kinh Phật kia trái nhau, nếu nói tùy theo nhau mà hạ sinh thì đó là trúng yểu, đây là lý ngăn ngại thứ hai, cho nên nghĩa không thành. Lại nữa, duyên gì mà Thiên kia không bị chết yểu?

2. Thiên sắc, là thân lượng và sắc quang minh của chư Thiên, Bồ-tát thì thù thắng hơn.

3. Danh xưng, là tiếng tăm của Bồ-tát khắp mười phương cõi, cho nên danh xưng thù thắng.

Luận: Trong giải thích Chuyển pháp luân, thuyết minh đã chứng Bồ-đề trong sáu năm, ma tìm cách nhưng rốt cuộc không thể được thường cùng với hạnh niệm mỗi mỗi hiện tiền, cho đến không có gì mà không biết rõ”, là Thế Tôn thường quán Thọ tưởng tầm tư của thân mình, hiện tại không có dị niệm, thường quán Vô thường, Sinh, Trụ, Dị, cùng với niệm này đồng thời, ma không tìm được dịp, như Địa trì kinh trong Cựu luận ghi: “Quán Sinh trụ dị của các chúng sinh”, luận này nói rằng quán tự thân, vì quán tự thân cho nên ma không tìm được dịp, lẽ nào vì quán người khác mà không tìm được dịp? Lại nữa, hoặc có thể trong đây cũng là quán các chúng sinh, mà khởi niệm thương xót, vì tâm vận chuyển rộng, cho nên ma không tìm được dịp.

Luận ghi: “Trước giở chân phải mới di động chân trái”, câu này có ý gì?

Luận ghi: “Khi ăn, thức ăn thì tất cả hạt cơm đều nát, không có miệng nào mà không hết”, là nói Phật khi thọ thực, hạt cơm đều nát, không có miệng nào mà không tận. Lại nữa, Nhiếp luận nói: “Khi Phật thọ thực, chư Thiên được thỉnh, các xứ khác thì lợi ích chúng sinh, trong luận này nói, “nát” là căn cứ theo Hữu mà có nghĩa “nát”, thật ra Hóa thân thị hiện thân, lấy Phật sự làm chánh.

Luận ghi: “Ba chủng Thần biến: một là Thần cảnh thần biến...”,

đây tức là sáu thần thông, nói cũng nhiếp ba thông này, ba thông còn lại nói đủ như Đối Pháp sao. Lại nữa, thuyết minh Đẳng thần biến làm bốn câu, cũng như Đối Pháp sao kia nói.

PHẨM THÀNH THỤC

Tức là phẩm thứ tư trong năm phẩm, trong bảy pháp thì đó là pháp thứ năm và pháp thứ sáu, tức là pháp thành thục hữu tình và thành thục Phật pháp của tự mình. Tại sao tiếp theo thuyết minh phẩm này? Vì hiện chứng chân thật và hiện có uy lực. Uy lực là gì? Là sáu thần thông... Đã hiện có sáu thần thông thì muốn làm gì? Chẳng qua có hai ý:

1. Thành thục hữu tình, là ý Lợi tha.

2. Thành thục Phật pháp, là ý Tự lợi.

Phật tuy có đủ đức Tự tha lợi, nhưng quán chúng sinh giới vô tận, cần phải có hai ý này, cho nên sau phẩm Uy lực thì thuyết minh phẩm Thành thục.

Luận: Trong giải thích Thành thục tự tánh, nói: "An trụ đối với tự tánh này, nếu gặp đại sư thì chánh qua đại sư đều có khả năng đảm đương, có thế lực lớn, liên tục có thể chứng Phiền não chướng, đoạn Sở tri chướng", là tự tánh trong Quyết Trạch phần, Bồ-tát làm thế nào biết được?

Luận ghi: "Liên tục có thể chứng hai Chướng đoạn, cho nên biết vị này, nếu trước đoạn hai Chướng thì không thể như vậy. Lại nữa, trong thí dụ ví như mụt ung nhọt chín muồi, đến cuối cùng thì liên tục có thể phá vỡ, cho nên biết đến Địa tiền vị rồi thì đến Thục vị", là tại Quyết Trạch phần vị. Nếu giải thích đã nhập Địa, tại sao tiếp theo Tiền xứ đạt được Năng thuận hai Chướng đoạn tịnh tăng thượng thân tâm cho đến Chánh gia hạnh viên mãn? Đã có nói Năng thuận hai Chướng đoạn và có Gia hạnh, cho nên biết ở tại Địa tiền không phải Địa thượng cũng đắc Chánh gia hạnh, tức là Địa thượng gia hạnh trí. Năng thuận hai Chướng, là như Sơ địa, Năng thuận hai Địa chướng đoạn tịnh tăng thượng thân tâm tại sao không đắc? Cho nên biết cũng đắc tại Địa thượng, nắm lấy giải thích trước thì không phương ngại.

Luận: Trong giải thích Thành thục sai biệt thứ ba, nói: "Các căn thành thục", là thọ lượng đầy đủ, hình sắc đầy đủ, cho đến nhân tánh đầy đủ, như quyển trước giải thích.

Luận: Trong giải thích Thành thục phương tiện thứ tư, nói: "Sơ phát xứ", là người Sơ phát tâm, đối với Xứ của người phát tâm kia mà thành thục, gọi là Thành thục phương tiện.

Luận ghi: "Hàng phục, là phòng hộ sâu xa thân tâm lìa nhiễm", cho đến "liền tự phòng hộ không khởi hủy phạm", trong đây có ý nói, sâu xa đề phòng lỗi của tự nình, mới có thể thấy thượng trung hạ của

người khác khi phạm giới, khởi can ngăn, khởi quở trách, khởi xua đuổi, như thứ tự đó, phải thấy biết hai phẩm hạ trung phạm giới. Khi khởi can ngăn quở trách, người bị can ngăn và người kia những khi khác giống như người đồng học pháp, được lợi ích an lạc. Vì ngăn dứt lỗi của người kia cho nên đó là lợi ích, vì trở lại nhiếp thọ cho nên đó là an lạc, nếu một loại người bị xua đuổi, hiện đuổi đi rồi mà nhiếp thọ trở lại, thì khiến cho người đó và những người khác đều được lợi ích an lạc, vì ngăn ác mà nhiếp thọ. Nếu đuổi đi rồi mà không nhiếp thọ trở lại, thì chỉ khiến cho những người khác thấy người kia tạo tội bị đuổi, trở lại tự phòng hộ, không khởi phạm giới mà được lợi ích an lạc, nếu người bị đuổi, thì không được lợi ích và ban cho sự an lạc, đó là ý trong đây. Trong thượng phẩm, người có thể nhiếp thọ, có nghĩa là không phải tất cả thượng phẩm phạm giới đều có thể nhiếp thọ, như tạo năm tội nghịch... thì không thể nhiếp thọ, lại cũng là nguyên nhân Bồ-tát địa tiền tất cả đều nhiếp.

Luận ghi: "Có thể thành thục Bổ-đặc-già-la, là lược có sáu loại Bồ-tát trụ sáu Địa Bồ-tát, có thể thành thục hữu tình, từ Thắng giải hạnh Bồ-tát trụ Thắng giải hạnh địa thứ nhất... cho đến Cứu cánh Bồ-tát trụ Đáo cứu cánh địa thứ sáu", Thắng giải hạnh trong đây như Nhiếp luận nói, tức là Bồ-tát tăng-kỳ thứ nhất, vì đối với lý bốn Chân đế mà khởi Thắng giải quyết định. Lấy văn này làm chứng Quyết Trạch phần thiện là tăng-kỳ thứ nhất, là Thắng giải hạnh vị, cho nên Tịnh thắng ý lạc thứ hai, tức là Nhiếp luận nói : "Tăng thượng ý lạc địa", đều là Sơ địa mới đắc Vô lậu ý lạc cho nên gọi là Tịnh, không đồng với Thắng giải hạnh địa trước. Hành chánh hạnh Bồ-tát địa thứ ba, Nhiếp luận ghi: "Địa thứ hai gọi là Tăng thượng địa, Địa thứ ba gọi là Tăng thượng tâm, Địa thứ tư trở xuống gọi là Tăng thượng tuệ", đây là bảy Địa trở về trước, Địa thứ hai trở đi, vì không phải mới đắc Vô lậu; không đồng với Sơ địa, vì không phải đắc Vị đắc bất Thoái; không đồng với Địa thứ tám trở đi, vì đã đắc Vô lậu lục độ ý lạc, gọi là Hành chánh hạnh địa. Đoạ quyết định thứ tư Bồ-tát địa, lấy Địa thứ tư của Nhiếp luận trở đi gọi là Tăng thượng tuệ địa, Địa thứ tám trở lên gọi là Bất Thoái chuyển vị, luận này là Địa thứ tám Bồ-tát, vì mới đắc Bất Thoái chuyển, không đồng với Tiền vị và Hậu vị, gọi là Đoạ quyết định, là Quyết định bất Thoái. Quyết định hành chánh hạnh thứ năm, đây tức là Địa thứ chín, hiện tại hành Hạnh này, thì Vô lậu quán tương tục trụ Hành bất Thoái, gọi là Đoạ quyết định hành chánh hạnh địa, tức là Nhiếp luận gồm Thập địa tổng gọi là Bất Thoái chuyển Bồ-tát, cũng gọi là Tăng thượng tuệ phần.

Đáo cứu cánh Bồ-tát địa thứ sáu, là Thập địa, vì gần bên cạnh của Như Lai. Sáu loại này mỗi mỗi tùy một Tăng thượng mới được tên Vị, không phải nghĩa sau không có nghĩa trước, không phải nghĩa trước không có nghĩa sau, không đồng với Nhiếp luận, vì Nhiếp luận phỏng theo Thoái và Bất Thoái của Tam học mà tổng phân biệt các Địa này, các luận khác hoặc là đồng như hai loại trước, hoặc là khác như trong đó các loại khác không nói, chỉ sơ lược thuyết minh nhân. Lại nữa, trong căn cứ theo hạ phẩm mà phối hợp hạ phẩm và trung phẩm, thì Tịnh thắng ý lạc là tăng-kỳ thứ hai, chưa chắc chỉ ở tại Sơ địa, tức là như Tăng thượng ý lạc của Nhiếp luận, thông với tất cả Địa trên đều là Bất Thoái chuyển, luận này là Đoạ quyết định chí cứu cánh, tức là tăng-kỳ thứ ba, các Vị khác thì giống như Tăng thượng địa... trong đó có riêng nêu ra.

Luận: Trong giải thích ba phẩm của Thanh văn, nói: "Hoặc có khi an trụ hạ phẩm mà thành thục, lúc đó liền có hạ phẩm Dục lạc, hạ phẩm Gia hạnh...", cho đến "phẩm thứ ba thì đối với Hiện pháp mà đắc Bát Niết-bàn", hạ phẩm trong đây, căn cứ theo do đoạn nẻo ác, tức là trung Nhẫn và hạ Nhẫn trở về trước, trung phẩm tức là hiện thân đắc quả, chứng Bất tùy nẻo ác, tức là người Tăng thượng nhẫn trở đi, nếu vì người trước không có nẻo ác nghiệp, thì không đoạ nẻo ác, tức là đối với thân Hiện kiến mà đắc quả, cũng là trong đây nhiếp. Trong đây lại phỏng theo người có bảy đời, vì được làm luận, cho rằng: "Không phải đối với Hiện pháp mà đắc Niết-bàn, nếu phỏng theo Tăng thượng, thì bốn loài cho đến sáu mươi kiếp làm người tu tập", tức là đối với thân hiện tại cũng nhập Niết-bàn, điều này không làm luận. Nếu khác với điều này, thì người thứ ba đều là người Hữu dư, phải căn cứ theo đây mà biết. Loại người thứ nhất, nếu căn cứ theo hạ phẩm Bồ-tát, tức là hợp chung với Kiến đạo trở về trước. Hiện tại căn cứ theo văn nghĩa thì đều không phải như vậy, cho nên nói riêng.

Trong Độc giác thì chắc chắn phải lấy quả A-na-hàm, hoặc một trăm kiếp tu tập viên mãn đã xong, khởi ba mươi sáu tâm tiến đến quả Độc giác, như Đối Pháp sao nói.

Luận: Trong giải thích Bồ-tát hạ phẩm, nói: "Hoặc có khi Bồ-tát trụ hạ phẩm thành thục, thì lúc đó liền có hạ phẩm Dục lạc, hạ phẩm Gia hạnh cũng còn đến nẻo ác", là Bồ-tát này thật ra đã lìa nẻo ác nghiệp, không thọ sinh nẻo ác, nhưng vì khi lợi ích hữu tình, cho nên đến đó mà sinh, nhân đó liền khởi nhiễm mà thọ quả báo nẻo ác kia, khi kiếp ban đầu có sinh nẻo ác, nhưng như Kim sí điểu xuống biển ăn rồng, ăn rồng xong rồi thì bay lên hư không, do bất lấy rồng cho nên dưới

chân có bùn đất, nhưng thật ra thì không có ý, vốn chỉ vì bắt rồng, khi bắt rồng do đó mà bùn dính dơ. Bồ-tát cũng vậy, do lợi ích hữu tình mà bị nhiễm trói buộc, cho nên khi Sơ kiếp cũng sinh vào nẻo ác như vậy, như chỗ dẫn kinh. Nếu có thành thế gian tăng thượng phẩm Chánh kiến, thì bài tụng làm sao thông? Nghĩa là luận kia phỏng theo Bất chánh kiến làm duyên sinh nẻo ác. Hại Địa như thế nào? Vì trước đã có khởi nẻo ác nghiệp mà sinh nẻo ác.

BẢN LUẬN 38
PHẨM BỒ-ĐỀ THỨ BẢY

Nói Bồ-đề, tức là phẩm thứ năm trong năm phẩm của Xứ sở học, pháp thứ bảy trong bảy pháp. Nói Bồ-đề, tức là ba thân Bồ-đề. Bồ-đề là Giác, đã chứng Chân thật, hiện đại thần thông, thành thục tự tha thì phải có quả chứng, cho nên sau phẩm Thành thục thì thuyết minh phẩm Bồ-đề.

Luận ghi: "Trong một trăm bốn mươi Bất cộng Phật pháp", là ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp; Xuất khổ đạo... có bốn Nhất thiết chủng thanh tịnh, mười Lực, bốn Vô uý, ba Niệm trụ và ba Bất hộ trở lên, tính ra lấy được là một trăm ba mươi sáu Bất cộng Phật pháp; Ích đại bi, Vô vong thất pháp, Vĩnh hại tập khí, Nhất thiết chủng trí bốn loại này làm thành một trăm bốn mươi Bất cộng Phật pháp, như văn tự trình bày.

Luận ghi: "Trong ba Vị này, Như Lai phần nhiều trụ vào bốn Tối thắng trụ, trong Thánh trụ thì phần nhiều trụ Không, trụ Diệt tận định; trong Thiên trụ thì phần nhiều trụ Vô động tĩnh lự thứ tư", vì Định thứ tư là Bất khả động, không có Khổ lạc, không có Tam tai, cho nên gọi là Vô động, ba loại dưới thì không phải như vậy, cho nên Như Lai có nhiều Trụ, hữu tình thì có Khổ nhiều, có nhiều các Hành khổ cho nên trụ trong Khổ trụ, phải có nhiều Trụ bi tâm để cứu bạt chúng sinh khổ, như Đại Trí Độ luận của Long Thọ nói: "Ba Trụ trước thêm một Phật trụ làm bốn Trụ". Phật trụ, là Vô lượng tam-muội của Thủ Lăng-nghiêm và mười Lực, bốn Vô uý, Bất cộng pháp... của Phật, đều là Phật trụ. "Hoặc phân làm mười sáu Trụ, Thiên trụ có tám", là cõi Sắc có bốn, cõi Vô sắc có bốn, Phạm trụ có bốn tức là bốn Vô lượng, Thánh trụ có bốn, Diệt định của Vô nguyện... cho nên có mười sáu Trụ, rộng thì vô lượng, như luận kia nói.

Mười Hiệu là tên của Tùy niệm công đức, vì tùy chúng sinh niệm mà đắc công đức, gọi là Tùy niệm công đức. Nói rằng: "Phật Thế Tôn, Thể chỉ là một, có mười danh hiệu. Lại như sư Pháp phán, trong mười danh hiệu, một danh hiệu sau là tổng hiệu và biệt hiệu, chín danh hiệu trước là biệt hiệu. Ngay trong biệt hiệu, ba hiệu đầu thông với hai lợi, ba hiệu giữa chỉ có tự lợi, ba hiệu sau chỉ có lợi tha. Nếu như vậy thì danh hiệu thứ nhất và thứ ba chỉ thuyết minh Giác pháp thắng nghĩa của ngôn vô hư vọng thì chỗ nào thuyết minh lợi ích để làm Ngôn? Ngôn không có hư vọng thì lý không vượt hơn ngôn, phải có người thọ lãnh,

cho nên trong Như Lai cũng có Lợi tha... Căn cứ theo đó mà biết. "Dưới đây căn cứ trong thuần lợi tha cũng có tự lợi", căn cứ theo giải thích cũng có thể biết. Hoặc như Cựu luận và pháp sư Viễn, thì đối với chín danh hiệu, thì năm hiệu trước là của đức của tự mình, tiếp theo là hiệu của bốn Lợi tha, Ưng Lợi tha. Như thế nào nó là đức của tự mình? Lại nữa, trong năm danh hiệu trước phân làm hai cặp, cặp trước hiển rõ Đạo viên tròn, cặp sau thì hiển bày diệt tận. Ba thời trước:

1. Chỉ quán.
2. Nhân viên tròn.
3. Nhất quả cực.

Đây là y theo nghĩa mà nói. Ưng, có nghĩa là chỉ xứng với lợi tha, không phải là tha lợi, cho nên cũng là tự lợi, như sư Cảnh nói: "Nói Như Lai, là Ngôn không có hư vọng cho nên gọi là Như Lai. Như Trí Độ luận và Thành Thật luận ghi: "Nương Đạo như thật đến mà thành Chánh giác, cho nên gọi là Như Lai". Kinh Niết-bàn ghi: "Ta từ sáu Ba-la-mật và mười một Không mà đến, cho nên gọi là Như Lai", đây là nói Ngôn vô hư vọng.

Luận: Trong giải thích Minh hạnh viên mãn, nói: "Minh là ba Minh, Hạnh là như trong nói hai phẩm Chỉ quán và lục độ vạn hạnh...", như Cựu luận ghi: "Ba Minh như trong kinh nói, Hạnh là hai phẩm Chỉ quán. Luận này thì ngược với luận kia.

Luận ghi: "Hoặc có nhiều kiếp không có một vị Phật xuất hiện nơi đời, hoặc có một kiếp có nhiều Phật xuất hiện nơi đời", đây là như Câu-xá luận nói: "Phật đã trải qua ba tăng-kỳ tu hành, thêm một trăm kiếp nữa tu nghiệp tướng tốt, bảy ngay bảy đêm thuyết Kệ, siêu vượt hơn Phật khác chín kiếp, trong chín mươi mốt kiếp tu nghiệp tướng tốt mới được thành Phật, thuở xưa kia gặp Định Quang Như Lai và Tu-phiến-đa Phật, là kiếp thứ ba mươi hai, từ đây về sau, lại càng không có Phật xuất thế, sau đến kiếp này có năm vị Phật xuất thế, là Câu-lưu-tôn Phật, cho đến Thích-ca Phật, sau cùng đến Di-lặc gọi là năm Phật, phải trải qua đại kiếp này không có Phật xuất hiện, cho nên biết là Hiền kiếp, lấy nhiều kiếp làm một kiếp, tức là luận kia nói: "Thuở xưa kia gặp Tu-phiến-đa Phật, có ba ngàn người phát nguyện, mỗi một ngàn người, làm một hội Phát tâm, trong Tiền kiếp có một ngàn Phật đã xuất thế, là một ngàn người thứ nhất, đến Hiền kiếp thứ hai có một ngàn Phật đã xuất thế, là một ngàn người thứ hai, sau cùng là Tinh tú kiếp, có một ngàn Phật, là một ngàn người thứ ba. Lại nữa, như Đại Trí Độ luận nói: "Khi kiếp sắp thành thì trong đại hải có hoa sen ngàn cánh

rất đẹp và thanh tịnh, tiêu biểu trong kiếp này có một ngàn Phật xuất thế, hoa sen đó bao nhiêu cánh là tùy theo có bao nhiêu Phật, đó là sự tương truyền trước kia. Hiện tại trong Trụ kiếp là kiếp thứ chín, trong hai mươi Trụ kiếp thì năm kiếp đầu không có Phật, mười kiếp sau cùng cũng không có Phật, kiếp thứ sáu Phật mới xuất thế, cho nên đã có bốn vị Phật, Thích-ca là đang ở trong kiếp thứ chín", luận này không đúng. Hiền kiếp tức là hai mươi Trụ kiếp hợp chung làm Hiền kiếp, khỏi phải trải qua Thành kiếp, Hoại kiếp nhiều lần, do đó gọi là Hiền kiếp ngay trong Trụ kiếp, ngay trong Trụ kiếp thứ nhất đã có bốn vị Phật, các kiếp khác thì Phật khác ra đời. Đây là tương truyền giải thích của Ấn Độ.

Luận ghi: "Đối với Phần như vậy, sư Pháp nói:: Phần là Xứ sở", điều này không đúng, tức là nửa phần trước và nửa phần sau, tháng không trăng và tháng có trăng là Phần, nên nói: "Sau đó nói về Phần, sau Phần nói về tháng".

Luận ghi: "Lại nữa, đối với mười phương hiện có vô lượng vô số ba ngàn đại thiên Phật, cõi Phật, không có hai Bồ-tát đồng thời tu tập Bồ-đề tư lương, đồng thời viên mãn trong một cõi Phật, cùng ra khỏi thế gian, cùng thành Phật, huống chi có vô lượng Bồ-tát trong một thế giới đồng thành Phật", ý luận này thuyết minh có Bồ-tát tu tập Bồ-đề tư lương, đồng thời viên mãn với nhiều Bồ-tát, hoặc không đối với thế giới khác đồng thời thành Phật, mà đối với một thế giới khác. "Nhiều Bồ-tát đồng thời thành Phật", là không đúng, để chấp của Tiểu thừa cho nên nói không có mười phương Phật. Văn dưới đó ghi: "Hoặc đồng trụ Đỗ-sử-đa thiên mà thứ tự thành Phật" là không đúng.

Trong đây có vấn nạn rằng: Nếu như đồng thời phát nguyện thì đồng thời viên mãn, chúng sinh cùng tại một thế giới, thì một vị Phật và chúng sinh đồng thời căn thuần thục, điều này làm sao thông?

Đáp: Không có điều này.

Hỏi: Nếu như thế thì Di-lặc, Thích-ca và chúng sinh, cũng có căn thuần thục trước sau không đồng nhau, huống chi đồng thời căn thuần thục?

Đáp: Vì chúng sinh đồng ở tại một thế giới.

Luận ghi: "Lại nữa, một Như Lai đối với một ba ngàn đại thiên cõi Phật, có thể rộng bố thí làm Phật sự, do đó Như Lai thứ hai xuất thế thì không có chỗ lợi ích", đây là ý giải thích một thế giới không có hai Phật.

Hỏi: Nếu như thần lực vô biên của một vị Phật có thể bao quát tận mười phương, đều có thể lợi ích, chính là vì thần lực này mà mười

phương Phật không xuất thế hay sao, tại sao nói một ba ngàn cõi không có hai Phật ra đời?

Đáp: Thần lực của Phật tuy vô biên, nhưng phỏng theo tướng mà nói, một ba ngàn cõi mà bố thí Phật sự, thì một thế giới Phật không có hai Như Lai, vì vượt ngoài lượng, chỉ có ba ngàn cõi chứ không phải mười phương khác.

Luận ghi: "Lại nữa, không phải nữ thân có thể chứng Vô thượng Bồ-đề".

Hỏi: Tại sao kinh Pháp Hoa nói Long nữ thành Phật... điều làm sao thông?

Đáp: Long nữ kia cũng biến thành nam, rồi sau đó mới thành Phật, không phải để nữ thân mà thành Phật.

PHẨM LỰC CHỦNG TÁNH

Lực chủng tánh của các sư trong Cựu luận nói: "Từ trên đến đây có năm phẩm, thuyết minh pháp sở học, mười một phẩm dưới thuyết minh Học hạnh của nó, tuy Hạnh sau cũng là pháp, Hạnh trước là pháp Thể, mười một phẩm dưới là nghĩa của Phương tiện tạo tu, gọi chung là Phương tiện xứ, trong đó có ba loại:

1. Có một phẩm, thuyết minh Căn bản nhiếp học phương tiện.
2. Có chín phẩm, tạo duyên Chánh tu.
3. Có một phẩm, do Học mà thành Đức, luận này không đúng.

Học trì thứ ba có mười sáu phẩm, năm phẩm trước phân tích tông sở học, thuyết minh sở học khác nhau, có người năng học, nhưng chưa thuyết minh phải Học như thế nào! Một phẩm thứ sáu là chánh phân tích Học hạnh phải như thế nào, còn lại mười phẩm chánh thuyết minh Năng học tông, thuyết minh Năng học hạnh, vì có pháp sở học cho nên Học trì ban đầu nói hoặc là Xứ sở học, nói học như vậy mà có thể tu học, cho nên có ba chương. Nếu căn cứ theo phẩm thứ nhất ở dưới thì liền có sinh khởi; nếu Xứ sở học là Học văn giải thích năm phẩm, cho đến phẩm Lực chủng tánh này, thì sau đó có sinh khởi; nếu như đó là Học văn thuyết minh từ trên đến đây sáu phẩm đã xong. Giải thích nếu trong phẩm Năng tu học thí, ban đầu không có sinh khởi, thì Năng tu học văn lấy lý này làm chuẩn. Trong năm phẩm trước, Tông thuyết minh Xứ sở học, kiêm gồm có người năng học, mười một phẩm dưới thuyết minh Hạnh của sở học, kiêm thuyết minh pháp sở học và người năng học, tức là ba câu đầu của Học trì, hoặc Xứ sở học, hoặc học như thế là phán xét phẩm có bao nhiêu. Câu thứ nhất thuyết minh pháp sở học, câu thứ hai tuy thuyết minh pháp sở học, nhưng chưa thuyết minh phải học như thế nào, kế đó thuyết minh phải học như thế. Nếu Năng tu học là Xứ sở học, thì trong học như thế sẽ kiêm thuyết minh Năng tu học, có nghĩa là điều này cũng phân riêng, chưa giải thích phân làm thù thắng như trước. Hoặc Xứ sở học, hoặc học như thế, trong sáu phẩm trước, phẩm đầu có sinh khởi. Trong phẩm Năng tu học thí, tuy không có sinh khởi, nhưng thuyết minh chưa có công năng, mà cũng có văn kết luận, cho nên biết mười phẩm này là Chứng học. Hiện tại nói Lực chủng tánh, Lực là mười Lực, Chủng tánh là chủng tánh của mười Lực. Chủng tánh phẩm thứ nhất ở trước, thông với tất cả Chủng tánh, nhưng chưa thuyết minh Tập thành chủng tánh của mười Lực, hiện tại muốn thuyết minh riêng Tập thành chủng tánh, cho nên nói phẩm Lực chủng tánh, trước là

Tánh chủng, hiện tại là Tập chủng tánh.

Luận ghi: "Phải biết trong một phần của mười hai phần giáo Phương quảng kia chỉ có Bồ-tát tạng, các phần khác thì có trong Thanh văn tạng, văn của các luận khác thì khác nhau. Trong đây căn cứ theo mười một phần, thật ra để luận chung với Bồ-tát và Thanh văn tạng, cho nên nói các phần trong luận khác có Thanh văn tạng, một phần trong Phương quảng. Căn cứ theo nghĩa thù thắng thì chỉ có Bồ-tát tạng, nhưng nói Tiểu thừa thì nói nội trong mười một phần, thật ra Tiểu thừa tự nói cũng có mười hai phần, có Phương quảng phần, chính là hy vọng một loại pháp mà thông với cả hai tạng, như trong Bản luận 36 trước mà hiểu.

Luận: Giải thích mười Nhân, rộng như Biệt sao và quyển 5 trước giải thích, luận này ghi: "Tuỳ thuyết nhân, là tất cả tên của pháp được khởi trước tiên, cho nên các tưởng khởi ngôn thuyết trước tiên", là như do trước tiên có tên của Sắc, sau khi nghe tên này thì liền khởi tưởng mà nắm lấy hình tượng, thiện ác đều do chỗ nắm lấy hình tượng này, liền khởi ngôn thuyết, nhân là Ngôn của Sắc... Lại nữa, như Tạp Tập luận quyển 4 ghi: "Tuỳ thuyết nhân, là Danh tưởng kiến, Ngôn thuyết tức là Dụng, kiêm gồm Kiến làm Thể.

Hỏi: Luận này thì không nói Ngôn kiến kia, là có ý gì?

Đáp: Do Tưởng nắm lấy sắc tượng, rồi khởi chấp trước, chấp trước gọi là Kiến, do chấp trước cho nên khởi Ngôn thuyết.

Hỏi: Nếu nhân thanh tịnh, thì tại sao gọi là Chấp trước?

Đáp: Thanh tịnh nhân kiến tức là Chánh kiến, vì xứng với pháp kia, tuy không phải chấp trước nhưng cũng gọi là Kiến, luận kia nói Kiến, là vì cùng với Tưởng dụng mỗi mỗi đều khác, điều này thì các luận không nói, là đối với chỗ nắm lấy hình tượng mà khởi chấp trước, tức là một vật tương tợ, vì trong Tưởng nhiếp Kiến, cho nên không luận. Lại nữa, như khắp có chỗ nói nhưng chỉ có Tưởng thì chưa chắc khởi chấp, luận kia thì căn cứ hợp chung mà tác pháp, đồng thời khởi chấp trước mà nói, luận này chỉ phỏng theo không chấp trước mà nói, không trái nhau.

Luận: "Giải thích Khiên dẫn nhân", tất cả Chủng tử đều mong Tự quả sau, đó là Khiên dẫn nhân quả, như Chủng tử của Thức mong quả Lão tử, đó là Khiên dẫn nhân; nếu mong Danh sắc, đó là Sinh khởi nhân, đó là ý trong đây, cho nên dưới đây có riêng hai nhân Năng sinh, như dưới đây giải thích.

Luận: Trong giải thích Oán địch tương vi, nói: "Là rắn độc, chuột,

chó sói, mèo, chồn, chuột nhắt", các con vật trong đây lẫn nhau làm oán địch, cho đến chuột nhắt chuyển sợ rắn độc, như vậy thứ tự mà lẫn nhau làm oán địch, khi gặp nhau thì không có tâm tình gì!

Luận: Trong giải thích hai nhân Năng sinh phương tiện nhiếp mười nhân, nói: "Phải biết trong đây Khiên dẫn chủng tử và Sinh khởi chủng tử gọi là Năng sinh nhân, các Nhân khác gọi là Phương tiện nhân", như văn của Tầm tứ địa trong quyển 5 ghi: "Năng sinh nhân, là Sinh khởi nhân, Phương tiện nhân là các nhân khác", như văn trước của luận đó tự giải thích Khiên dẫn nhân, nói: "Do Tịnh và Bất tịnh nghiệp, huân tập các Hành của ba cõi, trong ba cõi Tự thể khiên dẫn của Ái và Phi ái, tức là Khiên dẫn nhân, chỉ y theo Dị thục Nhân của Hành chi mà luận. Tầm tứ địa thì trong Phương tiện nhân nhiếp, là Tăng thượng duyên. Trong luận này ghi: "Khiên dẫn nhân, là tất cả Chủng tử mong Tự quả sau, đó là Khiên dẫn nhân, tức là như Thiện ác chủng tử của Hành chi trở lại sinh Thiện ác hạnh của tự nó, Thức chi thì ở xa sinh Chủng tử, đều là Tự chủng, là Nhân duyên, cho nên các Chủng tử này là Năng sinh nhân nhiếp. Theo thật tế, hợp chung hai câu văn một chỗ, Khiên dẫn sinh nhân là Năng sinh nhân, đó cũng là Phương tiện nhân, là Chủng tử của Hành chi và Thức chi mong Sinh, Lão tử... cũng không có trái nhau. Hai câu văn, mỗi mỗi đều được một nghĩa, cho nên trong Y xứ là Y xứ của Tập khí, vì chưa bị thấm nhuần, mỗi mỗi đều lấy Chủng tử của mình mà sinh. Nếu Sinh khởi nhân là Năng sinh nhân nhiếp, thì trong đây tức là Chủng tử ban đầu mong Tự quả ban đầu, đó là Sinh khởi nhân, như Chủng tử của Thức mong Danh sắc... cũng là Năng sinh nhân, hai tất cả trái nhau.

Hỏi: Nếu như thế thì Khiên dẫn nhân và Sinh khởi nhân đâu có khác gì?

Đáp: Có hai thứ khác nhau:

1. Rộng hẹp khác nhau, là Khiên dẫn nhân thông với Tăng thượng duyên và Nhân duyên, là chỗ nhiếp của Năng sinh nhân và Phương tiện nhân. Sinh khởi nhân thì hẹp, chỉ có Nhân duyên nhiếp.

2. Nhuần chưa nhuần khác nhau, vì trong Y xứ thì Khiên dẫn nhân là Nhân y xứ của Tập khí, là Chủng tử của Hành chi và Thức chi chưa bị thấm nhuần. Sinh khởi nhân là Chủng tử bị thấm nhuần thì Nhân Y xứ tức là đã bị thấm nhuần, cho nên có sai biệt. Có thấm nhuần tuy thông với Chủng tử của nghiệp báo, nhưng mỗi mỗi đều mong tự quả để sinh khởi đó chỉ là Nhân duyên, giải thích này đã chế phục vấn nạn. Hoặc Sinh khởi nhân của Vô ký đáng lẽ là Tăng thượng duyên, thuộc Phương

tiện nhân nhiếp. Trí tuệ các nhân này chỉ phỏng theo theo nhiễm ô... mà tác pháp. Hoặc mười lăm Y xứ, năm Quả trái nhau, như quyển 5 và Tạp Tập quyển 4, xem thì hiểu.

Hỏi: Đồng sự nhân của nó nhiếp Sinh khởi nhân... tại sao không phải Năng sinh nhân của Nhân duyên nhiếp?

Đáp: Phỏng theo Duyên mà luận cho nên không nhiếp, thật ra thì được nhiếp, như những nhân này thì có hại, các nhân khác thì căn cứ theo đây mà biết.

Luận: Giải thích Vô ký nhân đã xong, "chỉ như Nhiếp Cốc luận mà nói", là sách của thế tục kia thuyết minh các sự về các loại hạt giống, gọi là Nhiếp Cốc luận.

Luận: Trong giải thích Quán đãi nhân, "Lạc tâm thanh tịnh, là Địa tiền vị của Sơ phát tâm nhiếp thọ thanh tịnh", là đã đắc Vô lậu, Sơ địa trở lên. Thành mãn thanh tịnh, là quả đã đầy, Vô lậu đã tròn.

Luận: Trong giải thích mười Nhân của Thanh tịnh, Khiên dẫn nhân là An trụ chủng tánh, Bổ-đặc-già-la Chủng tánh đầy đủ thì có thể làm Thượng thủ chứng Hữu dư y và Vô dư y Niết-bàn giới...", tức là Chủng tánh mong chứng trí của hai Niết-bàn giới, làm Khiên dẫn nhân thì không mong Niết-bàn.

Luận: Trong giải thích Định biệt nhân, "Chỉ lấy ba Thừa mà tác pháp", đây là phỏng theo thô để làm luận, căn cứ theo tế thì trong mỗi mỗi Thừa thì lại phân ra quả gì, nhân gì... vô lượng không thể đếm.

Luận: Trong giải thích Đồng sự nhân, nói: "Hoặc Thanh tịnh phẩm", đây là lựa riêng với Đồng sự nhân của Tạp nhiễm. Nếu như thế thì đâu có khác gì! Trong Tạp nhiễm không nói, hoặc lìa pháp Nhiễm phẩm thì Đồng sự nhân mới nói, đây là ảnh hiển, luận này đã thuyết minh ở trước, cho nên không cần giải thích, không đều là trói buộc vào văn. Lại nữa, đây là nói, nếu Thanh tịnh thì liền biết Đồng sự nhân của Tạp nhiễm ở trước, cho nên phải lựa riêng.

Luận: Trong giải thích làm rồi không mất, chưa làm không đắc, nói: "Là tự chỗ Tác nghiệp của chư hữu tình tuy đã tạo tác trải qua nhiều trăm kiếp, cùng với công năng của quả đều không hoại mất", đây là thuyết minh chung nghĩa của Hữu phần huân tập. "Cũng không có Bất tác, hoặc trở lại Dị tác mà có Dị thục hoặc Dị quả thục", đây là kết Hữu thủ, là cũng không có Bất tác, nhưng có nghĩa Dị thục, hoặc trở lại Dị tác ác... có nghĩa Quả thục của Dị thiện...

Luận: Ô-ba-ni-sát-đàm-phân, đây là số cùng cực, là tên không thể dịch. Lại nữa, nói: "Như Đại thừa kinh có sáu trăm đại số, Hoa

Nghiêm kinh có một trăm hai mươi đại số, Câu-xá luận có sáu mươi số, đây là lập riêng.

Luận ghi: "Lại nữa, khi nghe pháp, không khinh miệt tự mình, do Nhất tướng này mà tâm đó viễn ly khiếp nhược và tạp nhiễm", là khởi luyện ma tâm, chớ nên tự khinh miệt chính mình.

Luận: Trong giải thích thứ ba phải thuyết chánh pháp, nói: "Là hàng Bồ-tát ngay chỗ xứng tâm thì đó là Sở thuyết", tức là Bồ-đề và Niết-bàn, chỗ xứng tâm tức là Bồ-đề và Niết-bàn này, nhưng vì người khác mà nói.

Luận ghi: "Lại nữa, vì tất cả thuyết, tất cả pháp Vô gián mà nói, nói rằng vì người khác mà nói cần phải nghĩa thứ tự không có gián đoạn và đối với chánh pháp không sinh xan lận, không làm thầy để được phụng dưỡng", là không tham tiếc chánh pháp, không làm mà chấp, chấp tức là nắm lại, cũng là không chấp hành ý của sư trưởng mà keo kiệt chánh pháp.

Luận: Trong giải thích hai loại tướng, phải vì người khác mà thuyết, lại nói: "Như vậy Bồ-tát thuyết chánh pháp tướng, lược có hai mươi loại", đây là nói trong hai loại tướng trước: một là trong Tùy thuận, nói mười lăm câu. Trong "phải tịnh tịnh thuyết" có năm câu, lại càng không có nghĩa khác, phải phối hợp theo thứ tự mà biết. Bốn là Tương tục, là không xan lận chánh pháp ở trước, vì không xan lận cho nên tương tục vì người mà thuyết. Mười là Không đuổi, là trước an ủi. Nói có tội, là không đuổi phạt, chỉ nên an ủi.

Luận: Trong giải thích thứ tư Pháp tùy Pháp hạnh, nói: "Phải biết Hạnh này lược có năm loại, văn sau sẽ tự có, tức là ba nghiệp làm ba loại, Chánh tư làm một loại, Chánh tu làm một loại, dưới đây hoặc Phật Thế Tôn đầu tiên thuyết minh ba nghiệp, nói: "Thế nào là Bồ-đề đối với chánh pháp tư tu", đây là hai loại làm năm loại.

Luận: Trong giải thích Chánh tư, nói: "Bồ-tát do tám loại tướng này mà có thể chánh tu hành". Thế nào gọi là tám loại Tướng? Đây là ban đầu hỏi: "Bồ-tát như thế nào đối với pháp mà chánh tư duy các pháp" trở xuống, cho đến "tiếp theo văn này" trở lên có hai đoạn:

1. Chánh giải thích tám loại.
2. Chia thành tám tướng.

Nghĩa là từ chỗ hỏi trở xuống, đến "trước hết nên xa lìa Xứ không thể nghĩ bàn tư duy pháp kia", là tướng thứ nhất; xuống đến "nhưng không có chậm chạp", là tướng thứ hai; tiếp theo xuống đến "lấy lý quán sát mà tùy ngộ nhập", là tướng thứ ba; tiếp theo xuống đến "đối

với thiểu phần đó thật ra là tin hiểu sâu", là tướng thứ tư; tiếp theo xuống đến "chỉ nương vào nghĩa của nó, không nương vào văn của nó", là tướng thứ năm; "như thật biết rõ Hắc thuyết và Đại thuyết", là tướng thứ sáu; "chính là có thể ngộ nhập tối sơ Tư duy", là tướng thứ bảy; "đã được ngộ nhập rồi niệm niệm tác ý khiến cho được kiên cố", là tướng thứ tám; "tám loại Tướng là hàng Bồ-tát do có thể viễn ly" trở xuống có tám chữ "Do", lại thành tám nghĩa trước, đếm lại thì có thể biết.

Luận ghi: "Tỳ-bát-xá-na nào hàng Bồ-tát", cho đến "gọi đó là Tỳ-bát-xá-na" là thuyết minh mười loại Trí. Hiển Dương quyển 1 và dưới đó quyển 94 giải thích có thể biết được. Những thứ này có bốn loại:

1. Có hai loại, đắc Tăng thượng thiên về tu mà làm luận, thật ra một người đồng thời có đủ Định và Tuệ.
2. Có hai loại.
3. Phương tiện đạo.
4. Chính là quả của Phương tiện.

Luận ghi: "Phải biết trong đây là hàng Bồ-tát như như tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na", các loại này, thứ nhất thì ngược lại, kết với thứ ba trên là tu tập Định tuệ và Định tuệ thanh tịnh, là kết với thứ tư trên là ư thích tu tập. Trở xuống thì chỉ có luận riêng, nương vào Sở đắc của Định.

Luận: Thứ năm là giải thích Giáo thọ, nói: "Phải biết Giáo thọ lược có tám loại. Tám loại là những gì?

1. Liễu tâm.
2. Liễu căn.
3. Liễu Y Lạc.
4. Liễu tùy miên.
5. Liễu tùy sở ưng thuyết.
6. Liễu thường kiến.
7. Liễu đoạn và biên kiến.
8. Liễu trừ tăng thượng mạn.

Cho nên làm tám loại, ba Xứ nhiếp tám loại này, cho nên tám Lực thứ tự mà phối hợp.

Hỏi: Tại sao chỉ nói tám Lực, không nói Xứ phi xứ tự nghiệp trí lực?

Đáp: Trước thuyết minh trong Tác thì Đắc bất tác thì Bất đắc, đã giải thích Xứ phi xứ lực xong rồi, vì do nghiệp Sở sinh không phải Tự tại, không phải người khác tác dẫn, là thuyết minh Tự nghiệp trí lực đã

xong. Luận này chỉ thuyết minh tám loại Lực, không thuyết minh hai loại đầu. Lại nữa, vì quán người ở trước mà vì người đó thuyết pháp và truyền dạy, là muốn nói: "Thế nào là quán Xứ phi xứ kia để vì thuyết pháp? Nếu như thế thì khiến cho người kia sinh nghi, ác nhân diệt thiện quả, chấp của Đại tự tại thiên sinh... tại sao không quán trừ? Lấy nghĩa này làm chuẩn cho thuyết minh trước là thù thắng.

BẢN LUẬN 39
THÍ PHẨM THỨ CHÍN TRONG TRÌ DU GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Thí phẩm, là Thí độ trong sáu Ba-la-mật. Pháp Bồ-đề phần trì có mười sáu phẩm: một là hoặc Xứ sở học, thuyết minh năm phẩm, bảy pháp nhiếp năm phẩm trước. Hai là hoặc Học như thế thuyết minh công dụng của học pháp, tức là một phẩm thứ sáu. Từ đây xuống mười phẩm, tông thuyết minh Năng tu học kiêm gồm Hữu sở học, nếu như Cựu luận thì pháp Bồ-đề phần trì thứ nhất cũng khai mở làm ba loại, sư Viễn chỉ phán làm hai loại, như số đầu của thượng phẩm phân tích trở xuống trong mười phẩm đại khái phân làm ba loại:

1. Có bảy phẩm, là Tự phần của nó, không thuyết minh Thắng tấn, chỉ có Hạnh của Tự phần.

2. Có hai phẩm, thuyết minh Thắng tấn của nó.

3. Có một phẩm, Nhân thành Quả mãn.

Ngay trong Tự phần, phẩm phân làm hai loại, nghĩa phán có ba loại. Phẩm phân làm hai loại:

1. Có sáu phẩm, thuyết minh hạnh Tự lợi.

2. Bốn Nhiếp có một phẩm, thuyết minh hạnh Lợi tha.

Nghĩa phán làm ba loại, hai loại phán như trên, tức là trong phẩm Tứ nhiếp nói "các thứ Bố thí" cho đến "Đồng lợi" trở xuống, là sáu phẩm Pháp hạnh, Biện đức, Chương tu, Thành đạo và Tự lợi, tức là thuyết minh sáu Độ. Thí phẩm kiến lập trước hết cho nên nói phẩm Thí.

Hỏi: Tại sao trước thuyết minh Xứ sở học, Học pháp phẩm như vậy đầu tiên sinh Xứ, đây là phần thứ ba thuyết minh Năng tu học, trước văn không sinh khởi thì đâu có ý gì là tà?

Đáp: Căn cứ theo nghĩa thì có thể biết đâu cần gì phân riêng, công đức phẩm dưới đó mới có văn kết, tự văn đó đã lược giải rồi, cũng như sơ giải Lực chủng tánh trước.

Luận ghi: "Tự tánh, Nhất thiết, Nan hành v.v...", bài tụng này thuyết minh chín loại Thí:

1. Tự tánh thí, là loại thứ nhất tổng thuyết minh Thể tánh của Thí.

2. Nhất thiết thí, là thuyết minh riêng Thí hạnh và Tướng của Thí hạnh, Thí hạnh không phải một cho nên nói tất cả, ngay Thí hạnh này khai mở bảy môn khác, dưới đây thuộc tự nó thích đương.

3. Nan hành thí, là khó xả mà có thể xả, cho nên gọi là Nan hành,

Thí hạnh thù thắng gọi là Nan hành thí.

4. Nhất thiết môn thí, là tất cả Thí hạnh nhiếp trong môn này, nhiếp hạnh rộng lớn cho nên gọi là Nhất thiết môn thí. Lại nữa, trong Nhất thiết môn tu Thí gọi là Nhất thiết môn thí.

5. Thiện sĩ thí, là Thí hạnh thuần thiện, Sở tác thuần thiện, gọi là Thiện sĩ thí.

6. Nhất thiết chủng thí, là Thí hạnh cụ túc, trong tất cả duyên làm thành Thí hạnh mà gọi là Nhất thiết chủng thí, cho nên cùng với hai hạnh trước mỗi mỗi có sai biệt.

7. Toại cầu thí, xứng với hữu tình đến cầu thí, tùy ưa thích mà đều ban cho, gọi là Toại cầu thí.

8. Thử thế tha thế lạc thí, là lợi ích đời này và đời khác được an lạc, gọi là Thử thí.

9. Thanh tịnh thí, là Thí hạnh không có lỗi, Sở tác không có tội, gọi là Thanh tịnh thí.

Luận: Tại sao Tự tánh thí là hàng Bồ-tát cho đến gọi đó là Bồ-tát tự tánh thí? "Thứ nhất thuyết minh Thể tánh của Thí", là khi thí thì không có Tham câu hành với Tư, và hai nghiệp chỗ phát thân ngữ này, thuyết minh Thể tánh, như Tạp Tập quyển 12 trong An trụ luật nghi nói. "Nương vào Phật giới A-cấp-ma kiến", là Trụ nhân quả. A-cấp-ma này có hai nghĩa:

1. Nghĩa Truyền, tức là Phật giáo tương truyền, trước kia gọi là A-hàm, tức là kinh A-Hàm.

2. Nghĩa Biện nhân quả, vì Nhân chuyển đến Quả, luận này thì lấy nhân nghĩa, vì Định có Quả, Kiến trụ định có Quả, tùy theo tâm của người đến mà hành ân huệ thí.

Luận: Trong giải thích ngoài hai tướng Thí vật và Thí chư chúng sinh, tướng thứ hai ghi: "Có hai thứ cầu tự tại, là tất cả đoạn tâm đều rộng thí cho", là đối với tài sản, người cầu thọ dụng, chỗ cầu tài sản kia, tùy theo đó mà thọ dụng, là thứ nhất. Không muốn cầu tài mà thọ dụng, chỉ muốn đối với tài mà được tự tại, là thứ hai.

Luận: Trong giải thích nên thí và không nên thí, nói: "Hoặc các Bồ-tát đối với chỗ hành thí, ý lạc thanh tịnh", cho đến "không nên buông bỏ sự lợi ích chúng sinh trước mắt mà bố thí thân phần", trong đây là Bồ-tát từ trước đến nay Ý lạc thanh tịnh, không tham tiếc thân mình, trước mắt đang có sự lợi ích chúng sinh, nếu có người đến cầu xin một phần thân, thì không nên thí cho, vì sự lợi ích trước mắt thì nhiều, lợi ích khi xả thì nhỏ, tùy theo sự lợi ích nhiều mà làm, nếu tâm Thoái

chuyển thì tự mình khởi niệm nghĩ rằng: "Điều này phải nên cho hay không cho, tâm sinh xan lận tham tiếc thân mình, vì phá tham tiếc mà cần phải xả thân phần, trước tiên tâm đã thanh tịnh, không tham tiếc thân mình nữa, trước mắt trở lại sự nhiều lợi ích, không nên thí thân phần", đó là ý trong đây.

Luận ghi: "Nếu có người đến cầu tráo, la, ta, kinh", tráo la là lờ và lưới để bắt cá, ta là lưới để bắt nai, kinh là dụng cụ để bắt thỏ và chim trĩ.

Luận: Trong giải thích không hợp nghi với cha mẹ và sư trưởng, nói: "Mặc tình chỗ sát hại, đánh trói, đổi bán", là vì tùy thuận với cha mẹ để biết ơn, mặc tình cha mẹ kia giết hại mà tự mình không dám ôm ấp tâm thí, huống gì hiển nhiên thí cho người đến cầu, đây là tổng kết ý trên, không nên có tâm bố thí cha mẹ v.v... tự mình còn không ôm ấp tâm đó, huống gì hiển nhiên mà dùng cha mẹ để bố thí.

Luận ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát hoặc làm Quốc vương Quán đảnh tự tại", cho đến "mà bảo cho những người kia biết rằng, như ta ân huệ hóa độ, các ông cũng nên như thế", là không hợp chung lấy thê tử quyến thuộc của chư bá tánh, đoạt lấy bố thí, chỉ có trì giữ châu thổ của thôn ấp, hoặc toàn phần hoặc một phần, mà khi bố thí thì thê tử quyến thuộc của bá tánh, trong đó đều được bố thí, nhưng bảo với những người kia rằng: "Như ta ân huệ hóa độ, sùng kính Phật pháp, các ngươi cũng phải như vậy".

Luận ghi: "Lại nữa, không bảo rằng, không khiến cho hiểu biết như vứt bỏ pháp thí, cháo cơm v.v...", cho đến không hợp nghi mà bố thí thì Bồ-tát không làm", là như có người trước không ăn hành hẹ, không có tự tâm và tha tâm biết, như pháp bố thì nhưng cùng với hành hẹ, thì Bồ-tát không làm, cho đến rộng nói, không phải hành hẹ này không thí cho người kia, cũng không phải lấy hành hẹ này đặt vào khí vật vàng bạc, vì không hợp nghi thức các sự nghiệp v.v... mà thí cho người kia, đó là ý trong đây. Lại nữa, như phương pháp vơ ném mà bố thí cơm cháo, không kính người kia, Bồ-tát không làm, uy nghi bất chánh mà thí cho người kia, Bồ-tát không làm.

Luận ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát đúng thời mà bố thí, không phải phi thời", là đói ăn thì thí cho ăn, không thí cho y phục v.v... khi nóng thì thí cho mát, không thí cho lửa v.v... "Tự tha thanh tịnh, không phải không thanh tịnh" là không thấy người cho và người nhận. "Hợp nghi mà thí, không lấy bất hợp nghi", là không thí cho người kia dao, thuốc độc, rượu v.v... không loạn tâm thí, nghĩa đó có thể biết.

Luận ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với tất cả thí, là tất cả Tài thí, Pháp thí, Vô uý thí và Ân huệ thí", giải thích hai hạnh bố thí đã xong, dưới đây là văn kết luận. Sư Pháp nói:: "Hoặc Dị môn, Thể tướng, giải thích Danh, đây là Pháp nghĩa vô ngại giải; Năng thuyên, Sở thuyên, vì có nhiều Dị môn phân riêng v.v... hoặc Nhân quả sai biệt, đây là Biện thuyết vô ngại giải, vì biện thuyết nhân quả. Lại nữa, nếu căn cứ theo văn kết dưới đây, thì chỉ nói do Tài thí, do Pháp thí, đây là kết hai môn trên, do Vô ngại giải, không nói là cái gì Vô ngại. Tại sao không nói bốn Vô ngại pháp nhiếp? Luận này giải thích điều đó cho rằng: "Là trong Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí trước, tất cả Dị môn là pháp Vô ngại", là các giáo pháp phần nhiều lấy Dị môn mà phân riêng pháp tướng, hoặc thể tướng tức là Nghĩa vô ngại, Nghĩa sở thuyên phần nhiều phỏng theo Thật thể, Thể gọi là Tướng. Hoặc giải thích Danh là Huấn từ vô ngại để giải thích các văn tự. Hoặc Nhân quả sai biệt là Biện thuyết vô ngại, vì đã có biện thuyết các Sự nhân quả, tức là bốn Vô ngại đều ở trong đây, vì trên Tài thí v.v... có các Vô ngại này, như thật liễu tri mà hành Ân huệ thí, gọi đó là Xảo tuệ. Lại nữa, trong bốn Vô ngại giải, mỗi mỗi đều có thể tướng của Dị môn cho đến nhân quả v.v... chưa cần phải phối hợp riêng với nó, đây là đại nghĩa.

Luận: Trong văn kết bên dưới, nói: "Tổng nghĩa và lược nghĩa, do Hữu tài, Vô tài, Tài thí, Sở thí", tức là kết quyển thứ nhất, cho đến "như vậy đời đời nhất định đạt được vô tận tài bảo là do Pháp thí", kết tiếp theo ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát rốt cuộc không có miệng truyền dạy cầu hơn tất cả chánh pháp của ngoại đạo", cho đến "ta quyết định phải đối với pháp của các kinh này mà Bất tự tại do đó không thí cho ta, phải biết đó gọi là Xảo tuệ của Bồ-tát mà hành Ân huệ thí, vì Vô ngại thí", kết tiếp theo ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với tất cả Thí, là Pháp thí, Tài thí và Vô úy thí, hoặc Dị môn v.v...", cho đến văn kết "Bồ-tát Xảo tuệ mà hành Ân huệ thí", là do Thắng ý lạc thí mà kết bốn Vô lượng môn ở trên. "Do thí chướng đối trị trí", tức là kết bốn Chướng và bốn Đối trị trí. "Do Tăng thượng ý lạc thắng giải", tức là kết luận không vận tâm thí kế trước, vì không có Tài bảo, chỉ có tâm thắng giải đó mà thôi.

Trong Nan hành thí, nói: "Hoặc thời gian lâu đã tập quen", như một quyển kinh, Bồ-tát đó thời gian lâu dài tập quen, lợi ích này có nhiều, không thể nói bố thí như trước, như Tài thí v.v... là do tập quen mà được. "Lại nữa, trong khi tập quen đầy đủ thì Năng thí là kinh, hoặc có thượng phẩm ân", là có ân nhân thượng phẩm chưa ban cho, mà bây

giờ đem thí cho.

Luận ghi: "Tại sao Bồ-tát đời này hoặc đời khác ưa thích bố thí? Phải biết Thí này lược có chín loại, những gì là chín loại? Lại như Cựu luận, sư Viễn giải thích rằng: Tài thí và Pháp thí mỗi mỗi có ba loại, trong Tài có ba là: Thượng Diệu, Thanh tịnh, Như pháp. Thượng diệu tức là vật thượng diệu Mạt-ni v.v... Thanh tịnh là không phải cướp trộm lấy được. Như pháp là như pháp tài, không phải dao gậy, rượu chè v.v... Vô úy thí mỗi mỗi có ba loại, có thể biết. Lại nữa, có người cho rằng: "Thứ nhất chính là Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí", đây là phân tích ba loại Thể, trên ba loại này phân ra sáu Dụng, Tài thí có hai Dụng, là Xan lận cấu và Tích tàng cấu; Vô úy thí có ba Dụng, thuyết minh ba Uý; Pháp thí thì hợp chung làm một.

Hỏi: Trong đây tại sao các kinh luận khác lấy Pháp thí làm đầu, sau mới thuyết minh Vô úy, luận này thì Vô úy thí đứng đầu, Pháp thí đứng cuối?

Đáp: Luận dưới ghi: "Là Tài thí và Vô úy thí có thể khiến cho chúng sinh đời này an lạc, vì hai loại Thí này đều là Hiện lạc, cho nên tiếp theo kế đó là Tài thí, đầu tiên thuyết minh Vô úy thí, Pháp thí thì ở sau cùng, làm lợi ích cho hậu thế cho nên sau đó mới thuyết minh.

BẢN LUẬN 40
GIỚI PHẨM THỨ MƯỜI TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Giới phẩm, là trước đã thuyết minh Thí phẩm để trừ xan tham bên ngoài, bây giờ tiếp theo là trì giới để đề phòng cấu uế bên trong, vì rộng phân tích giới hạnh cho nên gọi là Giới phẩm, tức là tên gọi khác của Phòng phi. Tên gọi thù thắng của Thanh lương, không thể song song nêu ra làm đề mục cho Giới phẩm.

Luận: Giải thích Nhiêu ích hữu tình giới, nói: "Lược có mười một loại tướng, là hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình có thể dẫn phát nghĩa lợi v.v...", là có mười một chữ "lại nữa" làm mười một tướng, nếu y theo Địa trì của Cựu luận thì trong loại thứ nhất này phân làm hai loại:

1. Đối với chư hữu tình có thể dẫn nghĩa lợi và các Sự nghiệp kia cùng làm Trợ bạn.

2. Đối với chư hữu tình tùy Sở sinh khởi cho đến cũng làm Trợ bạn.

Luận kia có nói hai chữ thứ nhất và thứ hai, luận này vì lấy Đồng pháp là Trợ bạn cho nên làm một đoạn, văn này là chính. Hai môn thứ tư và thứ năm của luận này, thì luận kia hợp chung làm môn thứ năm, cho nên có sự khai và hợp bất đồng này.

Luận: Trong giải thích Trụ biệt giải thoát luật nghi giới thứ năm, nói: "Do nhân duyên này, thì có thể thúc liễm, vì thúc liễm cho nên dần dần có thể như xưa v.v...", ý của đoạn văn này có thể hiểu. Nói thúc liễm, tức là thúc liễm tâm, khiến cho không khởi ác tán loạn, như người đang khi thúc liễm thì không sinh phóng dật v.v...

Luận: Trong chữ "lại nữa" thứ bảy, giải thích thường xét lỗi mình, không dòm lỗi người, nói: "Chỗ không có tâm tổn hại, không có tâm sân khuể của chư hữu tình, Bồ-tát đối với các tâm Sân v.v... kia do ôm mang thượng phẩm pháp Đại bi v.v...", Cựu luận ghi: "Do ôm mang thượng phẩm Pháp tâm và Bi tâm". Sư Viễn nói:: "Pháp tâm là Tuệ, dùng tuệ để biết các tâm Sân v.v... kia là Pháp số, không có người có thể Sân. Bi tâm là Bi tâm cứu các tâm kia, sợ sẽ thọ khổ". Luận này lại giải thích rằng: "Pháp Đại bi, do ôm mang thượng phẩm pháp có thể khởi Đại bi", có ý lấy Bi để cứu chúng sinh, không luận chữ "pháp".

Luận: Giải thích chi thứ tư trong năm chi của Bồ-tát "chỗ tạo tác hạnh Bất phóng dật trước kia", nói: "Hoặc đối với sau này, ngay chỗ trái phạm mà phát khởi dũng mãnh tự thệ nguyện Dục lạc v.v...", cho đến văn kết nói "chỗ tạo tác hạnh Bất phóng dật trước kia", trong đây

có ý nói, nếu như có một, thì thân trước đối với chỗ trái phạm trong vị lai, tự thệ nguyện không khởi, đối với pháp nên hành thì thệ nguyện hành, vì quá khứ đã phát nguyện, tất cả Thiện pháp của thân sau đều thực hành nó, ác thì diệt nó, đó là ý trong đây.

Luận ghi: "Bồ-tát thành thục như vậy mười chi, gọi là Trụ luật nghi giới, khéo hộ luật giới v.v...", từ đây xuống có mười chữ "lại nữa", tức gọi là mười chi, kết với mười chi trước rộng thuyết minh nghĩa. Nói rằng: "Không luyến tiếc nhìn lại các Dục của quá khứ", là kết đoạn văn trước "bậc xuất gia đã xả vương vị", chỗ xả vương vị vì là quá khứ, cho nên hạng xuất gia này không đoái nhìn các Dục của quá khứ. "Chữ "lại nữa" thứ tư, ưa thích xa lìa không sinh vui mừng đầy đủ", là kết đoạn văn trước. Văn trước có hai đoạn, lấy hai câu này mà tìm nghĩa để phối hợp, căn cứ theo chữ "lại nữa" thứ mười mà phối hợp, chữ "lại nữa" thứ năm cũng vậy. "Chữ "lại nữa" thứ bảy, tánh nhu hoà", phải biết chữ "lại nữa" trước là "hàng Bồ-tát trụ luật nghi giới, phải xét lỗi mình, không dòm ngó lỗi người, cho đến nhiêu ích hữu tình tâm v.v...", vì để khởi Bi tâm thương xót chư hữu tình phạm giới, không nói đến cái quấy của người, không luận đến cái phải của mình, vì tánh nhu hoà cho nên như vậy. "Chữ "lại nữa" thứ chín là Bất phóng dật", là kết luận năm loại hạnh Bất phóng dật trước. "Chữ "lại nữa" thứ mười, là có thể cụ túc Quỹ tắc, Tịnh mạng", là kết luận "che giấu thiện của mình, phát lồ ác của mình v.v...", trong đây có hai cụ túc: một là Cụ túc quỹ tắc, hai là Cụ túc tịnh mạng. Cụ túc Quỹ tắc, là kết đoạn văn trước "phát lồ tội ác của mình, che giấu thiện của mình", cho đến "uy nghi tịch tĩnh". Cụ túc Tịnh mạng, là kết đoạn văn trước "lìa dối trá v.v... tất cả pháp có thể khởi tà mạng, dối trá để được tài vật là Bất tịnh mạng tài", lìa dối trá này gọi là Tịnh mạng tài.

Luận: Trong giải thích An trụ nhiếp thiện pháp giới, nói: "Bồ-tát do mười loại tướng này mà gọi là Trụ nhiếp thiện pháp giới" trở xuống, văn tiếp theo phối hợp với văn trên. Năm Độ trên y theo văn mà thứ tự phối hợp. Trong Trí Độ luận riêng khai làm năm Xứ. Năm Xứ gồm:

1. Biết Thiện quả lợi ích thù thắng, tức là khi chứng đắc Bồ-đề, tất cả tướng hảo, tất cả công đức v.v...

2. Liễu tri thiện nhân, tức là lục độ hạnh v.v...

3. Liễu tri thiện nhân quả điên đảo và không điên đảo, tức là khởi kiến giải Thường lạc ngã tịnh, đó là nhân quả điên đảo, nếu khởi kiến giải Khổ, Vô thường v.v... đó là nhân quả không điên đảo.

4. Liễu tri thiện pháp chướng, là biết rõ Chướng của sáu Độ, là

Xan v.v... sáu mối tệ.

5. Liễu tri thiện quả lợi ích thù thắng, là Thiện nhân của tâm Tầm, trong Nhân quả biết rõ điên đảo và không điên đảo, không cho là Tịnh v.v... Liễu tri thiện chướng v.v... mà có thể nhanh chóng xa lìa, đều là Xứ thứ năm. Hoặc y theo sư Viễn nói:: “Xứ thứ ba trong đây, biết thiện nhân quả điên đảo và không điên đảo là hai Xứ. Thị có bảy, Đảo có hai, là Tri thị phi đảo”. Trong bốn chữ “lại nữa” phân làm năm Xứ là “hàng Bồ-tát có thể đối với Thiện nhân quả” trở xuống, giải thích che lấp năm Xứ trước, nghĩa này không đúng, từ câu “hàng Bồ-tát đó” trở xuống cuối đoạn văn, nói: “Liễu tri nhiếp thiện pháp chướng làm Nhiếp thiện cho nên nhanh chóng có thể xa lìa”, là giải thích đoạn văn nào ở trước, nếu giải thích câu Liễu tri nhiếp thiện pháp chướng thứ năm ở trước, thì trước chỉ nói Tri chướng, không nói Viễn ly, ở đây thì nói Viễn ly, cùng với câu thứ năm trước lẽ nào không trái nhau? Hiện tại luận này phân là “hàng Bồ-tát đó” trở xuống, là câu thứ năm, vì Viễn ly chướng cùng với Tri chướng khác nhau.

Hỏi: Nếu lấy Viễn ly chướng là câu thứ năm thì cùng với câu biết thiện nhân trước đâu có khác gì?

Đáp: Biệt tri thiện nhân và Tri sáu Độ, là chưa có thể trừ Chướng, Xứ thứ năm này trừ Chướng cho nên có Biệt. Nếu ông lấy chướng để trừ chướng, thì không được phân làm hai Xứ, biết điên đảo và không điên đảo đáng lẽ không được phân làm hai, luận ông đã không thành thì nghĩa của tôi cần phải lập.

Hỏi: Biết đảo cùng với Thiện chướng đâu có khác gì?

Đáp: Biệt đảo, là bốn Đảo chướng, là sáu Tệ, cho nên có Biệt.

Hỏi: Tại sao câu hỏi Tam tụ giới trước, văn cũng hỏi rằng: “Trụ luật nghi giới, muốn tùy luật nghi giới v.v... trước kết các luật nghi giới, tức là hai đoạn văn song song hai pháp, là Trụ luật nghi giới và Thiện hộ luật nghi giới. Luận này giải thích Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới ở dưới, không kết môn thứ hai, chỉ kết Trụ nhiếp thiện pháp giới v.v... là có ý gì”?

Đáp: căn cứ theo văn kết ở trước, lấy trước làm ví dụ cho sau, trong Luật nghi giới song kết đã xong, làm ví dụ cho sau có hai Ưng tri cho nên không nói. Lại có giải thích khác, giải thích đó là trong Biệt giải thoát luật nghi, trong câu văn “Sơ sinh khởi”, chỉ có nói Trụ biệt giải thoát luật nghi, không có nói Thiện hộ biệt giải thoát giới, văn kết bên dưới tức là song kết, gồm có câu nói “Thiện hộ v.v...”. Trong giải thích thứ ba Nhiêu ích hữu tình giới, trong câu văn “Sơ sinh khởi”, chỉ

có một chữ "Trụ", không có câu thứ hai "Thiện tu nhiếp thiện pháp giới", trong văn kết đó, ngay hai loại đồng thời kết. Câu thứ hai Nhiếp thiện pháp giới, câu "Sinh khởi" chỉ có chữ "Trụ", trong văn của nó ghi: "Gọi là trụ Nhiếp thiện pháp giới nhanh chóng có thể nhiếp Thiện nhất thiết chủng tướng. Câu nói "nhanh chóng có thể nhiếp Thiện nhất thiết chủng tướng", có ý là kết câu "Thiện tu nhiếp thiện pháp giới", vì lý làm chuẩn cho Biệt giải thoát giới tức là Sinh khởi và Kết. Cụ túc có hai loại, chính là Nhiếp thiện và Nhiêu sinh, lẫn nhau có ví dụ làm chuẩn, Nhiếp thiện có đủ hai Kết, không có Sinh khởi, Sinh khởi chỉ có một, Nhiêu ích thì có hai Sinh khởi, có hai Kết. Trong làm chuẩn, câu hỏi đồng nhau, cho nên văn không đủ. Lại nữa, giải thích môn trước, chỉ có ba môn, là Trụ luật nghi mà có thể Thiện hộ, môn này chỉ có một nghĩa, không phải có hai môn, Nhiêu sinh và Nhiếp thiện dưới đây căn cứ theo đó cũng có một môn, cho nên trong giải thích bên dưới, Sinh khởi và Kết cũng chỉ có một loại, không cần phiền nhọc giải thích.

Luận: Trong Quảng nhiêu ích hữu tình giới, nói: "Lại nữa, hàng Bồ-tát do mười một loại tướng v.v...", cho đến "trong mỗi mỗi tướng mà thành thục tất cả Chủng và mười một loại Hạnh", những gì là mười một tướng? Nếu xét lược giải ở trước, thì Nhiêu sinh mười một tướng giải thích văn dưới đây, mười một tướng đó là: " Bồ-tát đối với các sự nghiệp kia của chư hữu tình kia đều làm Trợ bạn" trở xuống, là một tướng. "Lại nữa, hàng Bồ-tát vì chư hữu tình mà như lý tuyên thuyết, là nhờ vào Lạc hạnh, Ác hạnh v.v..." trở xuống, là hai tướng. "Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình có tư duy, chỗ biết sâu về Tư tuệ " trở xuống, là ba tướng. "Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình loại gặp điều kinh sợ, có thể vì cứu hộ" trở xuống, là bốn tướng. "Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình loại ở trong sự suy não, có thể khéo khai thị giải thích" trở xuống, là năm tướng. "Lại nữa, hàng Bồ-tát sẵn đủ vật dụng nuôi sống, tùy có người đến cầu xin thì đều thí cho" trở xuống, là sáu tướng. "Lại nữa, tánh hảo của hàng Bồ-tát nhiếp thọ chư hữu tình loại như pháp chế ngự chúng" trở xuống, là bảy tướng. "Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với tâm tánh của hữu tình ưa tùy chuyển theo, khi tâm chuyển" trở xuống, là tám tướng. "Lại nữa, tánh của hàng Bồ-tát ưa thích tán dương công đức chân thật, khiến cho người khác hoan hỷ" trở xuống, là chín tướng. "Lại nữa, tánh của hàng Bồ-tát ưa thích bi mẫn để điều phục pháp, điều phục hữu tình" trở xuống, là mười tướng. "Lại nữa, hàng Bồ-tát vì muốn nhiêu ích chư hữu tình cho nên hiện sức thần thông" trở xuống, là mười một tướng. Mười một tướng này căn cứ theo

mười một tướng lược giải trên mà phối hợp. Lại nữa, theo quyển 43 dưới trong Tĩnh lự thì cùng với luận này đồng, tuy Trợ bạn là hai, nhưng vẫn hợp chung là tướng thứ nhất. Nếu phân làm hai, tức là mười hai tướng, cho nên biết hợp chung Trợ bạn làm một. Nếu y theo Cựu địa trì thì tự có một, hai cho đến mười một số, trong lược giải trước cũng vậy. Trong lược giải trước đã hội hai luận không đồng nguyên nhân, vì trong luận này nương vào Cựu địa trì: "Mười một tướng là: Hàng Bồ-tát đối với các sự nghiệp kia chư hữu tình đều làm Trợ bạn" trở xuống, là một tướng. "đối với những người cứu khổ cũng làn Trợ bạn" trở xuống, là hai tướng, tức là trong câu thứ nhất trên phân ra câu thứ hai, tức là hợp chung câu thứ tư và câu thứ năm, cùng làm một tướng của câu thứ năm, trong lược giải thích trước của Cựu địa trì đã có sự khai hợp bất đồng như vậy, văn rộng giải và văn lược giải đồng nhau. Hiện tại nếu căn cứ theo quyển 41 dưới đây, thì sự nghiệp Trợ bạn và Cứu khổ làm hai môn. Lại nữa, trước đã nói trong tướng thứ ba, trong giải thích Báo ân, nói: "Cũng như đối với sự nghiệp, như vậy đối với khổ như lý mà nói v.v...", tức là phân sự nghiệp và Cứu khổ làm hai môn.

Hỏi: Đây là ý gì?

Đáp: Có nghĩa là luận này căn cứ theo nghĩa của mười một tướng lược giải ở trước, tức là Sự nghiệp và Cứu khổ hợp chung làm một, vì có nghĩa là Trợ bạn v.v... hoặc chỗ làm Trợ bạn một là Sự nghiệp, một là Cứu khổ, vì hai nghĩa riêng khác nhau, cho nên quyển 41 sau và trong Báo ân khai làm hai tướng. Làm sao biết được? Ngay trong Báo ân ghi: "Đối với Như lý thuyết, đối với Phương tiện thuyết, thì tướng thứ nhất là Như lý thuyết".

Hỏi: Trước nói mười một tướng, tướng thứ hai Phương tiện thuyết là thế nào? Tướng thứ ba là Báo ân phương tiện thuyết, hợp chung ngay trong Báo ân thứ ba, kinh luận nào có nghĩa Phương tiện thuyết?

Đáp: Luận này trong giải thích Như lý thuyết thứ hai, có ghi: "Hoặc Phương tiện thiện xảo tuyên thuyết, như đối với Lạc hạnh v.v... tức là Phương tiện thuyết, điều này hoặc là thuyết minh nghĩa của mười tướng, tức là Như lý phương tiện thuyết, cũng nói hợp chung với tướng thứ hai, hoặc thuyết tuy đồng Như lý phương tiện nhưng hai nghĩa khác nhau, cho nên trong luận này phân làm hai tướng.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao giải thích trong Báo ân này, không có đoạn văn giải thích Báo ân là nghĩa gì?

Đáp: Có nghĩa là giải thích Báo ân này, có đủ mười tướng trước, lại không nêu riêng tướng của Báo ân, hoặc Phương tiện thuyết và Cứu

khổ, mỗi mỗi đều làm một tướng, thì trong lược nói ở trước đáng lẽ là mười hai tướng, vì trong Trợ bạn phân làm hai tướng, có nghĩa là Trợ bạn này phân làm hai tướng.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao lược nói có mười một chữ "lại nữa"?

Đáp: Có nghĩa là chữ "lại nữa" thứ tư và thứ năm hợp chung làm tướng thứ năm. Trong chữ "lại nữa" thứ nhất, phân Trợ bạn làm hai tướng, tức là trong đoạn văn rộng này, phải căn cứ theo đó mà xét biết, đây là theo thuyết xưa, thật ra bản luận tiếng Phạm không có nếu tên thứ nhất, hai, ba, tư v.v... mà do nhà phiên dịch tự đặt. Nghĩa thứ nhất trước là chánh, nếu y theo sư Viễn thì nghĩa thứ hai trước là Đồng sự, thứ ba là một Ái ngữ, thứ tư là bốn Bố thí, thứ năm là bốn Lợi hành. Luận này thì không như vậy, thứ nhất là một Đồng sự, thứ hai là một Ái ngữ, thứ ba là năm Bố thí, thứ tư là bốn Lợi hành, lấy hai văn trái nhau mà dẫn như trước. Lại nữa, trong Đồng sự, thứ nhất là Lạc, thứ hai là Khổ, nên y theo văn mà tìm.

Luận: Trong giải thích hai tướng, nói: "Lại nữa, hàng Bồ-tát vì chư hữu tình mà như lý tuyên thuyết, là đối với hữu tình Lạc hạnh và Ác hạnh, vì muốn đoạn các Ác hạnh cho nên lấy Tương ưng, Văn cú, Trợ bạn, Tùy thuận, Thanh lãng, Hữu dụng, Tương xứng, Ưng thuận thường ủy, Phần tư lương pháp mà vì tuyên thuyết v.v...". Tương ưng tức là tương ưng với lý; Văn là văn tự, Cú là nương vào văn mà sinh cú; Trợ bạn tức là nghĩa trong văn cú; Tùy thuận, là thuận với Vô lậu đạo; Thanh lãng là hoà nhã; Hữu dụng là có thể đoạn ác; Tương xứng tức là thuận theo bệnh mà thuyết pháp; Ưng thuận thường uỷ, là thường thuận theo sự uỷ thác mà tu; Phần tư lương pháp tức là Bồ-đề phần không ngoài Phần tư lương pháp. Ý này tức là nghĩa của văn cú xứng với lý, âm thanh hoà nhã, thuận với Vô lậu đạo là thuận với Phần pháp của Bồ-đề, vì chúng sinh Lạc hạnh và Ác hạnh mà nói. Đó là ý trong đây.

BẢN LUẬN 41
PHẨM GIỚI THỨ MƯỜI TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Luận ghi: "Là Nhuyễn trung thượng phẩm của Nhiễm và Phi Nhiễm", là vì khi phạm tội thì có phẩm cấp để rớt xuống, gọi là Nhuyễn trung thượng.

Luận: Giải thích người khác đem tài bảo đến bố thí thứ năm, Bất phạm trong Bất thọ, nói: "Hoặc biết người kia đối với sự bố thí mê loạn, hoặc biết thí chủ tùy xả tùy thọ, do nhân duyên đó quyết định đang nghèo túng", mê loạn là người kia không muốn bố thí, chỉ do mê loạn mà hành bố thí v.v... Tùy xả Tùy thọ, là thí chủ phần nhiều ưa thích bố thí mà được tài bảo, tức là bố thí thì được thọ phước liền, thí chủ này quyết định đang nghèo túng. Từ câu "do nhân duyên đó, không thọ thì không phạm" trở xuống, nói: "Câu văn này sai, quyển sao trước, thuyết minh trước bốn giới Trọng, ngay bên dưới trong thuyết minh giới Khinh có bốn mươi ba giới, Địa trì thì có bốn mươi ba giới, đó là tăng thêm", là nếu y theo bốn mươi ba giới mà phán, thì ba mươi hai giới thuyết minh Nhiếp thiện pháp giới, mười một giới sau thuyết minh Nhiếp hữu tình giới. Ngay trong Nhiếp thiện pháp giới, bảy giới đầu là Thí, sáu giới kế là Thi-la, bốn giới kế là Nhẫn, ba giới kế là Tinh tấn, ba giới kế là Định, tám giới sau cùng là Tuệ. Luận này hoặc là y theo bốn mươi bốn giới.

Luận: Giải thích chỗ không nên làm của Bồ-tát, đối với Bồ-tát tạng nghiên cứu chưa tinh, đối với Bồ-tát tạng vứt bỏ tất cả, đối với Thanh văn tạng xưa nay tu học, đó là trái phạm.

Hỏi: Tại sao không nói: "Nếu đối với Bồ-tát tạng nghiên cứu đã tinh rồi mới học Thanh văn tạng, thì không phải là trái phạm"?

Đáp: Vì Bồ-tát mỗi ngày chỉ phân có ba thời học, chưa từng đối với Bồ-tát tạng nghiên cứu đã tinh, xả Đại thừa mà học Tiểu thừa, đối với giới bậc thấp, một thời tổng khai thì không phạm, một ngày phân ba thời, hai phần tu Phật ngữ, một phần học ngoại luận, là Tiểu thừa và Ngoại luận, nghĩa trong khai mở bên dưới v.v...

Luận: Giải thích chỗ nên làm của Bồ-tát, nói: "Đối với Dị đạo luận nghiên cầu thiện xảo, không phải như thuốc cay mà tập luyện gần gũi nó", là tình trạng ngoại luận này đồng như thuốc cay, phải chán nghịch nó, không nên gần nó, là ý trong đây.

Luận ghi: "Nếu hàng Bồ-tát hoặc nghe chỗ sâu xa, chỗ sâu xa nhất mà tâm không tin hiểu, lúc đó phải gắng gượng tin thọ v.v...", cho đến "nhưng không phỉ báng", trong đây có ý nói, Bồ-tát tin lời Phật,

phải tự mình gượng tin, tự biết không có Tuệ nhãn, đối với chỗ thuyết của Như Lai, không nên sinh phỉ báng, chỉ biết rằng tự mình không hiểu, không nên phỉ báng, suy ra Phật có thể biết v.v... là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích mười một loại giới nhiêu ích hữu tình, nếu căn cứ theo mười một tướng của quyển trước, không hỏi rộng hay sơ lược, đã phân tích như trước, trong luận này chỉ là mười một tướng đó, thứ nhất là đối với sự nghiệp đồng làm Trợ bạn, thứ hai là đối với khổ làm Trợ bạn, trong đây không nói sợ hổ, lang, sư tử v.v... tướng thứ sáu. Nếu y theo quyển trước, không hỏi rộng hay sơ lược, Trợ bạn hợp chung làm tướng thứ nhất, tướng thứ năm thuyết minh cái sợ cứu sư tử, có hai giải thích:

1. Lấy như Cựu địa trì, nêu mười một tướng, các tên gọi như một, hai v.v...

2. Giải thích như trong sơ lược của luận này giải thích mười một tướng, làm mười một nghĩa.

Kết hợp lại các bất đồng này, vì sự ban cho lạc và cứu khổ khác nhau, cho nên trong khoảng này khai ra hai nghĩa, quyển vì đồng làm Trợ bạn cho nên nói hợp chung, trong đây thì vì khai ra làm hai nghĩa, không nói các sự sợ sư tử v.v... Lại nữa, ngay ban cho sự sống và mất tài vật tương tợ, cho nên không luận, quyển kia thì phỏng theo hợp chung với Trợ bạn cho nên luận riêng sợ sư tử. Lại nữa, quyển 43 dưới cùng với lược mười một tướng ở trước đồng nhau, tuy khai Trợ bạn làm hai nghĩa, nhưng cũng là tướng thứ nhất, nếu làm hai tướng tức là có mười hai tướng, không phải mười một tướng.

Hỏi: Tại sao trong ba mươi hai Lược giới ở trước không luận mười một tướng, trong đây thì lấy mười một tướng nhiếp thuộc ba mươi hai giới?

Đáp: Trong ba mươi hai Lược giới ở trước, lấy sáu Ba-la-mật nhiếp riêng nó, cho nên không lấy mười một tướng để nhiếp thuộc nó. Hiện tại mười một tướng này, mỗi mỗi tướng đều có đủ sáu Độ, không đồng với ba mươi hai Lược giới trước, nghĩa của ba mươi hai Lược giới thì hẹp, nghĩa trong đây thì rộng.

Luận ghi: “Không có Vô dư phạm”, Vô dư, là Ba-la-di, vì không có dư thừa, vì tội là cùng cực, cho nên Thanh văn giới này hoặc Bồ-tát giới không có Vô dư phạm tội này.

BẢN LUẬN 42
PHẨM GIỚI THỨ MƯỜI TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT.

Luận: Trong giải thích Toại cầu giới, nói: Giới này có tám loại:

1. Đoạn mạng.
2. Không cho không nhận.
3. Dục tà hạnh. Đây tức là ba hạnh hư vọng của thân nghiệp.
4. Ly gián ngữ.
5. Thô ác ngữ.
6. Ỷ ngữ.
7. Vọng ngữ. Đây tức là bốn tội của khẩu nghiệp.
8. Hợp chung bảy loại trên dùng tay chân v.v... mà làm hại là loại giới thứ tám.

Hỏi: Trong đây tại sao không luận ba nghiệp của ý?

Đáp: Nếu lấy ba nghiệp của ý, xét với bảy nghiệp của thân khẩu là mười loại, nếu nói mười loại thì không thành Tăng số môn, do đó không lấy. Nhất thiết chủng môn trước có sáu Chủng môn, bảy Chủng môn, Lạc của hai đời sau có chín Chủng môn, hiện tại Toại cầu giới này dựa vào trên đến đây để tăng làm tám loại, không lấy ba ý nghiệp sau để thành mười loại. Lại nữa, bảy Sở phát thân khẩu trước không lìa ba Năng phát của ý nghiệp, có thể phát thân khẩu thì chắc chắn do ba nghiệp sau, cho nên không luận.

Hỏi: Nếu như thế thì lẽ nào không có khởi riêng ba loại sau?

Đáp: Tuy có ẩn không nói, nhưng nhiếp trong Năng phát bảy loại trước, cho nên không nói.

Luận ghi: "Trong Lạc của hai đời có chín loại", tức là Giá chỉ, Khai hứa, Nhiếp thọ, Điều phục là bốn loại, không lấy hai nghiệp thân khẩu, cùng với năm Độ, không luận giới độ, vì chín loại này tức là Giới độ.

Luận: Mười loại tướng trong Thanh tịnh giới, như Địa trì. Trong đây là tướng thứ hai, luận kia thì khai làm hai tướng, Thái trầm làm một, Thái cử làm một, nhiếp Quỹ tắc thứ sáu này và Tịnh mạng thứ bảy làm một, thật ra Quỹ tắc và Tịnh mạng nghĩa không nhau, không thể làm một, nghĩa của Thái trầm và Thái cử v.v... không thể làm hai loại, luận kia đều lầm. Thái cử giới trong tướng thứ hai này, nói: "Phi xứ", là trì giới thái quá, tức là trì Phi xứ, chỗ Khả trì thì gọi là Xứ, vượt qua Khả trì này là Bất khả trì xứ, gọi là Phi xứ, hoặc Thái cử vượt quá thì đây là Chí phi xứ, có thể sinh hối hận tàm quí. Trong tướng thứ tư, "năm chi

Bất phóng dật”, là quyển trước nói năm loại Bất phóng dật, là “ba đời và thời gian trước đối với thời gian sau”, cho đến “Câu hành bất phóng dật”, như trước đã nói.

Luận ghi: “Chỉ có tịnh giới của Bồ-tát như vậy”, là chín loại trước cho đến “Thanh tịnh giới chỉ có tịnh giới thắng lợi như vậy”, là sau khi thanh tịnh, là giải thích Thi-la tạng này. “Đắc đại Bồ-đề, đạt được năm loại lợi ích thù thắng v.v... chỉ có Sở tác của tịnh giới như vậy”, là kế trước thuyết minh ba Sự sở tác, là An, Thục pháp và Lợi sinh v.v...

PHẨM NHẪN

Trong đây rộng thuyết minh thứ tự v.v... có thể biết.

Luận: Trong Tự tánh nhẫn, nói: "Biến khắp đối với tất cả đều có thể kham nhẫn, rộng đối với tất cả đều có thể kham nhẫn", dọc thông ba cõi gọi là Biến nhẫn, ngang suốt bốn loài gọi là Phổ nhẫn. Lại nữa, tổng thông hữu tình gọi là Biến nhẫn, Nhẫn thông cả oan thân gọi là Phổ nhẫn. "Như vậy vô lượng phân biệt do tâm Vô nhiễm thuần bi mẫn", là Y tha trì, tâm Vô nhiễm tức là Vô tham, vì Nhẫn nương vào Vô tham và Bi tâm mới nhẫn được, khiến cho không có Nhiễm tâm, Nhiễm tâm tức là Tham cũng được, là Sân cũng được.

Luận: Trong giải thích năm tướng, tướng Vô thường thứ ba nói: "Các hữu, hữu tình, hoặc sinh hoặc trưởng".

Hỏi: Hai thứ "cũng được" này có khác nhau không?

Đáp: Sinh tức là Hóa sinh, tăng lớn nhanh chóng. Trưởng là ba loại Sinh còn lại, tăng trưởng dần dần.

Luận: Trong giải thích Oan hại nhẫn tám Khổ, nói: "Thứ nhất Y chỉ xứ khổ", Y là bốn thứ nương tựa: y phấn tảo, thường khất thực, ngồi nơi mồ mả hoặc dưới gốc cây, bệnh thì nhờ thầy thuốc cũ v.v...

Luận: Trong giải thích Thế pháp khổ, nói: "Lược có chín loại", trong đây bốn loại trước là bốn pháp của tám Khổ thế gian, vì duyên hợp trái nghịch cho nên khổ; năm loại sau là Ái pháp ly cho nên sinh Khổ. Tám pháp của thế gian, hai pháp đầu là thân, lấy pháp Tài vinh nhuận cho thân mình làm lợi, khiển trừ trói buộc v.v... gọi là suy; kế đó bốn pháp của khẩu, đang khi thiện mà luận thì gọi là Xưng, được ác mà bàn thì gọi là Cơ, gặp thiện mà khen thì gọi là Dự, gặp ác mà chê thì gọi là Huỷ; hai ý pháp sau cùng tức là Khổ và Lạc, có thể biết rồi. "Trong đây chỉ luận về bốn tướng Suy v.v..., không luận bốn tướng Lợi v.v...", Lợi v.v... là bốn thứ đáng mừng, vì không phải là Khổ tướng. "Không nói Hoại pháp hoại", lại là pháp tánh của các Dục là Hoại pháp, nhưng đến khi hoại thì gọi là Hoại pháp hoại. "Tận pháp tận", là pháp thể của các Dục, đến khi dứt hết không còn thì là Tận. Hoại pháp hoại trước là Hữu chất, Tận pháp tận này là Vô chất. Lão pháp lão v.v... căn cứ theo đó mà biết.

Hỏi: Nếu như thế thì Tận pháp tận cùng với Tử pháp tử, Hoại pháp hoại cùng với Bệnh pháp bệnh đâu có khác gì?

Đáp: Có nghĩa một là Ngoại pháp và một là Nội pháp, cho nên khác nhau.

Luận ghi: "Lợi tha ở trong Khổ, là hàng Bồ-tát tu mười một loại sự nghiệp lợi ích hữu tình, nên biết như trước", là mười một loại sự Trợ bạn v.v...

Luận: Trong giải thích Nhất thiết chủng nhẫn, nói: "Sáu chủng và bảy chủng tổng làm mười ba chủng".

Hỏi: Những gì là sáu chủng?

Đáp:

1. Không ưa Dị thục kinh sợ mà sinh là Nhẫn.
2. Thương xót chư hữu tình thân thiện mà hành là Nhẫn.
3. Đối với quả Vô thượng khởi dũng mãnh tâm viên mãn là Nhẫn độ mà có thể hành là Nhẫn.
4. Xuất gia thọ pháp là Nhẫn.
5. Trước đã tập quen, nay an trụ là Nhẫn.
6. Biết pháp trái ngược với tình là Nhẫn.

Cho nên gọi là sáu chủng. Như trong luận Xuất Gia Nhẫn ghi: "Do pháp thọ", là vì muốn thọ pháp cho nên Nhẫn chánh hạnh.

Hỏi: Thế nào là bảy chủng?

Đáp:

1. Không nhiêu ích nhẫn.
2. Từ tất cả nhẫn, tức là An thọ nhẫn.
3. Tất cả xứ nhẫn.
4. Tất cả thời nhẫn.
5. Thân nhẫn.
6. Ngữ nhẫn.
7. Ý nhẫn.

Cho nên làm bảy loại.

Luận: Trong Lạc nhẫn của đời này đời khác, có chín loại:

1. Đối với thiện có thể nhẫn.
2. Đối với nóng lạnh có thể nhẫn.
3. Đối với đói khát có thể nhẫn.
4. Đối với muỗi mòng có thể nhẫn.
5. Đối với nắng gió có thể nhẫn.
6. Đối với rắn rít có thể nhân.
7. Đối với thân thể nhọc mệt có thể nhẫn.
8. Đối với tâm mệt nhọc có thể nhẫn.
9. Đối với sinh già v.v... có thể nhẫn.

Từ câu "Tự thân hiện pháp lạc" trở xuống, giải thích công năng của các Nhẫn trên.

Luận: Giải thích Thanh tịnh nhẫn có mười loại, nói: "Như Địa trì, một, hai v.v... cho đến có mười số, là:

1. Không báo đáp lại nhẫn.
2. Ý không giận dữ nhẫn.
3. Không có tương tục oán hiềm hiện tiền nhẫn.
4. Một nhiêu ích không phải độ nhiêu ích xả sinh mà không lợi ích nhẫn.
5. Tự mình đến tạ oán nhẫn.
6. Người khác tạ liền nhận nhẫn.
7. Việc không kham nỗi mà thanhd hổ thẹn nhẫn.
8. Cung kính đại sư nhẫn.
9. Thương xót chúng sinh nhẫn,
10. Đoạn được tất cả nhẫn.

Như luận căn cứ theo đó mà phối hợp.

PHẨM TINH TẤN

Trong đây là rộng thuyết minh.

Luận: Trong giải thích Thiện pháp tinh tấn, nói: "Tất cả phân biệt, chủng chủng phân biệt", như Chủng chủng phân biệt của Đối Pháp, là mười Tán động; Tất cả phân biệt tức là Tán động, kế trước đã giải thích.

Luận: Trong giải thích tất cả Chủng tinh tấn, nói: "Trong sáu chủng Vô động tinh tấn cũng không chuyển thành các tánh phần khác", là Bồ-tát chỉ có Xúc khổ và Xúc bất Thoái, cũng không Thoái nhập vào tánh phần của Nhị thừa, cho nên nói: "Hữu thế, Hữu cần v.v... sáu loại, thuộc sáu loại ở trước", là Hữu kiên và Hữu mãnh, tham cứu bốn loại còn lại, có sáu loại. Trong bảy chủng, nói: "Như diệt đầu nhiên", nhiên là lửa cháy, là phải mau mau như cứu lửa cháy đầu.

Luận: Trong giải thích Thanh tịnh tinh tấn có mười loại, trong Quán tập tinh tấn thứ hai ghi: "Hoặc hàng Bồ-tát không phải chỉ thành thục Thỉ nghiệp sơ nghiệp", Thỉ nghiệp sơ nghiệp tức là Sơ phát tâm, chính là Ngũ đình tâm quán đã nói trong phần trước.

BẢN LUẬN 43
PHẨM TĨNH LỰ THỨ MƯỜI BA TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Luận: Trong giải thích Tự tánh tĩnh lự, nói: "Hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na".

Hỏi: Tại sao ở đây nói Tỳ-bát-xá-na?

Đáp: Sư Cảnh nói: "Hôn trầm và Trạo cử", là có ý lấy Xa-ma-tha. Lại nữa, Nghĩa nói: "Trong đây không đúng, trong luận này đều là Hữu phẩm mà nói, nếu khi ở tại Định, trong đồng thời không phải không có Tuệ và các tâm tâm pháp khác v.v... Nếu khi ở tại Quán phẩm không phải không có Định và các tâm tâm pháp khác v.v... nhưng theo tăng thêm mà nói là Định phẩm và Quán phẩm", thật ra thì lúc đó là hằng Định tuệ v.v... Câu của nó đã như thế, thì Câu đồng thời và Câu đồng thời không phải cũng vậy.

Luận: Trong giải thích mười một tướng, nói: "Các sự nghiệp kia cùng với Tác trợ bạn v.v...", cho đến "làm vật hiện thông, khủng bố, dẫn nhiếp", trong đây đồng với trước trong giải thích lược mười một tướng của giới, vì Sự nghiệp và Trợ bạn có thể làm Cứu khổ, hợp chung làm tướng thứ nhất, cho nên tướng thứ mười và tướng thứ mười một khác nhau, tướng thứ mười là Điều phục, tướng thứ mười một là Hiện thông, cho nên cùng với mười một tướng của Lược giới đồng nhau, như quyển 41 và 42 mà hiểu.

Luận: Trong giải thích Nan hành tĩnh lự, có ba loại Nan hành: Nan hành thứ nhất là Bồ-tát đã đắc Tĩnh lự dẫn phát thần thông cực thiện thành tựu, phải sinh cõi trên làm lợi ích hữu tình, rồi sinh trở lại cõi Dục, đó là Nan hành, là ý trong đây.

Luận: Tĩnh lự của Thiện sĩ có năm loại: mmọt là Vô ái vị tĩnh lự, là Hữu lậu tịnh và Vô lậu tĩnh lự. Hoặc Hậu đắc trí chỉ lấy Vô lậu, là căn cứ theo thù thắng mà nói.

Luận: Trong giải thích sáu chủng của nhất thiết chủng Tĩnh lự, nói: "Hai là Vô ký tĩnh lự", là Bồ-tát hoặc mừng vui mà hiện thần thông, thì đây chỉ có Vô ký; hoặc nhiếp người khác mà hiện thần thông, thì đây chỉ là Thiện, như văn của Tạp Tập luận. Phẩm Tỳ-bát-xá-na như quyển 1 trong giải thích bảy loại Tĩnh lự. Bất tín nhiêu ích tĩnh lự, đây là bảy môn thuyết minh nghĩa cho nên không lấy, nếu lấy thì thành tám loại. Lại nữa, chỉ có Tự loại môn cho nên không lấy, sáu loại trước thông với hai lợi cho nên lấy, trong những loại này đáng lẽ lấy ba loại

Tĩnh lự, là Hiện pháp lạc trụ v.v... mà nhiếp nó.

Luận: Trong Thanh tịnh tĩnh lự có mười loại, trong loại thứ bảy nói: "Xả Tĩnh lự rồi trở lại chứng nhập Tự tại tịnh tĩnh lự".

Hỏi: Loại thứ bảy này cùng với loại thứ sáu có gì khác?

Đáp: Loại thứ sáu thuận với Tự tại của nhập trụ xuất, loại thứ bảy thì nghịch với loại Tự tại của nhập trụ xuất, cho nên có khác nhau, do đó luận nói: "Xả Tĩnh lự rồi trở lại chứng nhập".

PHẨM TUỆ

Trước đã thuyết minh phẩm Định, tâm chuyên một cảnh, vì chuyên một cảnh mà Tuệ được chiếu sáng, cho nên tiếp theo phân tích Tuệ, trong đây rộng thuyết minh cho nên gọi là phẩm Tuệ.

Luận: Trong giải thích tự tánh, nói: "Có thể ngộ nhập tất cả Sở tri", tức là Vô phân biệt trí. "Và đã ngộ nhập tất cả Sở tri để chọn lựa các pháp", tức là Hậu đắc trí.

Luận: Trong giải thích thế gian Tuệ và xuất thế gian Tuệ của tất cả Tuệ, có ba loại. Tuệ thứ nhất nói: "Hoặc người đối với Chân đế sắp sửa giác ngộ", đây là Gia hạnh trí của Chánh trí, như tâm thọ Trần cũng không có ngôn thuyết phân biệt, nếy lấy Lậu và Vô lậu tương đối, thì Lậu gọi là Phân biệt, luận này có nghĩa này; nếu lấy Vô lậu gọi là Phân biệt thì luận này không có nghĩa này, hoặc Vô lậu gia hạnh trí cũng là Trí này. "Hoặc khi Chân đế giác ngộ", đây là Vô phân biệt trí. "Hoặc tất cả Diệu trí sau khi đã ngộ rồi", là Hậu đắc trí. "Tối thắng tịch tĩnh minh liễu hiện tiền không có Phân biệt" trở xuống, là thuyết minh hành tướng của ba Tuệ ở trước. "Nhập đại tổng tướng", Chân như là Tổng tướng, lại cũng Vô ngã là Tổng tướng.

Hỏi: Tại sao luận này nói Hữu lậu gia hạnh trí?

Đáp: Trước đã thuyết minh thế gian và xuất thế gian có ba loại Tuệ, trong đó thông với Hữu lậu gia hạnh trí, trong Tuệ thứ hai hoặc là Chân hành tướng thì chỉ có Vô lậu Hậu đắc trí, nếu nói chung chung thì chủng loại Hậu đắc trí của Hữu lậu cũng có, nếu căn cứ theo tánh mà nói, thì cũng như nghĩa của ba Giải thoát môn, nói Vô phân biệt cũng có, luận này lấy chung Hữu lậu vô lậu là tốt, như Gia hạnh trí ở trước thì khó giải thích. Nói rằng: "Tám Xứ", là năm Minh xứ làm năm Xứ, ba tánh pháp làm ba Xứ, thượng phẩm và hạ phẩm của Tuệ này, đều lấy ba Trí của Gia hạnh, hãy phối hợp nhiếp nó.

Luận: Giải thích Nhất thiết môn tuệ có bốn loại:

1. Văn sở thành, tức là lấy đồng thời tâm tâm pháp v.v... vì có hai chữ Sở thành.

2. Tư sở thành.

3. Việc đáng làm thì làm, đáng không làm thì Tư tuệ .

4. Tam-ma-tư-đa tuệ.

Luận: Trong giải thích Thiện sĩ tuệ có năm loại, "loại thứ tư là Thiện quyết định tuệ trong các pháp, Pháp trụ, Pháp an lập, Vô điên đảo", là Nhân quả trí của các pháp. Pháp là Quả pháp, vì Quả pháp

trụ trong Nhân pháp, cho nên nói Pháp trụ, các pháp còn lại là Tuệ duyên lý, gọi là Như sở hữu duyên như trước, ý văn chưa hết. Loại thứ ba là Câu sinh tuệ, là chỗ tập quen trước kia, khiến cho cùng sinh với thần thông, là Túc mạng trí v.v... như trong thần thông ở trước đã phân tích. Cụ giáo tuệ, là Bồ-tát địa tiền chưa gọi là đắc. Hoặc nói Cận địa thượng, tại sao nói đã nhập chỗ nghe của Bồ-tát đại địa? Nói rằng thứ năm là Nhập địa. Như văn v.v...

Luận: Trong giải thích Nhất thiết chủng trí, có sáu loại như văn, tại sao không nói các Trí khác? Đây là lấy sáu môn mà tác pháp, nếu lấy các Trí khác thì số tăng, cho nên không nói. Lại nữa, Nhân quả môn, bốn Trí trong Nhân nhiếp hết các trí, hai Trí của Quả trí nhiếp hết các trí. Lại nữa, Nhân vị phỏng theo Đế thì chỉ có bốn Hạnh trí, Quả vị thì luận chung, cho nên căn cứ theo hai Trí nhiếp mà nói Trí tận. Bảy loại Trí, trước đã không thuyết minh là lấy nó. Tướng trí tức là Tận trí, là Hạnh trí trước mười Lực, tức là Vô sinh. Nếu như thế thì tại sao bốn Đế trí trước luận này không lấy? Có người cho rằng: "Tướng trí tức là duyên ba mươi hai Tướng trí, là Hạnh trí trước mười Lực, tức là khi muốn khởi mười Lực, trí của Phương tiện". Hiện tại luận này giải thích rằng: "Nếu thật tế mà luận thì hai thứ Pháp trí và Loại trí tức là bốn Đế trí". Hiện tại lấy mười Trí mỗi mỗi tướng mà luận riêng, tức là không phải bốn Đế trước, các trí khác có thể biết. Tướng trí, là Trí duyên các Pháp tướng, hoặc là Trí duyên Thể tướng của tất cả pháp, gọi là Tướng trí. Hạnh trí trước mười Lực, tức là khi mười Lực trí khởi Phương tiện trí ở trước.

Luận: Trong giải thích hai Thế lạc có chín loại, năm Minh xứ là năm, Nội minh thuyết minh một loại, Tuệ sở hành, Tuệ sở chứng, Tuệ sở vi của Bồ-tát là Thiện an trụ, bốn loại còn lại thì không như vậy, không phải Sở an trụ, lấy Hậu ngu si là một, Phóng dật là hai, Khiếp nhược là ba, Tu chánh hạnh là bốn, hợp chung năm loại trên là chín, như trong thứ tự của nó mà thị hiện, khiến cho người ngu sinh tín tôn kính, khiến cho người phóng dật siêng tu, người tự khiếp nhược không thể tu, thì khen ngợi khuyến khích khiến cho phát trượng phu kia, ta là trượng phu v.v... là mừng và an uỷ người siêng tu.

Luận: Giải thích Thanh tịnh tuệ có mười loại, "như tất cả chỗ có đều lấy Chân thật nghĩa, đều là pháp", văn của các luận khác và Đối Pháp luận, Duyên lý là như Duyên sự, là Tận. Văn của luận này chỉ phỏng theo trên Nhất như mà lập, hoặc tự tánh duyên Nhất vị Chân như là như Sở hữu tánh, hoặc mười sáu Hành duyên Sai biệt chân như,

là Tận sở hữu tánh, Nhân làm một, Quả làm một, Lưu chuyển làm hai, sinh tử Lưu chuyển tuệ chấp đảo của Thường v.v... làm một, chấp Bất đảo của Vô thường v.v... làm một, chấp thọ có hai, Phương tiện có hai, căn cứ theo đó mà biết. "Trong Cứu cánh có hai". Hỏi: Cùng với Đảo có khác gì? Đáp: Luận kia chỉ phỏng theo bốn Đảo, luận này phỏng theo tất cả các Hoặc.

Luận: Như trong giới ở trước, "Thẩm tuệ khai làm năm, cũng có giải thích phương hại này, tương tợ trong Thắng đức của sáu Độ là Đại bạch pháp mênh mông", rất là lớn trong tất cả Bạch pháp, cho nên gọi là biển Đại bạch pháp, tất cả Bạch pháp đều nhiếp nhập trong đó, không lìa sáu Độ này. Ao suối đại bảo này vọt sinh công đức vô cùng vô tận.

PHẨM NHIẾP SỰ

Hạnh tự lợi nhiếp tự lợi của sáu Độ trước, vì Vô lậu phải có lợi người, cho nên tiếp theo là thuyết minh phẩm Nhiếp. Nhiếp là Nhiếp thọ, Nhiếp thọ hữu tình, trong đây rộng thuyết minh gọi là phẩm Nhiếp, trong Bố thí trước đã thuyết minh Thí nhiếp xong, trong đây chỉ thuyết minh ba phẩm Nhiếp sự.

Hỏi: Nếu như thế thì ba Nhiếp sự lấy Tuệ làm Thể, tại sao lại phải thuyết minh?

Đáp: Không phải như vậy, một Bố thí nhiếp trước đã thuyết minh, ba Nhiếp sự tuy là Tuệ nhiếp nhưng trước chưa thuyết minh rộng, cho nên hiện tại các Ngữ phân tích trong tự tánh, Khả ý ngữ, Bất ly gián, Đế ngữ là Bất vọng ngữ, Pháp ngữ, Bất thô ngữ, Dẫn nhiếp nghĩa ngữ, Bất ỷ ngữ, lại cũng chưa cần thiết phối hợp nó, đồng thời mỗi mỗi đều có bốn Nhiếp này

Luận: Giải thích Nan hành ngữ có ba loại: Thứ nhất là lấy Năng sát nhất thiết nhân, tức là oan gia và bạn ác, có thể nhiếp lợi ích cho những người đó, các loại còn lại có thể biết.

Luận: Trong giải thích Nhất thiết môn, Ngữ có bốn loại: Thứ nhất là khiến cho nhập Phật pháp, trước hết thuyết Ngũ đình tâm quán, là pháp nên làm đầu tiên. Thứ hai là người đã nhập pháp rồi. Các loại còn lại có thể biết.

Luận: Trong Thiện sĩ ngữ có năm loại: Thứ nhất là Tỳ-nại-da nhân theo sự mà chế ra giới. Thứ ba là bốn Y, là Khất thực, phẩn tảo y, ngồi dưới gốc cây, tất cả tu Thiện v.v... các loại còn lại có thể biết.

Luận: Giải thích sáu loại và bảy loại Nhất thiết chủng ngữ, bốn loại sau trong sáu loại, lấy bốn để phân tích và phối hợp thứ tự.

Luận: Trong giải thích Toại cầu có tám loại, nói không lấy bốn Tịnh, chỉ lấy Kiến sau có tám loại.

Luận: Trong giải thích hai Thế lạc có chín loại, loại thứ tư nói: "Tịnh giới là khó", là ngoại đạo chấp giới của tự mình làm Tịnh giới. Kiến thứ năm cũng vậy, có tám Quỹ tắc, như Thanh văn địa. "Thanh tịnh hạnh ngữ có hai mươi loại", là phẩm Lực chủng tánh trước có hai loại, một loại có mười lăm tướng, một loại có năm tướng, hợp chung là hai mươi loại. Luận kia cũng như luận này v.v...

Luận: Tất cả Lợi hành lại do ba môn, thứ nhất trong Hiện pháp lợi khuyến khích chỉ dẫn Lợi hành, nói: "Lấy pháp nghiệp đức chiêu cảm Tập thủ hộ v.v...", pháp là Như pháp, không lấy tà mạng mà được tài;

nghiệp là nghiệp của thương chủ v.v... mà được tài; đức là đạo đức, có đức cho nên được tài, chính là người khác cúng dường.

Luận: Trong Nhất thiết chủng, hoặc sáu chủng và bảy chủng tổng là mười ba chủng. Nói bảy chủng gồm:

1. Y theo Xuất ly của Nhị thừa, sư Viễn nói:: “Đó là Văn tuệ ”, lấy sự trưởng dưỡng của Tài v.v... mà nhiếp nhập Văn tuệ.

2. Viễn ly là Tư tuệ .

3. Chỉ.

4. Quán.

5. Xả.

Còn lại hai Chủng là hai căn Đại và Tiểu khác nhau.

Luận này căn cứ không phải như vậy:

1. Y theo Xuất ly của Nhị thừa, tức là y theo giáo của Nhị thừa để làm phương tiện khiến cho xuất ly, đây là phỏng theo một phần thiện xảo của Nhất thừa.

2. Viễn ly, hoặc là viễn ly một phần Hoặc v.v... cũng là tổng mong xa lìa Hoặc v.v... của Tự thừa.

3. Hoặc là đối với Tâm nhất cảnh tánh mà đắc Định.

4. Thanh tịnh các Chướng mà đắc Tuệ. Viễn ly ở trước là nói lìa Hoặc, không phải nói đắc huệ tài v.v...

5. Tu tập tác ý, chính là yên chỗ, là Tác ý trong Tu đạo, hoặc tất cả Tác ý mà ở chỗ an ổn.

6. và 7. Là đã hiện yên chỗ rồi mà đắc quả Tự thừa.

Luận: Trong Toại cầu, “*tại sao chỉ có tám loại này*”? Là vì chướng Tam học v.v... cho nên không có hai thứ Tàm và Quí; Chướng giới, là hai thứ Hôn trầm và Thuỳ miên; chướng Định hoặc Tuệ, là hai thứ Trạo cử và Ố tác; Chướng Tuệ hoặc Định, là hai thứ Tật và Xan, đó là tổng chướng Tam học, cho nên không nói nhiều hơn, hoặc có thể là tám Triền, trong đây chưa xem xét.

Luận: Trong hai Thế lạc có tám thứ, uống rượu là thân lỗi, thân lỗi có bốn thứ, khẩu lỗi có bốn thứ, ý lỗi là một thứ. Tốt-la cũng là rượu gạo. Mê-nghễ-tà, là rượu trái cây. Vị-đà, là rượu đào.

Luận: Thanh tịnh có mười loại, trong ngoại đạo có năm loại: Thứ nhất là Tiên ác hạnh, nghĩa là lấy ác làm đầu mà phần nhiều làm ác, hoặc người trước kia tạo ác rồi liền tạo thiện, hoặc trước kia đến nay đã tạo ác. Thứ hai là Bất chuyển lợi hành là không chuyển Phật pháp khiến cho nhập vào tà, không phải không trói buộc tà mà ở gần Đạo, nếu như thế thì phải cùng với văn của luận này trái nhau. Thứ năm,

lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình, hoặc đối với các Thiện pháp phẩm v.v... của Tự nghĩa, trong đây có ý nói, nếu có hữu tình tuy Tự thừa pháp Tam phẩm thiện quả pháp, người đáng khuyến khích chỉ dẫn thì khuyến khích chỉ dẫn, hoặc nhập Tự thừa rồi trở về sau mà khuyến khích chỉ dẫn.

Luận: Trong Tổng kết, đoạn thứ ba nói: "Do ba nhân duyên đắc Thiện thanh tịnh", Đáo cứu cánh địa là một, tức là Địa thứ mười; hoặc hệ thuộc một đời là hai, tức là Trụ thiên; Tối hậu hữu là ba, tức là đã hại Sinh thân.

Luận: Trong Đắc quả trước tổng kết v.v... "chỉ thuyết minh tám loại sau, không luận tự tánh đắc quả", vì tự tánh môn không lìa tám môn sau cho nên không nói.

Hỏi: Nếu như thế thì như trên đến đây, đều gọi là môn thứ hai, tất cả sau đó mới còn lại bảy, là sai biệt của luận này. Hoặc không lìa cho nên không nói, như thế thì đáng lẽ không nói chỗ chiêu cảm quả của môn thứ hai?

Đáp: Không phải như vậy, thứ nhất là tự tánh, thứ hai là Sai biệt chiêu cảm quả. Tự tánh thì không nói, trong chiêu cảm quả này phỏng theo tương tợ, không phải khắc phục Thể chiêu cảm chung làm một, mà tự nó làm các quả nhân môn.

Luận: Trong giải thích Nan hành chiêu cảm quả, nói: "Chiêu cảm pháp hy hữu lạ kỳ", pháp hy hữu lạ kỳ là Thánh giáo, hoặc pháp thần thông hy hữu lạ kỳ.

Luận: Trong Thanh tịnh quả, nói: "Bốn Tịnh", là Sở y tịnh, Thần túc làm Sở y, thủ trụ xả tự tại, tức là kéo dài mạng ngắn. Cảnh giới tịnh, tức là biến hóa khởi ba loại Tự tại. Tâm thanh tịnh tức là một sát-na nhập vô lượng Định. Trí thanh tịnh, tức là trong một chữ mà thuyết tất cả pháp, như Đối Pháp quyển 14 giải thích: "Hoặc Sở y v.v...". Như trong hai mươi hai công đức phân tích: "Công đức này cũng có thể chiêu cảm quả thuận sinh tử lưu chuyển", là hoặc Vô lậu hạnh mong Hữu lậu quả làm Tăng thượng duyên để trợ giúp chiêu cảm; hoặc Hữu lậu hạnh mong Hữu lậu quả, thì đó là chánh chiêu cảm.

BẢN LUẬN 44
PHẨM CÚNG DƯỜNG THÂN CẬN VÔ LƯỢNG THỨ MƯỜI SÁU TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT.

Từ trên đến đây đã tự phân tích, tuy tự lợi lợi tha chưa thuyết minh cúng dường Tam bảo, nhưng tiếp theo đây sẽ phân tích, tức là hạnh tạo tu, cúng dường Tam bảo, thân cận Thiện hữu, tu tập Vô lượng, trong đây rộng thuyết minh, nhân đó mà nêu ra tên, lược bỏ Tu vô lượng.

Luận ghi: "Thiết-lợi-la cúng dường", theo Cựu luận nói Thân cúng dường thì không phải, Ca-da là thân, Thiết-lợi-la là Thể, tức là Thể pháp thân của Phật. Trong đoạn dưới tuy nói cúng dường Sắc thân, nhưng ý cúng dường Chân Phật pháp thân, cho nên nói là Thể, cho nên nói pháp Tánh tuệ của Chế-đa v.v... Pháp tánh tuệ, tức là Chân như. Chế-đa là Cúng dường, tức là tháp Phật và Linh miếu. Tốt-đổ-ba là Cao thắng, Chế-đa nói là Tháp.

Luận: Trong giải thích rộng đại cúng dường, có bảy loại tên, hoặc là Đa cúng dường tức là phụng hành đối với Vô tận tài, hoặc thứ ba là Diệu cúng dường. Lại nữa, ngay như chỗ trình bày Tài kính cúng dường trên, đó là tổng, tổng nói như các vật trên, hoặc thứ nhất là Đa cúng dường, thứ hai là Diệu cúng dường, cho đến Thuần tịnh tâm, Mãnh lợi thắng giải là bảy loại tên. Sư Viễn nói:: "Hoặc hàng Bồ-tát đối với việc làm của Như Lai là một, việc làm của Chế-đa là hai, cho đến Tài cúng dường, Đa cúng dường và Diệu cúng dường v.v... là ba, Hiện tiền là bốn, Bất hiện tiền là năm, Tự tác là sáu, Tha tác là bảy". Hoặc từ Thuần tịnh tâm trở xuống, giải thích Phát tâm ở trên, ý nghĩa có ngăn ngại, ý văn cũng có trái nhau. Thế nào là bảy loại? Trong đây thuyết minh quảng đại, ý tại tâm cúng dường và Vật cúng dường, "Tự tâm Bồ-đề nắm lấy Như Lai chế-đa" là không đúng, vì Cảnh bị cúng dường thì các sư đều đồng luận này. Hiện tại Đại sư y theo giải thích thứ hai, lấy Đa cúng dường làm tên thứ nhất, Tài và Diệu cúng dường làm tên thứ hai, cho đến Thuần tịnh tâm làm tên thứ bảy.

Luận: Không bôi xoá được câu nói chính nó, không tỉnh lại để tẩy rửa, là nói chính cáu bẩn của nó; Cục-quật-la hương là nói hương khí hôi hám; Át-ca hoa là nói hoa hôi héo, ở Trung Quốc không có cho nên không phiên dịch.

Luận: Vô nhiễm cúng dường có sáu loại, vì có năm chữ "cúng dường" làm năm loại, trong chữ "cúng dường" thứ ba thì phân làm hai loại, một là không khinh khi mà quăng bỏ, là không quăng bỏ vật cúng

dường, hai là không quăng rải không tạp nhiễm, cho nên có sáu loại. Trong đây thì sư Viễn hoàn toàn khác.

Luận ghi: "Tu Vô thường tưởng, Khổ tưởng, Vô ngã tưởng", đây là ba pháp giả lập. Không nói "Không", tức là đồng với Vô ngã cho nên không nói. Lại nữa, luận ghi: "Đối với Niết-bàn đó mà tu Thắng lợi tưởng", là câu này để đọc tụng, nói thường đọc tụng Già-tha là bài tụng; Ổ-đà-nam là tóm lấy để thí ra, đây là nói Niết-bàn tu Thắng lợi tưởng, tức là Thường tụng.

Luận ghi: "Như khi hoa Ưu-đàm-bát mới xuất hiện", là ở Ấn Độ có loài cây thường không ra hoa, chỉ sinh ở giữa những nhánh tẻ, hoặc Luân vương ra đời mới bắt đầu sinh hoa, trước kia gọi là Ưu-đàm-bát hoa.

Luận ghi: "Bốn là đối với Thiện hữu hoặc chánh y chỉ đối với nghĩa của Như pháp, hoặc hợp hoặc ly, tùy tự tại mà chuyển", là chỗ thuyết pháp của Y chỉ sư nếu đồng với Cựu luận thì gọi là Hợp, nếu riêng khác thì gọi là Ly, hoặc y theo kinh luận v.v... mà Hợp v.v... hoặc nêu riêng gồm cả kiến giải, không y theo kinh luận thì gọi là Ly, kiến giải uyển chuyển Như pháp, tùy sư tự tại mà không khuynh động. Lại nữa, tự tánh gọi là Hợp, Sai biệt gọi là Ly. Lại nữa, Hợp tức là khiến cho nghĩa này phù hợp nhau, như Hợp v.v... trong Nhân minh; hoặc Ly, tức là khiến cho nghĩa này khác nhau, như Ly v.v... trong Nhân minh.

Luận: Giải thích bốn Vô lượng, Từ thì Vô ngại thiện căn làm tánh, Bi thì Vô sân thiện căn làm tánh, Hỷ cũng Vô tham thiện căn làm tánh, Xả thì như Xả tâm sở. Nếu y theo Tiểu thừa để trừ các Tương vi hoặc trên cho nên giả thuyết minh là Quán, hiện tại Đại thừa thì lấy ba Cảnh của Sở duyên, thật ra là khởi vô lượng cứu giúp. Ba Cảnh là gì? Rộng như dưới đây phân tích, lại có các giải thích khác, như Đối Pháp sao sớ. Ba loại Vô lượng lấy gì làm Thể? Hai loại Vô lượng trước thì lấy Hậu đắc trí làm Thể; Vô duyên vô lượng lấy Chánh trí làm Thể. Cảnh giới của nó là hữu tình duyên Vô lượng, nhưng duyên tổng quát hữu tình có khổ mà cứu Khổ ban cho Lạc, không Quán đối với thật hữu tình, văn sau cùng với ngoại đạo chung. Pháp duyên vô lượng, là quán hữu tình là Không, chỉ có pháp, tưởng không có thật Ngã v.v... mà cứu bạt hữu tình đó, ngoại đạo chấp có Ngã cho nên duyên này là bất cộng, hai loại này đều là Hậu đắc trí, chỗ tạo tác của Đại bi. Vô duyên vô lượng lấy Vô phân biệt trí duyên Chân như, tu Từ là Vô duyên vô lượng.

Hỏi: Tại sao đối với Chân như mà tu Từ?

Đáp: Chân như là Từ căn bản, hữu duyên hoặc vô duyên có

thể khởi Bi cứu độ chúng sinh v.v... nếu không như vậy thì không thể được.

Hỏi: Theo Căn bản mà nói thì lấy Chân như làm Cảnh, có nghĩa là cùng với Hậu đắc trí duyên Chân như làm tướng?

Đáp: Nghĩa này không đúng, vì điều này quá xa xôi.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Nếu theo Căn bản mà nói, tức là Sở hành của Vô phân biệt trí, nếu cứu chúng sinh, tức là duyên Tục trí.

Hỏi: Vì sao lấy Hậu đắc trí?

Đáp: Vì duyên Vô duyên vô lượng như vậy cho nên biết chính là Vô phân biệt trí. Trong Bất quyết trạch sẽ tự phân biệt.

Luận ghi: "Ba Tụ", là Tà định thứ ba, Vô lượng tuy có bốn loại, nhưng Cảnh có ba loại, một là Vô khổ vô lạc, tức là Cảnh từ, vì Từ có thể ban cho Lạc, Từ không duyên Khổ, vì duyên Khổ là Bi, Cảnh từ không có Khổ, vì người không có Lạc mà ban cho Lạc, cùng với họ mà vui, cho nên không có Khổ lạc là Cảnh từ; không có Khổ, là Cảnh bi; có Lạc là Cảnh hỷ. Tùy theo Hỷ mà người kia Lạc, tức là ba loại Tụ này đối với Cảnh, đến sau sẽ phân tích thêm nữa. Dưới đây trong giải thích Từ bi, tuy không có đoạn văn "không có Cảnh khổ lạc", nếu như có Cảnh khổ v.v... thì giải thích rằng đó là muốn ban cho Lạc, là đã giải thích xong. Bi bạt Khổ trong đây, cũng duyên cõi Vô sắc, vì duyên Hành khổ. Tuy không thể hóa độ, nhưng cũng sau đó có thể hóa độ, vì từ trước đến nay khởi Bi. "Trong Xả vô lượng, thứ tự xa lìa ba Hoặc si, sân, tham," là chúng sinh Vô khổ vô lạc thì khuyến khích khiến cho lìa Si, chúng sinh Hữu khổ thì khuyến khích khiến cho lìa Sân, chúng sinh Hữu lạc thì khuyến khích khiến cho lìa Tham, khiến cho chúng sinh kia xả bỏ ba Hoặc cho nên gọi là Xả. Lại nữa, tự mình có ba Hoặc này thì tự mình có thể xả, cũng gọi là Xả. Lại nữa, khiến cho chúng sinh lìa Hoặc, đến quả vị của bậc Thánh mới buông xả nó, gọi là Xả. Lại nữa, Oán thân bình đẳng cho nên gọi là Xả, điều này cũng còn phải khiến cho lìa ba Hoặc. Ba Hiện lạc ở trước không phải lợi ích, Xả chỉ có một mà khiến cho lìa ba Hoặc, tương lai thoát Khổ gọi là Lợi ích.

Luận: Trong giải thích Khổ, năm mươi lăm Khổ trước nói: "Si dị thục sinh Khổ, là nếu Thể mãnh lợi thì thọ Sở xúc v.v...", đây là lúc tráng niên cho nên nói mãnh lợi. Tại sao nói Si dị thục sinh? Vì do Si sinh oán sân, thọ hai Tiễn thọ. Tiễn thọ tức là do Si sinh ra, cho nên nói Si do Dị thục sinh.

Luận: Trong giải thích tăng đến tám môn, nói: "Tự mình bức bách

xan khổ”, là không có quan hệ với ngoại đạo, tức là Ni-kiền tử, treo đầu, chích đùi, nhổ tóc v.v... một loại uy nghi thời gian dài ngồi, nằm, đứng... Sau đó năm mươi lăm Khổ, không lấy Căn bản là chín loại, chỉ lấy các loại khác tùy theo sinh Khổ, trong Môn thứ hai có bốn loại Khổ được thành năm mươi lăm Khổ. Trong “tăng đến mười môn”, là như trước nói Sở trị của năm Lạc có năm loại Khổ:

1. Nhân.
2. Thọ.
3. Khổ Đối trị tập. Luận này nói chỉ có Vô Lạc Khổ.
4. Thọ bất đoạn tập, là Sở trị của nhân, là ác nghiệp trái ngược với thiện nghiệp, căn và Cảnh thuận với Khổ thọ, chỉ một mình nó ngược với Thuận lạc thọ, Nhân khổ có hai Thọ lạc. Luận này ngược lại nói: “Thọ khổ”, tức là Khổ thọ. Thứ ba là ba Khổ đối trị tập, là đói mà được ăn v.v... luận này thì ngược lại là Bất đắc khổ; thứ tư là Thọ đoạn lạc, là nhập Diệt định, luận này thì ngược lại nói: “Vì tại Hữu tâm vị cho nên Khổ”.
5. Xuất ly lạc, tức là Xuất gia lạc, văn dưới nói gia tức là tại gia Khổ. Viễn ly tức là đắc Thiền định của cõi Sắc sơ thiền, viễn ly Kết sử của cõi Dục, vì hiện tại chưa đắc Sơ định của cõi Sắc cho nên có cõi Dục kết sử khổ của cõi Dục. Tịch tĩnh tức là Định thứ hai, lìa Tầm và Lạc của Sơ thiền, hiện tại chưa lìa Sơ thiền cho nên có Tầm khổ. Bồ-đề lạc, tức là ba Bồ-đề, hiện tại đang ở Dị sinh vị cho nên Khổ, cho nên tại gia là cõi Dục kết sử, tâm, Dị sinh và Khổ như thứ tự mà phối hợp, trước tăng đến chín môn. Trong tám môn không nói Khổ, chỉ nói Lợi v.v... có hai loại, tức là Nhân này thuyết minh Khổ, và không thuyết minh Khổ.

Luận: Trong giải thích mười chín Khổ, tám loại Khổ trước, do trong năm mươi Khổ trước đến; mười một Khổ sau, do trong năm mươi lăm Khổ sau đến.

Hỏi: Tại sao thừa nhận Khổ đến, là các Khổ từ cõi dưới đến hay sao?

Đáp: Từ đại chủng lấy làm Cảnh đại bi, căn cứ theo Khổ tăng thượng mà nói. Lại nữa, tùy theo chỗ đến, trong một môn tăng là tự trong đó lấy Cảnh đại bi, xét riêng giải thích của văn trên, không phiền dẫn ra.

Luận: Trong giải thích do bốn Duyên bi gọi là Đại bi, hoặc Bi tại bốn Vô lượng gọi là Bi, không gọi là Đại bi, lại còn cùng chung với Thanh văn. Bồ-tát Sơ địa trở đi cũng có tên Khổ bi, Đại bi chỉ ở tại Phật địa và Địa thứ mười.

Hỏi: Tại sao Sơ địa đến Địa thứ chín không gọi là Địa bi?

Đáp: Do bốn Duyên mới gọi là Đại bi. Bồ-tát ở Địa thứ chín trở về trước tuy có duyên hai nhân duyên Thậm thâm hành khổ và Mãnh lợi tác ý, nhưng không có nhân duyên thời gian lâu dài luyện tập và Cực thanh tịnh, cho nên trường thời luyện tập do ba nhân duyên, Cực thanh tịnh cốt yếu là Địa thứ mười, cho nên Bồ-tát ở Địa thứ chín trở lại, không gọi là Đại bi.

Luận ghi: "Tu tập Vô lượng như vậy thì đắc bốn loại Công đức thắng lợi", là bốn loại Trụ v.v... đắc hiện tại Lạc trụ.

1. Đắc phước đức tư lương.
2. Đối với Bồ-đề ý lạc kiên cố.
3. Vì sinh Nhẫn khổ.
4. (không thấy nói đến).

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 12

(Bản Luận 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50)

BẢN LUẬN 44 (Tiếp Theo)

Phẩm này là phẩm thứ mười lăm của Học trì thứ ba, là phẩm thứ chín trong "có thể Học như vậy". Tánh Bồ-đề phần chỉ có ba mươi bảy loại, nhưng có thể chứng Bồ-đề thì gọi là Bồ-đề phần, mười lăm môn trong đây đều là trong đây rộng thuyết minh, gọi là phẩm Bồ-đề phần.

Hỏi: Tại sao phẩm Cúng dường sau đó mới thuyết minh?

Đáp: Trước phẩm Cúng dường là Nhiếp tu phương tiện, vì tu thành hạnh sai biệt thành Đạo, gọi là Bồ-đề phần, cho nên tiếp theo thuyết minh phẩm Cúng dường.

Luận: Trong giải thích Y xứ của Tàm quý có bốn loại, loại thứ tư nói: "Nếu hàng Bồ-tát đối với chỗ sinh Ác tác hữu y của tự mình đeo đuổi không bỏ mà sinh xấu hổ, thì nên biết đó gọi là Đẳng giả. Nói Ác tác hữu y, là do Ác tác thứ ba đã hối hận, hối hận rồi lại làm nữa, sau đó y theo việc làm trước, cho nên gọi là Hữu y.

Luận: Trong giải thích năm Trược:

1. Thọ trược, sư Pháp nói: "Nói về Thể là Thọ mạng trược, thì Đại thừa lấy A-lại-da thức trì giữ liên tục bất tử để giả lập Mạng căn", tức là lấy Mạng căn này làm Thể của Thọ trược.

2. Hữu tình trược, trong giải thích bên dưới nói: "Không biết cha mẹ, Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, là lấy Bất Tín làm tánh; không biết Gia Trưởng v.v... là lấy Kiêu Mạn làm Thể; không sợ tội của đời này và đời sau, là lấy Vô minh làm Thể; không tu Thiện v.v... là lấy Giải đãi làm Thể", tức là lấy năm pháp làm Thể của Hữu tình trược, đó là Bất Tín, Mạn, Kiêu, Vô minh và Giải đãi, hoặc đồng thời với năm Uẩn thì thông với năm Uẩn làm Thể.

3. Phiền não trược, trừ Kiến trược và năm Phiền não còn lại trước,

làm Thể của Trược này.

4. Kiến trược, là năm Kiến, xem ý của văn dưới, thật ra là lấy Vọng kiến của nội đạo làm Thể, tức là Bất chánh tri.

5. Kiếp trược, là đói kém, mất mùa, dịch bệnh, là lấy hai Tâm sở trong Xúc làm Thể, Đao binh thì lấy bốn Ma hoặc năm Uẩn làm Thể. Ba cõi phân riêng, chỉ có cõi Dục, chỉ có Nam-diêm-phù. Ba thứ đói kém, mất mùa và dịch bệnh, thì theo thứ tự ba mươi tuổi, hai mươi tuổi, mười tuổi mà khởi, hoặc là người Năng trị đạo của năm Trược.

Luận: "Lại nữa, hàng Bồ-tát như thật biết rõ sự phá hoại và thành lập của chư thế gian v.v...", tức là biết hai mươi kiếp hoại, hai mươi kiếp thành v.v...

Luận ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với thế gian và thế gian Tập của các Ngài v.v...", đây là lấy tám loại tướng để quán thế gian. "Đối với thế gian đó", là Khổ đế. "Đối với Thế gian tập", là Tập đế. "Thế gian diệt", là Diệt đế. "Đối với chúng sinh có thể tiến đến thế gian Tập hạnh", là Ái làm Tập đế, Thọ thì có thể sinh Ái, tức là Ái làm Tập hạnh. "Tiến đến thế gian Diệt hạnh", là Đạo đế. "Đối với tội lỗi Ái vị của thế gian", là quán lại Khổ của Tập đế. "Và ban cho xuất ly", là quán lại Diệt đế.

Hỏi: Tại sao Tập đế có ba quán lại, Khổ đế và Diệt đế có hai quán lại?

Đáp: Nếu Tập đế có thể chán sâu thì phải quán nó hai, ba lần, diệt trừ sâu rồi mới có thể mừng, cho nên cũng phải quán lại. Lại nữa, năm quán bốn Đế ở trước chỉ có quán lại Tập tiến đến Tập hạnh, là Thọ giả vì có thể chán sâu cho nên phải quán lại. Trước đã quán riêng bốn Đế, dưới đây là quán lại bốn Đế. Ái vị là Tập đế, hoặc là Khổ đế. Tội lỗi là là Khổ đế, hoặc là Tập đế. Xuất ly là hai Đế vô lậu hợp chung làm một lần quán.

Luận ghi: "Do hàng Bồ-tát như thật biết rõ thế gian lưu chuyển sai biệt", là kết năm Trược v.v... ở trước lưu chuyển sai biệt. "Hoặc Khí thế gian lưu chuyển sai biệt", là kết hai mươi kiếp Thành và hai mươi kiếp Hoại v.v... ở trước. "Hoặc tám loại tướng quán nghĩa của thế gian", là kết quán tám loại tướng của bốn Đế ở trước. "Hoặc tất cả thắng nghĩa của chư thế gian", là kết chỉ có Sắc v.v... ở trước.

Hỏi: Thế nào gọi là Thắng nghĩa?

Đáp: Nếu không biết nghĩa của nó mà chấp như tên của nó, thì đây là thế tục, đã biết chỉ có danh của nó mà không khởi chấp trước cho nên gọi là Thắng nghĩa.

Luận ghi: "Có thể rộng viễn ly mười bốn Cấu nghiệp", Cựu luận ghi: "Sáu Phương, bốn bạn ác và bốn bạn lành, là mười bốn Cấu nghiệp. Y theo Trường A-hàm, thì cùng với sáu phương, bốn bạn ác v.v... này hoàn toàn khác nhau. "Thân và khẩu có bốn thứ", là sát, đạo, tà dâm và vọng ngữ, không dựa vào bốn thứ này mà khởi các ác. "Ác nhân có bốn loại", là tham, sân, si và bố uý, không dựa vào bốn thứ này mà khởi ác nghiệp. "Đều là lìa sáu thứ tổn tài pháp", là các thứ đam mê rượu chè, cờ bạc, du hý, phóng đãng, mê nhiễm kỹ nhạc, bạn ác tổn hại nhau, dần dần chạy theo chỗ nói của bạn ác kia, từng loại trong sáu thứ này, mỗi mỗi đều có sáu loại, không phiền dẫn ra. "Ẩn sáu phương", cũng như Trường A-hàm nói: "Thành La-duyệt có người con của Trưởng giả tên là Thiện Sinh, tương truyền lâu đời, những khi nhàn rỗi hằng lễ bái sáu phương, hợp chung với sáu thần thường hộ gia nghiệp, các việc làm đều được tốt đẹp, bất ngờ một hôm đến gặp Phật hỏi rằng: "Có pháp nào như vậy không"? Phật đáp: "Có, nhưng cùng với pháp của ông không đồng, cha mẹ làm Đông phương, sư trưởng làm Nam phương, vợ con làm Tây phương, bạn bè làm Bắc phương, nô bộc làm Hạ phương, Sa-môn cao đức làm Thượng phương", trong sáu phương mỗi mỗi đều có năm sự, không phiền dẫn ra, rộng như trong kinh Thiện Sinh nói. Thường ẩn nấp trong sáu phương này, không sinh kiêu ngạo, hoặc có thể trụ tại sáu phương này cho nên nói là ẩn tàng. "Lánh xa bốn thứ bạn ác", cũng như kinh đó nói:

1. Như thân bạn ác, vì sợ mà ẩn nấp, thật ra không có ý thân gần.

2. Mỹ ngôn bạn ác, lời nói thì thuận mà ý thì trái.

3. Kính thuận bạn ác, là tâm tuy kính thuận nhưng đối với việc làm thiện ác thì đều do tâm không can gián nhau.

4. Bạn ác làm bạn của ác sự, hoặc là uống rượu, cờ bạc, vui chơi, phóng dật, ca múa v.v...

Trong bốn loại này, mỗi mỗi đều có bốn loại, không phiền dẫn ra, nói bốn loại này rất đáng ghét mà nên xa lìa nó. "Nhiếp bốn loại bạn lành", là nói rằng bốn loại này có thể thân cận, phải nên thân cận, như trong kinh đó nói:

1. Chỉ phi hữu, chuyện ác thì cùng nhau ngăn dứt.

2. Từ mẫn hữu, sự khổ cùng nhau chia sẻ.

3. Lợi nhân hữu, chuyện vui thì ban cho nhau.

4. Đồng sự hữu, việc thiện cùng làm bằng nhau.

Trong mỗi mỗi loại đều có bốn thứ. Không phiền dẫn ra, rộng như

trong kinh đó nói.

Luận ghi: "Như trong kinh Thi-khư-lạc-ca nói", Hán dịch là Đảnh kết trì, tức là búi tóc trên đỉnh đầu. Lại nữa, Thi-ca là Kết, Lạc-ca là Chấp kết, tức là nắm búi tóc, tám tên này như trong kinh Trường A-hàm hoặc là tên của Dị sinh tiểu thời.

Luận ghi: "Bồ-tát thành tựu các pháp như vậy v.v... như chính là chỗ nên biết của thế gian, như chính là chỗ nên chuyển của thế gian", là tổng kết chỗ nên biết, và kết duyên với Đế v.v... Tám tướng trở lên phải đối với văn kết trở xuống.

BẢN LUẬN 45

Luận: Giải thích bốn Y, theo các kinh luận thì thứ tự không đồng, như kinh Niết-bàn thì từ Quả suy ra Nhân mà nói thứ tự, nói Chân như là Quả, có thể y theo Chân quả, không thể y theo Nhân, tức là duyên Danh nghĩa của Như trí, có thể y theo nghĩa này mà không y theo Ngữ, tức là nương vào Trí này khởi Hậu đắc thuyết pháp, có thể y theo Trí này mà không y theo Thức, đã nghe pháp rồi thì có thể y theo Liễu nghĩa, không thể y theo Bất liễu nghĩa. Lại nữa, trở lại suy từ Nhân đến Quả, tức là lấy pháp để chứng Chân như trí, tức là Nghĩa của Nhân, làm Chân như tức là Quả, có thể y theo Liễu nghĩa tức là trước quán Nhân sau mới quán Trí, không y theo Thức, năm loại này ở đây không phiền dẫn ra, văn của luận này là lớp giải thích thứ ba, như văn có thể biết.

Luận: Y kinh liễu nghĩa, Bất y bất liễu nghĩa v.v... Nói rằng: "Bản tánh nghĩa", tức là tánh thể của các pháp. Nói rằng Thức có tám loại, là bản tánh của Thức, vì Tiểu thừa không liễu nghĩa cho nên không nói, kể cả đối với bản tánh cũng không thể hiểu rõ.

Luận: Trong giải thích Y trí bất y thức v.v... thì Văn và Tư là Trí, tại sao không y theo? Nghĩa nói, tuy là Trí, nhưng là trí tán loạn, vì chưa viên mãn cho nên không thể y theo.

Hỏi: Nếu như thế thì thế gian không đáng nên y theo?

Đáp: Cũng không nên y theo, vả lại vì ba Tuệ tương đối, cho nên không y theo. Trong luận chỉ nói Văn tư, trong Chân thật tu tuệ cũng có chỗ không nên y theo.

Luận ghi: "Không phải đối với Văn tư chỉ có nghĩa của Thức pháp, vì không phải Chân chứng trí v.v...", nói không phải chỉ có Văn và Tư làm nghĩa của Thức pháp, không y theo Chân chứng trí. Lại nữa, không phải Văn tư là văn tự không y theo pháp khác vì Văn tư chỉ có nghĩa của Thức pháp, mà càng không y theo Chân thức trí.

Luận: Trong tổng kết nói: "Lược hiển bốn lớp", là chỗ nói nghĩa Chánh lý, Đại sư thứ nhất là Tu sở thành tuệ chân thật chứng trí, như bốn Y ở trước thứ tự mà phối hợp. Đại sư thứ hai là Y pháp bất y nhân ở trên. Y pháp bất y nhân, tại sao gọi là Đại sư thứ hai? Trong đây tuy gọi là Đại sư, nhưng Đại sư là Phật, chỗ nói cũng không thể tin tồn tại nơi pháp. Lại nữa, nếu Đại sư nói không phải Chánh lý thì lấy lời nói của Đại sư mà kết vào Y pháp bất y nhân.

Luận: Trong giải thích bốn Vô ngại giải, pháp lấy giáo của Năng thuyên. Luận nói đối với tất cả pháp và tất cả Dị môn, Dị môn tức là

Sai biệt môn của Năng thuyên. Trí của Như lý và Trí của Như sự, những Trí này đều là Cảnh sở duyên, vì nương vào duyên các Cảnh này cho nên đắc Tuệ của Tu sở thành. Tuệ năng thuyêṇ này là pháp Vô ngại thể, nghĩa của nó là Vô ngại giải, tức là từ pháp trước trở xuống nghĩa của Sở thuyên, cho nên trong Pháp năng thuyên có nói về "Dị môn", trong Nghĩa sở thuyên có bàn riêng về Dị tướng, tức là đối với Năng thuyên đắc trí gọi là pháp Vô ngại giải, đối với Sở thuyên đắc tự tại gọi là Nghĩa vô ngại giải, như Tạp Tập quyển 14 ghi: "Pháp vô ngại đối với tất cả gọi là Sai biệt", là y theo Vô minh v.v... trong sai biệt danh của Vô trí, Vô kiến và Bất hiện quán v.v... Vô ngại trí nghĩa, Vô ngại trí tướng và Ý thú tướng gọi là Tự tướng và Cộng tướng. Ý thú là biệt nghĩa v.v...

Luận: Trong giải thích Ngôn từ, chỉ có giải thích thuận theo ngôn từ của các pháp, như Tạp Tập cũng ghi: "Đối với các âm thanh tiếng nói của các phương", là vô lượng quốc gia, thành ấp, chúng sinh, tự tưởng ra ngôn từ, giải thích ngôn từ của các phương, nói có thể phá hoại thì gọi là thế gian v.v... dùng một âm thanh để diễn thuyết, chúng sinh tùy loại mà mỗi mỗi đều được hiểu, gọi là Chủng chủng ngôn âm.

Luận: Trong giải thích Biện vô ngại, trong đây chỉ nói Tất cả pháp và Tất cả phẩm sai biệt, như Tạp Tập: "Tất cả phẩm sai biệt là Thật hữu, Giả hữu, Thế tục hữu, Thắng nghĩa hữu v.v...", là phân rõ các loại ngôn từ sai biệt v.v... hoặc như Tận sở hữu tánh cùng với trước đồng nhau.

Luận: Trong bốn Biện của Loại tỷ nói: "Trên đây không có tự mình có thể khéo léo hiển hiện Chánh đẳng giác, huống chi khéo vì người khác mà khai thị Vô đảo", ý này quyết định chỉ có bốn Biện này mới có thể hiển hiện Chánh đẳng giác và vì người khác mà khai thị Vô đảo, trừ bốn Biện này trở lên thì không có hiển hiện Đẳng giác v.v... đó là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích hai loại pháp Bồ-đề phần của Bồ-tát và Thanh văn, gọi là lý thú của Nhị thừa. Bồ-tát đối với Niết-bàn của Thanh văn thì như thật biết rõ, vì muốn hàng phục Thanh văn có đủ Nhất thiết chủng trí cho nên trong Niết-bàn đó không khởi chứng đắc, vì đối với lý thú của Đại thừa và Thanh văn khác nhau.

Luận ghi: "Hàng Bồ-tát có thể đối với tự thân trụ tu Thân quán, không đối với tự thân phân biệt Hữu tánh, cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều Vô tánh. Lại nữa, trong thân đó xa lìa tự tánh và pháp tánh của ngôn thuyết mà như thật biết rõ v.v...", là không phân biệt

Hữu tánh, không bị Biến kế chấp phân biệt. "Thân có Bất phân biệt và Vô tánh", đây là giải thích lại Viên thành thật không khởi Ngôn thuyết phân biệt, Chân như là tự tánh pháp tánh không thể diễn bày. Hoặc căn cứ theo dưới đây, thì các đoạn văn Bồ-tát như vậy đối với các pháp của thân v.v... không phân biệt Khổ v.v... tức là cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều Vô tánh, chỉ quán sát Y tha. "Xa lìa tự tánh pháp tánh của Ngôn thuyết", tức là Viên thành thật, ở đây lìa Ngôn thuyết, là Ngôn thuyết không tương xứng, không đồng với Y tha, cho nên đoạn văn dưới nói là pháp tánh của bốn Đế, pháp tánh tức là Chân như, tức là không phân biệt Hữu tánh, là Biến kế, không phân biệt tất cả chủng loại đều là Vô tánh, là Y tha. Xa lìa tự tánh pháp tánh của Ngôn thuyết, là Viên thành thật. Hoặc tùy thuận vô lượng an lập lý thú Diệu trí, là Hậu đắc trí. Đây là Bồ-tát cùng với pháp Bồ-đề phần của Nhị thừa quán sát khác nhau, trong đây rộng phân tích phẩm Bồ-đề phần, nghĩa theo lối bình thường, chỉ có Phật địa; Trí, Nghĩa, Dụng, Phần đồng thời đều có Đức trí, cùng làm bốn Niệm trụ quán, thân đồng thời có. Nói một cách rõ ràng rằng, nghĩa này không đúng, vì đều là Diệu quán sát trí, tức là như Phật địa luận nói.

Luận: Trong giải thích Chỉ quán, trong đây Bồ-tát lược có bốn Hạnh, phải biết gọi là Chỉ:

1. Thắng nghĩa thế tục trí tiền hạnh, tức là Vô phân biệt trí, là Tiền phương tiện định của Hậu đắc trí, tức là cùng với Gia hạnh trí và Đồng thời định.

Hỏi: Tại sao biết được Thế tục trí trong đây, là Hậu đắc trí?

Đáp: Trong môn tổng nêu ở trước có hai Trí là Như thật chân trí và An lập thế tục trí, cho nên biết Thế tục trí trong đây là Hậu đắc trí.

2. Thắng nghĩa thế tục trí quả, tức là cùng với Chánh trí, Hậu đắc trí, vì Đồng thời định là Quả của Tiền gia hạnh định, hai Trí là Thể của Đồng thời định, tức là Quả. Lại nữa, giải thích chỗ sinh Đẳng lưu định ngay sau hai Trí, nói: "Thắng nghĩa thế tục trí quả tức là Quả của hai Trí.

Hỏi: Tại sao không hiểu rõ hai Trí đồng thời định?

Đáp: Định thứ ba và thứ tư của cõi dưới tức là hai Trí đồng thời định.

3. Rộng khắp Vô công dụng chuyển trong tất cả Hý luận tưởng, Chuyển tức là Chuyển diệt", là Chánh trí rộng khắp trong Nhất thiết hý luận tưởng đều có thể chuyển diệt. Hoặc như giải thích trước, "Quả của hai trí", đây là nói nghiệp Dụng của Chánh trí đồng thời ịnh; hoặc như

giải thích sau, tức là Chánh trí đồng thời ịnh.

4. "Tức là đối với Ly ngôn như vậy thì chỉ có Sự do Vô tướng vô sở phân biệt mà tâm đó tịch tĩnh tiến đến Nhất thiết pháp bình đẳng tánh và Nhất vị thật tánh", đây là nói Chánh trí quán Y tha không phân biệt Hữu tánh, nhập nghĩa Nhất vị chân như, hoặc y theo giải thích trước tức là nói hai lớp, là nói nghiệp Dụng của hai Trí, hoặc y theo giải thích sau, tức là thuyết minh lại nghiệp Dụng của hai Trí. Chánh thuyết minh Thể thứ ba, luận này thì thuyết minh Dụng, hoặc phỏng theo Vị, thì vị thứ nhất trong Gia hạnh đạo của Địa tiền, vị thứ hai thì từ Nhập ịa trở đi cho đến Địa thứ bảy trở về trước, vị thứ ba thì tại Địa thứ tám trở lên cho đến Địa thứ chín, vị thứ tư chính là Thập địa, nhập vào Phật địa.

Luận: Trong giải thích Quán, "có bốn Hạnh phải biết gọi là Quán", tức là bốn Hạnh, Chỉ đạo tiền hạnh là hạnh thứ nhất, tức là Gia hạnh trí, Tiền hạnh trí trong Chỉ của bốn hạnh trước là Văn và Tư hữu lậu. Vả lại luận về Trí tiền hạnh của bốn Chỉ, thật ra cùng với Chỉ thứ nhất đồng thời quán là Gia hạnh trí, cũng nhiếp tại Trí thứ nhất là Ly tăng ích chấp, thứ hai là Ly tổn giảm chấp, thứ ba là Vô phân biệt trí, lìa Nhị biên và Tùy thuận cho đến An lập lý thú là thứ tư Hậu đắc trí. Bốn Trí này trong từng Địa đều có phối hợp riêng, có khó khăn chút ít.

Luận: Trong giải thích y theo thành tựu Nội ngoại, mỗi mỗi đều có sáu loại.

Hỏi: Đã nói là Nội ngoại hai thứ khác nhau, làm sao được trong Nội có nghĩa Thành chúng sinh, trong Ngoại có nghĩa Tự thành?

Đáp: trong Nội tuy nói Ngoại chúng sinh, nhưng có ý lấy tâm của Bồ-tát mà nói là Nội, đối với nghĩa Ngoại là tại hữu tình, không tồn tại đối với Nội mà tự thành tựu.

Luận ghi: "Một tháng không ăn", là chỗ kế chấp của ngoại đạo, leo lên núi cao hoặc đi trên lửa là kế chấp của Ni-kiền tử.

Luận ghi: "Chú của Bà-la-môn, Phệ-đà-ca", đây là thuyết minh về Chú thuật. Cứu cánh tịnh, là làm cho vô lậu xuất thế Tịnh.

Luận: Trong giải thích "Tùy thuận Hội thông phương tiện thiện xảo là hàng Bồ-tát" trở xuống, cho đến "Lại nữa, đối với sự tiến nhập duyên khắp tất cả Tam-ma-địa môn có thể vì tùy thuận v.v..." trở lại, là thuyết minh Tùy thuận, trở xuống là thuyết minh Hội thông, Tùy thuận thì thuận với Hội thông. Hội thông là giải thích kinh mà nói, trước hết là tùy thuận để khiến cho sinh vui mừng, vì phương tiện thông với duyên. Trong Tùy thuận, đầu tiên là Ái ngữ, tức là Mỹ ngữ, kế đến "Bố thí cũng là hiện hành Cận thí tùy chuyển", Cận thí tùy chuyển là tùy khởi

bố thí mà nhiếp cho thân cận, hoặc Cận thí tức là hành bố thí để nhiếp sự mà gần gũi. Tùy chuyển, là Đồng sự, Nhiếp sự, do bố thí Tài mà đồng làm Bạn Sự, trừ chỗ sinh Sân khuể v.v... ra, chỗ sinh Ái kính trở xuống là thuyết minh về Lợi hành.

Luận ghi: "Vì hiện thần thông, Ký tâm, Hiển thuyết v.v...", tức là Tam luân.

Luận ghi: "Lại nữa, đối với sự tiến nhập duyên khắp tất cả Tam-ma-địa môn có thể vì tùy thuận Giáo thọ, Giáo giới v.v...", là có Tam-ma-địa có thể duyên khắp tất cả, tức là Định mà Nhất thiết chủng trí nương tựa, nếu có người tiến nhập thì tùy thuận Giáo thọ Giáo giới kia, Giáo thọ Giáo giới là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích Hội thông, nói: "Luận kia ghi: kinh này không nói tất cả các pháp đều là Vô sở hữu, chỉ nói các pháp, chỗ nói tự tánh đều là Vô sở hữu v.v...", không nói hai tánh Y tha và Biến kế đều là Vô tánh, nói rằng chỗ nói tự tánh của Biến kế là không có.

Luận: "Tuy có tất cả Sở ngôn thuyết Sự y chỉ tự tánh kia mà các Ngôn thuyết chuyển, nhưng chỗ nói kia là tự tánh khả thuyết, căn cứ theo nghĩa thứ nhất thì không phải tự tánh của nó v.v...", tuy có Sở ngôn thuyết sự của Y tha v.v... nhưng y theo sự này mà khởi Biến kế ngôn thuyết, như Ngôn thuyết này thì chỗ nói tự tánh cũng như sừng thỏ. Căn cứ theo nghĩa thứ nhất thì không phải như Biến kế sở chấp ngôn thuyết tự tánh của nó. Nói Vô sự, tức là không có sự Biến kế sở chấp, không phải không có Y tha.

Luận ghi: "Ví như trong hư không có nhiều Sắc và Sắc nghiệp có thể dung chứa được tất cả Sắc, Sắc nghiệp v.v...", đây là thí dụ Chân như như hư không, Biến kế như Sắc v.v... dưới đây chỉ khiển trừ Biến kế Tợ sắc Sắc nghiệp, để chứng tánh Tợ không của Chân như.

Luận ghi: "Lại nữa, như huyễn mộng, không giống như hiển hiện, mà như thật là Hữu v.v...", từ trên đến đây thuyết minh Chân như tợ hư không, Sắc nghiệp tợ Biến kế, ngay trong đoạn này trở lên thì thí dụ Y tha như huyễn v.v... "Như Biến kế chấp", là không phải có, như chấp thật có người v.v... tương tợ giả có của nó chẳng phải không, tức là Y tha.

Luận ghi: "Như vậy chư pháp không giống như ngôn thuyết tập quen của ngu phu" trở xuống, là tổng kết từ trên đến đây để thuyết minh Y tha và Viên thành là có, Biến kế thì không có. Phỏng theo chứng nghĩa Ly ngôn tự tánh thì hai tánh này không phải Vô sở hữu, vì hai tánh còn tồn tại, do phương tiện này mà ngộ nhập đạo lý tất cả các

pháp phi hữu phi vô, cũng như huyễn mộng. "Tánh của nó không hai", đây là kết ba tánh ở trên, nói Biến kế cũng phi hữu phi vô, Phi hữu là đồng với sừng thỏ, nói Phi vô là có vọng tình. Y tha cũng vậy, không phải có giống như Biến kế, không phải không có giống như giả mộng. Viên thành cũng vậy, không phải có đồng với Biến kế, không phải không có Thắng nghĩa hữu. "Không lấy phần ít không bỏ phần ít v.v...", là không lấy Biến kế, không xả bỏ hai tánh kia, không khởi chấp tổn giảm hai tánh, không khởi chấp Tăng ích biến kế hữu, gọi là không bị hoại mất.

Luận ghi: "Đà-ra-ni có bốn loại là Pháp, Nghĩa, Chú và Năng đắc nhẫn", trong giải thích sau đây là pháp Đà-ra-ni, lấy pháp làm Cảnh, tức là Danh ngôn năng thuyên; lấy Niệm tuệ làm Thể; nghĩa Đà-ra-ni, Thể của nó đồng với pháp, chỉ có cảnh giới khác nhau. Sự khác nhau của nó như thế nào? Là Nghĩa sở thuyên làm Cảnh, là Vô lượng nghĩa ý thú v.v... tức là chỉ ở tại Ý địa chú Đà-ra-ni, lấy Định làm Thể, nương vào Định mà trì chú, vì khiến cho không vọng cho nên lấy chú làm Cảnh. "Năng đắc nhẫn Đà-ra-ni", là lấy Vô phân biệt trí làm Thể của Nhẫn, tức là chứng Chân như. "Năng đắc nhẫn", tức là Gia hạnh trí, có thể có công năng trì chú, vì đắc Chân như. Sư Pháp nói: "Đây là lấy Vô phân biệt trí làm Thể". Nếu như thế thì tại sao nói Năng đắc nhẫn? Đây là trong Gia hạnh đạo, trì nhẫn chú này cho nên mau chóng đắc Chân trí, chứng Chân như, cho nên ở đoạn văn sau là tại Thắng giải Hạnh Vị.

Luận: Trong giải thích Năng đắc nhẫn Đà-ra-ni, nói: "Thành thục tự nhiên kiên cố Nhân hạnh", là ở tại Địa tiền, Nhẫn gọi là Nhân, vì không thể động cho nên gọi là Bất động. "Nhân hạnh đầy đủ Diệu tuệ", tức là thành thục Diệu tuệ ra khỏi thế gian. Hoặc trong Bất động nhân hạnh, "đầy đủ Diệu tuệ riêng một mình ở chỗ nhàn rỗi", đây là nói trụ xứ, vắng lặng không có ngôn thuyết, lìa ngôn ngữ ồn ào phức tạp, "đã từng không có vật", ý đó là thức tỉnh các sự, không có các vật dụng khác. "Thấy đường lộ mà đi", là không nên đi, phải hiểu rõ khi tướng sinh thì mới đi, cho nên nói "thấy đường lộ mà đi". Lại nữa, chỗ đi phải thấy chánh lộ, không nhiễm tội lỗi, tội lỗi gọi là xứ hoang dã, chánh lý gọi là đường đi, y theo chánh lý mà hành, gọi là thấy đường lộ mà đi. Biết lượng mà ăn v.v... cũng có thể hiểu.

Luận: "Đối với chỗ thuyết chương cú của các chú đắc Bồ-tát nhẫn của Phật, có thể tư duy kỹ càng các câu chú đó thì gọi là Đẳng", là các câu chú này không có nghĩa, chỉ có danh mà thôi, Bồ-tát Địa tiền tụng chú vô nghĩa này, vì muốn trừ kế chấp, nhưng chú này chỉ có tên gọi,

đâu có chỗ nào có nghĩa, cho nên biết các pháp chỉ có tên do vọng kế, không như thật chấp nghĩa, cho nên không thể gọi là sinh chấp. Do tư duy như vậy thì liền có thể nhập Chân quán, chứng Bồ-tát nhẫn.

Luận ghi: "Chỉ có vô nghĩa, như thật biết rõ nghĩa của chương cú này, chỗ gọi là Vô nghĩa", đây là giải thích Vô nghĩa trên là nghĩa của Viên thành thật. Nói rằng chú này trở xuống không có Sở thuyên, vì không có Nghĩa sở thuyên cho nên có thể chứng Viên thành thật. "Nhưng do chú này" trở xuống, là không có Sở thuyên. "Như thật biết rõ chương cú này" trở xuống, chỗ gọi là Vô nghĩa mà chứng Viên thành thật.

Luận: "Các loại trong đây mà không quyết định", là do có sai lầm. "Cũng không kiên trụ", là do có Thoái chuyển. "Cũng không rộng lớn", là trì có phần bằng nhau, không phải như vô biên.

Luận: Trong giải thích năm loại Nguyện, Nguyện thứ hai là Sở thọ sinh, nói: "Tùy thuận nhiêu ích hữu tình trong các nẻo thiện", hỏi: Tại sao trong đây không nói tùy thuận sinh vào nẻo ác? Đáp: Có hai ý:

1. Nẻo thiện có nhiều lợi, nẻo ác có ít lợi, lược bỏ không luận.
2. Thuận với tám Tướng thì chỉ ở tại nẻo thiện.

Lại nữa, nẻo ác không có hóa độ tự tại làm vua v.v... Lại nữa, khi nói nẻo thiện, là có hiển sinh nẻo ác, từ Thắng xứ mà nói thì chỉ luận nẻo thiện.

Luận: Trong giải thích ba loại Tam-ma-địa, nói: "Thế nào là Không tam-ma-địa v.v... của Bồ-tát", ý Không trong đây, hoặc tướng Kiến đạo chỉ có hai hạnh sau Khổ đế, ý văn là Vô nguyện; do có các câu nói Phiền não v.v... cho nên chỉ tập hợp bốn hạnh, Khổ có hai hạnh, ý văn là Vô tướng; do có câu nói vĩnh viễn Tịnh tĩnh, chỉ có bốn hạnh sau Diệt đế; hoặc phỏng theo văn trong các luận khác có nhiều sai biệt, một là văn như trước. Lại nữa, Vô nguyện đều nhiếp bốn hạnh sau Đạo đế, ngoài ra có văn như trước, Vô tướng nhiếp bốn hạnh sau đạo. Vô nguyện thì không như vậy, ngoài ra có văn như trước, ba Đế như trước, ban đầu giải thích bốn hạnh sau đạo, nhiếp chung với ba Giải thoát môn, như Hiển Dương luận quyển 2 có nghĩa Không hạnh. Hoặc phỏng theo Đoạn hoặc thông với bốn Đế, các pháp còn lại có thể biết. Trong đây nếu tổng hợp các văn bất đồng lại, thì ý tiêu biểu như Đối Pháp sao, nghĩa căn cứ theo đây mà hiểu. Lại nữa, ý văn của luận này trong Chân quán, nghĩa dụng phân lập ba Giải thoát môn này, hoặc Đoạn hoặc chỉ có Không hạnh. "Hoặc đồng thời cũng có nghĩa Vô nguyện và Vô tướng", là ý văn trong có nói Phiền não v.v... tương tợ chỉ có bốn

hạnh của Tập đế, hai hạnh của Khổ. Căn cứ theo Tăng giảm môn dưới đây, tổng quát đối với Hữu vi mà lập Vô nguyện, Vô nguyện thông với ba Đế. Lại nữa, theo câu nói tổng này, hoặc là ý trong đây như trước mà nói.

Luận ghi: "Như vậy Bồ-tát trong ba loại Tam-ma-địa tinh cần tu học", đây là khuyến khích tu học. "Do đó mà kiến lập như thật liễu tri" là kết chánh thuyết minh ba Giải thoát môn ở trước. Lại nữa, tổng kết nghĩa "Bất tăng bất giảm đối với hành tướng Tam-ma-địa như thật ngộ nhập", là vì liễu tri chỗ thuyết minh Giải thoát môn này, đối với các hành tướng khác mà như thật ngộ nhập, đều có thể hiểu nó. "An lập lý thú như thật ngộ nhập", tức là mới ngộ nhập ba Giải thoát môn chân thật. "Tu tập lý thú như thật liễu tri", là khuyến khích tu tập pháp của Tam-ma-địa, dưới đây giải thích lại cho rằng: "Trong đó các chúng Thanh văn tinh cần tu học", tức là Học hạnh và chứng viên mãn thì liền ngộ nhập, lại có giải thích khác, suy nghĩ thì có thể hiểu.

BẢN LUẬN 46
BỒ-ĐỀ PHẦN THỨ MƯỜI BẢY

Luận ghi: "Lại có bốn pháp Ôn-đà-nam", luận này gọi là Thuyết, tức là Thế Tôn thường tụng thuyết, ở đây Ôn-đà-nam gọi là Nhiếp tán, tức là dùng Kệ sơ lược mà nhiếp Trường hàng. Hiện tại luận này nói "thuyết", là thường tụng thuyết, nghĩa này tương tợ là tự thuyết liên tục. Hoặc bốn loại thể tánh này lấy pháp thể nêu ra, xét kỹ Hữu vi và Vô vi cho nên có thể hiểu.

Luận: Trong đoạn "lấy ba nghĩa để giải thích Ôn-đà-nam", nói: "Pháp tương ưng nghĩa", là biểu thị Vô thường v.v... nhưng cùng với Hữu vi không phải tương ưng. Lại nữa, hành tích này có thể tiến đến Đại sinh, chiêu cảm quả hữu lậu trời người thù thắng mà sinh trong Tịnh độ vô lậu. Lại nữa, sinh vào cõi Sắc và cõi Vô sắc cho nên gọi là Đại sinh. Lại nữa, có thể đắc chân pháp mà sinh cho nên gọi là Đại sinh. Lại nữa, hoặc nêu ra Hữu thứ nhất mà luận, thì Đại sinh này là Hữu lậu sinh.

Luận ghi: "Ngay trong đây, sát-na trước hiện hành thì tự tánh diệt hoại liên tục, không phải trước kia sát-na tự tánh của các Hành sinh khởi mà chánh quán là Sinh v.v...", cho đến "chánh quán là Diệt", nếu y theo Tiểu thừa, thì Sinh ở tại vị lai, ba tướng ở tại hiện tại, luận này thì y theo Đại thừa, ba tướng của Sinh v.v... ở tại hiện tại, Diệt ở tại quá khứ, như đoạn văn tiếp theo văn trước phân rõ, nói: "Xưa không nay có gọi là Sinh", vì lựa riêng với Vô vi cho nên nói: "Vô vi là có, là xưa có mà nay cũng có", Hữu vi thì xưa không nay có, nhưng luận kia nói "xưa có", trước là sát-na, sau là Vô gián, Hữu không phải trước kia chủng loại sinh.

Hỏi: Nếu một Sắc pháp tại niệm trước diệt, niệm sau sinh, thì điều này rất giống nhau, tại sao nói câu "không phải trước kia"?

Đáp: Nếu không nói tương tợ, thì chính là pháp kia, nếu chính là pháp kia, thì tức là một pháp thể. Thắng hạnh là pháp thường trụ, tức là không có diệt mất, vì không phải là pháp thể của sát-na trước, cho nên có câu nói "tương tợ". Nói "trụ", Đại thừa có hai thuyết giải thích:

1. Hiện tại có thể có công dụng khiên dẫn quả sau, gọi là Trụ.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao Hậu tâm của A-la-hán gọi là Trụ, hay là vì không thể kéo dẫn Hậu tâm.

Đáp: Vì câu vấn nạn này cho nên có hai thuyết: Luận này ghi: Các Hành đã sinh rồi, thì ngay khi chưa hoại mà chánh quán là trụ, không nên đã sinh rồi thì dừng, gọi đó là trụ.

Hỏi: Nếu như thế thì trụ và sinh khác thời, cho nên Tiểu thừa khác nhau?

Đáp: Luận này nói, hiện tại Đại thừa nên nói rằng, các Hành đã sinh rồi thì ngay lúc đó chưa hoại, như quyển 52 nói: "Cũng đã đắc sinh vị rồi dừng, lấy lập làm trụ và dị", hoặc nói: "Sinh pháp này biến hoại cho nên gọi là dị". Luận này cũng không phải như vậy, tức là "cùng với khi sinh thì niệm riêng khác, cho nên lấy khi sinh chưa biến dị, sau biến dị mới gọi là dị", tức là sinh và dị khác thời. Hiện tại nên nói rằng, pháp này đã sinh rồi thì hiện hành mong pháp trước diệt mất sát-na tự tánh của các Hành, chỉ có khởi riêng khác cho nên gọi là dị, tức là khác với niệm trước đều gọi là dị. Vì nghĩa này mà sinh và dị đồng thời diệt, hoặc là ngay hiện tại cùng với dị đồng thời mà gọi là diệt, ngay diệt là Vô pháp, trụ và dị là Hữu pháp. Như thế nào mà Hữu pháp đồng thời cũng có Vô pháp? Do đó luận này ghi: "Từ các Hành này sinh sát-na, sau đó ngay trên pháp đã sinh này mà sinh sát-na tự tánh diệt hoại của các Hành, lúc đó chính gọi là diệt, tức là do khi Hữu pháp không có, đến đời quá khứ mới lập tướng diệt, sinh và diệt, sáng và tối không đồng thời.

Hỏi: Nếu như thế tức là một sát-na, không có bốn tướng?

Đáp: Pháp này diệt, tức là khi pháp này sinh, như hai đầu bằng nhau, bình đẳng bình đẳng, cho nên một sát-na có sinh và có diệt.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao khi không sinh diệt, sau đó mới nói sinh?

Đáp: Từ ban đầu mà nói, vì lúc ban đầu phải có sinh, cho nên các pháp diệt không phải trước kia chỉ có diệt sau cùng, sau đó mới sinh khởi.

Hỏi: Trong các kinh đều nói ba Hữu làm Tướng, những gì là ba Hữu?

Đáp: Có hai nghĩa: một là Nhiếp trụ nhập vào dị, hai là Nhiếp dị nhập vào trụ. Trụ nhập dị, vì Trụ tương tợ với Vô vi. Lại nữa, hoặc nghe các pháp có trụ, thì liền chán Hữu vi, tâm không dũng mãnh. Luận này thì nói chỉ có dị, tức là Hữu vi đáng chán sâu xa, vì có dị, không đồng với Vô vi có trụ, cho nên lấy trụ tướng mà nhiếp nhập dị tướng. Hoặc phỏng theo Tiểu thừa, vì dị có thể diệt hoại và sinh pháp, đối với tướng công năng thù thắng thì trụ có thể kéo dẫn và sau đó sinh pháp, đối với diệt thì không có công năng, cho nên nhiếp trụ nhập vào dị.

2. Nhiếp dị nhập trụ, vì dị đối với sát-na của tự nó có công năng, đã sinh rồi thì hoại, gọi là trụ, cho nên có công năng. dị là khác với pháp trước, vì đối với niệm của tự nó không có công năng, cho nên nhiếp dị

nhập trụ. Lại nữa, dị thuận với tướng diệt, vì tự tánh không hiển hiện cho nên nhiếp dị nhập trụ.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao không nhiếp dị nhập diệt?

Đáp: Dị là Hữu pháp, diệt là Vô pháp, một là quá khứ, một là hiện tại, tướng mạo của dị và diệt tuy tương tợ, nhưng không thể nhiếp vào diệt tướng. Dưới đây là Quyết Trạch quyển 53 và Bản Địa quyển 3 sao.

Luận ghi: "Tại sao các Hành khi sinh thì chỉ là các Hành như vậy có thể đắc sinh trụ lão diệt hữu dư không riêng khác, các Hành như vậy khi trụ lão diệt thì chỉ là các Hành như vậy có thể đắc sinh trụ lão diệt hữu dư không riêng khác"? Tại sao có bất đồng như vậy? Sau đây nêu ra bốn Tướng, vì lấy Nhiếp pháp ngăn che pháp, hoặc chỉ điểm pháp, chỉ điểm lẫn nhau, cho nên chỉ có nói các Hành sinh, cho đến các Hành trụ lão diệt. Nếu ngăn che pháp là ngăn che riêng biệt, thì có bốn Tướng thể, cho nên pháp ngăn che khắp hết, do đó nêu ra chung bốn Tướng.

Hỏi: Tại sao trong ngăn che sinh, không chỉ nói sinh, cho đến trụ, diệt cũng vậy?

Đáp: Vì trong trụ cũng có sinh, và vì khi sinh thì có trụ v.v... cho nên Đại sinh sinh ra tám pháp v.v... do đó ngăn che thì ngăn che khắp tất cả.

Luận ghi: "Như vậy suy ra thì tâm bất khả đắc", là nếu lìa các Sắc v.v... kia thì các Hành v.v... trở xuống, sẽ phá sinh của sự sinh ra Sắc, cũng phải có sinh, tức là Tiểu sinh trong Tiểu thừa.

Luận ghi: "Nếu nói là một, là kế chấp sinh thật có, tức là hoang đường. Nói rằng riêng Hữu sinh là thật vật có, thì không đúng đạo lý", đây là phá Tiểu sinh. "Tiểu sinh hoặc cùng với Đại sinh là một", là kế chấp có Đại sinh là thật vật có, tức là hoang đường, tại sao vậy? Vì Đại sinh sinh ra Sắc pháp, lìa Sắc mà riêng có sinh Tiểu sinh, thì Đại sinh đáng lẽ cũng riêng có Thể, Tiểu sinh sinh Đại sinh, hai sinh mà nói là một; Đại sinh sinh Sắc pháp, vì cùng với sinh cũng là một cho nên nói rằng riêng Hữu sinh là thật vật có là không đúng đạo lý.

Luận ghi: "Nếu nói dị, như vậy thì đáng lẽ Phi hành sinh sinh và Thị hành sinh sinh là không đúng đạo lý", Phi hành sinh sinh tức là Tiểu sinh, Thị hành sinh sinh tức là Đại sinh. Nếu ông nói Tiểu sinh và Đại sinh khác nhau, thì đáng lẽ Tiểu sinh cũng tương tợ Đại sinh, đáng lẽ có thể sinh Sắc, Đại sinh sinh Sắc pháp, cũng có thể sinh Tiểu sinh, Tiểu sinh và Đại sinh đáng lẽ cũng sinh Sắc pháp, Tiểu sinh phi hành sinh sinh có thể sinh Sắc pháp thì cũng ứng với Đại sinh Thị hành sinh sinh,

cho nên hai sinh khác nhau thì không đúng đạo lý.

Luận ghi: "Hoặc là diệt pháp mà riêng có tự tánh, thì thật thành thục liền xứng với diệt này, có sinh có diệt", sư Pháp từ trên đến đây đã phá xong một lớp. "Tiếp theo trở xuống lớp thứ hai thì riêng phá diệt tướng", không phải như vậy, hoặc chưa giải thích sinh sinh để thí dụ các tướng khác rốt ráo, dưới đây nêu ra diệt và phá ở sau, đều là một cặp ngược nhau: "Tông của tôi chỗ nói diệt là Vô pháp, không có thành thục riêng, nếu ông nói rằng riêng có diệt tướng thì diệt này là Hữu vi, thì đáng lẽ riêng có sinh và có diệt, nếu khi diệt làm chỗ sinh của sinh, thì tất cả pháp đều đáng lẽ không dùng công lực mà tự nhiên diệt, như khi nhập Diệt định, thì Diệt tướng đã sinh, tùy theo Thức thứ bảy, Thức thứ tám, pháp Tâm, Tâm sở cũng phải đều diệt hết, vì diệt sinh, cả hai đã trái nhau cho nên các pháp khác phải diệt, nhưng đã không diệt, thì biết rõ chỗ nói của tôi: Khi pháp này không có thì gọi là diệt, không phải diệt riêng có sinh, sinh lấy diệt tướng mà có, do đó làm Sở sinh của sinh, có thể ngăn che Năng sinh". Diệt pháp thì có diệt, căn cứ theo ví dụ này mà biết.

Luận: Trong giải thích Vô ngã, nói: "Bổ-đặc-già-la tánh Vô ngã trong các pháp không phải tức là Hữu pháp, chân thật hữu Bổ-đặc-già-la đó cũng không phải lìa pháp kia mà riêng có chân thật Bổ-đặc-già-la", là phá ngay tại Uẩn này khác với Uẩn kia mà kế chấp Ngã.

Luận: Trong giải thích Niết-bàn tịch tĩnh, nói: "Nhân trước vĩnh viễn đoạn, sau đó diệt không sót, ngoài ra còn nghĩa khác", tức là Hữu dư và Vô dư Niết-bàn. Lại nữa, nhân trước vĩnh viễn đoạn, là ở tại Vô gián đạo, sau đó đoạn dứt không sót là ở tại Giải thoát đạo. Lại nữa, nhân trước vĩnh viễn đoạn là ở tại tâm trên Gia hạnh mà nấp phục, sau đó đoạn không sót là đoạn Chủng tử. "Ngoài ra rốt ráo không sinh", là quả không sinh, vì đoạn nhân.

Luận ghi: "Hoặc Thượng thượng thắng cho đến Thượng cực, hoặc Thâm thâm thắng cho đến Thâm cực, hoặc kém, hoặc thù thắng, cho đến thù thắng cùng cực, Pháp giáo, Chánh giáo, Giáo thọ, Giáo giới v.v...", là Thượng cực v.v... ba câu, một là giải thích Văn tuệ; Thâm cực v.v... ba câu, là giải thích Tư tuệ ; Thắng cực v.v... ba câu là giải thích Tu tuệ. Trong ba Tuệ, mỗi mỗi đều có thượng trung hạ. Lại nữa, pháp Giáo và Chánh giáo, là ba câu ba phẩm của Thượng cực v.v...; Giáo thọ là ba câu ba phẩm của Thâm cực; Giáo giới là ba câu ba phẩm Cực v.v... của Thắng cực. Lại nữa, trong ba Tuệ ở trước, mỗi mỗi Tuệ đều có ba câu pháp Giáo, Chánh giáo v.v... thứ tự mà phối hợp.

PHẨM CÔNG ĐỨC THỨ NHẤT

Công là công lao, Đức là đạo đức, dụng công mà đắc đức này, gọi là Công đức. Trong đây thuyết minh rộng, gọi là phẩm Công đức.

Hỏi: Tại sao thuyết minh phẩm này tiếp theo sau?

Đáp: Trước đã thuyết minh Bồ-đề, tông là Quả giác phân hành của nhân, những thứ này vì trước khi hành thì phải có chỗ căn cứ, cho nên phẩm tiếp theo sau là thuyết minh phẩm Công đức. “Trong bài tụng thứ nhất có bảy môn, môn thứ hai có năm loại pháp hiếm lạ mà gọi là thành tựu pháp rất hiếm lạ”, đây là căn cứ theo tướng mà luận, người người đều có thể đắc, Thọ không hiếm lạ hoặc theo ý mà luận, thì không từ bỏ sự này gọi là pháp hiếm lạ. Lại nữa, tự loại mong nhau thì không hiếm lạ, Nhị thừa mong nhau thì rất hiếm lạ. Hiếm lạ thứ hai là im lặng không có ngôn thuyết. Im lặng, thật ra là Lạc vị, chỉ vì hữu tình mà thuyết chánh pháp. Lại nữa, tự nhập Niết-bàn, thì sự im lặng này lạc Lạc vị, vì hữu tình mà thuyết chánh pháp.

Luận ghi: “Do trong năm nhân duyên đối với chư hữu tình mà có thể khởi các Gia hạnh v.v... không hư dối”, cho đến “phải biết tướng của nó”, đây là hiểu rõ hai loại:

1. Đối với tâm của hữu tình khởi lợi ích an lạc.
2. Cho đến như thật liễu tri.

Như trong phẩm Cúng dường, hoặc là phát có năm sự, hai loại trên và thứ ba là Cho đến tùy thuận thuyết pháp, bốn là Không mệt chán, năm là Bi bình đẳng. Bài tụng tiếp theo có sáu môn, môn thứ nhất trong Gia hạnh không có Phật, là vì Phật không có Gia hạnh, cho nên bài tụng kế tiếp có năm môn, trong môn thứ năm có bốn sự, Ái ngữ Nhiếp Sắc và tất cả nhiếp sự, đây là sự thứ nhất, vì xa và gần đều là Cận, có thể dẫn ra khỏi thế gian mà nhập môn thứ nhất của pháp, vì Hóa nhiếp sự. Các môn còn lại thì không như thế. Tiếp theo có hai bài tụng, tổng có chín môn, bài thứ nhất có bốn môn, bài tụng thứ hai có năm môn, trong Pháp thi thiết thứ nhất của bài tụng thứ nhất, nói: “Thứ tự kết tập mà an trí chế lập”, Kết tập là kinh, An trí là Ma-đát-lý-ca, Chế lập là Tỳ-ni. Lại nữa, pháp ba Thừa lại cũng thứ tự tập hợp các văn đó, an trí tập hợp nghĩa của nó, chế lập các pháp Học xứ. Trong Đế của tăng thêm ba môn, thì Tướng đế là thể tướng của các pháp, Ngữ đế là giáo của Năng thuyên, Dụng là tác dụng của các pháp. Trong tăng năm môn, bốn môn trước là bốn Đế, một môn sau là Phi an lập đế. Trong tăng sáu môn, nói: “Một là Đế đế, hai là Vọng đế v.v...”, là nói về các sự chân vọng.

Lại nữa, thiện pháp gọi là Đế đế, các pháp bất thiện gọi là Vọng đế. Trong tăng bảy môn, tội lỗi của Ái vị là Tập đế và Khổ đế, Xuất ly là Diệt đế hoặc thông với Đạo đế, pháp tánh là Chân như, Thắng giải đế tức là Thắng giải đoạn ở tại Quả. Trong tăng chín môn, bốn môn trước là Khổ khổ, bốn môn sau là Hành khổ, hai môn kế là Thường và Đoạn, hai Kiến đoạn cũng gọi là Ái, tức là ái nhiễm Kiến này, tức là làm Tập đế, môn thứ bảy tức là Đạo đế và Gia hạnh trí, môn thứ tám và thứ chín tức là Diệt đế.

Luận: Trong giải thích bảy hành tướng của Thanh văn, có hai hành tướng là Sở y của Tuệ này. Sư Pháp nói: "Đây là tâm vương". Lại nữa, đây là Định, chính trong Đại thừa cũng căn cứ theo đây.

Luận: Trong chỗ điều phục giới vô lượng, tăng bảy môn nói: "Một là khinh khi hủy báng, như chuyện của ông Điều Đạt, đã nhập vào sự khinh khi hủy báng. Hai là trung dung, như Chúng tập, ngôn ngữ rất mềm mại để điều phục. Ba là rộng nói về Trí. Bốn là lược nói về Đoản, vì lợi căn và độn căn sai biệt". Trong tăng chín môn nói: "Viễn cận điều phục", như năm tháng, làm trường thời và đoản thời, vì khác nhau.

Luận ghi: "Như vậy Bồ-tát đã siêng tu học", tức là kết đoạn văn pháp Bồ-đề phần trì trên, đoạn văn thứ nhất và đoạn "có thể tu học" thứ ba, văn dưới đây nói có mười loại, Bồ-tát đối với Bồ-tát mà tu học, có thể chánh tu học, trên đây lại càng không thể chánh tu học, tức là kết đoạn văn thứ ba "có thể chánh tu học" ở trước, cho nên biết ba Chế văn không đồng, như Học trì thứ ba, đoạn thứ nhất và thứ hai của Chế văn thứ nhất có văn sinh khởi nhưng không có văn kết, đoạn văn "có thể chánh tu học" này thì không có văn sinh khởi nhưng có văn kết, cho nên biết là loại hiển sơ lược, mà không nói phân ra có ba thuyết.

BẢN LUẬN 47
TRÌ THỨ HAI: TUỲ PHÁP DU-GIÀ XỨ
PHẨM BỒ-TÁT TƯỚNG THỨ NHẤT

Bồ-tát địa có bốn Trì, bản luận này là Trì thứ hai. Trì thứ nhất là chánh thuyết minh Hạnh tu học, không phải không khác với phân tích người Năng học, Trì này là chánh thuyết minh người Năng học, đã học sở học rồi thì thành Bồ-tát tướng, Hạnh tùy theo pháp sở học gọi là Tùy Du-già xứ Bồ-tát địa, thứ nhất trình bày mười phẩm, phẩm thứ nhất là Trì, có mười tám phẩm, phân làm ba Trì, là Chủng tánh, Phát tâm và pháp Bồ-đề phần, như trước đã nói thiên về tên gọi được Trì. Trì thứ hai này có bốn phẩm đó, tức là Tướng, Phần, Tăng thượng, Ý lạc trụ. Tướng, là thành thục pháp này mà nhập tướng của Bồ-tát cho nên gọi là Tướng. Phần v.v... như ở đầu của phẩm sau sẽ nói phẩm này trước Trì thứ hai, cho nên nói là Tướng phẩm thứ nhất.

Luận: Tụng ghi: "Hàng Bồ-tát chân thật, có năm tướng phải biết" trở xuống, văn Trường hàng giải thích là Ai mẫn v.v... năm loại, năm thứ thể tướng này, như pháp nhiếp sáu Ba-la-mật chính là nó:

1. Ai mẫn, lấy Định làm Thể, đây là Đại bi nương vào Định mà phát khởi, Thể này là Định nhiếp Thọ, không có tánh thiện căn của Sân, không luận về Trí năng phát.

2. Ái ngữ, thuộc Thi-la Bát-nhã đáo bỉ ngạn nhiếp, hoặc vì từ Luật nghi mà hành, vì Bát-nhã dẫn sinh, cho nên do hai thứ này nhiếp. Nếu căn cứ theo phẩm Thí ở trước, hoặc là phẩm Nhiếp và bốn Nhiếp nhiếp Bố thí độ thì chỉ nhiếp Bố thí, bốn Độ còn lại thuần là Đồng sự nhiếp, nếu trừ Bố thí ra thì còn lại ba Nhiếp sự đều là Trí tuệ độ nhiếp. Luận này ghi: "Ái ngữ là Thi-la", đây chính là nương vào Giới mà hành, chỉ nương vào giới không Vọng ngữ v.v... luận kia là không lìa Thể, vì tất cả hành đều do Trí phát khởi.

3. Dũng mãnh, do ba độ Tinh tấn, Nhẫn và Tuệ nhiếp, thật ra chỉ là Tinh tấn nhiếp, vì do Tuệ phát khởi, an chịu thời gian khổ nhẫn lâu dài, cho nên gồm chung để luận.

4. Rộng tay ân huệ bố thí là Thí độ nhiếp.

5. Có thể hiểu mật ý nghĩa lý thậm thâm, là Định tuệ nhiếp, hoặc chỉ tại Thể là Tuệ, vì Tuệ thù thắng do Định phát khởi, đều là từ thù thắng phát khởi đồng thời mà hành, nói là Định. Năm loại này đều do nương hành sáu Độ mà thành tựu, năm loại này nhập vào Bồ-tát tướng.

Luận: Trong giải thích tự tánh của dũng mãnh, nói: "Là hàng Bồ-tát cương quyết kiên cố không có chỗ khiếp nhược, có thế lực lớn", sư Cảnh và sư Pháp lấy ba loại Nhẫn tấn trí làm Thể, thứ tự mà phối hợp. Hiện tại xem ý văn thì không phải như vậy, chỉ thuyết minh thiên về Tinh tấn, tức là mặc giáp Tinh tấn v.v... ba thứ, theo thứ tự mà phối hợp. Tu trong đây không thuyết minh Nhẫn trí, vì nắm lấy ngay tự thể

Luận: Trong giải thích Y xứ, nói y là y tựa lẫn nhau, nương vào xứ phát khởi của tướng, Y xứ của Hữu vi, cũng là chỗ y của sáu nhân. Trong đoạn "có thể hiểu mật ý nghĩa lý thậm thâm của Y xứ", có năm nghĩa: Y xứ thứ nhất là Tùy thuận thậm thâm, Thậm thâm hiển hiện v.v... Thậm thậm là Chân như tùy thuận, tức là Trí duyên Chân như, vì tùy thuận Chân như; Thậm thâm hiển hiện tức là nương vào Trí mà Chân như hiển hiện. Trong Y xứ thứ tư, nói: "Pháp tướng nghĩa", Tưởng là Danh năng thuyên, Nghĩa là Pháp sở thuyên. Y xứ thứ năm tức là Vô ngại giải.

PHẨM PHẦN THỨ HAI

Trước đã nói: “phẩm Dực”, phẩm Dực là tu hành bốn pháp, như cánh của loài chim, cho nên gọi là phẩm Dực. Luận này thì không phải như vậy, là trong giải thích Hạnh ở trước nói: “Nhập Bồ-tát tướng, hai phần tại gia và xuất gia đều tu, vì nương vào hai phần tu mà gọi là Phần, cho nên gọi là phẩm Phần”, điều đó chính là tại sao thuyết minh Phần? Vì đã nhập Bồ-tát tướng, tại gia xuất gia đều đắc cho nên thuyết minh Phần tiếp theo sau.

Luận: “Tại sao Bồ-tát nhiêu ích đối với người khác? Là vì hàng Bồ-tát y theo bốn Nhiếp sự, tức là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự, có thể ban cho hữu tình một phần lợi ích, cho đến một phần an lạc, một phần đều có đủ”, tức là bốn Nhiếp sự này, mỗi mỗi đều có lợi ích an lạc thì cũng được, tuy bố thí tài vật kia nhưng khiến cho phát tâm v.v... gọi là lợi ích, đã được vật dụng thì đó là an lạc, như vậy cho đến mỗi mỗi đều có đủ, tùy theo đó mà biết. Nếu không như thế thì Lợi ích và Ái ngữ tùy theo tăng trưởng mà nói là lợi ích, ngoài ra Bố thí là an lạc, Đồng sự thì thông với cả hai lợi ích và an lạc, vì đồng là thiện và ác.

Luận: Trong giải thích Vô đảo hồi hướng, “ba môn tích tập”, ba là ba thứ khéo tu sự nghiệp:

1. Phương tiện thiện xảo.
2. Nhiêu ích đối với người khác.
3. Là ba môn.

Luận ghi: “Xuất gia Bồ-tát xưa nay có thể hành Câu toả phạm hạnh”, Câu toả (móc sắt và khoá) là có ý lấy nghĩa là tướng câu ngại. Người xuất gia có cấm giới, để đề phòng ba nghiệp ác, cho nên giống như móc khoá. Tại gia Bồ-tát thì không như vậy, vì xưa nay phóng dật.

PHẨM TĂNG THƯỢNG Ý LẠC THỨ BA
TỨC LÀ PHẨM THỨ BA TRONG TRÌ THỨ HAI

Trong đây thuyết minh chung nhập vào sự phát tâm Ý lạc của hàng Bồ-tát, có mười lăm loại, trong đây rộng thuyết minh gọi là phẩm Tăng thượng ý lạc. Ý lạc lấy Tín, Dục và Thắng giải làm Thể, vì đây là Ý lạc tăng thượng cho nên gọi là phẩm Tăng thượng ý lạc. Tại sao thuyết minh phẩm này? Vì muốn hành Bồ-tát hạnh, y theo mỗi mỗi phần tu mà khởi, tu thì hiểu rõ pháp có Ý lạc, Ý lạc tức là mong muốn, cho nên tiếp theo thuyết minh phẩm này. Có câu nói "Tăng thượng", giống như chỉ ở tại Địa thượng, nương vào đó mà trợ nghĩa, thông với Địa tiền không có phương hại.

Luận: Trong giải thích bảy Tướng thương tiếc, pháp trong phần thứ năm nói: "Đó gọi là Vô nhiễm cũng gọi là Vô duyên", không cầu báo ân gọi là Vô nhiễm, không cầu hậu quả là Vô duyên. Lại nữa, hai thứ đều là Vô nhiễm, vì Nhiễm thông với quả thế gian đời sau, cho nên Duyên cũng thông.

Luận ghi: "Uy lực của thần thông đồng thời sinh uy lực", là Uy lực của thần thông từ Định dẫn sinh. "Đồng thời sinh uy lực", là trước kia tập quen cho nên khi thần thông sinh thì Uy lực liền khởi.

Luận ghi: "Lại nữa, hàng Bồ-tát không thanh tịnh ý lạc, thì đó gọi là nên điều phục ý lạc, vì Ý lạc này phải tư duy chọn lựa. Lại nữa, hàng Bồ-tát thanh tịnh ý lạc, khéo thanh tịnh ý lạc thì đó gọi là Câu sinh ý lạc v.v...", Bồ-tát Địa tiền chưa chứng pháp, chỉ hiện thần thông v.v... mà điều phục nó, từ Nhập địa trở đi, tự chứng Chân như, tu tập nhiều kiếp, thần thông cùng với thân đồng thời sinh, khéo thanh tịnh, thanh tịnh ý lạc, là Câu sinh ý lạc, vì tánh của Thanh tịnh ý lạc trở thành Thiện thanh tịnh an lập.

PHẨM TRỤ THỨ TƯ

Trụ là nghĩa gì? Tức là nhân theo mười hai Trụ. Năng trụ, Sở trụ, Hữu vi và Vô vi trong Bồ-tát trụ cho nên gọi là Trụ, trong đây rộng thuyết minh cho nên gọi là phẩm Trụ. Lại nữa, tại sao thuyết minh phẩm này ở sau? Vì Tăng thượng ý lạc là chỗ hy vọng của ba kiếp, hiện hành hạnh giáo hóa chúng sinh, tự hành viên mãn, ban đầu phát tâm, cuối cùng đạt đến cực quả. Phần vị sai biệt, vì tổng có mười ba Bồ-tát trụ, cho nên tiếp theo là thuyết minh phẩm này, tức là Trì tướng v.v... phẩm thứ năm trong mười phẩm.

Luận ghi: "Như vậy bắt đầu từ Chủng tánh cụ túc", rộng nói cho đến đối với như chỗ nói "sở học chánh cần tu học của Bồ-tát", đây là thuyết minh mười tám phẩm trong Trì thứ nhất, từ Chủng tánh thứ nhất cho đến chưa tu công đức phẩm, là đối với như chỗ nói "các tướng chánh đẳng hiển hiện của Bồ-tát", là Tướng phẩm thứ nhất trong Trì này. "Chánh cần tu học trong phần Gia hạnh của hàng Bồ-tát", là Phần phẩm, như chỗ nói: "Ý lạc của Bồ-tát", là Tăng thượng ý lạc phẩm.

Luận: Trong giải thích ba Trụ của Tăng thượng tuệ, nói: "Là hàng Bồ-tát như thật liễu tri, có thể quán chân thật", tức là trong Địa thứ tư quán pháp Bồ-đề phần, pháp Bồ-đề phần là Năng quán, trong Địa thứ tư thì quán Phần pháp này gọi là Như thật liễu tri. Năng quán chân thật và Sở quán chân thật, là quán bốn Đế trong Địa thứ năm, bốn Đế là Sở quán. "Và đối với chân thật chư hữu tình loại do không có Trí", đây là giải thích Địa thứ sáu khởi quán, trong Địa thứ bảy thì gọi là Hữu gia hạnh và Hữu công dụng. "Vô gián thiếu khuyết Đạo vận chuyển Vô tướng trụ", là Địa này không phải không có tâm Hữu lậu ngăn cách, mà lấy nhiều Quán vô lậu tương tục để là luận, cho nên nói là Vô gián, không phải thật không có gián đoạn, Địa thứ tám thì không phải như vậy.

Hỏi: Địa thứ tám trở đi thật sự đã không có ngăn cách, tại sao Ấn Độ có hai giải thích, nói rằng Địa thứ tám khi có tâm Hữu lậu?

Đáp: Các giải thích này đều là căn cứ theo nhiều lời nói tương tục, không phải không khởi tâm Hữu lậu, vì trong Địa thứ chín đã đắc Vô ngại giải.

Luận ghi: "Có thể đối với Dị môn của các pháp", là pháp phân tích, nghĩa phát khởi thì Nghĩa phân tích, giải thích Từ ngữ thì Từ ngữ phân tích, sai biệt phân tích, Phân tích tức là bốn Biện tài. Tướng của Địa thứ mười trước hết chiếu thế giới v.v... rộng như trong Thập Địa của

Hoa Nghiêm kinh phân tích.

Luận ghi: "Lại nữa, Thắng hạnh trụ của hàng Bồ-tát, đối với Bồ-tát tu chỗ hóa độ nhỏ hẹp, chỗ hóa độ có thiếu khuyết, chỗ hóa độ bất định, chỗ đắc có Thoái chuyển v.v...", nói nhỏ hẹp là chỗ làm không rộng; nói có thiếu khuyết là chỗ làm bất thường, có phạm giới ác thân ngữ, hành vi bất định thì khởi hạnh không kiên cố, có khi bị Thoái chuyển; chỗ đắc có Thoái chuyển là không thể thuần tinh tấn, đây là hai thứ khác biệt. Lại nữa, bất định là thường ôm do dự; có Thoái chuyển, là không thể thắng tấn cho nên Thoái chuyển. Ngay dưới đây chính là nói rộng Đại tiểu ngược lại trước.

Hỏi: Địa thứ tám trở đi, cùng với Sơ địa v.v... Bất Thoái chuyển v.v... có gì khác nhau?

Đáp: Sơ địa v.v... có công dụng không thể trong từng sát-na tiến tới chấp, đã đắc rồi sinh thì gọi là Bất Thoái chuyển, Địa thứ tám trở đi không có sát-na nào mà không tiến tới, cho nên gọi là Bất Thoái, đây là hai thứ khác biệt.

Luận ghi: "Năm loại Úy", là không nói Úy v.v... căn cứ theo Đối trị dưới đây, là Sở trị của năm Bố v.v... là Thể của Bố này. Bố này lấy gì làm Thể mà không nói Úy? Lấy Ngã kiến và Ngã ái trợ sinh Ái làm Thể, cho nên dưới nói: "Do tu Vô ngã trí phân biệt Ngã tướng lại còn không chuyển trở lại, huống chi đang đắc Hữu phân biệt Ngã ái hoặc là Trợ sinh ái, cho nên biết lấy Ngã kiến và Ái làm Thể". Ác thứ hai gọi là Úy, lấy Dục tham làm Thể, cho nên văn dưới nói: "Do đối với xứ khác không có chỗ hy vọng mà thường tự phát khởi thích muốn như vầy: Ta sẽ nhiêu ích tất cả hữu tình, không phải đối với hữu tình có chỗ tâm tìm kiếm. Do nhân duyên đó mà không có Ác nào gọi là Úy, cho nên biết lấy Tham dục làm Thể". Tử úy thứ ba, lấy Ngã kiến làm Thể, cho nên văn sau nói: "Do lìa Ngã kiến, đối với Ngã không có tướng chuyển hoại mất, cho nên không có Tử úy, cho nên biết lấy Ngã kiến làm Thể". Ác thú úy thứ tư, lấy Si làm Thể, luận dưới ghi: "Tự biết sau khi chết, sẽ đối với đời tương lai quyết định gặp chư Phật Bồ-tát", do quyết định này mà không có Ác thú úy và năm Xứ chúng khiếp úy, lấy Si làm Thể, cho nên luận dưới ghi: "Do Ý lạc thấy tất cả thế gian, còn không thấy một người nào ban cho ta bình đẳng, huống chi là thù thắng", do đó không có Xứ chúng khiếp úy, Sở trị này lấy Si làm Thể. Lại nữa, như Phật Địa kinh nói: "Phải có riêng Thể", hãy xem kinh đó.

Luận ghi: "Thành tựu nhỏ hẹp là Văn sở thành trí v.v...", đây là thuyết minh Tuệ căn. "Lại nữa, ngay tại thành tựu này hoặc có khi

vọng mất", đây là thuyết minh Niệm căn. "Thành thục khổ của Bồ-tát chậm chậm thông hành", đây là thuyết minh Ý căn. "Đối với đại Bồ-đề không có dũng mãnh ưa thích", đây là Nguyện dục vô giảm. "Rất tinh tấn", đây là thuyết minh Cần căn. "Không có Thậm thâm lao cố thanh tịnh", là Tín căn.

Luận ghi: "Hoặc trong một lúc đầy đủ Ức niệm, hoặc trong một thời trở thành Vọng niệm loại", là hữu tình đắc và bất đắc, cho nên gọi là Vọng niệm loại, vì không phải hoàn toàn Vọng niệm cho nên nói là Loại.

Luận ghi: "Như trên nói tất cả viên mãn trong Bồ-tát Học chưa có thể học rộng", đây là mười tám phẩm của Trì thứ nhất. "Như trên nói cho đến các tướng của Bồ-tát đều thành thục", là phẩm Tướng trong Trì này. "Như trên nói v.v... cho đến Nhị phần Bồ-tát trong Chánh gia hạnh chưa bình đẳng hiển hiện", là Phần phẩm. "Như trên nói Bồ-tát Ý lạc cũng chưa thanh tịnh", là Tăng thượng ý lạc phẩm. "Nhị Phần Bồ-tát trong Chánh gia hạnh chưa bình đẳng hiển hiện", là chưa có thể nương vào Nhị Phần, chưa tu Chánh hạnh, gọi là chưa hiển hiện.

Luận ghi: "Thắng giải hạnh trụ của hàng Bồ-tát đó Hạ nhẫn thời (khi Nhẫn xuống thấp) chuyển biến như chỗ nói trên về trạng tướng của các Hành, phải biết là Thượng phẩm, cho đến vĩnh viễn đoạn không sót", là chỗ ở trước về tội lỗi của Địa tiền tại Thập tín vị, gọi là Hạ nhẫn thời, lỗi này là thượng phẩm, ở tại Thập giải và Thập hạnh thì gọi là trung phẩm, ở tại Thập hồi hướng thì gọi là Thượng nhẫn, chính lỗi đó là trung phẩm và hạ phẩm.

Luận: Trong Nhập cực hỷ trụ, nói: "Trừ Xả kia cho nên phát khởi sáu tướng tân thiện quyết định". Những gì là sáu tướng?

Luận ghi: "Nội chứng tu tánh Bồ-tát đại nguyện, vượt qua tất cả các Bạch tịnh nguyện khác", là nguyện thứ nhất, Cựu luận Địa trì có các số một, hai v.v... Thập địa luận ghi: "Thứ nhất gọi là Quán tướng". Kinh ghi: "Không lìa", là nguyện tâm Bồ-đề không lìa nguyện, tức là lấy Hậu đắc trí để quán, nếu được như văn này, thì nói là "Nội chứng tu tánh Bồ-tát đại nguyện", sư Pháp nói đây là Vô phân biệt trí. "Vô đẳng bất cộng quả là thế gian vượt qua tất cả cảnh giới thế gian", là nguyện thứ hai. Địa luận nói là: "Chân thật thứ hai", kinh nói là: Bất khả kiến", là Hậu đắc trí, là quả Vô đẳng bất cộng của Nhị thừa, lìa thế gian đó, để duyên sự, cho nên vượt qua tất cả cảnh giới thế gian, do đó kinh nói là Bất khả kiến, tức là Hậu đắc trí, vì tùy thuận cứu tất cả hữu tình Khổ cho nên không cùng chung với tất cả Thanh văn và Độc giác, là nguyện

thứ ba. Địa luận ghi: "Thắng thiện thứ ba", kinh ghi: "Quảng đại như pháp giới", tức là Hậu đắc trí khởi Đại bi cứu sinh, cứu khắp quần sinh cho nên nói là Quảng đại. Lại nữa, có nghĩa khác, như dưới đây hội giải thích trong phần thứ năm: "Tuy một sát-na sinh khởi nguyện này, pháp tánh tự như thế có thể đắc vô lượng quả Bạch pháp khả ái của Bồ-tát", là nguyện thứ tư. Địa luận ghi: "Nhân thiện thứ tư", kinh nói: "Cứu cánh như hư không tận vị lai tế", nói là do nguyện này bằng với Nhân thiện cho nên có thể đắc vô lượng quả Bạch pháp, như hư không. Lại nữa, "Đại nguyện không biến đổi, vô tận nhân tánh đã đắc rồi thì không khác với Nhân duyên, khiến cho sự Thoái chuyển biến dị có thể đắc", là nguyện thứ năm, Đại thiện thứ năm của Địa luận, kinh ghi: "Lời nói che khuất, nhất thiết chúng sinh giới, xem qua hình thế, tương đương với thứ tự này ba lần tùy cứu tất cả hữu tình", là Đại thiện thứ ba kia. Kinh nói: "Quảng đại như pháp giới", là Đại thiện thứ năm này, là đắc nguyện vô tận bất khả Thoái chuyển, rộng lớn như pháp giới vậy. "Lại nữa, Thắng phần đó đoạ vào cực đại Bồ-đề biên tế tối hậu", Địa luận nói là: "Bất khiếp nhược thứ sáu", kinh nói là: "Có thể nhập ba đời trí địa", là nguyện thứ sáu, nguyện này là Thắng phần, có thể đọa vào Hậu biên tế, có thể cùng tận đại cực Bồ-đề mà nhập ba đời trí địa, ba đời trí địa tức là Phật quả; đắc đại Bồ-đề thì có thể không khiếp sợ, không đối với đại Bồ-đề mà sinh khiếp sợ, ba nguyện sau thông với hai trí, ba nguyện trước cũng như trước.

Luận ghi: "Ngay như vậy Bồ-tát phát tâm, lược do bốn tướng xứng với sở đắc phải biết rõ", chính hai tướng đầu thì luận có văn kết, tướng thứ ba thứ tư thì không có văn kết.

Luận ghi: "Lại nữa, chư Bồ-đề vô đảo, nhanh chóng phát khởi tất cả tư lương tùy thuận của Bồ-đề v.v... đến Quảng đại nguyện tâm", là tướng trạng phát tâm thứ ba. "Lại nữa, hàng Bồ-tát phát tâm đó rồi, vượt qua Bồ-tát phàm phu, Dị sinh địa v.v..." trở xuống, là thuyết minh riêng từng thắng lợi của sự phát tâm thứ tư, như Thập địa luận, trong đây thì xưng riêng, như trong kia thì có tám lỗi, từ lỗi Nhập vị cho đến Tất định, một lỗi Nhập vị tức là Nhập địa siêu vượt Dị sinh địa; sinh vào nhà Như Lai là lỗi nhà; là con ruột của Phật thì là lỗi chúng, từ khẩu Phật sinh, từ pháp hóa sinh v.v... là theo loại mà nói; quyết định tiến đến Bồ-đề là lỗi Tất định, trong đây có bốn loại, ngoài ra lược bỏ không nói.

Luận ghi: "Mười loại Đại nguyện, đây là đối với Cực hoan hỷ trụ này có thể dẫn phát đầy đủ v.v...", đây đều là nhân duyên phát khởi mười nguyện, cũng tức là Thập nguyện, hoặc Tiền phương tiện gọi là

Nhân duyên, hoặc ngay lúc khởi gọi là Căn bản nguyện, rộng như kinh Thập Địa nói. Trong nguyện thứ tám, "cùng với hàng Bồ-tát thường đồng Nhất vị, Ý lạc, Gia hạnh v.v...", như Cựu luận nói: "Là cùng với tất cả Bồ-tát đồng một phương tiện, dùng Đại thừa mà hóa độ, gọi là Nhất vị".

Luận ghi: "Khởi nguyện như vầy: Như có hữu tình giới nào triển chuyển tương tục rốt ráo không đoạn tận v.v...", ý nguyện này trước Thập nguyện, cho đến Bồ-đề rốt ráo không có lỗi vọng, văn dưới nói thành thục trước các sự đáng nguyện mà khởi nguyện, nói rằng trước là Thập nguyện, sau tức là Thục nguyện (nguyện chín muồi), vì để khởi nguyện, nói: "Thế đạo như vậy v.v... vô tận v.v..." tức là Khí thế giới vô tận.

Luận: Trong giải thích mười loại Tịnh tu trụ pháp, nói: "Loại thứ tám tức là trong Chánh gia hạnh như vậy mà y theo đúng thời và phần lượng v.v... chánh hạnh mà tu tàm quý v.v...", Thời là như Thời kiếp cuối cùng của năm Trược, là tùy thời này có thể hành pháp này; Phần lượng là tùy theo bao nhiêu pháp đó. "Lại nữa, trở lên Sơ địa có tám loại, là Thiện quyết định cho nên bốn tướng phát tâm v.v...", là kết đoạn văn trên.

BẢN LUẬN 48

Luận: Trong giải thích mười loại Ý lạc thanh tịnh, chín loại trước là Tự lợi, một loại sau là Lợi sinh.

Luận ghi: "Trong Trụ này, tánh giới cụ túc có rất ít chỗ nhiếp của nghiệp đạo tà ác, các ác phạm giới cũng không hiện hành, huống chi trung phẩm và thượng phẩm", đây là thuyết minh Luật nghi giới thành tựu, không phải chỉ có Tánh giới. Trong Giá giới cũng có thể phòng hộ, đây là chỉ căn cứ theo Tánh giới mà luận.

Luận ghi: "Lại nữa, đối với mười loại nghiệp đạo tự tánh viên mãn hiển hiện", ý văn là có thể biết mười Ác nghiệp đạo, theo thiện nghiệp đạo viên mãn tự tánh hiển hiện mà nói, thì đều hiện hành, như văn kết ở dưới, vì văn này thuộc đọc ở dưới.

Luận ghi: "Bồ-tát như vậy Tánh giới cụ túc, có thể lấy Diệu tuệ đối với nẻo ác nẻo thiện nhiễm bất nhiễm và trong các nghiệp hiện hành, hoặc nhân hoặc quả, tu chứng an lập, như thật Liễu tri v.v...", hoặc là có thể lấy Diệu tuệ trong nhân quả nhiễm bất nhiễm, nẻo ác nẻo thiện của thế gian và ba Thừa, các nghiệp hiện hành hoặc nhân hoặc quả, tu chứng an lập, như thật biết rõ đối với nhiễm và bất nhiễm của thế gian. Các nghiệp hiện hành Dị thục Đẳng lưu quả và các nghiệp Đẳng lưu xuất thế đều biết rõ như thật.

Luận ghi: "Rộng thấy Thiện căn thanh tịnh của chư Phật, như trước nên biết", là trong Sơ địa ở trước. Nói rằng: "Là vì đối với Phật pháp tăng cúng dường nhiếp thọ, lấy bốn sự thành tựu hữu tình, lất tất cả Thiện căn hồi hướng Bồ-đề v.v...", tuy các Địa cõi dưới cũng thông với cõi này. Các Địa khác làm ba Địa.

Luận: "Nói rằng: "Lấy chỗ luyện kim Trí-ca-tứ-sa", là Phàn thach (hàng rào đá) vì có cấu kết vi tế, cho nên đặt Phàn thạch để trừ nó. Địa thứ hai này có chín đoạn, là Ý lạc tịnh, Tánh giới cụ túc v.v... căn cứ theo nghĩa của các văn dưới tổng kết từ trên đến đây mà phối hợp. Như Địa thứ hai trở xuống, các Địa tùy theo văn tổng kết, có bao nhiêu chữ "cho nên" tức là đặt ra Địa này có bấy nhiêu đoạn văn, căn cứ theo nghĩa mà nên biết. Như mười loại Ý lạc tịnh trước ở tại Sơ địa, là hạ phẩm và trung phẩm chưa viên mãn tại Địa này, là thượng phẩm, là viên mãn tất cả Địa của cõi dưới, căn cứ theo ý này mà hiểu, nguyên nhân biết được là vì văn luận có hai Địa thành thượng phẩm cực viên mãn, tại Sơ địa vì có câu "Ý lạc tịnh" này.

Địa thứ ba. Luận ghi: "Bồ-tát an trụ Tăng thượng tâm trụ có thể

lấy các thứ hành tướng tội lỗi hoại tất cả hạnh đối với các hạnh kia trong thâm tâm chán lìa v.v...", là Bồ-tát khi an trụ Tăng thượng tâm trụ, là tất cả các thứ tội lỗi, có thể phá hoại tất cả Thiện hạnh, Bồ-tát đều có thể đối với các Hạnh kia mà trong thâm tâm chán lìa.

Luận ghi: "Đối với chư hữu tình hưng khởi tâm không luyến ái, sinh Y nghĩa tâm", sinh Y nghĩa tâm có nghĩa là sinh tâm lợi lạc. Nghĩa, là Nghĩa lợi.

Luận ghi: "Quán chư hữu tình giải thoát nhiều khổ cứu cánh phương tiện chỉ là trí Vô chướng ngại của tất cả Phiền não và các Triền v.v..." cho đến "quán chỗ dẫn phát tất cả Tĩnh lự, Đẳng trì, Đẳng chí, đều do Bồ-tát tạng lấy Văn làm đầu, đều nghe chánh pháp lấy làm duyên khởi v.v...", chư hữu tình giải thoát nhiều khổ cứu cánh phương tiện chỉ là trí Vô chướng ngại của các Triền, tức là Vô phân biệt trí, nếu có trí Phiền não chướng thì không thể cùng với hữu tình khởi nguyên nhân giải thoát khổ rốt ráo, người quán nếu có thể chứng viên mãn cứu cánh phương tiện trí này, thì chỉ có Tuệ vô phân biệt đối với tất cả các pháp, vì tất cả pháp Phân biệt hiện hành thì tạp nhiễm sinh khởi, đó là Sở đối trị của Vô phân biệt tuệ, Năng đối trị có thể chứng viên mãn thì quán này có thể thành biện tài, Chánh trí này thuyết minh trước tiên đều do đồng thời thù thắng hơn Tam-ma-địa quán, chỗ dẫn phát đồng thời, cho đến tất cả Đẳng trì, Đẳng chí, đều do Bồ-tát tạng lấy Văn làm đầu, đều nghĩa chánh pháp làm duyên khởi, các Định này các Triền không chướng ngại, lấy làm Chánh trí để đoạn Hoặc. Vô phân biệt tuệ thông với Hậu đắc trí, vì chứng giải thoát viên mãn.

Luận ghi: "Nếu nghe một câu hoặc bốn câu tụng, hoan hỷ vui mừng thì đắc các trân bảo v.v...".

Hỏi: Tại sao như vậy?

Đáp: Vì thọ dụng tài vật thì có khi hết sạch, thọ dụng pháp thì vô cùng. Lại nữa, tài vật thì đạt được quả của thế gian, pháp thì đạt được quả xuất thế gian, tài vật không ra khỏi sinh tử, pháp thì ra khỏi sinh tử, rộng như lý như vậy mà phân biệt.

Luận ghi: "Cấu uế ở đây dứt tận xứng với lượng v.v... mà trụ, như vậy Bồ-tát v.v...", là vàng của Địa trước nung luyện chưa tinh, một lần nung đem cân còn nặng, nung một lần nữa, đem cân thì nhẹ hơn chút ít, nặng nhẹ không bằng nhau, hiện tại trong Địa này thì xứng với Lượng và Thời, đã đến tinh vi. Trong đây có chín đoạn văn, căn cứ theo trên mà phối hợp với văn.

Trong tổng kết giải thích Danh, phát khởi Văn và hành chỗ hiển

thị chánh pháp Quang minh và Đẳng trì quang minh”, do phát khởi nghe và hành chánh pháp Quang minh, là khi tìm cầu pháp, thì Văn tuệ chiếu soi pháp Quang minh, do nghe mà sinh Tu. Nói rằng: “Đẳng trì quang minh v.v... do Nội tâm thanh tịnh”, là Địa này chứng Nội tu tuệ quang minh. Nói rằng: “Nội tâm hành Vô lậu gọi là Tịnh ý, gọi là Nội tâm”, tức là Định. Địa luận thứ tư ghi: “Mười pháp Minh Nhập”, Minh là Trí, Nhập là Chứng, là Đắc, là hiểu các giải thích, là trí có thể chứng mười pháp.

Luận ghi: “Hoặc là giả thiết kia, hoặc trong đó giả thiết, hoặc do giả thiết này v.v...”, cho đến “hoặc do Sở tịnh của Vô thượng thanh tịnh”, đây là mười pháp Minh nhập, như trong kinh Thập Địa, trong đó có bảy chữ “hoặc”, năm chữ đầu mỗi mỗi đều là Minh nhập, hai chữ sau tách rời ra làm năm, chữ thứ sáu tách rời làm ba, chữ thứ bảy tách rời làm hai. Hoặc là giả thiết đó tức là duyên của hữu tình, thật ra không có hữu tình, chỉ có giả thiết cho nên gọi là hữu tình, do đó gọi là giả thiết. Chữ “hoặc” thứ hai “giả thiết trong đó”, tức là duyên của thế giới, là hữu tình trụ trong đó, thật ra không có thế giới, chỉ vì trụ trong đó mà giả thiết là sinh. Chữ “hoặc” thứ ba “do giả thiết này”, là duyên của pháp, tức là pháp thiện ác v.v... của mười tám giới, thật ra không giống như pháp này, do đây mà quán Danh của hữu tình v.v... đều do giả thiết này. Chữ “hoặc” thứ tư “Bình đẳng thắng nghĩa”, như kinh Thập Địa là duyên của Không, sư Pháp có hai thuyết, một là Sự không, hai là Lý không, tức là Chân như gọi là Không. Luận này ghi: “Vì Bình đẳng thắng nghĩa mà biết là Chân như”. Chữ “hoặc” thứ năm “Nhiễm não cho nên thanh tịnh, cho nên thành nhiễm thành tịnh”, là duyên của Thức, vì Thức là Nhiễm não và Thanh tịnh, cho nên thành nhiễm thành tịnh. Chữ “hoặc” thứ sáu “do chỗ nhiễm của phiền não trói buộc”, là duyên của ba cõi, tức là chỗ nhiễm phiền não trói buộc của cõi Dục và cõi Vô sắc, tức là ba loại. Chữ “hoặc” thứ bảy “do Sở tịnh của Vô thượng thanh tịnh”, là Thiện tịnh và Đại thiện tịnh, Thiện tịnh là tịnh của Nhị thừa, Đại thiện tịnh là tịnh của Đại thừa, tức là hai loại, rộng nói như kinh Thập Địa.

Luận ghi: “Như khế kinh nói: Không hoại ý lạc mà làm thượng thủ, tất cả mười loại Năng thành thục trí, trí thành thục pháp, đều được thành thục”, là mười loại Pháp trí có thể thành trí, trí là Sở thành, mười loại này là pháp thành thục trí, đó là ý nghĩa trong đây. “Không hoại ý lạc mà làm thượng thủ”, tức là pháp thứ nhất trong mười pháp, cho nên nói là Thượng thủ. Cựu địa trì ghi: “Thành thục không hoại tịnh làm

đầu”, kinh Thập Địa tương đương pháp thứ hai, đồng kính Tam bảo gọi là Bất hoại tịnh. Trong đây nói “làm đầu”, cũng như Cựu luận nói “loại”, bản văn tiếng Phạm thì thì ở tại thứ nhất, cho nên nói là Thượng thủ, luận này giải thích thì không phải như vậy, nghĩa là luận ghi: “Lớn lên trong nhà Như Lai, đắc Thể pháp kia”, lên Sơ địa gọi là sinh vào nhà Như Lai, đã sinh vào nhà kia rồi, luận này thì Địa thứ năm v.v... gọi là “lớn lên trong nhà Như Lai”. “Đắc thể pháp”, theo Cựu địa trì luận nói là: “Đắc tự tại”, kinh thì nói là: “Được lớn lên trong nhà rồi thì đắc thế lực tự tại”. Lại nữa, đều có Thể pháp là đắc Thể của Như Lai, Chân như là Thể pháp. Lại nữa, mười Tự tại gọi là Thể pháp, hãy nên xem nó.

Luận ghi: “Tối cực vi Tế Tát-ca-da kiến chấp trước tất cả Uẩn v.v... không hiện hành đoạn”, là nói Địa này có thể lìa và chế phục Ngã kiến trong Thức thứ sáu, ngoài ra tham sân v.v... còn ở tại Thức thứ bảy của nó, nhập Địa thứ tám mới chế phục được nó. Trong đó có mười ba đoạn văn kết, căn cứ theo văn của luận kia và luận này.

Luận ghi: “Có thể thành chánh pháp giáo tuệ chiếu sáng”, chánh pháp giáo là Sở chiếu, trí này có thể chiếu chánh pháp giáo, gọi là Diệm tuệ địa.

Địa thứ năm. Luận: Trong giải thích mười loại Bình đẳng thanh tịnh ý lạc, nói: “Vô đẳng giác cùng với các Giác v.v... vượt qua các hữu tình giới khác, cho đến các pháp như bình đẳng của nó”, sư Pháp nói: “Bình đẳng giác trong đây, tức là như kinh Thập Địa nói: Là giác ba đời Phật, tất cả công đức, tất cả pháp bình đẳng, Phật là Vô đẳng giác, Vô đẳng này gọi là Vô đẳng giác, vì ba đời Phật tức là ba Bình đẳng, tức là Vô đẳng vô bình đẳng”. Trong đây nói “cùng với các Giác v.v...”, tức là nhiếp sáu loại tiếp theo, vì sáu loại hợp làm một. Nói rằng: “Các Giác v.v...”, Địa luận kia ghi: “Là Giới định trí, Giới tức là Giới bình đẳng, Định tức là Định bình đẳng, tức là Giới tâm thanh tịnh. Độ nghi và Kiến thanh tịnh, tức là trong bảy Tịnh, bảy Tịnh này hợp chung với hai thứ Độ nghi và Kiến làm một Độ, nghi kiến bình đẳng. Đạo và Phi đạo thanh tịnh, tức là Giới thủ của ngoại đạo, tức là Đạo và Phi đạo bình đẳng. Trí kiến thanh tịnh, tức là hành Bình đẳng hạnh. Đoạn Trí kiến thanh tịnh, tức là hành đoạn Trí kiến bình đẳng. Trên đây là chỗ nhiếp sáu loại của các Giác v.v... như văn của Cựu địa trì luận và sớ giải có khác nhau, không phiền dẫn ra. “Các chư hữu tình khác” trong đây, tức là bi mẫn hữu tình bình đẳng. Chín loại trước là tự lợi, một loại sau là lợi tha. “Cho đến các pháp bình đẳng của nó” trong đây, tương đương với kinh đó giải

thích danh từ bình đẳng, là đối với các pháp trở về trước, như chính các pháp đó mà bình đẳng, gọi là Bình đẳng, như kinh đó rộng nói.

Luận ghi: "Đối với bốn Thánh đế, do mười hành tướng như thật liễu tri tất cả văn từ, như khế kinh nói: Phải biết tướng của nó. Là y hiểu ngộ tha, y tự nội trí, y câu xứ sở, cho đến Danh cũng như chỗ thuyết này", là y theo ba loại trước hiểu ngộ tha v.v... sư Pháp có hai giải thích: Y hiểu ngộ tha, câu thứ nhất này là lấy giáo của bốn Thánh đế, để dạy cho Nhị thừa, Nhị thừa không phải Phật thừa, cho nên nói vì Tha. Y tự nội trí, câu thứ hai này là lấy dạy cho chúng đại chủng tánh, chúng sinh đại chủng tánh là Tự thừa của Phật cho nên gọi là Y tự nội trí. Y câu xứ sở, câu thứ ba này là biệt giáo của hai câu trên, một câu này là tổng giáo, Đại thừa và Tiểu thừa vì người biệt và tổng của hai Thừa này mà bình đẳng thuyết bốn Đế, nói là "vì đây mà thuyết". Lại nữa, giải thích ba câu này, là ba lần chuyển pháp luân. Y hiểu ngộ tha là thị hiện tướng Chuyển, là thị hiện Đế tướng đối với Tha, nói rằng đây là Khổ, cho đến đây là Đạo; Y tự nội trí, là chứng tướng Chuyển, nói rằng Khổ này ta đã biết, cho đến Đạo này ta đã tu; Y câu xứ sở, là khuyến khích tướng Chuyển, nói rằng giáo ngôn này ta đã biết, ông nên biết, cho đến Đạo này ta đã tu, ông nên tu. Vì ba lần Chuyển này cho nên nói là "vì đây mà thuyết", tức là làm ba hành tướng. "Y theo khế kinh Điều Phục Bản Mẫu thì gọi là do đây mà thuyết", tức là Tam tạng khế kinh, là kinh Điều Phục, là Tỳ-nại-da, là luật Bản Mẫu, là Ma-đát-lý-ca, là luận. "Do ba Tạng này cho nên Ta thuyết bốn Đế", gọi là "do đây mà thuyết". Vì trùm khắp ba loại trước cho nên hợp chung làm sáu loại. Y theo hiện tại thì tự tánh của chúng khổ là Khổ đế, nương vào vị lai thì tánh của Khổ nhân sinh nói là Tập đế; y theo nhân tận thì nhân kia tận không sinh gọi là Diệt đế, tức là sự diệt của nhân tận, sự diệt của quả tận; y theo tu tập đoạn Phương tiện tánh kia là Đạo, như bốn Đế này, gọi là "như đây mà thuyết", tức là mười hành tướng.

Luận ghi: "Mâu-ba-la bảo", tương đương với luận này nói là Mã não bảo, là Địa trước ở trên vàng, đã thêm Gia-mạt-ni bảo, hiện tại Địa này lại thêm Mã não bảo. Trong một Địa này, căn cứ theo văn kết thì có chín đoạn, căn cứ theo như trên mà biết.

Địa thứ sáu. Luận: Trong giải thích mười loại pháp Bình đẳng tánh, nói: "Đối với tất cả pháp do có Thắng nghĩa tự tánh, Vô tướng bình đẳng tánh v.v... cho đến có Hữu, Vô, Vô nhị bình đẳng tánh v.v...", như Cựu địa trì nói: "Có các số một, hai v.v... tiêu biểu tên", trong luận này có mười một chữ "cho nên", không giống như luận kia.

Vả lại, căn cứ theo Cựu luận ghi: "Một là nghĩa Tự tánh bình đẳng thứ nhất, tương đương với nghĩa thứ nhất trong đây, do có Thắng nghĩa tự tánh vô tướng bình đẳng, tức là tương đương với nghĩa thứ nhất của kinh này, Nhất thiết pháp tự tánh vô tướng bình đẳng". Trong đây có ý nói, là do duyên với Thắng nghĩa lý cho nên tất cả pháp bình đẳng.

Như Cựu luận nói: "Hai là Vô ngôn thuyết hành vô tướng bình đẳng", tương đương với luận này nói, ngôn thuyết tạo tác Ảnh tượng Vô tướng bình đẳng tánh, tương đương với kinh này ghi: "Thứ hai là Vô tướng bình đẳng". Trong đây có ý nói là tất cả ngôn thuyết tạo tác Ảnh tượng v.v... đều do tưởng, theo luận này thì tướng này cũng là Vô tướng bình đẳng, vì đối với lý thì vốn là Vô, vì Hữu là vọng sinh.

Như Cựu luận ghi: "Ba là Vô sinh bình đẳng", tương đương với luận này ghi: "Tức là do tướng này là tự nhiên bất sinh bình đẳng tánh", tương đương với kinh này nói là: "Vô sinh bình đẳng", ý này cho rằng, tức là do tâm tưởng này không có, cho nên tự nhiên không có Khổ sinh. Lại nữa, tức là do tâm tưởng này đối với ngôn thuyết tạo hành, tánh y tha bình đẳng, người chấp có tự nhiên sinh, nhưng tự nhiên này không sinh, chỉ là nhân duyên sinh, nói là Vô sinh bình đẳng, không có tự nhiên sinh, ý nghĩa thứ nhất là thù thắng.

Cựu luận ghi: "Bốn là bốn Duyên bất khởi bình đẳng", tương đương với nhân này cũng là Bất sinh bình đẳng tánh, vì Tự nhiên cùng với Nhân đều là Bất sinh, tương đương với kinh này ghi: "Không có trở thành Bình đẳng". Sớ ghi: "Vì Vô sinh, cho nên cũng không có khổ tánh thành khởi hiện tiền". Sư Pháp nói: "Nhân là Năng thành, quả là Sở thành, chấp có Tự tại thiên v.v... làm nhân", nhân đã không thể sinh cho nên nói là Bất thành bình đẳng, vì Nhân duyên sau đó mới sinh. "Tự nhiên cùng với nhân đều là Bất sinh", là chấp có Tự nhiên sinh và Tự tại thiên làm nhân sinh, đều không thành. Luận này lại giải thích rằng: "Trước không sinh Bình đẳng, là ba tướng tạo tác v.v... không có, cho nên cùng với Tự nhiên bất sinh, không phải chỉ có Tự nhiên bất sinh, mà nhân này cũng không có, cho nên không thành Bình đẳng. "Tự nhiên cùng với Sinh đều bất sinh", tức là song song giải thích lại nghĩa nhân quả Câu sinh, tức là Bất sinh thứ ba, Bất thành bình đẳng thứ tư.

Như Cựu luận ghi: "Năm là Tất cánh tịch diệt bình đẳng", tương đương với luận này nói là: "Tánh Tất cánh bản tịch bình đẳng", cho nên kinh ghi: "Tịch tĩnh bình đẳng". Cựu luận giải thích rằng: "Loại Bình đẳng thứ năm này, vì loại thứ sáu chỉ có lìa các ngôn thuyết hư ngụy, tức là phán làm Bản tịch bình đẳng thứ sáu". Luận này thì không như

vậy, vì loại thứ sáu là Trí năng chiếu, cho nên loại thứ năm và thứ sáu này đều phỏng theo Chân như mà luận, sư Pháp do đó khai mở tánh Tất cánh bản tịch bình đẳng này, một câu làm thành loại thứ năm và thứ sáu Tịch tĩnh bình đẳng và Bản tịch bình đẳng, tiếp theo câu dưới là riêng trong loại Bình đẳng thứ bảy.

Hỏi: Hai loại này khác nhau thế nào?

Đáp: Như Cựu luận giải thích: "Bình đẳng thứ năm là lìa nhân của nhiễm, vì loại thứ tư và thứ ba là lìa quả của nhiễm". Luận này thì loại thứ sáu thuyết minh lìa tướng tịnh đối trị diệt, hiện tại khác nhau như thế nào? Giải thích rằng: Câu nói Tất cánh bản tịch, đều là một câu Tịch tĩnh bình đẳng thứ năm của Cựu luận và kinh nói, chính là Chân như, dưới có hiện hữu Thể sự, có thể lấy Chánh trí lìa các Hý luận, vì Bình đẳng tánh, tương đương với Cựu luận ghi: "Lìa các hư ngụy Bình đẳng", là Bản tịnh bình đẳng của Cựu luận và kinh tức là Chánh trí lìa hý luận hư ngụy.

Hỏi: Như văn của Cựu luận thì có thể thông, nhưng như Bản tịnh của kinh thì Chân như làm sao thông với loại thứ sáu này là Chánh trí?

Đáp: Như kinh cũng là Chánh trí, vì chiếu Bản tịch cho nên gọi là Bản tịch, không phải Thể là Bản tịch. Lại nữa, một câu giải thích hiện hữu Thể sự v.v... này, là loại thứ bảy trong kinh, không có Hý luận bình đẳng, tương đương với loại thứ tám trong Cựu luận và kinh, tức là Chánh trí. Tất cánh bản tịch thứ năm và thứ sáu khai thị như trước. Tánh Bình đẳng xa lìa tất cả tạo tác và thủ xả, ngay tại tánh Bình đẳng của các phiền não chúng khổ Tạp nhiễm và Ly hệ giải thoát này, tương đương với loại Thủ xả bình đẳng của Địa trì luận, tương đương với Vô thủ xả v.v... loại thứ tám của kinh, hoặc căn cứ theo kinh mà lấy Tất cánh bản tịch làm hai thứ thù thắng, hoặc hợp chung làm một, tức là khai mở chữ "cố" này làm hai, tuy nhiên không y theo văn kinh, ý trong đây là phiền não chúng khổ được giải thoát, tất cả thủ xả đều bình đẳng. Phân biệt Sở chấp cảnh giới tự tánh, như huyễn hóa v.v... vì tánh Bình đẳng.

Địa trì ghi: "Chín là cảnh giới Vọng tướng, như huyễn hóa bình đẳng", kinh ghi: "Thứ chín là Huyễn hóa bình đẳng, phá pháp Định vô minh, Tín như huyễn hóa", tức là Biến kế sở chấp, nắm lấy pháp của Sở duyên, tức là Y tha, những thứ này như huyễn bình đẳng, là tự tánh Sở hành của Vô phân biệt trí, vì Hữu và Vô không có hai tự tánh bình đẳng.

Địa trì ghi: "Mười là cảnh giới Vọng tướng Hữu vô không có hai bình đẳng", kinh ghi: "Hữu vô không có hai bình đẳng, tức là song phá

Hữu và Vô”. Hoặc Hữu vô của Biến kế sở chấp đều là Phi hữu cho nên gọi là không hai, tức là Chân như. Đó là mười loại pháp Bình đẳng tánh.

Luận ghi: “Y theo Duyên mà khởi Trí, có thể dẫn phát Không, Vô nguyện, Vô tướng, Giải thoát môn”, là quán Duyên khởi sinh diệt, Vô ngã, là Không hạnh, vì có đạo lý Sinh diệt vô thường lưu chuyển, và đắc Vô vi của Đoạn gọi là Vô tướng hạnh; vì là Hữu lậu vô vi có thể chán hoại sâu xa, không sinh mong cầu, cho nên gọi là Vô nguyện, là ý trong đây.

Luận ghi: “Bồ-tát như vậy khéo đối với đối với Tháng nghĩa lãnh thọ ghi nhớ, hữu tình như lý thông đạt phiền não trói buộc v.v... cho đến hoặc phải vĩnh viễn diệt tất cả Hữu vi”, là Bồ-tát khéo đạt Chân như, bi mẫn hữu tình, vì biết phiền não trói buộc nhiều duyên hội hợp, lìa Ngã, Ngã sở và các nhiễm ô không phải lìa phiền não, ngoài các duyên hội hợp ra, thì riêng có hệ phược hữu tình, vì biết như vậy cho nên không nhiễm sinh tử mà trụ tại Niết-bàn, vì thương xót hữu tình cho nên không chịu diệt tất cả Hữu vi, không chịu nhập Niết-bàn, chịu nhập sinh tử để giáo hóa hữu tình, là ý trong đây.

Luận ghi: “Như vậy Bồ-tát trụ trong Trụ này, trí và bi đeo đuổi theo nhau, gọi là Vô trước trí hiện tiền, Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền v.v...”, vì trí không chấp trước hiện tiền thì không nhiễm sinh tử, vì trí Bát-nhã hiện tiền thì không nhập Niết-bàn, loại trước là Chánh trí, loại sau là Hậu đắc trí, cũng đều thông với hai Trí, lại đắc hai hạnh riêng khác của Trí và Bi.

Luận ghi: “Đối với tất cả loại Thánh giáo của chư Phật, tất cả ngoại đạo và chư ma quân v.v... không thể kéo dẫn đoạt lấy”. Tại sao trước Sơ địa không phải chỗ kéo dẫn của người khác? Từ đây về sau luận điều đó. Lại còn nghĩa trước Sơ địa, là Chân như giáo không phải người khác kéo dẫn, hoặc tất cả giáo không phải người khác kéo dẫn, tức là tổng tưởng Phi tha dẫn, Phi tha dẫn của Biệt tướng. Luận này đối với tất cả loại Thánh giáo phi tha dẫn là Phi tha dẫn trong Biệt Tướng. Hiện tại trong Địa này, có thêm lưu ly bảo châu đối với các vật dụng ở trước mà trang nghiêm lên, tức là tất cả Địa, căn cứ theo đây mà nên biết.

Luận ghi: “bốn Phong luân”, hoặc là Phong của tứ phương. Lại nữa, luận này là mười một đoạn căn cứ theo pháp, cũng phân phán phối hợp với Địa thứ bảy.

Luận ghi: “Đã đắc Diệu phương tiện tuệ, chỗ dẫn thế gian Bất

cộng với tất cả hữu tình mà chung với tất cả Tấn đạo thắng hạnh của thế gian v.v...", đây là mười loại Tuệ, có thể cùng với Địa thứ tám làm phương tiện, cho nên gọi là Phương tiện tuệ. Làm sao biết được?

Luận ghi: "Tấn đạo thắng hạnh", Tấn đạo thắng hạnh này khởi Hữu tướng hạnh mà duyên sự tướng, vì có sai biệt cho nên gọi là thế gian, vì không phải chỗ triền nhiễu của phiền não nghiệp cho nên gọi là Bất cộng, vì Thể là Vô lậu, vì hữu tướng, cũng gọi là Cộng. Là chỗ không thể hành của hữu tình, vì Vô lậu cho nên gọi là Bất cộng, khởi duyên sự tướng cho nên gọi là Cộng. Thế gian khởi Địa sau và Tiền phương tiện mà tu, vì Tấn đạo của Địa sau cho nên gọi là Tấn đạo thắng hạnh.

Luận: Trong giải thích mười loại Diệu phương tiện, nói: "Nương vào hứng cảm năng khởi thế gian nhiếp thọ phước đức, nương vào lợi ích an lạc Tăng thượng ý lạc của hữu tình v.v... cho đến nương vào thân ngữ tâm trí của chư Như Lai v.v...", trong kinh Thập Địa, mười loại này phân riêng làm bốn loại, loại thứ nhất gọi là Thân tài nhân sự, loại thứ hai gọi là Hộ ác nhân sự, loại thứ ba gọi là Hộ thiện nhân sự, bảy loại sau gọi là Hóa sinh nhân sự. Luận này ghi: "Nương vào hứng cảm năng khởi thế gian nhiếp phước đức", là Thân tài nhân sự thứ nhất của kinh nói, có ý là nương vào nhân duyên hứng cảm năng khởi thế gian mà Bồ-tát tu hành để nhiếp thọ phước đức.

Luận ghi: "Nương vào lợi ích an lạc Tăng thượng ý lạc của hữu tình", là kinh nói Hộ ác nhân sự thứ hai, là phần nhiều đối với hữu tình mà khởi ác, hữu tình là ác nhân, hiện tại vì lợi ích an lạc Tăng thượng ý lạc, đối với hữu tình kia gọi là Hộ ác nhân sự, mà không khởi ác.

Luận ghi: "Nương làm Bồ-đề phước đức tư lương, pháp Bồ-đề phần mà thắng tấn mãi về sau", tương đương với kinh nói Hộ thiện nhân sự thứ ba, Vô học Bồ-đề gọi là Quả sự, hiện tại làm quả này là phước đức tư lương và Bồ-đề phần, trong nhân đó, tinh tấn mãi về sau gọi là Hộ thiện nhân sự, là bảo hộ khiến cho tăng trưởng.

Luận ghi: "Nương theo Bất cộng Thanh văn, nương theo Bất cộng Độc giác", là lấy bảy loại sau tương đương với kinh nói Hóa sinh nhân sự thứ tư, trong loại thứ tư của kinh nói có bảy thứ, tức là bảy loại phương tiện. "Bất cộng Thanh văn Độc giác", tương đương với kinh nói Nguyện thứ nhất trong bảy loại, nắm lấy tam hữu của thế gian mà sinh. Kinh ghi: "Rốt ráo viễn ly ba cõi mới có thể ứng hóa khởi ba cõi hạnh". Nhị thừa thì không như vậy, vì là Bất cộng.

Luận ghi: "Nương vào hữu tình giới", tương đương với kinh nói

Thuyết đối trị thứ hai, cho nên kinh ghi: "Tịch diệt chủng phiền não triền, mà làm cho chúng sinh khởi diệt tham v.v...", cho nên biết hữu tình giới bị sinh nhiễm hoặc, đó là Thuyết đối trị thứ năm trong mười thuyết.

Luận ghi: "Nương vào chư pháp giới", tương đương với kinh nói Diệt chư chướng thứ ba, cho nên kinh ghi: "Biết pháp như huyễn mộng v.v... mà khởi vô lượng sự nghiệp hóa độ", tức là biết tất cả pháp giới đều là như huyễn, trừ khắp các kế chấp mà khởi vô lượng sự nghiệp hóa độ, gọi là Diệt chướng. Diệt sở tri chướng tương đương với kinh nói loại thứ sáu trong mười loại.

Luận ghi: "Nương vào chư thế giới", tương đương với kinh nói Đại pháp tập thứ tư của bảy thứ trong mười loại, cho nên kinh ghi: "Khéo biết quốc độ như hư không mà khởi, để trang nghiêm Phật độ. Xứ của Đại pháp tập sinh gọi là Đại pháp tập, là bảy thứ trong mười loại.

Luận ghi: "Nương vào thân tướng của chư Như Lai", tương đương với kinh nói Thân cận tập thứ năm, cho nên kinh ghi: "Biết Pháp thân của Phật không có thân, mà khởi hạnh Sắc thân trang nghiêm", chứng chỗ hiển Chân như của hai Không, khởi Sắc thân hạnh, quán Cận pháp thân, gọi là Thân cận tập, là loại thứ tám trong mười loại.

Luận ghi: "Nương vào ngữ trí của chư Như Lai", tương đương với kinh nói Chuyển pháp luân thứ sáu, cho nên kinh kia ghi: "Biết âm thanh của Phật là vô thanh mà có thanh, tùy sinh khởi Âm thanh hạnh, vì khởi hạnh này cho nên rốt ráo có thể chuyển pháp luân, là loại thứ chín trong mười loại.

Luận ghi: "Nương vào tâm trí của chư Như Lai", tương đương với kinh nói khéo giải thích chỗ hỏi thứ bảy, cho nên kinh ghi: "Biết Phật trong một niệm, thông các sự ba đời, mà trí khéo phân biệt, biết kiếp số tu hành, Phật đối với chỗ hành, tùy theo chỗ câu hỏi, có thể khéo giải thích", là loại thứ mười. Các loại này đều nhân theo hành hạnh này, có thể pháp này chiêu cảm Phật quả.

Luận ghi: "Bồ-tát và mười loại kia cùng chung tương ưng cho nên liền có thể thông đạt vô lượng vô số cảnh giới của Như Lai và Bồ-tát kia khởi Vô công dụng, Vô tướng, Vô phân biệt, Vô lượng phân biệt, quán vô lượng cảnh giới của Phật, khởi không gián đoạn, không khuyết, tinh cần tu học, tất cả uy nghi đi, đứng, tác ý, tất cả Phần vị không xa lìa đạo", ý này là cùng với mười loại Phương tiện tuệ trước tương ưng chung, có thể đạt tất cả cảnh giới của Như Lai, vì chỗ hành xứ của tuệ trước là cảnh giới của Phật. Lại nữa, vì cảnh giới của Phật khởi Vô công

dụng, Vô tướng, Vô biến kế chấp phân biệt, Vô lượng Hậu đắc trí Y tha phân biệt, quán cảnh giới của chư Phật, khởi không gián đoạn, không khuyết, thường tinh cần tu học tất cả uy nghi đi, đứng và tác ý, không lìa tâm khẩu thân mà khởi hạnh như vậy, đối với tất cả hạnh của Phần vị, là đạo không xa lìa. Vô công dụng, Vô tướng này quán cảnh giới của Phật là đạo. Đi, đứng và tác ý trong uy nghi, tất cả Phần vị đều không xa lìa. Văn kết bên dưới ghi: "Thông đạt cảnh giới của Như Lai Phật, khởi không gián đoạn, không khuyết, vì siêng cần gia hạnh".

Luận ghi: "Trụ thứ tám kia xưa nay thanh tịnh, Trụ thứ bảy này cũng gọi là tạp", vì Địa thứ tám là Vô Công dụng cho nên xưa nay thanh tịnh, Địa thứ bảy vì Hữu công dụng cho nên gọi là tạp.

Luận ghi: "Cùng với Thanh tịnh trụ làm dẫn đường trước cho nên phải nói rằng Trụ này gọi là Bất nhiễm ô, cũng còn chưa đắc cho nên phải nói Trụ này tùy theo Tạp nhiễm ô", là Căn bản vô tướng trong Địa thứ tám, Địa thứ bảy này thì mới đắc Vô tướng, là dẫn đường trước cho Địa thứ tám cho nên gọi là Bất nhiễm, chưa đắc Căn bản vô tướng, cũng còn Hữu công dụng, có chỗ mong cầu, chưa có thể mặc tình tùy ý vô tướng, cho nên tùy theo tạp nhiễm.

Luận ghi: "Trong Trụ của luận này, tất cả tham v.v... thượng thủ phiền não đều được trừ đoạn, phải biết Trụ này không phải có phiền não, không phải lìa phiền não, vì tất cả phiền não không hiện hành, cho nên sự mong cầu Phật trí chưa đắc", Trụ này là tất cả tham v.v... đều được đoạn trừ, căn cứ theo tâm Địa mãn, không phải tâm Nhập địa mà đoạn Hoặc như vậy. Như Phật Địa luận, tự sẽ phân biệt. "Phải biết Trụ này không phải có phiền não" trở xuống, giải thích rằng vì tất cả phiền não không hiện hành, theo Địa mãn mà luận thì cũng như giải thích trước. "Không phải lìa phiền não" trở xuống, giải thích rằng có Phật trí nhưng chưa đắc, vì do có Tương tợ ái, vì ái Phật và chấp Bồ-tát còn tồn tại. "Không phải phiền não" trở xuống, các văn đều nói vì có Gia hạnh cho nên hành được viên mãn.

Luận ghi: "Đối với tất cả Tĩnh lự v.v... pháp Bồ-đề phần đều có thể hiện tiền, do tướng tu hành hiện tại cho nên không phải, do an trụ Phần vị của Dị thục như Địa thứ tám", ý trong đây là các Tĩnh lự v.v... trong Địa thứ tám như Dị thục vị không cần Gia hạnh, mặc tình tùy ý hiện tiền. Hiện tại trong Địa này chưa có thể mặc tình tùy ý như Dị thục trụ thứ tám, vì là Hữu công dụng cho nên các Tĩnh lự mới có thể hiện tiền, vì do tu hành tướng hiện tại.

Luận ghi: "Khó có thể biết rõ tất cả phân biệt hiện hành tùy theo

thân ngữ ý nghiệp đều an trụ mà không xả ly”, do có phân biệt vi tế chậm, khó có thể biết rõ thô phân biệt, cho nên gọi là Vô tướng. Địa tiền v.v... có thô phân biệt cho nên gọi là Hữu tướng, các phân biệt này đều tùy thuận với tám Phân biệt của Bồ-đề, cho nên không xả ly.

Luận ghi: “Lại nữa, chỗ nhập Diệt định trong Trụ thứ sáu của hàng Bồ-tát, hiện tại là niệm niệm năng nhập trong Trụ này”, Năng nhập này trong Khảo lược ghi: “Niệm niệm năng nhập, không phải Bồ-tát thật có Năng nhập, vì khởi tâm hóa độ chúng sinh mà nương vào Niệm niệm định nhập, đáng lẽ không làm lợi chúng sinh”, cho nên biết lấy Khảo lược để làm luận.

Hỏi: Tại sao chỉ nói Địa thứ sáu, không nói năm Địa trước?

Đáp: Ảnh hiển năm Địa trước, là khi nói Địa tối hậu thì kiêm gồm bao quát các Địa trước, mười hai đoạn văn trong đây như văn kết, căn cứ theo phối hợp mà biết, chỉ có Địa thứ năm là có Gia hạnh. “Hạnh viên mãn nhiếp”, xem văn trên thì tương tợ cùng với Điên đảo thứ tư kết với Địa thứ tư, thứ năm này là Địa thứ năm hợp chung tại Địa thứ tư, sư Pháp nói: “Địa thứ năm này có Gia hạnh hành viên mãn nhiếp”, tức là trong Trụ này, tất cả tham v.v... đều trừ đoạn, vì có Gia hạnh hành viên mãn, nguyên nhân đoạn trừ các Hoặc lại là y theo đó mà trị, tổng kết không phải Địa thứ tám của điên đảo pháp.

Luận ghi: “Là hàng Bồ-tát trong Vô tướng trụ thứ nhất đã đắc mười loại Nhập nhất thiết pháp nghĩa trí thứ nhất”, như sư Viễn giải thích rằng: “Tất cả pháp Vô sinh, có mười thứ được giải thích, Trí vô sinh gọi là Nhập trí”. Luận này lại ghi: “Nhất thiết pháp nghĩa thứ nhất, là chỗ trừ hai chấp hiển Chân như”, luận này thuyết minh trừ hai chấp và chỗ hiển Chân như, gọi là Nhập nhất thiết pháp nghĩa trí thứ nhất.

Luận ghi: “Là y ba đời như chỗ thích ứng của nó” trở xuống, nêu ra mười tướng, như văn của Địa trì luận, không phải giải thích riêng của các nhà làm sớ, văn này thì đủ nhưng không đủ mười pháp, mười pháp là: Y ba đời, như chỗ thích ứng của nó; Tùy ba đời, vì có kế chấp này cho nên tùy chỗ thích ứng, mười loại này đều trừ Biến kế sở chấp:

1. Kế chấp Hữu thứ nhất: Tất cả các pháp xưa nay là Hữu, xưa nay là Hữu sinh. Luận này phá rằng: “Xưa nay là Vô sinh”, kinh ghi: “Vô sinh”.

2. Kế chấp Hữu thứ hai: Tất cả pháp hiện tại và vị lai có khởi. Luận này phá rằng: “Vô khởi, Vô thành”, kinh đồng luận này.

3. Kế chấp Hữu thứ ba: Ngay trước Bản lai pháp nhĩ là Hữu tướng. Luận này phá rằng: “Vô tướng”, kinh đồng luận này.

4. Kế chấp Hữu thứ tư: Có sáu cõi Tự tại thiên v.v... vì làm nhân v.v... cho nên vị lai có thành. Luận này phá rằng: "Vô thành", kinh ghi: "Không có xuất hiện".

5. Kế chấp Hữu thứ năm: Hoại kiếp quá khứ có hoại. Luận này phá rằng: "Vô hoại", kinh ghi: "Không mất".

6. Kế chấp Hữu thứ sáu: Bác Chân như là Phi hữu. Luận này phá rằng: "Y theo nghĩa thứ nhất thì rốt ráo ly ngôn, các Sự tự tánh là Hữu", kinh ghi: "Không cùng tận".

7. Kế chấp Hữu thứ bảy: Thể của tất cả các pháp là Thật hữu. Luận này phá rằng: "Tự tánh của Ngôn thuyết, Tạo tác, Ảnh tượng, do Thể tướng, do Nhân tướng, đều không có Sở hữu để nói, chỉ là Nhân quả, không phải là Thật hữu", kinh ghi: "Không nhiễm".

8. Kế chấp thứ tám: Tất cả duyên khởi tạp nhiễm tại nhân thời thì có nhiễm lưu chuyển, tại quả thời thì có ngừng dứt. Luận này phá rằng: "Tức là do Thể tánh tạp nhiễm như vậy, không có tánh lưu chuyển, không có tánh ngừng dứt, vì đều là hư huyễn, đều là Vô sở hữu, không có lưu chuyển, không có ngừng dứt", kinh ghi: "Tự tánh không sinh".

9. Kế chấp Hữu thứ chín: Tất cả các pháp do vô trí tà chấp làm nhân, sơ thời, trung thời và hậu thời, tất cả thời đều là tạp nhiễm. Luận này phá rằng: "Nương vào vô trí tà chấp này làm nhân, đối với các sự hữu thể ly ngôn kia, tất cả phần của sơ trung hậu vị đều nhiễm, nói rằng Bình đẳng tánh do Chân như lý thì các nhiễm đó đều bình đẳng", kinh ghi: "Niệm thiện không tư duy".

10. Kế chấp Hữu thứ mười: Chỉ có trí Vô lậu mới có thể trừ các Hoặc. Luận này phá rằng: "Trí kia nương vào Chân như, chứng nhập Vô đảo thì không có phân biệt, vì tánh bình đẳng, cho nên có thể trừ tạp nhiễm, là nói rằng nương vào duyên Chân như thì sinh trí Vô lậu, vì Vô phân biệt cho nên có thể trừ các Hoặc, không phải chỉ nương vào trí", kinh ghi: "Tác nghiệp vô sinh". Những câu này đều là sư Pháp nói, còn sư Viễn cho rằng: "Là đối với ba đời", đây là Địa thứ tám, bảy Địa về trước làm quá khứ, Địa đang hiện hành thì gọi là hiện tại, còn lại hai Địa sau thì gọi là vị lai. Bốn loại đầu tiên của đời này phải phối hợp với ba đời, nghĩa của nó như thế nào? Đối với quá khứ thì có hai loại đầu, là Vô sinh và Vô khởi, hiện tại là Vô tướng, vị lai là Vô thành, quá khứ phân làm hai Địa, Sơ địa gọi là Sinh, Địa thứ hai đến Địa thứ bảy gọi là Khởi. Nói Vô sinh, là không có tịnh pháp của Sơ địa sinh khởi. Vô khởi, là không có sự sinh khởi của Địa thứ hai trở đi, Khởi tức là khởi hóa độ hai Địa này, là trừ kế chấp quá khứ. Nói Vô tướng, là chấp Địa thứ tám

đang hiện hành có tướng Vô sinh pháp nhẫn, bây giờ trừ chấp tướng này nói là Vô tướng, tức là hiện tại. Nói Vô thành, là nói không có Địa thứ chín trở đi cho đến thành Bồ-đề của Phật, có các chấp thành Bồ-đề này, bây giờ đều trừ nó. Cựu luận chỉ có bốn loại này, không có ba loại kế tiếp, chỉ có ba loại sau. Tổng quát trong mười loại này, phần lớn phán tùy theo nhau làm bốn loại, bảy loại đầu gọi là Sự vô sinh, một loại kế tiếp là Tự tánh vô sinh, một loại kế nữa là Số sai vô sinh, một loại sau cùng là Tác nghiệp vô sinh, các loại này đều như kinh mà xem xét.

Luận ghi: "Vượt qua Tạp thanh tịnh trụ thứ bảy thì được nhập Thuần thanh tịnh trụ thứ tám", vì tâm Hữu lậu ngăn cách gọi là tạp, thuần Vô lậu thì gọi là thuần tịnh. Địa thứ tám này trở lên tương tục là theo nhà giải thích, Địa thứ bảy là Hữu công dụng cho nên gọi là tạp, Địa thứ tám là Vô công dụng cho nên gọi là thuần. Nói ngăn cách và không ngăn cách, là Địa thứ tám này trở đi, tâm Hữu lậu gián đoạn mà khởi là theo các nhà luận nghĩa.

Luận ghi: "Trụ trong Trụ này, đối với Vô sinh nhẫn mà chứng đắc Tối cực thanh tịnh nhẫn thứ nhất".

Hỏi: Sơ địa cũng đắc Vô sinh nhẫn, thì Trụ và Địa này có gì khác?

Đáp: Như Hiển Dương quyển 6 ghi: "Vô sinh nhẫn có ba loại, Tánh sở chấp gọi là Bản lai vô sinh nhẫn, Y tha gọi là Tự nhiên vô sinh nhẫn, Viên thành thật gọi là Khổ cấu vô sinh nhẫn, vì Sơ địa đó chứng đoạn hai Phân biệt chấp thì gọi là đắc Bản lai vô sinh nhẫn. Địa thứ tám trở đi, chân và tục song hành, đắc hai Vô sinh nhẫn là Tự nhiên và Khổ cấu. Lại nữa, Địa thứ tám trở đi chứng Nhất vị thuần, vì quán Chân như cho nên gọi là đắc Khổ cấu vô sinh trở về trước, và chứng đắc các Vô sinh nhẫn khác. Lại nữa, đắc Phần đoạn vô sinh nhẫn trở về trước, từ Địa thứ tám trở đi chứng Biến dị vô sinh nhẫn. Lại nữa, Sơ địa v.v... không nhập ác đạo Vô sinh nhẫn, Địa thứ tám trở đi không phải tâm Hữu lậu gián đoạn sinh Vô sinh nhẫn.

Luận ghi: "Như thật trí này từ Thắng giải hạnh trụ, cho đến Gia hạnh hữu công dụng Vô tướng trụ chưa cùng cực thanh tịnh, hiện tại trong Trụ này thì đã cực thanh tịnh".

Hỏi: Tại sao không luận bốn Tầm tư?

Đáp: Vì Tầm tư là nhân, không phải Vô sinh nhẫn, vì chỉ là Hữu lậu. Như thật trí thì thông với Vô lậu, là Thể vô sinh nhẫn của Địa thứ tám này.

Hỏi: Hai đoạn văn trước giải thích lại trí Vô sinh nhẫn, đoạn văn

này thì thế nào?

Đáp: Là hàng Bồ-tát do bốn Tầm tư, đối với tất cả pháp đã Chánh tầm tư, hoặc có khi đạt được bốn Như thật trí, cho nên biết trí này tức là Thể của Nhẫn. Câu nói "đã có Tầm tư rồi", do đó mà biết Tầm tư không ở tại Địa thứ tám trở đi, vì không có tâm Hữu lậu, trở về trước đều có tâm Hữu lậu, Hậu đắc trí của nó chỉ tương tợ tạo tác nghĩa, không có phương hại đến sự tạo tác thật của nó.

Hỏi: Tầm tư chỉ có Hữu lậu ý, Dục dẫn sinh Vô lậu Như thật trí, trí Vô lậu đã nhiếp pháp thì tức là Như thật, thì tại sao lại khởi Tầm tư quán?

Đáp: Dẫn sinh trí Vô lậu là giả thiết khi tạo tác, chỉ lập là tương tợ không phải tạo tác thật.

Luận ghi: "Ngay trong pháp môn lưu, được chư Như Lai giác ngộ khuyến tu đạo, truyền dạy ban cho vô lượng sự nghiệp dẫn phát môn trí tuệ, thần thông", trong Địa này, mười phương chư Phật hành đại khuyến tu, khuyến tu là Bồ-tát, như kinh rộng nói.

Hỏi: Trụ này, Bồ-tát không có công dụng, thế nào lại giả khuyến tu?

Đáp: Đã đắc Vô tướng, thì gọi là phần nhiều nhập Vô tướng, không ưa thích tấn tu, chư Phật bảy lần khuyến tu khiến cho khởi Vô tướng quán, đã khởi Vô tướng quán rồi thì tự nhiên như Dị thục, mặc tình tùy ý thắng tấn, không chờ gia hạnh.

Luận ghi: "Như vậy được chư Phật giác ngộ khuyến hành đạo, dẫn phát vô lượng phân thân diệu trí", tức là dẫn phát khiến cho sinh năm phần Pháp thân.

Địa thứ chín: Luận ghi: "Là hàng Bồ-tát đối với Thậm thâm trụ không sinh vui mừng đầy đủ, lại đối với Tăng thượng trí thù thắng tánh ưa thích tiến nhập".

Hỏi: Trong tám Địa trước trừ bốn Tai thì Địa thứ hai trừ đoạn rồi, đối với Thanh tịnh trụ của Địa trên, phải tinh cần tư duy ngưỡng mộ, tại sao trên Địa này có đối với Trí thù thắng tánh mà ưa thích tiến nhập?

Đáp: Trước có chỗ mong cầu, là nhiễm pháp chấp, do Địa thứ bảy dấy khởi, Địa thứ tám thì đoạn nó. Hiện tại Địa này trong Quán vô lậu mà ưa thích Trí thù thắng, ưa thích Vô ngại giải, không phải nhiễm chấp, cho nên không đồng bốn Tai ở trước.

Luận ghi: "Hàng Bồ-tát đó trong các pháp khởi Gia hạnh tuệ vì người mà thuyết Nhất thiết chủng pháp".

Hỏi: Tại sao Địa thứ tám trở lên gọi là Vô gia hạnh, nhưng Địa

này thì lại có câu "khởi Gia hạnh trí"?

Đáp: Trong bảy Địa trước, phải siêng cần gia công tu hành mới tiến đắc, gọi là Gia hạnh, nhưng trong Phật địa thì muốn vì hữu tình mà thuyết pháp, mặc tình tùy ý mà thuyết, không phải Gia hạnh, bây giờ trụ trong thấy biết này tiến nhập giải thoát của Địa trên, không có Gia hạnh trí thì mặc tình tùy ý như Dị thục tăng thắng, nhưng khi muốn vì hữu tình thuyết pháp thì không thể mặc tình tùy ý thuyết pháp như Phật, cần phải tác ý mà khởi thuyết, tức là trong Vô lậu mà tác khởi thuyết pháp, gọi là khởi Gia hạnh trí, cho nên không đồng với trước.

Luận ghi: "Phải biết thuyết pháp trong đây là Sở hóa, là đối với tất cả hạnh gần phiền não như rừng rậm, như vậy tạp nhiễm, như vậy thanh tịnh, do tạp nhiễm này, do thanh tịnh này, hoặc Sở tạp nhiễm, hoặc Sở thanh tịnh, hoặc không phải xưa nay, hoặc là xưa nay, hoặc thông cả hai thứ, như vậy tất cả đều biết như thật", lại như Hiển Dương quyển 8 nói, phối hợp với tâm tâm pháp v.v... Vì có văn kinh là cần nên khuyến tu.

Luận ghi: "Như vậy Bồ-tát đối với phương tiện thiện xảo thuyết pháp, đối với phương tiện thiện xảo thuyết Sở tác", uy nghi của thuyết pháp gọi là đối với Thuyết thiện xảo, xứng với cơ nghi mà thuyết, gọi là đối với Thuyết sở tác. Lại nữa, Sở thuyên hợp lý gọi là đối với Thuyết thiện xảo, xứng cơ lợi vật gọi là đối với Thuyết sở tác.

Địa thứ mười: Luận ghi: "Đắc tất cả tướng của Phật, xứng với thân Diệu tòa, chư quyến thuộc", thân đắc Diệu tòa là số lượng thế giới của chư Phật bằng mười số cát sông Hằng, các tiểu Bồ-tát ngồi tòa hoa, bốn bên vây quanh gọi là quyến thuộc.

Luận ghi: "Nhất thiết hành tướng, Nhất thiết trí trí, quán rải lên đảnh", là lấy nước pháp quán rải lên đầu gọi là Nhất thiết hành tướng, đây là chỗ làm của Nhất thiết trí trí. Mỗi mỗi đều xem xét theo kinh, phần lớn có phối hợp với văn phán định.

Luận ghi: "Lại nữa, Bồ-tát này tự như vầng mây lớn, chưa hiện Đẳng giác Vô thượng Bồ-đề", Địa thứ mười có ba tâm là Nhập, Vị và Mãn. Trong Mãn tâm này, gọi là Đẳng giác Bồ-tát, Như Lai gọi là Diệu giác, đang nhập và trụ không gọi là Đẳng giác, hoặc ở tại hai tâm Nhập và Trụ gọi là chưa hiện Đẳng giác, hoặc ở tại Mãn tâm gọi là đã hiện Đẳng giác. Lại nữa, Đẳng giác là Phật, chưa hẳn là Đẳng giác Bồ-tát. Nói rằng Bồ-tát này đang tại Địa đó chưa thành Đẳng giác, cũng có thể hóa sinh, thuyết pháp như mây mưa, nếu đã thành Đẳng giác Phật rồi, thì cũng có thể hóa sinh, thuyết pháp như mây mưa. Nói rằng cùng với

Phật tương tợ, như Đẳng giác Bồ-tát gọi là Đẳng giác.

Luận ghi: "Vô số kiếp thứ ba của kinh kia", cho đến "chứng tối thượng Thành mãn Bồ-tát trụ".

Hỏi: Tại sao kinh này không nói chứng đắc Như Lai?

Đáp: Vì ba kiếp này đều ở tại nhân, cho nên không nói chứng Phật, vì ở ngoài ba kiếp của Phật. Lại nữa, trong đoạn văn thuyết minh hai kiếp ở trước đều có nói "thứ tự", nói chứng đắc Cực hỷ trụ v.v... hiện tại kiếp thứ ba của luận này không của nói "thứ tự", cho nên không nói Như lai địa, chỉ giữ lấy Địa vị của tự mình.

Luận ghi: "Hoặc chánh tu hành tối thượng thượng phẩm dũng mãnh tinh tấn, hoặc có thể chuyển nhiều trung kiếp, hoặc có v.v... cho đến chuyển nhiều đại kiếp", đây là chỉ có luận Sơ kiếp Bồ-tát, vì Địa tiền có siêu vượt. Làm sao biết được điều đó? Tức là trong giải thích ba kiếp kế trước, Sơ kiếp ở đây thường hằng dũng mãnh tinh tấn, không phải không dũng mãnh, cho nên biết Sơ kiếp có bất dũng mãnh, do đó được nói là "siêu vượt". Lại nữa, giải thích kiếp thứ hai ở trước ghi: "Kiếp này tức là quyết định, vì là Bồ-tát đắc Thanh tịnh ý lạc, quyết định dũng mãnh tinh tấn, cho nên biết hai kiếp trở đi, không có dũng mãnh, không thể nói là siêu vượt tất cả thời, vì hằng tinh tấn cho nên khởi phiền não chỉ là lợi sinh.

Luận ghi: "Lại nữa, do chỗ nói mười hai hàng Bồ-tát trụ như vậy, trải qua thời lượng ba vô số kiếp có thể vĩnh viễn đoạn tất cả chỗ có Phiền não chướng phẩm, cho đến đoạn tất cả chỗ có Sở tri chướng phẩm thô trọng v.v..." cho đến "như thứ tự của đó mà tu đoạn Tư lương", hai chướng trong đây là Phiền não chướng và Sở tri chướng, Sơ địa đã đoạn Chủng tử hiện hành của Phân biệt, gồm đoạn luôn Phiền não tu đạo của chính nó, vì khi đắc Kiến đạo thì thượng phẩm và trung phẩm phiền não nấp phục không hiện hành, chỉ có hạ phẩm còn tồn tại cho đến Địa thứ tám, lại cũng vì chế phục sự hiện hành của hạ phẩm này rốt ráo không sinh.

Luận ghi: "Địa thứ tám đoạn rốt ráo không phải là đoạn Chủng tử, tại Kim cương tâm, đoạn ba phẩm Chủng tử, Sở tri chướng của nó, Thức thứ bảy nhập quán và xuất quán trong Thập địa, hoặc khởi hoặc không khởi, ở tại Kim cương tâm mới gồm đoạn Chủng tử. Ngoài ra các Địa khác thì không thể chế phục Chủng tử hiện hành cũng không thể đoạn Chủng tử. Sở tri chướng trong Thức thứ sáu của nó, tùy theo Địa mà gồm đoạn Chủng tử cũng như Sơ địa, cũng khởi chướng hiện hành của hai Địa, khi đến Địa thứ tám không những đoạn Chướng chủng tử

của Địa này, mà cũng chế phục Hiện hành của Địa thứ chín và Thập địa rốt ráo không sinh, không phải đoạn Chủng kia mà chính trên Địa thứ tám của nó. Tâm Hữu lậu gián, là gián đoạn sinh Hữu lậu thiện tâm, không phải khởi các chướng như vậy, là ý của đoạn văn này, còn lại thì tự mình riêng từng đoạn mà giải thích nó.

Luận ghi: "Trong Cực hỷ trụ, các Phiền não phẩm của tất cả nẻo ác", cho đến "đều vĩnh viễn đoạn tất cả Phiền não của thượng phẩm và trung phẩm đều không hiện hành", sư Pháp nói: "Chỉ là nghiệp Hoặc có thể chiêu cảm, đều là khi Kiến đạo thì đoạn".

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao Câu sinh phân biệt và hai Hoặc khác nhau?

Đáp: Luận này nói "đoạn phiền não của nẻo ác", chiêu cảm nẻo ác là phiền não, phần nhiều là phân biệt. Luận này nói "đoạn", là đoạn các Phiền não câu sinh mà luận, vì sự chiêu cảm của Bất thiện nghiệp không đồng với trời người, không phải là Hoặc của Đa phần câu sinh. "Thượng trung và hạ phẩm không hiện hành", là Tu đạo hoặc, như trước đã nói. Trong Địa thứ bảy ghi: "Tất cả phiền não không hiện tiền", đây là chế phục hiện hành của hạ phẩm, như trước đã nói.

Luận ghi: "Sở tri chướng phẩm, thô trọng có ba loại, tại da, tại da non và thịt".

Hỏi: Tại sao Phiền não chướng không nói ở tại da v.v...?

Đáp: Phiền não có phẩm, lấy ba phẩm làm ba loại đó, Chướng này ở đây thì không phải như vậy, cho nên lấy da v.v... mà nói.

Luận ghi: "Các luận khác thì các Trụ tu đoạn Tư lương".

Hỏi: Sở tri chướng bị đoạn từng Địa, tại sao luận này nói Tư lương?

Đáp: Như trước đã nói, tuy đoạn Tự địa, nhưng do khởi các Hoặc của Địa sau, ba chỗ này đoạn nó, đều là Tự địa của Địa sau vĩnh viễn không hiện hành, không đồng với các Địa khác, cho nên không nói Tư lương.

Luận: Trong giải thích tám pháp nhiếp ba Thừa, trong mười ba Trụ này nhiếp ghi: "Trong Trụ thứ nhất và thứ hai, đối với Bồ-tát tạng sinh Tín thắng giải mà nghe thọ tư duy", trong hai Trụ này, tùy ý nhiếp năm pháp đầu, trong năm pháp này, đối với một câu Bồ-tát tạng mà nhiếp ba pháp đầu. Sinh Tín thắng giải nghe và thọ lãnh là Tư duy thứ tư, thứ năm và thứ tư là Văn tuệ, thứ năm là Tư tuệ, luận này thật ra là lấy các Địa sau, không phải không có năm thứ nhiếp này, nói rằng dụng trên khi tăng thì phân đồng với ngữ.

Luận ghi: "Đối với tất cả chỗ khác", cho đến "trong Hữu gia hạnh, Hữu công dụng và Vô tướng trụ mà đắc Tu quảng đại", đây là nhiếp một phần pháp thứ sáu, cùng với Sơ địa thông nhiếp Vô tướng tu thứ sáu, những pháp này đều là tu tập Vô tướng, tu như quảng đại này, không giống Sơ địa, mới đắc gọi là Tiền hành tu.

Luận ghi: "Tu quả thành mãn trong chỗ nhiếp Bồ-tát trụ của ba loại trên", đây là nhiếp pháp thứ bảy, nói là Tu thành mãn.

Luận ghi: "Trong Như lai trụ, phải biết đạt được Cứu cánh xuất ly", là nhiếp pháp thứ tám Tu thành mãn, nên xem rộng trong phẩm Công đức.

Luận: Trong giải thích vì mười hai Trụ của Thanh văn tương tợ Bồ-tát trụ, như chư Thanh văn đã chứng đắc giới ái của bậc Thánh để dứt tận các Lậu trên, tăng cõi trên Học trụ và bốn Trụ của Bồ-tát cũng vậy", Thanh văn trong đây, không phải khi đắc Sơ quả vị như Bồ-tát trụ thứ tư, Bồ-tát trụ thứ tư thì ở tại Địa thứ hai, vì lìa Sơ địa. Luận này căn cứ theo Thanh văn tại Sơ quả trong tấn thú tâm mà luận, cùng với Bồ-tát tương tợ. Lại nữa, khi Trụ quả thì cũng được tương tợ Bồ-tát, vì giới mà đắc Sơ quả cũng có, tại sao phải lấy Bồ-tát khi thuộc Sơ địa gọi là Trụ thứ tư? Giải thích trước là thù thắng, vì chỗ chờ đợi chung, chính là tâm thấp học Tuệ học. Căn cứ theo đây là tại tấn thú tâm phải biết.

Luận ghi: "Như chư Thanh văn khéo quán sát Sở tri vô tướng, Tam-ma-địa, Gia hạnh trụ, thì Trụ thứ chín của Bồ-tát cũng vậy", Tam không không có Sắc, tâm quán vi tế gọi là Vô tướng Tam-ma-địa, tức là Đệ tứ thiền tâm tiến hướng đến Tam không, là vì Gia hạnh đạo Vô tướng của Tam không, tương tợ Trụ thứ chín Bồ-tát và Thành mãn vô tướng trụ thứ mười, căn cứ theo Tam không, như lý có thể hiểu.

Luận ghi: "Như chư Thanh văn, từ Tam không này đã xuất rồi thì nhập Giải thoát xứ trụ, Bồ-tát trụ thứ mười một cũng vậy", tức là trụ tám Giải thoát đạo và chín Vô gián đạo gọi là Giải thoát xứ, đã ra khỏi Tam không ở trước rồi thì nhập Hữu đảnh giải thoát xứ trụ này, gọi là tương tợ Bồ-tát trụ thứ mười một.

Luận ghi: "Như chư Thanh văn nói là tất cả đều tương tợ Bồ-tát trụ thứ mười hai", tức là tại Giải thoát đạo thứ chín trở đi.

TRÌ CỨU CÁNH DU-GIÀ XỨ THỨ BA, PHẨM SINH THỨ NHẤT

Trước đã thuyết minh hai Trì, đây là Trì thứ ba, là pháp sở học thứ nhất, chắc chắn phải khởi năng học hạnh, tức là Trì thứ hai, đã có học hạnh rồi thì liền có quả lợi, tiếp theo là phân tích quả của Bồ-tát thọ sinh, tức là chỗ toại ý đều nhân theo tâm, cho nên nói: Cứu cánh Du-già xứ. Trì này có năm phẩm nhiếp Sinh, vì làm đầu cho nên gọi là thứ nhất.

Luận: Trong giải thích Tăng thượng sinh, nói: "Tối sơ trụ làm chuyển luân", thứ nhất là trụ làm vua của một thiên hạ, thứ hai là trụ làm vua của bốn thiên hạ, cho đến thứ tám làm chủ tiểu Thiên giới, thứ chín làm chủ của hai Thiên thế giới, thứ mười Bồ-tát sinh vào Ma-hê-thủ-la thiên, tức là Tịnh độ nhưng thật ra là trụ khoảng giữa của hai cõi dưới, vì nghiệp Vô lậu sinh cho nên gọi là Sắc cứu cánh thượng. Đây là căn cứ người chưa đắc thân Thọ dụng của pháp giới mà luận.

Luận: Trong giải thích Tối hậu sinh, sư Pháp nói: Hữu kinh ghi, Phật bảo Từ Thị: "Sự sinh vào nhà Bà-la-môn của ông, và sự sinh vào nhà Sát-đế-lợi của Ta, Ta từ bên hông phải mà sinh, ông thì từ trên Đảnh hóa sinh, Ta thọ tám mươi tuổi, ông thì sáu vạn tuổi v.v...", điều này Hữu kinh cùng với Di-lặc kinh trái nhau, hãy xem câu hỏi.

Luận ghi: "Chỉ trừ Phàm địa Bồ-tát thọ sinh, đây là lấy Hữu trí Bồ-tát làm năm Sinh", có hai thuyết:

1. Đây là lấy Trụ thứ hai, Bồ-tát Thập trụ trở lại chưa nhập tăng-kỳ thì không gọi là Hữu trí.
2. Chỉ lấy Sơ địa Bồ-tát trở đi gọi là Hữu trí.

Ý nghĩa giải thích thứ nhất là thù thắng, vì tám tướng Thành đạo của Thập trụ Bồ-tát. Lại nữa, Tăng thượng sinh, chỉ nói là Sơ địa, cho nên biết là lựa riêng với các Địa khác, Sinh thông với Trụ, cho nên Hữu trí lấy giải thích trước làm thù thắng.

PHẨM NHIẾP THỌ THỨ HAI

Đã thọ kiếp sống thù thắng, tự lợi viên mãn rồi, tiếp theo là lợi ích vật, cho nên gọi là phẩm Nhiếp thọ.

Luận: Giải thích rằng: "Bồ-tát như vậy đối với chư hữu tình, khi nhiếp thọ chuyển không điên đảo, thì phải biết là gặp gỡ, lược có mười hai loại trong Sự gian nan, dưới có Năng trị. Thiện xảo phương tiện của mười hai loại này, thứ nhất là mười một câu "Thứ đệ", mỗi cặp là một Sở trị, câu thứ mười một giải thích Sự gian nan của câu thứ mười một và thứ mười hai.

Luận ghi: "Hoặc trong đó phải quán nặng nhẹ, như chỗ thích ứng của nó mà khởi phương tiện", tức là loại thứ nhất nên biết. "Hoặc là trong đó phải thẩm sát chọn lựa Bổ-đặc-già-la", tức là loại thứ hai. "Do thẩm sát chọn lựa hữu tình ở trước, cho nên lời nói nhu nhuyến, tự mình không khởi phiền não, hoặc trong đó phan duyên dũng mãnh nhiếp thọ nhân chuyển", tức là loại thứ ba, tuy vật kham chịu ít ỏi, nhưng vận tâm phan duyên ban bố khiến cho khởi khắp mà nhiếp thọ nhân chuyển. "Hoặc phát chánh nguyện", tức là loại thứ tư, tuy không có năng lực nhưng rộng vì các sự kinh doanh, đều phát chánh nguyện, sau đó có khi làm thì rộng vì trợ giúp kinh doanh. "Hoặc trong đó, chế ngự tâm đó không để cho lưu tán", tức là loại thứ năm, các sự thọ lạc phần nhiều là nhiễm ô phóng dật, nhiếp tâm không cho tán động thì có lìa lưu tán. "Hoặc trong đó an trụ tâm đó", tức là loại thứ sáu, không có khả năng lợi sinh an tâm, mà cung kính làm tương đương với quả tâm sau đó. "Dũng mãnh tư duy chọn lựa", tức là loại thứ bảy, khởi tâm tư duy chọn lựa thì có thể nhiếp các thứ, không thể nhiếp thì buông xả. "Không sinh chán mệt mà tự an nhẫn", tức là loại thứ tám, có thể biết được. "Hoặc trong đó mà hành buông xả", giải thích trước là ý thứ mười, vì đối với vật này mà buông xả, không nên sinh tâm bảo thủ mà thủ lấy bố thí, hoặc đây là giải thích loại thứ bảy ở trước, Sinh này có thể xả, Dũng mãnh tư duy chọn lựa ở trước hợp chung giải thích loại thứ tám. "Hoặc trong đó phát cần tinh tấn mạnh mẽ không biếng lười", thứ tự lại giải thích loại thứ chín ở trước, có thể biết được, hoặc lấy hạnh buông xả trước này để giải thích loại thứ bảy ở trước, đây tức là hợp chung giải thích loại thứ chín và loại thứ mười. "Hoặc trong đó Thiện xảo phương tiện", tức là giải thích đối trị thứ mười một ở trước, có thể biết được. "Mà chánh tu hành", là giải thích loại thứ mười hai, có thể biết được, hoặc có giải thích đối trị ở trước, như trước mà phối hợp. "Hoặc trong

đó mà an trụ tâm đó” trở xuống, cho đến “mà tự an nhẫn” trở lại, là giải thích đối trị thứ sáu ở trước. “Hoặc trong đó mà hành buông xả”, là giải thích câu đối trị thứ bảy ở trước. “Hoặc trong đó mà phát động tinh tấn không giải đãi”, là giải thích ba câu thứ tám thứ chín và thứ mười, trong đây tinh tấn là một, mạnh mẽ là hai, không biếng lười là ba, như thứ tự làm ba loại. “Hoặc trong đó Thiện xảo phương tiện mà chánh tu hành”, là hợp chung giải thích loại thứ mười một và thứ mười hai, giải thích như trước có thể biết. Nếu y theo Địa trì thì Năng đối trị trong đây có chín câu, không thể y theo đó mà xem xét.

BẢN LUẬN 49
PHẨM ĐỊA THỨ BA

Phẩm thứ ba của Trì thứ ba, trước thuyết minh Lợi Sinh, sau thuyết minh địa vị thù thắng, y theo Phần vị sai biệt của Bồ-tát, y như Địa đó, cho nên nói là phẩm Địa. Lại nữa, đức của Ngã làm thành xứ, có thể kham được thọ sinh, cho nên gọi là Địa.

Luận: Trong giải thích bảy Địa, nói: "Như Lai thứ bảy v.v... tạp lập làm Địa".

Hỏi: Trước thuyết minh Địa thứ bảy chỉ ở tại Địa thứ mười, bây giờ làm sao nắm lấy cho thông?

Đáp: Thật ra thông ở trong Phật, vì trước chỉ phỏng theo nhân vị, lược bỏ không thuyết minh Phật, bây giờ thì thật sự ghi ra, cho nên kiêm lấy Phật.

Luận ghi: "Vô gia hạnh, Vô công dụng, Vô tướng trụ gọi là Quyết định địa, Địa này tùy trong Quyết định thứ ba", như Hữu xứ ở trên, thuyết minh ba loại Quyết định: một là Chủng tánh quyết định, hai là Phát tâm quyết định, ba là Bất hư hạnh tùy quyết định. Như Hiển Dương quyển 7, đồng với Chủng tánh quyết định này, tức là gốc Chủng tử Đại thừa phát tâm quyết định, là nhập Sơ địa. Thập trụ tuy cũng phát tâm nhưng chưa gọi là Quyết định. Địa thứ tám này gọi là Bất hư hạnh tùy quyết định, vì trong hạnh là Vô công dụng, mặc tình tùy ý mà làm Quyết định thứ ba này nên gọi là Quyết định thứ ba, có người giải thích thứ ba này nói là ở tại Sơ địa, luận này lấy giải thích ở trước như văn "tại Sơ địa" của Hiển Dương luận, là khi đắc Tự tại. Lại nữa, giải thích Địa thứ tám này tại a-tăng-kỳ thứ ba, như Dị thục trụ mặc tình tùy ý khởi hạnh lại không có tâm Hữu lậu ngăn cách, vì gọi là Quyết định.

Luận: Trong giải thích Nhập địa khi lìa nẻo ác, nói: "Đối với chư hữu tình sắc loại kia mà được Ai mẫn ý lạc", đây là Từ, dưới đây là Bi.

Luận ghi: "Các nghiệp nẻo ác của tất cả hữu tình, lấy Tịnh ý lạc đều nguyện thay thế hữu tình kia mà lãnh thọ", Tịnh ý lạc có hai loại: một là Vô lậu, là nhập vào các Địa trên; hai là Thắng, cho nên gọi là Tịnh, tức là trước Địa này.

PHẨM HẠNH THỨ TƯ

Trên đã thuyết minh phẩm Địa, là Sở y vị để học, tuy có Y vị, nhưng phải hành Hạnh pháp nào, cho nên tiếp theo là phân tích Hạnh, trong đây rộng thuyết minh gọi là phẩm Hạnh.

Luận ghi: "Như chỗ nói trước có mười hai Hành tướng phương tiện thiện xảo", như phẩm Bồ-đề phần ở trước đã thuyết minh, năm loại Đại nguyện cũng như phẩm đó, thật ra mười Nguyện căn cứ theo loại thù thắng mà luận, là năm mươi Lực phương tiện cũng như phẩm Lực chủng tánh.

Luận ghi: "Như chỗ nói trước hai loại vô lượng, một là Sở điều phục v.v...",

Hỏi: Tại sao lấy tên này để thành tựu Hạnh của hữu tình?

Đáp: Là chỗ thành tựu Hạnh này. Do có Hạnh này, Bồ-tát khởi hạnh mà thành tựu, cho nên kiêm gồm lấy Hạnh đó.

Luận ghi: "Phải biết trong đây, Thí v.v... mười pháp trải qua ba đại kiếp a-tăng-kỳ-da, thời gian lâu dài tu tập mới viên chứng v.v...", trong đây có ba loại Đáo bỉ ngạn:

1. Thời đáo bỉ ngạn, là ba đại kiếp.
2. Thể đáo bỉ ngạn, là biết Chân như tại nhân mà nhiễm, chưa hiển ở tại quả, để thuyết minh hiểu rõ cho nên gọi là Đáo bỉ ngạn.
3. Bồ-đề đáo bỉ ngạn, Nhị thừa gọi là nhân chưa tròn quả, Đại thừa gọi là Quả đáo bỉ ngạn. Sư Pháp lại nói: "Bồ-đề này có bốn Gia thiện căn, Đáo bỉ ngạn là Đại thừa thiện căn mới là thù thắng hơn Nhị thừa", cho nên trong đây luận rằng: "Vượt hơn tất cả Thiện căn của Thanh văn Độc giác, hoặc là có thì căn cứ theo văn luận ở dưới, chỉ có ba loại trước, vì Thiện căn có thể đắc Diệu quả, không lấy Thiện căn mà luận".

Luận ghi: "Phải biết Ba-la-mật-đa trong luận khác, đều nhiếp trong luận này", như trong kinh Tương Tục Giải Thoát, hành Biệt tướng nhiếp Phương tiện độ, là ba Bạn ở trước, Nguyện độ là Tinh tấn bạn, Lực độ là Định bạn, Trí độ là Tuệ bạn; Giác y theo kinh Thập Địa thì bốn Độ sau thông với Bạn sáu Độ trước, tức là Thiện xảo nhiếp Sinh trong sáu Độ trước gọi là Phương tiện độ; có thể tinh tấn tăng thượng gọi là Nguyện độ; Ma pháp không động gọi là Lực độ; sai biệt hiểu biết khác nhau gọi là Trí độ, tức là sáu Độ trước nhiếp, không cần luận riêng. Thật ra cũng như kinh Thập Địa và kinh Tương Tục Giải Thoát, căn cứ theo nghĩa tăng thắng mà luận.

Luận ghi: "Do tư lương, tự tánh, quyến thuộc và thủ hộ của bốn Độ trước, phải biết viên mãn hoặc là Học", phải phối hợp như thứ tự với bốn Độ trước.

PHẨM KIẾN LẬP

Nương vào Hành nhân của Địa, Hành nhân đã viên mãn, thì cần phải có quả thành tựu, đắc Quả thành mãn, tâm toại Bản tâm mà kiến lập chỗ thành tựu, gọi là phẩm Kiến lập, đây là phẩm thứ năm của Trì thứ ba.

Luận ghi: "Nương vào Như lai trụ, nêu song song hai pháp này", là nêu ra mười ba Trụ, nêu ra chỗ thuyết minh bảy Địa ở trước, Địa và Trụ nêu ra song song, nghĩa nhiếp viên mãn.

Luận ghi: "Lại nữa, tất cả Bồ-đề tư lương này lược có hai loại, là cách Bồ-đề hoặc xa hoặc gần", khi chưa đắc tướng hảo thì gọi là xa, tức là ở tại Địa tiền, nếu đắc tướng hảo thì gọi là gần, là đắc Nhập địa trở lên, nguyên nhân biết được là chỗ phân tích nhập Tịnh thắng ý lạc Địa kế trước, các tướng tùy hảo đã đắc Dị thục, cho nên biết Địa tiền chưa đắc tướng hảo Thật báo. Lại nữa, văn trong cuối quyển này ghi: "Tướng hảo gọi là Đối chủng tánh địa, chỉ có Chủng tử, nương vào thân mà trụ tại Giải hạnh địa để tu phương tiện kia, hoặc tại Thắng ý lạc địa mà gọi là Đắc, các Địa trên gọi là Thanh tịnh, ở tại Phật địa mà đắc tướng hảo thiện tịnh Vô thượng địa".

Luận: Trong giải thích bốn Thanh tịnh, Sở y tịnh thứ nhất, thì trong đây gồm lấy Tập khí của các phẩm Phiền não, đối với Sở y của tự nó không có Tập khí vĩnh viễn diệt, như Đối Pháp luận quyển 14, chỉ có lấy Trụ và Xả, không có Tập khí trước vĩnh viễn diệt, tức là Bồ-đề địa này. Trong giải thích công đức, văn đồng với Đối Pháp luận, luận này thì có ý gì? Trong luận này thì căn cứ theo Nhiếp pháp chu toàn, trong luận kia thì căn cứ theo Hữu vi tịnh, không lấy Vô vi tịnh, thật ra thì thông với Hữu vi và Vô vi.

Luận: Trong giải thích Tịnh lự giải thoát, Tạp nhiễm có hai loại, Thanh tịnh có bốn loại, cùng với chỗ nói trên trái nhau, phải biết tướng của nó cùng với hai loại Tạp nhiễm trái nhau. Trong hai loại Tạp nhiễm, mỗi mỗi đều có hai thứ, loại Tạp nhiễm thứ nhất có hai là: Vô công đức và chư Cái hiện tiền. Loại Tạp nhiễm thứ hai có hai là Tự địa phiền não triền và Tự địa tùy miên. Luận này nói là có nhân, có hai nhiễm chướng này, khi Như Lai đắc Thanh tịnh thì có bốn thứ Thanh tịnh, phải biết là ngược lại với chỗ nói trước.

BẢN LUẬN 50

Luận: Trong giải thích Hữu sai biệt và Vô sai biệt của mười Lực, "Hữu sai biệt và Vô sai biệt" là như Xứ, Phi xứ và Tự nghiệp, vì quán Thiện nhân và Bất thiện nhân cho nên gọi là Vô sai biệt. Chỉ quán Thiện nghiệp và Bất thiện nghiệp thì có thể chiêu cảm Ái quả và Bất ái quả, đó là Xứ và Phi xứ. Tự khởi Thiện quả thì tự thọ Thiện báo, gọi là Tự nghiệp lực, cho nên là Hữu sai biệt. Ngoài ra, phải biết văn dưới căn cứ theo chỗ này.

Luận: Trong giải thích pháp Không quên mất, nói: "Hoặc là Như", như văn dưới ghi: "Rộng đối với tất cả chỗ khởi phương tiện", tức là khi giáo hóa chúng sinh, mà tùy phương tiện thích nghi, thuận theo lý cho nên gọi là Như, lại cũng tức là phương tiện như vậy, cho nên gọi là Như.

Luận: Trong giải thích Nhất thiết chủng diệu trí, nói: "Hoặc trong pháp Bất thiện vô ký không có trí điên đảo, biết mà không làm, là Nhất thiết chủng trí, hoặc biết thiện mà khởi thì gọi là Diệu trí", trí trước tương tợ Hậu đắc trí, Trí sau gọi là Chánh trí, thật ra là Vô phân biệt trí. Không quán các pháp bất thiện v.v... mà chỉ khởi Thiện quán, chỉ là Diệu trí, Hậu đắc trí của nó chính là Nhất thiết chủng diệu trí. Lại nữa, Hậu đắc trí có hai loại, đều là Chánh trí thì không đúng.

Luận ghi: "Tư duy viên mãn, xe ý viên mãn", vì ý nghiệp có thể có nghĩa vận tải điều động tư lự, cho nên thí dụ như chiếc xe.

Luận ghi: "Như vậy viên mãn hiển thị tất cả Học đạo và quả Học đạo của Bồ-tát", Học đạo là Trí, Quả là Như cảnh. Lại nữa, Hữu vi của các Địa trước gọi là Học đạo, Hữu vi và Vô vi của các Địa sau gọi là quả Học đạo.

TRÌ THỨ ĐỆ DU-GIÀ XỨ THỨ TƯ

Tức là lựa riêng, như các phẩm trên, hoặc là các nghĩa thứ đệ của phẩm, tức là tự mình khám xét.

Hữu dư y địa là Tập nhân của phiền não đã tận, chỉ có các thân trí khác và Vô vi tồn tại gọi là Hữu dư y, hoặc căn thân của năm Uẩn gọi là Y, có căn thân này tồn tại gọi là Hữu dư y.

Luận ghi: "Tại sao Địa thi thiết an lập là Hữu dư y địa? Trừ một phần Vô tâm địa, Tu sở thành địa, Thanh văn địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa, trừ ra Vô dư y một Địa, toàn phần các Địa khác đều gọi là Hữu dư y", trong mười bảy Địa, như văn của luận này, toàn phần mười một Địa và ít phần năm Địa làm Thể của Địa này. Tại sao vậy? Trong năm Địa lại giống như trong Vô tâm địa, có năm vị Vô tâm: một là Vô tâm, hai là Thùy miên, ba là Vô tưởng định, bốn là Diệt tận định, năm là Nhập vô dư y Niết-bàn giới. Luận này chỉ lấy bốn vị trước, trừ Vô dư y Niết-bàn cho nên nói "một phần" là Thể của Địa này. Trong Tu sở thành địa, tu thành có hai hành vi là Hữu vi và Vô vi, Vô vi của nó là Thể của Vô dư y, luận này trừ bỏ nó chỉ lấy tu thành Hữu vi.

Hỏi: Chỉ là tu, tại sao có câu nói "Hữu vi và Vô vi"?

Đáp: Thẳng thắng mà nói Tu tuệ, tức là không lấy Vô vi. Luận này nói Tu sở thành, vì đã có câu "Sở thành" cho nên thông suốt với Vô vi. Chính các Địa của Thanh văn thuyết minh chung với bốn Đế. Trong Diệt đế của nó, có Nhân tận vô vi và Quả tận vô vi, luận này thì lựa riêng bỏ Quả tận vô vi, cho nên trừ bỏ một phần không có các Địa khác, tức là chỗ trừ bỏ toàn phần.

Hỏi: Các Địa khác cũng có, nhưng không phải Thể của Địa này, tại sao chỉ trừ ra một phần trong năm Địa?

Đáp: Từ nhiều tướng mà tùy theo, luận ghi: "Lại nữa, tùy theo hiển tướng", là trừ ra ẩn tướng của nó, vì không phải Thể của Địa này, cho nên lược bỏ không luận.

Luận: Trong giải thích A-la-hán cùng với tám Y này hoặc là Y hoặc là Tương y, nói: "Cùng với sáu sự nhiếp thọ không chung tương ưng", là cùng với sự nhiếp thọ của cha mẹ tương ưng, vì người Vô học không xả bỏ sự cúng dường cha mẹ.

Vô dư y địa là Thể của Địa này, tức là chỗ dư thừa của các Địa trước, nghĩa đó căn cứ theo trước mà hiểu.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 13
(Bản Luận 51, 52, 53)

BẢN LUẬN 51

Trong Nhiếp Quyết Trạch phần, nói: "Ý địa thứ nhất trong năm Thức thân tương ưng địa". Một bộ luận này tổng có năm phần, năm mươi quyển trước đã thuyết minh nghĩa Thể của mười bảy Địa, tức là Bản Địa phần thứ nhất, nghĩa của bốn phần sau là giải thích lại bốn phần đầu ở trước, đều gọi là Nhiếp phần này, là phần thứ nhất trong bốn phần sau, vì Nhiếp Quyết Trạch phần gọi là Quyết Trạch phần, hoặc có chỗ lấy văn để nhiếp văn, như phần Hữu ở trước, luận này giải thích lại lấy làm một phần, hoặc có chỗ lấy văn nhiếp nghĩa, như phần trước tuy nói Pháp thể, nhưng nghĩa của nó có chỗ chưa rõ ràng, luận này thuyết minh lại lấy làm một phần, như nói Nhãn giới nhiếp Nhãn giới v.v... tự thể nhiếp tự thể. Lại nữa, Trí của Sở thuyên quyết trạch chọn lựa các Địa không đồng, nhưng chọn lựa nghĩa thì đồng, lại thu nhiếp lẫn nhau, tức là lấy nghĩa để nhiếp nghĩa. Một phần giáo này là Năng thuyên quyết trạch, vì lấy Sở thuyên mà đặt tên cho nên gọi là Nhiếp cũng được, căn cứ theo Câu-xá luận gọi là Đối pháp tạng, vì nghĩa thù thắng trong Đối Pháp luận kia nhập vào Nhiếp này cho nên Nhiếp này được tên Tạng; hoặc Nhiếp này nương vào Tạng kia, từ Tạng kia dẫn sinh, là Sở tạng của Nhiếp kia cho nên cũng gọi là Tạng. Phần kia có hai nghĩa, thì phần này cũng vậy. Do nghĩa thù thắng trong Bản Địa phần ở trước nhiếp vào phần này để chọn lựa thuyết minh nó; hoặc phần này nương vào phần kia, từ Bản Địa dẫn sinh, tức là chỗ hàm chứa nghĩa của Bản Địa kia là chỗ nhiếp của phần này cho nên gọi là Nhiếp Quyết Trạch phần, cũng là lấy văn để nhiếp văn cho nên gọi là Nhiếp, đây là thuyết minh nghĩa của chữ Nhiếp. Câu nói "Quyết trạch phần", Quyết là quyết đoán, là quyết định nghi ngờ của người khác cũng được. Quyết là quyết liễu, có thể tự mình hiểu rõ. Trạch là chọn lựa, có thể chọn lựa đúng sai,

luận này thuyết minh là phá sai, cho nên nói Quyết Trạch. Tà kiến thì bác không có, chân tục tuy quyết đoán, nhưng không phải quyết trạch là Phi; Nghi tuy quyết trạch là Phi nhưng không phải quyết đoán, nói Quyết là lựa riêng với nghi hoặc, nói Trạch lựa riêng với Tà kiến. Bản Địa phần ở trước nói thẳng về Nghĩa tướng, bây giờ phải vấn đáp lại.

Hỏi: Quyết nghi và trạch yếu cho nên gọi là Quyết trạch, Cựu luận ghi: "Quyết định tạng, là Phi, luận kia thì nói là Ni, Ma-khả gọi là Quyết định, đã nói Tỳ-ni sinh thì bẻ gãy tà, luận này nói Quyết trạch thì làm sao được gọi là Quyết định tạng luận?

Đáp: Nói "trong", là lựa riêng với nghĩa Trì, trong mười bảy Địa thì lựa riêng với mười lăm Địa còn lại, nghĩa Trì thì thuyết minh hai Địa này, cho nên nói là "trong". Nói "phần", là các phần phân ra, phân riêng các khu phần, là một phần ở sau Bản Địa, ở trước Nhiếp Trạch. Nói "Ý địa của năm Thức thân tương ưng địa", như Bản Địa phần giải thích.

Hỏi: Tại sao không nói Ý thức?

Đáp: Vì danh từ đó lạm tràn, ở đây thuyết minh tâm, ý, ý thức, cho nên không đặt thức vào.

Hỏi: Nghĩa của hai chữ "tương ưng" không chỉ câu thúc trong năm Thức, tại sao ban đầu nêu ra không gọi là Ý hữu?

Đáp: Thật ra đều là Hữu, nhưng lược bỏ không nói. Lại nữa, nêu cái ban đầu ra là để hiển cái sau cùng, cho nên Ý địa không tương ưng. Lại nữa, căn cứ theo pháp thù thắng để thuyết minh năm Thức không có Chấp trì v.v... cảnh của nó thì nhỏ hẹp, cho nên chỉ nêu Tương ưng mà không nói Căn trần, trong ý kiêm gồm thuyết minh hai Thức thứ bảy và thứ tám, cả Căn trần v.v... đều thuyết minh, không thể thiên gọi là Tương ưng, cho nên lược bỏ.

Hỏi: Bản Địa phần ở trước đã khai làm hai Địa, làm sao chỗ này hợp với thuyết minh ở trước?

Đáp: Có hai ý:

1. Sáu Thức gọi là Biệt y, là chỗ y chung của sáu căn, là Bản thức, hiện tại phần này thuyết minh đầu tiên là Thức thứ tám, vì là chỗ y chung của năm Thức và sáu Thức, cho nên thuyết minh chung, phần trước phỏng theo nghĩa tự tánh của nghiệp dụng, cho nên riêng khai làm hai Địa.

2. Sáu Thức gọi là Biệt chủng tử, nương trong Bản Địa phần, tuy thuyết minh A-lại-da, chỉ thuyết minh chỗ y của Chủng tử, vì tùy theo sáu Thức mà nói thì công năng của mỗi mỗi Thức đều khác nhau, cho

nên riêng khai làm hai Địa.

Hiện tại trong "phần" này kiêm gồm thuyết minh Hiện hành, Thức thứ tám là chỗ y chung của sáu Thức, đã là chỗ y chung thì không thể riêng khai làm hai Địa để thuyết minh, cho nên hợp chung lại nói, từ Thức thứ tám hợp làm một để thuyết minh. Lại nữa, chỉ phỏng theo Tác nghiệp, Tác nghiệp đã riêng thì cần phải khai riêng ra để thuyết minh, đều nương vào Căn duyên Trần, tướng trạng của hạnh thì đồng, cho nên hợp chung lại nói. Lại nữa, như Hiển Dương quyển 6 ghi: "Hỏi: A-lại-da thức là chỗ nhiếp của Thức nào? Đáp: Là sáu Thức nhiếp". Trước phỏng theo Chủng tử phân riêng, bây giờ thì phỏng theo chỗ nhiếp của sáu Thức, cho nên hợp chung lại thuyết minh Quyết Trạch của Địa này, hợp chung có bảy quyển, đây là quyển đầu cho nên gọi là thứ nhất, tức là đầu tiên xứng với một Ý địa của năm Thức thân tương ưng địa trong Nhiếp Quyết Trạch phần. Ngay trong Phần này có ba đoạn:

1. Tổng kết phần trước sinh phần sau để phát khởi đầu luận.
2. Giải thích ý hưng khởi của phần.
3. Nương vào Địa mà phân tích.

Đoạn thứ nhất và thứ hai cũng như văn, đoạn thứ ba là chánh phân tích năm ý, hợp chung thuyết minh ba Địa của Tầm tứ v.v... hợp chung là mười bốn Phần. Ngay trong đoạn thứ ba có hai đoạn nhỏ: một là chọn lựa riêng để thuyết minh một Địa, hai là chánh phân tích, như văn có thể hiểu. Hiện tại thuyết minh trong Địa này tổng có bảy quyển, ba quyển rưỡi trước thuyết minh năm Thiện xảo, ba quyển rưỡi sau thuyết minh sáu Thiện xảo, trong ba quyển rưỡi trước có nhiều đoạn, luận này ba quyển rưỡi trước lại hợp chung làm hai đoạn, đoạn thứ nhất trước đã thuyết minh hưng khởi ba câu hỏi, đoạn thứ hai nương vào câu hỏi mà chánh đáp. Ngay trong câu hỏi có ba đoạn:

1. Bản thức ở trước, làm Sở quyết trạch.
2. Mở đầu ba câu hỏi, để hỏi nguyên nhân đưa đến.
3. Chánh đề ba câu hỏi, để khiến cho hưng khởi quyết trạch.

Luận ghi: "Hỏi: Trước nói chỗ y của Chủng tử là A-lại-da thức", đây là câu hỏi thứ nhất, là trong Bản Địa phần ở trước đã thuyết minh Thức thứ tám là chỗ y của Chủng tử. Vì Chủng tử đều nương vào Hữu cho nên các luận của Tiểu thừa chưa nói Hữu. "Nhân duyên rộng phân biệt nghĩa của Hữu", đây là đoạn thứ hai khai làm ba đầu mối của câu hỏi để hỏi nguyên nhân đưa đến. "Nhưng chưa nói Hữu", Bản Địa ở trước tuy Đại thừa có Thức thứ tám, nhưng kinh của Tiểu thừa thì chưa nói có một câu hỏi nào.

Hỏi: Như Nhiếp luận dẫn trong kinh Tiểu thừa rằng: "Ái, Lạc, Hỷ tập nhiễm A-lại-da, trong các kinh khác cũng nói như vậy, trong luận này nói thì ngay trong kinh Tiểu thừa đã có, nhưng tại sao nói là chưa có?

Đáp: Có hai nghĩa mà kinh Tiểu thừa này không có, là nói như Tát-bà-đa bộ v.v... Lại nữa, nhưng kinh Tiểu thừa kia tuy nói có Thể, tức là Thức thứ sáu không có riêng Sở thuyên và các nghĩa riêng khác, cho là nhân duyên rộng phân biệt v.v... Luận này nói: "Chưa có", là không riêng có Hữu thể cho nên không phải gọi là Hữu. "Nhân duyên của Hữu", Hữu này là nguyên nhân của Thức thứ tám. Tuy nói là Hữu, nhưng chưa biết nguyên nhân của Hữu, đã biết nguyên nhân Hữu cho nên Thức thứ tám còn tồn tại, chính là cùng với các tâm Sở thọ hiện tại như Thọ v.v... đồng thời chuyển để rộng phân biệt nghĩa, tức là làm câu hỏi thứ ba.

Luận ghi: "Tại sao không nói" trở xuống, nói đoạn thứ ba là chánh thiết lập ba câu hỏi khiến cho hưng khởi sự quyết trạch.

Luận ghi: "Đáp: Do kiến lập này là Phật Thế Tôn" trở xuống câu đáp thứ hai, trong đáp thì tùy câu hỏi mà làm ba câu đáp. Trong đáp câu hỏi thứ nhất này, văn Trường hàng thứ nhất tổng đáp là "rất sâu kín cho nên không nói". Nguyên nhân dẫn kinh câu đáp thứ hai chính ghi: "Không nói".

Luận: Tụng ghi: "A-lại-da thức rất sâu kín", trở xuống là nêu kinh ra chánh phân tích "không nói dừng lại", một câu tụng này là tổng hiển rõ chỗ sâu xa vi tế; câu thứ hai và thứ tư thì chánh thuyết minh nguyên nhân "không nói", câu thứ ba là chánh thuyết minh "không nói".

Hỏi: Tại sao câu thứ tư và thứ hai thuyết minh nguyên nhân "không nói"?

Đáp: Có hai nghĩa cho nên không nói: một là vì thâm tế cho nên không nói, tức là câu thứ hai chánh thuyết minh nghĩa thâm tế; hai là vì sợ khởi phiền não cho nên không vì những người đó mà nói, tức là câu thứ tư. Trước đã nói: "Câu thứ bảy và thứ tám đều gọi là A-đà-na", là không đúng, tức là Tụng của Cựu luận ghi: "Chấp trì thức thâm tế", đã nói là Chấp trì thì Thức thứ bảy lẽ nào là Năng trì? Phạm âm là Ngật-lợi-sắc-tra Mạt-na, ở đây dịch là Nhiễm ô ý, hiện tại gọi A-đà-na, là nghĩa Chấp trì của Thức thứ tám, một câu này tổng nêu sự thâm tế của Thức thứ tám.

Hỏi: Chấp trì thức thâm tế của Cựu luận, tại sao luận này ngược lại riêng gọi là Hữu, nguyên nhân tại sao?

Đáp: Hai chữ Chấp trì, nghĩa của nó đúng đắn, nhưng lựa riêng thì có khác, vì nghĩa lựa riêng không đồng. Tại sao vậy? Vì trước đã nói là thâm tế, chỉ lựa riêng với phàm phu nhưng chưa lựa riêng với Nhị thừa, chính vì phàm phu dựa vào nghĩa đều thô thiển, ở đây nói thâm tế là chỉ lựa riêng với phàm phu, vì chính giáo nghĩa của Nhị thừa đều thâm tế, giáo nghĩa này nên ban cho v.v... Nhưng hiện tại lấy chữ "thậm" để lựa riêng với Nhị thừa, vì kinh giáo của Nhị thừa là thâm tế, nhưng không có "thậm", đây là lựa riêng sự cụ túc cho nên cần phải khác nhau, do đó ở dưới ghi: "Bậc Thánh Kiến đế mới có thể hiểu rõ, ngoài ra thì chưa có thể hiểu được". Trước Kiến đạo thì Thức thứ sáu không phải là Duy thức quán, chưa thấy Thức thứ tám, khi nhập Kiến mới biết, cho nên nói: "Thậm thâm tế".

Luận ghi: "Tất cả Chủng tử như bộc lưu", một câu này đã nêu ra ý nghĩa "thâm tế" của Thức thứ tám nhưng không vì người kia mà nói, tức là nguyên nhân thứ nhất "không nói" thâm tế. Sông chưa bị gió thổi thì gọi là nước chảy bình lặng, nếu bị gió thổi thì mới thành sóng to dấy khởi. Thức này cũng vậy, gió Năng huân chưa kích động, thì chỉ có niệm niệm bình lặng lưu chuyển, khi gió Năng huân kích động thì thành Chủng tử, thì như sóng to, hoặc Chủng tử sinh Hiện hành. Do như sóng to, là nhân của một lượng sóng thì đến một lượng sóng sinh, nhân của nhiều sóng thì đến nhiều sóng dấy khởi.

Hỏi: Trước đã nói ngược lại "Chủng tử như hằng lưu", bây giờ thì có khác gì?

Đáp: Tuy gọi là Chủng tử, nhưng chưa biết nó là thế nào, nếu nói thì sợ có câu chấp, bây giờ nói là "tất cả", ý nghĩa bao hàm. Lại nữa, hai chữ "hằng lưu" này có nghĩa gì? Nếu hằng như nước chảy thì không phải, nếu như thường hằng mà chảy, thì lẽ nào lại phỏng theo nghĩa của Nhân huân tập, bây giờ nói "bộc lưu" thì nghĩa ở tại hai chữ này.

Luận ghi: "Ta đối phàm ngu không diễn nói", một câu này là chánh thuyết minh nguyên nhân "không nói" thứ ba, vì nghĩa của Tiểu thừa có tên gọi nhưng không có Thể, đây là "Ta đối với phàm ngu không diễn nói", vì chỉ khai tên gọi, điều đó tại phàm phu thì tên gọi cũng chưa khai diễn, tức là "Ta đối với phàm không khai diễn". Nếu tên gọi của Tiểu thừa đã có, nhưng không vì Tiểu thừa mà khai diễn, nếu tên gọi cũng chưa có, thì cũng không vì Tiểu thừa mà khai diễn.

Hỏi: Đã không vì Nhị thừa và Phàm phu mà diễn nói, tại sao bây giờ lại nói để khiến cho phàm phu nghe?

Đáp: Nghe trong đây có hai người, trong Thanh văn có hai hạng

người: một là căn không thuần thục, hai là căn chưa thuần thục. Người thứ nhất là Quyết định tánh, người thứ hai là Bất định tánh, cho nên không vì hai người đó mà diễn nói. Nếu căn của Bất định tánh đã thuần thục, thì làm sao không vì người đó diễn nói? Phàm phu cũng vậy: một là căn không thuần thục, là người không có chủng tánh; hai là căn chưa thuần thục, cho nên không vì người đó mà diễn nói. Hiện tại luận này phỏng theo người nghe đều là căn đã thuần thục, cho nên được nghe, luận này ghi: "Đối với phàm ngu không khai diễn", là nghĩa ở tại câu này.

Hỏi: Trước nói: "Đối với phàm, Ta không nói", thì điều này có gì khác?

Đáp: Tức là nói "không phải phàm phu", chỉ lựa riêng với phàm phu, không phải Nhị thừa. Luận này nói thì ý không phải như vậy.

Luận ghi: "Sợ họ phân biệt chấp làm Ngã", tức là câu thứ tư, giải thích "không nói" của câu thứ hai, nguyên nhân bị khởi phiền não mà không nói. Phàm phu có hai chấp chưa đoạn dứt, sợ sinh khởi hai thứ chấp Ngã. Ngã của người Nhị thừa tuy đã trừ, nhưng pháp Ngã còn tồn tại, chính là sợ khởi cái Ngã này. Ngã có hai thứ: một là Phân biệt ngã, hai là Câu sinh ngã. Câu sinh ngã thì mặc tình tùy ý mà sinh, Phân biệt ngã thì nương vào giáo mới khởi, vì sợ phàm phu nương vào giáo mà phân biệt thì hai Ngã đều sinh, Nhị thừa thì nương vào sư phân biệt thì pháp Ngã được khởi, cho nên không vì hai người đó mà diễn nói.

Hỏi: Trước nói: "A-lại-da kia chớ chấp làm Ngã", thì ở đây có khác gì?

Đáp: Đây là nói tổng quát, chưa lựa riêng với bất cứ Ngã nào, nghĩa đó có thể biết được.

Hỏi: Thức thứ tám tương tục như là thường nhất, sợ khởi Ngã kiến của người, phàm phu không nghe Bản thức có thể tướng, thật ra là nghĩ ngợi đến Pháp chấp, cho nên phần lớn là không nói?

Đáp: Nói Thức thứ tám tuy sinh Pháp chấp, nhưng nếu trừ Pháp chấp thì chắc chắn là do Duy thức, Thức thứ tám đã là Nhân duyên như thật của các pháp, đây là gốc của Duy thức, cho nên vì đại căn mà được nói Bản thức (lại có vấn nạn đuổi theo v.v... hãy suy nghĩ) "Nghĩa của Thức này", là Phật thuyết pháp chủ yếu lấy lợi vật làm gốc. "Nếu thuyết pháp này, ban đầu không đọa sinh tử, cuối cùng có thể khiến cho đắc Niết-bàn", thì Phật liền vì người đó mà thuyết, nhưng Thức này phàm phu nghe đến thì liền sinh phân biệt hai Ngã, nếu Nhị thừa nghe đến thì liền sinh Pháp chấp, và không thể khởi Duy thức quán, ban đầu

thì có tổn, cuối cùng nghe rồi thì không có ích.

Hỏi: Duy thức không phải là cảnh nhỏ, không vì người đó mà thuyết Thức thứ tám, Mạt-na thức thì quán đạo của Nhị thừa đã trừ thì đáng lẽ vì Nhị thừa mà thuyết?

Đáp: Hoặc chướng của Mạt-na thức đối với Nhân quán thì quán Đạo của Nhị thừa được trừ Nhân chấp. Thức vi tế thì không phải Chủng trí của Nhị thừa do đó không vì Nhị thừa mà thuyết Thức thứ bảy, tức là như Kiến đạo tuy đoạn quả của ba nẻo ác, nhưng Thức thứ tám vi tế cho nên không vì bậc Kiến đạo mà nói, Mạt-na thức vi tế cho nên không phải Nhất thiết chủng trí của Kiến đạo kia, cũng không vì Kiến đạo mà nói.

Hỏi: Quán đạo của Nhị thừa có duyên với Mạt-na thức hay không?

Đáp: Vô phân biệt trí quán khi đoạn Hoặc thì Tự tướng quán, quán lý của Mạt-na thì Hậu đắc trí quán, không phải Nhất thiết chủng trí, đối với Sự sai biệt thì không có trí, cũng không cần duyên. Nương theo nghĩa này, sư Pháp nói: “Lấy chín môn để phân biệt tám Thức”, sư Bị thì lấy bảy môn để phân riêng tám Thức, đều như Đối Pháp sao ở trước.

Luận ghi: “Lại nữa, Ôn-đà-nam nói: Dưới đây là đáp câu hỏi thứ hai”, trong đây có hai đoạn:

1. Nêu bài tụng để tổng hiển tám nghĩa.
2. Văn trường hàng rộng giải thích.

Hỏi: Đoạn văn thứ nhất có thể hiểu, ngay trong văn trường hàng thì đoạn thứ nhất trình bày tám danh từ ngay trong bài tụng, đoạn thứ hai thứ tự giải thích Ôn-đà-nam, cùng với kinh Tự Thuyết Ổ-đà-nam có khác gì?

Đáp: Ngay trong thứ tự giải thích riêng có nghĩa không đồng, tức là tám đoạn, trong đoạn thứ nhất có hai câu. Hỏi thứ tự giải thích, câu hỏi có thể hiểu, trong câu đáp có năm Nhân không đồng, tức là năm đoạn, ý của Nhân thứ nhất là “trong các bộ Tiểu thừa v.v... không lập Bản thức, như các sư kinh Bộ lấy sáu Thức trì giữ thân”, ý của luận này không phải như vậy, nói: “Từ nghiệp đời trước sinh”, là có thể chấp trì thân. “Từ hiện tại Duyên sinh”, là không thể chấp trì. Đây là phỏng theo trường lý, không phỏng theo sáu Thức đối với một sát-na, hoặc khởi Dị thục tâm mà phá, như văn có thể hiểu. Trong đây nên lập Lượng rằng: “Chuyển thức của Nhãn v.v... không phải là sau Năng chấp, là Tông; vì duyên hiện tại phát khởi, là Nhân; như âm thanh v.v... phát khởi, là Dụ. Hoặc có chuyển bổ cứu rằng: “Trong Nhãn v.v... của

tôi cũng có Dị thục tâm, từ nghiệp đời trước sinh Năng chấp trì, tại sao ông nói rằng Chuyển thức của Nhãn v.v... không phải sinh Năng chấp trì mà tổng quát ngăn trách tôi, bây giờ phải phá nó", là Tỷ lượng của Nhân thứ ba ở dưới. Nếu như thế thì Nhân thứ ba ở dưới đáng lẽ không khác? Vì đã phá Nhân này rồi lại bổ cứu, rồi lại bị phá, sau đó đã có phá, thì biết rõ trong đó chỉ phỏng theo đạo lý tương tục của trường lý mà phá, như trước đã giải thích, đây là Nhân thứ nhất. Nhân là nói về nguyên nhân, tức là Nhân của Tông nhân v.v... từ Nhân này đặt tên cho nên nói là năm Nhân. Trước tổng phá sáu Thức đã xong, dưới đây nhân theo các đoạn văn Sớ khác mà phá, lại là chỗ phá của tâm thiện tánh và tâm bất thiện tánh xa khác. Nhân thứ hai cũng là thiện tánh khả đắc và bất thiện tánh khả đắc v.v... của sáu Thức thân. Nhân thứ hai, tức là Dục phá nó, lại còn ngăn trách các pháp khác, có Phi chấp thọ mới làm Đồng dụ mà có thể ngăn trách thiện và bất thiện kia. Giả sử có người giải thích rằng: "Thể của Niết-bàn có thể trì giữ chỗ y chỉ của Hữu lậu", Lượng này nói: "Hai loại Niết-bàn quyết định không phải là chấp thọ, là Tông; Vì là Vô vi, là Nhân; cũng như hư không, là Dụ", nghĩa này đã thành thì chuyển phá Đạo đế, nếu riêng cho rằng Đạo đế là Năng trì, thì phải lập Lượng rằng: "Thiện tâm vô lậu không thể chấp thọ các căn Hữu lậu, là Tông", câu nói này là lựa riêng với Đại viên cảnh trí có thể chấp tự thân, nếu chỉ tổng nói Vô lậu thiện tâm không thể chấp thọ, tức là có lỗi Bất định, làm như Niết-bàn, vì là Vô lậu. Vô lậu thiện tâm không thể chấp thọ, làm như Đại viên cảnh trí, vì là Vô lậu mà có thể chấp thọ, để tránh lỗi này cho nên nói như vầy: "Vì là Vô lậu, là Nhân; do như Niết-bàn, là Dụ". Nghĩa này đã thành thì cần phải chuyển phá tâm Hữu lậu, phải lập Lượng rằng: "Hữu lậu thiện tâm đáng lẽ không chấp thọ các căn Hữu lậu, là Tông; vì là Thiện, là Nhân; như Vô lậu thiện, là Dụ". Thiện đã bị phá rồi thì bất thiện cần phải trừ, riêng lập Lượng rằng: "Các tâm bất thiện đáng lẽ không phải chấp thọ, là Tông; vì là tánh Hữu ký, là Nhân; cũng như Thiện phẩm kia, là Dụ". Trong Vô ký có bốn loại Vô ký, vả lại trừ bỏ Dị thục thì ở tại Nhân thứ ba. Biến hóa v.v... có ba thứ, bây giờ phải riêng phá, lập Lượng rằng: "Ba loại tâm Vô ký đáng lẽ không phải chấp thọ, là Tông; vì bị gián đoạn, là Nhân; cũng như âm và điện chớp, là Dụ". Hoặc Nhân dụ ghi: "Vì không phải tánh Dị thục, như thiện tâm và ác tâm, cho nên Nhân này cũng thiện". Nhân trước có Dị thục sinh tâm làm lỗi Bất định, luận này ghi: "Tuy nói thiện tánh và bất thiện tánh, nhưng không nói Vô ký", đã có chữ "vân vân" là thuyết minh các chỗ bị phá khác. Tuy trở lại đoạn

văn xa, nhưng chính tâm báo Vô ký trong sáu Thức của đoạn văn đó, trong đó có kế chấp, cho là chấp trì, phải phá kế chấp đó, cho nên Nhân thứ ba tức là ngăn trách kế chấp này.

Luận ghi: "Lại nữa, chỗ nhiếp loại bất khả đắc của Dị thục vô ký vô phú trong sáu Thức thân là Nhân thứ ba", là nói trong sáu Thức tuy có Dị thục, nhưng chỉ có một niệm sinh khởi, hoặc các tâm gián đoạn, trước và sau là một loại, Dị thục sinh khởi thì chắc chắn là bất khả đắc, trước và sau là tánh của một loại Dị thục, không biến dị, có khả năng chấp trì, đó là Chân dị thục. Dị thục tâm trong sáu Thức này, chỉ có một niệm sinh khởi, không phải không có gián đoạn, đã không phải một loại thì đó là Dị thục sinh khởi, không phải xứng với lời nói mà có thể chấp thọ, phải lập Lượng rằng: "Sáu loại Chuyển thức không phải là Chân dị thục sinh khởi, là Tông; vì có gián đoạn, là Nhân; ví như gió, âm thanh v.v... là Dụ". Lượng này chưa rõ ràng, phải lập riêng trở lại: "Một loại Dị thục vô ký vô phú của sáu Chuyển thức đã là bất khả đắc thì không thể chấp trì thân, là Tông; vì có nghĩa gián đoạn, là Nhân; thí dụ v.v... đồng như trước". Hoặc phải lập Lượng rằng: "Dị thục sinh khởi tâm trong sáu Chuyển thức không thể chấp thọ, là Tông; vì có gián đoạn, là Nhân; như gió, âm thanh v.v... là Dụ". Luận đó ghi: "Dị thục loại bất khả đắc", tức là trong đó có Nhân gián đoạn mà nói, tức là Nhân kia đuổi theo vấn nạn: "Dị thục tâm trong sáu Thức là Dị thục sinh khởi, không phải Chân dị thục, không thể chấp trì, Tông của ông tại sao nói là Bất khổ và Bất lạc thọ? Từ Dị thục mà sinh, đã là Dị thục sinh khởi thì đáng lẽ không phải chấp thọ"?

Đáp: Dị thục sinh khởi có hai loại: một là từ Dị thục chủng tử mà sinh, hai là từ Dị thục tương tục mà sinh. Thức thứ sáu v.v... là Dị thục chủng tử sinh khởi, gọi là Giả dị thục, như Nhãn căn v.v... không phải Chân dị thục, chính Thức thứ tám của nó là Dị thục tương tục sinh khởi, vì niệm trước và niệm sau đều là Dị thục. "Hiện tại niệm trước và niệm đều là Dị thục này", đều là chấp trì, không phải sáu loại Thức, cho nên có khác nhau, tức là vì văn này, có một sư cho rằng: "Cõi Dục có Dị thục tâm thứ sáu", có một sư khác cho rằng: "Đây là ngăn kế chấp". Lại nữa, ngoại đạo kia kế chấp rằng: "Thức thứ bảy trong Tông của ông đáng lẽ được Năng chấp trì thân, thì đâu có lao nhọc gì đến Thức thứ tám"? Phải lập Lượng rằng: "Thức thứ bảy của tôi không thể chấp trì thân, vì không phải tánh Dị thục, như sáu loại Chuyển thức v.v... Lại nữa, ngoại đạo kia cho rằng, không phải một loại Thức mà có thể trì tất cả căn, mỗi mỗi Thức của tự nó có thể trì căn của tự nó. Bây giờ phải phá nó, Nhân thứ

tư ghi: “Lại nữa, sáu Thức thân mỗi mỗi đều nương riêng mà chuyển, cho đến là Nhân thứ tư”, trong đây có hai loại phá: một là nương vào kế chấp mà chánh phá, hai là theo khắp kế chấp mà vấn nạn. Nói rằng: “Như khi Nhãn thức khởi, thì các Thức còn lại như Nhĩ v.v... không có căn của Thức thì liền phải tan hoại, là Tông; vì không có Thức năng trì, là Nhân; vì các Thức trong Tông của Tiểu thừa không cùng sinh, như tử thi, là Dụ”. Giả sử thừa nhận chấp thọ cũng không xứng lý, thì đoạn văn kế chấp này đuổi theo vấn nạn, nói: “Ngoại đạo kia kế chấp khi Nhãn thức khởi, không chỉ có trì Nhãn căn mà cũng có thể trì Nhĩ căn v.v...”. Luận này giả sử nói: “Nếu thừa nhận chấp thọ thì cũng không đúng lý, vì Thức xa lìa”. Luận này lập Lượng rằng: “Nhãn thức chắc chắn là không thể trì Nhĩ v.v... các căn, là Tông; vì Thức xa lìa, là Nhân; như tám Thức của người khác không thể trì thân căn v.v... như tử thi v.v... là Dụ”. Lại nữa, có người hợp chung lại lập Lượng rằng: “Không có Thức thì các căn đáng lẽ không có chấp thọ, là Tông; vì Thức xa lìa, là Nhân; như tử thi, là Dụ”. Đã vấn nạn không có chấp thọ rồi thì đáng lẽ trở thành Phi tình nhiếp, lập Lượng rằng: “Không có Thức thì các căn đáng lẽ Phi tình nhiếp, là Tông; vì không có chấp thọ, là Nhân; như tử thi, là Dụ”. Lại nữa, Nhãn v.v... các Thức khi khởi thì đáng lẽ thay đổi chấp thọ lẫn nhau, là Tông; vì Sở y khác nhau, là Nhân; cũng như Nhãn v.v... khi khởi thì không nương các căn, là Dụ”. Lượng này có lỗi, vì chỗ lập Đồng dụ không thành, lỗi như chỗ kế chấp ở trước. Thân thức trì tự căn, như thế thì đáng lẽ thành lỗi số chấp, Nhân thứ năm đáng lẽ thành lỗi số chấp, văn đó có thể hiểu. Trong đây có Lượng, đã có chấp thọ và không chấp thọ, khi không chấp thọ thì đáng lẽ không phải hữu tình nhiếp, vì không có chấp thọ, như tử thi v.v... Lại nữa, có thể nói rằng sáu loại Chuyển thức đáng lẽ là Phi chấp thọ, vì tâm của ba tánh gián đoạn không phải là một loại, như hai loại âm thanh và lửa v.v... Câu này cũng có lỗi, do năm Nhân trên, sáu Thức chấp trì đã không đúng đạo lý, cho nên thừa nhận Thức thứ tám là Năng chấp trì thân. Văn tổng kết có thể hiểu.

Luận ghi: “Tại sao nếu không có A-lại-da thức cho đến Thức không đồng thời chuyển, thì Nhân thứ hai này không phải kiến lập Thức thứ tám, chỉ nương vào vấn nạn của ngoại đạo mà phá chấp của Tiểu thừa để kiến lập tự tông, trong đây có hai đoạn là hỏi và chánh giải thích. “Tại sao nếu không có v.v...”, đây là đoạn thứ nhất. Nếu căn cứ theo trước và sau mà giải thích thì đoạn văn này có chút ít trái nhau, tại sao vậy? Vả lại như văn trước, nếu có Chấp thọ thứ tám, thì chỗ y chỉ có

thể đắc, nếu không có Y chỉ thứ tám thì chấp thọ không thể đắc, hiện tại hoặc căn cứ theo giải thích phải nên nói: “Nếu có Thức thứ tám thì tối sơ sinh khởi có thể đắc, nếu không có Thức thứ tám thì tối sơ sinh khởi không thể đắc”, đó là nói liền sinh chỉ có tổng quát, phải nói: “Tiểu thừa không có Thức thứ tám, vì các Thức không đồng thời sinh”. Lý của Đại thừa thì nói: “Căn và Cảnh duyên đủ thì năm Thức đều khởi, bất cứ duyên nào mà một Thức tối sơ sinh khởi thì cũng đều có Thức thứ tám”, tức là thừa nhận các Thức đồng thời sinh, cho nên có Thức thứ tám, thì không có tối sơ sinh khởi là đúng đạo lý. “Ông đã không có Thức thứ tám, thì tối sơ sinh khởi là không đúng đạo lý”. Có thể thẳng vào đoạn văn, không thể căn cứ theo trước và sau mà hưng phát theo giải thích. Đây là đặt câu hỏi đã xong. Ngay trong chánh giải thích có hai đoạn: một là giả thiết ngoại đạo vấn nạn, hai là nương vào vấn nạn mà chánh giải thích. Vì trong Tiểu thừa các Thức đều sinh riêng, văn đó dễ hiểu. Trong câu đáp đó có ba đoạn, đoạn thứ nhất là đáp tổng quát để trình bày về giải thích nguyên do, đoạn thứ nhất và chỗ trình bày có thể hiểu, trong chánh giải thích của đoạn thứ ba ghi: “Cho phép có hai Thức đồng thời chuyển”, là các Thức trong Đại thừa cũng có khi sinh khởi riêng, các đoạn văn còn lại dễ hiểu. Trong đây phải nên lập Lượng rằng: “Ba duyên đầy đủ khi Nhãn thức khởi, ba duyên đầy đủ thì các Nhĩ thức v.v... cũng phải hiện khởi, là Tông; vì ba duyên đầy đủ, là Nhân; như hiện khởi Nhãn thức, là Dụ. Chỗ vấn nạn trước của ông e rằng Thức cùng sinh nhưng không thừa nhận Thức thứ tám là có, hiện tại trở thành các Thức cùng sinh, đã phải thừa nhận có Thức thứ tám, thì đây là giải thích ngược lại. Luận trong Nhân thứ ba, thứ nhất là hỏi v.v... như văn phán định ở trước, Nhân này cũng không phải chánh lập, Nhân của Thức thứ tám vì ngoại đạo mà giải thích nghĩa, khi vấn nạn thì ngoại đạo liền vấn nạn ngược lại, Nhân đặt làm vấn nạn chung, lập ngược lại Bản thức, nói: “Kế chấp Thức không đồng thời sinh của ngoại đạo và Tiểu thừa, là Ý khi duyên Sắc thì ở sau Nhãn thức”. Bây giờ phá Thức này là “duyên sắc cảnh quá khứ đáng lẽ không rõ ràng”, phải nên lập Lượng rằng: “Sau Nhãn thức v.v... thì Tán tâm ý thức duyên, tiếp theo là chỗ dẫn Cảnh của Nhãn thức quá khứ v.v... không rõ ràng, là Tông”, câu nói này lựa riêng với Định tâm và Độc đầu ý kia. “Hiện tại duyên xa”, là hiện tại phá nghiêng về quá khứ và Ý thức gần, lựa riêng với Ý thức xa, vì Nhân là Bất định vị nhiếp duyên quá khứ, câu nói này cũng lựa riêng với Định tâm, như trong Tán tâm, duyên các sự của trăm ngàn kiếp quá khứ v.v... Phật cũng lựa riêng với Định tâm. “Lại nữa, vì

không rõ ràng, thì đáng lẽ là không rõ ràng, Tông nhân dụ như trước", văn ý trong đây cũng giống như Đối Pháp sao.

Luận ghi: "Tại sao nếu không có A-lại-da thức mà có tánh Chủng tử, cho đến không đúng với đạo lý", từ đây trở xuống không thể riêng phán định các đoạn văn đó, vì trong Tiểu thừa chấp có sáu Chuyển thức có thể trì giữ các Chủng tử đó, hiện tại lấy sự dị biệt của các tâm để làm thế nào mà trì các Chủng tử, phải nên lập Lượng rằng: "Sáu loại Chuyển thức không thể trì giữ Chủng tử, là Tông; Nhân là vì dần dần triển chuyển, cũng như cái trống v.v... phát ra âm thanh, là Dụ". Lại nữa, nói: "Sáu Chuyển thức đáng lẽ không trì giữ Chủng tử, vì ba tánh gián đoạn", các văn khác thì có thể biết.

Luận ghi: "Lại nữa, các Thức kia thời gian lâu dài gián đoạn, không nên tương tục thời gian lâu dài lưu chuyển". Lại nữa, nếu ông chấp sáu Thức trì chủng, như khi nhập vào Vô định tâm, thì chính sáu Chuyển thức đó bị gián đoạn trong thời gian lâu dài, đã là không có Thức năng trì, thì đáng lẽ không có Chủng sở trì mà được lưu chuyển tương tục thời gian lâu dài không sinh diệt, phải nên lập Lượng rằng: "Nhập Vô tâm định thì Chủng tử đáng lẽ bị mất, là Tông; vì không có Thức để trì giữ, là Nhân; như nhập Vô dư Niết-bàn giới, là Dụ". Lại nữa, phải lập Lượng rằng: "Khi nhập Diệt định thì sáu Thức gián đoạn trong thời gian lâu dài, điều này tức là Vô thức trì chủng, tức là Chủng tử đã mất, không nên có xuất Định tương tục mà lại được lưu chuyển thời gian lâu dài là dùng loại Chủng tánh nào"! Lại nữa, điều này lại lấy gì làm Thức để trì thân, vấn nạn phá không có Thức môn trì Chủng tử, kiêm gồm phá khi nhập Diệt định thì sáu Thức gián đoạn, không nên chính thân đó mà được lưu chuyển thời gian lâu dài, Chủng tử kia trải qua nhiều thời gian không có Thức trì giữ thì liền bị hư hoại, tương tục gọi là Thân. Nếu như thế thì cùng với chỗ phá Thức thứ bảy ở sau có khác gì? Đã như thế thì lấy Nhân thứ nhất và Nhân thứ hai tốt hơn.

Luận ghi: "Tại sao nếu không có các Thức đồng thời chuyển thì nghiệp dụng sai biệt không đúmg đạo lý v.v...", đây là Nhân thứ năm cũng không phải chánh lập Thức thứ tám mà phá đối với người khác, cũng nhân theo vấn nạn của người khác, giải thích lý do vấn nạn mà thành bốn thứ nghiệp dụng của Thức thứ tám:

1. Liễu biệt khí nghiệp, là thế giới khí vật bên ngoài.

2. Liễu biệt y nghiệp, tức là năm căn, Phù căn, năm Trần bên trong và Chủng tử bên trong.

Hai loại này là nghiệp dụng của Thức thứ tám, kinh Thắng Man

ghi: “Tự thân nuôi sống đầy đủ, một thời phân biệt nhanh chóng”, đây là nghiệp thứ nhất, vì Thức thứ tám chỉ có biến hiện, duyên từ Chủng tử sinh cho nên gọi là Biến hiện, vì là Cảnh của Thức thứ tám kia cho nên gọi là Duyên của kia. Nội y nghiệp của nó có đủ hai nghĩa: một là Biến hiện cho nên duyên, hai là Chấp cho nên duyên. Nghĩa Biến hiện cho nên duyên, như trên có thể biết. Nghĩa Chấp cho nên duyên, gọi là chúng sinh số.

3. Liễu biệt ngã nghiệp, tức là Mạt-na thường chấp Thức thứ tám lấy làm Ngã.

4. Liễu biệt cảnh nghiệp, là sáu Thức còn lại mỗi mỗi đều biết rõ Tự cảnh.

Ý trong đây, là Cảnh nghiệp thứ tư, khi một Thức khởi thì từng sát-na từng sát-na cả bốn nghiệp đều chuyển, không phải tất cả thời đều là Vô tâm hay muộn tuyệt v.v... và nhập Vô tâm định mà đều có đủ bốn nghiệp, chỉ có đủ ba nghiệp trước, như chỗ nói của kinh: “Nếu khi một Cảnh nghiệp khởi thì chắc chắn từng sát-na từng sát-na bốn nghiệp có thể đắc”. Nếu không có Thức thứ tám thì các Thức khác không được đồng thời sinh, nhưng mà bốn nghiệp này không thể một Thức một thời mà có nhanh chóng, lẽ nào không trái với kinh cho đến đạo lý, nếu Tiểu thừa tin đại giáo và trong một sát-na có bốn nghiệp này, thì có thể như các vấn nạn này.

Hỏi: Tông của người kia đã không tin kinh và không thừa nhận có bốn nghiệp, trong một sát-na mà hiển hiện có thể đắc, thì đắc cái gì mà khởi vấn nạn như vậy?

Đáp: Nhưng lấy đạo lý mà đuổi theo thì chắc chắn phải thừa nhận có bốn nghiệp này và niềm tin đại giáo mới được thành lập. “Lấy đạo lý đuổi theo”, là lập Duy thức tỷ lượng, nói: “Sắc v.v... các pháp đều không lìa Thức, là Tông; vì là Sở thức, là Nhân; cũng như đối với Thức, là Dụ”. Đã là các pháp của Sắc v.v... thì không lìa ngoài Thức, từ Thức mà hiển hiện, khi không có Thức thì cảnh này phải không có, lại như nhập Vô tâm định, hoặc chỉ có duyên cảnh của Niết-bàn v.v... thì lúc đó Sắc v.v... đã không có Thức năng duyên, thì Nhãn căn v.v... và các khí vật bên ngoài liền đoạn dứt, phải nên lập Lượng rằng: “Khi nhập các vị của Vô tâm định, thì Nhãn căn v.v... và khí vật bên ngoài v.v... liền phải đoạn dứt, là Tông; vì không có Thức, là Nhân; như Thức bị diệt, là Dụ. Lại nữa, khi duyên cảnh Niết-bàn v.v... thì các Nhãn căn v.v... chắc chắn phải đoạn dứt, là Tông; vì Thể hay duyên Thức của tự nó không có, là Nhân; cũng như Nhãn thức v.v... chưa sinh duyên, là Dụ”. Đây

tức là thành lập loại nghiệp thứ nhất và thứ hai là có, kế đó là thành lập nghiệp thứ ba, Nhị thừa chỉ nói có nghiệp Liễu ngã, không nói tất cả thời hằng khởi Liễu ngã, hiện tại phải lập Lượng rằng: "Chỗ khởi tâm thiện v.v... của Dị sinh, lúc đó chắc chắn có Ngã kiến, là Tông; vì đây là có chọn lựa, có thể phải suy nghĩ đó là Dị sinh, là Nhân; như khi khởi các vị Ngã kiến khác, là Dụ". Nghĩa của ba loại nghiệp này đã thành lập, đối với tất cả thời chắc chắn phải hằng hữu, nếu khi cảnh nghiệp khởi, thì chắc chắn phải có bốn nghiệp, nếu không như vậy thì chỉ có ba nghiệp trước Liễu biệt cảnh nghiệp. Nhị thừa cùng thừa nhận nghĩa của ba nghiệp trước đã thành, trong nhất thời mà bốn nghiệp có thể đắc, đối với ba nghiệp trước tổng lập Lượng rằng: "Trong thân Dị sinh khi không có tâm nhiễm v.v... hiện tiền, thì chắc chắn có ba loại nghiệp trước, là Tông; vì là Dị sinh vị, là Nhân; như hai chỗ thừa nhận chung là khi ba loại Liễu biệt hiện tiền, là Dụ". Vì nghĩa này cho nên biết, bốn nghiệp có thể biết được, lấy lý mà lập Duy thức trước Lượng. Lại nữa, có chỗ lập của ba Tạng ghi: "Vì Chân cho nên cực thành Sắc không lìa Nhãn thức, là Tông; vì tự thừa nhận ba nhiếp đầu là chỗ không nhiếp của Nhãn, là Nhân; cũng như Nhãn thức, là Dụ". Lập Lượng trước tuy có thể như vậy, lỗi chọn lựa chưa chu toàn, lỗi chọn lựa trong đây như Nhân Minh sao nói. Từ trên đến đây, tuy trở lại lý để phá trái với giáo, thì như thế nào mà cũng như trong Nhiếp luận, rộng lập Đại thừa đúng là lời Phật nói, đã tin Phật nói rồi thì có lỗi trái với giáo, không phải lúc chưa tin trở về trước mà có lỗi này, như Nhiếp luận nói, các lỗi này đều cùng với Hiện lượng trái nhau, lỗi như văn đã nói.

Luận: Trong giải thích Thân thọ thứ sáu, nói: "Như lý tư, cho đến quyết định có A-lại-da thức", trong đây chánh luận Thức thứ tám là có, nói rằng như khi nhập Định thì năm Thức không hiện hành, chợt nghe âm thanh xúc chạm thì liền khởi lãnh thọ, như Xá-lợi-phất nghe tiếng sư tử hống, đã không có Nhĩ thức mà khởi lãnh thọ các âm thanh khác, tức là Thức thứ tám khởi lãnh thọ. Nếu không có Thức thứ tám thì nghĩa này làm sao thành? Hoặc trong Tiểu thừa không thừa nhận cảnh trong Định khởi thọ, phải lập Lượng rằng: "Cảnh trong nhập Định vị, khi xúc chạm đến thân thì phải khởi lãnh thọ, vì có Cảnh và Vị của Ý thức xúc chạm thân, như Tán tâm vị". Nếu khi không thừa nhận thì phá ngược lại các Vị khác, nói: "Cảnh trong Tán tâm vị khi xúc chạm thân thì đáng lẽ không khởi thọ, là Tông; vì cảnh xúc chạm thân, là Nhân; như nhập Định vị, là Dụ". Trong đây lại có vấn nạn và giải thích, không thể phiền thuật ra, sư Pháp nói: "Thân thọ tức là Khinh an, xúc chạm thân

mà khởi lãnh thọ”.

Luận ghi: “Như lý tư và Bất như lý tư có thể biết, hoặc Vô tư lự là Vô tâm định, hoặc nói Tầm tứ là Hữu tâm định, ở tại Định hay không ở tại Định đều có thể biết”, ý này nói Thời và Cảnh của sáu vị này không phải một loại lãnh thọ, không phải một tâm không cùng sinh Ý duyên, đây là tùy theo một loại Cảnh, hoặc có âm thanh đến thì nói rằng không cùng sinh. Nếu không có Thức thứ tám thì làm sao lãnh thọ? Nếu có Thức thứ tám thì Thức thứ tám lãnh thọ, tuy nhập Định v.v... nhưng không có năm Thức nào khác, mà sự nhận thức thọ lãnh vẫn sinh. Nếu không có Thức thứ tám thì năm Thức này không nên khởi. Đó là ý trong đây.

Luận ghi: “Ở trong Vô tâm định, là không đúng đạo lý”, cho đến “không lìa thân”, câu này có hai nghĩa: một là trái với Tỷ lượng, hai là trái với Thánh giáo. Trong các Bộ đã thừa nhận có hai Ý thức, một là thô, hai là tế. Ý thức tế thì Định này có, hiện tại trong luận này phá nó, như Tát-bà-đa bộ thì không lập nghĩa Tế thức, phải lập Lượng rằng: “Nhập Vô tâm định đáng lẽ cũng như xả mạng, là Tông; vì Thức lìa thân, là Nhân; cũng như tử thi, là Dụ”. Luận trái với Thánh giáo, như văn có thể hiểu. Tát-bà-đa bổ cứu rằng: “Sáu Thức không lìa thân”, Thức đắc bất ly, cho nên gọi là Thức không lìa Thân, thì cũng đáng lẽ nói là Thức đắc bất ly thân, mà không gọi là Diệt tâm định, phải lập Lượng rằng: “Ông lập Diệt tâm định thì lẽ ra không phải là Diệt định, là Tông; vì Thức không lìa, là Nhân; như Hữu tâm định, là Dụ. Lại nữa, Vô tâm định của ông nhất định là có tâm, là Tông; vì có Thức, là Nhân; như Hữu tâm định, là Dụ”, đây không phải là chánh bổ cứu của Tát-bà-đa bộ, Bộ đó chánh bổ cứu rằng: “Nhập Định tuy không có Thức, sau khi xuất Định thì Thức chắc chắn phải sinh”, là nói Thức không lìa thân, phải lập Lượng rằng: “Ông lập Diệt tâm định thì nhất định là có tâm, là Tông; vì nói rằng Thức không lìa thân, là Nhân; như Hữu tâm định, là Dụ”, là Bộ kia khởi quyết định trái nhau, nói: “Diệt tâm định v.v... quyết định không có tâm, vì tịch tĩnh cũng như Niết-bàn”, hiện tại cùng với Tác hữu pháp tự tướng có lỗi trái nhau, khiến cho nghĩa đó không thành, ông lập Diệt tâm định đáng lẽ không phải là Định, vì tịch tĩnh cho nên cũng như Niết-bàn. Nếu nói mạng căn v.v... tồn tại gọi là không hư hoại, thì nên phá mạng căn này nói: “Trước đã phá bốn tướng, bốn tướng nhất định không thật có, không phải hai Hiện lượng và Tỷ lượng biết được, như sừng thỏ v.v... lấy đây làm thí dụ để phá mạng căn kia. Từ trên đến đây phá Tát-bà-đa bộ đã xong, hoặc lập Hữu tâm thì phải

phá, Lượng rằng: "Vô tưởng định v.v... của Ý thức trong các vị đáng lẽ không có, là Tông; vì trong vị này nội trong sáu Thức tùy một Thức mà nhiếp, là Nhân; như năm Thức v.v... là Dụ". Lại nữa, nếu có Thức thì quyết định có Xúc, nếu có Xúc thì chắc chắn có Thọ và Tưởng. Như thế nào mà nói Định này có Thức? Lượng này đã thành thì chỗ chấp của Tiểu thừa đã phá xong, vì trái với kinh trái với lý mà thành Thức thứ tám. Lại nữa, như cõi Vô sắc đáng lẽ có Diệt định v.v... hãy suy lường nó.

Luận: Trong giải thích Thức thứ tám, nói: "Khi lâm chung", cho đến "không xứng với đạo lý", như quyển thứ nhất, từ phần trên mà xả, từ phần dưới mà xả, đều đến tâm Xứ sau đó mới xả. Nói rằng: "Không phải Ý thức kia có khi không chuyển", nếu Thức thứ tám chấp thông với thân phần, khi xả phần trên thì phần dưới chưa xả, có nghĩa chuyển và nghĩa không chuyển. Nếu nghĩa của Thức thứ sáu không hẳn như vậy vì duyên Cảnh khác, không phải có Xứ mà không khởi, không phải không thể chấp trì. Lại nữa, nếu Thức thứ tám duyên Cảnh vi tế, thì khi lâm chung sẽ duyên Cảnh không biết được; hoặc Thức thứ sáu duyên Cảnh hạnh thô, hoặc Thức thứ sáu có thể xả mạng và hạnh tương ưng với thô, vì không phải Ý thức kia có khi không chuyển, phải lập Lượng rằng: "Khi mạng chung thì Thức duyên cảnh có thể biết, vì là Thức thứ sáu, cũng như các vị khác đều không phải Ý thức mà có thể xả mạng". Lượng rằng: "Ý thức không phải tâm xả thọ, vì Chuyển thức nhiếp, cũng như năm Thức", cho nên biết nghĩa của Thức thứ tám được thành lập. Từ trên đến đây đáp có Nhân duyên thứ hai đã xong, từ đây trở xuống đáp nghĩa rộng phân biệt.

Luận ghi: "Lại nữa, Ôn-đà-nam", là câu đáp thứ ba, từ đây trở xuống có hai câu đáp: một là lấy bốn nghĩa để kiến lập nghĩa Thức thứ tám rộng phân biệt; hai là kiến lập nghĩa Hoàn diệt của Thức thứ tám. Trong đó câu đáp thứ nhất nêu các bài tụng, kế đó là văn Trường hàng, trong văn Trường hàng có hai đoạn, đoạn thứ nhất khai làm hai môn, đoạn thứ hai là thứ tự giải thích, trong giải thích trước hết là giải thích Sở duyên.

Luận ghi: "Liễu biệt chấp thọ, là có thể phân biệt rõ ràng tự tánh của Biến kế sở chấp v.v...", cho đến "Chấp thọ liễu biệt", là Thức thứ sáu và thứ bảy đều khởi chấp, chỗ huân tập thành Chủng tử có thể nói là vọng chấp tập khí, năm Thức v.v... của nó tự huân Chủng tử, tuy không phải vọng chấp tập khí thì cũng là Thức thứ tám duyên. Trong đây tại sao không nói Thức thứ tám duyên? Y theo đoạn văn và văn dưới, thì tất

cả pháp Hữu lậu đều có chỗ tùy theo thô trọng, Chủng tử của năm Thức v.v... tuy không phải là vọng chấp tập khí, nhưng vì chỗ tùy theo của thô trọng cho nên chỉ gọi là Tập khí, chỗ duyên của Thức thứ tám, trong đây hàm chứa chung làm thành lời nói, gọi là Tập khí biến kế chấp. "Trực tiếp là Tập khí của Thức thứ sáu và Thức thứ bảy", là năm Thức còn lại và Thức thứ tám không phải vọng chấp tập khí.

Hỏi: Các Hiện hành đều là chỗ tùy của thô trọng, đáng lẽ đều gọi là Tập khí. Nếu như thế thì câu nói "Thức thứ tám duyên tập khí", thì nghĩa của nó nhiếp tất cả pháp, đâu cần gì khai mở ra hai Cảnh?

Đáp: Tập khí thông với hai loại, là Hiện hành và Chủng tử, trong đây phỏng theo Chủng tử gọi là Tập khí, không phỏng theo Hiện hành để làm luận, cho nên khai làm hai loại khác nhau.

Hỏi: Làm sao biết được Hiện hành cũng gọi là Tập khí?

Đáp: Như A-la-hán đồng hai chân vượt qua hầm hố gọi là Tập khí, đây là Hiện hành, cho nên biết là thông với hai loại. Nếu không như thế thì do có Chủng tử tập khí cho nên gọi là Tập khí, thì lẽ nào Tập khí tức là Hiện hành? Chủng tử trong luận này đều gọi là Tập khí, tức là năm Thức v.v... nói rằng xứng với Chủng tử đều gọi là Tập khí, các nghĩa khác đồng với trước. Lại nữa, trong giải thích này nói: "Biến kế tập khí", là tất cả Chủng tử của Hữu lậu trong ba tánh đều gọi là Biến kế sở chấp, vì ba tánh tâm v.v... đều là chỗ phược của tướng phược, gọi là Biến kế, không phải cho rằng Biến kế đều là chỗ thành Chủng tử của hai chấp. Nếu như thế thì trong đây tại sao có câu nói Biến kế sở chấp? Ba tánh tâm v.v... không khởi chỗ chấp, nghĩa là trong đây thông với nghĩa trong văn của luận. Hàm chứa tức là Tập khí của Biến kế tự tánh. Biến kế sở chấp vọng chấp tự tánh tập khí, trước thì thông với Thiện chủng và Bất thiện chủng, sau thì chỉ có hai tâm chấp và Chủng tử. Lại nữa, sư Pháp giải thích rằng: "Hai nghĩa là nghĩa của hai sư ở Ấn Độ: một cho rằng: ba tánh tâm đều có Pháp chấp, tuy khi thiện tâm khởi, tức là văn này làm chứng, cho nên gọi là Biến kế sở chấp tập khí. Hai giải thích rằng: Tất cả tâm chủng của Hữu lậu thiện v.v... đều gọi là Biến kế sở chấp tập khí. Tập khí không phải Biến kế trong ba tánh, vì tâm Hữu lậu v.v... chắc chắn bị Lậu trói buộc, chính là tánh của thiện v.v... cũng gọi là Biến kế sở chấp. Nghĩa này không bằng nghĩa trước.

Hỏi: Chủng tử của vô lậu, không phải vọng chấp tập khí làm cảnh duyên của Thức thứ tám phải không? Có nghĩa duyên bị lược bỏ cho nên trong đây không nói. Lại nữa, nghĩa này không đúng, vì tâm yếu mà cảnh mạnh cho nên không được duyên, như văn Huân tập trong

Nhiếp luận không phải Sở duyên của A-lại-da, vẫn dựa vào Bản thức để làm chỗ mạnh thù thắng. Nếu như thế thì tại sao gọi là Duy thức? Hoặc phỏng theo Kiến phần vô lậu thì nghĩa này cũng thành, khi chưa thành Vô lậu, thì nghĩa này không nên gọi là Duy thức, như Nhiếp luận dựa vào Thức thứ tám kia, vì niệm đều tùy theo diệt cho nên cũng gọi là Duy thức, lấy sự duyên Cảnh của Thức thứ tám làm chỗ trói buộc của tướng phược, các Cảnh của Thức thứ tám đều là sự biến hiện gần gũi, nếu duyên Vô lậu tức là không phải tướng phược cho nên không duyên. Thức thứ tám mong Vô lậu chủng tử, tức là không phải Duy thức, như Nhãn thức mong Cảnh của Thức thứ tám cũng không phải Duy thức, vì không phải Sở duyên biến hiện.

Hỏi: Nếu như thế thì khi Vô lậu huân tập, có huân vào A-lại-da thức hay không?

Đáp: Nếu huân thì tại sao không duyên!

Hỏi: Nếu được duyên, thì Thức thứ tám duyên Chủng tử, cũng như cõi Vô sắc, tức là làm duyên v.v... của Tự chứng phần, nếu duyên Vô lậu chủng tử thì lẽ nào duyên tự thể?

Đáp: Trong câu hỏi này y theo Bồ-tát Hộ Nguyệt giải thích, chính Chủng tử trong ba phần của Kiến phần đó làm Chủng tử của Tự chứng phần, tức là Thể của Kiến phần. Theo lý này cho nên tương ưng năm Tâm sở không duyên Chủng tử, dựa vào lý này cho nên sinh lên cõi Vô sắc thì Kiến phần của Thức thứ tám liền không có chỗ duyên, Kiến phần của Thức thứ tám trong cõi đó duyên Khí thế giới v.v... của cõi Dục và cõi Sắc, vì là Cộng nghiệp, cho nên tuy sinh lên cõi Vô sắc nhưng được duyên cõi dưới.

Hỏi: Tại sao Chủng tử không ở tại Tự chứng phần v.v... mà chỉ ở tại Kiến phần?

Đáp: Vì Tướng phần, Kiến phần và phần thứ tư trên Tự chứng phần mà kiến lập sai biệt, hiện tại vì Chủng tử là Sở duyên, cho nên trên Kiến phần mà lập, vì lấy Tự chứng phần làm Năng duyên cho nên không ở trên Tự chứng phần mà lập. Lại nữa, dựa theo Tập lượng chỉ lập ba phần, cho nên không ở tại phần thứ tư. Nếu lập bốn phần, vì không lìa Tự chứng phần, đều là phần thứ ba, đều là sai biệt mà lập. Nếu ở tại cõi Vô sắc, thì cũng duyên Khí thế giới cõi dưới, tại sao văn này nói: "Nếu ở tại Vô sắc, thì chỉ có Tập khí liễu biệt chấp thọ"?

Đáp: Nói chung, đây là phỏng theo Tự chứng phần mà luận, không phỏng theo Kiến phần. Nếu phỏng theo Kiến phần, tức là duyên chung với Khí thế giới, cho nên lựa riêng ra cõi Vô sắc mà không duyên, chỉ ở

trong đoạn văn nội căn v.v... không ở trong đoạn văn ngoại khí, cho nên biết ngoại khí cũng được duyên. Nếu y theo Hộ Pháp thì lấy văn này làm chánh, ở tại cõi Vô sắc không duyên các Địa cõi dưới, các cõi trói buộc nghiệp khác nhau, cho nên Chủng tử của nó tức là phần trong Kiến phần làm Tướng phần, và Kiến phần duyên nó, năm Tâm sở nương vào Tướng phần này lấy làm Bản chất, trên đó mà biến hiện hình tướng Ảnh tượng, các Ảnh tượng này không phải thật dụng, cho nên không thể sinh ra thật căn của Nhãn v.v... để khiến cho Thức nương vào đó. Nghĩa này cùng với nghĩa sau khác nhau, hoặc căn cứ theo nghĩa của Hộ Nguyệt thì chính Thức thứ tám của cõi Vô sắc cùng với Thức của các cõi dưới đồng nhau, vì duyên cảnh đồng nhau.

Hỏi: Nếu như thế tức là có nghiệp mà không bị thô tế làm hại, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Nói rằng Kiến phần v.v... và tướng của Khí thế giới bên ngoài chắc chắn là nghiệp này chiêu cảm. Nghiệp này lúc nào tạo tác v.v... thì cũng có nhiều hại, Hoại thế giới trong Đối Pháp sao nói, rộng như luận này quyển 1 Biệt sao nói.

Hỏi: Chính nó duyên Biến hóa thân và năm căn hay không?

Đáp: Có người nói Ấn Độ có người tranh cãi là không phải chỉ có một, một thuyết giải thích là cũng biến hiện làm Cảnh môn nhiếp, vì không phải Nội căn môn nhiếp, trong luận này thì chỉ tổng nói duyên khí vật, không khác các đoạn văn sớ, cũng như Biệt sao nói.

Hỏi: Nếu lấy Thức thứ tám duyên Chủng tử, thì tại sao Chủng tử không thể sinh Thức để duyên thân căn khác? Các căn này tại sao không thể sinh Thức khác?

Đáp: Vì Ảnh tượng, do Chủng tử thân cận biến hiện cho nên không được làm ví dụ.

Hỏi: Như năm Căn bản thức tướng phần tha, y theo đó mà Thức thứ tám làm Ảnh tượng biến hiện, Chủng tử của nó đã là từ Tướng phần tha thứ tám thì cũng đáng lẽ phải biến hiện mà duyên?

Đáp: Khi căn pháp hiển hiện Ảnh tượng biến hiện, có thể làm thọ dụng thì lẫn nhau mà thấy v.v... Chủng tử vi tế thì không được duyên. Trong luận Trung Biên v.v... ghi: “Duyên tha thân”, cũng như trong giải đáp câu hỏi này.

Luận ghi: “Và Sở y xứ của các căn, Sở y xứ là”, tức là nhiếp bốn Đại tạo căn, bốn Đại của Phù căn và Phù căn trần. Hộ Nguyệt có hai loại năm căn:

1. Ý thức và Tương ưng biến.

2. Mạt-na Tương ưng biến.

Đó là vì Thức thứ bảy duyên Tướng phần của Thức thứ tám duyên Tướng phần làm Ngã sở.

Hỏi: Nếu như thế thì Thức thứ bảy đã duyên Tướng phần của Thức thứ tám lấy làm Ngã sở, tức là Thức thứ bảy gọi là Duyên của Vô lậu sai khiến hay sao?

Đáp: Vì duyên Tướng phần của Thức thứ tám làm Ngã sở, luận này giải thích chỉ duyên căn và Sở y v.v... mà làm Sở duyên, không phải Chủng tử, vì Chủng tử là nghĩa của chữ Phần trên tự thể, tức là Tự chứng phần duyên, không phải duyên của Vô lậu sai khiến. Thức thứ bảy tuy duyên Thức thứ tám mà dấy khởi Ngã, nhưng bị mê mờ đối với Tổng báo, mê mờ Hiện hành cho nên không duyên riêng công năng trên Hoàn diệt, cho nên không phải duyên của Vô lậu sai sử. Nếu như thế thì cũng duyên chỗ duyên khí giới bên ngoài của Thức thứ tám làm Sở duyên, thì đáng lẽ là duyên của các cõi trên sai khiến?

Đáp: Không phải như vậy. Thức thứ tám tuy duyên khí giới cõi trên, nhưng có gần và xa. Cõi Dục thì gần, là do nghiệp chiêu cảm; duyên cõi trên là xa, vì không do nghiệp chiêu cảm. Duyên Thức thứ bảy đã duyên Kiến phần của Thức thứ tám làm chỗ chiêu cảm sinh khởi của nghiệp và chỗ duyên Tướng của Ngã. Tướng phần gần, là khí vật của cõi Dục, Ngã sở của nó thì cần phải tùy theo Ngã, Ngã đã bị trói buộc trong cõi Dục thì Ngã sở cũng phải như vậy, cho nên không phải Duyên của cõi khác sai khiến.

Hỏi: Khi Ý thức duyên Sắc của cõi trên, thì đây là Kiến phần. Cõi Dục trói buộc Thức thứ tám, đã duyên sắc tướng v.v... thì đáng lẽ bị cõi Dục trói buộc?

Đáp: Không phải như vậy, Thức thứ tám hàm chứa Chủng tử, Chủng tử của Thức thứ sáu không phải như vậy cho nên không làm thí dụ, vì có Chủng tử, vì biến hiện gần, cho nên Cảnh của Thức thứ tám không phải cõi Dục trói buộc. Thức thứ sáu v.v... không gọi là Chủng tử, vì là Ảnh tượng duyên cho nên tùy theo Kiến phần cõi Dục trói buộc. Lại nữa, theo Hộ Nguyệt giải thích, khi Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám thì không có Ngã sở, vì nói chung cho nên thật ra là không có. Sở biến năm căn của ba Bản thức, hiện tại chỉ có Sở biến, thật ra là nghiệp chiêu cảm, không phải là hai loại năm căn còn lại, hai loại này khi duyên bên trong thì chính là bốn Đại tạo âm thanh, tất cả thời đều có, thường duyên cõi âm thanh của nó, nghĩa thì nói có, thật ra là không có, tức là duyên Chủng tử và bốn Đại của âm thanh cho nên gọi là Duyên,

âm thanh không phải là âm thanh hiện hành tất cả thời đều có, trong đây phải có khi một Đại tăng trưởng, như Địa đại, Thân căn, Nhãn căn và bốn Trần trong Nhãn thức, tức là bảy vật có thể đắc, thì biết các vật còn lại không có vật nào không thể đắc, khi các vật đó tăng thì cũng nói là Duyên. Hộ Pháp chỉ có hai loại năm căn, là Sở biến của Thức thứ tám và Thức thứ sáu, Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám làm Ngã, Ngã đó tức là Ngã sở.

Hộ Nguyệt vấn nạn Hộ Pháp rằng: "Nếu cõi trên không duyên khí vật bên ngoài của cõi dưới, thì tại sao tu hành sinh Thiên nhãn là Thức thứ tám duyên"?

Đáp: Vì khí vật này không phải là Cảnh của Thức thứ tám cho nên không duyên, chỉ là chỗ hiện hành của Ý thức. Nếu như thế tâm không có và Cảnh không có Ý thức, thì không duyên Thức thứ tám này, cũng không duyên Nhãn thức của nó vì Nhãn thức cũng không có.

Hỏi: Nếu như thế, như năm Thức không phải Cảnh của Thức thứ tám, Ý thức không duyên năm Thức này thì lẽ nào không có Thức, là Kiến phần nắm lấy Sở duyên, căn này không phải Kiến phần thì làm sao được làm thí dụ? Cũng tùy theo Thức mà làm Kiến phần cho nên đồng với năm Thức?

Đáp: Duyên chưa hẳn cần phải là chỗ chiêu cảm của nghiệp, như cõi dưới trưởng dưỡng các căn v.v... thì Thức thứ tám cũng duyên Chủng tử của Chân như, tuy không phải nghiệp sinh Thức thứ tám nhưng cũng không hại đến Duyên.

Hỏi: Nếu như thế tại sao không thừa nhận khi Địa của cõi trên lìa Địa của cõi dưới mà sinh, thì cũng duyên tướng khí vật bên ngoài?

Đáp: Vì Thức thứ tám của cõi dưới duyên Nhãn thức cõi trên. Dưới đây sẽ tự giải thích.

Luận ghi: "Đây là đối với cõi Sắc", Hộ Nguyệt nói: "Nếu Thức thứ tám không duyên khí vật của cõi dưới, tại sao khí vật bên ngoài v.v...", đoạn văn trước xen vào lựa riêng ghi: "Đây là đối với cõi Hữu sắc mà sinh, Vô sắc thì duyên khí vật bên ngoài của cõi dưới". Hộ Pháp nói: "Đây là lựa riêng với chấp thọ bên trong, nếu cõi Hữu sắc có Chủng tử, có căn và căn Sở y, thì cõi Vô sắc chỉ có Chủng tử, không có căn và Phù căn trần, tức là chấp thọ bên trong nửa có nửa không, cần phải lựa riêng Sắc căn. Trong chấp thọ bên ngoài, tất cả cõi Vô sắc đều không có, đâu cần phải lựa riêng, cho nên dưới đó có thí dụ tim đèn và sáp, nếu cõi Vô sắc có khí vật bên ngoài, thì đáng lẽ không có tim đèn bên trong mà có ánh sáng bên ngoài, cho nên biết là lựa ra riêng biệt,

không tùy theo ý của ông. Thức thứ tám đồng thời với chỗ biến hóa thân của năm Tâm sở. “Số chúng sinh không phải là Số chúng sinh”, mà tức là Số chúng sinh. Nếu như thế thì tại sao không phải Dị thục mà nói căn làm Sở y của năm Thức? Cũng đúng vậy, là vì chưa nương vào gốc mà sinh.

Luận ghi: “Lại nữa, A-lại-da thức cho đến Nhất vị liễu biệt mà chuyển”, trong đây Hộ Pháp làm chánh văn vấn nạn Hộ Nguyệt rằng: Nếu duyên sinh tướng khí vật của ba cõi, tại sao trong đây chỉ nói từ chấp thọ ban đầu, cho đến mạng chung? Hộ Nguyệt đáp: Đây là chỉ phỏng theo một nội thân mà luận, nhưng nói khí vật bên ngoài không phải là căn cứ theo thật nghĩa.

Hỏi: Như xứ nghiệp này trở lại chiêu cảm xứ giới này, như ở cõi Dục chết rồi sinh lên cõi trên, tức là cõi này nghiệp dứt tận mà sinh, nếu chưa tận thì làm sao sinh lên cõi trên? Nếu đã tận thì làm sao sinh lên cõi trên? Do duyên khí vật bên ngoài của cõi dưới, hoặc sinh lên cõi trên do duyên khí vật bên ngoài này thì quả đáng lẽ vĩnh viễn không tận?

Đáp: Nếu thân của hữu tình và quả thọ dụng bên ngoài riêng khác, thì cần phải khi nghiệp tận thì quả tận, khi có nghiệp thì duyên quả riêng của khí vật bên ngoài, quả khí vật cộng tướng bên ngoài nó, chưa chắc cần phải nghiệp là một, vì có phương tiện, tất cả thời mặc tình tùy ý duyên khí vật kia làm cảnh giới.

Hỏi: Nếu như thế thì như các luận nói: “Khí vật bên ngoài của Đệ tứ thiền, tuy không bị ba Tai hoại diệt, nhưng tùy theo thân mà sinh diệt, chỗ tùy theo sinh diệt thì khí vật đã là Cộng tướng thì làm sao có khi, vì tất cả thời mặc tình tùy ý mà duyên, cho nên các Địa của cõi dưới, lý tuy đúng, nhưng căn cứ theo Tứ thiền, văn của luận có thuyết minh?

Đáp: Vả lại phỏng theo duyên thù thắng cho nên nói như vậy, chính khí vật bên ngoài này là các hữu tình cùng chung chiêu cảm, tuy có cộng nghiệp chiêu cảm mà nghiệp lực của một chúng sinh này tùy tăng theo, vì có thọ dụng riêng biệt duyên thù thắng, nếu thắng duyên này ở tại hữu tình khác thì tùy hữu tình đó mà được biến hiện. Nếu không có thắng duyên thì xứ này cũng diệt mất.

Hỏi: Nếu như thế thì một hữu tình này trở lại duyên chung với một hữu tình khác, cũng tùy theo thắng duyên mà nói diệt Sở biến của các hữu tình, thắng duyên đã tồn tại, mà hữu tình kia cũng phải duyên nó, lý đã bị vấn nạn phá hại, thì không thể nắm lấy nó. Lại nữa, như Địa ngục thì chắc chắn là ác nghiệp chiêu cảm, nếu sinh về trời người

thì nghiệp gì chiêu cảm? Nếu ở tại cõi Sắc cũng được duyên, thì tại sao thân của cõi Sắc do khởi Địa ngục và các Bất thiện nghiệp mà có thể chiêu cảm quả, cho nên có sự phá hại rất lớn, nếu vậy Bồ-tát Hộ Pháp đối với nghĩa này thì thế nào?

Đáp: Nếu ở tại cõi trên thì không duyên cõi dưới, lý đó không bị phá hại, nhưng trời người của cõi Dục lúc nào tạo nghiệp kia? Nếu nghiệp mà trời người chiêu cảm thì chắc chắn là thiện cảm, vì trời người không thọ sinh nghiệp kia. Nếu ác nghiệp chiêu cảm thì nhất định thọ sinh, vì tạo thêm Ác nghiệp khác v.v... Trong đây thì không có hại, như thấy phẩn uế mà gọi là thức ăn ngon, lý đó là như vậy. Đối Pháp sao ghi: "Lại nữa, nếu Thức thứ tám không duyên Sắc v.v... của cõi trên, thì như chính Thiên nhãn thông đó, các Nhãn căn v.v... này lẽ nào không phải là Thức thứ tám duyên? Đáp: Không duyên. Hỏi: Nếu như thế thì làm sao gọi là Duy thức? Đáp: Vì Chủng tử sinh cho nên gọi là Duy thức, không phải Sở duyên của Thức, như cảnh giới của Thức thứ sáu và Thức thứ bảy làm duyên v.v... lại cũng nói là Duyên. Hỏi: Nếu như thế thì tại sao không thừa nhận duyên cõi trên? Đáp: Nếu qua đến cõi kia thì duyên nào không thừa nhận không duyên cõi Sắc của nó trói buộc Sắc, không phải Thức thứ tám duyên vì Kiến phần và Tướng phần trói buộc riêng, nương vào đó mà làm môn, tự biến hiện mà làm Ảnh tượng". Câu chuyện của Tỳ-kheo Mã Thắng nhập Tịnh độ v.v... đều giống như vậy, tùy theo đến chỗ thấy thì liền biến hiện, thuộc về Kiến phần trói buộc, nhưng cõi Sắc thì cõi Sắc duyên.

Luận ghi: "Nên nói rằng duyên nhỏ hẹp trong cõi Dục chấp thọ cảnh v.v...", đây là phỏng theo thân mà làm luận, vì hình lượng của thân thì nhỏ, cho nên gọi là nhỏ hẹp, có nghĩa là vì hình lượng của khí vật bên ngoài có lớn nhỏ v.v... như Tiểu thiên giới v.v... Ngay văn dưới có nói, vì mười tám cõi phần nhiều là nhỏ cho nên nói duyên lớn nhỏ. Cõi Vô sắc không có thân, thì lấy gì làm lớn nhỏ, mà nói các cõi là lớn nhỏ? Vì cõi Vô sắc duyên pháp xứ mà nói lớn nhỏ, nghĩa đó chưa giải thích, sư Pháp nói: "Tâm kia hoặc rộng hoặc hẹp, khi huân thành Chủng tử thì Thức thứ tám duyên Chủng tử này, Chủng tử từ hiện hành mà gọi là rộng hẹp v.v... không phải duyên Hiện hành".

Hỏi: Nếu như thế thì được nói Thức thứ tám duyên cảnh Chủng tử của ba cõi?

Đáp: Không phải như vậy, phỏng theo công năng như cõi Dục thì gọi là nhỏ hẹp, chỗ sinh hiện hành của Chủng tử cũng nhỏ hẹp, như thế cho đến cõi Vô sắc cũng vậy. Hoặc cõi Dục và cõi Sắc, không nói khí

vật bên ngoài để làm luận, vì đồng thời duyên vô lượng khí giới bên ngoài.

Luận: Trong giải thích Thức thứ tám đồng thời với năm pháp, hỏi rằng: Thức thứ tám và năm pháp này làm Năng huân hay làm Sở huân? Đáp: Không phải hai thứ, vì không phải vua thì không có gì cùng với Năng huân tương ưng mà không phải Sở huân, vì không có Năng lực, không từ chỗ dẫn sinh của Gia hạnh tâm, cho nên không phải Năng huân. Nói về Năng huân, chắc chắn từ Gia hạnh tâm trước dẫn sinh thì có thể thành Năng huân, năm pháp này không phải là Năng huân.

Hỏi: Nếu như thế thì Dị thục xả thọ trong sáu Thức đáng lẽ đồng với các loại này, không phải là Năng huân và Sở huân?

Đáp: Thừa nhận nhưng không có lỗi, đây là nghĩa thù thắng. Lại nữa, năm pháp duyên Cảnh để làm Duyên, cảnh của Thức thứ tám là riêng làm Cảnh duyên.

Hỏi: Có lỗi gì nếu duyên cảnh của Bản chất? Tại sao gọi là không đồng nhất với hành tướng?

Đáp: Nếu duyên riêng, thì như năm căn đã là Bản thức v.v... Sở biến của sáu pháp là sáu căn hoặc năm căn mà Nhãn thức v.v... nương vào căn nào cũng đều có hại, như thật nghĩa là đồng thời duyên Cảnh của Thức thứ tám.

Hỏi: Nếu như thế thì làm sao giải thích Sở duyên đồng nhất?

Đáp: Không đồng nhất với hành tướng, tuy Cảnh không riêng biệt, nhưng kiến dụng mỗi mỗi đều khác. Thọ làm lãnh thọ, Tướng làm Sở duyên v.v... vì Kiến có riêng biệt. Nói không đồng với hành tướng, là cùng với Thức thứ bảy không đồng, ngoài ra bảy Thức đắc Tâm sở gọi là Cảnh duyên, cho nên Thức thứ bảy quán làm Ngã và Ngã sở, còn lại các chỗ khác sẽ giải thích. Điều này cùng với nghĩa của hai sư trước khác nhau, các Thức đó đều dựa vào Bản chất ảnh tượng mà biến hiện cảnh.

Luận: Trong giải thích khởi hai Duyên tánh, nói: “Lại nữa, do có A-lại-da cho nên được có Mạt-na v.v...”, là do Thức thứ tám làm Cảnh mà được khởi Kiến phần của Thức thứ bảy. Lại nữa, do Chủng tử trong Thức thứ tám mà Thức thứ bảy được dấy khởi, đủ hai nghĩa này cho nên khởi lên hai thuyết này.

Luận: Lại nữa, trong các Chuyển thức cùng với A-lại-da thức khởi lên hai Duyên tánh, nói: “Trong Hiện pháp trưởng dưỡng Chủng tử kia, là như y chỉ vào thiện bất thiện và Vô ký của A-lại-da thức, khi Chuyển thức chuyển biến thì như vậy như vậy đối với một Y chỉ đồng sinh đồng

diệt mà huân tập vào A-lại-da v.v...", trong đây nếu các nhà huân tập Chủng tử đồng thời sinh diệt, thì lấy văn đó làm chánh. Nếu các nhà Dị thời thì đối với văn này ghi: "Đây là Thức hiện hành Năng huân, cùng với Thức thứ tám đồng sinh đồng diệt mà huân tập. Thức thứ tám không phải hiện hành cùng với Chủng tử đồng thời sinh diệt, trong đây có hai thuyết tranh cãi, có một luận gia cho rằng: "Bộ sách thứ nhất, quyển 5, trong Chủng tử có bảy nghĩa ghi: Nếu sinh Dị loại tức là niệm này sinh, nếu sinh Tự loại không phải tức là sát-na này, cho nên biết Hiện hành mong Chủng tử, Chủng tử mong Hiện hành, là Dị loại khác niệm mà sinh".

Hỏi: Nếu như vậy tại sao Chủng tử có sáu nghĩa, nói rằng niệm niệm đồng thời diệt?

Đáp: Đây là chỉ phỏng theo đồng thời có sinh diệt, không phải đồng sinh đồng diệt ngay trong sát-na này.

Một luận gia khác cho rằng: "Chủng tử sinh Hiện hành, Hiện hành sinh Chủng tử, chắc chắn là đồng thời", như nghĩa của Chủng tử và văn trong đây, như quyển thứ 5 v.v... Chủng tử có bảy nghĩa. Văn nói Tự loại, là tự loại của Chủng tử sinh Chủng tử, vì Tự loại sinh lẫn nhau, không phải ngay trong sát-na này. Nếu Chủng tử mong Hiện hành gọi là Dị loại, thì đó là ngay trong sát-na này. Lại nữa, Chủng tử cũ mong Chủng tử mới, cũng có Dị loại, vì ngay trong sát-na này. Hai giải thích này, văn không đồng.

Luận ghi: "A-lại-da thức cùng với các Thức đồng thời chuyển Chuyển tướng, là nếu cùng lúc chỉ cùng với một Chủng tử đồng thời chuyển, chỗ gọi là Mạt-na đồng thời chuyển, tại sao Mạt-na này v.v... cho đến hoặc Hữu tâm vị hoặc Vô tâm vị, thường cùng với Thức thứ tám đồng thời chuyển ý", đây là cùng với Đối Pháp quyển 2 trái nhau, Đối Pháp ghi: "Lại nữa, Ý này là Biến hành, đồng thời với tất cả Thiện, Bất thiện và Vô ký, chỉ trừ Thánh đạo hiện hành", hoặc ở trong Diệt định và Vô học vị cho nên luận này trái nhau, ngay đoạn văn này ghi: "Vô tâm và Hữu tâm đều trái nhau, tức là Diệt định Vô tâm Thánh đạo Vô học Hữu tâm còn hiện hành, vì có trái nhau. Y theo Ấn Độ có hai thuyết. Mạt-na chỉ có Nhân ngã, không có Pháp ngã, tức là giống như Đối Pháp, ba thời không hiện hành làm chính, nhưng trong luận này nói Hữu tâm Vô tâm, ba tánh vị đều có v.v... tức là trừ Diệt định ra, còn lại là Vô tâm vị, là Vô tâm, Thùy miên và Muộn tuyệt, nhập Vô tướng định, sinh Vô tưởng thiên, không phải là trong Diệt định có. Hiện tại ba Thừa trong Quán vô lậu và Vô học thân đều nhập Nhân không quán,

Thức thứ bảy chỉ có Nhân ngã cho nên không hiện hành, Thức hữu lậu và Thức vô lậu có thể sinh. Hoặc Diệt định cũng có Thức thứ bảy trong tất cả thời mà luận là Ngã ý này

Hỏi: Tại sao Diệt định trong ba thời không có, nhưng mà nói thường cùng với Thức thứ bảy đồng thời chuyển?

Đáp: Đây là căn cứ theo trừ ba vị, còn lại tất cả vị đều không phải ba vị, cũng có vị gọi là đồng thời, văn dưới ghi: “Hữu tâm định và Vô tâm định tức là Vô tưởng định, Hữu lậu định v.v...”, không phải Diệt định và Vô lậu định. Lại nữa, sư thứ hai giải thích rằng: “Ngay câu văn này làm chánh, Mạt-na tất cả thời thường có”. Nhưng Đối Pháp ghi: “Ba thời không hiện hành, cũng có nghĩa là vì Thức thứ bảy khởi hai loại Ngã, Nhân ngã và Pháp ngã, như Nhị thừa nhập ba vị của Quán vô lậu v.v... là Mạt-na Nhân chấp không hiện hành, hoặc Bồ-tát nhập pháp quán ba vị của Thánh đạo v.v... tức là Mạt-na Pháp chấp không hiện hành, trong hai thời này, không có thời Nhân chấp thì Pháp chấp còn, thời hai chấp không có thì Vô lậu Mạt-na sinh, hiện tại ngăn trách hai chấp của Hữu lậu cho nên nói không có, không phải không có Pháp chấp trong Nhân quán, không có Vô lậu trong hai Không quán.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao đoạn văn này hoặc cùng với một Thức đồng thời chuyển?

Đáp: Đây là đối với sáu câu nói còn lại, hoặc không phải chỉ có một câu này, không như thế thì lại thêm hai, ba câu v.v... không nhất định mà nói, hoặc không phải Mạt-na hữu thời, có vô thời cho nên không nói tâm.

Hỏi: Tại sao trong các quán Vô lậu v.v... không có Nhân chấp và Pháp chấp?

Đáp: Như Phật Địa luận, Đối Pháp luận quyển 2 v.v... đều có nói nguyên nhân.

Luận ghi: “Duyên A-lại-da lấy làm cảnh giới chấp Ngã, khởi Mạn, hành tướng tư lương v.v...”, căn cứ theo Ấn Độ có hai giải thích:

1. Sư Hộ Nguyệt giải thích, Thức thứ bảy chỉ có Kiến phần của Thức thứ tám tâm vương làm Ngã, Tướng phần làm Ngã sở, Chủng tử v.v... như trước đã nói. Theo văn này thì chỉ duyên Kiến phần cho nên chỉ có Ngã, không có Ngã sở v.v... Nhiếp luận ghi: “Ngã và Ngã sở, hoặc chỉ có Ngã không có Ngã sở”, các luận khác thì văn hơi thừa.

2. Sư Hộ Pháp giải thích, căn cứ theo đây mà biết, chỉ duyên Kiến phần của Thức thứ tám làm Ngã, không duyên các Tướng phần làm Ngã sở”. Nhưng nói: “Ngã, Ngã sở v.v...”, tức là cho rằng Thức thứ

tám làm Ngã trong nhà Ngã, tức là Ngã sở, trong đó chỉ duyên Chủng tử không duyên các cõi khác, Vô lậu duyên sai khiến v.v... như trước đã giải thích.

Luận ghi: "Lại nữa, Ý thức nhiễm ô Mạt-na lấy làm y chỉ, khi nhiễm ô kia chưa diệt thì tướng Liễu biệt trói buộc không được giải thoát v.v...", đoạn văn này trái với đoạn văn trước, vì có A-lại-da cho nên Mạt-na được có, văn thế khởi như cũ. Lại nữa, như trong Bản Địa phần, đồng thời y chỉ vào Ý, Mạt-na kia y tựa lẫn nhau mà dấy khởi vượt quá hành tướng, luận này thuyết minh điều đó, do có Mạt-na cho nên Thức thứ sáu khởi trói buộc lẫn nhau, là do Mạt-na kế chấp Thức thứ tám làm Ngã, thì Thức thứ sáu đối với Cảnh mà khởi Pháp chấp chấp Uẩn v.v... duyên Cảnh khởi trói buộc gọi là tướng phược, Thể của tướng phược tức là Sở duyên của sáu Trần, đều là Duyên. Lại nữa, do có Mạt-na này cho nên tám Thức duyên cảnh đều có trói buộc khởi, tức là các luận ghi: "Là tướng của cảnh giới có thể sinh trói buộc, duyên này là do Mạt-na Pháp chấp mà khởi hay là do Mạt-na Nhân chấp mà khởi? Nếu là Pháp chấp, thì Nhân không quán của Nhị thừa và Đại thừa đáng lẽ là Hữu lậu, vì phải chờ Sở y pháp chấp, hiện tại căn cứ theo đây mà biết có Mạt-na Nhân chấp. Thức thứ sáu v.v... khởi trói buộc, tại sao như vậy? Vì Nhân chấp này là tánh thể thô của Hoặc, khởi tướng phược của Tha thức. Pháp chấp thì không phải như vậy, cho nên không làm thí dụ, Pháp chấp này đều là lấy chỗ hành cảnh tướng vọng của Tự thức làm trói buộc. Lại nữa, Tha cảnh làm trói buộc, do Sở duyên của Mạt-na thuận với Thức thứ sáu năng y mà khởi trói buộc. Nếu duyên Vô lậu, thì Thức thứ bảy không thuận cho nên không bị duyên trói buộc vào Cảnh của Tự tha, văn lấy ý giải thích trói buộc cho nên dư thừa giải thích Phi tha. Đối với Tự cảnh khởi trói buộc, thì cũng duyên Tha cảnh mà khởi trói buộc. Lại nữa, như trong Bản Địa phần ghi: "Nghiệp của Ý thức, là biết rõ Sở duyên của Tự cảnh và Tự cộng tướng". Người không hiểu Tha và Tự thì hiện tại lựa riêng ra?

Luận ghi: "Nếu trong Địa ngục cùng với chúng sinh thuần khổ không có tạp thọ đồng thời mà chuyển v.v...", đây là căn cứ theo Du-già lấy lạc cực của Tam thiền chỉ ở tại Ý, Địa ngục khổ cực cũng chỉ ở tại Ý, hoặc Địa ngục cực đại trong Địa ngục chỉ có khổ thọ, như Cựu Nhiếp luận không có Lạc tương ưng. Lại nữa, nói: "Năm Thức thân địa của Bản Địa phần trước cùng với Lạc tương ưng", không có văn này, hiện tại trong văn này chỉ có một thuyết là phỏng theo Chủng tử, văn trong các luận khác là "cũng được thành thục Lạc thọ", nhưng có phần

nhiều là Khổ thọ, các Khổ như vậy, đây là căn cứ theo Khổ tăng không phải cho là có Lạc. Lại nữa, nói: "Lấy sinh tử làm Lạc", không phải cho rằng Lạc thọ thì Khổ diệt mà gọi là Lạc, thật ra đều là Khổ thọ. Lại nữa, phỏng theo các Địa ngục nhẹ khác thì có hại gì? Gặp gió mà làm Đoạn thực thì cũng là Lạc tương ưng, đây là căn cứ theo Báo lạc không có hại. Lại nữa, Cựu Nhiếp luận tuy có, nhưng cũng ngược với ngọn mà y theo gốc, hiện tại trong Nhiếp luận không có văn này, hoặc Bản Địa phần như trước mà hiểu. Địa ngục v.v... là Quỷ, Súc có Khổ lạc, trước là Lạc nhiếp một phần có phước, hiện tại là Khổ nhiếp một phần không phước, cho nên nói "vân vân". Như Hiển Dương quyển 17 thì không có chữ "vân vân" này. Tuy nhiên, căn cứ theo ba Thọ thì đều là Súc sinh v.v... mà nói là một phần, cho nên biết một phần còn lại tức là thuần Khổ. Hiển Dương quyển 10 phẩm Phá Khổ ghi: "Thuần lạc là chư Thiên, là không lựa riêng với Dục thiên, tức là ba Thọ", đây là phỏng theo nẻo mà nói, tức là cõi trời có nhiều Lạc, cõi người thì chứa nhiều Khổ cho nên không nói.

Luận ghi: "A-lại-da thức hoặc trong một thời cùng với Chuyển thức tương ưng với thiện bất thiện và Vô ký tâm đồng thời mà chuyển", các luận gia Ấn Độ làm luận năm Thức có hai thuyết, là có Thứ đệ duyên và không có Thứ đệ duyên:

1. Nghĩa của các nhà có Thứ đệ duyên, vì tâm chợt hiện chỉ có một sát-na, tương tục chỉ ở tại Đẳng lưu tâm, như Nhãn thức duyên thiện mà khởi đến Đẳng lưu tâm. Một loại là tự tương tục sinh, khởi sau Nhĩ thức, cho đến Đẳng lưu, duyên bất thiện mà khởi tự loại tương tục, trước Nhãn thức thiện chưa diệt thì Nhĩ bất thiện thức mới sinh, cho nên bao gồm Thức thứ tám, Vô ký và ba tánh đều khởi, cùng với trong năm Thức lại nắm lấy một Thức mà khởi Vô ký có thể biết, hoặc chính là Thức thứ bảy.

2. Nghĩa của các nhà không có Thứ đệ duyên, cho đến Đẳng lưu năm Thức cũng không có. Tương tục có hai thuyết: một là trong Vô nhất niệm, ba tánh đều khởi, trong đây căn cứ theo Sự cứu cánh thì gọi là một sát-na, không phải trong một niệm mà ba tánh đều khởi. Hai là thuyết thứ hai này tức là như Nhãn thiện thức khởi ở trên. Khi đến Đẳng lưu tâm thì Nhĩ thức tâm chợt hiện dấy khởi, cho đến Nhĩ bất thiện Đẳng lưu tâm sinh, Nhãn thức cũng sinh, đây là trong một thời mà gồm cả thiện và bất thiện.

Hỏi: Nếu năm Thức khởi thiện và ác, thì chắc chắn Ý thức dẫn sinh, như Nhĩ thức khởi Ý dẫn bất thiện sinh Nhãn thức, không có Năng

dẫn thì đáng lẽ không khởi thiện?

Đáp: Ban đầu khởi thiện và ác thì chắc chắn do Ý dẫn sinh, nếu đã dẫn rồi thì không cần dẫn nữa, cho nên sau đó thì Nhãn trở lại sinh thiện.

Hỏi: Nếu nói Cảnh bình đẳng, thì có thể Nhãn thức và Nhĩ thức phải cách một hoặc hai sát-na mà liền khởi, nếu như vậy thì Nhãn và Nhĩ không cùng sinh?

Đáp: Cần phải cách ba sát-na, vì loại của năm Thức đồng nhau, tuy đối với cảnh sinh tham ái vì loại của năm Thức đồng nhau, không nên cách một hoặc hai niệm mà liền sinh.

Hỏi: Lại nữa, nghĩa cách một, hai sát-na, cũng có khởi ác, nếu như thế thì liền không gồm cả ba tánh?

Đáp: Nếu có nghĩa này, thì khi Cảnh bình đẳng khởi tâm của ba tánh. Như trước đã nói.

Luận ghi: "Như vậy A-lại-da thức tuy cùng với Chuyển thức đồng thời mà chuyển, cũng cùng dung chứa chỗ đồng thời thọ thiện bất thiện và Vô ký mà chuyển", đây là phỏng theo Thức trước Câu thọ, Câu tánh, Câu môn mà làm Hữu pháp, nhưng không nên nói cùng với Thức kia tương ưng mà làm pháp, tức là hợp chung làm Tông. Tại sao vậy? Vì không cùng với Thức đồng duyên chuyển biến. Dưới đây lập Nhân, như dưới Nhãn thức nêu ra Đồng pháp dụ, để thuyết minh chỗ dung chứa câu nói lựa riêng nó, vì chính trong tên của Chuyển thức đã lựa riêng cho nên không nói dung chứa v.v... Có Thức thì nói là Dung thọ, vì tánh của Thọ đồng với ba Thọ, đều như Nhất tánh thời của năm Thức có hại gì cho ba Thọ? Đều là Ý thức phải dẫn sinh. Lại nữa, có hại gì hai tánh trong ba tánh? Mỗi mỗi đều thọ riêng, như Thứ đệ ở trước đã nói. Lại nữa, tâm của ba tánh còn không có một niệm nào khởi, huống chi là ba Thọ, như sự trước rốt ráo thông suốt.

Hỏi: Lại nữa, ba tánh tuy đồng thời, đâu có hại gì chỉ có một Thọ mà không có ba Thọ đồng tánh?

Đáp: Ba tánh đã đồng thời sinh là chỗ dẫn của Ý thức, thì duyên gì mà ba Thọ không được đồng thời! Nếu ba tánh đồng thời thì làm sao mà không có ba Thọ!

Hỏi: Ba tánh, ba Thọ v.v... bắt đầu khởi, thì đều do Ý thức dẫn sinh, sau đó đồng sinh thì Ý thức đã duyên cảnh nào?

Đáp: Nếu Cảnh bình đẳng thì Thức và Cảnh đều duyên, nếu đối với Cảnh tăng thì tức là tùy theo mà quán Cảnh này. Câu hỏi tức là tùy theo Cảnh mà quán, như hiện tại tùy ý mà hiểu, nếu Cảnh bình đẳng thì

tổng quán các tâm ba tánh của Thức và Cảnh, không đồng với ba Thọ là tất cả nghĩa của Thức, thì Ý tùy theo tánh nào? Tâm tùy theo Thọ nào mà khởi, nếu tánh chỉ có Vô ký, thì không trái với ba tánh, nếu Thọ chỉ có Xả thọ thì không trái với ba Thọ, Bình đẳng và Vô ký của Xả thọ khỏi phải chứng minh.

Hỏi: Nếu tùy theo Cảnh tăng mà duyên thì cũng duyên các cảnh khác phải không?

Đáp: Có duyên, nhưng chỉ tùy theo tánh tăng không đồng, các Cảnh tánh và Thọ còn lại, đều nói như trước.

Hỏi: Văn từ trên đến đây là giải thích chế phục các vấn nạn, nói: Trước đã nói Thức thứ tám tương ưng với Thọ, chỉ có Bất khổ, Bất lạc v.v... tại sao sau đó nói chỉ có Thức đồng thời chuyển, cho đến bảy Thức đồng thời chuyển?

Đáp: Vì ba tánh v.v... cùng sinh, hiện tại để làm cho thông điều này thì thông thứ nhất có hại.

Luận ghi: "Lại nữa, như các Tâm sở, tuy tánh của Tâm sở không có sai biệt nhưng tướng khác nhau", cho đến "trong một thân đồng thời cùng chuyển, phải biết đắp đổi qua lại cũng không trái nhau", đây là chế phục vấn nạn, nói: "Tại sao như trong một thân, có các Thức đồng thời chuyển"? Phải nên lập Lượng rằng: "Thức thứ tám và các Thức nương trong một thân đồng thời chuyển qua lại không trái nhau, đây là Tông; Nhân nói rằng, vì tướng mỗi mỗi đều khác; Dụ nói rằng, như một thân của các Tâm sở pháp đồng thời chuyển. Lại nữa, như đối với Bộc lưu có nhiều lượng sóng đồng thời mà chuyển, qua lại lẫn nhau không trái nhau, cho đến có nhiều Chuyển thức đồng thời mà chuyển cũng không trái nhau", đây là giải thích vấn nạn: "Như thế nào mà nương trên Thức thứ tám của một Hiện hành mà có các Thức cùng khởi"? Đây là căn cứ theo Thức thứ tám không phải một và khác, vì có Chủng tử, cho nên được có các Thức cùng sinh, bây giờ lập Lượng rằng: "Trên Thức thứ tám dung có các Thức cùng sinh, là Tông; vì không phải một và khác, là Nhân; Dụ là như nước và sóng, như ảnh tượng trong gương". Đạo lý nhân quả trong đây, nếu phỏng theo Dụng riêng biệt thì không được gọi là một, như tánh của Tâm sở, tuy không có sai biệt nhưng khác nhau. Nếu nói về Thể tánh, thì các lượng sóng tuy nhiều, nhưng Thể chỉ có một là nước, thì Thức thứ sáu và Thức thứ tám không được nói là khác, Dụng của nhân và quả riêng khác thì không được nói là một, như một Chủng tử thì tự nó không làm thành nhân quả, cuối cùng là mong quá khứ v.v... mới thành", Thể tức là một, tánh khác thì không thành

nhân quả, cho nên không được nói là khác, như nước thì không thể sinh lửa, vì là tánh khác. Hiện tại đạo lý này cũng vậy, như Nhiếp luận, các học trò của Vô Trước lấy sáu Thức v.v... làm Thể riêng, lại cũng có nghĩa tức là Nhất thể. Hai nghĩa này khác nhau, trong luận này thì nương vào Trung đạo mà nói, cả hai nghĩa đều thiên về Câu phi, cả hai nhà tổng lấy đều là Thị. Lại nữa, như một Nhãn thức, trong một thời chỉ nắm lấy một Sự, một Cảnh v.v... đến văn sau giải thích. Từ trên đến đây thuyết minh Thức thứ sáu duyên Cảnh của tự và tha, nghĩa của giáo đốn và bất đốn, lấy Nhãn thức v.v... làm thí dụ, trong đây có Tông, Nhân và Dụ v.v... như văn có thể hiểu. Mạt-na lấy các môn phân riêng, như các chương nói về đức có thể hiểu. Duyên Thức thứ tám làm Ngã và Ngã sở, có hai thuyết:

1. Tức là duyên tâm vương làm Ngã, duyên Sở làm Ngã sở, đây không phải là nghĩa chánh, vì không duyên riêng biệt.

2. Tức là duyên thẳng Ngã là Ngã kiến, làm Ngã trong nhà Ngã là Ngã sở kiến.

Hỏi: Làm sao được trong một niệm mà khởi hai tâm mà hiểu?

Đáp: Thức thứ sáu còn khởi tất cả Cảnh mà hiểu, Mạt-na thì đâu có hại gì! Nghĩa này là chánh. Lại nữa, duyên Kiến làm Ngã, duyên Tướng phần làm Sở, các chín số còn lại có văn luận tương ưng, hoặc chỉ cùng với mười chín số tương ưng v.v... Quả thứ ba lúc nào đoạn Thế gian đạo? Chế phục và không chế phục, như sư Tuấn giải thích trong chương Mạt-na (xem bản Sao cũ), chương này giải thích Mạt-na, lại cũng tức là giải thích văn trong “các Thức đồng thời chuyển” ở trước, văn kia chưa rõ, văn này quyết định lại. Văn kia chỉ ghi: “Hoặc cùng với Hữu tâm và Vô tâm”, không giải thích là Định địa hay là Bất định địa, vì không trái với thiện và bất thiện, cho nên bây giờ nói “quyết định lại”, tức là giải thích sáu Thức duyên tự và tha, vì văn ở trước cho nên luận ghi: “Lại nữa, chỗ nói ở trước”.

Luận ghi: “Cũng là hữu tình lẫn nhau khởi Căn bản tất cả hữu tình mong nhau làm Tăng thượng duyên v.v...”, trong đây các sư trình bày rằng: “Ấn Độ có hai thuyết: một là sư Pháp và Hộ Nguyệt nói: Thức thứ tám cũng biến hiện làm tha thân; hai là sư Hộ Pháp nói: Không phải như vậy, là Thức thứ tám làm hai loại biến hiện: Một là biến hiện căn v.v... khiến cho tự mình thấy các căn v.v... này, là nghiệp Bất cộng tướng chiêu cảm. Hai là cũng Cộng tướng chiêu cảm, khiến cho người khác thấy các căn này, gọi là Tăng thượng duyên. Hoặc Hộ Nguyệt nói: “Cũng biến hiện thành tha thân”, tha thân đó là Sở y của năm Căn thức,

cũng từ Chủng tử của tự thân mà sinh, thì Thức mà tha nương vào, đâu không phải là Sắc tự chủng tử khởi! Đáng lẽ là đồng với căn, lập Lượng rằng: "Nhãn thức của tha thân, đáng lẽ từ Chủng tử của tự thân mà sinh Nhãn căn của tha thân, vì trong Nhãn thức tùy một Thức mà nhiếp, như Nhãn căn của tha thân. Nếu tha thân là căn Sở y của Thức, thì tự thân không gần gũi mà sinh, thì cùng với Ngã có khác gì! Tha làm Tăng thượng duyên mà Thức thứ tám biến hiện, nhưng biến hiện làm tha thân thì đó tức là chỗ nhiếp của khí vật bên ngoài, không phải nương gá biến hiện Thật căn thức của tha, nương gá biến hiện Phù căn trần kia, thì Thức thứ sáu có thể chấp làm hữu tình v.v...", trong đây có hai nghiệp, là Cộng nghiệp và Bất cộng nghiệp, nhưng trong Cộng nghiệp có hai loại, là Cộng trong Cộng và Cộng trong Bất cộng, như một thế giới khí vật bên ngoài, mà Tha cộng chung duyên để thọ dụng, gọi là Cộng trong cộng; như nương vào vật v.v... chỉ có chỗ thọ dụng của tự mình, tha tuy có nghĩa thọ dụng gọi là Cộng, nhưng nghiệp Thọ dụng của tự thù thắng hơn thì gọi là Bất cộng trong Cộng. Trong Bất cộng cũng có hai loại, một là Bất cộng trong Bất cộng, hai là Cộng trong Bất cộng, là như Nhãn căn của tự, thì tha thức không nương vào, chỉ có tự thức nương vào, thì gọi là Bất cộng trong Bất cộng, Phù căn trần v.v... của nó, thì Bất cộng nghiệp của nó chiêu cảm, nhưng cũng là Thức thứ tám của tha biến hiện, tức là Cộng trong Bất cộng. Luận này giải thích các điều này thì lấy lý căn cứ theo văn, ngay tha thân là Cộng nghiệp trong Bất cộng nghiệp, nhưng trong Đại thừa thì dùng lý để khắc phục nó, đã từng hỏi rằng: "Như Sở biến của Nhãn thức trong tự thân, cũng không phải là chỗ thấy của Ý, huống chi là người khác, thì như thế nào gọi là Cộng trong Cộng và Cộng trong Bất cộng"? Trình bày rằng: "Nhưng vì lý thì căn cứ theo không có Cộng, đều là Sở biến của Thức thứ tám của tự nó, người khác thì không được thọ dụng", luận này căn cứ theo tương tợ, như Nhãn căn chỉ có nghĩa tự thọ dụng, còn tha thì không có, gọi là Bất cộng trong Bất cộng. Thế giới khí vật bên ngoài tuy là tự biến, nhưng không phải thọ dụng của người khác. Trong thọ dụng có nghĩa tương tợ, là nói "cộng dụng" cho nên gọi là Cộng nghiệp, còn lại hai câu thì căn cứ theo đây mà giải thích, hiện tại luận này thì cũng là nghĩa biến thật căn của tha thân. Lại nữa, có người cho rằng: "Nghĩa của hai sư, sư thứ nhất là: biến hiện Thức thứ tám, là nương gá vào tha thân mà biến hiện. Sư thứ hai là: Nhãn thức nương vào Sở biến của Thức thứ tám kia mà biến hiện trở lại". Nếu như thế thì nghĩa nào sai, lẽ nào lấy Nhãn thức nương trở lại nó mà nói là khác, những lý như vậy phải nhận thức

rõ ràng. Từ đây trở lên đã trình bày Căn bản tạp nhiễm, tiếp theo dưới đây là giải thích các vấn nạn, là nói Chủng tử của Giải thoát phần v.v... trong A-lại-da là những Cộng đế nào v.v...

Hỏi: Tại sao tiếp theo dưới đây khởi nói văn này, trong đoạn tổng kết không có?

Đáp: Xem văn tổng kết dưới đây thì liền biết.

Luận ghi: "Lại nữa, chỗ nhiếp Chủng tử thiện pháp của Thuận Giải thoát phần và Thuận quyết trạch phần v.v... trong A-lại-da thức", trong đây sư Pháp nói:: "Như người mới phát tâm thì khởi Văn tuệ v.v... đó là Giải thoát phần; từ ba loại của Ngũ đình tâm quán trong bảy Phương tiện gọi là Tùy thuận quyết trạch phần, là Gia hạnh của các nhà Thuận quyết trạch phần, Noãn v.v... bốn Phương tiện gọi là Quyết Trạch phần. Luận này giải thích rằng: "Ba loại Gia hạnh trong Ngũ đình tâm chính là Thể của Giải thoát phần, đều ở trước Quyết Trạch phần, gọi là Tùy thuận quyết trạch phần. Giải thoát phần của nó cũng vậy, từ Văn tuệ trở đi gọi là Giải thoát phần, trở về trước thì thọ trì mười hai Bộ kinh v.v... vì là Sinh đắc thiện, là Gia hạnh của Giải thoát phần kia, Thể không phải là Giải thoát phần, Giải thoát phần thông với chín Địa trói buộc, dưới đây tự có văn giải thích. Sư Pháp trong Quyết Trạch phần ghi: "Thông với bảy Địa, là bốn Địa của cõi Sắc và ba Địa của cõi Vô sắc". Nếu như thế thì tại sao văn dưới trong sáu Hiện quán nói rằng ba Y và năm Y sinh khởi? Do đó biết rằng Quyết Trạch phần là năm Địa trói buộc trong cõi Dục và cõi Sắc, vì ba Phương tiện trước là Quyết Trạch phần. Ngũ đình tâm quán v.v... nếu là Tán tâm, thì tức là cõi Dục trói buộc, cho nên thông với bảy Địa. Noãn v.v... bốn Thiện căn chỉ ở tại cõi Sắc, ba Y và năm Y cũng không trái nhau.

"Định trong đây không phải là Nhân v.v... của Tập đế", như Đối Pháp sao quyển 3, trong giải thích Quyết Trạch phần nói Ấn Độ có ba thuyết: Thắng Quân nói: "Thiện căn của giải thoát này, Thể là Hữu lậu, thuộc Thiện phương tiện nhiếp, hiện tại Chủng tử của phước phần thiện tăng trưởng chiêu cảm quả Dị thục thì phước phần thiện nghiệp kia như duyên mà khởi. Nếu do Dị sinh và Phóng dật v.v... là ba loại Vô minh, chỗ phát Bất phóng dật thì phải biết duyên với Minh mà sinh, tôi nói không phải Vô minh làm duyên mà chiêu cảm đắc quả Khả ái, đến Giải thoát phần v.v... thì tùy thuận Vô lậu, chính là không thể chiêu cảm Tổng báo khổ quả của sinh tử. Nói không phải Tập đế, không phải không chiêu cảm quả riêng. Như Hộ Nguyệt và sư Pháp v.v... tức là do sức Chủng tử của Vô lậu khiến cho hiện hành hai thiện pháp Phương

tiện Hữu lậu và phước phần thiện căn tăng trưởng, đều như sư Pháp trong Đối Pháp sao giải thích, có thể đoạn Đạo đế v.v...

Luận ghi: "Ngoài ra tất cả thiện căn trong thế gian nhân theo đây mà sinh cho nên chuyển lại sáng tỏ nhiều hơn, sáng tỏ do Quyết Trạch phần v.v... khiến cho phước phần thiện hiện hành chuyển sáng tỏ lại, vì tập quen Gia hạnh thiện, thông đạt nhân quả cho nên sáng tỏ. Hoặc Hộ Nguyệt v.v... cũng khiến cho Gia hạnh hữu lậu thiện và phước phần v.v... sáng tỏ, do nhân duyên này mà chỗ nhiếp thọ kia v.v..." cho đến "nhanh chóng được thành lập", trong đây là do Giải thoát phần v.v... làm Nhân duyên, khiến cho Chủng tử của phước phần thiện của thế gian gọi là Chủng tử vô ký chuyển biến có công năng, Chủng tử của thiện nghiệp chuyển biến có thế lực, Chủng tử thiện căn của Tự giải thoát phần nhanh chóng được thành lập. Thành lập, là có thể tăng thêm sự sinh quả thù thắng, cũng tức là khiến cho Chủng tử của phước phần thiện được thành lập trực tiếp. Trong đây thông với Chủng tử mới huân tập vốn có hai nghĩa. "Lại do Chủng tử này, các thiện pháp kia chuyển biến thì sự sáng tỏ phát sinh", là có thể do Chủng tử của Giải thoát phần v.v... cũng tự hiện hành thiện pháp chuyển biến mà sự sáng tỏ phát sinh, cũng tức là phước phần thiện hiện hành.

Hỏi: Nếu như thế thì cùng với sự chuyển biến sáng tỏ trở lại ở trước có khác gì?

Đáp: Càng thù thắng hơn trước, vì niệm niệm tăng thêm.

Lại nữa, từ câu "chiêu cảm tương lai" trở xuống, là chánh thuyết minh nghĩa của phước phần thiện nghiệp, không phải thiện của Giải thoát phần v.v... nhưng không phải chiêu cảm Biệt báo. Trong đây các sư Pháp thì nói đều là Chủng tử của phước phần thiện, sư Bị giải thích như trước.

Lại nữa, từ câu "nương vào tất cả Chủng tử A-lại-da này" trở xuống, giải thích vấn nạn của ngoại đạo, là trước đã nói: "Tạp nhiễm vốn nhiếp các Chủng tử, thì làm sao có hai loại", cho nên dẫn kinh làm chứng. Thí dụ Ác-xoa tụ , tức là loài cây tương tợ như Vô thực tử.

Luận: Trong giải thích Tu tập tác ý ghi: "Nếu các Dị sinh lấy duyên Chuyển thức làm Cảnh", cho đến "thô trọng bên trong là chỗ trói buộc của phược", trong đây giải thích tràn lan mà không nói là nhập Kiến đạo của Độc giác, cho nên lược bỏ không luận. Lại nữa, vì Quán hạnh đồng nhau, chỉ đoạn trừ tương tợ Nhân chấp, hoặc nói Thanh văn rồi nói Độc giác. Trong đây nói: "Duyên theo Chuyển thức mà làm Cảnh, trái với văn của Nhiếp luận, văn đó ghi: "Bồ-tát mới học, thì

phải trước hết học Nhân duyên như thật”. Nhân duyên Như thật tức là A-lại-da thức, cho nên trái nhau. Một giải thích rằng: “Thật ra, Bồ-tát Địa tiền khởi Duy thức của A-lại-da”, cũng như Nhiếp luận nói, nhưng thông với trước Kiến đạo hạnh của ba Thừa cho nên gọi là Duy quán chuyển thức. Trong Chuyển thức có Tạp nhiễm cho nên có thể duyên nó, không phải Bồ-tát không duyên Thức thứ tám, cũng đều là duyên Thức thứ tám mà khởi Duy thức, nhưng sau khi đã nhập Kiến đế rồi thì liền duyên Bản chất Thức thứ tám; hoặc có thể khởi Duy thức quán, đây là phỏng theo Hậu đắc trí; hoặc chưa nhập Kiến đế mà duyên Bản chất thì không bằng không có Hậu đắc trí, vì duyên tự ảnh tượng của Thức thứ sáu mà gọi là duyên Chuyển thức, không phải cho rằng trong Bản chất không duyên Thức thứ tám. Nhiếp luận phỏng theo Bản chất, đây là gián tiếp phỏng theo Ảnh tượng mà nói không có lỗi. Các hàng Thanh văn, tương tợ song quán của Bồ-tát, sau khi nhập Kiến đế trở đi, thì Hậu đắc trí mới khởi, mới thật sự là duyên A-lại-da, nếu không như vậy thì không duyên. Nếu trước đó không duyên Thức thứ tám, thì sau đó làm sao mà duyên được!

Hỏi: Làm thế nào mà Thanh văn cũng khởi được quán này?

Đáp: Nếu căn của Thanh văn bất định đã thành thục, thì phải được nhập Kiến đế rồi mới tiến đến Đại thừa, tức là có thể khởi được quán này, được có căn đó, thì đó là người chưa thành thục quyết định, nhập Kiến đạo thì không như vậy. Văn này phỏng theo căn đã thành thục quyết định mà nói. Lại nữa, phỏng theo Thể của Chủng tử mà nói, là ba Thừa đều đoạn tất cả Tập đế và Khổ đế, nếu có một pháp nào chưa đạt thì chưa biết thiên về nó, thì “Ngã” cuối cùng không nói là đắc Lậu tận, đã đắc Đế quán rồi thì ba Thừa đồng quán, hoặc phỏng theo Danh thì tùy theo nghĩa mà khác nhau, đó là người khởi duyên chỉ có hai quán song song. Bồ-tát có hai Ngã, đó là Nhiếp luận phỏng theo Thể, luận này cũng vậy, cho nên có tất cả Ngã thì đều thông đạt hết, nếu phỏng theo nghĩa trong Danh mà tùy thuận thì không có hai Ngã, vì chỉ quán Nhân và Ngã, cho nên trừ tất cả Phiền não chướng, Bồ-tát song song trừ hai Ngã mà quán riêng biệt, như trước đã nói về quán, thông đạt A-lại-da như trước đã nói không khác nhau. Lại nữa, chánh giải thích là Bồ-tát có thể biết Thức thứ tám, không phải người Nhị thừa. Người Nhị thừa trong đây là Kiến đạo, nương vào duyên Chuyển thức mà quán, sau đó thì nhập Kiến đế, biết rõ tất cả sự Tạp nhiễm và các sự triền phược v.v... đó là thật duyên của Bồ-tát Địa tiền. Thức thứ tám chưa duyên nhiễm ô cho nên gọi là duyên Chuyển thức, sau đó nhập kiến Đế duyên A-lại-

da, A-lại-da không phải Nhị thừa duyên được.

Trong Kiến lập chuyển y, luận ghi: “Lược bỏ các hạnh đó”, cho đến “một cụm một tụ”, đây là Gia hạnh đạo, như Vô lậu của Bồ-tát trong Hiển Dương luận nói: “Nhị thừa cũng vậy, là một tụ dấy khởi”, cho đến “mà đắc Chuyển y”, đây là Vô gián đạo. “Chuyển y vô gián” trở xuống cho đến “phải nói là đã đoạn”, hiểu rõ tất cả Tạp nhiễm gọi là Đạo. Đoạn hoặc trong đây vốn có Chủng tử, Chủng tử sinh hiện hành khác thời. Như Bồ-tát Hộ Pháp nói: “Hiện tại đồng thời thù thắng mà sinh, Đoạn thời này cũng vậy, hoặc quả của Vô gián đạo đã mất, hoặc quả của Giải thoát đạo đã tận, phân biệt như thường”, đây là nói Chuyển y có ba loại:

1. Tâm chuyển y, là Chân như chuyển thành Sở y.

2. Đạo chuyển, tức là Vô phân biệt trí, đây là Năng chuyển.

3. Diệt tánh, tức là Trạch diệt vô vi, điều này các luận gọi là Trạch diệt.

“Do Trí năng duyên có thể đoạn Hoặc, duyên Chân như diệt Sở đắc mà kiến lập, không phải thật pháp” trở xuống, là giải thích vấn nạn, mỗi mỗi sự sinh khởi đều có thể hiểu. Có nắm lấy Thọ tánh tức là lấy Cộng quả. “Lại nữa, tức là Tham chuyển y, đối với ba tánh tự tại”, là đắc Chuyển y rồi mà thủ hoặc xả ba tánh, pháp được tự tại, nếu không như thế thì thủ hoặc xả đều không được tự tại. “Trong Diệt tướng của Thức thứ tám, thân đó tuy trụ, nhưng cũng như biến hóa”, tức là lực của nghiệp phiền não đã đoạn, Thức thứ tám đáng lẽ không có, do có thế lực của phần khác mà có Uẩn vô phú vô ký tồn tại, giống như sự biến hóa tương tợ, không phải chỗ khởi của nghiệp phiền não. Lại nữa, đây là phỏng theo câu nói “hồi tâm hướng Đại thừa”, là vì nguyện thông với lực, khiến cho trụ trăm ngàn kiếp, trụ mạng này tức là do nguyện thông với lực mà sinh, như sự biến hóa cũng lấy sự thông biến hóa với lực mà sinh. Nếu là Phật thì không phải như vậy.

Trong bốn câu A-lại-da, điều này như Đối Pháp luận quyển 2 ghi: “A-lại-da, là hay nhiếp tàng Chủng tử của các pháp”. Lại nữa, chư hữu tình lấy đó làm Ngã, tức là chỗ nắm lấy của Ngã ái gọi là A-lại-da. Luận này thì lấy nghĩa sau, cho nên Địa thứ tám v.v... xả Danh mà không xả Thể. Trong câu riêng thứ nhất, nói: “Diệt định”, là người của quả thứ ba, không phải quả nào khác, ngoài ra là làm thành câu thứ tư. Hoặc trong Niệm sinh tử, các nhà chủ trương Vô ý thức vấn nạn rằng: “Tại sao trong đây không luận về sinh tử Uẩn”? Tức là trong Muộn tuyệt nhiếp. Trong câu riêng thứ hai có ba vị:

1. Thô hiện thì Ái tận, xả bỏ Danh, không phải Pháp chấp vi tế, là người Nhị thừa.

2. Vĩnh viễn chế phục Hiện hành, nhập Địa thứ tám trở đi, hiện hành nhân ái vĩnh viễn chế phục, không khởi Phi pháp ái, đây không phải là Hoặc giữ lại, vì khởi pháp Không.

3. Song song trừ hai chấp nhân và pháp của Tập khí thô và tế, là Địa thứ tám của Như Lai trở đi.

Trong đây gọi là Bất Thoái, vì chưa đắc Bất Thoái, quyết định hằng tăng tấn thiện pháp, Sơ địa gọi là Bất Thoái, gọi là đã đắc Bất Thoái vì không phải lúc không đắc mà có khởi Phiền não và tâm Hữu lậu v.v... Tên của Chuyển thức thông với Lậu và Vô lậu đều được; tên của A-lại-da thì hẹp, chỉ đến Nhị thừa hữu học và Đại thừa Địa thứ tám; tên của Dị thục thức thì rộng, cho đến Đại thừa Kim cương, Nhị thừa vô học, hoặc nhập Vô dư giới. Trong câu thứ tư "Nhị thừa tất cánh Như Lai hiển thị tướng", thông với Diệt định v.v... luận ghi: "Và Như Lai v.v...", không phải Bất Thoái Bồ-tát; "Và Như Lai thật ra cũng nhập Vô dư y Niết-bàn", đây là phỏng theo sáu Chuyển thức, không phỏng theo Chuyển thức thứ bảy, cũng là Yêm-mạt-la thức, luận này thì gọi là Vô cấu thức, chỉ ở tại Phật quả, tức là tên gọi khác của Thức thứ tám, đây là luận về Bản Địa trong hai Địa trước Quyết Trạch phần. Trong "nguyên nhân kiến lập tự tánh của sáu Thức" nói: "Lại nữa, một thức loại dựa vào tự tánh chủng chủng sai biệt của các duyên kia mà sinh khởi", trong đây, học trò của sư Vô Trước giải thích tám Thể tuy khác nhau, là một Thức lưu loại nương vào duyên mỗi mỗi đều riêng khác, tùy theo đó mà lập danh. Hoặc như Nhiếp luận khác với học trò của Vô Trước, nói: "Thể của tám loại là một, Thức nương vào căn riêng biệt mà lập thành tám tên". Thể của nó không khác nhau, tức là lấy văn này làm chứng.

Luận: Trong giải thích Thức thân biết khắp, nói: "Có dịch bệnh, có hoạnh họa, có tai nạn, có phiền não", điều này như sư Pháp nói: "Ba loại đầu là ba hại, một loại sau là tâm ưu khổ. Lại nữa, ba loại đầu là ba tội, một loại sau là tâm ưu khổ", luận này thì lại khác, tức là lấy bốn tướng thứ tự phối hợp với nó. Lại nữa, loại thứ nhất là ba hại, ba loại sau là ba tội. Lại nữa, ba loại đầu là ba hại, ba loại sau là ba tội.

Luận ghi: "Phải phân rõ tâm Thiện xảo sai biệt và Chuyển thiện xảo sai biệt v.v...", cho đến "phải biết Chuyển thiện xảo sai biệt, quán Biến kế sở chấp không có quá khứ không có vị lai, tự tánh là Niết-bàn, duyên chứng không có thời gian, chứng tánh tâm của pháp Chân như, có thể như thật mà biết, gọi là Thiện xảo; không phải Y tha khởi cho

nên gọi là Sai biệt", duyên tâm của ba tánh, đây là nương vào tha pháp mà không phải Vô pháp, quán biết đó là tâm nương vào Tha mà khởi, gọi là tâm Chuyển; có thể như thật biết, là không sinh Biến kế chấp gọi là Thiện xảo; khác với quán trước gọi là Sai biệt. Lại nữa, giải thích Duyên nương vào tha mà khởi pháp, không phải Hữu và Tợ hữu; chữ Chuyển có nghĩa là Diệt chứng Chân như. Tâm diệt nương vào tha mà khởi Biến kế sở chấp, tánh thể là Vô pháp; quán chỉ có tâm, chỗ chấp không thể đoạn, không chứng Chân như, chỉ gọi là tâm Thiện xảo.

Luận: Trong giải thích An lạc của hai quả thắng lợi, nói: "Đắc Bồ-đề lạc, đối với Nhân tự tại", là khiến cho tâm thuộc về mình, không để cho phóng dật, cũng tức là do tâm huân tập tu hành trước, đối với Quả thời đắc cứu cánh, An lạc trong nhân, đối trị ba tánh một cách tự tại.

Luận: Trong giải thích Niệm trụ chỉ có quán tâm, đây là chỉ đoạn các tâm Lạc, Tịnh, Thường và Ngã, đối với Cảnh pháp mà khởi thật bất tịnh v.v... Có người cho rằng: "Quán tâm niệm trụ đắc Cảnh", trong đây trước đã nói Thức thân biết khắp, luận này nói chỉ nên đối với tâm dũng mãnh thiện thâm sâu, cho nên có văn vấn nạn này. bốn Đảo như Thức thứ tám ở trước ghi: "Đối với Giới thủ là Lạc đảo, Kiến thủ là Tịnh đảo, phần ít Biên kiến là Thường đảo, Ngã kiến là Ngã đảo". Hiển Dương luận ghi: "Bốn Đảo đều là tâm đảo của Tướng và Kiến, cho nên đều vì trừ diệt bốn Đảo này, do đó ba loại trụ sáu Chánh hạnh", Giải thoát trụ tức là Bồ-đề giải thoát môn của ba Thừa, Trụ tức là Không, Vô nguyện, Vô tướng và Giải thoát môn, như Hiển Dương luận quyển 2. Hoặc nói: "Không, Vô nguyện v.v..." mà không nói "Tu v.v...", tức là thông với ba Tuệ Văn tư tu, thông với Lậu và Vô lậu. Hoặc nói: "Tam-ma-địa của Không, Vô nguyện v.v...", tức là chỗ sinh Tuệ của Tu, thông với Lậu và Vô lậu. Hoặc "Giải thoát môn của Không, Vô nguyện v.v...", tức là chỉ có Tu tuệ Vô lậu. Ba Giải thoát môn của luận này thì chỉ nhập Kiến đế Vô lậu, cho nên trong sáu Chánh hạnh sau đây nhiếp nhau, Kiến đạo và Tu đạo thì nhiếp các hạnh này, có thể dẫn các pháp của Giải thoát môn dừng trụ, tức là bảy Phương tiện nhập Kiến đạo ở trước. Lại nữa, Giải thoát trụ trụ tại Niết-bàn, thì Diệt đế là Giải thoát môn trụ, tức là Đạo đế và Niết-bàn, nương vào đó mà được hiển hiện cho nên gọi là môn. Có thể dẫn các pháp của Giải thoát môn dừng trụ, tức là ba Tuệ hữu lậu của Địa tiền dẫn sinh Trung đạo Diệt đế của Kiến đế. Vô gián hạnh trong sáu Chánh hạnh, là Văn tuệ, Thiện thọ, Tư duy và Tư tuệ tu chỗ dẫn Thiện căn, phát khởi Tu tuệ sau ba Kiến mà tu ba Đạo của

Vô học. Tiếp theo nói ba Tuệ ở trước, nhiếp tại bảy Phương tiện. Trụ sau cùng trong ba Trụ là Kiến đạo nhiếp, ba Giải thoát môn là Vô học đạo nhiếp. Giải thoát trụ thì luận này nương vào các giải thoát ở trước mà giải thích ba Trụ ngược lại. Lại nữa, giải thích Vô gián hạnh của sáu Chánh hạnh, tức là nhiếp trong bảy Phương tiện. "Vô gián tu thiện thọ tư duy", tức là đã có Kiến đạo vô gián tu rồi thì hiện tại đắc Vô lậu, cho nên nói là Thiện thọ tu chỗ dẫn Thiện phát khởi, là Tu đạo nương vào Tu thiện căn mà khởi. Trong Tu đạo lìa Dục của ba cõi, đây là khi cõi dưới lìa cõi Dục thì lìa Dục của cõi Sắc gọi là Giản trạch đế, là tu hành Đế lý mà chọn lựa; lìa Dục của cõi Vô sắc thì gọi là không có Tăng thượng mạn, nếu Tỳ-kheo Tăng thượng mạn đắc Đệ tứ thiền thì gọi là quả La-hán, đây là lìa Dục của cõi Vô sắc mà đắc Vô lậu chân thật, không khởi Tăng thượng mạn, cũng đối với chính mình mà được lìa Dục của cõi Sắc, thì không khởi Tăng thượng mạn, những hạnh này đều là Tu đạo, nhưng phỏng theo trong một cõi tăng thắng mà được tên, không bằng trước hiểu rồi sau đó đắc Vô học quả, gọi là Chánh tịnh hạnh, đắc sáu thứ Hằng trụ pháp. Giải thoát ở trước cũng có thể phối hợp theo thứ tự, cũng Trụ thứ nhất là trong Trụ thứ ba ở trước, bốn Trụ là Trụ thứ hai trước, phỏng theo thời gian tăng mà nói, thì Trụ thứ sáu là Trụ thứ nhất ở trước, hoặc từ đây về sau năm Trụ đều thông với hai Trụ trước.

Luận: Lại nữa, hai loại Xả thí: một là Thọ giả xả thí, hai là Thí giả xả thí. Thọ giả xả thí, sư Pháp có hai giải thích: một là như thí tự thân cho người khác thọ, tức là như ăn xong, xả bỏ thân mình mà cấp cho người khác thọ dụng, gọi là Thọ giả xả thí. Hai là thọ được tài sản của người khác mà hành Xả thí, tức là Chuyển thí pháp thí, chữ Thí đã có thể hiểu. Trong đắc hai Quả, thì Thọ là đắc đại Tài phú, Thí thì đắc quả Đẳng lưu này. Lại nữa, một là phá xan tham của tự mình mà tự thọ dụng tài thọ, là tự xả ban cho thân mình thì gọi là Thọ giả xả thí, tức là làm nô bộc cho thân mình, cũng là đều lấy Thí tâm, cho nên trong tương lai này sẽ đắc tài bảo, trở lại tự thọ dụng làm quả Đẳng lưu và quả Thắng giải; hai là thí cho người khác, là đắc đại Tài phú. Lại nữa, hai Thí trước thì giải thích như trước, đều là đắc đại Tài, là quả Dị thục, vì trong đó không có Xan, có thể thọ dụng trở lại gọi là quả Đẳng lưu.

Luận: Trong luận Phá quá khứ và vị lai thật có, đoạn văn này vì muốn thuyết minh pháp của tự mình trong ba đời, trước hết là phá đối với nhân kia, chọn lựa quyết định Tầm tứ địa ở trước, văn trong quyển 6 không phải là chánh quyết định chọn lựa, đây là Y tha v.v... chọn lựa, cho nên trong vấn nạn dưới đây, "tại sao vậy", là tổng trình bày.

"Không phải là pháp không có phương không có xứ, có nghĩa là từ phương khác chuyển đến phương khác", đây là Phá thứ nhất, đáng lẽ lập Lượng rằng: "Sắc của đời vị lai đáng lẽ có phương sở, có chuyển dị, như Sắc hiện tại". Lại nữa, "pháp của đời vị lai không thể di chuyển đến đời hiện tại, vì không có phương sở, như sừng thỏ, cũng không phải là pháp chưa sinh hay đã sinh v.v...", đây là Phá thứ hai. Nói rằng: "Pháp vị lai của ông quyết định không có chết, vì không có sinh, như hư không v.v... sừng thỏ v.v... Nếu hư không và sừng thỏ làm duyên được sinh thì khác với pháp mà sinh v.v...", đây là Phá thứ ba. Nói rằng pháp vị lai tự trụ không hoại, dùng pháp này làm duyên với hiện tại riêng pháp mà sinh, vì pháp vị lai này không có, liền có lỗi trái với Tông, thì làm sao nói tất cả pháp vị lai là vốn có, phải lập Lượng rằng: "Pháp hiện tại sinh này không phải thấy có trong vị lai, vì lìa sinh, như tướng dụng của Trụ và Diệt v.v... Lại nữa, trong Đệ nhất nghĩa của tất cả pháp không có tác dụng v.v...", đây là Phá nghĩa thứ tư của các sư chủ trương nghiệp dụng, nghiệp dụng lìa Thể thì chắc chắn là bất khả đắc, vì Thể có pháp sinh khởi, như tự thể của Thể, nếu thừa nhận là khác thì vị lai đáng lẽ cũng có nghiệp dụng, vì nương vào Thể mà sinh, như nghiệp hiện tại. Lại nữa, nghiệp dụng này đáng lẽ vốn không có mà bây giờ được sinh, tức là phù hợp với tha tông, nhưng trái với tự tông, vì tất cả pháp của tông kia có vị lai. Nếu như thế thì cũng phải lập Lượng rằng: "Tất cả thể tướng trong vị lai không có, vì không lìa nghiệp, cũng như nghiệp hiện tại v.v...". Lại nữa, từ câu "cùng với ngôn tướng của Thế Tôn trái nhau" trở xuống, là phá thể Hữu trong vị lai, phải lập Lượng rằng: "Thể của đời vị lai, Thể đó là Thường, vì xưa có và nay cũng có, như hư không v.v... đồng với Nhất tướng, nếu tướng khác với phần mà được, thì đó là có Danh v.v...", đây là Phá thứ năm tướng vị lai chưa viên mãn, tướng hiện tại đã viên mãn. Trong đây nói: "Nếu chưa viên mãn thì vị lai có một phần, phần vị lai viên mãn này tại sao không có"? Phải lập Lượng rằng: "Vị lai lại có trong một phần viên mãn của hiện tại, vì có mỗi mỗi phần bất đồng đó, như tướng hiện tại", Lại nữa, "tướng khác với phần xưa không nay có v.v...", phải phá không viên mãn và không sẵn có của vị lai, Lượng rằng: "Một phần tướng không viên mãn của vị lai, xứng với một phần tướng xưa không nay có, như một phần tướng viên mãn của đời hiện tại". Lại nữa, "lìa tất cả hành tướng của Sắc v.v... còn lại là phần vị lai v.v...", đây là Phá thứ sáu vị lai, riêng có phần không phải là Sắc v.v... hiện tại cũng vậy cho nên ba đời khác nhau, phải lập Lượng rằng: "Chỗ ông nói lìa ngoài Sắc ra là có, phần vị lai quyết định

là không, vì Hiện lượng và Tỷ lượng là bất khả đắc, như sừng thỏ. Lại nữa, đáng lẽ vị lai không có tướng quả, hiện tại mới có, tướng quả này cũng là xưa không nay có”, tại sao nói tất cả đều có trong vị lai! Lại nữa, tông kia thừa nhận vị lai có tướng quả, nếu như thế trước đã nói: “Chỉ có vị lai là có tự phần của nó”, thì chỗ nào có tướng của đời! Giải thích trước là thù thắng, phải lập Lượng rằng: “Thời của đời vị lai đáng lẽ có tướng quả, vì có phần của đời, như đời hiện tại”. Thế phần, tức là phần vị lai v.v... Giải thích này có sáu sư, Bản Địa phần ở trước có bảy giải thích. Đây là xem xét vấn đáp như Biệt hội.

Trong ba đời, Bản Địa quyển 3 ở trước đã giải thích có ba loại ba đời:

1. Thần thông ba đời.
2. Duy thức ba đời.
3. Pháp tướng ba đời.

Pháp tướng ba đời, cũng như đối với Chủng tử hiện tại, có nghĩa tương đương với “đã từng v.v...”. Nói về pháp của ba đời, tức là quyển 3 ở trước, đối với Chủng tử mà kiến lập, Chủng tử này đồng với hiện hành, nhưng Chủng tử thì thường hằng cho nên nói là Phi hiện hành. Dưới đây, quyển 2 ghi: “Hiện tại có ba tướng: một là Quả tướng quá khứ, hai là Nhân tướng vị lai, ba là Tự tướng hiện tại. Tức là pháp tướng ba đời. Duy thức ba đời, vì Thức trước đã từng có tương đương với Cảnh v.v... như phàm phu v.v... duyên Cảnh quá khứ, Cảnh này tương đương với tâm hiện, vì trên Thức dối có công năng, Ảnh tượng tương sinh lẫn nhau, cùng với Thức không có Chủng tử riêng khác, tương tợ như pháp của ba đời sinh khởi, pháp này thật ra là pháp hiện tại, nương gá vào Chủng tử đã từng duyên, tương đương với duyên Chủng tử mà sinh Ảnh tượng này, Ảnh tượng này do Duy thức vọng hiện cho nên gọi là Duy thức, do đó Bản Địa thứ ba ở trước, nếu Ý thức mặc tình tán loạn thì gọi là duyên Cảnh hiện tại, vì Cảnh này hằng hiện tại.

Hỏi: Tâm không cô độc dấy khởi nương gá vào Cảnh bản chất mà sinh, tâm này nếu duyên quá khứ vị lai không có Cảnh mà sinh, đã là Thức không có Bản chất, thì Cảnh làm sao mà sinh, như Cực vi, hư không v.v... lấy giáo làm Bản chất, như ở trước lấy Chủng tử làm Bản chất? Lại nữa, như sừng thỏ duyên, thì lấy gì làm Bản chất? Những thứ này đều là tên của Tầm gọi là Bản chất cho nên Ảnh tượng sinh, do đó chỉ có Thức. Sừng thỏ này không sinh, là do hiện tại không có Sinh nhân, hoặc như quá khứ đã không phải là quả của sừng thỏ. Sừng thỏ không đồng với quá khứ ba đời và thần thông ba đời, đây tức là Tha

tâm thông của Thiền định. Phàm phu và Thánh duyên quá khứ vị lai làm Cảnh, vì trí có công năng, tương tợ như so với thời mà hiện, hoặc trí có mạnh yếu, duyên Cảnh có rộng hẹp, nghĩa này cùng với trước khác nhau. Hoặc nghĩa là chấp tâm không phải độ lượng Cảnh, nếu không chấp tâm so sánh độ lượng mà biết, hoặc lấy cảnh trong hiện tại và quá khứ đã từng thấy so với vị lai thì tương đương với sự này sinh, hoặc lấy hiện tại để so sánh, so sánh đã từng có sự này, so sánh độ lượng mà biết, nếu thần thông và Thiền định thì đây là chứng mà hiểu. Tuy công năng trên tâm mà sinh chứng quyết định, cho nên cùng với trước khác nhau. Như Bản Địa sao quyển 3 thì hiểu.

Luận: Đoạn văn "trong quá khứ đáng lẽ có quả, hiện tại cũng căn cứ theo nhân của vị lai mà có", trong đây chỉ luận về nhân, tướng của nó đã xả, vì không luận về quả, không nói hiện có. Lại nữa, hiển thị quá khứ và vị lai không có Thể, là phỏng theo Hiện pháp mà lập, quá khứ thì không nói có quả, chỉ nói tự tánh cho nên nói là "đã không có", để hiển thị vị lai chưa sinh tướng cũng không có Thể. vị lai nói là Nhân hiện hữu trên nhân của hiện tại, có nghĩa tương đương sinh quả để hiển thị đối với pháp hiện tại cũng được lập. Biết rõ Thể nhân tướng của quá khứ đã diệt, thì đối với hiện tại mà có nhân này, là đã từng có không phải bây giờ mới có, tức là đối với pháp hiện tại mà lập quá khứ. Đây là hiển văn có bốn duyên, như Bản Địa phần quyển 3 giải thích.

Luận: Nhân duyên trong Tùy thuận lý môn, nói: "Là các Sắc căn, Căn y và Thức, hai thứ này v.v...", sư Pháp nói: "Căn y là Phù căn trần. Nếu như thế thì tại sao" trở xuống, là nhiếp trong tất cả Chủng tử, không nói Phù căn trần, kế đó đoạn văn dưới ghi: "Phải biết Sắc pháp của các luận khác chỉ có chỗ đeo đuổi của Chủng tử tự nó, văn lý của luận này thì trái lại cho nên giải thích điều đó. Căn y, tức là bốn Đại tạo căn. Trong "lại nữa" thứ hai giải thích nguyên nhân, nói: "Nếu các Sắc căn và Tự đại chủng của nó, không phải Chủng tử của tâm và tâm pháp đeo đuổi v.v...", cho nên biết Căn y là bốn Đại tạo căn. Nếu như thế thì tại sao lại bàn luận? Nói rằng, đeo đuổi Sắc căn có Chủng tử của các Sắc căn và Chủng tử của các Sắc pháp khác v.v... không nói trong bốn Đại có Chủng tử v.v... của các Sắc pháp. Trong giải thích thì nói điều này lược bỏ không nói. Lại nữa, đoạn tổng văn trên nói Căn y, và trong nguyên nhân ghi: "Bốn Đại tự nó thuyết minh bốn Đại tạo căn, có Chủng tử của các pháp", trong đây đã giải thích căn, giải thích bốn Đại tạo căn đã xong. "Phải biết Sắc pháp của các luận khác chỉ có chỗ đeo đuổi của Chủng tử tự nó", đây là các Phù căn trần, không phải Sắc pháp

khí vật bên ngoài, lấy đây làm chuẩn tức là trong Tâm sở pháp đáng lẽ cũng phải có Chủng tử của tự nó. Trong đây chỉ nói Thức là lược bỏ mà không luận. Lại nữa, Tâm sở không đồng với Phù căn trần, nguyên nhân tại sao? Vì Thời của căn của Phù căn trần không có, chỉ có Tâm sở, nếu không như thế thì lẽ nào được Thời của tâm vương không có mà Tâm sở thì có, cho nên không đặt làm thí dụ. Trong đây nếu như khi cõi Hữu sắc có tâm, thì Chủng tử ở tại xứ nào? Làm mỗi mỗi Sắc pháp thì tâm pháp đều có Nhất thiết chủng tử mà làm, nhưng khi có tâm thì ở tại tâm, không có tâm thì ở tại Sắc, hoặc trong mỗi mỗi có hợp chung vô lượng Chủng tử. Lại nữa, khi sinh cõi Vô sắc, thì Chủng tử trong Sắc cùng ở tại chỗ nào! Nếu có tâm ở tại tâm v.v... thì như cõi Hữu sắc khi có tâm thì ở tại xứ nào! Nếu ở trong tâm thì tại sao không ở trong Sắc!

Luận ghi: "Sau khi sinh Vô tưởng thiên, là khi tâm sinh", hoặc có người giải thích điều này, "ở tại sinh xứ kia rốt cuộc là không có tâm", đây là ở tại chỗ thọ báo kia. Từ đây trở xuống khi sinh thì quyết định có tâm. Các văn luận dưới đây nói: "Đều là y theo khi chưa lập A-lại-da thánh giáo v.v...", đây là Tùy thuận lý môn, nghĩa của các sư kinh Bộ.

Luận: Giải thích hai loại Thoái chuyển: một là Đoạn thoái, hai là Trụ thoái. Đoạn thoái, là do Phục và Đoạn mà Thoái chuyển. Trụ thoái, là mất Hiện pháp lạc trụ mà Thoái chuyển. Như Đối Pháp luận quyển 13.

BẢN LUẬN 52

Luận: Trong Đẳng vô gián duyên, nói: "Nếu sáu Thức này làm Đẳng vô gián duyên v.v... của sáu Thức kia", trong đây có hai sư giải thích, như Đối Pháp sao hội quyển 3 trước, rộng giải thích văn này. Trong phần Năm thức một niệm của quyển 3 và quyển 1 ghi: "Đẳng vô gián y, là Ý thức không phải tự Nhãn thức", đây là bốn duyên trong quyển trước, từ A-lại-da trở xuống tức là đoạn văn nói Nhân duyên, phần nhiều là nói Chủng tử như quyển trước, các đoạn văn này trong Bản Địa phần quyển 3 ở sau đoạn văn ba đời, nương theo văn mà thuận tiện cho các đoạn văn về sau, như đoạn văn "sinh khởi bốn Duyên" trong quyển trước, trợ cho "một loại Nhân duyên mong pháp Sở sinh, có thể làm Sinh nhân v.v...", đây là Năng sinh nhân, như Bồ-tát địa v.v... quyển 38 ghi: "Sự khiên dẫn sinh khởi là Nhân duyên", quyển 5 lại ghi: "Sinh là Nhân duyên, thuộc Năng sinh nhân nhiếp, không phải Khiên dẫn nhân thuộc mười hai Duyên sinh". Quyển 10 ghi: "Mười hai Duyên này mong nhau cùng nương để tăng thượng", là nói chỗ sinh dẫn phát sự sinh khởi Khiên dẫn, cho nên nói là không có Nhân duyên. Lại nữa, như Bồ-tát địa, nhân sinh khởi Vô ký, là Tăng thượng duyên, cho nên biết Thể của Năng sinh nhân là Nhân duyên, sự sinh khởi kéo dẫn đều thông với Nhân duyên tăng thượng. Nếu chỉ có sự sinh khởi chỉ là Nhân duyên, thì trái với Nhân duyên và Nhân sinh khởi Vô ký. Trong đoạn văn này, chỗ làm chứng đồng với quyển 5 và Bồ-tát địa v.v... vì nhiếp hai Nhân, là Nhân duyên, không phải nhân nào khác, nếu không thì các duyên này tụ hội, tức là Hành chi đã bị tô điểm thêm. Đây là nhân gì? Là nói mong Sinh và Lão tử, vì không phải Sinh khởi nhân. Bốn Duyên lập mười hai Nhân, như trong quyển 38 ở trước và quyển 5 ghi: "Nhân duyên trong một phần sự sinh khởi kéo dẫn nhiếp thọ một phần Nhân, là Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên, còn lại một phần và sự khiên dẫn sinh khởi mỗi mỗi phần Nhân còn lại, đều là Tăng thượng duyên. Các vấn nạn đồng như trước.

Luận ghi: "Đáp: Do nghĩa có thể chấp trì chỗ mà các năm Thức thân không hiện hành, cho nên Thế Tôn giả thuyết là pháp v.v... Nếu có Thể thì pháp chỉ ở hiện tại, vì Thể là Hữu, cho nên gọi là Chân thật pháp, hoặc Thể của quá khứ và vị lai không thật có, nhưng có thể trì giữ Vô thể của tự nó mà khiến cho năm Thức không hiện hành, khiến cho Ý thức chuyển, cho nên gọi là pháp, pháp này lẽ nào là pháp, mà khiến cho Pháp xứ nhiếp!" Có thể dẫn kinh làm chứng, chỉ có chữ Pháp lượng,

không có chữ Xứ, giả thuyết pháp Vô vi không phải gọi là pháp, cho nên thuận tiện Pháp xứ nhiếp mà nói rằng có Thể, phải lập Lượng rằng: “Như chỗ nói của tôi là quá khứ và vị lai không có pháp, thì cũng đáng lẽ gọi là pháp, vì có chỗ trì giữ, như pháp hiện tại, đáng lẽ trở thành Ý thức duyên, các pháp của quá khứ, vị lai v.v... không có Thể, thì Ý thức đáng lẽ duyên được, vì đó là pháp, như pháp Hữu thể”?

Đáp: Do Ý thức kia cũng duyên Thức của quá khứ và vị lai để làm cảnh giới thế gian hiện tại khả đắc”, thế gian này trái nhau, vì Thức của quá khứ thuộc mười tám Giới nhiếp, Ý thức khi duyên nó thì không phải Pháp xứ nhiếp, chỉ là tương đương với sáu Thức giới nhiếp. Duyên đời quá khứ cũng vậy, tuy giả gọi là pháp nhưng không phải Pháp xứ nhiếp, các tâm duyên như hoa đóm trong hư không cũng dấy khởi, cảnh này cũng không phải Pháp xứ nhiếp, cũng được giả gọi là “duyên pháp mà khởi ý”, phải lập Lượng rằng: “Hai đời quá khứ và vị lai là Cảnh sở duyên của Ý thức, các pháp v.v... của Sắc không phải Pháp xứ nhiếp, vì Thức duyên hai đời quá khứ và vị lai lấy chỗ hiện hành của Ý thức, như chỗ duyên sáu Thức của hai đời quá khứ vị lai “.

Hỏi: Nói rằng đây là Sở duyên duyên phải không?

Đáp: Ảnh tượng thì phải là Duy thức ba đời nhiếp, là Sở duyên duyên Bản chất vô pháp này, không phải là nhân quả, Ảnh tượng có thể thành nhân quả, bây giờ đem chỗ chấp của ngoại đạo mà phá chỗ sai. “Trong Đại thừa không có Ảnh tượng, các Thức có thể hiện hành, Hữu tánh an lập hữu tình Vô tánh, an lập Vô tánh v.v...”, pháp Hữu tánh đều đã hạch hỏi nhiều, Hữu tánh này gọi là Tông chủ, Hiện hành gọi là Ý, vì không tự có nghiệp dụng để có thể trì giữ tự thể. Hiện tại tha thức không hiện hành, tự thức được hiện hành. Pháp Vô tánh không thể tự có khả năng phát khởi nghiệp dụng, vì chỉ có trì giữ tha thức không hiện hành v.v... gọi là Vô tánh duyên, không chỗ nào mà không biết là không có, liền trái với tự tông. Vô ngã quán trong ngôn luận rộng lớn, thì bản chất của Vô ngã này không bằng Chánh trí, tức là duyên chỗ không có kia để hiển thị đắc Chân như.

Hỏi: Như Gia hạnh trí cũng có Ảnh tượng, tương đương với tâm căn cứ theo gốc thì gọi là Vô, Ảnh tượng thì gọi là Hữu, luận này thì lấy Bản chất mà phá ngoại đạo, hoặc hiển thị Ảnh tượng là tánh Y tha, thì đó là tánh nào nhiếp?

Đáp: Thuộc pháp Đồng phận trong Bất tương ưng nhiếp, pháp này cùng với tâm đồng loại, nghĩa Tướng phần của tâm gọi là pháp Đồng phận, không phải nói là duyên Cảnh vô ngã, soi thẳng vào bản chất thì

lại càng không biến đổi mà sinh, tức là Vô pháp nhiếp, đáng lẽ đồng với giải thích thứ nhất ở trước. Nói rằng: "Cộng tướng quán", đây là ngay Gia hạnh đạo mà nói, hoặc các pháp của Chân như cùng chung cho nên gọi là Cộng, không phải tâm Năng duyên y theo Cộng. Lại nữa, trên Hậu đắc trí khởi quán này, cho nên gọi là Cộng tướng, tuy không phải Gia hạnh trí cũng gọi là Cộng tướng, tâm chứng biết cho nên gọi là Định. Trong Ẩm thực v.v... nói: Tự tướng quán", không phải là tự tướng trong Tự tướng Cộng tướng, đây là tổng nói trong Cộng mà nói là Tự. Tự, là Tự thể tướng, tức là Tự tướng của Ẩm thực, không giống như mỗi mỗi sự chứng biết của năm Thức mà gọi là Tự tướng. Nếu nói: "Vô ngã duyên Khổ đế, thì Khổ đế tức là Vô ngã v.v...". Khổ này có tên là gì? Ngã không có riêng một mình nó mà duyên tất cả pháp, Ngã không có điều đó thì Xứ nào nhiếp? Cho nên biết duyên không có. Trong mỗi mỗi nghĩa đều phải lập Lượng rằng: "Duyên Cảnh vô sắc thì Ý thức phải chuyển, vì đó là chỗ nắm lấy của Ý thức, như Vô ngã v.v...". Quyển 5 ghi: "Bản chất trong ngôn luận cũng không có", lúc này là phá chỗ sai, tâm của người Đại thừa trong Ảnh tượng, tự nó không biến đổi thành tướng của sự Sinh diệt, phải lập Lượng rằng: "Quá khứ và vị lai, đáng lẽ không có Sinh, vì hiện tại không nhiếp, như sừng thỏ v.v... Hai đời quá khứ và vị lai chắc chắn không có Diệt, vì không có Sinh, như lông rùa".

Luận ghi: "Không nên do tánh của quá khứ vị lai kia mà nói là Hữu", vì chính là Thể của pháp quá khứ, Tiểu thừa đã và đang hiện hữu, không nên nói là quá khứ và vị lai, vì tánh của quá khứ vị lai đã từng có, không nên lấy tánh của quá khứ vị lai mà nói, vì đã và đang hiện hữu.

Luận ghi: "Lại nữa, như thế nào phải biết Sinh lão trụ Vô thường v.v..." trở xuống, là thuyết minh hai mươi bốn Bất tương ưng, trong luận này chỉ có hai mươi hai Bất tương ưng, vì trừ ra Bất hòa hợp và Phương, dưới đây có nói đầy đủ, quyển sau thuyết minh hai thứ Định và Báo. Tại sao không nói Phương bất hòa hợp? Đến Xứ của Phương cũng đồng nghĩa đắc trên Sắc, ẩn kín khó biết, Bất hòa hợp tức là các pháp khi ly tán thì cũng hiển hiện. Lại nữa, vì đối với tánh Hòa hợp mà lập được tương đối, thì cũng đáng lẽ văn không được thì lìa Khổ! Cho nên lược bỏ không luận. Lại nữa, bây giờ lược lấy sáu môn phân riêng:

1. Danh, tổng gọi là tâm Bất tương ưng hành, Bất tương ưng hành này gọi là tâm vì lựa riêng với tâm, hai loại đó không bằng sự duyên lự của tâm, vì không giống như sự chất ngại của Sắc, cũng đáng lẽ gọi là

Sắc bất tương ưng, nhưng vì lược bỏ, không lựa riêng với Tâm sở, Hành là lựa riêng với Vô vi, tên như văn có thể biết.

2. Thể đều là giả pháp không có Thể, không phải chỉ có Chủng tử, không tương ưng pháp của Hành uẩn, tóm lược là Pháp xứ nhiếp, cũng là Phần vị giả tạm.

3. Sự kiến lập Phần vị của tâm sắc, là Vô tướng định đều là Báo diệt tận định, ba pháp này trên Phần vị của tâm mà kiến lập, tâm không có Xứ, chỉ ở trên Chủng tử mà thi thiết, không bằng tâm duyên lự gọi là Bất tương ưng, mạng căn nếu nương trên Thức thứ tám mà lập, đó là Sở y của tâm. Hiển Dương luận ghi: "Đối với sáu Xứ mà quyết định kiến lập, tức là thông với Sắc và tâm. Sư Pháp nói: "Vô tưởng báo trên A-lại-da mà lập, Báo này tương đương với Tổng báo, nhưng quyển 53 ghi: "Sinh đắc tâm và tâm pháp diệt, tức là Báo tâm và tâm Sở diệt", đây là trên Chủng tử xả thọ thứ tư mà lập, văn đến cuối quyển sẽ biết. Phương đối với Ngại mà lập, cho nên nói không có pháp của Sắc. Như Thật luận ghi: "Cũng ở trên tâm cho nên luận về Danh, Cú, Văn; ba thứ này chỉ đối với Thanh, Phương thì chỉ đối với Sắc. Phần vị kiến lập trong bốn Sắc tụ này, không đồng với sự có chất ngại của Sắc. Tại sao Phương chỉ có đối với Sắc v.v...? Như Đối Pháp luận ghi: "Xứ sở phân bố thiên lệch không có công năng, riêng căn cứ theo Xứ sở mà nói Sắc có Phương và Thời", đây là ngay trên Thức mà có phương hướng, không có chướng ngại, tức là mười hai pháp còn lại thông với Sắc tâm mà kiến lập. Nếu lấy mạng căn và Phương, tức là mười bốn pháp, Phương thông với Sắc tâm.

4. Lậu và Vô lậu, là Vô tưởng định, Báo và Dị sinh tánh chỉ có Hữu lậu, Diệt tận định chỉ có Vô lậu, các Định khác đều thông với Lậu và Vô lậu.

5. Giới và Địa, là Vô tưởng định và Báo chỉ ở tại Tĩnh lự thứ tư và Diệt định. Y theo trong Phi tưởng và thứ lớp Định như vậy mà nói từ thô đến tế, như vậy mà nói khi đắc Định này thì phải nương vào Thời và tâm Phi phi tưởng, cho nên Phương được nói như vậy, nếu không như thế thì sau đó nương vào Sơ thiền cũng được nhập.

Luận ghi: "Hữu tâm định và Vô tâm định của Sơ tĩnh lự, chính là Vô tâm định, ba thứ Phương, Danh và Cú chỉ có cõi Sắc, các thứ còn lại thì thông với tất cả Địa".

6. Ba tánh, là Dị Sinh Tánh, bất thiện và Vô ký. Vô tưởng định và Diệt tận định chỉ có Thiện; Vô tưởng báo thì chỉ có Vô ký; Mạng căn, Danh, Cú v.v... thì thông với Thiện và Vô ký. Phương thì cũng có

thể như vậy, vì nương vào cõi Sắc mà lập, đây là căn cứ theo Bản chất, ngoài ra thông với ba tánh đều có thể biết, như Đối Pháp sao quyển 2 trong giải thích bốn Tướng; như Bồ-tát địa quyển 46; ngoài Tát-bà-đa pháp ra, có bốn Tướng thành Ngôn luận, tức là pháp; chẳng phải một, chẳng phải khác của Đại thừa vì không có riêng Thể cho nên là chẳng phải khác, không khác với Uẩn nhiếp riêng cho nên là chẳng phải một; Thượng tọa bộ thì tâm có hai Tướng, là Sinh tướng và Diệt tướng, cõi Sắc thì có ba Tướng, trừ ra Lão tướng; kinh bộ v.v... thì đồng với Thượng tọa bộ. Hiển Dương luận quyển 18 ghi: "Có sáu Sự có thể khởi Ngôn luận, như Sinh v.v... thuộc về chủ Ngôn luận, như nói Sắc sinh thì Thọ sinh v.v... các câu nói đó gồm phá thật có sinh. Do nhân này, trước thuyết minh về Lão, sau đó gọi là trụ, tức là khi sinh thì khác thời, không phải do có trụ, thân biến dị cũng khiến cho sinh chán, trước đã nói khác trụ là lạm tràn đến Thường pháp. Lại nữa, phỏng theo Sắc đã sinh rồi, thì khác với tướng trụ trước, đều là một thời kỳ, cho nên trước là Lão, sau là dị. Hoặc sát-na của tâm pháp nhanh chóng vì trước trụ sau dị. Dưới đây trong ba Tướng, trong trụ và dị hợp chung, trước trụ sau dị, đây là chung và riêng mà luận, ở đây có vài vấn nạn, suy nghĩ thì có thể biết, ngoài ra như quyển thứ ba trước, và Đối Pháp quyển 2. Dưới đây trong Phá, tổng lập Lượng rằng: "Đời vị lai quyết định là Vô sở hữu, vì hiện tại là không nhiếp của Vô vi, như sừng thỏ v.v... Ông nói rằng đời vị lai sinh thì quyết định là Vô sở hữu, vì vị lai nhiếp, như Sắc của vị lai. Lại nữa, vị lai sinh thì không thể sinh, vì Thể của pháp không có, như sừng thỏ". Ngoại đạo nói: "Trong kinh nói có Sắc của vị lai sinh v.v... cho nên biết riêng có sinh và sinh các pháp". Nếu như thế thì luận rằng: "Chỗ gọi là "hoặc sinh, hoặc khởi, hoặc hiện tại, cho đến thành tánh hiện tại", đây là đáp. Ngoại đạo vấn nạn rằng: "Trong kinh nói có sinh, tức là riêng có Thể; kinh nói có hiện tại, thì đáng lẽ riêng có hiện tại, hiện tại khiến cho pháp hiện tại", phải lập Lượng rằng: "Không có riêng Năng sinh để sinh ra sự sinh khởi của Sắc v.v...". Trong kinh Tam Pháp nói hiện tại, cũng như sự phát khởi và hiện tại. Lại nữa, hiện tại đáng lẽ riêng có Năng hiện, các pháp đang hiện tại, tức là kinh nói sinh khởi, vì nhiếp trong ba thứ hiện tại, như sự sinh của ông, ngay nơi pháp đó là sinh". Lượng rằng: "Trong sự sinh lìa Sắc, ngoài ra không riêng có Thể, vì Sắc có cái Có, cũng như Sắc v.v...", nếu không như vậy thì đều có lỗi trái với tông. Trong phá Sinh nhân, nói: "Vả lại trước hết là phá Tiểu sinh, gọi là Tiểu sinh thì đáng lẽ không có Thể, trong Vô vi v.v... của đại Năng sinh và pháp Sở sinh, là bất khả đắc, hoặc là không

nói riêng, cho nên đồng với hai nhân, như sừng thỏ v.v... Tiểu sinh đã bị phá, tức là phá Đại sinh. Ông cho rằng Đại sinh không phải là Sinh nhân của các pháp, mà nói đó là pháp Năng sinh, như Tiểu sinh v.v...", người kia đưa ra hai sinh, đó là lỗi lớn, một sinh còn không thừa nhận, làm sao mà luận hai sinh? Lại nữa, đây là phá và ức chế người khác mà luận "làm sao có được hai sinh" để ức chế tông lỗi của người kia. Văn này lại có trong chỗ giải thích của các luận khác, chờ đến sau sẽ nói. Nói rằng sinh, là Tiểu sinh, vì tự nó từ duyên mà khởi. Năng sinh, là Đại sinh, vì có thể sinh ra pháp khác. Trong giải thích ba Tướng của kinh ghi: "Do vị lai sinh", đây là sắp sửa sinh, hiện tại đang sinh, hiện tại trong Diệt sắp diệt, vì quá khứ đang diệt. Luận về sinh là phỏng theo sự sắp sửa sinh mà luận, luận về Diệt thì phỏng theo sự đang diệt mà luận, cũng là lẫn nhau hiển thị qua lại. Trong kinh chỉ có sinh trong diệt, Thượng tọa bộ lấy đây làm chứng cho tâm chỉ có hai Tướng, Sắc v.v... thì như văn trước có ba Tướng, các sư này làm thế nào mà tâm pháp nói có hai Tướng? Sắc nói có ba Tướng thì làm thế nào mà duyên và tư duy? Như quyển 40 ở trước có nhiều chữ "lại nữa" để giải thích nghĩa Đại tinh.

Luận: Trong giải thích Sinh sai biệt, sự sinh thù thắng trong phần Liệt nói: "Lại nữa, có sai biệt, là tối sơ nhập thai v.v...", đây là tướng thứ nhất, là tướng Luân vương nhập Bất điên đảo, tướng thứ hai là tướng nhập trụ Bất đảo của Độc giác, tướng thứ ba là tướng ba thời Bất đảo của Như Lai. Những tướng này là tướng Sinh lão và Tử, như kinh Duyên Khởi rộng nói. Hữu trong Vô thường sinh khởi Vô, là tướng Thường sinh. Tại sao trong sinh không có diệt hoại sinh ra? Khi tướng diệt đó là Thể, có hai loại: một là tướng Vô thường, hai là thể Vô thường. Sinh là Thể, Vô thường sinh pháp vốn căn cứ theo Hữu pháp, lý do diệt pháp không phải sinh, đáng lẽ để giải thích vấn nạn về Hữu, suy nghĩ điều đó có thể biết. Lại nữa, căn cứ theo đồng sinh thì không có hại. Biến dị vô thường là tự cảnh khả ái, Tán hoại vô thường là bị người khác chiếm đoạt v.v...

Luận ghi: "Đắc và Thành tựu, hoặc là lược nói Sinh duyên nhiếp thọ mà nhân tăng trưởng, gọi đó là Đắc", đây là phỏng theo Chủng tử chưa phục chưa đoạn, có công năng sinh quả, gọi là Nhân tăng trưởng, lập là Đắc, không phải Chủng tử đã chế phục và đoạn diệt gọi là Đắc, cho nên văn dưới ghi: "Nếu chưa bị Định chế phục và Thánh đạo chế phục, thì cũng như thiện căn bị Tà kiến chế phục, gọi là Thành tựu, gọi là Đắc", như Đối Pháp có ba loại Thành tựu. Nếu ở tại cõi Dục mà đắc Định của cõi Sắc và cõi Vô sắc, thì Chủng tử của cõi Dục cũng gọi là

Thành tựu, cũng gọi là Bất thành tựu, vì chưa vĩnh viễn hại Tùy miên, vì đối trì chỗ nhiếp. Nhưng Thành tựu có hai nghĩa: một là Thể thành tựu, hoặc đã lìa Dục vì có Thể, cũng gọi là Thành tựu; hai là Công năng thành tựu, nếu như đã lìa Dục thì không có công năng sinh quả, gọi là Bất thành tựu. Trong đây phỏng theo thiên về Công Năng sinh quả, cho nên gọi là Bất thành tựu. Căn cứ theo Thể hữu của nó cũng gọi là Thành tựu. Đây là căn cứ theo Chủng tử tăng thắng mà nói, như Hiện hành cũng gọi là Thành tựu. Văn dưới đó ghi: "Trong ba loại có tự tại", văn này căn cứ theo thù thắng, là câu vấn nạn trong Sinh nhân, đây là vấn nạn về Chủng tử vô lậu vốn không có, đó là ngay trong tông của ngoại đạo, không phải trong Đại thừa vốn không có Chủng tử. Luận sư Thắng Quân thì lấy đoạn văn "vốn không có Chủng tử vô lậu" này.

Luận ghi: "Hoặc trong Dẫn phát duyên, thế lực tự tại v.v...", căn cứ theo văn này thì ngay trên ngoại pháp cũng giả lập Thành tựu.

Luận ghi: "Các Chủng tử kia nếu chưa bị Xa-ma-tha chế phục", cho đến "gọi là Thành tựu v.v...", đây là căn cứ theo công năng Bất thành tựu, không phải căn cứ theo Thể, như trước đã nói. Đối Pháp luận ghi: "Nếu đắc Đối trị đạo của Vô lậu mới gọi là Chủng tử thành tựu, mà đắc Bất thành tựu. Hoặc sinh cõi Sắc v.v... thì cõi Dục cũng gọi là Thành tựu, cũng gọi là Bất thành tựu. Tánh của Thành tựu đó là tánh gì? Như thế nào mà bây giờ có riêng Phi đắc? Phi đắc là căn cứ theo tất cả Phi đắc diệt tận. Nhưng hiện tại không lập Hữu là có ý gì? Một là ngăn trách trói buộc, luận cũng phải lập Phi bất đồng và Bất lưu chuyển v.v... cho nên lược bỏ không luận. Lại nữa, ngay trong Đắc mà nhiếp, như Bất thành tựu, dấy khởi đều phải có Đắc, có Đắc thì không có Phi đắc, tức là lý do không nói Sở đắc. Không nói Tiểu đắc, là vì Đại thừa không có lỗi nặng liên lụy đến giả, bốn Tướng cũng vậy, ngoài ra như Đối Pháp sao quyển 2 nói, nhưng không phải Trạch diệt đắc (do chọn lựa mà được diệt). Như sự chọn lựa đó, Đại thừa cũng thông với Lậu và Vô lậu, chỉ là Vô ký và thiện tánh. Thiện tánh cũng duyên trong thân Phật. Người đắc Vô ký, không phải trong thân thuộc là Sở y phi trạch đắc, hiện tại Đại thừa có Chủng tử, không thể đắc Sở y. Trên đã lập Phi trạch đắc, vì công năng của Chủng tử thiếu duyên không sinh, quả sau thì liền gọi là Phi trạch đắc, tại sao Đắc này đối với Sở y mà lập? Hoặc thân của Như Lai không có Chủng tử, hoặc thuộc Sở y và Chủng tử, Chủng tử vô lậu không thể sinh quả Hữu lậu, thì cũng là chỗ Đắc của Trạch diệt vô lậu, chỉ là chỗ Đắc của Vô lậu phi trạch, thông với Lậu thiện, Vô lậu thiện và Vô ký thiện, thì Thế gian đạo cũng là Thiện, gọi là Trạch diệt. Trạch

diệt đắc thì thông với pháp Hữu lậu và Vô lậu, pháp trước và pháp sau đều phân riêng, nhưng các pháp đều tự tại trong Thành tựu. Một phần Vô ký, Đối Pháp ghi: “Là chỗ khéo léo để biến hóa thứ bậc của tâm, trong thứ bậc được nắm lấy uy nghi, như uy nghi của Phật, rất khéo luyện tập, vì Gia hạnh sinh ra, ngoài ra như trên đã nói. Trong Chủng tử thành tựu, nói: “Các pháp Vô ký, tức là Vô chấp sinh và Uy nghi Bất gia hạnh sinh, cho nên Công xảo xứ cũng có Câu sinh thì không có hại.

Mạng căn, sư Pháp nói: “Chỉ ở trên A-lại-da mà lập, chỉ là Tổng báo”, trái với văn của Hiển Dương luận. Luận kia nói sáu Xứ khi trụ thì quyết định, cũng như Đối Pháp sao. Tại sao không lập tiểu mạng căn và đại mạng căn làm Căn? Như bốn Tướng v.v... hiện tại Đại thừa không lập cũng không có hại, Đối Pháp phỏng theo Chúng đồng phận mà lập, cho nên biết thông với Tổng báo và Biệt báo, chỗ dẫn của nghiệp đời trước, chỉ là Dị thục, không được thông với Trưởng dưỡng và Đẳng lưu. Nếu đối với Chúng đồng phận mà lập, thì cũng tương tợ thông với Trưởng dưỡng, nhưng cũng nói là nghiệp đời trước chỉ có Báo. Lại nữa, nếu không như thế thì chỉ trên tâm mà lập, tức là Dị thục của sáu Thức sinh tâm Năng trì, trên sáu Xứ cũng không có hại, ngoài ra như Đối Pháp luận. Lại nữa, Hậu báo của sinh loại không gọi là Báo, vì không phải là Hiện báo, nhưng cũng như Biến dịch nhuận sinh và A-la-hán xả y bát để kéo dài mạng sống, đều là nuôi dưỡng Túc nghiệp, cho nên không phải là Hiện báo.

Hỏi: Túc nghiệp là dài hay là ngắn, nếu dài thì đáng lẽ tự sinh, đâu cần phải nuôi dưỡng, nếu ngắn mà kéo dài mạng sống thì tại sao túc nghiệp dài tức là Hiện nghiệp chiêu cảm, đáng lẽ phải là Hiện báo?

Đáp: Luận này giải thích Túc mạng của nghiệp quá khứ, hiện tại nuôi dưỡng nghiệp cũ cho nên không phải Hiện báo, nếu có Hiện báo thì làm gì trong đoạn văn phê phán có nghiệp đời trước mà nói, cho nên không phải Chúng đồng phận của Hiện báo. Thông với Trưởng dưỡng, Đẳng lưu và Dị thục, có thể biết. Thông với ba tánh như trước đã phân tích.

Dị sinh tánh, như Đối Pháp sớ nói Đoạn và Xả đồng thời. Gia hạnh đạo, Thế đệ nhất pháp và chiết phục gọi là công năng của Xả, không phải là Chánh xả.

Vô nạn, Tập hội, kinh Thập Nhị Hạ như Đối Pháp quyển 15 ghi: “Trước lấy một câu để nêu tổng quát một đoạn sau, các câu còn lại thì giải thích riêng, hai câu “tự viên tịnh” và “tha viên tịnh” làm câu tổng quát, các câu còn lại làm câu riêng biệt. Sư Pháp gọi là: “Ra khỏi

Thanh văn địa mà xem các cảnh sắc".

Luận: Trong Danh thân, nói: "Tự tánh thi thiết, Tự tướng thi thiết v.v...", tức là Thể. Một, từ vật mà duyên, cho nên có tự tánh tự tướng. Hai, có riêng tự tánh, là Thể. Tướng, là hình trạng, tức là nghĩa cú và thể trạng của các pháp, vì được nghĩa Sai biệt. Nói rằng Danh thuyên cộng tướng, luận này nói là tự tánh v.v... vì trên tự tánh v.v... mà nói thêm là không phải Danh, tức là xứng với tự tướng, có ý nói không phải xứng với tự tánh v.v... chỉ ở trên đó mà thi thiết như đã nói. Nhãn, Nhĩ v.v... các sự thi thiết của trời người", đoạn văn dưới ghi: "Cũng gọi là Danh, cũng gọi là Tướng và Ngã tướng", tức là Danh và Danh tướng đều từ tướng mà phát sinh, quả từ nhân mà đặt tên, trên pháp sai biệt cũng có Danh tồn tại, nhưng nghĩa cú sai biệt, Danh cú viên mãn, không gọi là Danh, một Danh gọi là Danh, hai Danh ba Danh gọi là Đa danh thân, một Danh cũng có thân nghiệp v.v... không gọi là Thân, cũng có Thuyên cú (câu nói mang ý nghĩa) của tự tánh, nhưng đắc chung Danh đó, thì Danh đó đối với nghĩa cú phải tròn đầy Danh cú. Tại sao Tự (chữ) không có Thuyên biểu (ý nghĩa biểu hiện)? Nếu như phải ngăn che ý tiêu biểu, thì cũng là Năng thuyên, luận này giải thích Sắc không phải lấy Danh trong Ý để tìm hiểu Tự kia. Tiểu nạn và đại nạn này, Đối Pháp luận thì tương đối mà đọc, Hiển Dương luận quyển 12 ghi: "Đại tinh có chữ không phải Danh, là bốn mươi chín chữ, hai Đạo v.v... Ái ổ v.v... có một chữ tức là Danh, như nói Nhãn v.v... có Danh không phải là Cú, là danh của một chữ; có Danh cũng là Danh, như danh của Danh tự, căn cứ theo đây thì danh của hai chữ cũng gọi là Cú, chỉ là Danh của Cú, thì phải là Danh tự, Danh tự sau hàm chứa Danh tự trước, như nói "chư ác", thì văn chưa đầy câu; hoặc nói "những người ác", thì nghĩa chưa đầy câu, trong câu hàm chứa một lời nói, tuy chưa tròn đầy nhưng Đa danh cũng gọi là Cú, không có câu "một chữ", văn nghĩa đều chưa đầy thì không phải là Cú, Danh hai chữ cũng có thể như thế.

Luận ghi: "Tại sao Tương ưng nói rằng các pháp kia đồng với Ngôn thuyết"? Là Năng thuyên ngôn thuyết cùng với Sở thuyên các pháp kia tương tợ với Danh v.v... đây là chung tại tất cả Ngôn thuyết đồng với kiến lập, là không chờ Ngôn thuyết mà các Nhân duyên kiến lập quả pháp. Khai, là hiển thị pháp yếu sâu kín, thì Năng thuyên xứng với Sở thuyên, đều từ Ngôn thuyết, cho đến khai mở vì Năng thuyên xứng với chỗ làm đề mục, cho nên nói là Tương ưng. Lại nữa, các pháp kia tương tợ Danh v.v... tương tợ thuận nhau, cho nên gọi là Tương ưng. Lại nữa, đồng nghĩa là nghĩa Tương ưng, như thiện nhân thì đắc lạc quả,

bình đẳng tương xứng, đây là hai giải thích trước mà khởi Ngôn thuyết, cho nên gọi là Tương ưng. Lại nữa, đồng với Ngôn thuyết, là Năng thuyên xứng với chỗ làm đề mục cho Tương ưng. Đồng với kiến lập, là Sở thuyên tự tướng thuận với Tương ưng. Hai giải thích trước đều đồng với thế gian. Khai mở, tức là pháp xuất thế gian thuận nhau, là nói vì các phương tiện thù thắng cho nên bốn đạo lý quán chờ nhau, như Sắc chờ tác dụng của Thức, là Nhãn có thể thấy Sắc v.v... mà chứng thành, là lấy Tỷ lượng chứng thành chỗ lập đạo lý của Pháp nhĩ, như trong thứ tự của mười hai Nhân duyên, trong tám vị của trẻ con, như hai vị đầu, cũng như quyển 2 nói, luận này thì lấy vị thứ ba làm đầu, trên tám vị đó lại có vô nghiệp ở trong thai.

Luận ghi: "Lại nữa, Chủng tử tại sao không phải tách các Hành riêng ra mà có thật vật gọi là Chủng tử, cũng không phải các nơi chỗ nào khác", sư Bị và sư Cảnh nói: "Đây là thuyết minh Chủng tử cùng với Hành quả là chẳng phải một, chẳng phải khác, không phải tách riêng mà có", là chẳng phải một, tức là công năng, là công năng thì không phải hiện hành. Nếu tách các Hành ra làm Chủng tử thì Thể của Chủng tử tức là Hành. Cũng không phải nơi chỗ nào khác", là chẳng phải khác, tức là công năng của Hành không phải lìa ngoài Hành, các chỗ điều hòa khác như thế mà có Thể, như thế tức là các Hành có Chủng tánh như vậacsinh như vậy v.v... sư Bị nói: "Đây là thuyết minh sáu Thức, bảy Thức cùng với Chủng tử là chẳng phải một, chẳng phải khác", an bố như vậy gọi là Chủng tử, cũng gọi là Quả, sư Bị nói: "Đây là thuyết minh Bản thức cùng với Chủng tử là chẳng phải một, chẳng phải khác". Sư Cảnh nói: "Từ câu: Như thế tức là các Hành có Chủng tánh như vậy, trở xuống, đây là giải thích nghĩa Thành ở trên". Sư Thái nói: "Từ trên đến đây là giải thích Chủng tử ẩn tàng trong Bản thức, cùng với Bản thức không khác Thể, mong nhau để làm chẳng phải một, chẳng phải khác". Nói rằng: "Các Hành chẳng phải một, chẳng phải khác", đây là Tùy chuyển lý môn, trở xuống giải thích một đoạn văn thuyết minh, giải thích thành Biệt nghĩa, luận này giải thích có chút ít khác, các luận này đều lấy chỗ mong Chủng tử của Hành mà làm luận, cũng không phải chỗ nào khác, trở lên thì giải thích Chủng tử cùng với Hành là chẳng phải khác. Từ câu "như thế tức là các Hành" trở xuống, thuyết minh Chủng tử cùng với Hành là chẳng phải một. Tại sao ở dưới giải thích nghĩa Thành ở trên? Từ câu "ví như các vật lúa, mì v.v..." trở xuống, sư Pháp nói: "Ý trong đây là như mầm của một hạt mì, mong trổ lá sau đó, gọi là Chủng tử, từ Chủng tử trước sinh thì gọi là quả, tức là

thân cây mì làm Chủng tử của thân cây, cũng làm làm quả của Chủng tử trước". Luận này giải thích từ câu "ví như" trở xuống đến "không phải chỗ nào khác", thuyết minh lúa, mì v.v... Từ câu "mầm thân cây lấy làm Chủng tử sinh", thân cây làm quả là chẳng phải một, chẳng phải khác. Từ câu "nhưng các đại chủng có Chủng tánh như vậy v.v... mà sinh" trở xuống, là thuyết minh lúa mì mày từ duyên lực của nước đất, từ khi sinh thân kết quả là chẳng phải một, chẳng phải khác, thí dụ này cùng với các pháp trước đồng nhau, tức là trước đó thì quả, hạt giống, thân cây v.v... do mì làm duyên sinh, sau đó thì mầm v.v... gọi là Chủng tử, phải biết pháp tướng cũng lại như vậy. Nhân này trước không tương ưng với Giả pháp, không cần Chủng tử sinh. ngoại đạo vấn nạn về sự phát khởi, nói: "Trong Nhân duyên ở trước, nói lấy Thức thứ tám làm Nhân duyên, thì Chủng tử này như thế nào"? Do đó mà có đoạn văn này, nếu không như thế thì văn này hợp chung với nghĩa khác. Lại đáp: Như thế nào mà nói "Như vậy không tương ưng", tiếp theo giải thích Diệt định v.v... sau đó mới tổng kết. Đây là bốn câu trong đoạn văn trước, "tổn hại chế phục thiện chủng" là câu thứ nhất; "Siêng cần mà không có lợi cho phiền não" là câu thứ hai; "Lợi mà không siêng cần" là câu thứ ba; "đoạn thiện" là câu thứ tư. Cuối quyển trước ghi: "Không phải Trợ bạn làm tổn hại chế phục", tức là khi hàng Vô học nhập Vô dư. thiện chủng, đây là thiện chủng trong câu thứ tư không có Thể, gọi là tổn hại thiện chủng, hai câu trước khiến cho thiện chủng không có lực, gọi là tổn hại, nhưng không phải hoàn toàn không sinh, câu thứ ba thì Hiện hành hoàn toàn không sinh, Chủng tử không có công lực thì gọi là tổn hại, đắc Bất thành tựu, không phải tất cả Thể đắc cũng không có, như trong Đắc ở trước đã phân tích. Kiến chấp trước Tà kiến trong câu thứ hai, đây là Kiến thủ có nhiều Tà kiến huân tập, đây là Tà kiến.

Trong chín phẩm Chủng tử, nếu mới huân tập thì như thế nào? Nói rằng: "Nếu trụ Bản tánh thì gọi là hạ phẩm", là giải thích Chủng tử tân huân này cũng từ vô thủy đã từng huân tập, nhưng càng gần thì không khởi hiện hành, Chủng tử cũ này gọi là hạ phẩm. Lại nữa, đã huân tập rồi thì từ hạ phẩm chuyển gọi là trung phẩm, thượng phẩm v.v... Chủng tử sẵn có trong tất cả ba phẩm đều là Chủng tử cũ, tại sao đến khi tu luyện rồi thì gọi là trung phẩm? Chủng tử trong ba phẩm này vốn đều là tự nó có, nhưng trong đây là Chủng tử đắc một phẩm. Nghĩa trên nói Huân và Bất huân có ba phẩm, Thể của nó là một, đồng với Chủng tử chẳng phải ba phẩm chuyển hạ phẩm thành trung phẩm, Chủng tử này chuyển thì diệt một Chủng tử. Lại nữa, chuyển đồng với vô hại, đây

là Chủng tử sẵn có ba phẩm, Chủng tử cũ đã có trước, trở lại huân vào luyện tập, vì đã chuyển hạ phẩm đồng với trung phẩm rồi, trong thân Phật thì tất cả Chủng tử đều bình đẳng, không có Chủng tử của ba phẩm thượng trung hạ. Trong luận này thì căn cứ theo chuyển đồng ba phẩm mà mỗi mỗi đều riêng khác, không phải một phẩm chuyển thành ba vị. Chủng tử mới và cũ là nghĩa của hai sư.

Luận ghi: "Biến kế tự tánh v.v... của tất cả các pháp", đây là tâm Hữu lậu của ba tánh, cho nên đều gọi là Biến kế, tức là trong năm pháp phân biệt chứng lý Nhị không, như trước đã hiểu là thật có vật, là thế tục Hữu, là mong Vô Thể của Biến kế sở chấp, đây là Hữu thể của Y tha, cho nên nói là Thật, nhưng không giống như tánh Viên thành thật, là thế tục Hữu mong các pháp kia thì không thể quyết định là Dị. Bất dị tương đẳng, điều này có ba chỗ mong: một là lấy Chủng tử mong Bản thức, hai là lấy Chủng tử mong Hiện hành, ba là lấy Chủng tử mong Năng huân. Đều là Bất dị nhưng tương tợ Chân như, Đệ nhất nghĩa đế của Chân như tuy cùng với thế tục Đế riêng khác, nhưng chẳng phải một chẳng phải khác thì đồng nhau, cho nên lấy làm thí dụ. Luận này thì lấy Năng huân mong Chủng tử, vì khí phần kia và quả Sở sinh hiện hành thì chẳng phải một chẳng phải khác là thù thắng. Biến hành thô trọng, tức là Chủng tử của Biến kế sở chấp gọi là Biến hành, là chỗ tùy theo trói buộc của Chủng tử hữu lậu, vì cứng cỏi cho nên gọi là thô trọng. Lại nữa, Chủng tử thô trọng làm nhân khắp cùng các pháp, cho nên gọi là Biến hành. Hiển Dương quyển 15 ghi: "Thô trọng này là Hành khổ cho nên gọi là Biến hành", các đoạn văn này nói riêng về Thể tánh tại chỗ của Chủng tử, nói là "an lập Chủng tử", như lý trước thuyết minh chẳng phải một chẳng phải khác. Lại nữa, Tùy chuyển lý môn ở trước, tại các Hành của sáu Thức v.v... luận này phỏng theo Chân thật lý môn mà nói là an lập đối với Bản thức. Hỏi: Các pháp xuất thế gian từ Chủng tử của Sở duyên duyên mà sinh, không phải Chủng tử của Tập khí kia tích tụ mà sinh"? Sư Bị và sư Cảnh nói: "Hoặc khi nhập Giải thoát phần thì quán giáo pháp của mười hai bộ kinh, giáo này nếu xa thì từ pháp giới thanh tịnh mà lưu xuất, do duyên giáo này cho đến tại địa vị Nhập quyết trạch phần, khi sắp chứng Kiến đạo trở về trước, thì duyên giáo làm Cảnh, tu nhiều công lực tu tập, cho nên nói là Chân như sở duyên duyên. Khi đã nhập Kiến đạo rồi thì duyên này là trí Vô lậu của Kiến đạo, vốn đã sẵn Vô lậu, vì Vô lậu cho nên duyên Chân như, nếu đã dính mắc thì tức là huân tập thành Chủng tử, tức là trí Hiện hành lấy Chân như làm Chủng tử sở duyên duyên mà sinh, tức là Chủng

tử này không từ Nhân duyên mà sinh, chỉ có Thế đệ nhất pháp ở trước làm Đẳng vô gián duyên, đồng thời có pháp làm Tăng thượng duyên. Chân như làm Sở duyên, khi đến niệm sau rồi thì tức là từ Nhân duyên". Lại nữa, do Thế đệ nhất pháp của Quyết trạch phần duyên giáo pháp Chân như làm Sở duyên, lấy đây làm Chủng tử của Nhân duyên mà sinh trí Kiến đạo, tức là nói Thế đệ nhất pháp gọi là Chủng tử của Chân như sở duyên duyên, vì duyên giáo pháp, Ảnh tượng và Chân như mà tu tập làm duyên, cho nên nói là từ Chủng tử của Chân như sở duyên duyên mà sinh. Đây là nghĩa của luận sư Thắng Quân, tức là văn này nói: "Tất cả đều từ Chủng tử mới huân mà thành". Hộ Nguyệt thì giải thích rằng: "Trong tự thân của nó vốn có Vô lậu chủng, do ở trong các vị của Giải thoát phần mà duyên giáo pháp cho nên gọi là Chân như sở duyên duyên, ngay trong lúc này mà các Chủng tử cũ bèn tăng trưởng, do vốn sẵn có Chủng tử cho nên được nhập Giải thoát phần vị. Lại nữa, khi nhập Kiến đạo thì do trước đã tu tập duyên Chân như quán, bây giờ được thành thục, duyên nhiễm Chân như thì Chân như tức là Sở duyên duyên". Vốn sẵn có Chủng tử vô lậu mới có thể sinh trí quả Hiện hành này, do duyên Chân như làm Cảnh thì Chủng tử mới sinh Hiện hành, cho nên nói là Chủng tử của Chân như sở duyên duyên sinh khởi. Hoặc Bồ-tát Hộ Pháp cùng với Hộ Nguyệt đồng, nhưng chỉ là Giải thoát phần vị, trở lại sinh Vô lậu chủng tử, đến Kiến đạo thì theo Chánh kiến, sự sinh gần này vốn có Chủng tử làm Tăng thượng duyên. Để trợ giúp thêm, sư Cảnh nói: "Trở lại làm giải thích của Hộ Pháp v.v... lấy Chân như làm Sở duyên, là vì Chủng tử tự nó sinh khởi, cho nên nói Chân như sở duyên duyên sinh khởi, bốn Duyên của nó đầy đủ". Hoặc tự tương truyền và sư Thái nói: "Như sư Thắng Quân, Chủng tử vô lậu mới huân tập, thì Sơ địa mới có, hoặc không từ Nhân duyên sinh thì phải ngay trong lúc này, lấy Chân như làm Sở duyên mà sinh". Lại nữa, dùng Thế đệ nhất pháp làm Nhân duyên sinh thì đồng với trước như luận sư Hộ Nguyệt. Nói rằng: "Vốn sẵn có Vô lậu chủng tử, không phải bây giờ mới có, Chân như của nó cũng là vốn sẵn có Chủng tánh Vô lậu duyên Chân như, vì Chân như sở duyên duyên nhiếp, Kiến đạo và Chánh kiến dùng Chủng tử vốn sẵn có mà sinh, cho nên nói Chủng tử của Chân như sở duyên duyên sinh. Như Bồ-tát Hộ Pháp thì vốn sẵn có Vô lậu chủng, như Hộ Nguyệt luận sư thì càng phải mới sinh Chủng tử vô lậu mới đắc, Chánh trí mới khởi và Chủng tử mới huân vào Chủng tử cũ. Hoặc khi sinh quả thì đều có thể duyên Chân như, tức là Chủng tánh có lấy Chân như làm Sở duyên duyên, từ Chủng tử này sinh cho nên nói: "Từ Chủng

tử của Chân như sở duyên duyên sinh". Lại nữa, nếu không có Chủng tử mới huân thì Chủng tử cũ chắc chắn không sinh quả. Luận này nói mới huân, là ngay chỗ thù thắng mà nói, cho nên nói "Chủng tử của Chân như sở duyên duyên sinh".

Luận ghi: "Do có chướng và không chướng khác nhau", Thắng Quân luận sư đã không có Chủng tử cũ, cho nên phỏng theo Chướng để phân tích ba Thừa, tức là lấy văn này làm chánh. Hộ Nguyệt và Hộ Pháp thì sẵn có Chủng tử, tuy có nhưng hiện tại phỏng theo Chướng mà nói, không phải không có Chủng tử cũ. Giả sử có Chủng tử chướng nhưng không thể đoạn cho nên gọi là Vô chủng tánh, huống gì là sức của Pháp nhĩ! Hữu chủng và Vô chủng làm duyên mà chướng ngại, có thể đoạn và không thể đoạn khác nhau. Luận này phỏng theo Chướng mà nói nghĩa cũng không có lỗi, đều lấy Chướng bất đắc trong chỗ tiến đến nhân của quả thời, cho nên phỏng theo Chướng mà nói, vì Vô lậu chủng ẩn kín và vì Pháp nhĩ cho nên không nói, chỉ từ Chướng mà luận.

BẢN LUẬN 53

Luận ghi: "Lại nữa, thế nào là Biểu nghiệp v.v..."? Đây là căn cứ theo cuối quyển này, giải thích Nhị vô của hư không v.v... đã xong, kết luận rằng: "Như vậy hai mươi bốn Bất tương ưng v.v... đều là Giả hữu", xem văn thế tức là kiêm tổng kết từ Bản luận 52 trước trở lại. Cuối quyển trước thì Chủng tử và nghiệp này v.v... đều chế phục vấn nạn, là Bất tương ưng trước chứng thành Giả hữu, quyển trước đã nói Chủng tử là giả hay thật, thì đã thuyết minh Chủng tử giả hay thật rồi, nghiệp thì trên Chủng tử mà lập để thuyết minh nó. Nếu giả lập Chủng tử rồi, thì Bất tương ưng trước chưa dứt tận, cho nên trên Chủng tử mà lập Vô tưởng định v.v... dưới nghiệp là thuyết minh ba thứ Bất tương ưng của Vô tưởng định v.v... để tiện quyết định và chọn lựa nghĩa nghiệp đạo của quyển 8. Kia là Tầm tứ địa, đây là Ý địa, không phải chánh quyết trạch. Thể của nghiệp này v.v... như quyển 8 sao ở trước đã nói, nhưng chưa hết, tôi bây giờ phân tích lại. Sự Phát nghiệp này có loại tư duy, dưới đây sẽ tự phân tích. Bất cộng vô minh này đều là Kiến đoạn. Nếu là Cộng vô minh, thì hoặc là chỉ phát sinh Pháp nghiệp và Bất động nghiệp, đây là Dị sinh bên trong. Nếu là Dị sinh bên ngoài thì phải do Bất cộng mới phát khởi phước nghiệp và Phi phước nghiệp. Nếu là bậc Thánh hữu học thì không phát khởi Tổng báo, như kinh Duyên Khởi ghi: "Ta nói nương vào Minh, không nương vào Phiền não", tuy nói như vậy, nhưng đây là căn cứ theo bất mê nhân quả, để lựa riêng với phàm phu và ngoại đạo, như vậy cũng từ Vô minh mà phát. Đối Pháp quyển 4 ghi: "Nếu người mặc tình tùy ý khởi Năng phát nghiệp là bất thiện, do đó biết Tu đạo cũng phát nghiệp, nhưng không phải Tổng báo mê hai loại ngu, như Đối Pháp nói.

Luận ghi: "Nếu các đường Uy nghi là tất cả Thân biểu nghiệp và Ngữ biểu nghiệp trong một phần chốn Công xảo, thì gọi là Vô ký biểu nghiệp", nghĩa này cũng như nghĩa Tùy chuyển của Tát-bà-đa. "Một phần", tức là Uy nghi có bốn, Trần và Công xảo, trong năm Trần chỉ lấy thân và ngữ, cho nên nói là "một phần". Hiện tại Đại thừa đối với "một phần" này thông với ba tánh, chỉ lấy Vô ký trừ ra thiện và bất thiện, cho nên nói "một phần", một phần này đều là Gia hạnh sinh, không giống như Dị thục sinh, vì tâm không thể phát nghiệp. Nếu như thế thì tâm biến hóa cũng có thể phát nghiệp, tại sao không luận? Hiện tại Đại thừa hoặc vì lợi lạc thì phải biết đó là thiện, tức là chủng loại của thiện, nếu vì vui thích thì phải biết đó là Vô ký, tức là Uy nghi

v.v... vì chủng loại không nhau mà không luận. Ý biểu nghiệp, sư Pháp nói: “Biểu hiện thiện ác của tự mình, cũng có Vô biểu”, như Bản Địa quyển 8 sao ở trước, trong đó trình bày các giải thích có chút ít hướng theo, bây giờ giải thích lại, như hai loại thân nghiệp và ngữ nghiệp thì biểu hiện đối với người khác, ý nghiệp thì chỉ biểu thị đối với tự mình, như khi phát khởi thân ngữ nghiệp, thì chắc chắn có ý nghiệp biểu hiện để làm phương tiện, tự ý mình biểu hiện cho biết rằng “ta làm sự như vậy”, tức là trước thì biểu thị cho biết, sau đó thì làm sự này, ý đồng thời với Biểu nghiệp cho nên gọi là Ý biểu nghiệp, trong đây thì chỉ có thân nghiệp, các chỗ khác đều diệt mất. “Đối với các chỗ khác mà sinh, hoặc là đối với sự Biến dị này mà sinh v.v...”, đây là lấy Sắc pháp tương tục một thời kỳ có bốn Tướng của các sư Kinh lượng bộ, có nói riêng “Động sắc gọi là Thân biểu”, luận này thì phá lý đó, nói: “Từng sát-na sắc diệt tương tục, ở chỗ này diệt thì ở chỗ khác sinh, không phải trong một Thật pháp không có sinh diệt, từ sự không diệt mất này mà có thể tới lui. Trong câu “đức” của các sư Phệ-thế kia, co duỗi v.v... cũng vậy, cũng có thật thể, luận này cũng đồng phá lý đó. Hoặc Tát-bà-đa bộ, tuy không có Động sắc nhưng riêng có nghiệp sắc, như khi co duỗi thì có riêng nghiệp sắc sinh. Luận này thì không như thế, chỉ có sắc thân của Dị thục vô ký, đối với chỗ này là do sức của tư duy biến dị mà sinh, không phải riêng có nghiệp sắc, cho nên nói “chỉ có thân, đối với chỗ khác thì diệt mất v.v... “Chỉ có Ngữ âm và Ngữ biểu nghiệp”, đây là lựa riêng với Thanh của Tát-bà-đa, tức là ngữ nghiệp, luận này ghi: “Đều có Ngữ âm do chỗ phát của Tư nghiệp, gọi là Ngữ biểu nghiệp”. Thể của Ngữ chỉ có Vô ký, không đồng với nghiệp thể của Tiểu thừa thông với ba tánh. “Chỉ có phát khởi tâm tạo tác tư duy gọi là Ý biểu”, đây là nói lấy Tư làm ý nghiệp, ý nghiệp cũng phát khởi thân và ngữ, lấy Tư làm nghiệp, nghiệp tức là Sắc mà là giả danh, không phải riêng có Sắc gọi là nghiệp v.v...

Luận ghi: “Tại sao do tất cả Hành đều là sát-na mà từ phương khác đến phương khác là không đúng đạo lý”? Đây là phá Chánh lượng bộ v.v... phải trước hết làm thành có sát-na diệt rồi mới có thể phá không có hành động, lập Lượng rằng: “Các Sắc trần v.v... đáng lẽ là sát-na diệt, vì Sắc uẩn nhiếp, như ngọn đèn, như tiếng chuông”. Ngọn đèn và tiếng chuông thì người khác cùng thừa nhận, mới lập Lượng rằng: “Không có Sắc ở chỗ này đi đến chỗ khác, vì sát-na diệt, như ngọn đèn v.v...”. Sát-na diệt này, nhân theo phương là Cực thành. Lại nữa, lìa thì chỉ có các Hành sinh, các thật tác dụng khác thì do nhãn nhĩ

và ý, đều là bất khả đắc", nghĩa này cũng phá "thật có hành động và tác dụng" của Chánh lượng bộ, cũng phá Cực vi tánh nghiệp sắc thật có tác dụng của Tát-bà-đa, cũng phá Thật tánh nghiệp của sư Phệ-thế, luận này tổng phản đối rằng: "Không có riêng thật tác dụng, như chỗ nắm lấy ba nghiệp của nhãn nhĩ và ý, đều là bất khả đắc", các Bộ kia tuy hành động và nghiệp sắc đều là chỗ nắm lấy của nhãn v.v... nhưng cùng với các Bộ kia là tùy theo một lỗi Bất thành, vì luận này không thừa nhận có đắc Nhãn thức v.v... Lượng rằng: "Ông nói hành động và nghiệp sắc v.v... không gọi là lìa ngoài các Hành, vì do nhãn nhĩ và ý quyết định là bất khả đắc, là chỗ không thể biết được của Hiện lượng và Tỷ lượng, như sừng thỏ v.v...", Ý nghiệp tuy thông ba tánh, nhưng lấy Tư để phát khởi sự biểu hiện, hiển rõ ý nghĩa của tác dụng, cho nên phải biết tất cả Biểu nghiệp đều là giả có.

Hỏi: Nếu Giả nghiệp trong Sắc v.v... như trong Sắc xứ biểu hiện các Sắc này, là phá các duyên trong Nhãn thức v.v... của Đại thừa hay không"?

Đáp: Ấn Độ có hai giải thích, là năm Thức duyên Giả nhưng nương vào Thật, như Đối Pháp sao quyển 1 giải thích.

Luận ghi: "Lại nữa, nếu có sinh vào nhà Bất luật nghi, thì có chỗ hiểu rõ tự mình phát tâm kỳ hẹn rằng: Ta sẽ lấy Bất luật nghi này nói là mạng v.v...", đây là Năng khởi luật nghi trong tám Luật nghi, ngoài ra dưới đây mỗi mỗi đều phối hợp theo thứ tự. Hiện tại Đại thừa tuy sinh vào nhà Bất luật nghi, nhưng từ câu "có chỗ hiểu rõ" trở đi, thì tự phát tâm kỳ hẹn mới thành, nếu không phát tâm kỳ hẹn thì trái với ý chí trước của cha mẹ: "Ta không làm sự này", tức là không phải Bất luật nghi. Luật nghi gọi là Quỹ tắc, chẳng phải quỹ tắc cho nên gọi là Bất luật nghi, không phải ác quỹ tắc mà gọi là Bất luật nghi, tức là Danh và Thể của nó, như tương tợ với ác Thi-la. Hiện tại căn cứ theo văn thế của luận này, tức là mới phát mà tâm hẹn làm, cũng không phải Bất luật nghi nhiếp, phải huân và phát thì tâm mới thành, bây giờ giải thích tâm trước làm Gia hạnh đạo đã thành rồi, nhưng chưa quyết định còn nhẹ, là hạ phẩm, sau đó tâm huân phát, là trung phẩm, tức là sau Vô gián đạo, hoặc làm sự này thí đã thành thượng phẩm mà riêng khởi phát không có chỗ y, nhưng căn cứ theo luận nói: "Tuy thành thân và ngữ Vô biểu, nhưng ý thì có ba loại bất thiện căn nhiếp", do ý mà làm thành bảy chi Vô biểu của thân ngữ, cho nên luận ghi: "Chỉ thành rộng lớn các bất thiện căn. Lại nữa, nếu đã hành sự rồi thì liền phát khởi Biểu nghiệp và Vô biểu nghiệp", đây là chỗ phát Vô biểu nghiệp của ý, không thuộc

thân ngữ, nhưng luận ghi: “Không nói thành tựu thân ngữ Vô biểu, mà chỉ nói thành tựu bất thiện căn”, tám sự sau đã thuộc chỗ nắm lấy của thân ngữ. Lại nữa, chỉ làm thành bất thiện căn của ý, tức gọi là Bất luật nghi, không phải thành bảy Sắc nghiệp đạo. Lại nữa, khi hành sự đã thành thì cũng gọi là Bất luật nghi, không đồng với Tát-bà-đa gọi là nghiệp đạo trong Xứ. “Phải biết Phi phước vận chuyển tăng trưởng”, đây cũng là bảy chi tăng trưởng gấp bội từng sát-na, gọi là vận chuyển tăng trưởng.

Luận ghi: “Tà nguyện tư này cùng với Bất tín, Giải đãi v.v... đồng thời hiện hành”, đây là nêu ra Thể tánh, khắc phục tánh mà nêu ra Thể, thì chỉ là trên Chủng tử ác tư duy mà giả lập, luận này nắm lấy ngược lại năm căn tăng trưởng, cho nên nói Bất tín, Giải đãi v.v... thật ra thì thường phải có mười pháp đồng thời chuyển, cho đến Tà dục, Thắng giải v.v... Tư này có thể khởi nghiệp mà tư duy Chân như. Dưới đây trong tám Luật nghi, Luật nghi thứ hai là Năng khởi luật nghi. Từ trên đến đây là một thời kỳ của tâm Bất luật nghi liền thành thời cơ, là chưa xả bảy chi trở lại, bảy chi vận chuyển tăng trưởng đến thời cơ phải xả, là thọ giới, mạng chung, đắc định, hai hình sinh bốn thời. Hiện tại Đại thừa tuy không thọ giới, nhưng thệ nguyện xả bỏ tác pháp, cũng gọi là Xả, do đó có năm thời, cho nên luận ghi: “Cho đến Tư này khi chưa xả trở lại, gọi là Bất luật nghi”, biết rõ là xả Tư nghiệp và ý nghiệp, cũng xả Bất luật nghi. Nói “ác Thi-la”, Thi-la gọi là Thanh lương, người làm việc ác thì gọi là Ác Thanh lương, “Ta làm ác Thi-la”, không phải chính Thể ác của nó tức là Thi-la. Cựu luận vấn nạn rằng: “Đề phòng việc quấy mà mở bỏ giới, thì có giới cũng không hại việc quấy v.v...”, bất thiện này chính là tên của nó, nếu như luận này giải thích thì không có lỗi, như tên của Bất luật nghi thì đồng.

Lại nữa, vấn nạn rằng: “Thể của ác không phải Thi-la, người làm ác là ác Thi-la, gọi là ác Thi-la thì đáng lẽ Thể của Kiến cũng không phải ác, vì người hành ác, thì ác chính là Kiến, cho nên gọi là Ác kiến”?

Giải thích rằng: “Kiến gọi là Phân biệt, Phân biệt của thiện và ác đều gọi là Kiến; Thi-la gọi là Thanh lương, vì Thể của ác không phải Thanh lương, không thể ví dụ đồng với Kiến. Thể tánh của Luật nghi cũng lấy thiện ác đồng thời, cũng lấy năm Tâm sở, chế phục Thể thì chỉ ở trên Chủng tử của Tư mà giả lập. Hiện tại Đại thừa căn cứ theo văn, tức là cũng lấy mười Thiện nghiệp đạo và năm Uẩn của Tư làm Thể. Nếu Bất luật nghi ngược lại điều này, thì phát khởi thời cơ của giới, tức

là năm chúng xuất gia. Thứ ba là Yết-ma đã đắc giới, hoặc là Sa-di, Sa-di-ni và ba chúng tại gia, khi thọ Tam quy rồi thì liền đắc giới; hoặc hai chúng xuất gia thì phải thuộc chỗ thọ Bí-sô của người khác nhiếp, ba chúng tại gia thì được tự nhiên mà thọ, tức là cũng có Tam quy rồi thì liền đắc giới; hoặc Bồ-tát giới thì thông với tự nhiên mà thọ, tuy nhiếp hết tất cả giới, nhưng sau đó khi xuất gia rồi thì theo người mà thọ. Đây là thuyết minh giới của Nhị thừa, theo người khác mà thọ hai loại. Thọ tùy hộ chi, là tàm và quý. Tàm là có thể tự mình thọ, quý là theo người khác mà thọ, cả hai đều hành, nhưng căn cứ theo sự tăng thắng thì khi có một giới là không có giới thứ hai, không phải là không có một giới nào. Nếu theo người mà thọ giới, do thân phát khởi bảy chi, thì như đi đến chỗ của sư truyền giới; do ngữ phát khởi bảy chi, là như phát ngữ để thỉnh sư truyền giới; hoặc người tự nhiên mà thọ, thì chỉ có Ý biểu nghiệp, tự nhiên thọ này không lấy thân ngữ làm phương tiện, chỉ lấy ý làm phương tiện, vì đã thọ được bảy chi Vô biểu của thân và ngữ.

Hỏi: Tức là có Vô biểu không từ Biểu mà sinh, vì không có thân ngữ, chỉ tự có ý thì liền thành Biểu, nếu như thế thì khi tự thọ, lễ Phật, phát ngôn, lẽ nào không phải là Biểu nghiệp?

Đáp: Đây là giải thích Vô biểu nghiệp mà người khiến cho biết, nói không có thân ngữ, là không phải tự mình không có thân nghiệp và ngữ nghiệp, cho nên cũng có sự biểu hiện phát sinh, ví như muốn trừ bỏ chỗ hành sự của người khác, thì hoặc là ngữ nghiệp v.v... làm sự biểu hiện của thân v.v... Thân và ngữ nghiệp biểu hiện lẫn nhau. Lại nữa, các nghiệp này phỏng theo tất cả tác pháp, như người bệnh nặng không thể động thân phát ngữ, tuy theo người khác thọ giới nhưng cũng có Vô biểu nghiệp không từ Biểu nghiệp mà sinh, hoặc tự phát tâm trong một thời kỳ thì chỉ có Vô biểu, cho nên luận này ghi: "Dựa vào Ấn Độ của ba nhà giải thích giới thể trong trăm hạnh, hoặc nói là một phần v.v...", giải thích này đồng với kinh Bộ, khi thọ một giới, hai giới, thì cũng phát khởi giới. Bất luật nghi v.v... cũng vậy, khi thệ nguyện thọ một giới thì cũng gọi là Bất luật nghi; nếu không thệ nguyện thọ giới mà hành sát sinh, thì chỉ gọi là trong chỗ đó, Biệt thời và Biệt thọ tổng gọi có mười loại giới. Trong đây hỏi rằng: Nếu như hiện tại đã phân ly rồi thì cùng với thời gian chút ít đó có khác gì, mà nói có trăm hạnh, hoặc đến khi thọ mạng hết, thì mười giới cùng với tự thọ giáo nơi người khác nào có khác gì?

Đáp: Giải thích chỗ duyên của ý tiến đến tâm không nhau, nhưng trong đây có mười vị, ba vị đầu phỏng theo sự, ba vị kế phỏng theo thời,

bốn vị sau cùng phỏng theo người. Nhưng ngay trong bốn vị sau, vị thứ ba là Tự ngữ phân làm hai loại. Thi-la, Vô hối v.v... như Hiển Dương quyển 7 ghi: “Vì thành Thi-la cho nên không có Hối, vì không có Hối cho nên sinh vui, vì sinh vui cho nên tâm mừng, vì tâm mừng cho nên thân an, vì thân an cho nên thọ lạc, vì thọ lạc cho nên tâm định, vì tâm định cho nên quán như thật, vì quán như thật cho nên khởi chán, vì khởi chán cho nên lìa Dục, vì lìa Dục cho nên giải thoát, vì giải thoát cho nên tự cho là Ngã, “Ngã chứng giải thoát, Ngã sinh đã tận v.v...”. Tĩnh lự luật nghi, trong đây chỉ có bốn Căn bản, như Đối Pháp quyển 8 nói: “Đối với cõi Vô sắc, hoặc là lược bỏ, không kiến lập Sắc hoặc Luật nghi”. Theo văn của Hiển Dương luận thì cõi Vô sắc cũng có Định cộng giới, nhưng đối với cõi Dục hoặc là Tu đạo, sinh Kiến đạo để làm Viễn phần đối trị. Trong đây là Tùy thuận lý môn, không nói Vô sắc, đối với vị lai thì Thiền cũng có Vô gián đạo, lược bỏ không nói. Nếu là Vô lậu, thì trước hết là đắc Tĩnh lự, nương vào năm Địa mà nhập Kiến đạo đắc quả Bất hoàn, đắc Kiến đạo của giới, và chín Vô gián đạo trở thành Đối trị đạo của Ác nghiệp đạo, sau đó chứng đạo giải thoát v.v... cho đến Vô học. Mong Kiến đạo và ác giới gọi là Viễn phần đối trị, nếu là Tu đạo, thì trong thân của bậc Thánh có lỗi vi tế, tùy nương vào Sơ thiền v.v... mà đối với chín phẩm Vô gián đạo mong Sở đoạn, gọi là Đối trị đạo. Giải thoát đạo cũng gọi là Viễn phần đối trị, nhưng hiện tại Đại thừa lại có người trở lại chín Địa trong ba cõi, từ Sơ quả liền đến Vô học, làm Đối trị đoạn của chín phẩm, Đoạn đó đối với Đoạn cho đến tùy nương vào Địa này, tức là lấy chín phẩm Vô gián đạo làm Đối trị đạo, các Địa còn lại gọi là Viễn phần đối trị, chỉ trừ ra cõi Thiền giữa Hữu đảnh, đây là căn cứ theo Hữu học, người mới đắc Quả thứ ba, đoạn Hoặc làm Sở đoạn Đoạn cho nên là thù thắng. Nếu dần dần đoạn từ Quả thứ ba trở đi thì cũng như thế, vì chỉ do Năng trị thù thắng mà đắc Ngữ vô học; nếu nhanh chóng đoạn chín phẩm trong ba cõi, cho đến chưa đắc Vô học và Vô gián đạo trở lại, thì đều là Sở trị đoạn, cho nên thù thắng, chỉ có Vô học năng trị thù thắng cho nên thù thắng, chính đó là nhập Kiến đạo. Trong đây phỏng theo bốn Căn bản mà khởi siêu vượt Nhân, Tác pháp, đối với Vị chí thiền mà khởi Sơ quả nhân pháp, thật ra vị lai Thiền cũng được siêu vượt quả mà đắc bảy Tác ý, nương vào vị lai Thiền mà đắc quả Bất hoàn, Tác ý của Cứu cánh quả trong Gia hạnh thứ bảy chắc chắn nhập Căn bản. Hiện tại luận này phỏng theo quả viên mãn mà luận, luận này siêu vượt như người chứng quả thứ lớp, cõi Vô sắc thì được đoạn Chủng tử của cõi Dục và Chủng tử phạm giới. Sư Pháp

nói: “Kiến đạo nương vào sáu Địa đều nắm lấy làm trung gian”, không phải như vậy, căn cứ theo ba y và năm y sinh của sáu Hiện quán, trừ ra trung gian thiền, các văn còn lại tuy nói có Vô lậu, nhưng vì chỗ ở của Phạm vương phần nhiều là tán loạn, lẽ nào như Hữu đảnh. Tuy nói có Vô lậu, nhưng không thành Đoạn hoặc, như các luận khác rộng phân tích. Nhưng Định cộng giới và Đạo cộng giới này, sư Pháp nói:: “Đối với Kiến đạo đều trên Hiện hành tư mà kiến lập, lấy đó gọi là tùy theo tâm mà chuyển sắc.

Hỏi: Tại sao Đạo cộng không có biểu hiện? Như khi Chánh ngữ Chánh nghiệp phát ngữ thì thế nào là biểu hiện?

Đáp: Lại nữa, căn cứ theo Biệt giải thoát giới thì trên Chủng tử của Tư mà kiến lập, thì Chánh ngữ này cũng vậy. Như Biệt giải thoát giới từ Thọ trở đi, trong từng sát-na vận chuyển tăng trưởng, gặp duyên thì xả rồi, Chủng tử cũ thì không mất, không giống như Tiểu thừa, đoạn Đắc gọi là Xả, chỉ có sát-na mới này bảy chi không sinh thì gọi là Xả giới, Đạo cộng giới và Định cộng giới cũng vậy, khi Hữu tâm thì sát-na tăng trưởng, bảy chi tăng lên gấp bội, nếu Vô tâm thì đã là một loại, thì Chủng tử tương tục mà sinh, không có nghĩa mới tăng thêm, đó gọi là Xả. Không phải như Biệt giải thoát giới, một Thọ trở đi thì Vô tâm và Hữu tâm đều được tăng trưởng, gọi là tùy tâm mà chuyển.

Hỏi: Như thế nào mà lấy Hiện hành tư làm Thể của Định cộng?

Đáp: Có người nói, trên Chủng tử này mà lập thì đáng lẽ trùng với trên Chủng tử tư mà kiến lập trong Gia hạnh đạo ở trước, như phát khởi tư duy Biệt giải thoát giới, thì lấy Tư nghiệp của Gia hạnh ở trước. Trong Gia hạnh đạo thì điều này chưa thành giải thích, như Định và Đạo trước Gia hạnh đạo đều không phải là Định cộng giới và Đạo cộng giới, mà là Tán tâm, hoặc Địa và cõi khác trói buộc.

Hỏi: Như thế nào là tùy theo Gia hạnh để phán Định giới thể?

Đáp: Chỉ nên tùy theo Định giới và Đạo giới đồng thời với Tư mà lập. Cận sự gọi là lìa Ác hạnh. Ác hạnh là ba chi trước và ý, trong đó mới có lìa ẩm tửu, tùy theo dục hạnh đó, hiện tại là căn cứ theo phần nhiều mà làm luận. Hai nhân của Cận trụ, là ngày và đêm trì hai hạnh Ly dục và Ly ác và trì hết mình làm nhân, vì căn tánh yếu kém cho nên nhân theo quả gần mà trụ, cho nên gọi là Cận trụ, không phải Phạm hạnh. Nếu là hàng tại gia thì chế phục tà, không chế phục chánh, chánh thì gọi là Dục hạnh, nếu là hàng xuất gia thì đều không thừa nhận, gọi là lìa Ác hạnh. Người lìa Ác hạnh là Tánh tội, cùng với ba tội trước đều là Tánh tội. Lìa Ác hạnh, là từ chỗ sinh của tham, chế phục không thừa

nhận, như bốn tội sau cũng đều vì chế phục tham. Bí-sô bốn chi, Bí-sô không phải là chấp thọ Học xứ, tức là ban đầu nói về bốn Giới trọng và bốn Y tướng v.v... như thành tựu Thi-la của Hiển Dương quyển 7. Thứ hai là khéo có thể phòng hộ Biệt giải thoát luật nghi, thứ ba là Sở hành của quỹ tắc đề được viên mãn, thứ tư là thấy tội vi tế mà sinh đại khiếp sợ và thành tựu Thi-la, là không thể phạm, nếu đã phạm thì có thể thoát khỏi, ngay trong Hiển Dương nói: "Thọ học các Học xứ kia", đây là Xứ thứ nhất làm Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm Xứ thứ nhất, tức là sáu Xứ của Thanh văn. Ổ-bà (Ưu-bà) nghĩa là Cận; Ca nghĩa là Sự; Sách nghĩa Nam; Tư nghĩa là nữ. Trên hai chữ Cận sự thêm vào hai chữ Sách và Tư, Tư là tiếng gọi người nữ, nam nữ riêng biệt. Nói Mẫu sắc, chánh dịch là Mẫu thôn, vì nữ trong nhà đồng với mẫu, cho nên đổi lại gọi nữ là mẫu, đồng loại với thôn ấp.

Luận ghi: "Thế nào là Phi luật bất luật? Là trừ bỏ chỗ nói Luật bất luật, tất cả thiện bất thiện v.v... như trước, chính là thân ngữ ý nghiệp", căn cứ theo Bất luật nghi trước có một loại không trì mà đắc, đây là căn cứ theo thượng phẩm phát khởi Vô vô tác, hoặc trung phẩm và hạ phẩm, hiện tại không hành mười Ác nghiệp đạo cho đến trung phẩm hạ phẩm của Thiện nghiệp đạo để phát khởi, vì Vô biểu đều là Thể tánh của các nghiệp này. Lại nữa, một người nếu đối với các Luật nghi thệ nguyện một phần trì một Luật nghi, các Luật nghi còn lại không trì. Trong Xứ đó, nếu thệ nguyện làm một phần ác nghiệp thì không gọi là Bất luật nghi, chỉ có trong Xứ đó, hiện tại chỉ có Luật nghi và Bất luật nghi nương vào một phần, cũng chỉ là kỳ hẹn làm thiện, vì lìa thượng phẩm, tức là Bất luật nghi nhiếp, trong đó cũng có ba phẩm.

Luận ghi: "Toàn phần chọn một nửa, một phần chọn một nửa, tổn hại chọn một nửa", như Đối Pháp quyển 8 có năm loại, là Sinh tiện, Bán nguyệt, Tật đố, Quán sái, Trừ khử, trong đây chỉ không có Quán sái, vì trong đây khai mở Tật đố làm hai loại, là bức bách chính mình nhìn thấy người khác, đó là khiến cho một hợp chung Quán sái, là loại Tật đố đó khi được tinh huyết của người khác mới phát khởi thế lực. Phiến-quắc-ca, Hán dịch là không có căn và thế lực dụng. Bán-trạch-ca, Hán dịch là Lạc dục, là ưa thích người khác làm lỗi đối với chính mình. Như Sinh tiện gọi là toàn phần, là Vô căn và ưa thích người khác đối với mình làm lỗi; gọi là Bán-trạch-ca, vì ứng dụng thế lực không có căn; gọi là Phiến-quắc-ca, tức là một đời không khởi thế lực của người nam. Thứ hai ưa thích người khác đối với làm lỗi gọi là Bán-trạch-ca, vì có trì chấp, không phải là Thể của Phiến-quắc-ca có căn chấp, vì

khi căn chấp thì khởi. Trong Trừ khử có hai loại người, loại người này không đồng với Sinh tiện, chắc chắn không có trừ khử nam căn, đã từng có nam căn, tuy Trừ khử không có căn, nhưng tánh vẫn chưa đoạn, nếu không ưa thích người khác làm lỗi, thì không phải Bán-trạch-ca, vì không có thế lực của căn cho nên gọi là Phiến-quắc-ca, nếu ưa thích người khác làm lỗi đối với mình thì gọi là Bán-trạch-ca, vì không có căn, cũng là Phiến-quắc-ca trụ riêng biệt, Ý lạc trước bị tổn cho nên thuyết minh Trụ, đây là Tự pháp tổn cho nên khác với Trụ, tuy ý trước ý sau không làm tổn hại Biệt tánh của thời sau đó.

Luận ghi: "Chỗ đắc của người khác", là lỗi của cha mẹ trong thời gian ít, cùng với người khác được nhiếp dưỡng, tuy không phải cha mẹ nhưng cũng là chỗ đắc của người khác, nhưng giới này đều có ngăn che vấn nạn ấy, thọ giới mà không đắc có giới, mà chỉ đắc tội thì không phải là không đắc giới. Thủ viên là người giữ cửa chùa. Trong năm chúng Tỳ-kheo xả giới, sư Pháp nói:: "Căn cứ theo phạm tội và xả tội trong Bồ-tát địa, thì cần phải thượng phẩm tâm phạm mới có lỗi", sự phạm tội này cũng vậy, điều này không thành giải thích, như thượng phẩm tâm của Bồ-tát không có tàm quý, trong Thanh văn giới này chỉ phạm thì liền có lỗi, không luận là tâm thượng trung hay hạ phẩm, vì đều vượt khỏi giáo, đều phạm vào Tánh tội, hoặc năm giới không có phạm nặng, vì không gọi là Phi phạm hạnh, ăn năn cũng trở lại thanh tịnh. Hai hình sinh vẫn thành Cận sự tánh, Cận trụ giới không đoạn thiện, vì ngày đêm đồng thời, không được đoạn thiện, trước hết phải Gia hạnh mới có thể được, cũng không có phạm nặng, không phải rốt ráo lìa, vì không phải Phi phạm hạnh, trong đây chỉ có xả ban ngày. Sư Pháp nói: "Căn cứ theo trăm hạnh trên, có một ngày cho đến một năm, cho nên biết Cận trụ giới cũng được đa thời, vì tâm kỳ hẹn rộng". Nếu như thế thì như Tỳ-kheo giới, tâm kỳ hẹn đến nhiều đời, lẽ nào ngay sự tương tục kỳ hẹn mà có giới hạn, vì phần thế lực không nhiều lắm. Nếu trải qua một ngày v.v... chỉ có trong Xứ đó là Thiện luật nghi, không phải là Luật nghi, thì trong trăm hạnh nào có hại gì nhiếp thiện trong Xứ đó! Lại nữa, năm giới thệ nguyện chỉ có một ngày lẽ nào thành Luật nghi giới, vì chỉ là trong Xứ đó.

Vô tưởng định, như Đối Pháp quyển 2, trong đây không có văn nói thoái chuyển, sau cõi Sắc khởi quyết định sinh báo, đã từng đắc và chưa từng đắc, như Đối Pháp sao, đây là người đắc Định, căn tánh không phải chỉ có thượng phẩm, vì có ba phẩm v.v... cho nên quyển trước trong Tùy chuyển chỉ nói Bắc châu này, không nói Vô tưởng, vì bị chết yểu. Địa

này có chín phẩm, như Diệt định, Định này được lìa sự thọ báo của chín phẩm, chủ yếu chỉ nương vào chín phẩm thì đều dứt hết sự sinh, vì trong Vô tưởng thiên.

Hỏi: Chủng tử của tâm đề phòng đối với tâm, Thể của Định không phải Sắc, Chủng tử của tâm và sắc đề phòng đối với Sắc, Thể của Chủng tử là Sắc, Thể của giới không phải tâm và sắc?

Đáp: Sắc chủng đề phòng đối với Sắc, Thể của Chủng là Sắc, tức là Phi phi sắc. Tâm chủng đề phòng đối với tâm, Thể của chủng không phải tâm, tức gọi là Phi tâm sắc.

Hỏi: Lấy Sắc đề phòng đối với Sắc, Sắc chủng trở lại gọi là Sắc, lấy tâm đề phòng đối với tâm, tâm chủng tức là Phi phi tâm sắc?

Đáp: Sắc chủng là chỗ đề phòng Sắc, Thể của chủng thuộc Sắc nhiếp.

Hỏi: Nếu như thế thì tâm chủng là chỗ đề phòng tâm?

Đáp: Sắc chủng đề phòng Phi thiện sắc phát khởi, nương vào Chủng mà lập giới, tức là Sắc chán Chủng tử của tâm, cũng là tâm đề phòng, không có riêng tâm dấy khởi, đó là Phi tâm sắc.

Hỏi: Sắc chủng nói là đề phòng Phi sắc chủng, gọi là Thiện sắc dấy khởi, tâm chủng đề phòng Chủng tử của tâm duyên lự, sao lại tiếp tục nói là tâm sinh?

Đáp: Tâm thể vốn là Chủng tử của duyên lự, vì không có duyên cho nên không phải là tâm và Tư, từ chỗ đề phòng mà nói là Sắc, Chủng tử của Tư có đề phòng cho nên thuộc Sắc nhiếp.

Luận ghi: "Lại nữa, nếu do nhân này và chấp này là tất cả Sinh đắc tâm tâm pháp diệt, thì gọi đó là Vô tưởng", sư Pháp nói:: "Mới sinh có tâm, thì tâm này thông với thiện tánh và Vô ký tánh, vì mặc tình tùy ý mà khởi, gọi là Sinh đắc, tâm Sinh đắc này diệt rồi thì trên A-lại-da thức kiến lập Vô tưởng dị thục". Sư Tuyền nói: "Mới sinh có báo Ý thức, vì Thức này diệt cho nên gọi là Sinh đắc tâm tâm pháp diệt". Sư Thái nói: "Vô tưởng thiên đó thọ sinh và khi xả thọ mạng thì đều không có ý thức". Nói "Sinh đắc tâm tâm pháp diệt", tức là lúc cuối cùng của thân Trung hữu, lúc đó nhiễm ô tâm mặc tình tùy ý dấy khởi, gọi là Sinh đắc. Tâm tâm pháp này diệt rồi thì lại thọ sinh Hữu lậu, gọi là Sinh đắc tâm tâm pháp diệt. Kiến lập Vô tưởng, nhưng Vô tưởng là Biệt báo, trên Thức thứ tám có đề phòng tâm không khởi công năng, đó là Thể của Biệt báo, tức là Tư của Vô tưởng định, Thể của Tư chiêu cảm Tổng báo, trên đó có công năng của tâm đề phòng chiêu cảm Biệt báo.

Hỏi: Thức thứ tám hiện hành tâm tâm pháp, thế nào gọi là chán

công năng của tâm mà gọi là Biệt báo của Vô tưởng? Lại nữa, trên Định vị tâm tâm sở không hiện hành mà kiến lập, tại sao tức là một Tư cũng chiêu cảm chung Tổng báo và Biệt báo? Lại nữa, nghiệp Vô tâm thì làm sao chiêu cảm báo của Hữu tâm Thức thứ tám?

Đáp: Luận này giải thích thì không phải như vậy, hoặc là quyết định Tư ở trước làm Tổng báo nghiệp mà chiêu cảm Tổng báo của Thức thứ tám, hoặc là chán công năng Chủng tử của tâm là Biệt báo nghiệp, chiêu cảm Sinh đắc tâm tâm pháp diệt của Ý thức và Biệt báo của Sắc uẩn v.v... hoặc Gia hạnh ở trước khi chưa chán tâm, thì Sinh đắc báo Dị thục Xả thọ có thể sinh, nhưng do Gia hạnh ở trước chán tâm, cho nên Sinh đắc báo tâm này không sinh, đối với Chủng tử này mà đề phòng tâm không khởi công năng, cho nên kiến lập Vô tưởng tức là Biệt báo nghiệp chiêu cảm Thể của Biệt báo pháp, không lìa hai thuyết Hữu tâm và Vô tâm. Như văn dẫn của Đối Pháp sao làm chứng v.v... trong đó không nói một thời kỳ Hữu tâm, cho nên biết thiết lập các chỗ khác nói Hữu tâm.

Hỏi: Đó là Tùy thuận lý môn. Lại nữa, Bí-sô lìa Tăng thượng mạn v.v... có thể biết, trong đó sinh hai Uẩn làm một nghiệp cảm và Biệt nghiệp cảm?

Đáp: Hoặc Tổng báo đồng một nghiệp, hoặc Biệt báo thì Biệt nghiệp chiêu cảm. Thân Trung hữu và Hữu tâm sinh Hữu tâm và Vô tâm, đâu có chướng ngại gì, cũng nên Tư ở trước mà chiêu cảm, hoặc trong Thể của Tư mà chiêu cảm. Có công năng chán tâm trên Biệt báo tư, là cảm sinh có Diệt tận định, là Vô lậu thì không cảm báo, nhưng có chưa lìa Đệ tứ thiền, người tham v.v... thì đắc. Hiện tại luận này căn cứ theo người đoạn Hoặc, không luận người chế phục Hoặc, nhưng Cựu luận ghi: “Có mười ba hạng người có thể đắc, là người Cụ phược, tám Giải thoát đạo, A-la-hán, Độc giác, Như Lai, hiện tại Bồ-tát nhập Địa của Đại thừa cũng đắc, tuy người chế phục Hoặc thứ tư cũng đắc, đâu có hại gì nhưng vẫn là Cụ phược nhiếp, như Vô tưởng định của Đối Pháp sao, là chỗ nhập của Phi học vô học, vì không có Tuệ hiện hành”. Sư Thái nói: “Khi đắc Vô tưởng báo thì không có Tuệ hiện hành”. Sư Cảnh nói: “Khi nhập Vô tưởng định thì phương tiện không có Vô lậu tâm, cho nên gọi là Vô tưởng hiện hành”. Tịch tĩnh trụ và sinh, là Diệt định, là trụ bốn Xứ của Vô sắc hay là sinh Hư không vô vi? Sư Pháp nói:: “Trên Quang minh sắc mà kiến lập”, như Đối Pháp quyển 2 và Hiển Dương quyển 1 ghi: “Hư không vô vi, là do Cảnh sở duyên tướng của tâm, vì tương tợ cho nên lập làm Thường, không phải duyên tâm kia, hay duyên

cảnh giới kia, có khi biến dị cho nên Phi trạch diệt cũng vậy”, cũng như Đối Pháp sao.

Nói rằng: “Vô hình và hai hình v.v... sinh khởi”, những hình này là lấy tất cả các lần sinh khác ngoài bảy lần sinh của Sơ quả. “Hoặc ái hoặc nguyện”, Ái có hai loại: một là Phát nghiệp ái, hai là Nhuận sinh ái. Ái của Nhuận sinh, là Thánh nhân do đó mà có, là chỗ không có của luận này. Nói Phát nghiệp ái, sư Thái nói: “Ái có hai loại, một là Ngữ tưởng phân biệt, hai là Nhuận sinh. Nhuận sinh là do Hữu, Ngữ tưởng phân biệt là Vô nguyện, tức là loại của Ái. Ái thuộc Phiền não nhiếp”. Căn cứ theo văn thì chỉ có trừ mà chưa có Vô dư vĩnh viễn hại Chủng tử của Vô minh, Nguyện tức là Ái. Hoặc nguyện tức là nguyện sinh Thiên v.v... vì đều là Nhân của sinh tử, cho nên Thánh nhân không sinh khởi ái.

Bất tương ưng, nói Giả tưởng là Danh, là khởi Ngôn thuyết, như trong Tư tuệ ở trước nói: “Vì nương vào sáu Sự mà khởi Ngôn thuyết”, tức là thuộc Thể của Chí Ngôn luận v.v...

Phi hữu sắc v.v... có hai loại, chỉ có giả danh, Hiển Dương quyển 1 ghi: “Phải biết lại có Chủng loại như vậy, lược bỏ không kiến lập”, tức là các tướng Phi đắc v.v... Trong Hữu tướng và Vô tướng, đều cùng với Đối Pháp quyển 1 riêng khác, xem thì hiểu, là dễ hiểu cho nên không luận, như Hiển Dương quyển 14.

“Hữu” chỉ có lập bảy Thiện xảo, là nguyên nhân trong Hành uẩn có năm chủng loại.

“Khiến cho tâm tạo tác”, các tạo tác này đều do công năng của Tư làm Cảnh.

“Tùy theo ban cho”, sư Cảnh nói: “Đối với hòa hợp và các cảnh trái nghịch v.v... Tư tùy theo Cảnh này mà cùng với Thức đồng thời chuyển”. Sư Bị nói: “Tư có thể phát khởi tâm, khiến cho cảnh tùy theo tâm mà chuyển. Chữ “vi” nghĩa là làm, làm cho cảnh tùy theo cùng với tâm”. Sư Thái nói: “Tư khiến cho tâm đối với Cảnh sở duyên tùy theo ban cho lãnh thọ hòa hợp và trái nghịch”. Luận này giải thích do Tư khiến cho tâm đối với Cảnh sở duyên, tùy theo ban cho lãnh thọ, không cần nói hòa hợp v.v... Câu thứ nhất này là Tổng cú, nếu nói hòa hợp v.v... thì cùng câu thứ hai có khác gì!

Luận ghi: “Tại sao do Thắng định kia đối với tất cả Sắc đều đắc tự tại”? Như cuối quyển sau sẽ nói văn này.

Ngay tại Hương và Vị cũng biến đổi mười sáu loại Xúc. Loại thứ bảy là Tăng ngữ xúc, là ý thức tăng trưởng ngữ và có thể phát ngữ, gọi

là Tăng ngữ xúc. Sư Thái nói: "Năm Thức v.v... được duyên Thật tướng, xứng với Thật tướng mà gọi là Hữu đối xúc. Ý thức có phân biệt, duyên danh làm cảnh, mong năm Thức để lấy danh làm duyên, cho nên gọi là Tăng ngữ xúc". Lại nữa, Danh cú văn là ngữ, ngữ này trong Cảnh tăng trưởng cho nên gọi là Tăng ngữ, Ý thức duyên Tăng ngữ này làm Cảnh, gọi là Tăng ngữ xúc. Minh xúc, là Vô lậu. Vô minh, là bất thiện và Vô ký. Phi minh phi vô minh, là Hữu lậu thiện xúc. Tám loại quán, là như phẩm pháp Bồ-đề phần của Bồ-tát địa, trong Bồ-đề chí hạnh mà quán thiện, biết tám loại quán hạnh của thế gian mà nói.

Luận ghi: "Thọ có mấy loại? Tức là Khổ đế hiện tại thọ Tập đế". Khổ nhân hiện tại tức là Tập đế. Thọ diệt, tức là Khổ đế diệt. Chính là Diệt đế. Thọ các Tập tiến đến hành, là Tập đế, tức là Thọ nhân vị lai. Thọ diệt tiến đến hành, là Đạo đế. Hiện tại căn cứ theo văn dưới nói: "Quán pháp kia diệt, tức là Diệt đế", xem Bồ-tát địa không đồng, cũng có thể giải thích đồng với Địa kia. Luận này nói Diệt, tức là Diệt pháp gọi là Diệt thọ. Ái vị, là Tập đế trong Tu đạo. Quá hoạn, tức là Khổ đế quán. Hiện tại căn cứ theo văn dưới nói: "Hai loại Chuyển nhân quán kia, tức là quán lại Chuyển nhân của Tập đế hiện pháp ở trước. Nói về hai Nhân kia, lại nói: "Hai loại Chuyển diệt nhân quán kia, ngay quá hoạn là Đạo đế, vì quán Khổ làm tội lỗi, là hạnh của Đạo đế". Nếu không như thế thì các văn dưới, hai loại Chuyển kia là tội lỗi của Ái vị. Hai Đế sau trong Xuất ly, nhiếp chung Đạo đế và Diệt đế, như tội lỗi ở trước thì Đạo đế tức là Diệt nhân, là thù thắng. Xem Bồ-tát địa, xuất ly Khổ căn bản, giải thích thô trọng có thể biết.

Luận: Trong Tưởng uẩn sai biệt, nói: "Điên đảo sai biệt, là các ngu phu không có chỗ hiểu biết, cho đến gọi đó là Tưởng đảo v.v...". Vô minh, như quyển 8 ghi: "Đây là Đảo căn bản". Trong đây căn cứ theo Tưởng là Tưởng tâm sở, nhưng thông với nội đạo hoặc ngoại đạo. Chỗ khởi Đảo, gọi chung là Tưởng đảo, trong đó phân hai phần là tâm đảo và Kiến đảo. "Nếu ngoại đạo xuất gia khởi toàn phần ba loại Kiến, và phần ít một loại Kiến, cùng với Tưởng đảo đồng thời", là Kiến đảo cũng là Tưởng đảo. Nếu tại gia đối với Cảnh mà khởi tham, thì cùng với Tưởng đảo đồng thời, cũng là tâm đảo, nhưng theo thứ tự phẩm thứ nhất ở trước, quyển 8 ghi: "Tham thông với hai loại, là Bất tịnh đảo và Tịnh đảo". Đối với Khổ đảo và Lạc đảo, thì chỉ lấy ngoại đạo trì tà giới, chấp Tà kiến lấy làm giới, Kiến thủ cầu sinh Thiên v.v... thì tham này là thù thắng, cho nên gọi riêng tham này hai loại, là tham đảo và tâm đảo, ngoài ra là kế chấp Thường kiến v.v... tất cả hữu tình đều cùng chung,

vì nghĩa ẩn sâu kín cho nên không nói. Hoặc căn cứ theo văn này, thì Dị sinh của ngoại đạo dấy khởi Thường đảo Ngã đảo, cũng là tâm đảo, thì tâm đảo chung với hai chúng tại gia và xuất gia mà khởi. Nhưng văn của luận này thì tại gia đối với Dục cảnh mà khởi Đảo tưởng gọi là tâm đảo, vì tham tăng trưởng thù thắng, ngoại đạo thì gọi là Kiến đảo, vì Kiến dụng tăng thắng, nhưng Kiến đảo thì không thể nói chúng tại gia phát khởi, đoạn văn này cùng với đoạn văn quyển 8 ở trước khác nhau. Lại nữa, giải thích phẩm tại gia như văn này: "Đối với Thường và Ngã thật sự là khởi tâm đảo, nhưng ngoại đạo v.v... cũng kế chấp Thường và Ngã cho là cùng chung". Văn trước chỉ nói lạc và tịnh là tâm đảo, phẩm tại gia khởi Thường ngã và Kiến đảo là chung với phẩm tại gia và xuất gia mà khởi, không nói riêng đối với lạc và tịnh. Người tại gia khởi tham là nghĩa tăng thắng, cho nên gọi là tâm đảo, tức là đồng với văn này. Tại gia khởi tâm đảo, xuất gia khởi Kiến đảo, giải thích trước thì hay hơn, nhưng căn cứ theo lý mà luận, thì chỗ khởi của tại gia có thể không khởi Kiến đảo, xuất gia thì không khởi tham đảo và tà tham, vì Kiến thủ và Giới thủ làm nhân sinh Thiên và giải thoát. Nếu làm giải thích này, thì Tưởng đảo thông với Kiến đoạn và Tu đoạn, vì là chỗ nương của tâm đảo và Kiến đảo. Kiến đảo chỉ có Kiến đạo, vì xuất gia ngoại đạo khởi, cho nên nếu tâm đảo thông với hai phẩm tại gia và xuất gia mà khởi thì thông với Kiến đoạn và Tu đoạn, lại cũng chỉ có Kiến đoạn phân riêng mà sinh.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 14
(Bản Luận 54, 55)

BẢN LUẬN 54

Luận: Trong giải thích Thức an trụ nói: "Cõi Dục chỉ phỏng theo ngoại Trần", vì Tập khí cho nên đối với Cảnh có nhiều tham. Lại nữa, tuy nội thân cũng khởi Ái An trụ, nhưng lấy Thai, Noãn v.v... mà sinh, không phải Tăng thượng An trụ, đây là căn cứ theo Tăng thượng, luận về cõi Sắc chỉ nói nội thân, vì Hóa sinh không có Tập khí. Cõi Vô sắc chỉ luận về Danh sở sinh của An trụ nghiệp, không luận về Sắc sở biến của Định, đó là ý của văn này. Nói rằng "chấp", là duyên chấp không phải là chấp thọ, vì Danh không phải là chỗ bị chấp thọ. Trong Tạp nhiễm, một là Nhiễm thức thọ dụng cảnh giới, hai là do Nhiễm thức của sinh v.v... luận này giải thích rằng: "Nhiễm thức thứ nhất là Phiền não, Nhiễm thức thứ hai là Sinh nhiễm. Lại nữa, Nhiễm thức thứ hai là Tạp nhiễm, vì Tạp nhiễm cho nên tạo thành Nhiễm trong kiếp sống vị lai.

Luận: Trong giải thích bốn Thức trụ, nói: "Kiến lập ý", là vì phá ngoại đạo, nhưng nguyên nhân tại sao? Vì chư ngoại đạo kế chấp bốn Uẩn là Ngã trụ trong đó. Luận này ghi: "Thức trụ trong đó không phải Ngã trụ". Tự tánh, tức là Uẩn làm Thể.

Hỏi: Tại sao không lấy Thức uẩn làm Thể?

Đáp: Vì như văn dưới đây nói không có riêng một Uẩn duyên Thức mà có thể khởi tham trước, như Sắc, Thọ v.v... cho nên không nói Thức mới làm Thức trụ, không bằng bốn Uẩn còn lại, vì đều là tăng thượng, nếu duyên thì được riêng khởi tham v.v... Lại nữa, Phật nói: "Bản tánh của tâm tánh thanh tịnh, không giống như tham v.v... che lấp tánh, không phải thanh tịnh cho nên không phải Thức trụ" trở xuống, đây là giải thích thứ nhất Đới số thích trong Lục thích, hoặc từ số ngay trên nghĩa mà đặt danh v.v...

Hỏi: Thức này trụ là Nội hữu tình, đáng lẽ cũng thông với Vô

tình?

Đáp: Cũng thông với Vô tình, tại sao vậy? Như trong Tiểu luận lấy năm nghĩa làm Thức trụ, là nương vào Hành duyên tương ưng Phần, là nghĩa lập Thức trụ. Luận này thì không như vậy, Sở duyên trụ của Thức gọi là Thức trụ, như luận kế dưới. Lại nữa, Tiểu luận ghi: "Hoặc nói không phải đông nhiều, cho nên làm Thức trụ thì không như vậy, vì Hành duyên tương ưng Phần có nghĩa là lập Thức trụ, nghĩa này xứng với chữ "bóc lột", đáng lẽ nói rằng "chỉ có chúng sinh, cho nên không phải như vậy", là trong năm Thức, chưa chắc đều cần phải đủ năm Thức. Trong năm nghĩa, đủ một nghĩa thì liền được. Luận này thì đoạn văn lớn nhỏ đều khác nhau, không thể làm chứng, như phẩm Thế gian trong Câu-xá luận, trong Hữu tình thế gian thuyết minh bốn Thức trụ, các sư phần nhiều lấy chỉ có số của chúng sinh mà lập thì không đúng, người nào nói như vậy thì lẽ nào thuyết minh trong đây là chỉ có hữu tình hay sao! Cho nên biết phỏng theo Sở duyên mà lập Thức trụ, thông với Hữu tình và Phi tình.

Hỏi: Vô lậu thức uẩn có thể lập Thức trụ hay không?

Đáp: Không phải, như Vô lậu thức trong văn dưới đó, không phải lấy Năng ích thức mà khởi tham sân, đó là Thức trụ. Luận này thì lấy Vô lậu phá vỡ sinh tử, chỗ an lập của Thức không làm Thức trụ, vì thông trong ba cõi, như văn dưới nói, vì có thể khởi tham.

Luận ghi: "Như kinh ghi: Có bốn Y thủ lấy làm Sở duyên khiến cho Thức an trụ v.v...", như Hiển Dương quyển 18 ghi: "Tùy theo Sắc mà trụ", là chấp thọ Sở y. "Duyên Sắc mà trụ", là nắm lấy cảnh giới. "Nương vào Sắc mà trụ", là do thô trọng. Tức là tương đương với Y thủ này, nói rằng Trụ có bốn thứ, nói rằng Sắc đến Hành có bốn thứ, là Cảnh của Thức trong Thức quả. Y thủ là nương vào Thủ của duyên khởi này, Thể của Thủ tức là Phiền não, cho nên văn dưới giải thích Thức trụ và Nhân duyên trụ: "Thể tức là Sắc v.v... bốn Uẩn, Nhân duyên tức là chỗ khởi tham v.v... Hoặc Phiền não sự, hoặc thuộc các Phiền não sự của Phiền não kia, là các Hoặc hiện hành thuộc Phiền não kia, là các Chủng tử kia nói là Nhân duyên", tức là Thức trụ nhân duyên của Sắc v.v... Nhân duyên là nguyên nhân, tại sao trụ Sắc v.v... trong bốn Uẩn? Do Y thủ này làm nguyên nhân, cho nên gọi là Nhân duyên. Các sư nói: "Dùng bốn Y thủ làm chỗ dựa của Sở duyên, cho nên đối với Sắc khiến cho Thức an trụ", cho đến rộng nói. Luận này ghi: "Có bốn thứ là Thức quả, nương vào đó mà khởi Thủ", dùng Thủ này làm chỗ dựa cho Sở duyên, cho nên đối với Sắc v.v... khiến cho Thức an trụ. Trong

Sở duyên hàm chứa có hai nghĩa, một hoặc làm chỗ dựa cho Sở duyên, nghĩa này thông với nội và ngoại, hai hoặc là làm Sở duyên duyên, nghĩa cũng thông nội ngoại. Văn nghĩa không phải là Duyên nhờ dựa, mà là ý nghĩa của giải thích thứ nhất ở trước. Nếu làm giải thích này, thì có ý chỉ thuyết minh Thức trụ, đều giải thích Nhân duyên đã xong. Từ trên đến đây, đoạn văn thứ nhất, thuyết minh Trụ và Nhân duyên.

Luận ghi: "Cho đến Ngã chết rồi, không nói Thức này sinh đến Đông phương, cho đến bốn hướng, cho đến chính giữa", văn dưới đó giải thích là Tịch chỉ, Vô sở trụ, Bất sinh, Vô sở vi, Tri túc, An trụ v.v... là chữ "cho đến" trong đây. Sư Pháp, sư Thái nói: "Để phá câu nói của ngoại đạo", là chư ngoại đạo chấp rằng: "Sau khi Ngã chết rồi sinh đến Đông phương, Tây phương v.v...", luận này phản đối điều đó, như văn dưới luận rằng: "Là biên tế của hai thứ Thức trụ và Nhân duyên", là Thức cõi Hữu sắc có vị lai, có quá khứ; Thức cõi Vô sắc thì không có vị lai, không có quá khứ, cho nên không nói sinh đến bốn hướng, do đó biết là hai thứ biên tế, vì Thức trụ không lìa ba cõi. Nói ý nghĩa của Trụ đến cùng tận cho nên gọi là Biên tế. Đây là đoạn văn thứ hai, thuyết minh hai loại Biên tế đã xong.

Luận ghi: "Nhưng tôi chỉ nói trong Hiện pháp, phải lìa Dục ảnh, Tịch diệt, Tịch tĩnh, Thanh lương, Thanh tịnh", đây là đoạn thứ ba, thuyết minh hai thứ Thức trụ và Nhân duyên. Giải thích nghĩa Tịch chỉ, nói: "Chính đệ tử đó phần nhiều tu tập trong Hiện pháp có thể đoạn bốn thứ trói buộc thân", bốn thứ trói buộc thân chỉ ở tại Ý địa, vì là chỗ sinh của Phân biệt, khi đến Kiến đạo thì đoạn bốn thứ trói buộc này. Dục, chính là mong cầu thân vị lai v.v... Ảnh, tức là Thọ, là Thức dựng lên hình ảnh. Nói Thọ này v.v... thì phải Tịch diệt không khởi Tham v.v... như văn dưới nói: "Hữu lậu và năm Uẩn không tương ưng, Tịch tĩnh là Hữu học vô lậu, Thanh lương là Vô học vô lậu, Thanh tịnh là Vô dư y giới". Từ trên đến đây là tổng văn kinh, từ đât trở xuống thì thứ tự giải thích, luận chủ tự phân phán đoạn văn trước làm ba "như kế tiếp", văn luận thì có thể biết.

Luận ghi: "Trong đây, hoặc các Phiền não sự, hoặc thuộc Phiền não kia, gọi là Y thủ", trong đây trước hết giải thích Nhân duyên, sau đó là giải thích Trụ, tức là nêu ra Thể của Y thủ; Sự là hiện hành; Thuộc, là Chủng tử, đều là Thể của Thủ. Hoặc như Tạp Tập luận thì chỉ lấy Dục tham làm Thể của Thủ. "Cho nên tăng thượng", là trong đây phỏng theo thật nghĩa, thông với tất cả Phiền não. Lại nữa, Y, nên biết là bốn cảnh hoặc có Phiền não hoặc không có Phiền não, trong đây cũng gọi là

Sở duyên, Tánh sở duyên, Hữu sở duyên, Chủng tử hiện hành, đều gọi là Chủng tử của Sở duyên, chính là làm chỗ cho pháp khác duyên, vì Hiện hành có thể có Sở duyên cho nên gọi là Sở duyên. Tánh sở duyên chính là Chủng tử. Hữu sở duyên, tức là hiện hành các Phiền não v.v... gọi là Sự sở chấp, tham làm Căn bản khởi các Phiền não gọi là Sự sở chấp. Sư Thái nói: "Do tham v.v... khiến cho Thức tiến đến bốn cảnh của Sở duyên, bốn cảnh gọi là Sở chấp, vì khiến cho thế lực của nghiệp lấy tham làm duyên của Phiền não, vì khiến cho Thức trụ bốn cảnh". Văn dưới đối với chỗ nhiếp tham triền của Sắc ái và Hành ái, có thể vĩnh viễn đoạn, vì lìa. Do bốn thứ thân trói buộc của tham dục v.v... làm duyên phát nghiệp, gọi là duyên Sự sở duyên, Thể của nghiệp chính là Quả sở duyên, vì Thể của Sở duyên làm duyên của Quả, bốn thứ trói buộc này làm duyên của nghiệp, vì có thể phát nơi nghiệp, gọi là duyên Sự sở duyên. Bốn thân bị trói buộc như Đối Pháp nói: "Lấy tham làm Thể". Chữ "thủ" của văn này, trong đó là nắm lấy bốn thứ, tức là Cảnh của tham. Luận kia căn cứ theo Năng duyên, luận này căn cứ theo Sở duyên, chỉ có Phân biệt sinh là không thông với Tu đạo. Sân v.v... là bất thiện, không thông với các cõi trên, Năng duyên tham thì thông với ba cõi, như trước đã nói là chỗ đeo đuổi của hai thứ Tùy miên kia, là tham và bốn Chủng tử trói buộc. Từ trên đến đây, đã nêu ra khắp các Nhân duyên, nhưng chưa giải thích thứ tự thì làm sao biết được? Văn dưới đây không trở lại nói Nhân duyên như trước cho nên biết. "Hoặc các Dị sinh" trở xuống, là giải thích Trụ, kế dưới đó là giải thích Nhân duyên, dưới đó vì nêu khắp Nhân duyên ở trước, nhưng chưa giải thích nghĩa thứ tự của Thức trụ và Nhân duyên.

Luận ghi: "Thức cõi Hữu sắc có vị lai, có quá khứ, Thức cõi Vô sắc thì có tử, có sinh", Hữu sắc thì có thân, Vô sắc thì không có thân, ở tại xứ này sinh thì ở tại xứ này tử, là thuyết minh bốn Uẩn thức trụ của hai cõi dưới, cõi Vô sắc trên đó chỉ có ba Uẩn trụ. Lại nữa, Hữu sắc thì có sinh, là có thân Trung hữu, Vô sắc thì không có thân Trung hữu, cho nên có tử thì có sinh. Nếu như thế thì tại sao nói hai Trụ này cho đến thọ mạng dứt tận? Giải thích trước là thù thắng. Lại nữa, hai trụ này cho đến thọ mạng tận, là thuyết minh đối với hai Trụ của Hữu sắc và Vô sắc, cho đến khi mạng chung mà Thức trụ, đây là biên tế của Trụ. Lại nữa, hai Trụ này sinh trưởng càng tăng và ý nghĩa rộng lớn, tức là giải thích Nhân duyên của Trụ mà được rộng lớn, tức là biên tế của Nhân duyên. Nghĩa Biên tế như trước đã giải thích.

Luận: Trong giải thích Tịch chỉ phương tiện, nói: "Lại nữa, đối trị

chỗ nhiếp Tịnh thức gọi là Vô sở trụ, do nhân duyên đó cho nên gọi là Bất sinh trưởng", vì Thức vô lậu, Thức trụ tịch chỉ vĩnh viễn đoạn tham v.v... gọi là Bất sinh trưởng, là ý trong đây.

Luận: Lại nữa, "tất cả Thọ thức dựng lập Ảnh tượng", là Thức hữu cho nên Thọ hữu. Nói Thọ là Ảnh tượng, tại sao chỉ nói Thọ? Vì lấy Thọ làm gốc mà khởi cảnh giới ái.

Luận: "Đối với Vô lậu thức, Vô dư căn nương vào đó mà diệt, gọi là Thanh tịnh", đây là phỏng theo đắc Vô dư Niết-bàn, tại Kim cương tâm thì Thức đó nói là Thanh tịnh, hoặc khi nhập vào một pháp của thân về sau thì không thể nói là Thanh tịnh. Lại nữa, vì Vô thức cho nên gọi là Thanh tịnh, vì Phi hữu cho nên gọi là Thanh tịnh.

Luận ghi: "Cõi Dục có bốn tâm", chính trong năm Thức chỉ có ba tâm, không có Hữu phú vô ký tâm, vì không thể đắc tướng mạo. Nếu ở tại cõi trên thì trong năm Thức có Vô ký này, Hữu phú vô ký này chỉ ở tại Ý địa, Kiến đạo thì chỉ có bất thiện, Tu đạo của nó thì phát khởi ác hạnh, là bất thiện, hoặc chỗ nhuận sinh khác là Vô ký, thì các pháp còn lại có thể biết. Trong mười hai Tâm ghi: "Vô phú vô ký có bốn loại", như các luận khác thì có năm loại.

Hỏi: Tại sao không luận Tự tánh vô ký?

Đáp: Chính Tự tánh vô ký đó là các Sắc pháp của Trưởng dưỡng, Đẳng lưu v.v... trong đây thuyết minh nguyên nhân không đến của tâm.

Hỏi: Nếu như thế thì tâm của Pháp chấp chính do Vô ký nào nhiếp?

Đáp: Như Phật địa luận nói, là Dị thục sinh Chủng tử hiện hành, cho nên Dị thục vô ký nhiếp. Đường Uy nghi, chốn Công xảo v.v... có thể biết. Cõi Dục tuy có biến hóa tâm nhưng không thông với quả, vì không có Gia hạnh, vì thông với Quả tâm thì Gia hạnh sinh khởi, vì khi nhập Định thì không phải Gia hạnh của cõi Dục, cho nên thông với Quả tâm, không phải cõi Dục trói buộc, chỉ có sự biến hóa của Thiên, Long, Dược-xoa v.v... chỉ là Sinh đắc, là có thể biến hóa hình người v.v... các thứ chủng loại biến hóa, không phải Dị thục sinh.

Hỏi: Nếu như thế thì bốn loại Tĩnh lự v.v... đối với sự biến hóa của cõi Dục, hóa làm người v.v... các thứ sự, thì các Sắc bị biến này là thuộc cõi nào nhiếp?

Đáp: Tùy theo tâm Kiến phần thì đó là cõi Sắc trói buộc.

Hỏi: Nếu như thế thì Thô nhãn của Địa cõi dưới làm sao có thể thấy Sắc vi tế của các Địa cõi trên?

Đáp: Do Sắc của các Địa cõi trên làm duyên, vốn đối với cõi trên mà riêng biến hóa làm chủng loại Sắc của cõi Dục, khiến cho mắt của người cõi Dục trở xuống thấy được. Chủng loại sắc của cõi Dục này mà cõi Sắc thấy biến hóa thì vẫn là cõi Sắc trói buộc, lại là pháp vi tế.

Hỏi: Làm sao khiến cho thấy được?

Đáp: Vì là chủng loại thô trọng, cho nên khiến cho thấy được. Cõi Vô sắc không có thân, cũng không có uy nghi.

Luận ghi: "Như cõi Sắc không có Công xảo, thì không nói là Uy nghi biến hóa", điều này lược bỏ không luận. "Cõi trên cũng không có", trong đây luận cũng như Hiển Dương quyển 18 ghi: "Vượt trừ Uy nghi biến hóa ra, cho nên biết điều này lược bỏ. Có người cho rằng: "Lấy văn này làm chứng thì biết cõi Vô sắc có tâm Uy nghi biến hóa, như Định tâm của Vô sắc, đối với tất cả Sắc mà đắc đại Tự tại cũng có tâm biến hóa". Có Bồ-tát nương vào Định mà khởi đi đứng, như Bồ-tát Địa thứ tám trở đi v.v... có hại gì mà cũng có tâm Uy nghi? Các Uy nghi đều là Thiện vô lậu. Nếu như thế tức là Học tâm v.v... nhiếp, vì tương tợ biến hóa cho nên gọi là Biến hóa tâm, như thông với quả mà Biến hóa tâm vô ký, hoặc phát khởi Dị thục Uy nghi vô ký, thì Địa kia không có, tức là thông với ba Thừa và phàm phu mà nói, không phỏng theo chẳng thể nghĩ bàn mà nói, cho nên nói là "cũng vậy".

Luận: Lại nữa, trong Phân biệt sơ dị tướng tâm môn nói: "Có ba phẩm: một là phẩm Vị thú định, là người chưa cầu Định trong cõi Dục. Hai là tuy đã phát hướng đến phẩm Vị đắc định, tức là người có tâm Định nhưng chưa đắc. Ba là người đã đắc Định. Người này lại có hai hạng: một là Bất thanh tịnh, hai là Cực thanh tịnh. Hạng thứ nhất là đắc vị lai Thiền, chưa đắc Căn bản; hạng thứ hai là đắc Căn bản", như văn dưới đây, suy nghĩ thì có thể biết. trong phẩm thứ hai, đối với sự bất an tĩnh kia, thì tâm liền trạo cử, căn cứ theo trong tám Triền và năm Cái thì cũng có Ác tác, vì khi tu Chỉ thì bị Hôn trầm và Thùy miên chướng ngại, khi tu Quán thì cũng đồng như vậy, trong đây lược bỏ không luận Bất tịch tĩnh. Nếu lấy ngay Trầm và Trạo làm Thể thì trùng lên hành vi nào? Vì chướng ngại Xả, Tịch tĩnh là Xả, nếu không như thế thì càng nắm lấy Tật đố và Xan lận làm Thể tánh. Trong Triền và Cái cũng nói như vậy, cuối quyển thứ ba, trong sáu Thiện xảo rộng phân tích. Từ trên đến đây, phân biệt nghĩa của năm Uẩn đã xong.

Phần thứ hai này thuyết minh nguyên nhân năm Uẩn thứ tự như vậy, như Tiểu luận, Tỳ-bà-sa, Câu-xá, có nhiều chữ "lại nữa", vì dài dòng nên không nêu ra. Trong đây tuy có năm loại nghĩa, trước là Sắc,

sau là Thức, cho nên có Thứ đệ, chỉ có ba nghĩa sau là Đối trị thứ hai trong Thứ đệ, là trong trừ bốn Đảo thì tâm thứ ba làm Ngã đảo, ngoài ra các chỗ khác thì pháp làm Ngã đảo, như Đối Pháp sao quyển 10 và Bồ-tát địa ký, đây là căn cứ theo đa phần mà phân riêng chỗ kế chấp làm Ngã, hoặc kế chấp pháp làm Ngã. Căn cứ theo Câu sinh tất cả thời mà kế chấp làm Ngã, đây là hai thứ Câu đắc, nhưng chấp pháp làm Ngã thì đồng với Tiểu thừa v.v... Hai Thứ đệ trước giải thích sự phương hại của Tương vi thứ đệ, tại sao trong mười hai Nhân duyên, thì Sắc duyên Hữu thức? Trong bốn điên đảo thì Sắc trước, kế đó là Thọ, kế đó là Thức, sau cùng là pháp, cho nên giải thích có phương hại, như văn nói.

Luận: Trong giải thích sáu Thiện xảo nhiếp nhau, nói: "Phần ít sáu Hữu chi của Sắc uẩn", là Hành, Danh sắc, Lục xứ, Hữu, Sinh, Lão tử, Xứ, Phi xứ, đều là Thức tất cả cho nên chỉ có phần ít, các đoạn văn dưới đó căn cứ theo giải thích này mà biết. Sắc căn thì toàn phần, Thọ uẩn thì một phần, Hữu chi thì toàn phần, là ba phần ít của Thọ chi, là Danh sắc, Sinh và Lão tử, đều là tánh của năm Uẩn. Văn dưới căn cứ theo đây, toàn phần năm Thọ căn, phần ít ba Vô lậu căn, ba phần ít của Tưởng uẩn và Danh sắc vì bị tuệ che lấp cho nên không phải căn, như khi nhớ lại sự việc, thì cho rằng tuệ nhớ, vì tướng bị che lấp, cho nên không phải căn. Lại nữa, nghĩa Phi căn tăng thượng, Thế gian tạp nhiễm tăng thượng, Sinh tử tạp nhiễm tăng thượng, như kinh nói, phải nên suy nghĩ. Hành uẩn có bốn chi, toàn phần Hữu chi, là Vô minh, Xúc, Ái và Thủ, đều là chỗ nhiếp của Hành uẩn; có năm chi phần ít, là Hành, Danh sắc, Hữu, Sinh, Lão chi; Thức uẩn một chi toàn phần, là Thức chi; có bốn chi phần ít, là Danh sắc, Lục xứ, Sinh và Lão tử. Không nói Hữu, vì căn cứ theo nghiệp Hữu cho nên chỉ là toàn phần ý căn, ba Vô lậu căn phần ít.

Luận: Trong giải thích mười loại Nhiếp, "Tướng nhiếp, là chỗ nhiếp của Tự tướng và Cộng tướng", biến hiện là Tự tướng của Sắc v.v... nghĩa tích tụ là Cộng tướng của Uẩn. Trong "Bất tương ly nhiếp", sư Pháp nói: "Là Cực vi tụ tập không lìa nhau, mà có chỗ nhiếp giới như vậy v.v...". Luận này giải thích căn cứ như Đối Pháp: "Tất cả đều là Hữu sắc, ngay nơi tâm cũng là bất tương ly, tất cả đều là Sắc và Tâm sở, cũng gọi là tâm v.v...". Trong "Phương nhiếp nương vào đây mà sinh", là Thức nương vào Sắc mà sinh v.v... "Nhiếp toàn phần", là chỗ nhiếp của năm Uẩn, là các Uẩn hữu lậu vô lậu, và ba tánh của Uẩn, đều có đủ năm Uẩn. Nhiếp luận ghi: "Nương vào sáu Xứ mà Sắc uẩn chuyển:

1. Kiến lập xứ, là Địa kim luân v.v...

2. Phú tàng xứ, là vách nhà.
3. Tư cụ xứ, là y phục, giường v.v...
4. Căn xứ, là Căn thanh tịnh.
5. Căn trụ xứ, là Phù trần căn.
6. Sở hành xứ của Hữu uy đức định, là Sắc của thần thông định.

"Không nói các Sắc vô biểu v.v... và Định sắc của Định tự tại", vì Biệt hoặc nhiếp không hết Vô biểu, trong bảy Xứ và bốn Uẩn mà chuyển. Lạc dục thứ nhất cùng với Hy vọng có gì khác? Lạc dục thứ nhất là đối với Cảnh đã đắc, Hy vọng thứ hai là đối với Cảnh chưa đắc, tức là duyên vị lai và quá khứ mà sinh. "Tùy ứng với cảnh giới", tức là hiện tiền mặc tình tùy ý cảnh giới. "Tầm tứ", là tuy các vị cõi trên cũng có Tầm tứ, nhưng công năng mỗi mỗi đều khác. Tầm tứ này chỉ nhân theo cảnh giới đã đắc hoặc chưa đắc mà khởi, Tầm tứ không sinh cũng tức là Dục. "Hy vọng hòa hợp", là mong hòa hợp. "Cõi Dục này xuất gia", cõi Dục này nhiếp trong Tầm tứ của cảnh giới này.

Luận: Trong bài tụng phân biệt Danh nghĩa của Sắc uẩn có mười hai môn, như văn có thể biết.

Luận ghi: "Nếu căn cứ theo Bất tương ly nhiếp có đầy đủ bảy vật là ngay Nhãn thức này v.v...", là như một Nhãn căn, tất cả bảy Cực vi đồng xứ, đồng thời, không chướng ngại nhau, như cực vi của một Nhãn căn, như quả nho to, vi tế trong đây đều có thể dung chứa, ngoài ra các cực vi khác cũng như vậy mà triển chuyển, cho đến rộng nói.

Hỏi: Trong một Tụ có bảy vật kia, nếu thật tế mà nói, thì đã không có riêng Thể của cực vi, thì tại sao được có bảy vật?

Đáp: Tức là như quả nho, màu sắc là sắc thanh tịnh, làm ứng của Nhãn cho nên gọi là Nhãn, cho đến làm ứng dụng của Xúc cho nên gọi là Xúc, đều riêng phân tích đến cực vi, nói là trong một tụ có bảy Cực vi, không phải thật cực vi mà có bảy vật, đây là Đồng xứ bất tương ly thứ hai. Như một xâu chuỗi châu báu cùng phát ra ánh sáng, mỗi mỗi ánh sáng không chướng ngại nhau, Bất tương ly này cũng vậy, như đá mài làm bột, gọi là Hòa hợp bất tương ly, tức là Bất tương ly thứ nhất. Như Bản Địa phần quyển 3 giải thích, như các nhóm hạt đậu tụ lại, gọi là Tương ly bất tương ly, là Sắc thứ ba. Như các luận khác thì có văn giải thích riêng. "Không nói sáu Sắc v.v... của Pháp xứ là vật có nghĩa đồng nhất", phải biết đây là căn cứ theo ngoại đạo.

Luận: Trong giải thích Xúc, có mười chín loại, như Đối Pháp có hai mươi hai loại, không có ba Xúc là chậm, nhanh và yếu kém, loại nào không có thì lược bỏ. Lại nữa, Xúc v.v... trong đây, riêng xem giảng

về nó, như Đối Pháp sao không lập sinh làm Xúc, nguyên nhân cũng như Bệnh, Lão trong bốn Tướng hợp chung làm một, tại sao luận này lại phân làm hai? Luận này ngay Xúc không phải bốn Tướng, không làm lệ cho năm Sinh, Xúc này tương ưng với sáu Bất đoạn, cùng với văn của Đối Pháp khác nhau, hãy xem giải thích nó. Tử xúc, là từ quả mà đặt tên, tức là trên thân có tử huyệt Mạt-ma, khi gần thì khiến cho thân chết liền, Xúc này từ quả mà đặt tên. Lão xúc cũng vậy, Xúc này có thể sinh ra Lão v.v... gọi là Lão xúc, như Bản Địa phần nói.

Luận ghi: "Như vậy sáu vị mở làm tám vị, hoặc sáu vị bình đẳng", là hai vị đầu là Tịnh và Bất tịnh làm hai vị, Kiên và Bất kiên làm hai vị, cho nên là tám vị.

Luận ghi: "Tất cả Sắc cho đến Xúc và hai Thức trong Sở thức, nói rằng hoặc tiệm hoặc đốn", là tùy theo một Thức trong năm Thức khởi, Ý cùng đồng duyên thì gọi là Tiệm, hoặc năm Thức cùng sinh, Ý cũng đồng duyên thì gọi là Đốn.

Luận ghi: "Lại nữa, trong cõi Sắc không có hiện hành Hương và Vị, nhưng có cõi kia v.v... cho đến do hai cõi này không có cho nên cả hai Tỷ và Hương cũng không có", là nói trong cõi Sắc tuy không có Hương, Vị và duyên Thức này, nhưng có hai căn này.

Hỏi: Căn này dùng để làm gì?

Đáp: Như Câu-xá luận nói: "Để trang nghiêm thân".

Hỏi: Nếu để trang nghiêm thân, thì Phù căn trần cũng đủ, cần gì đối với căn?

Đáp: Để phát âm thanh tiếng nói, thì phải nhờ vào Phù căn trần, nếu có Năng y nhãn căn thì Sở y trần thân nương vào đó mà phát, nếu không như thế thì không được, cho nên cần phải có căn, cho đến nếu không có nam căn thì cũng không có Y xứ. Hai căn không có, thì Y xứ cũng không có, khó suy nghĩ thì căn cứ theo đó mà lật ngược lại. Số luận ghi: "Như vậy tất cả Sắc uẩn trong Sắc sở nhiếp, có chín loại là Thật vật hữu", trong chỗ nhiếp của Xúc, bốn đại chủng là Thật vật hữu. "Phải biết các chỗ khác chỉ là Giả hữu", nếu chín loại là Thật, thì trong văn sau đây, như trong Sắc xứ, thì dài v.v... là Giả hữu, xanh vàng là Thật hữu; trong Thanh thì thọ đại chủng và không thọ đại chủng là thật, ngoài ra thanh đáng ưa v.v... là giả; trong Hương thì hương đáng ưa là giả, ngoài ra duyên theo pháp mà sinh Hòa hợp hương v.v... là thật; trong Vị thì đắng chua v.v... sáu vị là thật, ngoài ra vị đáng ưa v.v... là giả; trong mỗi mỗi Trần đều có Giả hữu và Thật hữu.

Hỏi: Tại sao luận này lại nói có chín loại là Thật hữu, Xúc phân

ra làm hai?

Đáp: Vì trong Xúc xứ, Năng tạo và Sở tạo khác nhau, Sắc sở tạo đều là Giả hữu, lại cũng có nhiều cho nên thuyết minh thiên về nó. Thật ra, trong chín loại không có Sắc năng tạo, lại cũng đều là Sở tạo. Trong Sở tạo tuy có giả, nhưng có ít không phải nhiều, cho nên không luận. Hiển Dương quyển 18 ghi: "Hình ảnh biểu hiện bên ngoài là giả, tiếng vang thiện là giả". Như Đối Pháp luận quyển 1 ghi: "Lại nữa, giả trong các Xứ riêng sinh Ý thức, như Sinh lão v.v...", luận này thì không phải vậy, cho nên không làm lệ cho luận kia. Tại sao trên Sắc mà lập sinh v.v...? Vì là không tương ưng, cho đến Danh nương vào Thanh cũng vậy, Xúc nương trên bốn Đại mà lập, mà nói là để khai mở vào, Danh v.v... có thể nắm lấy mà gọi là Bất tương ưng, Xúc thì phải nương vào Thân mà nắm lấy, lìa ngoài bốn Đại thì không nắm lấy được, còn lại chín Xứ lìa ngoài pháp bốn Đại thì riêng có thể nắm lấy. Nếu khi xúc chạm với Sắc sở tạo, thì chỉ được đại chủng mà không có tạo riêng, được riêng hình sắc thì chỉ ở trên sự hiển hiện mà kiến lập. Thuyết minh chung với Pháp xứ trong Sắc của Thật môn, như Đối Pháp có chỗ sinh năm loại Định tự tại, có hai loại Sắc, là Hữu uy đức định và Giả tướng. Phi uy đức định, trong đây chỉ nói Uy đức định, tức là Pháp xứ trong năm Sắc, có bốn Sắc toàn phần, còn một phần là giả và một phần là thật. Tại sao pháp như vậy, không phải là thật dụng của Định? Như lý nên suy nghĩ. Thế nào là Uy đức mà nói là thật? Như văn sau đây, là Vô lậu cho nên gọi là Tận uy đức, Thánh là pháp cho nên gọi là Uy đức, chính là Sắc của Định này, được như thật mà khởi sự, như thật mà khởi Sắc, chính nó không phải là Uy đức định. Sắc thì chỉ khiến cho người khác thấy, không phải thật khởi sự, không giống như làm thật.

Hỏi: Vô lậu sắc định, bậc Kiến đế mới đắc, Định này thì có thể đắc chút ít, Định của Hữu lậu tại sao được có thật sự như vậy?

Đáp: Thánh nhân là chủng loại Vô lậu cho nên đắc, như văn sau đây, vì sức Tăng thượng cho nên đắc. Lại nữa, căn cứ theo văn sau, "vì sức Tăng thượng của Vô phân biệt trí cho nên Hậu đắc trí khởi Sắc này", Hữu lậu định thì không đắc, trong đây căn cứ theo Thật thể, là vì Vô lậu tương tợ Hữu lậu, cho nên nói Vô lậu hữu lậu.

Hỏi: Nhưng ba Thừa trong Vô lậu đều đắc Vô lậu, vậy thì người nào đắc nó?

Đáp: Hữu uy đức định trong Đại thừa, có hai xứ Sơ địa và Địa thứ tám đều có tên Vô lậu đó. Nương vào Địa nào? Đại Nghĩa ghi: "Địa này thông với Hữu lậu, Hữu lậu thì không phải thật, không có bất cứ thọ

dụng nào, nếu không phải giả tưởng quán thì bất cứ dụng nào cũng là thật có". Trong đây nói "quả kia cảnh kia", Đại Nghĩa ghi: "Quả tức là do Định lực, khiến cho Bản thức riêng biến hiện Sắc trần", tức là cũng như nhập Tịnh độ, vì sức của Hậu đắc trí khiến cho Bản thức riêng biến làm trần cảnh, đây là Định quả thật có. Nói Quả của tâm, là Sở duyên của Định, cho nên Định sắc này mong Định cũng là Quả, cũng là cảnh giới, nhưng là một vật.

Hỏi: Nhưng Định là Sắc sở biến của một niệm, là Thật vật hữu, đồng thời với Sở biến của Tâm vương và Tâm sở, cũng là Thật vật hữu?

Luận ghi: "Và Định kia tương ưng với Cảnh sắc của Thức v.v... là Thật vật hữu", đây là giải thích chung với nghi ngờ vấn nạn, Pháp xứ trong đây chỉ lập ba loại, cho nên Luật nghi sắc đều là giả, vì nương vào Tư v.v... mà kiến lập.

Luận ghi: "Lại nữa, Sắc sở hành của Định nếu nương vào đây mà trói buộc Định, tức là do đây mà trói buộc Sở tạo bốn đại chủng", đây là căn cứ theo chỉ tại cõi Sắc, vì Định tuệ bình đẳng thì quyết định là Minh lợi, cho nên luận ghi: "Nương vào Định này, tức là Định này trói buộc bốn Đại tạo, hoặc cõi Vô sắc cũng có, như đoạn văn cuối của quyển 53 ở trước. Tại sao Định này không nói là cõi Vô sắc? Vì cõi Vô sắc kia không có nương vào thân, lược bỏ không luận, cho nên văn sau đây nói, chỉ do duyên chủng loại Ảnh tượng kia mà Tam-ma-địa phát khởi, trong Định cũng biến hiện làm ảnh tượng Đại chủng tạo sắc gọi là Tạo, nhưng không phải nương vào bản chất đại chủng kia mà sinh gọi là Tạo, hãy kỹ lưỡng mà tìm hiểu. Văn sau đó ghi: "Trước làm đại chủng, sau làm Tạo sắc", tức là cũng có đại chủng, đó là nghĩa này, nhưng không phải vốn sẵn có Xúc xứ đại chủng cho nên nói không có, là Pháp xứ này nhiếp, vì đại chủng từ Năng dẫn thắng định mà nói. Văn sau ghi: "Không nương vào đại chủng, nhưng Định tự biến làm đại chủng, vì Quả của Định tâm, tùy chỗ trói buộc của Định mà nói Định này trói buộc Đại chủng tạo", tức là luận này ghi: "Cõi Vô sắc trói buộc Định dẫn sinh Vô lậu định mà khởi Sắc này", tức là đại chủng Sở tạo của Vô sắc. Vô sắc vốn không có đại chủng, thì cái gì tạo? Đây là Vô lậu không phải Hữu lậu, là Vô lậu tương tợ Thể của Hữu lậu. Lại nữa, giải thích chỉ tại cõi Sắc, vốn sẵn có trói buộc Định. Cõi Vô sắc, như quyển 66 ghi: "Hoặc duyên Sắc của cõi này làm cảnh, tức là đại chủng của cõi này tạo ra", vì Hữu sắc đó thì chỉ có ở cõi Sắc. Lại nữa, văn dưới đó ghi: "Cũng như biến hóa", vì là chỗ không có của cõi Vô sắc. Nếu giải

thích như trước thì nương vào Định trói buộc mà nói là tạo ra, vì căn cứ theo chỗ hệ thuộc, tuy là Định của cõi Vô sắc, duyên Sắc của cõi Hữu sắc, khi làm bản chất thì cũng biến thành đại chủng, cũng như biến hóa, vì căn cứ theo thật dụng thì dụng đồng như biến hóa, nương vào Định năng dẫn mà nói Vô lậu, đại chủng của cõi Sắc và cõi Vô sắc thật ra không phải thuộc cõi trói buộc, mà là Pháp xứ nhiếp, thì cùng với tâm biến hóa, thần thông và Sắc có khác gì! Hữu lậu và Vô lậu khác nhau, duyên và không duyên của Thức thứ tám khác nhau, duyên này phân biệt Hữu lậu và Vô lậu khác nhau v.v... nhưng Uy đức định cũng thật biến làm năm căn, chỉ biến tương tợ mà không phải thật, căn này chỉ là Thể của Phù căn trần, không phải Thể của Căn thanh tịnh. Lại nữa, Sắc này giả gọi là Sắc, hoặc phỏng theo công năng của bản chất, tức là như quyển 66 ghi: “Tùy duyên vào cõi kia mà đại chủng của cõi kia tạo ra”. Nếu căn cứ theo chỗ sinh gần, tức là đại chủng Sở biến trong Định tạo ra; nếu căn cứ theo theo nguyên nhân từ nơi sinh, thì chính là Định lực, không phải do đại chủng, các chủng như vậy đều nương vào nghĩa sai biệt. Lại nữa, cũng thông với cõi Vô sắc, vì có Sắc của Uy đức định này, trong luận này ghi: “Tùy Định trói buộc diệu giới, tuy không có bốn Đại của Xúc, nhưng trong Định cũng được biến thành bốn Đại. Bốn Đại tùy theo Định, cho nên tùy Định trói buộc. Căn cứ theo theo có chỗ nương mà luận, thì không nói cõi Vô sắc. Hoặc các đoạn văn dưới thuyết minh chung Uy đức định và Phi uy đức định, đoạn văn trước thì “Định làm Năng tạo”, đây là căn cứ theo sát-na trước và sau nương gần nhau mà gọi là Tạo, không phải cùng một sát-na, như khi cõi Sắc sinh thì gọi là Sắc tạo, nhưng Định thù thắng của cõi dưới, trước hết làm đại chủng, giả nương vào Thắng định, tự thuyết minh là Định đạo cộng giới, thì chỗ nào là đại chủng tạo? Hữu lậu và Vô lậu gián đoạn mặc tình tùy ý, Định thì có thể khởi Sắc này, không phải sức cố gắng của tư duy, vì Định có thể dẫn sinh Sắc này. Hoặc Bồ-tát là Vô lậu, hoặc Nhị thừa là Hữu lậu, đều có thể biến hóa, khiến cho người khác nhau thọ dụng, gọi là Uy đức định, các Giả tưởng quán khác thì không như vậy, không phải là Uy đức định cho nên không gọi là thật sắc, như kế dưới đây rộng giải thích: “Sắc của cõi Sắc thanh tịnh, không phải cảnh của Nhãn ở cõi dưới”, đây là căn cứ theo người có Báo sắc mặc tình tùy ý, như Phạm vương nghe pháp bên cạnh Phật, cũng biến hóa có thô và tế, khiến cho người trong cõi Dục thấy được, cũng có nghĩa thô.

Luận: Giải thích Tánh vi tế có ba loại: một là Cực vi Sắc, như Đối Pháp nói, tức là khiến cho rất vi tế và rất xa, làm Câu sắc môn của Định

này, luận đó căn cứ theo Sở ngại và Năng ngại khác nhau cho nên phân làm hai loại, cùng với luận này khác nhau, Sắc sở khởi biến kế của nó lấy Thức thứ sáu mà kế chấp duyên cho nên đáng lẽ phải có, các Tâm và Tâm sở đều có Sắc sở khởi biến kế . Trong đây chỉ nói Sắc, là căn cứ theo Sắc thấy rõ, có thể nắm bắt được mà nói, không giống như pháp Vô sắc. Nếu như thế thì trong Thanh tại sao có Thanh sở khởi biến kế? Điều này là sư Pháp hỏi, như Đối Pháp sao giải thích. Hai là Chủng loại sắc, tức là Chủng loại thô sắc, là nếu trong xứ này có thì cùng trong nơi không có xứ cũng có, vì làm Chủng loại. Năm tướng của Cực vi như trong Bản Địa quyển 3 nói, hãy xem nó.

Luận ghi: "Cực vi có mười lăm loại, là Nhãn.. năm loại, Sắc v.v... năm loại, Địa v.v... bốn loại và Thật sắc của Pháp xứ có một loại", Xứ trong đây là nghiêng về Thật sắc mà nói.

Hỏi: Nếu như thế trong Sắc v.v... cũng có giả, thì đáng lẽ đồng với Pháp xứ? Lại nữa, Sở tạo của Xúc thì toàn phần giả, tại sao không nói?

Đáp: Vì có thể thọ dụng cho nên ngoài Pháp xứ ra đều là giả, vì không thể thọ dụng. Trong Sắc v.v... tuy giả, nhưng các Thức kia v.v... duyên riêng, trong Pháp xứ chỉ có Thức thứ sáu duyên mà thôi, cho nên không làm ví dụ, lại cũng nương vào Câu sinh cho nên không làm ví dụ. Lại nữa, "Xúc xứ cùng với đại chủng đồng thời", là cũng không lựa riêng với Pháp xứ của nó, không giống như các Sắc này cho nên không luận. "Hỏi: Do Duyên cho nên các pháp Hữu đối cùng ở đồng xứ, không lìa bỏ nhau, nhưng tại sao không gọi là Vô đối tánh? Đáp: Vì tùy thuận mà chuyển, cho nên do duyên kia triển chuyển tương thuận mà sinh, không chướng ngại nhau", là do các Hương v.v... rất tương thuận với nhau, không chướng ngại nhau, là lý do không có phân ra như vậy. "Kiến lập Cực vi", như Bản Địa quyển 3 nói: "Không phải Cực vi trở lại có các phân biệt vi tế khác mà được v.v...".

Luận ghi: "Cực vi chỉ có ba loại là Nhãn cảnh, Phi nhục nhãn và Phi thiên nhãn", vì hai Nhãn này nương vào sáng tối mà sinh. Tuệ v.v... ba Nhãn lấy gì làm Thể? Sư Pháp nói: "Tuệ nhãn duyên Không, Pháp nhãn duyên Hữu, đều là Hậu đắc trí, Phật nhãn thì phải có Thể riêng, vì Vô phân biệt làm Phật nhãn. Nhục nhãn thì không như vậy, do quả mới đặt tên.

Hỏi: Nếu Trí này duyên Chân như, thì làm sao duyên Cực vi? Đã như thế thì Tuệ nhãn làm sao duyên Cực vi?

Đáp: Vì duyên Cực vi và Không, cho nên cũng được duyên Cực

vi, trí này cũng đã duyên Cực vi như thế, thì Vô phân biệt trí cũng được duyên Cực vi, vì Vô phân biệt trí làm Thể của Phật nhãn. Sư Pháp nói: "Lại nữa, Phật nhãn tức là Pháp nhãn, là Nhãn duyên Hữu", cũng là nghĩa không đúng, tuy cần phải có riêng Tuệ nhãn, nhưng duyên lý tức là trí Chánh thể, Pháp nhãn thì duyên Không và Hữu, tức là Hậu đắc trí, Phật nhãn thì tổng nhiếp hai trí trên, để làm Phật nhãn. Lấy gì để biết được? Như Đối Pháp ghi: "Chân như chỉ là Cảnh tuệ nhãn của bậc Thánh, cho nên biết Tuệ nhãn mới được duyên Chân như.

Hỏi: Nếu như thế thì kinh nói đắc Pháp nhãn thanh tịnh, thì Pháp nhãn đáng lẽ duyên lý?

Đáp: Tuy nói là tịnh thì liền duyên Chân như, vì là tên chung của các pháp, nếu đắc Pháp nhãn vô lậu thì không phải Pháp nhãn trong năm Nhãn.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao cuối quyển này ghi: "Thánh tuệ nhãn thấy tất cả Sắc hoặc xa hoặc gần v.v..."?

Đáp: Tức là tên gọi khác của Pháp nhãn, lấy Tuệ làm Thể cho nên gọi là Tuệ nhãn, nhưng không phải Tuệ nhãn trong năm Nhãn, tại nhân thì gọi là Tuệ nhãn và Pháp nhãn, tại quả thì tổng gọi là Phật nhãn, phỏng theo dụng để tách rời ra thì có ba Nhãn, Phật cũng có đầy đủ. Điều này cũng như Đại Trí Độ luận giải thích, luận này làm rõ nghĩa cũng như giọt nước, nhưng không đến Cực vi, lại cũng nói: "Và thí dụ giọt nước, đến Tiểu vi sắc rất nhỏ thì không phải như vậy", giọt nước này lẽ nào là Tế vi sắc! Hãy xem giải thích trước.

Luận ghi: "Lại do năm Tương ưng mà biết, gọi là Bất như lý tư nghì cực vi". Thứ nhất là Bà-sa, cho rằng nhiều Cực vi tuy không trụ riêng lẻ, nhưng trong các Tụ sắc thì có tự thể đó, chính là phá Nhất thiết hữu bộ, kiêm phá Phệ-thế-sử-ca. Thứ hai Hữu sinh hữu diệt, chính là Nhất thiết hữu bộ. Phệ-thế-sử-ca cho rằng Cực vi cha mẹ là Thường, ngoài ra đều là Vô thường, luận này kiêm phá hai thuyết đó. Thứ ba chính là Phệ-thế-sử-ca, phái này cho rằng, cha mẹ Cực vi từ Kiếp sơ, tan ra và trụ lại khắp nơi, sau đó khi thành kiếp, thì cha mẹ hòa hợp mà sinh Cực vi tử, gọi là hòa hợp. Thứ tư chính là Nhất thiết hữu bộ, cho rằng tích tụ Cực vi mà thành Tụ sắc. Lại nữa, nói: "Nghĩa của Chánh lượng bộ, Bộ này không có lân hư , vì có tích tập. Thứ năm là Phệ-thế-sử-ca, lấy Cực vi cha mẹ sinh tử chủng, Chủng là Sắc thô trọng, vì Cực vi không có Thể, vì không có Thể cho nên tức là không có sinh diệt, vì không có sinh diệt cho nên không hợp không tan, không thể nói Tụ sắc từ Cực vi sinh ra v.v... do lý này mà biết, như năm chỗ kế chấp trên đều

không đúng lý.

Trong giải thích năm Thắng lợi, thứ nhất là phá Thường được thắng lợi mà chứng Vô thường, thứ hai là đã biết Vô thường mà không chấp Ngã và Ngã sở, thứ ba là đã Vô ngã cho nên Ngã mạn đồng thời cũng có thể đoạn diệt, thứ tư là vì đoạn Ngã kiến rồi thì đối với các cảnh kia không khởi các Hoặc, chế phục nó khiến cho không hiện khởi, thứ năm là vì chế phục các Hoặc, cho nên đối với các cảnh không nắm lấy tướng, mà có thể trừ Pháp chấp. Năm Thắng lợi này, được có nơi người khác, thì suy nghĩ tương tợ như vậy có thể hiểu. Sư Pháp nói: "Thứ nhất là Không môn, thứ hai là ba Vô nguyện môn, thứ ba là một Vô tướng môn.

Hỏi: Tại sao môn thứ hai là phá Ngã mà nói là Vô nguyện?

Đáp: Luận này lại giải thích rằng: "Môn thứ nhất và thứ hai là Nhị không, Không hạnh nhiếp Không, vì Hạnh vô ngã. Hai Vô nguyện thứ hai thì nương vào Đạo không nhiếp, bốn hạnh căn cứ theo Đế mà phối hợp thì có thể hiểu.

Luận: Trong giải thích Nương vào sinh, nói: "Hoặc có người nói, đối với Xứ sở này v.v...", là chỗ kế chấp của Nhất thiết hữu bộ, như các tướng Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại trong một hòn đá là không thể có, nhưng Cực vi thì chắc chắn có, luận kia lấy sau đó mới được có, cho nên luận này đáng lẽ hỏi vặn rằng: Địa đại kia đây có thể được tụ tập, nhưng cùng với ba Địa còn lại thì không thể được, làm Thể là loại thứ nhất đó cho nên có thể được, vì không đồng cho nên có thể được, nếu Thể là một loại thì ba Đại kia không thể được, là phi lý! Lượng rằng: "Trong một hòn đá, Thủy hỏa phong còn lại, đáng lẽ có thể được, vì Thể đồng có, như Địa đại". Nếu không đồng, vì làm Thể lượng cho nên không đồng, là căn cứ theo Tăng thượng dụng cho nên không đồng, hoặc là Hình lượng cho nên không đồng, mà Địa đại thì có thể được, hình lượng nhỏ của ba Địa còn lại thì không thể được, nhưng thật ra là có, phần ít của ba Địa kia đáng lẽ có thể được, vì có hình lượng phân riêng. Ít phần đã không thể được, cho nên biết trong đây không có ba Đại. Lượng rằng: "Tông của ông, có ít phần đại của Hỏa v.v... cũng đáng lẽ không có, vì bất khả đắc, như sừng thỏ". Hoặc căn cứ theo Dụng, cho nên Địa đại có tướng dụng có thể được, ba Đại có ít dụng cho nên không thể được, vì Dụng nương vào Thể, Thể đã không có mà có Dụng, thì chấp này là phi lý. Lượng rằng: "Trong hòn đá, không có uy thế của thủy v.v... vì không có Thể, như sừng thỏ. Ông nói thế lực tác dụng của ba Đại trong hòn đá, ít phần là có, thì các Đại không đồng như

Hỏa cũng đáng lẽ không có, vì không có Thể, như lông rùa”.

Như văn dưới đây có chỗ hỏi: “Từ nóng sinh lạnh tức là có thí dụ, cõi mà có bốn Đại, điều này trong Đại thừa thế nào là Đế”?

Đáp: Đại thừa không phải như vậy, vì tất cả cõi đều ở tại Bản thức, sau đó nếu pháp kia sinh thì đều nương vào Chủng tử của Bản thức. Đến văn dưới thì hiểu rõ thêm. Văn dưới ghi: “Tuy không có tự tánh, nhưng có cõi của nó”, đây là căn cứ theo nghĩa của các sư kinh bộ, không phải Đại thừa, nhưng như trong hòn đá, tuy không có tướng của ba Đại, nhưng trong Bản thức thì có Chủng tử của nó, gặp duyên thì sinh ba Đại, cũng là trên Đại thừa mà giải thích.

Luận ghi: “Lại nữa, chư Thiên hoặc là Dục hiện tiền hoặc là Dục không hiện tiền, và dụng cụ nuôi sống của Bắc phương v.v... phần nhiều có thế lực dẫn sinh”.

Hỏi: Các thứ này đều là Báo mà được, nói là nghiệp sinh, tại sao nói rằng do Dục hiện tiền dấy khởi?

Đáp: Trong Sinh này tổng thọ Dục ở một chỗ, tức là được Báo. Nếu nói quả của nó, thì quả nào không từ nghiệp sinh ra. Đây là căn cứ theo phần nhiều hiện tiền tướng mà nói, cho nên nói từ Dục sinh.

Luận ghi: “Kế đó các Tụ sắc sinh, như các thứ vật do đá mài thành bột v.v... cho đến tùy theo sức Tăng thượng của Sinh nhân kia, cho nên như vậy mà sinh là có dụng”, là tùy sức Tăng thượng sinh nhân của Chủng tử kia, cho nên như vậy mà sinh, là có sự nắm lấy Dụng của căn, là lý do như vậy. Lại nữa, tùy theo sức Tăng thượng sinh nhân của bốn Đại, cho nên dụng của Tạo sắc xen tạp, như vậy mà sinh làm căn, có Nhãn căn v.v... khi nắm lấy thì các Trần đều có, chỗ có trong Tụ này là Dụng, cho nên biết Dụng của các Sắc xen tạp mà sinh. Đây là thuyết minh Hòa tạp bất tương ly, như Bản Địa quyển 3 giải thích.

Luận ghi: “Các thuyết về Chủng sinh, tại sao nói Đại chủng tạo đối với Sắc”? Đáp: Do đại chủng kia biến dị mà Sắc biến dị, là chỗ kiến lập và nhậm trì của đại chủng kia. Theo ba nghĩa này, như năm nghĩa dưới đây, Sinh, Y, Lập, Trì, Dưỡng mà phối hợp. Biến dị trong đây, hàm chứa có ba loại là Sinh nhân, Y nhân và Dưỡng nhân, tức là trước hết đại chủng sinh khởi làm Sinh nhân, sau đó tùy theo nghiệp của nó thì đó là Y nhân, Định lực thù thắng là Dưỡng nhân, một phần của Y nhân thì có thể biết, ngoài ra Kiến lập là Kiến lập nhân, Nhậm trì là Nhậm trì nhân. Bản Địa quyển 3 lại có thuyết minh về năm Nhân và nói Đại chủng tạo, cho nên bao gồm cả bốn giải thích này.

Luận ghi: “Sĩ phu dụng, là do chỗ đụng chạm của Địa đại”, có

thể hiểu được. “Khí vật sai biệt”, là do Khí vật vốn đã sẵn có sai biệt, khiến cho các Sắc khác biến dị mà sinh, như nước mưa đến biển thì biến thành vị mặn, hoặc đến Địa ngục thì liền thành lửa dữ, hoặc đến đất liền thì sinh trưởng cỏ cây, hoặc rơi vào miệng con trai thì thành châu ngọc, đều là khí vật sai biệt, cho nên Tạo sắc biến dị mà sinh. “Ruộng sai biệt”, là đất ruộng phì nhiêu hoặc là cằn cỗi v.v... khiến cho lúa mạ v.v... phát triển không đồng. Lại nữa, do đất khác nhau mà chất vị cây trái mỗi mỗi đều khác.

Luận ghi: “Thắng định lực, là vì Định lực thù thắng cho nên trước hết khởi đại chủng rồi sau đó Tạo sắc biến dị mà sinh v.v...”, trong đây sư Thái nói: “Trên đã nói nếu nương vào Định trói buộc này, tức là Định này trói buộc bốn Đại tạo, nếu phỏng theo Đại tạo của căn mà luận thì chỉ có cõi Sắc trói buộc, hoặc trong Đắc định cũng biến thành đại chủng, như văn trong đoạn này, nhập Vô sắc định thì khởi Định quả sắc, chỗ khởi Sắc này là chỗ biến của Vô sắc định, tùy theo Kiến phần mà cõi Vô sắc trói buộc, Sắc sở tạo này thì tùy theo Định mà trói buộc, cũng là cõi Vô sắc trói buộc. Văn trước thì thông với hai cõi trên, hiện tại niệm ban đầu trong Định này, trước hết là khởi đại chủng, nhưng chỉ làm thành cứng, ướt, nóng, động mà không thành Tạo sắc, sau đó trong khoảng sát-na mới thành Tạo sắc. Làm sao biết được? Ngay trong quyển này ở đoạn văn cuối ghi: “Định quả sắc thù thắng không nương vào đại chủng, chỉ nương vào Định, nhưng nương vào chủng loại, Ảnh tượng, Tam-ma-địa, cũng được gọi là đại chủng Sở tạo, là ý văn trong đây. Nếu phỏng theo đồng niệm, thì cũng như nghĩa Đại chủng tạo của các căn ở cõi dưới, ban đầu thì có đại chủng, tức là có tên Tạo sắc, nhưng chưa nương vào đại chủng, hoặc Sắc sở tạo này cũng nương vào Tam-ma-địa, thì chủng loại đại chủng của niệm trước cũng được gọi là bốn Đại sở tạo, nếu không phải Sắc của Định v.v... thì Đại cùng với Tạo sắc chắc chắn đồng thời tạo, nhưng chính là đại chủng của Định này khác thời mà tạo, cho nên văn của luận này ghi: “Trước hết khởi đại chủng”, là niệm trước biến thành đại chủng, niệm sau mới biến làm Tạo sắc, nếu không như vậy thì đồng thời mà tạo. Nương vào Tam-ma-địa kia mà sinh gọi là Tạo, là nghĩa của Đại chủng tạo. Lại nữa, trong giải thích này căn cứ theo Định quả thật sắc, cho nên trong Định cũng biến làm đại chủng. Nếu phỏng theo văn dưới “không biến thành đại chủng”, là căn cứ theo Giả định sắc, vì cần phải nương vào Thật đại chủng tạo cho nên nắm lấy Sắc của Tam-ma-địa, chủng loại và Ảnh tượng mà đại chủng tạo. Đã nói chủng loại, Ảnh tượng và Tam-ma-địa,

ở đây giải thích cũng như văn trước. Trong đây thì căn cứ theo Thật định sắc, đều biến thành Đại chủng tạo, theo văn dưới thì cần phải nương vào Bản chất mới ở trong Định biến thành đại chủng, vì đại chủng trong Định thì ẩn cho nên không luận. Không nói nương vào Đại chủng tạo, vì từ Bản chất mà duyên cũng được gọi là Đại chủng tạo. Luận này thì căn cứ theo Tư, quyển trước ghi: "Tất cả Sắc đều được tự tại, tức là biến thành đại chủng", lấy văn này làm chứng. "Như Gia hạnh tâm dẫn phát đại chủng v.v...", theo như văn này thì đại chủng tạo sắc trong Định. "Nếu Gia hạnh không dẫn phát, thì đại chủng chỉ dẫn phát Tạo sắc", đoạn văn cuối thì nói không phải đại chủng tạo, mà nói nương vào Ảnh tượng và Tam-ma-địa mà phát, cho nên chỉ gọi là Tạo. quyển 66 ghi: "Tùy theo đắc cõi kia và Đại chủng tạo kia".

Luận: Trong giải thích "làm sao biết được có Thử không xứng với Hưởng v.v...", đây là luận chủ nói: "Nếu cõi Hữu sắc không có sự truyền Thức của thân Trung hữu, thì làm sao được sinh nơi cõi Hữu sắckia!

Ngoại đạo vấn nạn: Như tiếng vang trong hang, lẽ nào có vật truyền đi để mà truyền tiếng vang, như bóng trăng v.v... lẽ nào lại mượn sự truyền đến để lưu lại bóng của nó trong nước, như duyên ở nơi xa, lẽ nào lại mượn sự truyền đến, như ba sự này không mượn vật truyền đi, thì làm sao được thọ sinh mà nhờ vào Trung hữu?

Luận này đáp ngoại đạo kia rằng: Không ứng như tiếng vang, chỉ có Hoặc tâm tán loạn. Thứ tự phối hợp với ba sự trên, Đại thừa thì như vang như bóng, khi tai nghe thì chỉ nghe âm thanh sẵn có, chỉ có Ý thức hoặc loạn, tương tợ như ảnh tượng trong gương. Đây là ngay trên tông kia mà luận này nói là không diệt mất.

Luận ghi: "Phải biết đại chủng trước hết là căn cứ theo xứ sở, sau đó thì các Tạo sắc khác nương vào xứ sở này mà chuyển", đây là căn cứ theo Năng y và Sở y môn, khi nghiệp sinh chiêu cảm quả báo thì khởi đại chủng làm Sở y, đồng thời là có Tạo sắc, Tạo sắc là Năng y, cho nên nói: "Các Tạo sắc khác nương vào xứ sở này mà chuyển", không phải là khác thời. Như quyển 1 luận, khi bắt đầu thọ sinh, thì các căn đại chủng của Nhãn v.v... thì trước hết căn cứ theo xứ sở Tạo sắc, nương vào đó mà sinh. Lại nữa, như quyển 2, phải do Chủng tử của đại chủng, đã tạo đại chủng rồi sau đó là tạo Chủng tử của Sắc thì mới có thể sinh sắc, cùng với văn của luận này đồng. Trong Thanh trần rộng đặt câu vấn nạn, như trong Đối Pháp nói, lại cũng như Bản Địa quyển 3 giải thích, căn cứ theo đoạn văn này thì Thanh trần đồng với ánh sáng

của đèn, lìa đại chủng của vật chất mà tạo.

Luận: Trong giải thích Phong, nói: "Các sự vận hành luân chuyển gọi là hằng tương tục", như mặt trời mặt trăng luân chuyển trong bốn thiên hạ đều do Phong. Lại nữa, Phong luân là hằng tương tục. Lại nữa, tay quay cối đá đều là hằng tương tục này nhiếp. Lại nữa, trì giữ vật khiến cho không tan biến, gọi là Hằng nhiếp thọ, như Bản Địa quyển 3 cùng với luận này khác nhau.

Luận: Trong giải thích Sắc của Không giới, nói: "Phải biết sắc này cũng nương vào Tụ sắc", Câu-xá luận cuối quyển 1 gọi là Lân A-già sắc, chữ A-già nghĩa là rất chướng ngại, Sắc này tương cận với Không giới kia, tức là trong đây nương vào Xứ của các Thanh, Sắc v.v... mà có Sắc của Không giới. Trong đây giải thích từ câu "sáng và tối tương tục" trở xuống, cũng như Bản Địa quyển 3 giải thích, nhưng sư Pháp căn cứ theo Không giới này, tức là sắc sáng và sắc tối. Nếu như thế thì tại sao lìa ngoài quang minh ra mà lập riêng? Vì chất và phương của quang minh cho nên phân riêng tướng mà lập quang minh. "Không này đối với Xứ của các vật khác mà thọ dụng", vì riêng biệt cho nên có năm thứ Không giới.

Luận: Trong giải thích "dài v.v... là Giả sắc, nói: "Lại nữa, như chiếc xe v.v... cái biết đó có thể hoại", như khi nắm lấy vành bánh xe thì mất chiếc xe kia, vì chờ nhau, các pháp này cũng vậy, trong đây có hai sự tranh cãi, như Đối Pháp sao nói.

Luận ghi: "Như nhiếp riêng Pháp xứ sở nhiếp thì Thắng định quả sắc chỉ có Hiển sắc mà không có Hương, Vị v.v...", Ấn Độ có hai thuyết:

1. Định quả sắc thật ra không có Hương vị v.v... vì không có Dụng. Trong cõi Sắc v.v... không có nhân của Chủng tử. Quyển 53 trước nói, tuy do Thắng định lực, nhưng đối với tất cả pháp đều được tự tại v.v... đây là căn cứ theo Sắc, Thanh v.v... mà nói.

2. Giải thích Định lực thật ra cũng có thể hiển hiện. Quyển 53 trước ghi: "Do Thắng định lực đối với tất cả Sắc, đều đắc tự tại". Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm nói: "Tỷ căn của Bồ-tát, đắc cung điện hương của cõi Vô sắc", chỗ này tuy nói không có Hương vị, nhưng Sở biến thì chỉ là Hương vị của Pháp xứ, các chúng sinh không thể nương vào đó mà biến hóa thọ dụng, như Sắc thanh v.v... là Sắc thanh, là Xứ của Sắc thanh cho nên nói không có, vì không có Dụng. Luận này lấy giải thích thứ nhất không có hại, vì Định quả sắc này ở tại cõi Sắc không có Chủng tử của Hương vị và ứng dụng, nên không có Hương vị v.v...".

Hỏi: Nếu như thế tức là cõi Vô sắc không có Chủng tử của đại chủng, thì đáng lẽ không biến thành đại chủng v.v...?

Đáp: cõi Vô sắc không có nghiệp Sắc, nhưng có đại chủng Sắc vô lậu cho nên có Sắc, cõi Sắc đã không có quả báo Hương vị, cũng không có Chủng tử vô lậu của Hương vị. "Đại chủng của Vô sắc không có báo", tức là có Chủng tử vô lậu.

Hỏi: Cõi Sắc tuy không có quả báo Hương vị, thì được có Vô lậu chủng tử đâu có hại gì?

Đáp: đại chủng của Vô sắc có ứng dụng, tuy không có quả báo đại chủng, tức là có Vô lậu đại chủng; Hương vị của cõi Sắc tuy không có báo, vì không có ứng dụng, cho nên không có Vô lậu, đem hai nhân của Vô chủng và Vô dụng ra giải thích. Điều này vi tế tìm hiểu nó, như trong Tịnh độ, lẽ nào không có Hương vị của Thắng định quả sắc! Luận này lấy ngay tâm cảnh biến hóa tương tợ và trong Nhân thật dụng của các Xứ bên ngoài cho nên không có, nhưng luận bàn thì thật ra cũng có.

Luận ghi: "Trong Phong không có Hương vị v.v...".

Hỏi: Cũng đáng lẽ không có Xúc, vì Xúc trần này vốn nương vào Phong đại v.v... không làm lệ cho Hương, Sắc, Thanh v.v... tức là không quyết định?

Đáp: Sắc của nó vi tế nương vào cõi Dục, căn cứ theo văn này thì Sắc và Xúc chắc chắn là đồng thời, Hương vị không quyết định, không đồng với Tiểu luận, tất cả Sắc của cõi Dục phải không lìa Hương vị, nhưng vì đã có Sắc đã lìa. Lại nữa, lìa ngoài chỗ phát quang minh của các Luân ra thì các đại chủng chỗ khác và Hương vị v.v... đều không thể được, điều này cùng với Trì nhân trong năm Nhân trái nhau, luận kia nói đồng với Lượng không hoại, luận này thì như Đối Pháp sao quyển 1 nói, nhưng sư Thái nói có hai thuyết của Ấn Độ:

1. Giải thích rằng: "Có lìa chất Tạo sắc, như ánh sáng của mặt trời, xa từ Đại chủng tạo của mặt trời, không phải đồng xứ mà có đại chủng", lấy văn này làm chứng. Trì nhân trong năm Nhân, đây là căn cứ theo Chất của đại chủng mà nói.

2. Giải thích rằng: Cũng có Đại chủng tạo, như ánh sáng và đại chủng của nó cũng có tạo riêng. Ánh sáng v.v... của nó, như thế từ Hỏa đại trong mặt trời làm duyên để dẫn sinh, cho nên vi tế bất khả đắc", trong đây nói là không có, như trong ánh sáng lẽ nào không có Nhiệt xúc! Nhiệt xúc nói là giả, tức là lấy Hỏa đại làm Thể, lẽ nào có Nhiệt xúc lìa Hỏa mà sinh! Cho nên biết là cũng có. Hoặc trước hết giải

thích Nhiệt xúc trong mặt trời, lại là Nhiệt hỏa trong mặt trời phân ra, không phải Sắc hỏa đại tạo ra ánh sáng, Thanh cũng căn cứ theo đây mà hiểu.

Hỏi: Tại sao không có Hương vị nhẹ?

Đáp: Vì trong ánh sáng không có Hương vị, Sắc và Nhiệt xúc thì nặng, trong ánh sáng cũng có.

Hỏi: Nếu Xúc do nặng mà có, thì Hỏa đại trong ánh sáng đáng lẽ phải có, nhưng tại sao nói là không có?

Đáp: Luận này nói không có tạo ánh sáng, không phải nói không có Nhiệt hỏa trong mặt trời.

Hỏi: Nếu như thế thì cũng có thể nói vì Hương nhẹ cho nên không có! Cùng với ánh sáng đồng tụ tập, cũng có cách xa riêng biệt, Nhiệt từ chỗ mặt trời phân ra Hương hay sao?

Đáp: Vì nhẹ, như văn trước giải thích. Vì có Nhiệt xúc, không có ba Đại còn lại. Nói không có, không phải Hỏa đại cũng không có.

Luận ghi: "Lại nữa, Pháp xứ sở nhiếp và Thắng định quả sắc, phải biết Sắc này chỉ nương vào Thắng định, không nương vào đại chủng. Hoặc trong văn này cùng với văn trên trái nhau, đã giải thích như trước. Có người cho rằng trong đây chỉ làm Tạo sắc, quán không có thời kỳ và quán đại chủng, trong Định không biến thành đại chủng, từ Định và Ảnh tượng bản chất trước mà nói, thì cũng đồng được gọi là Đại chủng tạo. Trước căn cứ theo phân tích thời kỳ tâm biến hóa đại chủng mà luận, Tạo sắc trong Định cũng biến làm đại chủng, luận này thì không phải như vậy, cho nên có khác nhau. Thời kỳ tâm không làm đại chủng, thì đại chủng không có trong quán, thời kỳ tâm không làm Tạo thì không có Tạo sắc trong quán, như vậy chỉ có đại chủng hay sao! Cho nên biết nắm lấy chỗ giải thích trước là thù thắng.

Luận ghi: "Nhưng từ Ảnh tượng và Định sinh gọi là Tạo, không phải dựa vào sinh kia gọi là Tạo". Lại cũng nói: "Căn cứ theo tất cả chỗ của xanh vàng v.v... mà quán".

Luận ghi: "Sắc của Pháp xứ sở nhiếp là Vô kiến vô đối", cũng không đủ như Pháp xứ trong Tiểu thừa, chỉ có Vô biểu sắc là được như vậy. Đây là trong Đại thừa, trước đã nói: "Pháp xứ có thật sắc, cũng được người khác thọ dụng", tại sao là Vô kiến vô đối? Vì từ Sắc sở biến của Định tâm, rất là vi tế, không căn cứ theo Xứ sở, vì không phải chỗ tạo của nghiệp, cho nên không phải Hữu đối, chính cõi Sắc v.v... căn cứ vào Xứ sở cho nên không lấy làm thí dụ.

Hỏi: Trong đây nếu Sắc làm Tha thọ dụng, tức là Nhãn thức thấy

thì đáng lẽ là Sắc xứ nhiếp, tại sao nói Pháp xứ nhiếp?

Đáp: Từ khi mới sinh, vì là Định tâm phát khởi cho nên Pháp xứ nhiếp.

Hỏi: Sắc đó làm Tha thọ dụng, tuy là Nhãn thức thấy, nhưng nó không mong Sắc này, gọi là Pháp xứ nhiếp hay sao?

Luận ghi: "Thứ nhất Đẳng lưu lại có bốn loại", trong đây hai loại đầu không lìa hai loại Dị thục và Trưởng dưỡng trước, tức là một vật chính là Bản tánh đẳng lưu của nó. Căn cứ theo văn dưới, trừ căn Sắc ra thì còn lại ba loại Đẳng lưu, thuyết minh Phù căn trần cũng có Bản tánh, các Lưu biến đổi lẫn nhau có thể biết, tức là chỉ có năm Trần bên ngoài có đủ trong năm Căn. Báo và Trưởng dưỡng đều có thể biến hoại, cũng được làm Đẳng lưu thứ hai, Đẳng lưu thông rộng với Dị thục v.v... Niệm trước diệt niệm sau sinh, gọi là Đẳng lưu, lưu chuyển vào Nội căn của nó v.v... được tên là Dị thục và Trưởng dưỡng, ngoài ra gọi là Cảnh, vì chỉ có hai loại Bản tánh đẳng lưu và Biến dịch đẳng lưu. Biến dịch lưu là nghĩa làm chuẩn, thông với ba loại Bản tánh, Báo và Trưởng dưỡng. Khi niệm thứ nhất sinh thì gọi là Dị thục lưu, từ niệm thứ hai trở đi thì gọi là Tương tục Dị thục lưu, Tương tục Dị thục lưu này thông với Giả dị thục và Thật dị thục. Thật dị thục, là từ niệm đầu tiên của A-lại-da thức trở đi, cho đến khi mạng chung, Thể đều là Dị thục, cũng được gọi là Dị thục sinh, vì từ sát-na Dị thục sinh trước, tức là lấy văn này mà hiểu. Dị thục đầu tiên thì thù thắng, từ niệm thứ nhất mà đặt tên, không giống như văn của Đối Pháp v.v... ghi: "A-lại-da là Thật dị thục, ngoài ra đều từ Dị thục sinh cho nên giả gọi là Dị thục. Thức thứ tám này cũng được gọi là Dị thục sinh, nhưng ở trong Giả dị thục. Căn cứ theo văn này thì cũng được gọi là Dị thục, vì niệm đầu tiên của nghiệp sinh Dị thục giả gọi là Dị thục. Niệm thứ hai cũng được gọi là Sinh, ngoài ra thì như Bản Địa quyển 3, trong giải thích Trưởng dưỡng lưu, nói rằng Xứ rộng trùm khắp sắc, vì Xứ đó có tính lưu truyền cho nên gọi là Xứ rộng khắp; Tướng tăng thịnh tức là Thể tăng trưởng to lớn.

Luận ghi: "Ngoài Trưởng dưỡng lưu ra, phải biết cũng do Thực", tức là Thực ở trước làm Sở y của Trưởng dưỡng kia, tức là Thùy miên và Phạm hạnh. Tu Thắng tác ý, tức là Định.

Luận ghi: "Lại nữa, các Sắc căn phải biết do hai Đẳng lưu mà được lưu chuyển", đây là đối với Bản tánh đẳng lưu, lưu chuyển vào nội căn của nó. Tại sao không phải là Biến dịch đẳng lưu, khi lưu chuyển xúc chạm mà có biến hoại? Trong đây không nói, nhưng cũng được luận bàn.

Hỏi: Dị thục tại sao không phải là Trưởng dưỡng lưu?

Đáp: Do có trưởng dưỡng tương tục, có thể nhiếp thọ và có thể trì giữ Dị thục đẳng lưu lưu chuyển, cho nên hiện có tăng trưởng v.v... lấy Trưởng dưỡng lưu nuôi dưỡng Dị thục lưu, cho nên riêng có Trưởng dưỡng lưu, Trưởng dưỡng lưu không phải là Dị thục. Câu-xá luận ghi: "Như cái thành bên ngoài để phòng vệ cho cái thành bên trong, nếu không phải Sắc sở nhiếp của căn thì phải biết có đủ ba loại Lưu", là Dị thục lưu, Trưởng dưỡng lưu và Đẳng lưu. Lưu tức là Biến dịch đẳng lưu, cũng có Bản tánh đẳng lưu. Trong đây tổng nói, đáng lẽ nói: "Phù căn trần bên trong có đủ Dị thục và Trưởng dưỡng, các Trần bên ngoài thì chỉ đủ Bản tánh lưu, không có Dị thục và Trưởng dưỡng, vì không phải ngoài thân cho nên hợp chung như vậy mà nói. Trong đây tổng nói: "Các Tâm, Tâm sở có Đẳng lưu cùng với Dị thục sinh lưu chuyển, và tướng thứ hai tăng thịnh Trưởng dưỡng lưu. Sắc trong văn trước là Xứ rộng khắp, vì Trưởng dưỡng không phải là tâm.

Luận ghi: "Lại nữa, các Thanh giới cũng có Dị thục không phải Thanh", sư Thái nói: "Vì Chủng tử của Thanh hằng tương tục, cho nên Thanh giới là Dị thục, Hiện hành thì có gián đoạn diệt, cho nên không gọi là Dị thục". Sư Cảnh nói: "Có bảy xứ phát Thanh, bảy xứ đó gọi là Thanh giới, là Dị thục". Luận này thì không phải như vậy, bảy xứ là bảy Dị thục, vì trong hai mươi hai Căn, Chủng tử của các căn đều là Dị thục. Thanh trong đây cũng căn cứ theo đó mà biết, như quyển trước giải thích giới là nhân, tức là bốn Đại tạo Thanh, bốn Đại này là chỗ sinh của Dị thục. Thanh không phải Dị thục tức là phải có vật thứ ba để truyền thanh, vì Thanh từ Báo mà sinh.

Luận: Trong giải thích năm nhân của Đại chủng tạo, Nhân thứ tư ghi: "Trì giữ lượng của bản chất kia khiến cho không tổn giảm", điều này cùng với chỗ nói ánh sáng mặt trời ở trước không trái nhau, như Đối Pháp sao và Bản Địa đầu quyển 3 nói giải thích.

Luận ghi: "Do ba loại Tư riêng biệt cho nên Sắc và Thanh thành thiện và ác: một là Gia hạnh tư, hai là Quyết định tư, ba là Đẳng khởi tư v.v...", đây là trong Đại thừa, Sắc và Thanh chỉ có Vô ký. Đây là là phỏng theo chỗ nào mà có khi được gọi là Biểu nghiệp và thành thiện ác của Biểu nghiệp? Một là Gia hạnh tư, là ở xa mà muốn khởi sự này để tư duy; hai là Quyết định tư, là phải khởi sự này để tư duy; ba là Đẳng khởi tư, tức là nhân đồng thời khởi, sát-na lân cận khởi tâm khiến cho tùy theo đó mà thành thiện ác. Phải nương vào Đẳng khởi tư, vì là Thượng phẩm tư, tùy theo tánh này mà không nương vào Gia hạnh tư

và Quyết định tư, vì chỉ nương vào Thượng phẩm tư, hai loại trước là hạ phẩm và trung phẩm. Lại nữa, hai phẩm trước thông với Kiến đạo tư. Kiến đạo tư là rất xa, Gia hạnh mới có thể phát nghiệp, không phải nhân v.v... có thể phát khởi nghiệp, rộng như Câu-xá luận giải thích.

Luận: Đẳng nghiệp tư thứ mười ba ghi: "Đây là Thượng phẩm tư thứ ba, là Tu đạo, trong sát-na khác Đẳng khởi tư cũng có, y theo Tư này như khi nhập Vô tâm định thì được thọ giới, trong đây do ba loại Tư mà phát, Sắc và Thanh trở thành biểu thị thiện và ác, đây là căn cứ theo Biểu thiện ác, không phải Thể là thiện ác, ngoài ra Hương vị v.v... không phải thiện ác này, không phải do ba loại Tư phát khởi, cho nên không thành tánh thiện ác, là ý trong văn này. Ý trong đây chỉ đáp lý do của Sắc thanh thiện ác, không đáp lý do Vô sắc của của Hương vị v.v... Thành nghiệp luận có giải thích rộng, tức là Gia hạnh nghiệp của Sắc, Thanh dẫn thành thiện v.v... không phải nghiệp kia là thiện, vì nghiệp tác dụng.

Luận ghi: "Hỏi: Nương vào Tụ sắc mà có vận động v.v...", vì Chánh lượng bộ riêng có hành động, Tát-bà-đa thì lìa ngoài Tụ sắc mà có nghiệp tánh là động. Trong câu hỏi này, lấy trong Đại thừa khi dơ chân di chuyển gọi là động. Một câu hỏi đáp này tổng nói, từ câu hỏi thứ hai trở xuống là giải thích riêng, trở lên là tổng nghĩa bốn thứ Sinh, Bất sinh và Diệt, Bất diệt đều có lỗi. Hoặc nói: "Sinh mà có động, thì siêu vượt tướng sát-na thì hành động có lỗi", là từ đây đến kia gọi là động, do Tụ sắc đã sinh rồi mới có động, động có nhiều khi vượt sát-na, là nghĩa sát-na diệt, tông kia tuy động, Sắc cũng không phải sát-na diệt, nhưng trái với duyên Chân như và trái với lý sinh, như ánh lửa của ngọn đèn, nếu không sinh có động, như sừng thỏ v.v... thì xứng với Bất động. Hoặc nói: "Diệt đáng lẽ cùng với các Tụ sắc khác bình đẳng, vì động diệt cho nên được động", như Tụ sắc có diệt thì đáng lẽ tức là động. Luận này thí dụ "Động đáng lẽ cùng với Tụ sắc khác bình đẳng", hiện tại lập Lượng rằng: "Chỗ nói động của ông đáng lẽ thật không có động, vì có diệt, như tham v.v... khác". Lại nữa, nên nói: Do Sắc cho nên diệt, mới có động, như ánh lửa của ngọn đèn có diệt thì đáng lẽ cũng phải có diệt", cho nên nói "các Tụ sắc khác bình đẳng". Hoặc nói: "Không diệt thì liền vượt hành tướng", vì các pháp hạnh phải từng sát-na diệt, hiện tại đã diệt thì liền diệt mất hành tướng. Lại nữa, đối với các xứ khác mà sinh khởi nhân duyên, rõ ràng có thể đắc, tại sao lại nói là không diệt?

Luận ghi: "Lại nữa, tất cả Sắc uẩn phải nói đều là tánh của sát-na diệt", dưới đây lại có giải thích: Thứ nhất nêu ra chánh nghĩa, nói rằng

mặc tình tùy ý diệt và biến dị, là chỗ kế chấp của các sư Chánh lượng bộ v.v... Thứ hai là chấp chánh không phải tà, là Nhân duyên của sinh diệt, như Tát-bà-đa bộ chấp hỏa là duyên tiêu diệt củi, cũng làm duyên sinh củi. Trong luận này phá hai điều đó. Lại nữa, không nên cho rằng Năng sinh nhân tức là Diệt nhân, vì sinh diệt khác nhau, nhân không thể đồng nhau. Hữu lượng trong đây, hoặc chuyển sang nói: "Sinh diệt trái nhau, Sinh nhân không phải là Diệt nhân, trụ diệt không nghịch nhau, Trụ nhân tức là Diệt nhân". Luận này phá rằng: "Lại nữa, nếu pháp dừng trụ, thì có thể chờ Diệt duyên mới diệt mà không mặc tình tùy ý diệt, trụ đã không có nhân thì làm sao chờ Diệt duyên! Vì mặc tình tùy ý diệt cho nên biết các hành không chờ duyên mà diệt, trụ này không có nhân mà có lượng. Từ trên đến đây tổng phản đối đã xong, ngoại đạo bổ cứu nói: "Hiện tại thấy hỏa làm Diệt duyên của củi, thì thế nào mà diệt không có duyên? Đoạn văn của luận này ghi: "Nếu cho rằng hỏa là nhân diệt hoại, thì không xứng với chánh đạo, vì nếu hỏa không diệt, thì Hữu pháp có thể làm Diệt nhân, hỏa đã cùng với củi đồng thời sinh đồng thời diệt, thì hỏa v.v... như thế nào làm Diệt duyên của củi"? Chế phục vấn nạn ghi: "Nếu như thế thì hỏa v.v... đối với củi có tác dụng gì! Lại nữa, đồng thời Sinh diệt thì làm nhân đâu có hại gì"! Luận này ghi: "Hỏa chỉ có thể làm cho củi kia biến dị, đến Sinh duyên của các pháp sau mới xong đối với tác dụng của củi, không phải là Diệt duyên mà là tác dụng của củi, như mặt trời bị mây che trong Hiển Dương luận, Câu-xá phần lớn đều đồng. Người ngoại đạo này đã thấy sự trình bày này, không cho hỏa là Diệt duyên nữa, nhưng nói: "Diệt tướng làm Diệt nhân của các pháp". Luận này bác bỏ rằng: "Lại nữa, nói rằng hoại diệt là nhân của hoại diệt, nếu Diệt tướng làm Diệt nhân, thì cũng như hỏa v.v... cùng với củi đồng thời diệt, không được làm duyên. Diệt tướng này đáng lẽ cũng như thế, sinh diệt không đồng, nếu Thể kia sinh thì liền có Diệt tướng, liền thành lỗi tương tục đoạn hoại, vì Thể của các pháp không có Diệt tướng, khi các pháp sinh liền có diệt thì đáng lẽ không sinh, vì không sinh cho nên không có đoạn hoại. Lại nữa, Diệt tướng tức ngay tự tánh là pháp diệt hoại, nhưng có thể làm nhân để diệt các pháp thì không đúng". Hoặc bổ cứu rằng: "Pháp diệt chỉ là không có, tự tánh của Diệt tướng thì riêng có". Lìa ngoài các pháp kia mà riêng có diệt là bất khả đắc, cho nên không đúng lý. Hoặc có bổ cứu khác rằng: "Riêng có tiểu tướng của diệt". Tiểu diệt tướng đó lìa ngoài các pháp của Đại diệt tướng kia mà lại có tự tánh của Tiểu diệt hoại là bất khả đắc, cho nên không đúng lý. Lại nữa, giải thích vì các pháp mặc tình

tùy ý tự diệt, không có Diệt tướng riêng, mà nói: "Ngoài pháp ra riêng có Diệt tướng", thì rốt ráo là bất khả đắc, cho nên không đúng lý. Giải thích trước là thù thắng, người ngoài tuy đã thấy Diệt tướng, tự tánh là diệt hoại, không thể làm Diệt duyên. Lại nói: "Diệt tướng, tự tánh và diệt hoại, không thể riêng làm Diệt nhân, vì hỏa v.v... làm Trợ bạn mới có thể diệt", đây là luận chủ đối với Tâm, Tâm sở, trong mặc tình tùy ý diệt, lại không có vật làm trợ duyên cho nên diệt, thì như thế nào mà nói rằng hỏa trong Sắc v.v... làm Diệt duyên! Ngoại đạo bổ cứu rằng: "Khi Tâm, Tâm sở sinh và Sắc sinh, mỗi mỗi đều có riêng công năng, thì tại sao lấy Tâm, Tâm sở để thí dụ cho Sắc pháp của nó, vì Tâm, Tâm sở cũng không chờ Trợ bạn mà có thể diệt"? Luận chủ nói: "Công năng sai biệt bất khả đắc, chỉ có lời nói rỗng tuếch mà không có Pháp thể, không đúng đạo lý". Từ trên đến đây đều xứng với Hữu lượng, hoặc cho rằng: "Hai loại ở tại một xứ sở mà có công năng diệt, thì đáng lẽ một loại đồng thời ở tại hai xứ đều có công năng diệt, nếu không có công năng diệt thì có lỗi". Ý này từ trên đến đây lấy Diệt tướng làm Chánh diệt nhân, lấy hỏa làm Trợ bạn, đoạn văn này ghi: "Hoặc cho rằng hai loại Diệt tướng và hỏa ở tại nơi chỗ của một pháp, tổng quát mà nói, là có công năng diệt cho nên tức là xứng với hai loại, đều đối với hai phần có công năng diệt, hoặc không có công năng và hỏa làm Trợ bạn thì Diệt duyên là có, thì làm sao có thể và không thể làm Chánh diệt nhân! Không có công năng tướng cũng như vậy, có công năng Chánh diệt, không có công năng Trợ diệt, vì cả hai công năng này đều mong pháp, đều là Diệt duyên, lấy hỏa thí dụ cho Diệt tướng thì đáng lẽ thành Chánh diệt nhân, lấy Diệt tướng thí dụ cho hỏa thì đáng lẽ thành Chánh trợ diệt duyên, vì đều là Diệt duyên của pháp, cả hai loại đều không thành, cho nên biết không được lấy hỏa v.v... làm Trợ diệt tướng hoặc làm Chánh diệt. Lại nữa, như Biệt sao của sư Thái, không thể phiền giải thích. Dưới đây các văn tuy có bốn đoạn, từ trên đến đây đều là nghĩa nương thừa lẫn nhau, lại phân ra làm bốn đoạn.

Luận ghi: Lại nữa, tất cả pháp phải nói đều là sát-na cho đến hiện tại có thể đắc", Đại thừa lập các pháp, nếu sinh gặp duy sinh thì không có nghĩa là Năng trụ, do đó khi vừa mới sinh Tầm thì liền diệt hoại, như ánh sáng của đền và tâm tâm pháp v.v... hiện tại có thể đắc, như Chánh lượng bộ v.v... lập nội Sắc thân và mạng căn: "Khi bắt đầu thọ sinh thì gọi là sinh, sau khi tử thì gọi là diệt, khoảng giữa sinh diệt đó thì hằng trụ, không trải qua sát-na sinh diệt. Hoặc thế giới v.v... Kiếp sơ gọi là sinh, Kiếp hoại gọi là diệt, trong đó Trụ kiếp cũng không trải

qua sinh diệt". Đại thừa hiện tại muốn phá lý này, nói: "Khi vừa mới sinh thì liền diệt, nhưng Chánh lượng kia v.v... cũng thừa nhận ánh sáng của ngọn đèn, điện chớp v.v... và pháp Tâm, Tâm sở đều là sát-na sinh diệt", luận này nêu ra các sự cùng chung thừa nhận để làm chứng, nói rằng hiện tại có thể đắc, phải lập Lượng rằng: "Nhãn v.v... các Sắc vừa mới sinh thì liền diệt, vì là Hữu vi, như tâm tâm pháp và ánh sáng ngọn đèn v.v...".

Luận ghi: "Lại nữa, không nên cho là nhân của Năng sinh, tức Diệt nhân chính là tướng khác biệt của nó", như Tát-bà-đa bộ lập Sinh diệt đều có Nhân của nó, nhưng vì Sinh nhân cũng là Diệt nhân. Hiện tại Đại thừa và kinh bộ v.v... chỉ có sinh là Hữu nhân, diệt là Vô nhân, do đó đã sinh rồi thì trở lại Vô nhân. Tầm tức là diệt hoại, nhưng Tát-bà-đa bộ lấy Tỷ lượng đó mà lập đạo lý, thành lập Diệt cũng là Hữu nhân. Lập Tỷ lượng rằng: "Diệt chắc chắn phải có nhân, vì là Hữu vi, cũng như sinh tướng". Lại nữa, phá Đại thừa và các sư kinh bộ, nói: "Diệt nếu là Vô nhân thì đáng lẽ không phải Hữu vi, vì là Vô nhân, cũng như hư không", đây là ngăn trách Tỷ lượng. Hiện tại Đại thừa v.v... phá rằng: "Ông lập diệt nếu là Hữu nhân thì sau đó đáng lẽ liền diệt, vì là Hữu nhân, cũng như sinh tướng". Lại nữa, lập Lượng để thành lập: "Diệt không do nhân, vì sau đó thì không diệt, cũng như hư không", là Tỷ lượng gốc, cũng liền trở lại phá rằng: "Cái diệt có nhân của ông đáng lẽ không phải là diệt, vì là Hữu nhân, đồng là Hữu vi cho nên là Hữu nhân, cũng như Sinh tướng, nếu như thế thì ông lấy Hữu vi cho nên Hữu nhân thì cùng với tự tướng của Hữu pháp trái nhau. Lại nữa, ông lập hai tướng sinh diệt cùng chung một nhân, tôi bây giờ vấn nạn ông: Hiện tại thì đáng lẽ hai tướng sinh diệt không đồng một nhân chính là tướng khác biệt của nó, như Khổ và Lạc v.v... hoặc thiện và ác, hoặc Sắc và tâm v.v...", đây là một Tỷ lượng, chính đáng làm Tỷ lượng gốc của đoạn văn này, nhưng Tỷ lượng này có lỗi Bất định. Thế nào là Đại thừa cũng thừa nhận một Tưởng tâm sở cũng với Tâm vương làm nhân, cũng được Sắc sở biến của tự nó làm nhân? Tiểu thừa cũng thừa nhận tức là Tưởng tâm sở này không ngăn che Sắc sinh khởi, cũng không ngăn che tâm sinh khởi, tức là một nhân có thể sinh tâm và Sắc. Nếu như thế thì như Sắc tâm chính là tướng khác biệt của nó đồng một Nhân, hay là như thiện ác, tướng khác biệt của nó không đồng một nhân? Đều phải nói: "Đây là căn cứ theo Nhân duyên mà nói, như Chủng tử của một Sắc trong A-lại-da có thể sinh Sắc hiện hành, cũng có thể sinh Chủng tử của tự loại, mà được nói Sắc cùng với Chủng tử chính là tướng

của nó cũng khác biệt, nhưng một Chủng tử này có thể sinh Sắc pháp và Phi sắc pháp, đều là Nhân duyên. Phỏng theo đây thì cũng có lỗi Bất định, cũng có thể trở lại lấy Tỷ lượng để phá hai tướng sinh diệt chính là có một nhân, phải lập Lượng rằng: "Cái diệt trong Hữu nhân của ông đáng lẽ không phải là diệt, vì không khác biệt mà sinh, cũng như sự sinh của nó". Phải thay đổi Lượng mà phá.

Luận ghi: "Lại nữa, pháp đã sinh rồi, thì các nhân dừng trụ không thể được", đây là phá sư Chánh lượng bộ, lập Sắc của Nhãn căn v.v... một thời kỳ dừng trụ không trải qua sinh diệt, phải lập Lượng rằng: "Các Sắc của Nhãn v.v... lìa ngoài sát-na mà dừng trụ thì không có riêng Trụ nhân, là Tông; vì là Hữu vi, vì có Sắc diệt, là Nhân; cũng như đèn, điện, Tâm, Tâm sở, là Dụ. Đây là Tỷ lượng gốc, cũng có thể trở lại lấy Tỷ lượng để phá rằng: "Các Sắc của Nhãn v.v... đáng lẽ không phải trụ lâu, các chỗ trụ lâu khác là chỗ không nhiếp, như đèn, điện v.v... nếu là trụ lâu thì quyết định các chỗ trụ lâu khác là chỗ nhiếp, cũng như hư không". Lại nữa, Lượng rằng: "Các Sắc của Thiên nhãn v.v... không có trụ lâu, là Nhân; trong Nhãn v.v... đèn v.v... tùy một pháp mà nhiếp, cũng như đèn v.v.... Nếu trụ lâu, thì quyết định không phải trong Nhãn v.v... đèn v.v... tùy theo một chỗ nhiếp, như hư không v.v... là Dị dụ".

Luận ghi: "Do đó phải biết v.v..." trở xuống là tổng kết có thể biết.

Luận ghi: "Hoặc là hỏa v.v... bình đẳng", là bổ cứu của Tát-bà-đa bộ, diệt cũng có nhân, như do hỏa v.v... cho nên củi v.v... mới diệt, đây là Diệt nhân của hỏa, làm bổ cứu này cũng không đúng đạo lý, nói: "Do kia cùng với kia v.v...", là nói hỏa này cùng với củi kia đã đồng thời sinh diệt thì không thể cùng với diệt làm nhân, như hỏa cùng với củi đồng thời sinh, tức là hỏa không phải Sinh nhân, vì đã cùng với củi đồng thời diệt thì làm sao được cùng với diệt làm nhân. Hoặc nói: "Hỏa cùng với diệt làm nhân", thì hỏa và củi đã đồng thời sinh, khi sinh thì liền phải diệt.

Luận ghi: "Vì hiện tại có thể được", là hiện thấy củi làm chỗ nương của hỏa, hỏa không thể diệt thì làm sao đem hỏa làm Diệt nhân của củi! Biến dị sinh duyên nói là có tác dụng, là chỉ có hỏa này làm Biến dị sinh nhân của củi.

Hỏi: nếu hỏa không phải là Diệt nhân, tức là củi làm chỗ y của hỏa này, hay cũng gọi là củi, hay là từ gốc mà đặt tên là củi? Nếu hiện tại gọi là củi, nếu củi chưa bị biến dị thì có thể được gọi là củi, đã làm Sở biến của hỏa rồi, thì tức là dị, đáng lẽ không gọi là củi, thì làm sao

được nói rằng hỏa cùng với củi đồng thời sinh đồng thời diệt? Nếu từ gốc mà gọi là củi, thì đây tức là củi bị thiêu cháy, thật ra không phải là củi, tại sao lại nói hỏa cùng với củi kia có thể làm Biến dị sinh duyên? Nếu nói hỏa của sát-na đầu tiên này, thì chỉ cùng với Niệm sau v.v... làm Biến dị duyên, không cùng với niệm ban đầu làm chỗ nương của hỏa, mà làm Biến dị duyên, nếu như thế thì hỏa của niệm ban đầu đáng lẽ không thiêu cháy củi, tro nóng của niệm sau thường đáng lẽ sinh hỏa, vì chỗ nương không phải là củi?

Đáp: Trong đây là người ngoại đạo nói, phỏng theo chỗ biết chung của người đời, là hỏa có thể thiêu cháy củi, làm nhân của diệt. Hiện tại luận chủ ngược lại lấy chỗ hỏa cùng biết để giải thích, như người thế gian đều biết, các nơi đều lấy hỏa để đốt cháy củi kia, luận chủ nói: "Lấy hỏa để thiêu củi, thì chỉ có thể cùng với củi kia làm nhân biến dị". Thế nào là người thế gian cùng biết? Là củi có cho nên hỏa có, đó là cùng với củi đồng thời sinh; củi không có cho nên hỏa không có, thì được biết cùng với củi đồng thời diệt. Lại nữa, người đời cùng biết, là củi do hỏa cho nên có biến thành tro nóng. Luận chủ chỉ phỏng theo đạo lý của thế tục để thông với bổ cứu này, nếu phỏng theo thật lý của Đại thừa, thì hỏa v.v... các pháp mới sinh là liền diệt, không có hỏa có thể thiêu các vật kia, chỉ do hỏa bên ngoài làm duyên dẫn khởi tướng biến dị trong chỗ thiêu đốt của tự tâm, hỏa của niệm ban đầu sau khi mới sinh thì liền biến dị để làm tướng bị thiêu cháy, không nên nói hỏa của niệm ban đầu làm duyên, cùng với niệm sau biến dị làm Sinh duyên.

Luận ghi: "Lại nữa, các pháp hoại diệt cho đến lỗi", đây là phá nghĩa của Tát-bà-đa bộ, Bộ kia lập Diệt tướng trong bốn Tướng là Diệt nhân của Sắc v.v... nhưng Bộ kia lại lập vị lai Sắc, khi sinh thì tuy sinh tướng dụng, nhưng vẫn đến Diệt tướng thì Thể tùy diệt. Hiện tại luận chủ phỏng theo khi sinh mà được có diệt, đại chủng có thể lấy diệt làm Diệt nhân của Sắc, cho nên nói là sinh, đều không đúng đạo lý, phải lập Lượng rằng: "Diệt tướng của vị lai đáng lẽ phải có nhân, vì ông thừa nhận đã có Thể, cũng như Sinh tướng".

Hỏi: Như Vô vi của ông cũng đã có Thể, thì có những dụng gì? Dụng này đã có nhân của Thể, là giống như Vô vi, đã có Thể cho nên không có Dụng, là giống như Sinh tướng, hay là đã có Thể tức là có Dụng?

Giải thích rằng: "Tát-bà-đa lập tên ba đời, tự nhiên không nhiếp Vô vi". Thế nào là đời vị lai đã có, đời hiện tại đang có, đời quá khứ sẽ có? Chỉ nói đã có nhân của Thể, là lựa riêng với Phi vô vi, không

thể đem Vô vi làm thành lỗi Bất định, cũng không thể đem pháp hiện tại làm thành lỗi Bất định. Lại phải lập Lượng rằng: “Vị lai sinh của ông tương đương với vô dụng, vì vị lai nhiếp, cũng như Diệt tướng”. Tỷ lượng này cùng với nhân của Tỷ lượng trước dùng qua lại lẫn nhau đều được.

Luận ghi: “Là chỗ dựa của luận, hoặc do Tướng v.v...”, trong đây từ chữ Danh trở xuống, thứ tự giải thích rộng cho đến cuối quyển, là như Bản Địa quyển 3. Trong đây Sắc căn không hoại là do hai nhân, do suy tổn v.v... như Bản Địa quyển 3, trái ngược lại Căn bất hoại, trong đây có chướng, không phải xem xa Bản Địa quyển 3, nhưng luận kia có bốn Chướng, có bốn loại cùng với Nhĩ căn v.v... không đồng chút ít. “Lại nữa, đối với một loài mắt tuy có ám tối che chướng Sắc nhưng gọi là hiện tiền v.v...”, là con dơi, chim cú v.v... trong nhãn căn bị che chướng, như trong Phả-chi-ca cũng thấy vật v.v... vì sáng tỏ. “Hoặc Thánh tuệ nhãn đối với tất cả chủng sắc đều ở phía trước”, Tuệ nhãn trong đây không phải là Tuệ nhãn trong năm Nhãn, mà đây là Pháp nhãn trong năm Nhãn đó, bậc Thánh lấy Tuệ làm đứng đầu của Đạo, cho nên gọi là Thánh tuệ nhãn.

Sáu loại Tánh của Sở hành, trong Bản Địa phần quyển 3 chỉ trình bày tên nhưng chưa giải thích, luận này thì nói đoạn văn trước là: “Y xứ, Tướng, Phương, Thời, Minh liễu, Bất minh liễu”, lấy Thật sắc gọi là Minh liễu, lấy Bất thật sắc gọi là Bất minh liễu. Thật sắc toàn phần v.v... là Minh liễu của xanh vàng v.v... Bất thật sắc là giả dài, ngắn v.v... Bất minh liễu trong Tác ý đang khởi, Bản Địa quyển 3 nói do bốn nhân, là Dục lực, Niệm lực v.v... nương vào cõi Dục lhân mà phát khởi đại chủng của cõi Sắc, Sắc này làm duyên và Bất duyên v.v... của Thức thứ tám, như Quyết Trạch sao quyển 1 giải thích, trong đây nghĩa của Hộ Nguyệt thuận với Hộ Pháp, tuy giải thích Kiến phần, nhưng vì nương vào cõi trói buộc tướng mà phân ra cõi Sắc. Căn cứ theo Chủng tử thời thì cũng được, đâu có hại gì!

BẢN LUẬN 55

Luận ghi: "Như vậy nói là do Nhất tịnh tâm v.v...", cho đến "phải biết trong đây nương vào chuyển chỗ nhiếp Tương tục tâm, do đạo của thế tục gọi là Phát nhất tâm", trong đây căn cứ vào chỗ duyên sự cảnh, tùy theo lượng sát-na nhiều ít mà gọi là Nhất tâm, không phải chỉ có một sát-na tâm mà gọi là Nhất tâm, hoặc chính là nhiều tâm v.v...

Luận: Trong giải thích "Hữu phân biệt tâm và Vô phân biệt tâm đồng duyên hiện tại là không đúng", nói: "Do ba nhân v.v...", như Tập lượng lý môn luận rằng: "Năm Thức chỉ có Hiện lượng, đồng thời Ý thức cũng vậy, hiện tại năm Thức trong đây tuy là Minh liễu hiện lượng nhưng không gọi là Hữu phân biệt, vì không cùng với Tầm tứ v.v... tương ưng. Thức thứ sáu cùng với năm Thức đồng duyên Hiện lượng, nhưng gọi là Phân biệt, vì cùng với Tầm tứ tương ưng, nếu đồng duyên hiện tại thì có thể được Minh liễu, nếu Ý thức sau năm Thức kia thì Bất minh liễu, vì duyên quá khứ, như duyên các sự từ trăm ngàn kiếp thì Bất Minh liễu, như trong quyển 51, phá Nhân thứ nhất của luận này, đã nói là Cực minh liễu, cho nên biết duyên hiện tại mà được có Minh liễu", không phải năm Thức có duyên quá khứ mà trở lại được Minh liễu. Nhân thứ hai cùng với năm Thức đồng thời, đã duyên với năm Cảnh mà khởi ý, cho nên biết cũng duyên hiện tại. Nhân thứ ba có hai Y để nuôi dưỡng, là Nhãn thức có bốn Y căn, Ý thức có năm Y căn. Nhân thứ tư cùng với Nhãn đồng nhau. Nhân thứ năm là Gia tự (thêm căn của tự mình), đây là chỗ y của Ý thức, là hai chỗ y Tự căn và Nhãn căn nuôi dưỡng mới có thể duyên hiện tại. Nếu chỉ có nương vào một Tự y thì duyên Cảnh không rõ ràng, đây là căn cứ theo Tán loạn không phải Định cảnh, nhân theo Y nhãn này làm môn, nắm lấy Cảnh gọi là nuôi dưỡng, không phải đồng với Y căn của Nhãn thức mà gọi là nuôi dưỡng. Lại nữa, nếu như Thức thiện ác của Nhãn v.v... dấy khởi thì chắc chắn do Ý dẫn mới được, do Ý trợ giúp Nhãn thức mà được có thiện ác, mới biết Ý và Nhãn đồng duyên.

Luận: Trong giải thích tâm là Tương ưng cho nên nhiễm, nói: "Khi tâm sinh thì tự tánh thanh tịnh", đây là căn cứ theo Phi tự tánh nhiễm mà gọi là Thanh tịnh, vì không phải Vô lậu. Nghĩa Thanh tịnh đồng như trong kinh Thắng Man giải thích.

Luận: Trong giải thích ba loại Nhiễm não, nói: "Nhiễm não thứ nhất và thứ hai chỉ có cõi Dục trói buộc, Nhiễm não thứ ba thì trói buộc chung trong ba cõi. Nhiễm não thứ nhất là Bất thiện nghiệp và Nhiễm

não thứ hai là Ưu khổ, chỉ có cõi dưới mới có, nếu căn cứ theo quả thì chỉ có Khổ và Ưu, các Phiền não thì thuộc Nhiễm não thứ ba, thông với Xuất ly và Hỷ lạc trong nghiệp của ba cõi, đây là xuất gia, hoặc là pháp xuất gia, tức là Gia hạnh của Kiến đạo.

Luận: Trong giải thích Biến hành và Biệt cảnh thì các Thức và các môn phân riêng, như Cổ sao và Đối Pháp sao v.v... luận này thì lựa riêng năm Biến hành v.v... như Bản Địa phần giải thích.

Luận ghi: "Tại sao nghiệp là chỗ y của Thọ, Tưởng, Tư làm nghiệp, các luận khác như Đối Pháp v.v... chỗ y của Thọ, tại sao không nói Tưởng, Tư v.v... luận này và các luận kia khác nhau hay không"? Đây là căn cứ theo chỗ thông nhau mà luận, đều nương vào Xúc, tiếp theo Xúc là Tác ý sau đó mới sinh. Nếu căn cứ theo tướng tùy chuyển, tuy chỉ có Thọ, nhưng luận này căn cứ theo tướng tùy chuyển này mà không đặt thí dụ hay sao? Nhiếp Câu-xá luận quyển 1 giải thích: "Nguyên nhân Thọ do chỗ sinh của nghiệp Ái làm nghiệp", là cảnh giới Ái v.v... đều từ sau Thọ mà sinh.

Luận ghi: "Biệt cảnh có năm loại, do bốn Sự cảnh mà sinh", là Sở ái v.v... Sở ái là là chỗ y của Dục, Quyết định là chỗ y của Thắng giải, Quán tập là Cảnh của Niệm, Quán sát làm hai chỗ y, như luận nói.

Luận ghi: "Chỗ nhiếp của các Danh cùng với tâm tương ưng, các Uẩn pháp khác phải nói là khinh suất hay sao v.v...", đây là ý trung gian.

Hỏi: Là cho rằng các Tâm sở không tương ưng với các Uẩn khác hay sao, pháp này khi tâm khinh suất thì khởi hay là khi tâm quyết định thì khởi?

Đáp: Tùy theo tâm mà liền khởi.

Hỏi: Nhưng trong đây tại sao chỉ nói ba Tâm sở trước mà không nói Tâm sở thứ tư và thứ năm?

Đáp: Một là lược bỏ tiêu chuẩn cũng ở trong câu hỏi. Lại nữa, tâm tánh trước quyết định chỉ có Vô ký; Biến hành và Biệt cảnh thì không quyết định vì có loại thông với ba tánh, hoặc có được đồng thời khởi các Thiện phiền não khác v.v... Nếu khởi thiện tâm hoặc ác tâm thì phải cùng với pháp này đồng thời, đây là nghĩa Quyết định, còn Biến hành của nó v.v... không phải chỉ có một tánh Quyết định, trong đây chỉ hỏi Biến hành này cho nên chỉ hỏi ba Tâm sở trước, không hỏi hai Tâm sở sau. Trong đây sư Pháp lấy các môn, hoặc cương vị thứ tự dấy khởi là Tâm sở nào, hoặc Loạn sinh hay không Loạn sinh, hoặc thông với ba tánh v.v... hoặc lân cận thứ tự lâu xa, nghĩa như vậy cũng như quyển 1

sao. Tư tâm sở cũng có thể biết được.

Luận: Trong giải thích Tâm, Tâm sở sai biệt, mỗi mỗi đều nói: "Hỏi: Tại sao gọi là Tương ưng? Đáp: Do mỗi mỗi Sự v.v... Xứ v.v...", Sự là Thể, vì Thể đều là một, không có Thọ thứ hai v.v... Xứ là đồng với một Cảnh xứ mà chuyển. "Lại nữa, nương vào duyên Xứ v.v... Thời v.v...", là đồng một sát-na. "Sở tác v.v...", là đồng một nghiệp Sở tác của Nhất cảnh hạnh, cho nên biết duyên màu xanh thì chỉ là màu xanh. "Lại nữa, Sở tác của thiện ác và Vô ký, hỏi: Tại sao gọi là có Sở y? Đáp: Là do một chủng loại nương gá vào nhiều Sở y sai biệt mà chuyển v.v...", là Tâm sở đồng bậc với một chủng loại Thức nương gá vào Sở y, như Nhãn thức nương vào Nhãn căn, Tâm sở đồng thời cũng vậy, các Tâm sở còn lại căn cứ theo đây mà biết.

Ngoại đạo cũng đã hỏi vặn giải thích đó, vấn nạn rằng: Các pháp Hữu vi, pháp nào không có Sở y, tại sao tâm pháp v.v... riêng mình nó được tên?

Luận giải thích rằng: Tuy pháp Hữu vi không có Sở y, nhưng không phải chỗ nói nghĩa của Y trong đây, vì luận kia tự phân ra làm nhân, đều không phải là Hằng y. Lại nữa, tương ưng chung với Hữu pháp, không phải là Hằng y, chỉ có Hằng làm Sở y, vì làm Y lượng trong đây, Nhãn căn v.v... là sở hữu của Thức v.v... gọi là Hữu y, không phải các pháp khác. Hoặc nói Sở y, tức là sáu loại Thức nương vào nhiều căn Sở y, Thức năng y được tên là Hữu sở y, cho nên nói là Hằng y. Giải thích này là thù thắng.

Luận ghi: "Tại sao Bất khổ bất lạc mong Vô minh kia mà nói là tương đối lẫn nhau v.v...", một là do cùng với các Thọ làm Trợ bạn, là Xả thọ; tất cả Phiền não làm Trợ bạn, là Vô minh thọ; đối với Thọ làm Trợ bạn, là Phiền não đối với Phiền não. Vì làm Trợ bạn cho nên tương đối lẫn nhau. Lại nữa, Thọ cùng với Vô minh đều có thể làm Thọ, vì Phiền não làm Trợ bạn. Hai là tương đối mà nói, là lấy văn này làm chứng. Đệ tứ thiền trong Xả thọ, chiếu sáng chi Chánh tri nhưng không lập làm chi.

Luận ghi: "Tại sao kiến lập bốn Vô sắc uẩn là tương đồng với tánh Thiện và tánh Vô ký", là tất cả pháp đều thông với ba tánh, không có sai biệt, có cái chung và có cái không chung, trong bài tụng có chín môn, như văn có thể biết.

Luận ghi: "Thiện pháp có sáu Y xứ, là Quyết định v.v..." trở xuống, là giải thích môn thứ ba trong tụng, trong Tương ưng tự phân rõ. Lại nữa, trong bộ luận thứ nhất quyển 3, thì Thiện, Vô ký v.v... này

không phải là tất cả hay sao? Lại nữa, trong cuối quyển 60 nói, đối với mười cảnh mà sinh", xem văn đó cùng với văn này thì không đồng, đến sau sẽ tự biết. Nếu ở tại Bất định địa khi khởi thiện tâm, thì chắc chắn cùng với mười Tâm sở cùng khởi, nếu ở tại Định địa thì chắc chắn cùng với mười một Tâm sở đồng khởi. Nói rằng Khinh an chỉ khởi ở tại Định địa, thì lẽ nào không cùng với luận này trái nhau? Có nghĩa là căn cứ theo thật tất cả thời, ở tại Bất định địa mà khởi thiện tâm thì chắc chắn có mười Tâm sở, hoặc ở tại Định địa thì cùng với mười một Tâm sở là chính, các luận này v.v... căn cứ theo Tăng thượng thời mà được tên, không phải pháp nào khác, điều này không trái nhau.

Luận ghi: "Lại nữa, các thiện pháp lại do Gia hạnh lực v.v...", là thân hiện tại khởi Gia hạnh. "Do tự tánh v.v...", là thân đời trước có nhiều tập quán luyện tập thiện pháp này mà thiện căn tăng trưởng thù thắng không do Gia hạnh; Tập quán gọi là Tự tánh lực. "Điền sĩ lực", là ở trong ruộng công đức mà phát khởi, như cúng dường Phật v.v... "Hoặc do Thanh tịnh lực", là tất cả thiện tâm của hai cõi trên lìa Thể dục nhiễm. Thanh tịnh lìa dục, là Thể thanh tịnh, cho nên thiện của nó cũng thanh tịnh. Lại nữa, chỗ Hữu lậu và Vô lậu thiện tâm của Hữu học và Vô học đều gọi là Thanh tịnh lực.

Luận ghi: "Sáu thứ Tu sở thành còn lại", là Thí, Giới và Tu. Tu là bốn Vô lượng tâm, hiện tại luận này chỉ lấy Thắng tuệ, là bốn Vô lượng tu còn lại kia. Vô lậu định tuệ gọi là Giản trạch, Sự sở thành nhiếp hữu tình là Đại bi.

Luận ghi: "Hoặc có một loại Thiện, hoặc có mười loại Thiện v.v...", thứ nhất là một loại Thiện tổng quát do vô lượng nghĩa, trừ bất thiện ra, tất cả đều gọi là Thiện, thứ hai là Sinh đắc thiện v.v... thứ ba là tự tánh tương ưng v.v... mà khởi, cho đến đủ mười loại, đây là Thiện nghiệp đạo v.v... Có năm loại Thập thiện tăng số môn, như Bản Địa quyển 3. "Hoặc có đối trị tạp nhiễm", là Vô gián đạo. "Hoặc có Tạp nhiễm tĩnh tức", là Giải thoát đạo. "Hoặc trước là Vô lậu đạo, sau là Hữu lậu đạo, hoặc có tương tục thanh tịnh", là Luật nghi giới và Thiện sinh, cả căn cứ theo đây mà biết. Hoặc Thân sở y của Vô học thanh tịnh.

Luận ghi: "Có thể dứt tận sinh để làm thượng thủ trong chỗ nhiều khổ", đây là nói thiện này có thể dứt tận sinh, làm thượng thủ của các khổ. Lại nữa, Thượng thủ khổ, là Sinh khổ làm thượng thủ trong tám Khổ, vì thiện có thể dứt hết Sinh khổ, cho nên gọi là Tận sinh thượng thủ khổ. Lại nữa, lấy Sinh khổ là thượng thủ đầu tiên thì tất cả tám Khổ đều dứt hết.

Luận ghi: "Trong các Thiện đối trị có mười lăm loại, là Sở dục thú triền phược đối trị", là tất cả của phẩm tham. Phi sở dục thú là tất cả phẩm sân. Lại nữa, như đoạn văn dưới, thì "thứ nhất là trời người đáng vui thích không phải Sở dục", là ba nẻo ác và Phiền não là hai loại Hiện hành, Tùy miên tức là hai loại Chủng tử, Tán loạn thì Định tâm đối trị, can ngăn dạy bảo là Năng trị, vì can ngăn khiến cho không tạo ác, khiến cho ác suy yếu, gọi là Liệt, Chế phục, Đối trị v.v... bốn thứ trên gọi là Tổn hiện hành.

Luận ghi: "Phiền não có sáu Y xứ", như sáu Phiền não dưới đây, thứ tự mà phối hợp, như các văn của luận khác, thì không phải theo thứ tự này, tìm đọc văn thì có thể biết.

Luận: Trong giải thích Phiền não tương ưng, nói: "Vô minh cùng với tất cả tương ưng, với Nghi thì không có", như Đối Pháp quyển 6, thì Sân không cùng với Tham, Mạn và Kiến tương ưng, không nói Sân không cùng với Si tương ưng. Lại nữa, giải thích Sân, nói: "Như Sân và Nghi cũng vậy", cho nên biết văn của luận kia thì Sân cùng với Nghi tương ưng. "Không phải tất cả" trong đây, là căn cứ theo phần nhiều, luận kia thì căn cứ theo nghi lâu, đã chưa sinh Sân thì cùng với Si tương ưng. Luận này thì căn cứ theo thời gian ban đầu, luận kia thì căn cứ theo thời gian sau cùng; luận này căn cứ theo thô tướng, cho nên không tương ưng; luận kia căn cứ theo tế tướng, cho nên được tương ưng; luận kia căn cứ theo Chân thật lý môn, trong đây Tham và Sân tương phản cho nên không tương ưng, Tham cùng với các pháp còn lại tương ưng, luận kia cũng đồng điều đó; luận này thì Sân cùng với Mạn và Kiến tương ưng, Đối Pháp luận thì không thừa nhận, cho rằng Sân không cùng với Mạn và Kiến tương ưng, luận này căn cứ theo Chân thật lý môn, luận kia thì căn cứ theo Tùy thuận lý môn. Lại nữa, luận kia căn cứ theo tướng giận ghét mà nói, luận kia ghi: "Nếu đối với sự này mà khởi giận ghét, thì không đối với đời này tự đề cao và có thể suy cầu", không được tương ưng, nhưng luận này căn cứ theo hành tướng của Tế Thật lý, nếu là Mạn thì lúc đó vì suy cầu cho nên không tương ưng, nhưng luận này căn cứ theo hành tướng của Tế Thật lý, nếu là Mạn thì lúc đó suy cầu, lúc đó dung chứa giận ghét, cho nên được tương ưng, nhưng luận này căn cứ theo lý Đại thừa mà nói thì không trái nhau. Lại nữa, giải thích văn này ngay tại Tham kia mà nói, "như tham sân cũng vậy", là Sân không cùng với Mạn và Kiến tương ưng. Nói "cũng vậy", là không phải cũng chính cái Tham đó cùng với Mạn và Kiến tương ưng, nhưng cũng là Sân không cùng với Tham tương ưng. Luận này ghi: "Nhiễm ái giận

ghét cũng vậy”, là không cho rằng Sân cũng là Tham, được cùng với Mạn tương ưng, như Tham thì không cùng với Sân tương ưng, cũng là Sân không cùng với Tham tương ưng, như luận kia thì đồng, tức là Sân không cùng với Mạn và Kiến tương ưng, nhưng giải thích trước là thù thắng, các văn luận khác thì đồng với luận này. Nhưng trong đây, tánh của Tham và Sân tương phản nhau, nghịch và thuận không tương ưng, nghịch thuận mà trái nhau ưa thích tội lỗi thì Sân đồng dấy khởi, ưa thích thông với mừng vui, không đồng với Sân tham. Như dưới đây quyển 58 ghi: “Năm Kiến không tương ưng lẫn nhau, vì tự tánh không tương ưng, vì Tham, Khuể, Mạn và Nghi lại càng không trái nhau, không tương ưng lẫn nhau”, đều nêu ra lý do, tức là văn trong ba chỗ này không đồng với luận kia. Căn cứ theo hành tướng thô thì Tùy chuyển lý môn cũng không trái nhau.

Luận ghi: “Là chỗ Phiền não của An túc xứ”, là năm mươi lăm tuổi trở đi thì căn đã thuần thục, tánh nhiều thượng phẩm. Không phải xứ Gia hạnh phiền não, là không thể khởi Phiền não xứ, là không thể khởi Gia hạnh xứ, mà khởi Phiền não, tức là đối với Tam bảo, khắp nơi đều khởi các phiền não, tánh nhiều thượng phẩm.

Luận: Trong giải thích Tham, nói: “Là đối với tự mình thọ dụng cảnh giới quá khứ”, là cảnh giới thượng diệu của quá khứ, nghĩa Phú tâm thù thắng cho nên gọi là Cái, nghĩa của Tham cái và Phú tương đồng. Có ái và không có ái, tức là hai thứ Kiến tham của Thường và Đoạn.

Luận ghi: “Sự của Sân có mười loại v.v...”, cho đến “nương vào sáu sự trước mà lập chín Não sự”, là lấy ba loại trước là ba đời trải qua, trong mỗi mỗi đời đều có ba loại bản thân mình, oán thù và thân thích, ba đời hợp lại thì có chín Não hại. “Duyên tất cả Sân kia, đều gọi là hữu tình, ngoài ra thì gọi là cảnh giới Sân, hoặc Bất nhẫn làm đầu, thì cũng là Hữu tình sân, hoặc Túc tập sân, hoặc Kiến sân”, là sáu loại trước đáng lẽ không phải là sự hại tổng quát, vì chỉ duyên hữu tình mà khởi, cho nên gọi là duyên tất cả Sân kia, đều gọi là Hữu tình sân, dưới đó bốn loại chính khi khởi Sân thì trên cảnh giới mà khởi, vì chỉ duyên hữu tình mà khởi Sân, tức là sáu loại trước nhiếp hết, cho nên ngoài ra đều là cảnh giới Sân. Trong bốn loại dưới, trừ Tật đố ra, hoặc trước hết là hữu tình không nhẫn nhịn mà đối với cảnh giới khởi Sân, thì gọi là hữu tình Sân, do đời trước không nhẫn nhịn cho nên cũng gọi là Túc tập sân, và gọi là Kiến sân. Nguyên nhân không luận Tật đố của nó, là vì duyên cảnh giới mà sinh, là nhân duyên chủ yếu của đời trước, hoặc do nghe

các sự cảnh của lợi dưỡng, cho đến chủng tộc v.v... mà sinh Sân, không phải luận trong đây. Lại nữa, sáu loại và chín loại Não hại trước tổng gọi là hữu tình, trừ các loại này ra, duyên sơn hà đại địa mà nổi Sân thì gọi là cảnh giới Sân thứ bảy, duyên sự Tật đố thứ tám mà sinh Sân thì gọi là nghe lợi dưỡng v.v... cũng có hữu tình Sân nhiếp, trong đây do tập quen cảnh mà thấy cũng gọi là Kiến sân. Nếu không như thế thì Túc tập sân loại thứ chín thông với chín loại khác. Mười loại này có ba vị, bảy loại là hữu tình Sân, một loại là cảnh giới Sân, một loại là Kiến sân, còn Túc tập sân thì thông với cả ba loại.

Luận: Trong giải thích Vô minh, nói: "Nương vào bảy sự mà khởi bảy thứ Vô tri", hoặc là có mười chín loại. "Bảy sự của nó trong môn thứ nhất khởi ba Vô tri", là ba đời Vô tri; "sự thứ hai cũng có ba loại", là sáu Xứ trong Ngã, Xứ ngoài Ngã và đồng thời khởi, đều cho là Ngã. "Đối với sự thứ ba cũng có ba loại", là đối với nghiệp, một là Báo, hai là Câu và ba là Chủng tử vô tri. Do mê nghiệp mà khởi tạo tác là Vô tri, do mê Báo mà khởi Thọ là Vô tri, do Câu cho nên khởi Vô nhân vô tri và Ác nhân vô tri. Luận này cùng với Bản Địa quyển 9 khác nhau. "Sự thứ tư có ba loại", là Tam bảo. "Sự thứ năm có bốn loại", là bốn Đế. "Sự thứ sáu có hai loại", là mê nhân Tạp nhiễm, cho nên Tác giả, Thọ giả, Sĩ phu v.v... bị ngu mê, các Hành là Thọ giả v.v... thì Tưởng thanh tịnh mà khởi Dục và Giải hạnh. "Sự thứ bảy có một loại", là sáu Xúc xứ. Như thật thông đạt Tăng thượng mạn, như văn thì có mười chín loại, phân riêng mười chín loại cũng như trong văn, là có bảy cảnh giới Vô tri v.v... Xem Bản Địa quyển 9 có đủ bảy Vô tri, mười chín Vô tri thì nhiếp lẫn nhau v.v...

Luận ghi: "Kiến nương vào hai sự: một là Tăng ích sự có bốn loại, trừ Tà kiến v.v... Hai là theo thứ tự mà phối hợp", là Thân kiến, Biên kiến và Kiến thủ. "Thứ ba gọi là Tăng thượng sinh phương tiện tăng ích", là kế chấp cõi trên sinh, Kiến thủ là Phương tiện kia, cho là Vô tưởng định v.v... là Niết-bàn; Giới thủ là Phương tiện kia, trong Đại thừa cho là giới cấm thân ác và ngữ ác. Như kế chấp Trư giới, Kê giới v.v... gọi là Giới. Không phải Thắng kiến cho là Thắng kiến, vì duyên Kiến mà sinh cho nên gọi là Kiến thủ, không đồng với luận của Tiểu thừa. "Tổn giảm sự có bốn loại", trong hủy báng nhân nói: "Là người không có bố thí v.v... cho đến không có diệu hạnh ác hạnh v.v...", như Đối Pháp. Trong luận này có năm loại, là bố thí, ái lạc, cúng tế, diệu hạnh, ác hạnh. Trong hủy báng quả, đồng với trong hủy báng tác dụng, Đối Pháp luận ghi: "Cho rằng không có thế gian này, không có thế gian

kia, không có mẹ không có cha, không có hữu tình hóa sinh, gọi là hủy báng tác dụng”. Trong đây có ba đoạn văn kết:

1. Hủy báng qua lại trong đời khác có tác dụng, tức là thế gian này và thế gian kia.

2. Hủy báng gìn giữ chủng tử tác dụng, tức là cha mẹ.

3. Hủy báng tương tục tác dụng, tức là hữu tình hóa sinh trong đây.

Luận này trong giải thích Sĩ phu dụng có bốn loại, nói: “Một là qua lại, hai là gìn giữ thai v.v...”, văn luận này khai cha mẹ làm hai loại, luận kia thì làm một loại. Nương vào hai Kiến mà sinh sáu mươi hai Kiến, như Đối Pháp, Trường A-hàm, Phạm Võng v.v... nói như Bản Địa quyển 8.

Luận ghi: “Phiền não sai biệt có mười lăm loại”, như trong Thiện ở trước có mười lăm loại, thứ tự mà phối hợp, đều là nương vào một nghĩa tăng thượng mà đặt tên, không phải khắc chế Thể, như Nội môn gọi là Yếm hoạn, Kiến đạo gọi là Trì, Tu đạo gọi là Viễn phần đạo v.v...

Luận ghi: “Trong tương ưng của Tùy phiền não”, như Biệt sao nói: “Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Vong niệm, Tán loạn và Ác tuệ, sáu loại này cùng với tất cả tâm nhiễm ô tương ưng”. Đối Pháp quyển 6 ghi: “Hôn trầm, Trạo cử, Bất tín, Giải đãi và Phóng dật, năm loại này trong tất cả nhiễm ô phẩm hằng cùng chung tương ưng”. Như văn luận này cuối quyển 58 ghi: “Y theo văn dưới đây, lại thêm như Hôn trầm, Trạo cử, Tà dục Tà thắng giải là mười loại, cùng với tất cả Nhiễm tâm đồng thời khởi”. Tại sao ba thứ này trái nhau? Có một thuyết giải thích rằng: “Quyển 55, cùng với Đối Pháp quyển 5, quyển 6, và mười loại trong văn dưới đây không đồng”, văn của luận này căn cứ theo năm Căn như Tín v.v... và trong Thiện lật ngược lại mà ra, thì nói tương ưng, cho nên năm loại Bất tín v.v... và Phóng dật nữa là sáu loại, nói là đồng thời Nhiễm phẩm, hai pháp Trầm và Trạo của nó tuy hằng thông với Định tuệ có chướng, sinh ra thô tướng trái với pháp, Hôn trầm thì thấp, Trạo cử thì cao, không phải ở trong Thiện lật ngược lại. Văn của luận này có sáu loại, ba loại đồng với Đối Pháp, ba loại thì không đồng, không có Trầm, Trạo kia thì trong văn đó có mười loại. Tà dục, Tà thắng giải, căn cứ trong một phần Biệt cảnh trở lại, cho nên Xứ này không luận. Xứ này chỉ có mười hai Tùy hoặc, vì không có Dục và Giải.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao nói ba pháp Vọng niệm, Tán loạn và Ác tuệ cùng với các tâm khác đồng thời với Biệt cảnh này?

Đáp: Ba pháp này thông với Phần của Biệt cảnh, cũng đáng lẽ là

Si, vì Thoái bổn phần (lui bổn phận), văn dưới ghi: "Vong niệm, Tán loạn và Ác tuệ, là Si phần", cho nên cũng nói tương ưng.

Hỏi: Nếu như thế thì văn dưới, Phú, Cuống, Siểm, Miên và Ác tác là Si phần, tại sao không nói tương ưng?

Đáp: Vì phân biệt cảnh mà sinh, cho nên ba loại này phải duyên riêng cảnh nhiễm ô mà sinh, cho nên không nói đồng thời khởi. Dục và Giải cũng vậy, có hai phần đồng thời, nhưng trong đây không luận, cho nên hoàn toàn không có Dục và Giải, là trong đây chỉ có sáu loại, Đối Pháp có năm loại, Bất tín v.v... ba loại, đồng với giải thích của luận này. Nhưng hai pháp Trầm và Trạo, tướng thô và tế trái nhau, luận này không nói. Đối Pháp phỏng theo Định và Tuệ đồng thời khởi, vì chỗ bị chướng đồng thời, vi tế của nó có thể chướng ngại, cũng là Thể được đồng thời sinh, cho nên nói Trầm và Trạo đó. Nhưng ba pháp Vong niệm, Tán loạn và Ác tuệ kia, thì luận kia là Phần của Biệt cảnh, cho nên luận kia không nói, luận kia cũng không có Tà dục, Tà thắng giải, chỉ lập hai mươi Tùy hoặc, cho nên không có hai pháp Dục và Giải. "Chỉ có hai mươi Tùy hoặc", như trước đã giải thích.

1. Trên đây một là giải thích rằng: Nếu Nhiễm tâm đồng thời, cũng như văn sau là lấy mười pháp làm Định, vì do nghĩa trước cho nên các luận hoặc là có sáu loại, hoặc có năm loại. Lại nữa, giải thích văn dưới, tuy nói cùng với mười pháp đồng thời, nhưng chưa chắc đồng thời tất cả. Như thế nào là Dục duyên Hy vọng đối với vị lai? Dục duyên với tập quán quá khứ. Như thế nào là hai pháp có thể được cùng sinh khởi? Tướng của Trầm thì chìm xuống, tướng của Trạo thì cử cao lên, hai pháp trái nhau. Như thế nào là cùng sinh khởi? Bốn pháp Dục, Giải, Trầm và Trạo đã không được cùng sinh khởi, căn cứ theo luận này ghi: "Chỉ có sáu pháp là thù thắng, vì cần phải cùng sinh". Tạp Tập luận cũng vậy, chưa chắc cùng sinh. Chỗ chướng Định và Tuệ đồng thời, thì Trầm và Trạo nói là đồng thời khởi; chỗ lật ngược lại Thiện nhiễm, đã cùng là Bất tín v.v... ba pháp, nói đồng thời chỗ chướng là chỗ lật ngược lại với hiện tại đồng thời, cho nên nói có năm pháp, nhưng thật ra chưa chắc là cùng sinh, sáu đoạn văn này là quyết định. "Còn lại mười lăm loại", mỗi mỗi đều căn cứ theo nghĩa riêng, giải thích này là thù thắng. "Thùy miên và Ác tác cũng là Thiện bất thiện v.v... ba tánh tương ưng", đây là thông với ba tánh. "Là Si phần", thì trong Triền đã nói. "Chỉ có ba tánh là nói Si phần, ngoài ra thì không tương ưng", như Phẫn, Hận ở trước.

Hỏi: Duyên với Cộng trụ sự mà sinh khởi, không tương ưng hay

sao?

Đáp: Sự cảnh tuy đồng, nhưng quá khứ và hiện tại khởi riêng, cho đến ngoài tất cả như chỗ thích ứng, các loại này như quyển 58 nói.

2. Hai là Xứ khởi Tùy não v.v... văn này phần lớn khác nhau, hãy xem nó.

Luận: Trong giải thích Giả và Thật của Tùy hoặc, nói: "Bốn pháp Vô tàm, Vô quý, Bất tín và Giải đãi là thật có", như Đối Pháp thì Phẫn v.v... đều là giả có, tại sao trái nhau? Một là giải thích rằng: Luận kia căn cứ theo tổng mà nói, nói rằng Phẫn v.v... đều là giả, luận này căn cứ theo thật mà luận, cho nên bốn pháp là thật. Lại nữa, Giả hữu có nhiều đầu mối, hoặc không có Thể gọi là giả, như Phẫn v.v... hoặc có Thể nhưng riêng từ Chủng tử sinh, tướng chủ yếu là nương vào pháp của Tham, Sân v.v... mà khởi gọi là giả, như Vô tàm v.v... trong luận này, luận kia căn cứ theo tướng nương vào mà khởi, cho nên ở tại Giả môn, luận căn cứ theo riêng có nghĩa Chủng tử, chỗ này đáng lẽ có vấn nạn, là hai thứ Vô tàm, Vô quý, tất cả bất thiện tâm đều có, chút ít có thể như vậy.

Hỏi: Bất tín v.v... cũng lật ngược trong thiện mà ra, như thế nào mà Bất tín, Giải đãi v.v... là thật? Lẽ nào lật ngược trong thiện mà ra thì thật có hay sao? Trong Biệt cảnh v.v... mà ra thì tại sao không thật?

Đáp: Như luận này, các pháp Biệt cảnh v.v... của nó thông với ba tánh, trong đây tuy có các Tùy phiền não như nhiễm ô, bất thiện v.v... nhưng vẫn là tánh bất thiện trong Biệt cảnh v.v... Tín trong Thiện này; Tà tín trong Tùy phiền não, là Tinh tấn trong Thiện và Giải đãi. Tùy hoặc là một phần của pháp nào đó, cho nên biết lật ngược trong Thiện mà ra đều là thật có.

Hỏi: Nếu như thế thì Phóng dật thông như thế nào?

Đáp: Phóng dật trong Căn bản thiện thì cũng là Giả, huống chi là Phóng dật trong bất thiện.

Luận ghi: "Tầm tứ hai loại Phát ngữ ngôn tâm tâm gia hạnh phần", hai loại có thể phát ngữ ngôn, là Tư tâm sở. Đây là một phần của Tư, gọi là Phát ngữ ngôn tâm gia hạnh phần hay sao? Đối Pháp gọi là Suy độ vị và Bất suy độ vị, trong luận này cũng như Đối Pháp, đáng lẽ là trong Phần của Tham v.v... đáng lẽ có trái nhau, hãy xem nó. Ấn Độ lại có lập ra "thật có" khác, trong đây sư Pháp không nói, như Đối Pháp và Cổ Sao, hãy tìm nó, như Biệt sao.

Luận: Trong giải thích các Vô ký, nói: "Là chỗ dẫn sinh của nghiệp", là Dị thục vô ký đã sinh rồi, hoặc đi đứng là Uy nghi, hoặc Dưỡng

mạng là Công xảo, y theo chỗ nuôi sống mạng này mà nói mạng gọi là Dưỡng mạng. “Tam-ma-địa sai biệt”, là Biến hóa tâm có Dị thục sinh khởi, Hóa tâm thông với ba tánh, không phải trong Tam-ma-địa này nhiếp, chỉ là môn thứ nhất, trong Dị thục vô ký nhiếp, thật tế mà luận thì cả bốn thứ đều thông với ba tánh. Nếu là Dị thục sinh thì căn cứ theo Tổng báo mà luận, nói: “Dị thục sinh, dưới Uẩn có ba loại”, vì có tướng lựa riêng với Dị. Nói rằng: “Như Trung dung v.v... nói là lựa riêng với nó (Dị thục sinh)

Luận: Trong Vô ký, nói: “Là Uy nghi và Công xảo, hoặc trong một thời mà triển chuyển tương ưng”, như trong Giả thật dưới đó ghi: “Vô ký tâm trên tâm Dị thục sinh, giả lập là có”, đây là ba loại Vô ký, không nói cùng với Dị thục tâm tương ưng hay sao? Trong đây có nghĩa là, hoặc một tâm của Uy nghi và Công xảo phát khởi hai cảnh, hoặc tâm của Dị thục thiết lập ba loại Vô ký, thì không phải như vậy, vì không lìa nhau.

Luận: Trong Giả thật nói: “Như Biệt sao, đối với chỗ nhiếp các Uẩn của Dị thục”, là Tâm, Tâm sở pháp v.v... đồng thời, như Thức thứ tám đồng thời với các Tâm sở v.v... “Và trong tâm Gia hạnh sai biệt mà thi thiết”, là Dị thục tâm mặc tình tùy ý sinh pháp, không phải Gia hạnh riêng biệt, hoặc tâm của ba loại Vô ký gia hạnh phát khởi, cho nên nói là Gia hạnh tâm, vì trên tâm Dị thục sinh mà giả thiết lập, cho nên là giả có.

Hỏi: Nếu như thế tức là Vô ký tâm, không phải riêng có Thể; có tâm Dị thục sinh là mặc tình tùy ý, thì đây cũng là Vô ký, cũng là Gia hạnh, tại sao trên giả mà thiết lập?

Đáp: Vì là một loại Chủng tử danh ngôn, cho nên ba thứ Giả còn lại lìa Dị thục, ngoài Chủng tử danh ngôn còn lại ba thứ tâm Vô ký thì không riêng Chủng tử mà sinh. Uy nghi v.v... bốn Trần, trên năm Trần của Dị thục mà thi thiết, cho nên nói là Giả.

Hỏi: Lại nữa, trong thân nghiệp có Hương v.v... không phải là Thể của thân nghiệp, tại sao trong Uy nghi v.v... có bốn Trần, cho đến đều là Thể của thân nghiệp kia?

Đáp: Nếu thân nghiệp gọi là Hữu biểu, thì chỉ có Sắc mới có thể như vậy, Hương v.v... thì không có biểu thị, Sắc thì không phải tướng Minh lợi, Hương v.v... thì ám muội cho nên không phải, trong Uy nghi giới đó, đều là tâm dẫn sinh, không giống như thân nghiệp đồng thời có Hương v.v... không phải tâm dẫn sinh, không đặt làm thí dụ, là giải thích Đại Nghĩa nói: “Bồ-tát và Như Lai mỗi mỗi là một, đều có Lợi

đó là Thiện, ba người còn lại mỗi mỗi là hai, tức là ba người mỗi mỗi có hai thì là sáu loại. Bồ-tát và Phật mỗi mỗi lực đều là một cho nên có tám loại. Trong Biến hóa sai biệt ghi: "Dị sinh Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và Như Lai sai biệt, vì đùa vui, vì lợi tha mà thân ngữ biến hóa sai biệt, cho nên có tám loại", tức là hợp chung Thanh văn và Độc giác làm một, vì biến hóa nghiệp v.v... mà khởi, không phải người nào khác, bốn người này cũng khai làm hai loại, là hợp chung Bồ-tát và Phật làm một, vì Nhân quả tuy khác hành tướng, nhưng trong bốn người này, đều có hai loại, cho nên thành ra tám loại. Những gì là hai? Như luận, vì đùa vui, cho nên biến hóa. Tuy có Thiện và Vô ký không đồng, nhưng đều là biến hóa, cho nên thành tám loại. Bốn người này đều có Biến hóa thân ngữ, cho nên phân làm tám loại.

Hỏi: Nếu lấy giải thích trước thì như thế nào Dị sinh là Thiện sự biến hóa mà hóa tâm thiện?

Đáp: Nếu lấy giải thích sau, thì luận nói rằng có ý vì đùa vui, vì lợi tha, muốn lựa riêng với Thiện và Vô ký thì phân riêng làm tám loại, cho nên không được lấy giải thích sau cho là thù thắng. Như trước đã giải thích Dị sinh là Thiện hóa tâm, đâu có nạn hại gì, cho nên lấy giải thích trước, thuận với văn của luận đó làm thù thắng.

Hỏi: Nếu như thế thì Như Lai như thế nào mà có Vô ký tâm?

Đáp: Cho nên biết giải thích thân ngữ sau là thù thắng, vì vui đùa, vì lợi tha, không nên phân riêng Bất thiện và Vô ký, chỉ nên nói là do Lợi tha v.v... cho nên đều có Thân Ngữ, Thân và Ngữ làm hai loại. Lại nữa, có tám loại, là Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát mỗi mỗi có hai loại, là Vô ký và Thiện, Như Lai thì chỉ có Thiện, Dị sinh thì chỉ có Vô ký, cho nên có sáu loại. Lại nữa, Dị thục sinh xưa nay là Vô ký, cứ mặc tình tùy ý mà thù đáp nhân quả. "Hai người có ba loại có thể được", là Uy nghi và Công xảo thông với ba tánh. "Một người có hai loại", là Biến hóa tâm thông với hai tánh.

Luận: Giải thích trong Khổ đế có bốn hạnh quán, nói: "Là Dục đối trị bốn Đảo", là một Hạnh đối trị thứ nhất. "Một hạnh thứ nhất", là Khổ trừ bỏ Lạc. "Vô thường đối trị có hai loại", là chấp thân tịnh và tâm thường. "Hai hạnh đối trị sau", là Không và Vô ngã đối trị chấp Ngã. Lại nữa, Vô thường, một Hạnh thứ nhất đối trị tâm Thường, Khổ trị Thân lạc tịnh và Thọ lạc đảo, ngoài ra thì đồng như trên. Luận này cùng với quyển trước trong thứ tự của bốn Đảo khác nhau, tại sao Khổ hạnh đối trị hai Đảo? Vì Kiến thủ và Giới thủ, ngoại đạo chấp là Tịnh nhân thù thắng, trên đó mà khởi tham, quyển 8 trước thì hai Đảo này

đồng thời với tham, vì trừ hai Đảo này, đó là nguyên nhân khiến cho một Khổ hạnh trừ Lạc tịnh, tức là Kiến thủ và Giới thủ. “Vì đối trị bốn Cảnh mà tập hợp bốn Hạnh”, đây là Tổng đối trị, không phải Biệt đối trị, dưới Đạo đế và Diệt đế, cứ như vậy mà biết.

Luận ghi: “Như Thanh văn địa đã nói mười loại Hành tướng v.v... của Hoại v.v...”, là như Thanh văn địa. “Chưa nói mười Hành tướng”, không phải trong đây phân tích. “Pháp Vô sở đắc”, là chỉ có căn, chỉ có cảnh giới là Sắc uẩn này, chỉ có chỗ sinh Thọ kia lãnh thọ Uẩn, chỉ có chỗ sinh tâm Thức uẩn kia, chỉ có kế chấp Ngã và Ngã tướng, và Tưởng uẩn của Ngôn thuyết hý luận trong câu thứ bảy. Khi Tưởng khởi Vọng kế chấp Ngã, thì rất có thể vọng chấp hình tượng. “Chỉ có kế chấp Ngã và Ngã kiến”, đây là Hành uẩn.

Luận ghi: “Không phải chỉ có biến hoại rồi mới lìa Ưu, tuy gặp lại biến hoại kia nhưng không bị hại”, là Lạc thọ không phải chỉ có khi biến hoại rồi gọi là Khổ, tức là Lạc thọ biến hoại, và chỗ sinh Ưu là Hoại khổ, cho nên quả thứ ba trở đi là lìa Ưu. Tuy gặp lại sự biến hoại kia nhưng không bị tổn hại, vì không có Ưu, cho nên biết Hoại khổ thông với hai loại: một là Lạc thọ tự tánh, hai là Lạc thọ khi biến hoại. Đó là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích bảy Khổ nhiếp ba Khổ, đoạn văn thứ nhất đồng với luận khác. “Lại nữa” thứ hai ghi: “Bảy Khổ đầu thuộc Khổ nhiếp, Thế Tôn cùng biết, chỗ trị các Khổ kia là chỗ khởi tham v.v... đối với Cảnh tịnh diệu, vì là Hoại khổ. Dẫn tuy là nhập vào Biến hoại tâm, tức là đối với Cảnh khởi tham, tham kia tham đây chỉ có một, khi biến hoại thì gọi là Khổ. Lại nữa, nói là do Tham cái, là lãnh thọ chỗ sinh các Ưu khổ của tâm kia, Ưu khổ tức là Hoại khổ. Như Thanh văn địa ở trước cũng có hai giải thích, là không trái nhau.

Luận ghi: “Hỏi: trong đây Hạnh nào nhiếp Khổ nào”, tức là lấy tám Khổ làm Hạnh mà nhiếp bốn Khổ, như văn thứ tự mà phối hợp. “Lấy Khổ gọi là Hạnh”, vì đều là sinh diệt, không phải là tên chung, như vậy tức là lấy ba Khổ nhiếp bốn Khổ. Căn cứ theo đây mà biết bốn Hạnh của Tập đế, phải biết là sinh. “Quả này sai biệt”, đây là đời hiện tại, không phải một đời khác. Lại nữa, tư duy văn ẩn sâu kín mà riêng sinh ra chút ít khó khăn.

Luận ghi: “Lại nữa, mười sáu Hạnh này có bao nhiêu Không hanh v.v...”, trong đây bao gồm Hiển Dương và Đối Pháp, có năm đoạn văn không đồng: một là Không Nhiếp, hai là Vô nguyện, nhiếp sáu Vô tướng, nhiếp bốn Đạo, bốn Hạnh, tổng không nhiếp đoạn văn này. Một

là Không Nhiếp, hai là Vô nguyện, nhiếp sáu Vô tướng, nhiếp tám Hạnh diệt và Đạo, nhiếp ba Không, như Hiển Dương, ngoài ra đều đồng với luận này, như Đối Pháp sao. Bốn loại còn lại có trong văn sau, lấy mười Trí nhiếp ba Không, lây Không nhiếp tám Trí, trừ Thế tục và Tha tâm thuộc Vô nguyện nhiếp, sáu Trí thuộc Vô tướng nhiếp, năm Trí không thì phỏng theo Đoạn hoặc, quán Không, Vô ngã thì thông với bốn Đế, năm Vô nguyện v.v... thì phỏng theo Tướng, Kiến đạo thuộc mười sáu Hành tướng nhiếp có thể biết, đến Hành xứ thì hiểu. Quyển 69 nói: “Lại nữa, giải thích căn cứ theo Giải thoát môn trong năm pháp, nói là Sắc v.v...”, như Đối Pháp, tức là nói nghĩa của mười sáu Hạnh đều là ba Giải thoát môn, có sáu đoạn văn không đồng.

Luận ghi: “Hỏi: Chủ yếu phải do Vô thường tưởng mới có thể trụ Vô ngã tưởng, tại sao trong đây trước hết nói Không hạnh v.v...”, đây là hỏi trước Kiến đạo.

Hỏi: Trước là Vô thường cho nên Khổ, vì Khổ cho nên Vô ngã, vì Vô ngã cho nên Không, tại sao luận này nói trước hết là Không, Vô thường?

Đáp: Nếu như từ Kiến đạo trở về trước, thì giống như chỗ nói, là Vô thường làm đầu, nếu nhập Chân quán thì Vô thường không khắp, tất cả Chân quán không khởi, chỉ khởi Không v.v... sau đó nhập tướng Kiến đạo, từ Không trước thứ tự cho đến đối với Vô thường quán, Kiến đạo về trước thì Vô thường làm đầu, khi nhập Kiến đạo rồi thì Không hạnh làm đầu, không trái nhau, như đạo lý tiêu chuẩn của các luận khác.

Luận ghi: “Bốn Đế nói thứ tự”, là do Khổ đế này cho nên Khổ. “Cùng tột này làm đầu”, là do bức bách cho nên Khổ, Khổ đế làm đầu. Như Tập đế cho nên Khổ, vì có nhân cho nên có quả. Do chứng Diệt cho nên Lạc, như Diệt thì rất Lạc cho nên Đạo, ngoài ra đều có thể biết.

Luận ghi: “Đạo đế có thể là thành ba nghĩa”, tức là ba nghĩa: Tri khổ, Đoạn tập và Chứng diệt.

Luận ghi: “Hỏi: Như vậy bốn Đế làm Thế tục đế hay làm Thắng nghĩa đế? Đáp: Làm Thắng nghĩa đế”, ý của câu đáp này chính là Diệt đế và Đạo đế, mới là Thắng nghĩa. Khổ đế và Tập đế thì do tướng Khổ kia mà ba Thọ đều là Hành khổ, vì Nhất vị khổ cho nên là Thắng nghĩa đế. Nếu sai biệt mà nói thì Khổ thọ là Khổ đế, còn lại là Tập đế v.v... không phải tự tánh sai biệt, cho nên gọi là Thế tục đế, là ý đáp trong đây. Thế tục đế như quyển 74 có bốn loại:

1. Thế tục Thế tục đế, là như nói giường, ngồi, quân lính, rừng,

bình v.v... gọi là Thế sự.

2. Đạo lý thế tục, là đạo lý thế tục của Uẩn, Giới, Xứ v.v...

3. Chứng đắc thế tục, là bốn quả Sa-môn.

4. Thắng nghĩa thế tục, là nói người Vô ngã, Chân như v.v...

Hiện tại trong luận này phỏng theo đạo lý thế tục, là Thế tục đế, vì tự tánh sai biệt, lấy đây làm chuẩn mà biết. Thắng nghĩa đạo đế của Ấn Độ cũng có bốn nghĩa:

1. Thế tục thắng nghĩa, là tất cả làm tướng của Hành khổ.

2. Đạo lý thắng nghĩa đế, là đạo lý của Uẩn v.v... không phải Chân như.

3. Chứng đắc Thắng nghĩa, là bốn quả Sa-môn.

4. Thắng nghĩa thắng nghĩa, là nhập Nhất vị Chân như của Chân quán.

Trong đây là phỏng theo Thế tục thắng nghĩa, như trước đã nói, dưới đây cũng có văn.

Luận ghi: "Hỏi: Đế hiện quán có mấy loại v.v...", cho đến "Cộng hữu pháp kia v.v... gọi đó là Hiện quán v.v...", sư Pháp nói: "Trong các Đế quyết định Trí tuệ, là Tư hiện quán, và nhân kia", là Hữu lậu kiến đạo trở về trước là Tín. "Tương ưng kia", là Vô lậu tín. "Cộng hữu kia", là Giới hiện quán.

Hỏi: Nếu làm giải thích này, thì giải thích Hiện quán chưa tận. Lại nữa, văn trong đây: "Và nhân kia", tức là nhân đối với Đế quyết định, lẽ nào là Nhân vô lậu hay sao? Nếu như thế Cộng hữu kia, thì kia đó là ai?

Luận này riêng giải thích rằng: "Trí tuệ quyết định tức là ba loại Trí đế, Biên cứu cánh và Hiện quán, vì đều duyên Đế mà sinh. "Và nhân kia", tức là Tư hiện quán, vì là nhân của Trí đế. Hoặc theo Thắng Quân thì nhân này là chánh nhân của Khổ pháp nhẫn v.v... Hộ Pháp thì đồng giải thích trong các hội, căn cứ theo đó mà biết. "Tương ưng kia", là Vô lậu tín quán, đều là Tâm và Tâm sở pháp, vì nương vào Đẳng đẳng cho nên gọi là Tự tương ưng. Căn cứ theo Vô lậu thắng thì bỏ riêng Hữu lậu tín ra không luận. "Cộng hữu pháp", là Giới hiện quán, quán này chỉ gọi là Cộng hữu nhân kia.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao trước đã nói Trí đế v.v...?

Trong đây là hỏi Đế hiện quán có bao nhiêu, đây là chánh đáp: Hiện quán do duyên Đế là Trí đế và Biên cứu cánh, ngoài ra không phải là chánh Hiện quán, hoặc là nhân của Tư hiện quán cho nên gọi là Hiện quán, Tín từ Tương ưng mà được tên là Hiện quán, Giới là Cộng

hữu cho nên gọi là Hiện quán, không phải chánh Hiện quán. Luận này vừa thứ tự và không thứ tự mà đáp, ban đầu nêu ra Thể của Hiện quán, như văn trong các luận khác, trước thuyết minh "Tư, Tín v.v...", là Vị và Địa phân đồng cho nên Tư và Tín bất đồng. Trong đây sáu Hiện quán, như văn dưới sẽ tự phân tích rộng, cùng với mười Hiện quán của Đối Pháp luận quyển 13 nhiếp nhau, cho nên văn dưới luận rằng: "Là chỗ ba loại Tịnh tín của Tam bảo, vì đối với thật nghĩa đã quyết định, và do Văn làm thành Quyết định trí tuệ, hoặc theo thật tế thì Tín này thông với Lậu và Vô lậu, trong đây căn cứ theo Vô lậu thù thắng mà nói. Làm sao biết được? Vì trong Hữu lậu nói là Văn tuệ, trước Tư tuệ thì mới bắt đầu duyên giáo, vì phải trước Văn tuệ cho nên trong đây bỏ qua Hữu lậu mà luận về Văn tuệ.

Hỏi: Nếu như thế thì Văn tuệ tại sao không lập riêng?

Đáp: Nếu căn cứ theo ban đầu mới duyên Đế thật thì Tín đứng đầu trong Đạo, tức là ứng dụng của Tín tăng trưởng; sự chọn lựa pháp là thù thắng, tức là Tư thù thắng. Căn cứ theo Tín và Tư, thì Văn tuệ nhiếp trong Tín, Tu tuệ thì thông với Hữu lậu và Vô lậu. Thù thắng là Trí đế v.v... nhiếp. Hữu lậu như như thế nào mà nói cũng như Văn tuệ? Vì Dụng không phải tăng trưởng, cho nên cũng ở trong Tín nhiếp. Đoạn văn này chưa thấy? Văn tuệ nhiếp trong Tín, đoạn văn này làm chứng, tức là lấy hai pháp Văn và Tư làm Thể, nhưng nghĩa của Tín mới tăng trưởng, là nghe nói và tin lời nói. Trong đây Trí đế v.v... chỉ phỏng theo Kiến đạo, mới được luận, nhưng văn dưới cũng có Thắng đạo v.v... cho đến Vô học vị, tổng gọi là Cứu cánh quán.

Luận: Giải thích ba tâm và Kiến đạo, như Đối Pháp sao quyển 9 giải thích An lập và Phi an lập, ba vị của Pháp trí và Loại trí không đồng, như Đối Pháp sao, nhưng sư Pháp nói: "Khiển trừ Hữu tình giả là hạnh trong Phương tiện đạo". Pháp duyên tâm mà sinh, là tâm của Vô gián đạo sinh khởi. Từ nhân mà luận, là do Vô gián đạo, không riêng khởi giả quán hữu tình v.v... Luận sư Hải Tuệ chùa Na-lan-đà giải thích: "Ba tâm này không phải chỉ có tại Kiến đạo của Bồ-tát, mà cũng là Nhị thừa". Tại sao vậy? Vì ban đầu quán riêng trên pháp Vô ngã, khởi Vô ngã hạnh quán, gọi là khiển trừ Hữu tình giả, kế đó khởi Không hạnh để khiển trừ Thuộc ngã pháp giả. Trừ Sở chấp của Ngã gọi là khiển trừ Pháp giả thứ hai, Pháp giả thứ ba và Thuộc ngã pháp, trùng quán Ngã và Ngã sở. "Hạ phẩm Không" là khiển trừ khắp hai loại Giả, nhưng luận này nắm lấy chỉ có Đại thừa là thù thắng. Lại nữa, do thế lực của tâm này, cho nên đối với Khổ v.v... Trí v.v... hoặc là do lực của Vô phân

biệt trí mà Hậu đắc trí An lập đế sinh khởi. “Có thể được vĩnh viễn diệt tất cả Phiền não”, tức là là mong quả Vô học mà luận, nếu không như thế thì luận này chỉ căn cứ theo tất cả diệt tận của Kiến đạo, không phải là Vô học. “Sở y sự”, là thân của năm Uẩn. Kiến đạo hoặc là chỗ chiêu cảm”, hoặc đây là câu nói của Kim cương tâm.

Luận ghi: “Duyên vào Trí của đời trước đã từng là chỗ chỗ quán sát hai Địa trên dưới và hai cảnh Tăng thượng an lập đế”, câu này có hai thuyết:

1. Duyên vào Kiến đạo trước đã từng là chỗ quán sát, dưới cõi Dục, trên cõi Sắc và cõi Vô sắc.

2. Địa Phiền não, tức là Khổ quả đế, và hai cảnh Tăng thượng an lập đế, tức là Diệt đế và Đạo đế làm hai thứ Tăng thượng.

Lại nữa, vì duyên Kiến đạo trước cho nên gọi là đã từng là chỗ quán sát, vì buông thả các hành vi của Chân kiến đạo, cho nên duyên hai Địa trên dưới, và tất cả tăng thượng trong hai Địa, để an lập Cảnh của bốn Đế. Do điều này cho nên biết thuận theo thù thắng mà phát khởi nghĩa. Người kia nói: “Vì hai tâm trước duyên vào hai chấp Ngã và Pháp của cõi dưới, tâm thứ ba duyên hai chấp Ngã và Pháp của hai cõi trên, cho nên gọi là khiển trừ khắp, đây là tướng Kiến đạo, vì buông thả nó cho nên như vậy. Lại nữa, sư này giải thích: “Cũng Đối Pháp sao, khi duyên nhân chấp để đoạn hạ phẩm, thì cũng đoạn Pháp chấp của hạ phẩm, đoạn Pháp chấp trung phẩm thì cũng đoạn Nhân chấp của trung phẩm, trong đây là sơ lược bóng dáng của nó, cho nên lấy Nhân chấp làm hạ phẩm, lấy Pháp chấp làm trung phẩm, đều được tiến đến tâm mà luận, chỉ hoặc nói là Nhất. Lại nữa, đều như Nhân và Pháp mong nhau làm thượng phẩm và hạ phẩm, không phải lấy mỗi mỗi tự nó mà làm thượng phẩm và hạ phẩm, làm sao biết được điều này? Vì đồng một loại mà sinh, cho nên mong nhau mà thành thượng và hạ.

Luận ghi: “Không có Thuần thế gian đạo vĩnh viễn hại Tùy miên, vì Thế gian đạo đã từng tập quen v.v...”, đây là lý do Hậu đắc trí không đoạn, vì duyên sự cho nên gọi là Thuần thế gian đạo, không phỏng theo nghĩa Vô lậu gọi là thế gian. “Là đã từng tập quen”, là Vô phân biệt trí sau khi đã đắc cho nên gọi là đã từng tập quen. Lại nữa, duyên Sự sắc tướng này, Vô phân biệt trí đã từng tập quen, tuy là Hữu lậu, nhưng chủng loại thì đồng, cho nên tướng của tâm Hữu lậu là chỗ dẫn của Chấp tướng, do đó mà khiến cho Hậu đắc trí cũng có tướng, cho đến rộng nói. Lại nữa, giải thích Thuần thế gian đạo, là Hữu lậu trí, thì không thể đoạn Phiền não. Nếu như thế thì tại sao? Trong đây lại có ý

gì? Trong đây chỉ lựa riêng lý do Hậu đắc trí không đoạn Hoặc, không phải là Hữu lậu. Tận trí và Vô sinh trí, Hữu phân biệt và Vô phân biệt, là phân biệt khởi Ngã sinh đã dứt tận v.v...

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 15
(Bản Luận 56, 57, 58, 59, 60)

BẢN LUẬN 56

Giải thích ba loại Thành tựu trong Đắc, như Quyết Trạch phần quyển 2 và Tạp Tập luận sao quyển 2 ghi: "Hư không là Đắc và Bất đắc, Phi trạch diệt cũng vậy", nghĩa của Đắc này như Câu-xá luận cuối quyển 4 nói.

Vô tưởng định trong đây nói: "Trước hết đối với Vô tưởng định này mà khởi, sau đó thì đối với cõi Sắc", nghĩa là trước hết phải từ cõi Dục mà khởi, sau đó là sau khi sinh lên cõi Vô sắc rồi mới khởi, vì cách cõi Sắc một kiếp, cho nên nói là chỗ nhập Định của cõi Dục, là sau Báo nghiệp. Nếu cõi Sắc không nhập Định thêm nữa, chỉ đối với các Địa khác nhập Định, một đời mà thọ báo thêm nữa thì Định của cõi Dục có thể trở thành Hậu báo. Trong cõi Sắc lại nhập Định thêm nữa, thì biết rõ người này trước kia đối với cõi Dục đã là người thoái chuyển, nếu không thoái chuyển thì tại sao đối với các Định khác của cõi Sắc mà khởi Định! Cho nên biết lấy cõi Sắc... để khởi Định thêm nữa mà Sinh Thọ Báo, và người không thoái chuyển của cõi Dục, người này nhất định phải biết chỉ là Sinh báo.

Hỏi: Nếu như thế thì người thoái chuyển của cõi Dục, thì Định đã đắc trước kia Tư nghiệp ở tại thân, nghiệp này không thọ báo hay sao?

Đáp: Nêu không thọ báo thì phải một ngàn kiếp thọ quả kia, lấy cõi Sắc mà nhập Định này thì Định là Sinh báo, chiêu cảm năm trăm kiếp, từ kiếp mãn trở về trước, nghiệp trong cõi Dục đã thành thục, sau đó phải thọ Thọ quả, thêm năm trăm kiếp nữa, tức là phải một ngàn kiếp mà thọ Thục quả kia. Nếu là Định của cõi Sắc, khi chiêu cảm Sinh báo kia mà sinh thì nghiệp của cõi Dục... đồng thời thọ Biệt báo, là cõi Dục nghiệp này liền thành Sinh báo, bây giờ không thọ Quả này mà nghiệp này đối với Sinh chưa được thành thục, vì bị suy yếu. Nếu như

thế thì đáng lẽ gọi là Bất định nghiệp Báo? Điều này không đúng, vì Sinh báo trong Đại thừa lấy Thọ sau đều gọi là Hậu báo, tuy đã từng trải qua trăm ngàn kiếp, nhưng cũng chỉ vừa mới đối với sự thọ báo kia gọi là Hậu báo. Nếu như sau đó muốn sinh thì trong lúc đó phải vừa mới đắc Định, nếu như đã đắc Định thì Định này chiêu cảm Sinh, Sinh đó tức là Sinh báo.

Hỏi: Nghiệp đời trước lúc nào mới thọ báo?

Đáp: Tức là đối với Biệt báo kia mà gọi là Hậu báo. Nếu như thế tức là trước đó đối với cõi Sắc mà sinh, thì thọ báo khi nhập Định thì cũng gọi là Hậu báo hay sao? Sư Pháp nói: “Hoặc người thoái chuyển sau cõi Sắc mà khởi, nhưng trước nghiệp cõi Dục”, lúc đó tức là Định báo không phải Định nhiếp. Lại nữa, nói: “Trước đó đối với Định này mà khởi”, tức là nhập Định. “Sau đó đối với cõi Sắc”, đây là đoạn đọc dài xuống văn dưới là sau đó sinh vào cõi Sắc mà thọ các Báo kia, không phải sau đó đối với cõi Sắc kia mà nhập Định, có hai thuyết. Trong Diệt định, “sau đó đối với cõi Sắc kia”, là nói lại văn trước. Trong Định này, trước đó trong Diệt định, sau đó đối với cõi Sắc”, như Đối Pháp sao quyển 1.

Luận ghi: “Vô tưởng dị thục sau đó đã sinh rồi, thì các hữu tình liền từ Vô tưởng đó mà lặn mất”, trong đây là Tùy thuận lý môn, quả đó của Đại thừa và khi mạng chung, đều là Vô tâm, làm sao biết được? Ngay văn dưới đó nói rằng:

1. “Thời kỳ Vô tâm chỉ có Sắc”, là Vô tưởng thiên sinh ra, cho nên biết chỉ có Sắc mà không có tâm. Có đoạn văn nói: “Mới sinh ra đã có tâm”, đoạn văn này cho là Hậu thời vô tâm, Ấn Độ đều lấy Định nghiệp khi chiêu cảm thì chiêu cảm quả Vô tâm, không chiêu cảm Hữu tâm, Vô tâm đó như Đối Pháp sao này rộng giải thích, sau đó phải đọc dài xuống, đoạn văn này nói: “Nếu sinh cõi Sắc thì các tâm kia lặn mất, trong Xứ và trong Hữu, Danh và Tưởng đã sinh, Hữu trong đó liền từ cõi Sắc kia mà lặn mất, đây là nghĩa của tông Đại thừa, không phải Tiểu thừa.

2. “Giải thích như trước, có thể dẫn phát Vô tướng định và Tư”, là khi Định ngu thì tư duy, có thể chiêu cảm Biệt báo.

Luận ghi: “Khi nương vào chỗ dẫn Dị thục của nghiệp khi trụ thì quyết định phần vị, kiến lập mạng căn, mạng căn này có ba loại”, cho đến “chỗ an lập số kiếp uế trược...”, trong đây đoạn văn thứ nhất nói: “Khi Dị thục trụ thì quyết định...”, là hiển thị mạng căn tương tợ chỉ có Tổng báo. Câu sau nói trong ba loại lại có Quyết định và Bất quyết

định, Ái và Bất ái, tức là biết cũng thông với Biệt báo ở trước. Lại nữa, như Hiển Dương ghi: “Dị thục khi trụ thì quyết định...”, tức là cũng kiêm gồm Tổng báo và Biệt báo. Điều này như Đối Pháp sao nói, không chỉ ở trên Thức thứ tám mà kiến lập, nếu không như vậy thì cũng như sư Tuấn nói: “Như chủng tử của pháp nhĩ, tuy là vô thủy Pháp nhĩ, sáu Xứ thù thắng, Ý chỉ lấy Xứ thứ sáu”. Luận này cũng vậy, tuy nói là Lục xứ, nhưng ở tại Xứ thứ sáu, tức là chỉ có Tổng báo giả lập trên Thức thứ tám, như Biệt sao kia trình bày rõ ràng. Chúng đồng phận... cũng đồng luận này, trong mạng căn này, nói rằng: “Định và Bất định”, là có bị trúng yểu và không bị trúng yểu, là Thọ mạng quyết định và Thọ mạng không quyết định. “Ái và Bất ái”, quả của nẻo thiện nẻo ác. “Chỗ an lập số kiếp uế trược...”, là phỏng theo sự phân đồng của Thọ lượng, hoặc là một kiếp...

Trong Chúng đồng phận, nói rằng: “Chúng đồng phận này có ba loại, là Chủng loại đồng phận”, tức là như chủng loại Bà-la-môn... “Tự tánh đồng phận”, là chủng loại tự tánh của các pháp, như lợi căn và trung căn... “Công xảo nghiệp xứ dương mạng đồng phận”, tức là lấy nghiệp công xảo để nuôi mạng, chỉ ở trên số hữu tình, không phải là Phi hữu tình. Tại sao vậy? Vì các nẻo Phi nẻo khác nhau, Chúng đồng phận này chỉ có kiến lập ở nẻo hữu tình.

Sinh, Lão... bốn tướng, như văn của quyển 52, nói rộng thì có bốn loại...

Lập chế trụ trong Trụ, tức là chế ra luật nghi, trải qua nhiều thời mà trụ, gọi là Lập chế trụ...

Luận: Trong giải thích danh thân... nói rằng: “Danh thân này có ba loại, là Giả thiết danh thân...”, đã có thể biết được, tùy theo văn có lập ra Danh... cũng dựa trên Hương, Vị... mà lập, cho nên không phải tâm không phải Sắc, vì Danh... là Phi sắc phi tâm. Nếu như thế thì có thể không phải là Hương... tức là Danh thông với tánh thiện, tánh này chưa chuyển thì đây là chỗ lập của cõi này trở xuống.

Trong thí dụ câu và văn, nói: “Nêu câu ra để giải thích câu là chỗ nhiếp của âm và là chỗ nhiếp của chữ”. Câu có hai loại là tổng nêu và giải thích riêng. Câu và chữ có hai loại là âm gốc và mười bốn âm, tức là các A... Chữ là có bốn mươi bốn chữ, tức là Ca, Khư, Già... hai loại này đều nương vào ngôn thuyết kia mà phân vị Cú thân... cho nên nói là cũng vậy. Lại nữa, chỗ nhiếp của âm, tức là Xiển-đà luận có hai loại âm nam nữ, mỗi mỗi đều có bảy Chuyển thanh làm thành chỗ nhiếp của âm, văn và tự, tức là ngôn (lời nói) âm (tiếng nói) và tự (chữ).

Luận ghi: "Dựa vào phần vị của tất cả Thánh pháp xuất thế chưa sinh khởi mà kiến lập Dị sinh tánh", như ở cuối Câu-xá luận quyển 4 nói và Đối Pháp sao... Điều này có tranh cãi, như Tiểu thừa chỉ có tánh Hữu phú vô ký, Tu đạo mới đoạn dứt, Đại thừa thì không như vậy, vì không có riêng Phi đắc sinh khởi. Cựu Tạp Tâm ghi: "Tánh của phàm phu tất cả đều là Phi đắc, không có chỗ nhiếp", vì tánh của phàm phu bị câu thúc, Câu-xá thì riêng lập Phi đắc, tức là Dị sinh tánh, trong Phi đắc thì Phi đắc là rộng, nhiếp hết tất cả Phi đắc. Đắc của Tiểu thừa thì có pháp trước, pháp sau và pháp Câu đắc, Phi đắc thì chỉ có pháp trước, pháp sau và Phi đắc, không có pháp Câu phi đắc, vì pháp ngay thời hiện tại thì chắc chắn phải thành tựu thì gọi là Đắc, tức là có Thành tựu đắc, không có pháp hiện tại thành tựu thì gọi là pháp Câu phi đắc. Nếu đổi lại Phi đắc ngay trong hiện tại thì phải có pháp Câu đắc để thành tựu. Hoặc quá khứ và vị lai có Phi đắc thì Đại thừa này chỉ có pháp Câu đắc, vì dựa vào Hữu để kiến lập đắc. Không có pháp trước, pháp sau, đắc và phi đắc, thì đã chỉ có đối với quá khứ và vị lai mà kiến lập, tức là Phi đắc đều không có, vì không thể ở trên vô pháp mà kiến lập. Nếu có pháp trước đắc và pháp sau đắc thì có thể có Phi đắc, vì đối với quá khứ và vị lai mà kiến lập, cho nên Đại thừa không có Phi đắc để lập riêng Dị sinh tánh, tánh này ở trên phiền não bị Kiến đoạn mà thành lập, vì chưa đắc các Thánh pháp của Kiến đạo... Nếu đắc Kiến đạo thì trên tất cả Thánh đạo không được kiến lập, nếu đắc một phần thì các phần còn lại là chủng loại của tánh này, cho nên Kiến đạo không gọi là Dị sinh tánh thông với ba cõi, nếu lìa các Địa nhiễm kia thì cũng gọi là lìa một phần, nghĩa cũng có thể nói là nương vào Hữu pháp của chủng tử, cũng là tánh Hữu phú vô ký. Chưa đắc Nhất thiết pháp tưởng, thì nghĩa ở tại Kiến đạo của ba Thừa, nếu chưa đắc Tu đạo thì gọi là Dị sinh tánh, tức là Kiến đạo phải gọi là Dị sinh tánh này, cũng có thể nói là ở tại Thế đệ nhất pháp, khi xả Kiến đạo thì đoạn tánh này. Như quyển 52 trước, pháp rộng kiến lập, văn trong đó phần lớn là tinh tế.

Luận: Trong giải thích Định dị, nói: "Tướng định dị", là thể tướng... trong bốn quả. Trong tương ưng nói: "Phương tiện tương ưng", là Gia hạnh trí, làm Căn bản sự của tất cả thì gọi là Phương tiện. "Thích đáng với đạo lý", là trí và lý tương ưng.

Luận: Trong giải thích Thời, Ấn Độ có ba thuyết:

1. Duy thức đạo lý, như duyên quá khứ và vị lai, thì có tâm tương đương với tướng của quá khứ và vị lai. Trong duy tâm này có công năng quá khứ vị lai, khi đang duyên, thì cùng với quá khứ vị lai kia tương tợ,

phỏng theo lý Duy thức mà được tên quá khứ vị lai, thật ra chỉ có hiện tại.

2. Pháp tướng đạo lý, là pháp hiện tại đang diệt gọi là quá khứ, chưa diệt thì gọi là vị lai, đang sinh thì gọi là hiện tại, tức là pháp tướng trên pháp hiện tại mà lập ba đời.

3. Thần thông gọi là ba đời, tức là thông, lực và pháp nhĩ của chư Phật... có bao nhiêu tướng hiển hiện, là pháp hiện tại đã từng có công năng, thì gọi là quá khứ, đang khởi có công năng thì gọi là vị lai, tức là trên hiện tại pháp cũng có nghĩa thời công năng đó, mà nói là ba đời.

Trước đã nói Tập hội hòa hợp, là Tăng chúng...; một là nghĩa Hòa hợp, là đồng nương vào một việc sở tác, hai là Viên mãn hòa hợp, là khi đắc Cứu cánh.

Ba loại vi tế, như quyển 54 giải thích, trong đây có nghĩa là thô to, tức là trong Sắc uẩn, một phần Sắc xứ thô to, không phải ba loại vi tế kia, không phải là Sắc uẩn, chỉ là thô đại.

Luận: Trong giải thích nghĩa Hữu lậu, có bốn lỗi:

1. Bất tịch tĩnh, đoạn văn dưới nói là do hiện hành của triền phược tạo tác, tức là như văn trong luận, chính là thể của phiền não hiện hành. Sư Pháp nói: "Do phiền não hiện hành mà não loạn các căn... gọi là Bất tịch tĩnh".

2. Trong ngoài biến đổi, đoạn văn dưới là các sự phiền não, là chỗ tạo tác của Tùy trục phiền não, tức là sự sở tác của các phiền não, do khởi tham sân... như vậy mà khiến cho trong ngoài đều biến đổi căn trần khác nhau, căn trần gọi là sự.

3. Phát khởi ác hạnh, đoạn văn dưới đó nói là do nhân duyên tạo tác, do phiền não làm nhân mà phát khởi ác hạnh, ác hạnh là sở tác của phiền não.

4. Nhiếp thọ nhân, đoạn văn dưới nói là dẫn phát Hậu hữu, như văn có thể biết.

Luận: Giải thích chỗ tranh cãi Ái vị... như Hiển Dương thuyết minh rộng và Đối Pháp sao quyển 1 giải thích. Sư Pháp nói: "Có tranh cãi thì chỉ là sân, Thể thông với tất cả Hữu lậu ái vị, chỉ duyên với sự đam mê của nội thân, chỉ duyên với ngoại sắc mà khởi". Căn cứ theo văn này thì tức là ở tại cõi Dục.

Luận: Trong giải thích ba đời, nói: "Đã thọ dụng nhân quả rồi thì gọi là quá khứ, chưa thọ dụng nhân quả thì gọi là vị lai, đã thọ dụng nhân mà chưa thọ dụng quả thì gọi là hiện tại", vị lai và quá khứ đều phỏng theo nhân quả đồng thời mà nói, và quả đã thọ dụng... mà nói,

quả hiện tại thì căn cứ theo nhân quả khác thời của Đẳng lưu mà nói, nói quả quá khứ trong hiện tại thì không đúng, nhân quả đồng thời, hiện tại không có quả, cho nên biết căn cứ theo nghĩa riêng thì cùng với Bản Địa phần trái nhau... hãy xem nó.

Luận: Trong giải thích xa gần, nói: "Nghĩa của xứ sở, qua lại, thời gian, phương hướng, khoảng cách...", như Tiểu thừa có bốn đạo, là Xứ, Thời, Tánh và Tướng, như trong đây thuyết minh rộng, dẫn chứng thành cõi Dục trong ba cõi trói buộc. Nói rằng ba thời hiện hành, là sinh trong cõi này, chưa đắc đối trị:

1. Tức là năm Uẩn, là ba thời này đều thông với năm Uẩn.

2. Hoặc là đắc, tức là thân ở tại cõi Dục, khi đắc cõi Sắc đã quyết định nhập thì ý thức là cõi Sắc, ngoài ra là cõi Dục trói buộc, cũng chỉ có chút ít.

3. Đã xuất định, tức là nhập định kia rồi xuất định. Các văn còn lại bên dưới nên biết căn cứ theo đây phân làm ba đoạn, nhưng các môn trở lên cùng với Đối Pháp thì đồng, trong đó có bất đồng chút ít, hãy xem và tìm hiểu, sợ phiền không nêu ra đủ, lại sợ có sự sai biệt.

"Khinh an đồng thời với Tam-ma-địa", là lựa riêng với Tán Tam-ma-địa, Khinh an này không phải bị trói buộc. Khinh an đồng thời với quyến thuộc, là đồng thời với tâm và tâm pháp. "Quả pháp kia", tức là Định đạo đồng thời với giới, cho đến Sắc của cảnh giới, như quyển trước giải thích: "Các cảnh giới này đều là sự trói buộc của cõi Sắc... các cảnh giới còn lại đều là cõi Dục trói buộc. Hoặc trở lại trong sai biệt, nói: "Lìa lỗi, lỗi và công đức...", trong đây có ba loại: một là Lìa lỗi, hai là Đối trị lỗi, ba là Công đức tùy thuận, là khéo học Kiến đoạn... như trong Đối Pháp luận, mỗi mỗi đều nên xem, phải có sự sai biệt.

Luận ghi: "Trong Phá không có Tâm sở, chỉ có tâm thật, đây là phá các sư Kinh bộ, chỉ có một pháp tâm vương, các tâm Thọ, Tưởng và Hành không phải có Thể riêng. Luận này phá rằng: "Lại nói về năm Uẩn không thành, vì không có riêng Thọ Tưởng Hành, cho nên có lỗi trái với kinh. Nếu cho rằng có phần vị trước sau của một tâm có riêng Thọ Tưởng... thì không phải trong một sát-na mà có Thọ Tưởng...", đây là phá, hoặc có hay không đều là lỗi. "Có sinh", là do tâm này khác nhau, phải đồng thời được có thật giáo, tại sao sát-na đầu tiên chỉ gọi là Thức, niệm thứ hai gọi là Thọ, niệm thứ ba gọi là Tưởng? Trong một tâm được có Tưởng khác nhau, cho nên biết do pháp Tâm sở đồng thời mà như vậy, đáng lẽ như duyên Cảnh đáng duyên thì niệm thứ nhất... phải gọi là Thọ, vì tâm biết Sở duyên. Nếu như niệm thứ hai tâm không

có, là có phân riêng phần vị, hư nhọc công lao đó, kế chấp có riêng phần vị và lượng. Ông nói rằng: "Niệm tâm thứ hai đáng lẽ không gọi là Thọ, vì tác dụng không riêng khác, cũng như niệm tâm thứ nhất", nếu cho rằng như sáu Thức không phải đồng thời, mà phần vị có riêng sáu Thức, thì luận kia không đồng luận này, vì Sở y... khác nhau, Tâm và pháp tâm sở này đồng thời khởi tại một chỗ, cho nên không đặt ví dụ. Hoặc nói "chuyển biến..." như văn có thể biết. Lại nữa, "nhân duyên vô tâm, nhân duyên không sai biệt...", là trước đã kế chấp rằng: "Phần vị của tâm lập các tâm của Thọ Tưởng Hành", là tâm phần vị đó có riêng nhân duyên thì không thể được, như khởi tâm duyên một cảnh đáng ưa, thì niệm thứ nhất liền phải khởi tham, cho đến tất cả thời khi chưa lìa cảnh này thì cũng phải như vậy. Tại sao niệm thứ nhất gọi là Thức, niệm thứ hai gọi là Thọ, niệm thứ ba gọi là Tưởng? Vì nhân duyên sai biệt không có, nếu không có pháp Tâm sở trong một sát-na tâm, thì không có nhân duyên sai biệt để nói, hoặc ông cho rằng, lấy Thức đặt đầu tiên, thì cũng không đúng lý. Ngoại đạo bổ cứu rằng: "Tại sao cho rằng tham cùng với tâm đồng thời, như khi duyên cảnh đáng ưa, thì niệm thứ nhất gọi là Thức, niệm thứ hai gọi là Tham, sau đó thì tham nhiễm, niệm tâm thứ nhất đâu có hại gì? Luận này phá rằng: "Vì nhân duyên sai biệt bất khả đắc, cho nên chỉ duyên một cảnh đáng ưa". Thí dụ "đèn sáng", là ánh sáng của đèn và tim đèn, là thí dụ nhiễm tâm của tham... đồng thời tâm pháp tâm sở.

Giải thích sáu cõi, kinh ghi: "Chỉ muốn hiển thị nói Sắc là Sở y tối thắng để chấn động Tâm sở", là chỗ nương hư không của bốn Đại trong sáu cõi, là chấn động qua lại". Thức Sở y là Tâm sở, Sở y là Sở y của Duy Thức. Hoặc nói: "Sáu cõi không có Tâm sở, thì Tâm sở không có khác Thể với sáu cõi", không nói đối với Tạo sắc, Sắc đối với Vô thể. Ba thứ thí dụ "Sữa, lạc, sinh tô, sư Pháp nói: "Trong kinh có nói ba thí dụ này, nếu lìa ngoài ba thứ này thì không có thí dụ". Ngoài sáu cõi lẽ nào không có Tâm sở? Sư Bị nói: "Thí dụ này là thí dụ về Yết-la-lam...". Ba vị trước, sư Thái nói: "Sữa thí dụ cõi Dục và bốn Đại làm Ngã, lạc thí dụ cõi Sắc có Sắc phải sinh, sinh tô thí dụ cõi Vô sắc có Không tưởng sinh, vì chuyển tăng thêm thù thắng cho nên có ba thí dụ. Nhưng lẽ nào ngoài ba thứ này mà cõi Sắc không có tâm... hay sao?

"Trong Giả thật môn, hoặc có mười bảy hoặc có mười hai", có mười bảy là trừ ra Ý giới, văn dưới nói rằng có sáu môn nhập làm một, cho nên làm sáu Thức, Vô gián diệt làm một Ý giới. Có mười hai, văn dưới nói rằng: "Có một môn làm sáu thứ", là Ý giới. Khai mở sáu Thức

tổng làm Ý giới, là môn thứ nhất thông với đạo lý thế tục của Tiểu thừa, hoặc Đại thừa tự có Thức thứ bảy và Thức thứ tám lấy làm Thể của Ý giới, đều là thật có. Nếu như thế thì Xúc giới đã là giả, tại sao không luận? Luận này lấy năng và sở cho nên không nói. Lại nữa, trừ Xúc giới ra thì Thể này là giả có, văn dưới nói rằng: Một mà làm sáu môn, là giải thích mười hai nguyên nhân.

Trong bốn câu của Nhãn giới, như Đối Pháp quyển 2 có hai giải thích gây tranh cãi:

1. Chủng tử và Hiện hành đều gọi là Giới, cho nên kết hợp lại giải thích. Đoạn văn này sư Thắng Quân lấy làm bằng chứng, là đoạn văn "chủng tử sinh Hiện hành không đồng thời". Luận này lấy Hiện hành Nhãn làm Giới, vì thù thắng cho nên không có lỗi.

2. Trong thích ứng với ngoại trần, bốn câu được Nhãn, không được Sắc..., là khi Nhãn không biến thành Sắc, thì được Nhãn mà không được Sắc. Không có Nhãn, là chỉ có tướng Sắc của Thức thứ tám, là được Sắc không được Nhãn. Cả hai đồng thời thành thục và cả hai không thành thục...

Đồng phận với Đồng phận kia, chính là lấy năm Căn, có nghĩa là lấy sáu Thức cũng được. Nhưng trong Đại thừa, Thức thứ bảy cùng với Ý thức cũng đáng lẽ phân riêng, như năm Căn trong pháp giới của nó thì Tâm sở phỏng theo mỗi mỗi thật trần của tự nó, thì như thế nào gọi là Đồng phận? Luận này lấy cùng y một Căn, lấy Trần của một Bản thức làm Đồng phận... mà nói.

Hiện tại trong Năng thủ, như Đối Pháp sao quyển 4, Ý thức chỉ có Bất hợp, Năng thủ trong luận này thì thông với Hợp và Bất hợp, trong đây lấy năm Căn làm môn, cho nên thông với Hợp và Bất hợp, luận kia thì lấy trần cảnh của tự nó làm môn, cho nên chỉ có Bất hợp, cũng không có trái nhau. Pháp giới đáng lẽ nói là một phần hợp với Năng thủ, một phần pháp giới này lược bỏ không luận. Thức thứ bảy và thứ tám của Đại thừa không lấy Hợp hay Bất hợp.

Hỏi: Có bao nhiêu pháp chỉ có cõi Dục trói buộc?

Đáp: Có mười một pháp. Tức là năm Căn, ba Thức và ba Trần. Vì Hương, Vị và Thức chỉ có chấp thọ của cõi Dục, không phải trong Thọ môn, hoặc chân lý của Đại thừa chỉ có Thức thứ tám gọi là Năng chấp thọ. Hoặc Tùy thuận lý môn thì thông với sáu Thức, xem văn thế của đoạn dưới nói: "Vì lìa các Thức kia thì Năng chấp thọ khác bất khả đắc", tức là Tùy thuận lý môn, Thanh giới của nó không lìa Căn và thường có, cho nên gọi là Chấp thọ, Thanh xứ thì có nhưng không thường cho nên

không luận, luận này thì nắm lấy giới của nó. Có người nói: “Thức thứ tám không duyên Thanh”, như các luận khác và Đối Pháp sao...

Phân riêng Bản tánh giới trong Huân tập giới, theo Thắng Quân, Hộ Nguyệt và Hộ Pháp thì phân làm ba nghĩa.

Hỏi: Nhãn thức và Nhĩ thức, trong Nhĩ thức có nhiều duyên sinh, là vì sát-na diệt hay là vì không có tác dụng?

Đáp: Ban đầu không phải tự nhiên sinh, Kiến không phải thứ tự và thường cho nên được thấy các pháp và Phi pháp, tác dụng của các sư Phệ-thế... không phải thật Kiến.

Luận ghi: “Hoặc là có Thức lưu, không phải khuyết hay không khuyết Nhãn căn... mà đồng thời có thể đắc”, là Căn chủng thì bị Thức lưu kia tổn hại không thể sinh hiện hành, Thức chủng thì không bị tổn hại, Thức chủng đó tất cả thời đều lưu chuyển, mà Căn thì khuyết hoặc không khuyết, cho nên biết nếu có Căn chủng thì sinh hiện hành, có Thức chủng thì sinh Thức, tự nó có Thức chủng và Căn chủng, nhưng Căn chủng chưa chắc sinh Căn. Lại nữa, nói rằng: “Lưu là Lưu loại”, là như Thức đồng thời có ba chủng tử thành tựu. Căn nếu khuyết, có chủng tử thành tựu Thức lưu loại của nó, thì Căn khuyết hay không khuyết đều có thể được, cho nên biết có Căn thức sinh, không phải do Thức có mà Căn có. Lại nữa, “Lưu có nghĩa là tương tục”, là Thức có thừa, không có Căn theo tương tục lưu chuyển, có Căn khởi nhưng không có Căn đồng thời lưu chuyển, Căn đó có khuyết và không khuyết, cho nên biết Căn thù thắng chỉ bình đẳng với Kiến, tức là Kiến không phải có nghĩa là riêng có.

Trong Thứ đệ, có ba loại Thứ đệ, nói rằng: “Cảnh giới sở y và Câu năng y, cho nên có loại Thứ đệ. Trong sáu loại sai biệt, “Hỷ lạc”, là chỗ hỷ lạc của Tình, lập đây là Thứ đệ. Lại nữa, Tình có nhiều Hỷ lạc, Nhãn thấy Sắc... cho nên đây là Thứ đệ. “An-thiện-na”, là tên thuốc, thuốc đó là đá có màu xanh đen, thuốc này chưa nhuộm vào Nhãn, nếu nhuộm vào Nhãn thì hợp với màu xanh đen, không thể khiến cho Nhãn là màu trắng.

Cõi Sắc có Tỷ giới và Thiệt giới, nói rằng: “Lại nữa, trong cõi Sắc đối với hai loại giới này chưa lìa Dục”, là Ái bên ngoài đã đoạn cho nên không có Hương và Vị, vì Hương vị không có cho nên hai thứ Tỷ thức và Thiệt thức cũng không có. Nếu có Thức thì chắc chắn duyên Cảnh mà sinh, hai Thức này duyên Ái bên ngoài mà sinh, vì Ái bên trong chưa đoạn cho nên có hai thứ Tỷ giới và Thiệt giới.

Luận ghi: “Đáp: Do các Thức chủng của Tầm tứ đeo đuổi, không

có Tầm tứ nhập Định, cho nên khi xuất Định rồi thì sau đó hiện tiền", trong đây có ý thức đồng thời với Tầm tứ, tâm làm năng dẫn và dẫn sinh năm Thức, không giống như năm Thức của Tiểu thừa, tự nó có năm Thức thì Tầm tứ mới sinh, do Tiểu thừa kia dùng Đối trị đạo, hoặc đã chán lìa rồi mới trừ dục của Tầm tứ, cho nên gọi là tánh lìa dục, cho nên gọi là Vô tầm tứ, vì có chủng tử còn hiện hành, cũng không có lỗi. Trong đây đáng lẽ phải vấn nạn rằng: "Tầm tứ bị Sơ thiền trói buộc, Nhị thiền thì lìa dục, do sinh năm căn mà lìa thoát Nhị thiền. Trong Nhị thiền, do chủng tử của khổ khổ bức bách các quả bất thiện, Nhị thiền không có khổ căn, Tầm tứ phát khởi ba Thức, cho nên các Địa cõi trên có Tầm tứ.

Trong Nhãn thức nương vào một hoặc hai căn, nói rằng: "Làm chỗ nương của hai phần", là Căn. Phải nói "một hoặc hai" đó là Pháp và Thức. Căn cứ theo đoạn văn dưới đây, thì Thức không phải Sắc cho nên không thể nói. "Do phương và sở cho nên thành hai", là nói Thể. Nương vào hai nghĩa của Căn, thì Thức tùy theo Căn cũng có hai thứ, như Thức là phương, Thể không phải phương.

Trong hỏi đáp về Nhãn cùng với Thức là nhân quả như thế nào đồng thời có, nói rằng: "Tại sao Nhãn và Thức không phải là Chánh sinh nhân mà chỉ có Kiến lập nhân", theo Thắng Quân luận sư thì đoạn văn này chứng biết, khi chủng tử hiện hành thì khác thời mà sinh, nếu như không phải Chánh sinh nhân thì Căn không đồng thời sinh Thức, đó là Kiến lập nhân được đồng thời sinh, cho nên biết Chánh sinh nhân thì khác thời mà sinh. Luận này giải thích rằng: "Đoạn văn này căn cứ theo Chánh sinh và Phi chánh sinh. Chánh sinh, là nhân của hạt giống sinh mầm để thuyết minh đồng thời, không nói Chánh sinh tức là khác thời. Trong đây nói rằng Kiến lập nhân là Tăng thượng duyên, không phải là Chánh nhân duyên. Nhân quả của Tăng thượng duyên đâu có hại gì đồng thời sinh, cho nên đoạn văn dưới tuy có Tự chủng tử nhưng không có Sở y này thì Thức không sinh, Chánh sinh nhân của nó tức là Bất định chủng tánh sinh chủng tánh khác thời. Theo Bản Địa phần quyển 5 ở trước thì nếu đồng loại mà khác niệm sinh ra, không phải ngay sát-na này sinh Hiện hành dị loại, do đó là đồng thời sinh. Thắng Quân giải thích điều này có bảy nghĩa, đoạn văn chủng tử và văn Câu hữu tử (đồng có con), như trong bốn tướng có phân rõ, trong đây là khi Chánh sinh nhân quả sinh ra của kinh Bộ, Câu-xá luận trình bày rộng, luận đó đặt vấn nạn như lần bổ cứu.

"Giới sự thiện xảo làm thể lệ cho bài tụng Uẩn thiện xảo", đây là

bài tụng sau cuối trong bài tụng Uẩn thiện xảo. “Nhiếp văn trên”, là Xứ như vậy thì Giới cũng như vậy.

Trong bốn câu từ Nhãn không phải Xứ, câu thứ nhất nói rằng: “Nếu nhãn đã đắc bất xả, nhưng là pháp Vô gián đoạn diệt”, là Nhãn sau cùng của A-la-hán, Vô gián tức là đoạn diệt cho nên không thể sinh Thức, vì Xứ có nghĩa là sinh trưởng môn, nhưng Xứ này thì không thể sinh trưởng.

Xúc và Xứ trong câu tương đối, nói rằng: “Nhưng không phải là pháp Vô gián đoạn diệt”, là lựa riêng với Nhãn sau cùng của A-la-hán, đó là câu thứ tư, là Phi xúc xứ, lại cũng là Phi xứ, pháp Vô gián diệt này đồng với cõi Sắc trói buộc, trong đây không có câu thứ hai, có Xúc xứ và Phi xứ và tám Thắng xứ. Trong mười hai Xứ thì thuộc Ý pháp xứ, chỉ trừ Vô tưởng xứ, mười xứ kia nhiếp trừ ra Hương và Vị. Đại thừa này cũng như phẩm Nhiếp trong Đối Pháp nói, vì Thức thứ tám có Ý xứ.

“Chủ tể” là Ngã. “Không tự có tác dụng”, là Tự tại thiên, hoặc pháp này từ duyên sinh, cho nên không có tự tác dụng, ngoài ra đều có thể hiểu, chỉ có chỗ hiển của pháp là Năng nhuận... có thể hiểu.

Y xứ của Dẫn nhân và Y xứ của Sinh nhân, đều là chỗ đắc quá khứ của Sinh và Lão tử, vì theo phần vị mà nói, cho nên gọi là Xúc, Sinh... Thể dẫn nhân của nó thì hãy xem văn của nó, Sinh nhân thì đồng với Bản Địa quyển 10 và văn của Đối Pháp.

Trong Phá “Vô minh không có”, nói rằng: “Thứ nhất là thuyết minh Vô ngôn vô minh”, tức là vô pháp làm lỗi Vô minh. “Thứ hai là thiện... ba tánh, khác với pháp Hữu thể, không có Vô lậu tuệ minh thì gọi là Vô minh”, tức là tất cả tâm đều là lỗi nhiễm ô. Lại nữa, trong “Tâm lìa Minh tương tục thì đáng lẽ tất cả thời, Minh không được khởi”, là thiện... ba tánh. “Đều là Vô minh”, tức là chưa đắc Vô lậu minh. Trong Tuệ tâm tương tục, vì ba tánh đều là Vô minh, cho nên không cùng với Vô lậu minh làm Gia hạnh, thì đáng lẽ tất cả thời không được khởi. “Hoặc nương trên thiện tâm tương tục, có duyên trong thiện mà không có Vô minh”, là Vô lậu minh có Gia hạnh, tức là Minh được khởi. Không thể nói thiện... ba tánh đều là Vô minh.

Luận ghi: “Lại nữa, hoặc sức phiền não của Tham... mà khiến cho trí tương ưng thành tánh ngu si”, đây là ngoại đạo chấp rằng: “Ngu si tức là Kiến, do cùng với lực tương ưng của Kiến mà khiến cho trí thành tánh ngu si”. Nếu như thế tức là do Tham khiến cho Si, không phải do Si đứng đầu làm tăng thượng khiến cho Tham, Sân... tất cả phiền não. Lại nữa, đáng lẽ Chân Như cùng với tuệ đồng thời của Tham Sân... khác, do

tương ưng với Sân... khiến cho thành ngu si, không phải bản tánh Si có thể thành tánh Si. lại nữa, nếu như các Tâm sở... đều đáng lẽ như vậy khiến cho thành tánh Si vì do lực nhiễm của Tham... như ông nói rằng kiến cũng đáng lẽ làm cho ngu si bản tánh, thì như Thể của năm Biến hành tâm sở... không phải si, vì do lực của Tham... mà khiến cho thành ngu si.

Luận ghi: "Phải biết nhập, xuất, tức (hơi thở), phong (gió), gọi là thân hạnh, chấp thân hạnh do phong mà được tương tục, thì cũng như thắt cổ mà chết", vì nhập xuất tức phong không vận chuyển thông suốt cho nên gọi là chết. Lại nữa, có phong làm đầu mà khiến cho thân nghiệp... vận chuyển, trong đây có hai nghĩa, cũng giải thích hai nghĩa này cùng một giải thích: "Nhập xuất tức phong gọi là thân", là nêu ra phong làm đầu dẫn đường, dưới đó là giải thích lý do, phải do có phong thì thân nghiệp mới vận chuyển.

"Chư hữu tình tùy sinh vào xứ địa nào... thì phải biết Hữu chi tức là chỗ nhiếp của xứ địa đó...", Sư Bị nói: "Hữu chi này mong xứ đang sinh mà phán định", tức là xứ đang sinh trói buộc, xứ này chỉ có một chi là Hữu chi, không phải duyên khởi chi của mười hai chi. Sư Cảnh thì đồng với luận này. "Lấy quả nhiếp nhân", là sinh vào một Địa này thì Sinh và Lão hiện tiền, có thể chiêu cảm mười nhân này, tiếp theo quả mà cũng Địa này trói buộc. Nếu như thế tức là biết Vô minh của hạ giới, không phát khởi nghiệp của thượng giới, nghiệp và Phiền não sự trong ba nhiếp chi, cùng với Đối Pháp và kinh Duyên Khởi trái nhau, như Đối Pháp sao nói: "Ái thủ gọi là phát khởi", khởi có nghĩa là sinh, có thể phát sinh Hữu, Ái và Thủ cũng gọi là phát khởi, không phải phát nghiệp phiền não.

Trong Nghiệp vô tri sinh, không phải ở trong Tín, nói: "Lỗ-đạt-la thiên", Hán dịch là Bạo ác thiên. "Tỳ-sắc-nô thiên", Hán dịch là Hoặc thiên, vì có thể huyễn hóa các thứ hình chim quạ, nhạn... cả hai cõi này đều là tám thứ Biến hóa thân của Tự tại thiên, nói Tỳ-sắc-nô thiên là Hóa thân của Bà-tẩu thiên. "Thế chủ thiên", là Phạm thiên.

Luận ghi: "Vô tri sơ lược đối với năm Xứ làm nhân Năng sinh".

1. Năng sinh nghi, có thể sinh nghi ba đời.

2. Năng sinh ái, có thể sinh nội ái, ngoại ái... ba thứ ái.

3. Năng sinh phi xứ tín, là tu tập ba thứ tà tín nghiệp, quả và câu sinh.

4. Năng sinh kiến, là thông đạt bất chánh trong Tam bảo và bốn Đế, cho nên sinh ra sáu mươi hai Kiến và Tà kiến...

5. Đối với năm nhân và quả chưa đắc, cho rằng đã đắc quả Sa-môn, trong ba thứ mà sinh Tăng thượng mạn, cho nên là mười bảy thứ Vô tri. Tất cả Vô tri trong sáu Xúc, là khi do đắc quả Sa-môn thì phải đạt sáu Xúc xứ không mới gọi là tận, danh sắc mới được rốt ráo. Hiện tại ngoại đạo kia chưa đạt mà cho rằng đã đạt, đó là Tăng thượng mạn, phát sinh phương tiện Giới thủ.

BẢN LUẬN 57

Thể của Xứ, Phi xứ và Thiện xảo, là Hậu đắc trí, đắc tướng của nhân quả, thuận với Xứ trí, trái với Phi xứ trí.

Luận: Sở tri, lựa riêng với giải thích thông tất cả pháp.

Luận ghi: "Nương vào Sơ thành biện môn là chỗ không nhiếp các tướng sai biệt khác", là chỉ có ngoài Sơ thành biện môn. "Là chỗ không nhiếp", đây là hiển thị khiến cho tất cả thứ sai biệt đều được nhiếp hết, chính là ba môn sau.

Luận ghi: "Không có Xứ, không có Vị, thô phần thủy hỏa đồng thời hội hợp là không có chuyện đó", Xứ sở, Vị, Thời phần là nói không có Xứ sở không có thời gian. "Thô phần thủy hỏa", là lựa riêng với nhiệt độ vi tế trong nước, như chất lửa tro là thô hỏa, tức là không cùng với nước ở một chỗ.

Luận ghi: "Không đoạn tất cả Phiền não và Tùy phiền não triền phược của Tham... mà tu bốn Niệm trụ là không có chuyện đó", là khi Hữu lậu, vì chế phục Tham mới khởi Bất tịnh quán... cũng đã thành tựu Niệm trụ vô lậu tu.

Hai mươi hai Căn, bài tụng trong Câu-xá luận ghi: "Tâm nương Sai biệt này, Trụ này, Tạp nhiễm này, Tư lương này, Tịnh này, Y lượng này lập Căn", theo tụng này do đó không được tăng hay giảm.

"Trên nghiệp quả thọ dụng tăng thượng mà lập năm Căn", chính cái lo đó là không phải quả, nhưng đã đắc quả rồi thì cũng ở trong quả vị mà khởi thọ dụng, cho nên nói là: "Quả Thọ dụng".

Luận ghi: "Hiển thị nghĩa Thọ dụng cảnh... của Nội môn cho nên lập ra sáu Căn, hiển thị nghĩa Thọ dụng của ngoại môn cho nên lập ra hai Căn", là Nhãn... sáu Căn, không mượn người khác làm duyên, tự thọ dụng Cảnh gọi là Nội môn, hai Căn nhờ người khác để thọ dụng cảnh giới thì gọi là Ngoại môn. "Hiển rõ nghĩa lỗi công đức của hữu tình mà lập ra tám Căn", là ba Căn Vô lậu tín trong năm Căn. Giải thoát phần là Công đức, năm Căn như Tín v.v... là Phước phần, Hữu lậu là lỗi. Lại nữa, Công đức là tám Căn, Lỗi là chỗ đoạn của tám Căn.

Luận ghi: "Y theo như vậy mà kiến lập sáu Căn, đối với tám câu Thi thiết mà lập sáu Căn", là Danh tự thứ nhất, là Thể của thân Trung hữu; hai là Chủng tánh, tức là chủng tánh của cha mẹ; ba là thực (ăn) Khổ lạc như vậy; bốn là Trường thọ như vậy; năm là Trụ như vậy; sáu là thọ lượng Biên tế như vậy, sáu loại trên nương vào phẩm tại gia mà thi thiết; bảy là Tín cho đến Tuệ mà lập năm Căn như Tín v.v... như vậy;

tám là bốn Quả mà lập ba thứ Vô lậu sau như vậy, để thi thiết phẩm tại gia và xuất gia này.

Luận ghi: "Tích tập thiện phẩm mà lập một tên", là mạng căn nương vào mạng mà có, cho nên đắc tu thiện phẩm vì năm Thọ khởi tạp nhiễm, nếu biết chân chánh tri mà hành thì không sinh năm Thọ tạp nhiễm.

"Mười sáu Thật căn", là toàn phần ba Căn vô lậu sau, bảy Sắc căn, Sắc căn và Ý căn; phần ít ba Căn vô lậu sau, tâm, năm Thọ và năm Căn như Tín v.v...; phần ít ba Căn vô lậu sau, là đối với Tâm sở và mạng căn không tương ưng mà nói. Ba loại Thật căn tối hậu là chín Căn phần. "Ý, Tín, năm Thọ và ba Thọ", như Đối Pháp quyển 10 nói mười Căn, là Vị tri đương tri căn, luận kia thêm Ưu căn, luận này thì lấy mười lăm tâm Kiến đạo vị tri đương tri, vì trong đây không có Ưu căn, luận kia lấy Giải thoát phần thiện căn trở đi gọi là Sơ căn, cho nên trong mười Căn có thêm Ưu căn.

Luận ghi: "Mạng căn Vô lậu", sư Pháp nói: "Cho nên biết mạng căn không những là tâm vương thứ tám, đồng thời thông trên năm Tâm sở mà lập". Luận này giải thích không phải như vậy, trái với văn của Hiển Dương luận. Lại nữa, "Căn bản là phần thừa của phần thế lực, nam căn nữ căn và ba căn Vô lậu đều lấy phần ít Sở y căn của phần thế lựckia làm Thể, tương tợ tâm Bản sắc", những phần này nương vào mạng căn trên mà giả lập, không phải phần của căn Sở y. Nói rằng: "Không bị lệ thuộc", không phải là chung trên năm Tâm sở mà lập, như Đối Pháp luận và Đối Pháp sao.

"Hỏi: Có bao nhiêu Thiện? Một phần ít hoặc tám căn, hoặc năm căn và sáu căn". Hoặc là tám, là năm Căn như Tín v.v... và ba Vô lậu, "Giả thật luận chung là năm", là chỉ có năm Căn như Tín v.v..., căn cứ theo năm Căn mà nói. "Toàn phần tám căn năm căn và phần ít sáu căn", là năm Thọ và phần ít Ý, phần ít sáu bất thiện cũng là năm Thọ. "Và Ý, tám Vô ký", là toàn phần bảy Sắc và mạng căn. "Phần ít năm Thọ", là bốn Thọ đã trừ Ưu thọ ra và Ý là năm Thọ. "Có bao nhiêu Dị thục? Đáp: Có một, một phần ít mười căn", là Ưu căn thuần có Dị thục. "Phần ít mười Căn", là năm Căn như Tín v.v..., bốn Thọ và Ý, vì trừ Vô ký Vô lậu. "Phần ít mười căn không có Dị thục", là phần ít mười căn trong mười một căn. mười một căn, là bảy Sắc căn, mạng căn và ba cănVô lậu, vì tám Vô ký ở trước, ba Vô lậu ở sau, đây là phỏng theo trong Kiến đạo làm Sơ căn mà nói. "Phần ít mười căn", là năm Căn như Tín v.v..., bốn Thọ và Ý, vì trừ ra thiện và bất thiện. "Có bao nhiêu

Dị thục? Đáp: Có một, phần ít của chín căn”, là toàn phần mạng căn; bảy Sắc căn, Ý và Xả là phần ít trong chín căn; còn lại Trưởng dưỡng, hai tánh của Sắc tâm, Ý và Xả... “Luận này thì lấy chỗ sinh tương tục không đoạn của nghiệp”, là căn. “Ba thọ Hỷ, Lạc, Khổ do gián đoạn cho nên không phải có vài chủng tử, mà tất cả là Dị thục”, sư Pháp nói: “Vì trong Dị thục Thức trì giữ, cho nên tất cả gọi là Dị thục”. Lại nữa, giải thích luận này căn cứ theo “tương tục gọi là Dị thục”, thì tức là tất cả chủng tử đều là tương tục, đều gọi là Dị thục. Đoạn văn này đại khái không giống đoạn văn trước, vì cùng với Địa ngục cõi dưới không có chủng tử nam nữ... vì không phải tương tục, như Thành Duy Thức quyển 2 giải thích. “Trong toàn phần mười hai căn”, là năm Căn như Tín v.v..., ba Vô lậu, Ưu, Hỷ, Lạc và Khổ, vì các pháp này là gián đoạn. “Phần ít chín căn”, bảy Sắc, Ý và Xả là phần ít chín căn. “Các chỗ còn lại như trên”, là mạng căn xưa nay là Dị thục. “Cõi Dục trói buộc toàn phần bốn căn”, là nam, nữ, Ưu và Khổ. “Phần ít trong mười lăm căn”, là năm Căn trong Sắc uẩn, ba Thọ, Ý, mạng căn, năm Căn như Tín v.v.... “Trừ ra Vô lậu”, câu này đồng với văn trước. “Phần ít mười lăm căn của cõi Sắc”, mười lăm căn trước là Vô sắc, vì trừ ra năm Căn trong Sắc uẩn, trừ Hỷ và Lạc. “Toàn phần ba căn trong tám căn không trói buộc phần ít chín căn”, không đồng như chỗ nói ở trước. “Cho nên mười một căn của Vị chí địa”, là Năm Căn như Tín v.v..., ba Vô lậu, thêm Ý, Hỷ và Xả. Nếu như vậy là không lập chi Hỷ hay sao? Vì gần cõi Dục bị tán động cho nên không lập Sơ căn bất định, đã xa cõi Dục rồi mới nói cho nên lập môn thứ nhất. Nói rằng “Vị chí vị”, là Ly sinh hỷ lạc thấm nhuần thân đó, đến lúc chu biến khắp thân trở xuống thì làm môn thứ hai, môn thứ nhất chỉ thấm nhuần Ý của nó, môn thứ hai làm cho khoái thích Thân... Môn thứ hai là thù thắng, môn thứ nhất thì yếu kém, tại sao nói môn thứ nhất là Lạc? Là để hiển rõ cũng có Lạc, đây là lập ra để hiển Hỷ, lấy ẩn và hiển nêu ra song song. “Chỉ lấy để hiển thị”, là lấy lý mà luận thì Địa này cũng có Lạc, vì khoái thích các căn cho nên gọi là Lạc, vì không có xứ sở cho nên không tùy theo Địa, năm căn ẩn cho nên không nói, nói cũng không có hại, Địa và pháp được nương thì thông với Hữu lậu và Vô lậu. Trong mười tám căn đầu trừ nam, nữ, Ưu và Khổ ra, trước đã nói là trói buộc pháp, chỉ có Hữu lậu cho nên thượng giới và hạ giới không đồng, cũng không có lỗi. Ba Thọ và bốn Thọ thì như thứ tự của nó trừ Hỷ và Lạc ra. Không xứ thì trừ năm Căn trong Sắc uẩn ra cho nên có mười một căn, Phi tưởng vì đoạn Hoặc đạo cho nên có tám căn, hoặc Du quán thông với mười một căn, nhưng lấy mười một

căn của Không xứ làm chứng thì đồng với Đối Pháp, vì thù thắng hơn Giải thoát phần thiện căn, đều gọi là Vị tri Đương tri căn, cho nên mười một căn này cùng với trước trái nhau, đây là căn cứ theo phương tiện xa, văn trước thì căn cứ theo mười lăm tâm của Kiến đạo, căn này có một văn thì nói chỉ có Vô lậu, có đoạn thì nói thông với Hữu lậu và Vô lậu, có đoạn thì nói là do cõi Sắc trói buộc và cõi Sắc không trói buộc, lại cũng có đoạn nói chỉ có không trói buộc, có đoạn nói chín căn làm tánh, có đoạn nói mười căn làm tánh, có đoạn nói Giải thoát phần thiện căn thông với Phi tưởng, tức là đoạn văn mười một Căn tánh của Không xứ ở trước, đến các đoạn văn khác sẽ hiểu. Phi tưởng hữu lậu, đây là phỏng theo chủng loại Hữu lậu, là phỏng theo Đoạn hoặc đạo chủng không có cho nên gọi là Hữu lậu, hoặc phỏng theo Tương tục thông với hai chủng loại; hoặc nói Chủng loại ngay tại Địa đang hiện hành không có Chủng loại vô lậu đoạn hoặc. Lại nữa, do giải thoát phiền não cho nên gọi là Vô lậu, là Hậu đắc trí. Hoặc nói rằng: “Địa kia như trong thân La-hán có các căn lìa Lậu gọi là Vô lậu, không phải đoạn Lậu gọi là Vô lậu”. Văn dưới đó nói: “Phi tưởng có Vô lậu, không thể nói rằng do giải thoát phiền não, cho nên Hữu lậu căn thành sáu căn, trong thân Vô lậu gọi là Vô lậu”. Văn dưới trái nhau, cõi Dục phỏng theo nhiều người đang ở trong pháp.

Tất cả Na-lạc-ca có tám căn, chủng tử hiện hành đều thành tựu, trừ ra hai loại trong ba loại. Một loại trong ba loại là ba Căn vô lậu, một loại này phỏng theo hiện hành không thành chủng tử, hoặc thành và không thành mà nói; thứ hai là ba Thọ, trong đây rất sai lầm, xem Duy Thức quyển 6. Có hai tranh cãi về tám căn hiện hành đều thành chủng tử, là năm Căn như Nhãn v.v..., Ý, Mạng và Khổ, tám Căn này thuần tương tục, không đồng với Tiểu thừa, vì có mạng căn và Khổ căn cho nên đủ năm Căn, nam căn và nữ căn thì bất định, hoặc có hoặc không, hoặc chủng tử cũng bất định, như văn nói thì không có chủng tử của Căn vô lậu, vì cũng bị tổn, không đang hiện hành, cho nên không thành chủng tử, thuần nhiếp trong Hữu. Năm Căn như Tín v.v... cũng vậy, như Tà kiến thì làm tổn và khắc phục thiện chủng, cũng gọi là không thành chủng, đây là phỏng theo văn trong ba loại thành tựu, không đang hiện hành thì không thành chủng tử, quyết định ở trong Hữu. Thứ hai của nó là ba loại Hiện hành không thành chủng tử quyết định, là Hỷ, Lạc và Xả, đây là phỏng theo sáu Thức mà luận Tác pháp.

Hỏi: Tại sao Xả cùng với Thức thứ tám đồng thời mà không nói thuần Hiện hành thành tựu, và Ưu thì nói rằng Khổ thuần có trong đó?

Đáp: Xả thọ bị Khổ chiếm đoạt, như văn của quyển 51, cho nên chỉ nói Khổ. Lại nữa, phỏng theo Tác pháp của sáu Thức cho nên không có, Thức thứ tám đồng thời với Xả, Xả trong Thức thứ sáu là thiện nghiệp, vì chiêu cảm gián đoạn cho nên không Thủ. "Không nắm lấy Ưu căn", đây là Ưu căn của Đại thừa ở tại Cực khổ xứ, như Cực hỷ thì gọi là Lạc, Ưu này gọi là Khổ, Cực khổ kia chỉ có Khổ, không nói là không có Ưu, vì tạm mượn để khởi Ưu cho nên không nói. Nếu như thế tại sao không ở trong Căn thứ hai và thứ ba Hiện hành không thành chủng? Trong thành chủng, vì cùng với Khổ ở một chỗ cho nên được tên khác là Khổ, do đó không nói. Chỉ có năm Căn như Tín v.v... và hai căn nam nữ, Hiện hành đều bất định, các Ưu căn khác, nghĩa cũng như vậy, cứ theo đó mà biết. Quyển 2 có giải thích: "Tám Căn là Hiện hành chủng đồng thời thành", là lấy Xả mà trừ bỏ Khổ, đây là phỏng theo Thức thứ tám sau khi Tác pháp, thì Hiện hành không thành chủng.

Hỏi: Nắm lấy Khổ trong một mực Thành chủng, tại sao trước không nói là Khổ?

Đáp: Vì có dứt hết.

Hỏi: Tại sao ba Căn sau không nói là Ưu?

Đáp: Vì lẫn nhau có và không, như có như không.

Hỏi: Như có Lạc thì có Hỷ lạc, không lẫn nhau có hoặc không, tại sao Ưu khổ lại như thế?

Đáp: Vì cũng là Cực khổ, Ưu lưu nhập vào Ý cho nên gọi là Khổ, không nói là Ưu khổ, mà nói rằng khi Ưu thì trừ Khổ. Giải thích là thù thắng. Trong đây, Thắng Quân và Hộ Nguyệt vốn có hai chỗ tranh cãi, Hộ Nguyệt lấy để làm chứng.

Luận ghi: "Hỏi: Khuyết căn thì thành mấy Căn? Đáp: Trừ năm Căn ra còn có các Căn khác", là trừ ra nam, nữ và ba Căn vô lậu, không được khuyết các căn Nhãn, Nhĩ... vì không phải quyết định Khổ, khuyết nam căn và nữ căn thì quyết định khuyết ba Căn sau.

Hỏi: Điều đó thì cùng với năm nhân của Bán trạch nào có khác gì?

Đáp: Trước căn cứ theo Sinh thì Vô hình, Bán-trạch-ca thì căn cứ theo Hữu hình, vì đã trừ Khổ cho nên khác nhau. Trong đây lại không văn, cho nên, cho nên biết khuyết nam căn và nữ căn thì không được nhập Thánh. "Lại nữa, nếu căn cứ theo như Tiểu thừa thì không phương ngại", là Tiểu thừa kia cho rằng: "Nhập Thánh đến bốn Thiện căn rồi mới khuyết thiếu, chưa phương ngại nhập Thánh", trước khuyết thiếu thì có thể như thế, nhưng luận này thì căn cứ theo trước không thiếu

khuyết, thì sau đó Thánh mới không sai lầm, nam nữ lẫn nhau không có hai hình, thì không có Đoạn thiện của ba Căn vô lậu, trừ bỏ tám Dị sinh ở sau thì thành mười chín Căn. Được nhập Kiến đạo từ ban đầu trở đi, thì gọi là Vị tri căn, như trước mà hiểu. Tất cả Học và Vô học đều gọi là Kiến đế, là đầy đủ tất cả Hữu học trừ Cụ tri căn; hai mươi mốt Vô học trừ hai Căn vô lậu đầu cùng với Ưu; mười chín Sơ hướng trừ hai Căn vô lậu ở sau; hai mươi Sơ quả trừ Căn vô lậu thứ ba; hai mươi Bất hoàn trừ Ưu và hai Căn vô lậu thứ nhất thứ ba; mười chín La-hán thì cũng như Vô học; cõi Sắc trừ nam, nữ, Ưu và Khổ căn; cõi Vô sắc thì trừ thêm năm Căn như Nhãn v.v...; Sơ căn của Sắc vô lậu thì phân biệt như trước; y theo thành Kiến đạo thì chỉ ở tại Vô sắc của năm Địa, tức là không có thân, sau mới nói. Vô sắc tức là năm Căn như Tín v.v... trong Hữu đắc xả mà khởi hay sao? Phương tiện xả thù thắng bị yếu thì không có sinh tử được xả. Nói rằng: “Hai mươi mốt Căn là do nghĩa của cảnh giới mà được tên, có nghĩa cũng không phải một”, là mạng. Như giáo lý tương đối, giáo hay hiển thị lý thì lý gọi là nghĩa, Căn đối với Cảnh thì Cảnh gọi là Nghĩa, bảy Sắc riêng mình nó không thể đối với nghĩa mà chuyển, cùng với Phi sắc làm Trợ bạn mới có thể nắm lấy Cảnh, còn lại mười bốn Căn thì Sắc và Phi sắc làm Trợ bạn. Nghĩa của Thọ căn, là văn thuận với pháp của năm Thọ, tức là cùng với với nghĩa sáu Căn của Ý. Nghĩa của Vị tri đương tri căn, Thiện pháp dục trở đi tức là nghĩa của năm Căn, đây là căn cứ theo Thật thể, thông với ba cõi trói buộc và không trói buộc, văn dưới và văn trên hoặc nói rằng: “Chỉ có Vô lậu, hoặc chỉ có cõi trói buộc và không trói buộc”, đây là căn cứ theo Vô lậu, chỉ lấy mười lăm tâm của Kiến đạo, hoặc là gồm lấy Quyết Trạch phần thiện căn, cho nên thông với cõi Sắc trói buộc và không trói buộc, như luận này thì cũng thông với ba cõi trói buộc và không trói buộc, cũng không có trái nhau. Đối với văn của luận này: “Lại càng không Hiện hành trở lại, vì Hữu sắc làm nghĩa”, là bảy Sắc, còn lại thì trừ mạng căn.

Hỏi: Mười bốn Căn lấy Sắc và Phi sắc làm nghĩa, thì Khổ căn thông nhau như thế nào?

Đáp: “Kiến phần của Khổ căn lấy Sắc làm nghĩa, Tự chứng phần lấy Sắc làm nghĩa. Lại nữa, nói chung là Kiến phần của Khổ căn không có, cho nên hai mươi hai Căn đều không phải là Hữu kiến, Kiến là Sắc trần. Nhãn căn, một phần là Hữu sắc, vì Hữu kiến và Sắc trần làm nghĩa, cùng với một phần Phi hữu sắc và Nhãn đồng thời. Duyên cùng với Nhãn không đồng thời mà nắm lấy Sắc, đây là nói Hữu kiến, là chính

Phạm bản. Nói Khả kiến, theo không phải Phạm bản nói rằng: "Cũng có thể gọi là Hữu hiện sắc", tướng Trần thô hiển gọi là Hữu hiện, mười bảy Giới thì không phải như thế. Hiện, tức là có thể hiển thị nơi đây hay nơi kia, như có thể hiện hình ảnh, như ảnh tượng trong gương trong nước, điều này chỉ có Sắc gọi là Hữu hiện. Hữu kiến hiện trong Phạm Bản có hai giải thích, nhưng vì chữ Hiện theo thế tục vốn không có bộ Ngọc, cho nên luận này đổi thành chữ Kiến, không có một phần Sắc thì Danh hữu đối làm nghĩa, Thể không phải Hữu đối, hoặc cùng với Đối đồng thời duyên. "Hữu lậu và Vô lậu của Khổ căn lấy Hữu lậu làm Cảnh", là Thể hữu lậu, tại thân Vô học thì gọi là Vô lậu, vì không phải Lậu cho nên gọi Thể vô lậu là pháp do giới trói buộc, văn trên và văn dưới không trái nhau. Lại nữa, Khổ căn của Vô lậu, là dẫn đường cho Vô lậu cho nên gọi là Vô lậu. Ưu căn thì không phải như vậy, lấy tám Hữu vi làm nghĩa. Bảy Sắc và Khổ, văn trên và văn dưới trong đây nói: "Trong nghĩa đều không có mạng căn".

Luận: Khổ căn và Hữu sắc, bảy Căn ở tại Quá khứ và Phi quá khứ làm nghĩa", sư Pháp nói: "Tám Căn này ở tại vị lai và quá khứ, đều là ngay trong đời hiện tại, tuy có Nghĩa và Cảnh, nhưng nói rằng không có". Lại như tám Căn hiện tại duyên Cảnh, thì tám Căn này đang ở hiện tại nhưng Cảnh thì đã vào quá khứ, tám Căn này niệm thứ hai tiếp theo Cảnh sau đó, khi cũng nhập vào quá khứ thì gọi là Quá khứ, Phi quá khứ làm nghĩa. Nhưng hiện tại đồng duyên, thì đồng nhập vào quá khứ, quá khứ cũng duyên quá khứ. Luận này giải thích là cũng như Vô sắc căn, ngay trong hiện tại mà duyên chung ba đời, ngay tại nghĩa của đời quá khứ và đời vị lai mà nói thì mỗi mỗi đều duyên Cảnh của ba đời. Tám Khổ căn... trong hiện tại thì chỉ duyên hiện tại, cho nên chỉ giả thiết. Khi lưu chuyển vào quá khứ, thì thế lực suy yếu, cho nên ngay tại vị lai... không nói là duyên đời hiện tại.

Hỏi: Như trước đã giải thích, tại sao Căn và Cảnh đồng tại hiện tại mà được duyên, Căn trụ Cảnh hiện tại thì trước đã nhập vào quá khứ?

Thuật rằng: "Sắc trần hiện tại trước đã nhập vào quá khứ, Nhãn vị lai thì nhập vào hiện tại, Nhãn căn hiện tại thì đã nhập vào quá khứ rồi, không thể duyên quá khứ. Lại nữa, hiện tại không có Căn của Thức cùng với Sắc đồng thời nhập vào quá khứ thì không thể duyên Cảnh của quá khứ.

Luận ghi: "Lại nữa, một phần này ở tại vị lai lấy quá khứ và hiện tại làm nghĩa". Vô sắc căn trước ở tại vị lai duyên ba đời hay sao? Căn của tám Sắc ở tại vị lai, không phải vị lai làm nghĩa, cũng lấy Căn và

Cảnh đồng ở tại đời vị lai mà được, nhưng khi Cảnh nhập hiện tại và quá khứ, thì Căn ở tại vị lai, là nói Căn này đang nhập vào Cảnh của quá khứ và hiện tại, cho nên nói rằng vị lai không duyên vị lai, đây là giải thích sau, cứ theo chỗ đồng với giải thích trước, thì có bốn Dục trói buộc, lấy Dục trói buộc làm nghĩa, tức là Khổ ưu, nam nữ. Ưu khổ chỉ lấy cõi Dục làm nghĩa, đây là căn cứ theo đa phần mà luận. "Lại nữa, vì tướng phần của Ảnh tượng từ Kiến phần, từ Kiến phần là cõi Dục, còn lại thì nói rằng duyên chung ba cõi không trói buộc", đây là căn cứ theo Bản chất mà luận, không trái nhau. "Lại nữa, căn cứ theo Duyên của năm Căn môn:

1. Chỉ duyên cõi Dục.

2. Cõi Dục trói buộc và cõi Sắc trói buộc, thì cõi Dục trói buộc làm nghĩa, là Tỷ và Thiệt tuy cõi Dục và cõi Sắc không có Thức duyên, nhưng chỉ lấy Dục trói buộc làm nghĩa.

3. Nghĩa của cõi Dục trói buộc và cõi Sắc trói buộc cũng vậy, Nhãn, Nhĩ, Thân có hai thứ trói buộc là cõi Dục cõi Sắc trói buộc và không trói buộc, lấy ba cõi trói buộc và không trói buộc làm nghĩa", là Hỷ lạc thông với cõi Dục trói buộc, cõi Sắc trói buộc và Vô lậu, cho nên bảy thứ năm Căn như Tín v.v..., Ý, Xả và ba cõi trói buộc, không trói buộc cũng vậy.

Một loại Vị tri đương tri căn là cõi Sắc trói buộc và không trói buộc làm nghĩa, thông với ba cõi trói buộc và không trói buộc, là Quyết Trạch phần và Vô lậu trí là Thể của Căn này, đã như trước mà hiểu, hai Căn dưới cũng có thể biết, Giả thật của năm Căn như Tín v.v... và ba Vô lậu hợp chung mà luận. Tám Thiện lấy ba tánh làm nghĩa, năm Thọ trừ Ưu ra (bốn Thọ) và lấy thêm Ý làm năm Căn, thông với ba tánh, lấy ba tánh làm nghĩa. Một Ưu căn và Thiện bất thiện lấy ba tánh làm nghĩa. Tỷ, Thiệt, Thân, Nam, Nữ là năm thứ Vô ký, chỉ lấy Vô ký làm nghĩa. Nhãn, Nhĩ là hai thứ Vô ký, lấy ba tánh làm nghĩa. Đây là căn cứ theo Biểu nghiệp giả. Năm Căn như Tín v.v... cùng với Hỷ, Lạc, Xả và Ý là chín thứ, thông với Tam học, lấy Tam học làm nghĩa, bảy Sắc cùng với Phi học và Phi vô học trở lại lấy Tam học này làm nghĩa. Khổ căn thông với Tam học. "Phi học Phi vô học làm nghĩa", là Thể của Khổ, là Hữu lậu, hoặc ở trong thân của Học và Vô học mà khởi. Nói rằng thông với Cảnh của ba chủng tử, chỉ có Phi học và Phi vô học lấy Thật làm Không, vì Vô lậu quán dẫn khởi cho nên nói là thông. Ưu không phải Không quán dẫn sinh cho nên không làm thông lệ cho Khổ ưu và Phiền não đồng thời đa phần. Một Ưu theo Đối Pháp thì hai thứ Căn vô lậu đầu

làm Thể, vì lấy mười Căn. Nói rằng Học và Phi học Phi vô học lấy ba tánh làm nghĩa, như văn trước nói chín Căn của Vị tri dục tri căn, là đắc chín Căn vô lậu mà nói, đây là thông với Thiện pháp dục trở đi, cho nên nói là thông với Học, Vô lậu thứ nhất và thứ hai là Học, lấy ba chủng tử làm nghĩa. Cụ tri căn là Vô học, lấy ba chủng tử làm nghĩa. Đáp có mười bốn Căn, "Một phần Kiến sở đoạn, và một phần Tu sở đoạn", là bảy Sắc, Mạng, năm Thọ và Ý, là phân riêng với Bất thiện. "Và nghiệp quả này", là Đoạn kiến, còn lại là Tu đoạn có mười hai thứ, "Một phần là Tu sở đoạn và một phần là Phi đoạn", là trong mười bốn Căn trước có sáu căn. "Còn lại sáu Căn là trong sáu Căn trước", là năm Thọ và Ý. "Còn lại sáu Căn là năm Căn như Tín v.v... và và Vị tri dục tri căn, vì thông với Lậu và Vô lậu.

Hỏi: Tại sao hai căn Ưu và Khổ nói là Bất đoạn?

Đáp: Thể của Khổ căn là Đoạn pháp, ở tại thân của Vô học mà khởi, cũng như trước đã nói. Ưu căn thuận theo Ly dục mà nói, thì làm Thể của hai Căn vô lậu thứ nhất và thứ hai, Thể của Căn vô lậu không đoạn, cho nên tùy theo đó mà nói là Bất đoạn. Tuy thân của Vô học không có, nhưng vì Thể là Thiện pháp cho nên chỉ đoạn duyên trói buộc, không phải đoạn Thể, tâm ưa thích Niết-bàn cũng gọi là Bất đoạn. Từ quả thứ ba trở đi, thì Phi trạch diệt không khởi, cho nên nói Tu đoạn và Bất đoạn. "Lại nữa, giải thích sáu Căn ở trước", là trong năm Thọ trừ Ưu ra (bốn Thọ) cùng với Ý và mạng căn. Mạng căn thì ở tại Thân của Vô học, vì giống như Khổ căn, hoặc Vô lậu với Như Lai. Nếu như thế thì năm Căn của thân Vô học, làm sao thông với hai loại Phi đoạn còn lại? Tức là hai loại Căn vô lậu sau làm Thể. Nếu không như thế thì Ưu căn có mười thứ cũng đồng với Dĩ tri căn lấy thêm của Đối Pháp luận, văn này là chứng Thiện pháp của ba đường ác, không phải Kiến đạo đoạn, sáu Căn sau chỉ có Tu đoạn và Bất đoạn. Như Biệt sao nói: "Các Căn Vô sắc có ba loại Kiến đoạn, Tu đoạn và Phi đoạn", thì tại sao duyên của Khổ căn không đoạn? Một là từ đa phần mà nói, trong Vô sắc Căn cũng trừ Khổ căn ra, Khổ căn chỉ có Kiến và Tu làm nghĩa, luận này cũng từ đa phần mà nói. Lại nữa, giải thích theo Khổ căn, thì Tự chứng phần thứ nhất là Kiến đoạn, gọi là Duyên không đoạn, trước căn cứ theo Kiến phần, thì gọi là duyên cõi Dục... cũng không có trái nhau. Có bao nhiêu Căn là chỗ hiển của Tạp nhiễm xả? Trừ các Thiện căn ra thì nói rằng Tạp nhiễm tức là chỗ xả thanh tịnh, là Năng xả. Lại nữa, giải thích Xả là Xả căn, trừ Thiện tánh căn ra, các Căn còn lại có thể sinh Tạp nhiễm, Xả căn tức là trừ ra tám Thiện căn, một phần năm Thọ

thiện... ở trước chỉ là một phần Thiện, tức là chỗ hiển của Thanh tịnh xả, đây là đại khái làm nghĩa của Sở duyên, có thể sinh Tạp nhiễm xả... Sáu Căn là nghĩa điên đảo, là năm Thọ và Ý là điên đảo, tại sao không nói là một phần? Lại nữa, nói sáu Căn, là Nhãn... sáu Căn, đây là căn cứ theo Cảnh khởi điên đảo khắp hết. Điên đảo Tự tánh, là sáu Căn. Phần ít, là năm Thọ và Ý. Phần ít trong đây, do đó mà biết Nhãn... sáu Căn làm nghĩa của điên đảo, Thắng tín... tám thứ có thể đối trị. Trong lỗi của Dục, hoặc có tám thứ là tám thứ Tín... là hợp chung giả thật mà luận; hoặc có năm thứ là chỉ có Thật tín... năm thứ. Một là Ý căn, lại cũng có năm thứ là năm Thọ, như tu trị Đoàn thực tưởng, Khổ căn cũng có nghĩa Năng trị. Hoặc một là Tuệ, có thể chánh đối trị, dưới dó có bốn đức, là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đức thứ ba là Khiên dẫn, là Đắc thứ nhất, đã đắc rồi thì tu trị, tu trị rồi thì dùng, dùng rồi thì xả bỏ "có dụng này", tự tại chuyển biến, đó là Ngã. Vị tri dục tri căn chứng quả thứ hai thứ ba, nương vào Xứ...", đây là căn cứ theo sự siêu vượt nhân loại mà nói.

Luận ghi: "Câu đầu nói về Cộng tướng", là một câu "thân này có Sắc". Câu thứ hai là Tự tướng, là chỗ tạo thành của thô trược, lựa riêng với Sắc của cõi Sắc. Nói rằng: "Tự tướng nương vào Nhân, Sinh nhân và Tăng trưởng nhân", là chỗ tạo thành của bốn Địa là một, cho đến chỗ trưởng dưỡng là ba. Chỗ tạo tác che lấp của Hàn, chỗ tạo tác tắm gội của Nhiệt, Lao nhọc là Án-ma. "Hai loại đầu nói là Vị, là cắt đứt phá hoại hai Sinh thời, có Sinh thời cho nên có Tử thời, dó có hai Vị, là pháp Tán diệt, tức là có hai thứ do pháp khác mà tan diệt và tự nhiên tan diệt. "Lại nữa, Tán là một và Diệt là một, do tám chỗ mà nam bị nữ trói buộc", một là vũ múa, hai là ca hát, ba là cười, bốn là liếc nhìn, đây là khi vui đùa nhan sắc xinh đẹp. Một là diệu xúc, hai là phụng thờ, ba là thành lễ, bốn là (không có văn), đây là khi thọ dụng, bình đẳng và chánh trực mà thọ. "Thọ sở nhiếp", sư Pháp nói: "Tự tướng là tự tướng của Hỷ lạc, Cộng tướng là Năng lãnh thọ". Tướng Y chỉ, là Thọ này có thể nhiếp lợi ích, vì nương vào Tướng, Y chỉ tức là Thân. Luận này giải thích Tự tướng, là chỉ có Hỷ thọ ở tại Ý, Cộng tướng là Lạc thọ, vì thông chung tại sáu Thức. Tướng Y chỉ là Năng nhiếp ích này, vì là Thân của Y chỉ. Tự tướng và Cộng tướng, tức là nêu ra Thể của Thọ bình đẳng chánh trực. Y chỉ, là hiển thị chỗ nhiếp của Thọ.

Luận ghi: "Đây là hiển thị Tín của nó đối với Văn tư tu có Thắng giải kiên cố", là thuộc Căn trước sinh kiến lập, là Tịnh tín có thể cùng với Văn làm Căn, sinh ra Tư của nó mà kiến lập Tu tuệ. "Lại nữa, Kiên cố này tùy theo Tín giải phương tiện mà hiển thị", là Trí sinh ra các loại

Chủ, Tịnh, Tối thắng... Người tương đương (với Trí), là Sa-môn trước, là Trí, vì bậc Trí là Sa-môn. Sinh là Bà-la-môn, trong bốn tánh thì Sinh là thù thắng. Chủ là Thiên ma, là Chủ của cõi Dục. Tịnh là Phạm, tức là Phạm vương. Tối thắng là câu tổng quát, thông với các câu trên, là "kiên cố tùy theo Tín phương tiện mà hiển thị các Thiện thù thắng, vì pháp Trí sinh ra, cho nên không thể động nó. Đây là đắc Tín giải Vô lậu, cho nên gọi là Bất hoại.

Giải thích thứ hai, là do Tín thắng giải của thế gian cùng với Thiện xuất thế gian làm Căn bản, tức là Thiện tín Vô lậu, Thắng giải thanh tịnh kiến lập kiên cố. Giải thích trước và giải thích sau đều thông với Vô lậu, nhưng kiến lập thì có khác chút ít, như "Căn trước sinh kiến lập" thì thuộc về Văn tư tu, giải thích sau là Căn sinh kiến lập, là thuộc Tín hữu lậu sinh Tín vô lậu... Lại nữa, giải thích Tịnh tín sâu chắc là Văn tuệ tương ưng với Tín căn mà sinh, là Tư tuệ tương ưng với Tín mà kiến lập, là Tu tuệ tương ưng với Tín, tức là lấy Văn tư tu của các câu trên, phải biết câu thứ nhất là câu nêu tổng quát, hai câu sau là câu giải thích, từ "sâu chắc" trở lên là câu thứ nhất tổng nêu, từ câu "Căn sinh kiến lập làm tất cả thế gian" trở xuống, hợp chung làm một hai đoạn văn này. Trong câu thứ hai của hai câu sau giải thích, Tín kiên cố là Tịnh tín kiên cố, làm Thiện căn bản của xuất thế, là Căn sinh Thiện pháp tịnh thắng giải của xuất thế, là kiến lập ở trên, phải biết năm Tinh tấn như văn trong bài tụng mà phối hợp, xem Đối Pháp quyển 1.

Luận ghi: "Các chỗ nhiếp của Thiện pháp, Căn, Tín... khác", là ba thứ Vô lậu sau, vì Giả không lìa Thật cho nên không nói riêng, nhưng từ trên đến đây chỉ thuyết minh đã xong mười sáu Căn, gồm không có ba căn Khổ, Lạc và Xả, nhưng trong thứ tự thì ba Căn sau chưa nói, hiện tại là riêng chỉ ra bảy Sắc, Thân, Niệm Trụ, năm Thọ và Ý căn, chín pháp sau thì như luận mà biết. "Thắng khổ đế nương vào chín Căn", là bảy Sắc, Mạng và Xả. "Tập có năm thứ", là quả của năm Thọ, vì là gốc của tạp nhiễm. Tất cả nhiễm của Diệt đế", là Đoạn. "Đắc tịnh", là chứng đắc tám Đạo, có thể biết. Lại nữa, giải thích Thủ căn và Xả căn của Khổ đế, như trong Tập đế bỏ Xả lấy Ý, hoặc trong Khổ đế không lấy Xả thọ. "Lấy Ý căn", tức là Tập đế lấy Xả căn. Nói rằng: "Thiện tư có chín Căn", là năm Căn như Tín v.v..., ba Vô lậu và Ý căn, vì từ Ái nhiễm môn mà nói. "Thiện mà nói là mười", là trong chín Căn thêm Xả căn, vì từ Thiện mà nói. "Mười sáu Căn", là trừ ra chỗ tư duy Nam, Nữ, Ưu, Khổ, Mạng và Ý của Ác tư. "Sáu Căn", là năm Thọ và Ý, vì lấy phần Nhiễm, hoặc năm Thọ trừ Xả ra mà nói. Lại nữa, đồng với

lấy sáu Căn, ngược với từ Thiện trở lại cho nên chỗ tạo tác của Ác tác có mười ba Căn, trừ tám Thiện sau và mạng căn. Lại nữa, giải thích Thiện tư có chín Căn, là lấy năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Lạc, Xả và Ý, là chín căn, trừ ra Khổ và Ưu. Khổ thì tại năm Căn, không phải tại Tư, Ưu thì không phải thích khoái cho nên không lấy. Nói có mười căn, là thêm Ưu, vì Ưu khởi các ngôn từ hay khéo. Thiện tác có mười sáu, là năm Căn như Nhãn v.v..., mạng căn và thêm mười căn trước, là mười sáu căn, làm Thân nghiệp tổng nương vào nam căn và nữ căn, không phải Thiện căn Vô lậu, nhưng không phải Thật cho nên không thông với phàm tình. "Hoặc Ác tư", là ba căn chỉ nương vào Ưu căn, Khổ căn và Xả căn, thuộc Ác tánh. Ác thuyết là thêm Hỷ căn và nhiễm phần của Sắc, tức là bốn căn, Ác tác thì thêm năm Căn như Nhãn v.v... và mạng căn nữa là mười căn, hoặc gồm lấy nam căn và nữ căn là mười hai căn. Nói rằng: "Tối thắng hoặc Nghiệp y xứ có chín Căn", tức là bảy Sắc căn, Khổ và Ưu, nương vào năm Thọ mà khởi Phiền não nghiệp. "Tám căn đoạn lãnh thọ của phiền não nghiệp", trừ ra hai căn là Khổ và Ưu. "Lãnh thọ kiết tường và bại hoại có mười một căn", là bảy Sắc căn, Ưu căn và Khổ căn. "Và Ý mạng có thể dẫn khởi", là tám căn sau, tức là tám Khổ. "Năm loại khởi kiết tường", là quán người mà xả, là loại thứ ba, bốn loại còn lại có thể biết. "Mười loại Nhẫn nhục", ba loại đầu duyên ba đời; hai loại kế là Ái ngã và Oan gia; vì nhiêu ích tăng trưởng tri thức của Ngã, làm tổn năm loại kiết tường trên, cho nên gọi chung là loại thứ sáu. Tất cả oán hại nhẫn oan gia, oan gia muốn khởi phương tiện để hại, cũng nhẫn nhịn phương tiện kia, là Oán hại nhẫn. "Lại nữa, giải thích Tất cả oán hại nhẫn", là chỉ gặp oán hại thì liền nhẫn nhịn. "Tất cả nhân Nhẫn", là oán khởi nhân muốn hại thì liền nhẫn nhịn. Thọ giáo nhẫn là thứ tám, là được người khác dạy bảo nhẫn nhịn, cho nên tự mình suy nghĩ chọn lựa mà có thể nhẫn nhịn; thứ chín là Sinh tu nhẫn; Tự tánh oán hại nhẫn là thứ mười. Hoặc có người nghe lời người khác đến hại mạng mà nhẫn, gọi là Thọ giáo oán hại nhẫn; hoặc người khác khéo suy nghĩ chọn lựa đến hại ta, gọi là Trạch lực nhẫn. Tự tánh là bản tánh hay làm hại. "Lại nữa, tất cả nhân oán hại nhẫn", là lấy oán hại làm nhân, cũng có các Dục trong các sự Nhẫn, đều có thể nhẫn nhịn thọ giáo. Trở xuống còn ba Nhẫn như thứ tự của nó, Văn tư tu tương ưng với ba Nhẫn đó.

Luận ghi: "Xả tướng và Xả cụ trong đây gọi là Xả", sư Pháp nói: "Tướng là Thể", tức là Vô tham tương ưng. "Tư cụ" như trên đã trình bày. Lại nữa, Tướng thể của Xả tướng, tức là Tối thắng xả thứ năm, vì

xả thân của mình. Cụ, là bốn thứ vật dụng nuôi dưỡng.

"Vô điên đảo trái với nhờ cậy", là dối trá lấy vật của người khác, cho là mình có thì gọi là Điên, luận này thì không có điều này.

Trong Bất phóng dật, "tu tập các Thiện pháp để phòng hộ tâm bất thiện...", là tu Thiện pháp cũng có Nhân tướng và Quả tướng, phòng hộ bất thiện cũng vậy, cho nên nói đều là tướng kia, đều là Tướng nhân quả .

Năm Lực, phối hợp riêng cũng được, phối hợp chung cũng được.

"Trước hết Phiền não đắc tám thứ", là bảy Sắc, Mạng và Ý chuyên nhất, Danh sắc làm duyên; Sáu Xứ thì Phiền não đắc thứ sáu, Xúc làm duyên; thì tám Thiện như năm Thọ và Tín... lấy Tinh tấn làm duyên; bảy Sắc và Mạng phải đề phòng, Ý chuyên nhất phải điều hòa tĩnh dưỡng, năm Thọ phải ngưng lặng, thì tám Thiện như Tín... tánh được điều thuận.

"Bi trói buộc Bồ-tát", là trói buộc khiến cho không lìa sinh tử như ngựa bị cột.

Hỏi: Nương vào Vị chí định, khi đắc quả thứ ba thì khởi Hỷ căn của Sơ tĩnh lự phải không?

Đáp: Có một loại có thể nhập, có một loại không thể nhập, là Lợi căn có nhiều Thiện trợ dưỡng thân thì có thể hiện khởi, loại này có hai thứ: là lợi căn và nhiều Thiện căn trợ dưỡng. Như độn căn, tuy có nhiều Thiện trợ dưỡng, nhưng căn cơ chậm lụt không thể nhập, như lợi căn, không có nhiều Thiện trợ dưỡng thì không thể nhập, phải lợi căn có Thiện trợ dưỡng mới có thể khởi được Hỷ. Nếu như không thể nhập, thì khi đắc quả rồi mới riêng dẫn khởi Hỷ căn, sư Pháp nói: "Tại sao không nói Lạc", vì Lạc tức là Hỷ thọ, có nghĩa là không có riêng Thể cho nên không nói. Như Đệ tam thiền, mới có Lạc thọ chân thật, cứ theo nghĩa này mà nói Lạc cũng được, trước đã dẫn chứng có Hỷ thọ, cũng có nói Lạc, nghĩa năm Căn vui thích tức là Lạc, nhưng vì không có phương tiện riêng để nhập Định tại năm Căn, cho nên bỏ mà không nói có, cũng không có hại gì!

Luận ghi: "Tám Căn nhập Sơ tĩnh lự, có ba căn một phần có thể nhập và một phần không thể nhập", tám căn là năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Xả và Ý căn, vốn có phương tiện hợp chung lại nói. Nói "không thể nhập", là Dị sinh không thể có Lạc căn, vì Thể suy yếu cho nên không nói. Đệ tam thiền có tám căn, đồng lấy Hỷ và Lạc, riêng Đệ tứ thiền trở lên thì trừ Lạc ra, có bảy căn còn lại, ba căn sau có thể biết.

Luận ghi: "Hoặc một căn hoặc tám căn đắc Sơ quả", một căn là

Vị tri dục tri căn, đây là ở trong Hướng mà đắc Quả. Tám căn là năm Căn như Tín v.v..., Xả, Ý và Vị tri dục tri căn là tám căn, là tổng và biệt hợp chung mà nói, Lạc căn thì ở tại Đệ tam thiền cho nên không lấy. "Hoặc hai căn hoặc chín căn chứng đắc quả Nhất lai", là Vị tri dục tri căn và Dĩ tri căn là hai căn, chín căn là tám căn nói trên thêm Dĩ tri căn. Người tu theo thứ tự thì nương vào Dĩ tri căn mà siêu vượt cõi người, khởi Vị tri dục tri căn, vì hợp với Tác pháp. "Hoặc hai, hoặc chín Hỷ căn không phải kiên trụ", là Hỷ căn của Vị chí định. "Nếu không phải hoặc chín hoặc mười căn của quả Bất hoàn, hoặc mười một hoặc hai căn", là tổng và biệt hợp chung có mười một căn. "Mười một căn", là năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Lạc, Xả, Ý, gồm Vị tri đương tri và Dĩ tri căn, các căn này đều thông vượt thứ tự mà luận, cho nên có mười một căn. "Hai căn", là Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và hai Giả căn, vượt thứ tự riêng, hợp chung mà luận cho nên có hai căn đắc quả thứ tư. "Hoặc một căn, hoặc mười căn", một căn là Giả căn, đây là căn cứ theo Vô gián đạo, Hướng cũng tức là Dĩ tri căn; mười Căn tức là năm Căn như Tín v.v..., Hỷ, Lạc, Xả, Ý và gồm một Giả căn, Đại thừa cũng được nói rằng vượt thứ tự, là Thể của quả thứ tư có hai căn, đều do mười căn mà đắc, hoặc Câu-xá luận nói thông với Giải thoát đạo thì căn đó cũng tức là thêm một Giả căn này.

Luận ghi: "Nương vào Nhất tánh xả làm Y xả và Chủng chủng xả", tức là cùng với Định tâm câu xả mà xả Tán tâm xả, duyên Xả của Vô tưởng giới làm Sở y mà xả Nhất tánh xả. Lại nữa, giải thích Xả của cõi Vô sắc chỉ duyên pháp trần gọi là Nhất tánh xả, cảnh của cõi Sắc có nhiều gọi là Chủng chủng xả, duyên Vô tâm xả gọi là Sở y xả, duyên với Hữu tâm gọi là Nhất tánh xả, hiện tại là duyên Không tâm xả mà xả duyên Hữu tâm xả.

Luyện căn của người có năm Chủng tánh, như Đối Pháp sao quyển 13 ghi: "Hỏi: Hoặc hàng Dự lưu khi tu Luyện căn, đã đắc Luyện căn rồi thì cũng chứng quả Nhất lai? Đáp: Chứng...", là khi của Sơ quả chuyển căn thì khởi ý cầu Lợi căn và đắc quả thứ hai, khi đoạn sáu phẩm Hoặc thì quả trở lại chuyển căn, hai chướng của căn và quả là chỗ đoạn của Vô gián đạo. Đây là phỏng theo Đắc và Thời, tâm đồng với Đoạn mà nói, nếu có Thời kỳ tâm khác, thì cũng khác thời mà đắc quả... không đắc quả Bất hoàn.

Luận ghi: "Hai nhân mà có một Đối trị thì khó đắc", tức là cõi Dục khi lìa Dục, là một trong ba điều khó, Phi tưởng lại làm một khó nữa. "Nghĩa Sở đắc rộng lớn", tức là quả công đức của thiền định rộng

lớn, cũng là hiển có nhiều quả Vô vi, không nói Nhất lai đắc Bất hoàn, vì không đồng quả Dự lưu, tuy đắc chỉ có Thời kỳ tâm khác, thì không có nghĩa là đồng thời đắc, không trái với sự lìa Dục, vì cũng căn cứ theo Thời kỳ tâm. Như thế, Nhất lai chuyển căn thì Vô gián đạo liền đoạn, có nghĩa là chưa đắc quả.

Hỏi: Luyện căn đạo tức là Đoạn đạo?

Đáp: Sư Pháp nói: "Như Luyện căn của Tiểu thừa Hữu học căn cứ theo Kiến đạo làm một phẩm, Luyện căn của Vô học thì chỉ có Tu đạo, làm chín phẩm. Nếu như thế thì trong đây như lấy người Nhất lai làm sáu phẩm Đoạn đạo thì làm sao có Luyện căn? Làm sáu phẩm thì liền thành, cho nên biết cũng không đắc một phẩm nào để làm sáu phẩm, cũng không được làm Luyện căn của chín phẩm. Đắc Nhất lai, tuy có sáu phẩm, nhưng hiện tại Đại thừa hoặc một phẩm Chân Như mà được khởi Luyện căn, hoặc sáu phẩm Chân Như mà khởi Nhất lai đạo, đều là Luyện căn của Thời kỳ tâm.

Luận ghi: **"**Đối với Thắng giải hạnh Địa mà lập Căn thứ nhất...", điều này cũng có hai thuyết:

1. Nói rằng đây là Đại thừa, không như Tiểu thừa gọi Địa tiền là Thắng giải hạnh địa, mà gọi là Vị tri dục tri, nhập Kiến đạo, Vô gián đạo cho đến Kim cương định gọi là Dĩ tri căn, vì đã biết đầy đủ nghĩa Chân Như, chưa biết đầy đủ Chân Như gọi là Vị tri dục tri, không giống như Tiểu thừa lấy chỗ chưa biết mà biết trùng lên, gọi là Vị tri đương tri. Hiện tại văn của luận này làm chính, từ nhập Kiến đạo trở đi đều gọi là Dĩ tri căn, đến Như Lai địa thì sáng tỏ đầy đủ cho nên gọi là Cụ tri, Vô gián đạo và Kim cương dụ định vì chưa sáng tỏ đầy đủ cho nên không gọi là Cụ tri.

2. Nói rằng thật ra là Sơ căn, vì Kiến đạo và Vô gián đạo từ khi chưa xuất quán đến nay chính là mười lăm tâm trước, hiện tại là từ nhiều thời để hiển thị chỗ dễ hiểu mà nói, cho nên nói Thắng giải hạnh địa cũng không có gì trái nghịch, các nghĩa này đều là Chánh pháp tạng giải thích.

Trong ba viên mãn, đều là ở trong Học mà luận, trong câu hỏi thì phỏng theo Học mà đặt câu hỏi, cho nên ba viên mãn này đều có riêng Thể tánh, như Căn đầy đủ hai quả đầu, thì cũng được Định mãn, phải đoạn hết Hoặc chủng từ Đệ tam thiền trở xuống, cho nên khi đắc Diệt định thì mới đắc Quả mãn, tức là chỉ đoạn chín phẩm Dục, một phẩm của Địa cõi trên chưa đoạn tức là đắc Vô học, cũng có ba Thể riêng là Căn mãn, Định mãn và Quả mãn. "Tức là tất cả", là Quả mãn trong

đây, không thể làm thông lệ mà nói. Định thông với tâm và Vô tâm, Vô tâm đã đắc rồi thì mới đắc Định mãn. Quả mãn thì thông với Hữu học và Vô học, Vô học đã đắc rồi thì mới thành Quả mãn, vì trong Định thì Vô tâm định là quan trọng, Quả chướng thì Bất hoàn chướng là quan trọng.

Luận ghi: "Do bốn duyên mà các Căn gọi là không điều phục", 1. Lên đến khiến cho không buông lung, nếu đáng phải buông lung, thì xuống đến khiến cho không hiện khởi. 2. Sức đoạn Đối trị trở xuống, đến làm cho Tánh không nhiễm mắc. 3. Làm cho tánh phiền não không hiện hành trở lại. 4. Bốn duyên này đều thấy giải thích điều phục Căn trở xuống, bốn Căn thì giải thích ngược lại là không điều phục.

"Mười bốn Căn nhiếp ba tụ hữu tình", là trừ Tín... tám căn ra, vì thuần Thiện. "Phần ít ngoại xứ", là phù căn của năm Trần và pháp Xứ tâm sở... cho nên nói là phần ít. "Năm Căn nhiếp thọ", là năm Thọ, ba Thọ trở lại nhiếp lẫn nhau. Trong không nhiếp Giác phẩm, "hoặc bốn hoặc sáu", là hợp chung Nghiệp và Mạng làm một mà nói, cho nên bốn căn khai làm sáu căn, vì văn này căn cứ theo Chánh tư duy, tuy phát ngữ ngôn Gia hạnh không đồng với Tiểu thừa là Tầm, luận này thì lấy Tuệ sở y mà phỏng theo Thể, là chỗ nhiếp của Tuệ căn. Trong năm Căn như Tín v.v... và ba Vô lậu nhiếp nhau, thì Vô lậu là ba căn rộng, năm Căn như Tín v.v... là năm căn hẹp.

Biến tri, là Trí. Vô vi là từ nhân mà đặt tên, làm đề mục cho Biến tri; trong đây hoặc hai căn là Dự lưu vượt thứ tự lấy quả thứ tư; hoặc ba căn là người Bất hoàn vượt thứ tự, sau đó lìa Dục của cõi Sắc và cõi Vô sắc, hoặc bốn căn là Dự lưu theo thứ tự mà lấy, sau đó lìa Dục của ba cõi, đây là Kiến đạo trong Đại thừa chỉ có một phẩm cho nên như vậy; hoặc năm căn là Dự lưu và bốn Đế làm bốn quả, hiện tại Đại thừa cũng không được phân ra Giới, Địa khác thời, chỉ có một Đế làm một sát-na, vì siêu vượt thứ tự bốn quả mà lấy quả A-la-hán; "Năm căn hoặc sáu căn", tức là Kiến đạo Nhị thừa có chung ba tâm, Kiến đạo có ba tâm; "sáu căn hoặc bảy căn", là ba thứ Kiến đạo, bốn Đế và Tu đạo này; "bảy căn hoặc chín căn", cũng như văn Tùy thuận lý môn; "hoặc mười căn", như chướng của Thập địa, trong đây không có một căn và tám căn, là do hai duyên mới được kiến lập. Biến tri, là Kiến đạo có sáu căn, thông đạt với Đế lý, Tu đạo có ba căn vĩnh viễn vượt qua các cõi. "Do Tướng đồng phận, Giới không đồng phận và Giới đồng phận mà lập hai loại Biến tri", là Khổ tập một vật, Tướng đồng phận không phải cõi Sắc, không đồng phận là cõi Dục, Khổ biến tri và Tập biến tri là

Khổ tập một vật, cõi Sắc và cõi Vô sắc hợp chung mà lập, là lập Tướng đồng phận và Giới đồng phận, cho nên lập Khổ tập biến tri của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đạo đế và Diệt đế khác nhau, vì cõi Dục không phải cõi Sắc và cõi Vô sắc, cho nên hai Biến tri của Diệt và Đạo lập trên cõi Dục; Kiến đạo khác nhau vì Địa của cõi Sắc và cõi Vô sắc đồng phận với Diệt đế, cho nên lập hai Biến tri của Diệt và Đạo trên cõi Sắc và cõi Vô sắc. Hợp chung với trước thì có sáu Biến tri, Kiến đạo trở xuống có ba Tu đạo.

Luận ghi: "Các tướng tùy hảo là Thiệt căn và là chỗ nương của bốn Căn", là đắc tướng Thượng vị, đó là tướng hảo của Thiệt căn, còn lại chỉ có chỗ nương của bốn căn, là lông trên thân óng mượt, mỗi lỗ mỗi sợi; tướng Thiên bức luân, là chỗ nương của Thân căn; tướng Mã vương tàng, là chỗ nương của Nam căn; tướng mắt xanh biếc, là chỗ nương của Nhãn căn; tướng lưỡi rộng dài che khắp mặt, là chỗ nương của Thiệt căn. Mười Lực lấy Tuệ căn và Cụ tri căn làm Thể, trong đây căn cứ theo Vô úy thì năm Căn đều được làm Thể, đây là căn cứ theo điểm mạnh và thù thắng mà luận, như nói: "Như Lai có mười trí lực cho nên Tuệ là mạnh", riêng nêu bốn Vô úy và năm Căn không có mạnh yếu, đều lấy làm Thể. "Ba loại Niệm trụ", là lấy ba Thiện căn: một là Vô tham, là đối với người khâm phục và ngưỡng mộ mà sinh. Hai là Vô sân, là đối với người hủy báng mà sinh. Ba là Vô si, hoặc thông, hoặc hạn chế, chỉ ở trong chỗ nương mà sinh.

Luận ghi: "Đại bi không phải chỗ nhiếp của Căn, mà là chỗ nhiếp của Vô sân, Vô si", cho nên biết Vô si riêng có Thể tánh. "Sáu Căn chứng vĩnh viễn đoạn tập khí", là năm Căn như Tín v.v... và Cụ tri căn.

Luận ghi: "Dị thục phẩm Thô trọng, là chỗ chưa đoạn được của A-la-hán", có thuyết giải thích rằng: "Các chủng tử gọi là Dị thục, phẩm này tánh cứng như đá, do đó chưa đoạn được, cho nên có dơ cao chân vượt qua hầm hố..." Lại nữa, có thuyết khác giải thích rằng: "Do phiền não làm duyên và lực, do đó dẫn đắc tướng Dị thục Vô ký sinh khởi, phiền não tuy đoạn diệt, nhưng lực tập khí của phiền não khiến cho Thể của Dị thục do đó mà có tính đảm đương theo đuổi, gọi là Dị thục phẩm Thô trọng. Lại nữa, chủng tử pháp chấp, trong bốn loại Vô ký, thuộc Dị thục phẩm nhiếp. Phẩm là phẩm loại, là chủng loại của Dị thục". Đây là giải thích của Phật Địa luận. Hiện tại do có Khổ Thô trọng này mà gọi là Dị thục phẩm Thô trọng, Như Lai thì đã đoạn vĩnh viễn.

Luận ghi: "Xúc có thể nhiếp Thọ, là hoặc Hỷ, hoặc Lạc, hoặc

một phần Xả", đây là giải thích Xúc lấy sáu Thức làm Thể, sáu Thức này cùng với Xúc có thể nhiếp toàn phần hai Thọ là Hỷ và Lạc, và một phần Xả thọ. "Nhiếp ích", có nghĩa là tăng trưởng, Ưu khổ là nghịch tổn không phải nhiếp ích, Xả thì thông với thiện quả và ác quả, đây là lấy thiện quả mà xả cho nên nói một phần, hoặc Xả thông với sự vui thích, vị lai và hiện tại lấy Hỷ lạc chưa sinh, cho nên nói một phần. Có người nói: "Do đây mà biết, lấy Xúc tâm sở làm Thể của Xúc thực", điều này không thành giải thích, vì trái nghịch với Đối Pháp. Lại nữa, Tùy thuận lý môn này, Nhiếp luận nói: "Xúc thực thuộc sáu Thức, Ý thực và Tư thực hy vọng Hỷ căn, là nhiếp ích Thiện Thức", Ý này đều là Thọ, cũng thông với ba Thọ là Hỷ, Lạc, Xả, nhưng vì tướng Hỷ thì thô cho nên nói thiên về Hỷ, hoặc chỉ nêu ra đa phần của cõi Dục mà nói, nhưng cõi trên cũng có chung Lạc thọ, Xả thọ ở cõi dưới tuy có nhưng ít cho nên không luận, đây là nói Dục cùng với ba Thọ đồng thời, Xúc thực và Tư thực gọi là Nhiếp ích, không muốn lấy hai tâm sở Thọ và Xúc, do Thức thứ tám của loại Nhiếp ích ở trước cho nên Xúc tâm sở duyên hiện tại, Thức, Ý và Tư thì duyên vị lai, sau Thức là sự minh lợi trưởng dưỡng, vì sau Thức là sự minh lợi trưởng dưỡng cho nên gọi là Thức thực, cũng là lấy chung sự trưởng dưỡng trong sáu Thức mà luận. Do Đoạn thực... ba loại Thực đầu nuôi dưỡng trì giữ Thức, khiến cho Ý căn chuyển biến sáng thịnh sinh trước thêm nhiều. Do hai thứ trưởng dưỡng cho nên Thùy miên... không phải Thực, trưởng dưỡng thứ nhất có thể khiến cho riêng có bốn Đại của các Căn tăng thịnh, mỗi mỗi đều khác nghĩa. Trưởng dưỡng thứ hai khiến cho không tổn hại. Trưởng dương Thùy miên... thì có loại thứ hai, không có loại thứ nhất; Tứ thực thì có loại thứ nhất, không có loại thứ hai, cho nên gọi là Thực.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thiên nhãn lẽ nào không phải là chỗ trưởng dưỡng của Định?

Đáp: Tuy là từ chỗ phát khởi của Định, nhưng chính là chỗ sinh của Xúc thực và Tư thực trong Định, khiến cho trưởng dưỡng bốn Đại của các Căn tăng trưởng, Định chỉ khiến cho không tổn hại, không thể làm cho tăng ích.

Luận ghi: "Do ba môn cho nên hai loại tạp nhiễm tăng trưởng...", ba môn là ba Thực đầu, Phiền não nghiệp có hai nhiễm ô, vì nương vào Thức thực, cho nên nuôi lớn đối với Thức, ngoài ra thì đều có hiện tiền.

Luận ghi: "Vì đa phần cho nên dễ giác tri", là đa phần Tứ thực này. Nếu như thế thì nghiệp sinh lẽ nào không phải là đa phần? Tức là

nói rằng dễ giác tri, lựa riêng với như giác. Nghiệp đời trước và phàm phu lìa chướng tuy dễ biết, đối với các Niệm trụ thì dễ nhập, cho nên nói bốn câu này: Đoạn thực nhập Thân, Xúc thực nhập Thọ, Thức thực nhập Ý, Tư thực nhập pháp. Tứ thực hằng ngày dễ trưởng dưỡng, cho nên ngoài ra đều không phải. Các Địa ngục trong đây có các Phong (gió) vi tế gọi là Đoạn thực. Tầm tứ địa trong Bản địa phần thì nói không có, là các luận đó căn cứ theo Địa ngục nặng, lại cũng khó biết cho nên không nói, đây mới là chính.

Luận ghi: "Tại sao có một Y là các Căn đồng phận kia", là Căn đồng phận kia chỉ nương vào bốn Đại: một là Căn đồng phận hữu sắc, tức là nương bốn Đại và Thức tự phần. Hai là Căn. Ba là Ý nương Sắc mà trụ, một gọi là Y sắc, hai gọi là Y ý, ba gọi là Y chỗ trụ của tâm. Ba Căn và Tâm sở y lẫn nhau cũng vậy, cõi Vô sắc không có Sắc cho nên chỉ có hai Y, cho đến Thức thứ tám cũng vậy. Trong đây căn cứ theo "sự tăng thượng đồng thời", tức là nói Căn. Tụng nói rằng: "Nghĩa nương Xứ chứng đắc, nhiếp Thực do các câu". Trong đây có sáu Y xứ, từ tụng trước nói rằng: "Vài Căn do cảnh giới, hai y xứ Danh, Nghĩa"; "vài Căn trước do Phiền não chiêu cảm" trở xuống đến "các Căn của bốn Duyên gọi là không diều phục" trở lại, là thuyết minh về chứng đắc, "có mười bốn loại nhiếp Tam tụ hữu tình" trở xuống đến "chín Biến tri" trở lại, là thuyết minh về Nhiếp, như kinh đã nói. "Tứ thực" trở xuống, đến "Địa ngục có gió vi tế, vì khó biết cho nên không nói", là thuyết minh Thực thứ năm, từ đây trở xuống là thuyết minh các câu.

Luận ghi: "Nhiếp trì đầy đủ tất cả nghĩa, nhiếp trì đầy đủ tất cả Hành nghĩa, gọi là Uẩn", giải thích nói rằng: "Vì muốn thuyết minh niệm niệm nhiếp nghĩa cho nên có lời nói lập lại". Lại nữa, giải thích câu nói thứ nhất là Thể, câu nói thứ hai là Năng thuyên, do Thể như vậy cho nên lập Danh như vậy, văn từ đây trở xuống, căn cứ theo đó mà biết.

Trong Uẩn... "có sáu nhân kiến lập", thứ tự phối hợp với ba Thiện xảo. "Lấy giả làm Thân", tức là mười hai Xứ, là chỗ nương của Giả.

Trong khiển trừ sáu Tà chấp, nói rằng: "Y chỉ tà chấp", là kế chấp Y chỉ làm chỗ dừng, là nói Uẩn phá. Nhân là giới, Phá cũng có thể biết. "Ba Năng trì y chỉ tà chấp Ngã", là Sắc năng trì của ngoại đạo. Y chỉ, là Ngã; hiện tại phá là mười hai Xứ, vì Thức năng trì là Sinh trưởng môn, ngoài ra đều có thể hiểu.

"Quán mười Lợi thù thắng của Thiện xảo", có hai loại giải thích về mười Lợi thù thắng. Loại giải thích thứ nhất:

1. Đến "Tưởng hợp nhất", là phá Ngã thường thứ nhất.

2. Đến "thì liền không điều gì mà không hủy báng", là phá Tà kiến hủy báng không.

3. Đến "đã tin rồi thì khiến cho tăng trưởng", là đoạn nghi sinh Tín.

4. Đến "Thánh giáo trụ lâu", là chánh pháp không mất duyên.

5. "Ngộ duyên khởi lý" đến "không phải tác giả, không có Thật tánh", là phá Ngã, Tác giả...

6. "Tuệ căn quảng đại cho đến Duyên sinh sai biệt".

7. "Cho đến Duyên sinh sai biệt, đang khéo trụ niệm".

8. "Cho đến Nhất cảnh tánh".

9. "Cho đến khiến cho Thánh tuệ căn đang được sinh khởi". 10. Đến "tùy chứng Lậu tận".

Loại giải thích thứ hai:

1. Trừ Tưởng hợp nhất... của Ngã chấp.

2. Có pháp trụ, cho nên liền không thể hủy báng.

3. Tự mình không có nghi hoặc.

4. Khéo đáp câu hỏi của người khác.

5. Khiến cho người khác tin tưởng.

6. Khiến cho giáo pháp trụ lâu, trở xuống bốn câu còn lại có bốn chữ "lại nữa", tức là mười giải thích Lợi thù thắng.

BẢN LUẬN 58

Trong đây nói Diệm Ma vương, tức là trong Bản Địa phần nói Tĩnh Tức vương, là tịnh dứt các điều quấy. Căn cứ theo ý của văn này thì sứ giả của Diệm Ma là cai ngục, đồng tử... đều là do nghiệp lực tự sinh ra, không phải do hữu tình hóa sinh, vì trong Sứ nói Giả (người làm sứ giả), xứng với số hữu tình.

Luận ghi: "Từ trong nước có muối, một phần chúng sinh ở đất liền khó có được", là trừ Luân vương ra đời làm chủ cất chứa châu báu, nếu dùng tay đặt vào biển lớn, thì tất cả châu báu đều tùy theo xuất hiện, tức là cũng có người được châu báu, luận này bỏ qua không luận.

Luận: Trong "các Kiến thú", như năm Thú là nơi chỗ trở về của hữu tình, sáu mươi hai Kiến là chỗ trở về của các Kiến, cho nên nói các Kiến thú.

Luận ghi: "Không có diệu hạnh ác hạnh gọi là hủy báng Dụng...", cùng với Đối Pháp quyển 1... trái nhau, hãy xem văn đó.

Luận: Trong "Giới thủ", là chỗ thọ trì tùy thuận chấp lấy Kiến thủ quyến thuộc và Kiến thủ tùy pháp...", đây là dựa vào Kiến thủ mà thọ trì giới cấm, giới cấm tùy theo Kiến thủ kia mà sinh Kiến thủ quyến thuộc, Kiến thủ tùy theo pháp. Đây là chấp lấy giới cấm mà sinh.

"Sân có bốn loại", là tổn hại kiến giải của mình và người, tổn hại hữu tình của mình và người, làm thành hai mươi hai loại, như văn có thể hiểu.

"Trong Mạn, đối với Hậu hữu xứ mà khởi Mạn", là chấp Ngã đang, không đang có...", văn dưới nói rằng: "Hoặc là Động", là nói đang có, "Bất động", là đang không có. "Hý luận tạo tác", là giải thích "quảng thuyết (rộng nói)" trên, cho đến "Ngã đang Phi tưởng...", là ý trong đây, hiện tại xem quyển 86 sau cũng có văn này. "Riêng có ba loại Mạn", là là chỗ yếu kém mà bằng với chỗ thù thắng, loại này nhiếp bốn Mạn, như quyển 56 trước nói: "Đối với Dục và Mạn nhiếp hai loại", là Ngã mạn và Tăng thượng mạn. Hai Hậu hữu xứ khởi Mạn chỉ có một là Tà mạn. "Ngã đang Phi tưởng...", đây là chỗ của bảy sự.

Luận: "Hoặc là Loạn mạn, hoặc là Bất Loạn mạn" trở xuống, có hai giải thích trái ngược, cứ phối hợp với bảy Mạn, phải hợp trong chư Thiên.

"Nghi có năm tướng sai biệt", là nghi không có đời khác, nghi không có Tác dụng, nghi không có nhân quả, nghi không có Đế, nghi không có Thật, là năm tướng.

Luận ghi: "Mười Phiền não đều cùng với tất cả phiền não của Tự tha lần lượt duyên nhau...", văn này làm chứng cho Kiến thủ và Giới cấm thủ, không chỉ duyên các sự của Kiến, Giới phát sinh, cùng với Kiến, Giới nương vào pháp mà các tham... đều duyên, vì lấy làm Cảnh cho nên không có hại.

"Không phải Hoặc của Địa cõi trên có thể duyên tất cả phiền não của Địa cõi dưới", đây là tùy thuận theo lý. Như văn của quyển 59 dưới ghi: "Địa trên duyên Địa dưới mà khởi Mạn", như Hiển Dương ghi: "Cõi Vô sắc duyên ba cõi mà trói buộc và không trói buộc", đều là Mạn duyên một phần sự mà chuyển, thì làm sao duyên cõi dưới? Căn cứ theo các luận này thì cũng có khởi, nhưng không đồng với Tà kiến.

Luận ghi: "Vì Câuiinh Tát-ca-da kiến chỉ có niệm của tánh Vô ký hiện hành", như quyển 94 dưới ghi: "Thế gian không chế phục Kiến này, trong Tu thì chế phục, hoặc Ái hoặc Khuể, vì Kiêu mạn lân cận, Kiến này tương ưng với Vô minh, không luận là Ngã kiến hay Biên kiến, Kiến này đồng thời với Mạn và Ái". Văn của luận này nói: "Có nói Kiêu mạn lân cận, trừ Mạn cùng với Tham khuể lân cận ra". Cũng như quyển 94 dưới nói, nhưng một Kiến này chỉ có tánh Vô ký, thì làm sao thành chín phẩm? Cõi Dục do phẩm nào nhiếp? Sư Pháp nói: "Đây là ba phẩm sau, nếu Thế gian đạo khi chế phục chín phẩm, thì chỉ chế phục sáu phẩm trước, vì ba phẩm sau không thể chế phục, nhưng sáu phẩm trước cũng có chín phẩm, cho nên nói rằng Thế gian đạo cũng chế phục chín phẩm.

Hỏi: Sáu phẩm trước như thế nào phân thành chín phẩm? Một phẩm phân làm chín, tức là có hơn năm mươi bốn phẩm, nếu một phẩm làm ba thì có hơn mười tám phẩm. Lại nữa, Na-hàm không đoạn Ngã kiến... của cõi Dục, tức là đoạn chưa hết chín phẩm của cõi Dục, vì ba phẩm sau chưa đoạn, cho nên Na-hàm này chưa đoạn, chỉ chế phục Hoặc mà đắc quả Dự lưu, không đoạn năm phẩm Hoặc trở xuống, vì không có chướng quả?

Đáp: Không phải, cũng là Na-hàm tùy lìa Dục địa đoạn thì chỉ có Câu ngã kiến thứ bảy còn tồn tại, Na-hàm tuy đoạn chín phẩm, tức là Dị sinh chỉ chế phục sáu phẩm của cõi Dục. Luận này giải thích rằng: "Đây cũng là chín phẩm, tùy cùng với phiền não nào cùng khởi tăng thượng thì nói, hoặc chỉ có phẩm loại thứ chín, thì Dị sinh chế phục chín phẩm cũng hết. Nhưng trong phẩm thứ chín, có các loại khác chưa tận, tức là Ngã kiến, do đó Thế gian đạo không phải như vậy, vì trong phẩm thứ chín thì vi tế.

Luận ghi: “Trừ bỏ Sở tác trước có thể tiến đến nẻo ác, mà tùy thuận thọ nghiệp sau”, từ trên đến đây có ba nhân, thuyết minh Tác nghiệp hiện tại có thể tiến đến nẻo ác, trừ bỏ nghiệp trước thuận theo nghiệp sau mà thọ nghiệp, thọ quả nẻo ác, không phải Sinh nhân này mà thọ, cho nên trừ bỏ nó. “Đối với bốn Kiến trong cõi Dục cùng với Mạn, Hỷ, Ưu, Xả tương ưng”, điều này cũng như Đối Pháp quyển 7 đồng với quyển sau, nên hiểu sâu giải thích đó, nguyên nhân rất tinh tấn.

Luận ghi: “Mười Phiền não là chỗ đoạn của Kiến thì gọi là Vô sự, các chỗ khác thì duyên Hữu sự và Vô sự”, điều này cũng như Đối Pháp quyển 5 nói, văn trái nhau.

Luận ghi: “Nếu có tùy thuận như vậy thì phiền não đồng thời hiện hành với phẩm loại của Phiền não...”, Tùy thuận, là câu nói tổng quát tổng, hoặc là Tầm tứ, Thùy miên... Thể không phải phiền não, vì thuận cho nên gọi là Phiền não, hoặc nói rằng Tâm sở trong Biệt cảnh cùng với phiền não đồng thời hiện hành, vì Tùy phiền não do bốn tướng đồng thời hiện hành. Gọi là phẩm loại của Tùy phiền não, tức là Phẫn, Hận... như văn dưới nói là Phẩm loại... “Sai biệt kiến lập”, như luận này quyển 55 trước đã nói.

“Hoặc trong Tạp sự, Thế Tôn nói các Tùy phiền não...”, tức là luận này nói pháp Uẩn đầy đủ, và quyển 89 dưới rộng giải thích nghĩa, Đại chúng bộ và ngoài ba tạng ra, còn riêng lập Tạp tạng Đại thừa, Tát-bà-đa bộ không có riêng Tạp tạng, vì trong Tỳ-nại-da có Tạp phẩm, luận đó rộng thuyết minh.

“Tùy hoặc nương vào mười hai Xứ mà chuyển các Phiền não...”, đây là phỏng theo Tổng tụ mà khởi, như quyển 55 trước, trong Biệt xứ khởi phiền não tương ưng không trái nhau, như quyển 55 trước đã nói.

Luận ghi: “Cuống siểm là phẩm loại của Tà kiến đẳng lưu”, quyển 55 trước nói rằng: “Đó là Si đẳng lưu”, vì Tà kiến là Si tăng thượng, đây là phỏng theo Biệt hành mà nói Tà kiến, nhưng Tà kiến kia thì luận chung cho nên là Si phần. Lại nữa, lấy Thể của Tà kiến kia mà nói cho nên là Si phần, đây là phỏng theo khi hành tướng khởi thì tăng thêm, nói “Tà kiến đẳng lưu”, điều phải xem kỹ các luận.

Hỏi: Trước đã nói rằng Tuệ tự tánh trong Bất tương ưng, thì Tà kiến đồng thời như thế nào phát khởi ngôn ngữ Tầm tứ mà cùng với Kiến đồng thời?

Đáp: Lúc này nương vào Tư tầm tứ, không phải nương vào Tuệ, cho nên không có vấn nạn chỗ hại.

Luận ghi: “Nếu các Cụ phược Bổ-đặc-già-la sinh tại cõi Dục thì

thành thục Phiền não Tùy miên của ba cõi, nếu sinh tại cõi Sắc thì chỗ có Dị sinh thì thành thục cõi Dục, bị Xa-ma-tha tổn hại chế phục Phiền não, Tùy miên", điều này trái với Đắc thành thục ở trước, như Đối Pháp thì đồng, văn này như trước mà hiểu.

Luận ghi: "Chỉ đối với hiện tại do chủng loại Phiền não Tùy miên này mà nói là trói buộc", sư Pháp nói: "Trung Biên luận cho rằng, vì huân và phát chủng loại hiện tại cho nên gọi là trói buộc. Hỏi: Luận nói rằng, chủng loại như vậy, phải biết các Phiền não khác cũng vậy"? Sư Pháp nói: "Hoặc như một loại, như thế thì các Phiền não khác cũng vậy". Sư Thái nói: "Hoặc như trói buộc hiện tại không phải quá khứ và vị lai, ngoài ra còn kết buộc Tùy miên... nghĩa môn của các Phiền não khác cũng vậy", chỉ phỏng theo hiện tại mà nhập vào Phi quá khứ vị lai trong đây.

Hỏi: Luận nói, mê khổ của cõi Dục có mười Tùy miên, Tập diệt đạo có tám Tùy miên trừ ra Thân kiến và Biên kiến".

Hỏi: Luận này cũng như Đối Pháp... có mười Tùy miên, tại sao lại trái nhau?

Đáp: Hoặc Như thật lý môn thì có hai môn: một là Phiền não mê Đế môn, hai là Đế hạnh đối trị môn. Nếu là mê Đế môn thì cũng Đối Pháp luận, mỗi mỗi Đế đều có mười Tùy miên; nếu là Đế hạnh đối trị môn, tức là ba Đế của luận này, mỗi mỗi đều có tám Tùy miên, chỉ có Khổ, có Không hạnh và Vô ngã hạnh làm Năng đối trị, thiết lập Thân kiến và Biên kiến, Biên kiến thì tùy theo Thân kiến mà khởi, cho nên nói Không hạnh... đoạn nó. Lại nữa, vì có Không hạnh và Vô ngã hạnh làm Năng trị, cho nên có Thân kiến làm Sở trị; vì có Vô thường hạnh, cho nên có Biên kiến làm Sở trị, các Đế khác thì không có, cho nên lược bỏ không luận, đây là phỏng theo biệt duyên, phỏng theo tướng Kiến đạo, từ Kiến đạo trở về trước mà nói. Hoặc Như thật, là các Phiền não đều là Không hạnh Vô ngã hạnh đoạn dứt, là tùy theo chỗ khởi mê mà nói. Nói rằng Kiến sở đoạn, thật ra không phải duyên riêng Đế lý để đoạn Hoặc.

Hỏi: Như các Đế của Tạp tập đều có Thân kiến và Biên kiến, thì như thế nào là tướng loại?

Đáp: Hoặc của Đế này Đế kia cõi dưới làm Ngã, thì gọi là Thân kiến và Biên kiến cõi dưới của Đế này. Giới thủ... cũng vậy.

Hỏi: Nếu như thế thì tổng duyên Hoặc của bốn Đế cõi dưới làm Ngã, thì trong bốn thứ này Đế nào đoạn?

Đáp: Không có bốn Đế này thì không thể tổng duyên, vì từ biệt

duyên mà khởi.

Hỏi: Nếu như thế thì Thân kiến và Biên kiến của Khổ tập cõi dưới, không thể duyên khắp năm môn?

Đáp: Lấy lý này để thuyết minh duyên năm môn, là có lực tăng thắng thì nghĩa mê Khổ tăng thêm, chỉ thấy chỗ đoạn Khổ, từ Đế thứ ba trở xuống thì lực của Thân kiến và Biên kiến yếu kém, không thể duyên khắp năm môn, chỉ có người mê riêng cho nên thấy chỗ đoạn Khổ này.

Hỏi: Thân kiến và Biên kiến của Tập đế cõi dưới, tại sao không như vậy?

Đáp: Lực của Thân kiến Biên kiến mỏng yếu, nếu riêng mê Tập thì tức là chỉ có duyên tên của Tập đế, cho nên gọi là Kiến tập đế đoạn, không đồng với hai mươi hai câu của Khổ. Ngã kiến đã mê Khổ mà sinh, là thuyết minh chỉ có Kiến đoạn. Tu đạo thì không có.

Luận ghi: “Bác không có cha mẹ... là một phần mê Khổ...”, là quả do mê mà khác nhau, cho nên thấy Khổ tập đoạn dứt cũng khác nhau.

Luận ghi: “Lại nữa, có các Kiến vọng chấp Tự Tại thế chủ, Thích Phạm và các tổng loại khác là thường là hằng, không có biến đổi, Tà kiến như vậy cũng là mê Khổ đế”, đây là kế chấp Phạm vương làm Thường, không sinh sau Ngã kiến, cho nên là Tà kiến.

Hỏi: Phần đầu luận này nói chính là Biến thường luận và Nhất phần thường luận, thì Biên kiến tức là chấp Phạm vương làm thường, tại sao trong đây lại nói là Tà kiến?

Đáp: Có hai thuyết, nếu khởi Ngã kiến chấp Phạm vương làm Ngã, sau đó chấp làm thường, Thường kiến này sinh sau Ngã cho nên thuộc Biên kiến nhiếp, cũng như đoạn văn trước nói: “Trong đây phỏng theo sau Ngã kiến mà sinh”, đây là Phi thường kiến cho nên thuộc Tà kiến nhiếp, cũng không trái nhau.

Hỏi: Phàm phu chế phục Tu mà không chế phục Kiến, thì Kiến này thế nào, là Ngã kiến của cõi Sắc sinh khởi tại cõi dưới hay sao? Nếu Ngã kiến... của cõi Dục thì như thế nào duyên Sắc mà sinh?

Đáp: Ngã kiến này là cõi Dục trói buộc, vì duyên Danh làm Cảnh, được duyên Danh kia mà sinh, Danh là danh tự, do nghe Danh kia mà duyên. Lại nữa, Danh là bốn Uẩn, tức là tướng của tâm này, lìa tâm thì không có riêng Thể, cho nên nói duyên Danh.

Hỏi: Nếu như thế thì cùng với Dục và Kiến có gì khác?

Đáp: Đến phần Duyên cảnh ở sau thì sẽ biết. Rộng giải thích Sai biệt có hai thuyết:

1. Biến Thường luận này nói đều là Tà kiến, không phải sinh sau Ngã kiến, cho nên văn trước nói là Biên kiến.

2. Kinh Phạm Võng, Đối Pháp luận... nói "Biên kiến nhiếp", là tương tợ Thường kiến, Thể là Tà kiến, nói Biên kiến thì chắc chắn sinh sau Ngã kiến, cho nên đoạn văn kế trước trong đây nói rằng: "Tức là Dụng, như vậy Ngã kiến làm chỗ y chỉ, đối với năm Uẩn mà thấy Ngã có Đoạn và Thường, hai Đoạn kiến và Thường kiến chỉ khởi sau Ngã, Biến Thường luận này không duyên làm Ngã, cho nên không phải Biên kiến, cũng không có Tát-ca-da kiến của Địa này, không đồng với kinh bộ duyên Hoại mà sinh, không đồng với Tát-bà-đa duyên Hữu mà khởi.

Trong đây lấy tánh Y tha chấp làm chỗ y chỉ, vì có Biến kế sở chấp. Trong Giới thủ nói: "Tùy thuận Kiến này, tức là Kiến thủ căn và Kiến thủ cảnh, Kiến này tùy theo pháp, tức là đồng thời có tâm, pháp... Lại nữa, trước làm Kiến thủ nhân, sau làm Kiến thủ quả. Trong Nghi nói: "Luận này và các luận khác", là ngoại đạo này và các hữu tình khác đối với Khổ do dự, đều là mê Khổ. Trong Sân, chỉ có nói duyên Kiến, cho nên biết Sân của Kiến đạo Đại thừa chỉ duyên Kiến mà khởi; Duyên hữu tình sự, là Sân của Tu đạo. Lại nữa, Sân này lại được duyên Kiến mà sinh, trong Phi sự thì không có.

Hỏi: Tại sao Tập đế và Đạo đế trở xuống là Biên kiến và Vô biên kiến...?

Luận ghi: "Lại nữa, có người chấp bướng chỗ có Tà kiến của các tà giải thoát là mê Diệt tà kiến", điều này Tiểu thừa nói là mê Khổ tà kiến, diệt Tà kiến của cõi dưới thì phải duyên Vô lậu, hiện tại văn của luận này cũng nói duyên riêng các Hữu lậu pháp khác, là diệt Tà kiến trong Đạo đế, không phải Đạo mà kế chấp Đạo cũng vậy, vì mê trong Đạo đế mới kế chấp có riêng Đạo đế, gọi là Đạo đế đoạn. Căn cứ theo đây thì chính là ngược lại với mê mà riêng có chấp, nếu tổng duyên bốn Đế thì Kiến làm Kiến thủ. Sư Thái nói: "Đây là thông với bốn Đế trở xuống, đoạn Giới thủ cũng vậy", nếu như thế thì Ngã kiến đáng lẽ cũng vậy, hai Đế hữu dư đều có Biến nhân và Biến quả, vì duyên khắp năm môn mà khởi. Đây là giải thích tổng duyên bốn Đế, Kiến làm Kiến thủ, tức là Khổ đế trở xuống Kiến thủ, các Đế khác đều có thể duyên riêng, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu như thế thì như Tà kiến này, riêng kế chấp có tà giải thoát, cũng là mê Hữu lậu Khổ, thì làm sao mà Kiến diệt đoạn?

Đáp: Mê Diệt, chấp riêng có Diệt, cho đến Đạo cũng vậy, nghĩa

là tăng lên cho nên chỉ có Kiến diệt đoạn. Khổ đế trước trở xuống, không có nói riêng về Kiến này.

Luận ghi: "Chỉ trừ Sân khuể ra, nói rằng đối với Diệt đế mà khởi tâm Bố úy, cho đến khởi tâm Khuể não, Sân khuể như vậy là mê đối với Diệt đạo", giải thích nói rằng căn cứ theo văn này thì Sân tức là Vô lậu duyên, khiến cho duyên gần Diệt đế mà khởi, do đó cùng với Tiểu thừa không đồng, đến duyên Danh... ở dưới, sẽ tự giải thích rộng.

Hỏi: Lại nữa, không nói duyên mê, đã là Dục và Kiến sinh Sân, thì Sân này là Đế nào nhiếp?

Đáp: Văn dưới nói: "Ngoài ra như trước mà nói", tức là căn cứ theo Sân trước cũng duyên Kiến mà khởi, hoặc căn cứ theo Tham... vì trước đã làm chuẩn, như trước phải xem xét, đó là Sân khuể của cõi Dục. Ba cõi có ba loại, là Tham, Mạn và Vô minh, đó gọi là Tu đạo tuệ, tức là Tu đạo, như cõi Dục thì chỉ có bốn loại, hợp chung ba cõi thì có mười loại, trừ ra Thân kiến và Biên kiến.

Hỏi: Những gì là bốn loại?

Đáp: Điều này thuận với Tiểu thừa cho nên không có văn. Trong Tu đạo, không có riêng Đối trị hạnh, như Kiến đạo có riêng Không hạnh và Vô ngã hạnh, cho nên nói bốn loại đó. Như trước trong mê Đế có loại đã nói, căn cứ theo giải thích Phiền não của Tu đạo.

Luận ghi: "Chỉ có thời gian dài tùy ý kiên cố, hình này là Phiền não của Kiến đạo, cho nên câu nói này ở trong Tu đạo, đối với Cảnh mà có Phiền não dấy khởi".

Luận ghi: "Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn, phải biết lược có năm loại, cho đến trong đây duyên Sự cảnh... của Khổ tập", Khổ tập Hữu lậu là chỗ sinh Hoặc của Phiền não mà duyên nó, tương tợ với Phiền não tâm của Bản chất, cho nên gọi là Sơ phiền não, Sở biến cảnh này thì gọi là Tà phân biệt. Sự cảnh tức là tất cả Phiền não cõi dưới của Khổ đế và Tập đế, trừ duyên cõi khác thì tất cả đều như vậy. Diệt đế và Đạo đế cõi dưới có mười Phiền não, trừ một pháp Nghi ra, gồm Giới thủ cõi dưới thì tự nói riêng, cho nên không nói "trừ ra", còn lại tám loại Phiền não là duyên Cảnh của Kiến, một pháp Nghi chỉ duyên Đế mà sinh, không duyên Kiến mà khởi. Tà kiến và Vô minh có duyên Vô lậu, cũng có duyên Hữu lậu. Văn trước nói: "Năm loại Niết-bàn luận về Kiến, là mê Tà kiến của Diệt đế; riêng kế chấp có Đạo, là mê Tà kiến của Đạo đế, tức là Hữu lậu duyên, không phải Vô lậu duyên. Tà kiến và Vô minh vì duyên Kiến mà sinh, một pháp Nghi thì không có duyên Kiến mà sinh, đây là chỉ tổng nói duyên Kiến làm Cảnh. Giới cấm thủ phần nhiều là

duyên giới cấm mà sinh, là duyên Cảnh của giới cấm, chỉ có Kiến thủ này là không duyên Kiến mà sinh. Giới thủ không duyên Giới mà sinh, cho nên biết văn này lấy đa phần mà luận, do đó biết văn trước nói: "Mười loại Phiền não lần lượt duyên nhau, Vô lậu duyên của nó và Bất đồng phận giới của Khổ tập cõi dưới thì duyên Danh và Cảnh, chỉ nghe Danh đó mà khởi Phiền não. Nếu thấy Thể của Danh cảnh kia thì không thể khởi Hoặc, vì Danh cảnh kia không phải là Hoặc cảnh, cùng với Danh cảnh không kia tương tợ, không giống như Khổ tập duyên Hoặc... gọi là duyên Danh cảnh.

Hỏi: Như hai cõi dưới có Danh có thể duyên được, trong cõi Vô sắc thì như thế nào?

Đáp: Hai cõi dưới duyên Danh, sau đó sinh ra cõi Vô sắc, vì phương tiện trước duyên Danh, chỗ khởi Vô lậu duyên... của duyên kia cũng gọi là duyên Danh, vì lực tập quen. Nếu như thế thì chưa phải chánh duyên Danh mà khởi. Lại nữa, Danh là tên của bốn Uẩn, hoặc chỉ có Tướng phần là đã có bốn Uẩn, duyên bốn Uẩn này mà khởi Hoặc, không phải Tợ bản chất, cho nên nói là duyên Danh.

Luận: Không phải Phiền não này duyên, vì Vô lậu... có Sở duyên, cho nên làm Cảnh, đây là một giải thích. Giải thích thứ hai là trong Kiến duyên Cảnh chỉ là Kiến đạo, đối với Tu đạo đều là duyên Kiến mà sinh một môn diệt trừ Nghi, đây là một môn duyên Danh tổng phân biệt Kiến hoặc, các môn khác thì phân biệt riêng, trong đây nói rằng: "Kiến đoạn các Hoặc, là để lựa riêng với Tu đoạn hay sao! Nếu như thế thì Hữu lậu duyên của Diệt đế và Đạo đế cõi dưới thuộc Xứ nào và môn nào nhiếp? Cũng là Kiến môn nhiếp, nhưng là Tổng môn. Hoặc như trước đã nói, thì tại sao nói Kiến đoạn...? Đây là lựa riêng với Tham của Tu đạo. Nếu đều nói là Tham... thì e rằng lạm tràn qua Tham... của Tu đạo, ở trước thì Khổ đế và Tập đế đã là chỗ duyên tên của Đế mà ra, ở đây là Hữu lậu của Diệt đế và Đạo đế duyên Hoặc, chỉ nói là Kiến đoạn thì biết là lựa riêng với Tu đoạn, mà là Tham... của Diệt đế và Đạo đế cõi dưới.

Luận ghi: "Lúc đó Thánh trí tuy duyên Khổ, nhưng đối với Khổ sự thì không khởi phân biệt...", đây là thuyết minh chung Tiền Phương tiện Kiến đạo của ba Thừa, Phương tiện trước của Đại thừa thì hoặc là khởi An lập đế mà quán, hoặc khởi Phi an lập đế mà quán, không đồng với Tiểu thừa, như quyển 55 trước đã nói.

Luận ghi: "Nương vào sức Tăng thượng kiến lập lần đầu, mà nói Pháp trí phẩm có bốn loại tâm chủng, Loại trí phẩm cũng có bốn tâm

chủng, tùy theo thời gian lúc đó trở về trướ) có tám loại tâm chuyển, tức là Nhĩ sở thời tổng gọi là chỗ nhập của một Vô gián, là chỗ tâm hiển thuần Xa-ma-tha, như vậy tổng nói có chín loại tâm Kiến đạo cứu cánh”, đây là thuyết minh tướng Kiến đạo, lược có ba thuyết:

1. Pháp Trí Phẩm... Phẩm là phẩm loại, Phẩm Loại gồm nhiếp Nhẫn, tức là bốn pháp Nhẫn pháp trí, một phẩm loại hợp chung gọi là bốn tâm, Loại trí cũng vậy, đây là Trí phẩm có tám tâm, có thể có công năng đoạn Hoặc, đây là nói thời tiết nhân duyên nhập Như trí phẩm, tám thứ Định phẩm có thể tịch tĩnh và trụ tâm, tổng gọi là tâm của một Xa-ma-tha, nói chín tâm Trí phẩm trước là tám tâm và một tâm Định phẩm sau, vì Định phẩm không có công năng đoạn Hoặc, không làm Trí, chỉ tổng gọi là một tâm. Tuy khi Trí thì có Định, khi Định thì có Trí, nhưng công năng khác nhau. Khi Trí thì ẩn Định, khi Định thì ẩn Trí, không luận.

Hỏi: Bốn pháp Nhẫn pháp trí ban đầu làm bốn tâm, Loại trí cũng vậy, đáng lẽ tùy theo Tiểu thừa mà giải thích?

Đáp: Vì đoạn các Hoặc của cõi trên cõi dưới khác nhau. Lại nữa, giải thích theo riêng Đại thừa, như Đối Pháp thì thứ nhất là Vô gián, thứ hai là Vô gián biệt, cho nên nói rằng mỗi mỗi làm một loại.

2. Luận này nói là phẩm, là nghĩa phẩm loại.

Luận ghi: “Pháp trí phẩm”, là không lấy pháp Trí của nó, mà có ý lấy pháp Nhẫn, tức là Phẩm của pháp Trí. Pháp nhẫn này làm bốn tâm, Loại nhẫn làm bốn tâm, cho nên tám tâm có thể đoạn Hoặc, là Vô gián đạo cho nên được tên là Trí; bốn Pháp trí và bốn Loại trí hợp chung làm một tâm, gọi là thuần Xa-ma-tha đạo, vì không thể đoạn Hoặc, không phải Vô gián đạo, cho nên tổng gọi là chín tâm.

3. Tức là Pháp nhẫn trí làm bốn tâm, Loại nhẫn trí làm bốn tâm, gọi là tám tâm, vì Kiến đạo vận chuyển song song, cho nên cả tám tâm này đồng thời có Định phẩm, cũng tám tâm này chỉ lấy công năng là khiến cho tâm trụ tịch tĩnh, không đồng với Trí có thể đoạn Hoặc, cho nên nói tổng đắc Nhất tâm gọi là Trí, là tám tâm cho nên hợp chung có chín tâm.

Giải thích trước và sau khác nhau, hợp chung ba mươi hai tâm tổng làm một, cho nên tổng nói là chín tâm. Luận này giải thích chỉ có mười sáu tâm, vì Định tuệ khác nhau cho nên gọi là Cửu cửu tâm Hữu. Trong ba thuyết này, giải thích thứ ba là thù thắng:

1. Giải thích ba mươi hai tâm, luận nói: “Tức là Nhĩ sở thời (thời gian lúc đó trở về trước), cho nên biết Định tuệ đồng thời chỉ có mười

sáu tâm", làm sao được nói là ba mươi hai tâm!

2. Luận nói: "Vì Pháp trí phẩm nghiệp, cho nên được nói lấy Nhẫn làm bốn tâm.

3. Giải thích thứ ba là thù thắng, Định tuệ của Chân kiến đạo, hoặc trước sau hoặc đồng thời. Ba thuyết này đồng như trên, hoặc Vô gián Giải thoát khác nhau, hoặc đoạn Tuệ tư khác nhau, hoặc cùng nghĩa. Như trên đã trình bày các nhà luận về Kiến đã xong.

Luận ghi: "Thứ nhất Quán sở đoạn, thứ hai Chỉ sở đoạn...", các câu này thuận với kinh bộ. "Trong Sắc thanh tịnh và tâm tâm pháp vì có chủng tử. Trong Sắc thứ nhất có các chủng tử", đây là Quán sở đoạn. "Trong tâm tâm pháp thứ hai, có chủng tử", đây là Chỉ sở đoạn, trong Sắc tâm này nhiếp chủng tử, như quyển 51 nói.

Hỏi: Trong đây tại sao chủng tử trong Sắc là Quán đoạn không phải Chỉ, chủng tử trong tâm là Chỉ đoạn không phải Quán?

Đáp: Trong Sắc thanh tịnh, tướng từng phần của tâm Phiền não sai biệt khó biết, vì vi tế cho nên nói là Quán đoạn. Chủng tử trong tâm, tức là ngay Kiến phần của tâm, một loại dễ biết cho nên nói Chỉ đoạn, nhưng thật ra cả hai đều là Quán đoạn, Chỉ đều tùy theo mà đoạn, chỉ lấy Tùy phiền não dễ biết và khó biết, mà mỗi mỗi đều nói đoạn riêng khác. Lại nữa, giải thích Sắc có nhiều sai biệt, quán nhiều Sắc không mới có thể đoạn Hoặc, phỏng theo Dụng tăng, cho nên nói Sắc là Quán đoạn. người tu Định thì duyên nhiều đối với tâm, khiến cho tâm trụ Cảnh, cho nên Định đó gọi là Nhất tâm, vì Định phỏng theo Dụng tăng, có thể quán tâm tâm Pháp không cho nên nói Quán đoạn các Hoặc trong tâm, nhưng thật ra là đồng thời, đều gọi là Năng đoạn. Hoặc nói rằng: "Chỗ nhiếp của Quán phẩm, các Trí đoạn Tùy miên đeo đuổi theo mà sinh...", đây là phá nghĩa của các sư kinh bộ, vì các sư kia không có A-lê-da Thức, cho nên tâm pháp nhiếp chủng tử khi khởi Trí của Quán phẩm thì chủng tử Phiền não của nó cũng còn đeo đuổi theo Quán mà sinh, mới có thể quán có thể đoạn nó. nếu không đeo đuổi theo Quán, thì chủng tử đeo đuổi theo tâm Hữu lậu tại quá khứ. quá khứ không có Thể, chủng tử đeo đuổi theo sinh ra cái gì! Cho nên nói đuổi theo Quán tại hiện tại, cho nên đây là phá nghĩa đó mà nói. Nếu đuổi theo mà sinh, thì đáng lẽ không được gọi là Thể tánh của Đối trị, vì giải thích tướng của Hoặc trái nhau, tánh và tướng của Năng trị Sở trị khác nhau, phải lập Lượng rằng: "Quán phẩm của Kiến đạo... đáng lẽ không phải là Thể của Đối trị là Tông, vì chủng tử Phiền não đeo theo mà sinh là Nhân, như tâm và tâm pháp Hữu lậu là Dụ". Do nghĩa đó trái với đạo lý

của Lượng cho nên Bạc-già-phạm nói: "Tùy Tín hạnh... lấy nghĩa này làm thí dụ", tức là từ Câu thoát (đồng thời giải thoát), vì trước đã nói Tâm sở, Tùy tín pháp này là loại thứ sáu, độn căn và lợi căn khác nhau, mỗi mỗi đều tùy theo hạnh vị của Tín pháp... chỉ là Kiến cho nên gọi là loại thứ sáu. Trong đây loại thứ sáu không có tướng, Đối Pháp quyển 9 không đồng, như Đối Pháp sao kia rộng giải thích.

Luận: Trong giải thích sáu loại Vô tướng trụ, như Kiến đạo của Đối Pháp luận có mười sáu tâm, đều là người Tùy tín pháp hạnh, đến quả vị thì gọi là Tín giải... tức là tâm thứ mười sáu là Tín giải.

Hỏi: Cũng ở trong Kiến đạo, tại sao tâm này nói là Vô tướng, nói là nhập Kiến đạo thì trừ Tín giải, lẽ nào trừ Kiến đạo của tâm thứ mười sáu, vì Vô tướng trụ của Đối Pháp, đều ở trong mười sáu tâm?

Đáp: Có ba thuyết:

1. Tùy thuận lý môn, là mười lăm tâm Kiến đạo của Tiểu thừa, Tín giải... này thì ở tại Tu đạo, luận này trừ bỏ.

2. Như mười sáu tâm của Đối Pháp, đều là Vô tướng trụ, nhưng mười lăm tâm trước là nghĩa tăng thêm của Vô gián đạo đoạn hết các Hoặc. Trong đây lại nói nắm lấy, không nói nắm lấy tâm thứ mười sáu, vì đó là Giải thoát đạo, cho nên trừ bỏ Tín giải...

3. Luận kia phỏng theo pháp mà luận, lấy mười sáu tâm đều là Vô tướng, gọi là loại thứ sáu. Luận này phỏng theo người mà luận, hoặc lấy Tín giải... tức là không có sáu Chủng, cho nên luận này trừ bỏ nó, chỉ lấy mười lăm tâm. Lại nữa, Tín giải... không phải là Định vị, ngoài ra trong quả đều có, luận này nắm lấy quyết định Vô tướng, cho nên trừ bỏ Tín giải...

Luận ghi: "Hoặc các loài Dị sinh lìa Dục của cõi Dục, Dục của cõi Sắc, chỉ do Tu đạo...", vì Hoặc của Tu đạo chướng Định sự mặc tình sinh khởi, chỉ chế phục Tu hoặc, Phiền não của Kiến đạo phân riêng mà sinh, vì chướng đối với lý cho nên không bị chế phục, đắc Định chế phục trong Tu đạo, chỉ cùng với Tham sân tùy thuận Kiêu mạn, thì Tu đạo này có thể chế phục nó; cùng với Kiến... tùy thuận Kiêu mạn thì Tu đạo này không thể chế phục, như quyển 69 nói: "Ngã kiến... không chế phục", có văn lựa riêng với Câu mạn (Mạn đồng thời).

Hỏi: Nếu như thế thì Tham khuể cũng vậy?

Đáp: Dục và Kiến đồng thời thì không thể chế phục, tâm Kiêu mạn này phần nhiều tùy theo Ngã mà sinh.

Luận: "Lựa riêng thiên về hoặc là Định, hoặc là Khởi, hoặc là Sinh...", là Hoặc của Kiến đạo đối với ba nghĩa này cũng có khi phát

khởi. Hoặc là Định, là cùng với Định tâm lẫn nhau nhập xuất, tức là nhiễm ô Định, đây là Phân biệt Phiền não, cũng như ngoại đạo kế chấp quá khứ có tám vạn kiếp... thời kỳ tâm nhập Định quán nó, từ Định tâm mà nhập, tâm kế chấp này là Tà kiến... đây là Phân biệt hoặc, thuyết minh cùng với Định tâm nhập xuất, hoặc là giả danh. Hoặc nói là Khởi, là Tán tâm khởi riêng biệt. Sinh, là sinh Tán tâm kia.

Luận ghi: "Lược có hai loại Thô trọng: một là Lậu Thô trọng, hai là Hữu lậu Thô trọng...", như Bản Địa phần quyển 3 ở trước nói: "Thiện pháp không gọi là Thô trọng, cũng không phải Tùy miên", tại sao trong đây lại nói Hữu lậu Thô trọng? Và hai mươi bốn loại Thô trọng của Đối Pháp, như nghiệp Thô trọng...?

Đáp: Trong Đại Nghĩa nói: "Tánh Thô trọng, tức là chủng tử Phiền não...", trong luận này nói Lậu Thô trọng, là hai tâm không điều hòa nhu nhuyễn cho nên gọi là Thô trọng, tức là tất cả Hữu lậu thiện pháp... Trong luận này nói Hữu lậu Thô trọng, là Thô trọng thứ ba ở trước phỏng theo tánh Thô trọng.

Luận ghi: "Thiện pháp...", không phải trong luận này phỏng theo điều nhu và Thô trọng, Hữu lậu thiện pháp cũng vậy, không trái nhau hay sao? Luận nói: "Thiện pháp này nếu có Phiền não, thì các pháp thiện Vô ký... trong thân là Lậu, vì xen tạp không điều nhu cho nên gọi là Tập khí, A-la-hán thì còn các Thiện này tồn tại, tuy đã được mỏng nhẹ, nhưng pháp thể vẫn còn, là các Lậu chưa đoạn hết thì gọi là Tập khí, Khí phần Thô trọng này còn trong thân, cùng trong thiện pháp xen tạp hòa hợp không đồng nhất cũng không phải khác nhau, như chất độc ở trong thân có phần khí không phải một không phải khác, khi Tùy miên bị đoạn, thì Khí phần này được mỏng nhẹ, khi Viên cảnh trí của Phật sinh khởi, thì nói là vĩnh viễn đoạn Tập khí.

Luận nói: Có hai chấp: một là Căn cảnh chấp, là Ngã và Ngã sở; hai là Hữu tình chấp, là Ngã mạn... tức là chấp trước, lại không có Thể riêng, là hạnh giải của Ngã và Ngã sở. Từ đây trở lên mỗi mỗi "lại nữa" đều có câu giải thích riêng chấp trước, tìm nó có thể hiểu.

Cái còn ví như con rùa, có nghĩa là che đậy, vì tương tợ hiển hiện, trừ bỏ một cái đuôi, vì không có ứng dụng; hoặc Quy cái có năm ứng dụng, gọi là năm chi tương tợ. Phẫn, tương tợ La mẹ, vì La mẹ tánh hung ác, nhiều tiếng cắn nhai cỏ, Phẫn cũng vậy. Xan tham và Tật đố tương tợ máu ngưng chảy, vì tương tợ hư nhạt vô vị, lợi ích cũng vậy. Vô minh tương tợ ham thích phóng đãng, một là tương tợ con cáo, vì tánh Vô tri, lại cũng tương tợ chuột sói, khi rắn muốn nghe tiếng của nó, vì đuôi nó

nhiều lông che chướng, rắn không thể nghe tiếng của nó. Vô minh cũng vậy, che chướng Văn trí. Lại nữa, nước Ấn Độ nói rằng: “Người có lông tai, lỗ tai có nhiều lông, che chướng âm thanh, không nghe tiếng nói của người khác”.

BẢN LUẬN 59

Luận: Tham... có mười Phiền não, tất cả có thể phát nghiệp, nếu các Phiền não mãnh lợi hiện hành thì mới phát sinh nẻo ác nghiệp, không phải hành giả mất niệm. Lại nữa, Phân biệt khởi và Năng khởi, nghiệp này không phải mặc tình tùy ý mà khởi", đây là khởi pháp khắp Kiến đạo và Tu đạo, Kiến đạo của cõi Dục chỉ có bất thiện, đều có thể phát nghiệp. Trong Tu đạo, như Đối Pháp quyển 4 ghi: "Mặc tình tùy ý có thể phát khởi Năng ác hạnh", là bất thiện, tức là Ngã kiến... cũng có Bất năng ác hạnh, cho nên Kiến đạo gọi là Phân biệt phiền não, như Đối Pháp quyển 4 ghi: "Chỉ có ác hạnh này có thể phát ba nghiệp nẻo ác, không phải Tu đạo", nhưng điều này thì Câu-xá lấy Dẫn quả và Mãn quả làm luận, trong Tu đạo đó có hại gì mà cũng có phát sinh nẻo ác Biệt báo nghiệp, cho nên biết luận này căn cứ theo Dẫn quả, không căn cứ theo Mãn quả, không giống như Đối Pháp quyển 4 và Bản Địa Sao quyển 1 đã giải thích.

Luận ghi: "Như nói thể tánh Thô trọng gọi là Tùy miên...", đây là phỏng theo tánh Thô trọng mà nói, Thô trọng này cũng gọi là Tùy miên, là tánh phiền não. Nói rằng Thể gọi là Tùy miên, không phải phỏng theo Bất an ẩn gọi là Thô trọng, mà Thô trọng kia không phải gọi là Tùy miên, như quyển trước giải thích.

Trong mười tám loại Thô trọng, nói rằng: "Tự tánh Dị thục... ba loại Thô trọng", Hộ Nguyệt nói: "Từ vô thủy vốn có chủng tử, gọi là Tự tánh Thô trọng". Thắng Quân nói: "Đây là chủng tử mới huân thành thục, Thể tánh không đồng với tăng thượng thì gọi là Thô trọng, gọi là Thô trọng của tự tánh Dị thục... nhưng nghiệp chướng...", đây là căn cứ theo Chướng thô trọng mà luận, là do Hữu lực và Vô lực chuyển biến, Bản Địa phần không có riêng gọi là Lực vô lực, đồng thời làm cho Phiền não thượng phẩm sung thịnh thì gọi là Hữu lực, nếu không như thế thì gọi là Vô lực.

Luận ghi: "Phải biết một phần Bất thiện phiền não của cõi Dục có Dị thục", là Kiến đoạn và Tu đoạn bất thiện phiền não của phàm phu. Hoặc nhập Thánh, hoặc bất thiện trong thân bậc Thánh, thì Phi trạch diệt không có quả Dị thục, cũng là Vô ký phiền não cõi Dục không chiêu cảm quả báo. Khoảng giữa không có hai phần, văn dưới có giải thích điều này.

"Người mê Hạnh chuyển, như Bản Địa phần có bảy loại đã trình bày riêng nghĩa, những gì là bảy loại? Như Bản Địa quyển 8, có tên

nhưng không có giải thích, ba thứ Thân kiến, Biên kiến và Tà kiến, đối với Cảnh sở tri mà khởi Tà hạnh", đây chỉ là Phiền não của Kiến đạo, không phải Tu đạo, vì Thân kiến và Biên kiến không do mê Đế mà sinh. Luận này nói: "Đối với bốn Thánh đế mê Hạnh mà chuyển, là chỉ duyên bốn Đế mà sinh các tham sân... khác", là duyên Kiến này mà sinh Đế, đọc qua có thể hiểu. Bốn môn trên riêng nêu ra Phiền não, không đồng với duyên của Vô lậu hữu vi khiến cho bình đẳng dẫn khởi, đã nói xong.

Môn thứ năm và môn thứ sáu giải thích riêng Phiền não của bốn Đế cõi dưới, Khổ và Tập tức là Phiền não tăng trưởng trong duyên tương ưng, cho nên gọi là Nhân duyên, Diệt và Đạo đoạn Phiền não cho nên gọi là Bố úy, một môn thứ bảy chỉ có Tu sở đoạn, Tu này mặc tình tùy ý sinh khởi, không mê Đế mà khởi, cho nên biết sáu môn trước là Kiến sở đoạn.

Hữu sự môn và Vô sự môn, văn trên dưới và Đối Pháp quyển 5 quyển 6 đại khái trái nhau, như Đối Pháp sao kia và Biệt sao nói.

Trong Phiền não cùng với Thọ tương ưng, như Đối Pháp quyển 7 và quyển trước nói, hãy xem văn tùy thuận theo thô tướng mà nói... có thể hiểu, văn dưới tự có thô tế này, văn có hòa hợp và trái nghịch.

Tương tục thành thục, là chủng tử Giải thoát phần thân.

Tướng phược và Thô trọng phược, là sáu Trần gọi là chúng sinh, đối với chấp trước này gọi là Phược, duyên tướng mà khởi Đắc gọi là tướng Phược. Thô trọng phược là chủng tử của Phiền não. Đây là nói ba tâm Kiến đạo cứu Cánh, như quyển 55 trước mà hiểu.

"Lạc xa lìa thân ngữ thô trọng", là tánh mệt nhọc của thân người tọa Thiền.

Luận ghi: "Lại nữa, phải đoạn Khổ ưu", cho đến các Xả, Định chướng và Phẩm chướng", là các chướng Bất động vô vi... trong Tu đạo, căn cứ theo sự tương xứng mà phối hợp, bốn loại đầu là chướng chung của ba Thừa, từ Kiến đạo về trước là Phàm phu chướng, Kiến đạo về sau là Thánh nhân chướng, cũng thông với Định chướng của Nhị thừa, nhưng chỉ ở tại Thanh văn, Sở tri chướng thì chỉ có Bồ-tát. Tánh của Định chướng này là loại Dị thục, thuộc loại Sở tri chướng nhiếp, như Phật địa, Nhị thừa trong thì trước có năm loại, một loại giải thích căn cứ theo Định chướng của Thanh văn mà nói, Độc giác còn lại có thể biết, vì Độc giác đắc thần thông thù thắng, Định chướng chỉ có Độc giác kia đoạn được, nếu không như thế thì chỉ thông với Nhị thừa.

"Lại nữa, Nhãn đã thấy Sắc rồi không mừng không sầu...", đây là

sáu pháp Hằng trụ. “Lại nữa, tánh Thiểu dục” trở xuống, đây là tám sự giác ngộ của Đại nhân.

Luận ghi: “Mười bốn Cảnh duyên của người khác, là cõi Sắc đối với Dục mà hiện hành phiền não, cõi Vô sắc đối với Sắc mà hiện hành phiền não”, cho đến “đối với các Địa cõi dưới kia các hữu tình chỗ do thường hằng Lạc tịnh đầy đủ công đức thù thắng mà tự cho là thù thắng”, tức là trong Đại thừa, Địa cõi trên được duyên Địa cõi dưới mà khởi phiền não.

Hỏi: Đây là Hoặc gì?

Đáp: Có người giải thích đây là Kiến và Mạn, như trong các luận khác cũng có, chỉ nói rằng ta đây là hơn hết, người kia không bằng... Giả sử khởi Ngã mạn, thì không phải tất cả phiền não đều khởi. Lại nữa, cũng có giải thích rằng đây là tất cả phiền não tham... đều như thế, Thường là hằng, là Thường kiến thanh tịnh thù thắng, là Kiến thủ... chỉ có duyên đó, không tương tợ Bản chất, Duyên gọi là Cảnh, như quyển 1 ở trước và Đối Pháp quyển 6, ngoài ra các luận khác nói rằng: “Cõi trên không duyên cõi dưới”, đây là tùy thuận theo lý văn.

Hỏi: Tham và Mạn của Địa cõi dưới không được duyên cõi trên, thì Mạn của cõi trên làm sao duyên cõi dưới?

Đáp: Địa của cõi dưới yếu kém, cho nên không đối với cõi trên kia mà khởi Mạn, cõi trên thì thù thắng cho nên có thể khởi Mạn, tức là văn Đối Pháp quyển 2 nói: “Cõi Vô sắc không duyên Địa cõi dưới...”, như luận kia mà hiểu.

Luận ghi: “Hỏi: Pháp là tất cả phiền não toàn cõi đều kết sinh hay là không toàn cõi? Đáp: Phải nói là toàn, không phải không toàn”, đây là hỏi Nhuận sinh không phải Phát nghiệp. Phát nghiệp có mười Phiền não, Tu đạo vô ký, Phiền não tham... của cõi trên thì không phát nghiệp, cho nên luận này căn cứ theo Nhuận sinh Ngã ái làm Chánh nhuận, ngoài ra làm Trợ nhuận, như dưới đây sẽ tự nêu ra, để phá Tiểu thừa vì chỉ có Tham nhuận sinh. Đối Pháp thì căn cứ theo Chánh nhuận, cho nên chỉ nói Ngã ái, không trái nhau.

Luận ghi: “Kết sinh tương tục lược có bảy loại, một là Triền và Tùy miên là Dị sinh, hai là chỉ có Tùy miên là thấy Thánh tích”, đây là căn cứ theo Tùy miên phàm phu đều dùng Hiện hành Chủng tử, Đối Pháp chín loại gồm chung, vì quyết định khởi, nói là khởi tham sân, cũng không phải không có chủng tử, là Giới địa của người Kiến đạo quả sinh ra, hoặc đồng Địa mà sinh thì cũng lấy hiện hành Nhuận sinh. “Như Sơ thiền sinh Sơ thiên rồi, tiếp theo sinh Nhị thiền”, tức là cũng hiện

hành Nhuận sinh. “Vì đạo lực yếu kém, tuy khác Địa mà sinh, nhưng vì tám chủng tử Nhuận sinh, trừ quả thứ ba ra không lấy, chỉ có chủng tử nhuận sinh”, như Bản Địa phần quyển 1 và Đối Pháp quyển 5, trong đây nói: “Bồ-tát dùng trí lực để thọ sinh”, là đồng với Đối Pháp dùng nguyện lực mà thọ sinh, quả này tuy Hữu lậu, nhưng cũng là Hữu lậu thiện nghiệp chiêu cảm mà tùy theo chỗ sinh.

Luận: Trong giải thích Nghiệp đạo, nói: “Phải biết nghiệp này cũng có năm tướng kiến lập sai biệt”, tức là văn dưới nói Nghiệp đạo căn bản, ba loại thân ngữ ý nghiệp và bốn loại Phương tiện, sau đó khởi năm loại, đây là đồng như Bản Địa phần quyển 8 ở trước rộng giải thích. Tham sân của nó, Tiểu thừa không có Gia hạnh, chỉ là Căn bản, Đại thừa cũng có Gia hạnh, phải có thân ngữ nghiệp mới sinh thành Căn bản, như Biệt sao nói có Phương tiện... cùng với Đối Pháp quyển 7 không đồng, hãy xem nó.

Luận: Trong ba loại Sát sinh, một loại trước là nghiệp và Tư tăng thượng, loại thứ hai là Tà nghiệp sinh Tư, loại thứ ba hoặc là Bồ-tát vì lợi ích mà sát sinh...

Luận: Trong Sát sinh, nói: “Tử thi và nửa tử thi”, tức là chú thuật cho chết khiến tử thi, và nửa tử thi đứng dậy giết người... làm các việc phi thời... trong tà hạnh, cùng với văn trước, Bản Địa phần quyển 8 và Đối Pháp không đồng có thể biết. “Lỗ-đạt-la Tỳ-sắc-nô”, như Biệt sao giải thích.

BẢN LUẬN 60

Luận ghi: "Hoặc có người, hoặc có tướng người", giải thích là các vị Yết-la-lam, tức là tùy trên bào thai, gọi là trọng tội sát sinh, điều này Đại thừa cũng là phạm tội Ba-la-di, các bộ Tiểu thừa trừ Tát-bà-đa ra, các bộ còn lại thì đều không thành tội Ba-la-di, vì chưa có tướng người. Lại nữa, giải thích "tướng người", là Phi nhân biến thành người. Có ý muốn giết người mà giết người, đây là trọng tội Tăng-kỳ. Tăng-già là Chúng, nhưng ở đây nói là Tăng-kỳ, tức gọi là Chúng vật, do phát âm mà thành như vậy.

"Năm quả của nghiệp đạo", như Bản Địa phần quyển 9, Đối Pháp sao... hãy xem nó. "Vật dụng cúng tế", là những thứ thờ cúng, hoặc là các thứ khác của vật dụng cúng tế... là Tuệ chi hoặc là pháp cần phải có, tức là lấy làm các sự điều độ...

Luận ghi: "Hoặc tăng thêm các nghiệp kia, lấy thê thiếp của người kia khiến cho người khác sỉ nhục, nếu người kia nghe lời xúi giục hành Dục tà hạnh, thì liền xúc chạm chỗ sinh Sân khuể, tương tợ tội Dục tà hạnh", tức gọi là Tà hạnh, không gọi là thân làm, vì cuối cùng cũng phát sinh Vô tác.

Hỏi: Mười nghiệp đạo lấy Tư làm Thể, thì Tư tức là nghiệp, tại sao gọi là Đạo?

Sư Bị nói: "Thiện và bất thiện có thể đắc quả Khả ái và quả Bất khả ái, cho nên nghiệp đó tức là Đạo. Thân và ngữ như văn dưới giải thích, ý đều là Tham khuể, gọi là Ý nghiệp cũng vậy, là Đạo dấy khởi nghiệp, mà không phải là nghiệp, không đồng với luận này. Như Thành Nghiệp luận giải thích, thì đồng với quyển 8 Bản Địa ở trước, không nhọc nói ra. Tham sân và Tà kiến là Đạo của Tư, là chỗ đi qua của Tư cho nên gọi là Đạo.

Luận ghi: "Bất cho không nhận, tham muốn tài sản xứ sở mà khởi", là buông lung trộm cắp, hữu tình khác cũng gọi là tài sản. Cảnh của Ỷ ngữ tuy đối với hữu tình, lấy chỗ gần mà luận là Ý duyên Danh mà khởi, tư duy Danh cú... mà sinh. Tuy cũng duyên Cú ở tại Danh, nhưng tổng gọi là Danh. "Các hành xứ của Tà kiến dấy khởi", có thuyết giải thích là: "Chỉ duyên Khổ đế và Tập đế", vì là năm môn của Biến hành, môn nào tăng thượng thì gọi là Hành xứ, không lấy Diệt đế và Đạo đế, thật ra cũng chính là Diệt đạo, cho nên Đối Pháp nói: "Có nghĩa là thật có", tức đều là bốn Đế. Có thuyết lại giải thích chỉ ở tại ba Đế, trừ Diệt đế ra, vì từ đa phần, hoặc có thể bốn Đế đều có thể gọi là các Hành, vì

là Tướng phần của tâm biến hiện, đồng với Đối Pháp luận.

Luận ghi: "Hoặc lấy sự phát khởi triền phược của Tham dục Sân khuể mãnh lợi gọi là Nhân duyên nặng", là phải do tham... trong nghiệp đạo của đời trước phát nghiệp mới là Nhân duyên nặng, nếu không phải mãnh lợi thì không phải chỗ nhiếp của nghiệp, bất thiện căn phát Tư thì nhẹ.

Luận ghi: "Phải biết chỉ là Tư này chuyển biến, do chỗ chuyển biến của uy lực kia...", tức là nghiệp phát sinh nghiệp, chủng tử của Gia hạnh tư, làm cho khổ của người khác sinh khởi, loại chuyển biến này trong từng sát-na xen tạp sinh khởi Ác giới luật không có biểu hiện, do uy lực đó mà Pháp nhĩ phát khởi, cũng như Vô tâm mà thọ giới. Văn này làm chứng, nghiệp Sát của người khác cũng đồng như vậy, do biểu hiện và không do biểu hiện mà phát, như Biệt sao nói, phải biết Bà-la-môn Sa-lợi-dược-ca, ở đây gọi là tộc thôn Bà-la-môn.

Luận ghi: "Lại có bốn nghiệp...", là thuyết minh Đại thừa chỉ nói bốn nghiệp.

Luận ghi: "Chỗ có bất thiện quyết định thọ nghiệp của các A-la-hán, hoặc đời trước khởi, hoặc chỉ đời này, Dị sinh vị trước kia khởi khổ nhẹ ít bị bức bách, cho nên gọi là Quả báo đã thành thục", cho đến kiến lập Quyết định nghiệp". Đời trước và đời này, địa vị phàm phu tạo tác các Bất thiện nghiệp, đây là Quyết định nghiệp, khi đắc A-la-hán thì lãnh thọ chút ít khổ, gọi là Quả báo, đã thành thục và đã đắc Chuyển y hữu dư Niết-bàn, tất cả Quyết định nghiệp bất thiện thọ quả Dị thục đều không thọ, chỉ thọ chút ít để đáp trả quả này, là phần thế lực thô trọng bất thiện của đời trước, khiến cho thọ quả báo phát khởi, không phải Bất thiện nghiệp hiện tại.

Hỏi: Đây là quyết định, tại sao A-la-hán chuyển thọ nhẹ ít?

Đáp: Phật nương vào thân phàm phu chưa giải thoát mà kiến lập Định nghiệp, không phải nương vào thân của người đắc giải thoát mà kiến lập Định nghiệp, vì người này có thể chuyển thọ báo nhẹ. Chuyển y, là chủng tử nhập Vô dư Niết-bàn không có, tất cả đều không thọ, y theo khi chưa nhập Vô dư Niết-bàn mà kiến lập Định nghiệp, khi nhập Vô dư Niết-bàn thì gọi là Giải thoát tương tục. A-la-hán nhập Hữu dư Niết-bàn, cũng gọi là chưa giải thoát, cho nên thọ nhẹ nghiệp. Lại nữa, giải thích đã đắc Hữu dư Niết-bàn rồi, bây giờ đã có phần thế lực, hiện tại thọ chút ít khổ nhẹ, vì chủng tử quả báo đó đã vĩnh viễn đoạn dứt, trong vị lai tất cả đều không thọ, ý này cũng như luận này. Lại nữa, giải thích Thắng nghiệp chỉ riêng tại phàm phu, hoặc cương vị có giác, khổ

nhẹ bức bách, thì gọi là đã thành thục, từ quả mà đặt tên, cho nên nói rằng A-la-hán đã đối với thân này mà đắc Vô học. Nếu không như thế thì thân sau là Hữu học, trở lại thọ chút ít khổ nhẹ, nếu đắc Kim cương đạo, thì sau đó tất cả đều không thọ quả báo, vì chủng tử không có trong thân A-la-hán. "Có rắn nghe tiếng...", đây là quả báo, cùng với quả Đẳng lưu, không phải quả Dị thục này. Đắc quả thứ ba trở đi thì quả báo dứt hết, xứ sở viên mãn, nói là đắc Chuyển y, như Biệt sao nói.

Luận ghi: "Phật là người làm đầu trong hàng đại Bí-sô tăng", nói Phật làm đầu là lựa riêng với ngoại đạo, đệ tử của ngoại đạo cũng gọi là Bí-sô, tự nói rằng "Ta là Đại tự tại thiên, đứng đầu Bí-sô", ở đây nói Phật làm đầu là lựa riêng với ngoại đạo kia.

Luận ghi: "Bồ-tát đã chứng nhập Thanh tịnh ý lạc địa, thì tất cả Bất thiện nghiệp đều rốt ráo đoạn trừ, đây là lực của Bất vong niệm lìa trói buộc, không có phiền não", tức là Bồ-tát có phiền não, đáng lẽ khiến cho phát nghiệp, chỉ vì Bất vong niệm mà không có nghiệp Tu đạo, chủng tử của Bất thiện nghiệp, Tu đạo chưa đoạn hết, vì Bất vong niệm cho nên không khởi, gọi là vĩnh viễn đoạn, không phải chủng tử không khác nhau, khi đến Kim cương tâm thì tất cả đều vĩnh viễn đoạn dứt.

Luận ghi: "Tư là nghiệp, không phải nghiệp đạo Sát sinh... bảy Đạo, cũng là nghiệp cũng là Đạo, Tà kiến... ba Đạo thì không phải là nghiệp", trước nói là Biểu nghiệp, Thể của nó tức là Tư, Tư trong đây thế nào không phải Đạo? Đi qua gọi là Đạo thì Tư tức là Phi đạo, vì có thể đắc quả; gọi là Quả đạo thì Tư cũng là Quả đạo. Ý nghiệp cũng vậy, như quyển 53, Thành Nghiệp luận và Bản Địa quyển 8 ở trước nói.

Luận: Trong giải thích mười một Sinh, Sinh thứ bảy và thứ chín có khác gì? Giải thích rằng: "Bảy Sinh trước là phỏng theo Tự thể của Sinh, chín Sinh sau phỏng theo Xứ mà nói. Lại nữa, Giải thích bảy Sinh là lìa nhiễm cho nên gọi là Thanh tịnh, Dị sinh thì gọi là Bất thanh tịnh. Sinh thứ nhất đối với Bồ-tát... mà đặt câu, Sinh thứ chín thì Thể lìa nhiễm cho nên gọi là Thanh tịnh, vì Xứ này chưa đắc Kiến đế cho nên gọi là Bất thanh tịnh xứ sinh, vì đối với chỗ nhàn hạ mà đặt câu. "Năm là không phải điên cuồng mà cắt đứt thân thể", là ở Ấn Độ khi muốn thiêu thân người chết, thì thuê người cắt đứt các phần thân rồi mới thiêu, vì để thiêu cho dễ. Văn dưới nói: "Bổ-yết-sa", tức là người làm thuê này.

Luận ghi: "Vô minh đối với năm Xứ sở có thể làm chướng ngại", là Kiến đạo, Tu đạo, Vô học, và có Hữu lậu đạo, thuộc Thế gian sự.

Luận ghi: "Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Lão tử, là thọ dụng Khổ theo thứ tự" Ái, Thủ và

Hữu là Khổ nhân, Sinh... là Khổ quả, có thể sinh đắc quả, tên cũng như Bản Địa quyển 10 trước nói là: “Năm chi thai tạng khổ”, là Khổ nhân, cho nên nói là Ái.

■

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 16

(Bản Luận 61, 62, 63, 64, 65, 66)

BẢN LUẬN 61

"Xuất Ái vương", Cựu dịch nói là Ưu Điền vương, chánh âm Phạm là Ôn-đà-diễn-thủy Phạt-sa (Ôn-đà-diễn-thủy dịch là Xuất, Phạt-sa dịch là Ái), dịch Ưu Điền là sai.

Luận ghi: "Không giống như con", là người hạ tiện, vì sinh cùng với vua nhưng không giống nhau. "Giống như con", là thật con của vua, vì cùng với vua tương tợ nhau, vì hình dáng và uy nghi cùng với cha giống nhau, người người đều yêu mến, không có lời mắng chửi hay bao dung.

Luận ghi: "Tại sao chỗ tùy thuận của nhiều khổ mà khổ là sinh Na-lạc-ca và xưa nay khổ trong đường Ngạ quỷ", cho đến "gọi là chỗ tùy của nhiều khổ mà khổ", trong đây đáng lẽ nói là một phần Bàng sinh thọ khổ, cũng là từ trên đến đây có vài đoạn văn này, nhưng trong đây căn cứ theo phần nhiều thọ khổ mà nói, vì Bàng sinh thọ khổ ít hơn Quỷ. Khổ sinh lão bệnh tử này, hãy xem Bản Địa quyển 10 ở trước, và kinh Duyên Khởi phân tích rộng.

Luận ghi: "Tại sao Ngũ thủ uẩn khổ phải biết khổ này cũng do năm tướng Sinh khổ khí, cho nên nương vào Sinh khổ khí", là nương vào Khổ khí này mà Sinh khổ được sinh, vì là Khí sinh khổ, cho nên nói là Sinh khổ khí, nương vào đó để sinh sáu Khổ khác, là Lão khổ... tổng gọi là Sinh khổ y khí. Nương vào Khí này sinh khổ, cho nên nói là Sinh khổ y khí, hoặc đây là Khí sinh khổ, sáu Khổ còn lại thì nương vào Sinh khổ khí mà sinh, gọi là Sinh khổ khí, sáu Khổ còn lại nương vào Sinh khổ mà có, đây là Sinh khổ làm Khí, hợp chung mà nói thì gọi là Sinh khổ khí. Hoặc thứ nhất là Sinh khổ, thứ hai là Sinh tất cả khổ khí, hợp chung mà tổng gọi là Y sinh khổ khí.

Luận ghi: "Thọ cụ túc chi là Tánh giới chi, thọ Tùy pháp chư học

xứ chi là khi thọ giới, cuối cùng nói là Tứ y... Tùy hộ tha tâm chi là uy nghi che lấp giới. Ba loại này là thọ giới tùy hộ như chỗ thọ chư học xứ trước kia", nói là Tùy giới, tức là tùy theo thọ hai giới. Điều này sư Bị nói: "Như quyển 53 trước đã giải thích, nói là trong Luật nghi có bốn chi này, tức là bốn chi giới của Bí-sô, sáu chi làm bốn chi", khác với luận này, giải thích trước nên phản đối.

"Mười thứ Chúng hữu tình đối với mười thứ pháp Ái lạc hỷ duyệt", thứ tự phối hợp có thể biết. Hiển Dương giải thích Phát nghiệp có ba loại:

1. Tương ưng phát, là sát-na đồng khởi.
2. Thân sinh phát, là nhân thân cận đồng khởi.
3. Tăng thượng phát, là nhân xa đồng khởi.

Lại dẫn các phiền não khác mà phát nghiệp, hoặc là loại thứ nhất nhiếp hết, loại thứ ba Tăng thượng thì phải nhiều phiền não mới phát. Từ đây trở lên bốn quyển, từ quyển 58 trở lại, là ba Địa của Tầm và Tứ.

BẢN LUẬN 62

Các Địa Tam-ma-tư-đa

Trong đây gọi là Tùy phiền não, tùy gây phiền não cho tâm gọi là Tùy phiền não, cũng tùy theo phiền não mà sinh gọi là Tùy phiền não. Trong đây có hai giải thích, hoặc là Tâm sở nhiễm ô, tùy theo phiền não của người khác mà sinh, như phẩm Tùy Miên của Câu-xá. Nói Tâm sở hành uẩn, đều là trong đây căn cứ theo trước, như trong Tạp Sự, tất cả đều như vậy. Nhưng căn cứ theo loại thù thắng, thì luận này chỉ nói hai mươi hai loại Tùy phiền não, trong đây chỗ có ngoài hai mươi hai loại, không nêu ra Thể của hai mươi hai loại, vì thu nhiếp lẫn nhau, tìm hiểu có thể biết. Như "Kiêu lấy Siểm cuống làm Thể" trở xuống, nói rằng: "Vì sức tăng thượng của Cuống siểm trong đây" trở xuống, đây là nói nguyên nhân Thể tăng thượng tiến về phía trước mà đi, là thọ lợi dưỡng khi người khác thỉnh, hoặc ở trước mà hành. "Thế nào là lìa Thiện ách? Là viễn ly Biên tế ngọa cụ, và lìa chỗ tập tành gần gũi chúng ác, nhà tợ Tịch tĩnh vứt bỏ lìa xa nó, không sinh ưa muốn", nói "Biên tế ngọa cụ", tức là bờ mé ác của Cực ác ngọa cụ, nương vào Năng viễn ly này, gọi là viễn ly Biên tế ngọa cụ. Lại nữa, giải thích Biên tế ngọa cụ, tức là Ngọa cụ tối thắng thứ nhất, có thể xa lìa Ái ố ngọa cụ này, gọi là Viễn ly biên tế ngọa cụ. "Xa lìa nhà tợ Tịch tĩnh", là nơi đầy đủ nhàn rỗi yên tĩnh tương tợ nhà Tịch tĩnh, là nơi luyện tập khổ... tức là nơi xa vắng, mà vứt bỏ nó thì gọi là lìa Thiện ách. Lại cũng giải thích đây là nơi khởi dâm dục, là chỗ tập tành gần gũi nhiều ác, gọi là nhà tợ Tịch tĩnh, phải xa lìa nó mà không sinh ưa thích, có ý xả bỏ gọi là xa lìa Thiện ách.

Luận ghi: "Tu mười Biến xứ có thể làm thành năm sự..." sư Bị nói: "Năm sự là do tám Biến xứ ở trước có thể dẫn phát ba sự: Hóa sự là một, Biến sự là hai, thần thông của chư Thánh là ba. Đây là ba sự có thần thông. Vì Không nhất thiết xứ cho nên có thể dẫn phát chư Thánh thần thông qua lại vô ngại là bốn. Vì Thức nhất thiết xứ cho nên dẫn phát Vô tránh... các công đức thù thắng là sự thứ năm", chính văn dưới giải thích sự thứ năm là công năng của Thức nhất thiết xứ, nếu căn cứ theo văn thế của lý này thì "trong tám sự dẫn phát ở trước", nói là "chư Thánh thần thông", riêng làm một sự; trong "Không xứ dẫn phát", nói là "Chư thánh thần thông qua lại vô ngại", câu nói Chư thánh thần thông, phải riêng có Thể làm một. Luận này giải thích: "Tám sự dẫn phát ở trước" làm một; "Hóa sự và Biến sự" chỉ là một vật vốn không vốn có làm Dị; "Không nhất thiết xứ dẫn phát thần thông qua lại vô

ngại ” làm sự thứ hai; trong “Thức xứ dẫn phát” có ba sự là năm sự: Công đức vô ngại giải... là một; Thành biện vô sở hữu giải thoát, Phi tướng giải thoát và Diệt tận giải thoát là hai; Vô biên vô lượng biến mãn hạnh chuyển là ba.

Hỏi: Tại sao Biến mãn giải thoát lại riêng có chữ “lại nữa” hợp chung với Vô sở hữu... làm một?

Đáp: Vì văn thế như vậy, chỉ có Thức xứ có ba sự, văn trên văn dưới đều nói “do Thức vô biên xứ này”, mà nói rằng “trong Diệt tận giải thoát này không có”, chỉ nói “do Thành mãn nhân này”, tức là do nhân này mà làm thành đầy đủ các nhân của Vô sở hữu, cho nên biết hợp chung làm một, vì là loại Giải thoát, cho nên nghĩa nói rằng: “Thức xứ có ba sự: một là Dẫn phát Vô tránh trí, hai là Vô sở hữu phi thông địa giải thoát, ba là Diệt tận giải thoát. Nói “Vô biên vô lượng biến mãn hạnh chuyển”, đây là tổng kết Thức xứ ở trước đã làm thành, “được các công đức” trở xuống, đều là nghĩa tổng quát. Các công đức này, Hiển Dương quyển 20 ghi: “Hỏi: Tại sao thành tám Biến xứ ở trước, là dẫn phát Hóa sự hay là Biến sự? Đáp: Vì Biến xứ ở trước, trong cảnh sắc mà được tự tại, cho nên dẫn phát Hóa sự và Biến sự. Hỏi: Xứ này có chướng ngại thần thông, chưa đắc Không xứ định đồng thời, nương vào Đệ tứ thiền mà đắc, lẽ nào không đắc Hóa sự và Biến sự? Đáp: Phỏng theo dụng thù thắng mà nói thì các phàm phu chưa đắc tám Biến xứ ở trước. Hỏi: Làm thế nào đắc Không biến xứ mà dẫn phát thần thông qua lại vô ngại? Đáp: Vì thần thông không có Sắc cho nên có thể dẫn qua lại vô ngại”, do đó Đối Pháp quyển 13 ghi: “Vì đắc Vô sắc định phục trừ Sắc tướng, vì Vô sắc có thể trừ Sắc”. Nếu chứng đắc qua lại vô ngại, chưa đắc Không xứ thì cũng đắc, nhưng chướng thì chưa hết. Luận này phỏng theo Xứ của Định chướng dứt tận mà nói, phải đắc Không xứ để đoạn trừ chướng.

Hỏi: Tại sao tu tập Thức biến xứ, để dẫn phát các công đức thù thắng của Vô tránh nguyện trí...?

Đáp: Các công đức pháp đều là công đức của tâm thức, đều là tâm pháp, do Thức xứ đắc tự tại, tức là Như thức làm cảnh mà đắc tự tại, sau đó nương vào Đệ tứ tĩnh lự mà dẫn phát Vô tránh trí này, thần thông qua lại vô ngại ở trước cũng nương vào Tứ thiền, phải nương vào Không xứ mà trừ chướng ngại Sắc, lại nhập vào Đệ tứ tĩnh lự mà qua lại vô ngại. Tuy có đắc Không biến xứ... mà được qua lại vô ngại, đây không phải là tăng thắng mà nói, vì Định sắc chướng ngại chưa trừ hết cho nên có xứ và có ngại, luận này căn cứ theo chỗ thù thắng là tất cả xứ đều vô ngại.

Lại nữa, Vô lượng biến mãn hạnh chuyển", là Hành thức xứ này, khởi vô lượng vô biên quán cho nên vô biên hạnh, xứ này rốt ráo cho nên càng không lập Biến xứ và Thắng xứ. "Biến xứ là các Giải thoát năng thanh tịnh đạo", là lấy Giải thoát làm quả, lấy Thắng xứ và Biến xứ làm Tiền phương tiện. Đối Pháp cuối quyển 13 nói: "Nương vào Giải thoát mà tu tạo các Thắng xứ, cho nên khởi Gia hạnh, Biến xứ do đó mà hoàn thành viên mãn, vì thành mãn cho nên tức là Giải thoát Cứu cánh, đồng với Tát-bà-đa, Giải thoát chỉ có nương vào mới bắt đầu tu, phải trước hết nương vào một phần Giải thoát mà nắm lấy Đoạn chướng. Biến xứ chỉ có quả, cho nên ở cuối sau Tu đoạn, Thắng xứ thông với nhân quả cho nên ở sau Giải thoát. Biến xứ ở trước Tu, tức là văn của Đối Pháp, trước luận này thì chỉ lấy Giải thoát làm quả, Thắng xứ và Biến xứ làm Nhân, đồng với Thành Thật luận. Thành Thật luận kia ghi rằng: "Biến xứ kia làm nhân, Giải thoát kia làm quả, Thắng xứ thông với nhân quả ở sau Tu", nếu khởi thứ tự như vậy thì đồng với luận này. Lại nữa, Đối Pháp ghi: "Giải thoát Cứu cánh đạo, Tát-bà-đa phỏng theo lúc mới bắt đầu", là mới tu mới tập, khi tu thì lấy Giải thoát làm đầu, cho nên Đối Pháp ghi: "Nương vào Giải thoát mà tạo tác tu hành", vì nương vào Giải thoát mà đoạn chướng, Thành Thật luận thì phỏng theo thời sau cùng, là thời rốt ráo phải thành tựu Thắng xứ và Biến xứ, thì Giải thoát mới viên mãn, vì lấy Giải thoát làm quả. Luận này thì ghi: "Thắng xứ Biến xứ là Giải thoát năng thanh tịnh đạo", Đối Pháp cũng ghi: "Biến xứ thành mãn thì Giải thoát liền rốt ráo". Trong đây căn cứ theo thời rốt ráo mà nói, trong đây hòa hợp như vậy, phần lớn tương đương với Đạo lý, gom hết các văn.

Luận ghi: "Lại nữa, các Giải thoát do chỗ hiển Giải thoát của Sở tri chướng, do đây mà các Thanh văn, Độc giác... đối với Tâm sở tri chướng mà chứng đắc Giải thoát...", đây là Biến dịch và Bất biến dịch. Thọ Dị thục sinh tức là pháp Bạch tịnh vô ký, vì chướng sở tri cho nên là loại Sở tri chướng. Lại nữa, thông với Thọ nhiễm thì chỉ chướng Sở tri cho nên được tên là Sở tri chướng, Nhị thừa đoạn chướng này, gọi là đoạn Sở tri chướng.

Luận ghi: "Đại khái do tu Đẳng chí", là Ái đẳng chí: 1. Khi đã đắc Định rồi xuất, mới ưa thích Đẳng chí quá khứ. 2. Hoặc là chưa chứng đắc Ái vị của vị lai mà ưa thích Định vị lai; hoặc đã đắc Cận phần định mà ưa thích ái vị Căn bản vị lai; hoặc đã đắc hạ phẩm mà ưa thích mùi vị của thượng phẩm, do lực tăng thượng của Ái vị truy cầu Định vị lai... mà sinh Ái vị. 3. Đã đắc Cận phần định và Căn bản định, tùy theo mỗi

một thứ mà cùng với Định tâm xuất nhập, Định tâm tương tợ không trụ Tán loạn vị mà khởi Ái vị, dưới đây giải thích chỗ có hại, nói rằng: "Từ Định mà xuất thì có thể sinh Ái vị, đang ở trong Định thì không có Ái vị, Ái vị là Nhiễm, Định là Thiện.

Luận ghi: "Hoặc sinh vào Địa cõi dưới mà đối với cõi trên khởi Ái là tâm không Định vì chưa được lìa Dục, phải biết Ái này là sự trói buộc của cõi Dục", là ba tướng nói trên trong Ái vị, tướng thứ nhất là đắc Định ái vị, tức là tham của cõi Dục, là duyên cõi trên mà sinh tham, làm duyên của cõi khác, không đồng với tâm duyên Định cõi trên của Tiểu thừa, đều gọi là Thiện pháp Dục, vì Nhiễm và Bất nhiễm trong tâm đó, tướng trạng như trong văn nói, tức là đồng với quyển 59 ở trước. Địa cõi trên duyên cõi dưới, các Địa cõi dưới được duyên lẫn nhau, luận này cũng ghi: "Khi ta đang đắc, thì Ái vị như vậy, tức là duyên cõi trên, gọi là Tướng phần của tự tâm". Chưa đắc thoái chuyển, tức là chưa đắc pháp thì không thể khởi Đắc, cho nên gọi là thoái chuyển; đã đắc thoái chuyển, tức là đã đắc thoái chuyển rồi khởi phiền não; Tập hạnh thoái chuyển, là pháp Sở đắc hiện tại không khởi, gọi là thoái chuyển.

Hỏi: Nếu hai thoái chuyển sau khác nhau thì thế nào?

Đáp: Thánh nhân đã đoạn Hoặc chủng rồi thì thoái chuyển khởi hiện tiền, mất các công đức, gọi là đã được thoái chuyển; hoặc chỗ có công đức của chư Thánh nhân không được đồng thời sinh, gọi là Tập hạnh đã thoái chuyển, vì chỉ không khởi phiền não, không đồng với đã đắc Thoái chuyển.

Luận ghi: "Nếu là Thắng tấn đạo, thì nên biết Đạo đó là Sở duyên biến mãn, hoặc là Vô lậu duyên...", là nương vào Cận phần phương tiện, Vô gián và Giải thoát, ba Đạo của Tứ thiền, mà quán sáu Địa cõi dưới là tội lỗi, quán các Địa cõi trên là Tịch tĩnh, chỉ có Thắng tấn đạo thứ tư, hoặc khởi sở duyên biến mãn nhất thiết pháp Vô ngã là Hữu lậu. "Hoặc khởi Đế hiện quán là Vô lậu mà duyên đối với cõi trên", đây là Du quán vô lậu, hoặc là Dục đoạn, hoặc là quán, tùy là quán của Địa nào, thì đều làm Vô lậu của Địa đó.

Luận: Trong bảy Tác ý nhiếp bốn Đạo, như chỗ dẫn tướng trong Đối Pháp quyển 9, hãy xem nó.

Luận ghi: "Hoặc chỗ nhiếp thọ của Quyết Trạch phần và chỗ hiển Tĩnh lự của ba môn giải thoát Không, Vô nguyện, Vô tướng, phải biết là Đệ tứ tĩnh lự", tức là Định xuất thế gian, vì Quyết Trạch phần là Hữu lậu; Không, Vô Nguyện... ba môn giải thoát là Kiến đạo vô lậu, vì do Quyết Trạch phần mà đắc Không... ba môn giải thoát. Nói rằng: "Chỗ

nhiếp thọ", là trong Quyết Trạch phần tuy có Không... nhưng không gọi là Giải thoát môn, làm sao biết được? Như Hiển Dương quyển 2 ghi: "Giải thoát môn chỉ là Vô lậu tu, như nêu ra Trạch Phần có thể dẫn phát, để nắm lấy chỗ nhiếp thọ Vô lậu", tức là vì y vào giải thoát môn kia mà đắc, cho nên tu Quyết Trạch phần. Y là ý chí tìm cầu chỗ y tựa, lấy chỗ tìm cầu làm chỗ y, cho đến thứ nhất vì đắc Cận phần mà tu... Lại nữa, Không, Vô nguyện... ngay trong Quyết Trạch phần mà khởi hạnh Giải thoát xuất thế gian, gọi là Định xuất thế gian, từ hạnh giải của quả mà đặt tên, gọi là Giải thoát môn. Trong đây, nghĩa thứ nhất là nghĩa chính, nghĩa thứ hai là giải thích tổng quát.

"Diệt tận định thì Bồ-tát Viễn địa có thể nhập", nghĩa chính có một giải thích, nói rằng: "Viễn hành là Địa thứ bảy, vì khởi Vô tướng hạnh cho nên mới có thể nhập, Địa thứ sáu trở về trước thì còn khởi phiền não, chưa chế phục được Định chướng, nhập Địa thứ bảy của Bồ-tát thì phiền não trong ba cõi đều được chế phục mà đắc Định đó. Từ chỗ thù thắng mà nói, thật ra như Phật Địa luận: "Thẳng đến Sơ địa cũng nhập". Như Du-già quyển 8 ghi: "Tuy Địa có thể bảy Địa, nhưng có thể niệm niệm mà nhập", luận kia giải thích đại khái khác nhau. Lại nữa, giải thích Viễn địa, luận này nói tức là Sơ địa, vì hành Gia hạnh gọi là Viễn địa, không phải là Viễn hành địa, Nhập địa tức là Bồ-tát, cho nên như Viễn địa, tức là Sơ địa. Bồ-tát tuy khởi thiện pháp xuất thế để khiến cho Định này hiện tiền, do phương tiện lợi sinh thiện xảo, không xả bỏ phiền não mà khởi tâm không dứt, Cựu luận ghi là "còn lậu hoặc", đây là hư ngôn. Trong đây căn cứ theo "thẳng đến" mà nói, người lãnh hội xa như trước Thập địa thì cũng đắc. Lại nữa, Đại Nghĩa ghi: "Viễn địa, tức là người nhập mười Giải tâm cũng chứng đắc Diệt định", Diệt định là tương tợ Vô lậu, Thể là Hữu lậu, luận này ghi: "Không phải Dị sinh và Hữu lậu", là không phải tất cả Dị sinh và khắp Hữu lậu như thế, hoặc là Dị sinh nhập vị khởi Niết-bàn tưởng mới đắc, hoặc Bồ-tát đã đắc chế phục Định chướng thục đắc, thì Hữu lậu cũng là Vô lậu. Nhị thừa xưa nay là Vô lậu, vì không thể chế phục Định chướng đắc, nếu người đã đoạn Định chướng đắc của Tứ thiền trở lên thì không có hại, đây không phải là Sở hành, mà giả gọi là Phi học vô học, vì ở giai vị học đạo đã đầy đủ, Vô học đạo đã đắc viên mãn, cho nên cũng đáng lẽ nói là Học và Vô học.

"Sáu loại Tác ý", tức là trong bốn Tác ý của Chánh tri... nói trên, Tác ý thứ hai làm ba Tác ý, như văn đã nói, từ Sở đoạn trở lên, tìm văn thì hiểu.

"Nương vào ba xứ", là Tăng thượng tâm. Một là Văn tuệ tư tuệ, hai là Tu trị nghiệp địa, ba là ba Duyên bất cộng ngoại đạo tuệ", là tiếp theo dưới ba loại sau, cho nên chính là xứ pháp.

"Bốn quả thanh tịnh", là tiếp theo bốn xứ sau không sinh phiền não, là năm quả thanh tịnh, Tứ thiền tịch tĩnh giải thoát, đắc Vô sắc định và nhập Diệt định, Diệt định là Tịch tĩnh giải thoát. "Chín quả", tức là ba quả đầu trong bốn quả của Sa-môn và sáu thần thông. "Không lấy quả thứ tư", tức là Lậu tận thông. Văn tổng kết ở dưới có năm chữ "cho nên". "Bất định địa thanh tịnh", tức là đoạn bốn Bất định địa thanh tịnh ở trước, là hủy phạm giới... "Địa thanh tịnh là Tác ý như vậy", là cõi dưới chứng Hỷ lạc, cho đến "hiểu rõ vô thường... mà nhiếp thanh tịnh", là nương vào ba xứ Tăng thượng tâm... mà nhiếp tất cả pháp Bồ-đề phần, hai câu sau có thể biết.

"Ma-ha Câu-sắc-sỉ-la", Cựu dịch là Ma-ha Câu-hy-la. Luận này dịch Ma-ha là Đại, Câu-sắc-sỉ là Đỗ, La là Trì, tức là Đại Đỗ Trì, là cậu của ngài Xá-lợi-phất, là Trường trảo Phạm chí. Trong Đỗ (cái bụng) có nghĩa là Tam tạng, là trì giữ nghĩa Tam tạng cho nên gọi là Đại Đỗ Trì.

"Tuệ giải thoát và tâm giải thoát, mỗi mỗi đều thông với Lậu và Vô lậu", đây là một đoạn văn kinh, trong luận này gọi là Thế gian và Tuệ, trước hết đem ra để thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ hữu lậu , kế đó là thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ vô lậu.

Từ câu "trong đây nương vào Tuệ giải thoát" trở xuống, cho đến câu "tức là sức tăng thượng của Tuệ giải thoát" trở lên, là thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ hữu lậu.

Từ câu "chỗ tu hành của Tuệ xuất thế gian" trở xuống, là thuyết minh tâm giải thoát của Tuệ vô lậu Tuệ, ngay câu thứ nhất thuyết minh Hữu lậu, trong luận này thì nương vào câu "Tuệ giải thoát" trở xuống, cũng nương vào câu "tâm giải thoát" trở lên, thuyết minh về Tuệ, cũng nương vào câu "tâm giải thoát" trở xuống để thuyết minh về tâm. Ngay trong thuyết minh Tuệ, trước hết là thuyết minh cảnh của Tuệ, từ câu "Thể tánh kia" trở xuống là thuyết minh về Thể, có thể hiểu. Ngay trong thuyết minh tâm giải thoát cũng vậy, trước hết thuyết minh chỗ nhiễm và tịnh của tâm, kế đó thuyết minh quả của tâm giải thoát, là cũng nương vào câu "tâm giải thoát" trở xuống, cho đến "có thể nắm lấy để phân biệt", là thuyết minh chỗ nhiễm tịnh của tâm, tức là cảnh giới của Sắc... Từ câu "tâm năng thủ là Tuệ của thế gian kia và quả tâm giải thoát" trở xuống, cho đến "tức là sức tăng thượng của Tuệ giải

thoát", thuyết minh quả tâm giải thoát, là do sức Tuệ thế gian trước kia, tâm đó ở trong Tương ưng trói buộc và Duyên trói buộc mà ra khỏi. Tương ưng là tương ưng trói buộc, Tương tạp là duyên trói buộc. Lại nữa, Tương ưng là đồng thời khởi Hoặc, Tương tạp là trước và sau xen tạp mà sinh, đây là quả của thế gian tâm giải thoát, có thể không nhiễm Tương ưng và sinh gián đoạn, nhưng không phải lìa Duyên trói buộc... nếu lìa thì tức là quả của Vô lậu tâm giải thoát. Tuệ tâm vô lậu giải thoát cũng có hai loại là Trị cảnh và Quả tướng.

Luận ghi: "Lại nữa, Quả tướng chánh kiến của xuất thế gian, phải biết rằng trước sau đều là Thường" trở xuống, thuyết minh Vô vi là quả Chánh kiến cho nên nói là Thường. Từ câu "hoặc là Sở trị của pháp" trở xuống, là lựa riêng với Hữu vi không phải Thường, có nhiều giải thích:

1. Hoặc là pháp, tức là gọi chung tất cả pháp.

"Nếu Sở trị đã có sinh rồi mà không có diệt", là Hoặc của Sở trị, nếu có Vô gián đạo đã sinh rồi, thì cùng với Hoặc đồng thời không diệt.

"Nếu Sở trị đã không có diệt mà có sinh", là Hoặc của Sở trị, nếu không có Vô gián đạo thì cùng với Hoặc đồng thời diệt rồi, có Giải thoát đạo sinh khởi, thì Sở trị và Năng trị này có diệt có sinh, phải biết có chỗ đối đãi thì không phải Thường.

2. Pháp, là pháp của Đạo đế. Từ câu "Sở trị nếu có", là trước tâm Kim cương, cho đến "Kiến đạo" trở lại, là Hoặc cũng còn, gọi là Sở trị còn. Đạo... từ tâm Kim cương trở về trước, gọi là sinh rồi mà không diệt, vì niệm niệm khởi, thì hiện tại có thể khởi, sau tâm Kim cương thì tất cả Hoặc không có, gọi là Sở trị. Nếu không có Sở đắc trở về trước, Đạo diệt rồi trở về sau, thì Đạo viên Mãn quả sinh khởi, nói là đã diệt rồi thì có sinh, Đạo đế này có sinh diệt cho nên gọi là Phi thường, Vô vi thì không phải như vậy cho nên là Thường, đây là chỉ lựa riêng với Đạo đế. Nếu giải thích từ khi chưa khởi tâm Kim cương về trước... thì Đại thừa hoặc là đắc Bất câu (không đồng thời). Như thế nào là Sở trị đã có sinh rồi? Là không có Hoặc của Diệt đạo đồng thời. Trong các Thọ và trong nhân duyên, Xúc là nhân duyên của Ái, duyên nó thì khởi Ái, Thủ... cho nên sau đó thì có sinh.

Luận ghi: "Lại nữa, pháp kia xen tạp mà tương ưng, cho nên pháp kia có thể nương vào tâm pháp thanh tịnh, phải biết là không phải chỗ nhiễm ô của duyên hiện tại khiến cho thọ các pháp kia", đây là giải thích nghĩa quả của Chánh kiến không khác nhau.

Luận ghi: "Sáu tịch tĩnh", tức là ba thời Viễn ly xuất tâm, và ba

thời Thân cận xuất tâm tịch tĩnh. "Do Thức thanh tịnh chìm lặng mà bình đẳng, không phải do Sở y kia bình đẳng mà bình đẳng", đây là giải thích ứng dụng thù thắng trong Diệt định, là Diệt định đồng thời, Thức Vô lậu thanh tịnh chìm lặng mà bình đẳng, không do Hữu tâm định của Tiền phương tiện cùng với thân Sở y của Diệt định bình đẳng, cho nên gọi là Diệt định.

3. Hạnh và Bất hạnh, là nếu xuất Định thì trước hết khởi tâm hạnh, kế đó khởi thân hạnh, sau cùng là khởi ngữ hạnh, hiện tại không có Định, ông không nên trong Hữu tâm định mà có các pháp thân hạnh... trong kinh Nhân Duyên ghi: "Hiểu rõ Sở trị", là vì hiểu rõ Ái nhiễm cho nên sau đó có sự không ưa thích, vì hiểu rõ Kiến nhiễm cho nên không thể chứng.

"Vì đối trị ba loại tạp nhiễm cho nên kiến lập ba Uẩn", một là Giới uẩn, hai là Định uẩn, ba là Tuệ uẩn, tức là lấy ba uẩn này mà nhiếp tám Chánh đạo.

"Hiểu rõ chỗ y chỉ có bốn loại", một là Có thể hiểu; hai là Tướng, là thể tướng của Định, tướng là tánh; ba là Sở duyên, tức là cảnh của Định. Nhân duyên thành biện tức là nhân duyên của Định, cũng nói Định là hoàn thành các nhân duyên công đức. "Công đức liễu giải là Diệt định", cho đến "có năm loại này", là Diệt sự, tức là thể và dụng của Định không tương ưng, tâm chán và công năng của chủng tử là thể của Diệt sự. "Vì Tịch tĩnh tương tợ với Ảnh tượng", tức là biết Định là giả có, không phải có thật thể, chỉ là tương tợ Ảnh tượng.

4. Định này nếu muốn nhập thì duyên Niết-bàn, Niết-bàn là pháp chân Tịch tĩnh, Định cùng với Niết-bàn tương tợ. Ảnh tượng của Tịch tĩnh, đây tức là Diệt định, tuy là Hữu vi, nhưng vì tương tợ Niết-bàn cho nên gọi là Ảnh tượng. Tám loại quán tướng, tức là như Bản Địa phần cuối quyển 8, cũng như cuối quyển 53 nói, trong đây thì nói tương đối, tức là đối với Khổ thọ mà nói là Lạc thọ, không phải Lạc thọ thì cũng không phải là Khổ, điều này có ba loại tương đối, như quyển 56 nói về Tương Đối, hãy xem nó.

"Miên triền", là thuyết minh do Miên mà nhập Định, cho nên nói là Miên triền.

Năm loại tướng Đối trị:

1. Xa lìa tướng ám tối.
2. Đến đạo lý Gia hạnh.
3. Hại chư Kiến.
4. Công dụng của chư Kiến.

5. Công dụng Sở y của chư Kiến.

Loại thứ nhất là lìa tướng ám tối mà tu quang minh; loại thứ hai là duyên cảnh giới thanh tịnh mà trừ Hôn trầm; loại thứ ba tổn hại chư Kiến, không khởi Kiến thủ... loại thứ tư là công dụng của chư Kiến, có thể sinh các ác hạnh, có thể sinh sáu mươi hai Kiến, luận này đối trị sáu mươi hai kiến chấp này; loại thứ năm là công dụng chỗ dựa của Kiến, tức là công đức của Kiến.

Năm loại gìn giữ Định pháp:

1. Xa lìa, là Định xa lìa phiền não.

2. Xứ xa lìa, là nơi chỗ tu Định, và thuận theo ngôn giáo của Định.

3. Thuận với vật dụng của tâm vô nhiễm, tức là Biên tế ngọa cụ.

4. Từ câu "người có trí" trở xuống.

5. Từ câu "đối với các thế gian" trở xuống.

Lại nữa, giải thích về Viễn ly:

1. Viễn ly xứ sở.

2. Thuận tâm vô nhiễm.

3. Từ câu "có khổ" trở xuống.

4. Từ câu "đối với các Đẳng trì" trở xuống.

Trong loại thứ năm trên phân làm hai loại, thì Vô lậu hạnh làm loại thứ năm.

"Cõi xuất ly" dưới đây, là ba người, mỗi mỗi người đều tu một hạnh tướng, như ba chữ dưới đây. Thời gian, người và pháp, hợp chung lại nói, cho nên có sáu loại. Cõi xuất ly này tức là Niết-bàn, tức là sáu pháp tùy thuận Niết-bàn, gọi là sáu pháp tu. Lại nữa, giải thích ba người hành sáu hạnh, thì sáu hạnh là sáu xuất ly, là người thứ nhất tu bốn hạnh, hai người còn lại mỗi người tu một hạnh, là đối với Oán hạnh thì tu Từ, đối với Ác hạnh thì khởi Bi, đối với Tịnh hạnh thì khởi Hỷ, đối với Ân hạnh thì khởi Xả, đều gọi là chúng sinh duyên Định, bốn đoạn này tổng hợp làm một, vì chúng sinh duyên Định đồng nhau. Thứ hai là Pháp duyên định, là người thiện căn Giải thoát phần. Thứ ba là tu Đế quán, là người thiện căn Quyết trạch phần, lấy pháp làm thuận với quả của Niết-bàn, cho nên có sáu loại, tuy nêu ra ba hạng người, vì pháp có ba Hạnh, nhưng duyên Cảnh thì có loại khác nhau cho nên có sáu pháp thuận.

BẢN LUẬN 63

Trong ba tướng Bất tịnh, Đẳng lưu là cùng với phẩn uế làm tướng Đẳng lưu, tướng thứ nhất Thể là phẩn uế; tướng thứ hai là Phẩn uế đẳng lưu; tướng thứ ba chỉ có Sở y năng y của bốn Đại và Tạo sắc.

Có tám nhân duyên vứt bỏ đệ tử thân gần vì ganh ghét đệ tử:

1. Muốn tự thân thọ cung kính
2. Lợi dưỡng
3. Hủy phạm giới, tùy thuận mà vứt bỏ
4. Có thầy nhiêu ích thì cần, thầy tổn giảm thì không cần
5. Giới
6. Định
7. Tuệ
8. Đối với sự việc và việc Tăng của đại chúng, đệ tử không thể nhẫn nại, tuy khéo đối với đại chúng, nhưng vì là đệ tử cho nên không nhẫn nhịn.

Lại cũng giải thích: Một là đệ tử ghét nên vất bỏ, hai là lợi dưỡng và cung kính hợp chung, còn lại sáu loại thì đồng như trên.

Sơ thiền chướng trong đây, cùng với văn của Hiển Dương luận khác nhau, như Đối Pháp quyển 9. Tưởng mặt trời trong Sở trị của bốn Tĩnh lự, thì Sơ định là trừ khổ, Nhị định cũng nói là trừ khổ, nói rằng: "Sở trị thứ nhất là trừ Hiện hành; Sở trị thứ hai là đoạn phần thế lực Thô trọng; Sở trị thứ ba là mừng hớn hở, tức là Hỷ tăng thượng, loại trước là Thể, loại sau là Dụng tăng thượng.

Lại cũng giải thích đây là Tác ý duyên Hỷ mà sinh Tác ý rất mừng hớn hở, tánh của Định hạ liệt làm thành Hỷ này, tùy theo phương tiện Tuệ bất thiện xảo mà trong Đệ nhị thiền đáng lẽ có, thì lại khiến cho không có, cho nên nói là trừ tánh hạ liệt của Định. Trong Sơ thiền và Nhị thiền có Hỷ này, không thể nói là không hạ liệt, nhưng từng phần cũng được trừ tánh hạ liệt. "Bốn Tĩnh lự đối với Lạc mà phát ngộ", tức là duyên Lạc mà khởi Tác ý, vì Lạc đến cùng cực, Tác ý duyên nó thì gọi là phát ngộ, tức là trong Tạp Tâm ghi rằng: "Đối với Duyên mà phát ngộ". Hiển Dương ghi rằng: "Đối với Lạc mà Tác ý".

Luận ghi: "Vì đối trị hạnh khổ não của tự mình mà kiến lập Tĩnh lự", một là đối trị khuyết giảm. Đối trị, là vì Khổ hạnh phiền não có thể đối trị Thánh đạo, có thể khiến cho Thánh đạo khuyết giảm, gọi phiền não này là khuyết giảm Đối trị, Tầm tứ có thể đối trị, gọi là đây là Đối trị. Từ câu "khuyết giảm..." trở xuống có thể hiểu.

Luận ghi: "Hỏi: Do đâu mà biết Khổ căn của Sơ tĩnh lự chưa đoạn? Đáp: Vì thô trọng của phẩm kia chưa xa lìa, cho nên nếu gọi là Khổ căn đã đoạn, liền cùng với Tĩnh lự thứ hai khi trụ thì không khác nhau", Đại Nghĩa ghi rằng: "Phần thô trọng của Khổ căn cũng còn, khi đắc Đệ nhị thiền thì mới hết", là nói thô trọng của phẩm kia chưa lìa thô trọng, tức là tùy theo chỗ nương không có tánh đảm đương, chỉ vì ba Thức của Sơ thiền còn tồn tại, Hỷ chưa viên mãn thì thô trọng chưa hết, vì Khổ căn của ba Thức tùy thuận lẫn nhau, Hỷ cùng với Khổ căn trái ngược nhau, ba Thức trong Địa của Đệ nhị thiền không có cho nên Hỷ rất viên mãn, do đó thô trọng đã trừ, nếu Sơ thiền đã lìa Khổ thô trọng tức là Hỷ viên mãn, nếu Hỷ đã viên mãn tức là không có ba Thức, thì đáng lẽ cùng với Tĩnh lự thứ hai không khác nhau. Đoạn ở đây là đoạn tánh ỷ dựa Hữu lậu thô trọng... trên Khổ căn, không phải đoạn Chủng tử và Thức tương ưng, vì trước đó đã đoạn rồi. Nếu không có Chủng tử thiện, thì có thể nói Sơ thiền đã đoạn cùng với Hoặc đồng thời; nếu là Thiện vô ký, thì A-la-hán cũng còn phát khởi. Ở đây nói "đoạn" là chỉ đoạn tánh thô trọng trên, ví như sắt đen khi đưa vào lửa thì màu đen liền biến mất, vì cũng là màu đỏ sinh ra, khi ra khỏi lửa thì màu đen sinh lại, vì màu đỏ biến mất. Đoạn này cũng vậy, khi được nhập Nhị thiền thì Khổ căn thô trọng biến mất, vì không khởi ba Thức, Vô lậu đầy đủ thì Hỷ sinh khởi, khi ra khỏi Nhị thiền nhập lại Sơ thiền... màu đen sinh lại đầy đủ thì Hỷ không có. Như vậy mà hợp các pháp lại, thì Nhị thiền hữu lậu chế phục Khổ thô trọng Hữu lậu, Nhị thiền vô lậu thì đoạn Khổ thô trọng, vì có Vô lậu hỷ. Cho nên không phải hàng Bất thoái... có được, vì đây là nhập Sơ thiền thô trọng mà sinh ra.

Luận ghi: "Lại có bốn loại tu Tam-ma-địa", Đại Nghĩa ghi: "Loại thứ nhất tức là hàng Hữu học kiến đế, trụ Vị lai thiền, cầu đắc Tĩnh lự căn bản; loại thứ hai tức là loại Dị sinh đã đắc Thiền định nhưng chưa đắc Ngũ thông, cầu đắc Sinh tử trí thông... loại thứ ba tức là hàng độn căn Kiến đế, ở tại Căn bản thiền cầu đắc lợi căn; loại thứ tư tức là Lợi căn kiến đế, cầu đắc quả Vô học". Trong đây tại sao trong Kiến đế không có độn căn? Vì ở tại Vị lai thiền mà cầu Căn bản địa và lợi căn. Tại sao Dị sinh không có cầu Kiến đế? Kiến đế không cầu mà cầu Ngũ thông. Những người như vậy lại phỏng theo những chỗ như vậy, không phải pháp nhiếp hết được. "Lại nữa, độn căn của Kiến đế ở tại vị lai, không thể cầu nhập Căn bản và chuyển thành hạng lợi căn", vì hạng Sơ căn trì độn, tu hành thì chậm chạp, cho nên lược bỏ không luận. "Không nói loại Dị sinh kiến đế", vì đắc Ngũ thông là đầy đủ, trong đây lại nêu

ra Sinh tử trí thông thù thắng, vì biết các sự nhân quả vị lai. Cuối cùng không nói Ngũ thông của hàng Vô kiến đế... khác, vì những loại có đủ Ngũ thông cũng đều cầu Vô học. Hữu tình duyên Vô lượng, tức là đã đắc hữu tình duyên bốn Vô lượng.

Luận ghi: "Hoặc là khi Lạc thông hành tích chuyển chậm thì tuy đã Kiến đế...", cho đến "trở lại thọ Tưởng tầm tư của cõi Dục đang trụ Chánh niệm, đang khởi Chánh tri", là vì độn căn này ở tại thiện pháp thọ Tưởng tầm tư của cõi Dục, trụ Chánh niệm, trụ Chánh tri phiền não tuệ, tức là cầu lợi căn mà sợ thoái chuyển pháp. Thọ là Thọ tâm sở, có nghĩa là lãnh thọ, tăng thêm thọ pháp Lạc của cõi Dục. Tưởng là tưởng tượng, nắm lấy hình tượng, là cảnh giới của các pháp. Tư tức là thọ Tưởng đồng thời với Tầm tư, vì ở trong đây mà khởi Chánh niệm tưởng và mất niệm, cho nên phải khởi Chánh tri và sinh Phân biệt tuệ.

"Sáu loại Ly dục", như Đối Pháp quyển 6 nói có mười loại, sự khai hợp không đồng nhau.

Mã Thắng, tức là Cựu Câu-xá gọi là A-du, thật ra phải nói là A-thấp-phược (Hán dịch là Mã), Phạt-đa (Hán dịch là Thắng) là Tỳ-kheo luận nghĩa với Phạm vương.

Luận ghi: "Lại có Bổ-đặc-già-la đã đắc Ly dục, từ Định khởi rồi, hoặc cùng một lúc Tam-ma-địa kia xen tạp lẫn nhau tác ý mà chuyển", là thông với phàm phu và bậc Thánh, đã đắc chín Vô gián giải thoát đạo rồi thì trụ trong Thắng tấn đạo, hoặc trong cùng một lúc, tâm Thắng tấn đạo đó cùng với Tán tâm xen tạp nhau mà khởi, Tán tâm này hoặc là cõi Sắc trói buộc, thuộc Văn Tuệ... nhiếp, nếu không như thế thì Văn tư tuệ... của cõi Dục hoặc đồng thời với thuần Định tâm làm Thắng tấn đạo, không phải Vô gián giải thoát đạo. trụ trong Thắng tấn đạo, nếu gặp âm thanh duyên mạnh bên ngoài thì từ Định khởi lên Nhĩ thức mà duyên âm thanh, cùng với Định tâm Thức thứ sáu đồng thời chuyển, đây là chỉ có Nhĩ thức duyên, không có Thức thứ sáu cùng với Nhĩ thức đồng duyên một cảnh.

Luận ghi: "Không phải ngay trong Định tương ưng Ý thức kia mà có thể nắm lấy âm thanh này", nghĩa này có ý nói rằng: Nghe âm thanh trong Định, từ Định khởi lên Nhĩ thức cùng với Ý thức đồng thời chuyển, nhưng Ý không cùng với Nhĩ thức đồng duyên một cảnh, cho nên nói "không phải Định định tương ưng Ý thức có thể nắm lấy âm thanh này".

Hỏi: Như kinh Giải Thâm Mật ghi: "Như Nhãn thức... khi tùy một Thức mà khởi, thì chắc chắn cùng với Ý thức đồng thời chuyển", ở đây

thì tại sao Nhĩ thức chỉ khởi một mình, Ý thức không đồng duyên?

Đáp: Kinh đó căn cứ năm Thức đồng thời trong Tán tâm, thường hằng đồng thời chuyển, cho nên phải có Ý thức.

Hỏi: Như thế thì Đối Pháp quyển 7 tại sao nói là vì trong Định không có năm Thức?

Đáp: Luận đó thì căn cứ theo Định không có năm Thức mà nói. Lại nữa, hoặc căn cứ theo năm Thức trong cảnh Định mặc tình tùy ý, thì tức là không khởi, hoặc tăng thêm cảnh mới trước mắt. Như đoạn văn này thì trong Định có Nhĩ thức, theo Đại Nghĩa thì có một giải thích này. Lại nữa, nói: "Trong Định xưa nay không có năm Thức", là sai.

Hỏi: Như Tán tâm, căn cứ theo Định tâm thì cũng có năm Thức cùng với Ý thức đồng duyên hay không?

Đáp: Không, vì nắm lấy cảnh được rõ ràng thì chắc chắn là Hiện lượng, nếu có duyên riêng biệt thì tức là trái với Tập Lượng luận... năm Thức đồng với Ý thức là lỗi Hiện lượng, vì Ý thức của Tán tâm vị không đồng thời thì năm Thức không khởi, hoặc như vậy hoặc khởi thì chắc chắn phải đồng thời, không đồng ở trong Định nghe cảnh thô mạnh, cho nên Nhĩ thức có thể duyên Ý thức trụ vững một cảnh, không cùng nhau đồng duyên.

Luận ghi: "Nếu không như thế thì Nhĩ thức đối với âm thanh này không lãnh thọ, cho nên không cần xuất Định...", là Tát-bà-đa bộ, trong Định không có năm Thức, luận này phá Bộ đó nói: "Nếu trong Bất định mà khởi Nhĩ thức duyên âm thanh mà thôi, thì đối với âm thanh này, trong Định đã không lãnh thọ, thì không nên sau đó được xuất Định, mà trụ trong Tán tâm, nếu Nhĩ thức ở trong Định, tức là không phải khi nắm lấy âm thanh thì Ý thức liền xuất Định, mà phải Nhĩ thức lãnh thọ âm thanh, đã Ý thức có hy vọng thì sau đó mới có xuất Định. Lại nữa, khi Nhĩ thức nắm lấy âm thanh thì ở trong Định, không phải khi nắm lấy âm thanh thì liền xuất Định, ở ngoài Định mà nắm lấy âm thanh thì chỉ cần một mình Nhĩ thức, trong Định lãnh thọ âm thanh rồi thì có hy vọng, sau đó Ý thức mới xuất Định. Những điều này gồm cả Định, đều có các luận gia năm Thức giải thích, luận này thì giải thích như Biệt sao và Đối Pháp quyển 7.

Trong Hữu tâm địa, ghi rằng: "Ví như sóng nước nương vào dòng thác, hoặc như ảnh tượng nương vào gương sáng", như quyển 51 nói có hai giải thích:

1. Thắng nghĩa đế, là tám Thức chung một Thể, như sóng không lìa nước.

2. Thế tục đế, là tám Thức mỗi mỗi đều riêng biệt, vì ứng dụng của sóng khác nhau. Như nghĩa của hai sư trong Nhiếp luận, lấy văn này làm chứng cho nghĩa của Đại sư.

A-lại-da tương ưng với Thọ, gọi là Dị thục, cùng với Đối Pháp quyển 1 trái nhau, như luận kia giải thích.

Luận ghi: "A-lại-da thức không có Phiền não", đây là lựa riêng với không có lý do, Tư căn cứ theo đây có thể biết, nhưng có đủ Kế độ phân biệt thì có thể thành Pháp chấp , Thức thứ tám và thức năm không có Kế độ phân biệt này cho nên không có chấp.

Hỏi: Thức thứ năm và thứ tám không có hai loại Kế độ, đều không có Pháp chấp , Pháp chấp không có nghĩa đã đồng nhau, thì năm Thức đáng lẽ không có Phiền não?

Đáp: Năm Thức cũng còn Ý thức dẫn phát, cho nên có Phiền não.

Hỏi: Cũng đáng lẽ do Ý dẫn thì cũng được gọi là có Pháp chấp?

Đáp: Pháp chấp do Kế độ, do tâm lợi căn của Kế độ dẫn phát, cho nên không thể sinh phiền não, nếu có độn căn dẫn phát thì được khởi.

Luận ghi: "Mạt-na mặc tình tùy ý tương ưng với bốn Hoặc, cho đến với Bất cộng vô minh...", Chánh Pháp Tạng ghi: "Nếu Kiến đạo, Phiền não, Vô minh gọi là Bất cộng, thì không cùng với Hoặc tương ưng, gọi là Bất cộng thì Mạt-na, Vô minh trong Tu đạo thông với địa vị của ba tánh mà khởi, do đó gọi là Bất cộng. Không phải không cùng với Hoặc tương ưng, như Nhiếp luận ghi: "Như mười tám pháp Bất cộng cho đến hành sáu Thức không cùng với Mạt-na thức, đáng lẽ gọi là Bất cộng...". Lại nữa, giải thích lấy Nhất loại tương ưng, không đồng với các Thức, gọi là Bất cộng. Hộ Nguyệt nói: "Như trong sáu Thức, khi Phiền não duyên ngoại cảnh, vì duyên cảnh rõ ràng cho nên Kiến và Ái mạnh mẽ, đồng thời với Vô minh, chỉ gọi là Tương ưng". Mạt-na duyên bên trong mà mê chấp, vì duyên cảnh không rõ ràng, cho nên lực Vô minh mạnh mẽ, lực của Kiến, Mạn... yếu kém, Vô minh làm Dụng thù thắng cho nên gọi là Bất cộng, tuy có Kiến, Mạn... tương ưng nhưng không gọi là Tương ưng, nhưng chỉ đối với Tiểu thừa mà lập các Kiến, Mạn này làm Bất cộng, như Nhiếp luận rộng lập nói rằng: "Như mười tám pháp Bất cộng... Hỏi: Tại sao trong Mạt-na bất cộng với Kiến, Mạn và Ái? Đáp: Vì chỉ đối với Tiểu thừa, cho nên thiên về Vô minh mà được tên là Bất cộng, không phải Kiến, Mạn... duyên tướng mà làm Ngã sở, Kiến phần chính là Ngã". Nghĩa của sư Hộ Nguyệt chỉ duyên làm Ngã mà không phải làm Sở, điều này nói chung là nghĩa Chánh pháp tạng, tức

là làm Ngã trong nhà Ngã, là nghĩa của Hộ Pháp.

Luận ghi: "Hoặc Nhất thiết chủng này của chư Vô học đều không hiện hành", là hai giải thích Nhân chấp và Pháp chấp trong luận này. Hộ Nguyệt nói: "Mạt-na chỉ có Nhân chấp, Vô lậu quán của Nhị thừa chỉ có Thức thứ tám, Thức thứ bảy thì xưa nay không có". Luận sư Giới Hiền nói: "Pháp chấp cũng có", đây là căn cứ theo Pháp sở chướng, tức là chỉ có Nhân chấp cho nên nói là không hiện hành, không phải Pháp chấp cũng bị diệt mất, như Phật Địa luận ghi: "Nhất loại này không có thô tế, đồng thời đoạn nhanh chóng, vì không chướng ngại Trị đạo của Hữu học, cho nên Kim cương tâm đoạn.

BẢN LUẬN 64

Luận ghi: "Tại sao tùy niệm mà Tam bảo sai biệt? Phải lấy tướng tùy niệm Phật bảo...", cho đến "là Phật Thế Tôn...", là Phật lấy Biệt tướng mà niệm, tức là lấy đức tướng Nhất thiết trí, mười Lực, bốn Vô úy... mà niệm Phật bảo, lấy tướng Diệt tận, Ly dục, Vô vi Niết-bàn... khác mà niệm Pháp bảo, lấy tướng công đức của Vô tránh... mà niệm Tăng bảo, các pháp khác tức là tự tướng Tam bảo mong làm các pháp khác, là các tướng khác ngoài Pháp và Tăng, làm Phật bảo. Những nghĩa sai biệt như vậy thì niệm Phật... gọi là các pháp khác. "Là Phật Thế Tôn...", đây là nêu ra các tướng khác của Phật bảo, là Đại Nghĩa nói.

Luận ghi: "Lại nữa, Dục cầu, là cầu cảnh Ngũ dục, có năm thứ, một là Nhiếp thọ cầu... cho đến Hữu phương tiện cầu",

1. Như vợ con làm Nhiếp thọ cho nên cầu
2. Như tài sản gạo thóc làm Thọ dụng cho nên cầu
3. Như nhạc cụ làm vui chơi cho nên cầu, ba thứ này có thể hiểu
4. Thiếu hiểu biết mà cầu, là vì hiểu rõ mà cầu hiểu biết; Danh thanh cầu, là cầu danh tiếng; Hữu cầu, tức là cầu thân Hữu lậu trong ba cõi, không đồng Tiểu thừa.
5. Pháp nhĩ cầu, là chúng sinh trong kiếp cuối cùng, pháp như vậy mà cùng sinh lên cõi trên.

Đại Nghĩa nói:

1. Pháp Nhĩ, tất cả chúng sinh cầu thân Hậu hữu.
2. Kỳ nguyện cầu, là cầu nguyện sinh lên cõi kia đắc quả kia...
3. Ngu si cầu, là ngoại đạo... cho rằng cõi trên là Niết-bàn cho nên cầu, vì là ngu si. Đại Nghĩa nói là ngu si mà cầu sinh cõi trên.
4. Chán lo mà cầu, là chán lo cõi dưới.

Đại Nghĩa nói là chán lo thân này mà cầu thân sau. Tư trạch cầu là có trí tuệ mà cầu lên cõi trên, không chấp là Niết-bàn. Đại Nghĩa ghi chọn lựa nơi đáng sinh mà cầu sinh. Phạm hạnh cầu có năm thứ, Duy cầu cầu là người muốn tu Phạm hạnh. Đại Nghĩa nói tổng tướng tâm cầu Phạm hạnh. Lại nữa, chỉ có cầu tâm nhưng chưa có thể phát khởi, vì Phạm hạnh khó cầu, cho nên chưa có thể tu hành. Thú đắc cầu, là khởi nhân tu hành gọi là Tu đắc. Đại Nghĩa nói: "Cầu riêng một sự gọi là Thú đắc cầu", là tiến đến đắc mà cầu. Hiện đắc cầu, là tu Phạm hạnh hiện đắc quả. Hậu đắc cầu, là cầu Hậu đắc quả. Tư trạch cầu, là người có trí cầu đắc Niết-bàn mà tu Phạm hạnh, vì cầu Phạm hạnh để làm nhân của đạo. Lại có Giả danh đệ nhất nghĩa cầu trong sai biệt, Đại

Nghĩa nói: "Giả danh cầu là một, tức là ngoại đạo... Đệ nhất nghĩa... là một". Lại nữa, "Giả danh đệ nhất nghĩa... là một", là Tà phạm hạnh, Giả danh đệ nhất nghĩa cầu chính là Phi phạm hạnh. Quán sát cầu, là Chân phạm hạnh, vì quán sát có thể xả bỏ có thể ưa thích pháp mà cầu. Vô phương tiện cầu, là Tà cầu giải thoát. Hữu phương tiện cầu, là hiện tại cầu Chân giải thoát.

Luận ghi: "Đại Nghĩa ghi hoặc ba lớp Tục đế, hoặc bốn lớp Tục đế", đây là hai Đế môn, là Tục đế có bốn môn, Thắng nghĩa đế cũng vậy, trong Thế tục, một là Giả danh vô thật đế, hai là Tùy sự sai biệt đế, ba là Chứng đắc an lập đế, bốn là Giả danh vô tác đế. Nói rằng Giả an lập gọi là Thắng nghĩa đế, mà không có Pháp thể, vì Pháp thể không thể nói, văn này chỉ có bốn lớp của Tục đế, không có Thắng nghĩa đế. Trước lập ba lớp, là vì có pháp thích hợp. Sau lập bốn lớp, là Giả danh an lập. Ấn Độ có lập bốn lớp Thắng nghĩa cũng vậy, tương đối như trước đã nói:

1. Thế tục thắng nghĩa đế, Thể là Đạo lý thế tục ở trước, là Thắng thế tục đế cho nên gọi là Thắng nghĩa, lập ra nhân quả của pháp sai biệt, là tánh Y tha... cho nên gọi là Thế tục.

2. Đạo lý thắng nghĩa đế, Thể là Chứng đắc thế tục ở trước, có nghĩa là đắc quả đoạn Hoặc, cho nên gọi là Đạo lý, vì vượt hơn Đạo lý thế tục ở trước cho nên gọi là Thắng nghĩa, chính là cương vị của Thập địa...

3. Chứng đắc thắng nghĩa, Thể là Thế tục thắng nghĩa ở trước an lập làm Danh thắng nghĩa, có thể chứng đắc nghĩa cho nên gọi là Chứng đắc, vì hơn Chứng đắc thế tục ở trước cho nên gọi là Thắng nghĩa.

4. Thắng nghĩa thắng nghĩa, tức là Phi an lập đế, Thể của Chân như là pháp bất khả an lập, cho nên gọi là Thắng nghĩa. Chứng đắc trí của Thanh văn thừa, trong chứng đắc có chín Trí, không vượt hơn Thắng nghĩa thế tục thắng ở trước cho nên gọi là Thắng nghĩa. Trong Thế tục ở trước chỉ là Thế tục đế thứ nhất.

Luận ghi: "Trong ba hạng người Độc giác, một là trước đã đắc Thuận quyết trạch phần, hai là Chứng đắc vị đắc, ba là Chứng đắc chứng đắc", hai hạng người trước là thành Chúng xuất, vì trước đã đắc Noãn, Đảnh... của Thanh văn, khi nhập quả thì gấp, không thể có nhiều thời gian tu tập, cho nên thành Chúng xuất. Hoặc trong Quyết trạch phần chưa có Định sinh, có nhiều thời gian và cơ hội nhập Kiến đạo, ở tại cương vị Quyết trạch phần hồi tâm mà thành Độc giác, và người chưa đắc Quyết trạch phần thiện cũng vậy, vì càng có thời gian lâu để tu

tập thì luyện căn linh lợi, trong đây đều gọi là Vị chứng đắc chứng đắc, như Đối Pháp sao quyển 13 giải thích, trước đó nói rằng: "Chứng đắc, tức là Quyết trạch phần thiện gọi là Chứng đắc", vì đã có thể chứng chân, đắc Vô lậu. Kiến đạo... tức là Chứng đắc chứng đắc, như người chưa đắc quả thì gọi là Vị chứng đắc chứng đắc, cũng nói là chưa đắc quả, hoặc là Hướng thứ ba ở tại Giải thoát phần vị, hai hạng người trước thì khác.

Luận ghi: "Là chỗ nhiếp của Ma-đát-lý-ca", tức là mười bảy Địa và bốn loại Nhiếp. Ma-đát-lý-ca gọi là Bản mẫu nghĩa, như mười bảy Địa tức là bốn loại của Bản Địa phần. Nhiếp tức là bốn phần sau, giải thích nói rằng: "Trong kinh Phật Bản ghi: Mười bảy Địa và bốn Nhiếp, Di-lặc vì ngài Vô Trước mà nói", tức là Bản Phật thuyết gọi là Bản mẫu. Lại nữa, giải thích Di-lặc tức là Phật, vì Vô Trước mà thuyết mười bảy Địa và bốn loại Nhiếp, tức là Bản mẫu, gọi là Ma-đát-lý-ca. Hai Sở nhiếp, tổng hợp hai loại trước mà có mười chủng loại này, tức là Tạng và Bản mẫu. Mười chủng loại: Thứ nhất là Đế tướng giáo, tức là nói về hai Đế tướng của bốn Đế; Tri khổ, Đoạn tập, Chứng diệt và Tu đạo, bốn loại này hợp với một loại trên là năm chủng loại. Phẩm loại sai biệt của bốn Đế là chủng loại thứ sáu; Sở y, Năng Y là chủng thứ bảy. Sở y có hai giải thích: một là Sở y là nhân, tức là Tập đế và Đạo đế; Năng y là quả, tức là Khổ đế và Diệt đế. Hai là bốn Đế lý là Sở y, y theo lý này mà nói thì giáo là Năng y, tức là Năng thuyên và Sở thuyên tương xứng với giáo; Biến tri... Chướng pháp giáo là chủng thứ tám, tức là nói Khổ đế và Tập đế chướng pháp; Thuận pháp giáo là chủng thứ chín, tức là nói ngôn giáo của Đạo đế và Diệt đế; ngôn giáo công đức, ngôn giáo tội lỗi của Biến tri và Bất biến tri... là chủng thứ mười. Bất biến tri... tức là ngôn giáo tội lỗi, tức là chướng của Biến tri khổ đế... ở trước, vì không phải là Biến tri thiện cho nên gọi là Bất biến tri. Công đức của Biến tri gọi là ngôn giáo của Biến tri... tức là Thuận giáo pháp ở trước. Thế tục thế tục chứng giáo, là tướng và tên gọi khác nhau. Thắng nghĩa đế giáo, là bốn Thánh đế và Chân như. Trong đây không luận Chánh tri, vì nếu là Hữu vi thì có thể làm Thế tục, nếu là Vô lậu trí thì có thể gọi là Thắng nghĩa, cho nên không luận riêng về nó, đến phần Năm pháp thì sẽ hiểu.

"Thăng-nhiếp-ba", là tên cây, Cựu dịch rừng Thân-thức là sai, tức là Phật bảo A-nan lá cây trong rừng các nơi lớn nhỏ, là cây này, Phật ngồi tại gốc cây, thì A-nan không phải ở trong rừng.

Mười sáu Ý thú, lấy hai pháp Dục và Thắng giải làm Thể, tức thứ

nhất Ý lạc; thứ hai Quai ly là chán lìa sinh tử, tức là nghịch lìa sinh tử; thứ ba Phát tâm khuyến đạo... thứ tư Giải thoát phần vị; thứ năm Quyết trạch phần vị; thứ sáu khiến cho nhập Kiến đạo; thứ bảy Chánh nhập kiến đạo; thứ tám Đắc quả thành thục; thứ chín Đắc quả rồi tu Định; thứ mười khiến cho đắc quả Vô học; thứ mười một khiến cho chúng sinh dần dần nhập vào Biệt ý của Phật, như Nhiếp luận quyển 12, khiến cho chứng Biệt ý ở trước. Các Ý thú còn lại có thể hiểu.

Bốn Định trí, là bốn hạnh của Khổ đế, tức là Khổ, Vô thường, Không, Vô ngã, là bốn Điên đảo định câu trí. Vì Sinh, có nghĩa là lìa Uẩn riêng có pháp để sinh. Vì Ngã sinh tướng, là Thể tướng trạng của Ngã và nghiệp dụng... có thể hiểu.

Luận ghi: "Tại sao Đạo đế là Tư lương đạo, Phương tiện đạo, Thanh tịnh đạo, gọi là Đạo đế", đồng với Đối Pháp quyển 8, cũng như Đối Pháp quyển 4, trong Kiến đoạn và Tu đoạn mà nói là Đoạn. Tám Phương tiện đạo... của Đạo đế... là Hữu lậu cho nên thuộc Tu đạo đoạn, rộng như Đối Pháp sao nói.

Luận ghi: "Lại nữa, ngay tại các Đế làm chỗ căn cứ, làm chỗ nương dựa, làm nơi Kiến lập", lập ra mười ba loại Bổ-đặc-già-la để giải thích, sáu Khổ đế là Y quả, Tập đế là Y nhân, Đạo đế làm Kiến lập xứ, vì đắc thành Hữu học... trong đây không lấy Diệt đế, vì là Vô vi. Lại nữa, giải thích các thông ngữ này, "cứ, y, kiến lập", tức là một vật, không thể phối hợp riêng, chính là pháp của ba Đế, hoặc bốn Đế dùng để chứng đắc Vô vi... vì phương tiện kiến lập sai biệt. Bồ-tát trong đây không sinh cõi Vô sắc, đều như Đối Pháp sao 13 giải thích, thân Như Lai xưa nay là Vô lậu, vì ra khỏi ba cõi, gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Luận ghi: "Sáu Chướng ngại chướng, là mười một chướng ngại tùy mỗi một chướng hiện tiền", tức là mười hai Chướng này trừ ra Chướng thứ sáu, lấy năm chướng trước và sáu chướng sau hợp chung là mười một Chướng, để làm Chướng thứ sáu này lại càng không có Thể riêng.

Luận ghi: "Sai biệt trong đây là Căn, là quả Tánh giới, là nhân Tánh tín giải, là nhân tánh Ý lạc, là quả", hai loại Căn và Giới, hoặc nhiễm hoặc tịnh, tùy chỗ thích ứng mà thông dụng với năm Căn như Tín v.v... và năm Thọ căn cùng với Ý căn làm Thể, chỉ có Hiện hành gọi là Căn, chủng tử gọi là Giới. Đại Nghĩa ghi: "Hoặc mới tu chưa đầy đủ thì gọi là Giới, là tăng thượng nghĩa cho nên nói là Nhân, đã đầy đủ thì gọi là Căn, là tăng thượng nghĩa cho nên gọi là Quả, nói chung là quả nhân, nhưng mà Thể thì không riêng khác. Tín giải và Ý lạc cũng như các luận nói, đều lấy hai pháp Dục và Thắng giải làm Thể, hoặc nhiễm

hoặc tịnh đều đồng, cũng không khác nhau, chỉ có Tín giải là nhân, Ý lạc là quả, tức là Chủng tử gọi là Tín giải, Quả gọi là Ý lạc, đây là văn làm chứng của các luận. Đại Nghĩa ghi: "Tức là khi mới khởi Tín... thì gọi là Tín giải, cho nên là Nhân; sau khi khởi Tín giải rồi thì gọi là Ý lạc, cho nên là Quả", không phải phỏng theo Chủng tử... mà giải thích, nghĩa này là như vậy.

Luận ghi: "Tà tánh, Tà định và Tà tụ lại có hai loại: một là Bản tánh tà tánh định, hai là Phương tiện tà tánh định". Loại thứ nhất là người Vô chủng tánh, loại thứ hai là người Đoạn thiện căn, thông với Hữu tánh và Vô tánh. Đại Nghĩa nói: "Thiện lại tiếp tục thì chưa phải là Tà kiến Tà tụ tạo nghiệp Ngũ nghịch", vì quyết định là Tà định. Đại Nghĩa nói: "Chánh tánh định có hai loại: một là Bản tánh chánh tánh định, hai là Phương tiện chánh tánh định", loại thứ nhất thì ba Thừa vốn sẵn có, mỗi mỗi đều khác với người Quyết định tánh, loại thứ hai thì người này đã nhập Thánh đạo trở đi. Đại Nghĩa nói: "Bất định cũng có hai loại: một là Bản tánh bất định, hai là Phương tiện bất định", loại thứ nhất là người ba Thừa tánh vốn sẵn có, trong một thân người mà có chủng tánh của ba Thừa, loại thứ hai Phương tiện bất định, trước đã giải thích rồi, Thánh đạo đã như vậy, bắt đầu hồi tâm hướng Đại thừa... mà nhập phương tiện cho nên không nhất định, gọi là Phương tiện bất định. Người thứ nhất khi là phàm phu thì có chủng tử ba Thừa, hoặc tức là hồi tâm, hoặc tổng quyết định là người Bất định, là cương vị của nó bất định, người thứ hai tánh tức là Định cũng vậy, người tánh Bất định này là một người, hoặc có đủ chủng tử của ba Thừa, hoặc chỉ có hai chủng tử...

Luận ghi: "Lại nữa, hoặc đối với Chân nghĩa lý môn kia tùy quyết định rõ ràng, phải biết có thể nhập năm loại Ly sinh...", Ấn Độ gọi Túc thực là Sinh thực, như người Túc thực thì không tiêu hóa tại thân, liền có thể thành hoạn nạn, Phiền não của Kiến đạo cũng vậy, ở tại thân cùng với hữu tình khởi hoạn nạn sinh tử, hoạn nạn tử hiện tại đã được đoạn, cho nên gọi là Ly sinh, tức là Cựu dịch là Siêu thăng ly sinh. Năm loại này đều nhập Kiến đạo, ba loại người đầu là Thanh văn, người thứ nhất là Thứ đệ, hai loại sau là Siêu việt, có thể biết là Độc giác và Bồ-tát, đều gọi là Ly sinh.

Luận ghi: Lại có năm loại Hữu ái:

1. Pháp tánh ái, tức là khi đến kiếp cuối cùng, pháp như vậy mà ưa thích sinh lên cõi trên, như Pháp nhĩ...

2. Thệ nguyện ái, không phải ngoài lúc này mà thệ nguyện sinh

lên cõi kia.

3. Ngu si ái, tức là ngoại đạo cho rằng cõi kia là Niết-bàn.

4. Yếm ly ái, là khắp các phàm phu đều chán cõi dưới ưa thích cõi trên.

5. Tư trạch ái, là bậc Thánh sinh lên cõi kia, là hạng người Định tuệ thượng lưu.

Đại Nghĩa ghi: "Luận này nói Hữu ái, chưa chắc là duyên hai cõi trên, chính là duyên nội trong thân Hữu lậu. Pháp tánh ái, tức là mặc tình tùy ý ưa thích, như Thức thứ bảy chỉ có Tà ái. Thệ nguyện ái, như phát nguyện rằng là ta quyết định mong muốn phải được thân... như vậy như vậy. Ngu si ái, tức là Vô minh tăng thêm Ái hoặc sinh tử, cũng như ngoại đạo cầu sinh Thiên. Yếm ly ái, là luận nói rằng "đối với Xả pháp ái, không có hổ thẹn", tức là xả bỏ thọ pháp không có hổ thẹn, tức là người xả này chán sự này ưa sự kia. Tư trạch ái, cũng như Tư trạch nói rằng "trời người là thù thắng, pháp của ta sinh về đó", cũng là loại ưa thích thế lực.

Luận: Trong giải thích ba loại hình... của Hữu lậu đều như vậy, nói: "Hữu lậu có năm tướng", ba loại trước tức là ba cõi, hai loại sau thì ở tại năm nẻo, nẻo ác thì gọi là không có Dục lạc có Phiền não, nẻo thiện gọi là có Lạc có Phiền não, sinh vào có Lạc có Phiền não kia, trong đây chỗ duyên năm Trần của Dục lậu cõi Dục, hoặc là duyên cõi Dục của nội thân mà khởi Phiền não, gọi là Hữu lậu, thân Hữu lậu... tăng thượng mà nói, là chỉ ở tại nội thân, vì Dục trần phần nhiều là ở bên ngoài. Đại Nghĩa ghi: "Hai cõi trên gọi là không có Dục lạc Phiền não, cõi Dục gọi là có Dục lạc Phiền não, trong đây Vô minh lậu chỉ lấy sáu mươi hai Kiến tương ưng Vô minh, chỉ có tại cõi Dục, sáu mươi hai Kiến này gọi là Chướng giải thoát... như quyển 89, lấy Vô minh làm chủ, đây là nói Vô minh, nhưng thật ra là Kiến, cũng như quyển 89 nói. Nhưng trong đây chỉ nêu ra Phân biệt kiến của Hậu tế, không nêu ra Kiến của tiền Tế, vì luận nói: "Nếu là Dục vô minh lậu, thì Dục có nghĩa là mong muốn", duyên về Hậu tế mà khởi mong muốn là thù thắng, không phải duyên Tiền tế, Kiến không phải là Vô minh lậu, tức là như quyển 89 nói.

Luận ghi: "Tướng, là do Sở y mà hành trụ", cũng như Thức, trong đây căn cứ theo một nghĩa không trái nhau, lấy Căn làm Sở y, lấy cảnh giới làm Sở hành trụ, tự phân biệt rõ mà quán đối với Thức... pháp còn lại có thể tùy. Lại nữa, giải thích: "Các chú thuật ác của Bà-la-môn gọi là Thính văn cứu cánh", Bà-la-môn kia nói: "Chú này của ta chỉ nghe

thì liền được công đức, làm việc đều rốt ráo, không thể giải thích".

Luận ghi: "Một chữ Thông đạt, thông đạt làm Thường", tức là như chữ Kha-a biết là Thường, không thể chuyển đổi, vì đây là gốc của chữ. "Nghĩa của chữ Thông đạt đạt làm Vô thường", tức là nghĩa chỗ làm chứng của chữ, có thể chuyển biến tùy theo phương xứ mà nghĩa đó lập ra, cho nên gọi là Vô thường, như Nhãn gọi là Nhãn, cũng gọi là Chiếu liễu đạo... tức là nghĩa chỗ làm nhân của chữ, là Vô thường, cho nên biết thì gọi là Danh cú... cũng là Vô thường, vì có thể chuyển đổi. Lại nữa, nhân... của chữ này, là nghĩa các Hành vô thường, cho nên Danh nghĩa vô thường.

BẢN LUẬN 65

Ngay trong Tư tuệ địa, hai quyển có nói hết, quyển sau trở lại thuyết minh hai mươi chín Đoạn vị, cuối quyển sau lấy hai mươi chín Đoạn vị trở lên, tìm xuống thì căn cứ theo đây mà biết.

Luận ghi: "Hữu, Phi hữu, Tư và Thức, như Bản Địa nói", Hữu vi và Vô vi làm Hữu, Vô ngã và Vô ngã sở làm Phi hữu.

Luận ghi: "Hoặc do Thật vật, do Sự, do Nghĩa...", có người giải thích nhân thứ nhất chứng Y tha hữu, nhân thứ hai này thì chứng Viên thành hữu, như những tên này, là Danh nghĩa riêng của Chân như, càng không làm đề mục cho pháp nào khác nữa. Lại nữa, giải thích ba chữ "cố" này, cũng là chứng Y tha, do Thật vật là lựa riêng với pháp tương tợ, do sự là Thể sự, do nghĩa là nghĩa sai biệt, đều là Y tha khởi chờ đợi các chỗ nơi khác, gọi là Giả thật... như Đối Pháp quyển 3 ghi: "Chân như thứ nhất tức là đối với Sắc... làm chỗ nương, làm chỗ chờ đợi, Ngã... là giả cũng chờ nương vào Sắc... "Uẩn của Danh sắc...", cũng là giả có, vì chờ các Sắc... khác mà thành tổng Uẩn. "Bỉ Ngạn rất xa, chấp rằng ta không vượt qua được, có bốn loại", là chấp xa cùng cực không vượt qua được, trong bốn loại này, loại sau không hơn loại trước, mỗi mỗi đều khác, hãy xem! Không phải loại trước có thể hiểu được, bốn câu phân biệt bao gồm hết.

Luận ghi: "Nói nhân là nói nhân", nhân là nguyên do, là ngoại đạo nói rằng: "Tức là có nguyên nhân trở lại cho nên không tăng trưởng, không có nguyên nhân cho nên không tăng trưởng", tức là nhân theo nguyên nhân mà làm thành tông, trong luận này là Tỷ lượng, suy nghĩ thì có thể hiểu.

Luận ghi: "Nương vào Nhất tụ", Đại Nghĩa ghi: "Là Nhất tưởng có thể đắc, không phải các pháp khác, không phải Nhất tụ", như trong bức tranh có nhiều các hình tướng.

Luận ghi: "Một là Bất cộng đại chủng tụ, hai là Phi bất đại chủng tụ", như Bản Địa quyển 3... giải thích.

Luận ghi: "Lại nữa, tất cả Sắc thanh tịnh và Sở y là cảnh giới... bị nắm lấy của Thức kia", là Định sắc này vi tế, không phải chỗ đắc của năm Thức... nhưng nếu biến hóa khiến cho thọ dụng, thì cũng được thấy, như quyển 55 trước giải thích, và Biệt sao. Sắc này giải thích rằng: "Một là do thân và Định tâm thứ sáu dẫn khởi Hữu lậótắc trong Thức thứ tám của tự nó biến hiện, khiến cho người khác nương vào đó mà thọ dụng, cho nên là Hữu lậu, nếu không như thế thì tự Thức thứ sáu của

nó là Vô lậu, do đó làm sao khiến cho người khác thọ dụng được! Hai là vì tự Thức thứ sáu của nó làm Tăng thượng duyên, người khác nương vào đó cũng biến thành Hữu lậu, không dựa vào tự Thức thứ tám của nó mà biến hiện. Như chư Phật, lẽ nào có tự Thức thứ tám của Ngài biến hiện Tịnh độ...”! Giải thích này là thù thắng, vì không đồng với các luận khác, chỉ có duyên của Tán tâm, chỉ có cảnh của Định tâm, cho nên gọi là Vô kiến vô đối, không phải người khác không thấy.

Luận ghi: “Nếu các Hữu sự là chỗ hiện hành của Hiện lượng và là chỗ khởi của Hữu lậu tăng thượng”, câu này có ý tổng lấy năm Trần gọi là Sở duyên hữu lậu, là chỗ khởi Định có Tịnh và Tăng thượng, chỉ lựa riêng với lỗi, chỗ hiện hành của Hiện lượng lựa riêng với pháp trần và ba tánh tâm... như văn dưới nói.

Luận ghi: “Nếu nương vào Sắc thanh tịnh thì chỗ hiện hành của Thức gọi là Hiện lượng”, trong đây chỉ lấy năm Thức gọi là Hiện lượng, thật ra cũng chính là Ý đồng thời duyên, hiện tại nắm lấy Sở hành chính là năm Trần, cho nên không nêu ra Ý căn. Trước đã nói: “Hiện tại, gọi là Hữu sự”, luận này tổng quát nói rằng: “Là nắm lấy Sở hành của lý nghĩa... trong hiện tại”.

Luận ghi: “Nếu Sự hiện tại cũng không phải Sở hành của Hiện lượng, như Sắc thanh tịnh và tất cả Tâm, Tâm sở Nhiễm ô thiện, Vô ký, thì Sự hiện tại kia cũng không phải Sở duyên của Phiền não, cho nên gọi là Hữu lậu, chỉ do chỗ khởi tướng của tự Phân biệt khởi các Phiền não, không phải các pháp kia làm thành chỗ hiện hành cảnh của Phân biệt này mà nói”, câu này có ý nói Tịnh sắc và tâm Nhiễm ô thiện, Vô ký... không phải chỗ duyên của Phiền não, cho nên gọi là Hữu lậu, vì duyên Phiền não này chỉ do phân biệt của tự mình khởi tướng, mà khởi các Phiền não, các pháp Thiện, Vô ký... này liền sau đó mà sinh khởi thành Hữu lậu. Trong năm môn Hữu lậu này, môn thứ nhất là Tổng môn, môn thứ hai là Chủng tử phiền não, môn thứ ba là Tâm, Tâm sở nhiễm ô, môn thứ tư là năm Trần, môn thứ năm là Tất cả. Tâm Thiện vô ký bên trong năm Căn, thân ngữ nghiệp, Biệt giải thoát giới và Khí thế giới bên ngoài, đều là chỗ dẫn của Phiền não, hoặc đang sinh, hoặc đã sinh, hoặc sắp sinh... cho nên gọi là Hữu lậu. Sắc và Vô sắc của tất cả pháp cũng có Thiện quả dị thục, cũng là văn trong đây đã lược bỏ, chỉ nói Bất thiện dị thục.

Luận: Trong giải thích năm loại Vô lậu, căn cứ theo năm nghĩa chưa chắc nhiếp hết, là Biệt giải thoát giới... không có chỗ căn cứ. Câu thứ hai nói rằng: “Có các pháp Tùy miên đoạn cho nên gọi là Vô lậu,

là vĩnh viễn đoạn chỗ có Thiện và một phần Vô ký tạo sắc của tất cả Phiền não, hoặc các Vô ký thế gian, Tâm, Tâm sở thiện... trong Kiến đạo và Tu đạo", trong đây nói tức là pháp trong thân Vô học, nói rằng: "Tất cả phiền não đoạn các Thiện trong Kiến và Tu", tức là thân nghiệp, ngữ nghiệp và giới. "Một phần Vô ký", là thân nghiệp và ngữ nghiệp của thân Vô học vô ký, do trong thân Vô lậu, và lực của Vô lậu dẫn sinh, cho nên gọi là Vô lậu, không lấy các pháp khác cho nên gọi là "một phần". "Các Vô ký", là bốn loại tâm Vô ký, các pháp còn lại có thể hiểu, trong luận này lựa riêng với tâm pháp thứ nhất, có gì khác nữa thì cũng căn cứ theo đây có thể biết. Nhiều người đối với tâm pháp này cho rằng cũng tức là năm Căn, thì không đúng, vì không phải lực của Vô lậu dẫn sinh, vì chủng loại xưa cũ, cho nên không đồng thân ngữ nghiệp.

Luận ghi: "Tác ý của cõi Dục trói buộc Thiện, Nhiễm ô, Vô ký duyên tất cả pháp... trong ba cõi", Thiện tâm trong đây có thể hiểu; Nhiễm ô tức là nói gồm luôn Hữu phú vô ký.

Hỏi: Thế nào là Hữu phú duyên ba cõi?

Đáp: Trong cõi Dục, Hữu phú chỉ có Câu sinh thân kiến và Câu sinh biên kiến, chỉ ở tại Thức thứ sáu, như văn trong luận, quán ba cõi làm một, đồng một loại... làm Ngã, các pháp khác thì không có khả năng này, thì càng không có tâm Hữu phú để duyên. "Vô ký duyên ba cõi", tức là tâm Dị thục sinh tâm. Độc đầu phát khởi, và duyên tâm Uy nghi, Công xảo, sau đó Đẳng lưu dẫn sinh Dị thục sinh tâm, cũng gọi là duyên của Uy nghi tâm, Công xảo tâm. "Khắp như vậy mà duyên, không cầu, không nhiễm", là Thức thứ tám cũng duyên ba cõi, vì là pháp của chủng tử.

Luận ghi: "Tác ý của cõi Sắc, Thiện duyên ba cõi". Trong đây đáng lẽ nói Nhiễm tâm vô ký cũng tức là Nhiễm tâm là thế nào? Như quyển 59 nói: "Cõi Sắc tại Dục hạnh phiền não là cõi trên duyên Phiền não và duyên Mạn cõi dưới, và như Ngã kiến trong quyển 6 ở trước, vì vi tế và Dị thục vô ký tâm cho nên lược bỏ không nói. Cõi Vô sắc hoặc Định hoặc sinh khởi, ngoại đạo chỉ duyên Tự địa kế chấp làm Niết-bàn, như cho rằng Thức xứ là Niết-bàn, Thức chưa hiện hành thì đã đắc Không xứ, đang là Thiện tâm thì không duyên cõi trên. Lại nữa, có chín Vô ngại tâm, lẽ nào không có Thiện tâm không duyên cõi dưới! Câu đắc là kế chấp Niết-bàn của tự và tha mà nói, cho nên lược bỏ không luận. Trong câu "có chung Nhiễm tâm", lẽ nào không duyên cõi trên! Hoặc cũng quyển 59 nói: "Vô sắc đối với Dục hạnh, Sắc hạnh và Niết-

bàn cũng được duyên cõi dưới”, không nói Phiền não hạnh của Vô sắc... vì dần dần đơn độc cho nên lược bỏ không nói. Căn cứ theo câu nói của ngoại đạo mà nói thì đồng với Đối Pháp, trong luận này thì Bồ-tát tu quán tại Địa tiền cũng duyên cõi dưới, vì nói Thiện tâm không chấp là cùng cực, cho nên được duyên Địa của cõi dưới. Không nói duyên cõi trên, vì sinh lên cõi trên, như hàng Hữu học chỉ lấy Đế mà quán, không lấy sáu hạnh mà ưa thích cõi trên, cho nên lược bỏ không luận. Bồ-tát từ Đa thanh văn mà luận, cũng không nói thật ra được duyên Địa cõi dưới hay không, trong luận này không luận các Nhiễm tâm này, cũng nên chất vấn nghiên cứu. “Lại nữa, Dị sinh của xứ kia cũng không nói, cũng không nói duyên Vô lậu”, vì lấy cõi làm pháp, như Đối Pháp sao quyển 2, Hiển Dương quyển 18 thì bất đồng, như luận kia mà hiểu.

Luận ghi: “Tên gọi soi rọi đối với tất cả”, tên gọi có hai loại:

1. Tên gọi bốn Uẩn, tức là văn dưới nói “do quán mà biết”, cho nên trừ Nhân chấp.

2. Tên gọi Danh tự, tức là văn dưới nói “biết danh này”, cho nên trừ Pháp chấp .

Nói rằng: “Tên gọi bốn Uẩn”, là có duyên khắp tất cả, sinh khởi khắp tất cả pháp. Nói rằng: “Tên gọi soi rọi đối với tất cả”, là Danh ngôn có thể làm đề mục cho khắp tất cả, danh soi rọi tất cả.

Luận ghi: “Hoặc là lược nói quán sát Thanh tịnh nhân”, tức là văn dưới nói “duyên danh này”, có thể biết Pháp và Nhân Vô ngã. “Hiển lý này để làm Tịnh nhân quán tự tướng”, tức là văn dưới nói “duyên hai thứ Danh”, cho nên Ngã tướng không thể đắc, tức là Tướng phần của hai thứ Chấp. “Hiện tại biết rõ sự đó mà người kia quán sát Nhiễm nhân”, tức là văn dưới nói “bất thiện liễu tri”, vì Danh này là nhiễm ô sinh khởi, tức là Kiến phần kia sinh khởi, cho nên tất cả pháp sinh. Lại nữa, giải thích hai loại Danh có ba nghĩa, cho nên Danh soi rọi tất cả:

1. Người quán Danh này đắc Thanh tịnh mà làm Tịnh nhân kia.
2. Biết hai Danh duyên với tất cả pháp của tự nó.
3. Biết hai Danh làm nhân của Nhiễm pháp.

Có đủ ba nghĩa này là “Danh soi rọi tất cả”.

BẢN LUẬN 66

Luận ghi: "Nếu Thô đoạn thực mà năm nẻo trong cõi Dục đều hiện tại có thể được, thì Đoạn thực này đối với mỗi mỗi phần đều là biệt Na-lạc-ca, không phải đại Na-lạc-ca", Đoạn thực có thô và tế, thô thì khắp trong năm nẻo, như đoạn văn này nói, chỉ trừ đại Na-lạc-ca. Trong đại Na-lạc-ca, có Đoạn thực vi tế, như Bản Địa phần quyển 5 nói: "Trong Địa ngục có Đoạn thực vi tế", là gió vi tế cho nên Đoạn thực ở khắp các Địa ngục. Đó là sư Thái giải thích.

Luận ghi: "Có sáu loại do Tác ý của thiện, bất thiện và Vô ký dẫn phát nghiệp đời trước, có thể lôi kéo các hạnh khiến cho trụ không dứt, gọi là chỗ sinh khởi của ngoại phần Cộng nghiệp và Bất cộng nghiệp", là nghiệp của một Khí thế gian, như Bản Địa quyển 3 ghi: "Hoặc chiêu cảm một kiếp... khi tạo nghiệp này thì do Tác ý của ba tánh làm phương tiện dẫn nghiệp này sinh khởi, có thể lôi kéo các hạnh của Khí thế gian khiến cho trụ không dứt, như núi, sông... gọi là Cộng cộng sinh; ruộng, nhà... là Cộng nghiệp và Bất cộng nghiệp sinh, tức là sư Thái nói: "Có hai loại Cộng bất cộng, hai loại Cộng: một là Cộng trong cộng, như núi sông... Hai là Cộng trong Bất cộng, như nhà cửa... Hai loại Bất cộng: một là: Bất cộng trong Bất cộng, như Nhãn căn của tự mình, thì người khác không dùng để duyên được. Hai là Bất cộng trong Cộng, như Phù căn trần trong thân, làm cho người khác duyên tương tợ. Trong luận này tức là hai đoạn văn "Cộng trong".

Luận ghi: "Lại nữa, có chư hữu tình loại trường thọ, nếu không được ăn phi thời thì bị trúng yểu", là loài rồng, hoặc trải qua nhiều kiếp đều do ăn mà trụ, không phải do các pháp khác. Bốn Niệm trụ phối hợp với bốn Thực... như lý mà tư duy.

Luận ghi: "Hương, Vị, Xúc khi đang tiêu hóa biến hoại thì liền có thể trưởng dưỡng...", ba loại thô tế này, có nghĩa là Tăng ích và Tổn giảm, Thể của Sắc trần thì thô, không thể tăng hay tổn, hoặc khi các Đoạn vật bị nhai nuốt, khiến cho tâm ưa thích... lúc đó gọi là Xúc thực, Xúc này nắm lấy khiến cho tâm thích khoái, tức là Xúc tâm sở, làm Thể của Xúc thực, không lấy Trần làm Thể của Xúc thực.

■